A DI ĐÀ KINH SỚ SAO DIỄN NGHĨA

QUYỂN I

Liên Trì đại sư chùa Vân Thê soạn sớ sao
Pháp sư Cổ Đức diễn nghĩa

阿彌陀經疏鈔演義

卷一

明古杭雲棲寺沙門袾宏述
明雲棲寺古德法師演義
民國淨業學人釋淨空演講
越南譯本

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa
Quyển I
阿彌陀經疏鈔演義
卷一

明古杭雲棲寺沙門袾宏述
明雲棲寺古德法師演義
民國淨業學人釋淨空演講

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Địa điểm: Đài Loan Cảnh Mỹ Hoa Tạng Đồ Thư Quán
Thời gian: Tháng 12 năm 1984
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong

Mục Lục

Tập 1.....3
Tập 2.....24
Tập 3.....46
Tập 4.....68
Tập 5.....88
Tập 6.....104
Tập 7.....122
Tập 8.....141
Tập 9.....161
Tập 10.....184
Tập 11 206
Tập 12 228
Tập 13 250
Tập 14 270
Tập 15 293
Tập 16 314
Tập 17 334
Tập 18 354
Tập 19 373
Tập 20 396
Tập 21.....414
Tập 22.....432
Tập 23.....451
Tập 24.....476
Tập 25.....496
Tập 26.....522
Tập 27.....541
Tập 28.....559
Tập 29.....578
Tập 30.....596

Tập 1

Chư vị đồng tu! Hôm nay chúng tôi tuyên giảng bộ Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa lần thứ ba.

Kể từ hôm nay, [Hoa Tạng] Đồ Thư Quán chính thức kiến lập Liên Trì Hải Hội. Chúng tôi đã từng giảng bộ [A Di Đà Kinh] Sớ Sao hai lần, [chứ đọc bộ sách này] thì đương nhiên càng đọc nhiều lần hơn. Đối với đức hạnh, sự tu học, sự giáo hóa của Liên Trì đại sư lão nhân gia, chúng ta đều cảm thấy bội phục năm vóc sát đất. Trong đó, điều quan trọng nhất là phải học theo đại sư giống như Ngẫu Ích đại sư vậy. Ngẫu Ích đại sư là tư thục đệ tử của tổ Liên Trì, có nghĩa là sau khi Liên Trì đại sư đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tổ Ngẫu Ích mới bắt đầu học Phật, ngưỡng mộ Liên Trì đại sư, lấy di giáo của Liên Trì đại sư làm phương châm tu học của chính mình. Cách thức này rất đáng cho chúng ta học theo.

Hôm nay, kiến lập Liên Trì Hải Hội ở nơi đây, tôn Liên Trì đại sư làm thầy để nương theo, mọi người chúng ta là đồng học, là đồng tham bạn lữ. Chúng ta chiếu theo tác phẩm chú sớ này của đại sư để nghiêm túc giảng giải, học tập, tu hành, mong sao trong một đời này chẳng phụ bạc niềm kỳ vọng của tổ Liên Trì đối với chúng ta, mai sau ai nấy đều Thượng Phẩm Thượng Sanh, hoa nở thấy Phật thì hội này mới thật sự là một hội thù thắng. Những điều khác chúng tôi sẽ nói chút sơ lược vì phân lượng của bộ sách này khá dài, khi bước vào phần kinh văn, quý vị sẽ tự nhiên hiểu rõ.

Bây giờ, xin quý vị mở quyển kinh ra. Chúng ta dùng bản in này gồm hai tập Thượng và Hạ. Tập Thượng là Sớ Sao, tập Hạ là phần chú giải Sớ Sao, tức cuốn [Sớ Sao] Diễn Nghĩa. Diễn Nghĩa là phần chú giải lời Sao. Trước hết, chúng ta hãy xem tựa đề kinh.

Phật thuyết A Di Đà Kinh Sớ Sao quyển đệ nhất.
Minh Cổ Hàng Vân Thê Tự sa-môn Châu Hoằng thuật.

佛說阿彌陀經疏鈔卷第一

明古杭雲棲寺沙門袾宏述

(Phật thuyết A Di Đà Kinh Sớ Sao, quyển thứ nhất,
Đời Minh, sa-môn Châu Hoằng chùa Vân Thê đất Cổ Hàng soạn).

Hai hàng này, hàng thứ nhất là *"kinh đề"* (tựa đề kinh), hàng thứ hai *"nhân đề"* (ghi tên người biên soạn), chữ *"nhân"* (人) này không phải là người dịch kinh mà là người chú giải.

Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Định Bổn, quyển nhất.

Vân Thê Cổ Đức pháp sư diễn nghĩa, môn nhân Từ Phàm, Trí Nguyện định bổn.

彌陀經疏鈔演義定本卷一

雲棲古德法師演義，門人慈帆智願定本。

(Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, bản hoàn chỉnh, quyển một.

Pháp sư Cổ Đức chùa Vân Thê diễn nghĩa, học trò là Từ Phàm và Trí Nguyện chỉnh lý).

Trước hết, chúng tôi nói đại lược cội nguồn [tác phẩm này] cho quý vị biết. Kinh này là do Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giảng tại tinh xá Kỳ Viên ở nước Xá Vệ, tôn giả A Nan kết tập, chép thành Phạn bản. Sau khi kinh được truyền đến Trung Quốc, nguyên văn tiếng Phạn được dịch sang tiếng Hán bởi một vị pháp sư là Cưu Ma La Thập đại sư. Từ xưa đến nay, bộ kinh này có rất nhiều bản chú giải. Sau khi đọc đến phần văn bản chính thức, chúng ta sẽ thảo luận [vấn đề này]. Cuốn Sớ Sao này do vị tổ sư đời thứ tám của Tịnh Độ Tông, sống vào đời Minh, là Liên Trì đại sư biên soạn. Sớ là giải thích kinh, chú giải kinh. Lời chú giải quá sâu, sợ người đời sau đọc không hiểu nên lại chú giải lời chú giải, đó là Sao (Sao là chú giải Sớ). Sớ và Sao đều do đại sư tự viết, Diễn Nghĩa là chú giải lời Sao vì lời Sao vẫn còn quá sâu. Học trò của Ngài (mà cũng là thị giả của Liên Trì đại sư) là pháp sư Cổ Đức, thân cận tổ Liên Trì nhiều năm. Sau khi tổ sư vãng sanh, những tác phẩm của Ngài được lưu truyền hậu thế, đều do pháp sư Cổ Đức chỉnh lý, khắc ván, lưu thông, đúng là đối với chúng ta có ân đức không chi lớn bằng. Càng khó có hơn nữa là do bản Sớ Sao này quá hay, Sư cũng sợ người đời sau khó thể thấu hiểu ý nghĩa chân thật của tổ sư nên đã dựa theo những lời giảng nghĩa của đại sư để ghi lại những điều tâm đắc trong khi chính Ngài theo hầu đại sư, soạn thành bộ Diễn Nghĩa, nhằm giúp đỡ hàng hậu học chúng ta. Đấy là lai lịch của bộ Diễn Nghĩa.

Cuốn [Diễn Nghĩa] này lưu thông rất ít. Có thể nói là không ai chẳng biết bộ A Di Đà Kinh Sớ Sao, nhưng rất ít người biết đến Sớ Sao Diễn Nghĩa. Có rất nhiều pháp sư tu Tịnh Độ chưa hề thấy cuốn sách này. Có thể nói là tôi rất may mắn, lúc mới xuất gia đọc Vạn Tục Tạng, trong

Vạn Tục Tạng có thâu nhập tác phẩm này. Vì vậy, lần đầu tiên tôi đọc Vạn Tục Tạng, tôi biết A Di Đà Kinh Sớ Sao có một bản chú giải rất hay là Diễn Nghĩa. Do vậy, khi giảng A Di Đà Kinh Sớ Sao lần thứ nhất, tôi dùng văn bản trong Vạn Tục Tạng, dùng bản Diễn Nghĩa trong tạng ấy. Lúc đó, chưa có bản in lưu hành riêng. Lần thứ hai, khi giảng bộ kinh này, tôi tìm được một bản in tại Hương Cảng. Đấy chính là cuốn Hạ trong cuốn sách quý vị đang xem. Bản này ngẫu nhiên tìm được tại Hương Cảng, khi trông thấy nó, tôi hết sức vui mừng. Tôi tìm được bản này từ Tàng Kinh Lâu của Đông Lâm Niệm Phật Đường. Tôi hỏi các pháp sư ở nơi ấy: "Quý vị có biết tác phẩm A Di Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư hay không?" Họ nói: "Biết chứ". Tôi nói: "Sớ Sao còn có một bản chú giải, quý vị có biết hay không?" Họ thưa: "Chưa từng nghe nói ạ!" Tôi chỉ vào kệ đựng sách, bảo: "Ở đây nè, quý vị lấy ra đi". Bọn họ đem sách ra, mới biết nó đã nằm trên kệ sách bao nhiêu năm rồi mà chẳng ai biết cả. Tôi nói: "Được rồi! Để tôi mang cuốn sách này về Đài Loan ấn hành, lưu thông". Sau khi quay về bèn in tác phẩm này, in gộp chung cuốn Thượng và cuốn Hạ, tạo thành bộ Sớ Sao Diễn Nghĩa, bản này được lưu thông lần đầu tiên tại Đài Loan, trong quá khứ chưa có ai in cả. Mở hai tác phẩm này ra để đọc và đối chiếu cảm thấy chẳng thuận tiện cho lắm; hiện thời chúng tôi muốn in A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, tức là chiếu theo từng đoạn mà gộp chung [phần Sớ Sao và phần Diễn Nghĩa] lại, nhằm tạo thành một bản sẽ chẳng cần phải lật qua, giở lại. Hiện giờ chúng tôi đang làm chuyện này, sau khi làm xong sẽ hết sức có ý nghĩa, sẽ có ích rất lớn cho những người niệm Phật tu học Tịnh Độ.

Bộ kinh này được in theo lối đóng gáy bằng chỉ, chia thành bốn cuốn[1], bản chúng ta đang dùng là Hợp Đính Bản (bản in gộp chung nhiều tác phẩm). Cuốn thứ nhất hoàn toàn là phần Huyền Nghĩa, hết sức trọng yếu, chúng ta phải khảo cứu, nghiên cứu tác phẩm này. Quý vị xem cuốn Hạ, mở đầu là:

(Diễn) Đề nghĩa.
(演) 題義

[1] Cuốn ở đây là cách chia theo lối in cổ. Mỗi quyển như vậy gồm từ 20 tới 40 trang hiện thời. Bản in hiện thời gộp chung thành một tập, chia ra hai phần Thượng, Hạ, trong mỗi phần lại chia thành cuốn.

(Diễn**[2]**: Ý nghĩa tựa đề sách)

Đây là phần giải thích tựa đề.

(Diễn) Khai quyển.
(演) 開卷。
***(Diễn**: Quyển mở đầu).*

"Khai quyển" ở đây có nghĩa là cuốn mở đầu của Quyển Thượng, vì [Diễn Nghĩa] là phần chú giải quyển Thượng.

(Diễn) Phật thuyết đẳng bát tự thị pháp đề.
(演) 佛說等八字是法題。
(Diễn:** Tám chữ "Phật thuyết...." là tựa đề của Pháp Bảo**).

"Pháp" là Pháp Bảo, tựa đề của kinh điển là tám chữ *"Phật Thuyết A Di Đà Kinh Sớ Sao"*.

(Diễn) Hậu học đẳng thập nhị tự thị nhân đề.
(演) 後學等十二字是人題。
***(Diễn**: Mười hai chữ "hậu học..." là phần nói về người biên soạn).*

Hai chữ *"hậu học"* không thấy trong bản chúng ta đang dùng hiện thời, vì đã được thay bằng chữ Minh (đời Minh). Đây là bản in dựa theo bản khắc ván của Kim Lăng Khắc Kinh Xứ. Vào đời Thanh, hai chữ *"hậu học"* được đổi thành chữ Minh, vì Liên Trì đại sư là người đời Minh.

Thuở ấy, Ngài không dùng chữ này. Ngài tự ghi tựa đề là *"hậu học Cổ Hàng Vân Thê Tự sa-môn Châu Hoằng thuật"*, vốn ghi như vậy. Do vậy, trong bút ký của pháp sư Cổ Đức vẫn dùng chữ giống như trong nguyên bản. Hiện thời hai chữ *"hậu học"* đổi thành chữ Minh, đổi thành tên triều đại. Đây là *"nhân đề"*.

(Diễn) Pháp đề hạ, tự tế thích.
(演) 法題下，自細釋。

[2] Do tác phẩm này là bản in chung Sớ, Sao, và Diễn Nghĩa, để tiện theo dõi, người biên tập đã dùng các chữ Sớ, Sao, và Diễn để người đọc biết đoạn văn ấy nằm trong lời Sớ, lời Sao của tổ Liên Trì hay lời Diễn Nghĩa của pháp sư Cổ Đức.

*(**Diễn**: Dưới phần pháp đề, sẽ có phần giải thích chi tiết).*

Dưới đó là lời giải thích ý nghĩa tựa đề của bản Sớ Sao này.

(Diễn) Kim nhập văn chi tiên, lý ưng lược trần tổng nhất. Đề trung ước hữu tứ đối.

(演) 今入文之先，理應略陳總一。題中約有四對。

*(**Diễn**: Nay trước khi bước vào phần kinh văn, theo đúng lý, phải trình bày đại lược tổng quát. Trong đề mục, đại lược có bốn cặp [ý nghĩa]).*

Đây cũng là nói đại khái.

(Diễn) Nhất, thông biệt nhất đối. Thông tắc "kinh" chi nhất tự, biệt tắc "Phật thuyết" đẳng ngũ tự.

(演)一、通別一對。通則經之一字，別則佛說等五字。

(***Diễn**: Cặp thứ nhất là thông đề và biệt đề. Thông đề là một chữ "kinh". Biệt đề là năm chữ "Phật thuyết A Di Đà").*

Đây là nói về tựa đề kinh gồm sáu chữ *"Phật Thuyết A Di Đà Kinh"*. Chữ *"Kinh"* là Thông Đề (tựa đề chung của tất cả các bản kinh Phật), phàm những lời Phật dạy đều gọi là Kinh. *"Phật Thuyết A Di Đà"* là Biệt Đề (tựa đề riêng), phần này mỗi bộ kinh mỗi khác, nhằm chuyên chỉ bộ kinh này.

(Diễn) Nhị, Năng Sở nhất đối. Năng thị năng thuyên, tức Kinh chi nhất tự. Sở tức sở thuyên, tức thượng ngũ tự.

(演)二、能所一對。能是能詮，即經之一字；所即所詮，即上五字。

*(**Diễn**: Cặp thứ hai là Năng và Sở. Năng là năng thuyên (chủ thể giảng giải), tức là một chữ Kinh. Sở là sở thuyên (pháp được giảng giải bởi kinh này), chính là năm chữ trước đó).*

"Năng thuyên" là chữ *"Kinh". "Sở thuyên"* là *"Phật Thuyết A Di Đà".* Thông Đề là Năng Thuyên, Biệt Đề là Sở Thuyên.

(Diễn) Tam, giáo lý nhất đối. Phật thuyết kinh thị giáo, A Di Đà tức thị lý.

(演) 三、教理一對。佛說經是教，阿彌陀即是理。

*(**Diễn**: Cặp thứ ba là giáo và lý. Phật nói kinh là giáo, A Di Đà là lý).*

Lý là gì? Trong phần sau sẽ đề cập, ở đây không cần phải nói nhiều.

(Diễn) Tứ, nhân pháp nhất đối. Phật thuyết tức thị nhân, A Di Đà tức thị pháp.

(演) 四、人法一對。佛說即是人，阿彌陀即是法。

***(Diễn:** Cặp thứ tư là nhân và pháp."Phật thuyết" chính là nhân, A Di Đà chính là pháp).*

"Phật" là Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. *"A Di Đà"* cũng là Nhân, mà cũng có thể coi là Pháp, vì ý nghĩa của từ ngữ *"A Di Đà"* là pháp. Đây cũng là danh hiệu của đức giáo chủ cõi Tây Phương, Ngài lấy pháp này làm danh hiệu của chính mình. Chúng ta thường nói tựa đề *"A Di Đà Kinh"*chỉ dùng Nhân để đặt tên, nhưng Liên Trì đại sư đã giảng rõ trong tựa đề kinh vừa có Nhân vừa có Pháp. Trong phần sau, sẽ giảng cặn kẽ, mỗi chữ đều được giải thích.

(Diễn) Thủ, Phật tự.

(演) 首佛字。

*(**Diễn:** Trước hết là chữ Phật).*

Tựa đề kinh là *"Phật Thuyết A Di Đà Kinh Sớ Sao". "Phật"* là chữ thứ nhất.

(Diễn) Tức Thích Ca Mâu Ni Phật.

(演) 即釋迦牟尼佛。

(***Diễn:** Chính là Thích Ca Mâu Ni Phật).*

[Chữ Phật thứ nhất trong tựa đề kinh] chỉ đức Bổn Sư của chúng ta. Những ý nghĩa được giảng tiếp theo đây hết sức quan trọng, mong mọi người hãy đặc biệt chú ý, đừng nên giống như đang nghe kể chuyện xưa tích cũ.

(Diễn) Tùng Đâu Suất giáng sanh vương cung, vi Tất Đạt thái tử.
(演) 從兜率降生王宮，為悉達太子。
*(**Diễn**: Từ trời Đâu Suất giáng sanh cung vua, làm thái tử Tất Đạt).*

Đức Phật thị hiện tất nhiên trước hết dùng thân phận Bổ Xứ Bồ Tát, tức là Hậu Bổ Phật, dùng thân phận này để xuất hiện. Hậu Bổ Phật trụ ở nơi nào vậy? Trụ trong tầng trời thứ tư của Dục Giới, tức nội viện của Đâu Suất Thiên. Đâu Suất (Tushita) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tri Túc (biết đủ). Quý vị hãy suy nghĩ ý nghĩa này, Tri Túc! Tri túc ắt thường lạc, không có một pháp nào chẳng ban cho chúng ta sự khải thị rất lớn. Nội viện là chỗ Bồ Tát ở. Do vậy, Đâu Suất Thiên là Phàm Thánh Đồng Cư Độ trong thế giới Sa Bà. Trong thế giới Sa Bà, trong hai mươi tám tầng trời thuộc tam giới và ngay trên địa cầu, có tất cả ba nơi là Phàm Thánh Đồng Cư Độ:

1. Chúng ta thuộc nhân gian, Phàm Thánh Đồng Cư Độ ở ngay trên địa cầu. Bồ Tát, La Hán cũng sống trên địa cầu, nhưng chúng ta mắt thịt không trông thấy họ.

2. Tầng trời thứ tư của Dục Giới là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, gồm nội viện và ngoại viện. Ngoại viện là phàm phu thiên, nội viện là thánh nhân. Tuy là Phàm Thánh Đồng Cư, nhưng chư thiên Đâu Suất không trông thấy nội viện. Những vị Bồ Tát thuộc nội viện cũng không qua lại với chư thiên trời Đâu Suất, tình hình giống như trong nhân gian của chúng ta.

3. Ngũ Bất Hoàn Thiên thuộc tầng trời thứ tư của Thiền Thiên, cũng là chỗ ở của thánh nhân.

Ba nơi này đều là Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Tịnh Độ, chỗ ở của hàng Đẳng Giác Bồ Tát, là nơi tuyệt diệu nhất. Cõi Phàm Thánh Đồng Cư nơi họ ở chính là Tịnh Độ, chẳng phải là uế độ, tự tại biết bao nhiêu! Họ có thể bỏ sự tự tại, bỏ sự thụ dụng của chính mình để giáng sanh trong nhân gian. Nhân gian là đời ác ngũ trược. Dẫu giáng sanh trong cung vua nơi nhân gian, vẫn là đời ác ngũ trược. Nhìn theo quan điểm của phàm phu chúng ta mà nói thì họ hy sinh quá lớn. Giống như đang ở trong cung vua, nay bị đem tống giam trong ngục, hy sinh quá lớn. Vì sao vậy? Bỏ mình vì người khác, nhằm cứu độ những chúng sanh khổ nạn, họ có thể bỏ sự thụ dụng, sự hưởng thụ của chính mình để sanh vào nhân gian. Điều này ban cho chúng ta một sự khải thị rất lớn nhằm dạy chúng ta phải học theo.

Phật pháp là thật sự thực hiện hết sức triệt để, làm cho chúng ta thấy. Sách Lễ Ký có câu *"An an nhi năng thiên"* (ở yên nơi yên ổn, mà nếu cần thì vẫn có thể dời đi) chính là nói về ý nghĩa này. Hai chữ An này có nghĩa là thân cũng an mà tâm cũng an. Thân lẫn tâm đều an ổn, rất tự tại. Họ có thể buông bỏ, vì sao có thể buông bỏ? Vì độ chúng sanh. Ta vì muốn phục vụ chúng sanh, vì muốn cứu độ hết thảy chúng sanh, bèn buông bỏ hoàn cảnh yên vui, thỏa thích, phục vụ đại chúng không sợ khổ sở, khó khăn. Đấy mới là bậc vĩ nhân, đáng gọi là đại nhân vật. Trong Phật pháp, [những người ấy được] gọi là bậc đại anh hùng. Điện Phật gọi là Đại Hùng Bảo Điện chính là vì ý nghĩa này. Họ có thể hứng chịu những nỗi khổ người khác chẳng thể chịu đựng được, có thể nhẫn chịu những khổ nạn người khác chẳng thể nhẫn chịu được. Nếu làm được những điều người khác chẳng thể làm được thì là đại nhân vật. Do vậy, đối với những chỗ này, chúng ta chớ nên coi thường đọc lướt qua. Nhà Nho gọi đó là *"an an nhi năng thiên"*.

Sanh trong vương cung là nhằm thuận tiện dạy học, ý nghĩa rất sâu. Do vậy, Phật xuất hiện trong nhân gian đều mang thân phận Thái Tử. Người thế gian cầu mong điều gì? Phú quý, vinh hoa, tiếng tăm, lợi dưỡng. Ngài vừa sanh ra đều đạt được những điều ấy, sanh ra dưới thân phận Thái Tử. Khi phụ vương qua đời, Ngài sẽ là quốc vương. Trong thế gian thường nói *"quý vi Thiên Tử, phú hữu tứ hải"* (sang quý như Thiên Tử, giàu khắp bốn biển). Trong nhân gian, phú quý đến cực điểm, nhưng Ngài [bỏ hết để] tu hành, đến [thế gian này] để hoằng pháp lợi sanh, chứ không nhằm cầu vinh hoa, phú quý, mà là để dạy chúng ta bỏ vinh hoa, phú quý. Có thể bỏ được!

(Diễn) Xuất gia khổ hạnh lục niên, thành Đẳng Chánh Giác giả.
(演) 出家苦行六年，成等正覺者。
*(**Diễn**: Xuất gia khổ hạnh sáu năm, thành Đẳng Chánh Giác).*

Thuở ấy, tại Ấn Độ có hết sức nhiều tôn giáo, tức là chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Phần lớn những kẻ ngoại đạo ấy đều xuất gia tu hành, tu tịnh hạnh. Họ tu khổ hạnh phần lớn là ba năm, mỗi người xuất gia nhất định phải tu khổ hạnh ba năm. Đức Phật thị hiện, "quý vị tu ba năm, tôi tu sáu năm". Thời gian dài hơn các tôn giáo khác, chịu khổ nhiều hơn các nhà tôn giáo khác. Do vậy, sau này, đức Phật đi hoằng pháp, có thể hàng phục ngoại đạo, ngoại đạo không có cách gì cãi được. Những kinh luận của ngoại đạo đọc, đức Phật đều đã đọc qua. Những hạnh môn ngoại đạo

đã tu, đức Phật đều đã từng tu. Sau đấy, đức Phật mới kết luận: "Những thứ các ông tu học đều chẳng phải là rốt ráo!" Đức Phật có thể nói như vậy vì Ngài đã từng trải. Nếu chưa từng trải qua, ngoại đạo sẽ coi thường, không có cách nào nhiếp thọ họ được! "Những thứ của chúng tôi mà các ông chưa từng học, chưa từng thấy, các ông làm sao biết được?" Kinh điển của chín mươi sáu phái ngoại đạo, Phật đều đã từng đọc, từng tu. Do cảnh giới rốt ráo tối cao của ngoại đạo đức Phật đều hiểu rõ nên có thể nhiếp thọ và hàng phục ngoại đạo. Bao nhiêu ngoại đạo theo Phật xuất gia tu hành, đạo lý là ở chỗ này. Quý vị hãy nghĩ xem, Phật dụng tâm khổ sở, thật sự từ bi đến cùng cực. Chúng ta hãy nên bắt chước điều này, phải học tập. Ngày nay chúng ta chẳng thể thành tựu, nguyên nhân là do chưa buông xuống, sợ phải chịu khổ. Hãy so sánh giữa chúng ta và Thích Ca Mâu Ni Phật, thân phận của Ngài ra sao? Thân phận của chúng ta như thế nào? Vinh hoa phú quý bậc nhất trong thế gian Phật còn bỏ được, vào Tuyết Sơn chịu đựng khổ sở ngần ấy, Ngài có thể làm được. Vì sao chúng ta không thể làm được? Ngài có thể thành tựu, vì sao chúng ta không thể thành tựu? Suy nghĩ sẽ hiểu ngay. Mấy hàng chữ này nói rõ sự thị hiện của đức Phật, đấy là thân giáo (sự giáo hóa bằng hành động trực tiếp), dụng ý hết sức sâu đậm.

"Thành Đẳng Chánh Giác giả": Phải đặc biệt chú ý mấy chữ này, không nói là *"thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác"*. Người thành Đẳng Chánh Giác là Bồ Tát, tức là thành tựu Chánh Đẳng Chánh Giác. Bởi lẽ, đức Thế Tôn thị hiện thành Tạng Giáo Phật (quả vị Phật thuộc Tạng Giáo) trong tứ giáo. Tạng Giáo Phật là Chánh Đẳng Chánh Giác. Chỉ có quả vị Phật trong Viên Giáo mới có thể gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chỉ có một, còn đối với Đẳng Chánh Giác Phật thì Biệt Giáo Phật, Thông Giáo Phật, Tạng Giáo Phật đều gọi là Đẳng Chánh Giác, đều là những vị Phật mà kinh luận thường nói là "tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới thành". Thật ra, Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác từ lâu. Ở đây là thị hiện, bởi lẽ, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo là Liệt Ứng Thân. Đấy là Đẳng Chánh Giác. Nếu thị hiện Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì như trong bài kệ tán Phật có câu *"bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cám mục trừng thanh tứ đại hải"*, thân tướng Phật ấy [theo như Quán Kinh đã dạy] là *"Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo"*, mắt thịt của phàm phu sẽ chẳng thể thấy được đức Phật thị hiện trước chúng ta, quá lớn mà! Hiểu rõ điều này sẽ chẳng thể nào coi thường, nhìn lướt qua mặt chữ!

(Diễn) Nhược thích kỳ nghĩa.
(演) 若釋其義。
*(**Diễn**: Nếu giải thích ý nghĩa của chữ ấy)*

Nếu chúng ta giải thích những ý nghĩa bao hàm trong chữ Phật.

(Diễn) Tắc Phật tự thị Phạn ngữ.
(演) 則佛字是梵語。
*(**Diễn**: Thì chữ Phật là tiếng Phạn).*

Phật là gọi tắt của chữ Phật Đà (Buddha).

(Diễn) Thử phiên Giác Giả.
(演) 此翻覺者。
*(**Diễn**: Cõi này dịch là đấng giác ngộ).*

"Thử" (cõi này) là Trung Quốc. Trong văn tự Trung Quốc, ý nghĩa của chữ Phật là *"Giác Giả".* Tiếp đó, lại giải thích thêm như sau:

(Diễn) Vị giác liễu Tánh Tướng chi giả.
(演) 謂覺了性相之者。
*(**Diễn**: Có nghĩa là bậc giác ngộ trọn vẹn Tánh và Tướng).*

Nói theo thuật ngữ triết học hiện đại thì Tánh là bản thể của muôn vật trong vũ trụ, Tướng là hiện tượng của muôn vật trong vũ trụ. Trong Phật pháp gọi Tánh là Pháp Tánh, hoặc Chân Như bổn tánh, gọi Tướng là Pháp Tướng, tức là những thứ y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Nói cách khác, đối với bản thể, hiện tượng, đương nhiên kể cả tác dụng của toàn bộ vũ trụ, nhân sinh, Phật đều thấu hiểu triệt để, không có một pháp nào Ngài chẳng hiểu rõ; vì thế gọi là Phật.

(Diễn) Cụ hữu tam nghĩa. Nhất, tự giác, giác tri tự tâm bổn vô sanh diệt.
(演) 具有三義。一、自覺，覺知自心本無生滅。
*(**Diễn**: Gồm có ba nghĩa. Một là tự giác, hiểu biết tự tâm vốn chẳng sanh diệt).*

"Tự giác": Hiện thời chúng ta tự mình mê hoặc, tự giác là giác ngộ bản thân. Nói cách khác, [tự giác] là nhận thức chính mình. Hiện thời chúng ta chẳng hiểu rõ chính mình, tự mê. Đã hiểu rõ chính mình thì gọi là *"tự giác"*. Tự giác đạt đến mức viên mãn nhất, rốt ráo nhất chính là thấu hiểu tự tâm. Toàn bộ sự tu học trong Phật pháp bao gồm trong hai chữ *"tự tâm"*. Nhà Thiền nói: *"Nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ"* (Nếu ai hiểu được tâm, đại địa không tấc đất). Tu học Phật pháp là phải tu học tự tâm. *"Tự tâm vốn chẳng sanh diệt"*: Nhìn từ câu này, chúng ta thật sự đang mê. Suốt ngày từ sáng đến tối, chúng ta nghĩ đến sanh lão bệnh tử, có sanh diệt, chẳng biết chính mình thật sự là bất sanh, bất diệt. Khi nào quý vị chứng được bất sanh, bất diệt, quý vị sẽ thành Phật. Nói cách khác, quý vị chẳng tự mê. Quý vị còn cảm thấy mình có sanh, có diệt, thì vẫn đang mê mất chính mình. Cảnh giới ấy hết sức cao, phải như thế nào mới có thể giác ngộ chính mình chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi? Quý vị hãy nên nghiên cứu kỹ lưỡng bộ A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa này. Chúng tôi hạn định ba năm; nếu quý vị tích cực tu học, sẽ tìm được câu trả lời cho câu hỏi ấy. Không chỉ tìm được câu trả lời mà người có trình độ từ bậc trung trở lên sẽ có thể chứng đắc. Sự chứng đắc ấy chính là liễu sanh tử, vượt thoát tam giới, sẽ có phần trong Liên Trì Hải Hội. Hiện thời, ở nơi đây, chúng tôi cũng có lập ra chứng thư thân phận Liên Trì Hải Hội, mong quý vị hãy tới nhận lấy, thật sự phát tâm, mọi người cùng nhau tu học. Chúng ta dùng thời gian ba năm để cầu đạt được kết quả ấy.

(Diễn) Nhị, giác tha, giác nhất thiết pháp vô bất thị như.

(演) 二、覺他，覺一切法無不是如。

*(**Diễn**: Hai là giác tha, nhận biết hết thảy pháp không gì chẳng phải là Như).*

Chữ *"tha"* chỉ cảnh giới. Ngoài thân mình ra đều gọi là Tha. Quý vị phải nhớ kỹ, ngoài thân mình ra, chứ không nói là "ngoài tự tâm", vì cái Tha ấy vẫn được bao gồm trong tự tâm. Chỉ có thể nói đến Thân, ngoài thân mình ra là Tha. Do vậy, trong phần sau mới nói *"Tự, Tha bất nhị"*, [Tự và Tha] đều do cùng một tâm biến hiện. *"Giác Tha, giác nhất thiết pháp vô bất thị Như"*: Thật ra, chữ Như có ý nghĩa vô cùng tận, chẳng thể nghĩ bàn. Câu thứ nhất mở đầu kinh văn là *"như thị ngã văn"*, chữ Như ở đây (tức chữ Như dùng trong lời diễn nghĩa) chính là chữ Như trong *"như*

thị ngã văn" đầu mỗi bản kinh. *"Giác nhất thiết pháp vô bất thị Như"*: Nếu chúng ta nói cách khác, sử dụng thuật ngữ của Thiền Tông, sẽ là *"vô hữu nhất pháp bất thị Tánh"* (chẳng có một pháp nào không phải là Tánh). Nhà Thiền nói *"minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*. Ý nghĩa của chữ Như là "Tướng vừa được nói như thế ấy thì Tướng giống như Tánh, Tánh giống như Tướng". Cổ đại đức thường dùng tỷ dụ để giảng rõ đạo lý này, các Ngài nói: *"Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim"* (Dùng vàng để làm thành đồ vật, món nào cũng đều là vàng). Đem vàng ví với Tánh, đem đồ vật ví với Tướng. Tướng có phải là vàng hay chăng? Tướng là vàng, vàng là Tướng. Ý nghĩa này được nói rất rõ ràng, chúng ta nghe xong cũng hiểu rất rõ, nhưng mà như thế nào? Chúng ta chẳng thể hợp Tánh và Tướng lại được. Chúng ta chấp trước Tướng, chẳng thấy Tánh. Khi nào quý vị có thể thấy được Tánh trong hết thảy Tướng được biến hiện, quý vị sẽ thấy được Như.

Thiên Thai đại sư đã đạt cảnh giới ấy. Ngài giảng kinh Pháp Hoa, giảng đến phần Thập Như Thị bèn mở rộng Thập Như Thị ra thành Bách Giới Thiên Như, không một pháp nào chẳng Như, không một pháp nào chẳng phải là như vậy, Ngài nhập cảnh giới ấy. Tuy nhập cảnh giới ấy, lão nhân gia rất khiêm hư, rất khách sáo, chẳng thừa nhận. Khi Ngài vãng sanh, học trò hỏi Ngài: "Lão nhân gia vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, rốt ráo thuộc phẩm vị nào?" Ngài bảo mọi người: "Ngũ Phẩm vị". Địa vị Ngũ Phẩm chưa kiến tánh, nhưng Ngài chú giải kinh Pháp Hoa, quý vị đọc bộ Pháp Hoa Kinh Văn Cú sẽ thấy [người thuộc] địa vị Ngũ Phẩm chẳng thể giảng như vậy được. Đại sư quá khiêm hư. Vì sao khiêm hư? Ngài có lý riêng, đại từ đại bi mà! Nếu Ngài đem cảnh giới của chính mình là *"minh tâm kiến tánh, Lý nhất tâm bất loạn, thượng phẩm thượng sanh"* nói ra thì chúng ta nghe xong, thấy Ngài rốt cuộc là bậc tổ sư một thuở, chúng ta chẳng có phần, chúng ta làm không được, chỉ đành ngưỡng mộ mà thôi! Ngài nói Ngài thuộc địa vị Ngũ Phẩm vãng sanh thì "điều này được đấy, ta cũng có thể làm được", cổ vũ, khích lệ chúng ta rất lớn. Địa vị Ngũ Phẩm đã có thể vãng sanh thì chúng ta ai nấy đều có thể vãng sanh. Không phải ai trong số chúng ta cũng có thể minh tâm kiến tánh, nhưng địa vị Ngũ Phẩm thì mỗi người chúng ta đều có thể làm được. Từ chỗ này, chúng ta cảm nhận đại ân đại đức của Phật, Bồ Tát, tổ sư đối với chúng ta, thời thời khắc khắc niệm niệm thị hiện, ngôn từ trong câu nói nào cũng nhằm nhiếp thọ hết thảy chúng sanh, đều là Tăng Thượng Duyên đắc độ cho hết thảy chúng sanh, mà cũng là Tăng Thượng Duyên vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đấy là ý nghĩa Giác Tha.

(Diễn) Tam, giác mãn, nhị giác lý viên xưng chi vi Mãn.

(演) 三、覺滿，二覺理圓稱之為滿。

*(**Diễn**: Ba là giác mãn. Lý của hai thứ giác đều viên mãn thì gọi là Mãn).*

"Nhị giác" là Tự Giác và Giác Tha. Tự Giác lẫn Giác Tha đều viên mãn thì gọi là Giác Mãn. Giác Mãn cũng có mức độ khác nhau. Ví như quả vị Phật trong Tứ Giáo đều gọi là Giác Mãn; [quả vị Phật trong] Tạng Giáo, Thông Giáo, Biệt Giáo tuy gọi là Giác Mãn, nhưng hoàn toàn chẳng phải là thật sự viên mãn. Chỉ có quả vị Phật trong Viên Giáo mới là thật sự viên mãn. Đối với ba ý nghĩa này, có thể nói là rất nhiều kinh luận đều nói theo cách này.

(Diễn) Nhược chuẩn Khởi Tín, diệc chương tam nghĩa.

(演) 若準起信亦彰三義。

*(**Diễn**: Nếu dựa theo Đại Thừa Khởi Tín Luận thì luận ấy cũng nêu ra ba ý nghĩa [của chữ Phật]).*

"Chuẩn" là chuẩn tắc (準則: tiêu chuẩn, chừng mực). Nếu lấy Khởi Tín Luận làm tiêu chuẩn, tức là nói theo Khởi Tín Luận thì luận ấy cũng giảng rõ chữ Phật có ba ý nghĩa, tức là ba thứ Giác. Khởi Tín Luận giảng ý nghĩa thứ nhất như sau:

(Diễn) Nhất, Thỉ Giác, tức Năng Chứng Trí.

(演) 一、始覺，即能證智。

*(**Diễn**: Một là Thỉ Giác, tức trí có khả năng chứng biết).*

"Thỉ" (始) là bắt đầu. Các vị đồng tu tham dự buổi giảng hôm nay, dường như đối với Tam Giác được giảng trong Khởi Tín Luận, chúng ta đều có Tương Tự Thỉ Giác. Nếu không có Thỉ Giác thì hôm nay quý vị không thể đến đây tham dự pháp hội này. Quý vị chịu phát tâm đến tham gia pháp hội này, tức là quý vị bắt đầu giác ngộ. Vì sao Thỉ Giác của chúng ta là Tương Tự Thỉ Giác, chứ không phải là Thỉ Giác thật sự? Tương Tự Thỉ Giác vẫn là Thỉ Giác chân thật, chẳng phải là giả, chẳng qua là thời gian rất ngắn ngủi, tạm bợ, niệm này vừa giác, niệm kế tiếp lại mê. Nói cách khác, trong cuộc sống thường nhật của chúng ta, thời gian giác thì ít,

thời gian mê lại nhiều. Giác chưa chống nổi mê, vẫn bị mê vọng lôi đi. Đấy là Tương Tự Thỉ Giác. Nếu là Thỉ Giác thật sự thì sau khi chứng đắc sẽ vĩnh viễn không lùi. Nói cách khác, sức giác ngộ của quý vị có thể chống cự được mê. Nhưng dù giác trong khoảng sát-na, như thường nói là *"hỏa thạch, điện quang"* (lửa xẹt do đập vào đá, ánh sáng của tia chớp) cũng hết sức khó có, hết sức quý báu, chúng ta phải trân quý. Bởi lẽ, nếu chúng ta có quang minh trong sát-na ấy thì sẽ có sát-na thứ hai, có sát-na thứ hai sẽ có sát-na thứ ba, hy vọng quang minh sẽ ngày càng tăng trưởng, đừng giảm bớt. Từ Thỉ Giác sẽ dần dần biến thành Bổn Giác. Có mở đầu thì hy vọng sẽ có thể dần dần khế nhập. Thỉ Giác là Năng Chứng, Bổn Giác là Sở Chứng.

(Diễn) Nhị, Bổn Giác, tức Sở Chứng Lý.

(演) 二、本覺，即所證理。

*(**Diễn**: Hai là Bổn Giác, tức là Lý được chứng bởi [Thỉ Giác]).*

Bổn Giác là Lý được chứng. Bổn Giác là trí huệ Bát Nhã chúng ta sẵn có. Nói cách khác, ai nấy đều có Bổn Giác, Bổn Giác bị mê, biến thành Bất Giác. Phàm phu bất giác. Do chúng ta có Bổn Giác, Bổn Giác là Phật, cho nên kinh Hoa Nghiêm, kinh Viên Giác đã khai thị rõ ràng *"nhất thiết chúng sanh bổn lai thành Phật"* (hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật). Vì sao vốn đã thành Phật? Vì hết thảy chúng sanh ai nấy đều sẵn có Bổn Giác viên mãn, đương nhiên là Phật. Nhưng trong hiện tại, chúng ta là những vị Phật điên đảo, mê hoặc, còn Phật là một vị Phật tự tại giác ngộ, thụ dụng khác nhau. Đức Phật thấy chúng ta mê hoặc, điên đảo, bèn dùng các thứ phương tiện khuyên dụ, hướng dẫn, khơi gợi, mong cho chúng ta hoát nhiên giác ngộ, khôi phục Bổn Giác. Đấy là "Phật độ chúng sanh"; nhưng chúng ta phải tự mình khôi phục, dựa vào sức Phật khuyên dụ, hướng dẫn, còn thật sự giác ngộ phải do chính mình. Chính mình một mực chẳng giác, chỉ ỷ vào sự khuyên dụ, hướng dẫn của Phật sẽ chẳng thể thành công. Vì vậy, chính mình nhất định phải giác ngộ. Nếu quý vị giác ngộ, sẽ chú ý thấy Phật, Bồ Tát ở bất cứ nơi đâu, mỗi một cử chỉ, mỗi một hành động, mỗi một lời nói, mỗi một hành vi, đều nhằm khơi gợi, phát khởi cho chúng ta. Tôi vừa mới nói đó, Phật Thích Ca từ trời Đâu Suất giáng sanh trong vương cung, thị hiện xuất gia khổ hạnh sáu năm, cho đến thuyết pháp lợi sanh, đều nhằm nêu gương cho chúng ta, mong mỏi chúng ta sẽ tự mình có thể đại triệt đại ngộ. Chúng ta thấy được ý nghĩa này thì đó là Thỉ Giác, sẽ ngầm hợp với tác dụng của Lý Thể trong Bổn Giác.

(Diễn) Tam, Cứu Cánh Giác, tức Trí dữ Lý minh, Thỉ Bổn bất nhị.

(演) 三、究竟覺，即智與理冥，始本不二。

***(Diễn**: Ba là Cứu Cánh Giác, tức Trí ngầm hợp Lý, Thỉ và Bổn chẳng hai).*

Năng Chứng Trí và Sở Chứng Lý là một, chẳng phải hai. Đấy là Cứu Cánh Giác, là thành Phật. Nói "thành Phật" chính là thành tựu Cứu Cánh Giác, thật sự giác ngộ. Hiện thời, chúng ta chẳng vào được cửa, vấn đề ở đâu? Chúng ta chưa thể thống nhất [Trí và Lý], Năng Chứng Trí và Sở Chứng Lý vẫn là hai, chưa phải là một. Năng và Sở là hai, chưa phải là một! Hễ là hai sẽ chẳng vào được cửa. Ở đây, quý vị phải đặc biệt chú ý chỗ này. Trong Đàn Kinh, pháp sư Ấn Tông cũng là một vị pháp sư lỗi lạc. Ngài là một vị pháp sư giảng kinh, khi gặp Lục Tổ, từng thỉnh giáo Lục Tổ về tông chỉ của tổ Hoàng Mai. Sau khi Tổ đã nói, Sư lại nêu câu hỏi: "Ngài Hoàng Mai có nhắc tới giải thoát và Thiền Định hay không?" Ngay khi ấy, Lục Tổ cũng nhắc nhở Sư: *"Thiền Định, giải thoát chẳng phải là Phật pháp"*. Quý vị nghe như vậy, cảm thấy rất lạ lùng! Trong đại kinh, đại luận suốt ngày từ sáng đến tối nói về Thiền Định, giải thoát, cớ sao Thiền Định, giải thoát lại chẳng phải là Phật pháp? Dụng ý của Tổ nằm trong câu tiếp theo: *"Thiền Định, giải thoát là hai pháp, hai pháp chẳng phải là Phật pháp. Phật pháp là pháp Bất Nhị"*. Nói cách khác, Năng Chứng Trí và Sở Chứng Lý nếu là hai pháp sẽ chẳng phải là Phật pháp. Lý và Trí hệt như nhau, Lý và Trí chẳng hai thì đó là Phật pháp. Phật pháp là giác pháp, chứ không phải là mê pháp.

Hiện thời, có thể nói là từ sáng đến tối, ngay cả trong khi ngủ, chúng ta không thật thà, vẫn còn nằm mộng. Khi tỉnh và khi mộng tức là hai pháp, có khi nào quý vị gộp chúng thành một hay chưa? Khi nào quý vị thật sự trụ trong pháp môn Bất Nhị sẽ vào được cửa. Khi nào quý vị nhập pháp môn Bất Nhị, quý vị sẽ là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo thuộc địa vị Kiến Đạo trong pháp Đại Thừa, từ ngày hôm ấy quý vị bắt đầu thấy được Đạo, thấy đạo gì vậy? Thấy vạn pháp đều là Như, thấy Tánh và Tướng không hai. Nếu áp dụng điều này vào niệm Phật, thì thưa quý vị, quý vị bắt đầu chứng Lý nhất tâm bất loạn, quý vị vãng sanh Thật Báo Trang Nghiêm Độ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Thượng Phẩm Thượng Sanh, hoa nở thấy Phật. Chúng tôi hết sức ân cần, tha thiết mong quý vị đồng tu hãy khéo lợi dụng thời gian ba năm để đạt đến mục tiêu này, chẳng riêng gì Phật Thích Ca, Phật Di Đà ân cần

tha thiết mong mỏi như vậy, mà mười phương ba đời hết thảy chư Phật không một vị nào chẳng mong mỏi chúng ta làm được như vậy. Nếu chúng ta thật sự làm được, sẽ là thật sự báo ân Phật, mới thật sự là kẻ báo ân vậy.

(Diễn) Kim kinh sở vân Phật giả, nãi thị tam giác câu viên, Thích Ca Thế Tôn dã.

(演) 今經所云佛者，乃是三覺俱圓，釋迦世尊也。

*(**Diễn**: Đức Phật được nói trong kinh này chính là Thích Ca Thế Tôn ba thứ giác đều trọn đủ).*

Mấy câu này có ý nghĩa khác với mấy câu phía trên. Trong phần trước, nói Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành quả vị Phật trong Tạng Giáo, vì sao vậy? Vì [sách Diễn Nghĩa ghi]: *"Thành Chánh Đẳng Giác"*. Đấy là nói theo mặt Tích, còn câu này giảng theo mặt Bổn. Nói theo Bổn thì Thích Ca Mâu Ni Phật đã viên mãn cả ba thứ giác từ rất lâu, nhìn từ mặt Bổn thì Ngài là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong Viên Giáo. Nhìn từ phương diện thị hiện (Tích), Ngài là Đẳng Chánh Giác. Giống như Trí Giả đại sư lão nhân gia thị hiện vãng sanh trong địa vị Ngũ Phẩm, đấy là nói theo sự thị hiện nơi Tích. Nói theo Bổn thì mức độ thấp nhất cũng phải là Đẳng Chánh Giác. Nếu không phải là Đẳng Chánh Giác, chắc chắn Ngài sẽ không thể viết bộ Pháp Hoa Kinh Văn Cú được!

(Diễn) Hựu, Phật Địa Luận, thuyết Phật hữu kỳ thập nghĩa, Thiên Thai lục tức, Hoa Nghiêm thập thân, tường cụ hậu văn.

(演)又佛地論，說佛有其十義。天台六即，華嚴十身，詳具後文。

*(**Diễn**: Lại nữa, Phật Địa Luận nói chữ Phật có mười nghĩa, ngài Thiên Thai lập ra giáo thuyết Lục Tức Phật, kinh Hoa Nghiêm giảng Phật có mười thân sẽ được trình bày tường tận trong phần sau).*

Trong Phật Địa Luận nói Phật có mười ý nghĩa. Thông thường, [các nhà chú giải giảng] chữ Phật có ba ý nghĩa, hay ba thứ giác. Khởi Tín Luận cũng nêu ra ba ý nghĩa. Trí Giả đại sư lập ra giáo nghĩa Lục Tức Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói tới mười thân Phật. Đấy đều là tách ra hay gộp vào khác nhau. Chúng đều là ý nghĩa của chữ thứ nhất, tức chữ Phật trong tựa đề kinh này.

(Diễn) Thuyết giả, dĩ tuyên diễn đắc danh.

(演) 說者，以宣演得名。

*(**Diễn**: Thuyết là do nói, diễn mà thành tên)*

"Tuyên" (宣) là tuyên dương, nói bằng miệng. *"Diễn"* (演) là biểu diễn, động tác. Nhất cử, nhất động, các nét biểu lộ tình cảm trên khuôn mặt, đều gọi là *"diễn"*. Quý vị phải hiểu: Sự thụ dụng do nghe kinh ngay tại chỗ giảng đã bị giảm bớt nếu nghe kinh từ băng thâu hình trên TV. Tuy cũng thấy được hình tướng, nhưng ý vị khác nhau. Nếu nghe băng thâu âm thì sự thụ dụng lại giảm hơn nữa, chẳng thể bằng nghe kinh ngay tại chỗ giảng. Vậy là sao? Thật ra là bất đắc dĩ mới dùng phương pháp này. Nghe kinh ngay tại chỗ phải có nhân duyên, quyết định chẳng thể buông bỏ, buông bỏ rồi thì sẽ đúng như trong Kệ Khai Kinh đã nói: *"Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ"* (Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ). Ở đây, chẳng phải là tôi nói với quý vị tôi giảng hay như thế nào, mà là hội giảng kinh này khó thể gặp gỡ, suốt cuộc đời chúng ta, cớ sao có nhân duyên, thiện căn, phước đức như vậy, gặp được bộ A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, có nhiều đồng học như vậy ở cùng một chỗ với nhau để cùng tu học, nghiên cứu, thảo luận, rất ư là khó! Nhân duyên này thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Suy nghĩ cặn kẽ, trên toàn thế giới ngày nay, pháp hội giảng Sớ Sao Diễn Nghĩa này hầu như chỉ mình chúng ta là có. Chúng ta biết khắp Đài Loan không nơi nào có, những nơi khác chẳng thể nào có được, thì mới thấy pháp hội này thù thắng. Do tuyên dương, biểu diễn mà được gọi là Thuyết. Chữ Thuyết bao hàm nhiều ý nghĩa như vậy đó.

(Diễn) Sướng duyệt vi nghĩa.

(演) 暢悅為義。

*(**Diễn**: Lưu loát, vui sướng là ý nghĩa [của chữ Thuyết]).*

"Sướng" (暢) là thoải mái, lưu loát, không có chướng ngại. *"Duyệt"* (悅) là vui vẻ. Niềm vui ấy từ trong nội tâm phát sanh. Cả hai câu này nhằm giải thích chữ Thuyết (說). Thoải mái, lưu loát, vui sướng như thế nào? Chúng ta không cách nào tưởng tượng được. Tiếp theo đây, đại sư lại giải thích. Đoạn tiếp theo đây nhằm chú giải câu *"sướng duyệt vi nghĩa"*.

(Diễn) Tứ vô ngại biện vi Thể.

(演) 四無礙辯為體。

*(**Diễn**: Bốn thứ vô ngại biện tài là Thể [của chữ Thuyết]).*

Tứ Vô Ngại Biện là bốn món vô ngại biện tài.

Thứ nhất là Nghĩa Vô Ngại, hoàn toàn thông đạt đạo lý, không chướng ngại. Đây là điều thứ nhất, trọng yếu nhất trong Tứ Vô Ngại Biện. Những đạo lý thế gian và xuất thế gian đều hiểu rõ, quyết định không hiểu sai lầm, điều gì cũng đều hiểu rõ.

Thứ hai là Pháp Vô Ngại, tức là thông đạt pháp tướng. Nếu dùng Tánh và Tướng để giải thích thì Nghĩa là Pháp Tánh, còn nếu dùng danh từ triết học để giải thích thì thông đạt bản thể là Nghĩa Vô Ngại. Trong Phật giáo gọi thông đạt hiện tượng là "thông đạt Pháp Tướng"; đấy là Pháp Vô Ngại.

Thứ ba là Từ Vô Ngại, Từ (詞) là "ngôn từ, lời lẽ", [Từ Vô Ngại] là ngôn ngữ không bị chướng ngại. Trong đoạn trên, Nghĩa là Lý, Pháp là Sự, Sự vô ngại. Ngôn từ vô ngại, quý vị ăn nói rất khéo, có khả năng diễn đạt, có thể nói rất rõ ràng những điều chính mình đã chứng, đã thấy, đã nghe, khiến cho người khác thấu hiểu, đấy là Từ Vô Ngại.

Thứ tư là Nhạo Thuyết Vô Ngại. Nhạo (樂) là yêu thích, ưa thích, nói một cách thích thú. Nếu ba điều trước đó đều có đủ mà người ấy chẳng hào hứng, chẳng thích nói thì cũng chẳng có cách nào cả. Người ấy thích nói, thích đem những điều chính mình đã biết dâng tặng người khác nhằm lợi ích chúng sanh, đấy là Đại Bi. Ba điều trước là Đại Trí, điều cuối cùng này là Đại Bi. Đại Bi là động lực, thích nói, thích giúp đỡ người khác.

(Diễn) "Sướng" tắc sướng xuất thế chi bổn hoài.

(演) 暢則暢出世之本懷。

*(**Diễn**: "Sướng" là thỏa thích hoài bão xuất thế).*

Quý vị hãy nghĩ xem vì sao đức Phật từ trời Đâu Suất giáng sanh vào vương cung, vì sao Phật lìa bỏ ngôi vua xuất gia, khổ hạnh, cả đời ba y một bát, ngày ăn một bữa, ngủ dưới cội cây, vì sao phải sống như thế? Vì lẽ gì? Đây là nói tới bổn hoài (điều ấp ủ trong lòng), vì độ chúng sanh. Thị hiện như vậy để dạy quý vị: Nếu quý vị mong thật sự đạt đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quý vị hãy bỏ sạch hết thảy mọi sự trong thế gian thì mới có tư cách thực hiện được. Nếu vẫn còn có tơ hào vướng mắc nào thì đấy là chướng ngại. Đừng nói là nó sẽ chướng ngại

Chánh Đẳng Chánh Giác, ngay cả Hạ Hạ Phẩm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng bị chướng ngại, chuyện này phiền phức lắm. Do vậy, nhất định phải xả. Nếu chính đức Phật chẳng xả, làm sao bảo người khác xả cho được? Nếu chính mình chẳng xả sạch sẽ, người khác nghe Ngài nói sẽ chẳng tin tưởng. Chính Phật đã thật sự xả sạch sành sanh, người thuở đó trông thấy Phật sẽ bội phục năm vóc sát đất. Người đời sau đọc sách nhà Phật cũng chẳng thể nào không kính phục Ngài. Thật sự xả được sẽ không có chướng ngại. Quý vị có chướng ngại thì phải phản tỉnh, quý vị không buông xuống, không xả sạch sành sanh nên mới có chướng ngại. Câu này nói về bổn hoài xuất thế của đức Phật: Do Ngài có thể đạt được mục tiêu, là giúp đỡ chúng sanh nên hết sức vui sướng. Do vậy, *"sướng"* là nói về bản thân đức Phật.

(Diễn) "Duyệt" tắc duyệt chúng sanh chi hoạch ích.
(演) 悅則悅眾生之獲益。
*(**Diễn**: "Duyệt" là vui vẻ vì chúng sanh được lợi ích).*

Đức Phật xuất hiện trong thế gian, chúng sanh được lợi ích. Chúng sanh căn cơ chín muồi sẽ đắc độ, chúng sanh căn cơ chưa chín muồi sẽ được Phật giúp cho chín muồi. Chúng sanh chưa gieo thiện căn sẽ được Phật giúp gieo thiện căn. Chúng sanh đã gieo thiện căn được Phật giúp cho tăng trưởng. Nói cách khác, hết thảy chúng sanh không ai chẳng được lợi ích. Do vậy, Phật vui thích, đây là nói theo lối thông thường. Kinh này lại còn có ý nghĩa đặc biệt, có ý vị càng sâu đậm hơn nữa. Tiếp theo đó, sách viết:

(Diễn) Kim dĩ Như Lai cửu tu cửu chứng Niệm Phật tam-muội.
(演) 今以如來久修久證念佛三昧。
*(**Diễn**: Nay đem pháp Niệm Phật tam-muội của Như Lai tu chứng đã lâu).*

Đây là cách nói riêng trong kinh này. Chúng ta hãy chú ý chữ Cửu (久) trong từ ngữ *"cửu tu cửu chứng".* Chữ này chỉ có thể áp dụng cho địa vị Phật trong Viên Giáo, chứ không thể áp dụng cho quả vị Phật trong Tạng Giáo, Thông Giáo hay Biệt Giáo. *"Cửu tu cửu chứng"*: Kinh Phạm Võng nói Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, đến thị hiện trong thế gian lần này là lần thứ tám ngàn. Lão nhân gia thật sự đã chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chúng ta phải thấu hiểu: Phật đã chứng đến mức

rốt ráo nhất, viên mãn nhất. Trong hết thảy pháp môn, pháp môn vô thượng bậc nhất là Niệm Phật tam-muội, tức Tây Phương Tịnh Độ. Nếu quý vị đọc trọn khắp ngàn kinh vạn luận, thật sự đọc hiểu thấu, quý vị sẽ biết kinh này là kinh bậc nhất trong hết thảy các kinh, trì danh niệm Phật là pháp môn bậc nhất trong vô lượng pháp môn. Hiện thời, đạo tràng này của chúng ta là đạo tràng bậc nhất trong mười phương pháp giới. Quý vị tham gia tại nơi này, chẳng thẹn với các vị thượng thiện nhân, nhất định phải tự mình trân quý, đừng ra khỏi đạo tràng này lại trở thành kém cỏi hơn. [Nếu] ở trong đạo tràng này là thượng thiện, nhưng rời khỏi đạo tràng này liền biến thành hạ thiện, đấy là lui sụt, chớ nên như vậy! Phải gìn giữ, phải tinh tấn. Tôi học Phật hơn ba mươi năm, giảng kinh hai mươi lăm năm mới tìm ra bí mật này của Phật giáo. Trong quá khứ, nó ở ngay trước mặt mà tôi bỏ lỡ, không nhận biết rõ ràng, đến bây giờ mới thật sự nhận thấy. Đức Phật nói bộ kinh này, nói ra pháp môn này, vui sướng cực điểm.

(Diễn) Uẩn chi tại hoài, thích đắc cơ nghi, tùy dĩ Tứ Biện tuyên diễn, sướng duyệt bổn hoài, linh tùy cơ hoạch ích, cố vân Thuyết dã.

(演)蘊之在懷，適得機宜，隨以四辯宣演，暢悅本懷，令隨機獲益，故云說也。

(***Diễn***: *Ôm ấp trong lòng, gặp đúng căn cơ, thời tiết, bèn dùng Tứ Biện Tài để tuyên diễn, thỏa thích bổn hoài, khiến cho từng loại căn cơ được lợi ích, nên nói là Thuyết).*

Quả thật rất khó được! Có đại nhân duyên tốt đẹp như thế này, có đầy đủ cơ duyên nói ra pháp môn này, cho thấy chúng sanh trong thế giới này căn cơ đã chín muồi, có người tin tưởng, có người có thể tiếp nhận, có người chịu nương theo pháp môn này tu học để thành Phật trong một đời. Bất cứ pháp môn nào khác cũng đều chẳng thể thành Phật ngay trong một đời. Chỉ có pháp môn này là thành Phật trong một đời. Bất cứ pháp môn nào cũng chẳng ổn thỏa, thích đáng cho lắm, chỉ có pháp môn này ổn thỏa, thích đáng nhất. Vĩnh Minh đại sư nói: *"Vạn tu vạn nhân khứ"* (vạn người tu, vạn người về), chẳng sót một ai. Nhưng quý vị tu hành cũng có điều kiện là phải đúng lý, đúng pháp. Lý ở chỗ nào? Sách Sớ Sao Diễn Nghĩa sẽ giảng rõ ràng lý ấy, quý vị phải hiểu đạo lý ấy. Pháp ấy có cách niệm như thế nào? Phương pháp ấy cũng nằm trong sách Sớ Sao Diễn Nghĩa.

Chúng tôi vừa giảng xong bộ Di Đà Kinh Yếu Giải, thưa quý vị, một câu Phật hiệu đầy đủ sâu xa Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương, lẽ

nào chẳng vui sướng? Mỗi một tiếng Phật hiệu đều bao gồm tám giáo, nhiếp trọn năm tông, đúng là mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được! Một câu A Di Đà Phật này chính là pháp môn Đại Tổng Trì của mười phương ba đời chư Phật, có mấy ai hiểu rõ ràng? Hiện thời, tôi đặc biệt cho in lời khai thị về pháp Niệm Phật của Ngẫu Ích đại sư thành một tờ riêng để tặng quý vị; tốt nhất là quý vị hãy đọc thuộc lòng. Nếu quý vị thật sự học thuộc lòng lời khai thị ấy, hiểu được ý nghĩa, nhất định quý vị sẽ chết sạch tấm lòng mong ngóng, so đo, nhất tâm niệm Phật, sẽ thành tựu trong một đời này. Nói cách khác, tên của quý vị sẽ được treo cao trong Liên Trì Hải Hội.

Tập 2

Giải thích tựa đề kinh, lần trước đã giảng đến hai chữ *"Phật Thuyết"*. Hôm nay chúng ta bắt đầu từ chữ *"A Di Đà"*.

(Diễn) A Di Đà, thị Phạn ngữ, thử vân Vô Lượng, dĩ công đức, trí huệ, thân tướng, quang minh, nhất thiết giai tất vô lượng cố. Thị vô lượng Phật vãng tích nhân trung, vi Pháp Tạng tỳ-kheo thời, phát tứ thập bát nguyện, kim tại Tây Phương, nhiếp niệm Phật nhân quy vu Tịnh Độ. Cố Thích Ca Như Lai vị chúng tuyên dương dã.

(演)阿彌陀，是梵語，此云無量，以功德智慧身相光明一切皆悉無量故。是無量佛往昔因中，為法藏比丘時，發四十八願，今在西方攝念佛人歸于淨土，故釋迦如來為眾宣揚也。

*(**Diễn**: A Di Đà là tiếng Phạn, cõi này dịch là Vô Lượng, do công đức, trí huệ, thân tướng, quang minh, hết thảy đều vô lượng vậy. Vị Vô Lượng Phật này trong quá khứ khi tu nhân, là tỳ-kheo Pháp Tạng, đã phát ra bốn mươi tám nguyện, nay đang ở Tây Phương nhiếp thọ người niệm Phật về cõi Tịnh Độ. Vì thế, Thích Ca Như Lai tuyên dương cho đại chúng biết).*

Đoạn này giới thiệu đơn giản những điểm trọng yếu trong danh hiệu đức Phật, ý nghĩa hết sức tinh tường, xác đáng. A Di Đà là tiếng Ấn Độ, dịch sang tiếng Hán, A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng. A Di Đà có nghĩa là Vô Lượng. Thông thường chúng ta gọi Ngài là Vô Lượng Thọ Phật hoặc Vô Lượng Quang Phật; thật ra, Thọ và Quang chỉ là một phần trong vô lượng mà thôi. Không có cách nào diễn đạt hoàn toàn những nghĩa lý trong danh hiệu đức Phật. Trên thực tế, hai chữ Vô Lượng hết sức hay.

Tiếp đó, sách Diễn Nghĩa nói đại lược về *"công đức"*. Hai chữ này cũng cần phải giải thích một cách đơn giản. Công là nói về công phu, Đức là cái quý vị thâu hoạch, có được. Quý vị dùng một phần công phu, nhất định có một phần thâu hoạch. Chữ Đức này có cùng một ý nghĩa với chữ Đắc (得) trong *"đắc thất, đắc đáo"* (được mất, đạt được). Công phu là gì? Giới - Định - Huệ là công phu. Chẳng hạn như bố thí chủ yếu trừ keo kiệt, tham lam; nếu bố thí thật sự khiến cho chúng ta trừ bỏ được phiền não keo kiệt, tham lam thì nó là công phu, đạt được tâm địa thanh lương, tự tại, giống như Lục Tổ đại sư nói: *"Bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai?"*

(Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần). Như vậy, cái quý vị đạt được chính là đạt được tâm thanh tịnh. Công đức phải do chính mình tu. Trong nhà Phật hiện thời, chúng ta thường dùng tiền của để bố thí. Chỉ là bố thí thì chẳng thể trở thành công đức, vì trong ấy không có công phu; không có công phu sẽ chẳng thể đoạn được keo kiệt, tham lam. Tuy tu bố thí, nhưng sức mạnh của bố thí chẳng đủ để trừ keo kiệt, tham lam, chẳng đạt được công phu, chẳng thể trở thành công phu. Có lúc chẳng những không thể trở thành công phu mà còn hoàn toàn ngược lại, tức là nghe trong nhà Phật nói *"xả nhất, đắc vạn báo"* (xả một phần, được quả báo vạn phần) thì mới chịu bố thí. Đấy chính là mua bán kiếm lời trong thế gian, không có lợi ích nào to lớn hơn. Ngày hôm nay bố thí một đồng, ngày mai sẽ được quả báo một vạn đồng; vậy thì hãy mau bố thí! Bố thí kiểu đó chẳng những không thể đoạn được tham lam, keo kiệt, mà ngược lại còn tăng trưởng keo kiệt, tham lam. Vì sao người ấy bố thí? Vì tâm keo kiệt, tham lam mà bố thí, chứ không phải vì Phật pháp mà bố thí; Phật pháp dạy "do đoạn keo kiệt, tham lam mà bố thí". Trong Phật môn, dùng cái tâm keo kiệt, tham lam để bố thí thì có đạt được gì hay chăng? Có chứ, nhưng không phải là công đức, mà là phước đức, hay phước báo.

Đâm ra, quý vị bố thí hoàn toàn trở thành có phước. Quả báo là phước báo hữu lậu trong tam giới. Rộng gieo phước điền, không sai, nhưng chẳng thể gọi là "công đức". Phải phân biệt rõ ràng giữa phước đức hay là công đức! Công đức khác với phước đức. Phước đức có thể trao cho người khác, phước báo của tôi rất lớn, tôi không hưởng, tôi có thể tặng cho quý vị hưởng, quý vị hưởng được; chứ công đức thì không được. Công đức là trí huệ, tài nghệ của tôi, không cách gì trao cho người khác được! Thiền Định, Bát Nhã, Trì Giới của tôi cũng không có cách nào trao cho người khác được. Công đức nhất định phải do chính mình tu, chính mình đạt được, còn phước đức do chính mình tu có thể ban cho người khác. Người khác tu cũng có thể ban [phước đức của họ] cho chúng ta. Ngày mai, đạo tràng này sẽ cử hành pháp hội tế lễ tổ tiên vào tiết Đông Chí, chúng ta có thể hồi hướng phước đức do chính mình tu được cho lịch đại tổ tiên. Tụng kinh cũng giống như vậy, đối với chính mình thì là công đức, chúng ta hồi hướng công đức ấy cho tổ tiên thì họ sẽ được hưởng phước đức.

"Công đức vô lượng": Tam Học, Lục Độ, vạn hạnh không điều nào chẳng viên mãn; đấy là công đức vô lượng. *"Trí huệ vô lượng"*: Quyền Trí và Thật Trí đều viên mãn. *"Thân tướng vô lượng"*: Trong Đại Kinh có nói: *"Thân có vô lượng tướng, mỗi một tướng có vô lượng hảo"*. Đấy

là vô lượng. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện Liệt Ứng Thân, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Do vậy, tướng và hảo đều chẳng thể gọi là vô lượng, mà là hữu lượng. Tướng hảo và quang minh của A Di Đà Phật là vô lượng. *"Quang minh vô lượng"*: Quang minh có thường quang và phóng quang. Thường quang lẫn phóng quang đều vô lượng, chẳng thể nghĩ bàn! Thuở đức Phật tại thế, thường quang của Ngài chiếu xa tám thước, kinh điển có khi ghi chép là một trượng (mười thước), quang minh chẳng lớn lắm. Đối với quang minh của A Di Đà Phật, thường quang chiếu tận hư không, trọn hết pháp giới, thật sự vô lượng. Tiếp đó là lời tổng kết: *"Nhất thiết giai tất vô lượng"* (hết thảy đều là vô lượng), do vậy, gọi Ngài là Vô Lượng Phật. Chữ Phật dịch nghĩa sang tiếng Hán là Giác. Ý nghĩa này càng sâu hơn, dịch toàn bộ danh hiệu A Di Đà Phật sang tiếng Hán thì là Vô Lượng Giác. Trong bất cứ cảnh giới nào, Phật đều giác chứ không mê, chuyện gì cũng giác, pháp nào cũng giác, không có gì chẳng giác, đó gọi là Vô Lượng Giác. Không những là Tự Giác mà còn có thể giúp cho kẻ khác giác ngộ, vì thế gọi là A Di Đà Phật.

Tiếp đó, sách Diễn Nghĩa nêu đại lược nguồn gốc của danh hiệu. *"Thị Vô Lượng Phật vãng tích nhân trung"* (Vô Lượng Phật trong quá khứ khi tu nhân). Sự tích này được chép trong kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thường gọi kinh Vô Lượng Thọ là Đại Bổn A Di Đà Kinh. Kinh Vô Lượng Thọ chép A Di Đà Phật lúc ban đầu phát nguyện tu hành, *"khi làm tỳ-kheo Pháp Tạng, phát ra bốn mươi tám nguyện"*. Thuở ấy, Ngài mang thân phận quốc vương, lìa bỏ ngôi vua, xuất gia. Quý vị nghĩ xem, nếu xuất gia chẳng tốt đẹp hơn làm quốc vương, cớ sao Ngài lại chịu bỏ ngôi vua đi xuất gia? Người thế gian mong cầu công danh, phú quý. Phú quý trong nhân gian không chi cao tột hơn đế vương. Do vậy, nói: *"Quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải"* (thiên tử sang quý, giàu có khắp bốn biển), chẳng thể sánh bằng người xuất gia, thà nguyện bỏ ngôi vua, xuất gia tu hành làm tỳ-kheo. Tỳ-kheo (Bhiksu) là từ ngữ để gọi chung người xuất gia. Pháp Tạng (Dharmākara) là pháp danh của Ngài, nên gọi là tỳ-kheo Pháp Tạng. Ngài xuất gia trong pháp hội của Thế Tự Tại Vương Phật (Lokeśvararāja), khi xuất gia đã phát ra bốn mươi tám nguyện.

"Kim tại Tây Phương" (hiện ở tại Tây Phương): Quý vị phải nhớ kỹ, đây là Tây Phương của thế giới Sa Bà, chứ không phải là Tây Phương của địa cầu. Địa cầu của chúng ta không có Tây Phương vì nó xoay chuyển, quý vị nói Tây Phương thì hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau nó lại trở thành Đông Phương mất rồi. Ở đây, [sách Diễn Nghĩa] nói tới Tây Phương của thế giới Sa Bà. Thế giới Sa Bà là động hay bất động? Cũng

động, nhưng vì thế giới quá lớn, từ lúc Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh này mãi cho đến hiện thời là ba ngàn năm, trong đại vũ trụ, thế giới chỉ chuyển động đôi chút, phương vị không thay đổi. Sa Bà là một đại thế giới, là một hệ Ngân Hà. Hệ Ngân Hà của chúng ta cũng lưu động, phạm vi của hệ Ngân Hà quá lớn, suốt ba ngàn năm, góc độ của nó chỉ chuyển dịch một vài độ mà thôi, phương hướng chung vẫn chẳng thay đổi. Do vậy, cho đến hiện thời, [nói thế giới Cực Lạc] ở Tây Phương vẫn chính xác. Tây Phương thế giới cách thế giới của chúng ta khá xa; đừng nên sợ hãi khoảng cách xa xôi ấy, rất dễ dàng đến nơi đó, điều này cũng chừa lại để thảo luận sau.

"Nhiếp niệm Phật nhân quy vu Tịnh Độ" (Nhiếp người niệm Phật trở về Tịnh Độ): Nhiếp (攝) là nhiếp thọ (攝受), có nghĩa là đức Phật vui thích tiếp dẫn những đồng học niệm Phật, bằng lòng giúp đỡ những vị đồng học niệm Phật. Chỉ cần bằng lòng về thế giới của Ngài, Ngài đều hết sức hoan nghênh, [những người ấy] đều được hưởng sự đãi ngộ bình đẳng, chẳng thể nói là có sai khác gì! *"Cố Thích Ca Như Lai vị chúng tuyên dương dã"* (Vì thế, Thích Ca Như Lai tuyên dương cho đại chúng biết): Vì những duyên này, Thích Ca Mâu Ni Phật mới tuyên dương chuyện này cho chúng ta biết, mong chúng ta sẽ tin nhận, y giáo phụng hành, tương lai đều có thể sanh về Tây Phương thân cận A Di Đà Phật.

(Diễn) Kinh giả, thích hữu đa chủng, bất xuất thường, pháp, quán, nhiếp tứ nghĩa.

(演) 經者，釋有多種，不出常法貫攝四義。

*(**Diễn**: Chữ Kinh có nhiều cách giải thích, nhưng chẳng ngoài bốn nghĩa thường, pháp, quán, nhiếp).*

Kinh trong tiếng Ấn Độ là Tu-đa-la (Sūtra), người Hoa dịch là Kinh. Tu-đa-la có rất nhiều ý nghĩa, có ý nghĩa gốc và ý nghĩa mở rộng. Đối với giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, người Hán đều tôn xưng là Kinh. *"Kinh"* có nghĩa là chân lý siêu việt thời gian, siêu việt không gian, vĩnh viễn chẳng biến đổi thì tôn xưng là Kinh. Phật pháp cũng hội đủ những điều kiện ấy, do vậy khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, đã được dịch là Kinh. Những ý nghĩa trong kinh Phật so với những ý nghĩa của những thứ được người thế gian gọi là "kinh điển" càng phong phú hơn; do vậy, phải đặc biệt chú giải. Các tác phẩm chú giải cũng rất nhiều, trong mười ý nghĩa của kinh Hoa Nghiêm, thường lấy bốn ý nghĩa *"thường, pháp, quán,*

nhiếp" để giải thích. Cách giải thích này phổ biến nhất; ở đây, đại sư cũng dùng bốn nghĩa này.

(Diễn) Thường giả, tam thế bất dịch, nhất thiết chư Phật giai như thị thuyết, cố vân Thường.

(演) 常者，三世不易。一切諸佛皆如是說，故云常。

*(**Diễn**: Thường là ba đời chẳng thay đổi, hết thảy chư Phật đều nói như thế nên gọi là Thường).*

"Tam thế" là đời quá khứ, đời hiện tại, và đời vị lai. *"Dịch"* (易) là biến đổi. Thuyết pháp, ý nghĩa vĩnh viễn chẳng thay đổi nên gọi là Thường. *"Thường"* là chân lý. Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp như vậy, A Di Đà Phật cũng thuyết pháp như vậy, mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều thuyết pháp như vậy. Đấy là chân lý chân thật. Quý vị phải biết: Ngôn từ dùng để thuyết pháp có thể chẳng giống nhau, nhiều, ít khác nhau, nhưng ý nghĩa nhất định phải giống nhau. Vì sao? Đều là cảnh giới do Phật đích thân chứng đắc, Phật pháp gọi điều này bằng thuật ngữ *"hiện lượng cảnh giới"*. Hiện Lượng Cảnh Giới của Phật chẳng do suy lường, chẳng do nghe người khác nói, mà do chính mình đích thân chứng được. Do vậy, nói ra giống hệt nhau, đó gọi là Thường. *"Thường"* là vĩnh viễn chẳng bị biến đổi, đây là nói về phương diện siêu việt thời gian.

(Diễn) Pháp giả, thập giới đồng quỹ, tứ thánh, lục phàm do chi giải thoát, cố vân Pháp.

(演) 法者，十界同軌。四聖六凡由之解脫，故云法。

*(**Diễn:** Pháp là đường lối chung cho mười pháp giới. Tứ thánh, lục phàm do đây mà được giải thoát nên gọi là Pháp).*

"Pháp" có nghĩa là siêu việt không gian. Hết thảy hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới đều phải nương theo quỹ đạo này. *"Pháp"* có nghĩa là *"quỹ đạo"* (đường lối nhất định) hay quy tắc, giống như xe lửa nhất định phải chạy trên đường rầy, chẳng thể rời khỏi đường rầy. Đường rầy ấy là Pháp. Chữ Pháp này được hiểu theo nghĩa hẹp, chứ không phải là nghĩa rộng, nhằm chỉ điều gì? Pháp chỉ cho Kinh - Luật - Luận Tam Tạng kinh điển. Để đạt được tự tại, giải thoát, tứ thánh, lục phàm đều phải nương theo phương pháp này, rời khỏi phương pháp này sẽ chẳng thể đạt được, nhất định phải chiếu theo phương pháp này để tu hành. Chữ *"tứ thánh"* chỉ Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, *"lục phàm"* chỉ lục đạo

phàm phu: Trời, người, Tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Chúng ta đọc tới câu này, nếu là người tỉ mỉ, sợ rằng ắt sẽ nẩy sanh câu hỏi: "Nói Bồ Tát mong được giải thoát thì còn chấp nhận được, chứ Phật mà vẫn mong giải thoát ư? Phật là đạt đến quả vị rốt ráo, vì sao còn phải mong giải thoát?" Phật cũng phải mong! Vì sao? Có rất nhiều loại Phật. Phật trong Tạng Giáo, Phật trong Thông Giáo, Phật trong Biệt Giáo đều phải nương theo Tam Tạng Kinh - Luật - Luận để tu hành. Phật quả mà các vị ấy đã chứng chưa phải là địa vị Phật rốt ráo.

Địa vị Phật của họ là Phần Chứng Phật, họ chứng được Chánh Đẳng Chánh Giác, không phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Luận về quả vị Phật trong Biệt Giáo, [ta thấy] Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo *"phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân"*, Thập Địa phá mười phẩm vô minh, Đẳng Giác phá mười một phẩm vô minh; [do vậy], bất quá, Phật [trong Biệt Giáo] phá mười hai phẩm vô minh mà thôi. Vô minh có bốn mươi mốt phẩm, Phật trong Biệt Giáo mới phá được mười hai phẩm nên nếu Ngài chẳng nương theo Tam Tạng Kinh - Luật - Luận để tu hành, sẽ chẳng thể chứng Vô Thượng Bồ Đề. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là quả vị Phật trong Viên Giáo. Phật pháp giới nằm trong mười pháp giới, nhưng Phật pháp giới chẳng bao gồm địa vị Phật trong Viên Giáo, mà bao gồm ba quả vị Phật trong Tạng Giáo, Thông Giáo và Biệt Giáo. Chẳng chiếu theo pháp môn này sẽ không được, sẽ không có cách nào chứng được Vô Thượng Bồ Đề. Đấy là nói về Tam Tạng kinh điển.

Trong đây còn có một ý nghĩa rất sâu, chữ Pháp chuyên chỉ bộ kinh này. Thường, Pháp, Quán, Nhiếp đều nhằm chỉ bộ kinh A Di Đà này. Kinh A Di Đà này có phân lượng rất nặng!

(Diễn) Quán giả, quán xuyên sở ưng tri nghĩa. Nhược vô văn tự, vô dĩ quán xuyên nghĩa lý, hoán nhiên khả quán, cố vân Quán.

(演)貫者，貫穿所應知義。若無文字，無以貫穿義理，煥然可觀，故云貫。

*(**Diễn**: Quán là xuyên suốt, xếp đặt mạch lạc những nghĩa lý đáng nên biết. Nếu không có văn tự sẽ không có gì để sắp đặt mạch lạc những nghĩa lý sao cho rõ ràng để có thể thấy được, nên gọi là Quán).*

"Quán" (貫): Đối với ngôn ngữ, văn từ, hiện thời chúng ta nói tới "chương pháp", tức là kết cấu, tổ chức có thứ tự, không lộn xộn, đấy là ý nghĩa của chữ Quán. Trong ngôn ngữ văn tự bao hàm những đạo lý, hiện thời chúng ta gọi những đạo lý ấy là "tư tưởng tinh nghiêm" hoặc "tư

tưởng kín nhiệm", đó là dùng ý nghĩa thế gian để nói. Thật ra, Phật pháp lìa khỏi tâm ý thức, chẳng thuộc vào tư tưởng, nhưng những đạo lý trong ấy quả thật có tầng lớp, thứ tự, có hệ thống mạch lạc, chẳng rối ren một tí nào, Lý và Sự đều là như thế.

Tuy trong toàn bộ vũ trụ, sâm la vạn tượng là vô lượng, vô biên, nhưng chẳng loạn. Người thế gian trông thấy tình hình này cảm thấy lạ lùng, [tin rằng] nhất định có người nào đó sắp đặt. Nếu không có ai sắp đặt, vì sao chúng có trật tự tốt đẹp dường ấy? Ai sắp đặt? Do vậy, bèn vọng tưởng cho rằng nhất định phải có một vị thần, có một Thượng Đế sắp xếp. Thật ra, họ chẳng biết vạn pháp vốn có sẵn trật tự. Trong kinh điển, đức Phật dạy chúng ta vũ trụ hình thành, phát triển theo thứ tự thuận, chẳng rối loạn. Từ nhất niệm Chân Như bổn tánh bất giác mà có vô minh. Vô minh bất giác sanh ra Tam Tế, cảnh giới làm duyên tăng trưởng Lục Thô[3], phát triển theo từng tầng một, chẳng loạn! Khi Phật pháp chưa

---

[3] Chúng sanh do mê vọng nên từ Căn Bản Vô Minh sanh khởi ba thứ tướng vi tế (gọi là Tam Tế), gồm Vô Minh Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng và Hiện Tướng. Giải thích chi tiết như sau:

1. Vô Minh Nghiệp Tướng: Nghiệp ở đây là hoạt động ý thức. Rời khỏi niệm sẽ bất động, hễ động sẽ cảm lấy quả. Vì thế nói "quả chẳng thể lìa khỏi nhân". Do khởi tâm động niệm, mê mất tự tánh vốn sẵn linh tri, bèn có khổ quả sanh tử trong chín giới.
2. Chuyển Tướng (còn gọi là Chuyển Thức): Chân Như Trí vốn không có Năng, Sở, thanh tịnh, tịch diệt. Nay do khởi tâm động niệm, đánh mất sự tinh minh, chuyển thành vọng kiến.
3. Hiện Tướng (tướng của cảnh giới): Cảnh giới chỉ tướng của tinh thần và vật chất. Tinh thần thuộc về hoạt động ý thức, là tướng vô hình, vật chất là sắc tướng hữu hình. Do ba tướng này khó thể cảm nhận rõ ràng nếu không quan sát cặn kẽ nên gọi là Tam Tế.

Lục Thô (còn gọi là Lục Trần Tướng), tức là từ Tam Tế lại sanh khởi những cảnh giới tạo thành sáu thứ thô tướng. Gọi là Thô vì có thể dễ dàng cảm nhận được. Nói chi tiết, Lục Thô gồm:

1. Trí tướng: Chẳng biết những cảnh giới do thức biến hiện chính là bóng dáng hư huyễn của tự thức biến hiện, lầm lạc nẩy sanh loại trí huệ phàm phu phân biệt các pháp.
2. Tương tục tướng: Noi theo trí tướng phân biệt, đối với cảnh giới ham thích sanh khởi ý tưởng vui, đối với cảnh giới không ưa thích sanh khởi ý tưởng khổ, khiến cho các thứ mê vọng sanh khởi không ngừng.
3. Chấp thủ tướng: Chẳng hiểu rõ những cảnh giới khổ, vui v.v... đều là hư vọng chẳng thật, thường nghĩ tưởng những cảnh giới ấy, nắm níu chúng, sanh lòng chấp trước sâu nặng.
4. Kế danh tự tướng: Do những ý niệm điên đảo trên đây, đối với những tướng bị chấp trước, đặt cho chúng đủ mọi tên gọi, so đo, phân biệt rồi nẩy sanh phiền não.

truyền đến Trung Quốc, cổ nhân Trung Quốc cũng dường như thấu hiểu đạo lý này. Cội gốc của văn hóa Trung Quốc là kinh Dịch, có thể nói cả sáu kinh [của Nho gia] đều là chú giải của kinh Dịch. Kinh Dịch giảng về duyên khởi của vũ trụ như sau: *"Thái Cực sanh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái, Bát Quái sanh vạn vật"*[4], cũng rất có trật tự, cũng mạch lạc, chẳng rối ren. Người Trung Quốc không nói tới thần thoại [sáng tạo thế gian], không nói có một người nào an bài [vũ trụ]. Cách quan sát này hết sức gần gũi với cách quan sát trong Phật pháp.

Nhưng không có lời nói và văn tự, sẽ không có cách nào thể hiện những chân lý trong vũ trụ, không có cách nào truyền đạt khiến cho người khác cũng có thể quán sát giống như vậy. Vì thế, lời nói, văn tự rất quan trọng. Thuở Phật tại thế, lấy âm thanh làm giáo thể, Giáo là dạy học, dùng gì để dạy học? Dùng ngôn ngữ. Sau khi Phật diệt độ, hàng đệ tử kết tập tất cả những lời Phật nói, ghi chép thành kinh điển. Hiện thời, chúng ta học Phật dùng kinh điển làm sách giáo khoa. Nhất là trong thời đại hiện tại, nhất định phải ghi nhớ Tứ Y Pháp của Phật. *"Y pháp, bất y nhân"*: Pháp là kinh điển, phải lấy kinh điển làm căn cứ, đối với kinh điển, tin sâu chẳng nghi, phải tích cực nghiên cứu, tu học. Chúng ta muốn hiểu rõ nghĩa chân thật của vũ trụ nhân sinh, hiểu rõ chân lý thật sự ấy thì nhất định phải đọc kinh, phải nghiên cứu. *"Hoán nhiên khả quán"* (rõ ràng có thể thấy được): *"Hoán nhiên"* có nghĩa là hết sức rõ ràng, giống như ánh lửa, ánh sáng của ngọn lửa có độ sáng rất lớn, từ đằng xa cũng có thể trông thấy được.

---

5. Khởi nghiệp tướng: Do chấp vào danh xưng, khái niệm, học thuyết, quan niệm, dấy khởi thân miệng, tạo đủ mọi thứ ác nghiệp.

6. Nghiệp hệ khổ tướng: Do bị nghiệp thiện ác trói buộc mà cảm lấy khổ quả sanh tử, chẳng được tự tại.

Trong sáu tướng này, bốn tướng đầu là Hoặc Nhân (nhân tạo nên phiền não), tướng thứ năm là Nghiệp Duyên, tướng thứ sáu là Khổ Quả.

[4] Thái Cực là khởi thủy của vũ trụ theo kinh Dịch, là lúc vũ trụ chưa phân cực (tạo thành đối lập). Thái Cực thường được biểu diễn bằng một vòng tròn rỗng (Vô Cực Đồ). Những đồ hình vẽ Thái Cực gồm hai phần đen và trắng gọi là Thái Cực Âm Dương Đồ. Lưỡng Nghi là trạng thái của Thái Cực đã phân thành hai khái niệm đối lập, tức Âm và Dương. Nếu chỉ hiểu theo hình tướng thì Lưỡng Nghi được tượng trưng bằng trời và đất. Tứ Tượng là bốn hình tượng căn bản trong vũ trụ gồm Thanh Long, Bạch Hổ, Châu Tước, Huyền Vũ, tượng trưng cho bốn phương, bốn mùa, đồng thời tượng trưng cho Thái Âm, Thái Dương, Thiếu Âm, Thiếu Dương. Bát Quái là tám biểu tượng tượng trưng cho các trạng thái, hình dáng của mọi vật trong thế gian.

(Diễn) Nhiếp giả, nhiếp trì nhất thiết chúng sanh. Nhược vô ngữ ngôn, bất năng khai hiểu chúng sanh xuất sanh tử hải, cố vân Nhiếp.

(演)攝者，攝持一切眾生。若無語言，不能開曉眾生出生死海故云攝。

*(**Diễn**: Nhiếp là thâu giữ hết thảy chúng sanh. Nếu không có ngôn ngữ, sẽ chẳng thể chỉ bày khiến cho chúng sanh thông hiểu, thoát khỏi biển sanh tử, nên gọi là Nhiếp).*

"Nhiếp" (攝) là *"nhiếp trì nhất thiết chúng sanh"*. Nói đơn giản, Nhiếp giống như một sức mạnh mà chúng ta gọi là "sức hấp dẫn". Quý vị không tiếp xúc sẽ chẳng thể cảm nhận được. Hễ tiếp xúc rồi sẽ thường mong được thân cận, muốn bỏ cũng chẳng được, có ý vị như thế thì gọi là Nhiếp. Kinh điển quả thật là như thế. Nếu quý vị mở quyển kinh ra, đúng là muốn bỏ chẳng được. Xem một lần hoan hỷ, xem lần thứ hai càng hoan hỷ hơn, xem mười lần, hai mươi lần, một ngàn lần, một vạn lần, xem vĩnh viễn chẳng chán. Đó là Nhiếp. Quý vị đọc báo chí, xem một lần xong, còn có thể đọc lần thứ hai hay không? Vì sao? Những loại văn chương ấy không có chữ Nhiếp này. Nhiếp là muốn bỏ mà chẳng thể được, vì sao kinh Phật có sức mạnh lớn như thế? Vì trong kinh có vô lượng nghĩa. Đọc một lần phát hiện đôi chút, đọc lần nữa, lại phát hiện một chút nữa. Đọc mỗi ngày đều có phát hiện mới, không chết cứng mà sống động. Kinh có cách giảng nhất định hay chăng? Thưa quý vị, kinh không có cách giảng nhất định, vì nếu có cách giảng nhất định sẽ trở thành chết cứng. Ở nơi đây, chúng tôi giảng bộ kinh này, lần thứ nhất là ý nghĩa này, lần thứ hai lại là một ý nghĩa mới, lần thứ ba lại là một ý nghĩa mới khác nữa; mỗi lượt đều khác nhau. Nếu mỗi lần giảng đều dùng văn Bạch Thoại để chép lại sẽ chết cứng. Thứ [văn chương] chết cứng ấy không có sức Nhiếp, mà Thường và Pháp cũng chẳng có, nhiều nhất chỉ được Quán. Trong bốn ý nghĩa chỉ có được ý nghĩa này, ba thứ kia đều không có. Do vậy, mỗi lượt giảng kinh đều có ý nghĩa mới.

Kinh Phật có cách giảng nhất định hay chăng? Không có cách giảng nhất định! Kinh Phật không có ý nghĩa[5], Bát Nhã vô tri, chúng ta bàn nói,

[5] *"Không có ý nghĩa"* ở đây không phải là hoàn toàn vô nghĩa (nonsense), mà là không có ý nghĩa cố định, không chấp chặt, không giáo điều, mà là uyển chuyển, tùy theo căn tánh của mỗi người sẽ lãnh ngộ vô lượng ý nghĩa khác nhau. Dĩ nhiên mỗi một bộ kinh có những giáo nghĩa nhất định, nhưng tùy theo căn tánh sẽ triển khai, lãnh hội vô lượng ý nghĩa từ những giáo nghĩa căn bản ấy. Chẳng hạn, cùng bộ kinh Di Đà này,

thảo luận: Vô lượng nghĩa, không có gì chẳng biết. Do vậy, học Phật chẳng thể chấp chết cứng vào mỗi dòng văn tự, đừng chấp chết cứng nơi ngôn ngữ, muôn vàn phần chớ nên chấp trước. Nhất định phải nhớ lời dạy của Mã Minh Bồ Tát trong Khởi Tín Luận, *"ly ngôn thuyết tướng, ly danh tự tướng, ly tâm duyên tướng"*. Ly tâm duyên tướng là trong tâm chẳng dấy lên ý nghĩ, chẳng động niệm, không phân biệt, không chấp trước, nghe rất rõ ràng, nghe thông suốt. Nghe pháp như thế sẽ khai ngộ. Nghe không hiểu [bèn vọng tưởng] "tôi suy tưởng sẽ hiểu ngay", càng nghĩ càng hỏng bét! Suy tưởng là rớt vào thức thứ sáu, rớt vào vọng tưởng. Vọng tưởng thì làm sao khai ngộ cho được? Vọng tưởng chướng ngại ngộ môn, chẳng thể khai ngộ. Ngộ là vừa tiếp xúc liền hiểu rõ rỗng rang, đó là Ngộ. Hễ thông qua suy nghĩ, phán xét, sẽ rớt vào tâm ý thức. Khai ngộ kiểu đó là Thế Trí Biện Thông, chẳng phải là thật sự khai ngộ. Thật sự khai ngộ chẳng dùng tới tâm ý thức. Nếu quý vị lìa tâm ý thức để đọc kinh thì ý vị vô cùng, đúng là khoái lạc khôn sánh. Do vậy, kinh Phật có sức nhiếp trì hết thảy chúng sanh.

"Nếu không có ngôn ngữ, sẽ chẳng thể chỉ bày làm cho chúng sanh thông hiểu, vượt thoát biển sanh tử, nên gọi là Nhiếp": Phật nhiếp thọ chúng sanh là dùng ngôn giáo nói với thế giới Sa Bà, chúng sanh trong thế giới Sa Bà, Nhĩ Căn nhanh nhạy nhất. Do vậy, dùng âm thanh làm Phật sự. Chúng ta đọc, chẳng nhìn thấy rõ ràng, còn nghe sẽ dễ dàng giác ngộ, dễ thấu hiểu. Thích Ca Mâu Ni dạy học tại Ấn Độ, Khổng Tử dạy học tại Trung Quốc, đều lấy âm thanh làm giáo thể.

(Diễn) Thiên diệp lương quy, bách linh thường quỹ, thuyên chân lợi vật, mục vi Kinh dã.

(演)千葉良規，百靈常軌，詮真利物，目為經也。

*(**Diễn:** Khuôn phép tốt lành trên ngàn cánh sen, đường lối thường hằng của bách linh, nói lẽ chân, lợi ích chúng sanh, thì gọi là Kinh vậy).*

Mấy câu này là tổng kết, chữ *"thiên diệp"* chỉ Lô Xá Na Phật, tức là như kinh Phạm Võng nói, Lô Xá Na Phật ngồi trên hoa sen ngàn cánh. *"Lương quy"* là khuôn mẫu tốt đẹp nhất, tức là kinh điển. Chữ *"bách linh"* chỉ Phật, Bồ Tát, cho đến hết thảy thiên long bát bộ muốn xuất ly tam giới, muốn phá mê khai ngộ, đều phải nương theo kinh điển. Lời nói, văn tự là pháp phương tiện. Trong những pháp phương tiện, có những điều

---

có người không hiểu được vô lượng ý nghĩa, chỉ nghĩ nó là truyện thần thoại dành cho ông già bà cả, hay chuyên để tụng trong đám ma cho đỡ tốn thời gian!

chân thật, thì gọi là *"thuyên chân"*. Pháp thế gian thường nói *"văn dĩ tải đạo"* (văn có thể chở đạo), đạo là thật, đạo ở chỗ nào? Đạo ở trong văn, nhưng phải hiểu: Văn trọn chẳng phải là đạo, đạo quả thật ở trong văn, nhưng văn lại chẳng phải là đạo. Đạo thật sự ở trong ngôn ngữ, nhưng ngôn ngữ chẳng phải là đạo. Quý vị phải thấu hiểu ý nghĩa này.

Giống như tấm bia chỉ đường. Bia chỉ đường đặt nơi nào đó, chỉ về con đường nào thì gọi là đường đó; nhưng tấm bia ấy hoàn toàn chẳng phải là con đường, mà để chỉ phương hướng. Quý vị đi theo phương hướng ấy, nhất định sẽ đến được con đường ấy. Kinh Lăng Nghiêm nói đến chuyện chỉ mặt trăng, ngón tay dùng để chỉ không phải là mặt trăng; dõi theo ngón tay chỉ, nhất định sẽ có thể thấy được mặt trăng. Thiền Tông có bộ sách Chỉ Nguyệt Lục. Lời nói, văn tự là "ngón tay", quý vị muốn điều gì? Muốn thấy mặt trăng, chứ đâu có muốn ngón tay! Lìa khỏi ngón tay ấy, quý vị sẽ chẳng thấy được mặt trăng, ắt phải dựa vào ngón tay ấy để ngộ được vầng trăng. Phật pháp là như vậy đấy. Do vậy, quý vị học Phật thì phải học pháp chân thật, ắt cần đến lời nói, cần đến văn tự. Lục Tổ đại sư không biết chữ, nhưng là người thật sự đạt được mặt trăng. Không biết chữ đương nhiên chẳng thể giảng kinh, nhưng quý vị cầm kinh đọc cho Ngài nghe, Ngài sẽ giảng cho quý vị nghe, có thể giảng cho quý vị khai ngộ. Sự cao minh ấy gọi là *"giảng kinh thật sự"*.

Người chẳng biết giảng kinh đem bộ kinh này giảng đến mức hoa trời rơi tán loạn, khiến cho thính chúng càng nghe càng mê hoặc, càng nghe càng điên đảo, người ấy chẳng phải là khéo nói! Người khéo nói, chỉ miêu tả sơ sài sẽ khiến quý vị "đại triệt đại ngộ", biết giảng là như vậy đấy! Như thế nào thì mới biết giảng? Ắt phải là chính mình đã thật sự chứng thì quý vị mới biết. Chính mình chưa thật sự thấy, mò mẫm theo văn tự thì làm sao thật sự có cái gì để ban tặng, chỉ dạy người khác? Làm chẳng được chuyện ấy! Do có những thứ chân thật trong ấy, có thể làm cho người khác ngộ nhập, đó gọi là *"lợi vật"*. Chữ *"vật"* sử dụng rất khéo, chẳng nói là *"lợi người"*. Nếu nói nhân hoặc nhân thiên thì trong mười pháp giới chỉ bao gồm hai loại, chẳng thể bao gồm những pháp giới khác. Nói *"vật"* thì toàn bộ hữu tình chúng sanh đều bao gồm trong ấy. Có như vậy thì mới có thể gọi là Kinh.

Kinh ắt phải hội đủ bốn điều kiện Thường, Pháp, Quán, Nhiếp. Học thuật, văn chương, ngôn thuyết thế gian đạt tới tiêu chuẩn tối cao thì chỉ có thể đạt được một trong bốn tiêu chuẩn này tức là Quán, chứ ba điều kia không hề có. Sách thế gian dẫu hay đến mấy, đọc mãi cũng chán, đọc đến cuối cùng chẳng muốn xem nữa. Vì sao vậy? Ý nghĩa có khi hết, chẳng

giống như kinh Phật: Ý nghĩa trong kinh Phật không hề cùng tận, càng đọc càng vui sướng. Chúng ta trình độ nông cạn, đọc sách Khổng Tử một lượt, hai lượt sẽ ngủ gục, [cảm thấy] khô khan, vô vị. Đọc kinh Phật càng chẳng cần phải nói nữa, do nguyên nhân nào? Chưa thấu hiểu được ý vị ấy, không thưởng thức được! Đưa đường ngọt ngào cho quý vị, vừa nếm liền cảm nhận ngay, khá lắm! Học sinh tiểu học đọc sách dành cho cấp tiểu học cảm thấy rất hứng thú, nhưng học sinh trung học chẳng muốn xem, không có ý vị gì hết! Kinh Phật đạt tiêu chuẩn tối cao trong hết thảy các thứ sách vở, xưa nay, những vị tổ sư đại đức sợ chúng ta chẳng đủ trình độ, chẳng thể thưởng thức pháp vị, nên soạn thêm chú giải nhằm giúp đỡ. Vẫn sợ chú giải còn quá sâu, quý vị vẫn chưa thể thưởng thức ý vị được; vì vậy, lại viết chú giải cho sách chú giải. [Do đó], đã có Sớ lại còn có Sao, lại có Diễn Nghĩa, giải thích theo từng tầng một. Sợ các vị đồng học vẫn chưa thưởng thức được ý vị, tôi thưởng thức đôi chút, bèn thưa trình cùng quý vị tại nơi này, không gì chẳng nhằm khuyên dụ, hướng dẫn quý vị đích thân thưởng thức pháp vị thì quý vị mới thật sự đạt được *"pháp hỷ sung mãn"*.

(Diễn) Hựu thử kinh, Đường dịch vi Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh, kim vi thử danh giả, dĩ Phật danh nhân sở nhạo văn, hựu nhất thiết công đức, ngôn Phật tiện châu cố.

(演)又此經，唐譯為稱讚淨土佛攝受經。今為此名者，以佛名人所樂聞，又一切功德，言佛便周故。

*(**Diễn**: Lại nữa, bản dịch đời Đường đề tên kinh này là Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh, nay kinh mang tên này (Phật Thuyết A Di Đà Kinh) là dùng danh hiệu của vị Phật mà mọi người thích nghe [để đặt tên]. Hơn nữa, đối với hết thảy công đức, hễ nói "Phật" thì sẽ trọn đủ).*

Đây là nói về kinh này. Bản kinh là [được dùng để chú giải ở đây] do Cưu Ma La Thập đại sư dịch vào đời Diêu Tần. Khi Huyền Trang đại sư sang Ấn Độ, mang theo thái độ hoài nghi ra đi. Ngài đúng là một vị có chuẩn mực học vấn cũng như tu hành cao nhất. Kinh điển dịch từ tiếng ngoại quốc sang tiếng Hán, nếu lỡ dịch sai, chúng ta chiếu theo đó tu học, chẳng phải là oan uổng ư? Tuy người phiên dịch tội lỗi vô lượng, bản thân chúng ta chịu thiệt thòi quá lớn. Hiện thời, bao nhiêu người hoài nghi kinh Phật. Những bản dịch thời ấy rốt cuộc là đáng tin tưởng hay không? Do vậy, hiện thời có những người muốn tìm kinh điển bằng tiếng Phạn để đọc, đọc trực tiếp từ nguyên bản. Thật ra, tìm được nguyên văn kinh điển

rồi, quý vị đọc có hiểu hay chăng? Tuy đọc thông suốt văn tự, nhưng ý nghĩa nằm ngoài ngôn ngữ, chẳng thuộc trong văn tự, sẽ phiền phức rất lớn. Huyền Trang đại sư mang nỗi hoài nghi ấy, sợ cổ nhân như La Thập đại sư phiên dịch chẳng đáng tin cậy cho lắm, nên đích thân sang Ấn Độ, ở lại Ấn Độ suốt mười bảy năm. Thời gian ra đi và trở về tổng cộng mười chín năm. Thuở ấy, cưỡi ngựa, đi đường bộ, giao thông chẳng thuận tiện, từ Ấn Độ đến [kinh đô] Trường An của Trung Quốc gần như đi mất một năm mới tới nơi, đi về mất mười chín năm. Ngài trở về, đối với kinh điển do cổ đức đã dịch chẳng nói một câu nào, hoàn toàn chính xác. Nguyên bản kinh A Di Đà, tức bản tiếng Phạn, tại Ấn Độ Ngài đã từng xem, cũng đem về, chính mình cũng phiên dịch một lượt. Kinh dùng để phiên dịch lần này là cùng một bản tiếng Phạn [với bản của ngài La Thập dịch], Huyền Trang đại sư dịch một lần nữa mang tựa đề là Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh. Nguyên bản giống nhau, do hai người dịch nên lời dịch khác nhau, nhưng ý nghĩa trong ấy quyết định là giống nhau.

Con người hiện thời đúng là *"cang cường nan hóa"* (ương ngạnh, khó giáo hóa) như kinh Địa Tạng đã nói, cảm tình quá nặng, đấy chính là căn bản của luân hồi sanh tử. Lần này chúng tôi đặc biệt in bản chú giải kinh A Di Đà của Khuy Cơ đại sư cúng dường quý vị, Ngài chú giải rất hay. Tôi biếu tặng bản chú giải ấy là vì còn có một ý nghĩa sâu xa hơn: Nhắc nhở quý vị *"y pháp, bất y nhân"*. Ngài Huyền Trang là thân giáo sư của ngài Khuy Cơ, tức là thầy ngài Khuy Cơ. Khuy Cơ là đồ đệ đắc ý nhất của Huyền Trang đại sư, là người kế thừa. Thầy phiên dịch kinh A Di Đà, Ngài muốn soạn chú giải, chọn dùng bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập, chẳng dùng bản dịch của thầy mình. Nếu là hiện thời, nhất định thầy sẽ rất cáu kỉnh: "Đối với bản dịch của ta, ngươi là đồ đệ, chú giải kinh bèn chẳng dùng bản dịch của ta, lại dùng bản dịch của Cưu Ma La Thập để làm chi? Khác nào chê bản dịch của ta không bằng bản dịch của Cưu Ma La Thập?" Bản chú giải ấy cũng được Huyền Trang đại sư vui vẻ chấp nhận, không nổi nóng, không trách móc. Ngài Khuy Cơ chẳng dùng bản dịch của thầy, mà dùng bản dịch của Cưu Ma La Thập, đấy là *"y pháp, bất y nhân"*. Trong hiện tại, nhất định Ngài sẽ dùng bản dịch của thầy, chẳng dùng bản dịch của cổ đại đức, vì sao? Thói quen tình cảm mà! Theo thói quen tình cảm sẽ chẳng thể liễu sanh tử được!

Lão nhân gia thị hiện như vậy nhằm dạy chúng ta *"y pháp, bất y nhân"*. Bản dịch của thầy cũng hay như bản dịch của cổ nhân. Tuy hay như nhau, nhưng bản của cổ nhân đã được lưu thông, vậy thì dùng bản của cổ nhân. Bản dịch của Huyền Trang đại sư được đưa vào Đại Tạng Kinh,

chứ không lưu thông riêng lẻ. Điều này ban cho bọn chúng sanh đời sau như chúng ta một khải thị rất lớn: Ngày nay chúng ta bái một vị nào làm thầy, thầy trò khó thể chia cắt. Quý vị thấy người ta như thế nào? Người ta hết thảy vì pháp, như vậy là đúng. Do vậy, ở chỗ này đặc biệt nêu ra: [Kinh này] có bản dịch khác của Huyền Trang đại sư, Phật vốn đặt tên cho kinh này Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh, ý nghĩa nguyên thủy trong tiếng Phạn là như vậy; nhưng La Thập đại sư chẳng dùng tựa đề kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã đặt, Ngài dùng danh hiệu A Di Đà Phật làm tựa đề kinh. Đấy là một sáng tạo của La Thập đại sư. Ngài phiên dịch rất nhiều kinh, đều chiếu theo tên kinh do đức Phật đã đặt, chỉ khi dịch kinh này, Ngài hoàn toàn chẳng dùng tên kinh do đức Phật đã đặt, mà tự mình lấy danh hiệu A Di Đà Phật để đặt tên kinh. Đây cũng là một kiến giải đặc biệt, độc đáo của Ngài.

Ngài có lý riêng, đạo lý gì vậy? *"Phật danh nhân sở nhạo văn"* (danh hiệu của vị Phật được mọi người thích nghe): Nhạo (樂) là yêu thích. Danh hiệu A Di Đà Phật được mọi người thích nghe, thích niệm, yêu thích ý nghĩa sau đây: Vô Lượng Giác. Chúng ta niệm danh hiệu vị Phật này tức là trong mỗi niệm nhắc nhở chính mình phải giác chứ đừng mê. Ví như mắt của chúng ta thấy Sắc, khởi lên một niệm tâm tham, liền A Di Đà Phật! Đấy là vô lượng giác. Tâm tham là mê, một câu A Di Đà Phật, tâm tham chẳng còn nữa, giác rồi, giác là chẳng mê nữa. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, vừa mới khởi tâm động niệm, bèn A Di Đà Phật! Ngay lập tức vọng niệm ấy bị đè xuống. Đấy là vô lượng vô biên công đức. Do vậy, danh hiệu Phật là tu hành, nhắc nhở bản thân quý vị thời thời khắc khắc, ở bất cứ nơi đâu, thuận cảnh hay nghịch cảnh đều phải giác, đừng mê.

"Hựu nhất thiết công đức, ngôn Phật tiện châu cố" (Lại nữa, hết thảy công đức, hễ nói Phật sẽ trọn đủ). Phật chứng được công đức viên mãn rốt ráo. Phật là gì? Phật là giác, trong giác tánh vốn sẵn trọn đủ hết thảy công đức. Lý và Sự đều phải hiểu rõ. Trên mặt Sự, chúng ta trông thấy tượng Phật, lập tức hiểu rõ, phải giác ngộ, phải cầu giác ngộ. Phật tượng trưng cho Giác, A Di Đà Phật tượng trưng Vô Lượng Giác. Giới thiệu tựa đề kinh đến đây. Ở đây là nói đại lược, trong phần sau sẽ nói cặn kẽ.

(Diễn) Sớ giả, sớ dã, thông dã.

(演) 疏者，疏也，通也。

*(**Diễn**: Sớ là giải thích, làm cho thông suốt).*

"Sớ" là giải thích thông suốt.

(Diễn) Vị kinh trung nghĩa lý thậm thâm vi diệu.
(演) 謂經中義理甚深微妙。
(***Diễn****: Ý nói nghĩa lý trong kinh vi diệu rất sâu).*

Đây là sự thật, câu này chẳng sai tí nào.

(Diễn) Vị dị khuy trắc cố.
(演) 未易窺測故。
*(**Diễn**: Chưa dễ suy lường để thấu hiểu đôi chút được).*

Người thường đúng là không có cách nào thấu hiểu; vì vậy, trong kinh Hoa Nghiêm có chép: *"Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạc năng giải"* (Phật pháp không có ai nói, dẫu là người có trí cũng chẳng thể hiểu được). Trí ấy chính là Thế Trí Biện Thông. Những người như tiến sĩ trong thế gian cũng chẳng hiểu Phật pháp, vì sao? Vì những vị tiến sĩ rớt vào tâm ý thức, họ là phàm phu. Phật pháp là lìa tâm ý thức; ngôn ngữ và văn tự của Phật pháp từ trong Chân Như bổn tánh lưu lộ. Người thông minh trí huệ trong thế gian dùng tâm ý thức; công năng của ý thức hết sức lớn, đối với bên ngoài, nó duyên tận hư không, khắp pháp giới, đối với bên trong, nó duyên tới thức thứ tám, nhưng chẳng thể duyên bổn tánh. Do vậy, dùng cái tâm ý thức để tu hành sẽ chẳng thể kiến tánh. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật nói rất hay: Dùng cái tâm ý thức để tu hành, tu chính xác nhất, không đi sai đường, đúng lý, đúng pháp, chỉ có thể chứng đắc A La Hán hay Bích Chi Phật mà thôi, chẳng thể thấy tánh. Điều này giảng rõ vì sao kẻ Thế Trí Biện Thông chẳng hiểu Phật pháp. Đừng nói là kẻ Thế Trí Biện Thông trong nhân gian không có cách nào hiểu, ngay cả chư thiên thông minh trí huệ cũng không có cách nào! Vậy thì, ai có thể nói được? Người minh tâm kiến tánh, người như vậy sẽ nói được, không sai! Người ấy thật sự thông đạt, vì sao? Chính người ấy chứng đắc. Phật thấy được tánh, người ấy cũng thấy được. Phật thấy viên mãn, còn người ấy thấy một phần, hai phần, vẫn là thật, chẳng phải giả. Do vậy, người ấy và Phật có cùng một tri kiến, chánh tri, chánh kiến. Người như vậy mới có thể giảng kinh, mới có thể chú giải kinh.

Từ trước đến nay, cổ đức chẳng dám khinh dễ cất bút chú giải kinh điển, vì sao? Sợ trách nhiệm nhân quả, sợ sai một chữ chuyển ngữ phải đọa làm thân chồn hoang năm trăm đời. Lầm một chữ mà phải chịu quả

báo lớn như vậy, nếu sai lầm ý nghĩa thì sẽ như thế nào đây, không xong rồi! Trước kia, người ta tin nhân quả, sợ nhân quả, cho nên chú tâm cẩn thận. Thật sự có ngộ xứ, có kiến địa, thấy tánh rồi mới dám [chú giải]. Sau khi minh tâm kiến tánh, quý vị nhất định phải hoằng kinh. Quý vị không hoằng kinh thì chẳng xứng với chư Phật, Bồ Tát. Chưa đạt đến trình độ ấy thì quý vị phải tự tu, đấy là Bồ Tát. Sau khi đã đến trình độ ấy, nhất định phải lợi ích chúng sanh, phải lưu thông đại pháp. Đó gọi là Bồ Tát đạo, là Bồ Tát hạnh.

Giảng kinh cũng giống như vậy, không có kiến địa sẽ chẳng thể giảng. Đến hiện tại thì sao? Người giảng kinh chúng ta có phải là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh hay chưa? Chưa hề! Chưa hề thì đúng là to gan làm càn rồi, cũng giảng kinh ở nơi đây. Thật ra, chúng tôi ở trên giảng đài đã nhiều năm như vậy, đã sớm nói rõ ràng với quý vị: Tôi không phải là giảng kinh mà là học kinh, không dám nói là "giảng", mà là đang học tập. Cách học tập như thế nào? Chiếu theo lời cổ đức chú giải để giảng, chẳng phải là giảng kinh, mà là giảng lời chú giải của cổ nhân. Lời chú giải của cổ nhân viết bằng văn Văn Ngôn, chúng tôi dùng ngôn ngữ thông thường để chuyển thành văn Bạch Thoại, trên giảng đài chỉ dịch lại lời cổ nhân mà thôi, chẳng dám nói là giảng kinh, đương nhiên cũng chẳng dám nói tới chuyện chú giải kinh.

(Diễn) Dĩ sớ sớ thông, sử vô nghi trệ dã.

(演) 以疏疏通，使無疑滯也。

*(**Diễn**: Dùng lời sớ để giải thích thông suốt, khiến cho [người đọc kinh] không bị nghi ngờ, vướng mắc [đối với những ý nghĩa rất sâu vi diệu ấy])*

Nghĩa lý rất sâu, dùng lời sớ để giải thích thông suốt, dùng lời sớ để giúp chúng ta phá trừ nghi hoặc, thúc đẩy chúng ta hướng thượng, chẳng đến nỗi ở lỳ trong cảnh giới ấy.

(Diễn) Hựu diệc sớ lý chi nghĩa, cổ vân: "Nhân hữu phát hề, đán đán sớ lý, thân hữu tâm hề, hồ bất như thị".

(演)又亦疏理之義。古云，人有髮兮，旦旦疏理，身有心兮，胡不如是。

*(**Diễn**: Lại nữa, Sớ còn có nghĩa là "chải gỡ, sắp xếp". Cổ nhân nói: "Người có đầu tóc, chải gỡ mỗi sáng, thân có cái tâm, sao chẳng làm vậy?").*

Đây là dùng tỷ dụ để nói. Cổ nhân thường để tóc dài, hằng ngày phải chải gỡ đầu tóc; chẳng chải đầu, tóc sẽ rối bù. Quý vị biết chải gỡ đầu tóc cho gọn gàng tề chỉnh, quý vị có tâm thì trong tâm từ sáng đến tối ngàn muôn đầu mối, rối loạn lung tung, còn phiền phức hơn là đầu tóc, vì sao chẳng chải, chẳng gỡ? Chữ Sớ mang ý nghĩa ấy! Quý vị hãy chỉnh sửa những loạn tưởng khiến cho tâm có lớp lang, thứ tự.

(Diễn) Kim nãi sớ lý kinh trung áo lý, sử nhân đắc khai thông tâm địa dã.

(演) 今乃疏理經中奧理，使人得開通心地也。

*(**Diễn**: Nay bèn sắp xếp gọn gàng những lý uyên áo trong kinh khiến cho tâm địa con người được khai thông).*

Đây là nói rõ ý nghĩa vì sao cổ nhân viết Sớ: Nhằm sắp xếp, hệ thống những đạo lý uyên áo, nhiệm mầu trong kinh, xếp đặt mạch lạc từng điều một nhằm giới thiệu với chúng ta, khiến cho bọn hậu học chúng ta đọc xong sẽ tâm khai, ý giải, hiểu rõ thông suốt những nghĩa lý trong kinh. Chữ Sớ mang ý nghĩa này, tức là chú giải kinh vậy.

(Diễn) Sao giả, sao lược dã.

(演) 鈔者，抄略也。

*(**Diễn**: Sao là chú giải sơ lược).*

"Sao" là chú giải giản lược, không phải là chú giải cặn kẽ. Chú giải giản lược gọi là Sao, tức là ghi chép lặt vặt, viết bút ký.

(Diễn) Tùy thuận bổn sớ lược gia giải thích.

(演) 隨順本疏略加解釋。

*(**Diễn**:Thuận theo lời sớ giải chánh yếu mà giải thích sơ lược thêm).*

Do Sớ là chú giải kinh, sợ trong lời Sớ còn có chỗ khó hiểu, bèn chú giải giản lược những câu, chữ khó, tức là chú giải lời chú giải. *"Sớ"* nhằm chú kinh, tức là chú giải lời Kinh. *"Sao"* nhằm chú sớ, tức là chú giải lời Sớ.

(Diễn) Sử kinh sớ diệu nghĩa hoán nhiên băng thích dã.

(演) 使經疏妙義渙然冰釋也。

*(**Diễn**: Khiến cho những diệu nghĩa trong lời sớ giải kinh được sáng tỏ, rành mạch).*

Khiến cho chúng ta càng đọc càng hiểu rõ. Ngày nay chúng ta đọc Diễn Nghĩa, Diễn Nghĩa là chú giải lời Sao. Trong lời chú giải lại có lời chú giải nữa, tức là đối với lời chú giải lại có lời giải thích, tức là trong lời chú giải còn có lời chú giải, rồi từ bục giảng, chúng tôi lại giải thích thêm nữa, tức là bốn tầng chú giải. Cho thấy ý nghĩa trong kinh thật sự quá sâu, quá vi diệu. Do vậy phải chú giải nhiều lần. Chúng ta nhìn thấy rất phức tạp, nhưng có đầu mối, có mạch lạc. Chúng ta dùng công phu ba năm để đọc bộ A Di Đà Kinh này, ba năm không lâu đâu! Trong ba năm, quý vị thật sự thông đạt những nghĩa lý vi diệu rất sâu trong kinh A Di Đà, tín tâm kiên cố, đầy đủ ba món tư lương Tín - Nguyện - Hạnh, sẽ thành Phật trong một đời. Người ta thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, quý vị ba năm thành Phật, có pháp nào nhanh bằng như vậy? Trong cuốn Thông Tán Sớ, đại sư Khuy Cơ nói: *"Pháp môn này là đại pháp viên đốn, rất nhanh chóng"*. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp nào có thể thành tựu trong ba năm? Pháp môn này nhất định thành tựu trong ba năm! Quý vị có thể đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện, xưa nay những người tu hành pháp này ba năm thành công nhiều lắm. Tôi nói như vậy sẽ có những người lần sau không dám đến nữa, vì sao vậy? Ba năm sau phải chết rồi, thọ mạng chỉ còn ba năm, không dám đến đạo tràng này nữa, hoảng hồn bỏ chạy mất. Nói cách khác, quý vị vẫn còn tham luyến thế giới Sa Bà này, tuy cõi Cực Lạc của A Di Đà Phật tốt đẹp nhưng hiện thời vẫn chưa muốn sang đó, vẫn bằng lòng chịu tội nhiều năm ở nơi đây. Nơi kia, cơm áo tự nhiên, sống trong nhà cửa là cung điện bằng bảy báu, dưới đất chẳng phải là lát đá vụn mà là đất lưu ly. Mặt đường chẳng trải nhựa, mà lót bằng vàng ròng, vàng ròng làm đất. Nơi tốt đẹp như vậy vẫn chẳng muốn đến, còn có cách nào nữa đây?

Quý vị phải biết ba năm quyết định thành tựu, thành tựu như thế nào? Thành tựu là tự tại. Sau khi thành tựu muốn đi là đi, muốn ở lại bao nhiêu ngày sẽ ở lại bấy nhiêu ngày, đó là tự tại. Nói cách khác, sống chết chẳng còn nữa, đến đi tự do. Sau khi thành công, không ra đi chẳng phải vì lưu luyến thế giới này, mà là hy vọng dẫn thêm mấy người cùng đi. Một người ra đi rất tốt đẹp, ở bên đó sẽ hoan nghênh quý vị; dẫn cả một nhóm người đến đó, bên đó sẽ nồng nhiệt hoan nghênh đón tiếp quý vị, càng tốt đẹp hơn. Hy vọng sau khi quý vị thành công sẽ dẫn nhiều người đi theo, đấy là hoằng dương pháp môn này, khuyên khắp mọi người tu học pháp

môn này, sau khi tự lợi nhất định lợi tha. Chúng ta cầu nhất tâm bất loạn. Nếu chẳng thông đạt Lý, quý vị sẽ có chướng ngại, khó đạt được nhất tâm. Chẳng hiểu phương pháp, chẳng hiểu rõ cảnh giới, toàn bộ đều bị chướng ngại. Trong ba năm ấy, chúng ta phải giải quyết vấn đề, phải hiểu rõ lý luận, thật sự hiểu rành phương pháp, hiểu rõ cảnh giới. Thuận cảnh hay nghịch cảnh đều là Tăng Thượng Duyên để chúng ta tu học nhất tâm bất loạn thì trên con đường Bồ Đề chúng ta sẽ thuận buồm xuôi gió, không có bất lợi gì. Đấy là điều phải nên sốt sắng tu học. Tiếp theo đây, sách Diễn Nghĩa giảng chữ Quyển. Sớ Sao chỉ gồm bốn quyển, quyển thứ năm là Sự Nghi, hiện thời gọi [phần Sự Nghi] là tư liệu tham khảo.

(Diễn) Quyển giả, quyển hoài chi nghĩa, nhất trục chi trung bao hàm vô tận nghĩa lý, vô lượng pháp môn cố.

(演)卷者，卷懷之義，一軸之中包含無盡義理、無量法門故。

*(**Diễn**: "Quyển" nghĩa là cuốn lại, chứa đựng. Trong một quyển bao gồm vô tận nghĩa lý, vô lượng pháp môn).*

Sách thời cổ không đóng thành tập như hiện thời, [khi xưa] vẫn chưa có [cách ấy]. Thời Liên Trì đại sư, sách được đóng thành cuốn rất hiếm, phần lớn là [in thành một trang dài] cuộn lại, giống như những bức vẽ chữ (tự họa) được cuộn lại trong hiện thời, từng cuộn, từng cuộn một, nên gọi là *"quyển tử"*. Thời Đường - Tống, sách đều là quyển tử. Đổi quyển tử thành sách đóng thành từng tập thì cách đóng sách như vậy gọi là Phương Sách. Loại phương sách này đầu tiên được đóng bằng cách dùng chỉ khâu gáy từng trang. Từ quyển tử đổi thành phương sách, có thể nói là một cuộc đại cách mạng trong phương diện sách vở, ai làm điều này? Tử Bách đại sư đời Minh. Tử Bách đại sư đề xướng: Quyển tử chẳng dễ giữ gìn, hãy đổi thành phương sách. Kinh Phật đổi từ lối quyển tử sang phương sách do Hám Sơn đại sư mở đầu, Ngài đề xướng in Gia Hưng Tạng. Gia Hưng Tạng là Trung Hoa Đại Tạng Kinh được biên tập lần thứ hai, do Tử Bách đại sư khởi xướng, quyên mộ khắc ván, khắc xong, cứ mỗi một trang được đóng thành tập, gọi là Phương Sách Đại Tạng Kinh. Trước kia, kinh Phật là chiếp bản[6], đấy là cách thức ấn hành kinh Phật, cổ

[6] Chiếp bản là cách in thành một tờ giấy dài, có đánh số từng trang, xong xếp lại thành cuốn, hai đầu dán bìa cứng, nhưng không dùng chỉ khâu gáy. Hiện thời, cách này vẫn dùng để in một số kinh Phật, nhưng in hai mặt giấy.

nhân Trung Quốc sử dụng phương thức quyển tử. Do vậy, *"quyển"* là chữ được dùng vào trong thuở phiên dịch đầu tiên. Sau này tuy đã đổi thành cách phương sách, nhưng vẫn dùng chữ Quyển. Mỗi một quyển là một tập sách.

Trong một trục, vì quyển tử thì phải có trục, giống như cách chúng ta bồi tranh, phía dưới cùng có một cái trục, tức là có một cái lõi bằng gỗ ở giữa cho dễ cuốn lại, dễ bảo tồn, chẳng dễ dàng bị hư hoại. Vì vậy, *"nhất trục"* là một quyển. Trong một quyển kinh văn bao hàm vô tận nghĩa lý, vô lượng pháp môn. Hai câu này cũng chẳng nói quá lố, mà xác thực là như vậy. Trong lời khai thị của Ngẫu Ích đại sư, đã trích dẫn lời Liên Trì đại sư như sau: *"Nhất cú Di Đà cai la bát giáo, viên nhiếp ngũ tông"* (Một câu Di Đà bao trọn tám giáo, nhiếp trọn năm tông), tức là một câu A Di Đà Phật bao gồm toàn bộ Phật pháp. Bởi lẽ, ở Trung Quốc, nhắc tới Phật pháp, thường nói "Tông Môn và Giáo Hạ" sẽ bao gồm toàn bộ Phật pháp. Chữ "Tông Môn" chỉ Thiền Tông, ngoài Thiền Tông ra, [các tông phái khác] đều bao gồm trong Giáo Hạ. Ngũ tông là năm chi phái trong Thiền Tông, được hình thành sau thời Lục Tổ đại sư, như tông Lâm Tế, tông Tào Động... đều là Tông Môn. *"Bát giáo"* là nói theo cách phán giáo của ngài Thiên Thai: Hóa nghi tứ giáo và hóa pháp tứ giáo. Ngài phán định những pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm thành Tạng, Thông, Biệt, Viên. Tám giáo hóa nghi và hóa pháp bao gồm toàn bộ Phật pháp. Câu này chỉ rõ một câu A Di Đà Phật bao gồm tất cả Phật pháp trong ấy, chẳng sót một pháp nào.

Có mấy ai biết được cái hay của A Di Đà Phật? Người niệm Phật tuy đông, nhưng tu mù luyện đui, chẳng hiểu được chỗ hay trong pháp môn. Do vậy, rất khó thể thụ dụng. Người giảng bộ kinh này, thông thường giảng trong Phật thất hoặc trong pháp hội bảy ngày là giảng xong. Suốt bảy ngày, ngay cả tựa đề kinh chúng tôi còn chưa giảng xong, chỉ là giảng sơ sài mà thôi, giảng một lượt hàm hồ, mờ mịt như vậy thì cũng chẳng có cách nào hiểu rõ những nghĩa lý trong ấy. Xưa kia, trong cuốn Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông đề xướng, chủ trương: Nếu không giảng kinh thì thôi, hễ giảng thì nhất định phải giảng thật sâu, nhất định phải giảng cặn kẽ thì mới có thể làm cho người khác thụ dụng được. Nếu giảng sơ sài sẽ chỉ phù hợp với người căn tánh cao, tu hành lâu năm; chứ giảng cho hàng sơ học như chúng ta nhất định phải giảng sâu, phải giảng cặn kẽ, đừng sợ phiền!

Đại sư lại nói: *"Nhất đán vãng sanh, vĩnh vô thoái chuyển, chủng chủng pháp môn, hàm đắc hiện tiền"* (Một mai vãng sanh vĩnh viễn chẳng

thoái chuyển, các thứ pháp môn đều được hiện tiền). Mấy câu này là niềm an ủi không chi lớn hơn cho những kẻ thích nghiên cứu giáo pháp như chúng tôi. Chúng ta muốn học pháp này, học pháp nọ thì đến đâu để học? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng cần phải học trong thế gian này. Trong thế gian này, tìm không ra thầy tốt và bạn đồng tham tốt. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới học với A Di Đà Phật, học với các vị Bồ Tát, tuyệt đối chính xác, không sai lầm. Vì sao không khéo dành thời gian mấy năm để niệm Phật, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới hoàn thành học nghiệp của chính mình? Trong thế gian này, nhất định là trong thời hiện tại, kinh Lăng Nghiêm nói: *"Mạt Pháp thời kỳ, tà sư thuyết pháp như Hằng hà sa"* (Thời kỳ Mạt Pháp, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng). Quý vị có huệ nhãn gì để phân biệt tà hay chánh? Gặp một vị thầy tốt khó khăn lắm, chỉ có thể gặp, chứ chẳng thể cầu. Tà sư quá nhiều, chỗ nào cũng thấy, học Phật khó khăn lắm.

Vì sao chẳng chết sạch ý niệm so đo, khiêm hư sát đất niệm Phật? Niệm đến nhất tâm bất loạn, tâm địa thanh tịnh, quý vị liền có huệ nhãn và pháp nhãn. Nói cách khác, quý vị có năng lực phân biệt tà - chánh, thị - phi, chân - vọng; tâm chẳng thanh tịnh sẽ không có năng lực phân biệt. Đủ thấy nhất tâm rất trọng yếu! Nếu nói đến các pháp môn khác thì đức Phật dạy: *"Nhược nhân đản niệm Di Đà Phật, thị danh vô thượng thâm diệu Thiền"* (Nếu ai chỉ niệm Di Đà Phật thì gọi là vô thượng thâm diệu Thiền). Có rất nhiều người thích Thiền, coi thường niệm Phật, nghĩ Thiền là cao, chẳng hiểu niệm Phật còn cao hơn Thiền! Kinh Lăng Nghiêm gọi pháp môn Niệm Phật này là Lăng Nghiêm Đại Định, là pháp môn đặc biệt trong hội Lăng Nghiêm. Quý vị phải hiểu rõ: Những pháp môn đặc biệt được nêu ra trong kinh ấy, chẳng xếp theo thứ tự thuận. Những pháp xếp theo thứ tự thuận là pháp môn thông thường. Kinh Lăng Nghiêm có hai pháp môn đặc biệt:

- Một là Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương, nếu xếp theo thứ tự thuận, đáng lẽ phải xếp vào hàng thứ hai. Lục Căn, Lục Trần, Lục Thức, Thất Đại, xếp theo thứ tự ấy. Lục Căn là Nhãn, Nhĩ... Nhĩ Căn phải xếp vào thứ hai, nhưng lại rút pháp này ra, xếp vào cuối cùng, nhằm bảo với chúng ta đây là pháp môn đặc biệt.

- Pháp kia là Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, cũng là pháp môn đặc biệt. Trong Thất Đại, xếp theo thứ tự thuận là Căn Đại. Thất Đại là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức. Căn Đại là Kiến, đáng lẽ phải xếp trước Thức. Thức do Di Lặc Bồ Tát làm đại biểu. Đáng lẽ [phải xếp Đại Thế Chí Bồ Tát] trước Di Lặc Bồ Tát, nhưng lại để

ra sau. Hai pháp môn đặc biệt này nhằm dạy chúng ta: Chúng sanh trong thế giới Sa Bà căn tai lanh lợi nhất. Niệm Phật thỏa đáng nhất, chẳng phải đã chỉ ra minh bạch hay sao? Vì thế, Lăng Nghiêm Đại Định là gì vậy? Chính là pháp này. Đọc kinh Lăng Nghiêm mà chẳng hiểu Niệm Phật là Lăng Nghiêm Đại Định, oan uổng quá! Đọc kinh Hoa Nghiêm mà chẳng hiểu trong năm mươi ba lần tham học, môn tu học chánh yếu của Thiện Tài đồng tử là pháp môn Niệm Phật thì cũng rất oan uổng! Vị thiện tri thức thứ nhất của Thiện Tài đồng tử là tỳ-kheo Đức Vân dạy Thiện Tài niệm Phật. Cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc, một vị mở đầu, một vị kết thúc, đủ thấy đây là pháp môn tu học chủ yếu, từ đầu đến cuối chưa hề rời lìa.

Những môn khác là vô lượng vô biên pháp môn, lấy năm mươi mốt vị Bồ Tát làm đại diện, là những pháp môn trợ tu, dùng cũng được, không dùng cũng chẳng sao! Chẳng dùng thì một pháp môn này sẽ thành vô thượng đạo. Đọc kinh Hoa Nghiêm không thấy được đường nẻo này sẽ uổng công đọc kinh Hoa Nghiêm. Đọc Lăng Nghiêm mà chẳng hiểu pháp môn Niệm Phật, đọc Hoa Nghiêm mà chẳng biết Niệm Phật, đấy là không nhìn rõ ý nghĩa kinh, chưa niệm kinh thông suốt! Ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, tam tụ tịnh giới, lục độ, vạn hạnh, đều nằm trong một câu gồm bốn chữ A Di Đà Phật, môn nào cũng trọn đủ. Quý vị đắc Định, Định Cộng Giới, quý vị đắc nhất tâm bất loạn, Đạo Cộng Giới, lẽ nào chẳng trọn đủ? Chúng ta mới thật sự hiểu một câu A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn, mới thật sự chịu nắm chặt một câu A Di Đà Phật như giữ mạng căn, nhất thời, nhất khắc trọn chẳng buông lung. Hiểu được, nắm chắc điều này, trong một đời thành Phật, quyết định không nghi hoặc. Bây giờ đã hết giờ rồi.

Tập 3

Xin mở cuốn Hạ của bộ kinh, chúng ta đang đọc phần Nhân Đề.

(Diễn) Minh Cổ Hàng Vân Thê Tự sa-môn Châu Hoằng thuật.

(演) 明古杭雲棲寺沙門袾宏述 .

*(**Diễn:** Đời Minh, sa-môn Châu Hoằng chùa Vân Thê tại Cổ Hàng thuật).*

Đây là tác giả của bộ Sớ Sao. Liên Trì đại sư viết Sớ Sao, tựa đề trong nguyên bản ghi là *"hậu học Cổ Hàng Vân Thê Tự"*. Về sau, người khắc in do thấy đại sư là người đời Minh nên đã bỏ bớt hai chữ *"hậu học"*, thay bằng chữ Minh để [độc giả] vừa đọc liền biết ngay Ngài là người sống vào đời Minh.

(Diễn) Nhân đề trung, học giả, hiệu dã. Hậu giác giả, tất hiệu tiên giác chi sở vi. Cố cổ nhân hữu đại triệt chi hậu, nãi chung thân cư học địa giả. Kim đại sư tự xưng hậu học, diệc thử ý dã.

(演)人題中。學者，效也。後覺者，必效先覺之所為，故古人有大徹之後，乃終身居學地者。今大師自稱後學，亦此意也 .

*(**Diễn**: Trong phần Nhân Đề, "học" là phỏng theo. Kẻ hậu giác ắt sẽ noi theo hành động của bậc tiên giác (người giác ngộ trước). Vì thế, cổ nhân sau khi đại triệt, bèn suốt đời giữ địa vị là người cầu học. Nay đại sư tự xưng là "hậu học" cũng do ý này).*

Tiếp theo đó là giới thiệu Liên Trì đại sư. Trước hết, giảng ý nghĩa của chữ *"hậu học"*. *"Học"* cũng có nghĩa là giác, mà cũng có nghĩa là *"phỏng theo"* (bắt chước theo, làm theo). Kẻ hậu giác nhất định phải phỏng theo hành vi của bậc "tiên tri, tiên giác" (hiểu biết trước, giác ngộ trước). Hành vi của những vị ấy chính là cách thức để cầu giác ngộ. Vị ấy giác ngộ như thế nào? Chứng quả như thế nào? Những điều ấy đáng để chúng ta bắt chước làm theo, đáng để chúng ta học theo. Cổ nhân nêu gương tu học cho chúng ta: Sau khi đại triệt đại ngộ vẫn giống hệt như kẻ mới học; khiêm hư như thế đó, hiếu học như vậy đó, rất khó có. Chúng ta càng phải nên học theo điểm này, nhất định chớ nên "được chút ít đã cho là đủ", học được chút xíu đã tự cảm thấy ta rất ngon lành, cảm thấy bản

thân ta hơn hết thảy mọi người, ngạo mạn, ngông cuồng! Đấy chính là chướng ngại. Người thật sự hữu tu hữu học nhất định hết sức khiêm hư, mãi cho đến khi chứng địa vị Như Lai vẫn khiêm hư như thế, quý vị thấy có vị Phật nào chẳng khiêm hư hay chăng? Phàm những ai dính mắc tập khí ngạo mạn nhất định sẽ chẳng có thành tựu. Trong hết thảy các kinh, chúng ta chẳng thấy có vị Bồ Tát hay Phật nào ngạo mạn, ngay cả tập khí ngạo mạn cũng chẳng thấy. A La Hán có tập khí ngạo mạn, nhưng từ Bích Chi Phật trở lên đều không có, tuyệt đối chẳng vướng mắc tập khí ngạo mạn; nhưng những kẻ tu học về sau này, chúng ta thường thấy họ ngạo mạn đầy dẫy. Phải đặc biệt tự mình kiểm điểm, thường là [chính mình] chẳng hay chẳng biết, dường như là học vấn tăng trưởng một phần thì ngã mạn cũng tăng trưởng một phần, đích xác là có trường hợp như vậy.

Thậm chí, chúng tôi còn nghe nói trong thế gian thật sự có chuyện như thế này: Con cái coi thường cha, cha không biết chữ, làm ruộng, vun vén cho con cái tốt nghiệp đại học. Con cái tự cảm thấy mình giỏi giang quá, cha chẳng hiểu biết gì hết, chưa từng đi học; [con cái] trở về nhà, ngay cả cha mẹ cũng xem thường. Quý vị hãy suy nghĩ: Học vấn của gã ấy là gì vậy? Làm cho cha mẹ hối hận không kịp. Thuở ấy, giá mà bảo con đi làm ruộng sẽ tốt hơn, nó còn biết hiếu thuận với cha mẹ. Đâu ngờ học vấn càng cao, tròng mắt sẽ dần dần trợn ngược lên đỉnh đầu, chẳng thấy ai hết! Tập khí phiền não ngày càng tăng trưởng. Đấy chẳng phải là học vấn! Tục ngữ thường nói: *"Học vấn thâm thời, ý khí bình"* (Khi học vấn sâu xa, ý chí, tánh tình bình ổn), đấy mới là học vấn thật sự. Đương nhiên [kẻ ngạo mạn] càng chẳng phải là giác ngộ như trong Phật pháp đã nói; kẻ mê hoặc điên đảo mới có tập khí tham, sân, si, mạn, người giác ngộ quyết định chẳng thể có tập khí ấy. Do vậy, kẻ mê, người giác, chúng ta có thể quan sát được! Hãy đặc biệt hồi quang phản chiếu, xét xem chính mình có thật sự giác ngộ hay chăng? Hay là mỗi ngày một mê sâu hơn? Điều này khẩn yếu đấy nhé! Liên Trì đại sư là nhân vật như thế nào? Nếu không phải là Phật tái lai thì cũng là Bồ Tát tái lai. Tuy chúng ta chẳng biết bổn địa của Ngài, nhưng xác thực Ngài chẳng phải là kẻ tầm thường. Ngài trở thành bậc *"nhất đại tổ sư"* trong thế gian mà vẫn khiêm hư như thế đó, xưng là *"hậu học"* cũng là do ý nghĩa này, phỏng theo cổ đại đức mà tự xưng là *"hậu học"*.

Trong phần Nhân Đề, nguyên bản ghi là *"hậu học"*, người đời sau sửa lại. Sửa lại cũng đúng; bởi lẽ, thuở ấy, Ngài xưng là hậu học thì chính xác, sau khi nhà Minh diệt vong là đến nhà Thanh, ắt phải ghi thêm triều

đại vào đầu câu để [người đọc] biết Ngài là người sống vào thời đại nào. Do vậy, đổi thành chữ Minh. Ngài là người sống vào đời Minh.

(Diễn) Cổ Hàng, cổ xưng Hàng Châu.
(演) 古杭，古稱杭州。
***(Diễn**: Cổ Hàng là chỗ thời xưa gọi là Hàng Châu).*

Quê Ngài ở Hàng Châu. Cổ Hàng là nơi được gọi là Hàng Châu vào thời cổ.

(Diễn) Nam Tống kiến đô canh danh Lâm An.
(演) 南宋建都更名臨安。
*(**Diễn**: Thời Nam Tống, lập kinh đô tại đó, đổi tên thành Lâm An).*

Kinh đô của nhà Tống vốn là thành Biện Lương, nay là huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam. Thuở ấy, quân Kim xâm lăng, nhà Tống không có cách nào kháng cự, Tống Cao Tông dời đô đến Hàng Châu hiện thời, trong lịch sử gọi là "nhà Nam Tống", Nhạc Phi sống vào thời này.
Sau khi dời đô đến chỗ này, bèn đổi tên nơi này thành Lâm An.

(Diễn) Kim viết Hàng Châu, phục cổ dã.
(演) 今曰杭州復古也。
*(**Diễn**: Nay gọi là Hàng Châu, tức là khôi phục tên cổ).*

Hiện thời lại gọi là Hàng Châu, tức là tên được đổi lần nữa vào đời Minh. Mãi cho đến hiện thời vẫn gọi là Hàng Châu, đây là địa danh.

(Diễn) Vân Thê Tự danh.
(演) 雲棲寺名。
*(**Diễn**: Vân Thê là tên chùa).*

Đây là đạo tràng của đại sư.
(Diễn) Tại Ngũ Vân sơn chi lộc.
(演) 在五雲山之麓。
*(**Diễn**: Dưới chân núi Ngũ Vân).*

"Lộc" (麓) là chân núi. Nơi này cũng thuộc Hàng Châu.

(Diễn) Tiên thị sơn chi điên, hữu ngũ sắc thụy vân bàn toàn kỳ thượng, nhân dĩ danh sơn dĩ.

(演)先是山之顛，有五色瑞雲盤旋其上，因以名山已。

*(**Diễn**: Trước kia, do đỉnh núi có mây lành năm sắc vây quanh phía trên nên đặt tên núi như vậy).*

Đây là trình bày lý do vì sao núi Ngũ Vân có tên như vậy; tức là do có mây năm sắc thường tụ trên đỉnh núi, nên gọi là Ngũ Vân sơn.

(Diễn) Nhi ngũ vân phi tập sơn Tây ổ trung, kinh cửu bất tán, thời nhân dị chi, hiệu vi Vân Thê Ổ.

(演)而五雲飛集山西塢中，經久不散，時人異之，號為雲棲塢。

*(**Diễn**: Nhưng mây năm sắc trôi về tụ tập nơi hang núi phía Tây một thời gian dài chẳng tan, người thời ấy lấy làm lạ, bèn đặt tên là "hang mây đậu").*

"Ổ" (塢) là hang núi. Mây từ đỉnh núi dần dần hạ xuống hang núi, mây lành năm sắc thường xuyên chẳng tan.

Mọi người bèn gọi hang núi ấy là Vân Thê Ổ (hang mây đậu), giống như mây ngưng đậu tại nơi ấy. Đoạn này nói rõ lai lịch của chùa Vân Thê.

(Diễn) Tống thời hữu Chí Phùng thiền sư kiến tự.

(演) 宋時有志逢禪師建寺。

*(**Diễn**: Vào thời Tống, có thiền sư Chí Phùng dựng chùa [tại nơi ấy]).*

Dựng chùa tại nơi ấy. Chùa có tên là Vân Thê Tự.

(Diễn) Hiệu viết Vân Thê Tự. Tuế cửu vu phế, đại sư ái kỳ sầm tịch, phu tọa kỳ gian, thời nhân vi chi cấu thất, tự phục hưng yên.

(演)號曰雲棲寺。歲久蕪廢，大師愛其岑寂，趺坐其間，時人為之搆室，寺復興焉。

*(**Diễn**: Tên là Vân Thê Tự. Lâu ngày chùa hoang vu, bỏ phế. Đại sư thích vẻ thanh vắng của nó, bèn tịnh tọa nơi ấy. Người thời ấy bèn dựng nhà cho Sư, chùa lại được hưng thịnh).*

Phong cảnh nơi ấy hết sức đẹp, rất thanh vắng. Mọi người không ai đến nơi ấy, chùa lâu ngày không được sửa chữa, không ai ở. Từ đời Tống sang đời Minh còn có nhà Nguyên ở giữa, đại sư là người sống vào cuối đời Minh; tính ra, thời gian phải từ sáu trăm năm trở lên. Ngôi chùa ấy không được tu bổ đã lâu, trở thành nơi hoang vu, bỏ phế. Liên Trì đại sư đến nơi ấy, thích hoàn cảnh của nơi ấy, hoàn cảnh hết sức thanh vắng. Chính Ngài vốn không có ý nghĩ phục hưng ngôi chùa, chỉ cất một am tranh trong đồng hoang tàn để trụ tại nơi đó. Về sau, bị người ta nhận biết, mọi người đến thân cận Sư, nhận thấy Ngài thật sự là một vị cao tăng hữu đạo.

Do vậy, người đến thân cận ngày càng nhiều, nơi ấy đông đảo hơn, hàng cư sĩ, trưởng giả dần dần biết đến Sư. Mọi người phát tâm khôi phục ngôi chùa ấy, hiện nay chính là chùa Vân Thê, trở thành một tùng lâm đạo tràng. Ngôi đại điện trong chùa này có tên là Thần Vận Điện, vì được thần lực giúp kiến tạo. Ngôi chùa này rất nổi tiếng trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc là do đức hạnh của đại sư chiêu cảm. Cổ nhân thường nói: *"Bất phạ một hữu miếu, chỉ phạ một hữu đạo"* (Chẳng sợ không có chùa, chỉ sợ không có đạo). Đại sư hữu đạo, tuy không có chùa, đã có quỷ thần giúp Ngài kiến lập, cảm động tứ phương học nhân dần dần kéo tới tụ tập tại đạo tràng ấy. Đạo tràng ấy tự nhiên phục hưng.

(Diễn) Sa-môn, thử vân Cần Tức, cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si.

(演) 沙門，此云勤息，勤修戒定慧，息滅貪瞋痴。

*(**Diễn**: Sa-môn, Hán dịch là Cần Tức, [nghĩa là] siêng tu Giới - Định - Huệ, dứt diệt tham, sân, si).*

"Sa-môn": Đây cũng là đại sư khiêm hư tự xưng. Sa-môn (Śramana) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là *"Cần Tức"*, có nghĩa là *"cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si"* (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si), nên gọi là Sa-môn. Sa-môn là tiếng dùng để gọi chung những người tu hành tại Ấn Độ vào thời cổ. Chúng ta biết: Vào thời cổ, Ấn Độ là đất nước của tôn giáo. Trong kinh Phật thường nói tới chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Những loại ngoại đạo ấy khá cao minh, công phu

của họ có thể đạt đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên, có thần thông, có Thiền Định (Tứ Thiền Bát Định). Người xuất gia tu hành rất nhiều, gọi chung là Sa-môn. Nhìn từ chỗ này, không riêng gì Phật pháp phải đoạn tham, sân, si, mà những ngoại đạo tại Ấn Độ cũng phải đoạn tham, sân, si, có giống như Phật pháp hay không? Không giống! Phật pháp là thật sự đoạn, còn họ chỉ là "phục đoạn" (đè nén, chế ngự).

Công phu Thiền Định sâu, tham, sân, si chẳng dấy lên hiện hành, Tứ Thiền Bát Định đều là phục đoạn. A La Hán đạt đến Đệ Cửu Định mới thật sự đoạn trừ, hễ đoạn trừ bèn thoát khỏi tam giới, siêu việt sanh tử luân hồi. Sanh tử luân hồi vì sao mà có? Do tham, sân, si biến hiện. Nếu chúng ta hỏi: Trong tương lai có còn phải luân hồi hay chăng thì quý vị đừng hỏi ai khác, hãy hỏi chính mình có đoạn được tham, sân, si hay chưa? Thật sự chẳng còn tham, sân, si thì sẽ không có luân hồi. Tham, sân, si là nhân; lục đạo luân hồi là quả báo. Có nhân ắt có quả. Đoạn trừ nhân thì đương nhiên quả chẳng còn nữa. Chẳng đoạn tham, sân, si, quyết định chẳng tránh khỏi luân hồi, tham, sân, si, khá là phiền phức. Nếu tham cầu ngũ dục, lục trần, tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian, quá nửa là quả báo trong tam đồ. Nếu tham cầu Phật pháp, tham cầu thiện nghiệp, chưa đoạn tham, sân, si, quả báo sẽ thuộc về ba đường lành, chẳng ra khỏi lục đạo. Muốn thoát lục đạo, nhất định phải đoạn tham, sân, si, đấy là điều chúng ta phải nhất định nhớ kỹ.

Danh xưng Sa-môn sau khi được truyền đến Trung Quốc bèn biến thành tiếng gọi chung những người xuất gia trong Phật giáo; [người tu hành trong] những đạo khác tại Trung Quốc chẳng xưng là Sa-môn. Sa-môn là [danh xưng] khiêm hư, là tiếng xưng hô của người còn thuộc địa vị học hỏi, giống như tiếng xưng hô của kẻ làm học trò. Trong kinh nói Sa-môn có bốn loại khác nhau, ở đây, nêu ra như sau:

(Diễn) Hữu thắng đạo, thuyết đạo, hoạt đạo, ô đạo, tứ chủng bất đồng.

(演) 有勝道、說道、活道、汙道四種不同。

*(**Diễn**: Có bốn loại khác nhau là thắng đạo, thuyết đạo, hoạt đạo và ô đạo).*

Người xuất gia có thể chia thành bốn loại.

(Diễn) Thắng tức Phật, Bồ Tát đẳng.

（演）勝即佛菩薩等。

*(**Diễn**: Thắng đạo sa-môn là những vị như Phật, Bồ Tát v.v...)*

Thắng đạo sa-môn: *"Thắng"* là thù thắng. Bậc sa-môn thù thắng nhất chính là Giới - Định - Huệ viên mãn, tiêu diệt sạch sành sanh tham, sân, si. Thắng đạo sa-môn chính là Phật, Bồ Tát. Quý vị đọc đến chỗ này cảm thấy lạ lùng, vì sao Phật còn ở địa vị tu học? Phật trong Tạng Giáo, Thông Giáo, Biệt Giáo đều là học sinh, đều chưa viên mãn, vì các Ngài là Chánh Đẳng Chánh Giác, chưa phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do vậy, quả vị Phật trong ba giáo này đều có thể gọi là sa-môn, chỉ có Phật trong Viên Giáo mới không gọi như vậy. Phật trong Viên Giáo thật sự viên mãn, là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn phải tu, Ngài chưa viên mãn, còn là học sinh. Phật trong Viên Giáo mới là thật sự tốt nghiệp, viên mãn.

(Diễn) Thuyết vị thuyết chánh pháp giả.

(演) 說謂說正法者。

*(**Diễn**: Thuyết đạo sa-môn nghĩa là người nói chánh pháp).*

Thuyết đạo sa-môn là pháp sư giảng kinh, thuyết pháp. Những vị pháp sư này chưa thành vô thượng đạo, cũng thuộc địa vị tu học, đem những gì chính mình tu, chính mình học, cảnh giới do chính mình chứng đắc dâng cho những đồng tu mới học tham khảo, giúp họ tu học. Người nói chánh pháp thì gọi là "thuyết đạo sa-môn".

(Diễn) Hoạt vị tu thiện phẩm giả.

(演) 活謂修善品者。

*(**Diễn**: Hoạt đạo sa-môn nghĩa là người tu thiện phẩm).*

Hoạt đạo sa-môn *"vị tu thiện phẩm giả"* (nghĩa là người tu thiện phẩm), tức là người thật sự chiếu theo lý luận và phương pháp trong kinh Phật để tu hành.

(Diễn) Ô vị chư tà hạnh giả.

(演) 汙謂諸邪行者。

*(**Diễn**: Ô đạo sa-môn là những kẻ tà hạnh).*

Ô đạo sa-môn là những loại sa-môn tuy xuất gia, nhưng chẳng hiểu đạo lý trong Phật pháp, cũng chẳng hiểu phương pháp tu hành, đâm ra trở thành tà tri, tà kiến, rớt vào tiếng tăm, lợi dưỡng.

Chúng ta đừng nên xét nét ai khác, vấn đề là bản thân chúng ta thuộc loại nào? Bất luận là xuất gia hay tại gia, muốn thành tựu đều phải chân tu. Bốn loại này, thắng đạo không cần phải bàn tới, không có vấn đề gì.

Nếu chúng ta hỏi bậc thuyết đạo, tức người nói chánh pháp có tu hành hay là không? Bậc thuyết đạo nhất định tu hành, tu trước rồi nói sau, chứ không phải nói rồi chẳng tu! Các vị ấy có tu, thật sự chứng đắc cảnh giới ấy, chẳng hoài nghi lý luận và phương pháp thì mới có thể nói được; vị ấy nhất định có thể nói được, do chẳng nghi hoặc mảy may nên mới giới thiệu [những phương pháp và lý luận ấy] cho chúng ta. Nếu chính mình chưa chứng đạo, tức là nghe lỏm, nói mò, nghe người khác nói làm sao thì mình cũng nói vậy, không nắm vững, chính mình chưa kiến đạo [thì chẳng thể nói được]. Thời cổ, bậc giảng kinh thuyết pháp đều là hữu tu, hữu chứng. Do vậy, bậc thuyết đạo cao hơn bậc tu đạo một bậc; bậc tu đạo chưa chắc có thể thuyết đạo, còn bậc thuyết đạo nhất định là tu đạo.

Hàng ô đạo tội nghiệp sâu nặng. Cơ hội đọa địa ngục của các chúng sanh không nhiều. Quý vị nghĩ xem: Có mấy ai tạo tội Ngũ Nghịch, Thập Ác? Tội Ngũ Nghịch là *"giết cha, giết mẹ"* (có mấy ai giết cha, giết mẹ? Không có ai), *"làm thân Phật chảy máu"* (cũng không có ai), *"giết A La Hán"* (A La Hán ở đâu quý vị cũng chẳng biết), *"phá hòa hợp Tăng"*, đấy đều là những chuyện chẳng thể làm được; nhưng kẻ rất dễ đọa địa ngục A Tỳ là ai? Ô đạo sa-môn, tức là như trong kinh thường nói: *"Thí như sư tử trùng, hoàn phệ sư tử nhục"* (Ví như trùng trong thân sư tử, lại cắn rứt thịt sư tử).

Vào trong cửa Phật để phá hoại Phật pháp, tội nghiệp ấy nặng lắm!

(Diễn) Châu Hoằng, thị pháp húy.

(演) 袾宏，是法諱。

*(**Diễn**: Châu Hoằng là pháp danh của đại sư).*

Tên hiệu này là pháp danh của đại sư lão nhân gia. Chữ Châu[7] có hai cách đọc, chữ này còn đọc âm Shū, tức chữ Thù (殊) trong Thù Thắng. Danh hiệu của đại sư vốn dùng chữ Thù trong từ ngữ *"thù thắng"* (殊勝). Do trong thời đại chuyên chế, sợ người ta chụp mũ "hủy báng", phiền

[7] Chữ này có hai âm đọc là Zhū (âm Hán Việt tương ứng là Châu, hoặc Chu) hoặc Shū (âm Hán Việt tương ứng là Thù).

phức lớn lắm. Hoàng đế nhà Minh họ Châu (朱), nếu quý vị dùng chữ Thù, người ta sẽ tố cáo với hoàng đế: Gã này tâm thuật bất chánh, coi thường hoàng đế, *"ngạt châu"* (歹朱: họ Châu xấu xa) mà! Rắc rối to, nhất định lại dấy lên vụ án văn tự. Do vậy, lão nhân gia bèn đổi [bộ Ngạt (歹) trong chữ Thù] thành bộ Y (衣).

(Diễn) Hiệu Liên Trì, Nhân Hòa nhân.
(演) 號蓮池，仁和人。
*(**Diễn**: Pháp hiệu là Liên Trì, người xứ Nhân Hòa).*

Nhân Hòa: Nơi này hiện thời cũng ở Hàng Châu. Vào đời Hán, nơi này có tên là Tiền Đường, đến thời Ngũ Đại, Ngô Việt Vương đổi tên nơi này thành huyện Tiền Giang, hợp với Tiền Đường gọi là Hàng Châu. Đời Tống, nơi này đổi tên thành Nhân Hòa, hiện thời gọi là Hàng Huyện (huyện Hàng).

Thời Dân Quốc đặt tỉnh lỵ của tỉnh Chiết Giang tại nơi đây, chúng ta gọi chung là Hàng Châu, tức là cả một khu vực Hàng Châu. Nơi này xưa nay có tên gọi thay đổi khác nhau. Tiếp theo đây, sách nói đến sự tích xuất gia của Ngài.

(Diễn) Tùng Tánh Thiên hòa thượng chúc phát.
(演) 從性天和尚祝髮。
*(**Diễn**: Xuống tóc với hòa thượng Tánh Thiên).*

"Chúc phát" là *"thế độ"* (xuống tóc), vị thầy thế độ của Ngài là hòa thượng Tánh Thiên.

(Diễn) Biến tham tri thức.
(演) 遍參知識。
*(**Diễn**: Tham học với khắp các tri thức).*

Sau khi thế độ, thầy thế độ tiếp dẫn quý vị vào cửa Phật. *"Sư phụ lãnh tấn môn, tu hành tại cá nhân"* (thầy dẫn vào cửa Phật, tu hành do chính mình). Trong nhà Phật, vị thầy trọng yếu nhất chính là vị thầy đắc pháp. Trong Thiền Tông, *"đắc pháp"* là khai ngộ. Quý vị khai ngộ trong hội của vị pháp sư nào thì vị thầy ấy hết sức quan trọng đối với quý vị, vì sao? Pháp Thân huệ mạng từ do vị ấy mà có, [quý vị] được gọi là *"pháp tử"* [của vị thầy ấy]. Pháp tử quan trọng hơn đồ đệ rất nhiều, trực tiếp đắc

pháp mà! Trong Tịnh Độ Tông, tiêu chuẩn không cao như vậy. Tịnh Độ Tông chỉ cần thật sự kiến lập Tín - Nguyện - Hạnh là đắc pháp, chứ không phải là đắc Lý nhất tâm bất loạn, không phải vậy! Bởi lẽ, trong Tịnh Độ, thật sự đầy đủ ba món tư lương Tín - Nguyện - Hạnh sẽ chắc chắn vãng sanh, vãng sanh chính là quyết định thành Phật ngay trong một đời. Điều này hết sức thù thắng, cho dù là Hạ Phẩm Hạ Sanh cũng thành tựu, đấy chính là chỗ hết thảy các pháp môn khác chẳng thể bằng được, chẳng thể so sánh được!

"Biến tham tri thức" là đến cầu học, đến các nơi tham phỏng, gặp được một vị thầy chân chánh bèn muốn ở lại, chẳng thể rời đi. Nơi ấy thật sự có thể thành tựu người khác, lẽ nào lại rời đi? Nếu nơi ấy rất khổ, cơm không có mà ăn thì quý vị là do ăn cơm mà tới hay do tu đạo mà tới? Ở nơi ấy có đạo, nhưng không có cơm ăn thì khi đó phải làm sao? Khi đó, dẫu chết đói cũng phải học đạo, phải có quyết tâm như vậy, quyết định chớ nên lìa khỏi, vì sao? Pháp Thân huệ mạng là khẩn yếu, thân mạng chẳng khẩn yếu. Pháp Thân huệ mạng khẩn yếu, cổ nhân coi trọng điểm này; do vậy, gặp vị thầy thật sự có đạo ở nơi đâu, họ quyết định chẳng lìa bỏ, chẳng giống như chúng ta hiện thời! Hiện thời, chúng ta thấy nơi nào sống thoải mái, tự tại bèn tới đó. Chỗ nào khổ quá, chẳng tới, khổ quá mà! Chẳng cần biết có đạo hay không, trước tiên phải nghe ngóng coi hoàn cảnh ra sao, cuộc sống như thế nào, đãi ngộ ra làm sao, phải bàn định những chuyện đó rồi mới tới, rất khó đạt thành tựu!

(Diễn) Ư Tiếu Nham xứ hữu sở khế nhập.
(演) 於笑巖處有所契入。
*(**Diễn**: Ở nơi ngài Tiếu Nham có chỗ khế nhập).*

Tiếu Nham là thiền sư Biến Dung. Vị thiền sư này dạy ngài Liên Trì điều gì? Thuở ấy, vị thiền sư này rất nổi tiếng, Ngài là một vị cao tăng. Khi ấy, ngài Liên Trì là học trò, xuất gia chưa lâu, đến nơi ấy tham phỏng thiền sư, cứ ba bước một lạy, hết sức khiêm hư, lễ dưới tòa của lão Hòa Thượng. Lão Hòa Thượng nói với Ngài pháp nào khiến Ngài khai ngộ? Truyện ký ghi chép rất rõ ràng. Pháp do Hòa Thượng nói chính là lời nói tầm thường quen thuộc, không có một câu nào hiếm hoi, lạ lùng gì cả! Lão Hòa Thượng bảo Ngài: *"Ông là người trẻ tuổi, khá lắm! Hãy nhớ kỹ! Trong một đời này, chớ để tiếng tăm, lợi dưỡng làm hại"*. Từ câu nói này, Ngài ngộ nhập. Lúc ấy, người đến nghe pháp với Hòa Thượng đang hiện diện nghe nói xong đều cười cợt, người kiền thành như vậy tìm đến, lão

Hòa Thượng nhất định giảng diệu pháp, nào ngờ được nghe một câu nói tầm thường quen thuộc. Người cùng nghe đông đảo như vậy đều không thụ dụng được, chỉ có mình Ngài thụ dụng. Đấy chính là như cổ nhân nói: *"Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích"*.

Những người kia cùng nghe như thế, vì sao chẳng thể thụ dụng? Thiếu lòng thành kính, không có tâm cung kính, nên tuy nghe mà chẳng thể thụ dụng. Liên Trì đại sư nói: "Lão hòa thượng là thiện tri thức thật sự, Ngài dạy tôi một câu hết sức bình thường, chất phác, suốt đời tôi nhất định phải thực hiện được. Ngài chẳng gạt người, chẳng đàm huyền thuyết diệu, cố ý đề cao thân phận của chính mình, Ngài là người chất phác". Một câu này nói toạc ra khuyết điểm của những kẻ hậu học chúng ta trong đời Mạt, cảnh tỉnh chúng ta. Một đời Ngài đắc lực nhờ vào câu nói ấy của lão Hòa Thượng. Có thể bỏ tiếng tăm, lợi dưỡng thì sẽ thực hiện được. Hễ có tơ hào tiếng tăm, lợi dưỡng thì tiếng tăm, lợi dưỡng giống như thuốc độc, trong một bầu đề-hồ của ta xen lẫn một tí độc dược thì cả bầu sẽ biến thành độc dược. Trong đề-hồ chẳng được xen lẫn tí ti độc dược nào! *"Hữu sở khế nhập"* nghĩa là Ngài có ngộ nhập.

(Diễn) Toại kết mao thâm cốc, chủ trương Tịnh Độ.

(演) 遂結茅深谷主張淨土。

*(**Diễn**: Bèn dựng lều tranh trong hang sâu, chủ trương Tịnh Độ).*

Tại Vân Thê Ổ, vào thời cổ có ngôi chùa Vân Thê, Sư kết lều tranh trong chốn hoang vu để tấn tu, chuyên tu pháp môn Niệm Phật. Đọc truyện ký, ta thấy Ngài chưa từng làm Phật sự, chuyện gì cũng chẳng làm, suốt ngày từ sáng đến tối là một câu A Di Đà Phật. Có một năm, nơi ấy bị hạn hán dữ dội, đã rất lâu trời không mưa, có người nói Ngài đạo đức cao, thật sự là một vị cao tăng hữu đạo, thỉnh Ngài tới cầu mưa. Nghi thức gì Ngài cũng không biết, được rồi! Cầu mưa thì mọi người hãy cùng đi với tôi, Ngài ở đằng trước cầm dẫn khánh, đi ra đồng niệm A Di Đà Phật. Kỳ lạ sao! Ngài đi đến chỗ nào, mưa liền trút xuống nơi đó, thật sự có cảm ứng! Nghi thức nào cũng chẳng có, một câu A Di Đà Phật niệm đến nơi đâu trời đổ mưa xuống nơi đó, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn!

(Diễn) Tăng lạp ngũ tuần.

(演) 僧臘五旬。

*(**Diễn**: Tăng lạp năm mươi năm)*

"Tăng lạp" là số năm xuất gia, Ngài xuất gia năm mươi năm.

(Diễn) Thế thọ bát thập.

(演) 世壽八十。

*(**Diễn**: Tuổi thọ tám mươi).*

Quý vị vừa đọc liền hiểu ngay, Ngài xuất gia năm ba mươi tuổi, viên tịch năm tám mươi tuổi.

(Diễn) Hóa duyên ký tất, niệm Phật nhi thệ.

(演) 化緣既畢，念佛而逝。

*(**Diễn**: Duyên hóa độ đã xong, niệm Phật qua đời).*

Ngài là tổ sư đời thứ tám của Tịnh Độ Tông. Trong số các vị Tổ Sư nhiều đời, thành tựu của Ngài hết sức thù thắng, khó có nhất là bộ Sớ Sao này, có thể nói là Ngài hoàn toàn giải thích giáo nghĩa *"bác đại tinh thâm"* (rộng lớn, tinh tường, sâu xa) của kinh Di Đà cho chúng ta, khiến cho chúng ta thật sự nhận biết pháp môn Tịnh Độ chẳng thể nghĩ bàn.

(Diễn) Thuật giả, truyền thuật đã.

(演) 述者，傳述也。

*(**Diễn**: Thuật là truyền thuật).*

Chữ *"thuật"* cũng hết sức khiêm hư. Thật ra, Ngài trước tác bộ sách này, nhưng chẳng nói là *"trước"* (soạn) mà nói là *"thuật"*, thuật nhi bất tác (chỉ kể lại chứ không sáng tác), trần thuật lời cổ thánh tiên hiền, tôi chỉ kể lại những lời ấy mà thôi, chứ tự mình không sáng tác, đây là cách nói khiêm hư.

(Diễn) Nhạc Ký vân: "Tri lễ nhạc chi tình năng tác".

(演) 樂記云，知禮樂之情能作。

*(**Diễn**: Sách Nhạc Ký chép: "Thông hiểu cái tình nơi lễ nhạc thì mới có thể chế định")*

"Tri" là thật sự hiểu rõ, thông đạt, có thể chế định lễ, soạn nhạc. Lễ Nhạc là giáo học về khuôn phép cho tâm hạnh. Lễ nhằm ước thúc thân thể chúng ta, nhất cử, nhất động, một lời nói, một tiếng cười phải hợp lễ. Lễ

là tiêu chuẩn cho hành vi. Nhạc nhằm điều hòa cái tâm, điều dưỡng tánh tình, mừng, giận, buồn, vui vừa phải, chớ nên quá lố! Khổng lão phu tử dạy học, dùng Lễ và Nhạc để làm phương tiện dạy học. Nhà Phật cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, hết sức coi trọng Lễ Nhạc, Giới là Lễ, Phạm Bái là Nhạc. Nếu Lễ và Nhạc đều mất thì dạy học chẳng đạt được hiệu quả vì công cụ để dạy học không còn nữa! Kinh văn nói đến lý luận, phương pháp; ắt phải dùng phương tiện để thực hành những lý luận, phương pháp ấy. Phương pháp thực hành là Lễ Nhạc, trong nhà Phật chính là Giới Luật và Phạm Bái. Do vậy, hai môn này rất quan trọng, trước tác chẳng dễ dàng, mà trần thuật cũng chẳng đơn giản.

(Diễn) "Thức lễ nhạc chi văn năng thuật".

(演) 識禮樂之文能述。

*(**Diễn**: Đọc hiểu ngôn từ của lễ nhạc thì mới có thể trần thuật).*

"Thức" (識) là nhận biết, quý vị đọc hiểu tác phẩm của cổ nhân, thật sự thấu hiểu ý nghĩa, sẽ có thể truyền đạo, có thể truyền thuật.

(Diễn) Tác giả vị chi thánh, thuật giả vị chi hiền.

(演) 作者謂之聖，述者謂之賢。

*(**Diễn**: Người trước tác gọi là thánh, người truyền thuật gọi là hiền).*

Bậc thánh hiền đấy.

(Diễn) Thử kinh tuy hữu cổ sớ sổ gia hành thế.

(演) 此經雖有古疏數家行世。

*(**Diễn**: Kinh này tuy có mấy bản chú giải từ cổ đã được lưu hành trong cõi đời).*

Từ thời xưa đã có người chú giải kinh Di Đà.

(Diễn) Từ tuy thiết nhi thái giản, lý vi lộ nhi bất chương.

(演) 詞雖切而太簡，理微露而不彰。

*(**Diễn**: Lời lẽ tuy thiết thực, nhưng quá đơn giản, lý hơi hé lộ, nhưng chưa phơi bày).*

Quý vị hãy nghĩ tới bản chú giải của Khuy Cơ đại sư, bản này có trước thời Liên Trì đại sư. Khuy Cơ đại sư là người đời Đường, Liên Trì đại sư là người đời Minh. Bản chú giải của Khuy Cơ đại sư được lưu truyền đến hiện thời, đương nhiên, Liên Trì đại sư cũng đã đọc, bản này được coi là một bản chú giải kinh Di Đà rất hay. Thật ra, *"từ tuy thiết nhi thái giản, lý vi lộ nhi bất chương"* (lời lẽ tuy thiết thực, nhưng quá đơn giản, lý hơi tỏ lộ nhưng chưa phơi bày). *"Chương"* (彰) là rành rành, đạo lý thì có, được bao hàm trong ấy, bậc cao nhân vừa đọc liền thấy ngay; chứ lũ chúng ta khi đọc tác phẩm ấy sẽ chẳng thấy được. Ấy là vì nói không rõ rệt lắm, hoặc là nói chưa đủ rõ rệt, đối với đại sư thì không có vấn đề gì, nhưng người đời sau nghiệp chướng sâu nặng, người trình độ nông cạn mà đọc thì sẽ chẳng thấy được [những đạo lý ấy]. Câu này có ý nói những bản chú giải kinh Di Đà của cổ đại đức trong Vạn Tục Tạng chẳng ít, quả thật rất đơn giản, trọng yếu, nhưng kẻ sơ học đọc những tác phẩm ấy vẫn gặp khó khăn.

(Diễn) Kim tư sớ sao.

(演) 今茲疏鈔。

*(**Diễn**: Do vậy, nay bèn viết sớ và lời sao).*

Câu này nói về sự trước tác của lão nhân gia, khác với cổ đức, khác ở chỗ nào? Đoạn dưới đây cho biết:

(Diễn) Hợp Thiên Thai, Hiền Thủ, hội Tánh Tướng nhị tông, Sự Lý song dung, Tông Thuyết kiêm sướng, ngôn tiên thánh chi dục ngôn, phát tiền hiền chi vị phát, khả vị thiên cổ độc sáng. Kim ngôn thuật giả, nãi khiêm từ dã.

(演)合天台、賢首，會性相二宗，事理雙融，宗說兼暢，言先聖之欲言，發前賢之未發，可謂千古獨創。今言述者，乃謙詞也。

*(**Diễn**: Kết hợp những giáo nghĩa của tông Thiên Thai và tông Hiền Thủ, dung hội hai tông Tánh và Tướng, Sự lẫn Lý đều viên dung, trình bày thông suốt Tông và Thuyết, nói lên những điều bậc tiên thánh muốn nói, nêu ra những điểm tiền hiền chưa nêu, có thể gọi là tác phẩm độc đáo cả ngàn đời. Nay đại sư ghi là "thuật" chính là lời nói khiêm tốn vậy).*

Lão nhân gia khiêm hư, chẳng nói là *"trước"* (sáng tác) mà ghi là *"thuật"* (truyền thuật). Đoạn này hết sức quan trọng, chúng ta phải đặc biệt lưu ý thì quý vị mới hiểu được giá trị của bộ Sớ Sao thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Thiên Thai là Pháp Hoa Tông do Trí Giả đại sư sáng lập, Hiền Thủ là Hoa Nghiêm Tông. [Thiên Thai và Hiền Thủ] là hai học phái Giáo Hạ chủ yếu tại Trung Quốc. Hai học phái này quả thật có cống hiến rất lớn đối với Phật giáo. Bộ Sớ Sao dựa theo giáo nghĩa của hai học phái này. Đọc bộ Sớ Sao là đem giáo nghĩa của Thiên Thai và Hiền Thủ gộp lại một chỗ.

"Hội Tánh Tướng nhị tông": *"Hội"* là dung hội, hai tông Tánh và Tướng là toàn bộ Phật pháp. Phân loại những pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm thì chẳng ngoài Tánh Tông và Tướng Tông. Cổ nhân chú giải kinh Di Đà không theo cách chú giải này. Nói thật ra, đại sư đã vận dụng trọn hết tinh hoa của Phật pháp trong suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật để phô diễn kinh Di Đà. Vì vậy, bản chú giải kinh Di Đà này có thể đại diện cho toàn bộ Phật pháp. Khi tôi tu học tại Đài Trung, thầy Lý có nói: *"Nếu chẳng đọc nửa bộ Đại Tạng Kinh, chắc chắn các anh chẳng hiểu được bộ Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư"*. Thật đấy! Hai vị này đều đem toàn bộ Phật pháp dung hội trong kinh Di Đà, hoàn toàn phát huy trong tác phẩm chú giải kinh Di Đà.

"Lý Sự song dung, Tông Thuyết kiêm sướng"[8]: Tông là Tông Môn, là tông chỉ của Thiền Tông. Thuyết là Giáo Hạ. Tông Môn lẫn Giáo Hạ đều dung hợp trong bản chú giải này.

"Ngôn tiên thánh chi dục ngôn": *"Thánh"* là Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát hóa độ chúng sanh vì ý nghĩa này. *"Phát tiền hiền chi vị phát"*: Phát là *"phát minh"* (nêu tỏ, làm rõ ý nghĩa), chữ *"hiền"* trong *"tiền hiền"* (bậc hiền nhân đời trước) chỉ người chú giải. *"Thánh"* là người nói kinh, tức Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra bộ kinh này là vì ý nghĩa này, nhưng quả thật những người chú giải từ thuở xưa chưa có thể *"phát minh"* trọn vẹn, mãi cho đến Liên Trì đại sư mới thật sự nêu bày thông suốt bổn hoài của Phật. Thích Ca Mâu Ni nói kinh Di Đà, đại sư hoàn toàn lãnh ngộ, liễu giải, càng khó có hơn nữa là Ngài nêu tỏ hoàn toàn, khiến cho mỗi một đồng tu tu học Tịnh Độ đều đạt được lợi ích vô thượng, rất khó! Ở đây, pháp sư Cổ Đức tán thán chẳng quá lố chút nào!

[8] Sách Diễn Nghĩa ghi là "Sự Lý song dung", nhưng phần lời giảng của Hòa Thượng lại ghi là "Lý Sự song dung", chúng tôi đoán đây là lỗi ấn loát, nhưng vẫn để nguyên như vậy.

"Khả vị thiên cổ độc sáng" (Có thể nói là tác phẩm độc đáo cả ngàn đời): Lời tán thán Liên Trì đại sư này chẳng nói quá lố, xác thật là như thế. Chúng ta chưa đọc bộ Diễn Nghĩa, chỉ đọc Sớ Sao, sẽ chẳng thấy được ý nghĩa này. Kinh văn đến đây nhằm giới thiệu Liên Trì đại sư một cách đơn giản, giới thiệu đại lược bộ Di Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư. Chúng ta hiểu rồi thì mới coi trọng bản chú giải này. Nếu không, sẽ ở ngay trước mặt mà chẳng biết giá trị, ở trước mặt mà bỏ lỡ, thật đáng tiếc lắm!

(Sớ) Thử kinh sớ sao, đại văn phân tam: Sơ Thông Tự đại ý, nhị khai chương thích văn, tam kết thích chú ý, vị thuận chư kinh Tự, Chánh, Lưu Thông tam phần, diệc thuận Tịnh nghiệp Tín Hạnh Nguyện cố.

(疏)此經疏鈔，大文分三：初通序大意，二開章釋文，三結釋咒意。為順諸經序、正、流通三分，亦順淨業信行願故。

***(Sớ:** Toàn bộ lời Sớ Sao của kinh này được chia thành ba phần: Phần thứ nhất là nêu đại ý của phần Thông Tự, phần thứ hai là chia thành chương đoạn để giải thích kinh văn, phần thứ ba là tổng kết lời giải thích, giảng ý nghĩa của chú Vãng Sanh, nhằm thuận theo thứ tự ba phần Tự, Chánh Tông, Lưu Thông của các kinh, mà cũng thuận theo Tín - Hạnh - Nguyện của Tịnh nghiệp).*

Cuốn Thượng là phần trước tác của Liên Trì đại sư, cuốn Hạ là Diễn Nghĩa, tức là phần ghi chép khi pháp sư Cổ Đức nghe giảng, mà cũng là phần chú giải bộ Sớ Sao. Chúng ta có được Pháp Bảo này, càng hiểu thấu triệt bộ Sớ Sao. Những câu nào do Liên Trì đại sư viết, những câu nào do đệ tử của Ngài viết, chúng ta phải nhận biết rõ ràng. Chúng ta lại xem lời chú giải trong phần Diễn Nghĩa, hai hàng đầu trình bày thể lệ chú giải của đại sư, đây chính là thể tài (genre).

(Diễn) Khoa trung Thông Tự đại ý giả, hàm nhị nghĩa.

(演) 科中通序大意者含二義。

*(**Diễn**: Trong Khoa Phán, phần Thông Tự đại ý gồm hai nghĩa).*

"Khoa trung": Trong Phật pháp gọi là Khoa Phán, đoạn thứ nhất là Thông Tự Đại Ý. Thông Tự Đại Ý là gì? Trong Thông Tự Đại Ý có hai ý nghĩa. Ý nghĩa thứ nhất là....

(Diễn) Nhất, Thông Tự nhất kinh đại ý.

(演) 一、通序一經大意。

*(**Diễn**: Thứ nhất, Thông Tự chính là đại ý của một bài kinh).*

"Tự" (序) là trần thuật, *"Thông"* (通) là nói chung, do đối ứng với phần Biệt Tự ở phía sau mà gọi [là Thông Tự], phần Thông Tự có thể nói là [trình bày] thể lệ chung cho toàn bộ hết thảy các kinh.

(Diễn) Dĩ minh tánh, tán kinh nhị khoa, phát huy "tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ", vi tu trì chi bổn.

(演)以明性讚經二科，發揮自性彌陀，唯心淨土，為修持之本。

*(**Diễn**: Dùng hai phần "chỉ rõ tánh" và "khen ngợi kinh" để nêu bật ý nghĩa "tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ" nhằm làm cái gốc cho sự tu trì).*

Câu này rất trọng yếu, vừa mở đầu liền nêu ra nguyên lý cao nhất để làm căn cứ cho sự tu học trong pháp môn Tịnh Độ. Không có lý luận để làm căn cứ thì chúng ta chẳng thể tin tưởng. Quả thật là có căn cứ lý luận, điều này được nêu rõ trong phần Thông Tự Đại Ý. Bản chú giải này gồm bốn quyển, quyển thứ nhất là Thông Tự Đại Ý. Sau phần Thông Tự Đại Ý là phần Huyền Nghĩa, phần Tự chiếm hết nửa quyển, phần khai triển Thập Môn chiếm hết nửa quyển [còn lại]. Do vậy, trong quyển đầu tiên không có kinh văn, nhưng nó đặc biệt quan trọng. *"Minh tánh, tán kinh"* là hai đoạn lớn trong phần Thông Tự. Phần Thông Tự gồm năm đoạn lớn, ý chánh trong hai đoạn đầu là "nêu bật ý nghĩa tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ". Điều này có quan hệ mật thiết, chẳng thể tách rời Thiên Thai, Hiền Thủ, Tánh, Tướng hai tông. Đây là điểm khó có [trong bộ chú giải này]. Sau khi hiểu rõ hoàn toàn thì mới biết tu học pháp môn này ra sao, mới biết cách niệm một câu A Di Đà Phật như thế nào. Trong một câu A Di Đà Phật bao gồm vô lượng vô biên công đức, vì sao vậy? Tương ứng với tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ. Đấy là căn cứ lý luận.

(Diễn) Nhiên hậu, y giải khởi hạnh, chấp trì danh hiệu, cầu nguyện vãng sanh.

(演) 然後依解起行，執持名號，求願往生。

*(**Diễn**: Sau đấy, dựa theo sự hiểu biết mà khởi hạnh, chấp trì danh hiệu, cầu nguyện vãng sanh).*

Nói đến tu hành *"y giải khởi hạnh, chấp trì danh hiệu, cầu nguyện vãng sanh"*, vô cùng quan trọng. Do vậy, người niệm Phật chẳng thể nói là không cần hiểu, "tôi chỉ cần thật thà niệm Phật là được rồi". Nói chẳng sai, nhưng vấn đề là đâu? Chưa thể thật thà được! Tự cho mình là thật thà, chẳng được! Đấy chính là thiếu thật thà! Tự cho mình là thật thà sẽ chẳng phải là thật thà. Thế nào là người thật thà? Thật sự thông hiểu đạo lý, chẳng có một vọng niệm nào, đấy mới là "thật thà". "Ta chỉ cần niệm A Di Đà Phật, ta không cần hiểu" thì kẻ ấy vẫn còn vọng niệm, cho nên chẳng thật thà! Vì thế, thật thà chẳng dễ dàng, không đơn giản như vậy! Thật thà niệm Phật, quyết định thành tựu. Nói đơn giản, không có thị phi nhân ngã là người thật thà, còn có thị phi nhân ngã thì làm sao tính là người thật thà cho được? Coi kẻ có thị phi nhân ngã là thật thà thì ai mới là không thật thà? Ai cũng thật thà hết! Chúng ta hãy suy nghĩ: Chúng ta có đoạn được thị phi nhân ngã hay chưa? Nhất định phải cầu giải, y giải khởi hạnh. Ở đây, chữ Giải này có thể chuyên dùng để nói về bộ Sớ Sao này, kể cả Diễn Nghĩa. Chúng ta phải nghiêm túc nghiên cứu, hiểu rõ nó. Hiểu xong, chiếu theo phương pháp, lý luận này để chấp trì danh hiệu, cầu nguyện vãng sanh. Chấp trì danh hiệu là Hạnh, cầu nguyện vãng sanh là mục đích và thành tựu của chúng ta.

(Diễn) Kỳ độn căn giả, đơn do sự tướng, chuyên trì danh hiệu diệc đắc vãng sanh.

(演) 其鈍根者，單由事相，專持名號亦得往生。

*(**Diễn**: Người độn căn, chỉ do sự tướng chuyên trì danh hiệu cũng được vãng sanh).*

Mấy câu này là tất yếu! Lời giảng quá sâu, dung hợp tinh hoa của Thiên Thai, Hiền Thủ lẫn hai tông Tánh và Tướng, làm sao mà chẳng sâu? Thật sự là có mức độ khá sâu. Do vậy, quý vị đọc phần Thông Tự đầu sách, so ra còn sâu hơn phần chú giải ở phía sau. Chúng ta căn tánh chậm chạp, cùn nhụt, ngu si, đọc cũng chẳng hiểu, nghe cũng không hiểu, không có hy vọng gì ư? Có chứ! Vẫn còn có hy vọng. Có cơ hội để đọc, để nghe, đừng bỏ lỡ, chớ nên nghĩ: "Ta là kẻ chậm chạp, cùn nhụt, nghe cũng không hiểu, coi như xong, khỏi cần nghe nữa!" Lầm rồi! Nghe không hiểu vẫn cứ phải nghe, đọc không hiểu cũng phải đọc thì mới là đúng. Nghe nhiều

sẽ hiểu, xem nhiều sẽ hiểu, cổ nhân đã nói: *"Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến"* (Đọc sách ngàn lượt sẽ tự thấy được ý nghĩa). Thử hỏi quý vị đã đọc một ngàn lượt hay chưa? Không có! Không có thì quý vị cứ từ từ đọc đi. Nhất định đọc nhiều, nghe nhiều, tuyệt đối chẳng bỏ lỡ cơ hội, đó gọi là Bồ Tát. Biện pháp là "chỉ do sự tướng" chuyên trì danh hiệu cũng được vãng sanh, đó gọi là Sự Trì. Chấp trì danh hiệu có Sự, có Lý. Sự Trì là do chưa hiểu Lý, chúng ta cứ niệm một câu A Di Đà Phật, chưa hoàn toàn hiểu rõ Lý, chưa thể thấu triệt, còn chưa thông suốt Lý, nhưng một câu Phật hiệu vẫn có thể chế ngự phiền não. Đạo lý này rất rõ ràng, dễ thấy, nhất định phải hiểu điều này. Khi lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, trong tâm chúng ta vừa mới khởi tâm động niệm, bèn dùng một câu A Di Đà Phật này khuất phục ý niệm ấy, đè nén nó. Điều này chẳng khó hiểu, người căn tánh trung hạ đều hiểu cả!

Tương ứng với *"tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ"* như thế nào, điều này khó hiểu. Đừng sợ không hiểu, chỉ trì theo mặt sự tướng, ta niệm niệm đều có thể chế phục tham, sân, si, niệm niệm đều có thể chế phục phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, trong mỗi niệm có Tín, Nguyện, Hạnh là được rồi, sẽ có thể vãng sanh, sẽ có thể niệm đến mức "công phu thành phiến", có thể niệm đến mức Sự nhất tâm bất loạn, chưa niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn thì đã rất khá, rất khó có! Nếu hiểu rõ toàn bộ những lý luận ấy thì một câu A Di Đà Phật sẽ là Lý Trì. Trong Lý có Sự, trong Sự chẳng rõ Lý, trong Lý nhất định có Sự, chẳng thể nào nói "hiểu Lý rồi bèn không niệm Phật", không có đạo lý ấy! [Nếu nghĩ như vậy] là lầm lẫn quá đỗi, là chấp Lý phế Sự. Kẻ chấp Lý phế Sự nhất định chẳng đạt được gì, cổ nhân gọi kẻ ấy là *"nói chuyện ăn, đếm của báu"*, chẳng tu hành! Phàm là người hiểu lý, trong mười hai thời, một câu Phật hiệu tuyệt đối chẳng gián đoạn giữa chừng, nhất định còn siêng năng, mạnh mẽ hơn người Sự Trì, nhất định còn sốt sắng hơn, thật sự tu hành. Người ấy thông hiểu giá trị. Hễ kẻ nào hiểu Lý mà chẳng chịu hành nơi mặt Sự thì chưa chắc kẻ ấy đã thật sự nhận biết giá trị, mạo nhận là người hiểu giá trị, là giả vờ, là dối mình, lừa người. Quý vị phải hiểu: Lý Trì quyết định chẳng phế bỏ Sự Trì.

(Diễn) Tam căn phổ bị, thượng hạ kiêm thâu, tác mạt pháp tối hậu phương tiện, vi nhất kinh đại chỉ dã.

(演)三根普被，上下兼收，作末法最後方便。為一經大旨也。

*(**Diễn**: Thích hợp khắp ba căn, thượng căn lẫn độn căn đều thâu tóm, làm phương tiện cuối cùng trong thời Mạt Pháp, đấy chính là ý chỉ to lớn của kinh này vậy).*

Khi kinh Phật diệt hết, kinh Di Đà vẫn còn lưu lại một trăm năm. Kinh Di Đà diệt cuối cùng; do vậy, kinh này là phương tiện tối hậu trong thời Mạt Pháp. Trong một trăm năm cuối cùng trước khi pháp hoàn toàn diệt sạch, nếu quý vị gặp kinh Di Đà, chấp trì danh hiệu thì vẫn còn có thể vãng sanh, vẫn còn có thể thành tựu. Bởi lẽ, bộ kinh này không chỉ là bi tâm triệt để của riêng mình Thích Ca Mâu Ni Phật mà còn là bi tâm triệt để của chư Phật, thật sự có thể độ hết thảy chúng sanh, chẳng giống những pháp môn khác. Nói thật ra, những pháp môn khác đại đa số nhằm kết duyên với quý vị, huân tập một chủng tử Phật pháp trong A Lại Da Thức, mong đắc độ ngay trong một đời há dễ dàng ư? Muốn đắc độ trong một đời, chỉ có pháp môn này. Do vậy, quý vị phải nhận biết rõ ràng, bộ kinh này là kinh bậc nhất trong Phật pháp, bỏ pháp môn này sẽ chẳng có cách cứu. Trong một đời này, chúng ta gặp được bộ kinh này, tính ra là do thiện căn, phước đức, nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp nên mới được gặp gỡ. Gặp được pháp môn thành Phật ngay trong một đời, còn tìm đâu nữa! Gặp được rồi thì phải thật sự nhận thức, quyết định nắm chặt, chẳng buông lung, hết thảy pháp môn đều có thể buông bỏ, muôn vàn phần chớ nên bỏ pháp môn này.

Đây là vận may thật sự của chúng ta, từ vô lượng kiếp đến nay đều không nắm bắt được, không thể gặp gỡ được. Dẫu có gặp gỡ thì dù gặp cũng không biết giá trị, khác nào chẳng gặp gỡ! Trong đời này, chúng ta có Liên Trì đại sư, pháp sư Cổ Đức giới thiệu cho chúng ta, tâm nhãn mở mang, biết giá trị [của pháp môn này]. Nếu không có hai vị đại thiện tri thức giúp đỡ chúng ta, ở bên cạnh giảng giải, thuyết minh cho chúng ta, chúng ta vẫn chẳng nhận biết giá trị. Đấy là tông chỉ của bộ kinh này, tức tông chỉ của kinh Di Đà là ở chỗ này. Ý nghĩa thứ hai là...

(Diễn) Nhị, Thông Tự tác sớ đại ý.

(演) 二、通序作疏大意。

*(**Diễn**: Hai là trong phần Thông Tự, nêu ra ý chính vì sao phải viết sớ giải).*

Đoạn trên là nêu đại ý của kinh này, [vì sao Phật] nói kinh, còn đoạn này nêu ý nghĩa vì sao Liên Trì đại sư viết chú giải.

(Diễn) Dĩ cảm thời thuật ý nhị khoa, minh thử nhất kinh, Sự Lý song dung, Tánh Tướng thông bị.

(演)以感時述意二科，明此一經，事理雙融，性相通備。

*(**Diễn**: Dùng hai khoa là Cảm Thời và Thuật Ý để chỉ rõ kinh này Sự lẫn Lý cùng viên dung, Tánh và Tướng đều trọn đủ).*

Cảm Thời và Thuật Ý là hai đoạn trong năm đoạn lớn của phần Thông Tự. Cảm Thời là cảm khái trước thời tiết nhân duyên. Chúng ta hiện đang trong thời kỳ Mạt Pháp, Liên Trì đại sư cũng sống trong thời Mạt Pháp, bước vào thời kỳ Mạt Pháp. Trong thời kỳ Mạt Pháp, trừ Tịnh Độ ra, những pháp môn khác rất khó thành tựu. Trong kinh Đại Tập, đức Phật nói: *"Thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu. Thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu. Thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu"*. Chúng ta đang ở trong thời Mạt Pháp, tu học pháp môn Tịnh Độ đúng là y giáo phụng hành, sẽ là học trò ngoan của Phật. Chúng ta học những pháp môn khác là không nghe lời, vậy là không có cách gì hết, chúng ta phải tự gánh lấy trách nhiệm. Đức Phật luôn nói rõ ràng. Thuật Ý là trình bày ý kiến của chính đại sư, [nêu rõ] ý nghĩa vì sao viết bộ Sớ Sao này. Hai đoạn lớn ấy nhằm nêu rõ bộ kinh này *"Sự Lý song dung, Tánh Tướng thông bị"* (Sự lẫn Lý cùng viên dung, Tánh và Tướng đều trọn đủ). *"Bị"* (備) có nghĩa là trọn đủ, đầy đủ. Do đây biết rằng: Hoàn toàn chẳng phải là Liên Trì đại sư đem giáo nghĩa Thiên Thai, Hiền Thủ, Tánh, Tướng dung hợp lại trong bộ kinh này để làm sáng tỏ [nghĩa kinh] mà thật ra là bộ kinh này có trọn đủ các giáo nghĩa của các tông, các phái. Nó vốn sẵn trọn đủ, chẳng qua là đại sư nêu rõ những giáo nghĩa ấy mà thôi, chỉ cho chúng ta thấy. Bộ kinh này quả thật thông với Thiên Thai, Hiền Thủ, Tánh Tông, Tướng Tông. Trong phần sau, tại mỗi nơi, sách Sớ Sao sẽ chỉ ra cho chúng ta thấy.

(Diễn) Thời cơ chấp Tánh, chấp Tướng, các trệ nhất biên.

(演) 時機執性執相，各滯一邊。

*(**Diễn**: Xét theo thời tiết, căn cơ thì chúng sanh chấp Tánh hoặc chấp Tướng, vướng mắc một bên).*

"Thời" chỉ thời đại hiện tại. *"Cơ"* chỉ những chúng sanh học Phật, tức người hiện thời. Người học Phật chấp trước, chấp vào Tánh bèn tham

Thiền, chấp vào Tướng bèn học Giáo, đều là chấp lệch một bên, đều chẳng thể viên dung.

(Diễn) Chí linh quảng đại pháp môn, mê nhi bất giác.

(演) 至令廣大法門，迷而不覺。

*(**Diễn**: Đến nỗi đối với pháp môn rộng lớn mà mê hoặc, chẳng giác ngộ).*

Thật đáng tiếc, đáng tiếc quá! Vô thượng trân bảo ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, nhân duyên một đời thành Phật ở ngay trước mặt mà chẳng nhận biết. Quý vị nói xem: Đáng tiếc lắm chứ! Chẳng biết chọn lấy pháp!

(Diễn) Cố kiệt tư lũy tải, sổ Dịch vi biên, tác thử Sớ Sao dã.

(演) 故竭思累載，數易韋編，作此疏鈔也。

*(**Diễn**: Vì vậy dốc hết nhiều năm suy nghĩ, nhiều lần kinh Dịch đứt lề, soạn bộ Sớ Sao này).*

Liên Trì đại sư thương xót những chúng sanh trong thời Mạt Pháp, vô thượng pháp môn, vô thượng trân bảo ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, đáng tiếc quá! Do vậy, Ngài tốn phí thời gian mấy năm, *"sổ Dịch vi biên"*[9] tức là sửa đi sửa lại bản thảo, sửa nhiều lượt mới hoàn thành công việc trước tác bộ Sớ Sao này. Hai hàng đầu nhằm giải thích thể lệ đại sư dùng để soạn Sớ Sao và được pháp sư Cổ Đức giảng rõ như vậy để khiến chúng ta dễ dàng hiểu được ý nghĩa. Hôm nay tôi giảng tới chỗ này.

[9] "Vi biên" chính là sợi dây bằng da trâu thuộc để xâu các thẻ sách cho khỏi đứt lề. Thời Khổng Tử chưa có giấy, sách phải viết lên thẻ tre hay thẻ gỗ có khoét lỗ, dùng da trâu thuộc làm dây buộc lại cho khỏi lạc (sợi dây ấy gọi là "vi biên"). Khổng Tử đọc kinh Dịch đến nỗi ba lần sách đứt dây vi biên; vì thế, cổ nhân dùng thành ngữ *"sổ Dịch vi biên"* (mấy lượt dây buộc kinh Dịch bị đứt) để chỉ sự nghiên cứu, cân nhắc kỹ càng trong nghiên cứu, trước tác.

Tập 4

Hàng thứ ba trang thứ nhất trong quyển Thượng [cuốn Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa], hoặc trang thứ ba cuốn Hội Bản, hàng thứ hai đọc từ dưới lên.

(Sớ) Thử kinh sớ sao, đại văn phân tam: Sơ Thông Tự đại ý, nhị khai chương thích văn, tam kết thích chú ý, vị thuận chư kinh Tự, Chánh, Lưu Thông tam phần, diệc thuận Tịnh nghiệp Tín - Hạnh - Nguyện cố.

(疏)此經疏鈔，大文分三：初通序大意，二開章釋文，三結釋咒意。為順諸經序、正、流通三分，亦順淨業信行願故。

*(**Sớ:** Toàn bộ lời Sớ Sao của kinh này được chia thành ba phần: Phần thứ nhất là Thông Tự đại ý, phần thứ hai là chia thành chương đoạn để giải thích kinh văn, phần thứ ba là tổng kết lời giải thích, giảng ý nghĩa của chú Vãng Sanh, nhằm thuận theo thứ tự ba phần Tự, Chánh Tông, Lưu Thông của các kinh, mà cũng thuận theo Tín - Hạnh - Nguyện của Tịnh nghiệp).*

Trong lần trước, tôi đã giới thiệu phần Thông Tự Đại Ý. Hôm nay, chúng ta xem phần thứ hai là Khai Chương Thích Văn.

(Diễn) Khai chương giả, thị biệt khai chương đoạn, tức tổng khải Thập Môn thị. Thích Văn giả, thị tiêu thích kinh văn, tức biệt giải văn nghĩa thị. Đại ý tuy minh, bổn văn vị ủy, cố biệt khai chương đoạn, tiêu thích kinh văn, sử nhất kinh huyền văn ủy tất tường tận, nhân nhân hiểu liễu dã.

(演)開章者，是別開章段，即總啟十門是。釋文者，是消釋經文，即別解文義是。大意雖明，本文未委，故別開章段。消釋經文，使一經玄文委悉詳盡，人人曉了也。

*(**Diễn**: "Khai chương" là tách riêng từng chương từng đoạn, tức là chia ý nghĩa tổng quát của kinh thành mười môn (mười chủ đề lớn, mười thiên sách lớn). "Thích văn" là giải thích trọn vẹn ý nghĩa kinh văn, tức là giải thích ý nghĩa riêng biệt của từng đoạn văn. Phần đại ý tuy rõ ràng, nhưng ý nghĩa của kinh văn chưa được trình bày cặn kẽ, nên tách riêng*

từng chương, từng đoạn, nhằm giải thích tỉ mỉ ý nghĩa kinh văn, khiến cho huyền nghĩa của bản kinh được giảng giải tường tận, ai nấy đều hiểu rõ).

Văn từ của pháp sư Cổ Đức rất rành mạch, chúng ta thường thấy cách kết cấu giống như vậy trong những bản chú sớ của cổ nhân, [cách kết cấu] được chú giải tường tận như thế này hết sức khó có. *"Chương"* (章) là chương cú (章句: câu, đoạn), phân đoạn. *"Khai chương"* là tách riêng thành từng chương, từng đoạn. Tiếp theo đó, đại sư dựa theo cách chia thành mười môn như ngài Hiền Thủ đã làm để tạo thành mười đoạn lớn nhằm giới thiệu đại ý của toàn bản kinh, cách này gọi là *"tổng khải thập môn"*, chúng ta thường gọi là *"huyền nghĩa"* hoặc còn gọi là *"huyền đàm"*. Trong tông Thiên Thai, phần này gọi là Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, tức là dùng năm điều, [những cách phân chia thành mười đoạn hay năm điều như vậy] đều gọi là *"khai chương"*. *"Thích văn"* là giải thích kinh văn hay chú giải kinh văn; còn *"khai chương"* nhằm giải thích giảng giải đại ý hay huyền nghĩa của toàn bộ cuốn kinh. Trong phần Huyền Nghĩa, nêu rõ đại ý của toàn bộ cuốn kinh, nhưng hoàn toàn chưa nói tới kinh văn. *"Bổn văn vị ủy"*: Ủy (委) là nói rõ ràng, cặn kẽ, giảng rõ một cách tường tận, uyển chuyển. [Nói cách khác], phần giải thích kinh văn gồm hai đoạn lớn:

- Huyền đàm.
- Giải thích kinh văn.

Có như vậy mới hòng giải thích tường tận, cặn kẽ những ý nghĩa huyền vi trong kinh văn nhằm mục đích làm cho mỗi một người đọc sẽ đều có thể thấu hiểu rõ rệt.

Phần thứ ba của Sớ Sao là *"kết thích chú văn"*. Nói thật ra, chú Vãng Sanh hoàn toàn không nằm trong kinh này, vì sao đại sư lại ghép thêm chú văn vào cuối kinh? Có ý nghĩa rất sâu, trong lời chú giải [của pháp sư Cổ Đức], Ngài sẽ giảng rõ.

(Diễn) Kết thích chú ý giả, chú bổn bất khả thích, nhi chú ý khả thích.

(演) 結釋咒意者，咒本不可釋，而咒意可釋。

*(**Diễn**: Phần kết thúc là giải thích ý nghĩa của chú Vãng Sanh. Chú vốn chẳng thể giải thích được, nhưng ý nghĩa của chú thì có thể giải thích).*

Vì sao không thể giải thích thần chú? Chú ngữ là ngôn ngữ của lục đạo. Do vậy, phiên âm, không dịch nghĩa; tuy dịch âm, nhưng ý nghĩa của thần chú thì có thể phiên dịch được.

(Diễn) Chú ý giả, bạt nghiệp căn sanh Tịnh Độ dã.

(演) 咒意者，拔業根生淨土也。

*(**Diễn**: Ý nghĩa của chú này là dứt trừ nghiệp căn, sanh về Tịnh Độ).*

Ý nghĩa của bài chú này là: Dứt trừ nghiệp chướng căn bản, được sanh về Tịnh Độ.

(Diễn) Thử chú bổn bất phụ kinh.

(演) 此咒本不附經。

*(**Diễn**: Chú này vốn chẳng thuộc vào kinh).*

Nói rất rõ ràng. Phía sau kinh Di Đà không có chú, trong kinh Di Đà cũng không có chú, chú này vốn chẳng được ghép vào phía sau bản kinh.

(Diễn) Nhi kim kết quy ư thử vi chi giải thích giả, chánh hiển thử Tịnh Độ pháp môn, Hiển Mật viên thông, Sự Lý vô ngại dã.

(演)而今結歸於此為之解釋者，正顯此淨土法門，顯密圓通事理無礙也。

*(**Diễn**: Nhưng nay tác phẩm này được kết thúc bằng cách giải thích chú Vãng Sanh, nhằm chỉ rõ pháp môn Tịnh Độ là Hiển Mật viên thông, Sự Lý vô ngại).*

Vì sao Liên Trì đại sư đem chú Vãng Sanh ghép vào sau bộ Sớ Sao, rồi lại còn phải giải thích, đạo lý là ở chỗ này: Trong lời chú giải của đại sư đã bao gồm [những giáo nghĩa của các tông] Thiên Thai, Hiền Thủ, hai tông Tánh và Tướng, đúng là *"nhiếp trọn năm tông, bao trùm tám giáo"*. Ghép thêm chú vào, [nhằm nêu rõ] *"Hiển - Mật viên thông, Sự - Lý vô ngại"*. Nói cách khác, bản chú giải này chẳng những bao gồm toàn bộ giáo lý do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong suốt bốn mươi chín năm, mà thậm chí những kinh luận do mười phương ba đời hết thảy chư Phật đã nói đều chẳng ra ngoài bản Sớ Sao này được. Ở đây, ta có thể thấy được

giá trị của bộ Sớ Sao. Nếu pháp sư Cổ Đức không nhắc nhở chúng ta như thế, quả thật chúng ta rất khó nhận ra. Nếu nói Liên Trì đại sư đã vận dụng tinh hoa của Tông Môn và Giáo Hạ để làm sáng tỏ ý nghĩa kinh A Di Đà, đấy là bản lãnh của Ngài, nhưng có phải là khiên cưỡng ghép thêm [lời giải thích chú Vãng Sanh] hay không? Đây là một câu hỏi lớn.

Chúng ta có nên đồng ý hay không? Đấy cũng là một câu hỏi nữa! Thật ra, không phải như vậy, qua kinh văn, đại sư đã nhận thấy từng câu, từng chữ trong kinh Di Đà đều gồm trọn hết thảy nghĩa, hết thảy nghĩa đương nhiên bao gồm [những giáo nghĩa của tông] Thiên Thai, Hiền Thủ, Hiển Mật viên thông. Người khác không thấy [những điều này], còn Ngài thấy được, nên Ngài vì chúng ta giảng rõ, [những lời giảng ấy] hoàn toàn tương ứng với các tông, các phái, điều này không còn phải bàn gì nữa! Liên Trì đại sư đúng là phi phàm. Pháp nhãn của hàng Bồ Tát chưa chắc đã có thể thấy được rõ ràng như vậy, cũng có thể nói Liên Trì đại sư là bậc ngũ nhãn viên minh, có thể thấy được rõ ràng ý nghĩa của kinh này như vậy, giảng rất rõ ràng như vậy, quả thật rất khó có!

(Diễn) Hựu kiến thử trì danh niệm Phật, thị đại thần chú, đại minh chú, vô thượng vô đẳng đẳng chú dã.

(演)又見此持名念佛，是大神咒，大明咒，無上無等等咒也。

*(**Diễn:** Lại thấy cách trì danh niệm Phật này là đại thần chú, là đại minh chú, là chú vô thượng không gì sánh bằng).*

Đoạn này nói giống hệt như trong Tâm Kinh. Tâm Kinh là [kinh giảng về] Bát Nhã. Có những người muốn học Mật, quý vị hãy xem câu A Di Đà Phật có phải là Mật Tông hay không? Chú Vãng Sanh này có phải là Mật Tông hay không? Thật sự là Mật Tông. Ở đây, không bàn về chú Vãng Sanh, mà luận về *"trì danh niệm Phật"*, một câu Nam-mô A Di Đà Phật là chú ngữ, chính là *"đại thần chú, đại minh chú, vô thượng vô đẳng đẳng chú"*, linh nghiệm hơn chú Lăng Nghiêm rất nhiều! Thật sự hiểu rõ đạo lý này, thông đạt đạo lý này thì quý vị mới có thể thật sự buông xuống hết thảy pháp môn, từ nay trở đi mới chết sạch lòng mong ngóng, không thay đổi, chấp trì danh hiệu, quyết định thành tựu ngay trong một đời này!

(Diễn) Tự, Chánh Tông, Lưu Thông tam phần giả, Tấn Đạo An pháp sư, phán thích Đông lưu nhất đại thời giáo, vi Tự, Chánh, Lưu Thông tam phần.

(演)序、正宗、流通三分者，晉道安法師，判釋東流一代時教，為序、正、流通三分。

*(**Diễn**: Ba phần Tự, Chánh Tông, Lưu Thông là do pháp sư Đạo An đời Tấn đã phán định giáo pháp cả đời đức Phật truyền sang phương Đông gồm ba phần là Tự, Chánh, Lưu Thông).*

Cách phân chia này được đề xướng đầu tiên bởi pháp sư Đạo An vào đời Đông Tấn. Sư là học trò của Cưu Ma La Thập đại sư. Sau khi kinh Phật được truyền đến Trung Quốc, Sư là người đầu tiên đề xướng kinh văn phải gồm có ba đoạn lớn. Đoạn lớn thứ nhất là Tự, đoạn lớn thứ hai là Chánh Thuyết, đoạn lớn thứ ba là Lưu Thông. Thuở ấy, mọi người rất không đồng ý với cách nói này. Về sau, sau khi bộ Phật Địa Luận của Ấn Độ được dịch ra, Thân Quang đại sư phán giáo cũng có cùng quan điểm này. Do vậy, người đời sau mới coi trọng quan điểm của pháp sư Đạo An, không những coi trọng mà còn noi theo. Bất luận giảng kinh hay chú giải kinh đều áp dụng cách phân chia thành ba đoạn lớn này. *"Đông lưu"* là Phật pháp từ Ấn Độ truyền sang Trung Quốc. *"Nhất đại thời giáo"* là những pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong một đời Ngài, bất luận một bộ kinh nào cũng đều có thể chia thành ba bộ phận.

(Diễn) Tự giả, đoan tự dã.

(演) 序者，端緒也。

*(**Diễn**: Tự là đầu mối)*

"Tự" là mở đầu, duyên khởi. Vì sao đức Phật phải giảng bộ kinh này? Phải nêu ra nguyên do, đây là một phần của kinh.

(Diễn) Như ty chi đắc tự, năng tận nhất kiển chi ty.

(演) 如絲之得緒，能盡一繭之絲。

*(**Diễn**: Như tìm được mối tơ, sẽ gỡ được hết tơ từ cái kén tằm).*

Đây là nói tỷ dụ. Tơ tằm kết thành kén, quý vị nhất định phải tìm được mối tơ tằm nằm ở đâu thì mới kéo tơ được. Kinh cũng là giống như vậy, quý vị phải biết đầu mối ở đâu. Vì vậy, Tự là phần đầu mối.

(Diễn) Kinh chi đắc tự, năng tri nhất kinh chi chỉ.

(演) 經之得序，能知一經之旨。

*(**Diễn**: Biết được phần Tự của một bài kinh, sẽ biết được tông chỉ của bài kinh ấy).*

Đọc phần Tự của kinh sẽ biết được tông chỉ của bộ kinh ấy, hiểu được đại ý của bộ kinh ấy.

(Diễn) Hựu, Tự giả, Đông Tây tường dã, như quán tường tự, tắc tri đường áo chi thiển thâm.

(演) 又序者東西牆也，如觀牆序，則知堂奧之淺深。

*(**Diễn**: Lại nữa, Tự là vách tường phía Đông và Tây của một khu nhà. Nếu nhìn vào phần vách tường của một khu nhà, sẽ biết khu nhà ấy có bề dày sâu hay cạn).*

Đây cũng là nói tỷ dụ. Trong quá khứ, tại Trung Quốc, nhà cửa chẳng phải là xây dựng tùy tiện, chẳng giống như hiện tại. Hiện thời, chẳng chú ý đến Âm Dương, Ngũ Hành cho lắm. Trước kia, hễ cất nhà, người Trung Quốc luôn chú ý tới Âm Dương, Ngũ Hành: Nhà cửa cất theo lối chánh thống, chánh quy thì phải *"tọa Bắc, triều Nam"*, [tức là] cửa mở về phương Nam, phía sau nhà là phương Bắc, hai bên nhà là hai phía Đông và Tây. Vách tường phía Đông và Tây gọi là *"tự tường"* (序牆). Tự tường dài thì phòng ốc có bề sâu, là nhà to. Do vậy, nhìn vào phần tự tường liền biết ngay là phòng ốc sâu hay cạn. Trong quá khứ tại Trung Quốc, nhà cửa xây thành từng lớp. Giữa gian nhà phía trước và phía sau có một khoảng sân nhỏ, có *"đan trì"*[10]. Đấy là kiến trúc tại Trung Quốc vào thời cổ. Nếu ba thế hệ cùng sống chung một nhà thì nhà cửa sẽ gồm ba lớp, bốn thế hệ sống chung một nhà thì sẽ gồm bốn lớp. Người già sống trong khu nhà ấy, nếu quý vị bước vào nhà họ để gặp những người già ấy, trước hết sẽ gặp họ, rồi gặp cha họ sống ở phía trong, ông nội lại sống ở phía trong nữa, đi vào từng tầng một, chia ra rất rành mạch. Hiện thời kiến trúc kiểu này không còn nữa, xem ra, kiến trúc cổ đại Trung Quốc hết sức có ý nghĩa.

(Diễn) Quán thủ tự, tắc minh toàn kinh chi diệu nghĩa.

[10] Đan trì (丹墀) theo nghĩa gốc là những tầng cấp được sơn màu đỏ, không có mái che, dẫn lên một tòa điện đường trong kiến trúc cổ. Về sau, dù không sơn đỏ, phần tam cấp (hoặc nhiều bậc hơn) chiếm hết toàn bộ phần trước nền nhà vẫn được gọi là *"đan trì"*.

(演) 觀首序，則明全經之妙義。

*(**Diễn**: Nhìn vào phần Tự đầu kinh, sẽ hiểu rõ ý nghĩa huyền diệu của cả bộ kinh).*

Nghĩa lý u thâm, huyền diệu trong kinh này cũng được phô bày rõ trong phần Tự. Nếu quý vị biết cách nhìn, quả thật quý vị cũng sẽ nhìn ra. Trong một bộ kinh, Tự Phần hết sức quan trọng. Phần thứ hai là Chánh Tông Phần.

(Diễn) Chánh Tông giả, nhất kinh chánh sở tông thượng.

(演) 正宗者，一經正所宗尚。

*(**Diễn**: Chánh Tông là điều chánh yếu được đề cao trong một bộ kinh).*

Bộ phận này là chủ thể của cả bộ kinh, mà cũng là phần luận định chánh yếu. Phần trước là phần giới thiệu, còn phần này là phần luận định chánh yếu.

(Diễn) Như Pháp Hoa chi duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị diệc vô tam.

(演) 如法華之唯有一乘法，無二亦無三。

*(**Diễn**: Như kinh Pháp Hoa chỉ có pháp Nhất Thừa, không có hai mà cũng chẳng có ba thừa).*

Đây là nói về phần Chánh Tông của kinh Pháp Hoa. Đương nhiên phần Chánh Tông rất dài, nhưng tinh hoa [của kinh Pháp Hoa] nằm trong mấy câu này. Kinh văn dài như thế, nhưng không gì chẳng nhằm giảng rõ mấy câu này mà thôi. Ý nghĩa của mấy câu này quá sâu, [toàn bộ kinh văn trong phần Chánh Tông] không gì chẳng nhằm giải thích rõ ràng mấy câu này mà thôi. Kinh Pháp Hoa là kinh cuối cùng được đức Phật nói ra, *"khai Quyền, hiển Thật"*, những kinh do đức Phật nói sau khi giảng kinh Hoa Nghiêm đều là pháp phương tiện, đến thời kinh Pháp Hoa, đức Phật giảng pháp chân thật, đức Phật sắp nhập diệt, đến cuối cùng mới nói pháp chân thật. Pháp chân thật là gì? Pháp chân thật chỉ có pháp Nhất Thừa, đó là thật. Trước kia, giảng Nhị Thừa, Đại Thừa, Tiểu Thừa, giảng pháp [Tam Thừa], tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, giảng Ngũ Thừa, [tức là ngoài ba thừa trên] còn thêm vào Nhân và Thiên, đều là pháp phương tiện, đều

là Quyền Giáo. Pháp chân thật chỉ có Nhất Thừa, pháp Nhất Thừa gọi là Viên Giáo Nhất Thừa. Trong những kinh luận do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong suốt bốn mươi chín năm, chỉ có hai bộ giảng về Viên Giáo Nhất Thừa, trước hết, Phật giảng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là Viên Giáo Nhất Thừa, cuối cùng nói Diệu Pháp Liên Hoa Kinh cũng là Viên Giáo Nhất Thừa, *"không hai, cũng chẳng ba"*. Học nhân Thiền Tông hiểu được tông chỉ này; do vậy, sư Ấn Tông hỏi Lục Tổ, Lục Tổ liền bảo thẳng thừng: *"Hai pháp chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp chẳng hai"*. Ý nghĩa của câu này chính là *"duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệc vô tam"*, mang ý nghĩa này! Ấn Tông hỏi Lục Tổ về Thiền Định và Giải Thoát vì Ấn Tông vẫn còn chấp trước vào hai và ba, nên một câu nói của Lục Tổ nhằm chỉ điểm, phá trừ, tức phá trừ chấp trước mà thôi! Đấy là tông chỉ của kinh Pháp Hoa. Tông chỉ của kinh Pháp Hoa là Nhất Chân pháp giới.

(Diễn) Lăng Nghiêm chi phát minh thường trụ chân tâm, chuyên tu viên chiếu tam-muội.

(演) 楞嚴之發明常住真心，專修圓照三昧。

*(**Diễn**: Kinh Lăng Nghiêm nêu tỏ ý nghĩa chân tâm thường trụ, chuyên tu viên chiếu tam-muội).*

Đây là Lăng Nghiêm Đại Định, là chánh tông của kinh Lăng Nghiêm, tức tông chỉ của kinh Lăng Nghiêm. Cổ nhân vô cùng tán thán bộ kinh này, bảo: *"Khai huệ Lăng Nghiêm, thành Phật Pháp Hoa"*, tức là kinh Lăng Nghiêm mở mang trí huệ, kinh Pháp Hoa [chỉ cho hành nhân con đường] thành Phật. Tại Trung Quốc, hễ là người có học, chưa có ai chẳng đọc các kinh Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, và Kim Cang. Trước kia, dù không học Phật, người đọc sách vẫn đọc những kinh này, vì văn chương quá hay, nhất là kinh Lăng Nghiêm, đây là tác phẩm văn chương bậc nhất. Kinh được đọc như một tác phẩm văn học nên được lưu truyền hết sức phổ biến. Kinh Lăng Nghiêm nêu tỏ giáo nghĩa *"chân tâm thường trụ"*, quả thật là mở mang trí huệ, quả thật là một bộ sách hay để mở mang trí huệ. Phải như thế nào thì chúng ta mới có thể phân biệt chân - vọng, tà - chánh, đúng - sai, thiện - ác? Đọc Lăng Nghiêm rồi sẽ có thể phân biệt, trí huệ hiện tiền. Trong kinh Lăng Nghiêm, điều quan trọng nhất là kinh dạy: Mỗi một cá nhân chúng ta hiện thời đều có chân tâm thường trụ. Điều này quan trọng lắm! Nếu dùng chân tâm thường trụ để tu hành, quý vị nhất định sẽ thành Phật ngay trong một đời này. Nếu quý vị dùng cái tâm sanh

diệt, dùng vọng tâm để tu hành, trong một đời này, [chứng quả] cao nhất cũng chẳng qua là thành A La Hán trong Tiểu Thừa mà thôi! Do vậy, ý tưởng chánh yếu nhất của kinh Lăng Nghiêm là dạy chúng ta hãy sử dụng chân tâm, đừng dùng vọng tâm. Quý vị thật sự có chân tâm, nếu dùng vọng tâm để tu Vô Thượng Bồ Đề sẽ chẳng thể nào [thành công] được, khác nào *"nấu cát thành cơm"*; bởi lẽ, nhân và quả chẳng phù hợp!

Kinh Lăng Nghiêm đúng là bi tâm triệt để của Như Lai, chẳng trách gì tại Ấn Độ vào thời cổ coi kinh này là quốc bảo, Huyền Trang đại sư tới Ấn Độ không thấy kinh Lăng Nghiêm. Người ngoại quốc tiếc pháp; do vậy, Ấn Độ bị mất nước, toàn bộ Phật pháp ở Ấn Độ bị tiêu diệt là vì có nhân quả: Họ tiếc pháp! Họ cất giấu bộ kinh điển hay nhất, chẳng cho người nước ngoài xem. Do vậy, Huyền Trang đại sư không thấy. Ngài Bát Lạt Mật Đế đem kinh này tới Trung Quốc, gặp nhiều khổ nạn to lớn, mấy lượt lén đem đi đều bị hải quan (quan thuế, tuần tra biên phòng) bắt được. Kiểm thấy, họ bắt Sư về, Sư lại còn bị xử phạt. Đến cuối cùng, không còn cách nào, Sư phải chép kinh bằng chữ nhỏ, xẻ thịt nơi bắp tay để giấu vào, dùng kim may lại, mang đi như vậy thật chẳng dễ dàng! Mỗi cá nhân chúng ta tiếc pháp sẽ mắc quả báo ngu si. Một quốc gia tiếc pháp sẽ mắc quả báo trong tương lai Phật pháp tiêu diệt. Cho đến hiện tại, đã hơn một ngàn năm xứ Ấn Độ không có Phật pháp, do vì tiếc pháp đấy! Quả thật, nhân quả báo ứng không sai sót mảy may.

Trung Quốc có nhiều người được thành tựu nơi Phật pháp, nói thật ra, số người được đắc lực do kinh Lăng Nghiêm chiếm một tỷ lệ hết sức lớn, họ biết xả vọng dùng chân. Trong sách Chánh Mạch, Giao Quang đại sư đã nói: *"Bỏ Thức, dùng Căn"*, tức là bỏ vọng tâm, dùng chân tâm thường trụ, trong một đời này ắt sẽ có thể thành vô thượng đạo. Nếu chúng ta đem lý luận và phương pháp ấy của kinh Lăng Nghiêm áp dụng vào niệm Phật thì trong một đời chúng ta sẽ có thể đạt được Lý nhất tâm bất loạn. Nếu quý vị học các pháp môn khác để đạt được minh tâm kiến tánh, đại khai viên giải sẽ chẳng dễ dàng; nhưng vận dụng lý luận ấy vào phương pháp Niệm Phật thì quả thật trong một đời sẽ có thể đắc Lý nhất tâm. Cũng có các vị hỏi: "Bao lâu mới làm được?" Thời gian dài hay ngắn tùy theo mỗi người mỗi khác, tùy thuộc quý vị có thật sự làm hay không? Có phải là làm chẳng gián đoạn hay không? Nếu quý vị thật sự tu, tu học chẳng gián đoạn thì thưa với quý vị, ba năm sẽ đắc Lý nhất tâm bất loạn. Cổ nhân đã nêu gương, thật sự phi phàm!

Lý nhất tâm bất loạn chính là địa vị Phần Chứng Phật trong Lục Tức Phật như tông Thiên Thai đã nói, tức Chánh Đẳng Chánh Giác. Khó

khăn ở chỗ nào? Khó khăn ở chỗ chúng ta không chịu bỏ Thức dùng Căn. Thức là tâm phân biệt, tâm chấp trước. Thức thứ sáu, tức Ý Thức, là phân biệt; thức thứ bảy là chấp trước. Nếu quý vị dùng cái tâm [chấp trước, phân biệt] ấy là không được rồi! Kinh Lăng Nghiêm dạy chúng ta bỏ Ý Thức, tức thức thứ sáu, mà hãy dùng Diệu Quán Sát, bỏ thức thứ bảy để dùng Bình Đẳng Tánh, đó gọi là *"bỏ Thức, dùng Căn"*. Bỏ được thức thứ sáu và thứ bảy, quý vị mắt nhìn Sắc sẽ là do tánh Thấy mà thấy Sắc tánh. Đó gọi là "minh tâm kiến tánh". Kiến tánh sẽ minh tâm. Quý vị thấy được Sắc tánh ở bên ngoài nên gọi là kiến tánh. Dùng tánh Nghe để nghe Thanh tánh, tánh Nghe cũng là minh tâm, nghe được Thanh tánh thì cũng gọi là kiến tánh. Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật! Thành Phật quả thật không khó, thật ra thành Phật chẳng cần phải tốn một thời gian rất dài, mấu chốt ở chỗ quý vị có hiểu rõ hay không, quý vị có chịu làm hay không? Nếu quý vị không hiểu, sẽ tu mù luyện đui, không có cách nào hết! Chẳng thể tu mù luyện đui mà hòng tu được những thứ này, mà phải tu học đúng lý, đúng giáo và đúng pháp, công phu chẳng gián đoạn, sẽ thành tựu trong một thời gian rất ngắn. Cổ nhân nói: *"Nhất nhật bạo chi, thập nhật hàn chi"* (Một ngày nóng, mười ngày lạnh), chẳng thể thành tựu!

Chúng ta hãy nghĩ xem: Một ngày trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, ngẫu nhiên có một niệm hồi quang phản chiếu, ta muốn bỏ Thức dùng Căn, còn chưa dùng được hai giây đã lại dùng Thức mất rồi! Nếu một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, quý vị [dùng Căn bỏ Thức] một tiếng đồng hồ thì chưa được! Chẳng thể thành tựu! Dùng một tiếng đồng hồ, gián đoạn hai mươi ba tiếng còn làm gì được nữa? Do vậy, thật sự nói tới *"dụng công"* thì công phu quyết định chẳng thể gián đoạn. Hễ gián đoạn, chẳng thể gọi là công phu. Công phu phải miên mật, đừng để gián đoạn. Trước kia, trong tùng lâm tự viện có thời khóa hằng ngày, có khóa trình bình thường, mỗi ngày đều là mười sáu tiếng đồng hồ, tức là trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, công khóa chiếm hết mười sáu tiếng. Nó có sức mạnh chế phục vọng tưởng, công phu đắc lực. Hễ nửa nọ nửa kia sẽ không đắc lực. Do vậy, ngày nay chúng ta nói tới chuyện tu hành, quý vị dùng công phu nào, làm thế nào để có thể chế phục phiền não? Mỗi ngày công khóa sáng tối chẳng thiếu sót, nhưng khóa sáng hai tiếng đồng hồ, khóa tối hai tiếng đồng hồ, trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ chỉ mới được bốn tiếng, trong ấy gián đoạn hai mươi tiếng, làm sao có thể thành công cho được? Chẳng thể thành công! Huống chi lại còn dùng vọng tâm, chẳng biết dùng chân tâm!

Người có thể sử dụng chân tâm thì gọi là *"phát Bồ Đề tâm"*. Phát Bồ Đề tâm là gì? Người phát Bồ Đề tâm chịu dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Bất cứ lúc nào, chân thành đãi người tiếp vật thì là tu hành. Trong chân tâm chẳng có vọng niệm, đó gọi là *"chuyên tu viên chiếu tam-muội"*. Dùng chân tâm là viên chiếu tam-muội, chân tâm là thanh tịnh tâm, chân tâm là bình đẳng tâm, chân tâm là từ bi tâm. Lục Tổ đại sư nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ"*, trọn đủ thanh tịnh, trọn đủ từ bi, trọn đủ bình đẳng, trọn đủ vạn pháp. Do vậy, nó có thể sanh ra vạn pháp, ai nấy đều có! Chân tâm là thường trụ, vọng tâm là sanh diệt. Một niệm khởi lên, niệm kia liền diệt. Chúng ta đang dùng cái tâm sanh diệt, sanh diệt trong từng sát-na, đó là vọng tâm. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, hoàn toàn là tâm sanh diệt, tâm ấy là giả. Dùng cái tâm ấy để niệm Phật, có thể niệm đến mức công phu thành phiến, có thể niệm đến Sự nhất tâm bất loạn, nhưng chẳng thể đắc Lý nhất tâm. Nhất định phải dùng chân tâm thì mới có thể đắc Lý nhất tâm. Do vậy, nói kinh Lăng Nghiêm mở mang trí huệ chính là mở mang loại trí huệ ấy. Xả vọng tâm, dùng chân tâm, đấy là người có trí huệ chân chánh, trí huệ của người ấy chẳng hai, chẳng khác với chư Phật, Bồ Tát; bởi lẽ, chư Phật và các vị đại Bồ Tát cũng dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Quý vị dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm, có khác gì với chư Phật, Bồ Tát hay chăng? Không khác gì cả! Xin lại xem kinh.

(Diễn) Thử kinh chi y chánh thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh thị dã.

(演) 此經之依正清淨，信願往生是也。

*(**Diễn**: Tông chỉ của kinh này là "y báo và chánh báo thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh").*

Phần Chánh Tông của kinh này là *"y chánh thanh tịnh"*. Y là y báo, Chánh là chánh báo, y báo và chánh báo trang nghiêm. Mở đầu phần Chánh Tông, đức Phật nói ra sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới, khuyên chúng ta sanh lòng tin tưởng, khuyên chúng ta phát nguyện, khuyên chúng ta trì danh, *"tín nguyện vãng sanh"*. Pháp môn này là pháp môn thành Phật trong một đời, nếu quý vị thật sự hiểu rõ, không một ai chẳng chết lòng sát đất tu học. Đừng sợ người khác cười cợt. Người khác cười nhạo quý vị là chuyện ắt phải có, là lẽ đương nhiên. Vì sao? Người không thông suốt, nhìn vào pháp môn này đương nhiên sẽ ha hả cười vang, *"hạ sĩ văn đạo"* (kẻ căn cơ bậc hạ nghe

đạo), ha hả cười to, chẳng cười thì mới là không hợp lý, kẻ ấy không hiểu mà! Kẻ ấy muốn học Thiền, học Mật, tự nghĩ ta cao minh, hắn học là chuyện của hắn, đợi đến khi quý vị thành Phật rồi sẽ đến độ hắn. Hắn chê cười quý vị cũng là có duyên phận với quý vị, có duyên sẽ độ được hắn. *"Phật chẳng độ kẻ không có duyên"*, hắn khen ngợi quý vị là kết duyên với quý vị, hắn chê cười quý vị cũng là kết duyên. Quý vị thành Phật rồi sẽ đến độ hắn. Chớ nên vì ta học pháp môn này, người khác cười cợt ta, ta bèn học Thiền kẻ khác sẽ khen ngợi ta, vậy thì ta hãy đi học Thiền! Quý vị vì muốn thành Phật hay là vì muốn lấy lòng người khác? Thuận lòng chúng sanh, làm đẹp lòng chúng sanh, sẽ là đời sau kém hẳn đời trước, đời sau thua đời trước, không xong rồi! Đương nhiên phải vâng theo giáo huấn của Như Lai, đừng thuận theo tri kiến của chúng sanh, điều này quan trọng lắm! Chúng sanh tà tri tà kiến, làm sao có thể tùy thuận họ được? Phải tùy thuận chánh tri chánh kiến của Như Lai thì mới là người thông minh, mới là người thật sự yêu thương, quan tâm đến chính mình.

Trong kinh Đại Tập, đức Phật đã nói rất rõ rệt: *"Thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu. Thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu. Thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu"*. Câu này cũng giống như đức Phật thọ ký trọn khắp hàng đại chúng chúng ta. Ngày nay, chúng ta sanh nhằm thời kỳ Mạt Pháp, chúng ta tu Tịnh Độ thì đúng là y giáo phụng hành, là học trò ngoan của Như Lai. Sanh nhằm thời kỳ Mạt Pháp, lại học Giới Luật, học Thiền, là đã trái nghịch lời Phật giáo huấn. [Những pháp môn ấy] đều do Phật nói, chẳng phải là không hay, nhưng thời cơ đã qua rồi! Tu học trong thời đại hiện tại, chướng ngại rất nhiều, chẳng dễ thành tựu. Vì sao chẳng y giáo phụng hành mà cứ ham cao chuộng xa? Nói thật ra, "cao" thì có pháp môn nào cao hơn kinh Di Đà? Kẻ vô tri không hiểu biết, mở kinh Di Đà ra đọc một lượt từ đầu đến cuối, [chê cười nội dung] chẳng có gì! Giống như chuyện thần thoại, giống kể chuyện xưa tích cũ, không thấy được đường lối trong ấy. Giống như chuyện thần thoại, không có ý nghĩa gì hết, không đáng để mắt tới, vậy là sao? Kẻ ấy nghiệp chướng quá nặng, quá hời hợt!

Trong tác phẩm chú giải này, Liên Trì đại sư đã chỉ rõ bao nhiêu là ý nghĩa trong từng câu từng chữ của bản kinh này. Trong quá khứ, chúng tôi đã giảng từ đầu đến cuối bộ Sớ Sao này hai lượt; lần thứ nhất không giảng Huyền Nghĩa, chúng tôi chỉ giảng đề mục, giảng từ phần giải thích kinh văn trở đi, phần Thông Tự Đại Ý không giảng, phần Khai Chương cũng không giảng. Do không giảng phần Huyền Nghĩa, chúng tôi giảng bốn năm mới xong. Lần thứ hai, giảng toàn bộ, ngay cả phần Huyền Nghĩa

lẫn Tự Phần đều giảng, giảng mất năm năm. Chúng tôi lưu lại một bộ băng thâu âm hoàn chỉnh gồm ba trăm ba mươi lăm cuốn. Kinh Di Đà chẳng đơn giản! Giảng lần này còn thù thắng hơn lần giảng thứ hai, cặn kẽ hơn, thấu triệt hơn, hy vọng trong ba năm, mọi người chúng ta cùng nỗ lực đặt cơ sở vững vàng cho pháp môn này.

Thưa quý vị, muốn cầu vãng sanh thì như trong kinh nói *"nhược nhất nhật chí nhược thất nhật"* (hoặc một ngày cho đến hoặc bảy ngày) sẽ thành, không khó! Khó ở chỗ nào? Công tác chuẩn bị khó khăn. Thật sự ra đi, không khó! Trong hội giảng kinh Hoa Nghiêm ngày hôm qua, chúng tôi cũng nhắc đến vấn đề này, tôi giảng về Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là tâm thanh tịnh, tức là như nhà Thiền nói *"minh tâm kiến tánh"*. Trong buổi giảng, tôi bảo mọi người: Cảnh giới ấy dễ hiện diện nhất trong Thiền Thất hay Phật Thất, chứ lúc bình thường chẳng dễ; nhưng trong các loại Thiền Thất, Phật Thất giống như chúng ta đang làm hiện thời, chúng là pháp hội, cảnh giới ấy chẳng hiện tiền. Thật sự kết thất niệm Phật, trong vòng bảy ngày, Phật hiệu quyết định chẳng được gián đoạn giữa chừng, chớ nên ngủ nghỉ, suốt bảy ngày bảy đêm. Thiền Thất còn khó hơn Phật Thất, chẳng dễ dàng đâu nhé! Trong vòng bảy ngày ấy, yêu cầu người ấy làm điều gì? Trong nhà Phật thường nói: *"Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hạnh xứ diệt"* (dứt bặt ngôn ngữ, diệt sạch tâm hạnh), phải làm được điều này. Trong vòng bảy ngày, trong tâm chẳng khởi ý niệm, tâm hạnh xứ diệt, chẳng nói câu nào thì mới thấy có công phu. Nhưng lũ chúng ta tập khí phiền não, nghiệp chướng sâu nặng, trong khi ấy, một là vọng niệm tơi bời đè nén không được, căn bệnh ấy gọi là *"trạo cử"* (lao chao); một chứng bệnh khác là *"hôn trầm"*, buồn ngủ rũ người ra, ngủ gục, tinh thần trầm trệ. Nói chung là mắc những chứng bệnh ấy. Do vậy, Thiền Thất còn khó hơn Phật Thất. Phật Thất có điểm nào tốt? Có một câu Phật hiệu, câu Phật hiệu có công đức tuyệt diệu, đã có thể đối trị trạo cử lại còn có thể đối trị hôn trầm. So với cách sử dụng tham Thoại Đầu và quán tâm của nhà Thiền quả thật thuận tiện hơn nhiều lắm, có một câu Phật hiệu để khởi lên, nhất định sẽ làm được *"ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hạnh xứ diệt"*, chẳng có vọng tưởng nào! Đấy mới là công phu, khi ấy tâm thanh tịnh sẽ có thể hiện tiền, chẳng đơn giản!

Nếu chẳng hiểu rõ lý luận, không hiểu rõ phương pháp, không thông hiểu cảnh giới, nếu quý vị sử dụng công phu này, thưa với quý vị, rất dễ gặp ma chướng, phiền phức lớn lắm. Ma do đâu mà có? Chính là oán gia trái chủ của quý vị trong đời đời kiếp kiếp. Ngày nay quý vị phát tâm dũng mãnh, mong vượt thoát tam giới, liễu sanh tử, họ sẽ nói: "Ngươi nợ mạng

ta, người còn chưa đền mạng ta, ngươi còn nợ mạng và tiền của ta, ngươi còn chưa đền tiền cho ta mà muốn bỏ đi ư?", họ đến gây rối. Quý vị không tích cực tu hành thì chẳng sao, họ sẽ nói: "Hóa ra ngươi chạy không khỏi, nhất định sẽ có ngày ta báo thù". Họ ung dung chờ đợi. Quý vị thật sự muốn ra đi, họ sẽ lo ngại, nhanh chóng báo thù, nghiệp chướng xảy đến liền. Chẳng dụng công sẽ chẳng vướng ma chướng, ma coi thường quý vị, ma từ từ chờ đợi quý vị. Nói chung là có lúc ta sẽ báo thù ngươi. Quý vị thật sự muốn ra đi, ma cũng sẽ vội vàng, nhanh chóng gây rối, chẳng gây rối thì sau này sẽ không kịp nữa, ma chướng bèn hiện tiền. Do vậy, bình thường đãi người, tiếp vật, hãy nhớ kỹ một nguyên tắc, tuyệt đối chớ kết oán cừu với người khác. Phật pháp dạy chúng ta *"hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức"*, công đức ấy là tu hành, tu Định - Huệ trong tùy hỷ. Định - Huệ là công đức, đừng kết oán cừu với người khác, nhất định phải tu từ bi, bình đẳng. *"Oan gia nên gỡ, đừng nên buộc"*, cởi gở oán thù trói buộc chắc chắn là [thái độ tu học] chính xác!

Nói đến chỗ này, chúng tôi đã giới thiệu khái lược chỗ hay của bộ kinh này, tức là công đức lợi ích của cả bộ kinh. Ở nơi này, chúng tôi đã nói với quý vị bao nhiêu lần: Tôi học Phật ba mươi mấy năm, bắt đầu học Phật vào năm Dân Quốc 42 (1953), giảng kinh hai mươi lăm năm mới nhận ra chỗ hay của kinh này, mới nhìn ra được. Hoa Nghiêm, Pháp Hoa chẳng thể sánh bằng, thua quá xa! Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, trở về kinh này. Kinh Hoa Nghiêm được xưng tụng là *"kinh trung chi vương"* (vua trong các kinh), kinh Di Đà là *"vương trung chi vương"* (vua của các vua), có mấy ai có thể nhận biết? Không ai nhận biết, thật đáng tiếc quá! Kinh này được gọi là pháp khó tin mà! Không trách mười phương chư Phật đều tán thán, đều khuyên tu. Chạy theo những kinh luận khác sẽ đều là "đối với vật báu thật sự mà vẫn không nhận biết, không biết giá trị". Nếu đối với những vật báu đều nhận biết thì quý vị mới có thể chọn lựa vật tốt đẹp nhất, có giá trị nhất, quý báu nhất trong số đó, quý vị mới có con mắt biết chọn pháp. Quý vị không có con mắt chọn lựa pháp thì sẽ thấy pháp này cũng khá quá, pháp kia cũng rất tuyệt! Không biết noi theo pháp nào! Có con mắt chọn lựa pháp đương nhiên chẳng dễ dàng, đấy là trí huệ, chứ không phải cảm tình!

Nói tới *"tín nguyện vãng sanh"*, thành tựu trong một đời, thì [kinh này] cùng với Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và hết thảy các đại kinh đại luận xét về Lý chẳng hai, chẳng khác; nếu luận theo mặt Sự, sai khác rất lớn. Trong những pháp môn khác, một đời thành tựu há nói dễ dàng ư? Pháp

môn này ngàn phần chân thật, muôn vàn đích xác, thành tựu trong một đời. Nếu nhìn theo phía các pháp môn theo đường lối thông thường thì công phu thành phiến, chế phục phiền não, Sự nhất tâm bất loạn, đoạn phiền não, Lý nhất tâm bất loạn phá vô minh, chẳng khác gì với những điều được giảng trong Giáo Hạ, nhưng phương pháp là sử dụng một câu Phật hiệu. Tuy vậy, phải biết dụng tâm nơi câu Phật hiệu này, vấn đề nằm ở chỗ này. Mọi người chúng ta đều biết niệm, nhưng quý vị dùng cái tâm nào để niệm? Khác nhau! Mỗi cá nhân dùng cái tâm khác nhau nên hiệu quả của Phật hiệu chẳng giống nhau! Âm thanh giống hệt nhau, nhưng mỗi người đắc lực mỗi khác. Ấy là vì mỗi cá nhân dùng cái tâm khác nhau. Nếu quý vị biết dùng chân tâm, quý vị biết dùng chân tâm thường trụ để niệm Phật hiệu này thì sẽ là tuyệt diệu, sẽ là tối thượng thừa. Bởi lẽ, một câu *"chân tâm thường trụ"* này quả thật trọn đủ viên mãn Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương, ba năm nhất định đắc Lý nhất tâm bất loạn, là bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. Tu học thông thường thì phải tu hành một hai A-tăng-kỳ kiếp mới tu thành như vậy, còn quý vị tu hai ba năm sẽ đạt được, thuận tiện quá mức! Do quá thuận tiện nên quý vị không tin tưởng, Vì sao có thể đạt được? Vì quý vị dùng chân tâm. Nếu quý vị dùng vọng tâm thì thật sự phải mất hai, ba A-tăng-kỳ kiếp. Do vậy, vấn đề là sử dụng cái tâm, có biết dùng cái tâm hay không? Mấu chốt tu học của chúng ta thật sự ở chỗ này!

(Diễn) Tiền chi Tự, Chánh tự thử, hậu chi Lưu Thông, chánh lưu thông thử dã.

(演) 前之序，正序此，後之流通，正流通此也。

*(**Diễn**: Phần Tự trong đoạn trước nhằm giới thiệu phần Chánh Tông trong phần này, phần Lưu Thông ở đằng sau [phần Chánh Tông] nhằm lưu thông phần Chánh Tông).*

Phần Chánh Tông là chủ thể của một bộ kinh, là phần chứa đựng tinh hoa của bộ kinh. Tiếp theo đây, [sách Diễn Nghĩa] giải thích phần Lưu Thông.

(Diễn) Lưu giả, vô trụ.

(演) 流者無住。

*(**Diễn**: Lưu là không trụ).*

"Trụ" là ngưng lại, dừng lại ở một chỗ nào đó.

(Diễn) Thông giả, vô tắc, sử thử diệu pháp, tự thử giới dĩ cập tha phương, do hiện tại dĩ cập vị lai, vô hữu lưu ngại, danh vi Lưu Thông.

(演)通者無塞。使此妙法，自此界以及他方，由現在以及未來，無有留礙，名為流通。

*(**Diễn**: "Thông" là không nghẽn. Khiến cho diệu pháp này từ cõi này lan đến các phương khác, từ hiện tại truyền đến tương lai chẳng bị trở ngại thì gọi là Lưu Thông).*

Lưu thông Pháp Bảo công đức vô lượng. Lưu thông Pháp Bảo thuận lòng chư Phật, là đại từ đại bi phổ độ chúng sanh. Do vậy, phải lưu thông Phật pháp. Phật pháp không chú trọng đến quyền lợi, quý vị thấy đằng sau những bản chú giải của các vị đại đức từ xưa, những bản chú giải ấy do các Ngài trước tác, hoàn toàn không ghi thêm câu *"giữ bản quyền, in lại ắt sẽ truy cứu trách nhiệm"*. Các Ngài đều khuyên người khác lưu thông, *"hoan nghênh ấn hành, công đức vô lượng"*. Đấy là đại từ đại bi, đấy là chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, thực hành đại nguyện của quý vị. Trước tác của chính mình còn ghi thêm câu *"hoan nghênh ấn hành, công đức vô lượng"*, huống hồ trước tác của cổ nhân, huống hồ là kinh điển! Tôi thấy hiện thời có rất nhiều kinh điển phía sau có nơi phần bản quyền cũng in thêm câu *"giữ bản quyền, in lại ắt sẽ truy cứu trách nhiệm"*, ai có bản quyền? Bản quyền kinh A Di Đà thuộc về Cưu Ma La Thập đại sư, Ngài phiên dịch kinh ấy [nhưng không giữ bản quyền], ai sẽ truy cứu? Cưu Ma La Thập đại sư không truy cứu, ai dám truy cứu? Sớ Sao là tác phẩm của Liên Trì đại sư, Liên Trì đại sư không kiện ra tòa, ai dám thay Ngài kiện ra tòa? Trong thời kỳ Mạt Pháp, có những kẻ buôn bán Như Lai, trong kinh đã giảng rất rõ ràng [chuyện này, nhưng họ vẫn] coi Phật pháp như hàng hóa để buôn bán. Trong kinh nói rất rõ rệt: Tội lỗi ấy có quả báo là A Tỳ địa ngục. Chướng ngại lưu thông, quả báo là A Tỳ địa ngục. Hiện tại, những kẻ ấy được lợi ích bé tí teo, sau này mắc khổ quả to đùng! Ngu si đấy! Những đồng tu học Phật chớ nên không biết điều này! Bởi lẽ, Phật pháp phải lưu thông, hễ những thứ gì có lợi ích cho chúng sanh đều nên lưu thông.

(Diễn) Vi thuận giả, ngôn phẫu xuất kinh tâm, phương khiết xuất trần chi đoan tự, cố Thông Tự thuận Tự Phần.

(演)為順者，言剖出經心，方挈出塵之端緒，故通序順序分。

*(**Diễn**: Thuận dịp, nói ra những lời mổ xẻ phô bày những điều tâm yếu của bản kinh nên mới nêu ra đầu mối thoát khỏi trần lao; vì thế, phần Thông Tự Đại Ý tương ứng với Tự Phần).*

Đặc biệt là trong Sớ Sao, trong Diễn Nghĩa, quả thật đã mổ xẻ những điều tâm yếu trong bộ kinh này, khiến cho chúng ta thật sự nhìn thấy rõ ràng, thật sự hiểu rõ. Có như vậy mới là *"khiết xuất trần chi đoan tự"* (nêu ra được đầu mối xuất trần): *"Khiết"* (挈) là đưa ra, bày ra những điều cương lãnh, *"trần"* (塵) là trần lao, tam giới lục đạo. Từ vô thỉ đến nay không có cách nào để vượt thoát lục đạo luân hồi, lục đạo luân hồi giống như tằm kéo kén, từng tầng, từng tầng một vây kín chúng ta trong ấy, không có ngày thoát ra. Nay tìm được đầu mối tơ, sẽ có biện pháp thoát khỏi. Do vậy, *"Thông Tự thuận Tự phần"* (phần Thông Tự tương ứng với Tự phần). Sớ Sao gồm bốn quyển, quyển thứ nhất là Thông Tự Đại Ý, Khai Chương Thích Văn, quả thật đã phân tích, trình bày những cương lãnh huyền diệu, trọng yếu của bộ kinh này, khiến cho chúng ta thật sự hiểu rõ pháp môn này, trân quý pháp môn này, [những điều ấy] phù hợp với Tự Phần. Kinh văn của Tự Phần không dài, đến khi bước vào phần kinh văn, chúng tôi sẽ lại giảng cặn kẽ ý nghĩa của toàn bộ Tự Phần. Ý nghĩa ấy quá sâu, còn khó hiểu hơn phần Chánh Tông, không có Phật nhãn sẽ không có cách nào thấy được.

(Diễn) Tùy văn nhập quán, phương tri đại đạo chi du quy, cố Khai Chương thuận Chánh Tông Phần.

(演) 隨文入觀，方知大道之攸歸，故開章順正宗分。

*(**Diễn**: Thuận theo kinh văn nhập quán, mới là biết chỗ quy hướng của đại đạo, vì thế, phần Khai Chương Thích Văn tương ứng với Chánh Tông Phần).*

Đây là đoạn lớn thứ hai, giảng về phần Chánh Tông, đều nói là *"thuận"* theo những ý nghĩa ấy (tức là dựa trên ý nghĩa của ba phần Tự, Chánh Tông, và Lưu Thông vừa giảng trên đây, mà phán định các đoạn lớn như Thông Tự Đại Ý, Khai Chương Thích Văn v.v... sẽ tương ứng với phần nào). *"Văn"* là kinh văn. Thế nào là *"tùy văn nhập quán"*? *"Quán"* là quán chiếu. Chúng ta không có cách nào, chúng ta niệm kinh văn này như thế nào, niệm đến mức nhuyễn nhừ cũng chẳng khởi lên công phu quán chiếu được. Nếu quý vị hỏi cách quán chiếu ra sao ư? Bộ Sớ Sao Diễn Nghĩa chính là do Liên Trì đại sư tùy văn nhập quán, nói cho chúng

ta biết cảnh giới quán chiếu của Ngài, đấy là quán chiếu. Cái hay của Ngài là kinh có nghĩa lý không cùng tận, mà ý nghĩa trong bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư cũng chẳng cùng tận, thật sự khó có, thật chẳng dễ dàng! Điều này cho thấy Liên Trì đại sư không soạn văn chương, bởi ý nghĩa của văn chương có cùng tận. Nói cách khác, văn chương có giới hạn, có phạm vi, chẳng phải là không có cùng tận. Văn tự của bộ Sớ Sao không có cùng tận. Nói thành thật thì văn tự của bộ Diễn Nghĩa chẳng bằng bộ Sớ Sao, thua rất xa. Văn tự trong bộ Diễn Nghĩa có phạm vi, có cùng tận; còn văn tự của bộ Sớ Sao không có cùng tận, không có phạm vi. Điều này chứng tỏ cảnh giới của pháp sư Cổ Đức không cao như cảnh giới của Liên Trì đại sư. Rốt cuộc tổ sư là tổ sư, học trò vẫn là học trò, không có trình độ cao như thầy, không đạt cảnh giới như thầy. Đối với những thứ bày ra trước mắt chúng ta, một đằng là vừa nhìn liền hiểu ngay; một đằng là có giới hạn, có phạm vi, một đằng là không có giới hạn, không có phạm vi. Diễn Nghĩa là bút ký nghe giảng kinh của pháp sư Cổ Đức, Ngài trực tiếp nghe Liên Trì đại sư giảng, ghi lại những điều Ngài đích thân nghe được, cống hiến cho chúng ta làm tài liệu tham khảo, giúp chúng ta hiểu rõ Sớ Sao.

Những ý nghĩa này cho thấy Liên Trì đại sư là bậc minh tâm kiến tánh, ngôn ngữ văn tự của Ngài từ Chân Như bổn tánh lưu lộ, cho nên không có cùng tận. Pháp sư Cổ Đức chưa kiến tánh, văn chương của Ngài phát xuất từ thức thứ sáu nên có phạm vi, có cùng tận. Do vậy, Liên Trì đại sư được tôn xưng là vị tổ sư đời thứ tám, còn pháp sư Cổ Đức chẳng thể gọi là tổ sư đời thứ chín, đạo lý ở chỗ này. Ngẫu Ích đại sư mới được tôn xưng là tổ sư đời thứ chín. Pháp sư Cổ Đức là thị giả của đại sư [Liên Trì], trước thuật trong cả đời đại sư đều do pháp sư Cổ Đức chỉnh lý, khắc ván lưu truyền cho đời sau, công đức vô lượng vô biên, tuy chưa kiến tánh! Hai cuốn sách này bày ra trước mặt, quý vị lắng lòng xem sẽ biết ngay, một cuốn ý vị không cùng tận, một cuốn ý vị có cùng tận, khác hẳn! Điều này chẳng thể gạt ai được; do vậy, Sớ Sao chính là do Liên Trì đại sư đọc kinh Di Đà, "tùy văn nhập Quán". Ngài đem những lý luận và cảnh giới do Ngài quán chiếu được nói cho chúng ta biết.

"Phương tri đại đạo chi du quy" (mới biết chỗ quy hướng của đại đạo), ai biết? Liên Trì đại sư biết! Nếu chúng ta không đọc Sớ Sao, làm sao biết được? Ngày nay chúng ta biết được *"đại đạo chi du quy"* là do Liên Trì đại sư bảo cho biết. Liên Trì đại sư bảo chúng ta mà chúng ta có tin tưởng hay không? Nếu chúng ta tin tưởng thì ngay trong năm ấy, đọc Sớ Sao lần thứ nhất lẽ ra phải tin tưởng ngay. Vì sao đọc lần thứ nhất

không tin tưởng? Đọc lần thứ hai vẫn chưa tin tưởng, đọc mấy chục lượt đều chẳng tin tưởng. Hiện nay tin tưởng, vì sao tin tưởng? Bây giờ tôi cũng đã thấy rồi! Tôi thấy giống như Ngài thấy. Tôi tin tưởng, không nói gì. Tôi chưa thấy mà quý vị chỉ nói một lượt, tôi chẳng tin. Do tôi cũng đã thấy, quý vị nói, tôi liền gật đầu: "Không sai! Đúng như vậy đó! Tôi tin". Chân tín chẳng dễ dàng, khá là khó! Do vậy, tôi mò mẫm Phật pháp ba mươi mấy năm rồi mới tin tưởng. Tôi giảng lần thứ nhất, giảng lần thứ hai, tín tâm không thanh tịnh như hiện thời, không kiên cố như hiện thời, quý vị nghe băng thâu âm [hai lần giảng] trong quá khứ sẽ nhận ra. Giảng lần đầu là nghe sao nói vậy, lần thứ hai là giảng được đôi chút phảng phất. Hiện thời là thật sự thấy được, do vậy, khác hẳn. Chân tín mà! Chữ *"tri"* này chẳng dễ dàng. Không tùy văn nhập quán, làm sao quý vị biết? Chúng ta là người đời sau được người đời trước tạo thuận tiện, hãy nên hiểu rằng: Bản thân chúng ta không khởi lên được công phu quán chiếu, cổ nhân giúp chúng ta một tay. Sớ Sao giúp đỡ chúng ta.

(Diễn) Bạt nghiệp chướng căn, tự nhiên lưu nhập thanh tịnh hải, cố kết thích thuận Lưu Thông Phần.

(演) 拔業障根，自然流入清淨海，故結釋順流通分。

*(**Diễn**: Dứt nghiệp chướng, tự nhiên lưu nhập biển thanh tịnh, nên phần Kết Thích tương ứng với Lưu Thông Phần).*

"Nghiệp chướng": Nghiệp chướng là gì? Phải hiểu rõ định nghĩa này. Quý vị phải hiểu rõ: Nghiệp là chướng, ác nghiệp là chướng, mà thiện nghiệp cũng là chướng. Quả báo của ác nghiệp là trong tam ác đạo, quả báo của thiện nghiệp là trong ba thiện đạo, đều chẳng ra khỏi luân hồi, đều chẳng thể vãng sanh, đều là Chướng! Đấy là nói thô thiển. Nói vi tế thì Nghiệp là gì? Nghiệp là tạo tác, kết quả của tạo tác gọi là Nghiệp. Nghiệp lực chẳng thể nghĩ bàn, nghiệp lực gây chướng ngại cho quý vị. Đối với tạo tác, đặc biệt chú trọng sự tạo tác nơi tâm địa: Quý vị khởi tâm động niệm, khởi vọng tưởng đều là tạo tác. Muốn thật sự dứt trừ nghiệp chướng thì phải *"dứt bặt ngôn ngữ, diệt sạch tâm hạnh"* thì mới có thể dẹp trừ nghiệp chướng. Trong mười hai thời, hãy giống như nhà Thiền đã nói *"tâm như tường vách"*, lục căn đối trước lục trần bên ngoài chẳng khởi lên một niệm, niệm gì cũng chẳng khởi, nhưng vẫn hiểu rõ ràng, minh bạch cảnh giới bên ngoài, đấy là quán chiếu, là trí huệ, trong tâm *"như như bất động"*, đấy là Thiền Định, như vậy thì mới có thể dẹp trừ nghiệp chướng căn bản. *"Tự nhiên lưu nhập thanh tịnh hải"*: Thanh tịnh hải là

tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh rộng lớn khôn sánh nên dùng biển để sánh ví. Dùng bài chú này để tổng kết cả bộ kinh, kết thúc bằng giải thích chú Vãng Sanh, đấy là *"tương ứng với phần Lưu Thông"*.

Những điều này nhằm giải thích hai chữ *"vi thuận"*. Chữ Thuận có ý nghĩa rất sâu, rất nhiều, sâu rộng không cùng tận. Chữ Thuận ấy có ý nghĩa thông với chữ *"thuận"* trong *"hằng thuận chúng sanh"* của mười đại nguyện vương. Lại thưa rõ cùng quý vị, Trung Quốc nói đến hiếu đạo, hiếu thuận, vậy hiếu là gì? Thuận gọi là hiếu, hiểu theo ý nghĩa này cũng hợp lý. Trí huệ đầy ắp trong ấy, đầy ắp phương tiện thiện xảo, do vậy mới có thể trong khi hằng thuận chúng sanh lại có thể dẹp trừ hết thảy nghiệp chướng căn bản, thật tuyệt vời! Đạt được sự thanh tịnh chân thật thì mới là Lý nhất tâm bất loạn, mới thật sự là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 5

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, dòng thứ ba trang thứ năm:

(Diễn) Tịnh nghiệp giả, nghiệp cư khổ chi tiên, phiền não chi hậu. Thập pháp giới bất đồng, giai do sở tác chi nghiệp bất đồng. Cổ vân: "Giả sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong". Hựu vân: "Phật thập lực trung, nghiệp lực thậm thâm". Hựu vân: "Thập phương chư quốc độ, giai y nghiệp lực sanh". Cố nghiệp bất khả bất tịnh.

(演)淨業者，業居苦之先，煩惱之後。十法界不同，皆由所作之業不同。古云，假使百千劫，所作業不亡。又云，佛十力中，業力甚深。又云，十方諸國土，皆依業力生。故業不可不淨。

*(**Diễn**: Tịnh nghiệp: Nghiệp ở trước khổ, ở sau phiền não. Mười pháp giới khác nhau đều do tạo nghiệp khác nhau. Cổ nhân nói: "Giả sử trăm ngàn kiếp, nghiệp đã làm chẳng mất". Lại nói: "Trong Thập Lực của Phật, nghiệp lực rất sâu". Lại nói: "Các cõi nước trong mười phương đều nương theo nghiệp lực mà sanh". Vì thế, nghiệp chẳng thể không thanh tịnh).*

Đoạn này khá quan trọng, chúng ta phải đặc biệt lưu ý, vì tu pháp môn này phải tu *"tịnh nghiệp"*. Nếu chẳng hiểu rõ định nghĩa của tịnh nghiệp, đương nhiên tu hành sẽ có chướng ngại. Nghiệp là gì? Ở đây, đại sư giải thích: Nghiệp *"ở trước khổ"*, khổ là nói về quả báo, tức là quả báo trong tam giới. Quý vị phải hiểu, cả ba cõi đều khổ, đừng nghĩ là có vui. Nếu quý vị nghĩ trong ba cõi có niềm vui thì quý vị đã nhìn lầm rồi! Trong ba cõi không có vui, chỉ có khổ. Trong Dục Giới có ba thứ khổ, có tám thứ khổ, trong các cõi trời thuộc Sắc Giới có Hành Khổ và Hoại Khổ. Dù sanh lên các tầng trời thuộc Vô Sắc Giới, không còn thân hình, nay chúng ta gọi là *"linh giới"*, trong linh giới ngay cả sắc tướng cũng không có, nhưng họ vẫn có Hành Khổ. Do vậy, nói: "Cả ba cõi đều khổ!" Đấy là chân tướng sự thật. Nếu nghĩ ba cõi có vui thì là mê hoặc. Quả báo trong tam giới gọi là Khổ Báo, chữ Khổ này chỉ quả báo trong tam giới lục đạo. Nghiệp ở trước quả báo, vì tạo nghiệp thì mới có quả báo; nhưng kinh còn dạy chúng ta: Tạo tác thiện nghiệp, có quả báo trong ba đường lành; tạo ác nghiệp, có quả báo trong ba đường ác. Bất luận thiện hay ác đều là khổ,

ba đường lành cũng khổ. Chúng ta hiện đang ở trong nhân đạo, con người có khổ hay không? Ngày nay chúng ta làm người, nếm đủ mùi vị làm người, con người khổ sở lắm! Chư thiên theo như kinh Phật đã nói: Dục Giới Thiên có nỗi khổ Ngũ Suy[11], trời Sắc Giới và Vô Sắc Giới có nỗi khổ chết đi đọa lạc, tức là chết rồi sẽ bị đọa lạc.

Ở đây, sách Diễn Nghĩa viết: Nghiệp ở trước nỗi khổ quả báo, ở sau phiền não. Không có phiền não sẽ chẳng tạo nghiệp. Phiền não là mê hoặc. Nghiệp ở giữa "Hoặc, Nghiệp, Khổ". Hễ nói đến Nghiệp thì trước nó là Hoặc, sau nó là Khổ, [Hoặc và Khổ] đều được bao gồm trong ấy. Phật pháp không chỉ nói đến một mình Nghiệp, hễ nói đến Nghiệp là nói đến Hoặc - Nghiệp - Khổ, chúng ta phải hiểu rõ điều này. Phiền não có rất nhiều loại, có Kiến Tư Phiền Não, Trần Sa Phiền Não và Vô Minh Phiền Não. Ba loại phiền não này, đặc biệt là Kiến Tư Phiền Não, chính là nhân duyên luân hồi trong lục đạo tạo nghiệp, hứng chịu quả báo, chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Phải đoạn Kiến Tư Phiền Não thì mới có thể vượt thoát luân hồi. Sách Yếu Giải nói đến *"Ngũ Trược ác thế"*, đặc biệt thảo luận cặn kẽ hai món Kiến Trược và Phiền Não Trược chính là vì đạo lý này. Đấy là Kiến Tư Phiền Não.

"Thập pháp giới bất đồng, giai do sở tác chi nghiệp bất đồng" (Mười pháp giới sai khác đều do nghiệp đã tạo sai khác): Đây là chỉ bày rõ ràng mười pháp giới do đâu mà có? Do nghiệp lực mà bản thân chúng ta đã gây tạo hiển hiện. Pháp giới vốn chỉ có Nhất Chân, không có mười pháp giới. Nhất Chân biến thành mười pháp giới, biến như thế nào? Do tạo nghiệp bất đồng, quả báo biến hiện bất đồng. Trong các bộ kinh lớn đã nêu ra một nguyên tắc chung: Căn cứ lý luận tối cao trong sự tu học Phật pháp là *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*. Nhìn từ phương diện *"duy tâm sở hiện"* thì gọi là Nhất Chân pháp giới, nhìn từ phương diện *"duy thức sở biến"* thì gọi là mười pháp giới. Chuyện này quả thật chẳng dễ hiểu cho lắm, chẳng dễ lãnh hội. Chúng ta hãy nhìn vào màn hình của TV. Trong giảng đường này, quý vị đều có thể nhìn thấy, những tướng

---

[11] Ngũ Suy là năm dấu hiệu báo trước thọ mạng của một vị trời trong Dục Giới sắp hết thọ mạng. Ngũ Suy được chia thành hai loại:

1. Đại Ngũ Suy gồm y phục dơ bẩn, hoa trên đỉnh đầu bị héo, dưới nách tự nhiên tươm mồ hôi, thân thể bẩn thỉu hôi hám, chẳng thích ngồi trên tòa của mình.
2. Tiểu Ngũ Suy gồm tiếng thiên nhạc chẳng trỗi lên nữa; ánh sáng nơi thân giảm bớt, mờ dần; nước tắm dính vào thân; đắm đuối những cảnh mình tiếp xúc không thể lìa bỏ được; thân cảm thấy trống trải, mắt nháy lia lịa.

Hễ tướng Đại Ngũ Suy xuất hiện, vị trời ấy chắc chắn phải chết; còn nếu tướng Tiểu Ngũ Suy xuất hiện, có thể tu thiện căn để cứu vãn.

được hiện trên màn hình ví như Nhất Chân pháp giới. Tướng hiện ra, nói đơn giản là *"hiện tướng"*, bất luận là hiện tướng gì, tướng ấy đều là tướng bình đẳng. Những tướng ấy biến hóa trong màn hình là do duy thức biến, thức biến tại nơi ấy. Thức có thể biến, tâm có thể hiện. Có thể hiện thì quyết định bình đẳng, trong ấy không phân biệt, không chấp trước, gọi là Nhất Chân. Nếu là cái được hiện, cái được biến thì sao? Mỗi một ống kính trong ấy đều có biến hóa, đều có những động tác khác nhau; đó gọi là *"duy thức sở biến"*. Vì vậy Năng Hiện và Sở Hiện là Nhất Chân, Năng Biến và Sở Biến là mười pháp giới, do đã tạo nghiệp khác nhau. Nghiệp đã tạo muôn ngàn sai khác, nói chẳng hết; chẳng những chúng ta không có cách nào tưởng tượng được, mà chư Phật, Bồ Tát cũng chẳng có cách gì nói trọn hết được!

Vì sao tạo nghiệp? Chúng sanh trong mười giới mê khác nhau, những thứ bị mê muội có thể chia thành hai loại lớn: Một là mê nơi Sự, hai là mê nơi Lý. Một loại là Lý lẫn Sự đều mê, loại kia là Lý và Sự đều không mê. Phật là Lý lẫn Sự đều không mê, phàm phu chúng ta mê cả Sự lẫn Lý. Quy nạp những nghiệp đã tạo thành cương lãnh và nguyên tắc để luận định thì:

- Địa ngục đạo là do nghiệp được tạo bởi tâm nóng giận, cảm thọ khổ báo trong địa ngục.

- Ngạ quỷ đạo là do nghiệp được tạo bởi tâm tham lam, keo kiệt, chiêu cảm ngạ quỷ đạo không được tự tại.

- Súc sanh đạo là do tội nghiệp đã tạo bởi tâm ngu si.

Nghiệp nhân của tam ác đạo chẳng ngoài tham, sân, si. Ngu si là gì? Nói đơn giản, chẳng hiểu rõ chân tướng của hết thảy sự lý là ngu si. Có nghĩa là quý vị chẳng phân biệt rõ ràng chân - vọng, chánh - tà, đúng - sai, thiện - ác, điên đảo ngỡ thiện là ác, tưởng ác là thiện, thị phi điên đảo, không phân biệt chân và vọng, đấy là ngu si. Kẻ ngu si có tự biết hay chăng? Không biết! Nếu người ngu si biết chính mình ngu si thì đâu còn ngu si nữa, đã khai ngộ rồi! Do vậy, chắc chắn là kẻ ấy chẳng tự biết, thường chấp trước cứng ngắc. Đấy là nghiệp nhân của súc sanh đạo.

Trong ba thiện đạo, nhân đạo tuân giữ Ngũ Giới. Đối với người không học Phật, khi Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền Trung Quốc đề xướng tiêu chuẩn đạo đức là Ngũ Thường: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín, rất giống với Ngũ Giới trong Phật pháp. Trong xã hội Tây phương, tinh thần của mười điều răn của Moses[12] trong Cơ Đốc Giáo cũng

[12] Moses (còn viết là Musa, Mosheh, Musse, Moshe Rabbeinu) là lãnh tụ tôn giáo của dân Do Thái thời cổ, được coi là nhà lập pháp, tiên tri, chỉ huy quân sự và sử gia thời

hết sức tương tự. Đấy chính là nghiệp nhân của nhân thiên đạo. Do vậy, chúng ta được làm thân người là do trong đời quá khứ từng tu Ngũ Giới, Thập Thiện, nghiệp nhân ấy chín muồi, gặp được nhân duyên này, chúng ta được hưởng quả báo làm thân người. A Tu La cũng tu Ngũ Giới, Thập Thiện, vì sao họ biến thành Tu La? Họ có công phu Ngũ Giới Thập Thiện kha khá, tu khá lắm, nhưng có tập khí rất nặng: Nóng giận, ngạo nghễ, tự cao. Tuy không đoạn trừ tập khí ấy, nhưng họ có phước đức tu Ngũ Giới Thập Thiện nên cảm được quả báo A Tu La. Chắc chắn là A Tu La có phước, bất luận ở trong đường nào, chỉ cần là A Tu La sẽ nhất định có phước báo rất lớn, nhưng chưa chắc họ đã tu thiện. Trong khi tu nhân thì họ có tu thiện, nhưng khi hưởng quả, chưa chắc đã tu thiện.

Thiên đạo là tu Thập Thiện nghiệp đạo. Nếu [muốn sanh vào những cõi trời cao hơn, như] từ Sắc Giới Thiên trở lên, còn phải tu thêm Tứ Thiền Bát Định, tu Tứ Vô Lượng Tâm: Từ, bi, hỷ, xả. Chư thiên Sắc Giới và Vô Sắc Giới, chắc chắn không có sân khuể. Trong Kiến Tư Phiền Não, họ không có sân khuể. Vì sao không có tâm sân khuể? Họ có Định. Nếu kẻ nào có tâm sân khuể sẽ không có Định. Do đây có thể biết rằng: Sân khuể là chướng ngại lớn nhất đối với người tu Định. Đừng nói là chẳng thể thành tựu xuất thế gian Định, ngay cả thế gian Định cũng chẳng thể thành tựu. Do vậy, người chứng Sơ Thiền trở lên không có sân khuể. Đấy là nói về lục đạo. Lục đạo là phàm phu; chúng ta gọi những vị không thuộc trong

---

ấy. Ông ta được xem như là tác giả của bộ Torah (năm cuốn đầu trong Thánh Kinh Do Thái, tương đương với năm quyển đầu trong Cựu Ước của Thánh Kinh Thiên Chúa Giáo, còn gọi là Pentateuch). Theo Kinh Thánh, Moses là con trai của Amram và Jochebed, thuộc chi tộc Levite. Theo một chiếu chỉ của Pharaoh Ai Cập, tất cả các bé trai sơ sinh thuộc dân tộc Do Thái trong năm ấy phải bị giết để tránh cho đế quốc Ai Cập khỏi bị sụp đổ. Sau khi cố giấu diếm đứa con mới sanh được ba tháng, cuối cùng Jochebed buộc phải phó thác con cho số phận bằng cách thả chiếc nôi của con trôi theo dòng sông Nile. Cuối cùng, cậu bé được công chúa Thermuthis của Ai Cập vớt được, nhận làm con nuôi và đặt tên là Mosheh (có nghĩa là vớt khỏi nước) và trở nên một thành viên của hoàng gia Ai Cập. Sau khi ra tay giết chết một quản nô Ai Cập để cứu một người Hebrew, Moses phải chạy trốn vào vùng Sinai, rồi trở thành mục tử trong 40 năm tại Midian. Về sau, ông được Jehovah (Thiên Chúa của người Do Thái) mặc khải tại núi Horeb, truyền hãy trở về Ai Cập với sứ mạng giải phóng dân tộc mình khỏi ách nô lệ. Ông cùng với anh là Aaron dẫn dắt dân Do Thái băng qua Hồng Hải, tiến vào hoang mạc tìm cách trở về đất hứa Israel. Do lòng vô tín của dân Israel, ông cùng với họ phải lưu lạc trong đó suốt 40 năm. Dù thọ đến 120 tuổi, Moses không được vào Đất Hứa mà chết trong hoang mạc. Mười Điều Răn (Ten Commandments, Decalogue) là do Thiên Chúa khải thị cho Moses trên núi Sinai, và trao cho ông ta bảng đá khắc mười điều ấy.

lục đạo là *"thánh nhân"*, thuộc vào tứ thánh pháp giới. Thanh Văn tu pháp Tứ Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Duyên Giác tu Thập Nhị Nhân Duyên. Bồ Tát tu Lục Độ vạn hạnh. Phật tu chân từ bi bình đẳng, thật sự từ bi, thật sự bình đẳng. Đấy là giới thiệu với quý vị một cách đơn giản về sự khác nhau trong mười pháp giới, đã tạo các nghiệp khác nhau. Chúng ta tạo nghiệp như thế nào, sẽ có pháp giới như thế ấy hiện tiền. Đấy là quả báo. Nếu chúng ta muốn thành Phật thì phải tu từ bi bình đẳng thật sự. Muốn làm Bồ Tát, nhất định phải tu Lục Độ vạn hạnh. Muốn làm quỷ, tức là chết đi sẽ làm quỷ thì phải tu tâm tham, tham cầu không chán, tương lai sẽ làm quỷ. Mười pháp giới chẳng có một ai làm chủ tể trong ấy muốn phái chúng ta đi vào đó, không hề có! Không ai có năng lực đó, mà là do nghiệp lực của bản thân chúng ta hiện ra, tự làm, tự chịu, chẳng phải do bên ngoài mà có!

Cổ nhân có nói mấy câu rất hay, chúng ta phải ghi nhớ: *"Giả sử trăm ngàn kiếp, nghiệp đã tạo chẳng mất, khi nhân duyên tụ hội, quả báo phải tự chịu"*, tự làm, tự chịu mà! Do vậy, đối với chuyện tạo nghiệp, phải cẩn thận, vì sao? Chủng tử của nghiệp ở trong A Lại Da Thức quyết định chẳng mất đi, chẳng thể thất lạc. Cái kho A Lại Da Thức là nơi bảo đảm bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian, làm cách nào cũng chẳng thể mất đi được. Ngàn vạn phần chớ cho rằng: Tôi làm rồi, đại khái là chẳng sao hết! Thức thứ sáu là Ý Thức chẳng nghĩ đến nữa, quên mất rồi, nhưng cái kho A Lại Da Thức cất chứa rất kỹ, chẳng tổn hoại tí xíu nào. Khi nào nhân duyên tụ hợp, quả báo bèn hiện tiền. Do vậy, khởi tâm động niệm chẳng thể không cẩn thận, chẳng thể không chú ý đối với hết thảy tạo tác.

"Hựu vân: Phật Thập Lực trung, nghiệp lực thậm thâm" (Lại nói: Trong Thập Lực của Phật, nghiệp lực rất sâu): Thập Lực của Phật chính là mười thứ năng lực hết sức thù thắng nơi quả vị Như Lai rốt ráo, Bồ Tát chẳng có mười thứ năng lực ấy. Mười thứ năng lực ấy đều do trí huệ sanh khởi. Do vậy, Phật mới có thể độ hết thảy chúng sanh, Ngài có năng lực lớn như vậy; nhưng trong mười thứ năng lực ấy, nghiệp lực sâu nhất. Điều này cũng khiến cho chúng ta nghe xong bèn thắc mắc: "Đã thành Phật, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vẫn còn có nghiệp lực ư? Nếu có nghiệp lực thì làm sao có thể thành Phật?" Con người hiện thời cho rằng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn phải tiêu nghiệp, mang theo nghiệp một phần, tiêu một phần, thế mà đạt đến quả địa rốt ráo vẫn còn nghiệp lực rất sâu, chuyện này khiến chúng ta rất hoang mang, không hiểu được! Thật ra, chúng ta thường nói *"trong Thập Lực, nghiệp lực rất sâu"*, đấy là Phật biết hết thảy chúng sanh nghiệp lực rất sâu, chứ chính

Ngài đã chuyển được nghiệp lực, chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển nghiệp lực rất sâu của chính mình thành Bồ Đề, chuyển biến thành công đức. Có nghĩa là Phật đã chuyển tám thức thành bốn trí. Phật biết nghiệp lực của hết thảy chúng sanh; do vậy, Phật giáo hóa chúng sanh mới thật sự khế cơ, khế lý, gặp được Phật, không một ai chẳng thành tựu.

"Hựu vân, thập phương chư quốc độ giai dĩ nghiệp lực sanh" (Lại nói, các cõi nước trong mười phương đều nương theo nghiệp lực mà sanh): Câu này rất khẩn yếu. Trong kinh, đức Phật dạy: *"Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng"* (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng), *"nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh"* (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng), nhưng chúng ta cảm thấy những tướng hư vọng ấy dường như thật sự tồn tại, bày ra trước mắt chúng ta, chuyện như thế nào đây? Đấy là do nghiệp lực bất đoạn cho nên huyễn tướng ấy tồn tại liên tục. "Liên tục" mang ý nghĩa: Trong thực tế, hoàn toàn không phải là tướng được hiện có thể tạm thời ngưng trụ một thời gian nào đó, không phải vậy, mà là mỗi một tướng ấy đều độc lập, tướng trước và tướng sau giống nhau, thật ra là hai, chứ không phải là một. Mỗi một tướng đều là tương tự. Chẳng hạn như hiện thời chúng ta dùng máy chụp hình để chụp ảnh, trước mắt, loại máy chụp hình phổ biến nhất hiện nay là loại trong một giây có thể chụp được hai mươi bốn tấm, ống kính đóng mở hai mươi bốn lần. Khi quý vị chiếu phim, phải dùng hai mươi bốn tấm phim, mỗi giây là hai mươi bốn tấm. Nói cách khác, trong một giây có hai mươi bốn tấm hình. Nếu một người vừa sanh ra liền được quay phim, quay mãi cho đến khi già chết, quay phim liên tục không ngừng, quý vị thấy quá trình cả một đời người ấy, chẳng phải là từng tấm độc lập hay chăng? Tấm phía trước rất giống với tấm phía sau, không thể thấy chỗ khác nhau, thế nhưng cách biệt nhau mấy vạn tấm, nhưng [đem tấm thứ nhất] so với tấm thứ mấy chục vạn ở phía sau thì chẳng giống hệt nhau. Vì sao không giống hệt? Do duy thức biến.

Từ tỷ dụ này, quý vị sẽ thấu hiểu: Đời người và thế giới này là chuyện gì vậy? Hư vọng, chẳng chân thật! Từ tỷ dụ, chúng ta có được một khái niệm, thấu hiểu tướng chân thật, mỗi tấm phim đều là hư vọng. Đức Phật bảo chúng ta, nói [tướng được biến hiện] giống y như cũ tức là chẳng phải nói sự thật, vì không có cách gì diễn tả được pháp chân thật, không thể nói được. Đức Phật dạy chúng ta trong một khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Quý vị cứ nhân lên, chúng ta tính xem: Một giây gồm bốn lần khảy ngón tay, bốn nhân sáu mươi nhân với chín trăm (4x60x900), trong một giây có bao nhiêu lần

sanh diệt? Giống như ống kính của máy chụp hình đóng mở bao nhiêu lần? Hơn hai mươi vạn lần! Máy ảnh hiện thời trong một giây đóng mở hai mươi bốn lần mà chúng ta nhìn không ra sự hư vọng; nếu một giây đóng mở hơn hai mươi vạn lần, làm sao quý vị nhận biết được tướng ấy là tướng hư vọng? Làm sao có thể nhận biết tướng ấy, mỗi một Tướng Phần[13] đều là Tướng Phần độc lập ư? Vì vậy, chúng ta nói *"tương tục"* (liên tục) thì chẳng phải là tướng ấy tồn tại trong một thời gian dài, không phải vậy, từ trước đến giờ nó chẳng hề tồn tại trong một thời gian dài. Còn Tướng chân thật là "lửa xẹt do đập vào đá, là ánh sáng của tia chớp", trong sát-na sẽ chẳng thể thấy nữa. Điều này giảng rõ *"các cõi nước trong mười phương đều nương theo nghiệp lực mà sanh"*. Nghiệp thanh tịnh, cõi nước liền thanh tịnh; nghiệp ô uế, cõi nước bèn ô uế, đấy chính là nói: *"Tướng chuyển theo tâm"*, *"vạn pháp duy tâm sở tạo"*. Tây Phương Cực Lạc thế giới do tịnh nghiệp của chúng sanh cảm thành, do tịnh nghiệp hiện, người nơi ấy ai cũng tu Tịnh nghiệp. Quý vị cũng tu Tịnh nghiệp sẽ chí đồng đạo hợp với họ, có cùng một cảnh giới với họ, nên mới có thể vãng sanh.

Do vậy học Phật, đặc biệt là có những người học Phật cũng đọc kinh Phật, cũng tin tưởng, nhưng chẳng chịu lạy Phật, chẳng chịu thọ giới, chẳng chịu quy y, họ cảm thấy những thứ ấy không cần thiết, [cứ nghĩ] tin là được rồi! *"Kinh nói Tín - Nguyện - Hạnh, ta cũng đầy đủ Tín - Nguyện - Hạnh"*, người ấy có được vãng sanh hay không? Chẳng thể vãng sanh! Chính họ nghĩ mình đã đầy đủ Tín - Nguyện - Hạnh, thật ra cả ba món Tín - Nguyện - Hạnh đều chẳng đủ. Nếu quý vị nói tới Tín thì kinh đã nói rõ ràng; *"Tịnh nghiệp tam phước"* như trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh đã dạy chính là ba điều kiện ắt phải trọn đủ: Thiện căn, phước đức, nhân duyên. Điều kiện thứ nhất là *"hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện nghiệp"*, kẻ ấy đã làm được hay chưa? Điều kiện thứ hai là *"thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới"*, kẻ ấy chẳng quy y, chẳng chịu thọ giới! Điều kiện thứ ba: *"Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả"*, khuyến tấn hành giả là hoằng pháp lợi sanh. Quý vị chẳng thể y giáo phụng hành tức là chẳng Tín, chẳng chịu làm như vậy là chẳng Nguyện, thì có Hạnh ở chỗ nào? Do vậy, những kẻ thông minh trí huệ trong thế gian hằng ngày đọc kinh Phật chắc chắn chẳng thể vượt thoát lục đạo luân hồi. Họ tự mình chiếu theo đó để làm, không có thầy giảng giải cho họ. Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạc năng giải"* (Phật pháp không có người nói thì tuy

[13] Tướng Phần (còn gọi là Sở Thủ Phần) là một thuật ngữ chỉ hình ảnh của cảnh giới bên ngoài (lục trần) được sáu căn tiếp nhận, lưu giữ ấn tượng trong tâm thức.

có trí cũng chẳng thể hiểu được). Người trong thế gian dù thông minh trí huệ đến đâu đi nữa, chẳng thể hiểu Phật pháp, vì lẽ nào? Vì họ có tâm ý thức, có phân biệt, chấp trước, có vọng tưởng, có tà kiến, chấp trước những thứ ấy, chẳng thể thành tựu! Phật pháp cần phải có người giảng, người nào giảng được? Người nào bỏ tâm ý thức, người ấy thật sự hiểu Phật pháp. Người lìa hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng sẽ hiểu Phật pháp.

Nói nghiêm ngặt, thọ Tam Quy, Ngũ Giới chẳng phải là chuyện dễ dàng. Phát tâm cầu thọ Tam Quy, đấy là nhập môn, vào học, phát tâm cầu thọ Ngũ Giới là đi thi. Hiện thời, Phật pháp đã suy, suy đến mức chỉ có hình thức, không có thực chất, trong sự tu học điều gì cũng không đúng pháp. Chúng ta không cần bàn đến chuyện xuất gia thọ giới, chỉ nói về tại gia thọ Ngũ Giới. Hiện thời, quý vị muốn thọ giới ở nơi nào đó, hễ ghi danh liền lập tức thọ giới pháp, dễ dàng quá! Trước kia thì không được, trước kia, quý vị muốn cầu thọ Ngũ Giới, quý vị phải theo học với vị pháp sư ấy. Pháp sư dạy quý vị, quý vị phải tu sáu tháng, pháp sư quan sát quý vị trong sáu tháng, thấy quý vị có thể thọ được hay không? Trong vòng sáu tháng, thấy quý vị vẫn không sai sót, trong tri kiến, trong hành trì, quý vị đều có thể thọ được thì mới chịu truyền cho quý vị. Đâu có chuyện hễ muốn thọ giới liền thọ, đâu có đơn giản như vậy, quan sát trong sáu tháng. Hiện thời có còn như vậy hay chăng? Hiện thời không còn nữa! Thọ giới xuất gia càng khó hơn nữa! Nói thông thường là phải quan sát trong năm năm; do vậy, xuất gia là học giới trong năm năm. Quý vị muốn thọ giới Sa Di, tối thiểu cũng phải quan sát từ sáu tháng đến một năm, người thật sự có thể giữ giới thì mới cho thọ giới Sa Di. Sau khi thọ giới Sa Di, còn phải quan sát trong thời gian năm năm mới có thể thọ giới tỳ-kheo, thọ giới Bồ Tát. Hiện thời đơn giản, là vì trong thời đại công nghiệp, hết thảy đều mong cầu hiệu quả tức thời, trong vòng một tháng, tam đàn đại giới đều thọ hết. Trong quá khứ không thể như vậy. Vì thế, trước kia, tố chất (phẩm chất, quality) quả thật là cao, số người [được thọ giới] ít ỏi; hiện thời, tố chất rất tệ, số người thọ giới rất đông.

Những điều này đều nhằm giảng rõ nghiệp lực có quan hệ rất sâu. Học Phật nhất định phải đúng lý, đúng pháp thì mới có kết quả. Trái nghịch lý luận, chẳng tuân theo pháp tắc, cứ dựa vào sự tưởng tượng do trí huệ thông minh của chính mình, đến cuối cùng chẳng có kết quả gì! Chuyện này đã được nói rõ trong Đàn Kinh nơi đoạn nói về Vĩnh Gia đại sư. Kinh bảo rõ ràng với chúng ta: Trước thời Oai Âm Vương Phật, tự mình tu hành thì được; từ sau thời Oai Âm Vương Phật, nếu không có thầy, tự mình tu hành mà thành tựu đều là thiên ma ngoại đạo, không một

ai có thể thành chánh quả. Oai Âm Vương Phật là vị cổ Phật từ vô lượng kiếp trước, từ sau thời Ngài, những kẻ không có thầy mà tự thông sẽ đều là thiên ma ngoại đạo.

Còn có một hạng người "tôi cũng theo một vị thầy, nghe lời thầy, tôi cũng theo học với thầy, tôi học thành rồi, nhưng không lễ bái thầy". Đến chỗ Lục Tổ tham học, khi kẻ ấy đến, hoàn toàn chẳng nói rõ, hoàn toàn chẳng lễ bái thầy, ngồi cùng một chỗ với đại chúng, ngồi nghe kinh nơi đó. Lục Tổ rất lợi hại. Trong khi giảng khai thị, Lục Tổ tuyên bố: *"Trong đại chúng có kẻ tới trộm pháp"*, ép kẻ đó không có cách nào khác, phải đứng lên nói rõ nguyên do, trộm pháp mà! Người trộm pháp có thể thành tựu hay chăng? Chẳng thể thành tựu! Do vậy, chẳng đúng pháp thì sẽ như thế nào? Chẳng đúng pháp, nghiệp chẳng thanh tịnh. Đúng pháp, đúng lý, nghiệp mới thanh tịnh. *"Cho nên nghiệp chẳng thể không thanh tịnh"*, nhất là trong pháp môn này, pháp môn này gọi là pháp môn Tịnh Độ, điều được tu là Tịnh nghiệp. Tiêu chuẩn của Tịnh nghiệp là như trong kinh này đã dạy. Bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư và sách Diễn Nghĩa của pháp sư Cổ Đức đều nhằm nói rõ cách tu và cảnh giới của Tịnh nghiệp. Tiếp theo đây, sách giảng về Tín - Nguyện - Hạnh, dựa trên cương lãnh để nói:

(Diễn) Tín giả, bất nghi chi vị.
(演) 信者不疑之謂。
*(**Diễn**: Tín có nghĩa là chẳng nghi).*

Chẳng nghi thì gọi là Tín.

(Diễn) Ư Tịnh Độ diệu lý, thâm tín bất nghi.
(演) 於淨土妙理，深信不疑。
*(**Diễn**: Đối với lý mầu Tịnh Độ, tin sâu chẳng nghi).*

Đấy mới gọi là tin tưởng thật sự. Hiện thời chúng ta có tin hay không? Rất khó nói! Nói quý vị không tin thì dường như quý vị rất kiền thành; nói quý vị tin thì vẫn chưa hiểu đạo lý Tịnh Độ. Vẫn chưa hiểu thì làm như thế nào? Chớ nghi! Căn bản là chẳng hiểu đạo lý trong pháp môn này. Người ta nói, ta liền tin ngay, ta học ngay, còn chưa hiểu đạo lý, nhưng không dấy lên nghi vấn. Sau khi đã nhập cảnh giới mới khởi lên nghi vấn, mới đặt câu hỏi. Chúng ta không hiểu đạo lý này, "chẳng hiểu" là do vô minh che lấp, đấy cũng là một chướng ngại lớn. Nhất định phải

hiểu lý, nhất định phải đoạn nghi sanh tín thì mới là tín tâm chân thật. Do vậy, phải thường đọc bộ Sớ Sao Diễn Nghĩa, xem thường xuyên. Quý vị có thể niệm kinh trong khóa tụng sáng tối, kinh Di Đà không dài! Nói chung, mỗi ngày phải đọc mấy đoạn Sớ Sao Diễn Nghĩa, có nghi thì phải hỏi. Chúng ta cùng nhau nghiên cứu, thảo luận, lý càng biện định, càng hiểu rõ. Hiểu rõ rồi, chúng ta sẽ đoạn sạch nghi, tín tâm mới thật sự kiến lập. Đương nhiên, trong khi giảng giải, sẽ có nhiều nghi vấn được phúc đáp. Trong khi giảng giải không nêu ra, sẽ chẳng có phúc đáp. Trong pháp hội niệm Phật mỗi Chủ Nhật, chúng tôi chuyên môn giải đáp câu hỏi cho quý vị, hy vọng quý vị nêu ra nhiều câu hỏi để chúng ta cùng nhau nghiên cứu, thảo luận.

(Diễn) Hạnh giả, xu tạo chi vị, ư Di Đà danh hiệu, niệm niệm minh liễu.

(演) 行者趨造之謂。於彌陀名號，念念明了。

*(**Diễn**: Hạnh là hướng đến, tạo tác. Đối với danh hiệu Di Đà, trong mỗi niệm đều biết rõ).*

"Hạnh" là nói tới tu hành. Hạnh là hướng đến, là tạo tác. Chúng ta hướng đến mục tiêu nào? Hướng đến mục tiêu là Tây Phương Cực Lạc thế giới, đi theo phương hướng ấy. Hết thảy tạo tác của chúng ta phải tương ứng với mục tiêu ấy. Kinh dạy chúng ta phương pháp tu hành là *"chấp trì danh hiệu"* và *"nhất tâm bất loạn"*, *"tâm chẳng điên đảo"*, ba câu này quan trọng nhất. Ba câu này là điều kiện cần phải hội đủ để sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. *"Đối với danh hiệu Di Đà"*: Danh hiệu là bốn chữ A Di Đà Phật. *"Nam-mô"* có nghĩa là quy y, thêm Nam-mô thành sáu chữ, tức lục tự hồng danh. *"Niệm niệm minh liễu"*: Niệm chẳng phải chỉ là miệng niệm. Chữ Niệm thuộc loại Hội Ý, [Niệm gồm hai chữ Kim và Tâm ghép lại], *"kim tâm"* là cái tâm hiện tiền, [*"niệm niệm minh liễu"* là] hiểu rõ cái tâm hiện tiền. Hiểu rõ sẽ chẳng mê, A Di Đà Phật là Vô Lượng Giác, giác chứ không mê. Cái tâm hiện tiền này giác chứ không mê, đấy là A Di Đà Phật. Niệm niệm đều hiểu rõ, niệm niệm đều chẳng mê, đấy là quy y Vô Lượng Giác. Do vậy, một câu danh hiệu phải khiến cho cái tâm hiện đang mê hoặc điên đảo của quý vị xoay chuyển, phải đánh thức nó từ mê trở về ngộ, từ nhiễm trở về tịnh, từ loạn tâm quay về nhất tâm. Đấy là Hạnh.

(Diễn) Nguyện giả, nhạo dục chi vị.

(演) 願者樂欲之謂。

*(**Diễn**: Nguyện có nghĩa là ưa muốn).*

"Nhạo" (樂) là ưa thích, *"dục"* (欲) là mong mỏi, hết sức hoan hỷ, rất hy vọng có thể đến được thế giới Cực Lạc.

(Diễn) Ư Cực Lạc thế giới tâm tâm hướng vãng.

(演) 於極樂世界心心向往。

*(**Diễn**: Tâm luôn hướng về thế giới Cực Lạc).*

Đấy là thật, chẳng phải giả. Niệm niệm đều nghĩ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó gọi là Nguyện. Chúng ta hãy suy nghĩ, Tín - Nguyện - Hạnh có hay không? Chúng ta niệm Phật đã nhiều năm như vậy, không có cảm ứng, chẳng trách chính mình, ngược ngạo trách móc Phật, Bồ Tát chẳng linh! Chúng ta niệm đã nhiều năm như vậy mà chẳng có cảm ứng, chẳng trách chính mình đối với ba điều kiện chẳng trọn đủ một điều kiện nào, chúng ta có thật sự tâm tâm niệm niệm muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới hay chăng? Đến Niệm Phật Đường, niệm kinh văn, niệm Phật hiệu, trong tâm vẫn nghĩ đến chuyện khác, đều chẳng nghĩ tới Tây Phương Cực Lạc thế giới thì làm sao được nữa? Vẫn khởi vọng tưởng, vẫn suy nghĩ lung tung, đủ thấy là "miệng có, tâm không", không nguyện gì hết! Ba điều kiện khuyết mất một điều sẽ chẳng thể có cảm ứng.

(Diễn) Thử Tịnh Độ tam tư lương dã.

(演) 此淨土三資糧也。

*(**Diễn**: Đấy là ba món tư lương của Tịnh Độ).*

Ba điều kiện của Tịnh Độ chính là ba điều kiện giúp quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ắt phải trọn đủ [ba điều kiện ấy], chẳng thể thiếu một điều nào. Cái tâm của chúng ta thật sự là tâm tâm niệm niệm chỉ nghĩ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng nghĩ tới điều gì khác. Chuyện gì trong thế gian này cũng đều bỏ hết, quý vị sẽ cảm ứng đạo giao rất nhanh. Nói chung, phải coi chuyện này là chuyện chính đáng, nhất thiết phải làm, lại còn coi nó như là chuyện trọng yếu nhất mà ta cần phải làm trong cuộc đời này. Những chuyện khác đều là chuyện vặt vãnh, chẳng khẩn yếu; còn chuyện này là chuyện lớn, là chuyện khẩn yếu nhất; phải làm như vậy thì mới có thể có thành tựu. Đây là nói về Tín - Nguyện -

Hạnh, Tín - Nguyện - Hạnh chính là ba đoạn lớn trong phần Chánh Tông mà cũng là ba đại cương lãnh của kinh này.

Đoạn kế tiếp sẽ giải thích câu *"diệc thuận Tịnh nghiệp Tín - Hạnh -Nguyện cố"* (mà cũng là thuận theo Tín - Nguyện - Hạnh của Tịnh nghiệp), nói về ba món tư lương. Lời giảng về Tín - Nguyện - Hạnh trong phần trên nhằm nêu rõ: Ba đoạn lớn trong phần Chánh Tông của kinh này, tức nội dung của phần Chánh Tông, hoàn toàn tương ứng ba món tư lương Tịnh Độ.

(Diễn) Diệc thuận giả, khế kỳ đại đoan, tự năng thâm nhẫn; cố Thông Tự thuận Tín tư. Thiện độc kinh giả, tùy văn nhập quán, cố Khai Chương thuận Hạnh tư. Thức sở du quy, vô bất hướng mộ, cố Kết Thích thuận Nguyện tư.

(演)亦順者。契其大端，自能深忍，故通序順信資。善讀經者，隨文入觀，故開章順行資。識所攸歸，無不向慕，故結釋順願資。

(***Diễn***: *"Cũng là thuận theo": Khế hợp với đầu mối lớn, tự có thể chấp nhận sâu xa, vì thế phần Thông Tự tương ứng với món tư lương Tín [trong ba món tư lương Tịnh Độ]. Người khéo đọc kinh sẽ theo kinh văn mà nhập quán nên phần Khai Chương tương ứng với tư lương Hạnh. Biết chỗ quy kết, không ai chẳng hướng về, ngưỡng mộ, nên phần Kết Thích tương ứng với tư lương Nguyện*).

Bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư gồm ba đoạn lớn: Thông Tự Đại Ý, Khai Chương Thích Văn và Kết Thích Chú Ý. Ba đoạn lớn này cũng tương ứng với phần cốt lõi của kinh này, tức là ba món Tư Lương. Đoạn lớn thứ nhất là Thông Tự Đại Ý tương ứng với tư lương Tín trong ba món Tư Lương. Câu nói này hết sức khẳng định, hết sức chính xác. Đoạn Thông Tự Đại Ý chưa bước vào kinh văn, chưa giảng đến kinh văn, nhưng phân lượng chiếm cả một quyển. Toàn bộ quyển thứ nhất giảng về Thông Tự Đại Ý, tới quyển thứ hai mới giảng kinh văn. Do vậy, quyển thứ nhất hết sức quan trọng. Chúng ta đọc Sớ Sao, nếu đọc xong quyển thứ nhất, tín tâm kiên cố, tín tâm đã kiến lập thì công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn.

"Khế kỳ đại đoan": Đại đoan (đầu mối lớn) là ba món Tư Lương, người ấy có thể khế nhập [ba món Tư Lương ấy]. *"Tự năng thâm nhẫn"*: Thâm Nhẫn là Tín, Nhẫn (忍) có nghĩa là đồng ý, chấp nhận. Quý vị nói lời này, tôi đồng ý, tôi thừa nhận, tôi không phản đối, tôi cũng chẳng hoài

nghi thì gọi là Nhẫn. Sự chấp nhận ấy không hời hợt nên gọi là Thâm Nhẫn. Vì sao Thâm Nhẫn? Những đạo lý được giảng trong phần này đều hiểu rõ hết, không hoài nghi, tin tưởng rất sâu.

Đoạn thứ hai là Khai Chương Thích Văn nhằm giải thích toàn bộ kinh, tức là nói về Sớ Sao. *"Thiện độc kinh giả, tùy văn nhập quán"* (người khéo đọc kinh sẽ thuận theo kinh văn mà nhập quán), hai câu này khẩn yếu, điều quan trọng nhất trong khi đọc kinh là phải *"tùy văn nhập quán"*, tức là dựa theo kinh văn để khởi lên công phu quán chiếu của chính mình, như vậy sẽ được thụ dụng, đọc đến chỗ nào, cảnh giới nơi ấy sẽ hiện tiền. *"Khai Chương thuận Hạnh tư"* (phần Khai Chương tương ứng với tư lương Hạnh): Y giáo tu hành, nương theo văn quán chiếu, đó là *"khéo đọc kinh"*. Khéo nghe, khéo nói cũng giống như vậy, cũng hiểu theo nghĩa này.

Đoạn lớn thứ ba là Kết Thích Chú Ý, *"thức sở du quy, vô bất hướng mộ"* (biết chỗ quy kết, không ai chẳng hướng về, ngưỡng mộ): Ghép Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni, tức Vãng Sanh Chú, vào sau bản kinh này.

Chú có công năng dẹp trừ nghiệp chướng của chúng ta, giúp chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, biết chỗ quy hướng, không ai chẳng ngưỡng mộ. *"Cố Kết Thích thuận Nguyện tư"* (vì thế, phần Kết Thích tương ứng với tư lương Nguyện): Tư lương Nguyện trong ba món Tư Lương. Tiếp theo đây, chúng ta lại xem phần Khoa Phán.

(Sớ) Sơ Thông Tự Đại Ý.

(疏) 初通序大意。

*(**Sớ**: Thứ nhất là Thông Tự Đại Ý).*

Phần này gồm năm đoạn.

(Sớ) Sơ minh tánh, nhị tán kinh, tam cảm thời, tứ thuật ý, ngũ thỉnh gia.

(疏) 初明性，二讚經，三感時，四述意，五請加。

*(**Sớ**: Thứ nhất là chỉ rõ tánh, hai là khen ngợi kinh, ba là cảm thán trước thời thế, bốn là trình bày ý nghĩa [vì sao phải chú giải kinh], năm là thỉnh Tam Bảo gia hộ).*

"Gia" (加) là gia trì, chúng tôi giải thích tên gọi của năm khoa này trước, đây là năm khoa nhỏ, tức các tiểu đoạn.

(Diễn) Sơ minh tánh giả.

(演) 初明性者。

*(**Diễn**: Thứ nhất, minh tánh là...).*

Giải thích tên gọi của khoa này, "minh tánh là gì?" Từ tên gọi của khoa này, quý vị sẽ biết căn cứ lý luận của bộ kinh này chẳng thể nghĩ bàn, mới có thể thật sự nhận biết giá trị của bộ kinh này.

(Diễn) Tánh tức thường trụ chân tâm.

(演) 性即常住真心。

*(**Diễn**: Tánh chính là chân tâm thường trụ).*

Kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Thường trụ chân tâm, tánh tịnh minh thể"*.

(Diễn) Toàn thể thị Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật.

(演) 全體是極樂世界阿彌陀佛。

*(**Diễn**: Toàn thể [của tánh] chính là đức A Di Đà Phật ở thế giới Cực Lạc).*

Tuyệt diệu! Trong khóa tụng, chúng ta đọc thấy câu *"Pháp giới tạng thân A Di Đà Phật"*. Cách xưng hô này chẳng phải là không có căn cứ, chẳng phải là nói tùy tiện. Chúng ta đọc đến đây bèn hiểu: Đúng là Pháp Giới Tạng Thân, vì sao? *"Toàn thể là đức A Di Đà Phật ở thế giới Cực Lạc"*. A Di Đà Phật là gì? Chính là Chân Như bổn tánh của bản thân chúng ta. Đấy gọi là *"duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà"*, là căn cứ lý luận cho pháp môn này, nêu rõ giáo thể của kinh này cho chúng ta thấy.

(Diễn) Sơ minh giả.

(演) 初明者。

*(**Diễn**: Trước hết, nêu rõ [tự tánh] là vì....)*

"Minh" (明) là nêu rõ. Tánh vốn sẵn có, vốn sẵn đầy đủ, nhưng kẻ sơ học chẳng thể hiểu rõ.

(Diễn) Khủng nhân nhận A Di Đà Phật tại tự tánh chi ngoại, cố cổ vân: "Nhược nhận tha thị Phật, tự kỷ khước thành ma". Hựu vân: "Cầu nhân bất như cầu tự kỷ".

(演)恐人認阿彌陀佛在自性之外。故古云，若認他是佛，自己卻成魔。又云，求人不如求自己。

*(**Diễn**: Sợ người ta nghĩ A Di Đà Phật ở ngoài tự tánh nên cổ nhân nói: "Nếu nghĩ ai khác là Phật thì chính mình đã trở thành ma". Lại nói: "Cầu người khác chẳng bằng cầu chính mình").*

Những câu nói này đều là lời lẽ trong Thiền Tông; vì vậy, đại sư bắt buộc phải nói rõ cho chúng ta biết, chỉ giúp cho chúng ta, khiến cho chúng ta nhận biết rõ ràng: Bản thể của pháp môn này là gì? Căn cứ lý luận của pháp môn này là gì? Chính là Chân Như bổn tánh của chính chúng ta, là chân tâm thường trụ. Có những điều hiểu lầm như đã nêu trong đoạn [Diễn Nghĩa] vừa trích trên đây hay không? Có, không chỉ có mà còn có rất nhiều! Nói chung, người ta thường tưởng A Di Đà Phật ở ngoài tự tánh, cầu pháp ngoài tâm, đó là ngoại đạo. Chẳng biết Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật do tâm của chính mình hiện, là do thức của chính mình biến. Chẳng biết đạo lý này! Tôi nói như vậy, quý vị hiểu ngay, từ nay trở đi, quý vị bắt đầu biết. Có thật sự biết hay chăng? Chưa trọn hết! Vì sao? Thế giới trước mắt chúng ta có phải là do tâm tạo hay không? Có phải là do thức biến hay không? Cũng vậy, chẳng khác gì! Thế giới hiện tại này do uế tâm biến ra, thế giới Cực Lạc do tâm thanh tịnh của chúng ta biến ra. Thế giới này do cái tâm ô uế biến ra, hoặc thế giới này do loạn tâm của chúng ta biến ra. Tây Phương Cực Lạc thế giới do nhất tâm biến, phải hiểu đạo lý này! Thật sự hiểu rõ Tự và Tha chẳng hai, vạn pháp giống như một. Nếu quý vị có kiến giải này, quý vị khẳng định như vậy, quý vị tu học Đại Thừa Phật pháp chẳng khó; quý vị thật sự là pháp khí Đại Thừa, có tư cách tiếp nhận Phật pháp Đại Thừa. Nếu quý vị chẳng tin tưởng thì hãy học dần dần, bồi dưỡng dần dần. Nếu quý vị tin tưởng, chẳng ngờ vực, quý vị bèn có tư cách tu học Đại Thừa. Tâm lượng quý vị đương nhiên sẽ mở rộng, chẳng còn có thị phi, nhân ngã, vì sao? Hiểu vạn pháp chỉ do tâm biến, vạn pháp giống hệt như một, vạn pháp chẳng hai, giống như kinh Hoa Nghiêm đã dạy: *"Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt"* (Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai khác). Do vậy, nếu cho rằng Phật ở ngoài tự tâm thì là ngoại đạo.

Thiền Tông dạy: *"Nhược nhận Tha thị Phật, tự kỷ khước thành ma"*. Vì sao? Có Tự, có Tha, thì Tự và Tha là hai bên; hai bên chẳng phải

là ma thì ai là ma? Lục Tổ đại sư nói: *"Hai pháp chẳng phải là Phật pháp"*. Tự và Tha là hai pháp, Phật pháp là pháp Bất Nhị, Tự và Tha bất nhị. Có Tự và Tha hay không? Có Tự, có Tha, trên mặt sự tướng quyết định là có, trên mặt Tướng quyết định là có, nhưng trên mặt Lý, quyết định chẳng có. Lý là một, còn sự tướng thì có Tự và Tha. Lý là một, trên mặt Lý không có [Tự và Tha].

"Hựu vân: Cầu nhân bất như cầu tự kỷ" (Lại nói, cầu người khác chẳng bằng cầu chính mình): Nếu quý vị [cho rằng] cầu A Di Đà Phật sẽ có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đấy là mê tín. A Di Đà Phật đại từ đại bi. Đã nói là đại từ đại bi thì không cầu Ngài cũng phải giúp người khác vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, huống là có cầu? Đấy mới gọi là đại từ đại bi. Đúng hay không? Không đúng! Vì sao không đúng? Vì nơi ấy là thế giới thanh tịnh, người nơi ấy ai nấy đều nhất tâm bất loạn, tâm quý vị loạn mà sang đó, sẽ chẳng thể ở chung với họ được.

Quý vị có cái tâm mê nhiễm này, sang đó sẽ cãi cọ với người ta thì làm sao được? Do vậy, quý vị không đi sang đó được. *"Cầu người khác chẳng bằng cầu chính mình"*, cầu chính mình nhất tâm bất loạn, cầu cái tâm của chính mình chẳng điên đảo. Chỉ cần ta thật sự tu được cái tâm không điên đảo, nhất tâm bất loạn, chắc chắn vãng sanh, hoàn toàn phù hợp với điều kiện của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Khi đó, phát nguyện vãng sanh, A Di Đà Phật nhất định đến tiếp dẫn. Do vậy, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật làm Tăng Thượng Duyên cho chúng ta, chẳng phải là Thân Nhân Duyên. Thân Nhân Duyên là chính mình.

Trong bốn thứ duyên, Thân Nhân Duyên, Sở Duyên Duyên, Vô Gián Duyên đều là chính mình, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn chỉ là Tăng Thượng Duyên mà thôi! Trong bốn điều kiện, nếu chính mình đã có đủ ba điều kiện kia rồi thì A Di Đà Phật mới giúp đỡ được. Cứ một mực ỷ vào A Di Đà Phật, chắc chắn sẽ uổng công, quý vị chẳng hiểu ý nghĩa lời Phật dạy, quý vị hiểu lầm mất rồi! Chẳng phải là Phật pháp không linh mà do chính mình sai lầm, chứ không phải là Phật sai lầm. Những điều này là luận định về mặt Sự, ba hàng tiếp theo là luận định về mặt Lý. Hôm nay hết giờ rồi.

Tập 6

Xin coi sách A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, dòng thứ mười, trang thứ năm:

(Diễn) Sơ minh tánh giả, tánh tức thường trụ chân tâm, toàn thể thị Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. Sơ minh giả, khủng nhân nhận A Di Đà Phật tại tự tánh chi ngoại, cố cổ vân: "Nhược nhận tha thị Phật, tự kỷ khước thành ma". Hựu vân: "Cầu nhân bất như cầu tự kỷ".

(演)初明性者，性即常住真心，全體是極樂世界阿彌陀佛。初明者，恐人認阿彌陀佛在自性之外。故古云：若認他是佛，自己卻成魔。又云：求人不如求自己。

*(**Diễn**: Thứ nhất, minh tánh: Tánh chính là chân tâm thường trụ, toàn thể là A Di Đà Phật nơi thế giới Cực Lạc. Trước hết phải nói rõ [tánh] vì sợ người ta sẽ nghĩ A Di Đà Phật ở ngoài tự tánh. Vì thế, cổ nhân nói: "Nếu nghĩ ai khác là Phật thì chính mình đã trở thành ma". Lại nói: "Cầu nơi người khác chẳng bằng cầu chính mình").*

Trong buổi giảng lần trước, chúng tôi đã giảng đến chỗ này. Lời chú giải trong tiểu đoạn này hết sức trọng yếu, dùng văn tự rất ít mà giới thiệu [đầy đủ] căn cứ lý luận và công đức thù thắng của kinh này. Đây là điều hết sức khó đạt được, hy hữu. Chúng ta còn chưa đọc kinh văn mà đã sanh lòng kính ngưỡng đối với kinh này, đương nhiên hết sức ngưỡng mộ pháp môn này. Đoạn trên đây luận theo mặt Sự, nửa đoạn sau luận theo mặt Lý.

(Diễn) Đản dĩ vô thỉ ám động, chướng thử tĩnh minh, cố thác bỉ danh hiệu, hiển ngã tự tâm nhĩ.

(演)但以無始暗動，障此靜明，故託彼名號，顯我自心耳。

*(**Diễn**: Nhưng do tối tăm, xao động từ vô thỉ, chướng ngại sự tĩnh lặng, sáng suốt này, nên dựa vào danh hiệu ấy để hiển lộ tự tâm của ta).*

Mấy câu này rất trọng yếu. *"Tĩnh minh"* chính là Chân Như bổn tánh, là con người thật sự của chúng ta, Thiền gia gọi nó là *"bổn lai diện mục"*, kinh Lăng Nghiêm gọi nó là *"chân tâm thường trụ"*. Nó vốn sẵn tĩnh lặng, vốn sẵn sáng suốt. *"Tĩnh"* (靜) là tịch tĩnh, *"minh"* (明) là hiểu

rõ. Minh là Huệ, Tĩnh là Định. Tĩnh là Niết Bàn, Minh là Bồ Đề. Thế nhưng hiện thời chúng ta Tĩnh và Minh của chúng ta bị chướng ngại, bị chướng lấp. Vật gì gây chướng ngại vậy? Động! *"Ám động"* từ vô thỉ, *"ám"* chính là vô minh, tức là vô minh từ vô thỉ. Tướng của vô minh là động, chân tâm vốn bất động, do xáo động, chân tâm biến thành vọng tâm, biến *"bổn minh"* (vốn sẵn sáng suốt) thành vô minh. Nói vô minh từ vô thỉ là do ý nghĩa nào? Vô thỉ ở đây hoàn toàn chẳng phải là không tìm được chỗ khởi đầu, mà là từ nhiều kiếp trước rất lâu trong quá khứ, Chân Như bổn tánh bị động.

Đương nhiên đây cũng là một cách nói, Chúng ta rất khó thể vừa ý với cách nói này được, nghe xong khó thể vui lòng! Trên thực tế, Phật pháp nói tới vô thỉ thì *"vô"* là không có, [vô thỉ] về căn bản không có khởi đầu. Bởi lẽ, vô minh là hư vọng, không chân thật, vô minh là bất giác.

Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát nói: *"Bổn giác bổn hữu"* (Bổn giác vốn có), tức là như trong phần sau nói *"tĩnh minh là vốn có"*, *"bất giác vốn không"*. Vốn là không, sao lại có? Do tâm động nên có. Khi nào tâm động thì khi ấy có, khi nào tâm chẳng động sẽ không có. Do vậy, chẳng thể nói nó bắt đầu vào lúc nào được!

Hiện thời, nếu tâm quý vị bất động, sẽ chẳng còn vô minh nữa; nhưng tâm chúng ta động không ngừng, đấy là *"vô thỉ ám động"*, chướng ngại tánh bổn giác của quý vị. Tâm ấy vọng động, phàm phu chúng ta không có cách nào nhận biết cái tâm vọng động ấy vì tướng động của nó quá vi tế. Hiện thời, chúng ta có thể cảm nhận những khởi tâm động niệm trong tâm là vì những ý niệm ấy rất thô. Chúng ta dấy lên tâm tham, dấy lên tâm nóng giận, dấy lên tâm nghi, chúng ta có thể cảm nhận được.

Những tướng ấy hết sức thô, nhưng đối với những tướng động cực vi tế, chúng ta sẽ không có cách nào cảm nhận được. Chẳng phải chỉ riêng chúng ta không thể cảm nhận mà quý vị thấy như trong kinh đã nói, bậc A La Hán công phu định lực khá sâu, đạt Cửu Thứ Đệ Định cũng chẳng có cách nào cảm nhận được.

Tại Ấn Độ vào thời cổ có hàng ngoại đạo công phu quả thật khiến người khác kính ngưỡng, bội phục, công năng định lực họ đã đạt đến Tứ Thiền Bát Định, có thể lên tới Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiên, công phu Thiền Định thế gian đã đạt đến tột cùng, đạt đến đỉnh cao nhất. Ở trong cảnh giới ấy, họ thấy vũ trụ và nhân sinh là một khối hỗn độn, giống như sách Ấu Học Cố Sự Quỳnh Lâm[14] của Trung Quốc đã chép: *"Hỗn độn sơ*

[14] Đây là một tác phẩm để dạy cho trẻ học vỡ lòng thuở xưa. Thoạt đầu có tên là Ấu Học Tu Tri (Trẻ nhỏ mới học cần biết) do Trình Đăng Cát soạn cuối đời Minh. Đến

khai, càn khôn thỉ điện" (lúc hỗn độn sơ khai, trời đất mới bắt đầu thành lập), hoàn toàn giống với cảnh giới của ngoại đạo [Ấn Độ]. Đủ thấy công phu định lực của cổ nhân Trung Quốc đã đạt đến cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, cho rằng đó là đầu mối của vũ trụ nhân sinh, đại khái sự khởi đầu của vũ trụ nhân sinh được bắt đầu từ nơi ấy. Ngoại đạo gán tên gọi cho cảnh giới ấy là Minh Đế (冥諦, Minh ở đây là tối tăm). Trong hai mươi lăm Đế [của ngoại đạo Ấn Độ], thì Đế thứ nhất là Minh Đế, một bầu vô minh, không có cách nào quán sát được!

Tiểu Thừa có thể đột phá Tứ Thiền Bát Định để đạt đến Đệ Cửu Định, nhưng vẫn không có cách nào quán sát vô thỉ ám động, ý niệm vi tế ấy chẳng dễ gì cảm nhận được. Kinh cho chúng ta biết tới khi nào mới có thể thấy được những vọng động vi tế ấy? Đức Phật dạy chúng ta, bậc Bát Địa Bồ Tát, Bát Địa gọi là Bất Động Địa, Bất Động Địa Bồ Tát chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí, khi ấy mới có thể quán sát thấy. Nói cách khác, không quán sát thấy sẽ chẳng thể hàng phục, quán sát thấy nó mới có thể hàng phục nó, mới có thể dứt bỏ nó; hễ dứt bỏ sẽ chuyển Thức thành Trí. Chuyển Thức thành Trí là dứt trừ vọng động từ vô thỉ, khôi phục sự tĩnh minh sẵn có. Đó gọi là "chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí", Bát Địa Bồ Tát mới có thể làm được chuyện này. Từ ngữ "Bát Địa" ở đây chỉ bậc Bát Địa trong Viên Giáo. Chúng ta nghe xong, [cảm thấy] thật sự chẳng dễ dàng, thật khó khăn! Thật sự là khó! Thật sự khó khăn như vậy ư? Chính quý vị hãy lắng lòng suy xét. Chúng ta đều nằm mộng, mộng do đâu mà có? Mộng cũng là vọng tâm. Khi quý vị ngủ, tâm vẫn động. Chẳng động sẽ không có tướng, hễ động bèn có tướng. Tướng ấy chính là cảnh trong mộng. Quý vị có thể cảm nhận khi nào mộng cảnh sẽ khởi lên hay chăng? Do nguyên nhân nào mà có mộng? Cảnh giới trong mộng là tướng thô; ngay cả tướng thô mà chúng ta cũng chẳng biết rõ, huống gì tướng vi tế? Do vậy, mục đích tu học Phật pháp là phải phá vô minh, khôi phục cái tĩnh minh chúng ta sẵn có. Đấy là tông chỉ tu học trong Phật pháp. Nếu trái nghịch tông chỉ này, sẽ chẳng gọi là Phật pháp. Vô lượng vô biên pháp môn, bất luận cách thức, phương tiện

---

thời Gia Khánh đời Thanh, Trâu Thánh Mạch (hiệu Ngô Cương) viết thêm lời chú thích, đổi tựa đề thành Ấu Học Cố Sự Quỳnh Lâm. Bản này lại được các ông Phí Hữu Dung, Diệp Phố Tôn, và Thái Đông Phiên tăng đính một lần nữa dưới thời Dân Quốc. Toàn thể cuốn sách được viết theo lối văn biền ngẫu, văn tự giản dị, đẹp đẽ, dễ đọc, dễ học, dễ nhớ. Nội dung bao gồm nhiều chủ đề thiên văn, địa lý, tình cảm con người, hôn nhân, gia đình v.v... Trong sách giới thiệu nhiều thành ngữ cũng như nêu rõ nguồn gốc của các thành ngữ ấy.

khác nhau, hễ đạt đến mục tiêu thì nhất định phải giống nhau. Pháp môn này cũng không nằm ngoài lệ ấy, cũng nhắm tới mục tiêu ấy, chúng ta biết pháp môn này là Phật pháp thuần chân. Không sai! Chẳng phải là tà pháp, chẳng phải là ngoại đạo.

Điều chủ yếu nhất trong sự tu học của pháp môn này là hai câu cuối cùng: *"Thác bỉ danh hiệu, hiển ngã tự tâm"* (nhờ vào danh hiệu ấy, hiển lộ tự tâm của ta). Tám chữ này là tông chỉ tu học của pháp môn này. *"Bỉ danh hiệu"* (danh hiệu ấy) là A Di Đà Phật. Dùng danh hiệu ấy nhằm hiển lộ tự tâm của chúng ta. Nói cách khác, Phật hiệu này đả phá ám động vô thỉ, khôi phục tĩnh minh sẵn có, đây là tông chỉ tu học trong pháp môn Tịnh Độ. Do vậy, đối với trì danh niệm Phật, trong phần trước chúng tôi có nhắc tới sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, Ngẫu Ích đại sư đã nói rất rõ ràng: Một câu Phật hiệu nhất định là mỗi tiếng đều đầy đủ Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương nên mới có thể hiển lộ tự tâm của ta. Nhất định phải biết ý nghĩa của một câu Phật hiệu thì khi niệm mới có thể từng tiếng dấy khởi công phu quán chiếu.

A Di Đà Phật có nghĩa là Vô Lượng Giác, giác tâm là thanh tịnh, giác tâm là quang minh. Tâm mê là động, trong tâm mê có vọng niệm. Trong giác tâm không có vọng niệm. Trong cảnh giới, tâm chúng ta vừa mê liền phải giác ngộ. Cổ nhân thường nói: *"Bất phạ niệm khởi, chỉ phạ giác trì"* (Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm). Niệm vừa dấy lên bèn mê, bất luận là niệm gì, hễ dấy niệm đều là mê. Chúng ta chẳng dấy một niệm thì thưa với quý vị, niệm nào cũng chẳng khởi, nhưng vẫn còn mê! Chuyện này khó thể thực hiện lắm! Dấy niệm là gì? Là vọng niệm, là loạn tưởng; nhưng [đối với phàm phu chúng ta] niệm nào cũng chẳng có thì lại là vô minh. Chuyện này phiền phức rất lớn. Sự giác (nhận biết ấy) rốt cuộc là gì? Giác tâm. Thưa quý vị, không có niệm thì thứ gì cũng rõ ràng, nó chẳng phải là vô minh. Quá khứ, hiện tại, vị lai đều biết, trong tâm chẳng khởi lên ý niệm, đó gọi là chánh niệm, đó là giác tâm. Nếu chúng ta niệm gì cũng đều chẳng có, nhưng chuyện gì cũng hồ đồ, đấy là vô minh. Nếu niệm gì cũng chẳng có mà chuyện gì cũng hiểu rõ ràng, rành mạch thì là chân tâm. Ở chỗ này, chớ nên lầm lẫn một chút nào. Cổ nhân nói: *"Sai chi hào ly, thất chi thiên lý"* (sai chỉ hào ly, lạc cả ngàn dặm). Thật đấy! Chẳng sai tí nào!

Chúng ta là kẻ sơ học, dụng công thì một câu Phật hiệu, chẳng thể gián đoạn giữa chừng, vì sao? Một câu Phật hiệu rành mạch phân minh, chẳng phải là vô niệm, mà là hữu niệm; do hết thảy vọng niệm đều chẳng có nên chẳng phải là hữu niệm. Niệm Phật chẳng phải là hữu niệm, chẳng

phải là vô niệm. Bắt đầu dụng công thì phải khởi sự từ chỗ này. Một câu Phật hiệu từng tiếng lay tỉnh cái tâm Bổn Giác của chúng ta. Bởi lẽ, A Di Đà Phật chẳng ở bên ngoài, chẳng phải chỉ cho vị Phật ở ngoài tâm, mà ở trong tự tâm. Từng tiếng từng tiếng gọi ra vị A Di Đà Phật của chính mình. A Di Đà Phật là Vô Lượng Giác; sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, thứ gì cũng đều giác chẳng mê, đấy là A Di Đà Phật. Mê là phàm phu, ngộ là Phật. Đối với cảnh giới trước mắt phải giác, đối với quá khứ phải giác, đối với vị lai cũng phải giác. Mười phương ba đời là phạm vi giác ngộ của chúng ta.

Trong tháng này chúng ta muốn mở khóa Đại Chuyên Giảng Tòa mùa Đông, trong khóa giảng có hai chủ đề là Phật Học Khái Yếu và Tâm Kinh. Trong hai khóa trình này, chúng tôi muốn thảo luận về vấn đề này: Hai khóa trình này đều quy kết A Di Đà Phật, quy kết nơi *"thác bỉ danh hiệu, hiển ngã tự tâm"*. Chúng ta học xong mới thật sự thụ dụng được. Do vậy, bốn câu này hết sức trọng yếu, hoàn toàn dựa theo Lý để nói ra, nói rõ pháp môn này quả thật có căn cứ lý luận hết sức cao, quyết chẳng phải là mê tín. Với cách niệm như vậy, niệm đến nhất tâm bất loạn thì gọi là Lý nhất tâm bất loạn, một câu Phật hiệu nhất định sẽ niệm đến mức *"tâm khai, ý giải"*, chẳng khác gì *"minh tâm kiến tánh"* của Thiền Tông và *"đại khai viên giải"* của Giáo Hạ. Đấy mới là như Liên Trì đại sư đã nói *"nhiếp trọn năm tông, bao trùm tám giáo"*.

(Diễn) Nhiên Tây Phương diệc thật hữu A Di Đà Phật.
(演) 然西方亦實有阿彌陀佛。
*(**Diễn**: Nhưng tại Tây Phương cũng thật sự có A Di Đà Phật).*

A Di Đà Phật ở đây chỉ một vị Phật, chỉ danh hiệu của một vị Phật, có vị Phật ấy, quả thật có một vị A Di Đà Phật.

(Diễn) Nhi tức thử Tây Phương Phật, diệc bất tại tự tâm ngoại.
(演) 而即此西方佛，亦不在自心外。
*(**Diễn**: Nhưng ngay cả vị Phật ở Tây Phương này cũng chẳng ở ngoài tự tâm).*

Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nêu lên rõ một nguyên lý tối cao: Sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo trong mười pháp giới đều do cái tâm của chính chúng ta biến hiện, giống như chúng ta nằm mộng, toàn bộ mộng cảnh đều do tự tâm của chúng ta biến hiện. Tâm có thể hiện,

Thức có thể biến, đấy là nguyên lý tối cao được giảng trong Phật pháp. Cái có thể hiện (năng hiện) là Tâm của chính mình, cái có thể biến hóa (năng biến hóa) là Thức của chính mình. Tâm là chân tâm, Thức là vọng tâm; vọng tâm có thể biến hóa, chân tâm có thể hiện tướng. Chân tướng của vũ trụ và nhân sinh là chuyện này, ngàn kinh vạn luận nói rõ sự thật này.

Danh hiệu có tác dụng quả thật chẳng thể nghĩ bàn. Cổ nhân dạy chúng ta tu học, nghe kinh phải *"tiêu quy tự tánh"*[15], dụng công phải *"chuyển Thức thành Trí"*. Tu hành, một là Giải, hai là Hành; Giải phải tiêu quy tự tánh, ở đây gọi là *"hiển ngã tự tâm"*. Có như vậy thì mới thật sự thụ dụng, thật sự có tâm đắc. Danh hiệu Phật, danh hiệu Bồ Tát đều nhằm hiển lộ tự tâm của ta, A Di Đà Phật hiển lộ tự tánh bổn giác, tự tánh giác, vô lượng giác của chúng ta. Quán Thế Âm Bồ Tát hiển lộ lòng từ bi trong tự tâm của chúng ta. Địa Tạng Bồ Tát hiển lộ sự hiếu thuận trong tự tâm của chúng ta. Văn Thù Bồ Tát hiển lộ trí huệ trong tự tâm của chúng ta. Phổ Hiền Bồ Tát hiển lộ đại nguyện trong tự tâm của chúng ta. Danh hiệu của chư Phật, Bồ Tát đều nhằm hiển lộ tự tâm của ta, không riêng gì một vị A Di Đà Phật đang được nói tới ở đây. Quý vị hiểu được ý nghĩa này thì mới biết danh hiệu Phật, Bồ Tát nhiều như vậy là vì tự tánh có vạn đức, vạn năng, một danh hiệu không thể hiển lộ hết được!

Danh hiệu của chính chúng ta cũng phải tương ứng với điều này. Quý vị quy y hoặc xuất gia, pháp sư đặt pháp danh cho quý vị, tên gọi ấy cũng nhằm để quán chiếu, cũng nhằm hiển lộ tự tâm của ta, chính mình phải giác ngộ. Chẳng những hiển lộ ta mà còn hiển lộ hết thảy chúng sanh, vì sao? Tự và Tha bất nhị. Khi tôi xuất gia, sư phụ đặt pháp danh cho tôi là Tịnh Không; hễ nhắc đến tên gọi ấy, tôi phải nghĩ: "Ta có thanh tịnh hay không? Có Không hay chăng?" "Chân tịnh, chân không" là chân tâm, tức chân tâm thường trụ. Quý vị nghe danh hiệu ấy, đừng nghĩ danh hiệu ấy dùng để gọi tôi, sai rồi! Quý vị chấp vào tướng! Quý vị hãy lập tức nghĩ đến tự tâm, tâm quý vị có thanh tịnh hay không? Có rỗng rang hay không? [Hễ nghĩ như vậy] quý vị liền được thụ dụng. Nếu không, chúng ta hằng ngày niệm câu A Di Đà Phật, Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, hằng ngày niệm danh hiệu Ngài, Ngài nghe chẳng chán ngán ư? Trọn chẳng biết tiêu quy tự tánh là vô lượng công đức, nhất định phải hiểu đạo

[15] Tiêu quy tự tánh: "Tiêu" là các niệm đều tiêu dung, tức hoàn toàn không còn thấy hữu niệm và vô niệm, dứt trừ mọi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mà cũng chẳng thấy có dứt trừ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. "Quy" là quán chiếu tánh của mọi niệm đều có cùng một thể với tự tánh thanh tịnh tâm, chẳng ra ngoài tự tâm.

lý này. Đối với cổ nhân Trung Quốc, người tại gia chọn danh hiệu luôn có ý nghĩa rất sâu, khác hẳn cách đặt tên của người hiện thời. Khác biệt về tư tưởng và quan niệm! Cha mẹ đặt tên cho con cái, quá nửa là kỳ vọng nơi cả cuộc đời của con cái, tức là mong mỏi con cái trong tương lai danh sẽ hợp với thật.

Ở đây, [sách Diễn Nghĩa] viết tại Tây Phương quả thật có thế giới Cực Lạc, có Phật hiệu A Di Đà. Thế giới và Phật cũng chẳng ở ngoài tự tâm. Phải biết cái tâm của chính mình hết sức rộng lớn *"tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"* (tâm chứa đựng hư không, có phân lượng trọn khắp các cõi nhiều như cát). Do vậy, cái tâm này chẳng thể quá nhỏ, nhỏ nhoi sẽ đáng thương, tâm lượng phải lớn. Tận hư không, trọn pháp giới là chính mình, thật sự bỏ đi chính mình, nếu chấp trước một tí nào trong ấy, ngỡ nó là chính mình, sẽ rất đáng thương! Kinh Lăng Nghiêm có tỷ dụ, sánh ví chân tâm như biển cả, dùng bọt nước trong biển cả để ví người điên đảo mê hoặc. Kẻ nào chấp bọt nước là biển cả, bỏ quên toàn bộ biển cả thì là kẻ mê, là phàm phu. Người giác ngộ biết toàn bộ biển cả là chính mình, bọt nước ấy cũng là chính mình, bọt nước chẳng tách lìa biển cả. Do đây biết rằng: Chúng sanh sở dĩ trở thành chúng sanh là do phân biệt, chấp trước, vọng tưởng tạo ra. Lìa khỏi phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, thì trí huệ và đức tướng của mỗi cá nhân sẽ chẳng khác gì chư Phật Như Lai. Theo kinh Hoa Nghiêm, khi Thích Ca Mâu Ni Phật lúc mới thành đạo, đã rất cảm khái, nói: *"Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai"*. Câu nói này rất rõ ràng, lại nói: *"Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật"*. Khuyết điểm, sai lầm của chúng sanh là do phân biệt, chấp trước hết thảy pháp nên chẳng thể chứng đắc.

Do vậy, Phật pháp từ đầu đến cuối nhằm dạy chúng ta phá trừ chấp trước. Phá được Ngã Chấp sẽ là Chánh Giác, trong Phật pháp gọi là Chánh Giác. Phá được Pháp Chấp sẽ là Chánh Đẳng Chánh Giác. Đoạn sạch hai thứ Pháp Chấp và Ngã Chấp sẽ gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chánh Giác là A La Hán, Chánh Đẳng Chánh Giác là Bồ Tát, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là Phật. Phật, Bồ Tát và phàm phu khác biệt ở chỗ một đằng có chấp trước, một đằng không chấp trước. Người không chấp trước gọi là Bồ Tát, kẻ có chấp trước gọi là phàm phu. Người không chấp trước, tâm to lớn, *"tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"*. Có chấp trước, tâm nhỏ nhoi. Tâm chấp trước là vọng tâm, là vô minh; tâm không chấp trước là chân tâm, vốn sẵn sáng suốt. Chúng ta phải hiểu rõ những đạo lý này, phải rèn luyện trong cảnh giới hòng mở rộng tâm lượng của chính mình.

(Diễn) Tức Sự tức Lý, tức Lý tức Sự.

(演) 即事即理，即理即事。

*(**Diễn**: Sự chính là Lý, Lý chính là Sự).*

Lý và Sự là một. Lý là chân tâm, tâm có thể hiện, có thể biến. Sự là hiện tượng được biến hiện. Lý và Sự giống như một, Lý và Sự chẳng hai.

(Diễn) Đại sư khủng cuồng ngu thác nhận, cố thủ minh dã.

(演) 大師恐狂愚錯認，故首明也。

*(**Diễn**: Đại sư sợ kẻ cuồng ngu hiểu lầm, nên trước hết phải nói rõ).*

Chữ *"đại sư"* chỉ Liên Trì đại sư. Ngài chỉ sợ người cuồng vọng, kẻ ngu mê hiểu lầm, hiểu sai; do vậy, trước hết, nói rõ. Đoạn này nói rõ [những điều sẽ được trình bày] trong trang thứ nhất của quyển Thượng, đến khi ấy, chúng ta sẽ lại nghiên cứu.

Chúng ta xem tiếp [lời giải thích cho] tựa đề của khoa thứ hai trong phần Thông Tự Đại Ý.

(Diễn) Nhị, tán kinh giả, kinh tức Phật Thuyết A Di Đà Kinh.

(演) 二、讚經者，經即佛說阿彌陀經。

*(**Diễn**: Thứ hai là khen ngợi kinh, "kinh" chính là Phật Thuyết A Di Đà Kinh).*

Chữ *"kinh"* chuyên chỉ bộ kinh này, *"tán"* (讚) là tán thán (khen ngợi).

(Diễn) Dĩ thử kinh thị nhất Đại Tạng trung đệ nhất phương tiện cố.

(演) 以此經是一大藏中第一方便故。

*(**Diễn**: Do kinh này là phương tiện bậc nhất trong cả Đại Tạng).*

Chúng ta cũng phải nhớ kỹ đoạn này, vì chúng ta chưa đọc Đại Tạng Kinh, chúng ta không có Pháp Nhãn. Kinh điển trong Đại Tạng Kinh nhiều như thế, bộ nào tốt nhất, chúng ta cũng chẳng tìm ra. Chúng ta không có Huệ Nhãn, chính mình chẳng thấy được! Nay chúng ta dựa vào Pháp Nhãn của Liên Trì đại sư lão nhân gia, Ngài giúp đỡ chúng ta, bảo chúng ta bộ kinh này là *"phương tiện bậc nhất"* trong Đại Tạng Kinh, lại không có bộ

kinh nào có thể thuận tiện bằng bộ kinh này. Phương tiện chẳng phải là không tốt, phương tiện tốt lắm chứ! Đức Phật nói hết thảy kinh, đều là nói phương tiện, vì pháp chân thật chẳng thể diễn tả được. Kinh Pháp Hoa là kinh Nhất Thừa trong Viên Giáo, phẩm quan trọng nhất trong kinh ấy là phẩm Phương Tiện, giảng rõ ràng cho quý vị: "Phàm những gì có thể nói ra đều là pháp phương tiện!" Chủ ý của đức Phật là dạy quý vị nương vào phương tiện để ngộ nhập chân thật. Pháp chân thật phải cậy vào chính mình để ngộ nhập. Ví như trong phần trước có nói *"thác bỉ danh hiệu, hiển ngã tự tâm"* (dựa vào danh hiệu ấy để hiển lộ tự tâm của ta). Dựa vào danh hiệu ấy là pháp phương tiện, hiển lộ tự tâm của ta là pháp chân thật. Quý vị dùng một câu danh hiệu này thật sự hiển lộ tâm tánh của quý vị, đấy là công phu của chính quý vị, người khác chẳng thể giúp đỡ được!

Do vậy, hết thảy các kinh đều là pháp phương tiện, đều nhằm giúp chúng ta minh tâm kiến tánh. Bộ kinh này là pháp phương tiện bậc nhất trong hết thảy các pháp phương tiện, [nói như vậy thì] quý vị mới biết giá trị của bộ kinh này. Chúng ta học kinh, có thể nắm vững bộ kinh này, cả một Đại Tạng Kinh đều bỏ hết, quý vị quyết định thành công, trong một đời này, quý vị chắc chắn có thể thành tựu. Nếu chọn lựa những kinh điển khác thì vẫn phải dùng bộ kinh này để phụ trợ; nếu không, sẽ chẳng thể thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tôi nói lời này chẳng phải là nói tùy tiện, chẳng phải là tùy tiện đề cao pháp môn này, mà là có căn cứ thật sự. Căn cứ gì vậy? Kinh Hoa Nghiêm cũng là Nhất Thừa Viên Giáo.

Năm mươi ba vị thiện tri thức trong kinh Hoa Nghiêm đại diện vô lượng pháp môn. Nói cách khác, họ đại diện cho hết thảy các kinh; bất luận quý vị tu một pháp môn nào, học một bộ kinh nào, đến cuối cùng vẫn phải theo Phổ Hiền Bồ Tát *"mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc"*. Nếu quý vị chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng thể viên mãn Bồ Đề. Nói cách khác, chẳng thể thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Kinh Hoa Nghiêm chỉ rõ điều này.

Do đây có thể biết rằng: Kinh này là kết luận, là kết quả của kinh Hoa Nghiêm. Điều đáng tiếc là người thật sự nhận biết bộ kinh này không nhiều, ai nấy đều tụng niệm khóa tụng, nhưng ai nấy đều chẳng nhận ra kinh này là kinh bậc nhất trong hết thảy các kinh, là pháp môn bậc nhất trong hết thảy pháp môn, họ không nhận ra được. Tuy hằng ngày niệm nhưng chẳng xem trọng, chẳng nghĩ kinh này đáng để vào mắt, kết quả là ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, đáng tiếc quá sức! Do vậy, kinh này chẳng thể không học! Tôi thường nói: Kinh Hoa Nghiêm có thể không cần nghe, nhưng kinh này chẳng thể không nghe! Vì sao? Nếu muốn thành tựu trong

một đời, kinh này rất quan trọng. Nói thật ra, cậy vào kinh Hoa Nghiêm thì quý vị chẳng thể thành tựu trong một đời được đâu! Đấy là sự thật, nhất là sách Sớ Sao đã đem những ý nghĩa của bộ kinh này nêu rõ tường tận như thế, quả thật rất khó có!

(Diễn) Thị thập phương chư Phật đồng sở tán thán cố.

(演) 是十方諸佛同所讚歎故。

*(**Diễn**: Nên được mười phương chư Phật cùng khen ngợi).*

Nếu chẳng phải là kinh bậc nhất, chẳng phải là phương tiện bậc nhất, cớ sao được mười phương chư Phật đều cùng tán thán? Trong các kinh điển khác, quả thật chúng ta không thấy điều này, chỉ có bộ kinh này được mười phương chư Phật đều tán thán. Nếu chẳng phải là kinh bậc nhất, sẽ chẳng được mười phương chư Phật đều tán thán. Chẳng thể có hiện tượng này! Chúng ta nên hiểu rõ điều này.

(Diễn) Dĩ tứ tự danh hiệu, phổ tiếp tam căn, trực thông ngũ giáo cố.

(演) 以四字名號，普接三根，直通五教故。

*(**Diễn**: Do danh hiệu bốn chữ tiếp dẫn khắp ba căn, thông thẳng với năm giáo).*

"Tam căn" là những người thuộc các căn tánh thượng, trung, hạ. Người căn tánh thượng đẳng, căn tánh nhạy bén nhất, thường nói là *"nghe một, ngộ cả ngàn"* cũng tu Tịnh Độ. Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát là bậc thượng thượng căn mà vẫn muốn cầu sanh Tịnh Độ. Trung căn, hạ căn cũng đều có thể vãng sanh. Kẻ hạ căn ngu muội dẫu ngu si đến tột bậc, chỉ cần kẻ ấy nhất tâm trì danh thì cũng có thể vãng sanh. Tịnh Tông thường nói *"căn cơ chín muồi"*, người căn cơ chín muồi là như thế nào? Chính là người trong một đời này đã nhận biết, hạ quyết tâm, ta chỉ trì một câu danh hiệu suốt đời chẳng thay đổi, một bộ kinh A Di Đà. Những kinh điển khác ta không đọc đến, chẳng cần phải nghiên cứu! Căn cơ của người ấy rất thuần thục, người ấy quyết định vãng sanh ngay trong một đời này. Nếu tâm còn nghĩ Đông, tưởng Tây, vẫn mong nghiên cứu cái này, vẫn muốn học cái nọ, tức là chưa chín muồi, trong đời này có thể gieo thiện căn, nhưng trong đời này chẳng chắc chắn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì sao? Người ấy vẫn còn có tam tâm nhị ý đối với hết thảy kinh giáo, chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này. Đã nói như vậy, cũng

sẽ có người hỏi tôi: Vì sao trong Đại Chuyên Giảng Tòa thầy không giảng kinh Di Đà, mà phải giảng Phật Học Khái Yếu, giảng Tâm Kinh? Có phải là xen tạp hay không? Thưa quý vị, đó là xen tạp, không sai! Đấy là phương tiện nhằm tiếp dẫn sơ cơ, bảo những người ấy niệm Phật, họ sẽ chẳng chịu niệm, họ chẳng tin tưởng, [giảng những thứ ấy] nhằm tiếp dẫn kẻ sơ cơ đấy mà!

Chẳng những nhằm tiếp dẫn hàng sơ cơ mà trong ấy còn có nguyên nhân: Tiếp dẫn người sơ cơ ở nước ngoài. Bên ngoại quốc gởi thư sang xin băng thâu hình Phật Học Khái Yếu và Tâm Kinh, chúng tôi nhân dịp này thâu hình tại hiện trường để gởi ra ngoại quốc, tiếp dẫn hàng sơ cơ bên ấy. Từ từ khuyên họ niệm Phật, khi nào họ chịu tin tưởng là lúc căn cơ của họ đã chín muồi. Họ không tin tưởng thì cũng chẳng có cách nào, chưa chín muồi mà! Băng ghi hình và kinh bản này đều phải gởi ra ngoại quốc với số lượng lớn; do vậy, khóa giảng này hết sức có ý nghĩa. Trong thời gian diễn giảng, đặc biệt hoan nghênh các đồng tu nêu lên câu hỏi để thảo luận, sẽ có rất nhiều điều hay, nhất là với người ngoại quốc, họ nghe xong sẽ có nghi vấn, nhưng có nghi vấn mà không có chỗ để hỏi. Do vậy, những câu hỏi của quý vị có thể là những vấn đề họ đang nghi hoặc. Hỏi đáp như vậy có thể giúp ích rất lớn cho họ.

"Ngũ giáo": Tác phẩm chú giải A Di Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư đã chọn lựa [những giáo nghĩa] từ năm giáo theo tông Hiền Thủ: Tiểu, Thỉ, Chung, Đốn, Viên. Hết thảy các pháp môn do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm được Hiền Thủ đại sư chia thành năm giai đoạn, bao gồm toàn bộ các kinh, đấy là Ngũ Giáo: Tiểu, Thỉ, Chung, Đốn, Viên.

(Diễn) Dĩ y kinh chấp trì năng hiển tự tánh, ư nhất sanh trung.

(演) 以依經執持能顯自性，於一生中。

*(**Diễn**: Do nương theo kinh chấp trì sẽ có thể hiển lộ tự tánh, trong một đời...)*

Chữ *"kinh"* nói tới lý luận, phương pháp, cảnh giới. Chiếu theo những lý luận, phương pháp, cảnh giới được giảng trong kinh điển để tu hành. *"Chấp trì"* là chấp trì danh hiệu, có thể đạt đến mức hiển lộ tự tánh của chính mình, có thể thành tựu trong một đời này. Đấy là pháp khó tin, chẳng thể nghĩ bàn! *"Hiển tự tánh"* chính là kiến tánh. Tu những pháp môn khác mà mong kiến tánh quả thật chẳng phải là chuyện dễ. Tham Thiền có thể kiến tánh, bởi Thiền là con đường tắt trong cửa Phật nên có

thể đạt đến được. Ngoài Thiền ra, tu học các pháp môn khác mà muốn kiến tánh trong một đời sẽ chẳng dễ dàng. Câu kế tiếp là...

(Diễn) Khả tùng bác địa, trực đăng Thập Địa.
(演) 可從博地，直登十地。
*(**Diễn**: Có thể từ địa vị thấp lè tè sát đất lên thẳng Thập Địa).*

Thiền Tông trọn chẳng thể đạt được điều này. Nói thật thà, Thiền có thể đạt đến Sơ Trụ hoặc Nhị Trụ thì còn có thể, chứ bảo đạt lên Sơ Địa, chẳng phải đơn giản! Trì danh niệm Phật, niệm đến Lý nhất tâm bất loạn sẽ kiến tánh. Nói theo pháp môn này thì có ba bậc công phu: Công phu Tối Thượng Thừa là Lý nhất tâm bất loạn, tương đương từ Sơ Trụ đến Thập Địa trong Viên Giáo, đều là Lý nhất tâm. Trong Lý nhất tâm, công phu có sâu hay cạn khác nhau. Công phu sâu thì đăng địa (chứng từ Sơ Địa trở lên), công phu cạn thì là Thập Trụ, Thập Hạnh, đều là hạng công phu thượng đẳng, thành tựu thượng đẳng. Thành tựu trung đẳng là Sự nhất tâm bất loạn. Nếu dựa theo các địa vị Bồ Tát trong Viên Giáo để nói, [Sự nhất tâm bất loạn] sẽ tương đương với các địa vị Bồ Tát từ Thất Tín cho Thập Tín, gồm bốn cấp. Công phu hạ đẳng là công phu thành phiến, từ địa vị Ngũ Phẩm cho đến địa vị Lục Tín trong Viên Giáo đều thuộc công phu thành phiến, đều là đới nghiệp vãng sanh, chúng ta có thể thành tựu [công phu này] trong một đời.

Người niệm Phật đã niệm đến mức công phu thành phiến rồi sẽ có thể vãng sanh. Khi ấy, sẽ nên làm như thế nào? Có phải là ngay lập tức vãng sanh hay không? Đi ngay cũng được! Có thể đi được, chứ không phải là chẳng đi được. Nếu quý vị thật sự thông minh, quý vị có thể không đi, quý vị vẫn ở trong thế giới này để nâng cao phẩm vị của mình; bởi lẽ, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đương nhiên cũng là thành Phật ngay trong một đời, nhưng thời gian dài lắm, không có thành tựu nhanh chóng như trong thế giới này. Kinh đã từng dạy: Người công phu theo đúng đường lối, tu hành một ngày trong thế giới Sa Bà bằng tu hành một trăm năm trong thế giới Cực Lạc. Do vậy, ở nơi đây dụng công mười năm, hai mươi năm, có thể nâng công phu thành phiến lên Lý nhất tâm bất loạn. Nếu tu hành trong cõi Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị muốn đến cõi Thật Báo, thời gian [tu tập] ấy khá dài, chúng ta tốn thời gian mấy chục năm ở đây tu hành thành công, hễ vãng sanh liền sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, tự tại nhiều lắm!

Vì vậy, tự hành, dạy người, tự lợi, lợi tha, chúng ta quyết định chẳng vứt bỏ, chỉ cần có cơ hội sẽ nhất định phải làm, trừ khi thọ mạng đã đến thì chẳng có cách nào. Nếu thọ mạng chưa hết, nhất định phải lợi dụng thời gian này để nâng cao phẩm vị của chính mình. Những phương pháp tu hành đều có trong kinh sớ, chúng ta phải nghiêm túc nghiên cứu, thảo luận. Trong một đời, từ địa vị phàm phu sát đất, từ địa vị hiện thời của chúng ta có thể đạt thành Địa Thượng Bồ Tát (hàng Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên), bất cứ pháp môn nào khác cũng chẳng thể làm được như vậy, chỉ có mình pháp môn này.

(Diễn) Tam, cảm thời giả. Thời, tức kim Mạt Pháp chi thời.

(演) 三、感時者，時，即今末法之時。

*(**Diễn:** Ba là cảm thán trước thời thế. Thời chính là thời Mạt Pháp hiện tại).*

Đặc biệt nói về thời đại hiện tại của chúng ta.

(Diễn) Cảm giả.

(演) 感者。

*(**Diễn:** Cảm là).*

"Cảm" là cảm tưởng.

(Diễn) Dĩ thời đinh Mạt Pháp, căn đa thiển bạc, pháp môn trung nhân phi ngu tức cuồng.

(演) 以時丁末法，根多淺薄，法門中人非愚即狂。

*(**Diễn**: Do nhằm thời Mạt Pháp, căn cơ phần nhiều nông cạn, mỏng manh, những người trong pháp môn nếu không ngu cũng cuồng).*

Hiện tượng này đặc biệt đó là trong thời đại hiện thời của chúng ta có thể nói là lúc nào, chỗ nào cũng đều nhận thấy, rất là quan trọng. Bản thân chúng ta phải tự mình phản tỉnh, kiểm điểm xem bản thân chúng ta có thuộc vào hai loại căn tánh ngu hoặc cuồng hay không? Cuồng ngu là chẳng tin tưởng pháp môn này.

(Diễn) Cố vi diệu pháp môn, hoặc nhương tý bài vi tiểu giáo, hoặc đại tiếu xích tác Quyền thừa.

(演)故微妙法門，或攘臂排為小教，或大笑斥作權乘。

*(**Diễn**: Cho nên đối với pháp môn vi diệu, hoặc xắn tay áo[16] quở là tiểu giáo, hoặc cười to chê là Quyền thừa).*

Đây đều là cảnh giới của hạng ngu cuồng. Pháp môn bậc nhất là pháp môn thành Phật ngay trong một đời mà chẳng nhận biết, coi là Tiểu giáo, hoặc là giáo pháp của các bà cụ già. Học Phật rất khá, nhưng nếu hằng ngày cầm xâu chuỗi niệm Phật liền cảm thấy rất khó chịu, rất mất mặt, nghĩ pháp môn này chẳng có kẻ có tri thức nào học. Lầm rồi! Lầm lẫn quá đỗi!

(Diễn) Hựu hoặc chung nhật duy động sổ châu, hoặc cùng niên đản sổ hoàng đậu, đại sư bà tâm thậm thiết, năng bất vị chi thương tâm dã.

(演)又或終日唯動數珠，或窮年但數黃荳，大師婆心甚切，能不為之傷心也。

*(**Diễn**: Hoặc có người suốt ngày chỉ lần xâu chuỗi, hoặc quanh năm chỉ đếm đậu vàng, tâm đại sư đau đáu thiết tha, há chẳng thể không đau lòng ư?)*

Suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, *"đếm đậu vàng"*[17] cũng là niệm Phật, nhưng mà sao? Chẳng hiểu đạo lý niệm Phật, đối với pháp môn niệm Phật, chẳng biết một tí gì! Tôi cũng từng nghe nói, có một loại người như thế, có thật đấy, chẳng giả đâu! Có những kẻ ngu niệm Phật, vì sao họ niệm Phật? Nghe nói một tiếng niệm Phật sẽ được một đồng, trong tương lai sau khi chết đi sẽ được một đồng trong cõi Âm, càng niệm nhiều thì khi làm quỷ sẽ có nhiều tiền, trở thành con quỷ giàu có, chẳng thành quỷ đói! Do vậy, kẻ ấy hằng ngày niệm Phật, khi niệm hoàn toàn chẳng mong sanh về

---

[16] *"Nhương tý"* (xắn tay áo, lộ cánh tay, biểu lộ sự phấn chấn) là một thành ngữ thể hiện sự sốt sắng tích cực. Đây là một thành ngữ phát xuất từ một câu nói của Lão Tử trong Đạo Đức Kinh: *"Thượng lễ vi chi, nhi mạc chi ứng, tắc nhương tý nhi nhưng chi"* (Bậc chú trọng lễ nghĩa dùng lễ đãi người, dẫu chẳng được đáp ứng vẫn sốt sắng thực hiện). Câu này được dịch theo lời chú giải của Vương Bật.

[17] Trước kia, ở Trung Hoa xâu chuỗi chưa thông dụng. Khi ngài Đạo Xước đề xướng niệm Phật, để ghi nhớ số câu, người ta thường dùng những hạt đậu để ghi nhớ số, trong đó, loại "hoàng đậu" (đậu nành) được dùng phổ biến nhất.

Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà mong tương lai khi làm quỷ sẽ có nhiều tiền chẳng đói khổ, hỏng bét rồi! Lầm chẳng biết đến đâu nữa rồi! Do vậy, nhất định phải hiểu lý, phải tương ứng với tự tánh giác, phải nâng cao cảnh giới của chính mình. Đấy là ý nghĩa vì sao đại sư vì người đời sau mà biên soạn Sớ Sao.

(Diễn) Tứ, thuật ý giả, ý tức đại sư tác sớ chi ý.

(演) 四、述意者，意即大師作疏之意。

*(**Diễn**: Bốn là thuật ý. Ý chính là ý nghĩa vì sao đại sư soạn Sớ Sao).*

Đây là lời giải thích của pháp sư Cổ Đức, giới thiệu cho chúng ta biết vì sao Liên Trì đại sư viết Sớ Sao cho kinh Di Đà.

(Diễn) Thuật, trần dã, dữ tiền thuật tự giải sảo dị.

(演) 述，陳也，與前述字解稍異。

*(**Diễn**: Thuật là trình bày, hơi khác với chữ Thuật đã được giải thích trong phần trước).*

Trong phần Nhân Đề ở phía trước đã từng giảng [ý nghĩa chữ Thuật là *"thuật nhi bất tác"* (kể lại chứ không sáng tác), Thuật trong phần này là nêu rõ nguyên do].

(Diễn) Đại sư bổn ý, toàn tại kiêm lợi.

(演) 大師本意，全在兼利。

*(**Diễn**: Bổn ý của đại sư hoàn toàn nhằm tự lợi lẫn lợi tha).*

"Kiêm lợi" là tự lợi và lợi tha, hai thứ lợi ích.

(Diễn) Dục phát khởi chúng sanh chi chân tín, cố cực luận niệm Phật chi hoằng công nhĩ.

(演) 欲發起眾生之真信，故極論念佛之宏功爾。

*(**Diễn**: Muốn cho chúng sanh phát khởi lòng tin chân thật, nên luận định tột bậc về công lao to lớn của niệm Phật vậy).*

"Hoằng" (宏) là to lớn. Niệm Phật luận trên phương diện công phu hoặc công đức đều là đệ nhất. Đương nhiên, quan trọng nhất vẫn là *"chân tín"*. Hiện thời, người niệm Phật đông đảo, người chân tín ít ỏi. Chúng ta

nhất định phải nỗ lực phản tỉnh, kiểm điểm, đừng nói tới ai khác, phải nỗ lực kiểm điểm chính mình, phản tỉnh xem chính mình có phải là chân tín hay không. Người chân tín nhất định y giáo phụng hành; nói cách khác, từng tiếng Phật hiệu nhất định đầy đủ Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương, mỗi tiếng Phật hiệu nhất định tương ứng với tự tánh giác. Đấy là chân tín.

Nếu chẳng tương ứng với "giác, chánh, tịnh" trong tự tánh sẽ chẳng phải là chân tín, niệm niệm vẫn là mê hoặc, điên đảo. Thế nào mới là chân tín? Niệm niệm vẫn là thị phi, nhân ngã, niệm niệm vẫn là phân biệt, chấp trước, đấy chẳng phải là chân tín. Trong chân tín không có những thứ ấy. Tâm chân tín là tâm thanh tịnh. Tâm chân tín là tâm rộng lớn. Nếu chẳng nhờ bộ Sớ Sao này của đại sư, sẽ rất khó khiến cho người niệm thật sự khởi lên lòng tin chân thật. Công đức của Ngài quả thật vô lượng vô biên.

(Diễn) Cái dục dĩ nhất cú Di Đà, biến dẫn quần sanh xuất ư khổ hải, na dung bất nhiêu thiệt da?

(演)蓋欲以一句彌陀，遍引群生出於苦海，那容不饒舌耶。

*(**Diễn**: Ấy là vì muốn dùng một câu Di Đà dẫn khắp quần sanh thoát khỏi biển khổ, nào ngại nhiều lời ư?)*

Chẳng riêng đại sư có ý này, mà mười phương chư Phật cũng có ý này, [đây cũng là] bổn ý của Bổn Sư Thích Ca, ý nghĩa thật sự của việc đức Phật nói pháp suốt bốn mươi chín năm là đây. Dùng một câu A Di Đà Phật giúp chúng ta vượt thoát sanh tử luân hồi, giúp chúng ta viên mãn Bồ Đề trong một đời. Liên Trì thấu hiểu Phật tâm sâu xa, chẳng thể không nói! Chúng tôi ngày nay thấu hiểu ý nghĩa này nên chẳng thể không giảng Sớ Sao và Diễn Nghĩa. Tuy rất dài, dẫu dài cũng phải giảng, vì sao? Quá quan trọng! Hết thảy các kinh đều có thể không giảng, nhưng kinh này chẳng thể không giảng. Tôi càng hy vọng các đồng tu, mọi người đều sốt sắng học tập. Hy vọng sau khi các vị học xong, đến các nơi giảng giải, giảng giải trọn khắp, giúp Bổn Sư tiếp dẫn chúng sanh, giúp mười phương hết thảy chư Phật, dùng một câu Di Đà dẫn dắt trọn khắp chúng sanh thoát khỏi biển khổ. Vậy thì cớ sao quý vị chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới? Nhất định vãng sanh! Vì thế, mọi người hoằng dương phổ biến càng là điều quan trọng hơn bất cứ gì khác!

(Diễn) Ngũ, thỉnh gia giả.

(演) 五、請加者。

*(**Diễn**: Năm là thỉnh gia hộ).*

"Thỉnh" là thỉnh cầu, *"gia"* là gia bị.

(Diễn) Gia thị Tam Bảo gia bị.

(演) 加是三寶加被。

*(**Diễn**: "Gia" là Tam Bảo gia bị).*

"Bị" (被) có cùng một ý nghĩa với chữ *"phi"* (披) trong hiện tại, đây là một chữ Phá Âm[18]. Thần lực của Phật gia trì chúng ta. Không có thần lực của Phật, đại sư sẽ không viết Chú Giải được. Trên giảng đài, nếu không có thần lực của Phật gia bị, chúng tôi cũng không nói ra được những ý nghĩa vi diệu trong ấy. Do vậy, nhất định phải cầu thần lực của chư Phật, Bồ Tát gia trì.

(Diễn) Thỉnh giả, kỳ thỉnh dã, Phật diệt độ hậu, phàm hữu trước thuật, giai quy Tam Bảo minh hy gia bị.

(演)請者，祈請也。佛滅度後，凡有著述，皆皈三寶冥希加被。

*(**Diễn**: "Thỉnh" là cầu xin. Sau khi Phật diệt độ, hễ trước thuật đều hướng về Tam Bảo mong được ngầm gia trì).*

"Minh" (冥) là gia trì âm thầm.

(Diễn) Lương dĩ tự kỷ nhất nhân tâm lực hữu hạn, nhi Phật cụ vô duyên đại từ, năng linh tinh thành kỳ thỉnh giả, tự đắc thắng trí, cố thỉnh gia dã.

---

[18] Chữ "phá âm" là những chữ tùy theo cách sử dụng hoặc ngữ cảnh mà sẽ có âm đọc khác nhau. Chẳng hạn như chữ 參 sẽ đọc là Tham (trong "tham gia", "tham dự"), nhưng sẽ đọc thành Sâm trong Nhân Sâm, Đảng Sâm, hoặc đọc là Tam nếu dùng với ý nghĩa là số ba. Chữ 禅 đọc thành Thiền trong Thiền Học, Thiền Môn, nhưng phải đọc là Thiện khi dùng với ý nghĩa "nhường lại" như "thiện vị" (nhường ngôi). Ngoài ra, có những trường hợp, chữ Phá Âm có thể đọc khác âm (trong tiếng Quan Thoại) khi dùng với những ý nghĩa khác nhau, nhưng âm Hán Việt vẫn giữ nguyên, như trong trường hợp chữ Bị ở đây.

(演)良以自己一人心力有限，而佛具無緣大慈，能令精誠祈請者，自得勝智，故請加也。

*(**Diễn**: Ấy là vì tâm lực của chính một người có hạn, nhưng Phật sẵn lòng vô duyên đại từ có thể khiến cho người cầu nguyện với tấm lòng tinh thành sẽ tự đạt được trí huệ thù thắng, cho nên cầu thỉnh Tam Bảo gia trì).*

Cầu Phật gia trì, lũ chúng ta thỉnh cầu Phật gia hựu, phải *"tinh thành"*, tự nhiên sẽ được cảm ứng, trí huệ mở mang. Chuyên tu một môn này, chuyên học một môn này, chuyên hoằng một môn này, đó là *"tinh"*. Nhất tâm nhất ý chuyên nhập một môn này, quyết định chẳng có tam tâm nhị ý; đó là *"thành"*. Chúng ta có cái tâm ấy, thưa quý vị, Tây Phương Tam Thánh trước hết gia trì quý vị, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, mười phương chư Phật gia trì quý vị, hết thảy Bồ Tát gia trì quý vị, hộ pháp thiên long hộ trì quý vị, lẽ nào quý vị chẳng mở mang trí huệ? Lẽ nào quý vị chẳng đắc biện tài? Đạo lý nhất định mà! Trừ phi quý vị chẳng tinh, chẳng thành, sẽ không có cảm ứng đạo giao. Thật sự làm được hai chữ *"tinh thành"*, chẳng cầu Phật gia trì, Phật cũng sẽ gia trì quý vị. Vì sao? Do có cùng tâm, cùng nguyện với mười phương chư Phật, hết thảy Bồ Tát, chí đồng đạo hợp, lẽ đâu chẳng có chuyện giúp đỡ? Chẳng cần phải cầu mà chủ động giúp đỡ! Nay chúng ta ở trong thế gian, nếu nghe nói có những người chí đồng đạo hợp, nhất định rất hoan hỷ, họ không đến kiếm chúng ta, chúng ta đi kiếm họ trước, chí đồng đạo hợp, quá khó được! Nhất là trong thời kỳ Mạt Pháp này, có thể chí đồng đạo hợp với chư Phật, Bồ Tát, không nhiều! Hiếm có lắm! Lẽ đâu Phật, Bồ Tát chẳng gia trì? Chúng ta cũng phải nên hiểu rõ điều này. Đến đây, tựa đề của năm điều trong phần Thông Tự Đại Ý của Sớ Sao đã được giới thiệu đơn giản xong. Lần sau, chúng ta sẽ bước vào phần văn tự, tức là đoạn thứ nhất, tức Minh Tánh trong phần Thông Tự, bước vào phần văn tự càng tinh vi đẹp đẽ hơn. Hôm nay tôi chỉ đem ý nghĩa của tựa đề giới thiệu đại lược mà thôi!

Tập 7

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ sáu:

Sơ minh tánh.
初明性。
(Thứ nhất là giảng về Tánh).

Đây là tên gọi của tiểu đoạn này. Dưới đây là đoạn văn trong lời Tựa, đoạn thứ nhất giảng về Tánh.

(Tự) Linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng, phi trược, phi thanh, vô bối, vô hướng, đại tai chân thể, bất khả đắc nhi tư nghị giả, kỳ duy tự tánh dư?
(Diễn) "Linh minh" nhị cú thị thuần chân, "phi trược" nhị cú thị tuyệt vọng.
(序)靈明洞徹，湛寂常恆，非濁非清，無背無向，大哉真體，不可得而思議者，其唯自性歟。
(演)靈明二句是純真，非濁二句是絕妄。
*(**Tựa**: Linh giác sáng suốt, thấu triệt rỗng rang, trong trẻo, tĩnh lặng, thường hằng, chẳng đục, chẳng trong, không trái nghịch, không hướng về. Chân thể lớn lao thay! Chẳng thể nghĩ bàn được! Chỉ có mình tự tánh đấy chăng?*
***Diễn**: Hai câu "linh minh" là thuần chân, hai câu "phi trược" là dứt vọng).*

Một tác phẩm văn chương hay phải hội đủ bốn điều kiện là *"giản, yếu, tường, minh"*, tức là phải đơn giản, nói lên được những điều trọng yếu, cặn kẽ, rõ ràng. Trong văn chương của Liên Trì đại sư, hai câu này hội đủ ý nghĩa ấy, thật sự phù hợp với tiêu chuẩn ấy. Có rất nhiều đồng tu thường nghĩ: Chúng ta phải nên học thể loại văn chương Văn Ngôn ra sao? Đọc Sớ Sao là được rồi, [đây là tác phẩm] văn chương bậc nhất. Trong đoạn lớn này, tiểu đoạn thứ nhất nói về thuần chân, tức Chân Như bổn tánh. Tiểu đoạn thứ hai, trong thuần chân không có hư vọng. Tiểu đoạn thứ ba, *"đại tai chân thể"* (chân thể lớn lao thay), đấy là lời tán thán, cũng nhằm [tán thán] chân thể đã được nói trong đoạn trên. Câu cuối cùng là quy kết. Trong phần này có bốn tiểu đoạn rõ rệt.

(Diễn) "Linh minh" thị Chiếu đỗng triệt, ngôn thử Chiếu Thể hoành biến thập phương. "Trạm tịch" thị Tịch thường hằng, ngôn thử Tịch Thể thụ cùng tam tế, tức Lăng Nghiêm sở vị: "Thường trụ diệu minh bất động châu viên" dã.

(演)靈明是照洞徹，言此照體橫遍十方。湛寂是寂常恆，言此寂體豎窮三際。即楞嚴所謂，常住妙明不動周圓也。

*(**Diễn**: "Linh minh" là Chiếu thấu suốt, rỗng rang, ý nói: Thể của Chiếu theo chiều ngang trọn khắp mười phương. "Trạm tịch" là Tịch luôn thường hằng, ý nói: Thể của Tịch theo chiều dọc tột cùng ba đời, tức là như kinh Lăng Nghiêm dạy: "Tánh sáng mầu nhiệm thường trụ, bất động mà viên mãn trọn khắp").*

Ý nghĩa này có mức độ khá sâu, vì nói đến Chân Như bổn tánh, có thể nói là giảng về Lý Thể rốt ráo. *"Linh minh đỗng triệt"*: Câu này nói về đại dụng vốn sẵn có trong bản thể. Ở đây, đại sư nói: "*Thử Chiếu Thể hoành biến thập phương"* (Thể của Chiếu ấy theo chiều ngang trọn khắp mười phương). Nói về điều gì vậy? Nói về tác dụng của sáu căn. Mắt chúng ta có thể thấy trọn khắp pháp giới, tai chúng ta có thể nghe trọn khắp pháp giới, đấy là *"hoành biến thập phương"* (theo chiều ngang trọn khắp mười phương). Sáu căn có công năng rộng lớn như thế. Hiện thời nghe nói có những người có tiểu thần thông, [nhưng những thứ thần thông ấy] chẳng đáng coi là lạ! Thiên Nhãn. Thiên Nhĩ, và Tha Tâm Thông của họ đều khá hữu hạn. Ở đây, [sách Sớ Sao] nói tới những điều không có hạn lượng, vô lượng, vô biên, đúng là thần thông rộng lớn. Những năng lực rộng lớn ấy đều sẵn đủ trong bản thể của mỗi người chúng ta, chứ không phải từ bên ngoài mà có. Ai nấy đều có, nhưng rất bất hạnh, chúng ta tuy có, hiện thời đã biến thành chẳng có. *"Hiện thời chẳng có"* không phải là nói thật, mà là nói phương tiện, vì sao? Hiện thời vẫn có, tuy có, nhưng chính quý vị chẳng thể cảm thấy, chẳng biết là chính mình có, giống như là không có vậy; chuyện là như vậy đó, chứ không phải là thật sự mất đi. Nếu thật sự mất đi, sẽ chẳng gọi là "chân". Như thế nào mới có thể gọi là *"thuần chân"*? Đấy là nói rõ sự thấy, nghe, hay, biết của chúng ta theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc tột cùng ba đời, đấy là bổn năng (năng lực sẵn có) của chúng ta, nhà Thiền gọi nó là *"bổn lai diện mục"* (mặt mắt sẵn có, diện mạo chân thật). Tu học trong Phật pháp

không gì chẳng nhằm khôi phục bổn lai diện mục của chính chúng ta mà thôi!

Trong Phật pháp quyết định chẳng có mê tín, chẳng có những thứ cưỡng ép kèm theo. Phật pháp là muốn tìm được bổn lai diện mục của chính mình. Phật pháp là tự ngộ, tự tu, tự chứng. Ngay như pháp môn Tịnh Độ được gọi là *"nhị lực pháp môn"*, điều chủ yếu nhất vẫn là dựa vào chính mình. Nếu hoàn toàn dựa vào người khác, rốt cuộc nhất định xôi hỏng bỏng không! Ở đây, đại sư dẫn dụng kinh Lăng Nghiêm vì kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ ràng. Tôn giả A Nan có quan hệ mật thiết với Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng tôn giả A Nan có thể dựa dẫm Thích Ca Mâu Ni Phật hay chăng? Ngài A Nan tự nghĩ: "Phật là anh lớn của ta, là chỗ dựa tốt nhất!" Kết quả chẳng được gì, không thể dựa dẫm được, nhất định phải cậy vào chính mình! Hiểu rõ đạo lý này, quý vị mới biết hết thảy ngoại đạo trong thế gian vẫn dựa dẫm, ỷ lại thần minh, dựa dẫm Thượng Đế, rốt cuộc nhất định xôi hỏng bỏng không! Học Phật mà chẳng biết nghĩa chân thật trong Phật pháp, dựa dẫm, ỷ vào Phật, Bồ Tát! Ngay cả ngài A Nan cũng không có cách nào [dựa dẫm] được! Chúng ta và Thích Ca Mâu Ni có quan hệ càng nhẹ mỏng hơn [so với quan hệ giữa Phật và A Nan], càng chẳng thể dựa dẫm, nhất định phải biết cậy vào chính mình! Trong phần trước có nói: Cầu Phật, Bồ Tát gia trì, cũng phải dựa vào năng lực của chính bản thân mình. Bản thân không có sức thì thần lực của Phật, Bồ Tát chẳng thể gia trì được! Bản thân đầy đủ Tam Học, Tam Tư Lương, thần lực của Phật mới gia trì được. Nếu bản thân chẳng có mảy may điều kiện nào, hoàn toàn dựa dẫm, ỷ vào Phật, Bồ Tát, chắc chắn chẳng thể dựa dẫm được, chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này. Đại sư đem ý nghĩa này bảo với chúng ta, nói cho chúng ta biết pháp môn này có căn cứ lý luận chân thật, chúng ta mới có thể tin tưởng. Ngài nói pháp môn này *"bao trùm tám giáo, nhiếp trọn năm tông"*, chúng ta tin tưởng, biết cách nói ấy là sự thật, chẳng khoa trương.

"Trạm tịch thường hằng": *"Trạm"* (湛) là tỷ dụ, giống như nước thanh tịnh, chẳng ô uế tí nào. Nhìn xuống mặt nước, nhìn thấy đáy ao, rõ ràng, trong vắt, dùng điều ấy để tỷ dụ chân tánh của chúng ta. Lục Tổ đại sư nói: *"Bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai"* (Vốn chẳng có một vật, nào sợ nhuốm bụi trần). *"Trạm tịch"* có nghĩa là thường hằng, *"thường"* là vĩnh viễn giống như vậy, quyết định chẳng thay đổi, từ vô thỉ kiếp trước đã là như vậy, vô lượng kiếp sau vẫn giống như vậy. Khi giác ngộ cũng là như vậy, lúc điên đảo, mê hoặc cũng giống như vậy. Tuyệt đối chẳng thể nói: "Bổn tánh của Phật và bổn tánh của chúng ta khác nhau", không thể

nói như vậy được! Bổn tánh của Phật, bổn tánh của súc sanh, bổn tánh của địa ngục, và bổn tánh của ngạ quỷ hoàn toàn giống nhau. Nói theo Thể của tánh thì chắc chắn chẳng khác nhau. Đó gọi là Chân. Chân là *"thuần chân"*, thật sự vĩnh viễn là chân. Nhìn từ phương diện Chân thì như kinh Hoa Nghiêm, kinh Viên Giác đã nói: *"Nhất thiết chúng sanh, bổn lai thành Phật"* (Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật), câu này nói theo phương diện "thuần chân". Chẳng khác nhau mà biến thành khác nhau là do mê, mê rồi sẽ biến đổi hình dạng; nhưng mê chỉ là biến đổi trên mặt Tướng, chứ Thể chẳng biến đổi, Thể luôn luôn vĩnh viễn bất biến.

"Ngôn thử Tịch Thể thụ cùng tam tế" (Ý nói: Thể của Tịch theo chiều dọc cùng tột ba đời): Quý vị nhất định phải nhớ Chiếu và Tịch là một Thể. Do vậy, Tịch và Chiếu có thể dùng làm Thể và Dụng của lẫn nhau: Chiếu là Thể, Tịch là Dụng, [hoặc] Tịch là Thể, Chiếu là Dụng. Do Tịch và Chiếu không hai, nên đều có thể coi là Thể, cũng như đều có thể coi là Dụng. Chiếu là Trí Huệ, Tịch là Thiền Định, là nhất tâm. Do vậy, Định và Huệ có mối liên hệ hết sức mật thiết. Câu thứ nhất (tức câu *"linh minh đỗng triệt"*) là nói tới Huệ Thể trong bổn tánh, câu thứ hai (tức câu *"trạm tịch thường hằng"*) nói về Định Thể. Kinh Lăng Nghiêm có nói tới Lăng Nghiêm Đại Định. Lăng Nghiêm Đại Định được nhắc đến trong câu kế tiếp: *"Tức Lăng Nghiêm sở vị: Thường trụ diệu minh bất động châu viên"* (Tức là như kinh Lăng Nghiêm dạy: Thường trụ diệu minh, bất động châu viên), đấy chính là Lăng Nghiêm Đại Định. Lăng Nghiêm Đại Định chẳng do tu mà có, mà là sẵn có. *"Thường trụ"* và *"bất động"* là ý nghĩa *"trạm tịch thường hằng"*. *"Diệu minh"* và *"châu viên"* là ý nghĩa *"linh minh đỗng triệt"*. Câu nói, văn tự khác nhau, nhưng ý nghĩa hoàn toàn là một. Tiếp theo đây là lời giải thích về câu *"phi trược, phi thanh, vô bối, vô hướng"*.

(Diễn) Tu chứng tức bất vô, nhiễm ô tức bất đắc, cố phi trược.

(演) 修證即不無，染污即不得，故非濁。

*(**Diễn**: Tu chứng là chẳng không, nhiễm ô là chẳng được, cho nên không đục).*

Từ Đàn Kinh, chúng ta thấy: Khi Vĩnh Gia đại sư gặp Lục Tổ đã nói hai câu này, hai câu này rất quan trọng, ngàn vạn phần chớ nên coi thường. Đã là *"linh minh trạm tịch"*, mỗi cá nhân chúng ta đều sẵn đủ, vậy thì còn phải tu gì nữa? Không cần tu! Nếu quý vị nghĩ như vậy, chính là chấp Lý phế Sự. Chấp trước nơi Lý, vứt bỏ Sự tu (tu hành nơi mặt Sự),

rơi vào cuồng huệ, chư Phật, Bồ Tát đều cứu chẳng được. Những kẻ cuồng huệ không ai chẳng đọa địa ngục. *"Tu chứng tức bất vô"*, có tu đấy nhé! Vẫn phải y giáo phụng hành, chiếu theo những lý luận và phương pháp đã dạy trong kinh Phật để tu hành, tuy tu hành nhưng như thế nào? *"Nhiễm ô tức bất đắc"*: Tâm thanh tịnh. Sự nhiễm ô ấy chính là nhiễm ô trong tu hành, ngay cả tu hành cũng chẳng nhiễm ô! Gọi là *"nhiễm ô"* là vì chấp vào tướng, đó là chấp trước.

Đọc hai câu này thấy rất mâu thuẫn, tu hành thì phải chấp trước, không chấp trước thì tu cái hạnh gì đây? Tu nhưng đừng chấp trước, không chấp trước nhưng vẫn tu. Chấp trì danh hiệu là tu hành, [đấy là] chấp trước mà không chấp trước, không chấp trước mà chấp trước. Chấp trước và không chấp trước chẳng hai, đó là ý nghĩa của hai câu này. Nói rõ hơn, chúng có nghĩa là: Chấp trước trên mặt Sự, đừng chấp trước nơi Lý. Về Sự, hằng ngày chúng ta phải niệm một ngàn câu Phật hiệu, chẳng thiếu một tiếng nào, phải nhớ điều này: Chấp trước trên mặt Sự. Về Lý, phải hiểu: Trong tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, Năng Niệm (cái tâm niệm Phật), Sở Niệm (đức Phật được niệm), Năng Trì (cái tâm chấp trì danh hiệu), Sở Trì (câu hồng danh Phật hiệu) đều chẳng thể được, đấy là *"nhiễm ô tức bất đắc"*.

Vận dụng công phu như vậy, vận dụng trong ba năm, không một ai chẳng thành tựu. Thành tựu khá cao minh, quyết chẳng phải là thành tựu tầm thường! Niệm Phật như vậy là Lý niệm, Lý - Sự bất nhị, Lý - Sự hệt như một. Đấy là ý nghĩa *"phi trược"*. Trong hết thảy các pháp, chúng tôi chỉ nêu ra một điều, quý vị phải biết nghe. Giống như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói: *"Một tức hết thảy, hết thảy chính là một"*. Cổ đức bảo là *"nghe một, hiểu cả ngàn"* là nói về chuyện này. Một chuyện là như vậy, mà chuyện nào cũng đều như vậy. Sự có, Lý không, Lý và Sự đều chẳng thể bỏ một bên nào; có Lý, có Sự thì mới có thể nhập đạo.

(Diễn) Nhất thiết phù trần tướng, vô phi diệu giác thể, cố phi thanh.

(演) 一切浮塵相，無非妙覺體，故非清。

*(**Diễn**: Hết thảy tướng phù trần, không gì chẳng phải là Thể của diệu giác, nên chẳng trong).*

"Phù trần": Phù (浮) là hư phù (hư huyễn, hời hợt), tức là chẳng chân thật. Chữ *"trần"* (塵) chỉ sáu trần. Câu này phiếm chỉ vũ trụ nhân sinh, sâm la vạn tượng. Những tướng này do đâu mà có? Tướng là do diệu

giác minh tâm biến hiện. Thể của nó là Chân Như bổn tánh, hình dạng của Chân Như bổn tánh là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, là sâm la vạn tượng. Nếu chưa hiểu ý nghĩa này thì chúng tôi lại nêu ra một tỷ dụ: Vàng ròng. Vàng ròng có hình dạng như thế nào? Quý vị thấy những món đồ bằng vàng, chẳng hiểu ư? Chúng là tướng phù trần, tức tướng phù trần của vàng ròng. Nếu là từng khối vàng thì quý vị có thừa nhận chúng là vàng hay không? Thừa nhận chứ! Vàng ròng từng khối một. Nếu chẳng phải là từng khối một thì chẳng phải là vàng ư? Vòng vàng, dây chuyền vàng đều chẳng phải là vàng ư? Không có tướng, nhưng có thể tùy duyên hiện hết thảy tướng, hết thảy những tướng ấy đều là vàng ròng. Vàng tỷ dụ Thể, các món vật tỷ dụ Tướng. Hết thảy tướng phù trần đấy!

Nếu quý vị hỏi tướng của Chân Như bổn tánh là gì, hình dạng như thế nào ư? Hiện thời, sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, đấy chính là hình dạng của Chân Như bổn tánh. Nếu quý vị hoảng nhiên đại ngộ, chẳng phải là quý vị kiến tánh ư? "Tôi không kiến tánh" giống như thấy một đống đồ bằng vàng, nhưng tôi không thấy được vàng ròng. Tôi thấy đây là vòng đeo tay, kia là dây chuyền đeo cổ, không thấy được vàng ròng! Ngày nay chúng ta không thấy tánh, giống như bày ra trước mặt hàng ngàn hàng vạn món đồ bằng vàng, mà chẳng thấy được vàng ròng, chẳng tìm được vàng ròng. Do vậy, đức Phật bảo là "kẻ đáng thương!" Đáng thương như thế nào? Bày ra ngay trước mặt mà chẳng nhận biết! Hễ giác ngộ, mắt nhìn sẽ thấy Sắc tánh, tánh Thấy thấy được Sắc tánh, tánh Nghe sẽ nghe Thanh tánh, đó gọi là "minh tâm kiến tánh". Thiền Tông dùng đủ mọi phương pháp để ép quý vị tự ngộ, tự mình nói ra. Giáo Hạ không bức bách, nói thẳng thừng ra cho quý vị biết. Thiền Tông ép quý vị ngộ, thật sự đích thân tự thấu hiểu. Giáo Hạ dùng phương pháp bảo ban, thường là do quý vị chẳng khéo dụng tâm phản tỉnh nên thường là che bít nơi lối ngộ. Nói cách khác, quý vị vĩnh viễn chẳng thể khai ngộ là vì sao? Chết cứng nơi giáo tướng, chết cứng nơi ngôn ngữ, văn tự, chẳng thể khai ngộ! Nếu khéo dụng tâm sẽ chẳng khác gì Thiền Tông. Đấy là hai cách dạy học khác nhau, mỗi cách có ưu và khuyết điểm riêng.

Do vậy, chân tánh ở ngay trước mắt, chân tánh là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, là Pháp Thân Phật. Tỳ Lô Giá Na (Vairocana) là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Biến Nhất Thiết Xứ (trọn khắp mọi nơi). Quý vị hãy suy nghĩ xem: Có phải trọn khắp mọi nơi hay không? Cái gì trọn khắp mọi nơi? Pháp tánh trọn khắp mọi nơi, pháp tướng trọn khắp mọi nơi. Tánh và Tướng là một, chẳng phải hai. Thấy Tướng là thấy Tánh,

thấy Tánh chính là thấy Tướng. Bọn phàm phu chúng ta sở dĩ chẳng thấy Tánh là vì đã tách lìa Tánh và Tướng, chia thành hai thứ. Ví như đồ vật và vàng, đồ vật chẳng phải là vàng, vàng chẳng phải là đồ vật, vậy là quý vị sẽ vĩnh viễn tìm chẳng ra. Chẳng những mê mất vàng mà đồ vật cũng bị mê mất luôn. Mê một thứ sẽ mê hết thảy, ngộ một thứ sẽ ngộ hết thảy. Không thể nói mê là một bên, ngộ là một bên, không có đâu! Điều này nói rõ cùng quý vị: Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, sâm la vạn tượng là hết thảy tướng phù trần, toàn là do diệu giác minh tâm biến hiện. Do vậy, *"chẳng trong!"*

(Diễn) Mê thời tự bối, nhi thử bổn bất thuộc mê, cố vô bối.

(演) 迷時似背，而此本不屬迷，故無背。

*(**Diễn**: Khi mê thì dường như trái nghịch, nhưng tâm này vốn chẳng thuộc vào mê, nên "không trái nghịch").*

Đây là giải thích câu *"vô bối, vô hướng"*. Khi mê thì sẽ dường như trái nghịch, nên gọi là *"bối giác hiệp trần"* (trái nghịch tánh giác, xuôi theo trần lao). Người tu hành phải cầu *"bối trần hiệp giác"*. Nay quý vị đã hiểu rõ, những kiểu nói như vậy đều là pháp phương tiện. Trong pháp chân thật, không có mê mà cũng chẳng có giác, không có trái nghịch mà cũng chẳng có hướng về. Do vậy, Đàn Kinh đã ban cho chúng ta một khải thị rất lớn, cũng là nói đơn giản, nhưng ý nghĩa bao trùm. Lục Tổ nói: *"Phật pháp là pháp bất nhị, nhị chẳng phải là Phật pháp"*. Mê và giác là hai pháp, trái nghịch và hướng về là hai pháp, hễ có hai pháp thì chẳng phải là Phật pháp. Từ chỗ này, chúng ta thấu hiểu, hãy ngộ nhập từ chỗ này. Do vậy, lúc mê sẽ giống như trái nghịch pháp tánh, *"nhi thử"*: Chữ Thử này chỉ Diệu Giác Thể và tướng phù trần. Trong Diệu Giác Thể và tướng phù trần không có mê, ai mê? Tự mình mê! Cảnh giới bên ngoài không mê, những tướng bên ngoài không mê. Thí như dùng vàng chế thành đồ vật, quý vị mê mất, nên chẳng những không thấy vàng mà ngay cả đồ vật cũng chẳng nhận ra. Thế nhưng vàng vẫn là vàng, đồ vật vẫn là đồ vật, chúng nó không mê, chúng ta thì mê. Chính chúng ta không nhận biết, mê rồi, chẳng nhận biết Tánh, mà cũng chẳng nhận biết Tướng. Tánh lẫn Tướng đều mê! Do vậy, mê là chính mình mê, chẳng liên can gì đến Tánh và Tướng! Nói theo Tánh và Tướng thì chẳng có "trái nghịch", tìm không ra hiện tượng trái nghịch ấy!

(Diễn) Ngộ thời tự hướng, nhi thử bổn bất thuộc ngộ, cố vô hướng.

(演) 悟時似向，而此本不屬悟，故無向。

*(**Diễn**: Khi ngộ sẽ giống như có hướng về, nhưng tâm này vốn chẳng thuộc vào ngộ nên không có hướng về).*

Khi giác ngộ, giống như quay đầu lại "hướng về" pháp tánh, *"nhi thử bổn bất thuộc ngộ, cố vô hướng"*: Trong Chân Như bổn tánh, không có mê, mà cũng chẳng có ngộ. Có mê nên mới nói ngộ! Mê là do đối ứng với ngộ mà nói. Ngộ là do đối ứng với mê mà nói. Vốn đã chẳng có mê, ngộ do đâu mà có? Tìm mê lẫn ngộ đều chẳng được! Chúng ta nói tới bổn tánh, chân tâm, Chân Như, đều [cảm thấy] chẳng dễ hiểu cho lắm, thường bị những danh từ ấy làm khó. Dùng thuật ngữ trong kinh này để nói thì "nhất tâm bất loạn" là nhất tâm, Chân Như bổn tánh là gì? Chính là nhất tâm! Nếu có mê và ngộ, tức là nhị tâm. Nếu có hướng về hay trái nghịch thì cũng là nhị tâm.

Chúng ta thường nói là *"tam tâm, nhị ý"*. Đấy cũng là một câu nói nơi cửa miệng trong xã hội. Câu nói này phát xuất từ kinh Phật, đủ thấy Phật pháp có ảnh hưởng rất sâu tới văn hóa và cuộc sống Trung Quốc. *"Tam tâm"* là tâm, ý, thức, *"nhị ý"*: Mạt Na thức là Ý Căn, thức thứ sáu là Ý Thức. Chúng là hư vọng, chẳng chân thật. Trong chân thật, không có những thứ này. Chúng ta có tam tâm, nhị ý, sẽ chẳng đạt được nhất tâm. Nay chúng ta tu pháp môn này nhằm cầu điều gì? Nhất tâm bất loạn! Nhất tâm sẽ chẳng loạn, quả thật nói tới hai chữ *"nhất tâm"*. Nhị tâm bèn loạn, nhất tâm bất loạn. Nhất tâm là Phật tánh. Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, quý vị vốn là nhất tâm, cho đến hiện thời, nhất tâm vẫn chẳng mất. Khi mê thì dường như có mất đi; thật ra, trong nhất tâm không có mê, cho thấy nhất tâm chẳng bị mất. Lúc ngộ, dường như đạt được, nhưng trong nhất tâm không có ngộ, chẳng có được hay mất! Nay chúng ta dùng một câu Phật hiệu để cầu gì? Cầu Chân Như bổn tánh, cầu nhất tâm. Khi nào nhất tâm hiện tiền, khi ấy sẽ gọi là thành Phật, chứng đắc nhất tâm là thành Phật. Chỗ khác nhau giữa tâm Phật và tâm chúng sanh là Phật thì nhất tâm hiện tiền, nhất tâm khởi tác dụng. Phàm phu tuy có nhất tâm, nhất tâm cũng hiện tiền, nhưng do mê chẳng giác, vọng tưởng khởi tác dụng, nên gọi là phàm phu.

(Diễn) Tức Viên Giác sở vị: "Nhất thiết chúng sanh bổn lai thành Phật, sanh tử, Niết Bàn do như tạc mộng" dã.

(演)即圓覺所謂，一切眾生本來成佛，生死涅槃猶如昨夢也。

*(**Diễn**: Đây chính là như kinh Viên Giác đã nói: "Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật. Sanh tử, Niết Bàn giống như giấc mộng đêm qua").*

Dẫn một đoạn kinh Viên Giác để chứng minh, kinh Hoa Nghiêm cũng nói giống như vậy. Đức Phật nói *"nhất thiết chúng sanh, bổn lai thành Phật"* (hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật) là nhìn từ góc độ nào? Chúng ta hiểu rõ, Ngài nhìn từ chân tánh, nhìn từ bản thể của chân tâm. *"Hết thảy chúng sanh, vốn đã thành Phật"* là thật, chẳng giả tí nào! *"Sanh tử"* và *"Niết Bàn"* là tương đối, là hai pháp, hai pháp thì hư huyễn chẳng thật! Giống như nằm mộng, chẳng phải là chân thật. Mộng có hay không? Có mộng! Mộng có đáng sợ hay chăng? Chẳng đáng sợ! Nếu quý vị chẳng biết là mộng thì mộng sẽ đáng sợ. Quý vị biết nó là mộng thì đâu còn gì để nói nữa! Cổ đại đức thường nói: *"Đại tác mộng trung Phật sự"* (Làm Phật sự lớn lao trong mộng). Đấy là nói "làm nhưng chẳng làm", *"khải kiến thủy nguyệt đạo tràng"* (tạo lập đạo tràng bóng trăng trong nước). Vầng trăng in trong nước cũng chẳng phải là thật. Đạo tràng là đạo tràng bóng trăng trong nước, Phật sự là Phật sự trong giấc mộng, đừng coi là thật! Sự là có hay là không? Trong phần trên, [sách Diễn Nghĩa] đã nói rồi đó: *"Tu chứng tức bất vô"*.

Quý vị phải hiểu: Làm Phật sự chẳng phải là tụng kinh siêu độ người chết. Những Phật sự được nói trong kinh điển trước kia không nhằm chỉ điều này. Phật sự là dạy học, giảng kinh, thuyết pháp, hướng dẫn đại chúng tu hành, đó là *"làm Phật sự"*. Chúng ta niệm Phật, tham Thiền, đều là *"làm Phật sự"*. Phật sự là chuyện giác ngộ. Trong thế gian, Phật pháp nhằm độ người, chứ không phải độ quỷ. Trong ngạ quỷ đạo có Phật pháp dành riêng cho ngạ quỷ đạo. Những Phật sự trong nhà Phật đến đời Đường biến thành độ quỷ, độ vong hồn. Trong quá khứ, pháp sư Đạo An đã bảo chúng tôi: "Những chuyện siêu độ là từ sau loạn An Sử (An Lộc Sơn) đời Đường, tức là thời Đường Minh Hoàng. Khi ấy, quốc gia loạn lạc rất dữ dội, An Lộc Sơn làm phản, đại công thần nhà Đường là Quách Tử Nghi bình định loạn ấy xong, trong cả nước quân dân tử thương rất nhiều. Do vậy, triều đình lập một ngôi chùa tại mỗi chỗ chiến trường, đặt tên là Khai Nguyên Tự, thỉnh những vị cao tăng cử hành nghi thức truy điệu, tụng kinh, siêu độ. Chánh phủ làm như thế, dân chúng ai nấy bắt chước, khi người già trong nhà qua đời đều thỉnh pháp sư siêu độ. Phật môn lấy dạy

học làm chủ, siêu độ là chuyện kèm theo. Hiện thời, chuyện kèm theo biến thành chánh yếu, dạy học trở thành không còn nữa, khách ồn ào đoạt ngôi vị của chủ! Phật giáo hiện thời gọi siêu độ vong hồn là Phật sự, có hỏng bét hay không? Ý nghĩa gốc của hai chữ Phật sự đã bị biến chất. Trước thời Đường không có! Trong tự viện lo phiên dịch kinh điển, giảng kinh, thuyết pháp, không có chuyện siêu độ, cũng không có chuyện thờ bài vị người chết. Cuối thời Đường, Tống trở đi, dần dần mới có những chuyện này. Chúng ta học Phật, nhất định phải nhận thức bổn lai diện mục của Phật giáo. Bổn lai diện mục của Phật giáo quyết định không mê tín, mà là giảng cho quý vị Chân Đế về nhân sinh và vũ trụ.

Tiếp theo đây là lời giải thích phần kinh văn *"đại tai chân thể, bất khả đắc nhi tư nghị giả, kỳ duy tự tánh dư"*.

(Diễn) "Đại tai" thị thán từ, dĩ phi huyễn bất diệt, cố vân "chân thể".

(演) 大哉，是讚詞。以非幻不滅，故云真體。

*(**Diễn**: "Lớn lao thay!" là câu tán thán. Do chẳng phải là huyễn, bất diệt, nên nói là "chân thể").*

"Phi huyễn" là chân tánh, nói theo kinh này thì là nhất tâm. Nhất tâm là chân, nhị tâm sẽ diệt. Nhị tâm là vọng niệm, vọng niệm có sanh, có diệt. Nhất tâm là chân tâm, đương nhiên không có sanh diệt. *"Cố vân chân thể"* (nên nói là *"chân thể"*): Câu này tán thán nhất tâm là chân thể, tức chân thể của chính chúng ta, là chân thể của toàn bộ vũ trụ, là chân thể của tận hư không, trọn pháp giới.

(Diễn) Kiến do ly kiến, kiến bất năng cập. Hữu hà khả tư?

(演) 見猶離見，見不能及，有何可思。

*(**Diễn**: Cái Thấy chân thật lìa khỏi cái Thấy hư vọng, chẳng thấy cái Thấy hư vọng nữa, còn có gì để có thể suy nghĩ được ư?)*[19].

Đây là nói tới sự chẳng thể nghĩ bàn. Mấy câu này trích từ đoạn cuối phần *"mười phen chỉ rõ cái thấy"* trong kinh Lăng Nghiêm, chỉ rõ cái Thấy đến tột bực. Trong câu này có ba chữ Kiến, ba chữ Kiến đó có

[19] Câu này được dịch theo cách giải thích của pháp sư Văn Châu trong bài Lăng Nghiêm Kinh Thất Xứ Phá Vọng Thập Phiên Hiển Kiến và lời giải thích của lão hòa thượng Tịnh Không.

chân, có vọng. Chữ Kiến thứ nhất là chân kiến (cái Thấy chân thật), tức là kiến tánh. Chân kiến giống như lìa khỏi vọng kiến (cái Thấy hư vọng). Vọng kiến là thức tâm (cái tâm phân biệt bởi ý thức và ý căn), là Kiến Phần[20] của Thất Chuyển Thức[21], đương nhiên bao gồm năm mươi mốt Tâm Sở[22]. Kiến Phần của Tâm và Tâm Sở đều gọi là *"vọng kiến"*. Kiến tánh chẳng phải là tương đối, mà là dứt bặt đối đãi. Tám Thức, năm mươi mốt Tâm Sở đều là pháp sanh diệt, là pháp hữu vi. Chân kiến hoàn toàn chẳng phải là những vọng kiến ấy. Tiếp theo đó, kinh [Lăng Nghiêm] nói *"kiến"* thì [chữ Kiến thứ ba] ấy cũng là vọng kiến, [nên nói] *"kiến bất năng cập"*. Vì sao vọng kiến có thể duyên được chân kiến? Đây là nói tới chuyện chẳng thể nghĩ bàn. *"Nghĩ"* thì dùng gì để nghĩ? Vẫn chẳng phải là dùng tâm ý thức, mà là siêu việt tâm ý thức, không có cách nào nghĩ được! *"Nghĩ"* là vọng niệm, là vọng tâm, là sanh diệt tâm, còn ở đây là chẳng sanh chẳng diệt. Nghĩ là nhị tâm, là tam tâm, nhị ý. Trong nhất tâm không có nghĩ, không có tưởng.

(Diễn) Tam thế chư Phật, đáo thử khẩu quải bích thượng, hữu hà khả nghị.

(演) 三世諸佛，到此口挂壁上，有何可議。

*(**Diễn**: Tam thế chư Phật đến chỗ này bèn miệng treo trên vách, có gì để có thể bàn định được?)*

"Tam thế" chỉ quá khứ, hiện tại, vị lai. Mười phương ba đời hết thảy chư Phật nếu thuyết pháp cho quý vị, đến cảnh giới này cũng không có cách nào nói được, chỉ đành *"khẩu quải bích thượng"*, có nghĩa là không nói được, đành treo miệng lên vách thôi! Chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn! Mấy câu này tuyệt đối chẳng phải là nói tránh né, mà là lời thật, vì

---

[20] Kiến Phần (còn gọi là Năng Thủ Phần): Tác dụng nhận biết sự vật (cảnh) của tâm đối với cảnh được duyên bởi Thức.

[21] Thất Chuyển Thức là danh từ Duy Thức Học để gọi chung bảy thức trước A Lại Da Thức, tức Nhãn, Nhĩ, Tỉ, Thiệt, Thân, Ý và Ý Căn (Mạt Na). Du Già Sư Địa Luận, quyển 63 giảng: *"Nói đại lược thì có hai thức: Một là A Lại Da Thức, hai là Chuyển Thức. A Lại Da Thức là Sở Y, Chuyển Thức là Năng Y. Chuyển Thức lại gồm bảy thức, tức là từ Nhãn Thức cho đến Ý Căn"*.

[22] Tâm Sở (Caitasika): Còn gọi là Tâm Số, Tâm Sở Pháp, Tâm Số Pháp, là thuật ngữ chỉ những thuộc tính của tâm. Nói cách khác, đây là những tác dụng tinh thần phức tạp của tâm. Thành Duy Thức Luận, quyển 5, trang 13 giảng: *"Hằng y tâm khởi, dữ tâm tương ứng, hệ thuộc ư tâm, cố danh Tâm Sở"* (Thường nương theo tâm để khởi lên, tương ứng với tâm, lệ thuộc vào tâm, nên gọi là Tâm Sở).

sao? Siêu tình ly kiến (vượt khỏi sự suy tưởng bằng tâm thức, thấy biết). Bởi lẽ, nói tới pháp chân thật thì nó là chẳng thể nghĩ bàn. Phàm những gì có thể nghĩ bàn, có thể nói ra được, đều là pháp phương tiện. Chúng ta phải hiểu, đối với hết thảy kinh luận, đấy là điều chúng ta phải nhận biết (tức là "hết thảy kinh luận của Phật giáo đều là pháp được nói một cách phương tiện, nhằm hướng dẫn chúng ta ngộ nhập chân lý thật sự không thể diễn tả hay nghĩ bàn được"). Đức Phật giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm trong cõi đời, những kinh luận đã giảng trong bốn mươi chín năm hết sức nhiều, đại khái dịch sang tiếng Hán mới được một nửa mà thôi, vẫn còn một nửa chưa được dịch sang tiếng Hán. Kinh luận nhiều như thế, chúng ta tu học nên chọn lựa ra sao? Dùng pháp môn nào để tu học? Điều này hết sức quan trọng đối với chúng ta. Nếu chúng ta chọn sai sẽ chẳng thể thành tựu; chọn đúng thì thành Phật trong một đời, quá may mắn! Khi đức Phật tại thế, chúng ta chẳng biết chọn lựa, có thể thỉnh giáo lão nhân gia, Ngài sẽ thay chúng ta lựa chọn, chuyện này rất dễ thực hiện. Sau khi đức Phật diệt độ, những người làm pháp nhãn cho chúng ta chính là những vị Bồ Tát, tổ sư, đại đức các đời, các Ngài có thể giúp chúng ta đôi chút; nhưng bản thân chúng ta có tin tưởng hay không? Nếu chính mình không thể tin tưởng, sẽ không có cách nào hết, chỉ đành đọc kỹ Đại Tạng Kinh từ đầu đến cuối, đọc trọn khắp, tìm được một hai điều để chính mình tu hành, chỉ có cách ấy mà thôi! Quý vị đọc hết Đại Tạng Kinh, chưa chắc đã mở mang huệ nhãn. Không có huệ nhãn, không có pháp nhãn, vẫn chưa thể chọn lựa, vẫn là "ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ" như cũ; do vậy, vấn đề này hết sức nghiêm trọng.

Tại Trung Quốc, có những kinh điển từ cổ đến nay đã được lịch đại tổ sư đại đức công nhận là thích hợp nhất cho chúng ta tu học, có những bộ kinh được các tông coi là kinh điển tiêu chuẩn, mẫu mực. Kinh điển tiêu chuẩn, mẫu mực của tông Hiền Thủ là kinh Hoa Nghiêm, đối với tông Thiên Thai là kinh Pháp Hoa, đối với tông Tịnh Độ là Tam Kinh, đối với Tam Luận Tông là Trung Luận, Bách Luận và Thập Nhị Môn Luận, về sau còn thêm Đại Trí Độ Luận. Đối với tông Duy Thức là sáu kinh, mười một luận. Phạm vi rút nhỏ rất nhiều. Từ bảo tạng, cổ đức tiên hiền lấy ra những kinh luận ấy, đáng để chúng ta tham khảo; nhưng trong thời đại hiện nay, so ra phức tạp hơn quá khứ rất nhiều. Nếu dùng thuật ngữ như trong kinh này thì là *"ngũ trược ác thế"*, thời đại hiện nay ác trược chẳng kham, thua thuở trước quá xa! Trong thời đại này, làm thế nào để chọn lựa một pháp môn vô thượng, giúp cho chúng ta thành Phật trong một đời, đó là chuyện lớn! Đặc biệt là Phật pháp trong thời đại này giả nhiều, thật

ít, đúng như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Mạt pháp thời kỳ, tà sư thuyết pháp như Hằng hà sa"* (Trong thời kỳ Mạt Pháp, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng). Chính họ không nhận biết, ngỡ giả là chân, coi những thứ chẳng rốt ráo là rốt ráo. Chính họ tu chẳng thành tựu mà vẫn muốn rao bán những thứ ấy cho người khác, khiến cho Pháp Thân huệ mạng của hàng ngàn, hàng vạn người bị lỡ làng, tội lỗi ấy rất lớn!

Trong hết thảy các kinh, cổ nhân phán giáo, thuộc về kinh Nhất Thừa, tức là Nhất Thừa trong Đại Thừa, chỉ có ba bộ kinh: Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là Viên Giáo Nhất Thừa, kinh Phạm Võng là Biệt Giáo Nhất Thừa. Nhất Thừa chỉ có ba bộ kinh, còn các kinh của [Tịnh Độ Tông] chúng ta thì được coi là gì? Kết luận của kinh Nhất Thừa, là quy túc của kinh Nhất Thừa. Quý vị phải biết điều này. Hội Hoa Nghiêm đến cuối cùng, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, quay về kinh này, quý vị liền biết bộ kinh này là chí cao vô thượng trong hết thảy kinh điển đã được đức Phật nói trong bốn mươi chín năm, là một bộ kinh trọng yếu nhất đã được giảng trong bốn mươi chín năm, chúng ta phải nhận biết. Tu hành lấy niệm Phật làm tông chỉ, lấy nhất tâm bất loạn làm mục tiêu, đấy là chỗ chỉ quy của tông này. Học Hoa Nghiêm tại Trung Quốc thì tông Hoa Nghiêm trong các đời phải tu Pháp Giới Quán, phải nhập Pháp Giới Đại Định thì mới có thể thành công; nhưng Pháp Giới Quán, Pháp Giới Đại Định nếu đạt đến rốt ráo viên mãn thì vẫn còn phải tu Phổ Hiền Hạnh, phải niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới! Kinh Pháp Hoa cũng chẳng ra ngoài lệ ấy!

Phật giáo Nhật Bản thua xa Trung Quốc, sai khác rất lớn, quý vị phải hiểu điều này. Trước kia có người nói, Phật giáo Nhật Bản tiến bộ hơn chúng ta sáu mươi năm, nói chúng ta chẳng bằng Nhật Bản. Có những vị pháp sư Nhật Bản đến Đài Loan cũng rất ngạo nghễ, tự mãn, coi thường hết thảy, khinh thường chúng ta. Quả thật Đài Loan cũng không có người đủ năng lực để hàng phục những kẻ cuồng vọng ấy. Trong giới Phật giáo không có người, nhưng trong giới giáo dục lại có người. Tiên sinh Phương Đông Mỹ giáo huấn những kẻ hung hăng ấy một trận, khiến cho những gã Nhật Bản ấy phải cúi gầm mặt. Phương tiên sinh chỉ ra: Nhật Bản xét từ thời cổ cho đến tận hiện tại, những người thành tựu trong giới Phật giáo Nhật Bản, Phương tiên sinh so sánh, những người thành tựu cao nhất của Nhật Bản đều thua Ngẫu Ích đại sư và Liên Trì đại sư. Trong lịch sử Nhật Bản tìm chẳng ra một người nào giống với những bậc thành tựu bậc nhất như Huyền Trang đại sư, Trí Giả, Thanh Lương của Trung Quốc, những vị như Lục Tổ của Thiền Tông, Nhật Bản đâu thể nào có! Những người

hạng nhất của Nhật Bản còn thua những vị hạng ba của Trung Quốc, thành tựu ở chỗ nào?

Nếu bây giờ nói đến sự thành tựu của Phật Giáo Nhật Bản thì đó Phật giáo Nhật Bản thành tựu kiểu xí nghiệp! Chùa miếu của họ có tổ chức, xí nghiệp hóa, một ngôi chùa có tới mấy trăm vạn tín đồ, đó là thành tựu của họ. Mệnh lệnh của vị Trụ Trì một tự viện truyền xuống, mọi người đều tuân thủ. Do vậy, ngay cả chánh phủ Nhật Bản cũng phải kiêng sợ họ, ngay cả Thủ Tướng cũng quy y. Không quy y thì khi bầu cử sẽ không kiếm được phiếu bầu! Một ngôi chùa có mấy trăm vạn người, nếu họ bảo bỏ phiếu cho người nào đó, người đó sẽ lập tức đắc cử. Do vậy, nghị viên, thị trưởng, huyện trưởng, thủ tướng của Nhật Bản đều phải gia nhập hội Phật Giáo làm tín đồ của họ thì mới kiếm được phiếu.

Còn có những kẻ buôn bán thì nhất định phải gia nhập, vì sao? Buôn bán cần phải có thị trường, nhà chùa truyền lệnh mua đồ của tiệm buôn nào, lợi nhuận của nhà buôn ấy sẽ tăng lên. Họ truyền lệnh không mua đồ của nhà buôn nào, nhà buôn ấy chẳng thể không sập tiệm. Vì vậy, thành tựu của Phật giáo Nhật Bản là khống chế chánh trị, khống chế kinh tế; trừ những điều ấy ra, họ có thành tựu gì chăng? Chánh phủ hiện thời sợ nhất là Phật giáo chúng ta sẽ phát triển theo hình thức Nhật Bản, đáng sợ lắm! Lắc mình một cái liền biến thành đảng phái chánh trị. Ở Nhật Bản, tôi đã thấy mấy giáo hội giống như thế, quả thật có thế lực. Những khách sạn du lịch lớn ở Đông Kinh (Tokyo) đều do họ mở, tiền vốn quá hùng hậu. Chẳng những tại các nơi ở Nhật Bản đều có phân hội của họ mà đạo tràng cũng phổ biến khắp thế giới. Trong Phật giáo nước Mỹ, thế lực của họ chiếm đến chín mươi phần trăm. Một trăm ngôi chùa có đến chín mươi ngôi là của người Nhật. Nếu nói theo phương diện này thì quả thật chúng ta lạc hậu hơn Nhật Bản sáu mươi năm, thật sự lạc hậu! Nếu nói theo sự tu chứng giáo lý nhà Phật thì Nhật Bản vẫn thua xa chúng ta!

Kinh Pháp Hoa thì phải tu Chỉ Quán mới có thể thành tựu. Ba bộ kinh lớn của tông Thiên Thai [mà Nhật Liên Tông của Nhật Bản] đều bỏ sạch, chỉ niệm một câu Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, làm sao thành tựu được? Sai lầm quá lớn! Nếu chỉ niệm tựa đề kinh mà có thể thành tựu thì chẳng phải là mang cùng một ý nghĩa như giáo đồ Cơ Đốc (Christians) tin vào Thượng Đế, hễ tin tưởng bèn được cứu ư? Có khác gì nhau đâu? Vì sao Thiên Thai đại sư phải phí công rất lớn, phải tốn nhiều tinh thần dường đó để soạn nhiều tác phẩm như vậy hòng dạy học? Dạy mọi người niệm tựa đề kinh là xong rồi, đỡ mất công hơn nhiều! Bất cứ pháp môn nào cũng đều chẳng dễ dàng, đều có lý luận cao sâu để làm căn cứ, có

những phương pháp trọn vẹn, mật thiết để tu chứng. Điều này quyết định chẳng thể coi thường được! Đối với Tịnh Độ, quý vị thấy Liên Trì đại sư viết bộ Sớ Sao này chẳng dễ dàng!

Nếu chẳng giảng nói tường tận như vậy, làm sao chúng ta tin tưởng được? Làm sao chúng ta đoạn trừ ngờ vực, lo lắng cho được? Kiến lập tín tâm, thành tựu trong một đời! Trong phần trước đã nói rồi đó, những nghĩa được giảng giải [trong bộ Sớ Sao] chính là Hoa Nghiêm của tông Hiền Thủ, Pháp Hoa của tông Thiên Thai cho đến những tinh hoa của hai tông Tánh và Tướng đều được bao gồm trong kinh này, hoàn toàn chẳng phải là Liên Trì đại sư có năng lực đem những tinh hoa giáo nghĩa của các tông dung hội vào đây hòng nêu tỏ ý nghĩa kinh, chẳng có ý nghĩa ấy. Nếu quý vị nhìn theo kiểu như vậy tức là đã nhìn sai! Từng chữ, từng câu trong kinh này vốn đã bao hàm những ý nghĩa ấy. Liên Trì đại sư chỉ nêu tỏ những ý nghĩa ấy, dung hội chúng với tinh hoa của các tông. Kinh Di Đà vốn có sẵn những ý nghĩa ấy, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Đây là đoạn đầu tiên trong phần Thông Tự Đại Ý [của bộ Sớ Sao] được giới thiệu đơn giản đến đây.

(Sớ) Thông tự kinh ý, đại văn phân ngũ, tự sơ Minh Tánh nãi chí ngũ Thỉnh Gia.

(疏) 通序經意，大文分五，自初明性，乃至五請加。

*(**Sớ**: Trong phần trình bày tổng quát ý nghĩa của bài kinh, lời văn được chia thành năm đoạn, từ đoạn đầu là nêu rõ tánh cho đến đoạn thứ năm là thỉnh Tam Bảo gia bị).*

Những điều này đã được nói tới trong những buổi giảng trước.

(Sớ) Kim sơ minh tánh.

(疏) 今初明性。

*(**Sớ**: Nay, đầu tiên là chỉ rõ tánh).*

Trong phần chú giải tiếp theo đây, đại sư viết hai hàng văn tự, từ *"linh minh đốn triệt"* đến *"kỳ duy tự tánh dư"* là một đoạn. Lời văn chú giải khá dài, chú giải hết sức cặn kẽ. Đây cũng là chỗ nêu tỏ lý luận của kinh Di Đà, nói tới giáo lý, nghiên cứu kinh phải đặc biệt chú ý tới thứ tự này. Bởi lẽ, nếu đã quán thông giáo lý thì có thể nói là hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian sẽ đều quán thông. Cổ nhân nói: *"Một kinh thông, hết thảy kinh thông"*. Một kinh thông là thông suốt điều gì? Thông suốt giáo lý, tức là thông suốt căn cứ lý luận, do hết thảy kinh đều có cùng

căn cứ lý luận ấy [cho nên *"một kinh thông, hết thảy kinh thông"*]. *"Dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng đều là vàng"*. Kinh ví như đồ vật, Lý ví như vàng. Quý vị thấy được vàng sẽ thấy được [bản chất] của hết thảy các món đồ vật. Biết học là phải ngộ từ nơi Lý, đoạn này thuần túy giảng về Lý, giảng về giáo lý.

(Sớ) Thử kinh cái toàn chương tự tánh, hựu chư kinh giai bất ly tự tánh, cố thủ tiêu dã.

(Diễn) Thử kinh dĩ tự tánh vi tông giả, tự tánh vị chúng sanh tánh đức chi Phật, phi Tự, phi Tha, phi nhân, phi quả, tức thị viên thường Đại Giác chi Thể.

(疏)此經蓋全彰自性，又諸經皆不離自性，故首標也

(演)此經以自性為宗者，自性謂眾生性德之佛，非自非他，非因非果，即是圓常大覺之體。

*(**Sớ**: Kinh này nêu bày toàn bộ tự tánh. Hơn nữa, các kinh đều chẳng rời tự tánh, nên nêu tánh trước hết.*

***Diễn**: Kinh này lấy tự tánh làm Tông, tự tánh được gọi là vị Phật trong tánh đức của chúng sanh, chẳng phải Tự, chẳng phải Tha, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chính là cái Thể viên mãn, thường hằng của Đại Giác).*

Chữ *"thử kinh"* chỉ Phật Thuyết A Di Đà Kinh. *"Chương"* là phô bày rõ rệt, nêu bày rất rõ ràng. Bộ kinh này phô bày toàn vẹn tự tánh. Trong các bản chú giải, cổ đức nói kinh Di Đà lấy tự tánh làm Tông. *"Hựu chư kinh giai bất ly tự tánh"* (Hơn nữa, các kinh đều chẳng rời tự tánh), hết thảy các kinh do đức Phật nói đều từ Chân Như bổn tánh lưu lộ. Tôi vừa mới nói *"một kinh thông, hết thảy kinh thông"*, nhất định phải minh tâm kiến tánh, hễ thấy được tánh thì hết thảy kinh đều thông. Nếu chúng ta hỏi, sau khi kiến tánh mà không xem kinh này thì có thông hay không? Cũng thông! Lục Tổ đại sư là một thí dụ, Lục Tổ không biết chữ. Sau khi lão nhân gia khai ngộ, kiến tánh rồi, có nhiều người đến chỗ Ngài thỉnh giáo, Lục Tổ đều nói: *"Ta không biết chữ, kinh văn có chỗ nào ngươi không hiểu hãy đọc cho ta nghe!"* Người ta đọc lên, đọc xong, Ngài liền có thể giảng giải cho họ, giảng chẳng sai một chút nào! Vì sao? Ngài có thể nghe người ta đọc xong liền khai ngộ, đúng là *"một kinh thông, hết thảy kinh thông"*, đấy là một thí dụ hết sức rõ rệt. Chỉ cần quý vị thật sự

thấy tánh; kinh Di Đà có thể giúp quý vị thấy tánh, vì nó phô bày toàn bộ tự tánh.

"Tự tánh" là gì? *"Tự tánh vị chúng sanh tánh đức chi Phật"* (Tự tánh được gọi là vị Phật trong tánh đức của chúng sanh). Phật ở chỗ nào? Phật là nhất tâm, nhất tâm là tánh đức. Ở đây, đại sư dạy chúng ta *"phi Tự, phi Tha"*; Tự và Tha là hai pháp. *"Phi nhân, phi quả"*, nhân và quả cũng là hai pháp. Trong tự tánh không có, trong nhất tâm cũng không có [hai pháp]. Nay chúng ta muốn đắc nhất tâm mà hằng ngày nhân ngã, thị phi, chia ra hết sức rõ rệt, chấp trước cứng ngắc, làm sao có thể đắc nhất tâm? Cũng có các vị nghe xong lời này, càng nghe càng nghi hoặc, không có nhân, không có ngã, không có Tự, không có Tha, như vậy lại trở thành thế giới gì đây? Thị phi, nhân ngã, Tự, Tha, nhân quả là Sự, *"tu chứng tức bất vô"*, có đấy! Trên mặt Sự thì có, nhưng trong tâm không có, đấy là tu hành. Tự Thụ Dụng là nhất tâm, Tha Thụ Dụng là tam tâm nhị ý. Từ nhất tâm biến hiện ra tam tâm nhị ý, là Tha Thụ Dụng, chẳng thể là Tự Thụ Dụng. Tha Thụ Dụng nhằm giáo hóa chúng sanh. Đấy là pháp phương tiện.

Đức Phật vì chúng ta thuyết pháp, cũng thị hiện thân tướng, cũng thị hiện có sanh, có tử, trụ thế tám mươi năm, nói pháp bốn mươi chín năm, đấy chẳng phải là có Sự hay sao? Đức Phật cũng thường nói "ta, ngươi, kẻ khác", cũng chẳng phải là nói như vậy đó ư? Phật có phải là tam tâm nhị ý hay chăng? Không phải! Để tự thụ dụng thì Phật là nhất tâm, tam tâm nhị ý để cho người khác thụ dụng, là để nói với người khác. Phương tiện quyền xảo nhằm thuyết pháp cho người khác. Nhất tâm là chân thật, phương tiện sanh từ chân thật. Do vậy, phương tiện là chân thật, chân thật là phương tiện. Chân, vọng bất nhị, Tánh và Tướng hệt như một, đấy mới gọi là Đại Giác. Đấy mới là *"viên thường Đại Giác"* như trong câu kế tiếp [trong lời Diễn Nghĩa] đã nói. *"Viên"* là viên mãn, *"thường"* là vĩnh hằng; Thể của Đại Giác viên thường. Nay chúng ta chẳng hiểu rõ đạo lý này, chúng ta đang mê ở chỗ nào? Chính là mê nơi Đại Giác viên thường, mê nơi Tánh - Tướng vốn là như một, chúng ta tách rời Tánh và Tướng thành hai thứ: Tánh chẳng phải là Tướng, Tướng chẳng phải là Tánh, chân chẳng phải là vọng, vọng chẳng phải là chân.

Đó gọi là *"mê"*, mê là mê ở chỗ này! Nếu biết tướng chân thật của hết thảy các pháp thì gọi là *"giác ngộ"*. Hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng đều chẳng có, đều tiêu trừ, đó gọi là Chánh Giác. Đại Giác là Chánh Đẳng Chánh Giác, *"Đại Giác viên thường"* là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

(Diễn) Thử kinh sở đàm hành pháp, chánh vị hiển thử chi giác thể.

(演) 此經所談行法，正為顯此之覺體。

*(**Diễn**: Hành pháp được bàn luận trong kinh này, chính là nhằm nêu rõ giác thể này).*

"Hành pháp" là phương pháp tu hành, chính là Tín, Nguyện, Hạnh. Ba món Tư Lương Tín - Nguyện - Hạnh, trì danh niệm Phật nhằm phô bày bản thể của Đại Giác viên thường. Do đây, có thể biết tánh chất trọng yếu của bộ kinh này, bộ kinh này chẳng thể nghĩ bàn!

Các kinh điển khác, các phương pháp tu hành khác chẳng thể sánh bằng! Đem so sánh với kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa thì kinh Di Đà là tinh tủy của Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, thật sự mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được! Đáng tiếc là những người học Phật ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, không để kinh Di Đà vào mắt, trong một đời dẫu có gặp mà cũng giống như không gặp. Nếu thật sự nhận biết, trong một đời này, chúng ta quyết định thành Phật!

(Sớ) Xưng bỉ danh hiệu, danh hiệu khả chương, thác bỉ danh hiệu, quán vu tâm tánh, tâm tánh dị phát dã.

(疏)稱彼名號，名號可彰，託彼名號，觀于心性，心性易發也。

*(**Sớ**: Xưng danh hiệu ấy, danh hiệu có thể phô bày, nhờ vào danh hiệu ấy để quán tâm tánh thì tâm tánh dễ phát).*

Mấy câu này hết sức quan trọng, vì trong ba món Tư Lương của kinh này, chấp trì danh hiệu là pháp môn tu chánh yếu, nhưng chấp trì danh hiệu nhất định phải nhờ vào Tín và Nguyện, một mà ba, ba nhưng một, bất cứ điều kiện nào cũng đều chẳng thể thiếu. *"Xưng danh"* là chấp trì danh hiệu, *"danh hiệu khả chương"*, danh hiệu là Nam-mô A Di Đà Phật. Ý nghĩa của danh hiệu này là quy y Vô Lượng Giác, giác ấy chính là Đại Giác viên thường. Càng trọng yếu hơn nữa là y theo danh hiệu ấy để khởi quán tưởng, *"thác bỉ danh hiệu, quán vu tâm tánh"*. Quán tưởng là gì? Trong cảnh giới này, sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, vừa mới có một niệm mê, ngay lập tức khởi lên một câu Phật hiệu, sẽ chẳng mê, lại trở về với giác. Đó gọi là *"quán vu tâm tánh"*. Vận dụng công phu lâu ngày, tự nhiên sẽ minh tâm kiến tánh, so với cách quán tâm

hay tham Thoại Đầu của Thiền Tông sẽ dễ dàng hơn, cao minh hơn nhiều lắm. Quán tâm, tham Thoại Đầu rất dễ gặp ma chướng, cách này tuyệt đối chẳng gặp ma sự. Nói thật ra, pháp môn này là pháp môn đệ nhất trong vô lượng pháp môn, đáng tiếc là mọi người chẳng biết, quả thật chẳng dễ gì nhận biết được. Nếu quý vị nhận biết thì quý vị sẽ đạt được. Hôm nay đã hết giờ rồi!

Tập 8

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ bảy:

(Sớ) Kim sơ minh tánh. Thử kinh cái toàn chương tự tánh. Hựu chư kinh giai bất ly tự tánh, cố thủ tiêu dã.

(Diễn) Thử kinh dĩ tự tánh vi Tông giả, tự tánh vị chúng sanh tánh đức chi Phật, phi Tự, phi Tha, phi nhân, phi quả, tức thị viên thường Đại Giác chi Thể, nhi thử kinh sở đàm hành pháp, chánh vị hiển thử chi giác thể. Cái dĩ cứ hồ tâm tánh, xưng bỉ danh hiệu, danh hiệu khả chương, thác bỉ danh hiệu, quán vu tâm tánh, tâm tánh dị phát dã.

(疏)今初明性，此經蓋全彰自性，又諸經皆不離自性，故首標也。

(演)此經以自性為宗者，自性謂眾生性德之佛，非自非他，非因非果，即是圓常大覺之體。而此經所談行法，正為顯此之覺體。蓋以據乎心性，稱彼名號，名號可彰，託彼名號，觀于心性，心性易發也。

*(**Sớ**: Nay, trước hết là nêu rõ tánh. Kinh này nêu bày tròn vẹn tự tánh. Hơn nữa, các kinh đều chẳng rời tự tánh, cho nên nêu ra tánh trước hết.*

***Diễn**: Kinh này lấy tự tánh làm Tông. Tự tánh được gọi là vị Phật trong tánh đức của chúng sanh, chẳng phải Tự, chẳng phải Tha, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chính là Thể của Đại Giác viên thường; nhưng hành pháp được bàn luận trong kinh này chính là nhằm nêu rõ giác thể. Ấy là vì dựa trên tâm tánh, xưng danh hiệu ấy, danh hiệu có thể phô bày, nhờ vào danh hiệu ấy, quán sát tâm tánh, tâm tánh dễ phát).*

Đoạn này thuộc quyển thứ nhất của bộ Sớ Sao. Những diệu lý sâu kín của một bộ kinh hoàn toàn nằm trong phần Huyền Nghĩa của lời tựa. Lý quá sâu đương nhiên chẳng dễ giảng, giảng đã chẳng dễ dàng thì đương nhiên nghe cũng chẳng dễ hiểu! Nói và nghe đều có phương tiện, hy vọng quý vị hãy đặc biệt lưu ý. *"Tự tánh"*: Trước hết phải biết định nghĩa của chữ Tánh trong Phật pháp. Nói thông thường, Tánh là tên gọi khác của bản thể, "tự tánh" là bản thể, tức bản thể của chính mình. Thiền gia gọi nó là *"bổn lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra"*. Nó chính là tự tánh,

là cái Tôi thật sự của chúng ta, là Chân Ngã. Thân và tâm hiện thời của chúng ta là Giả Ngã, có một Chân Ngã. Tự tánh không chỉ là chân tánh của chính mình mà đồng thời nó còn là bản thể của muôn pháp trong vũ trụ. Nói cách khác, muôn pháp trong vũ trụ và chính mình đều do cùng một Lý Thể phát hiện (sanh khởi). Cảnh giới này quả thật chẳng dễ thấu hiểu cho lắm! Cổ đại đức dùng tỷ dụ để giảng rõ: Ví như nằm mộng, mỗi người đều có kinh nghiệm này, đều đã từng nằm mộng. Cái tạo ra mộng là tâm, những cảnh giới trong mộng là do cái tâm ý thức của chính mình biến hiện. Chủ thể biến hiện là cái tâm ý thức, cái được biến hiện là cảnh giới trong mộng. Chúng ta dùng ngay tỷ dụ này [để giảng giải] thì cái tâm có thể tạo ra mộng ấy ví như tâm tánh, có bản thân ta trong cảnh giới trong mộng hay không? Có! Trong mộng mà không có chính mình thì sẽ là chuyện không thể nào xảy ra được, nhất định phải có bản thân ta. Bản thân ta hiện diện trong giấc mộng ấy là do cái tâm của chính mình nằm mộng biến hiện ra. Trừ chính mình ra, trong mộng còn có núi, sông, đại địa, và hết thảy nhân vật, toàn là do chính mình biến hiện ra. Đủ thấy tự tánh chỉ có một, tận hư không, trọn pháp giới, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới hễ nói tới tự tánh thì chỉ một, nói tới hết thảy pháp thì quá nhiều, nói chẳng thể hết, đều do tự tánh biến hiện ra. Bộ kinh này đương nhiên cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, Thể của kinh cũng là tự tánh. Hiểu rõ ý nghĩa này, sẽ dễ hiểu được phần tiếp theo. Nó là chính mình mà cũng là bản thể của vạn pháp trong vũ trụ.

"Tự tánh vị chúng sanh tánh đức chi Phật" (Tự tánh là vị Phật trong tánh đức của chúng sanh): Chữ *"chúng sanh"* chỉ hết thảy chúng sanh, bao gồm hữu tình chúng sanh, nay chúng ta gọi [hữu tình chúng sanh] là động vật. Động vật có tình cảm, [chúng sanh] còn bao gồm cả thực vật và khoáng vật. Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Tình và vô tình cùng viên mãn Chủng Trí"*. Ý nghĩa chánh yếu của hai chữ *"chúng sanh"* là hiện tượng do các duyên hòa hợp sanh ra. Chúng ta hãy suy nghĩ, có hiện tượng nào chẳng phải là do nhiều nhân duyên mà hiện hữu hay chăng? Hết thảy các tướng cảnh giới đều do các duyên hòa hợp mà sanh. Thân thể của loài hữu tình chúng sanh chúng ta, cái thân xác thịt là do Tứ Đại Địa, Thủy, Hỏa, Phong tụ hợp nên mới có thân hình, tinh thần của chúng ta do bốn Uẩn Thọ, Tưởng, Hành, Thức tổ hợp thành. Thân và tâm đều do các duyên hòa hợp. Chúng ta lại thấy các loài động vật, khoáng vật, cũng là do rất nhiều nhân duyên tụ hội mới hiện ra những hiện tượng ấy, đó gọi là *"chúng sanh tướng"*. *"Vị Phật trong tánh đức của chúng sanh"* là gì? Kinh Hoa Nghiêm, kinh Viên Giác có nói: *"Nhất thiết chúng sanh, bổn lai thành*

Phật" (hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật), vốn đã thành Phật là nói tới vị Phật trong tánh đức. Ở chỗ này, chúng ta phải hiểu rõ: Tánh đức là gì, Phật là gì? Nói theo cách bây giờ, tánh đức là *"bản năng"* (năng lực sẵn có). Tánh là căn bản, là bản thể. Đức là năng lực. Trí huệ vốn có sẵn, năng lực vốn có sẵn, vô lượng trí huệ, vạn đức, vạn năng, [những năng lực, phẩm đức ấy] gọi chung là "tánh đức". Phật có nghĩa là Giác, vị Phật trong tánh đức chính là Tự Tánh Giác. Tự tánh giác chứ không mê, mỗi một người, dù hữu tình hay vô tình đều giống như thế, chẳng thể nghĩ bàn! Nói thật đấy, chẳng giả đâu! Là thật Sự, là thật Lý, quả thật là như thế. Vì sao chúng ta chẳng thấy được? Do bản thân chúng ta mê, mê điều gì? Mê mất vị Phật trong tánh đức của chính mình và mê mất vị Phật trong tánh đức của chúng sanh. Mê rồi bèn đổi tên gọi thành phàm phu. Nếu chẳng mê sẽ gọi là Phật. Phàm phu là chính mình, Phật vẫn là chính mình. Trong ấy chỉ có Mê hay Ngộ. Trừ Mê và Ngộ ra thì Lý cũng như vậy mà Sự cũng như vậy, không có mảy may biến đổi nào! Do vậy, đức Phật nói *"hết thảy chúng sanh, vốn đã thành Phật"*, đây là sự thật ngàn phần đúng đắn, vạn phần xác đáng, trọn chẳng phải là cố ý khen ngợi, muốn đề cao chúng ta! Chẳng phải vậy, vốn là như thế!

"Phi Tự, phi Tha, phi nhân, phi quả" (Chẳng phải Tự, chẳng phải Tha, chẳng phải nhân, chẳng phải quả): Trong tự tánh không có Tự, không có Tha, giống như tỷ dụ chúng tôi vừa mới nêu: Cái tâm có thể tạo ra giấc mộng, hiện ra cảnh mộng. Nói theo phương diện "cái tâm có thể hiện" thì không có Tự và Tha, không có nhân và quả. Tự, Tha, nhân, quả đều thuộc về Đệ Nhị Nghĩa. Trong mộng cảnh thì có [Tự, Tha, nhân quả], những hình tượng được biến hiện trong giấc mộng là có, nhưng xét theo cái Thể [của cái tâm] tạo ra mộng thì không có. Trong bản thể, không có Tự, Tha, không có nhân, quả. Nói cách khác, không có tương đối. Tự, Tha, nhân, quả đều là tương đối. Không có lớn, nhỏ, không có chân, vọng, không có đúng, sai, thứ gì cũng chẳng có, đúng như Lục Tổ đã nói: *"Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần?"* Những câu này đều nói về tự tánh.

Tự tánh *"tức thị viên thường Đại Giác chi Thể"* (chính là Thể của Đại Giác viên thường). *"Đại Giác"* là Phật, *"Thể"* là bản thể, *"viên"* là viên mãn, *"thường"* là vĩnh viễn giống như vậy. Nó chẳng có giác hay có mê, chẳng thể nào! Đã là thường giác, viên giác, cớ sao nay chúng ta đang mê? Chuyện này chẳng dễ thấu hiểu cho lắm! Có nói với quý vị, quý vị cũng chẳng tin tưởng. Nếu quý vị tin tưởng, sẽ thành Phật ngay lập tức, quý vị chẳng tin tưởng mà! Không có cách nào hết! Mê là hư vọng, chẳng phải chân thật. Đại Giác viên thường của quý vị hoàn toàn chẳng bị mất

đi, hiện thời nó chẳng thể hiện tiền là do có chướng ngại. Chướng ngại gì vậy? Chẳng tin tưởng là chướng ngại. Nếu quý vị tin tưởng, chướng ngại sẽ chẳng còn nữa! Quý vị chẳng tin tưởng, đấy là chướng ngại. Tin là giác, chẳng tin là mê. Tôi chẳng tin tưởng, chẳng tin tưởng là mê. Quả thật chúng ta mê quá lâu, từ vô thỉ kiếp đến nay chẳng tin tưởng chính mình vốn sẵn có giác tánh viên thường, nhất định phải đến một ngày nào đó chính mình giác ngộ thì khi ấy sẽ tin tưởng. Lục Tổ khi mới khai ngộ bèn nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn thanh tịnh"*. Ngài tin tưởng, không ngờ tự tánh thanh tịnh dường ấy, không ngờ tự tánh đầy đủ hết thảy, đầy đủ Đại Giác viên thường, có thể sanh ra vạn pháp, có thể biến hiện y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, đấy là đức năng trong tự tánh của chính mình. Kinh này lấy tự tánh làm Thể, Thể của kinh chính là căn cứ lý luận của cả bộ kinh. Nói cách khác, bộ kinh này dựa trên lý luận nào để nói? Dựa trên Chân Như tự tánh để nói, chúng ta mới hiểu lý thể của bộ kinh này chẳng thể nghĩ bàn.

"Nhi thử kinh sở đàm hành pháp" (Nhưng hành pháp đã được bàn luận trong kinh này): [Hành pháp] là phương pháp tu hành. Trong bộ kinh này, đã nêu rõ cho chúng ta biết phương pháp tu hành là Tam Tư Lương, tức ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh; đấy là hành pháp được giảng trong bộ kinh này. Trong đoạn này, đặc biệt chú trọng tại Hạnh. Trong ba món tư lương Tín - Nguyện - Hạnh chỉ nói tới hành pháp. *"Hạnh"* là chấp trì danh hiệu, tức là niệm Phật. Hành pháp này *"chánh vị hiển thử chi giác thể"* (chính là vì hiển thị giác thể này). Câu Phật hiệu này hiển hiện bản thể của đại giác viên thường. Nếu chúng ta hỏi: "Chúng tôi mỗi ngày niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật này, có hiển lộ bản thể của Đại Giác viên thường của chính mình hay không?" Hằng ngày niệm, càng niệm càng mê hoặc, chẳng thể hiển lộ là vì nguyên nhân nào? Chẳng hiểu ý nghĩa của một câu Phật hiệu, nên không thể hiển lộ được! Phải biết tâm của chúng ta trong cảnh giới là niệm niệm mê nơi cảnh giới. Tướng của mê là bất giác, tướng của mê là trong hết thảy cảnh giới bèn khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là mê! Phân biệt, chấp trước là mê. Trong khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc sáu cảnh thì mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, trong tâm vừa mới dấy lên một niệm, một niệm dấy lên là mê. Nếu quý vị có tâm cảnh giác, khi mới khởi niệm bèn *"nam-mô A Di Đà Phật"*, cái mê ấy bèn bị phá tan, bèn tương ứng với giác tánh. Sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật đều là tiếng Ấn Độ, có nghĩa là *"quy y Vô Lượng Giác"*. *"Quy"* là quay trở lại, từ trong mê quay trở lại, quay trở lại nương tựa vào đâu? Nương tựa Vô Lượng Giác, điều gì cũng phải giác, điều gì cũng đừng mê.

Nói cách khác, trong hết thảy cảnh giới, thứ gì cũng đều phải như như bất động, đều phải rõ ràng, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Lại phải hiểu rõ ràng rành mạch, trong giác tánh ấy có trọn đủ trí huệ viên mãn, trọn đủ đức năng viên mãn. Nếu người niệm Phật chẳng hiểu đạo lý này, coi Phật hiệu như câu ca tiếng hát, chẳng hiểu ý nghĩa sẽ chẳng có ích gì, đấy chính là như cổ nhân nói *"hét toạc cuống họng cũng uổng công"*. Vì sao? Chẳng liên quan gì với bản thể Đại Giác viên thường của quý vị! Thật sự chẳng biết một câu danh hiệu này mỗi tiếng đều đánh thức, khôi phục Đại Giác viên thường của chính mình. Phương pháp tu hành là chấp trì danh hiệu nhằm để hiển lộ giác thể này, không sai! Phật hiệu tương ứng với tự tánh, Phật hiệu chính là tự tánh.

Câu tiếp theo nói rất rõ ràng: *"Cái dĩ cứ hồ tâm tánh, xưng bỉ danh hiệu"* (Chính là dựa trên tâm tánh, mà xưng danh hiệu ấy). *"Dựa trên tâm tánh"* là Lý, dựa vào lý ấy, tức "bản thể của tự tánh". Dựa vào lý ấy để xưng danh hiệu, niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật hoặc A Di Đà Phật. Cổ nhân dạy chúng ta phương pháp niệm Phật, Phật hiệu ấy từ trong tâm sanh khởi; "tâm" ấy là gì vậy? Chính là tự tánh! Tự tánh giác là danh hiệu Phật ấy. Từ trong miệng niệm ra, từ tai nghe vào, dùng phương pháp ấy để niệm Phật. Phương pháp ấy hết sức mầu nhiệm, hoàn toàn tương ứng với Chân Như bổn tánh của chính mình. Dùng phương pháp ấy để khôi phục tự tánh của chúng ta. *"Thác bỉ danh hiệu, quán vu tâm tánh"* (Nhờ vào danh hiệu ấy, quán sát tâm tánh): Quán là quán chiếu, *"tâm tánh sẽ dễ phát"*. Danh hiệu này sanh từ tâm tánh, *"danh hiệu khả chương"* (danh hiệu có thể phô bày rõ rệt), *"chương"* là rõ rệt. Một câu Phật hiệu A Di Đà Phật này chính là tên gọi của Chân Như bổn tánh, là danh xưng của tự tánh. Niệm danh hiệu này là quán chiếu tự tánh, tâm tánh dễ phát khởi, *"phát"* là nêu tỏ, phát hiện, lại còn có nghĩa là khôi phục. Câu này giảng rõ chỉ thú của việc chấp trì danh hiệu, tức là nói về tông chỉ và chỗ quy thú của nó.

(Diễn) Hựu phục kinh trung nhất thiết y chánh, giai chương ngã tự tâm.

(演) 又復經中一切依正，皆彰我自心。

*(**Diễn**: Lại nữa, hết thảy y báo và chánh báo trong kinh đều phơi bày rõ rệt tự tâm của ta).*

"Kinh trung nhất thiết y chánh" (hết thảy y báo, chánh báo trong kinh) là y báo, chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế

giới. Y báo là nói về hoàn cảnh, tức hoàn cảnh sống của chúng ta; chánh báo là nói về thân thể của chính chúng ta. Nói cách khác, thân tâm của chính mình và hoàn cảnh sống là gì? Là tự tâm. Nếu quý vị nghe câu này không hiểu, hãy nghĩ tới cảnh trong mộng tôi vừa nêu. Tâm tự tánh thanh tịnh của chúng ta là cái tâm có thể tạo thành giấc mộng, Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng giống như cảnh trong mộng, khi ấy, nếu hỏi quý vị: Tâm quý vị giống như thế nào? Toàn bộ cảnh trong mộng là tâm, tâm đã biến thành mộng. Tâm là thật, có thể biến; mộng là giả, là cái được biến. Toàn bộ chân là vọng, toàn bộ vọng là chân, chân và vọng chẳng hai. Vì toàn thể cảnh trong mộng là hình dáng của tâm, là Tướng Phần của tâm, Tướng Phần là giả. Tướng Phần biến đổi hằng ngày, thường xuyên biến đổi. Cái tâm năng biến thì bất biến, tướng được biến thì thường biến đổi. Quý vị hằng ngày nằm mộng, chưa hề có giấc mộng nào giống nhau, điều này chỉ rõ tướng là giả, thường xuyên biến hóa. Tâm nằm mộng là một, vĩnh viễn chẳng biến đổi. Cổ nhân dùng vàng và đồ vật làm tỷ dụ, vàng chẳng biến đổi, đồ vật thường biến đổi. Hôm nay tôi thích vòng đeo tay, dùng vàng ròng chế thành vòng đeo tay, ngày mai tôi thích dây chuyền đeo cổ, đem vòng đeo tay chế thành dây chuyền đeo cổ, hình dạng thường xuyên biến đổi, nhưng vàng chẳng biến đổi. Chẳng biến đổi là Tánh, biến đổi là Tướng. Tánh và Tướng là một, chẳng phải hai. Vàng là đồ vật, đồ vật là vàng; Tánh là Tướng, Tướng là Tánh.

Nếu hỏi quý vị: Tâm giống như thế nào? Những mộng cảnh trong khi nằm mộng chính là hình dáng của tâm. Hiểu rõ đạo lý này, quý vị sẽ hiểu Tây Phương Cực Lạc thế giới do đâu mà có? Do từ tự tánh của quý vị biến hiện ra, nó là tự tánh, thế giới Cực Lạc là thế giới thanh tịnh do cái tâm thanh tịnh của chính quý vị hiện ra. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, thế giới hiện tiền của chúng ta do đâu mà có? Vẫn do cái tâm của chúng ta biến hiện ra. Một bộ phận chẳng thanh tịnh trong cái tâm ấy biến hiện thế giới chẳng thanh tịnh; bộ phận thanh tịnh biến hiện thế giới thanh tịnh, chẳng rời khỏi tự tánh.

Đúng như kinh luận thường nói: *"Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm"*, chẳng sai chút nào! Tâm và pháp là một, chẳng phải hai. Tâm là bản thể, pháp là hiện tượng. Nếu quý vị hỏi: Vì sao tâm có thể biến ra nhiều thứ như thế? Vậy thì nên nghiên cứu các bộ kinh lớn, kinh Hoa Nghiêm giảng rất tường tận, trong Duy Thức Luận cũng giảng rất tường tận. Nếu quý vị thật sự muốn hiểu rõ ràng, nói chung, phải tốn mười năm, hai mươi năm công phu để nghiên cứu những kinh luận ấy, vì chúng sẽ nói rõ ràng tường tận cặn kẽ Sự và Lý cho quý vị.

(Diễn) Vô Lượng Quang tức tự tánh Chiếu, Vô Lượng Thọ tức tự tánh Tịch. Quán Âm tức tự tánh Bi, Thế Chí tức tự tánh Trí. Thanh Văn tức tự tánh Chân, Bồ Tát tức tự tánh Tục, chủng chủng trang nghiêm tức tự tánh vạn đức vạn hạnh.

(演)無量光即自性照，無量壽即自性寂，觀音即自性悲，勢至即自性智，聲聞即自性真，菩薩即自性俗，種種莊嚴即自性萬德萬行。

*(**Diễn**: Vô Lượng Quang là Chiếu của tự tánh, Vô Lượng Thọ là Tịch của tự tánh. Quán Âm là Bi của tự tánh. Thế Chí là Trí của tự tánh. Thanh Văn là Chân của tự tánh, Bồ Tát là Tục của tự tánh. Các thứ trang nghiêm chính là vạn đức vạn hạnh của tự tánh).*

Quý vị xem mấy câu này hết sức trọng yếu, người học Phật chúng ta ắt phải biết. Nếu không, quý vị sẽ tu mù, luyện đui, sẽ thành mê tín. Trong kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật tự nêu ra hai danh hiệu của A Di Đà Phật: Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ. Thật ra, A Di Đà có nghĩa là Vô Lượng. A dịch là Vô, Di Đà là Lượng, Phật dịch là Giác. Do vậy, nghĩa gốc của [danh hiệu A Di Đà Phật] là Vô Lượng Giác. Không có gì chẳng giác! Trong vô lượng phương diện, đức Phật chỉ nêu ra hai danh xưng: Một là Quang, hai là Thọ. Hai danh xưng này cũng bao hàm ý nghĩa rất phong phú; bởi lẽ, Quang tượng trưng mười phương, tượng trưng cho không gian, Thọ tượng trưng cho ba đời, tượng trưng cho thời gian. Nay chúng ta nói là "thời - không"; hễ nói tới thời gian và không gian là đã bao gồm toàn bộ. Đức Phật dùng hai danh xưng này để hình dung danh hiệu, mà cũng là để hình dung tánh đức, giảng rõ công đức của tự tánh. Nếu vận dụng công phu vào nơi đây, ý nghĩa của Quang và Thọ lại hết sức hay. *"Quang"* là quang minh, tượng trưng trí huệ. Tu hành dụng công quan trọng nhất là quán chiếu. Trong bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông cho biết tu Kim Cang Bát Nhã có ba tầng cấp, khởi sự từ đâu? Từ quán chiếu! Đấy là tầng thứ nhất. Quý vị có quán chiếu thì công phu đắc lực. Tầng thứ hai là "chiếu trụ", chiếu trụ là đắc Thiền Định, chứng đắc tam-muội, tam-muội hiện tiền là Chánh Thọ hiện tiền. Tầng công phu thứ ba là "chiếu kiến", chiếu kiến là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đấy là tầng thứ ba. Tầng thứ nhất và thứ hai đều dùng tâm ý thức, tầng thứ ba là chuyển Thức thành Trí. Trước hết, chúng tôi giảng về tầng thứ nhất, vì đây là điều chúng ta quan tâm nhất. Quán chiếu là gì? Phàm trong cuộc sống thường ngày, chúng ta đãi người, tiếp vật, có thể

dựa vào lý trí để quan sát; đó gọi là quán chiếu. Nếu dấy lên cảm tình thì là mê, quán chiếu sẽ bị mất đi. *"Tình"* là gì? Mừng, giận, vui, buồn, yêu, ghét, ham muốn, bảy thứ tình cảm (thất tình); trong nhà Phật, những thứ được gọi là tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới thủ, tà kiến đều là Tình, là phiền não, là mê, là tướng của mê. Chẳng hạn như mắt chúng ta thấy sắc phù hợp ý nghĩ của chính mình liền khởi lên tâm tham, mê rồi! Trong lý trí không có mê, trong lý trí không có tâm tham. Chẳng hợp với ý nghĩ của chính mình bèn khởi lên tâm nóng giận, cũng mê rồi! Biết chính mình mê, đó gọi là "quán chiếu", tức là tự mình biết chính mình mê. Trong cảnh giới ấy, vì sao ta lại khởi lên tham, sân, si? Một câu Phật hiệu khởi lên là quán chiếu. A Di Đà Phật, quay đầu trở lại, chuyển biến mê tình thành Phật hiệu, đấy là công phu quán chiếu sơ khởi. Nếu chúng ta niệm Phật hiệu như thế thì sẽ đắc lực, suốt ngày từ sáng đến tối, phiền não chẳng còn nữa. Phiền não vừa khởi lên, A Di Đà Phật! Phiền não chẳng còn nữa. Một câu A Di Đà Phật hóa giải phiền não, lẽ nào quý vị chẳng tự tại? Chẳng hiểu đạo lý này thì một câu A Di Đà Phật càng niệm, càng lắm phiền não. Vốn đã có rất nhiều phiền não, càng niệm, càng phiền não. Có người cho rằng: Suốt ngày từ sáng đến tối kêu A Di Đà Phật, A Di Đà Phật sẽ nổi đóa! Ví như đứa bé suốt ngày từ sáng đến tối gào thét gọi mẹ, mẹ nó sẽ tức chết luôn! Phiền quá mà! A Di Đà Phật có nổi đóa hay không? Kẻ ấy chẳng hiểu ý nghĩa! A Di Đà Phật là tự tánh giác, niệm Phật nhằm lay tỉnh Đại Giác viên thường của chính mình. Khi chúng ta đang mê thì cần phải niệm Phật, cần phải thường lay tỉnh tánh giác, cần phải dùng đến công phu quán chiếu. Khi đã giác ngộ, vẫn phải thường niệm, vì sao? Giác ngộ sơ sài, sức còn yếu ớt, nếu chẳng niệm sẽ dễ mê. Do vậy, trong cuộc sống thường ngày, đối với khởi tâm động niệm, phải khởi lên Phật hiệu, hóa giải ý niệm ấy, đó gọi là *"công phu đắc lực"*. Quý vị có thể giữ gìn cái tâm thanh tịnh, trong mười hai thời thân tâm thanh tịnh, trí huệ tăng trưởng. Bất luận gặp chuyện gì, quý đều thấy rõ ràng, cao minh hơn người khác, quý vị niệm Phật mới được thụ dụng. Niệm Phật chẳng mê tín! Đấy là ý nghĩa Vô Lượng Quang, do có công phu quán chiếu ở trong ấy.

Vô Lượng Thọ là *"tự tánh Tịch"*. *"Tịch"* là Thiền Định. Một câu Phật hiệu đồng thời lại có công phu Thiền Định. Quán chiếu là Bát Nhã, là trí huệ. Trong một câu Phật hiệu đã có Huệ lại có Định. Chúng ta thường nói đến công phu, phải học quân bình giữa Định và Huệ. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư dạy chúng ta: *"Định Huệ đẳng trì"* (giữ cho Định và Huệ cân bằng). Trong một câu A Di Đà Phật vừa có Huệ, vừa có Định, há

chẳng phải là Định Huệ đẳng trì ư? Có thể hóa giải phân biệt, chấp trước, phiền não, vọng tưởng, đó là Huệ; sau khi hóa giải, tâm vĩnh viễn giữ được sự thanh tịnh, tâm thanh tịnh là Thiền Định. Một câu Phật hiệu thật sự có công đức chẳng thể nghĩ bàn!

Bổn Tôn của pháp môn này là Tây Phương Tam Thánh: A Di Đà Phật, Quán Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát. Đoạn văn trên đây giới thiệu những ý nghĩa bao hàm trong danh xưng A Di Đà Phật. Quán Âm Bồ Tát đại diện cho "Tự Tánh Bi", từ bi. Từ bi là động lực, có sức thúc đẩy. Vì sao Phật, Bồ Tát có thể hy sinh chính mình vì người? Tâm từ bi thúc đẩy! Từ bi là lòng yêu thương, vì sao chẳng nói là Ái, mà lại nói từ bi? Là vì trong Ái có cảm tình, còn lòng yêu thương trong từ bi thì không có cảm tình, thuần túy là lý trí. Nói cách khác, tình yêu thương đặt trên nền tảng lý trí gọi là từ bi. Nếu lòng từ bi mà dính mắc cảm tình thì gọi là Ái, thật ra, [Từ Bi và Ái] là cùng một chuyện. Nói cách khác, có thể nói: Lòng từ bi của Phật, Bồ Tát là chân ái, chân ái vĩnh viễn không biến đổi. Người thế gian vướng mắc cảm tình nên Ái là giả Ái, không trông cậy được, vì sao? Có thể biến hóa. Ái đến cuối cùng biến thành oan gia, cừu địch, lòng Ái có thể biến đổi. Vì thế, lòng Ái ấy là giả, chẳng thật, chẳng thể trông cậy. Lòng Ái có thể trông cậy thì phải tìm nơi Phật, Bồ Tát mới được, lòng Ái ấy là thật, quyết định chẳng bị biến đổi. Do vậy, từ bi và cái mà thế gian gọi là "ái tình" chính là cùng một chuyện, nhưng một đằng là giác ngộ, một đằng là mê hoặc. Khi mê thì gọi là ái tình, khi giác ngộ thì gọi là từ bi; thay đổi danh từ mà thôi, chỉ là một chuyện. Quán Âm Bồ Tát tượng trưng cho lòng từ bi trong tự tánh, chúng ta gọi là đại từ đại bi, là thanh tịnh, chẳng nhiễm, bình đẳng, không có lòng yêu thương thiên vị. Lòng đại từ bi ấy do đâu phát sanh? Vậy thì quý vị phải nghiên cứu những kinh điển giảng về Quán Thế Âm Bồ Tát, trong tự tánh vốn sẵn đầy đủ lòng từ bi, vì sao lòng từ bi nơi chúng ta chẳng thể hiện tiền? Dùng phương pháp nào để hiển lộ lòng đại từ đại bi vốn sẵn đầy đủ? Trong Quán Âm Tam Kinh[23] có dạy cho chúng ta một phương pháp, trong quá khứ chúng tôi đã giảng Tam Kinh, nhưng không có hiệu quả, vì sao? Lòng đại từ đại bi của chúng ta không phát xuất được.

Đại Thế Chí Bồ Tát tượng trưng cho "Tự Tánh Trí", tức là trí huệ vốn sẵn đầy đủ trong Chân Như bổn tánh. Trí huệ chẳng phải từ bên ngoài mà có, trí huệ là vốn có. Có trí huệ mới gọi là "đại thế", Thế (勢) là thế

[23] Quán Âm Tam Kinh chính là chương Quán Tự Tại Bồ Tát (phẩm Nhập Pháp Giới) của Bát Thập Hoa Nghiêm, chương Nhĩ Căn Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm và phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa.

lực, năng lực. Ai có sức rất lớn, người ấy có đại thế lực. Đại thế lực là do trí huệ mà có. Không có trí huệ, sẽ chẳng có năng lực. Có trí huệ mới có năng lực. Trí huệ lớn mới có thể làm chuyện lớn, trí huệ nhỏ nhoi chẳng thể làm chuyện to lớn được. Do vậy, đại trí huệ cũng là thứ vốn sẵn có trong tự tánh. Đại Thế Chí Bồ Tát tượng trưng cho trí huệ, Quán Thế Âm Bồ Tát tượng trưng cho từ bi. Có trí huệ, sẽ có năng lực lo liệu mọi việc, có từ bi thì mới chịu làm, như vậy thì rất tốt đẹp! Nếu không, có trí huệ mà không có từ bi, dẫu kẻ ấy có năng lực cũng không chịu làm, vậy là cũng như không! [Có từ bi mà thiếu trí huệ thì] rất muốn làm nhưng không có năng lực, dẫu làm cũng chẳng thành. Ắt cần phải đồng thời đầy đủ từ bi lẫn trí huệ thì mới có thể thật sự thành tựu chính mình, lợi ích chúng sanh.

Trong kinh có nói tới Thanh Văn, Bồ Tát, đấy là nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thanh Văn là *"tự tánh Chân"*. Đây là nói tới Chân Đế trong Nhị Đế. Chân Đế là nói theo bản thể, Tục Đế là nói theo hiện tượng, nói theo phương diện tác dụng. Do A La Hán chỉ chú trọng tu Định, chỉ chú trọng tu cho chính mình, tu Định, chẳng chịu giúp đỡ người khác. Do vậy, họ đại diện cho Chân Đế, hoàn toàn là tự tu bản thể, tu cái tâm thanh tịnh của chính mình. Bồ Tát từ Không xuất Giả, cao hơn địa vị Thanh Văn, họ đã đạt được tâm thanh tịnh, sau khi đạt được tâm thanh tịnh, trong tâm thanh tịnh đầy đủ lòng từ bi. Do vậy, họ có thể lợi ích hết sức chúng sanh, đó gọi là *"hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức"*. Họ có thể lợi ích hết thảy chúng sanh, đó gọi là *"tự tánh Tục"*. Trong nhà Phật, bất luận là tượng điêu khắc, tô đắp hoặc tranh vẽ, hễ vẽ A La Hán thì đều là hình tướng xuất gia, vẽ hình Bồ Tát đều là hình tướng tại gia.

Tại Trung Quốc, mọi người đều biết có bốn vị đại Bồ Tát, trong ấy, ba vị mang hình tướng tại gia. Quán Âm Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát mang hình tướng tại gia, chỉ có Địa Tạng Bồ Tát mang hình tướng xuất gia. Do Địa Tạng Bồ Tát hóa thân làm người đời Đường, là người Hàn Quốc đến tu đạo tại núi Cửu Hoa của Trung Quốc; về sau mọi người biết Ngài là hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát, bèn tạc tượng Ngài. Do Ngài là người xuất gia nên đắp tượng xuất gia. Trừ vị này ra, tượng các vị Bồ Tát khác đều mang hình tướng tại gia. Tại Trung Quốc, Di Lặc Bồ Tát mang hình tướng xuất gia vì tượng đắp tại Trung Quốc là tượng Bố Đại Hòa Thượng, chứ ở Ấn Độ, Ngài mang hình tướng tại gia. Di Lặc Bồ Tát ở Ấn Độ cũng mang hình tướng nữ nhân, mặt mũi hết sức thanh tú, mang hình tướng tại gia.

Phàm là Bồ Tát sẽ đều hiện hình tướng tại gia để dễ giúp đỡ người khác, đó gọi là *"hòa quang đồng trần"*, dùng Tứ Nhiếp Pháp lợi ích hết thảy chúng sanh. Bồ Tát tượng trưng cho Tục Đế trong tự tánh, Tục là tự tánh khởi tác dụng. A La Hán tượng trưng cho bản thể của tự tánh. Bồ Tát tượng trưng cho tác dụng của tự tánh. Từ nguyên lý này, nói rõ cho chúng ta biết vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới có những chuyện ấy? Bồ Tát, Phật, Thanh Văn, Duyên Giác, Quán Âm, Thế Chí biến ra những chuyện ấy như thế nào? Đều là vô lượng đức năng trong tâm thanh tịnh nơi tự tánh của quý vị biến hiện, toàn bộ đều do tự tánh biến hiện ra, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Nói chung, *"chủng chủng trang nghiêm tức tự tánh vạn đức vạn hạnh"* (các thứ trang nghiêm chính là vạn đức, vạn hạnh của tự tánh), chữ Hành (行) đọc giọng Khứ Thanh (tức là Hạnh), hiểu theo nghĩa động từ, tức là tạo tác, hoàn toàn do tự tánh biến hiện.

(Diễn) Nhược nhất hào pháp tùng tâm ngoại sanh, tắc bất danh vi Đại Thừa pháp dã.

(演) 若一毫法從心外生，則不名為大乘法也。

*(**Diễn**: Nếu một mảy pháp nào sanh ở ngoài tâm thì chẳng gọi là pháp Đại Thừa).*

Đây chính là như thường nói *"ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm"*. Hiểu rõ tướng chân thật của y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thế giới Sa Bà, tận hư không, trọn khắp pháp giới, vô lượng vô biên các cõi nước Phật không có một cõi nào ra ngoài lệ này. Nếu chúng ta tin tưởng [điều này] thì mới gọi là thật sự tin Phật. Nếu chẳng tin tưởng điều này, chẳng gọi là tin Phật!

(Diễn) Vấn: Toàn chương tự tánh, nãi thuộc Hoa Nghiêm, giáng thử dĩ hoàn, hà đắc hữu thử? Đáp: Hoa Nghiêm nãi chư kinh vương, chư kinh giai Hoa Nghiêm quyến thuộc. Kim kinh dĩ Hoa Nghiêm tánh hải vi Tông, ký tông Hoa Nghiêm, hà phương ước tánh. Hựu, chư kinh tùng Pháp Hoa khai hiển chi hậu, bất luận hà kinh, tổng giai huyền diệu, giai khả xứng tánh cố.

(演)問：全彰自性，乃屬華嚴，降此以還，何得有此？答：華嚴乃諸經王，諸經皆華嚴眷屬，今經以華嚴性海為宗，既宗華嚴，何妨約性。又諸經從法華開顯之後，不論何經，總皆玄妙，皆可稱性故。

*(**Diễn**: Hỏi: - Phô bày trọn vẹn tự tánh là đặc điểm của kinh Hoa Nghiêm, trừ kinh Hoa Nghiêm ra, [những kinh khác]làm sao có được tánh chất này?*

Đáp: Kinh Hoa Nghiêm là vua trong các kinh, các kinh đều là quyến thuộc của kinh Hoa Nghiêm. Nay kinh này lấy Hoa Nghiêm tánh hải làm Tông, đã có cùng một tông chỉ với kinh Hoa Nghiêm thì quy kết kinh này về tánh đâu có trở ngại gì? Hơn nữa, các kinh kể từ sau hội Pháp Hoa khai quyền hiển thật thì bất luận kinh nào cũng đều là huyền diệu, đều là xứng tánh cả!)

Đoạn này khá quan trọng, có thể giúp cho chúng ta đoạn nghi sanh tín. Nói nghiêm ngặt, tu hành thì phải hiểu rõ ràng định nghĩa của hai chữ *"tu hành"*. Tu (修) là *"tu chánh"* (sửa đổi cho đúng), hành (行) là hành vi. Sửa đổi cho đúng những hành vi sai lầm của chúng ta, đó gọi là tu hành. Chánh (正) là gì? Tương ứng với tự tánh, đó là Chánh. Tự tánh chiếu, tự tánh tịch, tự tánh bi, tự tánh trí, tự tánh chân, tự tánh tục, tương ứng với những điều ấy thì là Chánh, tâm và hạnh đều chánh. Hễ trái nghịch với những điều ấy thì là Tà, đều phải sửa thành chánh, đó gọi là tu hành. Tà, mê là phàm phu; chánh, giác là Bồ Tát. Tu hành là nói đến chuyện như vậy. Tu hành nếu chẳng hoàn toàn quán triệt, thông suốt lý luận thì có thể nói là tu hành chẳng tránh khỏi bị chướng ngại. Nếu thật sự kiến lập một hệ thống [lý luận] hoàn chỉnh, phá trừ hết thảy mê chướng, sẽ khiến cho chúng ta thuận buồm xuôi gió trên con đường Bồ Tát thì tốt nhất là kinh Hoa Nghiêm. Không có cách nào giảng kinh Hoa Nghiêm, dài quá! Nhân duyên giảng và nghe kinh Hoa Nghiêm nói chung là phải trong tương lai, sau khi quý vị đã nghỉ hưu, có thời gian, không phải làm chuyện gì, nghe bộ kinh này mỗi ngày suốt tám tiếng đồng hồ, một năm [sẽ nghe xong] trọn vẹn, đó là lý tưởng nhất. Nếu mỗi ngày nghe bốn tiếng đồng thì hai năm sẽ nghe xong cả bộ, cũng được. Nếu mỗi tuần nghe giảng ba tiếng, chỉ sợ phải mất mười mấy năm, hai mươi năm. Ở Đài Trung, thầy Lý mỗi tuần giảng một tiếng, tôi tính ra phải mất năm mươi năm. Thọ mạng ngắn ngủi là không được, không có cách nào hết. Kinh dài quá, bộ này tối thiểu cũng phải từ hai ngàn năm trăm giờ cho đến ba ngàn giờ mới giảng xong, mới thật sự giảng trọn hết tự tánh, mới nói hết lý luận, hiện tướng, tác dụng được, phô bày trọn vẹn tự tánh. Kinh Hoa Nghiêm thật sự quá hay, chẳng thể nào không giảng! Trong thế gian hiện thời, tà tri tà kiến đầy dẫy trong thế gian, đúng như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Trong thời kỳ Mạt Pháp, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng"*, có thể hàng phục

những phường tà tri tà kiến ấy thì chỉ có Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh.

Hiện tại, chúng ta không có cơ duyên, nếu các đồng tu nỗ lực, tương lai gần đến lúc nghỉ hưu, mọi người chúng ta ở cùng một chỗ. Trước hết sẽ cất một cao ốc tại đây, tôi đề xướng chuyện này, hy vọng các đồng tu học Phật chúng ta đến nơi đây mua nhà, mỗi người mua một căn, toàn bộ cao ốc là chỗ các đồng tu tu hành, cư ngụ. Chúng ta lập một đại giảng đường trong tòa cao ốc này, hễ rung chuông vào học là mọi người đều đi tới, tan học ai về nhà nấy. Chúng tôi mỗi ngày có thể giảng bốn tiếng đồng hồ tại đây, chẳng có vấn đề gì. Quý vị không có thời gian tới nghe, gắn cáp truyền hình trong nhà quý vị, quý vị có thể xem ở nhà, cùng ở trong một cao ốc! Điều này có thể làm được! Đến khi niệm Phật, quý vị có thời gian cứ tới, không có thời gian thì dùng máy khuếch âm (amplifier) truyền Phật hiệu đến nhà quý vị, niệm Phật ở nhà. Mỗi ngày Phật hiệu suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ không gián đoạn giữa chừng, tòa cao ốc này của chúng ta là thế giới Cực Lạc. Điều này có thể thực hiện được, chứ chẳng phải là không thể.

Nếu quý vị chẳng chịu nỗ lực, trong tương lai, chúng tôi sẽ thực hiện trước tại Mỹ Quốc, cất một chung cư cho người già, hoan nghênh những người đã nghỉ hưu đến chỗ chúng tôi. Hễ là người niệm Phật nghỉ hưu đều tập trung về đạo tràng của chúng tôi, trong đạo tràng ấy có thể giảng kinh Hoa Nghiêm. Mọi người đều chẳng có việc gì [phải lo toan], mỗi ngày nghe giảng kinh bốn tiếng đồng hồ, niệm Phật năm sáu tiếng đồng hồ, tự tại! Phiền não gì cũng đều chẳng có! Nếu người già ở chung một chỗ đông đảo như vậy mà không giảng kinh, không niệm Phật, ở được ba ngày, mỗi người mỗi ý, ắt sẽ cãi cọ, gây lộn. Kinh Phật vừa nghe, tâm liền thanh lương, hóa giải phiền não, rất lý tưởng. Độ chúng sanh trong lúc này, chủ yếu độ người già, kết duyên với những người trẻ tuổi để quý vị biết cái hay trong Phật pháp, đến tuổi già sẽ tham gia đạo tràng của chúng tôi. Trong thời đại này, tôi cảm nhận sâu sắc rằng: Nhất định phải giảng kinh Hoa Nghiêm.

Ở đây, Ngài (pháp sư Cổ Đức) nêu ra một nghi vấn, *"toàn chương tự tánh"* (phô bày trọn vẹn tự tánh) thì trong toàn bộ kinh Phật, chỉ có một bộ kinh Hoa Nghiêm là *"toàn chương tự tánh"*. *"Giáng thử dĩ hoàn"* nghĩa là ngoài kinh Hoa Nghiêm ra, bất cứ một bộ kinh điển nào khác, nếu nói là phô bày trọn vẹn tự tánh chẳng khỏi khoe khoang quá mức đôi chút, dường như là đã nâng địa vị lên quá cao để được coi là ngang hàng với kinh Hoa Nghiêm, chứ còn gì nữa! *"Hà đắc hữu thử?"* (Sao có chuyện

như vậy được?) Tiếp theo đấy là lời giải đáp, đáp rất hay! *"Hoa Nghiêm nãi chư kinh vương"* (kinh Hoa Nghiêm là vua của các kinh), giống như đế vương của hết thảy các kinh, cao vòi vọi. Bởi lẽ, kinh Hoa Nghiêm là căn bản pháp luân của Phật, tức là pháp căn bản của Phật. Hết thảy các kinh đều là cành lá của kinh Hoa Nghiêm, đều là quyến thuộc của kinh Hoa Nghiêm.

Nói cách khác, đều là một bộ phận của kinh Hoa Nghiêm. Ví như sáu trăm quyển Đại Bát Nhã, kinh này có phân lượng lớn nhất, chỉ là một bộ phận của trí huệ Bát Nhã được giảng trong kinh Hoa Nghiêm mà thôi, chẳng phải là toàn thể. Duy Thức Tông có kinh luận nhiều như vậy, cũng có thể nói là một phần Pháp Tướng của kinh Hoa Nghiêm mà thôi! Do vậy, viên mãn nhất, rốt ráo nhất là kinh Hoa Nghiêm. Trong quá khứ, gần như chúng tôi đã giảng kinh này gần hai ngàn giờ, vẫn chưa được hai phần ba. Đủ thấy bộ kinh này quả thật phải tốn thời gian rất dài [để giảng], phải có tâm nhẫn nại để tu học. Phương thức giảng kinh hiện thời của chúng ta chẳng thích hợp để giảng kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm nhất định phải giống lên lớp trong nhà trường: Hằng ngày đến giờ bèn khai giảng, một ngày giảng suốt bốn tiếng đồng hồ là lý tưởng nhất, hai năm sẽ giảng xong.

"Kim kinh dĩ Hoa Nghiêm tánh hải vi Tông" (kinh này lấy Hoa Nghiêm tánh hải làm Tông): *"Kim kinh"* là kinh Di Đà. Hoa Nghiêm giảng tự tánh. *"Hải"* là tỷ dụ, tự tánh rộng lớn vô biên, chỉ đành dùng biển cả làm tỷ dụ. Bộ kinh này lấy Hoa Nghiêm tánh hải làm Tông chỉ, chẳng nói quá lố chút nào. Bởi lẽ, kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, cho thấy bộ kinh này thật sự là [nơi quy kết của] tông chỉ kinh Hoa Nghiêm. Do vậy, nó và kinh Hoa Nghiêm là một, không hai! Có thể nói kinh Hoa Nghiêm là kinh Di Đà được giảng tường tận, kinh Di Đà là cương yếu, là tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm. Hai bộ kinh này là một, không hai. Kinh Di Đà là tiểu bổn của kinh Hoa Nghiêm, là bản đại lược của kinh Hoa Nghiêm. *"Ký tông Hoa Nghiêm, hà phương ước tánh"*: Đã có cùng một tông chỉ, cùng một Lý Thể với kinh Hoa Nghiêm, đương nhiên không có vấn đề, có thể nói là kinh Di Đà phô bày trọn vẹn tự tánh, không hai, không khác kinh Hoa Nghiêm. *"Hựu chư kinh tùng Pháp Hoa khai hiển chi hậu"*, đây là nói đến bộ kinh được Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra cuối cùng. Đến cuối cùng, đức Phật nói kinh Pháp Hoa, đến hội Pháp Hoa, đức Phật khai Quyền, hiển Thật: Những điều đã được giảng trước kia toàn là pháp phương tiện; cuối cùng, đức Phật nói pháp chân thật. Trong hội Pháp Hoa, hoàn toàn nói

chân thật, khai Quyền, hiển Thật; nói rõ, trong một đời đức Phật, bất luận nói bộ kinh nào cũng đều từ Chân Như tự tánh lưu lộ. Do đã có lời này, nên có thể nói: Chỉ cần là kinh do đức Phật đã nói thì kinh nào cũng đều xứng tánh, bởi lẽ, đức Phật đã đích thân chứng đắc tự tánh, câu nào Ngài nói ra cũng đều từ tâm thanh tịnh trong tự tánh lưu lộ. Những vị được coi là đại diện [cho điều này] ở Trung Quốc thì như Lục Tổ đại sư, Lục Tổ đã kiến tánh. Quý vị thấy từng câu từng chữ trong Đàn Kinh quả thật từ tự tánh lưu lộ. Vì thế, từng câu từng chữ đều bao gồm vô tận ý nghĩa, càng đọc càng có hứng thú, càng đọc càng muốn đọc thêm, ý vị vô cùng!

(Diễn) Chư kinh bất ly tự tánh giả.

(演) 諸經不離自性者。

*(**Diễn**: Các kinh chẳng lìa tự tánh).*

Ở đây, cũng giải thích đơn giản cho chúng ta.

(Diễn) Tam Thừa thập nhị phần giáo.

(演) 三乘十二分教。

*(**Diễn**: Mười hai phần giáo trong ba thừa).*

Trong danh từ Tam Thừa này, Thừa (乘) là xe, cỗ xe. Xe có xe lớn, xe nhỏ, hình dung sức chuyên chở khác nhau. Thời cổ, xe nhỏ là dương xa, tức xe dùng dê kéo, trung xa (xe cỡ vừa) là ngưu xa, tức xe kéo bằng bò, đại xa (xe cỡ lớn) là mã xa (xe ngựa), sức ngựa mạnh mẽ. Xe ngựa có thể ngồi được mười mấy người, xe bò chỉ ngồi được năm sáu người, xe dê chỉ ngồi được một người. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật dùng chuyện này làm tỷ dụ. Tiểu Thừa tự độ, tự giải thoát cho riêng mình. Trung Thừa là Duyên Giác, tâm lượng cũng chẳng rộng lớn, dung nạp chúng sanh hữu hạn. Bồ Tát là Đại Thừa, dùng ngay chuyện này để tỷ dụ.

Tam Thừa là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa. Đức Phật nói pháp là ứng cơ thuyết pháp (nói pháp phù hợp với căn cơ của người nghe), trình độ của quý vị ra sao, đức Phật bèn nói pháp môn ấy. Quý vị là căn tánh Tiểu Thừa, tôi chỉ muốn giải thoát cho riêng mình là ổn rồi, tôi không màng đến chuyện người khác, người ta cũng chẳng phải bận tâm đến tôi, khi quý vị gặp đức Phật, đức Phật bèn dạy quý vị pháp Tiểu Thừa, khiến cho quý vị rất mãn ý tu giải thoát cho riêng mình. Đức Phật chẳng ép người, chẳng khuyên người: "Quý vị phải phát đại tâm, quý vị phải hành Bồ Tát đạo", đức Phật chẳng rườm lời như thế. Quý vị muốn học Tiểu Thừa liền dạy quý vị Tiểu Thừa, quý vị muốn học Đại

Thừa, Ngài dạy quý vị Đại Thừa. Do ba thứ căn tánh bất đồng nên Phật pháp có ba tầng lớp giảng dạy khác nhau.

"Thập nhị phần giáo" là nói trong kinh Phật có mười hai thứ thể tài (genre, hình thức văn chương) khác nhau để ghi chép. Trong thuở ấy, đức Phật diễn giảng cũng có mười hai phương thức khác nhau. Nay chúng ta xem kinh, kinh điển được chép lại bằng văn tự, hết sức rõ ràng. Loại văn chương giống như thế này thì gọi là tản văn (văn xuôi), dùng thể tài tản văn chép lại. Đấy là một phần hay một loại trong mười hai phần giáo. "Phần" là phân biệt, gồm có mười hai loại. Trong kinh có kệ tụng, đấy là thể tài thi ca. Nhìn từ nội dung của bộ kinh này, nó thuộc loại Vô Vấn Tự Thuyết (không ai hỏi mà tự nói). Do vậy, trong mười hai phần giáo, kinh Di Đà gồm hai phần, một phần là Trường Hàng thuộc thể loại văn xuôi, phần kia là Vô Vấn Tự Thuyết. Trong kinh này không có Kệ Tụng, cũng chẳng có mật chú. Kinh có đủ cả mười hai thể tài là kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa chỉ có chín loại. Đương nhiên kinh càng lớn sử dụng càng nhiều thể tài. Kinh càng ngắn sẽ càng ít thể tài. Tâm Kinh có hai thứ, một là Trường Hàng, tức là thể tài tản văn, hai là Mật Chú.

(Diễn) Giáo giáo giai quy diệu tánh, ngôn ngôn tận nhiếp Chân Như.

(演) 教教皆歸妙性，言言盡攝真如。

(Diễn: Giáo pháp nào cũng đều quy về tự tánh, lời nào cũng nhiếp trọn Chân Như).

"Giáo" là mười hai thể tài, bất luận thể tài nào cũng đều từ trong Chân Như diệu tánh phát xuất, *"ngôn ngôn"* là từng chữ, chữ nào cũng đều nhiếp trọn Chân Như, từ Chân Như bổn tánh lưu lộ. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm nói: *"Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạc năng giải"* (Phật pháp không có người nói thì tuy là kẻ trí vẫn chẳng thể hiểu được), câu nói này rất có lý! Chúng ta là phàm phu, sử dụng cái tâm gì? Dùng tâm phân biệt, tâm chấp trước, tâm vọng tưởng để đọc kinh Phật, kinh Phật cũng biến thành phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, biến thành pháp thế gian.

Do vậy, kinh điển bày ra ngay trước mặt chúng ta liền bị biến chất. Nếu bản thân chúng ta đã minh tâm kiến tánh, thưa với quý vị, chúng ta thấy sách giáo khoa của lũ trẻ trong các ấu trĩ viên (kinder-gaten) đều là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Cảnh chuyển theo tâm, mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được! Chính quý vị đã thấy tánh, quý vị thấy hết

thảy cảnh giới đều là pháp tánh. Khi chưa kiến tánh, sẽ coi những ngôn ngữ, văn chương của người đã kiến tánh là nhăng nhít. Do vậy, kiến tánh được coi là mục tiêu trọng yếu nhất trong việc học Phật. Kiến tánh là thành Phật, nhà Thiền bảo "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật".

(Diễn) Nhược ly tự tánh, giai vi ma cảnh.

(演) 若離自性，皆為魔境。

*(**Diễn**: Nếu lìa tự tánh, đều là cảnh ma).*

"Ma cảnh" là chướng ngại, là ma chướng. Chữ Ma là chữ được sáng tạo hoàn toàn mới trong thuở ấy. Trong ý nghĩa gốc, Ma (魔) là "chiết ma" (折磨: bẻ gẫy, mài mòn, thử thách; dưới chữ Ma (磨) là bộ Thạch 石). Chữ Ma do Lương Võ Đế chế ra. Lương Võ Đế nói sự thử thách này đáng sợ quá, giống như gặp phải quỷ, nên bỏ chữ Thạch thay bằng chữ Quỷ (鬼), lấy ý nghĩa đó. Nếu tách rời tự tánh thì sẽ biến thành phân biệt, chấp trước, đều biến thành những vấn đề thế gian, đương nhiên trở thành chướng ngại đối với sự tu tâm, tu tánh; vì thế, gọi là *"ma cảnh"*. Mở đầu tác phẩm, Liên Trì đại sư nhất định phải đặt "tự tánh" lên đầu là vì đạo lý như thế đó. Tiếp theo đây là lời giải thích chữ *"linh minh đỗng triệt"*.

(Sớ) Linh giả linh giác, minh giả minh hiển. Nhật nguyệt tuy minh, bất đắc xưng Linh. Kim duy chí minh chi trung, thần giải bất trắc, Minh bất túc dĩ tận chi, cố viết "linh minh".

(Diễn) "Linh giác" giả, bất đồng mộc thạch chi vô tâm, hư không chi ngoan minh.

(疏)靈者靈覺，明者明顯。日月雖明，不得稱靈。今惟至明之中，神解不測，明不足以盡之，故曰靈明。

(演)靈覺者，不同木石之無心、虛空之頑冥。

*(**Sớ**: "Linh" là linh giác, "minh" là sáng sủa, rõ ràng. Mặt trời, mặt trăng tuy sáng, chẳng thể gọi là Linh. Nay chỉ có tâm tánh là sáng suốt đến tột bậc, có tác dụng thông suốt kỳ diệu chẳng thể lường được, chữ Minh chẳng đủ để diễn tả trọn hết, nên nói là "linh minh".*

***Diễn**: "Linh giác" là chẳng giống như gỗ, đá vô tâm, chẳng giống như hư không trơ trơ tối tăm).*

Linh giác: *"Giác"* là có hay biết. Chữ Mộc chỉ thực vật, chữ Thạch chỉ khoáng vật. Thực vật và khoáng vật tuy cũng có hay biết, nhưng thua

xa động vật. Vì vậy, chúng ta coi chúng là vô giác, vô tâm. Chúng chẳng có tâm phân biệt, tâm chấp trước, tâm vọng tưởng. Linh giác chẳng giống với hư không tối tăm trơ trơ, hư không chẳng linh mà cũng chẳng giác. Do vậy, gọi là *"ngoan hư không"* (hư không trơ trơ). Có tâm thì mới là Linh.

(Diễn) "Minh hiển" giả, Thể lộ đường đường, vô giá, vô chướng.

(演) 明顯者，體露堂堂，無遮無障。

*(**Diễn**: "Minh hiển" là Thể hiển lộ rành rành, không che lấp, không chướng ngại).*

Mỗi cá nhân trong chúng ta đều có linh giác, nhưng hiện thời linh giác của chúng ta chẳng hiển lộ, bị chướng ngại. Tuy bị chướng ngại, nhưng hoàn toàn chẳng phải là không có linh giác, quý vị phải biết điều này. Chỉ là bị chướng ngại nên chẳng thể hiện tiền. Ví như ngày u ám, mây che lấp vầng mặt trời, chúng ta không thấy ánh nắng, chứ không phải là chẳng có mặt trời. Mặt trời vẫn là có, nhưng bị chướng ngại tạm thời, bị chướng lấp, khiến cho quang minh chẳng thể hoàn toàn lọt ra được. Chuyện là như vậy đó! Quý vị đừng nghĩ chúng ta đang mê nên linh minh giác tri chẳng có, đã mất tiêu rồi, hiểu như vậy là sai! Linh minh giác tri của chúng ta giống hệt như chư Phật, Bồ Tát, quyết định chẳng hai, quyết định chẳng bị mất đi, chỉ là trước mắt có chướng ngại. Khi chướng ngại mất đi, nó sẽ lập tức khôi phục. *"Minh"* có nghĩa là sáng tỏ, Thể bộc lộ rành rành, hễ không có chướng ngại thì sẽ lại sáng tỏ. Đây là nói về chân tánh linh minh vậy.

(Diễn) "Bất đắc xưng Linh" giả, nhật dĩ dương minh chiếu trú, nguyệt dĩ thanh lương chiếu dạ, tuy hữu quang minh nhi bất hiển linh giác. Bỉ ký bất tự hiển, nhân tự bất đắc xưng dã.

(演)不得稱靈者，日以陽明照晝，月以清涼照夜，雖有光明而不顯靈覺。彼既不自顯，人自不得稱也。

*(**Diễn**: "Chẳng thể gọi là Linh": Như mặt trời có ánh sáng chói lọi chiếu rọi ban ngày, mặt trăng có ánh sáng trong mát soi tỏ ban đêm, tuy chúng có quang minh nhưng chẳng thể hiển lộ linh giác. Đã chẳng thể tự hiển lộ thì con người sẽ chẳng thể gọi chúng là Linh được).*

Mặt trời, mặt trăng tuy có quang minh, nhưng chúng chẳng linh mà cũng chẳng giác. Chính chúng nó chẳng thể tỏ lộ sự linh giác nên chúng

ta chẳng thể nói là mặt trời, mặt trăng có linh giác được! Tiếp theo đó, đại sư chỉ rõ tự tánh vừa linh lại vừa giác. *"Kim duy chí minh chi trung"*: *"Chí minh"* là sáng suốt đến tột cùng. Lời chú giải giảng câu *"thần giải bất trắc"* như sau:

(Diễn) Vô duyên nhi chiếu, vật lự nhi tri, vị chi "thần giải".

(演) 無緣而照，勿慮而知，謂之神解。

*(**Diễn**: Không duyên mà chiếu, không suy nghĩ mà biết, nên nói là "thần giải").*

"Duyên" là nhân duyên. Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Phi nhân duyên, phi tự nhiên"* (Chẳng phải là nhân duyên, chẳng phải là tự nhiên). Đây là nói chân thật, nếu nói là nhân duyên hay nói là tự nhiên, sẽ đều là Đệ Nhị Nghĩa, là nói phương tiện. Nếu nói tới tự tánh thì đều chẳng thể nói là nhân duyên hay tự nhiên được. *"Linh minh giác chiếu"* là năng lực sẵn có của tự tánh, không gì chẳng biết, toàn tri, toàn năng. Sự biết ấy không cần phải tư duy.

"Lự" (慮) là suy nghĩ; chẳng cần phải suy nghĩ mới biết, cho nên gọi là *"thần giải"* (sự thấu hiểu thông suốt kỳ diệu). *"Thần"* nghĩa là thần kỳ chẳng thể lường được, người ấy có thể thấu hiểu [thần kỳ như vậy]. Phải biết đây là năng lực sẵn có của chúng ta, cho nên, sau khi quý vị đã kiến tánh, bất luận chuyện gì vừa nhìn liền hiểu rõ, vừa nghe liền thấu suốt, chẳng cần suy nghĩ. Những chuyện trước nay chưa hề thấy, nhưng vừa nêu ra liền thông đạt, chẳng thể nghĩ bàn! Nay chúng ta gọi đó là "thiên tài", thật sự thần kỳ chẳng thể lường được!

(Diễn) Đại địa mạc năng thức kỳ đoan, chí thánh do vị cùng kỳ đảnh, vị chi "bất trắc".

(演) 大地莫能識其端，至聖猶未窮其頂，謂之不測。

*(**Diễn**: Đại địa chẳng thể biết được cái đầu mối, bậc thánh nhân tột bậc vẫn chưa biết được đảnh của [tâm tánh] cho nên bảo là "bất trắc").*

Đại địa không có chỗ tận cùng, [*"đại địa mạc năng thức kỳ đoan"*] có nghĩa là nói tìm chẳng được nguồn cội. Bậc đại thánh đại hiền trong thế gian cũng chẳng biết chỗ cao tột nhất của tâm tánh, cho nên bảo là *"bất trắc"* (chẳng thể suy lường). Do vậy, *"Minh bất túc dĩ tận chi"* (chữ Minh chẳng đủ để diễn tả trọn hết). Gộp tất cả lại để nói thì bảo là *"linh minh"*, *"cố viết linh minh"* (cho nên nói là "linh minh"). Lời Tựa được mở đầu bằng việc giải thích hai chữ này, hai chữ này được dùng để hình dung trọn

vẹn tự tánh, chân tâm, Chân Như bản thể của chúng ta, đó là diện mục sẵn có của chúng ta.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây, hy vọng quý vị chú tâm đến nghe giảng, đến nghiên cứu. Nếu có thể nghiên cứu cặn kẽ bộ sách chú giải này, quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm sẽ thấy hứng thú, sẽ có thể đọc ra những ý vị trong ấy.

Tập 9

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ tám:

(Sớ) Triệt giả, thông dã. Đỗng giả, triệt chi cực dã. Nhật nguyệt tuy biến, bất chiếu phúc bồn, thị triệt nhi vị triệt. Kim thử linh minh, huy thiên địa, thấu kim thạch, tứ duy thượng hạ, tằng vô chướng ngại, cái đỗng nhiên chi triệt, mị sở bất triệt, phi đối cách thuyết thông chi triệt, vân "đỗng triệt" dã.

(疏)徹者通也，洞者徹之極也。日月雖遍，不照覆盆，是徹而未徹。今此靈明，輝天地，透金石，四維上下，曾無障礙，蓋洞然之徹，靡所不徹。非對隔說通之徹，云洞徹也。

*(**Sớ**: "Triệt" là thông suốt. "Đỗng" là thông suốt đến tột cùng. Mặt trời, mặt trăng tuy trọn khắp, nhưng chẳng thể soi chậu úp, nên tuy là "triệt" mà chưa "triệt". Nay sự linh minh này sáng ngời trời đất, xuyên suốt vàng, đá, bốn phương, trên, dưới, chưa hề chướng ngại. Ấy là vì thấu suốt rỗng rang, không đâu chẳng thấu triệt, chứ không phải là sự thấu suốt do đối lập với ngăn cách mà nói là thông suốt, nên bảo là "đỗng triệt").*

Chúng ta tiếp tục xem phần giải thích câu *"linh minh đỗng triệt"* trong lời Sớ. Hai chữ *"linh minh"* đã được giảng trong phần trước, hôm nay bắt đầu giảng từ hai chữ *"đỗng triệt"*. *"Triệt"* (徹) có nghĩa là triệt để, là thông đạt chẳng chướng ngại. Lời chú giải giảng Triệt có nghĩa là *"thông"*, tức thông đạt; *"đỗng"* (洞) là *"triệt chi cực"* (thấu triệt đến cùng cực), tức là thông đạt đến cùng cực. Tiếp đó, đại sư nêu lên một tỷ dụ, *"nhật nguyệt tuy biến"* (mặt trời, mặt trăng tuy trọn khắp), quang minh chiếu trọn khắp, *"bất chiếu phúc bồn"*: Chúng ta lật úp cái chậu thì ánh sáng mặt trời, mặt trăng chẳng thể chiếu vào lòng chậu được, bị chướng ngại, đấy là *"triệt nhi vị triệt"* (tuy là "thông suốt" mà chưa "thông suốt"). Nói cách khác, chỉ cần có chướng ngại chẳng thể xuyên qua được, thì *"triệt"* đó hoàn toàn chẳng phải là đã thật sự đạt đến viên mãn rốt ráo. Bổn tánh của chúng ta khác hẳn, giác tánh linh minh là *"huy thiên địa, thấu kim thạch"* (sáng ngời trời đất, xuyên thấu vàng, đá). *"Huy"* (輝) là sáng ngời, [câu *"huy thiên địa"*] có nghĩa là thấu trời tột đất, trời lẫn đất

đều chẳng thể chướng ngại được. *"Thấu kim thạch"*: Vàng hay đá cũng chẳng thể chướng ngại được.

(Diễn) "Bất chiếu phúc bồn" giả, dĩ nhật nguyệt chi quang thuộc Tướng, bất thuộc Tánh cố.

(演) 不照覆盆者，以日月之光屬相，不屬性故。

*(**Diễn**: "Chẳng soi chậu úp" là vì ánh sáng của mặt trời, mặt trăng thuộc Tướng, chẳng thuộc Tánh).*

Lời chú giải này rất quan trọng. Sự thấu triệt của Tướng chẳng phải là rốt ráo viên mãn, sự thấu triệt của Tánh mới thật sự là rốt ráo viên mãn.

(Diễn) "Huy thiên địa, thấu kim thạch" giả, dĩ tâm quang biến hồ pháp giới, nhất thiết chư pháp vô phi Phật pháp cố.

(演)輝天地透金石者，以心光遍乎法界，一切諸法無非佛法故。

*(**Diễn**: "Sáng ngời trời đất, xuyên thấu vàng đá" là vì tâm quang trọn khắp pháp giới, hết thảy các pháp không gì chẳng phải là Phật pháp).*

Cũng có những vị hỏi: "Tâm quang là như thế nào?" Chúng ta thấy ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trăng cũng có thể thấy được, ánh sáng của mấy ngọn đèn trong giảng đường hiện thời chúng ta cũng trông thấy, nhưng chẳng thấy tâm quang. Hình dạng của tâm quang là như thế nào? Có không ít người nghĩ như vậy, cách nghĩ ấy có chính xác hay chăng? Không chính xác! Vì sao nói là không chính xác? Họ chấp vào tướng! Quý vị thấy ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trăng, quý vị chấp vào tướng. Chẳng chấp tướng sẽ kiến tánh. Chấp tướng chướng ngại kiến tánh. Nếu lìa hết thảy tướng thì *"tâm quang biến hồ pháp giới"* (tâm quang trọn khắp pháp giới), quý vị thấy đạo, nhà Thiền gọi là *"kiến tánh"*, minh tâm kiến tánh. Khi ấy, quý vị sẽ hiểu *"nhất thiết pháp vô phi Phật pháp"*, [tức là] không có pháp nào chẳng phải là Phật pháp. Nếu quý vị chấp tướng, trong hết thảy pháp, không có pháp nào là Phật pháp cả! Chẳng chấp tướng thì là Phật pháp, chấp vào tướng sẽ chẳng phải là Phật pháp.

Nếu chúng ta hỏi, rốt cuộc là có Phật pháp hay không? Nếu quý vị nghĩ là "có Phật pháp", sai rồi! Quý vị nói "không có Phật pháp" cũng sai luôn, sai ở chỗ nào? Sai ở chỗ quý vị chấp tướng! Quý vị chấp vào tướng "có Phật pháp", trật rồi! Quý vị chấp vào tướng "không có Phật pháp",

cũng trật luôn! Nếu quý vị chẳng chấp tướng, quý vị nói "có Phật pháp", đúng! Nói "không có Phật pháp", cũng đúng luôn! Từ chỗ này, quý vị phải thấu hiểu, hễ trong tâm có một niệm phân biệt, chấp trước sẽ hoàn toàn trật; lìa hết thảy phân biệt, chấp trước sẽ là đúng, phải thấu hiểu chỗ này!

Trong đoạn giải thích tiếp theo, bất luận là dùng pháp để nói hay dùng tỷ dụ để nói, đều nói hết sức rõ ràng, *"tứ duy thượng hạ, tằng vô chướng ngại"* (bốn phương, trên, dưới, chưa từng chướng ngại), đó gọi *"đỗng nhiên chi triệt, mị vô sở triệt"* (thấu triệt rỗng rang, không đâu chẳng thấu triệt).

(Diễn) Nhược thông dữ cách đối, thị thông hoàn thành cách, phi đối cách thuyết thông chi triệt, nãi chân triệt dã.

(演)若通與隔對，是通還成隔。非對隔說通之徹，乃真徹也。

*(**Diễn**: Nếu thông suốt là do so với ngăn cách [mà nói là "thông suốt"] thì sự thông suốt ấy vẫn trở thành ngăn cách. Chẳng vì so sánh với ngăn cách mà nói là "thấu triệt" thì mới là thấu triệt thật sự).*

Mấy câu này có ý nghĩa rất sâu, nhưng ngữ cú rất rõ ràng. Nói đơn giản, rớt vào hai bên sẽ đều chẳng phải là chân thật, đều là chướng ngại. Chỉ cần hễ có chấp trước, rớt vào hai bên, đều biến thành chướng ngại. Tách rời hai bên thì sẽ thông đạt. Thông đạt là khai ngộ. Do vậy, nếu quý vị muốn khai ngộ, nhất định phải lìa hai bên. Ngày nay chúng ta gọi *"hai bên"* (nhị biên) là *"tương đối"*.

Làm thế nào để vượt thoát khỏi tương đối mà sau khi vượt thoát cũng chẳng phải là tuyệt đối? Nếu quý vị vượt thoát [tương đối] mà đạt đến tuyệt đối, thì tuyệt đối và tương đối vẫn thuộc vào đối đãi, vẫn chưa thể vượt thoát! Tuyệt đối cũng không có. Tương đối đã không có, tuyệt đối cũng chẳng tồn tại, đấy mới thật sự là vượt thoát. Đấy là *"thấu suốt rỗng rang"* thật sự được nói tới ở đây, do vậy gọi là *"đỗng triệt"*. Tiếp theo đó, lời Sớ giảng về *"trạm tịch thường hằng"*.

(Sớ) Trạm giả bất nhiễm, tịch giả bất dao.

(疏) 湛者不染，寂者不搖。

*(**Sớ**: "Trạm" là chẳng nhiễm, "tịch" là chẳng lay động).*

"Dao" (搖) là dao động, *"trạm"* (湛) là chẳng ô nhiễm, *"tịch"* (寂) là chẳng động tâm. Quý vị đọc tiếp theo sẽ thấy lão nhân gia nêu tỷ dụ.

(Sớ) Đại địa tuy tịch, bất đắc xưng trạm.

(疏) 大地雖寂，不得稱湛。

*(**Sớ**: Đại địa tuy không lay động, nhưng chẳng thể gọi là "trạm").*

Lấy cảnh giới trước mắt để nói thì chẳng thể nói tới vật lý, chẳng thể nói tới hiện tượng tự nhiên. Nói tới hiện tượng tự nhiên thì địa cầu ở giữa hư không, nó cũng vận động, chẳng ngưng nghỉ một giây phút nào. Lấy chuyện trước mắt để nói thì đại địa là bất động, nhưng đất ô nhiễm, nên *"tuy Tịch mà chẳng thể gọi là Trạm"*.

(Sớ) Kim duy chí tịch chi trung, oánh tịnh vô chỉ, Tịch bất túc dĩ tận chi, cố viết "trạm tịch".

(Diễn) Bất nhiễm giả, tùng lai bất dữ nhiễm pháp tương ứng, bất dữ chư trần tác đối. Bất dao giả, vạn cổ như như, vô hữu biến dị.

(疏)今惟至寂之中，瑩淨無滓，寂不足以盡之，故曰湛寂。

(演)不染者，從來不與染法相應，不與諸塵作對。不搖者，萬古如如，無有變異。

*(**Sớ**: Nay trong sự tịch đến tột bậc, sáng ngời trong trẻo, không có cặn bã, chữ Tịch chẳng đủ diễn tả trọn hết, nên bảo là "trạm tịch".*

***Diễn**: "Chẳng nhiễm" là từ trước đến nay chẳng tương ứng với nhiễm pháp, chẳng ứng với các trần. "Chẳng lay động" là muôn đời như như, chẳng có thay đổi).*

Đây là nói về bổn tánh. Kinh Lăng Nghiêm nhắc tới căn tánh của sáu căn, bất luận là trong ngộ hay mê, sáu tánh ấy đều chẳng nhiễm, đều chẳng lay động. Những câu này nhằm giải thích ý nghĩa của từ ngữ *"trạm tịch"*. Đại địa vì sao chẳng thể gọi là *"trạm"*?

(Diễn) Bất đắc xưng "trạm" giả, đại địa tuy thường tự tịch nhiên, nhi thổ thạch chư sơn uế ác sung mãn, bất trạm dã.

(演)不得稱湛者，大地雖常自寂然，而土石諸山穢惡充滿不湛也。

*(**Diễn**: Chẳng được gọi là "trạm" vì đại địa tuy thường tự vắng lặng, nhưng các quả núi đất hay núi đá nhơ bẩn đầy dẫy, chẳng trong lặng vậy).*

Nếu quý vị hỏi: Vì đạo lý nào? Trong phần trước đã có nói, vì nó là Tướng Phần, chẳng phải là Tánh Phần. Nếu là tự tánh sẽ chẳng có những hiện tượng ấy. Phàm là tướng thì đều là hư vọng, đều chẳng phải là viên mãn rốt ráo. Kế đó là tỷ dụ nhằm sánh ví sự trong suốt cả trong lẫn ngoài.

(Diễn) Như tịnh lưu ly, nội ngoại oánh triệt, vị chi oánh tịnh.

(演) 如淨琉璃，內外瑩徹，謂之瑩淨。

*(**Diễn**: Giống như lưu ly sạch, trong ngoài trong suốt sáng ngời, nên gọi là "oánh tịnh").*

Không có cách nào diễn tả, đành dùng tỷ dụ để nói. Nói thật ra, không có cách nào để tỷ dụ thật khít khao, chỉ có thể hơi gần giống, mong rằng từ sự mường tượng ấy sẽ có thể thấu hiểu, sẽ ngộ được Thật Tướng của nó. Hiện nay, chúng ta gọi *"lưu ly"* là Phỉ Thúy (Jadeite), tức là một loại ngọc màu xanh lá cây, trong suốt, có thể dùng nó để làm tỷ dụ [sự trạm tịch], trong ngoài sạch sẽ, chẳng nhiễm mảy trần, đó gọi là *"oánh tịnh"* tức là trong trẻo, ánh sáng có thể chiếu qua được.

(Diễn) Thốn ty bất quải, tiêm trần bất lập, vị chi "vô chỉ".

(演) 寸絲不挂，纖塵不立，謂之無滓。

*(**Diễn**: Tấc tơ chẳng vướng, mảy trần chẳng lập, thì gọi là "không có cặn bã").*

"Chỉ" (滓) là cặn bã. Sạch sẽ, chẳng có tí ti cặn bã nào! *"Thốn ty bất quải"* (tấc tơ chẳng vướng mắc) hình dung không có tri kiến, không có vọng tưởng, chẳng vướng mắc, tâm thanh tịnh. Lục Tổ nói: *"Vốn không có một vật"*. Trong chân tâm không có vọng niệm, không có phân biệt, không có chấp trước, không có vọng tưởng. Kinh luận thường nói *"Thể lộ chân thường"*, đấy chính là Phật tâm, là chân tâm hiện tiền. *"Tiêm trần bất lập"* (Mảy trần chẳng lập) là không ô nhiễm, là dựa trên cảnh giới bên ngoài mà nói: Chân Như bổn tánh quyết định chẳng bị sáu trần bên ngoài nhuốm bẩn. Trong Duy Thức có nói: *"Trong A Lại Da Thức in dấu bóng dáng của Ngũ Trần"*, tức là [Ngũ Trần] có thể in dấu vào A Lại Da Thức, chứ không thể in dấu trong Chân Như bổn tánh. Vì thế nói trong chân tánh

"mảy trần chẳng lập". Một là chẳng bị nhuốm bẩn bởi ngoại cảnh, hai là như như bất động, tấc tơ chẳng vướng. Đó là không có cặn, tí ti cặn bã nào cũng không có. *"Tịch bất túc dĩ tận chi"* (Chữ Tịch chẳng đủ để diễn tả trọn hết): Chữ Tịch không có cách nào bao quát viên mãn ý nghĩa này, *"cố viết Trạm Tịch"* (nên nói là Trạm Tịch), dùng hai chữ này (tức *"trạm tịch"*) để hình dung Chân Như bổn tánh của chúng ta. Cả hai câu này có lúc nói gộp lại một cách đơn giản là *"trạm tịch linh minh"*, cổ đại đức thường dùng bốn chữ này để hình dung chân tâm và bổn tánh của chúng ta. Bổn tánh của chúng ta quả thật là trạm tịch linh minh. Kế tiếp, [lời Sớ Sao] giảng về *"thường hằng"*.

(Sớ) Hằng giả, cửu dã. Thường giả, hằng chi cực dã.
(疏) 恆者久也，常者恆之極也。
*(**Sớ**: "Hằng" là lâu dài. "Thường" là hằng đến mức tột bực).*

Câu này ý nói: Bổn tánh linh minh trạm tịch vĩnh viễn là như vậy, từ vô thỉ kiếp trong quá khứ cũng như vô lượng kiếp trong tương lai, nó vĩnh viễn chẳng biến đổi. Thành Phật, thành Bồ Tát, cho đến trong tam đồ lục đạo, nó vẫn chẳng bị biến đổi, đó gọi là Chân Tánh. Ví như vàng ròng, vàng không biến đổi, đem nó chế thành tượng Phật thì giống như Phật pháp giới, hoặc đúc thành con mèo nhỏ, con chó nhỏ, nó lại đọa trong súc sanh pháp giới. Quý vị lấy vàng đúc thành hình ngạ quỷ, nó lại biến thành ngạ quỷ pháp giới. Tùy theo quý vị đúc tượng ấy như thế nào, nó sẽ biến thành như thế ấy; nhưng vàng chẳng biến đổi, vẫn là chính nó, chẳng bị biến hóa, vĩnh viễn là trạm tịch linh minh, đó gọi là *"thường hằng"*.

(Sớ) Đại địa tuy kiên, nan đào Hoại kiếp, thị hằng nhi vị hằng. Kim thử trạm tịch, thôi chi vô thỉ, dẫn chi vô chung, cắng cổ cắng kim, tằng vô biến dịch. Cái thường nhiên chi hằng, vô hằng bất hằng, phi đối tạm thuyết cửu chi hằng, vân "thường hằng" dã.
(Diễn) "Nan đào Hoại kiếp" giả, dĩ Tam Tai đáo thời, Kiếp Hỏa đỗng nhiên, Tu Di thất kim tất vi hôi tẫn cố.
(疏)大地雖堅，難逃壞劫，是恆而未恆。今此湛寂，推之無始，引之無終，亙古亙今，曾無變易。蓋常然之恆，無恆不恆，非對暫說久之恆，云常恆也。

(演)難逃壞劫者，以三災到時，劫火洞然，須彌七金悉為灰燼故。

*(**Sớ**: Đại địa tuy cứng, khó tránh khỏi Hoại Kiếp, nên đại địa là "hằng" nhưng chưa "thường hằng". Nay sự trạm tịch này suy ngược lại thì không có khởi đầu, tìm không ra sự kết thúc, trải suốt xưa nay, chưa hề biến đổi. Cho nên nó là còn mãi lâu dài, không có "hằng" hay "chẳng hằng", không phải là so với sự tạm bợ mà nói là "hằng", nên bảo là "thường hằng".*

***Diễn**: "Khó tránh khỏi Hoại Kiếp" là khi Tam Tai xảy ra, Kiếp Hỏa đốt sạch, bảy chất báu như vàng v.v... nơi núi Tu Di đều cháy tan thành tro).*

Qua viễn vọng kính của thiên văn học ngày nay, chúng ta có thể thường thấy hiện tượng này. Tinh cầu có thành, trụ, hoại, không. Mỗi ngày trong không gian luôn phát hiện những ngôi sao mới, đó là "thế giới thành". Mỗi ngày cũng phát hiện nhiều tinh cầu bùng nổ, cháy rụi, đấy chính là Đại Tam Tai như trong kinh Phật nói. Vào thời Đại Tam Tai, Hỏa Tai cháy đến trời Sơ Thiền. Sơ Thiền Thiên có Hỏa Tai, Sơ Thiền là gì? Trong kinh nói tới "tam thiên đại thiên thế giới", trong ấy có Tiểu Thiên, Trung Thiên, Đại Thiên, được hợp thành như vậy. Đấy là nói về phạm vi thế giới lớn hay nhỏ. Tầng trời ở trên đỉnh của đại thiên thế giới là Tứ Thiền Thiên, tầng trời cao nhất trong trung thiên thế giới là Tam Thiền Thiên, tầng trời cao nhất trong tiểu thiên thế giới là Nhị Thiền Thiên, tầng trời cao nhất trong một đơn vị thế giới là Sơ Thiền Thiên. Một đơn vị thế giới giống như một Thái Dương Hệ hiện thời, nói tới Sơ Thiền Thiên là nói một Thái Dương Hệ. Một Thái Dương Hệ hủy diệt thì các hành tinh và vệ tinh trong ấy đều bị hủy diệt. Lửa có thể đốt cháy một Thái Dương Hệ. Một hệ thống tinh cầu bị bùng nổ, chúng ta có thể quan sát thấy hiện tượng thiên văn này. Khi nó bùng nổ thì cả một hệ thống tinh cầu không còn nữa! Hiện tượng này rất dễ hiểu, nhưng còn một hiện tượng khác rất khó thể tưởng tượng, chính là Thủy Tai có thể ngập đến Nhị Thiền Thiên. Thủy Tai như thế nào? Nó có thể hủy hoại một tiểu thiên thế giới, điều này chẳng thể nghĩ bàn. Phong Tai có thể thổi tan Tam Thiền Thiên. Nói cách khác, nó có thể thổi nát một trung thiên thế giới. Tứ Thiền Thiên gọi là Phước Thiên, thật sự có phước báo, không có Đại Tam Tai. Câu *"Kiếp Hỏa đốn nhiên"* (Kiếp Hỏa đốt sạch) chỉ Hỏa Tai trong Đại Tam Tai, nó có thể thiêu hủy một hệ thống tinh cầu, thiêu hủy một đơn vị thế giới.

Do đây có thể biết: Thế gian này không chỉ là "biển xanh, ruộng dâu"[24], thế giới này làm sao thường trụ được? Thế giới chẳng thường hằng, sanh mạng càng ngắn ngủi hơn. Lấy địa cầu để nói thì khoa học cận đại biết lịch sử của địa cầu là mấy ức năm, chúng ta chẳng sống trọn một trăm năm; nói đơn giản, thẳng thừng là tỷ lệ chẳng cân xứng! Do đây có thể biết: Trong thế gian không có một pháp nào tồn tại vĩnh viễn, nhưng thế gian thật sự có một thứ tồn tại vĩnh viễn, đó là tự tánh. Nó vĩnh viễn tồn tại, vĩnh viễn chẳng bị biến đổi. Chúng ta nói tới tinh cầu, nói tới địa cầu, nói tới sanh mạng của chúng ta, chúng đều là hữu hình, hữu tướng, những tướng ấy do đâu có? Duy thức sở biến. Những tướng hiện thời chúng ta thấy được gọi là "thô tướng", tâm cũng quá thô. Nếu quý vị quán sát tỉ mỉ, hết thảy các tướng đều biến đổi trong từng sát-na. Một giây trước và một giây sau chắc chắn khác nhau, cách quan sát này vẫn còn rất thô. Trong kinh dạy, trong khoảng khảy ngón tay có sáu mươi sát-na. Thứ gì đang biến đổi? Thức biến đổi, biến đổi trong từng sát-na.

Khi Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, tổ tiên người Trung Quốc cũng hết sức thông minh, họ biết [thế gian vô thường]. Căn bản to lớn của học thuật Trung Quốc là Dịch Kinh. Dịch Kinh nói gì? Dịch Kinh giảng về sự biến hóa của các quẻ. Suốt ngày từ sáng đến tối luôn biến hóa, niệm niệm đều biến hóa, chẳng có gì bất biến. Phật pháp nói *"biến"*, nền văn hóa cố hữu của Trung Quốc cũng nói tới biến đổi, không có thứ gì chẳng biến đổi, chỉ có Chân Như bổn tánh bất biến. Do vậy, nếu quý vị cầu nơi hiện tượng, mong nó vĩnh hằng, thường trụ, chắc chắn là sẽ chẳng tìm được chuyện ấy; bởi lẽ, nó là tướng hư vọng, chẳng phải chân thật, tuyệt đối chẳng có đạo lý tồn tại vĩnh hằng.

Trong quá khứ, sau khi đã thật sự thành tựu, nói chung là [những vị đã thành tựu ấy sẽ] giảng kinh, thuyết pháp hoặc trước thuật kinh luận lưu truyền hậu thế, giúp đỡ người đời sau, đấy là đúng. Còn ngày nay thì sao? Thưa với quý vị, không đúng, hoàn toàn là sai lầm, vì sao? Đã biến đổi rồi. Biến hóa, hoàn toàn thay đổi. Vì sao biến đổi? Ngày nay tà thuyết tràn ngập thế gian, làm thế nào mới có thể diệt sạch những tà thuyết ấy, khôi phục bổn lai diện mục của chúng ta? Cổ nhân cũng có nói một câu: *"Tận tín thư, bất như vô thư"* (hoàn toàn tin vào sách, chẳng bằng không có sách). Không có sách, tâm sẽ thanh tịnh, vì sao? Không có vọng niệm. Khi

[24] Nguyên văn *"thương hải, tang điền"* là một thành ngữ chỉ sự biến đổi cực lớn. Điển tích này xuất phát từ truyện Vương Viễn trong bộ Thần Tiên Truyện do Cát Hồng viết vào đời Tấn. Trong truyện ấy, tiên nữ Ma Cô nói tiên nhân Vương Viễn: *"Ta đã từng thấy biển Đông ba lượt biến thành ruộng dâu".*

đọc sách nhiều, vọng niệm quá đỗi! Quý vị thấy trong cuộc triển lãm sách ở thành phố Đài Bắc, mấy chục vạn cuốn sách được bày ra đó, thứ đó gọi là gì? Là một đống rác tư tưởng khiến cho đầu óc chúng ta u tối, ép chúng ta phải đi tới núi rừng, tới bên dòng nước cho yên tĩnh, vứt sạch những thứ ấy, bỏ sạch sành sanh. Có rất nhiều người khuyên tôi: "Pháp sư, thầy nên viết chút gì đó. Thừa dịp bây giờ thầy còn trẻ, đến lúc tuổi già, thầy sẽ chẳng muốn viết nữa". Tôi nói: "Về căn bản, tôi không có ý nghĩ ấy. Vì sao? Từ xưa, cổ nhân đã viết quá nhiều thứ khiến cho đầu óc chúng ta mê man, tôi còn muốn tăng thêm một tí nữa cho người đời sau è cổ gánh vác ư? Tội lỗi ấy lớn lắm. Chẳng thể tăng thêm nữa, đã nhiều quá rồi! Nếu chúng ta thật sự có chút gì vượt trỗi cổ nhân, cổ nhân chưa từng nói tới, thì có thể lưu lại một chút. Nếu những điều chúng ta nghĩ hay nói mà cổ nhân đã từng nói rồi, cần gì phải vẽ rắn thêm chân?" Chẳng có ý nghĩa gì cả!

Nhiều thêm một chuyện chẳng bằng giảm bớt một chuyện; nhiều thêm một cuốn sách chẳng bằng bớt đi một cuốn sách, khiến cho đầu óc của chúng ta mới có thể nghỉ ngơi, mới được thanh tịnh, mới được mở mang trí huệ. Do vậy, cổ nhân dạy người ta đọc sách, chỉ dạy quý vị đọc một thứ, chẳng thể dạy quý vị đọc mười thứ hay tám thứ, chẳng nên! Đọc một thứ sẽ mở mang trí huệ. Trong cuốn Duy Thức Tân Tải Hiệt Vựng, cư sĩ Đường Đại Viên đã nhắc tới đạo lý này. Vào đầu thời Dân Quốc, ông ta phê bình những khuyết điểm trong nền giáo dục hiện đại là ở chỗ nào, ông ta đã chỉ ra: Giáo học của Trung Quốc từ xưa đến nay, mà Phật pháp cũng vậy, nhằm mục đích dạy người ta mở mang Căn Bản Trí, dạy quý vị mở mang trí huệ. Mục tiêu giáo dục ngày nay là chỉ sợ quý vị tạp niệm và vọng tưởng chưa nhiều, nghĩ đủ mọi phương pháp tăng trưởng tà tri, tà kiến, tăng trưởng loạn tưởng cho quý vị, mục đích là như vậy đó. Mọi người lắm tri kiến, làm sao thế gian chẳng rối loạn? Thế gian loạn lạc là do đâu? Từ tri kiến rối loạn mà ra. Cách nhìn, cách nghĩ của mỗi người khác nhau, họ phải cãi cọ, cuối cùng là chiến tranh, đến cuối cùng sẽ hủy diệt thế giới, mọi người cùng chết sạch hết. Quý vị nói xem: Những người ấy rất thông minh, thông minh đến cực điểm, cuối cùng chết sạch hết, quá ngốc nghếch! Người thông minh chẳng làm chuyện ngu xuẩn ấy. Do vậy, tâm phải thanh tịnh, quý vị thấy thiên thứ nhất trong sách Sớ Sao hoàn toàn giảng về tâm thanh tịnh.

Ngoài Đại Tam Tai ra, kinh còn nói tới Tiểu Tam Tai. Tiểu Tam Tai tuy không nghiêm trọng như thế, chẳng đến nỗi hủy diệt Thái Dương Hệ. Khoa học gia hiện thời có khả năng hủy diệt địa cầu, nhưng chưa có

khả năng hủy diệt Thái Dương Hệ, họ còn chưa đạt tới bản lãnh ấy. Nói cách khác, những tai nạn này là Tiểu Tam Tai. Trong quá khứ, tôi đọc kinh, nghĩ không ra Tiểu Tam Tai là như thế nào, vì đức Phật nói có ba loại tai nạn:

- Thứ nhất là Đao Binh Kiếp, đao binh là chiến tranh. Thời gian bao lâu? Bảy ngày. Chiến tranh bảy ngày là loại thứ nhất trong Tiểu Tam Tai.

- Loại thứ hai là ôn dịch, thời gian ôn dịch bao lâu? Bảy tháng lẻ bảy ngày.

- Loại thứ ba là đói kém, tức là chết đói, thời gian bao lâu? Bảy năm bảy tháng lẻ bảy ngày.

Kinh Phật dạy như vậy. Khi ấy, tôi đọc cách nào cũng chẳng hiểu được! Chiến tranh bảy ngày thì tính là tai nạn gì đây? Xưa kia, chiến tranh giữa Trung Hoa và Nhật Bản kéo dài cả tám năm, dài hơn bảy ngày nhiều lắm. Tám năm mà còn chưa được coi là tai nạn lớn lao gì, vì sao bảy ngày được coi là Tiểu Tam Tai? Mười năm trước, tôi sang thăm Nhật Bản, đến thăm Quảng Đảo (Hiroshima) và Trường Kỳ (Nagasaki), tôi lập tức giác ngộ. Đối với Tiểu Tam Tai đã được nói trong kinh Phật, tôi liền lập tức hiểu ngay Tiểu Tam Tai như trong kinh Phật đã nói, đấy chính là chiến tranh hạch nhân (nuclear war, chiến tranh nguyên tử). Nó vẫn chưa phải là bảy ngày, chỉ là một trái bom nguyên tử. Những kẻ bị nhiễm phóng xạ nguyên tử sau một năm mà không có vấn đề gì thì mới có thể sống sót. Những người bị tổn thương do trúng bụi bức xạ của bom nguyên tử tuy người không chết, nhưng suốt đời tàn phế rất nhiều. Ôn dịch là gì? Chính là bụi nguyên tử, những thứ phiền phức này!

Những nơi bị trúng bom nguyên tử, sau tám năm đất mới mọc cỏ, mới có cây cối. Há chẳng phải là như kinh nói "bảy năm bảy tháng lẻ bảy ngày", cây cỏ chẳng mọc, làm sao con người chẳng đói? Đương nhiên bị đói khát. Ngày nào đó, chiến tranh thế giới thứ ba nổ ra, khi ấy chính là Tiểu Tam Tai như trong kinh Phật đã nói.

Đừng nói chi nhiều, trên địa cầu nếu trong vòng một tuần, hai ba trăm quả bom nguyên tử nổ thì xong luôn, bụi nguyên tử tràn ngập hư không, rớt xuống chỗ nào, nơi ấy chết sạch! Không nhất định phải là chỗ bị thả bom nguyên tử, bụi nguyên tử trên hư không bị gió cuốn đi, cuốn đến chỗ nào, người nơi ấy khốn khổ. Chỗ bị ném bom, trong tám năm cây cỏ không mọc được.

Do vậy, kinh Phật nói tới Tiểu Tam Tai chính là nói tới chiến tranh nguyên tử, hết sức đáng sợ! Người Nhật Bản biết sâu xa sự lợi hại của chiến tranh, nhưng họ chẳng giác ngộ, vẫn mê hoặc, điên đảo, những

người học Phật chúng ta phải hiểu rõ chuyện này. Do vậy, tìm kiếm sự vĩnh hằng trong tướng thế gian, sẽ chẳng tìm được. Thứ vĩnh hằng chính là chân tánh.

(Diễn) "Thôi chi vô thỉ, dẫn chi vô chung" giả, dĩ Chân Như tự thể, phi tiền tế sanh, phi hậu tế diệt, tất cánh thường hằng, bất đoạn, bất dị cố.

(演)推之無始，引之無終者，以真如自體，非前際生，非後際滅，畢竟常恆，不斷不異故。

(***Diễn**: "Truy ngược lại thì không có khởi đầu, kéo dài ra chẳng có kết thúc" là vì tự thể của Chân Như chẳng sanh trong lúc trước, chẳng diệt trong lúc sau, rốt ráo thường hằng, chẳng đoạn, chẳng khác).*

Nó là bất sanh bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng nhơ, chẳng sạch. Mấy câu này nhằm bảo quý vị: Tâm tánh hoàn toàn vượt khỏi tương đối, vượt khỏi tương đối mà cũng chẳng phải là tuyệt đối. Mầu nhiệm là mầu nhiệm ở chỗ này!

(Diễn) Vô hằng bất hằng giả, hằng ngoại hữu bất hằng, thử hằng diệc phi hằng. Hằng, bất hằng nhị biên câu khiển, nãi chân hằng dã.

(演)無恆不恆者，恆外有不恆，此恆亦非恆，恆不恆二邊俱遣，乃真恆也。

(***Diễn**: "Chẳng có hằng và bất hằng": Ở ngoài hằng mà có bất hằng thì hằng ấy cũng chẳng phải là hằng. Cả hai bên "hằng" và "bất hằng" đều chẳng còn thì mới là chân hằng).*

"Hằng ngoại hữu bất hằng" (Ở ngoài hằng có bất hằng) là tương đối. Hai bên đều phải tách lìa, chẳng rớt vào hai bên, đấy là pháp chân thật, đấy mới là vĩnh hằng thật sự. Chúng ta phải rất chú tâm thấu hiểu đạo lý này, phải đọc tụng kinh văn nhiều lượt, thấu hiểu cặn kẽ đạo lý trong ấy. Lại quán sát cảnh giới hiện tiền, cảnh giới hiện tiền là sự tướng, Sự chẳng lìa Lý, Lý chẳng rời Sự, Lý - Sự chẳng hai thì quý vị mới thật sự có chỗ khế nhập.

(Sớ) "Phi trược" giả, vân hữu, tắc bất thọ nhất trần. "Phi thanh" giả, vân vô, tắc bất xả nhất pháp.

(Diễn) "Vân hữu, bất thọ nhất trần" giả. Trược giả, hữu dã.

(疏)非濁者，云有則不受一塵。非清者，云無則不捨一法。

(演)云有，不受一塵者。濁者，有也。

*(**Sớ**: "Chẳng đục": Nếu nói là Có thì chẳng nhận mảy trần. "Chẳng trong": Nếu nói là Không thì chẳng bỏ một pháp.*

***Diễn**: "Nói là Có, chẳng nhận mảy trần", Trược là Có).*

"Trong, đục" có nghĩa là Có và Không.

(Diễn) Cụ túc chư pháp, phương vị chi hữu. Kim tự tánh ly nhất thiết pháp sai biệt chi tướng, sở vị phi hữu tướng, phi vô tướng, phi song diệc tướng, phi song phi tướng, phi nhất tướng, phi dị tướng, phi phi nhất phi dị tướng, phi nhất dị câu tướng, thị bất lập nhất trần phi hữu dã, hà trược chi hữu.

(演)具足諸法，方謂之有。今自性離一切法差別之相，所謂非有相，非無相，非雙亦相，非雙非相，非一相，非異相，非非一非異相，非一異俱相，是不立一塵非有也，何濁之有。

*(**Diễn**: Đầy đủ các pháp thì mới gọi là Có. Nay tự tánh lìa tướng sai biệt của hết thảy pháp, tức là: Chẳng phải là tướng Có, chẳng phải là tướng Không, chẳng phải là tướng cũng Có cũng Không, chẳng phải là tướng chẳng phải Có chẳng phải Không, chẳng phải là một tướng, chẳng phải là khác tướng, chẳng phải là tướng "chẳng phải một, chẳng phải khác", chẳng phải là tướng "vừa một vừa khác", do chẳng lập một trần nên chẳng có, còn có gì để nhơ đục nữa ư?)*

Mấy câu này hoàn toàn giống với những câu đã dùng trong kinh Bát Nhã, trực tiếp dạy quý vị hãy trừ sạch những vọng niệm cực vi tế. Phải nhớ: Chân Như bổn tánh là chân tâm của quý vị! Chân tâm của quý vị sạch sẽ, vốn sẵn thanh tịnh, *"chẳng nhận mảy trần"*. Nó vốn chẳng nhận nên chẳng nhiễm. *"Trược"* (濁) là gì? Trược là trong tâm có [những thứ gì đó]. Hễ tâm có, nó sẽ trược. Nay chúng ta chẳng những trong tâm đã có, lại chỉ sợ có chẳng đủ nhiều, vậy là không còn cách nào hết!

Cổ đức từng nói: *"Vị học nhật ích"* (Vì học mà ngày càng tăng trưởng), đó là pháp thế gian. Thế gian phải mong học hỏi, rất sợ chính mình hiểu biết chẳng đủ, pháp thế gian mà! Pháp thế gian là trược pháp, ngũ trược ác thế, trược pháp đấy! Chỉ sợ trược ác chẳng nhiều, phải gắng

học thêm. *"Vị đạo nhật tổn"* (vì đạo mà ngày càng giảm bớt): Học đạo thì đạo là tâm thanh tịnh, trong tâm thanh tịnh chẳng có bất cứ thứ gì, mỗi ngày bỏ đi, giảm bớt những thứ tạp nhạp, đấy là "học đạo". Người học đạo sợ có nhiều tri kiến. Hễ phân biệt, chấp trước, vọng tưởng nhiều sẽ chẳng thấy được đạo. Nếu bỏ sạch phân biệt, chấp trước, vọng tưởng thì đạo tâm hiện tiền.

Do vậy, vì đạo thì thanh cao (con người thanh cao), vì học thì ô trược. Đức Phật nói thế gian của chúng ta gọi là *"ngũ trược ác thế"*, lời nói ấy rất có lý. Tiếp theo, đối với nhiều điều đã nói như thế, có thể quy nạp lại thành chỉ còn một câu *"lưỡng biên bất lập, trung đạo bất tồn"* (hai bên chẳng lập, trung đạo chẳng tồn tại). Tách rời hai bên, trung đạo cũng chẳng có. Khi ấy, tâm thanh tịnh hiện tiền, trược còn đâu nữa?

(Diễn) Vân vô, bất xả nhất pháp giả, thanh giả, vô đã.
(演) 云無，不捨一法者，清者，無也。
*(**Diễn:** "Nói là không, chẳng bỏ một pháp": Thanh là không)*

"Thanh" (清) có nghĩa là gì? Khi trong tâm quý vị chẳng nhiễm mảy trần, lúc ấy, bất đắc dĩ, phải đặt cho nó cái tên là *"thanh"* (trong).

(Diễn) Bất lập nhất trần, phương vị chi vô.
(演) 不立一塵，方謂之無。
*(**Diễn**: Chẳng lập mảy trần mới gọi là "không").*

Chữ *"trần"* (塵) ở đây tượng trưng cho những gì rất ít, tức là một vi trần, một vi trần cũng chẳng thể kiến lập. Nếu quý vị lập ra một trần, sẽ gọi là *"trên đầu chồng thêm đầu"*, kinh Lăng Nghiêm gọi đó là *"tri kiến lập tri"* (từ nơi tri kiến đặt ra một cái thấy biết nữa). Tri kiến là gì? *"Thanh"* là tri kiến, trên đó đặt thêm một "trần", tức là trên tri kiến lại chồng thêm một cái biết, thì cái biết ấy là gì? Cái biết ấy là vô minh, là căn nguyên của Ngũ Trược. Chẳng thể kiến lập, chẳng lập một trần, đó gọi là Chân Vô, Chân Không.

(Diễn) Kim tự tánh mãn túc nhất thiết công đức, sở vị: Hữu đại trí huệ quang minh nghĩa cố, biến chiếu pháp giới nghĩa cố, chân thật thức tri nghĩa cố, thường lạc ngã tịnh nghĩa cố, nãi chí mãn túc vô hữu

sở thiểu nghĩa cố, danh vi Như Lai Tạng, thị bất xả nhất pháp phi vô dã, hà thanh chi hữu?

(演)今自性滿足一切功德，所謂有大智慧光明義故，遍照法界義故，真實識知義故，常樂我淨義故，乃至滿足無有所少義故，名為如來藏，是不捨一法非無也，何清之有。

*(**Diễn**: Nay tự tánh trọn đủ hết thảy công đức, nghĩa là: Có ý nghĩa đại trí huệ quang minh, có ý nghĩa chiếu trọn khắp pháp giới, có ý nghĩa chân thật nhận biết, có ý nghĩa thường - lạc - ngã - tịnh, cho đến trọn đủ chẳng sót nghĩa nào, nên gọi là Như Lai Tạng, là chẳng bỏ một pháp, chẳng phải là không, đâu còn có thanh!)*

Một đằng có, một đằng không, một đằng thanh, một đằng trược. Có, không, thanh, trược đều chẳng có. Khi ấy gọi là *"chân thanh"*, tức là trong trẻo thật sự. Phần trên đã nói *"chẳng nhận mảy trần"*, là nói theo tự thể, *"trược còn đâu nữa"* là nói theo Thể. Ở chỗ này nói: *"Vân vô, bất xả nhất pháp giả"* (Nói là không, chẳng bỏ một pháp), là nói theo tác dụng. Tác dụng của nó là có thể hiện ra y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Do vậy, chẳng thể nói nó là không. Tuy hiện ra y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, quý vị phải hiểu *"đương thể giai không, thật vô hữu nhất pháp khả đắc"* (bản thể của chúng đều là không, thật sự chẳng có một pháp nào để có thể được). Do vậy, nó lại là *"phi hữu"* (chẳng phải có). Phi hữu là phi vô, phi vô là phi hữu, hữu và vô có cùng một ý nghĩa, chứ không phải là hai ý nghĩa. Nay chúng ta không có cách nào lý giải được, bèn chấp chặt rằng hễ Có thì chẳng phải là Không, hễ Không thì chẳng phải là Có. Cho rằng Có và Không là hai ý nghĩa, chứ không phải một. Do vậy, chẳng thể vào được cửa. Khi nào hiểu được chúng vốn là cùng một ý nghĩa thì sẽ nhập môn. Quý vị thấy hễ nói tới hai bên, nói nó là Không, sẽ bèn có đạo lý của một cái Không; nói nó là Có, thì sẽ có đạo lý của một cái Có. Nói Không là nói theo bản thể, nói theo thể tánh. Nói Có là hoàn toàn dựa theo tác dụng để nói.

"Tự tánh mãn túc nhất thiết công đức" (Tự tánh đầy đủ hết thảy công đức): *"Mãn"* là viên mãn, *"mãn túc"* có nghĩa là không thiếu khuyết gì. *"Công"* là công năng, *"đức"* là tác dụng, đức dụng. Nó có công năng, có tác dụng, công năng lẫn tác dụng đều viên mãn, chẳng thiếu khuyết mảy may nào. Đây là nói tổng quát. Tiếp theo là nói riêng biệt, nêu lên mấy trường hợp để giảng. Nó có *"trí huệ quang minh"*, trí quang chiếu

trọn khắp, trong phần trước đã nói là *"huy thiên địa, thấu kim thạch"* (sáng ngời trời đất, xuyên thấu vàng đá). Đấy là trí huệ viên mãn của chính mình, chẳng phải do bên ngoài mà có. Trí huệ ấy ai nấy đều có, vì sao? Vì quý vị có tự tánh. Hiện thời, vì sao quý vị chẳng có trí huệ? Vì quý vị chẳng tin chính mình có tự tánh. "Tôi chẳng tin tôi có tự tánh, chẳng tin tôi có Phật tánh", xong luôn! Quý vị tuy có, vẫn chẳng thể hiện hữu.

Ví như trong túi quý vị đựng rất nhiều tiền, vào tiệm ăn, bụng đói meo muốn ăn một bữa mà [cứ tưởng mình] không có tiền, đáng thương quá! Trong túi có tiền, [cứ cho rằng mình] "không có!", đựng tiền đầy ắp, "không có, chẳng tin mình trong túi mình có tiền", còn có cách nào nữa đây? Vậy là quý vị vẫn đói lả, vẫn phải xin ăn. Cổ nhân ví von *"y lý minh châu"* (hạt châu trong chéo áo), chính mình quên phứt! Phàm phu chúng ta quên phứt tự tánh, cho nên mê, mê gì vậy? Mê tự tánh. Tánh đã mê, đương nhiên Tướng cũng mê! Một thứ mê, hết thảy đều mê. Một ngộ, hết thảy đều ngộ. Nếu giác ngộ được Tánh, Tướng quyết định chẳng mê. Vì sao? Tánh và Tướng là một Thể, chẳng phải là hai Thể, một ngộ, hết thảy ngộ!

"Biến chiếu pháp giới nghĩa, chân thật thức tri nghĩa" (Ý nghĩa chiếu khắp pháp giới, ý nghĩa nhận biết chân thật), Chân là chẳng vọng, Thật là chẳng dối, chẳng giả, *"thức tri"* là biết rõ hết thảy các pháp, không có gì chẳng rõ ràng. *"Thường, Lạc, Ngã, Tịnh"* là chân thường, Thường là vĩnh hằng, chân tâm là vĩnh hằng, có chân thường, chân lạc, có chân ngã, có chân tịnh. Trong Pháp Thân có "Thường, Lạc, Ngã, Tịnh", bốn thứ tịnh đức. Trong Bát Nhã cũng có "Thường, Lạc, Ngã, Tịnh", trong Giải Thoát cũng có "Thường, Lạc, Ngã, Tịnh", chẳng phải giả. *"Nãi chí mãn túc vô hữu sở thiếu nghĩa"* (Cho đến đầy đủ chẳng thiếu sót ý nghĩa nào): Không có gì chẳng đầy đủ. Do vậy gọi là Như Lai Tạng, Tạng (藏) có nghĩa là chứa đựng. Như Lai được cất chứa trong ấy, chứa ở đâu? Chứa trong chân tánh của chính mình. Tuy chứa trong đó, nhưng vì nó không có hình tích, nó chẳng phải là ý niệm, cũng chẳng phải hình tướng, quả thật là chẳng lập một trần, nhưng lại đầy đủ hết thảy, mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được! Do vậy, chẳng thể nói nó là Không, mà cũng chẳng thể nói nó là Có. Hai bên Có và Không đều nói chẳng được, hai đằng Thanh và Trược cũng chẳng nói được. Đấy là nói về *"phi trược, phi thanh"*, hai bên Thanh và Trược đều chẳng nói được. Tiếp theo, lời Sớ giảng về câu *"vô bối, vô hướng"*.

(Sớ) "Vô bối" giả, túng chi tắc vô sở tùng khứ. "Vô hướng" giả, nghênh chi tắc vô sở tùng lai. Ngôn tức thử linh minh trạm tịch giả, bất khả dĩ thanh trược hướng bối cầu dã. Cử thanh trược hướng bối, ý cai thiện, ác, thánh, phàm, hữu, vô, sanh, diệt, tăng, giảm, nhất, dị đẳng.

(疏)無背者，縱之則無所從去。無向者，迎之則無所從來。言即此靈明湛寂者，不可以清濁向背求也。舉清濁向背，意該善惡聖凡有無生滅增減一異等。

*(**Sớ**: "Không trái nghịch" là buông ra thì chẳng có gì để đi tới. "Không hướng về" là đón nhận nó thì chẳng có gì để theo đến. Ý nói cái "linh minh trạm tịch" này chẳng thể dùng thanh, trược, hướng về hay trái nghịch để cầu được. Nêu ra thanh, trược, hướng về, trái nghịch nhằm bao hàm các ý nghĩa như thiện, ác, thánh, phàm, có, không, sanh, diệt, tăng, giảm, một, khác v.v...)*

Mấy câu này hết sức quan trọng, có mức độ ý nghĩa khá sâu. Có thể nói là rất sâu, câu nào cũng đều miêu tả Chân Như bổn tánh. Chúng ta đọc rồi dẫu chưa thể minh tâm kiến tánh, nhưng đối với tâm tánh nói chung cũng biết được chút ít tin tức, có một tí mường tượng, sau đấy mới có thể tăng trưởng tín tâm.

(Diễn) Xả thử nhi hữu sở khứ, phương khả vị chi bối.

(演) 捨此而有所去，方可謂之背。

*(**Diễn**: Bỏ điều này rồi sẽ có cái để đạt đến thì mới có thể gọi là "trái nghịch").*

Kinh Kim Cang giải thích chữ Như Lai có hai ý nghĩa: Một ý nghĩa là *"Như Lai giả, chư pháp Như nghĩa"* (Như Lai là các pháp có ý nghĩa Như), đức Phật nói như vậy. Ý nghĩa khác là *"vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai"* (chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Như Lai). Hai ý nghĩa này thật ra vẫn là một. Ở đây, [ý nghĩa này] được diễn tả bằng từ ngữ *"vô bối, vô hướng"*, Bối là đi, Hướng là đến. Kinh Kim Cang hễ nói Như Lai thì là nói về Chân Như bổn tánh. Trong kinh có lúc nói Phật, có lúc nói Như Lai. Hễ nói tới Như Lai là nói về Tánh. Hễ nói Phật là nói về Tướng. Do vậy, cách sử dụng danh từ trong kinh bao hàm ý nghĩa rất sâu, quyết chẳng thể lẫn lộn được, chẳng phải là chỉ có một sự việc mà gọi bằng hai danh từ, hai cách nói ấy nhất định có hai ý nghĩa. Trước tiên, sách Diễn Nghĩa định nghĩa hai chữ Bối và Hướng; sau

đấy, quý vị lắng lòng quán sát, trong bổn tánh không có những ý nghĩa này, không có những hiện tượng này.

(Diễn) Kim tắc phỉ ly khuể bộ, dũng hiện bảo hoa, bất xuất hộ đình, vi nhiễu hàng thụ, tuy dục túng chi, tương khứ hà sở? Cố vô bối.

(演)今則匪離跬步，湧現寶花，不出戶庭，圍繞行樹，雖欲縱之，將去何所？故無背。

***(Diễn**: Nay chẳng rời một bước chân, hoa báu vọt hiện, chẳng ra khỏi sân, khỏi cửa, hàng cây bao quanh. Tuy muốn bỏ đi, chốn nào để về? Cho nên không trái nghịch).*

Câu này trước hết dùng tỷ dụ để nói. Tỷ dụ này chính là như kinh Lăng Nghiêm đã nói *"đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận"*[25], đó chính là ý nghĩa của hai câu này. Chẳng rời một bước, có nghĩa là chẳng đi. *"Dũng hiện bảo hoa"* là xuất sanh ở ngay nơi ấy. Chữ *"hoa"* chỉ các tướng biến hiện. *"Bất xuất hộ đình"*, Hộ (戶) là cánh cửa. Chúng ta mở cái cửa này, cửa có hai cánh thì gọi là Môn (門), một cánh thì gọi là Hộ. Đình (庭) là sân, [cửa và sân] đều là những thứ hết sức gần gũi. Chẳng rời khỏi cửa mà *"vi nhiễu hàng thụ"* (hàng cây bao quanh), tỷ dụ điều gì vậy? Tỷ dụ sâm la vạn tượng[26]. Quả thật chẳng rời khỏi sân và cửa, sâm la vạn tượng đã vây quanh. Những thứ ấy là gì? Đều là Tướng Phần của Chân Như bổn tánh. Có đi hay chăng? Không có ý nghĩa "đi".

"Tuy dục túng chi" (dẫu muốn bỏ đi), ta rất muốn tách rời nó, nhưng *"tương khứ hà sở"* (sẽ đi về đâu), có thể tách lìa được hay chăng? Chân Như bổn tánh giống như thái hư, chúng ta có trốn khỏi hư không được chăng? Thật ra, nó còn lớn hơn hư không. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật có nói một tỷ dụ, sánh ví hư không như một đám mây, Chân Như bổn tánh ví như hư không, rốt cuộc là mây lớn, hay hư không lớn? [Nếu so với chân tánh], hư không chẳng lớn. Càng nghĩ càng thấy tỷ dụ này đầy ý nghĩa, đức Phật quả thật là người rất thông minh, so sánh rất khéo. Làm

---

[25] Câu này có thể hiểu thô thiển là *"từ ngay nơi đây sanh ra, cũng sẽ diệt ở chính nơi đây"*. Hiểu sâu xa hơn thì như đại sư Ngẫu Ích đã giảng: *"Nói theo thể tánh thì gọi là Đương Xứ, chữ Xứ chỉ một niệm tâm tánh vốn sẵn thanh tịnh của chúng ta, trọn khắp pháp giới, nhưng một niệm tâm tánh bị nghiệp lực huân tập, khi nhân duyên đầy đủ sẽ hiện rất nhiều tướng, rất nhiều quả báo. Khi những cái nhân ấy kết thúc thì quả báo cũng chẳng còn nữa"* (dẫn theo lời giảng của pháp sư Tịnh Giới trong sách Lăng Nghiêm Tinh Hoa).

[26] *"Sâm la vạn tượng"* là thuật ngữ chỉ mọi hiện tượng, mọi vật chất trong vũ trụ.

sao mới có thể thấu hiểu ý nghĩa này? Chúng ta đem hư không so với Chân Như bổn tánh, nhìn vào đó, sẽ nhận biết được hư không thật sự. Ban đêm quý vị nằm mộng, trong mộng cũng có hư không thì cái hư không [trong mộng] của quý vị đem so với hư không [thật sự] giống như một đám mây. Quý vị cũng cảm thấy hư không [trong giấc mộng ấy] mênh mông không ngằn mé, nhưng thật ra nó chỉ là một đám mây. Suy xét cặn kẽ những điều trên đây, sẽ thấu hiểu được ý nghĩa trong kinh Phật.

Nay chúng ta cảm thấy hư không [trong thực tế] là vô lượng [nhưng đem so với Chân Như bổn tánh sẽ] giống như hư không trong giấc mộng [đem so với hư không thật sự], Chân Như bổn tánh của chúng ta giống như hư không trong hiện thực. Cái hư không do sáu căn của chúng ta cảm nhận, tiếp xúc, đúng là một áng mây mê trong Chân Như bổn tánh, đúng là như vậy đó, nhưng cái hư không ấy đã không có ngằn mé rồi! Do vậy, chẳng thể tách lìa [Chân Như bổn tánh] được! Tây Phương Cực Lạc thế giới tuy cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật, vẫn ở trong tự tánh. Nói cách khác, vẫn y như cũ là *"đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận"*. Sanh và diệt đồng thời; do đồng thời nên chẳng tìm được sanh diệt, đấy là bất sanh bất diệt. Bất sanh bất diệt và sanh diệt lại có cùng một ý nghĩa, chỗ này rất khó hiểu. Chúng ta luôn chấp trước "sanh là chẳng diệt, diệt là chẳng sanh". Vì sao sanh diệt là chẳng sanh diệt? Nói theo Tướng thì có sanh diệt, nói theo Lý thì chẳng có sanh diệt. Luận theo Tướng, sanh diệt đồng thời. Đã là đồng thời, hễ nói sanh thì đã diệt, nói diệt thì lại sanh rồi! Khi còn đang nói chưa xong thì nó đã biến đổi mất rồi, đấy đều là tướng chân thật! Đó là ý nghĩa của từ ngữ *"vô bối"*. Chúng ta lại xem ý nghĩa của từ ngữ *"vô hướng"*.

(Diễn) Nghênh chi nhi hữu tự lai, phương khả vị chi "hướng".

(演) 迎之而有自來，方可謂之向。

***(Diễn:** Khi đón tiếp mà có cái tự đến thì mới có thể nói là "hướng đến").*

"Hướng" (向) có nghĩa là đến, có nghĩa là "chính là". *"Bối"* (背) nghĩa là đi, có nghĩa là tách lìa. *"Vô bối, vô hướng"* là chẳng đến chẳng đi, chẳng phải chính là, chẳng phải tách lìa, mang ý nghĩa này.

(Diễn) Kim tắc vô hành vô trụ.

(演) 今則無行無住。

***(Diễn**: Nay thì không đi, không ở).*

Tướng "hành" và "trụ" đều chẳng thể được.

(Diễn) Như thị nhi lai, bất động, bất khởi. Như thị nhi lai, nhược dục nghênh chi, tùng hà sở nghênh? Cố vô hướng.

(演)如是而來。不動不起。如是而來。若欲迎之，從何所迎？故無向。

*(**Diễn**: Đến như thế ấy, chẳng động, chẳng khởi. Đến như thế ấy, muốn đón tiếp thì đón ở chỗ nào? Cho nên "vô hướng").*

Hành, trụ, động, khởi: *"Động"* là động tâm, *"khởi"* là khởi niệm, *"hành"* là hành động, *"trụ"* là có nghĩa là không hành động, chấm dứt. Khởi tâm động niệm là Hành, chẳng khởi tâm động niệm là Trụ. Trụ có nghĩa là Định, Hành có nghĩa là Động. Vì trong ấy (Chân Như bổn tánh) đã không có động, tịnh, Hành, Trụ, vậy thì [động, tịnh, hành, trụ] từ đâu mà đến? *"Tùng hà sở nghênh"* (đón ở chỗ nào). Mấy câu này quả thật là như Tâm Kinh đã nói: *"Bất cấu, bất tịnh, bất lai, bất khứ"* đều nói hết ra, *"cố vô hướng"* (cho nên không hướng đến). Những câu nói này đều dùng phương pháp nói gián tiếp, tương cận, giống như cách vẽ "đùn mây gợi trăng"[27] trong hội họa, nhằm hé lộ đôi chút bóng dáng của Chân Như bổn tánh cho chúng ta thấy, khiến cho chúng ta thấu hiểu. Giống như chẳng thể vẽ vầng trăng được, bèn vẽ một vài đám mây, trong ấy lộ ra một vòng tròn rỗng, trắng, [nhằm biểu thị] mặt trăng. Dùng phương pháp này [để mô tả vầng trăng]. Chân Như bổn tánh cũng không thể miêu tả được, bèn nói những thứ vụn vặt nhằm bảo với quý vị bất cứ thứ gì cũng chẳng phải [là Chân Như bổn tánh], qua những điều này [người nghe] sẽ hiểu được đôi chút Chân Như bổn tánh là như thế nào.

Hình dạng, ý nghĩa như vậy chỉ có thể thấu hiểu, chứ chẳng thể nói kể được, *"ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xứ diệt"*, dạy chúng ta thấu hiểu chân tánh, thấu hiểu chân tâm của chính mình. Chân tâm là Phật tánh của chính mình. Trong đây lại có một ý nghĩa sâu hơn nữa, tức là dạy quý vị phương hướng tu chứng. Chúng ta làm như thế nào để chứng đắc? Tiếp theo đó, sách viết: *"Cử thanh, trược, hướng, bối"* (Nêu lên trong, đục,

[27] Nguyên văn *"hồng vân thác nguyệt"* là một cách vẽ trăng truyền thống trong hội họa Trung Hoa (Quốc Họa). Để diễn tả vầng trăng, người ta vẽ một vòng tròn giữa các đám mây. Về sau, từ ngữ này cũng được dùng để chỉ những cách nói gián tiếp, tỷ dụ nhằm gợi ý cho người nghe hình dung được sự vật muốn diễn tả.

hướng về, trái nghịch), nêu lên những trường hợp ấy là vì ý nghĩa nào? Trong ấy bao gồm những ý nghĩa *"thiện, ác, thánh, phàm, có, không, sanh, diệt, tăng, giảm, một, khác"*, bao gồm những thứ ấy. Những điều này nhằm chỉ cho chúng ta một phương hướng tu hành, những điều này hoàn toàn thuộc về tương đối. Có hay không có chuyện ấy? Có, nếu quý vị chấp vào các thứ sự tướng sẽ chẳng thấy được Tánh. Lìa những sự tướng ấy, Tánh bèn hiện tiền; nhưng ở chỗ này phải chú ý: Quý vị chấp "có lìa" thì "lìa" vẫn là chấp, có hiểu ý nghĩa này hay không? "Ta lìa hết thảy tướng" vẫn là chấp, chấp gì vậy? Chấp vào "lìa hết thảy tướng", có thấy được Tánh hay không? Chẳng thể thấy được Tánh vì quý vị vẫn chấp vào Tướng. Ta chấp vào hết thảy tướng, đó là chấp tướng. Ta chẳng chấp hết thảy tướng thì "chẳng chấp hết thảy tướng" vẫn là chấp tướng, chấp vào cái "chẳng chấp hết thảy tướng". Do vậy, vẫn chưa thấy được! Chấp và chẳng chấp đều lìa thì mới thấy được. Nếu quý vị ghi nhớ câu nói này, quý vị lại trật rồi, bảo đảm quý vị chẳng thể thấy được tánh, vì sao? Quý vị lại chấp vào "chấp và chẳng chấp, hết thảy đều lìa". Quý vị lại chấp vào những điều này, bất luận như thế nào quý vị đều chấp. Đến cuối cùng nói như thế nào đây? Đem miệng treo lên vách tường, không nói nữa! Ngôn ngữ dứt bặt, tâm hạnh xứ diệt, sẽ thấy được tánh. Một câu cũng chẳng nói, trong tâm chẳng có một ý niệm nào, đó gọi là "thật sự chẳng chấp trước", như vậy mới là đúng.

Do vậy, quý vị thấy trong Thiền Tông, thầy dạy học trò, thầy hỏi vài câu, bảo học trò đáp. Trò vừa mới mở miệng, thầy liền chặn họng, giộng cho ba mươi cây hương bản. Trật rồi, vì sao? Kẻ ấy khởi tâm động niệm, toan nói năng; toan nói năng là chấp tướng. Chẳng mở miệng thì sao? Cũng bị đập ba mươi cây, cũng là chấp vào tướng. Hóa ra, nói thì cũng bị đập ba mươi cây, ngậm miệng cũng bị đánh ba mươi cây, giống như thầy chẳng đếm xỉa lý lẽ, thật ra, thầy thật sự có lý. Vì sao? Quý vị nói thì cũng chấp tướng, không nói cũng vẫn chấp tướng. Chấp tướng đáng bị đòn, phải đập cho tan sự chấp trước ấy, có ý nghĩa như vậy đó! Do vậy, người thông minh vừa bị đập liền khai ngộ, đại triệt đại ngộ, vì sao? Phá sạch vọng tưởng, chấp trước. Đây là phương pháp dạy học gọi là *"bổng hát"* (dùng gậy đập, quát nạt). Đây là một phương pháp, phương tiện dạy học, thầy cao minh lắm! Thiện tri thức thật sự! Nếu chẳng phải là chân thiện tri thức cao minh mà cũng học đòi sử dụng phương pháp này, hễ gặp ai đều đánh, có đánh đến chết, người ta cũng chẳng khai ngộ, sai mất rồi! Do vậy, phương pháp này chẳng thể áp dụng cho hết thảy căn tánh, chẳng thể thích hợp với hết thảy mọi người. Người sử dụng phải có trí huệ, phải

biết dùng, người tiếp nhận cũng phải có trí huệ, cũng có thể tiếp nhận. Thầy trò hợp đạo thì mới có thể thành tựu. Về sau, có những thiền sư cũng học đòi cổ đại đức, cầm gậy đập người, cũng chẳng thấy đập cho một ai khai ngộ, vậy là sao? Không biết dùng! Người dùng không có tư cách, không đạt đến trình độ, người học cũng không có trình độ ấy. Nói cách khác, chẳng nên đánh. Nên đánh thì phải có điều kiện để nên đánh, nên chửi thì cũng phải có điều kiện đáng chửi, có những người chẳng đáng mắng đâu!

Nhạc phụ (bố vợ) của lão cư sĩ Châu Kính Vũ là tiên sinh Chương Thái Viêm. Cụ Chương là một bậc đại sư về Quốc Học[28] của Trung Quốc vào đầu thời Dân Quốc, cụ từng bị Viên Thế Khải giam trong ngục hơn một tháng. Vì sao Viên Thế Khải giam cụ Chương? Muốn cụ chửi hắn một câu, nhưng cụ không chửi Viên Thế Khải, hắn chẳng đáng chửi mà! Viên Thế Khải tức gần chết, giam cụ trong ngục hơn một tháng, cụ vẫn chẳng chửi hắn, không có cách nào hết! Chửi vẫn phải có tư cách, nói cách khác, chẳng đáng cho ta chửi, không có cách nào hết! Chẳng đáng bị chửi, chẳng đáng để đánh, xong rồi! Đấy chính là như Nho Gia đã nói: *"Nhụ tử bất khả giáo dã"* (Trẻ ranh chẳng thể dạy được). Bởi lẽ, đánh chửi là phương pháp dạy học. Chẳng chịu đánh, chẳng chịu chửi vì kẻ ấy chẳng thể dạy. Chẳng thể dạy thì xong rồi, bỏ đi, bỏ mặc hắn. Vì nguyên nhân này, Viên Thế Khải giam cụ Chương hơn một tháng. Do vậy, phương thức "bổng hát" của nhà Thiền chẳng phổ biến đối với hết thảy mọi người. Những người có tư cách được tổ sư cầm gậy đánh đều gần như là nếu không đại ngộ thì nói chung sẽ có chút tiểu ngộ. Kẻ mê hoặc điên đảo chẳng đủ tư cách, tổ sư cũng chẳng thể mắng hoặc đánh kẻ ấy. Có chút tiểu ngộ, có một tí đại ngộ thì mới được nhận "bổng hát", mới có tư cách. Ở chỗ này, lời Sớ Sao đã hé lộ phương pháp tu học, nói chung là phải rời lìa.

(Diễn) Ý cai thiện ác phàm thánh đẳng giả.

(演) 意該善惡凡聖等者。

*(**Diễn**: Bao gồm những ý nghĩa: thiện, ác, phàm, thánh v.v... là...)*

[28] Quốc Học: Ngành học nghiên cứu về văn hóa và tư tưởng của cổ Trung Quốc bao gồm các lãnh vực triết học, tư tưởng, văn chương, thơ ca, hội họa, thư pháp, lễ nhạc, nghi tiết v.v...

Chữ *"đẳng"* chỉ những ý tiếp theo đó như *"có, không, sanh, diệt, tăng, giảm, một, khác"*.

(Diễn) Mạnh tử đạo "tánh thiện", Thiên Thai thuyết "tánh ác", nhất tắc tựu Sự tạo biên thuyết, nhất tắc tựu Lý cụ biên thuyết.

(演)孟子道性善，天台說性惡，一則就事造邊說，一則就理具邊說。

*(**Diễn**: Mạnh Tử nói "tánh thiện", ngài Thiên Thai nói "tánh ác" thì một đằng dựa trên phương diện "Sự tạo tác" để nói, một đằng dựa trên phương diện "Lý đầy đủ" để nói).*

Mạnh Tử là thánh nhân thế gian, *"nhân chi sơ, tánh bổn thiện"* (con người thuở đầu tánh vốn lành), Mạnh Tử nói như vậy. Thiên Thai là Trí Giả đại sư, Ngài nói tới *"tánh ác"*. Nói thật ra, lời Trí Giả đại sư dạy chẳng kém lời Mạnh Tử, hai vị đều nói đúng, chẳng mâu thuẫn. Chúng ta thấy hai cách nói này trái nghịch nhau một trăm tám mươi độ, thật ra, cả hai vị đều nói về cùng một chuyện. Vị này nói theo phương diện "Sự tạo tác". Vị kia nói theo phương diện "Lý đầy đủ". Vị nào nói theo phương diện "Sự tạo tác"? Thiên Thai đại sư nói tới Ác là nói theo phương diện "Sự tạo tác". Mạnh Tử nói theo phương diện Lý, *"nhân chi sơ, tánh bổn thiện"*, *"nhân giai hữu trắc ẩn chi tâm"* (ai cũng đều có lòng trắc ẩn), cho thấy tánh con người vốn lành. Nếu đổi ngược lại để nói thì sao? Mạnh Tử nói "tánh thiện" là nói theo phương diện "Sự tạo tác", ngài Thiên Thai nói "tánh ác" là nói theo phương diện "Lý đầy đủ", nói như vậy có hợp lý hay không? Cũng hợp lý, chẳng thể bảo là không hợp lý.

Nói theo về phương diện "Sự tạo tác" thì Ngũ Luân, Thập Nghĩa, Tứ Duy, Bát Đức[29], những điều lành thế gian, Ngũ Giới, Thập Thiện, tỳ-

[29] Ngũ Luân: Năm mối quan hệ căn bản giữa con người, tức là vua tôi, cha con, anh em, chồng vợ, bè bạn.
Thập Nghĩa: Mười nguyên tắc luân lý trong quan hệ giữa người với người, tức là cha từ, con hiếu, anh đối xử tốt với em, em kính trọng anh, chồng đối xử tình nghĩa với vợ, vợ biết nghe lời chồng, người lớn phải rộng rãi, kẻ nhỏ tuổi phải biết hiếu thuận, vua nhân từ, bầy tôi trung tín.
Tứ Duy: Bốn chuẩn mực đạo đức trọng yếu của con người, là Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ.
Bát Đức: Tám phẩm đức con người cần phải có, tức là Hiếu, Đễ (hòa thuận với anh em), Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ.
Nói chung, đây là những chuẩn mực đạo đức được mở rộng hay thu gọn từ khái niệm Ngũ Thường trong Nho Gia.

kheo, Bồ Tát, Cụ Túc Giới là Thiện. Nếu nói theo Lý để luận định tánh ác, thì Phật, Bồ Tát nếu chẳng phải là tánh ác thì làm sao có thể vào trong ác đạo độ chúng sanh? Vào trong ác đạo cũng phải có điều kiện của ác đạo. Ví như tôi muốn vào trong tù để độ chúng sanh, thì nhất định tôi phải phạm tội, làm chuyện xấu gì đó, để tôi bị tống giam, vào trong ngục sẽ đại chuyển pháp luân độ chúng sanh. Nếu không, quý vị không có điều kiện để đến đó. Nói chung là cố ý phạm một chút tội, để bị bắt giam vào ngục thì mới có thể ở cùng một chỗ với tội nhân để hằng ngày giảng kinh thuyết pháp cho họ.

Do vậy, quý vị phải hiểu: Phiền não chính là Bồ Đề. Bồ Tát muốn vào ác đạo độ chúng sanh thì từ trong cái tâm thanh tịnh lại phải lôi ra phiền não từ khi còn là phàm phu trong vô lượng kiếp trước, lôi ra để làm gì? Lôi ra để vào trong ba ác đạo giáo hóa chúng sanh, để có tư cách vào trong ba ác đạo.

Nếu vị ấy hóa duyên (duyên hóa độ) viên mãn, ngay lập tức sẽ biến ác nghiệp thành Bồ Đề, vượt thoát tam ác đạo, đó gọi là *"thừa nguyện tái lai"* (nương theo nguyện để trở lại). Phiền não ấy biến thành Bồ Đề, Bồ Đề biến thành phiền não, tùy lòng mong muốn mà chuyển biến, tự tại! Chẳng giống như phàm phu muốn biến mà biến chẳng được, không có cách nào hết, lại biến thành định nghiệp. Bồ Tát không có định nghiệp, mà là nguyện lực, tự tại biến hiện.

Do vậy, quý vị thấy cách nói này, nói như thế nào cũng đều suông, nói như thế nào cũng viên dung, không có câu nào chết cứng. Câu nào cũng đều hoạt bát sống động. Nay đã hết giờ rồi!

Tập 10

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ mười:

(Sớ) Cử thanh, trược, hướng, bối, ý cai thiện, ác, thánh, phàm, hữu, vô, sanh, diệt, tăng, giảm, nhất, dị đẳng.

(Diễn) "Ý cai thiện ác phàm thánh đẳng" giả, Mạnh Tử đạo tánh thiện, Thiên Thai thuyết tánh ác, nhất tắc tựu Sự tạo biên thuyết, nhất tắc tựu Lý cụ biên thuyết.

(疏)舉清濁向背，意該善惡聖凡有無生滅增減一異等。

(演)意該善惡凡聖等者。孟子道性善，天台說性惡，一則就事造邊說，一則就理具邊說。

*(**Sớ**: Nêu "thanh, trược, hướng về, trái nghịch", bao gồm những ý nghĩa thiện, ác, thánh, phàm, có, không, sanh, diệt, tăng, giảm, một, khác v.v...*

***Diễn**: Bao gồm những ý nghĩa thiện, ác, phàm, thánh v.v... Mạnh Tử nói tánh thiện, ngài Thiên Thai nói tánh ác, một đằng là nói theo phương diện "Sự tạo tác", một đằng là nói theo phương diện "Lý đầy đủ").*

Chúng ta đã từng thảo luận những ý nghĩa này. Nói thật ra, pháp giới quả thật là viên dung. Do vậy, cổ nhân nói *"viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên"* (người viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên mãn). Chúng ta bắt chước nói theo kiểu ấy: *"Viên nhân quán pháp, vô pháp bất viên", "viên nhân thính pháp, vô pháp bất viên"*. Nói cách khác, sáu căn của người viên mãn tiếp xúc hết thảy cảnh giới đều là viên dung tự tại, quyết định không bị chướng ngại. Cảnh giới ấy là cảnh giới Hoa Nghiêm, Lý - Sự vô ngại, Sự - Sự vô ngại, đấy mới tính là người khỏe mạnh, không bệnh tật gì! Nếu có chướng ngại, tức là có bệnh, chướng ngại là có bệnh. Không bệnh, lẽ đâu có chướng ngại? Giống như một người thân thể khỏe mạnh, huyết khí thông suốt chẳng bị chướng ngại. Nếu bộ phận nào đó trên thân thể bị chướng ngại, huyết mạch chẳng thông, sẽ đổ bệnh. Do vậy, người thật sự mạnh khoẻ là Phật và các vị đại Bồ Tát, các Ngài nhập Nhất Chân pháp giới. Từ đấy trở đi, hết thảy chướng ngại đều không còn. Nếu hiểu rõ đạo lý này, chẳng những chúng ta có thể nắm vững

một cương lãnh trọng yếu trong tu học mà đồng thời cũng có thể quán sát rất nhiều chứng bệnh của người tu hành ở chỗ nào. Nếu không thâm nhập các bộ kinh lớn, quả thật hết sức khó nhận biết vấn đề lớn này. Nói tới "tánh thiện" hay nói tới "tánh ác" đều là nói lệch vào một bên, nên Nho gia nói *"Mạnh Tử chủ trương tánh thiện"*, *"Tuân Tử chủ trương tánh ác"*, những cách nói như vậy đều chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa. Vì sao? Thiện và ác, trong tập tánh mới có, chứ trong bổn tánh chẳng có. Khổng lão phu tử cao minh hơn các vị này một bậc, Phu Tử nói: *"Tánh tương cận, tập tương viễn"* (Về tánh thì gần giống như nhau, do được rèn luyện mà trở thành khác nhau). Ngài không nói thiện hay ác, *"tương cận"* là không khác nhau lắm, Tánh là một, trong Phật pháp cũng nói hoàn toàn giống hệt như vậy. Khổng lão phu tử nói *"tánh gần giống như nhau"* [là nói về bổn tánh], nói tánh thiện hay tánh ác là nói về *"tập tánh"* (cái tánh do được huân tập, do được rèn luyện mà có), do huân tập nên khác nhau, chúng ta thường gọi tập tánh là "tập quen thành bổn tánh tự nhiên", *"thiếu thành nhược thiên tánh"* (tập quen từ nhỏ nên trở thành giống như bẩm tánh), đấy là tập tánh, chứ không phải bổn tánh.

Trong Phật pháp nói tới cả chân tánh lẫn tập tánh. Phật pháp nói Chân Như là nói đến bổn tánh, nói A Lại Da Thức là nói tập tánh. Vì sao? Trong A Lại Da Thức, thiện, ác, vô ký (không thiện, không ác) đều có. Do đây có thể biết: Thiện, ác, vô ký đều là tập tánh. Bổn tánh vốn sẵn có; tập tánh vốn không. Tánh của bổn tánh vốn là Không, nên gọi là Chân Không, bản thể của tập tánh là Không. Vì sao? Không có tự tánh; tập tánh không có tự tánh. Chúng ta nhất định phải nhận biết điều này. *"Ngài Thiên Thai nói tánh ác"* cũng là nói theo tập tánh, chứ không phải nói theo bổn tánh. Trong đoạn mở đầu lời Tựa này, Liên Trì đại sư nói tới *"tánh"* thì tánh ấy là bổn tánh, chứ không phải tập tánh.

(Diễn) Kim tắc như thật không trung, thiện ký bất lập, ác diệc hà tồn?

(演) 今則如實空中，善既不立，惡亦何存。

*(**Diễn**: Nay như trong Thật Không (Chân Không), thiện đã chẳng lập, ác cũng làm sao còn?)*

"Thật" là chân thật, chữ Không ở đây là Chân Không, do vậy gọi là Thật Không, đấy chính là ý nghĩa của chữ Không như trong Tâm Kinh đã nói: *"Sắc chính là Không, Không chính là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc"*, nói đến cái Không ấy. Nó chính là Chân Như

bổn tánh. Trong Chân Như bổn tánh, *"thiện đã chẳng lập, ác cũng làm sao còn?"* Cả hai bên thiện và ác đều tìm chẳng được, Thiền gia bảo *"một pháp chẳng lập, vốn chẳng có một vật"*. Đấy là chân tánh. Chúng ta phải tu, phải chứng điều này.

(Diễn) Tổ vân: "Khuếch nhiên vô thánh", phi thánh dã. Kinh vân: "Phàm phu giả tức phi phàm phu", phi phàm dã.

(演)祖云，廓然無聖；非聖也。經云，凡夫者即非凡夫；非凡也。

*(**Diễn**: Tổ sư nói: "Rành rành là không có thánh", nên chẳng phải là thánh. Kinh dạy: "Phàm phu tức chẳng phải là phàm phu" nên chẳng phải phàm).*

Nói rõ ý nghĩa sau đây: Trong Chân Như không có thánh mà cũng chẳng có phàm. Phàm và thánh bình đẳng. Bình đẳng được nói trong Phật pháp là bình đẳng thật sự, *"tâm, Phật, chúng sanh, ba pháp không sai biệt"*. Kinh Hoa Nghiêm nói tới sự bình đẳng thật sự, không có pháp nào chẳng bình đẳng. Trong bổn tánh, thiện - ác, phàm - thánh, đến - đi, tịnh - uế đều chẳng thể được, vốn không có một vật. Những thứ ấy đều không có. Những thứ ấy đều sanh từ Đệ Nhị Nghĩa. Trong Đệ Nhất Nghĩa, hoàn toàn không có.

(Diễn) Hữu vô như thượng.

(演) 有無如上。

*(**Diễn:** Hữu và vô như trên đây [đã nói]).*

Phàm - thánh, hữu - vô như trong phần trên đã nói.

(Diễn) Tánh vô tiền tế phi sanh dã, tánh vô hậu tế phi diệt dã.

(演) 性無前際非生也，性無後際非滅也。

*(**Diễn**: Tánh không có thời gian trước nên chẳng sanh, tánh không có thời gian sau nên chẳng diệt).*

Sanh và diệt đều chẳng thể được. Trong bổn tánh không có sanh hay diệt. Quý vị phải nhớ kỹ: Không có sanh diệt sẽ không có sanh tử. Phàm phu chúng ta chấp trước hiện tượng, cho là "có sanh tử", hết sức sợ hãi, hoảng hốt đối với sanh tử. Nếu thấu triệt đạo lý này, vốn không có

sanh tử, quý vị sẽ đoạn được ý niệm sợ hãi ấy, chẳng còn có ý niệm ấy. Đó là sự thật. Hiện thời, khi chúng ta thấy sanh, lão, bệnh, tử đều là huyễn tướng, chẳng phải là chân thật.

(Diễn) Bổn tự cụ túc.

(演) 本自具足。

*(**Diễn**: Vốn tự đầy đủ).*

Trong Chân Như bổn tánh có đầy đủ hết thảy pháp, chẳng thiếu khuyết mảy may nào. Do vậy, nói:

(Diễn) Vô pháp khả tăng, phi tăng dã. Bổn vô nhất vật, vô pháp khả giảm, phi giảm dã.

(演)無法可增，非增也。本無一物，無法可減，非減也。

*(**Diễn**: Không có pháp nào để có thể tăng, nên chẳng tăng. Vốn chẳng có một vật, chẳng có pháp nào để có thể giảm, nên chẳng giảm).*

Cổ đức nói: *"Tại thánh chẳng tăng, nơi phàm chẳng giảm"*, chẳng tăng, chẳng giảm.

(Diễn) Nhiễm tịnh thiên sai, phi nhất dã.

(演) 染淨千差，非一也。

*(**Diễn**: Do nhiễm và tịnh ngàn phần sai khác, nên chẳng phải là một).*

Đây là nói theo mặt Tướng, trong mười pháp giới, tứ thánh pháp giới thanh tịnh, lục phàm pháp giới ô nhiễm, thiên sai vạn biệt, xét về Tướng thì chẳng giống nhau nên Tướng *"phi nhất"* (chẳng phải một).

(Diễn) Nhất vị bình đẳng, phi dị dã.

(演) 一味平等，非異也。

*(**Diễn:** Một vị bình đẳng, nên chẳng phải là khác).*

Thể là bình đẳng, toàn là Tướng của Tánh [có biểu hiện sai khác]. Tướng do đâu mà có? Tướng ấy là Tướng của Tánh. Nhìn theo Tướng thì thiên sai vạn biệt, nhìn theo Tánh thì *"một vị bình đẳng"*, không hai,

không khác. Cổ nhân nói: *"Dùng vàng làm thành đồ vật, món nào cũng đều là vàng"*, chẳng khác nhau, *"chẳng phải là khác"*. Nếu nói, sẽ nói chẳng hết. Nêu lên mấy trường hợp, chúng ta hãy lắng lòng đọc kỹ vài lượt, tuy chẳng thể diễn tả Chân Như bổn tánh được, nhưng nói chung là có một phương cách để có tìm cầu, có thể biết đại khái. Đúng là giống như phương thức *"đùn mây để biểu lộ trăng"* trong hội họa khiến cho chúng ta có được một chút ý tưởng, ấn tượng. Vì sao chẳng thể nói được? Hai câu tiếp theo đây giảng rất rõ ràng!

(Diễn) Dĩ nhất thiết ngôn thuyết giả danh vô thật, đản tùy vọng niệm bất khả đắc cố.

(演) 以一切言說假名無實，但隨妄念不可得故。

*(**Diễn**: Do hết thảy ngôn thuyết là giả danh, không thật, chỉ thuận theo vọng niệm, nên chẳng thể đạt được).*

"Dĩ nhất thiết ngôn thuyết giả danh vô thật" (Do hết thảy ngôn thuyết là giả danh, không thật): Vì lẽ này, ngôn ngữ dứt bặt, *"đản tùy vọng niệm bất khả đắc cố"* (chỉ thuận theo vọng niệm nên chẳng thể được), tâm hạnh xứ diệt. Cảnh giới chân thật này ngôn ngữ chẳng thể diễn tả được, tâm tư chẳng thể tưởng tượng được. Chỉ cần quý vị khởi tâm động niệm là sai mất rồi! Chỉ cần quý vị kèm theo lời nói thì cũng sai, chắc chắn là chẳng thể được. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã dạy chúng ta một cương lãnh tu học, Ngài dạy chúng ta bất luận đọc kinh hay nghe kinh đều có ba cương lãnh quan trọng: Thứ nhất là *"ly ngôn thuyết tướng"*, tức là chẳng thể chấp vào ngôn ngữ. Thứ hai là *"ly danh tự tướng"* tức là đừng chấp vào những danh từ, thuật ngữ. Thứ ba là *"ly tâm duyên tướng"*, tức là trong tâm đừng suy lường những đạo lý ấy. Trong ấy không có đạo lý thì quý vị mới thấu hiểu được. Hễ quý vị khởi tâm động niệm thì đều là vọng tưởng. Mọi người nghe kinh chẳng thể khai ngộ là vì chấp vào tướng, chấp vào gì vậy? Chấp tướng ngôn thuyết, chấp tướng danh tự, chấp tướng tâm duyên. Chấp tướng nghe kinh, dẫu nghe suốt vô lượng lần ba đại A-tăng-kỳ kiếp vẫn chẳng thể khai ngộ, vẫn là phàm phu. Nếu lìa tướng nghe kinh, thưa với quý vị, nghe một lượt liền đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Khi nào thành Phật? Không thể nói nhất định, khi nào quý vị lìa tướng, khi ấy sẽ thành tựu. Nếu quý vị vẫn chẳng bỏ được, không chịu lìa, thời gian [để đạt đến khai ngộ] sẽ dài lắm. Do vậy, thành tựu hay không, thời gian dài hay ngắn, hoàn toàn do chính mình quyết định, chẳng phải do người khác, chẳng liên quan đến người hay cảnh, hoàn toàn do chính

mình! Phật pháp gọi là *"vô y đạo nhân"*, đúng là danh phù hợp với thật, tùy thuộc chính mình có thể bỏ lìa phân biệt, chấp trước hay là không?

Đoạn này nhằm giải thích ý nghĩa được bao hàm trong *"thanh, trược, hướng, bối"*. Những điều Ngài nói đều là tương đối, dùng tương đối để hiển thị tuyệt đối, đấy là một mánh khóe dạy học. Chỉ có dùng mánh khóe này thì bản thân chúng ta mới có thể khế nhập.

(Sớ) "Đại tai" nhị cú, tán từ.

(疏) 大哉二句，讚辭。

*(**Sớ:** Hai câu "lớn thay..." là lời ca ngợi).*

Hai câu này là lời tán thán, ý nghĩa cũng hết sức sâu. Trong lời Tựa có hai câu: *"Đại tai chân thể, bất khả đắc nhi tư nghị giả"* (Chân thể lớn lao thay! Chẳng thể nghĩ bàn được).

(Sớ) Đại giả, đương Thể đắc danh, cụ "biến, thường" nhị nghĩa, dĩ hoành mãn thập phương, thụ cực tam tế, cánh vô hữu pháp khả dữ vi tỷ, phi đối tiểu ngôn đại chi đại dã.

(疏)大者，當體得名，具遍常二義。以橫滿十方，豎極三際，更無有法可與為比，非對小言大之大也。

*(**Sớ**: Đại là căn cứ trên Thể mà đặt tên, nó có hai nghĩa Trọn Khắp và Thường Hằng, vì theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc tột cùng ba đời, lại chẳng có pháp nào có thể sánh bằng. Sự to lớn ấy chẳng phải là do so với nhỏ mà nói là "lớn").*

Nêu rất rõ ý nghĩa của chữ Đại này. Vì không có cách nào khác, bất đắc dĩ phải dùng chữ Đại này để làm từ ngữ tán thán. Đại ở đây không phải là lớn trong "lớn, nhỏ". Chữ "lớn" trong "lớn, nhỏ" là tương đối, vượt thoát khỏi "lớn, nhỏ" mới thật sự là lớn! Trong kinh Phật, chữ Đại trong Đại Phương Quảng mang ý nghĩa này. Trong kinh Lăng Nghiêm, chữ Đại trong Đại Phật Đảnh cũng mang ý nghĩa này, đều là xưng tán, xưng tán bản thể, xưng tán pháp tánh. Đều là *"đương Thể đắc danh"* (dựa trên Thể để đặt tên), *"cụ biến thường nhị nghĩa"* (có hai nghĩa Trọn Khắp và Thường Hằng), trong danh từ này, bao gồm hai ý nghĩa ấy.

(Diễn) Đương Thể đắc danh giả, Thường ngôn Đại giả, đối tiểu chi xưng, kim tắc bất nhiên, trực chỉ Tánh Thể, danh chi viết Đại.

(演)當體得名者，常言大者，對小之稱，今則不然，直指性體，名之曰大。

*(**Diễn**: "Do Thể mà được tên": Do Thường Hằng mà nói là Đại, ở đây không phải là do đối với nhỏ mà nói là Đại, mà là nhằm chỉ thẳng cái Thể của Tánh nên gọi là Đại).*

Câu này vừa đọc liền hiểu ngay, ý nghĩa đã giảng rồi.

(Diễn) "Cụ thường, biến nhị nghĩa" giả, Niết Bàn vân, sở ngôn Đại giả, danh chi vi Thường. Thử minh Thể vô biến dịch.

(演)具常遍二義者，涅槃云，所言大者，名之為常，此明體無變易。

*(**Diễn**: "Có hai nghĩa Thường Hằng và Trọn Khắp": Kinh Niết Bàn nói: "Nói là Đại, đó là tên gọi diễn tả ý nghĩa Thường Hằng, nhằm chỉ rõ Thể này chẳng biến đổi").*

Trong kinh Niết Bàn có mấy câu kinh văn giống như thế này, đại sư đặc biệt nêu ra để ấn chứng ý nghĩa của chữ Đại đang được nói ở đây. Kinh nói tới Đại thì có ý nghĩa là Thường, tức là nói: Thường là vĩnh hằng chẳng biến đổi, vĩnh viễn giống như thế. *"Thánh như thế, mà phàm cũng như thế"*. Thành Phật [thì Tánh vẫn giống] như thế đó! Dẫu có tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, đọa trong địa ngục A Tỳ, Tánh ấy vẫn là như thế, Thể của nó vĩnh viễn chẳng biến đổi. Ở đây, chớ có hiểu lầm; nếu hiểu lầm sẽ phiền phức lớn lắm! Vừa nghe nói phàm và thánh đều như nhau, vậy thì [đọa] địa ngục A Tỳ và thành Phật cũng chẳng khác nhau, ta tạo nhiều tội nghiệp hơn một chút cũng đâu có sao? Về Lý thì giống nhau, nhưng thụ dụng khác hẳn. Ví như ta hằng ngày, buổi tối đi ngủ nằm mộng, có người nằm mộng rất vui sướng, có người hằng ngày gặp ác mộng, toàn gặp phải yêu ma, quỷ quái, toàn là những giấc mộng kinh hoàng. Vậy thì cái tâm nằm mộng, tâm nằm mộng đẹp và tâm sanh ác mộng đều cùng là một cái tâm tạo ra giấc mộng, chẳng hai. Mộng đẹp do tâm quý vị biến hiện ra, ác mộng vẫn do tâm quý vị hiện ra. Nếu xét theo tâm để nói thì không hai, nhưng quý vị có thích hằng ngày gặp ác mộng hay không? Nếu quý vị không thích bị ác mộng, quý vị hãy nghĩ vào trong ba ác đạo giống như ngủ gặp ác mộng, chẳng dễ chịu đâu! Nói theo Lý thì không hai, nhưng trên mặt Sự, thụ dụng khác biệt lớn lắm. Sự thụ dụng trong ác đạo rất đáng sợ, quý vị đọc Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh sẽ hiểu ngay.

Đó là ác mộng, cơn ác mộng hết sức đáng sợ. Do vậy, phải hiểu: Tánh là một, nhưng Tướng có sai biệt. Do vậy, vẫn phải tu nhân, vẫn phải đoạn ác tu thiện thì mới có thể tương ứng với Phật pháp.

(Diễn) Hựu ngôn Đại giả, kỳ tánh quảng bác, do nhược hư không.

(演) 又言大者，其性廣博，猶若虛空。

*(**Diễn**: Lại nói Đại là vì tánh ấy rộng rãi, mênh mông dường như hư không).*

Đây là ý nghĩa thứ hai, tức là ý nghĩa *"biến"* (遍: trọn khắp), tận hư không, trọn pháp giới. *"Thường"* là nói theo phương diện thời gian, muôn đời chẳng biến đổi, chẳng cải biến.

(Diễn) Thử minh thể tánh châu biến.

(演) 此明體性周遍。

*(**Diễn:** Điều này nêu rõ thể tánh trọn khắp).*

Tận hư không, trọn pháp giới, mỗi một pháp trong pháp giới đều là vật được biến hiện bởi Tánh Thể (bản thể của chân tánh). Nói cách khác, chúng là Tướng Phần của Tánh Thể. Tánh Thể là con người thật sự của chính ta, nhận biết Tánh Thể thì mới thật sự kiến lập được nhân sinh quan và vũ trụ quan như các nhà khoa học hiện thời thường nói, mới có thể thật sự tìm ra ý nghĩa sanh mạng và ý nghĩa của đời người. Nếu chẳng đạt đến cảnh giới này mà bàn đến vũ trụ quan hay nhân sinh quan thì trong Phật pháp có hai chữ để phán định, tức là "hý luận", nói đùa ấy mà! Vì sao vậy? Về căn bản, quý vị không có trình độ, bàn đến những vấn đề này thì trình độ tối thiểu phải là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo mới được! Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, mới có tư cách thảo luận những vấn đề này. Nói cách khác, mang thân phận học sinh lớp Một chỉ có thể lắng nghe để học hỏi. Thảo luận những vấn đề này là chuyện của Phật và các đại Bồ Tát; biên bản ghi chép cuộc thảo luận của các Ngài là kinh điển Nhất Thừa, là kinh điển Đại Thừa như chúng ta thấy trong hiện tại.

Khi tôi chưa học Phật, rất thích đọc các sách Triết Học và Tâm Lý Học, tôi cảm thấy rất bội phục, rất tôn trọng; sau khi đọc kinh Phật, bỏ sạch những sách ấy. Bây giờ quý vị bảo tôi đọc lại một lượt, tôi không đọc, vì sao? Lãng phí thời gian, trong những sách ấy đều là phỏng đoán, bịa đặt, đều là những thứ Phật pháp gọi là *"hý luận"*, đều là đoán mò, suy

diễn. Tôi nghĩ như thế này, anh nghĩ như thế nọ, không có một ai nghĩ đúng cả. Nếu chúng ta hỏi: Những điều trong kinh Phật nghĩ có đúng hay không? Thích Ca Mâu Ni Phật có nghĩ đúng hay không? Cũng chẳng đúng! Nếu quý vị bảo là đúng, quý vị lại trật rồi! Rốt cuộc, gì mới là đúng? Đức Phật đã nói rồi đó, trong một đời Ngài chưa nói một câu pháp nào. Nếu ai nói Phật thuyết pháp tức là [kẻ đó] báng Phật. Đúng vậy, chẳng sai tí nào! Trong bốn mươi chín năm, đức Phật thật sự chưa từng nói một chữ nào! Nói suốt ngày từ sáng đến tối, nhưng không nói một chữ. Nếu quý vị hiểu được ý nghĩa này, thì đó là đúng. Nếu quý vị cho là Phật đã nói này nói nọ, tức là chấp vào tướng ngôn thuyết, chấp vào tướng danh tự, chấp vào tướng tâm duyên, có khác gì học thuyết thế gian đâu? Biến cả Đại Tạng Kinh thành hý luận! Bởi lẽ, đức Phật thuyết pháp ý nằm ngoài lời. Nếu quý vị hiểu được âm thanh nằm ngoài dây đàn, quý vị mới được coi là bạn tri âm. Chỉ có Phật, chỉ có Bồ Tát mới là tri âm của Phật. Đấy là chỗ khó khăn của Phật pháp, chỗ khó nhất trong tu học Phật pháp. Nếu chúng ta có thể thấu hiểu chỗ này, hướng về đây dụng công sẽ chẳng khó nữa. Do vậy, điều khó khăn trong Phật pháp là buông xuống.

Hôm nay có một vị cư sĩ đến chỗ tôi, gần đây, ông ta thường đến một ngôi chùa nhỏ, nghe nói nơi ấy rất vắng vẻ, tôi chưa từng đến đó, rất ít người đến nơi ấy. Ông ta tính làm cho ngôi chùa ấy được hưng vượng trở lại, tôi lắc đầu: "Không cần thiết!" Ngôi chùa ấy chỉ có một vị pháp sư, vị tỳ-kheo-ni ấy đã cao tuổi lắm rồi, bà ta muốn lập Niệm Phật Đường tại đó. Tôi nói: "Cần gì phải làm vậy?" Bà ta xuống tóc với pháp sư Quảng Khâm. Cụ Quảng Khâm là một vị cao tăng hữu đạo, năm nay đã hơn chín mươi bốn tuổi, thời gian Ngài trụ thế chẳng còn bao lâu nữa, vì sao không đến thân cận lão nhân gia? Chính mình muốn tách rời thầy để dựng một ngôi chùa nhỏ. Nếu bà ta thật sự giác ngộ Pháp Thân huệ mạng là khẩn yếu, sẽ nhanh chóng bỏ ngôi chùa nhỏ ấy. Ở phương Nam, hiện thời lão pháp sư đã lập một ngôi Niệm Phật Đường, nghe nói có sáu bảy chục người cùng tu ở đó, đến nơi đó sẽ tốt hơn nhiều! Chính mình dựng một ngôi chùa nhỏ, trong chùa củi, gạo, dầu, muối thứ gì cũng phải bận tâm. Bà ta đến nơi kia cùng đại chúng niệm Phật, chuyện gì cũng chẳng phải bận tâm. Suốt ngày từ sáng đến tối một câu A Di Đà Phật, chắc chắn vãng sanh, đấy mới là người thông minh. Ông ta lắc đầu, buông xuống không được! Buông xuống không được thì Tây Phương Cực Lạc thế giới chắc chắn chẳng có phần. Sau khi chết đi, ở nơi ấy, trên núi là nơi không có ai đến, cũng không có dân chúng qua lại nơi đó, chuyển thế đầu thai lần nữa, trên núi có những loài như sóc, chuột, rắn, trong nhà có gián, chỉ đành là

đầu thai vào những loài ấy, vì sao vậy? Bỏ không được nơi ấy, đáng thương! Thật sự đáng thương!

Lão hòa thượng Hư Vân cả đời đi khắp nơi dựng chùa, sửa miếu, tu bổ xong xuôi, ngay lập tức kiếm người trẻ tuổi nào không có chỗ trụ, mời đến giao lại, lão nhân gia bỏ đi. Chỉ cần xây dựng xong bèn bỏ đi, không hỏi đến nữa, như vậy là đúng, quyết định chẳng lưu luyến. Lập đạo tràng cho ai? Nhằm tạo thuận tiện cho người khác tu hành, cúng dường người tu hành trong mười phương, chính mình quyết định chẳng tiêm nhiễm, thân tâm thanh tịnh, lão nhân gia nêu tấm gương sáng cho chúng ta, phải bỏ được, phải buông xuống được! Người có thể buông xuống được sẽ thật sự có phước! Suốt ngày từ sáng đến tối đeo cõng cả đống bao, bị, người ấy đáng thương, chẳng có phước báo! Người có phước báo là người một thân thong dong, thân tâm không vướng mắc, người ấy có phước. Mê là gì? Ngộ là gì? Chúng ta phải có năng lực phân biệt, chọn lựa, phải thường tự mình phản tỉnh, phá mê khai ngộ.

Tánh đã đầy đủ hết thảy pháp, hết thảy pháp là vật được biến hiện bởi chân tánh. Do vậy, chớ nên tham luyến, chớ nên chấp trước. Năng biến (có thể biến hiện) chẳng phải là khuyết điểm mà là công đức. Sau khi biến hiện, người ta chấp trước, tham luyến, đó là bệnh, bệnh ở chỗ này. Tổ sư nói *"có thể sanh ra vạn pháp"*, đấy là công đức của nó, *"vốn sẵn thanh tịnh"*, *"vốn sẵn đầy đủ"*, *"có thể sanh ra vạn pháp"*, đó là công đức. Vốn chẳng có chấp trước! Ngài chẳng nói là vốn sẵn chấp trước, chẳng nói là sẵn có phân biệt, chẳng nói là sẵn có vọng tưởng, không hề có! *"Vốn sẵn thanh tịnh, vốn chẳng sanh diệt, vốn không có một hay khác"*, hãy quán sát từ những chỗ này thì nói chung sẽ giác ngộ đôi phần.

(Diễn) Vô pháp khả tỷ giả.

(演) 無法可比者。

*(**Diễn**: "Không có pháp nào có thể sánh bằng" là...)*

Pháp thế gian và xuất thế gian không có một pháp nào có thể sánh bằng chân tánh.

(Diễn) Thế gian tối đại, mạc nhược hư không. Kinh vân: "Mê vọng hữu hư không".

(演) 世間最大，莫若虛空。經云，迷妄有虛空。

*(**Diễn**: Lớn nhất trong thế gian, không gì bằng hư không. Kinh dạy: "Do mê vọng nên có hư không").*

Câu này trích từ kinh Lăng Nghiêm, hư không do đâu mà có? Sau khi mê bèn hiện ra vọng tướng (tướng hư vọng), tướng hư không. Do vậy, hư không có sanh diệt hay chăng? Có sanh diệt! Do hư không có thời gian tồn tại quá dài nên quý vị chẳng thể dễ dàng nhận biết được. Khi nào hư không diệt, quý vị liền thành Phật đạo.

(Diễn) Không nãi hữu thỉ, thử pháp vô thỉ.

(演) 空乃有始，此法無始。

*(**Diễn**: Hư không có khởi đầu, nhưng pháp này không có bắt đầu).*

Đây là nói hư không có khởi đầu, có kết thúc. Hư không có sanh, có diệt. Hư không bắt đầu từ lúc nào? Bắt đầu từ lúc chúng ta mê mất bổn tánh, khi nào hư không chẳng còn? Khi nào hoàn toàn giác ngộ bổn tánh, hư không sẽ chẳng còn nữa. Trong hết thảy pháp, hư không sanh đầu tiên; trong hết thảy pháp, hư không diệt cuối cùng. Do vậy, hư không được gọi là *"ngoan không"* (cái Không trơ trơ), chẳng gọi là *"chân không"*. Chân Không là nói tới tự tánh, không có sanh diệt, không đến đi, không đổi khác. Chân Không là quang minh, ngoan không tối tăm nên gọi là vô minh. Hư không của chúng ta là một khối đen kịt, gọi là vô minh. Nói đến hư không thì nó cũng có khởi đầu, *"không nãi hữu thỉ"*. *"Thử pháp vô thỉ"* (Pháp này không có khởi đầu): Chân Như bổn tánh vô thỉ, không khởi đầu đương nhiên cũng chẳng có kết thúc. Hễ có khởi đầu ắt phải có kết thúc.

(Diễn) Hựu vân: "Nhất nhân phát chân quy nguyên, thập phương hư không tất giai tiêu vẫn".

(演) 又云，一人發真歸元，十方虛空悉皆消殞。

*(**Diễn**: Lại nói: "Một người nhận ra lẽ chân, trở về nguồn thì mười phương hư không đều tiêu sạch").*

Đây cũng là câu trích từ kinh Lăng Nghiêm và kinh Lăng Nghiêm dạy: Một người thành Phật, nhà Thiền gọi *"phát chân"* là *"kiến tánh"*, chữ *"nguyên"* trong *"quy nguyên"* là bổn nguyên (nguồn cội gốc), tức là tự tánh. Khi ấy, mười phương hư không thảy đều tiêu sạch.

(Diễn) Không nãi hữu chung.

(演) 空乃有終。

*(**Diễn**: Hư không có kết thúc).*

Câu này có ý nghĩa giống như Vĩnh Gia đại sư đã viết trong bài Chứng Đạo Ca: *"Giác hậu không không vô đại thiên"* (Giác rồi, tam giới rỗng tan hoang). *"Phát chân quy nguyên"* là giác ngộ, đại triệt đại ngộ. Sau khi đại triệt đại ngộ, đại thiên thế giới không còn nữa, giống như người nằm mộng, chợt tỉnh giấc, tỉnh rồi cảnh giới trong mộng không còn nữa, hư không trong mộng cũng chẳng còn. Tất cả hết thảy pháp trong mộng đều là pháp sanh diệt, ngay cả hư không trong mộng cũng là pháp sanh diệt. Cảnh tượng ấy hết sức gần gũi [với những điều được diễn tả sau khi giác ngộ].

(Diễn) Không nãi hữu chung, thử pháp vô chung, thị "thụ cùng vô pháp khả tỷ" dã.

(演) 空乃有終，此法無終，是豎窮無法可比也。

*(**Diễn**: Hư không có kết thúc, pháp này không kết thúc, tức là "theo tột cùng chiều dọc, không có pháp nào sánh bằng").*

Trong phần trước nói đến "trọn khắp", là nói theo không gian, không có pháp nào có thể sánh bằng chân tánh. Ở đây là nói theo thời gian, cũng không có cách nào so sánh với chân tánh. Chân tánh không khởi đầu, không kết thúc, không trong hay ngoài. Những câu kinh được dẫn ở chỗ này đều trích từ kinh Lăng Nghiêm.

(Diễn) Hựu vân: "Thập phương hư không sanh nhữ tâm nội, do như phiến vân điểm thái thanh lý".

(演) 又云：十方虛空生汝心內，猶如片雲點太清裡。

*(**Diễn**: Kinh lại nói: "Mười phương hư không sanh trong tâm ngươi, giống như áng mây điểm giữa hư không").*

So sánh giữa hai thứ *"hư không"* và *"chân tánh"*, chân tánh quálớn. Chân tánh giống như trọn hư không, còn hư không hiện thời của chúng ta thì giống như một áng mây giữa hư không. So sánh giữa hư không theo sự cảm nhận của chúng ta và Chân Như bổn tánh thì quả thật rõ ràng là hư không quá bé nhỏ; nói đơn giản, thẳng thừng thì là tỷ lệ chẳng cân xứng.

(Diễn) Không nãi hữu tế.

(演) 空乃有際。

*(**Diễn**: Hư không có ngằn mé).*

Hư không có ngằn mé. Hiện thời, có rất nhiều nhà khoa học nhận biết hiện tượng này. Vũ trụ của chúng ta có ngằn mé. Khoa học thăm dò vũ trụ trong nhiều năm như vậy, chẳng thể không bội phục họ. Hư không quả thật có ngằn mé. Trong kinh Phật đã nói rõ ràng điều này từ lâu, nhưng ở ngoài ngằn mé lại có thứ khác, chứ không phải là chẳng có gì, có gì vậy? Chân Như bổn tánh không có ngằn mé. Khi nào quý vị có thể đột phá vũ trụ, nói thật ra, nhà Thiền gọi hư không là *"vô minh khoa"* (無明窠: cái ổ vô minh). Vượt thoát cái ổ vô minh ấy sẽ kiến tánh. Hiện thời, các nhà khoa học đã biết hư không có ngằn mé, điều này đúng là chẳng dễ dàng, họ thật sự rất thông minh. Tuy họ biết nó có ngằn mé, nhưng hiện thời, rốt cuộc ngằn mé là như thế nào, họ mò không ra! Chỉ là nói theo lý luận thì hư không có ngằn mé. Hiện thời, họ vẫn chưa hiểu rõ, chỉ là dựa trên lý luận để nói thì hư không có ngằn mé, chứ chẳng biết ngằn mé của nó nằm ở đâu! Có nhiều giả thiết (假設, conjecture, hypothesis), nhưng những giả thiết ấy hoàn toàn chưa khẳng định. Mai sau cũng sẽ có những nhà khoa học hay triết gia lại lật đổ những giả thiết ấy, lại có những thuyết mới được lập ra. Do vậy, khoa học chỉ suy luận, chứ chưa thể kết luận. Nói cách khác, đều là suy đoán, suy đến đâu bèn phát hiện đến đó, mò đến đâu bèn phát hiện tới đó, chưa có kết luận. Phật pháp đã có kết luận, quyết chẳng phải là đoán mò.

Những nhà khoa học hết sức thông minh, đáng tiếc là họ chẳng đọc kinh Phật! Nếu họ đọc kinh Phật, do họ trí huệ thông minh hơn những kẻ tầm thường như chúng ta rất nhiều, nếu họ học Phật sẽ dễ dàng lắm. Họ không có thiện căn, phước đức, nhân duyên, sanh trưởng trong những nơi không có Phật pháp, không có cơ hội tiếp xúc. Chúng ta sanh trưởng ở nơi có Phật pháp, đầu óc không được thông minh như họ, năng lực giác ngộ thua người ta. Do vậy, đem khoa học hiện đại đối chiếu với kinh Phật, chúng ta đúng là chẳng thể không bội phục Thích Ca Mâu Ni Phật, không nói được câu nào! Những phát hiện của các nhà khoa học đều chẳng thể vượt khỏi phạm vi Phật pháp. Nhiều học thuyết được nêu ra trong thời cận đại đều nằm trong Phật pháp!

(Diễn) Thử pháp vô tế, thị "hoành biến vô pháp khả tỷ" dã. Dụ kim, dụ nguyệt, diệc phục như thị vô khả tỷ dã.

(演)此法無際，是橫遍無法可比也。喻金喻月，亦復如是無可比也。

*(**Diễn**: Pháp này không bờ mé, tức là "theo chiều ngang trọn khắp, không có pháp nào có thể sánh bằng". Ví như vàng, ví như mặt trăng thì cũng giống như vậy: Chẳng thể sánh ví!)*

Hết thảy các tỷ dụ chỉ có thể sánh ví hơi giống, chắc chắn chẳng thể sánh ví phù hợp khít khao được, tức là chẳng thể so sánh được! Chúng ta chớ nên nghĩ tỷ dụ là chân thật, phải từ tỷ dụ mà ngộ nhập pháp chân thật thì mới thật sự lãnh hội tác dụng của tỷ dụ ấy. Đến đây là giảng về ý nghĩa của chữ Đại, nó có hai ý nghĩa Trọn Khắp và Thường Hằng. Lại coi phần giảng về *"chân thể"*.

(Sớ) "Chân" giả, bất vọng. Dĩ tam giới hư ngụy, duy thử chân thật.

(Diễn) "Tam giới hư ngụy, duy thử chân thật" giả: Hư giả, bất thật, như không trung hoa, bổn vô sở hữu.

(疏)真者，不妄。以三界虛偽，唯此真實。

(演)三界虛偽，唯此真實者：虛者不實，如空中花，本無所有。

*(**Sớ:** "Chân" là chẳng vọng. Do ba cõi hư dối, chỉ có pháp này là chân thật.*

***Diễn**: "Ba cõi hư dối, chỉ có pháp này chân thật": Hư là chẳng thật; như hoa đốm trên không vốn chẳng có).*

Đoạn này giảng chữ *"hư"* (虛). *"Không trung hoa"* là gì? Con mắt bị bệnh, thấy trên hư không có rất nhiều đốm sáng (hoa đốm) hiện ra, nhìn vào đèn, thấy đèn có quầng tròn. Thấy những hiện tượng ấy! Trên hư không có hoa đốm hay không? Không có! Nhưng con mắt quý vị thấy quả thật có hoa đốm. Khi mắt lành sẽ không thấy nữa, khi mắt bệnh sẽ thấy có. Ngọn đèn quả thật không có quầng tròn, nhưng mắt bệnh nhìn thấy đèn có quầng tròn; người bị bệnh mắt có kinh nghiệm ấy. Đó gọi là *"hoa"*. *"Quầng sáng"* là hư vọng, hoàn toàn chẳng có, nhưng quý vị lại thấy là có. Đó chính là ý nghĩa của chữ *"hư"*.

(Diễn) Ngụy giả, bất chân, như thâu tự kim, tất cánh phi kim.

(演) 偽者不真，如鍮似金，畢竟非金。

*(**Diễn**: Ngụy là không thật, như đồng thau trông giống như vàng, nhưng rốt cuộc chẳng phải là vàng).*

"Ngụy" (偽) là không chân thật, thường nói gộp chung là *"hư ngụy"*. Một đằng là về căn bản chẳng có, một đằng là quyết định chẳng chân thật. Hiện thời, hai chữ này hình dung điều gì? Tam giới! Trên sự thật, chúng ta rất khó thể hiểu được, cũng khá khó tiếp nhận. Trong tam giới gồm có lục đạo, Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, ba cõi chẳng chân thật, ba cõi là hư ngụy.

Các nhà khoa học cận đại có một tỷ dụ, tỷ dụ rất hay, gọi là Lịch Vũ Trụ (Cosmic Calendar), tức là từ khi bắt đầu có vũ trụ, một mực phát triển mãi cho đến thời gần đây, đem thời gian ấy chia thành một năm gồm ba trăm sáu mươi ngày, trong tháng nào đó, năm nào đó, vũ trụ phát triển như thế nào. Thời gian phát triển như thế nào? Mấy trăm ức năm được rút gọn thành ba trăm sáu mươi ngày. Trên địa cầu, từ khi có nhân loại cho đến nay, chiếm bao nhiêu thời gian trong Lịch Vũ Trụ? Trong vòng mười giây! Từ khi địa cầu có con người phát triển mãi cho đến ngày nay, từ thời gian ấy cho đến hiện tại chưa đầy mười giây! Nếu rút gọn thời gian như thế, sẽ rất gần gũi với cách nói trong kinh Hoa Nghiêm: Phá một vi trần, hiện ra vô lượng vô biên cõi nước, rất có ý vị, cho thấy hết thảy pháp hư vọng, chẳng thật. Đời người một trăm năm, [xét theo] Lịch Vũ Trụ thì chưa được một sát-na, mỗi một sát-na của người ta là mấy vạn năm. Đời người trăm năm, chưa đầy một sát-na, đâu có chân thật để đáng nói tới! Chúng ta phải giác ngộ.

Kinh Kim Cang giảng: *"Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ, diệc như điển, ưng tác như thị quán"* (Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như vậy). Lời nói này muôn vàn chân thật, xác đáng! Pháp hữu vi chỉ cho điều gì? Chính là tam giới. Tam giới là pháp hữu vi. Tam giới đem phân tích, chẳng ngoài tâm pháp, sắc pháp, tâm sở hữu pháp, bất tương ứng hành pháp. Lại thêm vào mấy thứ vô vi pháp (những pháp này thật sự chẳng phải là vô vi, chỉ là tương tự vô vi). Điều này cũng cho thấy tam giới chẳng phải là chân thật. Đã là hư ngụy, chẳng thật sự tồn tại thì nếu chúng ta phân biệt, chấp trước, tham luyến, há chẳng phải là lầm lẫn quá đỗi! Giống như nằm mộng, trong mộng là hư ngụy, trong mộng lo được, lo mất, trong mộng tranh danh, đoạt lợi, đánh nhau vỡ đầu, tuôn máu, tỉnh giấc bèn chẳng có gì hết, thứ gì cũng chẳng có, chuyện là như vậy đó! Đời

người như nằm mộng, mê hoặc, điên đảo! Giác ngộ rồi giống như tỉnh mộng. Đã tỉnh giấc mộng, thấy những cảnh giới trong mộng rất thú vị, du hý thần thông mà! Chính mình chẳng có chuyện gì hết, thấy người khác đang mơ giấc mộng lớn, thấy người khác đang điên đảo, thị phi, đấy chính là Phật, Bồ Tát. Tiếp theo, Ngài nêu lên mấy thí dụ trong thực tế.

(Diễn) Sở vị Thái Sơn hữu băng liệt.
(演) 所謂太山有崩裂。
*(**Diễn**: Như nói Thái Sơn có khi nứt sụp).*

Trong các rặng núi tại Trung Quốc, Thái Sơn (Đông Nhạc) là quả núi hết sức nổi danh trong Ngũ Nhạc, là một quả núi lớn. Thái Sơn có khi nứt sụp, hoàn toàn chẳng kiên cố.

(Diễn) Đại hải hữu khô kiệt.
(演) 大海有枯竭。
*(**Diễn**: Biển cả có khi khô cạn).*

Biển cả có lúc khô cạn, ở đâu biển cả khô cạn? Có đấy! Ở Trung Quốc, nổi tiếng nhất là Hàn Hải[30] nằm giữa Mông Cổ và tỉnh Cam Túc, là nơi tiếp cận tỉnh Sơn Tây, là một vùng sa mạc hết sức rộng lớn. Theo lịch sử ghi chép, trước kia nơi này là biển cả, hiện thời đã không còn nước nữa. Hoàng Hà thường ngập lụt, nếu có thể đem nước Hoàng Hà dẫn vào đó. Hiện thời, khi nào công trình thủy lợi có đủ sức sẽ dẫn nước Hoàng Hà vào nơi đó, vùng sa mạc ấy lại khôi phục, biến thành biển cả, có thể vĩnh viễn chấm dứt nạn lụt lội của sông Hoàng Hà, tạo thành một bình nguyên rộng lớn tại nơi đó. Chúng ta nghĩ đến chuyện sa mạc Hàn Hải vào thời cổ là biển cả. Hiện thời ở Phi Châu có khá nhiều sa mạc, hoặc sa mạc Đại Qua Bích (Gobi) ở Tân Cương, chỉ sợ rằng trong quá khứ chúng đều là biển cả. Quý vị nghĩ đến ngày nào đó biển cả khô cạn; đó gọi là *"thương hải, tang điền"* (biển xanh, ruộng dâu).

[30] Đúng ra, tên gọi nguyên thủy là Hãn Hải (瀚海), Hãn có nghĩa là mênh mông, bát ngát, lâu ngày bị đọc trại thành Hàn Hải (寒海: biển lạnh). Hãn Hải ở đây là một tên cổ của sa mạc Qua Bích (Gobi), khác với Hãn Hải (hồ Baikal) tại vùng Nga Á. Do sa mạc Gobi quá rộng nên đôi khi người Hoa tưởng lầm là có hai sa mạc Hãn Hải và Qua Bích khác nhau.

(Diễn) Nhất thiết vinh hoa, giai hữu suy tạ.
(演) 一切榮華，皆有衰謝。
*(**Diễn**: Hết thảy vinh hoa, đều có lúc suy sụp).*

Đây là nói về đời người. Con người thọ mạng càng ngắn ngủi hơn nữa. Nếu quý vị chú tâm suy nghĩ, vinh hoa, phú quý, như hoa Đàm thoáng hiện. Hoa Đàm nở trong một thời gian rất ngắn ngủi, nửa đêm hoa nở, ngày hôm sau đã không thấy nữa, chẳng còn nữa.

(Diễn) Nhất thiết quyến thuộc, giai hữu biệt ly dã.
(演) 一切眷屬，皆有別離也。
*(**Diễn:** Hết thảy quyến thuộc đều có lúc chia lìa).*

Phải giác ngộ! Tục ngữ có câu: *"Ân ái phu thê bất đáo đầu!"* [nghĩa là tình ân ái vợ chồng] chẳng thể tồn tại mãi được, rốt cuộc phải biệt ly. Đời đời kiếp kiếp làm vợ chồng là huyễn tưởng trong chuyện tiểu thuyết, chẳng phải là sự thật. Đừng tưởng là thật, quý vị tưởng là thật thì sai mất rồi, chẳng thật đâu! Truyện tiểu thuyết viết *"bảy đời làm vợ chồng"*, tiểu thuyết gia bịa chuyện nói càn, họ chẳng chịu trách nhiệm trước pháp luật, cũng chẳng chịu trách nhiệm nhân quả. Phật pháp nói *"duyên tụ, duyên tán"*, đã có tụ, lẽ đâu chẳng có tán? Do vậy, nhất định phải giác ngộ. Điều này giảng rõ trong tam giới, hữu tình và vô tình, sơn hà đại địa là vô tình, chủ yếu là khoáng vật, vô thường. *"Vinh hoa, suy tàn"* có thể ví với thực vật, *"hết thảy quyến thuộc đều phải chia lìa"* là động vật. Nay chúng ta chia [mọi pháp hữu hình trong vũ trụ] thành ba loại lớn: động vật, thực vật, khoáng vật, chúng đều chẳng phải là chân thật, đều phải hư hoại. Trong kinh Phật nói động vật có "sanh, lão, bệnh, tử", thực vật có "sanh, trụ, dị, diệt", khoáng vật có "thành, trụ, hoại, không", đều là vô thường, đều chẳng phải là chân thật, đều là tạm có, vốn là không!

(Diễn) Duy hữu Chân Như chư pháp trung thật.
(演) 唯有真如諸法中實。
*(**Diễn**: Trong các pháp, chỉ có Chân Như là thật).*

Nói đến Chân Như bổn tánh, ở trong hết thảy các pháp, bất luận động vật, thực vật, hay khoáng vật, trong hết thảy các pháp, chỉ có Chân Như bổn tánh là thật sự tồn tại, chẳng giả!

(Diễn) Sở vị "hữu vật tiên thiên địa, vô hình bổn tịch liêu, năng vi vạn tượng chủ, bất trục tứ thời điêu" thị dã.

(演)所謂有物先天地，無形本寂寥，能為萬象主，不逐四時凋是也。

*(**Diễn**: Nói "có một vật tồn tại trước khi có trời đất, vô hình, vốn vắng lặng, mênh mông, có thể làm chủ của muôn hình tượng, chẳng bị tàn tạ theo bốn mùa" chính là nói về nó đấy).*

Chữ *"vật"* (物) ở đây chỉ Chân Như bổn tánh, nó có trước trời đất, khi chưa có trời đất đã có nó. Nó là cái có thể biến (Năng Biến), trời đất là cái được biến hiện. *"Vô hình, bổn tịch liêu"*. *"Tịch"* (寂) là bất động, *"liêu"* (寥) là rộng lớn không có bờ mé. Chân tánh không có hình tướng, không chỗ nào chẳng trụ. *"Năng vi vạn tượng chủ, bất trục tứ thời điêu"*: Đây là bốn câu kệ của đại sư Tăng Triệu đã viết trong Triệu Luận. Ngài là đồ đệ của Cưu Ma La Thập đại sư, cũng là một vị thiên tài vào thời cổ ở Trung Quốc, là người thông minh tột bậc! Ngài tham gia đạo tràng dịch kinh của La Thập đại sư, là đệ tử đắc ý của La Thập đại sư, qua đời khi còn rất trẻ, ba mươi mấy tuổi đã khuất bóng, là người thông minh tuyệt đỉnh. Bốn câu kệ này miêu tả Chân Như bổn tánh. *"Vạn tượng"* chính là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. *"Năng vi vạn tượng chủ"*: Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do nó (Chân Như bổn tánh) biến hiện ra, nó là chủ thể có khả năng biến hiện (năng biến). *"Bất trục tứ thời điêu"*, *"điêu"* (凋) là điêu linh, biến đổi hư hoại. Muôn hình tượng bị biến đổi hư hoại, còn Chân Như bổn tánh chẳng biến đổi hư hoại, nên gọi là Chân Như. Nói những lời này, cho thấy căn cứ lý luận của kinh A Di Đà là Chân Như, là bổn tánh. Đã dựa trên Chân Như bổn tánh để kiến lập thì sử dụng phương pháp lý luận của bộ kinh này nhất định sẽ có thể minh tâm kiến tánh, nhất định có thể chứng được Chân Như. Chúng ta muốn kiến lập tư lương Tín trong ba món tư lương của bộ kinh này thì đã có căn cứ lý luận xác thực. Do vậy, mới nói: *"Tam giới hư ngụy, chỉ pháp này là chân thật"*.

(Sớ) Sở vị phi huyễn bất diệt, bất khả phá hoại, cố vân Chân dã.

(疏)所謂非幻不滅，不可破壞，故云真也。

*(**Sớ**: Đã nói là "chẳng phải huyễn, bất diệt" thì chẳng thể phá hoại, nên nói là Chân).*

Dưới đây là phần chú giải cho hai câu này, đại sư cũng nêu ra kinh luận để chỉ dạy chúng ta.

(Diễn) Phi huyễn bất diệt, xuất Viên Giác kinh.

(演) 非幻不滅，出圓覺經。

*(**Diễn**: Chữ "phi huyễn, bất diệt" lấy từ kinh Viên Giác).*

"Phi huyễn bất diệt" là một câu trong kinh Viên Giác.

(Diễn) Kinh vân: "Huyễn thân diệt cố, huyễn tâm diệc diệt. Huyễn tâm diệt cố, huyễn trần diệc diệt. Huyễn trần diệt cố, huyễn diệt diệc diệt. Huyễn diệt diệt cố, phi huyễn, bất diệt".

(演)經云：幻身滅故，幻心亦滅，幻心滅故，幻塵亦滅，幻塵滅故，幻滅亦滅，幻滅滅故，非幻不滅。

*(**Diễn**: Kinh dạy: "Do huyễn thân diệt, nên huyễn tâm cũng diệt. Do huyễn tâm diệt, nên huyễn trần cũng diệt. Do huyễn trần diệt nên sự hoại diệt hư huyễn cũng diệt. Do sự hoại diệt hư huyễn đã diệt, nên chẳng có huyễn mà cũng chẳng có diệt).*

Mấy câu kinh văn này ý nghĩa mỗi tầng một sâu hơn, có sự thú vị giống với phần *"lục kết tam không"*[31] trong kinh Lăng Nghiêm. Chữ *"thân"* chỉ thân thể Tứ Đại của chúng ta, tức nhục thân, đây là nêu lên một ví dụ nông cạn nhất để nói. Cái thân của chúng ta có sanh diệt, dẫu thọ mạng dài đến đâu vẫn có sanh diệt. Chư thiên thọ mạng dài, người trong Tứ Thiền Thiên thọ mạng càng dài hơn nữa, thân của họ có diệt hay không? Diệt chứ! Vẫn là có sanh diệt! Thọ mạng dài hay ngắn, thưa quý vị, cũng là hư vọng, chẳng thật. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ đạo lý này, thọ mạng sẽ không có dài hay ngắn. Nếu quý vị không tin tưởng, hãy tự thí nghiệm, sẽ hiểu liền. Khi quý vị nằm mộng, trong mộng, cổ nhân nói là *"hoàng lương mộng"* (giấc mộng kê vàng): Một chàng Tú Tài nghèo khổ nằm mộng thấy mình lên kinh đô dự thi. Thi đậu, được hoàng đế sủng ái, bổ làm Tri Huyện, làm quan khá lắm, mấy năm sau lại được thăng chức. Dần dần thăng đến chức Tể Tướng, dưới một người, trên vạn người. Làm Tể Tướng hai mươi năm cáo lão hồi gia, trở về quê hương. Quý vị hãy đọc

[31] Lục kết tam không: Lục kết là động, tịnh, căn, giác, không, diệt. Tam không là nhân không, pháp không, và nhân pháp câu không (nhân và pháp đều không).

chuyện Hoàng Lương Mộng. Khi tỉnh giấc, nồi hoàng lương tức cao lương mễ (hạt kê) nấu bên cạnh vẫn chưa chín, thời gian ấy bất quá mấy phút, mà trong mộng đã trải qua mấy chục năm. Trong mộng cảm thấy đúng là mấy chục năm, tỉnh giấc mới được vài phút, chẳng có dài hay ngắn gì hết!

Nay chúng ta thấy chư thiên thọ mạng dài ngần ấy, rất hâm mộ! Nếu quý vị là chư thiên, trong lúc hưởng thọ mạng ấy, sẽ cảm thấy chẳng khác gì hiện thời, hoàn toàn giống hệt nhau. Con phù du (con vờ) sống trên mặt nước, chạy qua chạy lại trên mặt nước, sáng nở, tối chết, tuổi thọ chỉ được mấy tiếng đồng hồ. Chúng nó thấy thọ mạng của loài người chúng ta giống như chúng ta quan sát thọ mạng [của chư thiên] trong cõi trời Ma Hê Thủ La (Maheśhvara: Đại Tự Tại Thiên), người ta thọ mạng dài ngần ấy, thần tiên quá! Loài phù du nhìn con người chúng ta, chẳng nghĩ là thần tiên ư? Chúng nó chỉ sống được mấy tiếng đồng hồ, chúng ta thọ mấy chục năm, [so với chúng nó] đâu khác gì thần tiên, há chẳng giống hệt như chúng ta nhìn Sắc Giới Thiên ư? Tuy vậy, cảm nhận của chúng nó hoàn toàn giống như chúng ta, chúng nó cảm nhận mấy tiếng đồng hồ là một đời, chúng ta sống mấy chục năm cũng là một đời, chư thiên sống mấy ngàn năm, mấy vạn năm, cũng cảm nhận chỉ là một đời. Trong khi cảm nhận, dài hay ngắn chẳng có gì khác biệt. Chúng ta so sánh thì thấy dường như khác biệt rất xa, nhưng sự cảm nhận chắc chắn chẳng khác biệt cho mấy! Chúng ta cảm thấy mấy chục năm như trong khoảng khảy ngón tay, họ cảm nhận bao nhiêu đại kiếp cũng giống như trong khoảng khảy ngón tay.

"Huyễn thân diệt": Thế nào là *"huyễn thân diệt"*? Duy Thức Luận nói rất hay, *"đệ bát thức tiên lai, hậu khứ, tác chủ công"* (thức thứ tám đến trước, đi sau, làm ông chủ). Khi đầu thai, thức thứ tám đến trước, đến khi chết, nó đi sau cùng. Quý vị phải hiểu: Năm thức trước, thức thứ sáu, và thức thứ bảy diệt trước. *"Huyễn tâm diệc diệt"*: Chữ *"huyễn tâm"* chỉ tâm phân biệt, tâm chấp trước, tâm vọng tưởng, chỉ cho những thứ ấy, tức thức thứ sáu, thứ bảy và năm thức trước. *"Huyễn tâm diệt cố, huyễn trần diệc diệt"*: "Trần" là gì? Khi Tứ Đại, Ngũ Uẩn phân tán, con người sau khi chết nhục thân cũng phân tán, cũng dần dần bị tiêu mất, huyễn trần cũng diệt luôn! *"Huyễn trần diệt cố, huyễn diệt diệc diệt"*: Đây là nói về "diệt kết" trong lục kết tam không, nói thật cặn kẽ.

Trong Phật pháp nói đến Lân Hư Trần, tức là cái nhỏ nhất trong những thứ cực vi, nó do đâu mà có? Nó là Tướng Phần, Tướng Phần do Kiến Phần biến hiện ra. Kiến và Tướng có cùng một nguồn. Trong Duy

Thức nói Kiến và Tướng đều do Tự Chứng Phần[32] biến hiện. Tự Chứng Phần là bản thể, Kiến Phần là tinh thần, là tâm pháp, Tướng Phần là sắc pháp. Tâm pháp và sắc pháp vốn là một pháp. Chữ "Kiến Phần" chỉ Kiến Phần của Thất Chuyển Thức (bảy thức trước, tức Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, Mạt Na) và A Lại Da Thức. Tướng Phần bao gồm hết thảy sắc pháp. Kiến Phần và Tướng Phần cũng diệt. Sự hoại diệt ấy chính là như Vĩnh Gia đại sư nói: *"Giác hậu không không vô đại thiên"* (giác rồi ba cõi rỗng tan hoang). *"Huyễn diệt diệt cố"*: Huyễn diệt cũng đã diệt rồi, cũng không có, đến cuối cùng trở thành gì? *"Phi huyễn, bất diệt"*, Chân Như bổn tánh chẳng phải là huyễn pháp, mà là gì? Nó chẳng phải là pháp hữu vi, *"hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*. Chân Như bổn tánh chẳng phải là pháp hữu vi, cho nên nó chẳng diệt.

(Diễn) Cái vị thử tánh vô hữu biến dị, tất cánh thường trụ.
(演) 蓋謂此性無有變異，畢竟常住。
*(**Diễn**: Ấy là nói tánh này chẳng đổi khác, rốt ráo thường trụ).*

Đây là nói về Chân Tánh, nói tới năng lực sẵn có của chúng ta, đấy mới là chính mình. Nhà Thiền gọi nó là *"bổn lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra"*, đấy là vị Phật sẵn có, là Như Như Phật, là Tự Phật, chẳng phải là Tha Phật.

(Diễn) Bất đồng chư huyễn chung tiêu diệt dã.
(演) 不同諸幻終消滅也。
*(**Diễn**: Chẳng giống với các huyễn, rốt cuộc bị tiêu diệt).*

Chẳng giống với hết thảy huyễn pháp, tức là chẳng giống hết thảy pháp hữu vi. Hết thảy pháp hữu vi sanh diệt, đổi khác, Chân Như bổn tánh quyết định không có sanh diệt, đổi khác. Do vậy, kinh Viên Giác gọi nó là *"chân tâm thường trụ"*, kinh Lăng Nghiêm cũng sử dụng danh từ *"chân*

[32] Tự Chứng Phần (còn gọi là Tự Thể Phần), Tự là Tự Thể, Chứng là chứng biết. Tự Chứng Phần chính là tác dụng tự nhận biết. Kiến Phần có tác dụng suy lường, nhận biết Tướng Phần (bóng dáng của lục trần được soi rọi vào các thức), nhưng chẳng thể tự biết chính nó cũng có những nhận thức sai lầm. Tự Chứng Phần là bản thể của sự nhận biết, là bản thể của Kiến Phần. Chia chẻ ra nhiều như vậy, chỉ nhằm giải thích tỉ mỉ tác dụng của tâm thức. Nhưng Kiến Phần, Tướng Phần, Tự Chứng Phần, Chứng Tự Chứng Phần đều là những thành phần của vọng tâm nên chúng đều bị diệt. Do chúng hư huyễn, nên sự hoại diệt ấy cũng là huyễn. Vì thế, gọi là *"huyễn diệt"*.

tâm thường trụ". Kinh Viên Giác dùng những từ ngữ như *"Viên Giác tánh"* hoặc *"tâm thanh tịnh"* đều nhằm chỉ nó. Trong kinh Di Đà, nó được gọi là *"nhất tâm bất loạn"*. Quý vị phải nhớ, nhất tâm bất loạn là chân tâm thường trụ, là Phật tánh của chính mình, là bổn lai diện mục của chính mình. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối cầm xâu chuỗi niệm Phật, cầu điều gì? Khôi phục bổn lai diện mục của chúng ta, khôi phục vị Phật sẵn có như đức Thế Tôn đã dạy, mang ý nghĩa này. *"Bất đồng chư huyễn chung tiêu diệt dã"*. Câu này nói rõ chân tánh chẳng phải là huyễn, cho nên nó chẳng diệt. *"Chẳng thể phá hoại"*, quyết định chẳng hoại. Hôm nay đã hết giờ rồi!

Tập 11

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ mười một:

(Sớ) Chân giả, bất vọng. Dĩ tam giới hư ngụy, duy thử chân thật. Sở vị: Phi huyễn bất diệt, bất khả phá hoại, cố vân Chân dã.

(疏)真者，不妄。以三界虛偽，唯此真實。所謂非幻不滅，不可破壞，故云真也。

*(**Sớ**: Chân là chẳng vọng. Do tam giới hư ngụy, chỉ có tánh này là chân thật. Có nghĩa là: Chẳng phải là huyễn, bất diệt, chẳng thể phá hoại, nên bảo là Chân).*

Trong đoạn chú sớ này, không chỉ đã dùng phương tiện thiện xảo nhất để chỉ rõ chân tánh cho chúng ta, đấy là chuyện rất chẳng dễ dàng, mà còn đồng thời dạy chúng ta phương pháp tu hành xảo diệu nhất. Nếu từ nơi đây, chúng ta có thể hiểu được những đạo lý, phương pháp, cảnh giới ấy, quả thật sẽ thụ dụng bất tận! Không chỉ thụ dụng một đời này chẳng hết, mà còn sẽ thuận buồm xuôi gió trên toàn bộ con đường Bồ Đề. Văn tự trong cả một đoạn lớn này đều nói về Chân Như bổn tánh.

"Tam giới hư ngụy": Trước hết, chúng ta phải nhận biết, lại càng phải nhận biết thân tâm của chính mình là hư huyễn, chẳng thật. Hết thảy pháp hữu vi, bao gồm tâm pháp, tâm sở pháp, sắc pháp, bất tương ứng hành pháp, tổng cộng gồm chín mươi bốn pháp, đều là từ hết thảy các pháp quy nạp thành. Hết thảy pháp, nếu nói rộng thì chúng là toàn thể vũ trụ, trong Phật pháp, nó được gọi là pháp giới; nói hẹp thì là mỗi cá nhân chúng ta. Mỗi người trong chúng ta và vũ trụ phức tạp giống hệt như nhau. Khoa học hiện thời cũng phát hiện: Kết cấu của thân thể con người và vũ trụ chẳng khác. Những nguyên tố được sử dụng để tạo nên thân thể con người và những nguyên tố của các tinh cầu trong đại vũ trụ cũng chẳng khác nhau. Do vậy, khoa học công nhận con người là đại vũ trụ thu nhỏ, đại vũ trụ là mỗi cá nhân chúng ta được phóng to, không hai, không khác. Trong hóa học, nếu đem phân tích thì nguyên liệu của hết thảy những vật chất trong thân thể chúng ta và cây cối hoa cỏ hoàn toàn tương đồng. Sự quan sát này quả thật rất giống như trong kinh điển Đại Thừa đã nói, nhưng khoa học gia vẫn chưa biết rốt ráo hết thảy pháp hữu vi ấy, còn Phật pháp

đã nói rốt ráo: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, *"hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*, chẳng chân thật.

Chúng ta học Phật, trước tiên phải tự giác, chúng ta nói tới Phật: *"Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn"*. Thứ nhất là phải tự giác, tự giác điều gì? [Tự nhận biết] bệnh tật trong cái thân hiện thời của chúng ta. Quý vị nhận biết chính mình có bệnh thì mới mong chữa trị, mới có hy vọng khôi phục sức khỏe. Nếu thân bị bệnh mà chính mình chẳng biết có bệnh, chẳng chịu cầu chữa trị thì người ấy gần như đã chết, chẳng có hy vọng gì! Do vậy, biết chính mình có bệnh, đấy là tự giác; chỉ sợ chẳng biết chính mình có bệnh, bệnh gì vậy? Mê là bệnh, bất giác là bệnh, phiền não là bệnh, tà kiến là bệnh, nhiễm ô là bệnh, quá nhiều! Phật pháp quy nạp bệnh tật thành ba loại lớn: Vô Minh, Trần Sa, Kiến Tư phiền não. Những bệnh này chẳng nhẹ! Từ vô thỉ kiếp đến nay, Pháp Thân huệ mạng của chúng ta đã mắc bệnh ngặt nghèo, đến hiện thời những căn bệnh ấy ngày càng nghiêm trọng. Do vậy, chính mình nhất định phải giác ngộ: Chúng ta quả thật có bệnh! Có bệnh thì mới cầu chữa trị.

Phật là đại y vương, chúng ta thỉnh giáo vị đại phu (thầy thuốc) ấy, dùng thuốc của Ngài. Phải dùng dược tánh từ những món thuốc của Ngài để chữa căn bệnh của chúng ta, ngàn vạn phần đừng lấy bã thuốc làm thuốc, kẻo hỏng bét! Thuốc Bắc đem sắc thành thang thuốc, quý vị đổ nước thuốc đi, ăn bã thuốc, càng ăn bệnh càng nặng hơn. Bã thuốc là gì vậy? Kinh điển giấy trắng mực đen là bã thuốc. Ở đây, chúng tôi thưa cùng quý vị: Ngôn thuyết là bã thuốc! Nếu quý vị đọc kinh, chấp vào tướng văn tự, nghe giảng bèn chấp vào tướng âm thanh, chấp vào tướng ngôn thuyết, chấp vào tướng văn tự, chấp vào tướng tâm duyên, sẽ giống như uống thuốc Bắc, sắc thuốc cẩn thận rồi đổ nước thuốc đi, nhai bã thuốc, làm sao lành bệnh cho được? Bệnh chỉ có nặng thêm! Nhất định phải giác ngộ [điều này].

Trong đại kinh nói rất hay, tổ sư cũng luôn trích dẫn ở đây. Chúng ta hãy đọc [những lời tổ sư dạy] trước, đọc xong, tôi lại hé lộ những tin tức ấy cho quý vị. Chân tánh là chân thật, chẳng phải hư vọng, chẳng phải là huyễn hóa, vì nó chẳng diệt. Đại sư dẫn một đoạn kinh Viên Giác, trong phần trước, chúng ta đã đọc đoạn này rồi.

(Diễn) Bất khả phá hoại, xuất Khởi Tín Luận.

(演) 不可破壞，出起信論。

*(**Diễn**: Câu "chẳng thể phá hoại" trích từ Khởi Tín Luận).*

Câu *"chẳng thể phá hoại"* trích dẫn từ một đoạn văn trong Khởi Tín Luận.

(Diễn) Luận vân: "Tùng bổn dĩ lai, ly chư danh tướng, tất cánh bình đẳng, bất khả phá hoại".

(演)論云：從本以來，離諸名相，畢竟平等，不可破壞。

*(**Diễn**: Khởi Tín Luận viết: "Xét từ gốc, nó lìa các danh tướng, rốt ráo bình đẳng, chẳng thể phá hoại).*

Đây là nguyên văn lời luận trong Khởi Tín Luận. Tiếp theo đó, đại sư giảng rõ ý nghĩa.

(Diễn) Cái vị thử tánh tại nhiễm bất phá, Pháp Thân bất hoại, bất đồng hữu vi khả phá hoại dã.

(演)蓋謂此性在染不破，法身不壞，不同有為可破壞也。

*(**Diễn**: Ý nói: Tánh này trong ô nhiễm chẳng bị phá, Pháp Thân bất hoại, chẳng giống như hữu vi có thể bị phá hoại).*

Tánh ấy chính là chân tánh, là bổn tánh của chúng ta. Nói rõ hơn một chút, nó chính là *"nhất tâm"* được nói trong kinh này. Nhất tâm bất loạn! Nhất tâm là bổn tánh, "nhất" sẽ chẳng thể phá hoại, còn "nhị" có thể bị phá hoại! Vì sao? Nhị có xung đột, còn trong Nhất không có xung đột. Do vậy, Nhất chẳng thể hoại. Lời tôi vừa mới nói đã hé lộ ý nghĩa: Bổn tánh, hoặc như trong Khởi Tín Luận gọi là bổn giác, *"tùng bổn dĩ lai, ly chư danh tướng"* (xét từ gốc, lìa các danh tướng). Nó không có danh tướng; Phật giả lập rất nhiều danh từ, chế ra rất nhiều danh tướng, vì sao? Vì quý vị mê mất bổn tánh, nên nay phải dùng những giả danh, giả tướng để giúp quý vị, hy vọng khơi gợi quý vị ngộ nhập bổn giác, ý nghĩa là như vậy đó! Quý vị chấp trước danh tướng, hỏng rồi! Ví như một người mắc bệnh, thân thể đang khỏe mạnh bỗng ngã bệnh, thầy thuốc kiếm những thứ dược thảo để trị bệnh cho quý vị. Quý vị phải biết tánh chất của thuốc ấy, dùng dược tánh để trị bệnh của mình, chớ nên ăn bã thuốc. Bã thuốc là gì vậy? Danh tướng là bã thuốc. Đừng dùng những thứ ấy, chúng là chướng ngại, là bệnh tật. Nếu quý vị chẳng giác ngộ, tưởng những thứ ấy "đây là Phật pháp có thể đoạn phiền não của ta", đúng là chẳng biết trên

phiền não lại tăng thêm phiền não, trên tri kiến chồng thêm tri kiến, trên chấp trước tăng thêm chấp trước, trên phân biệt lại thêm phân biệt, hoàn toàn đi ngược đường, cô phụ một phen hảo ý của Phật, Bồ Tát, đến cuối cùng đọa lạc, rớt vào địa ngục A Tỳ. Khi ấy, nếu Diêm Vương hỏi: "Ngươi tạo một thân đầy tội", [quý vị bèn oán trách]: "Tôi bị Thích Ca Mâu Ni Phật hãm hại", oan cho Thích Ca Mâu Ni Phật quá! Phật chẳng hại quý vị, mà là do quý vị chẳng biết giá trị! Quý vị không dùng thuốc, lại đi ăn bã thuốc, đương nhiên bệnh càng thêm bệnh. Nay chúng ta học Phật, thưa quý vị, đại đa số là đổ thuốc đi, ăn bã thuốc, đáng thương thay! Đa số là như vậy đấy.

Chân tánh là pháp bình đẳng, rốt ráo bình đẳng, tâm thanh tịnh bình đẳng, như Lục Tổ đại sư đã nói: *"Vốn chẳng có một vật"*, làm sao có thể phá hoại được? Thứ gì có thể phá hoại? Tâm phân biệt có thể phá hoại quý vị, sự chấp trước có thể phá hoại, vọng tưởng có thể phá hoại. Tam tâm nhị ý có thể phá hoại. Quý vị đạt đến nhất tâm thì người nào cũng chẳng có cách gì phá hoại quý vị được. Nhất đáng quý, Nhất là chân thật. Nói rốt ráo, tánh ấy là gì vậy? Quý vị phải nhớ kỹ, kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: *"Căn tánh của sáu căn là bổn tánh"*. Do vậy, trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật đúng là buốt lòng rát miệng, dùng những văn tự dài dằng dặc để mười phen chỉ rõ cái Thấy, chỉ rõ căn tánh của sáu căn là chân thật chẳng vọng, là bổn tánh của chúng ta, là nhất tâm. Nhà Thiền nói "minh tâm kiến tánh" là nói rõ điều này, thấy được điều này. Nhất tâm bất loạn của Tịnh Tông cũng nhằm nói về chuyện này, không hai, không khác! *"Cái vị thử tánh tại nhiễm bất phá"* (Ý nói: Tánh này trong ô nhiễm chẳng bị phá), quyết chẳng thể phá hoại. Dẫu đọa trong địa ngục A Tỳ, chân tánh không biến đổi. Từ trước đến nay, chân tánh cũng chẳng bị phá hoại. Vì sao? Nó là pháp vô vi, Chân Như vô vi. Do vậy, *"chẳng giống với hữu vi có thể bị phá hoại"*, *"nên nói là Chân vậy"*. Nó là thật, chẳng phải giả!

(Sớ) Thể giả, tận vạn pháp bất xuất nhất tâm chi Thể, Thể cai Tướng, Dụng, tổng nhi danh chi viết Chân Thể dã.

(疏)體者，盡萬法不出一心之體，體該相用，總而名之曰真體也。

*(**Sớ**: Thể: Trọn hết muôn pháp chẳng ra ngoài Thể của nhất tâm, Thể bao gồm Tướng và Dụng, gọi chung là Chân Thể).*

Câu này bao gồm quá nhiều ý nghĩa, nhưng những ý nghĩa ấy hết sức trọng yếu. *"Vạn pháp"* là hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian.

Không riêng gì hết thảy pháp do Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, mà bất cứ một pháp nào do mười phương ba đời hết thảy chư Phật trong tận hư không, trọn pháp giới đã nói cũng đều chẳng sót, đều bao gồm toàn bộ trong ấy, ở trong đâu? Trong nhất tâm. Người niệm Phật chúng ta cầu gì? Cầu nhất tâm. Chỉ cần quý vị chứng đắc nhất tâm, tận hư không, trọn pháp giới, mười phương ba đời hết thảy các pháp, pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều gồm trong ấy, quý vị đều đạt được. Do vậy, ở đây, đại sư nói:

(Diễn) Nhất thiết vạn pháp giai ngô tâm thể.
(演) 一切萬法皆吾心體。
*(**Diễn**: Hết thảy vạn pháp đều là tâm thể của ta).*

Là bản thể của nhất tâm.

(Diễn) Phi ly vạn pháp, biệt hữu tâm thể.
(演) 非離萬法別有心體。
*(**Diễn**: Chẳng phải là lìa khỏi vạn pháp mà có riêng một cái tâm thể).*

Hai câu này là căn cứ tu học nguyên thủy nhất, căn bản nhất của chúng ta. Nếu chúng ta hỏi: Tu nhất tâm ở chỗ nào? Phải tu trong hết thảy vạn pháp. Vì sao? Vì hết thảy vạn pháp là bản thể của nhất tâm. Tách lìa vạn pháp thì đến nơi đâu để tu nhất tâm bất loạn đây? Nhất tâm quá cao! Chúng tôi nói hạ thấp trình độ xuống cho mọi người đều hiểu, học Phật phải bắt đầu từ đâu? Bắt đầu học từ Giới, Định, Huệ, đấy là pháp căn bản nhất. Từ Tam Quy, Ngũ Giới, bắt đầu học từ đây. Tam Quy, Ngũ Giới là tu gì? Tu nhất tâm bất loạn. Chúng ta coi nhất tâm bất loạn là Đệ Nhất Nghĩa, Tam Học là Đệ Nhị Nghĩa, chúng ta bắt đầu thực hiện từ chỗ này. Học Giới - Định - Huệ bắt đầu từ đâu? Quý vị nhất định phải hiểu: Chẳng phải là nói tới Giới bèn phải tìm giới bổn của giới tại gia, giới Phạm Võng, chiếu theo đó để tu; nói tới Định bèn tìm kinh Lăng Nghiêm, tìm kinh điển Thiền Tông; nói tới Huệ lại tìm Đại Trí Độ Luận, Du Già Sư Địa Luận! [Nếu làm như vậy], quý vị đã hoàn toàn coi bã thuốc là thuốc mất rồi! Quý vị không hiểu! Nếu quý vị hiểu ý nghĩa này, quý vị đã chẳng còn là kẻ sơ học nữa.

Do vậy, tu hành phải hiểu bí quyết trong Hạnh Môn. Hôm nay, tại nơi đây, tôi truyền bí quyết cho quý vị. Thật ra, lịch đại tổ sư Trung Quốc đều biết, đều ứng dụng bí quyết này, nhưng ứng dụng linh hoạt xảo diệu

như trong mấy câu kinh Kim Cang sau đây: *"Bất thủ ư tướng, như như bất động"* (Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động). Quý vị hãy suy nghĩ, điều này có liên quan với hết thảy vạn pháp hay không? *"Chẳng chấp lấy tướng"*, chẳng chấp tướng gì vậy? Chẳng chấp tướng của vạn pháp. Tôi nêu ra một thí dụ: Chúng ta là người niệm Phật, vâng theo giáo hệ, học phái của Ấn Quang đại sư. Nếu bây giờ có một vị đại đức trong Thiền Tông đến giảng Thiền cho chúng ta, nói Tịnh Tông không hay, không cao minh như Thiền. Chúng ta nghe xong, làm như thế nào? Nhất định rất khó chịu, Tịnh Độ Tông của tôi thỉnh ông ta tới, ông ta phá hoại đạo tràng của chúng ta. Đúng hay không? Nhất định quý vị sẽ đáp là đúng. Đúng rồi! Ông ta đến nhiễu loạn, phá hoại đạo tràng của chúng ta! Nhưng người tu hành chân chánh thì sao? Không như vậy! Ông ta đến là như thế nào? Thành tựu Giới - Định - Huệ cho tôi! Quý vị có hiểu đạo lý này hay không? Đấy là tu hành, là dụng công!

Tôi học theo giáo hệ của Ấn Quang đại sư, học như thế nào? Cũng phải tuân thủ nguyên tắc: *"Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động"*. Những điều thuộc học phái của tổ Ấn Quang chúng ta đã đạt được rồi, đã nắm được tinh thần rồi. [Người tu] Thiền Tông đến giảng cho tôi một hồi, tôi vẫn *"chẳng chấp lấy tướng, như như bất động"*, đấy là thành tựu. Không chỉ đối với Thiền và đối với Tịnh quý vị chẳng chấp lấy tướng như như bất động, mà thậm chí từ ngoại đạo cho đến hết thảy pháp, hễ sáu căn tiếp xúc bất cứ thứ gì đều hiểu rõ ràng, đấy là Trí Huệ; như như bất động là Định, là Thiền Định. Trong ấy không có chấp lấy, bỏ, đó là Giới Luật. Trong hết thảy pháp chẳng có lấy hay bỏ, Giới Luật thành tựu. *"Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động"*, Định - Huệ thành tựu. Đó chẳng phải là tu hành ư? Đấy là như bậc cổ đức trong Thiền Tông nói: *"Hồng lô điểm tuyết, lập tức tiêu dung"* (Một mảnh tuyết rớt vào lò rực lửa sẽ tan lập tức), không có một pháp nào chẳng phải là Phật pháp. Nếu quý vị không hiểu thì có pháp nào là Phật pháp nữa đâu! Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa đều chẳng phải là Phật pháp, là bã thuốc, chẳng phải là thuốc! Người ta vứt đi, không cần đến, chớ nên dùng! Nếu quý vị hiểu đạo lý này, thật sự hiểu rõ đạo lý này thì trong mười hai thời, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần sẽ đều là tu Giới - Định - Huệ, đều là tu Văn - Tư - Tu, đều là tu nhất tâm bất loạn, đều là tu minh tâm kiến tánh, đều là tu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó gọi là tu hành.

Nếu chẳng hiểu, sẽ phiền phức lớn lắm! Học thứ gì trước, thứ ấy sẽ là chủ yếu, chủ yếu là gì vậy? Thành kiến! Thành kiến là gì vậy? Kiến Thủ

Kiến và Giới Thủ Kiến. Quý vị học Phật, học được điều gì? Tôi học được một đống Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến. Giới Thủ Kiến là thành kiến nơi nhân địa, tức thành kiến về sự tu nhân; Kiến Thủ Kiến là thành kiến về sự đắc quả. Quý vị học Phật là học được gì? Đâm ra từ sáng đến tối học những thứ ấy, học cả đống Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến. Học Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến, Tà Kiến. Năm loại Kiến này cần phải phá trừ, cớ sao lại tăng trưởng? Hằng ngày làm những chuyện đó, hằng ngày tu những thứ đó, chỉ sợ chẳng nhiều, có hỏng bét hay không? Niệm Phật như vậy, đừng nói niệm mấy chục năm, niệm mấy trăm năm, mấy ngàn năm, mấy vạn năm, công phu đều chẳng thể thành phiến được! Nhất định phải giác ngộ, chúng ta đời đời kiếp kiếp tu pháp môn Niệm Phật, nhưng lầm lẫn ở chỗ này, nếu nay vẫn chẳng hiểu rõ, vẫn chẳng sửa lỗi đổi mới, sẽ lại luống uổng đời này!

Học Phật trước hết phải trừ năm thứ Kiến Hoặc, đoạn được năm thứ Kiến Hoặc thì mới là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo. Chúng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, rất nhiều đồng tu đến hỏi: "Hiện thời con có được coi là thuộc địa vị Sơ Tín hay chưa?" Tôi hỏi: "Ông đoạn được năm thứ Kiến Hoặc hay chưa? Tám mươi tám phẩm đều đoạn sạch, khá lắm, ông là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo!" Chẳng thể không biết điều này! Hôm nay, tôi ở đây truyền dạy rõ ràng cho quý vị: Bất luận chánh kiến, tà kiến, thị kiến, phi kiến, chân kiến, vọng kiến đều nhất loạt chẳng chấp tướng, hễ chấp là sai rồi! "Ta chẳng chấp tà, còn chánh thì phải chấp chớ!" Phải bỏ chấp trước ấy đi! Chẳng phải là bảo quý vị hãy trừ bỏ cả tà lẫn chánh, mà là bảo quý vị hãy biện định tà - chánh. Đấy là trí huệ, hãy trừ bỏ chấp trước! Chẳng thể coi biện định tà - chánh là chấp vào tà hay chánh, [nếu hiểu "biện định" là "chấp vào"] thì sai mất rồi. Sai một chữ, mê mất Pháp Thân huệ mạng, hỏng rồi! Biện định tà - chánh, thị - phi, đấy là trí huệ. Hễ có chấp trước tà - chánh, chấp trước tà pháp hay chấp trước chánh pháp đều chẳng được! Quý vị có chấp trước đối với chánh pháp thì công phu sẽ bị chướng ngại. Ví như chúng ta niệm Phật, mức công phu tối thiểu là cầu đạt công phu thành phiến, chấp trước sẽ chướng ngại công phu thành phiến, chướng ngại nhất tâm bất loạn, đó là nghiệp chướng. Đức Phật đúng là buốt lòng rát miệng, trong kinh Kim Cang, Ngài đã dạy: *"Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp?"* (Pháp còn phải nên bỏ, huống hồ tà pháp). *"Ưng xả"* là chớ nên chấp trước. Chọn lấy điều lành để giữ chặt là phương cách chẳng đặng đừng dành cho hạng người mới học, chỉ hạn cuộc trong hàng sơ học. Phải thường nâng cao công phu, phải phá chấp trước. Phá Ngã Chấp sẽ đắc Sự nhất tâm bất loạn, phá Pháp Chấp sẽ

đắc Lý nhất tâm bất loạn. Nếu quý vị chẳng phá chấp trước, làm sao đạt được nhất tâm? Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, sẽ hiểu Lý Sự Vô Ngại và Sự Sự Vô Ngại đã nói trong kinh Hoa Nghiêm. Sở dĩ Lý và Sự biến thành chướng ngại đều là do chấp trước. Khử được chấp trước sẽ không có chướng ngại. Khử được chấp trước, quý vị sẽ đắc nhất tâm. Khử được chấp trước, quý vị sẽ thanh tịnh, bình đẳng, chẳng thể phá hoại quý vị được!

Hai câu này bao hàm hết sức nhiều ý nghĩa, rộng lớn, tinh tường, sâu xa, quý vị đồng học hãy ghi nhớ *"nhất thiết pháp giai ngô tâm thể, phi ly vạn pháp biệt hữu tâm thể"* (hết thảy các pháp đều là tâm thể của ta, chẳng phải rời ngoài vạn pháp lại có riêng một tâm thể). Chúng ta tu Giới - Định - Huệ, tu Văn - Tư - Tu, tu Nhất Tâm Bất Loạn, tu Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thể lìa hết thảy vạn pháp. Tách lìa hết thảy vạn pháp thì tu học ở đâu đây? Tánh và Tướng bất nhị. Tiếp theo đây, lão nhân gia dẫn dụng kinh văn từ Khởi Tín Luận để nói:

(Diễn) Tâm Chân Như giả.

(演) 心真如者。

*(**Diễn**: Tâm Chân Như là...)*

Tâm Chân Như là Lý nhất tâm bất loạn, là Lý nhất tâm.

(Diễn) Tức thị nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể.

(演) 即是一法界大總相法門體。

*(**Diễn**: Chính là Thể của pháp môn đại tổng tướng trong Nhất Chân pháp giới).*

Một câu A Di Đà Phật là bản thể của chân tâm, là Tâm Chân Như, là Nhất Chân pháp giới, đáng tiếc không ai biết! Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, sẽ niệm câu A Di Đà Phật tự tại, niệm đắc lực, niệm đến mức có thụ dụng.

(Diễn) Lăng Nghiêm vân: "Thử kiến cập duyên, nguyên thị Bồ Đề diệu tịnh minh thể".

(演) 楞嚴云：此見及緣，元是菩提妙淨明體。

*(**Diễn**: Kinh Lăng Nghiêm nói: "Kiến và duyên này vốn là bản thể mầu nhiệm sáng sạch của Bồ Đề").*

Đều là nói tới cùng một chuyện. *"Thử kiến"*: Chữ Kiến chỉ tánh thể, Duyên là hiện tượng. Dùng ngay câu văn trong phần trên để nói thì Kiến là Tâm Chân Như, Duyên là hết thảy pháp giới. Kiến Phần và Tướng Phần vốn là do *"Bổ Đề diệu tịnh minh thể"* biến hiện ra. Bổ Đề Diệu Tịnh Minh Thể là tên gọi khác của Chân Như bổn tánh. Chuyện này rất khó hiểu, chẳng dễ dàng lãnh hội được. Vì sao nói hết thảy sâm la vạn tượng đều là chính mình? Câu này cũng rất khó hiểu. Kinh Hoa Nghiêm nói *"tình dữ vô tình, đồng viên Chủng Trí"* (hữu tình và vô tình cùng viên mãn Chủng Trí), cũng nhằm diễn tả ý nghĩa này. Nói thật ra, không có cách nào diễn tả được, chẳng thể không dùng tỷ dụ để nói. Xét về tỷ dụ thì các vị đại đức từ xưa, cũng như trong kinh Phật, thường lấy mộng huyễn làm tỷ dụ, vì tỷ dụ ấy gần gũi, thích đáng nhất. Mỗi người đều nằm mộng, mỗi đêm chẳng biết có bao nhiêu giấc mộng? Đủ thấy tâm loạn lắm! Khi tỉnh mộng, quý vị hãy nghĩ đến ý nghĩa này trong Phật pháp để đối chiếu, sẽ hoảng nhiên đại ngộ. Chúng ta đem cái tâm tạo ra giấc mộng sánh ví Bổ Đề Diệu Tịnh Minh Thể, những cảnh giới, những nhân vật, sơn hà đại địa, hư không trong giấc mộng đều là Duyên. *"Thử Kiến cập Duyên"* (Kiến và Duyên này), cũng là một pháp giới. Trong mười pháp giới, hết thảy vạn pháp có phải do tự tâm biến hiện hay chăng? Sau khi quý vị tỉnh giấc, có pháp nào trong mộng chẳng phải là tâm thể của quý vị hay chăng? Pháp nào cũng đều là [tâm thể]. Đó gọi là *"ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm; ngoài mộng không có tâm, ngoài tâm không có mộng!"* Toàn bộ cái tâm khi ấy biến thành cảnh trong mộng. Tâm là Thể, cảnh trong mộng là Tướng Phần của tâm. Tánh chính là Tướng, Tướng chính là Tánh. Nếu hỏi: Tâm quý vị giống như thế nào ư? Cảnh trong mộng là Tướng của tâm, là hình dạng của tâm.

Nếu quý vị giác ngộ, quay đầu lại, Chân Như bổn tánh của ta có hình dạng ra sao? Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới hiện tại chính là nó đấy! Hình dáng của nhất tâm bất loạn là như thế nào? Thế giới ở ngay trước mắt chính là nó đấy! Thế giới ở ngay trước mắt là nhất tâm bất loạn ư? Chẳng sai chút nào! Lại còn thưa với quý vị, nó là Lý nhất tâm bất loạn đấy! Quý vị hãy nên hiểu rõ cách tu Lý nhất tâm bất loạn là như thế nào. Hiện tượng trước mắt là cảnh giới của Lý nhất tâm bất loạn, là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới hiện tiền, vì sao quý vị lại loạn? Nếu ở trong ấy mà quý vị khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước thì làm như vậy chính là quý vị tự chuốc phiền phức, chứ không phải là nhất tâm bị loạn! Trong phần trên, [sách Diễn Nghĩa] đã nói nhất tâm là *"phi huyễn, bất diệt"*, *"chẳng thể phá hoại"*. Nói minh bạch, rõ rệt

rằng: Chính quý vị rối loạn bước chân, chứ nhất tâm của quý vị chẳng loạn, chẳng hề bị hoại! Từ trong hết thảy pháp, quý vị có thể thấy rõ ràng, thường nói là *"khán phá, phóng hạ"* (thấy thấu suốt, buông xuống), giống như Lục Tổ đã nói: *"Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần"*, đấy chính là Lý nhất tâm bất loạn. Trong hết thảy pháp, quý vị vẫn còn phân biệt, chấp trước thì dù nhất tâm bất loạn hiện tiền, quý vị chẳng thể chứng đắc. Tuy Nhất Chân pháp giới hiện tiền mà quý vị chẳng thụ dụng được. Khổ thật đấy!

Tiếp theo đó, kinh văn càng nói rõ hơn, cũng giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói:

(Diễn) Hựu vân: "Nhất thiết phù trần chư huyễn hóa tướng, kỳ tánh chân vi diệu giác minh thể".

(演) 又云：一切浮塵諸幻化相，其性真為妙覺明體。

*(**Diễn**: Lại nói: "Tánh của các tướng huyễn hóa của hết thảy phù trần thật sự là cái Thể mầu nhiệm, giác ngộ, sáng suốt").*

Câu *"nhất thiết phù trần chư huyễn hóa tướng"* (các tướng huyễn hóa của hết thảy phù trần) nói về y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. *"Trần"* là Lục Trần, tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Nhỏ là thân thể của chúng ta, lớn là tận hư không, trọn pháp giới, đều là vật được biến hiện bởi chân tánh, *"kỳ tánh chân vi diệu giác minh thể"* (tánh của chúng thật sự là bản thể mầu nhiệm giác ngộ sáng suốt), nói rõ nó là chân tánh, là nhất tâm bất loạn.

Trong Thiền Tông có một câu chuyện nhỏ: Có vị thiền sư ở trong một túp lều tranh nhỏ trên núi, tu hành công phu cũng khá. Trong lều tranh có hai con cọp ở cùng Sư, có thể thấy thiền sư công phu khá lắm. Một hôm, có một vị đồng tham cũ đến thăm, bước vào lều tranh trông thấy hai con cọp, trong tâm rất hồi hộp. Người bạn cũ của người khách (tức vị thiền sư nuôi hai con cọp) bước ra: "A! Ông vẫn còn có thứ đó ư?" Trong tâm nghĩ: "Ngươi còn chưa buông xuống, ngươi còn có ý niệm [sợ hãi] ấy". Vị kia bước vào, được mời ngồi, Sư đi rót trà. Vị đồng tham kia cũng chẳng tỏ vẻ kém cỏi: "Ngươi nói tâm ta vẫn chưa thanh tịnh, trông thấy cọp vẫn còn sợ sệt một chút!" Lão nhân gia bèn viết một chữ Phật ở chỗ Sư ngồi. Sư đem trà ra, tính ngồi xuống, thấy trên chỗ ngồi có chữ Phật, chẳng dám ngồi. Ông kia nói: "Ông cũng còn cái đó ư?" Quý vị nghĩ xem, câu chuyện rất thú vị. Đó là gì vậy? Phân biệt, chấp trước vẫn chưa đoạn sạch. Trông thấy chữ Phật chẳng dám ngồi. vì sao viết chữ khác thì ông ta

dám ngồi? Vì sao vẽ thứ khác thì ông ta dám ngồi? Vẽ hoa sen ông ta liền đặt mông ngồi xuống, viết chữ Phật thì chẳng dám ngồi. Phân biệt, chấp trước còn chưa buông xuống được! Nếu thật sự buông xuống, tâm địa thanh tịnh, thứ gì cũng chẳng có, quý vị gặp cọp, cọp chẳng thể xơi quý vị, chẳng thể làm hại quý vị được. Những điều này đều nói lên tâm địa chẳng thanh tịnh. Do vậy, tâm thanh tịnh chẳng phải là chuyện dễ. Tu nhất tâm bất loạn ở chỗ nào? Tu trong cảnh giới. Vị thiền hòa tử[33] ấy chẳng gặp cọp, làm sao biết tâm của chính mình vẫn chưa thanh tịnh? Vốn tưởng mình rất thanh tịnh, khi cọp hiện diện, mới biết mình vẫn chưa được; công phu vẫn chưa đủ! Người kia cũng tự cảm thấy là mình khá lắm, viết chữ Phật lên chỗ ngồi liền chẳng dám ngồi xuống. Công phu vẫn chưa đạt, vẫn còn sai kém một chút!

Do vậy, nhất tâm bất loạn, Tam Học, Tam Huệ phải tu trong cảnh giới. Cổ đức thường nói *"lịch sự luyện tâm"* (trải qua sự việc để rèn luyện cái tâm). Luyện tâm gì vậy? Luyện nhất tâm. Trong hết thảy sự, trong hết thảy cảnh giới, nhận ra cái tâm quý vị có phải là một hay không? Nếu nói là "một" thì quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước, không có vọng tưởng, Sự Sự vô ngại! Đạt đến cảnh giới ấy chính là tu hành ở mức độ cao. Chưa đạt đến cảnh giới ấy, người ấy ắt phải theo một vị thầy, vì sao? Người ấy phân biệt chấp trước rất nặng, chưa thể bỏ được, phải theo một vị thầy. Theo một vị thầy thì người ấy chỉ có một món phân biệt, chẳng có hai món phân biệt, sẽ bình thường hơn. Ví như khi ngã bệnh, quý vị uống một loại thuốc, uống thuốc ấy rất đúng bệnh, rất hay. Nếu lại uống nhiều hơn một thứ thuốc, hai thứ thuốc ấy chẳng hợp nhau thì bệnh lại càng nặng hơn, cũng có trường hợp uống vô chết luôn! Do vậy, chẳng thể thân cận hai vị thiện tri thức, hai vị thiện tri thức là hai con đường [khác nhau].

Khi công phu chưa đạt đến mức, nhất định phải tuân theo một vị thầy, cổ nhân gọi đó là *"sư thừa"*. Kinh Hoa Nghiêm nêu lên thí dụ rất hay. Khi Thiện Tài đồng tử Căn Bản Trí chưa hiện tiền, học theo một vị thầy là Văn Thù Bồ Tát, chỉ học với một người. Người cao minh, tài cao, người ấy muốn dạy một học sinh, bèn hỏi: "Trong quá khứ ngươi đã thân cận những ai?" "Tôi đã thân cận những vị này nọ, đã đọc những thứ này nọ". Người ấy nghe xong: "Tốt lắm, khá lắm! Ngươi rất khó có, ngươi đi đi!" Khen ngợi quý vị một phen, vì sao? "Hết thuốc chữa rồi, quá loạn!

[33] "Thiền Hòa Tử" là tiếng để gọi những người tu Thiền, Hòa là hòa khí, mang ý nghĩa những người tu Thiền cảm thấy đồng bạn thân thiết như anh em nên gọi nhau là "Thiền Hòa Tử".

Ngươi có quá nhiều thành kiến, không có cách nào cứu được hết, cứu chẳng nổi!" Nếu quý vị nói với vị ấy: "Trong quá khứ, tôi chưa từng thân cận một ai, thứ gì cũng chưa từng xem". A! Học sinh ngoan, ngươi hãy theo ta, ngươi vĩnh viễn đừng lìa bỏ. Người ấy tích cực dạy quý vị, vì sao? Có thể đào tạo. Chỉ cần quý vị chịu phát nguyện, chịu dụng công, nhất định có thể dạy quý vị thành tựu. Cổ nhân Trung Quốc gọi chuyện này là *"sư thừa"*.

Đến khi quý vị tốt nghiệp, tiêu chuẩn tốt nghiệp là gì? Căn Bản Trí hiện tiền, tâm thanh tịnh rồi. Lại nói rõ hơn một chút, tức là có thể thật sự đạt đến *"chẳng chấp lấy tướng, như như bất động"*, được rồi đấy! Vậy là mới có thể tốt nghiệp, khi ấy có thể đi tham học, bất luận là ai cũng đều có thể nghe, đều có thể gặp, bất luận chuyện gì cũng đều có thể tiếp xúc. Trong khi tiếp xúc, vì quý vị có thể *"chẳng chấp lấy tướng, như như bất động"* nên sự thấy - nghe - hay - biết của quý vị đều giúp ích cho Tam Học, Tam Huệ. Thành tựu Tam Học, Tam Huệ cho quý vị, giống như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử. Đấy là giai đoạn tu học thứ hai của quý vị: Tham học. [Đã có] tiền vốn để tham học là *"chẳng chấp lấy tướng, như như bất động"* thì mới đủ tư cách tham học. Nếu không, quý vị sẽ bị cảnh giới chuyển! Quý vị học là Có, người ta nói là Không; quý vị chẳng vui thích, ngay lập tức sanh phiền não, bị cảnh giới chuyển rồi! Quý vị học Hiển Giáo, người ta giảng Mật cho quý vị, chẳng thể dung hợp, lại sanh phiền não, bị cảnh giới chuyển. Đến khi quý vị có thể *"chẳng chấp lấy tướng, như như bất động"* sẽ chuyển được cảnh giới. Đấy là như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai"* (nếu chuyển được cảnh sẽ giống như Như Lai). Quý vị chuyển được cảnh giới, chẳng bị cảnh giới chuyển, chuyển biến cảnh giới ấy thành gì? Chuyển biến thành Giới - Định - Huệ, chuyển biến thành Tam Huệ, chuyển biến thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chính mình. Cao minh đấy!

Đối với những đạo lý được nêu tỏ trong kinh, chúng ta phải biết tu học những đạo lý ấy trong cuộc sống thường ngày, nhằm thành tựu Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương của chính mình, trong một đời này, chúng ta quyết định sanh về Tây Phương Tịnh Độ, phẩm vị cũng chẳng thấp, thời gian cũng chẳng dài, mà có thể đạt đến được, thành tựu Phật pháp ngay trong đời này. Nếu quý vị nhớ kỹ bí quyết tôi truyền dạy ngày hôm nay, quý vị lãnh hội trong tâm, vận dụng trong cuộc sống để đãi người tiếp vật, nhất định sẽ thành Phật, chắc chắn vãng sanh. Tiếp theo đây là một bài kệ, vừa tán thán vừa nêu rõ ý nghĩa.

(Diễn) Sở vị: "Phác lạc phi tha vật, tung hoành bất thị trần, sơn hà cập đại địa, toàn lộ Pháp Vương thân" dã.

(演)所謂撲落非他物，縱橫不是塵，山河及大地，全露法王身也。

*(**Diễn**: Ấy là nói: "Rơi rớt, há vật khác, dọc ngang chẳng phải trần, núi sông và cõi đất, lộ trọn Pháp Vương thân").*

Bài kệ này miêu tả Nhất Chân pháp giới, chính là miêu tả cảnh giới nhất tâm bất loạn. Cảnh giới là nhất tâm, nhất tâm là cảnh giới, tâm và cảnh hệt như một, Lý và Sự chẳng hai, đó mới gọi là Nhất.

(Diễn) "Thể cai Tướng Dụng, danh chi vi Thể" giả.

(演) 體該相用名之為體者。

*(**Diễn**: "Thể bao gồm cả Tướng và Dụng, gọi là Thể" là...)*

Do Thể, Tướng, Dụng là một nhưng mà ba, tuy ba nhưng một. Bất luận nói đến một món nào, nhất định có cả ba, chẳng thể tách rời. Nói đến Thể, đương nhiên có Tướng và có Dụng (tác dụng). Ví như chúng ta nói đến nhất tâm bất loạn thì nhất tâm là Thể, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là Tướng, sự mê và giác, tu và chứng trong ấy là *"tác dụng"* (Dụng) của nó. Đây là một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Tiếp theo đó, sách lại dựa theo cách nói trong Khởi Tín Luận.

(Diễn) Khởi Tín vân: "Nhất giả Thể đại, vị: Nhất thiết pháp Chân Như bình đẳng, bất tăng giảm cố".

(演) 起信云：一者體大，謂一切法真如平等不增減故

*(**Diễn**: Khởi Tín Luận viết: "Một là Thể đại, nghĩa là: Hết thảy pháp Chân Như bình đẳng, vì chẳng tăng, chẳng giảm").*

Chúng tôi đã từng giảng đoạn Khởi Tín Luận này. Thể là chính mình, Thiền gia gọi nó là *"bổn lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra"*, Thể ấy chính là Chân Như của hết thảy pháp. Chân là nói về Thể. Như là nói tới Tướng của nó. Tác dụng đều giống như Thể, chẳng có khác gì. Do vậy, *"dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng"*. Đồ vật giống như vàng, vàng giống như đồ vật. Đồ vật là vàng, vàng là đồ vật. Vàng và đồ vật chẳng hai. Cổ nhân dùng tỷ dụ này để tỷ dụ ý nghĩa "Tánh

và Tướng bất nhị". Do vậy, Tánh và Tướng là bình đẳng, là *"chẳng tăng, chẳng giảm"*. Trong ấy cũng chẳng có tăng, giảm. Tăng, giảm là hai pháp, hai pháp sẽ mê Chân Như. Hai pháp là mê, giác ngộ là chẳng hai, đúng như trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã bảo pháp sư Ấn Tông: *"Phật pháp là pháp bất nhị"*. Hai thì chẳng phải là Phật pháp.

(Diễn) Nhị giả, Tướng đại, vị: Như Lai Tạng cụ túc vô lượng tánh công đức cố.

(演) 二者相大，謂如來藏具足無量性功德故。

***(Diễn**: Thứ hai là Tướng đại, nghĩa là: Như Lai Tạng đầy đủ vô lượng tánh công đức).*

Tướng quá rộng lớn, là không có ngằn mé.Ngày nay, các nhà khoa học nói đến khởi nguyên của vũ trụ, họ phán đoán: Đại khái vào khoảng từ một trăm năm mươi ức cho đến hai trăm ức năm trước, trong không gian có một lần bùng nổ to lớn (Big Bang), đó là khởi nguyên của vũ trụ. Sau khi bùng nổ mới có vũ trụ, mới có tinh hệ (galaxy), ngân hà. Sự phát hiện của họ tương đương với [giai đoạn Thành của] một đại kiếp như trong kinh Phật đã nói. Ngoài vũ trụ là gì? Các nhà khoa học không biết. Trước hai trăm ức năm thì sao? Họ chẳng biết! Họ chỉ biết quanh quẩn trong phạm vi ấy, ngoài phạm vi ấy, họ không biết, bên ngoài rất lớn! Vô lượng vô biên thế giới, vô lượng vô biên kiếp, há chỉ có hai trăm ức năm! Thời gian hai trăm ức năm quá ngắn! Phật pháp nói đến vô lượng kiếp, Hằng hà sa kiếp, hai trăm ức năm thấm vào đâu? Điều này cho thấy tri kiến của giới khoa học khá hữu hạn, chẳng bằng một vị A La Hán, càng chẳng bằng Bồ Tát. Họ (các nhà khoa học) thấy tối đa là một thế giới, chẳng biết trong hư không có vô lượng vô biên Hằng hà sa quốc độ. Các nhà khoa học đã phát hiện những thế giới, những tinh cầu, những hệ Ngân Hà, nhưng vẫn chưa phát hiện tinh hệ của A Di Đà Phật; cho thấy trí huệ của Phật pháp quả thật là viên mãn, là rốt ráo, chẳng thể suy lường được!

"Như Lai Tạng" là một danh từ Phật học. Như Lai cất chứa ở chỗ gọi là Như Lai Tạng. Như Lai Tạng là chân tánh, Như là nói đến bản thể, Lai nói tướng được biến hiện. Tướng ấy được chứa trong chân tánh. Chân tánh có thể hiện ra vô lượng vô biên tướng cảnh giới. Do vậy nói *"đầy đủ vô lượng tánh công đức"*. Công đức ấy là công đức xứng tánh, chẳng phải do tu thành, mà là sẵn có. Lục Tổ đại sư chứng được Lý nhất tâm bất loạn, tôi dùng danh từ này, sau khi Ngài chứng đắc, nói với Ngũ Tổ: *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn đầy đủ"*. Câu này nói về Tướng đại. *"Như Lai Tạng đầy*

đủ vô lượng tánh công đức”, vốn sẵn đầy đủ. Thiền Tông và Tịnh Tông chỉ thay đổi danh từ là được rồi! Cùng một cảnh giới, cùng một sự việc [chỉ là dùng danh từ hay cách diễn tả khác nhau], minh tâm kiến tánh chính là Lý nhất tâm bất loạn.

(Diễn) Tam giả Dụng đại, năng sanh nhất thiết thế gian, xuất thế gian thiện nhân quả cố.

(演) 三者用大，能生一切世間出世間善因果故。

*(**Diễn:** Ba là Dụng đại, vì có thể sanh ra hết thảy nhân quả tốt lành thế gian và xuất thế gian).*

Lục Tổ nói: *“Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp”*. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, sâm la vạn tượng đều là những vật được biến hiện bởi nhất tâm. Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nhắc đến bốn chữ này, hy vọng quý vị hãy nhớ kỹ bốn chữ này, những chữ gì vậy? Chúng chính là căn bản của quán chiếu, là chỗ nương tựa của quán chiếu, *“Tâm hiện, Thức biến”*. Vũ trụ phức tạp như vậy được bốn chữ của Phật pháp giảng rất rõ ràng. Tướng vì sao mà có? Do Tâm hiện. Vì sao có các thứ tướng? Do Thức biến. “Tâm” là Chân Như bổn tánh, “Thức” là tám thức, A Lại Da Thức, Tâm hiện, Thức biến. Tâm và Thức đều là chính mình, hết thảy vạn pháp chẳng phải là chính mình thì là ai? Nếu quý vị thật sự từ chỗ này mà lãnh hội được đôi chút thì tâm Đồng Thể Đại Bi của quý vị sẽ sanh khởi. *“Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”* mới có thể sanh khởi. Đấy là từ bi thật sự. Tâm từ bi ấy từ bổn tánh sanh ra, tự nhiên lưu lộ, là thanh tịnh, là bình đẳng. Không hề có chuyện đối với thứ này ta đặc biệt ưa thích, đối với thứ kia tôi chán ghét, không hề có! Nó là thanh tịnh, bình đẳng, đối với Phật, Bồ Tát, đối với súc sanh, đối với ngạ quỷ, địa ngục, cho đến đối với hết thảy thực vật, khoáng vật, nhất loạt bình đẳng, không hai, không khác, thật sự từ bi. Tiếp theo đây là tổng kết.

(Diễn) Kim tắc nhược Tướng, nhược Dụng, câu quy thử Thể vi chân thể dã.

(演) 今則若相若用，俱歸此體為真體也。

*(**Diễn**: Nay thì dù là Tướng hay Dụng đều quy về Thể này để làm chân thể).*

Đây chính là *"tổng nhi danh chi viết Chân Thể"* (Gọi chung là Chân Thể). Nói đến Thể là bao gồm Tướng và Dụng. Nói đến Tướng thì trong ấy đương nhiên bao gồm Thể và Dụng. Nói đến Dụng, cũng bao gồm Tướng và Thể. Kiến giải như vậy mới là chính xác, mới gọi chánh tri chánh kiến. Trong biểu đồ thứ hai của Thập Tứ Giảng Biểu[34], đã gọi Thể, Tướng, Dụng là Tam Đại. Học Phật phải học từ chỗ này, học chánh tri kiến. Nếu nói Thể chẳng phải là Tướng, chẳng phải là Dụng, Tướng chẳng phải là Thể, chẳng phải là Dụng, thì quý vị đã chia thành ba thứ, đó là tà tri tà kiến.

Chúng ta có phải là tà tri tà kiến hay chăng? Đúng vậy! Quả thật là tà tri tà kiến. Kinh Kim Cang đã nêu lên những ví dụ, đối với hết thảy pháp, chúng ta có ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, đó gọi là tà tri tà kiến. Do vậy, chẳng phải là Bồ Tát. Kinh dạy rất rõ ràng, *"nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát"* (nếu Bồ Tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì chẳng phải là Bồ Tát), chẳng phải là Bồ Tát! Có những vị đồng học đã thọ Bồ Tát Giới mà vẫn có tứ tướng, tứ kiến, đó là "danh tự Bồ Tát", hữu danh vô thật, chẳng phải là Bồ Tát thật sự. Bồ Tát thật sự không có tứ tướng, không có tứ kiến, vì sao? Bồ Tát là chánh tri chánh kiến. Tứ tướng, tứ kiến là tà tri tà kiến. Đâu phải chúng ta chỉ có bốn thứ này, chẳng biết có bao nhiêu thứ! Mỗi ngày từ sáng đến tối tri kiến rối loạn tơi bời, tưởng Đông, nghĩ Tây, hoàn toàn dấy động vọng tưởng, hoàn toàn là tà tri tà kiến.

Chánh tri chánh kiến là gì? Chánh tri chánh kiến không có tri kiến. Bát Nhã vô tri, đó gọi là chánh tri chánh kiến. Theo Đàn Kinh, có người hỏi Lục Tổ: "Lão nhân gia hiểu Phật pháp rất nhiều?" Lục Tổ nói: "Ta không hiểu, ta chẳng biết Phật pháp", Bát Nhã vô tri mà! Khi nào quý vị đạt đến vô tri, chánh tri chánh kiến sẽ hiện tiền. Người ta đến hỏi quý vị, không gì chẳng biết, mầu nhiệm ở chỗ này! Tiếp xúc bên ngoài thì không gì chẳng biết, Tha Thụ Dụng đấy! Thích Ca Mâu Ni Phật không gì chẳng hiểu, mỗi người hướng về Ngài thưa hỏi, Ngài liền thuận miệng đáp ngay, ghi chép lại thành kinh điển nhiều dường ấy. Đức Phật chẳng biết đến những kinh điển ấy, nói mà không nói, không nói mà nói. Đấy là trí huệ, đó gọi là chánh tri chánh kiến. Khi quý vị nghe pháp ở nơi đây, nghe mà

[34] Thập Tứ Giảng Biểu là mười bốn biểu đồ nêu lên những khái niệm trọng yếu trong Phật pháp do cư sĩ Lý Bỉnh Nam biên soạn. Mười bốn biểu đồ này được các giảng sư vận dụng như một lộ trình (roadmap) để hệ thống hóa Phật pháp. Các biểu đồ này được trình bày trong phần Phật Học Khái Yếu của bộ Lý Bỉnh Nam Lão Cư Sĩ Toàn Tập.

không nghe, không nghe mà nghe, quý vị mới có thể nhập môn, mới có thể nhập được cảnh giới này. Nếu quý vị có nói, có nghe, toàn bộ đều rơi vào trong tà trí huệ, tà tri kiến rồi!

Tôi vừa mới nói: Chớ nên chấp trước tà pháp, nhưng chánh pháp cũng chớ nên chấp trước. Chỉ cần không chấp trước, tà lẫn chánh đều biến thành trí huệ, quyết định chẳng sanh phiền não, quyết định chẳng biến thành chướng ngại. Vì sao? Tà và chánh đều là Nhất Chân, Thể, Tướng, Dụng giống hệt như nhau, làm sao nó chẳng phải là Nhất Chân? Lý Sự vô ngại là Thể - Tướng - Dụng vô ngại. Sự Sự vô ngại là Tướng Tướng vô ngại, Dụng Dụng vô ngại. Vì sao vô ngại? Nhất Chân, cùng một bản thể! Thể là không tịch, nên Tướng cũng là không tịch, Tướng chính là Không; cho nên hết thảy pháp trọn chẳng thể được! Trong cái "chẳng thể được", nếu quý vị khởi lên một ý niệm, sẽ là chấp trước, là tà kiến. Học Phật nói chung phải hiểu rõ đạo lý này, phải nắm được nguyên tắc này, công phu mới đắc lực.

Nói đến đây, khi dụng công thật sự, công phu đã đạt đến mức, nếu chưa đạt đến thì chẳng cần nói nữa, chứ nếu công phu đắc lực, hiện tượng thứ nhất là tối thiểu phải đắc lực nơi Dụng, hiện tượng ấy như thế nào? Tám gió thổi chẳng động. Tám gió thổi chẳng động không phải là quá cao, chẳng phải là công phu lỗi lạc, mà là công phu mới đạt mức chẳng bị cảnh giới xoay chuyển. Tuy chưa thể chuyển cảnh giới, nhưng chẳng bị cảnh giới chuyển. Quý vị tán thán tôi, tôi cũng chẳng vui thích, tôi chẳng bị quý vị lay động. Quý vị vừa tán thán, tôi rất vui sướng, tôi bị mấy câu nói của quý vị xoay chuyển rồi, hỏng bét! Quý vị vừa mới hủy báng, mới chửi tôi, tôi liền nổi nóng, căm tức mấy ngày, xong luôn, bị quý vị xoay chuyển rồi! Bị cảnh giới xoay chuyển là phàm phu, dù có niệm Phật, tham Thiền thì cũng chẳng đắc lực! Vì sao? Không có công phu! Giống như hằng ngày học hành, nhưng hễ làm bài thi liền bị zéro, có ích gì đâu? Quý vị uổng công học mất rồi! Quý vị niệm Phật, niệm Phật uổng công rồi! Quý vị tham Thiền, tham Thiền uổng công rồi.

Gió cảnh giới vừa động một chút, quý vị chịu không nổi thì làm gì được nữa? Công phu đắc lực thì cảnh giới bên ngoài đều là Phật, Bồ Tát. Họ đến tán thán quý vị, quý vị như như bất động, người ta là Phật đến khảo quý vị đấy! Quý vị đậu rồi! Người ta cố ý đến gây sự, hủy nhục, chửi mắng, đánh đập quý vị mà quý vị như như bất động, vậy là quý vị thành công rồi. Người ta là Phật đến khảo quý vị, ải nào quý vị cũng vượt qua. Do vậy, người giác ngộ thấy hết thảy mọi người đều là Phật, Bồ Tát; đối với người mê hoặc, Phật có đến cũng thành ma. Quý vị đang niệm Phật,

niệm sắp đạt đến nhất tâm, A Di Đà Phật chợt hiện tiền, quý vị liền khoái chí: "Ta đã nhất tâm rồi!" Ngay lập tức, nhất tâm mất tiêu! Đó chẳng phải là ma thì là gì đây? Kẻ nào đến đoạn công phu, đoạn dứt nhất tâm của quý vị, kẻ ấy chính là ma.

Quý vị phải hiểu: Cảnh giới bên ngoài chẳng phải là Phật mà cũng chẳng phải là ma. Phật hay ma là do tự tâm biến hiện, cảnh chuyển theo tâm mà! Tâm chính mình thanh tịnh, bình đẳng, bên ngoài đều là Phật, là Bồ Tát. Tâm chính mình chẳng thanh tịnh, bên ngoài đều là ma, là chướng, chẳng tìm được Phật và Bồ Tát! Cái tâm ô nhiễm của quý vị là cái tâm dật dờ theo gió cuốn, quý vị đi tìm Phật, tìm Bồ Tát, đến đâu để tìm? Quý vị tìm ở đó thì tìm đến vô lượng A-tăng-kỳ kiếp cũng tìm không ra, kiếm tận hư không, trọn pháp giới cũng kiếm chẳng được! Nếu tâm quý vị thanh tịnh, chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động, Phật, Bồ Tát liền hiện trước quý vị. Do vậy nói: *"Đầu đầu thị đạo, tả hữu phùng nguyên"* (Thứ gì cũng là đạo, nơi đâu cũng gặp nguồn) là nói về ý này. Nếu chẳng hiểu những đạo lý và nguyên tắc này, quý vị tu ra sao? Như vậy, nếu chẳng gọi là "tu mù, luyện đui" thì gọi là gì đây? Hễ nói "tu mù, luyện đui", quý vị bèn nổi cáu, chẳng sai tí nào! Đúng là "tu mù, luyện đui"! Quý vị không chịu nổi, hễ gió cảnh giới vừa khảo, ngã quỵ ngay lập tức. Do vậy, nhất định phải hiểu những nguyên tắc và nguyên lý này!

(Sớ) Bất khả tư nghị giả, như thượng minh nhi phục tịch, tịch nhi phục minh.

(疏) 不可思議者，如上明而復寂，寂而復明。

*(**Sớ**: "Chẳng thể nghĩ bàn" là sáng suốt như trên đây đã nói nhưng lại vắng lặng, tuy vắng lặng vẫn sáng suốt).*

"Tịch" và *"minh"*. Tịch là Định, minh là Huệ. Định và Huệ có thể dùng làm Thể và Dụng lẫn cho nhau, giúp cho nhau thành tựu, cũng chỉ là một chuyện, chứ không phải hai.

(Sớ) Thanh trược bất hình, hướng bối mạc đắc.

(疏) 清濁不形，向背莫得。

*(**Sớ**: Thanh và trược đều chẳng thể hình dung, hướng về hay trái nghịch đều chẳng được).*

"Thanh, trược" và "hướng về, trái nghịch" đều chẳng thể được.

(Sớ) Tắc tâm ngôn lộ tuyệt, vô dung tư nghị giả hĩ.

(疏) 則心言路絕，無容思議者矣。

*(**Sớ**: Tức là suy nghĩ lẫn nói năng đều chẳng được, chẳng thể nghĩ bàn vậy).*

"Tâm" là nói đến cái tâm ý thức duyên chẳng được [chân tánh]. *"Ngôn"* là ngôn thuyết, nói cũng chẳng được. Đấy gọi là *"ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt"*. Không có cách nào nghĩ ngợi, cũng không có cách nào nói được! *"Nghị"* là bàn luận, không có cách nào diễn tả được, cũng không thể suy tưởng được! Đã không thể suy nghĩ được, còn nói gì được nữa? Đó gọi là *"bất khả tư nghị"*. Trong đoạn này là nói gộp chung, dưới đây là nói tách biệt nhằm giải thích cặn kẽ.

(Diễn) Bất khả tư nghị giả hạ, thị tiên hợp giải.

(演) 不可思議者下，是先合解。

*(**Diễn**: Từ chữ "chẳng thể nghĩ bàn" trở đi là trước hết, gộp chung lại để giải thích).*

Đoạn văn chúng ta vừa mới đọc chính là phần *"hợp giải"*.

(Diễn) Tâm ngôn lộ tuyệt.

(演) 心言路絕。

*(**Diễn**: Chẳng thể suy nghĩ và nói năng được).*

Câu này quan trọng lắm!

(Diễn) Vị tùng bổn dĩ lai, ly ngôn thuyết tướng, ly tâm duyên tướng, nhất thiết pháp bất khả thuyết, bất khả niệm, danh vi Chân Như cố.

(演)謂從本以來，離言說相，離心緣相，一切法不可說、不可念，名為真如故。

*(**Diễn**: Ý nói vốn lìa tướng ngôn thuyết, vốn lìa tướng tâm duyên, hết thảy pháp chẳng thể nói, chẳng thể niệm, nên đặt tên là Chân Như).*

Nếu nghe những điều đã giảng trong phần trước mà quý vị hiểu được thì câu này vừa đọc sẽ hiểu rõ ngay. Chân Như, Chân Tánh, Bản Thể, Nhất Tâm ở nơi đâu? Ở ngay nơi Tướng. Nếu quý vị thật sự thấu

hiểu, ắt phải tuân thủ những nguyên tắc ở đây, tức là *"ly ngôn thuyết tướng"* như Khởi Tín Luận đã nói. Khởi Tín Luận dạy: *"Ly ngôn thuyết tướng, ly danh tự tướng, ly tâm duyên tướng"*. Ngôn thuyết, danh tự quý vị đã hiểu rành, tâm duyên là gì? Duyên là *"phan duyên"* (nắm níu), tâm là Ý Thức, tức thức thứ sáu. Tôi giảng ở đây, quý vị nghe rồi ngay lập tức ghi xuống, đấy là *"tướng tâm duyên"*. Vẽ hết các tướng tâm duyên lên giấy, hoặc là vừa nghe [liền nghĩ] câu ấy có nghĩa như thế này; [sự suy tưởng] những ý nghĩa ấy chính là tướng tâm duyên. Thưa quý vị, không có ý nghĩa! Những ý nghĩa quý vị vừa nghĩ đó chính là khởi vọng tưởng. Kinh không có ý nghĩa! Khi khởi tác dụng sẽ có vô lượng nghĩa, như tôi vừa mới nói đấy thôi: Bát Nhã vô tri! Kinh không có ý nghĩa, vô tri mà! Do vậy, khi đọc tụng là cầu Bát Nhã vô tri, tu Căn Bản Trí. Khi quý vị đọc tụng, nếu nói đoạn này có ý nghĩa này, đoạn kia có diệu nghĩa nọ, hỏng bét, hoàn toàn rớt vào ý thức. Công đức đọc tụng của quý vị không có! Đọc tụng nhằm mong hoàn thành Giới - Định - Huệ cùng một lượt. Do vậy, đọc tụng là đọc tụng, quyết chẳng thể nghĩ ngợi những ý nghĩa trong ấy. Ví như niệm kinh Di Đà, từ đầu đến cuối đọc xong một loạt, niệm từng chữ phân minh, rõ ràng, quyết định chẳng dấy lên một ý niệm trong ấy. Đó là tu Giới - Định - Huệ.

Tu Giới - Định - Huệ như thế nào? Khi quý vị niệm kinh, trong tâm chẳng khởi vọng tưởng, chẳng khởi ác niệm, đấy là *"chư ác mạc tác"* (đừng làm các điều ác). Kinh là ngôn ngữ lưu lộ từ chân tánh của Phật, là điều tốt lành nhất trong những điều lành, độ vô lượng vô biên chúng sanh, không có gì tốt lành hơn. Đọc kinh là *"chúng thiện phụng hành"* (vâng làm các điều lành). *"Chư ác mạc tác"* là giới Tiểu Thừa, *"chúng thiện phụng hành"* là giới Đại Thừa; Giới được đầy đủ! Khi đọc tụng bèn chuyên tâm, chuyên tâm là Định thành tựu. Từng chữ phân minh, chẳng đọc sai chữ nào, chẳng đọc lộn câu nào, là Huệ thành tựu. Chẳng khởi vọng tưởng, chẳng cần phải hiểu nghĩa. Đấy là tu Giới, Định, Huệ, tu Căn Bản Trí. Nếu quý vị không hiểu, một mặt niệm, một mặt suy nghĩ, đấy chính là một mặt đọc tụng, một mặt khởi vọng tưởng, hoàn toàn phá hoại công đức đọc tụng. Vì thế, khi đọc tụng chỉ đọc tụng, khi thảo luận sẽ thảo luận. Thảo luận lấy trí huệ làm chủ, tức là lấy Hậu Đắc Trí làm chủ, còn đọc tụng lấy Căn Bản Trí làm chủ, khác hẳn; nhưng Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí có quan hệ mật thiết: Không có Căn Bản Trí, tuyệt đối chẳng có Hậu Đắc Trí. Trước khi đạt được Căn Bản Trí thì trí ấy gọi là Phương Tiện Trí, giống như những điều chúng tôi đang nói đây gọi là Phương Tiện Trí, giúp quý vị cầu Căn Bản Trí. Sau khi đạt được Căn Bản Trí, Phương Tiện

Trí liền chuyển biến, biến thành Hậu Đắc Trí, biến thành "không gì chẳng biết". Trí huệ "không gì chẳng biết" ấy là để dùng cho người khác, chẳng phải để chính mình dùng. Chính mình dùng là vô tri, tự mình dùng là tâm thanh tịnh, giống như Lục Tổ đã nói: *"Vốn chẳng có một vật"*. Đấy là Tự Thụ Dụng, khi để cho người khác thụ dụng thì không pháp nào chẳng biết.

Do đây có thể nói, bất luận đọc tụng hay nghe giảng, hoặc chính quý vị giảng cho người khác nghe, nhất định phải lìa ba tướng này (tướng danh tự, tướng ngôn thuyết, tướng tâm duyên), quyết định chẳng thể chấp tướng. Tôi vừa mới nêu tỷ dụ: Chấp tướng giống như coi bã thuốc là thuốc, người ta đã chưng sắc để lấy tinh hoa của thuốc, không cần đến bã nữa; quý vị coi cái bã ấy như bảo bối, lầm lẫn quá lớn! Quý vị có thể lìa ngôn thuyết, lìa danh tự, lìa tâm duyên thì quý vị sẽ biết dùng tinh hoa của chất thuốc, không cần đến bã, tách lìa, thứ gì cũng bỏ hết, đấy mới là thật sự thụ dụng, thật sự có thể khai ngộ. Vì sao phải lìa? Vì hết thảy pháp vốn chẳng thể nói. Vì sao chẳng thể dùng tâm để duyên? Vì vốn chẳng thể niệm. Vì sao? Nó là Chân Như. Quý vị vừa mới khởi tâm động niệm, Chân Như đã biến thành vô minh, vô minh do vậy mà có. Vô minh không có khởi đầu. Vô minh chẳng phải là thật, mà là hư vọng. Nếu quý vị hỏi vô minh phát sanh như thế nào? Do quý vị đang khởi tâm động niệm nên mới có vô minh. Trong hết thảy pháp, quý vị chẳng khởi tâm, không động niệm, vô minh sẽ chẳng còn nữa!

Trong thời kỳ Mạt Pháp, chúng ta có thể đoạn được vô minh hay không? Đoạn được! Nói cách khác, chúng ta niệm Phật có thể đạt được Lý nhất tâm bất loạn hay chăng? Thưa cùng quý vị, có thể đạt được! Quý vị phải hiểu lý. Nếu quý vị chẳng hiểu lý này, một mặt niệm Phật, một mặt niệm kinh, vẫn là một mặt khởi vọng tưởng, vậy là không được! Quý vị chỉ có thể niệm đến mức công phu thành phiến, chẳng thể đắc nhất tâm. Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, niệm Phật mà chẳng chấp vào tướng niệm Phật, chẳng chấp vào tướng âm thanh của sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, chẳng chấp tướng ngôn thuyết, chẳng chấp tướng danh tự, lại chẳng chấp tướng tâm duyên, cao minh lắm! Quý vị sẽ từng tiếng đều tương ứng với Chân Như bổn tánh. Một câu danh hiệu này là Chân Như bổn tánh, một câu danh hiệu này là nhất tâm bất loạn, một câu danh hiệu này là Nhất Chân pháp giới. Lẽ nào quý vị chẳng đắc Lý nhất tâm? Đương nhiên sẽ đắc Lý nhất tâm. Nếu chẳng hiểu đạo lý thì làm sao được?

Quý vị hãy suy nghĩ, người niệm Phật chúng ta nếu chẳng sốt sắng nghiên cứu sâu xa bộ A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa thì làm sao chúng ta niệm Phật hiệu cho tốt đẹp được? Trong một đời này làm sao chúng ta

thành tựu được? Một hội giảng kinh này, chúng tôi dự định ba năm, ba năm chẳng kể là dài, ba năm mà có thể thật sự quán thông, viên dung những ý nghĩa này, ứng dụng vào một câu Phật hiệu, ứng dụng trong cuộc sống thường nhật thì thời gian ba năm quá ngắn, ba năm đã thành Phật rồi! Còn có pháp môn nào nhanh chóng hơn nữa? Còn có pháp môn nào ổn thỏa, thích đáng bằng pháp môn này? Đúng là tìm chẳng ra! Thiền có thể đại triệt đại ngộ trong ba năm được hay chăng? Mật, ba năm có thể thành Phật ngay trong đời này hay không? Không chắc! Vẫn là pháp môn này có thể đoan chắc.

Do vậy, đối với bộ kinh này, tôi học Phật hơn ba mươi năm, giảng kinh đã hai mươi sáu năm, từ hết thảy các kinh, tôi phát hiện kinh này là bậc nhất, pháp môn này là pháp môn bậc nhất. Nếu quý vị nói còn có một bộ kinh nào khác, còn có một pháp môn khác, cao hơn, thỏa đáng hơn, nhanh chóng hơn pháp này, tôi hoàn toàn chẳng tin tưởng. Do vậy, tôi chọn lựa, y theo tâm hạnh Bồ Tát trong kinh Phạm Võng, tu pháp Giác - Chánh - Tịnh, nhập cảnh giới vô ngại của Hoa Nghiêm, trụ trong Tịch Quang Tịnh Độ của Phật Di Đà. Đấy là những điều tâm đắc đã tích tụ nhiều năm, phát hiện được một con đường thành Phật. Đã phát hiện rồi, những kinh luận khác đều bỏ sạch, chuyên dụng công nơi Phạm Võng, Tứ Thập Hoa Nghiêm, Di Đà Kinh, chuyên dốc công phu là được rồi. Những thứ khác chẳng cần tới nữa, quyết định thành tựu trong một đời. *"Bất khả tư nghị"* nói tổng quát trong hai dòng [kinh văn] đã xong, kế đó là nói riêng biệt, giải thích tỉ mỉ. Hôm nay đã hết giờ rồi!

Tập 12

Xin đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ mười hai:

(Sớ) Bất khả tư nghị giả, như thượng minh nhi phục tịch, tịch nhi phục minh, thanh trược bất hình, hướng bối mạc đắc, tắc tâm ngôn lộ tuyệt, vô dung tư nghị giả hĩ.

(Diễn) Bất khả tư nghị giả hạ, thị tiên hợp giải, tâm ngôn lộ tuyệt, vị tùng bổn dĩ lai, ly ngôn thuyết tướng, ly tâm duyên tướng, nhất thiết pháp bất khả thuyết, bất khả niệm, danh vi Chân Như cố.

(疏)不可思議者，如上明而復寂，寂而復明，清濁不形，向背莫得，則心言路絕，無容思議者矣。

(演)不可思議者下，是先合解。心言路絕，謂從本以來，離言說相，離心緣相，一切法不可說、不可念，名為真如故。

*(**Sớ**: "Chẳng thể nghĩ bàn" là sự sáng suốt như đã nói ở trên lại vắng lặng, tuy vắng lặng mà sáng suốt, "thanh, trược" chẳng thể hình dung, hướng về hay trái nghịch chẳng được, chẳng thể suy nghĩ hay nói năng, không thể nghĩ bàn được.*

***Diễn**: Từ "chẳng thể nghĩ bàn" trở đi, trước hết là giải thích gộp chung. "Tâm ngôn lộ tuyệt" ý nói: Vốn lìa tướng ngôn thuyết, tướng tâm duyên, hết thảy pháp đều chẳng thể nói, chẳng thể niệm, nên gọi là Chân Như).*

Chúng ta đã thảo luận cặn kẽ đoạn văn này trong lần trước, nhất định phải chú tâm lãnh hội, những điều này có quan hệ rất lớn với sự thâm nhập kinh tạng và công phu tu hành của chúng ta. Phần "tổng thuyết" đã giới thiệu, tiếp theo đây là "biệt thuyết", tức là tách ra [từng điều] để giảng: Chẳng thể nghĩ là gì? Chẳng thể bàn là gì? *"Bất khả tư nghị"* là chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn.

(Sớ) Bất khả tư giả, sở vị pháp vô tướng tưởng, tư tắc loạn sanh. Kinh vân: "Nhữ tạm cử tâm, trần lao tiên khởi", thị dã. Hựu pháp vô tướng tưởng, tư diệc đồ lao! Kinh vân: "Thị pháp phi tư lượng phân biệt chi sở năng cập", thị dã. Cố viết: "Tâm dục duyên nhi lự vong dã".

(疏)不可思者，所謂法無相想，思則亂生。經云：汝暫舉心，塵勞先起，是也。又法無相想，思亦徒勞。經云：是法非思量分別之所能及，是也。故曰心欲緣而慮亡也。

*(**Sớ**: "Chẳng thể nghĩ" có nghĩa là: Pháp chẳng có tướng để suy tưởng, hễ suy nghĩ sẽ sanh rối loạn. Kinh dạy: "Ông vừa tạm khởi tâm, trần lao đã dấy trước", là nói tới điều này. Lại nữa, pháp không có tướng để suy tưởng, suy nghĩ cũng uổng công! Kinh dạy: "Pháp này chẳng thể suy lường, phân biệt mà hòng thấu hiểu được" là nói về ý này. Do vậy, nói: "Tâm muốn duyên mà lự đã mất").*

Đoạn này giải thích đạo lý vốn có trong *"bất khả tư"*. *"Bất khả tư"* là gì? Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. *"Sớ vị: Pháp vô tướng tưởng"* (Nghĩa là: Pháp không có tướng để suy tưởng): Chữ *"pháp"* chỉ hết thảy pháp. Hết thảy pháp chỉ "tâm pháp, tâm sở hữu pháp, sắc pháp, bất tương ứng hành pháp, hữu vi pháp" cho đến vô vi pháp. Hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng có tướng để suy tưởng, đây là nói tới Thật Tướng của hết thảy các pháp. Kinh Bát Nhã đã giảng Thật Tướng rất rõ ràng như sau: *"Thật Tướng vô tướng"*. Không có tướng gì? Chính là không có tướng để suy tưởng. Vì vậy, kinh Kim Cang Bát Nhã đã giảng về hết thảy tướng rất hay: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*. Bản thể của hết thảy tướng là Không, nó không có tự tánh. Do không có tự tánh nên tướng chính là chẳng phải tướng (phi tướng). Trong Tâm Kinh có nói: *"Sắc chính là Không, Không chính là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc"*. Đủ thấy, tướng chân thật của hết thảy tướng là không có tướng để suy tưởng. Câu nói này vẫn rất khó hiểu. Vì sao rất khó hiểu? Vì nó vượt khỏi nhận thức thông thường của chúng ta! Vượt khỏi nhận thức thông thường như thế nào? Do chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối luôn suy nghĩ lung tung. Nói cách khác, không có cách nào hết! Từ trước đến nay chưa hề ngưng dứt sự suy nghĩ lung tung ấy, do vậy, rất khó thể lãnh hội chân tướng của sự thật này, nguyên nhân là vì đây.

Cận đại, có những thứ trong khoa học quả thật đã giúp ích Phật pháp rất lớn. Chẳng hạn như, các nhà khoa học phát hiện hết thảy vật chất trong vũ trụ đều giống nhau, có hơn một trăm nguyên tố (chemical elements), chúng đều do những lạp tử cơ bản (elementary particles) tạo thành. Nói cách khác, do công thức cấu tạo (structural formula, bài liệt phương trình thức) của những lạp tử cơ bản khác nhau, tổ hợp (combination) không

giống nhau, mà thành ra hơn một trăm nguyên tố. Vì thế, các nhà khoa học công nhận cấu tạo và vật liệu của thân thể con người cũng như mỗi bộ phận trong thân thể con người có cấu tạo giống như cấu tạo của cây cối, hoa, cỏ, vật liệu giống nhau, đều do các lạp tử cơ bản tổ hợp thành. Dùng cùng một thứ nguyên liệu, có thể chế thành gạch, thành ngói, có thể làm thành những thứ thực vật cây cỏ, hoa lá, mà cũng có thể tạo thành loài người chúng ta. Nguyên liệu giống nhau, không khác nhau!

Đấy là phát hiện của Ái Nhân Tư Thản (Einstein): Năng lượng bằng với chất lượng trong trạng thái tĩnh nhân với bình phương tốc độ ánh sáng ($E=mc^2$) , há chẳng phải là *"Sắc bất dị Không"* trong Tâm Kinh ư? Nếu chúng ta coi Không là năng lượng, Sắc là chất lượng, thì nào có gì khác nhau! *"Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc"*. Do vậy, trong ấy vô tướng, vô tưởng. *"Tướng"* là nói tới Tướng Phần, *"tưởng"* là nói tới Kiến Phần. Kiến Phần và Tướng Phần đều hư vọng, bản thể của chúng là Tự Chứng Phần. Tự Chứng Phần biến ra hai thứ hư vọng là Tướng và Tưởng, chuyện là như vậy đó. Thời cổ, những nhà Duy Thức ví Kiến Phần và Tướng Phần như hai cái sừng (xúc tu, tentacles) của con ốc sên (ốc ma). Hai cái sừng của con ốc sên chẳng có, chẳng không. Thò dài ra là hai cái sừng, rút vào sẽ chẳng còn nữa. Đầu con ốc ví như Tự Chứng Phần, hai cái sừng giống như Kiến Phần và Tướng Phần. Quý vị chẳng thể nói là có, mà cũng chẳng thể nói là không. Quý vị nói "không có", chúng duỗi ra đấy thôi; nói "có" thì chúng rút vào mất rồi! Do vậy, nó là chẳng phải có, chẳng phải không, rốt ráo chẳng thể được.

Vậy là chúng ta nhận biết chân tướng của hết thảy pháp, bởi vậy, nếu quý vị *"tư tắc loạn sanh"* (suy nghĩ sẽ sanh loạn). *"Loạn"* ở đây là vô minh, trên đầu chồng thêm đầu. Kinh Lăng Nghiêm nói *"tri kiến lập tri"* (từ trong tri kiến, lập ra một cái nhận biết nữa), ở đây nói *"tư tắc loạn sanh"* thì Tư chính là *"tri kiến lập tri"*. Tự cho là mình thông minh, thông minh ở chỗ nào? Suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, đồn thổi bịa chuyện. *"Tư"* là suy nghĩ lung tung, *"nghị"* là đồn thổi, bịa chuyện, kinh Phật gọi [những thứ suy nghĩ, đồn thổi này] là *"hý luận"*. Hý luận là gì? Nói giỡn chơi, chẳng có câu nào là thật!

Điều này nêu rõ: Quyết định chẳng thể nghĩ, hết thảy pháp đều chẳng thể nghĩ! Chúng ta tu pháp môn Niệm Phật, cầu nhất tâm bất loạn. Nếu hết thảy pháp đều chẳng nghĩ, nhất tâm sẽ hiện tiền, liền đạt được nhất tâm bất loạn. Cổ nhân nói *"tu hành đắc đạo"*, chẳng nghĩ thì mới đắc đạo. Suốt ngày từ sáng đến tối lúc nào cũng suy nghĩ loạn xạ, quý vị có làm cách nào thì cũng chẳng thể đạt được! Chẳng thể nghĩ mà! Chẳng nghĩ

là đúng, chẳng nghĩ sẽ là *"như như"*, kinh gọi "chẳng nghĩ" là *"như thị"*. *"Như thị ngã văn, như thị ngã giác, như thị ngã tri"* (tôi nghe như thế, tôi giác như thế, tôi biết như thế), đây đều là những pháp chân thật.

Đối với câu *"pháp vô tướng tưởng"* (pháp không có tướng để suy nghĩ), pháp sư Cổ Đức đã chú giải mấy câu, nhằm nêu rõ...

(Diễn) Bất khả tư giả hạ, thị thứ phân giải.

(演) 不可思者下，是次分解。

*(**Diễn**: Từ "chẳng thể nghĩ" trở đi, lần lượt chia ra để giải thích).*

Trong hai đoạn này, đoạn trước là giảng tổng quát, trước hết là nói gộp, tiếp theo đó là chia ra [từng điều] để giải thích.

(Diễn) Pháp vô tướng tưởng, vị: Hữu tướng khả tư, vô tướng nan tư.

(演) 法無相想，謂有相可思，無相難思。

*(**Diễn**: "Pháp vô tướng tưởng" ý nói: Có tướng thì có thể nghĩ, không có tướng sẽ khó nghĩ).*

Tiếp theo đó là nói: Có tướng hay là không có tướng? Vô tướng là chân, hữu tướng là hư vọng. *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*. Công phu của chúng ta thật sự chưa đến nơi đến chốn. Nói cách khác, vọng tưởng không có cách nào ngưng nghỉ, chẳng thể không dấy vọng tưởng. Làm cách nào đây? Đừng nghĩ đến tướng cảnh giới trong lục phàm nữa, suốt ngày từ sáng đến tối hãy nghĩ tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới, nghĩ đến A Di Đà Phật, nghĩ tới Quán Âm Bồ Tát, nghĩ tới ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, quý vị hãy nghĩ tới những điều ấy.

Vì sao nghĩ tới những thứ ấy? Nghĩ tới chúng có gì hay? Nghĩ tới những điều ấy sẽ chẳng tạo ác nghiệp, nghĩ tới những điều ấy chẳng đọa tam đồ; nếu quý vị nghĩ tới pháp thế gian sẽ đọa tam đồ. Thật ra, quý vị chẳng thể không nghĩ, nên bèn thay đổi đối tượng suy nghĩ, đấy là để cứu mạng! Cứu quý vị từ tam đồ sang tam thiện đạo, cứu sang nhân thiên, cứu quý vị từ nhân thiên sang tận Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, trong pháp môn Niệm Phật có Quán Tượng Niệm Phật, có Quán Tưởng Niệm Phật, đấy là những biện pháp bất đắc dĩ, là phương tiện môn. Ở đây Ngài nói cho chúng ta biết tướng chân thật. Do vậy, phải hiểu hết thảy tướng là hư vọng, bản thể của hết thảy tướng chính là Không.

(Diễn) "Nhữ tạm cử tâm, trần lao tiên khởi", thị tư chi hữu quá dã.

(演) 汝暫舉心，塵勞先起，是思之有過也。

*(**Diễn**: "Ông vừa tạm khởi tâm, trần lao đã dấy trước" là suy nghĩ sẽ mắc lỗi).*

"Nhữ tạm cử tâm": Tâm ông mới vừa động. *"Trần"* có nghĩa là ô nhiễm, là vô minh. Ở đây, chữ Trần đại diện cho vô minh. Tâm quý vị vừa động bèn là vô minh, chân tánh bị ô nhiễm, vô thỉ vô minh. Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Tri kiến lập tri, thị vô minh bổn"* (từ trong tri kiến lập ra một cái biết, đấy là gốc của vô minh). Tâm quý vị vừa động liền thành căn bản vô minh. Chân tâm tịch tĩnh, nhất tâm bất loạn là tĩnh. Trong phần trước đã nói *"tịch nhi thường chiếu, chiếu nhi thường tịch, tịch chiếu bất nhị"* (tịch mà thường chiếu, chiếu nhưng thường tịch, tịch và chiếu chẳng hai). Đấy là nhất tâm, là Chân Như. Tâm vừa động, thì sự động ấy là *"lao"*, bởi lẽ, vô minh là tướng động, trần lao đã dấy trước. *"Thị tư chi hữu quá dã"*(là do suy nghĩ sẽ mắc lỗi) nơi trong phần ở trên Liên Trì đại sư đã viết *"tư tắc loạn sanh"* (suy nghĩ sẽ sanh ra loạn), sự suy nghĩ này đích xác là mắc lầm lỗi!

"Hựu pháp vô tướng tưởng, tư diệc đồ lao" (Lại nữa, pháp không có tướng để suy nghĩ, suy nghĩ cũng uổng công). Nhọc nhằn mà chẳng có ích gì!

(Diễn) Tư diệc đồ lao, thị tư chi vô công dã.

(演) 思亦徒勞，是思之無功也。

*(**Diễn**: "Suy nghĩ cũng uổng công", nghĩa là suy nghĩ vô ích).*

Kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Thị pháp phi tư lượng phân biệt chi sở năng cập"* (Pháp này chẳng thể dùng suy lường, phân biệt mà hòng thấu hiểu được). *"Thị pháp"* (pháp này) là gì vậy? Thưa cùng quý vị, hết thảy các pháp. Chắc cũng có các vị nghe nói [như vậy] cảm thấy rất kỳ quái, vì sao là hết thảy pháp? Nếu quý vị nói là Chân Như bổn tánh, đại khái cũng chẳng sai cho lắm. Nếu nói là sáu căn, sáu trần, năm uẩn, mười hai xứ, làm sao chẳng thể nghĩ cho được? Nếu quý vị nghĩ theo cách ấy, sẽ khó kiến tánh, chẳng có phần đạt Lý nhất tâm bất loạn trong niệm Phật. Nếu công phu tốt đẹp, có thể đạt đến Sự nhất tâm, trong Sự nhất tâm mới có những thứ này. Còn đối với Lý nhất tâm thì như trong phần trên đã nói, hết thảy pháp đều do chân tâm của chính mình biến hiện *"nhất thiết pháp*

giai ngô tâm thể" (hết thảy pháp đều là tâm thể của ta), đều là tâm thể của chính mình, *"phi ly vạn pháp biệt hữu tâm thể"* (chẳng phải là lìa vạn pháp mà có riêng một tâm thể).

Do vậy, tôi nói Lý nhất tâm bất loạn là gì? Hết thảy pháp đều là Lý nhất tâm. Chúng ta muốn đắc Lý nhất tâm, muốn minh tâm kiến tánh, muốn nhập pháp môn Bất Nhị, muốn nhập Nhất Chân pháp giới, thì phải hiểu rõ đạo lý này, phải thật sự quán thông Lý thì mới có thể nhập cảnh giới này. Tuy tôi chẳng dám khẳng định là nhất định có thể nhập cảnh giới này, nhưng đó là chuyện có thể. Vấn đề là mức độ thâm nhập và mức độ thấu hiểu sâu xa đạo lý này của quý vị, quý vị sử dụng công phu có đúng cách hay không, mấu chốt là ở chỗ này. Nếu có trình độ lý giải khá, dụng công đúng cách, trong một đời, chắc chắn có thể nhập được cảnh giới này.

Tại Trung Quốc, bất luận Tông Môn hay Giáo Hạ, quý vị đọc Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện, [sẽ thấy] các đồng tu tại gia tu hành, khai ngộ, chứng quả, đắc Lý nhất tâm triều đại nào cũng có. Trải qua các đời, người Trung Quốc tu hành thành tựu quả thật nhiều hơn người ngoại quốc. Nói cách khác, người Trung Quốc *"đắc thiên độc hậu"* (sẵn có điều kiện vượt trỗi). Nói theo ngôn ngữ nhà Phật thì là thiện căn, phước đức, nhân duyên sâu dầy, còn chúng ta thì mỗi đời lại kém hơn đời trước, mắc khuyết điểm tự cậy thông minh. Nếu thật thà theo đúng quy củ, chiếu theo phương pháp, lý luận này để tu học thì thế hệ chúng ta sẽ thành tựu chẳng kém đời trước. Thật thà là gì? Người đời trước có thể tuân thủ, hiểu đạo lý này: Trong hết thảy pháp họ có thể lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, nên chẳng thể nghĩ bàn, họ có thể nhập được cảnh giới, có thể thành tựu. Nay chúng ta gặp khó khăn là vì sao? Chúng ta chẳng thật thà, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, bệnh ở chỗ này!

Trong kinh nói mấy câu rất hay, đúng là gõ một gậy vào đầu chúng ta là những kẻ hiện đang tu hành. Do vậy, suy lường, phân biệt pháp này sẽ chẳng thể thấu hiểu được. Suy lường là thức thứ bảy, tức Mạt Na Thức, phân biệt là thức thứ sáu. Thức thứ sáu và thứ bảy đều duyên chẳng được, cái được chúng duyên là tướng hư vọng, tức là duyên vào hết thảy pháp tướng, chẳng thể duyên hết thảy pháp tánh; nhưng cần phải hiểu rằng: Pháp Tánh và Pháp Tướng là một, không hai! Cổ nhân nói vàng và đồ vật, đồ vật là Tướng, vàng ví như Tánh. Vàng và đồ vật có thể tách rời hay chăng? Chẳng thể tách rời, là một, chẳng phải hai; đấy gọi là pháp môn Bất Nhị. Chúng ta thấy Tánh từ nơi Tướng như thế nào? Tách rời suy nghĩ và bàn bạc thì sẽ thấy được. Tách lìa những cái được biến hiện có thể nghĩ

bàn thì gọi là pháp môn Bất Nhị, là cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn.

(Diễn) Tâm dục duyên nhi lự vong giả, cử tâm dục duyên, tư lự tiên vong, dĩ Chân Như vô tướng tưởng, tức tâm tuyệt cố.

(演) 心欲緣而慮亡者，舉心欲緣，思慮先亡　，以真如無相想，即心絕故。

(***Diễn**: "Tâm muốn duyên mà tư lự đã mất trước" là dấy lòng muốn duyên [theo sự vật] thì sự suy lường đã mất trước, vì Chân Như không có tướng để suy tưởng, tức là tâm dứt bặt vậy).*

Công năng của cái tâm ý thức thứ sáu và cái tâm ý thức thứ bảy hễ đến chỗ này sẽ chẳng khởi tác dụng, nó có hạn độ. Điều này cũng cho thấy thức thứ sáu và thứ bảy là pháp hữu vi, chẳng phải là pháp vô vi. Tuy tác dụng của chúng to lớn, nhưng có hạn độ, chúng có thể khởi vọng tưởng, nhưng chẳng thể duyên theo chân thật. Chúng có thể duyên theo tướng hư vọng, chẳng thể duyên theo chân tướng, chẳng duyên Thật Tướng, đạo lý ở chỗ này. Đây là giảng rõ ý nghĩa *"chẳng thể nghĩ"*.

Tiếp theo đây là lời giải thích về *"bất khả nghị"*, *"nghị"* là nghị luận. Đây cũng là ngôn thuyết, cũng chẳng có cách nào để nói pháp này!

(Sớ) Bất khả nghị giả, sở vị: Lý viên, ngôn thiên, ngôn sanh, Lý táng. Kinh vân: "Phàm hữu ngôn thuyết, giai thành hý luận", thị dã. Hựu Lý viên, ngôn thiên, ngôn bất năng tận. Kinh vân: "Nhất nhất thân cụ vô lượng khẩu, nhất nhất khẩu xuất vô lượng âm, như Thiện thiên nữ, cùng kiếp nhi thuyết, chung mạc năng tận", thị dã. Cố viết: "Khẩu dục đàm nhi từ táng" dã.

(疏)不可議者，所謂理圓言偏，言生理喪。經云：凡有言說，皆成戲論。是也。又理圓言偏，言不能盡。經云：一一身具無量口，一一口出無量音，如善天女，窮劫而說，終莫能盡，是也。故曰口欲談而詞喪也。

(***Diễn:** "Chẳng thể bàn" ý nói: Lý viên mãn, lời lẽ lệch lạc. Thốt lời, Lý bị chôn vùi. Kinh chép: "Phàm những gì có nói năng đều thành hý luận" là nói về ý này. Lại nữa, Lý viên mãn, lời lẽ lệch lạc, nên chẳng thể nói trọn hết. Kinh dạy: "Trong mỗi một thân có vô lượng miệng, mỗi một miệng có vô lượng âm thanh, giống như Thiện thiên nữ, nói hết cả kiếp,*

rốt cuộc vẫn chẳng thể trọn hết" chính là nói về điều này. Vì thế nói: "Miệng muốn bàn luận mà từ ngữ đã chôn vùi").

"Lý viên": Lý là viên mãn. Lý này viên mãn tận hư không, trọn pháp giới. Tùy tiện nhón lấy một vi trần thì Lý nào cũng là viên, không một pháp nào chẳng viên. Lớn như thế giới, nhỏ như vi trần, không có một pháp nào chẳng viên. Lý là gì? Lý là Tánh, Pháp Tánh. Nơi hữu tình chúng sanh [thì Tánh ấy] gọi là Phật Tánh, nơi vô tình chúng sanh gọi là Pháp Tánh. Lý là nói về Tánh, Tánh là viên. *"Ngôn thiên"*: Ngôn ngữ, lời nói đều chẳng viên mãn, văn tự chẳng viên mãn.

Chúng ta lại dùng vàng và đồ vật để tỷ dụ thì vàng là Viên, vàng tượng trưng cho Lý, đồ vật là thiên lệch, chẳng viên mãn. Quý vị hãy thấu hiểu đạo lý này. Tánh là viên mãn, Tướng chẳng viên mãn. Viên là chân thật, vĩnh viễn bất biến, còn Tướng thì sao? Sanh diệt trong từng sát-na, chẳng viên mãn!

(Diễn) Lý tánh viên dung, bất khả phân tích, như nhất đa giao triệt, đại tiểu hỗ dung, chân vọng giao tham, nhiễm tịnh bất nhị đẳng.

(演) 理性圓融，不可分析，如一多交徹、大小互融、真妄交參、染淨不二等。

*(**Diễn**: Lý tánh viên dung, chẳng thể chia chẻ, như một và nhiều thấu triệt lẫn nhau, lớn và nhỏ dung nhập nhau, chân và vọng xen lẫn vào nhau, nhiễm và tịnh chẳng hai v.v...)*

Vừa mở đầu đã nói rất hay. Lý là nói về Tánh, viên dung. *"Bất khả phân tích, như nhất đa giao triệt, đại tiểu hỗ dung, chân vọng giao tham, nhiễm tịnh bất nhị"* (Chẳng thể chia chẻ, như một và nhiều thấu triệt lẫn nhau, lớn và nhỏ dung nhập nhau, chân và vọng xen lẫn vào nhau, nhiễm và tịnh chẳng hai) hoàn toàn là cảnh giới Hoa Nghiêm, *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"*. Chẳng đạt đến cảnh giới này sẽ không được. Khi nào đạt đến cảnh giới này? Trong pháp hội Di Đà, Lý nhất tâm bất loạn chính là cảnh giới này. Cảnh giới ấy tốt đẹp như thế nào? Trong cảnh giới ấy không có Kiến Tư phiền não, cũng chẳng có Trần Sa phiền não, cũng phá được mấy phần Vô Minh phiền não, vì sao? Vị ấy đã thấy tánh! Kiến tánh là thấy được lý "pháp nào cũng viên dung", đấy là kiến tánh.

Do vậy, được gọi là Lý nhất tâm. Lý nhất tâm chính là *"Lý tánh viên dung, chẳng thể chia chẻ"*. Không chỉ chẳng có chấp trước Nhân Ngã (ta - người), mà còn như kinh Kim Cang đã nói: Tứ Tướng và Tứ Kiến

đều không có, Pháp Chấp cũng không có. Nếu có Pháp Chấp, làm sao có thể *"một và nhiều thấu triệt lẫn nhau, lớn và nhỏ dung nhập nhau"*? Bốn câu ấy (tức *"nhất đa giao triệt, đại tiểu hỗ dung, chân vọng giao tham, nhiễm tịnh bất nhị"*) đều bị biến thành chướng ngại, Pháp Chấp cũng không có. Lý nhất tâm bất loạn là như vậy đó. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, không một pháp nào chẳng viên dung. Viên dung là Pháp Thân, không pháp nào chẳng tự tại. Tự tại là Giải Thoát, không pháp nào chẳng thấu triệt; hiểu rõ triệt để chính là Bát Nhã. Do vậy, Lý nhất tâm là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát đều hiện tiền, đều chứng đắc.

Trong mỗi một pháp thấy Pháp Thân, trong mỗi một pháp hiển lộ Bát Nhã, trong mỗi một pháp đắc tự tại (Giải Thoát). Đấy gọi là Sự Sự vô ngại. Qua kinh luận, chúng ta nhìn thấy một chút tin tức như vậy, Lý là Lý nơi Sự, Tánh là Tánh của Tướng, quý vị bèn hiểu: Sự chẳng lìa Lý, Lý chẳng tách rời Sự, Lý và Sự là một, Tánh và Tướng chẳng hai, phải lãnh hội, phải lãnh ngộ điều này.

(Diễn) "Ngôn thiên" giả, như ngôn nhất tắc di đa, ngôn đại tắc thất tiểu, đàm chân tắc vi tục, thuyết nhiễm tắc vi tịnh đẳng.

(演)言偏者，如言一則遺多，言大則失小，談真則違俗，說染則違淨等。

*(**Diễn**: "Ngôn ngữ lệch lạc" là nếu nói một sẽ sót nhiều, nói lớn sẽ mất nhỏ, nói chân sẽ trái với tục, nói nhiễm sẽ trái nghịch tịnh v.v...)*

"Ngôn nhất tắc di đa" (nói một sẽ sót nhiều): Chẳng thể nói tới hai việc cùng một lúc được, nói một chuyện này sẽ thiếu sót chuyện kia, nói chuyện kia sẽ bỏ sót chuyện này, đó là chẳng viên. *"Ngôn đại tắc thất tiểu, đàm chân tắc vi tục, thuyết nhiễm tắc vi tịnh"* (Nói lớn sẽ mất nhỏ, nói chân sẽ trái với tục, nói nhiễm sẽ trái nghịch tịnh): Những điều này dễ hiểu. Do vậy, công năng của ngôn thuyết hết sức hữu hạn.

(Diễn) Sở vị: "Khai khẩu thành song quyết, dương mi lạc nhị tam" dã. Thị ngôn chi hữu quá dã.

(演)所謂開口成雙橛，揚眉落二三也。是言之有過也。

*(**Diễn**: Đó gọi là "mở miệng thành hai mảnh, nhướng mày rớt hai, ba" đó là nói ngôn thuyết có khuyết điểm vậy).*

Câu này có nghĩa là quý vị vừa mở miệng nhất định sẽ rớt vào hai bên, hai bên ấy chính là tương đối. Phật pháp nói pháp môn Bất Nhị, quý vị vừa mở miệng nhất định sẽ rớt vào hai môn. Pháp là pháp môn Bất Nhị, nếu "hai" thì làm sao có thể tiến nhập Pháp? *"Dương mi"* (nhướng mày) nhằm biểu lộ ý nghĩ, chẳng những không nói được mà biểu lộ cũng chẳng được. Nếu có thể biểu lộ, thì sẽ có thể dùng một cách [nào đó] để biểu thị pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm đã dùng bao nhiêu phương pháp nhằm biểu thị pháp, nhưng có thể biểu thị trọn hết hay không? Biểu thị chẳng trọn hết. Ngôn thuyết và biểu thị pháp là công cụ dạy học chẳng thể thiếu trong Phật pháp. Dùng thuật ngữ Phật học để nói thì đấy là *"phương tiện thiện xảo chẳng thể thiếu"*, nhưng chỉ là phương tiện thiện xảo mà thôi! Quý vị phải từ những phương tiện thiện xảo ấy mà ngộ nhập chân thật.

Do vậy, Phật, Bồ Tát, thiện tri thức chỉ có thể giúp đỡ chúng ta tới đây mà thôi, làm Tăng Thượng Duyên mà thôi. Chính quý vị có thể ngộ nhập hay không phải cậy vào chính mình, Phật, Bồ Tát cũng không thể làm gì được! Như vậy, khai ngộ là ai khai ngộ? Chính quý vị tự khai ngộ, chứ không phải là thầy có năng lực giúp quý vị khai ngộ. Nếu thầy có năng lực giúp người khác khai ngộ, bất cứ ai thân cận vị thầy ấy sẽ đều khai ngộ mới đúng! Chúng tôi đã giảng Đàn Kinh rất nhiều lần; thuở ấy, những người thân cận Lục Tổ đại sư là bao nhiêu người? Tối thiểu cũng có mấy chục vạn người. Bao nhiêu người khai ngộ? Bốn mươi ba người, tỷ lệ chẳng cân xứng! Những người có thể khai ngộ dưới tòa của Lục Tổ đại sư chỉ là một phần vạn. Ai giúp họ khai ngộ? Chính mình khai ngộ! Đàn Kinh đã nói rất rõ ràng: *"Tự ngộ, tự tu, tự chứng"*. Tổ sư thuyết pháp, đồ chúng học trò đều nghe, vì sao người này khai ngộ, kẻ khác nghe xong chẳng khai ngộ? Phương tiện thiện xảo giống hệt, nhưng có thể ngộ nhập hay không là do mỗi người. Thầy có bao giờ chẳng mong mọi người đều khai ngộ, nhưng chẳng có cách nào, đó là chuyện chẳng thể làm được! Đấy là nói *"ngôn thuyết có khuyết điểm"* vậy!

(Diễn) Ngôn bất năng tận, thị ngôn chi vô công dã.

(演) 言不能盡，是言之無功也。

*(**Diễn:** "Nói chẳng thể trọn hết" là dẫu nói chẳng có ích gì).*

"Ngôn bất năng tận", không có cách nào trọn hết thảy Lý, tức là không có cách nào trọn hết Lý viên mãn, không có cách nào trọn hết thảy Sự viên mãn. Lý và Sự đều viên dung, Lý và Sự đều vô ngại. *"Biểu thị"* chẳng phải là viên dung, mà là có chướng ngại. *"Ngôn thuyết"* cũng chẳng

phải là viên dung, cũng có chướng ngại. Đức Phật dùng phương pháp này, dùng cách có chướng ngại để dạy quý vị hãy từ hữu ngại mà ngộ nhập vô ngại, dạy quý vị hãy từ hữu tận mà ngộ nhập vô tận, nhất định phải lìa ngôn thuyết, lìa danh tự, lìa tâm duyên. Lìa ngôn thuyết, lìa danh tự chính là *"bất khả nghị"* (chẳng thể bàn luận). Trong kinh Hoa Nghiêm nói tới Nhất Chân pháp giới, trong Tịnh Độ gọi pháp giới ấy là Thật Báo Trang Nghiêm độ, đã chứng được Lý nhất tâm.

Vấn đề là sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới bên ngoài có viên dung vô ngại hay không? Nếu quý vị tiếp xúc những cảnh giới ấy mà thật sự là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại thì quý vị đã tự đắc Lý nhất tâm. Đắc Lý nhất tâm thì còn có danh tự Lý nhất tâm hay không? Không có! Nếu vẫn còn có danh tự Lý nhất tâm, quý vị vẫn còn chấp vào tướng danh tự, đấy là chướng ngại. Quý vị còn chấp vào tướng ngôn thuyết, còn có tướng tâm duyên. Quý vị không đoạn được ba điều này thì quý vị thuộc tiêu chuẩn phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Chỗ này thật là vi tế, đúng là *"sai chỉ hào ly, lạc đi ngàn dặm"*.

(Diễn) Khẩu dục đàm nhi từ táng giả, khai khẩu dục đàm, ngôn vị tiên táng, dĩ chí lý tuyệt ngôn, vô dung thố khẩu cố.

(演)口欲談而詞喪者，開口欲談，言謂先喪，以至理絕言，無容措口故。

*(**Diễn**: "Miệng muốn nói mà từ ngữ đã chôn vùi" là mở miệng toan nói, lời lẽ đã mất trước, bởi lẽ, lý tột cùng dứt bặt ngôn từ, chẳng thể mở miệng).*

Pháp chân thật chẳng thể nói được, không có cách nào nói. Do vậy, mới nói *"phàm hữu ngôn thuyết, giai thành hý luận"* (Hễ có nói năng, đều trở thành hý luận), đạo lý là như vậy đó. Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc tới cương lãnh quan trọng nhất trong pháp chân thật: Đọc kinh phải lìa tướng văn tự, lìa tướng tâm duyên thì ngay trong khi ấy mới có thể thành tựu Tam Học và Tam Huệ. Nghe kinh cũng phải lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, ngay khi ấy sẽ là nhất tâm bất loạn, Tam Huệ và Tam Học đồng thời đầy đủ. Đọc hay nghe chẳng phải là công phu thì cái gì sẽ là công phu? Đọc và nghe chẳng phải là tu hành thì cái gì mới gọi là tu hành? Nếu quý vị không hiểu, ấy chính là *"kể chuyện ăn, đếm của báu"*. Nếu quý vị hiểu, sẽ là công phu thật sự, là tu hành thật sự! Trong đây, thế nào là Tam Huệ, thế nào là Tam Học, mỗi một điều đều hiểu rõ ràng, rành mạch, phân minh, quả thật đầy đủ.

(Diễn) "Như Thiện thiên nữ" giả. Hoa Nghiêm vân: "Tự Tại thiên vương hữu thiên thể nữ[35] danh viết Thiện Khẩu, ư kỳ khẩu trung xuất nhất âm thanh, tắc dữ bách thiên chủng nhạc nhi cộng tương ứng đẳng".

(演)如善天女者。華嚴云：自在天王有天采女名曰善口，於其口中出一音聲，則與百千種樂而共相應等。

***(Diễn**: "Như Thiện thiên nữ" là như kinh Hoa Nghiêm chép: "Vua cõi trời Tự Tại có một thị nữ cõi trời, tên là Thiện Khẩu. Trong miệng cô ta thốt ra một âm thanh thì âm thanh ấy giống như trăm ngàn thứ nhạc cùng hòa tiếng vậy").*

Đây là câu trích từ kinh Hoa Nghiêm: *"Nhất nhất thân cụ vô lượng khẩu, nhất nhất khẩu xuất vô lượng âm"* (Mỗi một thân có vô lượng miệng, mỗi một miệng phát ra vô lượng âm), cũng không có cách nào [diễn tả trọn hết Chân Như bổn tánh]. Loại năng lực này người tầm thường chẳng thể làm được. Người miệng lưỡi nhanh nhạy trong thế gian có thể sánh bằng Thiện thiên nữ hay không? Thiện thiên nữ (Śrī-mahā-devī)[36] mà còn không có cách gì để nói được thì ai có năng lực để nói đây? Chẳng trách gì chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba vị thiện tri

---

[35] Chữ 采 đúng ra phải đọc là Thải (hay Thái). *"Thái nữ"* là một danh xưng để gọi một trong sáu chức nữ quan hầu hạ trong cung dưới thời Hán. Do những người này tuyển mộ từ dân gian nên gọi là *"thái nữ"* (thái có nghĩa gốc là chọn lựa, hái, ngắt), về sau, chuyên dùng để gọi cung nữ. Đôi khi cũng viết là Thái Nữ (綵女), do các cung nữ thường mặc áo lụa màu sắc rực rỡ. Theo Hậu Hán Thư, Thái Nữ là chức quan thấp hơn hai bậc Mỹ Nhân và Cung Nhân. Do người Việt quen đọc Thái Nữ là "thể nữ" nên chúng tôi cũng tuân theo cách đọc này.

[36] Thiện thiên nữ (Śrī-mahā-devī), gọi đủ là Đại Cát Tường Thiện Thiên Nữ, còn gọi là Ma Ha Thất Lợi, Thất Lợi Thiên Nữ, Cát Tường Công Đức Thiên, Bảo Tạng Thiên Nữ, Đệ Nhất Oai Đức Thành Tựu Chúng Sự Đại Công Đức Thiên. Thiên nữ này là vợ của Na La Diên Thiên, mẹ của thần Ái Dục (Kama), là em gái của Tỳ Sa Môn Thiên. Trong Mật Tạng, bà còn được gọi bằng nhiều danh xưng khác. Số danh xưng lên đến 108 danh hiệu khác nhau, ngoài danh xưng phổ biến nhất là Đại Cát Tường ra, bà còn được biết dưới các tên gọi phổ biến khác như Laksmi, Jaladhija v.v... Bà thường được tạc tượng mang hình dáng thiên nữ xinh đẹp, trẻ trung, tay trái cầm châu Như Ý, tay phải kết ấn Thí Vô Úy, đôi khi có đến bốn tay hoặc tám tay. Thiện thiên nữ được coi là vị phước thần có công năng ban phước, diệt tai họa. Theo kinh Đại Bát Niết Bàn, bà có một người em gái tên Hắc Ám Thiên Nữ, thường gieo tai họa, nhưng hai chị em luôn đi chung với nhau.

thức, vị nào cũng đều nói lời thành thật: "Chẳng có cách nào biết được trí huệ, công đức của chư Phật, Bồ Tát!" mà cũng không có cách nào nói ra được. Lời ấy là thật. Trong đoạn này dẫn dụng kinh văn của kinh Hoa Nghiêm để giảng rõ ý *"ngôn dục đàm nhi từ táng"* (miệng muốn nói mà lời bị chôn vùi).

(Sớ) Hựu thử kinh nguyên danh Bất Khả Tư Nghị, cố dụng thử tứ tự tổng tán tiền văn, cái thị chí lý chi cực danh dã.

(疏)又此經原名不可思議，故用此四字總讚前文，蓋是至理之極名也。

*(**Sớ**: Hơn nữa, kinh này vốn có tên là Bất Khả Tư Nghị, nên dùng bốn chữ này để làm lời ca ngợi chung cho đoạn văn đã được nói trong phần trên, đấy chính là tên gọi tột bậc của lý tột bậc vậy).*

Bốn chữ Bất Khả Tư Nghị chẳng phải là không có lai lịch, tùy tiện nói ra. Kinh Hoa Nghiêm được gọi là Đại Bất Tư Nghị Kinh, kinh Duy Ma được gọi là Tiểu Bất Tư Nghị Kinh, kinh này cũng gọi là Bất Tư Nghị Kinh. Chúng ta hiểu những kinh này vốn thuộc cùng một loại. Do vậy, kinh này là chỗ tổng quy kết của kinh Hoa Nghiêm. Quý vị thấy trong quyển cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Qua kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Thiện Tài đồng tử là một vị tu hành chân chánh, như chúng tôi vừa mới nói đó, Ngài hiểu lý luận, hiểu phương pháp, lục căn tiếp xúc lục trần, đi, đứng, nằm, ngồi đều là tu hành, toàn là công phu. Mỗi lần Ngài tham phỏng một vị thiện tri thức, cảnh giới của Ngài lại được nâng cao hơn một tầng. Ngài đến tham phỏng Sơ Trụ Bồ Tát, bản thân Ngài liền đạt đến Sơ Trụ. Ngài tham phỏng Sơ Địa Bồ Tát, bản thân Ngài liền đạt đến Sơ Địa Bồ Tát. Ngài đến tham phỏng các vị Văn Thù, Phổ Hiền, bản thân Ngài liền đạt đến địa vị Đẳng Giác. Từ Đẳng Giác lại tiến hơn nữa, đều về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Mỗi lần Thiện Tài đồng tử tham phỏng thiện tri thức, Ngài có ba câu nói hết sức quan trọng. Câu thứ nhất thưa rõ Ngài đã phát đại tâm, đại nguyện, nhất định muốn thỏa đại nguyện của Ngài, đại nguyện gì vậy? Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. "Tôi đã phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm (tức Bồ Đề tâm)", muốn cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chỉ có Phật trong Viên Giáo mới là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, còn Phật trong Tạng Giáo, Phật trong Thông Giáo, Phật trong Biệt Giáo đều là Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng thể gọi là Vô Thượng.

Văn Thù, Phổ Hiền đều là Chánh Đẳng Chánh Giác, là Đẳng Giác Bồ Tát. Đẳng Giác Bồ Tát muốn thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ắt phải đến Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Do vậy, chúng ta đọc kinh này phải giác ngộ: Nếu muốn thành tựu trí huệ viên mãn rốt ráo thì phải ở Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trừ Tây Phương Cực Lạc thế giới ra, ở bất cứ nơi nào cũng đều chẳng thể viên mãn. Nếu chẳng phát tâm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể gọi là kẻ ngu si, là kẻ thiếu phước báo. Chẳng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng có phần nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Chúng ta cần phải giác ngộ điều này! Đọc kinh Hoa Nghiêm, nếu chẳng thấy được ý nghĩa rành rành này thì đã uổng công đọc rồi. Có thể thấy được ý nghĩa này rõ ràng thì đọc kinh Hoa Nghiêm chẳng có ai không chết sạch mong ngóng, khiêm hư sát đất niệm A Di Đà Phật. Kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai"* (Chẳng nhờ đến phương tiện mà tâm tự được mở mang), Phật chẳng dối gạt chúng ta. Chẳng nhờ đến phương tiện, chẳng cần nhờ bất cứ một pháp nào khác để giúp đỡ, một câu A Di Đà Phật niệm đến tột cùng, từ Sơ Phát Tâm niệm đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng cần phải nhờ đến Thiền hay Mật để giúp đỡ. Không dùng đến! Bất cứ pháp nào cũng chẳng dùng đến.

Nếu quý vị tu các pháp môn khác, đúng là phải dùng pháp môn Niệm Phật để phụ trợ thì quý vị mới có thể thành tựu. Pháp môn Niệm Phật chẳng cần bất cứ pháp môn nào khác để phụ trợ. Tuy nói là Chánh Trợ Song Tu, Chánh là niệm Phật, nhưng Trợ vẫn là niệm Phật. Quý vị đọc lời Ngẫu Ích đại sư khai thị về pháp môn Niệm Phật sẽ hiểu rõ ngay. *"Cho nên dùng bốn chữ này để ca ngợi chung đoạn văn đã được nói trong phần trên"*: Đoạn văn này chính là đại sư dùng *"bất khả tư nghị"* để khen ngợi những điều đã được nói trong lời Tựa trên đây.

Bất Khả Tư Nghị là *"chí lý cực danh"* (tên gọi tột bậc của lý tột cùng). *"Chí lý cực danh"* là gì? Sách Diễn Nghĩa chú giải như sau:

(Diễn) Chí lý cực danh giả...
(演) 至理極名者。
*(**Diễn**: Tên gọi tột bậc của lý tột cùng là...)*

Lý đạt đến cùng cực, tên gọi cũng đạt đến chỗ cùng cực.

(Diễn) Như danh Chân Như, tắc khả dĩ bất vọng bất biến tư nghị.

(演) 如名真如，則可以不妄不變思議。

*(**Diễn**: Nếu gọi Như là Chân Như thì có thể suy nghĩ, bàn định nó là chẳng hư dối, chẳng biến đổi).*

"Như" trong phần trước là Giả Như. Chúng ta gọi Giả Như bằng cái tên Chân Như thì có thể suy nghĩ, bàn định về sự chẳng vọng, chẳng biến đổi của nó.

Chân là chẳng vọng. Như là bất biến, vĩnh viễn giống như vậy. Chân và Như như vậy thì có thể nghĩ, có thể bàn được.

(Diễn) Hoặc danh Viên Giác, tắc khả dĩ mãn túc hư linh tư nghị.

(演) 或名圓覺，則可以滿足虛靈思議。

*(**Diễn**: Nếu gọi là Viên Giác thì có thể suy nghĩ, bàn định nó là trọn đủ, hư linh).*

"Viên" là viên mãn, chẳng thiếu khuyết chút nào, *"Giác"* là giác ngộ, chẳng mê hoặc. *"Thì có thể suy nghĩ bàn định lý tột cùng ấy là trọn đủ, hư linh"*: *"Giác"* có nghĩa là hư linh[37], *"viên"* có nghĩa là trọn đủ. Những điều này cũng có thể suy nghĩ, bàn định.

(Diễn) Hoặc danh Phật Tánh, tắc khả dĩ ly quá tuyệt phi tư nghị, giai phi chí lý cực danh.

(演)或名佛性，則可以離過絕非思議。皆非至理極名。

*(**Diễn**: Nếu gọi là Phật Tánh thì có thể suy nghĩ, bàn định [lý tột cùng ấy] là lìa lỗi, dứt bặt mọi phủ định. Những tên gọi như vậy đều chẳng phải là tên gọi tột bậc của lý tột cùng).*

Rất nhiều danh hiệu, nhưng những danh hiệu ấy đều có thể nghĩ, có thể bàn, như vậy thì chúng chẳng phải là danh xưng tột bậc của lý tột cùng. Đặt tên chẳng cao minh, chưa đạt đến chỗ cùng tột.

(Diễn) Kim danh bất khả tư nghị, tắc chí lý chi cực danh vô dĩ gia dã.

---

[37] Hư linh: Chỉ là cách diễn tả khác của ý niệm Tịch và Chiếu. Có công năng nhận biết vạn pháp không gì chẳng thấu triệt là Linh (tức Chiếu), tuy nhận biết vạn pháp, nhưng không vướng mắc, không chấp trước, không in giữ bóng dáng, ấn tượng của sáu trần nên gọi là Hư (rỗng rang). Đó chính là cách diễn tả khác của khái niệm Tịch.

(演) 今名不可思議，則至理之極名無以加也。

*(**Diễn**: Nay đặt tên là Bất Khả Tư Nghị thì sẽ là tên gọi tột bậc của lý tột cùng, không còn thêm gì vào được nữa!)*

Bất Khả Tư Nghị, không có cách nào nữa! Đây quả thật là chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng thể nghĩ ngợi, chẳng thể bàn định, chẳng giống như các danh tướng khác đều có thể nghĩ, đều có thể bàn. Danh hiệu này chẳng thể nghĩ bàn, quý vị phải hiểu được ý nghĩa này. Nếu quý vị hiểu [danh hiệu Bất Khả Tư Nghị chỉ đơn giản] có nghĩa là "chẳng thể nghĩ, mà cũng chẳng thể bàn" thì quý vị đã rớt vào trong ý nghĩa "có thể nghĩ, có thể bàn", hiểu lầm danh từ này. Quý vị thấy danh từ này mà dứt bặt suy nghĩ, nói năng thì danh tướng ấy sẽ khởi tác dụng. Tác dụng ấy chính là Quán Chiếu, nhằm dạy quý vị vừa trông thấy danh tướng này liền lập tức dứt bặt ngôn ngữ, suy tưởng, nhất tâm hiện tiền, lại còn là Lý nhất tâm bất loạn hiện tiền, mầu nhiệm tuyệt vời! Do vậy, tên gọi này quả thật là đã đạt đến tột cùng, không còn thêm gì vào được nữa!

(Sớ) Mạt cú kết quy, ngôn như thị bất khả tư nghị giả, đương thị hà vật, duy tự tánh nãi nhĩ.

(疏)末句結歸，言如是不可思議者，當是何物，惟自性乃爾。

*(**Sớ**: Câu cuối cùng là quy kết, nói "chẳng thể nghĩ bàn như thế" chính là vật gì vậy? Chỉ có tự tánh là như vậy mà thôi!)*

Bất Khả Tư Nghị là nói về tự tánh.

(Sớ) Ngôn Tánh hữu nhị, kiêm vô tình phận trung, vị chi Pháp Tánh. Độc hữu tình phận trung, vị chi Phật Tánh. Kim vân tự tánh, thả chỉ Phật Tánh nhi ngôn dã. Tánh nhi viết Tự, pháp nhĩ như nhiên, phi tác đắc cố, thị ngã tự kỷ, phi thuộc Tha cố. Thử chi tự tánh, cái hữu đa danh, diệc danh Bổn Tâm, diệc danh Bổn Giác, diệc danh Chân Tri, diệc danh Chân Thức, diệc danh Chân Như, chủng chủng vô tận. Tổng nhi ngôn chi, tức đương nhân linh tri linh giác bổn cụ chi nhất tâm dã.

(疏)言性有二，兼無情分中，謂之法性。獨有情分中，謂之佛性。今云自性，且指佛性而言也。性而曰自，法爾如然，非作得故。是我自己，非屬他故。此之自性，

蓋有多名，亦名本心，亦名本覺，亦名真知，亦名真識，亦名真如，種種無盡。統而言之，即當人靈知靈覺本具之一心也。

*(**Sớ**: Nói đến Tánh thì có hai thứ. Nếu gồm cả loài vô tình thì gọi là Pháp Tánh, chỉ xét trong loài hữu tình thì gọi là Phật Tánh. Nay nói "tự tánh" thì chỉ là nói về Phật Tánh. Tánh gọi là Tự vì pháp vốn sẵn như vậy, chẳng phải do tạo tác mà có. Nó là chính ta, chẳng thuộc vào cái gì khác. Do vậy, Tự tánh ấy có nhiều tên, còn gọi là Bổn Tâm, còn gọi là Bổn Giác, còn gọi là Chân Tri, còn gọi là Chân Thức, còn gọi là Chân Như. Nói tóm lại, đây chính là nhất tâm vốn sẵn đủ linh tri linh giác của con người vậy).*

Tự Tánh, ở đây riêng chú trọng Phật Tánh của loài hữu tình chúng ta, nhưng nhất định phải biết: Nó bao gồm cả Pháp Tánh.

(Diễn) Pháp Tánh, Phật Tánh giả...
(演) 法性佛性者。
*(**Diễn**: Pháp Tánh và Phật Tánh là...)*

Giải thích hai danh từ này.

(Diễn) Trí Độ Luận vân.
(演) 智度論云。
*(**Diễn**: Trí Độ Luận nói).*

Dẫn Đại Trí Độ Luận để nói. Đại Trí Độ Luận là sách chú giải kinh Ma Ha Bát Nhã.

(Diễn) Phật danh viết Giác, pháp danh bất giác.
(演) 佛名曰覺，法名不覺。
*(**Diễn**: Phật gọi là Giác, pháp gọi là bất giác).*

Hai ý nghĩa này khác biệt rất rõ ràng.

(Diễn) Thị nãi dĩ Trí vi Phật, dĩ Lý vi pháp. Hiền Thủ cứ thử, cố vân: "Vô tình, vô tri giác" chỉ kỳ tánh vi Pháp Tánh, "hữu tình, hữu tri giác" chỉ kỳ tánh vi Phật Tánh. Nhiên nhị tánh tuy phân thuộc tình dữ

vô tình, Pháp Tánh diệc khả thông hữu tình, dĩ chúng sanh nãi chư pháp trung chi nhất pháp cố.

(演)是乃以智為佛，以理為法。賢首據此，故云：無情無知覺，指其性為法性；有情有知覺，指其性為佛性。然二性雖分屬情與無情，法性亦可通有情，以眾生乃諸法中之一法故。

*(**Diễn**: Ấy là vì coi Trí là Phật, coi Lý là Pháp. Ngài Hiền Thủ dựa vào đây, nên nói: "Vô tình, không tri giác" nhằm chỉ tánh ấy là Pháp Tánh, "hữu tình, có tri giác" nhằm chỉ tánh ấy là Phật Tánh; nhưng hai tánh (Phật Tánh và Pháp Tánh) tuy chia thành hữu tình và vô tình, Pháp Tánh cũng có thể thông với hữu tình, do chúng sanh chính là một pháp trong các pháp).*

Giữa Phật Tánh và Pháp Tánh, phải hiểu Pháp Tánh có phạm vi to lớn, bao gồm giác tánh, bởi giác tánh cũng là một pháp, hữu tình cũng là một pháp. Nhìn từ hai phương diện Thể và Dụng, Pháp Tánh là Thể, bản thể, lý thể, Phật Tánh là tác dụng. Pháp Tánh khởi tác dụng là Giác, Lý khởi tác dụng là Giác. Do vậy, thế nào là thành Phật? Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là Trí, là Vô Thượng Bồ Đề, là Vô Thượng Trí Huệ, là Năng Chứng (chủ thể có thể chứng). Có thể chứng điều gì? Có thể chứng được Lý, Lý là Pháp Tánh. Pháp Tánh là bản thể, là Pháp Thân. Trí huệ là Bát Nhã, Bát Nhã là năng chứng, Pháp Thân là cái được chứng (sở chứng). Năng và Sở chẳng hai, Lý và Trí hệt như một, chúng là một, chẳng phải hai.

Do vậy, đại kinh mới nói: *"Tình và vô tình cùng viên mãn Chủng Trí"*.

(Diễn) Cố viết: Kiêm vô tình phận trung vị chi Pháp Tánh.

(演) 故曰：兼無情分中謂之法性。

*(**Diễn**: Cho nên nói: Nếu gồm cả loài vô tình thì gọi là Pháp Tánh).*

[Nếu nói đến Tánh mà] bao gồm cả hữu tình và vô tình thì gọi là Pháp Tánh, chẳng bao gồm vô tình thì gọi là Phật Tánh.

(Diễn) Phật Tánh duy cục hữu tình, bất thông vô tình, dĩ mộc thạch đẳng vô tri giác cố. Cố viết: "Độc hữu tình phận trung, vị chi Phật tánh".

(演)佛性唯局有情，不通無情，以木石等無知覺故。故曰：獨有情分中謂之佛性。

(***Diễn**: Phật Tánh chỉ hạn cuộc trong loài hữu tình, chẳng thông với vô tình, bởi lẽ, gỗ, đá v.v... chẳng có tri giác. Vì thế, nói: "Chỉ xét trong loài hữu tình thì gọi là Phật Tánh").*

Chúng ta phân biệt giữa Phật Tánh và Pháp Tánh, có thể dùng đoạn này trong Đại Trí Độ Luận để nói rõ.

(Diễn) Thả chỉ Phật Tánh nhi ngôn giả.

(演) 且指佛性而言者。

(***Diễn**: "Chỉ nói đến Phật Tánh" là...)*

Tự tánh vốn bao gồm Phật Tánh lẫn Pháp Tánh, ở đây đại sư chỉ nói riêng về Phật Tánh. *"Thả chỉ Phật Tánh nhi ngôn"*: Tạm thời chẳng bàn đến Pháp Tánh, chỉ nói tới Phật Tánh.

(Diễn) Tự Tánh thật thông nhị chủng.

(演) 自性實通二種。

(***Diễn**: Tự Tánh thật sự bao gồm cả hai thứ).*

"Nhị chủng" là Phật Tánh và Pháp Tánh.

(Diễn) Như Hoa Nghiêm vân: "Nhược nhân dục thức Chân Không lý, tâm nội Chân Như hoàn biến ngoại, tình dữ vô tình đồng nhất thể, xứ xứ giai đồng chân pháp giới".

(演)如華嚴云：若人欲識真空理，心內真如還遍外，情與無情同一體，處處皆同真法界。

(***Diễn**: Như kinh Hoa Nghiêm dạy: "Nếu ai muốn biết lý Chân Không, thì Chân Như trong tâm trọn khắp bên ngoài, tình và vô tình có cùng một thể, chỗ nào cũng đều là Nhất Chân pháp giới").*

Đây là một bài kệ trong kinh Hoa Nghiêm. Ý nghĩa của bài kệ này hết sức hay. Nếu chúng ta thường đọc tụng, thường cảnh tỉnh chính mình, bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu, trong mỗi niệm đều quán như thế thì công đức chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Mở rộng tâm lượng, hóa giải phân biệt và chấp trước của quý vị, tự nhiên không còn [phân biệt, chấp trước]

nữa! Nói cách khác, quý vị nhập Nhất Chân pháp giới mà chẳng hay, chẳng biết. *"Chân pháp giới"* chính là Nhất Chân Pháp Giới. *"Nhược nhân"* (nếu ai), người nào vậy? Bồ Tát, chẳng phải kẻ tầm thường! Người tầm thường chẳng cầu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ Tát mới có ý niệm ấy! Quý vị đến giảng đường, hoặc đến tự viện, có phải là cầu Vô Thượng Bồ Đề hay chăng? Không có ý niệm ấy! Đến nơi đó để đỡ buồn, hoặc vì có nghi hoặc, đến nơi ấy với hy vọng giải trừ nghi hoặc, cầu những thứ đó, chẳng phải vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà đến! Do vậy, quý vị chẳng thể đạt được!

Chúng ta đọc Lục Tổ Đàn Kinh, chẳng thể không bội phục Lục Tổ, vì sao? Ngài vừa gặp Ngũ Tổ, Ngũ Tổ hỏi Ngài: "Ngươi đến để làm gì?" "Con đến cầu làm Phật". Chẳng cầu gì khác! Tuyệt vời! Do vậy, đọc kinh Hoa Nghiêm, bội phục Thiện Tài đồng tử năm vóc sát đất. Thiện Tài đi tham học nhằm cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, còn cao minh hơn Lục Tổ! Lục Tổ nói "con đến để làm Phật", ý nghĩa "làm Phật" rất mơ hồ, vì bốn giáo tức Tạng Giáo, Thông Giáo, Biệt Giáo, Viên Giáo đều có Phật, anh muốn làm vị Phật nào? Không nói rõ ràng! Thiện Tài nói: *"Con đã phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác"*, nói rất rõ ràng, rành mạch, phân minh, cầu Viên Giáo Phật! Người ta vì điều này mà đến, chúng ta vì cái gì mà đến? Quý vị đến để nghe kinh, lầm rồi!

Nếu quý vị vì làm Phật mà đến thì mới là đúng, [làm Phật] có ý nghĩa khác với nghe kinh mà cái quý vị sẽ đạt được cũng khác! Quý vị nghe kinh, kinh gì vậy? Nói lung tung xèng, bịa đặt, đồn thổi! Phàm tất cả ngôn thuyết đều là hý luận, những kinh điển của Phật chẳng phải là hý luận ư? Đương nhiên là hý luận! Vì sao là hý luận? Vì quý vị chấp vào tướng ngôn thuyết, chấp vào tướng danh tự, chấp vào tướng tâm duyên. Quý vị đến nơi đây, chuyên môn chấp vào tướng, làm sao có thành tựu cho được? Làm sao có thể đoạn phiền não?

"Nhược nhân dục thức Chân Không lý": *"Dục"* là một lòng một dạ, *"thức"* là hiểu rõ. Bồ Tát một lòng một dạ muốn ngộ lý Chân Không. Lý Chân Không chính là Lý nhất tâm bất loạn, là Nhất Chân pháp giới, là Chân Như bổn tánh. Người ấy muốn ngộ nhập! Tiếp theo đó là miêu tả ý nghĩa và cảnh giới ấy đôi chút. *"Tâm nội Chân Như hoàn biến ngoại"* (Chân Như trong tâm trọn khắp bên ngoài): Trong và ngoài là một, chẳng hai. Tận hư không, trọn pháp giới là một Chân Như, chẳng có hai cái Chân Như. Nhất Chân không có Nhị Chân, Nhất Như không có Nhị Như. *"Tình dữ vô tình đồng nhất thể, xứ xứ giai đồng Chân pháp giới"* (Tình và vô tình cùng một thể, nơi nào cũng đều là Nhất Chân pháp giới): Chứng Lý

nhất tâm bất loạn từ nơi đâu? Trong hết thảy pháp, hết thảy cảnh duyên không đâu chẳng là nó. "Cảnh" là hoàn cảnh vật chất, "duyên" là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau). Trong hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự, không gì chẳng phải là chính mình, có cùng một Thể!

Tôi thường dùng cảnh trong mộng làm tỷ dụ: Chúng ta nằm mộng, trong mộng có ta, mà cũng có người, có sơn hà đại địa, cũng có cây cối, hoa cỏ, từ do đâu mà có? Đều là những vật được biến hiện trong tâm của chính mình, há có phải như kinh đã nói *"ngoài tâm không có mộng"* đó sao? Ngoài tâm không có pháp, pháp là mộng. Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm; khi nằm mộng, toàn bộ cái tâm biến thành mộng. Mộng là tâm, ngoài tâm không có mộng, ngoài mộng chẳng có tâm. Trong toàn bộ mộng cảnh, tình và vô tình có cùng là một Thể hay chăng? Nhưng chúng ta ngày nay, toàn bộ vũ trụ, nhân sinh, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là Chân Như bổn tánh của chúng ta là huyễn tướng của chân tâm, giống như chân tâm đang nằm mộng, chẳng khác gì! Chúng ta đêm ngủ nằm mộng, đấy là mộng trong mộng, phải giác ngộ!

Do vậy, hết thảy vạn pháp là cùng một Thể. Khi Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, thánh nhân Trung Quốc cũng siêu phàm lắm, cũng có sự giác ngộ này, họ nói: *"Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn pháp dữ ngã nhất thể"* (Trời đất và ta cùng một gốc, muôn pháp và ta cùng một Thể), cũng nói như vậy đó, chẳng khác gì cảnh giới Hoa Nghiêm, họ cũng đạt đến cảnh giới ấy. *"Xứ xứ giai đồng Chân pháp giới"* (Chỗ nào cũng đều là Nhất Chân pháp giới): Lý nhất tâm bất loạn hiện tiền. Trong Hoa Nghiêm Viên Giáo, cảnh giới ấy là cảnh giới của bậc Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên.

(Diễn) Kim vân nhĩ giả, đản dĩ thử kinh trọng nhất tâm niệm Phật cầu nguyện vãng sanh, nãi tá bỉ Phật cảnh hiển ngã tự tâm cố. Thả chỉ hữu tình Phật tánh dã.

(演)今云爾者，但以此經重一心念佛求願往生，乃借彼佛境顯我自心故。且指有情佛性也。

*(**Diễn**: Nay nói như vậy, chỉ vì kinh này chú trọng nhất tâm niệm Phật cầu nguyện vãng sanh, bèn mượn cảnh Phật ấy để hiển lộ tự tâm của ta, cho nên nói về Phật Tánh của loài hữu tình vậy).*

Đoạn này nói rõ: Vì sao ở đây Liên Trì đại sư lại thiên trọng Phật Tánh khi giảng về Tự Tánh, đạo lý là ở chỗ này. Do cương lãnh tu hành của bộ kinh này là "trì danh niệm Phật", hy vọng công phu đạt đến nhất tâm bất loạn, vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Do vậy, mới chú trọng nói riêng một phương diện của tự tánh. Thật ra, tự tánh bao gồm cả hữu tình và vô tình. Hôm nay đã hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến chỗ này.

Tập 13

Xin coi A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ mười bốn:

(Sớ) Kim vân tự tánh, thả chỉ Phật tánh nhi ngôn dã. Tánh nhi viết Tự, pháp nhĩ như nhiên, phi tác đắc cố, thị ngã tự kỷ, phi thuộc Tha cố. Thử chi tự tánh, cái hữu đa danh, diệc danh Bổn Tâm, diệc danh Bổn Giác, diệc danh Chân Tri, diệc danh Chân Thức, diệc danh Chân Như, chủng chủng vô tận. Thống nhi ngôn chi, tức đương nhân linh tri linh giác bổn cụ chi nhất tâm dã. Kim minh bất khả tư nghị giả, duy thử tâm nhĩ, cánh vô dư vật hữu thử bất tư nghị thể dữ tâm đồng dã.

(Diễn) Thả chỉ Phật tánh nhi ngôn giả.

(疏)今云自性，且指佛性而言也。性而曰自，法爾如然，非作得故；是我自己，非屬他故。此之自性，蓋有多名，亦名本心，亦名本覺，亦名真知，亦名真識，亦名真如，種種無盡，統而言之，即當人靈知靈覺本具之一心也。今明不可思議者，惟此心耳，更無餘物有此不思議體與心同也。

(演)且指佛性而言者。

***(Sớ**: Nay nói tới tự tánh là nói về Phật tánh mà thôi! Tánh được gọi là Tự, do pháp vốn sẵn như vậy, chẳng phải do làm mà có, nó là chính mình, nên chẳng thuộc gì khác. Do vậy, tự tánh này có nhiều danh, còn gọi là Bổn Tâm, còn gọi là Bổn Giác, còn gọi là Chân Tri, còn gọi là Chân Thức, còn gọi là Chân Như, vô tận các thứ tên gọi. Nói tóm lại, nó chính là nhất tâm trọn đủ linh tri linh giác của con người. Nay giảng về ý nghĩa "chẳng thể nghĩ bàn" thì chỉ có cái tâm này, chứ không còn vật nào khác mà có cái Thể (bản thể) chẳng thể nghĩ bàn giống như tâm được!*

***Diễn**: "Nói về Phật Tánh" là...)*

Nghĩa lý của đoạn này quả thật chẳng cùng tận, những điều này đều do *"bất khả tư nghị"* trong phần trên mà có, nhất là đại sư đã bảo *"bất khả tư nghị"* là tên gọi tột bậc của lý tột cùng, đều là dựa trên bản kinh này và tựa đề kinh này để mà nói. Kinh này vốn có tên là Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

(Diễn) Tự tánh thật thông nhị chủng.

(演) 自性實通二種。

*(**Diễn**: Thật ra, Tự tánh gồm cả hai thứ).*

Phật Tánh và Pháp Tánh đều là tự tánh.

(Diễn) Nhược nhân dục thức Chân Không lý, tâm nội Chân Như hoàn biến ngoại, tình dữ vô tình đồng nhất thể, xứ xứ giai đồng Chân pháp giới.

(演)若人欲識真空理，心內真如還遍外，情與無情同一體，處處皆同真法界。

*(**Diễn**: Nếu ai muốn biết lý Chân Không, Chân Như trong tâm trọn khắp bên ngoài, hữu tình và vô tình có cùng một Thể, chỗ nào cũng đều là Nhất Chân Pháp Giới).*

Hãy nên học thuộc bốn câu này, toàn bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh chỉ nói về chuyện này. Tâm Kinh cũng nói về chuyện này. Thông suốt chân nghĩa của bốn câu này thì cảnh giới của quý vị sẽ khác hẳn, sẽ chuyển được cảnh giới. Chuyển cảnh giới gọi là tiêu nghiệp chướng. Nếu từng tiếng Phật hiệu của chúng ta đều chuyển được cảnh giới, đấy là tiêu nghiệp chướng. Nếu Phật hiệu chẳng chuyển được cảnh giới, sẽ chẳng thể tiêu nghiệp chướng. Vì sao có người tiêu được, có người chẳng tiêu? Vấn đề là ở chỗ quý vị có hiểu hay là không, tức là có hiểu được diệu lý trong ấy hay không? Nếu quý vị hiểu được diệu lý trong ấy, mỗi câu đều có thể tiêu nghiệp chướng, chẳng giả tí nào. Đấy thật sự là công đức vô lượng!

(Diễn) Kim vân nhĩ giả, đản dĩ thử kinh trọng nhất tâm niệm Phật cầu nguyện vãng sanh.

(演) 今云爾者，但以此經重一心念佛求願往生。

*(**Diễn**: Nay nói như thế, chỉ vì kinh này chú trọng nhất tâm niệm Phật, cầu nguyện vãng sanh).*

Câu này hết sức quan trọng. Kinh Di Đà và pháp môn này đặc biệt chú trọng *"nhất tâm niệm Phật"*. Bốn chữ này quyết định chẳng để coi thường! Chúng ta bình thường ngày ngày niệm Phật, vì sao Phật hiệu chẳng thể chuyển cảnh giới, chẳng thể tiêu nghiệp chướng? Vì không dùng

nhất tâm! Do vậy, Phật hiệu chẳng đắc lực! Nếu quý vị nhất tâm niệm, đương nhiên Phật hiệu sẽ đắc lực. Nói một cách đơn giản nhất, nói *"nhất tâm"* chính là trong một câu Phật hiệu không có phân biệt, không có chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đó gọi là *"nhất tâm niệm"*. Một mặt niệm Phật, một mặt suy nghĩ loạn xạ, chẳng những không thể tiêu nghiệp chướng mà niệm niệm đều tạo nghiệp. Niệm Phật mà vẫn khởi vọng tưởng, vẫn suy nghĩ loạn xạ, tức là tạo nghiệp to lớn. Do vậy, phải biết: Nhất tâm niệm Phật. Niệm Phật để làm gì? *"Cầu nguyện vãng sanh"*, chẳng có ý niệm thứ hai, một lòng, một dạ mong cầu Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, nhất định phải biết thế giới này khổ sở, thế giới này đáng sợ!

Tham luyến thế giới này là ngu si! Vì sao? Tận hư không, trọn pháp giới đều do chính mình tạo. Ví như quý vị xây một cao ốc, toàn bộ cao ốc đó là của quý vị, quý vị lại chỉ khư khư yêu mến một căn phòng nhỏ, cho căn phòng nhỏ đó là chính mình, còn những nơi khác đều chẳng cần đến. Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo"* (Hãy nên quán tánh pháp giới, hết thảy chỉ do tâm tạo). Tây Phương Cực Lạc thế giới do cái tâm của chính mình biến hiện, thế giới Sa Bà cũng do tự tâm biến hiện, thế giới Hoa Tạng vẫn do tự tâm biến hiện. Tận hư không, trọn pháp giới chỉ là chính mình. Cái thân thể được biến hiện này có chỗ thanh tịnh, có chỗ ô uế. Chỗ thanh tịnh kẻ ấy không ưa thích, lại rất yêu mến chỗ ô uế. Kẻ như vậy chẳng phải là ngu si ư? Chỉ cần có thiên lệch thì là bệnh rồi!

Thiên ái (yêu thích đặc biệt) là Biên Kiến trong Kiến Hoặc, chấp trước một bên. Chuyện này chẳng phải là phiền phức ư? Quý vị chưa thể phá trừ thứ Biên Kiến này. Nói cách khác, thứ Kiến Hoặc thấp nhất mà chưa thể đoạn được, còn nói gì nữa đây? Đoạn xong Kiến Hoặc, nếu chẳng cầu sanh về Tây Phương Tịnh Độ, sẽ chẳng thể vượt thoát sanh tử luân hồi, vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Luân hồi trong lục đạo thì khi quý vị sanh sang đời khác, công phu chưa phải là bất thoái chuyển, Bồ Tát còn mê khi cách ấm, huống chi quý vị mới có tí xíu công phu lông gà vỏ tỏi như vậy, thấm vào đâu? Hễ đầu thai, sẽ quên sạch sành sanh đời trước, còn có thể tiếp tục nỗ lực nữa hay không? Điều này tùy thuộc duyên phận của quý vị, không nhất định là có thể [tiếp tục tu tập]! Do vậy, phải hiểu thế giới Sa Bà là đường hiểm, tức là con đường hết sức nguy hiểm, ở trong đó, quý vị thật sự gặp được thiện hữu, thiện tri thức, có thể tự giác ngộ, dụng công tu hành trong ấy sẽ rất nhanh chóng, thành tựu cũng cao. Nếu quý vị không gặp được [thiện hữu, thiện tri thức], chẳng thể y giáo phụng

hành, lại trở thành hằng ngày khởi vọng tưởng, càng mê càng sâu, càng đọa càng khổ! Nhất định phải giác ngộ điều này.

Hai câu gồm tám chữ sau đây là cốt lõi để tu học kinh Di Đà: *"Nhất tâm niệm Phật, cầu nguyện vãng sanh"*. Thích Ca Mâu Ni Phật nói kinh Di Đà là vì lẽ này, sáu phương chư Phật tán thán cũng nhằm tán thán điều này. Nếu chúng ta không hiểu hai câu *"nhất tâm niệm Phật, cầu nguyện vãng sanh"*, hàm hồ đọc lướt qua, mười phương chư Phật tán thán, Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết kinh cho chúng ta uổng công! Tuy có nói với quý vị, nhưng quý vị chẳng đạt được. Quý vị nắm được hai câu này là nắm được toàn bộ bản kinh.

(Diễn) Nãi tá bỉ Phật cảnh, hiển ngã tự tâm cố.
(演) 乃借彼佛境顯我自心故。
*(**Diễn**: Bèn mượn cảnh Phật ấy để hiển lộ tự tâm của ta).*

Vì sao nhất định phải niệm Phật? Nhờ vào cảnh giới của A Di Đà Phật để hiển lộ chân tâm của chính mình. Chân tâm của chúng ta hiện còn đang mê, A Di Đà Phật giống như chuông buổi sớm, từng tiếng chuông khua vỡ ải mê, đánh thức chân tâm của chúng ta. Chuyện là như vậy đó! Do vậy, sáu chữ hồng danh chẳng thể nghĩ bàn! Trong phần trước, Liên Trì đại sư đã giảng rồi.

Nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa của sáu chữ hồng danh là "quy y Vô Lượng Giác". Khi quý vị niệm, cũng phải nhớ rõ. Mỗi tiếng đều nhắc nhở chính mình quy y Vô Lượng Giác, [hiện thời] sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần là mê chứ không giác. Tâm mê là nhiễm đắm. Tâm giác là thanh tịnh. Trong tâm mê có nhiều ý niệm, đấy là phiền não, phân biệt, chấp trước, vọng tưởng vô lượng, vô biên. Tâm ấy là tâm mê, trong tâm giác không có những thứ đó. Lục Tổ nói *"vốn chẳng có một vật"*.

Khi nào sẽ giác ngộ? Tâm thanh tịnh, chẳng có một vọng niệm nào. Cảnh giới bên ngoài thứ gì cũng hiểu rõ, chẳng những hiểu rõ cảnh giới ở ngay trước mắt, mà quá khứ cũng hiểu rõ, tương lai cũng hiểu rõ, đấy là thần thông hiện tiền. Không có gì chẳng hiểu rõ, vừa thấy liền hiểu rõ. Quá khứ, vị lai, hiện tại, ba đời, mười phương rõ rệt, rành rẽ, minh bạch, một niệm chẳng sanh, đấy là tướng giác ngộ. Chúng ta hãy tự mình phản tỉnh coi chúng ta có giác ngộ hay không? Vẫn còn có vọng niệm! Có vọng niệm là chẳng giác. Chẳng giác thì dùng phương pháp niệm Phật để đánh thức chính mình hãy giác ngộ. Do vậy, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, niệm Phật là bậc nhất, là phương pháp trực tiếp thỏa đáng nhất để đánh

thức giác tâm của quý vị. Đây là giảng rõ vì sao phải dùng phương pháp này; do vậy, tự tánh được nói đến ở đây chính là...

(Diễn) Thả chỉ hữu tình Phật Tánh.

(演) 且指有情佛性。

*(**Diễn**: Nhằm chỉ Phật Tánh của hữu tình).*

Nhằm ý nghĩa này. Tiếp theo, sách Diễn Nghĩa giải thích câu *"Tánh nhi viết Tự, pháp nhĩ như nhiên, phi tác đắc cố"*.

(Diễn) Tánh nhi viết Tự, Tự hữu nhị nghĩa: Nhất, tự nhiên chi tự; nhị, tự kỷ chi tự.

(演)性而曰自，自有二義：一、自然之自，二、自己之自。

*(**Diễn**: "Tánh nói là Tự" thì chữ Tự có hai nghĩa: Một, tự là tự nhiên; hai, tự là tự kỷ (chính mình).*

"Tự" được giảng theo cách nào? *"Tự"* có hai ý nghĩa: Một ý nghĩa là tự nhiên, tự nhiên là chẳng phải do tạo tác. Một ý nghĩa khác là *"tự kỷ"* (chính mình), [tức là] chẳng phải do ai khác. Tự tánh có cả hai ý nghĩa này, hai ý nghĩa này đều viên mãn.

(Diễn) Pháp nhĩ như nhiên phi tác đắc giả.

(演) 法爾如然非作得者。

*(**Diễn**: "Pháp vốn là như vậy, chẳng phải do làm mà có" là...)*

"Pháp nhĩ tự nhiên" có nghĩa là tự nhiên, *"phi tác đắc giả"* là chẳng do tạo tác.

(Diễn) Diệu tánh thiên nhiên, bất nhân tu đắc, mê thời vô thất, ngộ thời vô đắc, hữu vật hồn thành, bổn tự như như cố. Thử tự nhiên chi tự dã.

(演)妙性天然，不因修得，迷時無失，悟時無得，有物渾成，本自如如故。此自然之自也。

*(**Diễn**: Diệu tánh tự nhiên có sẵn, chẳng do tu mà đạt được. Lúc mê chẳng mất, khi ngộ chẳng được, tự nhiên sanh thành, vốn tự như như. Đấy chính là chữ Tự hiểu theo nghĩa tự nhiên).*

Mấy câu này phải nói, vì nếu không nói, sợ [người nghe] sẽ không thấy được ý nghĩa. *"Tánh"* là thật, quyết định chẳng phải là hư vọng. Nó là chính mình, là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Dùng danh từ nhà Phật để nói thì hết thảy các pháp, y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do nó biến hiện. Núi sông và đại địa do thứ gì tạo ra? Là do nó tạo. Nó thật sự là Tạo Vật Chủ (Tạo Hóa, hóa công). Nói Thượng Đế là tạo vật chủ là giả, vì Thượng Đế cũng do nó tạo. Ai tạo nên Thượng Đế? Tự tánh tạo ra Thượng Đế. Do vậy, Thượng Đế trọn chẳng phải là Tạo Vật Chủ thật sự. Tạo Vật Chủ thật sự là *"tự tánh"*. Do vậy, nó được gọi là *"diệu"*. Diệu là vì nó có thể tạo, nó không có tướng, nhưng có thể hiện hết thảy tướng, đó là diệu! Trong kinh Đại Thừa nói *"duy tâm sở hiện"*. Tánh còn gọi là Tâm, còn gọi là Thức, đều là cùng một chuyện. Chúng ta thường nói tới bổn tánh, đó là nói đến tánh này theo mặt Thể; nếu nói Tâm hay Thức là nói theo mặt tác dụng. Thể và Dụng là một, chẳng phải hai. Tánh có thể hiện, Thức có thể biến. Duy tâm sở hiện, hiện tướng; trong Tướng có những sự biến hóa và Thức cũng biến ở nơi đó.

Quý vị phải hiểu: Trong Tướng là một vị bình đẳng. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: *"Cảnh vô hảo xú"* (cảnh không tốt xấu), Cảnh là cảnh giới, là tướng bên ngoài. Ngũ Căn: Mắt, mũi, tai, lưỡi, thân, Lục Trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đấy là Tướng, là Sắc Pháp. Trong Sắc Pháp chẳng có tốt hay xấu, hoàn toàn là bình đẳng, thật sự bình đẳng. Tốt - xấu không có tiêu chuẩn, mỗi người có tiêu chuẩn riêng. Tiêu chuẩn do đâu mà có? Tiêu chuẩn từ cái Thức của quý vị biến ra, từ trong Thức sanh ra. Tâm chẳng sanh, trong tâm chẳng có một pháp nào, chẳng lập một pháp! Trong Thức kiến lập các thứ tiêu chuẩn, mỗi người kiến lập tiêu chuẩn khác nhau. Nói cách khác, quan niệm thẩm mỹ và đối tượng ưa thích của mỗi người không giống nhau. Mỗi người là một tiêu chuẩn, hóa ra, chẳng có tiêu chuẩn gì hết!

Do vậy, đại sư nói: *"Kẻ ngu trừ cảnh, chẳng trừ tâm. Người trí trừ tâm, chẳng trừ cảnh"*. Người giác ngộ bỏ điều gì? Trừ khử thức tâm, cái thức tâm ấy có thể biến, người ấy bỏ đi cái tâm đó, chứ không trừ khử cảnh giới bên ngoài. Do vậy, người ấy đạt được gì? Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, thật sự tự tại. Kẻ ngu nhất định phải tìm hoàn cảnh tốt đẹp, hoàn cảnh lý tưởng, cầu pháp ngoài tâm; chẳng thay đổi tâm lý của mình thì

dẫu tìm được Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn khổ não! Vì sao? Vẫn [cảm thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới] chẳng phải là nơi lý tưởng trọn vẹn! Tìm hoàn cảnh lý tưởng ở nơi đâu? Tìm ngay trong tâm địa, nếu tìm nơi cảnh giới bên ngoài sẽ chẳng tìm được! Tìm hoàn cảnh lý tưởng nơi cảnh giới bên ngoài là tìm mệt chết luôn! Từ vô lượng kiếp đến nay, quý vị luôn tìm kiếm, tìm cho đến bây giờ vẫn tìm không ra. Sau này lại tìm trong vô lượng kiếp, vẫn tìm chẳng được, vĩnh viễn chẳng thể tìm được! Phải hiểu điều này. Do vậy, người thông minh, tâm đã bình đẳng, cảnh sẽ bình đẳng. Tâm lành, cảnh giới đều lành. Tâm ác, nhìn thấy cảnh giới bên ngoài đều là ác. Tâm thiện, nhìn cảnh giới bên ngoài đều thiện. Do vậy, đức Phật thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật, Bồ Tát thấy hết thảy chúng sanh đều là Bồ Tát, phàm phu thấy Phật, Bồ Tát cũng là phàm phu.

"Diệu tánh thiên nhiên, bất nhân tu đắc" (Diệu tánh thiên nhiên, chẳng do tu mà có): Tánh ấy là diệu hay chẳng diệu? Quá diệu! Nó có thể biến hiện hết thảy hiện tượng, nhưng sự biến hiện ấy là tự nhiên, chẳng do tu mà có được. *"Thiên nhiên"* là nói tới diệu tánh, tánh là sẵn có, danh từ Phật học gọi điều này là *"pháp nhĩ như thị"* (pháp vốn sẵn là như vậy). Ở đây nói là *"pháp nhĩ như nhiên"*. *"Nhiên"* có nghĩa là *"thị"* (đúng vậy). Pháp vốn sẵn là như vậy, pháp vốn sẵn đúng như vậy, từ ngữ này thường thấy trong kinh Phật. *"Pháp nhĩ như nhiên"*, đã vốn có nghĩa là tự nhiên, vì sao chẳng viết là tự nhiên? Nếu viết là thiên nhiên, chúng ta vừa đọc sẽ hiểu ngay ý nghĩa của chữ *"pháp nhĩ"* này; nếu không, chúng ta sẽ bị mê hoặc. Cổ đại đức dịch kinh chẳng dễ dàng, vì chúng ta quen thói nói "tự nhiên". Đối lập với tự nhiên là nhân duyên; nói chung, [nói *"tự nhiên"*] sẽ rớt vào hai bên. Vì làm cho chúng ta khỏi rớt vào hai bên nên mới lập ra danh xưng *"pháp nhĩ như nhiên"*, mong chúng ta nghe rồi sẽ chẳng rớt vào hai bên, ở đây có ý nghĩa sâu xa như vậy.

Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: *"Phi nhân duyên, phi tự nhiên, pháp nhĩ như thị"* (Chẳng phải là nhân duyên, chẳng phải tự nhiên, pháp vốn sẵn như vậy). Chẳng rớt vào hai bên, bất đắc dĩ gọi là *"diệu tánh"*. Nó chẳng phải do tu mà có được, nó là sẵn có. Hiện thời quý vị có [diệu tánh ấy] hay không? Có chứ! Hoàn toàn hiển lộ ngay trước mặt. Tuy hiển lộ, chính quý vị chẳng nhận biết, vậy thì làm sao được nữa đây! Chư Phật, Bồ Tát thấy rất rõ ràng. Do vậy, Phật thấy quý vị là Phật, Phật và kẻ khác chẳng hai; Bồ Tát thấy quý vị là Bồ Tát, quý vị và các Ngài chẳng có chỗ nào khác biệt, nhưng do quý vị tự mình mê nên không có cách nào hết! Tự mình mê là như thế nào? Quý vị tự khởi tâm động niệm, chính quý vị suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, đó là tự mình mê. Vì sao Phật,

Bồ Tát chẳng mê? Phật, Bồ Tát chẳng có ý niệm nào. Thích Ca Mâu Ni Phật hằng ngày thuyết pháp, nói suốt bốn mươi chín năm mà chẳng nói một chữ nào, quý vị có tin hay không? Chẳng tin! Vì sao không tin? Do quý vị đang mê, mê rồi nên chẳng tin. Nếu quý vị giác ngộ, quý vị sẽ tin tưởng: Quả thật trong suốt bốn mươi chín năm, đức Phật chẳng nói một chữ, thật đấy! Khi nào thấy được chân tướng sự thật ấy, quý vị sẽ giác ngộ.

"Mê thời vô thất, ngộ thời vô đắc" (lúc mê chẳng mất, khi ngộ chẳng được). Nay chúng ta đang mê, diệu tánh thiên nhiên có bị mất hay không? Chẳng hề mất đi, suốt ngày từ sáng đến tối khởi tác dụng, khởi tác dụng mê hoặc điên đảo. Hễ giác ngộ, sẽ khởi tác dụng Bồ Đề Niết Bàn. Khi mê, hằng ngày khởi tác dụng sanh tử phiền não. Thật ra, "sanh tử, phiền não" và "Bồ Đề, Niết Bàn" là một, chứ không phải hai, đều là cùng một chuyện, đều là diệu tánh khởi tác dụng. Hễ ngộ thì gọi tên nó là Bồ Đề Niết Bàn, còn mê thì gọi là sanh tử phiền não. Chỉ thay đổi tên gọi, chứ vẫn có tác dụng đó. Thế nhưng mê hay ngộ sẽ cảm nhận khác biệt rất lớn. Hễ ngộ sẽ cảm nhận tự tại khôn sánh. Mê thì cảm thấy vô biên thống khổ, biển khổ không bờ mà! Khác nhau! Đã là lúc mê chẳng mất, đương nhiên khi giác ngộ cũng không được gì. Tâm Kinh đến cuối cùng, dạy: *"Vô trí, diệc vô đắc"* (Không có trí, mà cũng chẳng có đắc). *"Trí"* là cái trí có khả năng chứng, *"đắc"* là cái quả đạt được. Không có trí, cũng không có đắc, vì sao vậy? Bổn tánh. Đã là thiên nhiên thì không có được hay mất. Trong ấy chỉ có mê hay ngộ, chứ không có được hay mất. Mê là nó, mà ngộ cũng là nó. Nếu quý vị tham thấu chỗ này, mới hiểu mê và ngộ không hai, quý vị thật sự nhập cảnh giới ấy. Nếu quý vị nhận định mê và ngộ là hai pháp, có mê, có ngộ, lại tạo thành Biên Kiến. Đấy là chỗ khó khăn trong Phật pháp, rất khó ngộ nhập chỗ này. Nói chung, quý vị chẳng đọa vào Có, sẽ đọa vào Không. Nói chung, quý vị đọa vào một bên. Khi nào có thể dứt sạch hai bên thì nhà Thiền gọi là *"tọa đoạn lưỡng đầu"*. Nhà Thiền nói đến chuyện tọa Thiền, công phu tọa Thiền đắc lực, đoạn được cả hai đầu (tức kiến giải nhị biên), sẽ nhập. Đoạn dứt cả hai bên, nhập pháp môn Bất Nhị thì mới có chỗ nhập (nhập xứ). Cái gọi là *"nhập xứ"* ấy chính là ngộ xứ, Thiền gia bảo là *"đại triệt đại ngộ"*, minh tâm kiến tánh. Nếu rớt vào hai bên thì chẳng được! Quý vị chẳng vào được cửa!

"Hữu vật hồn thành[38]*, bổn tự như như"*: Đây là hai câu nói của cổ nhân. *"Hữu vật"* là có thứ gì đó. Thứ gì cũng chẳng thể nói ra được, là vì nó chẳng có tên, chẳng có hình, chẳng có tướng, làm sao quý vị nói ra được? Nó quả thật là có, nhưng vật ấy là thiên nhiên diệu tánh, *"bổn tự như như"*, nó vốn sẵn như thế, ý nghĩa của nó là tự nhiên, pháp vốn sẵn như vậy. Ý nghĩa thứ hai là...

(Diễn) Thị ngã tự kỷ, phi thuộc Tha giả.

(演) 是我自己非屬他者。

*(**Diễn**: "Là chính ta chẳng thuộc ai khác" là...)*

Điều này cũng hết sức trọng yếu. Tự tánh gồm đủ hai ý nghĩa này, chẳng phải là chỉ có một ý nghĩa. Đối với hai ý nghĩa, quý vị lại cho rằng nó có hai bên thì lại hỏng mất rồi! Hai ý nghĩa này đều là tự tánh. Bản thân tự tánh trọn đủ hai ý nghĩa này, một tức là hai, hai tức là một. Nói đến ý nghĩa này nhằm để đối phó với những người có khái niệm sai lầm mà nói vậy.

(Diễn) Dĩ ngoại đạo, hoặc kế tự nhiên, hoặc kế nhân duyên, hoặc kế hư không, hoặc kế thiên dữ, bất nhất nhi túc.

(演)以外道，或計自然，或計因緣，或計虛空，或計天與，不一而足。

*(**Diễn**: Do ngoại đạo hoặc phán định là tự nhiên, hoặc phán định là nhân duyên, hoặc phán định là hư không, hoặc phán định là trời ban, chẳng thể kể trọn từng điều được).*

"Kế" (計) là "kế độ phân biệt" (tính toán, phân biệt). Kế độ phân biệt là thuật ngữ Phật học thường được sử dụng. *"Kế"* là kế giảo (tính toán, so sánh), nay chúng ta thường nói tới *"kế toán"*; [kế] là trong tâm tính toán, so sánh. *"Độ"* (度) là độ lượng (đo lường), phân biệt hết thảy pháp. [Như vậy, *"kế độ"* là] tính toán, so sánh trong ấy, đo lường trong

[38] *"Hồn thành"* (渾成 hoặc hỗn thành: 混成) là một danh từ trong Đạo Giáo, dựa theo ý câu nói của Lão Tử trong Đạo Đức Kinh: *"Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sanh"* (Có một vật tự nhiên sanh thành, sanh trước trời đất). Các nhà chú giải cho rằng *"hữu vật hỗn thành"* là chỉ cho đại đạo, cho thái cực, cho vũ trụ sơ khai, mang ý nghĩa tự nhiên sanh thành. Do vậy, *"hỗn thành"* thường được dùng với ý nghĩa là tự nhiên sẵn có.

ấy, suy nghĩ loạn xạ trong ấy: Hết thảy pháp có phải tự nhiên mà có hay chăng? Hay là do nhân duyên sanh ra ư? Phật pháp nói tới nhân duyên, vì sao đức Phật nói nhân duyên? Phải biết: Đức Phật nói nhân duyên là một phương tiện thiện xảo, nhằm đối trị quan niệm *"tự nhiên"* (phủ định nhân quả). Thuở ấy, tại Ấn Độ, quá nửa bọn ngoại đạo chủ trương [mọi sự] tự nhiên mà có, hết thảy vạn pháp đều tự nhiên sanh thành. Phật nói *"nhân duyên sanh pháp"* (các pháp do nhân duyên sanh), nói như vậy để phá chấp trước *"tự nhiên"* của bọn họ.

Quý vị phải hiểu đạo lý này: Họ có một thứ chấp trước "tự nhiên" nên đức Phật dùng nhân duyên để phá chấp trước cho họ. Phá chấp trước xong, công cụ ấy cũng không cần thiết nữa. Nhân duyên sanh pháp là công cụ để phá [chấp trước] "tự nhiên". Sau khi chấp trước tự nhiên đã phá sạch rồi, quý vị lại chấp vào nhân duyên sanh pháp, sẽ lại biến thành ngoại đạo, đó gọi là *"môn lý ngoại"*, tức là ngoại đạo ở ngay trong Phật môn. Chấp trước *"vạn pháp tự nhiên mà có"* thì là hàng ngoại đạo tại Ấn Độ. Chúng ta đã phá trừ nó, có người lại chấp vào *"nhân duyên sanh pháp"*, lại biến thành ngoại đạo trong Phật môn vì cầu pháp ở ngoài tâm. Trong Trung Quán Luận, Long Thọ Bồ Tát đã cực lực cứu vãn, nói *"bát bất"* (tám thứ không) với hy vọng uốn nắn cho đúng chánh kiến của chúng ta. Ngài đã giảng rõ đạo lý nhân duyên hết sức tường tận, thấu triệt: *"Chư pháp bất tự sanh, diệc bất tùng tha sanh, bất cộng, bất vô nhân, thị cố thuyết vô sanh"* (Các pháp chẳng tự sanh, cũng chẳng do những thứ khác mà sanh, chẳng chung, chẳng không có nhân, vì thế nói vô sanh). Bài kệ này đã nêu ra tướng chân thật của hết thảy các pháp, đấy cũng là *"phi nhân duyên, phi tự nhiên"* như kinh Lăng Nghiêm đã giảng.

Đức Phật nói hết thảy pháp, câu nào cũng đều chớ nên chấp trước. Do vậy, Mã Minh Bồ Tát dạy quý vị *"lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên"*, nghe như vậy mới có thụ dụng, mới có ngộ xứ. Nghe xong mới có thể giải ngộ. Nếu từ giải ngộ mà lập tức chuyển được cảnh giới, đấy là chứng ngộ. Nếu nói là trong các buổi giảng, nếu nói 'nghe kinh' không được coi là tu hành, thì đấy là lầm lẫn quá đỗi! Quý vị đọc kinh Lăng Nghiêm, thấy cô Ma Đăng Già là phàm phu, cô ta nghe kinh được một nửa đã nghiễm nhiên chứng Tam Quả, chẳng tu hành mà có thể chứng quả ư? Nếu quý vị hiểu, vừa nghe liền thấu hiểu, thấu hiểu là giải ngộ; giải rồi, cảnh giới lập tức chuyển biến, chứng ngộ đấy! Chuyển biến cảnh giới gọi là tu hành. Nếu coi đó như là một thứ học thuật thế gian để nghiên cứu, chấp trước tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, tướng tâm duyên, sẽ là *"kể chuyện ăn, đếm của báu"*, vô ích! Thật sự đạt đến *"lìa*

hết thảy tướng, tức hết thảy pháp", nghe kinh có thể khai ngộ, có thể chứng quả. Nghe kinh cũng có thể thành Vô Thượng Bồ Đề.

Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác như thế nào? Đến các nơi nghe những vị thiện hữu thuyết pháp, Ngài vừa nghe liền chuyển cảnh giới. Những pháp môn ấy là pháp môn tiệm tu (tu dần dần), từng tầng, từng tầng lần lượt nâng cao. Hiện thời, chúng tôi đã giảng đến quyển hai mươi hai của bộ kinh Hoa Nghiêm, [quyển ấy] nói về Lục Địa Bồ Tát. Thiện Tài hiện thời (ý nói Thiện Tài đang tham học ở chỗ vị thiện tri thức chứng đắc Lục Địa Bồ Tát) là Lục Địa Bồ Tát. Người nghe kinh chúng ta có theo kịp hay không? Ngài là Lục Địa, còn chúng ta đang ở địa vị nào? Phải theo kịp Ngài! Một bộ kinh Hoa Nghiêm đọc xong, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thành tựu thì bài thi mới được điểm trọn vẹn. Nghe xong bộ kinh Hoa Nghiêm, chính mình chứng được Sơ Trụ trong Viên Giáo thì mới được coi là thi đậu. Người niệm Phật nghe xong kinh Hoa Nghiêm, công phu niệm Phật đạt đến Lý nhất tâm bất loạn thì mới được coi là thi đậu. Làm thế nào để theo kịp mức độ tiến triển? Trong ấy thật sự có niềm vui, pháp vị và pháp hỷ ấy chẳng thể diễn tả được, không có cách nào hình dung được. Nếu trong Phật pháp không có những niềm vui như vậy, còn ai đến học nữa? Người học Phật là người thông minh bậc nhất trong thế gian, thật sự liễu giải Chân Đế trong vũ trụ, nhân sinh.

Có những kẻ chấp trước *"hết thảy pháp là tự nhiên mà có"*, có những kẻ chấp trước pháp *"do nhân duyên mà có"*, có kẻ chấp trước [hết thảy các pháp] là hư không. Chấp trước Không cũng là lầm lẫn. Những kẻ nào chấp trước Không? [Chư thiên trong] Tứ Không Thiên là kẻ chấp trước Không, chấp vào tướng Không. *"Thiên dữ"* (trời ban): Rất nhiều người chấp hết thảy đều do trời ban cho, do Thượng Đế ban tặng, do thần thánh ban tặng; đây là quan niệm sai lầm. *"Bất nhất nhi túc"* (Chẳng thể kể trọn từng điều): Tà tri, tà kiến quá ư là nhiều! Quý vị phải hiểu: Phật pháp dạy quý vị khôi phục những năng lực quý vị vốn sẵn có. Khi Lục Tổ thành tựu đã nói rất rõ ràng: *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn đầy đủ"*, vốn sẵn đầy đủ nên pháp nào cũng trọn đủ, chẳng có một pháp nào không trọn đủ, *"nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp"*, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là những vật được biến hiện bởi tự tánh. Thượng Đế, quỷ thần đều là những vật do tự tánh của chúng ta biến hiện, chúng ta không thể sai khiến họ mà lại ngược ngạo nghe theo lệnh của họ. Đấy là mê hoặc, điên đảo, trong kinh Phật gọi là *"kẻ đáng thương"*, thật sự đáng thương! Trong Phật pháp, hết thảy các pháp đều quy về chính

mình, chẳng dựa dẫm ngoại lực; tự ngộ, tự tu, tự chứng! Tuy Tịnh Độ gọi là pháp môn Nhị Lực, được Phật lực gia trì, nhưng Phật lực gia trì là kinh điển, kinh điển do đức Phật nói, Ngài dạy chúng ta lý luận, phương pháp, cảnh giới. Đó là Phật lực gia trì, trong ấy không có mê tín. Khi lâm chung, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn là Phật lực gia trì, nhưng nếu chính bản thân chúng ta không nỗ lực, một mực ỷ vào sức Phật, đến cuối cùng nhất định sẽ chẳng được gì! Kẻ dựa dẫm quỷ, nhất định bị quỷ làm mê, kẻ dựa dẫm thần, nhất định bị thần lừa dối, làm nô dịch cho thần, đấy là điên đảo vậy!

(Diễn) Thử giai mê kỷ, vị vật sở chuyển.
(演) 此皆迷己為物所轉。
*(**Diễn**: Đấy đều là mê mất chính mình, bị sự vật xoay chuyển).*

Câu kết luận này nói rất hay. Nếu quý vị muốn thâm nhập, nghiên cứu, thảo luận thì đạo lý này ở trong kinh Lăng Nghiêm. Người giác ngộ quyết chẳng bị vật chuyển! Chữ Vật bao gồm hết thảy cảnh giới ở ngoài thân mình, chúng thường nói là *"y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới"*, dùng chữ Vật để làm đại diện, chẳng bị vật xoay chuyển. Chỉ có kẻ mê tự tánh bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, chúng ta nay đang là hạng người ấy. Mắt thấy sắc liền bị sắc chuyển, tai nghe tiếng liền bị tiếng chuyển, thật đáng thương! Mắt thấy sắc vừa ý mình bèn khởi tâm tham, chẳng vừa ý mình bèn khởi tâm nóng giận. Đấy là bị nó xoay chuyển. Tai nghe tiếng, nghe vui tai, hay quá, thích nghe hoài! Đó là bị nó chuyển! Chẳng ưa nghe, nghe đâm ra chán ngấy, bị nó chuyển rồi! Khi nào có thể ở trong hết thảy âm thanh mà như như bất động? Nghe rõ ràng, rành rẽ, như như bất động, sẽ chẳng bị chuyển!

Nếu trong hết thảy cảnh giới, quý vị khởi phân biệt, khởi chấp trước, khởi tham, sân, si, mạn là bị cảnh giới chuyển. Bị cảnh chuyển sẽ tạo nghiệp. Chẳng bị cảnh chuyển, không tạo nghiệp. Chẳng tạo nghiệp thì chúng ta đặt cho nó cái tên là *"tịnh nghiệp"*. Kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai"* (Nếu chuyển được cảnh sẽ giống như Như Lai), đấy chính là Phật, là Bồ Tát. Đại Bồ Tát kiến tánh, Ngài chuyển được cảnh, chẳng bị cảnh chuyển. Chúng ta nói tu hành, nói tới công phu, vậy công phu là gì? Chẳng bị cảnh chuyển, công phu thật sự đấy. Nơi nào cũng bị cảnh giới xoay chuyển, chỗ nào đáng kể là công phu? Nơi nào cũng bị cảnh giới xoay chuyển thì hãy nhớ: Không có cách nào vượt thoát luân hồi, quý vị dựa vào đâu để liễu sanh tử, thoát tam giới? Nơi nào cũng bị cảnh chuyển thì lại xin thưa với quý vị, chẳng dễ gì vãng

sanh, đới nghiệp cũng không được. Đến lúc quý vị vãng sanh, lại bị cảnh giới lôi trở lại, quý vị vẫn chẳng đi được! A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, quý vị nói: *"Con còn chưa buông xuống được, còn có chuyện chưa giải quyết"*, A Di Đà Phật chẳng thể đợi quý vị, quý vị không vãng sanh được! Do vậy, điều này hết sức quan trọng, phải hiểu công phu là như thế nào. Mỗi ngày niệm bao nhiêu câu Phật hiệu, lạy bao nhiêu lạy, lễ bao nhiêu bài sám, niệm bao nhiêu kinh, đấy chẳng gọi là công phu mà gọi là khóa tụng! Niệm nhiều khóa tụng, chứ không có công phu! Giống như gì? Học hành cho nhiều, học hằng ngày, đi thi liền lãnh zéro, chẳng đậu. Thi đậu mới là công phu. Quý vị đi thi, điểm số là công phu, đạt điểm số cao, đấy là công phu. Hằng ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, tâm vẫn bị cảnh chuyển thì cũng như không, hét toạc cuống họng cũng uổng công!

Mỗi ngày một tiếng Phật hiệu cũng chẳng niệm, nhưng đối với cảnh giới nào cũng bất động, thì thưa với quý vị, người ấy gọi là người niệm Phật. Vì sao gọi người ấy là người niệm Phật? Người ấy không niệm Phật mà! Người ấy niệm Phật để làm gì? Niệm Phật để khỏi bị cảnh chuyển, giác chứ không mê. Do người ấy là giác chứ không mê, nên người ấy không niệm vẫn là niệm. *"Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm"*, cảnh giới như vậy đấy, phải hiểu lý! Thế nhưng trong cảnh giới ấy, người ấy có niệm Phật hay không? Người ấy nhất định niệm, vì sao người ấy niệm Phật? Nhằm dạy người khác niệm Phật. Đó là đại từ đại bi. Quả thật người ấy chẳng cần niệm, người ấy rất thanh tịnh, suốt ngày từ sáng đến tối là "A Di Đà Phật, A Di Đà Phật". Thấy người ấy niệm Phật, kẻ khác cũng niệm Phật theo. Nhằm khuyên người khác niệm Phật, nêu gương cho người khác thấy, khiến cho người khác bắt chước theo, đó gọi là đại từ đại bi, là độ người khác, hóa tha.

Nếu một vị lão hòa thượng tu học pháp môn Tịnh Độ mà suốt ngày từ sáng đến tối chẳng niệm một câu Phật hiệu nào, người khác sẽ nói với vị ấy: "Thầy bảo chúng con niệm Phật mà thầy chẳng niệm gì hết, con niệm để làm chi?" Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, tâm Ngài thanh tịnh lắm! Quý vị thấy lão nhân gia tay cầm xâu chuỗi, từ đầu năm đến cuối năm chưa hề buông ra, A Di Đà Phật luôn trên cửa miệng, chẳng ngưng nghỉ ngày nào, nêu gương cho người niệm Phật, nêu gương cho hàng sơ học. Tôi dạy quý vị niệm Phật thì tôi phải niệm hằng ngày, chứ không phải tôi chẳng niệm mà bảo quý vị niệm. Tôi niệm hằng ngày, tôi mới bảo quý vị niệm. Chúng ta là hàng sơ học thấy vậy tâm phục, khẩu phục, quả nhiên chẳng sai! Đấy là Phật, Bồ Tát thân giáo (dạy bằng hành vi, cử chỉ nơi thân), Phật, Bồ Tát hy sinh mình vì người khác!

Phàm là có những suy nghĩ loạn xạ như đã kể trên đây, cầu tâm ngoài pháp, đều là *"mê mất chính mình, bị vật xoay chuyển"*, rất đáng thương!

(Diễn) Bất tri thử tánh bổn phi thiên giáng, bất thuộc địa sanh, diệc phi nhân dữ.

(演) 不知此性本非天降，不屬地生，亦非人與。

*(**Diễn**: Chẳng biết tánh này vốn chẳng do trời ban xuống, chẳng do đất sanh ra, cũng chẳng do ai tặng cho).*

Diệu tánh thiên nhiên, chẳng phải do trời ban xuống, cũng chẳng phải do đất sanh ra. Nói thật ra, trời và đất đều là vật được biến hiện bởi diệu tánh của chính mình, chẳng có gì khác, đúng là chính mình. *"Cũng chẳng do ai tặng"*, chẳng liên can đến ai, chẳng liên can đến Phật, Bồ Tát, hay hết thảy quỷ thần.

(Diễn) Nãi đương nhân tự kỷ bất thuộc ư tha cố, thử tự kỷ chi tự dã.

(演) 乃當人自己不屬於他故，此自己之自也。

*(**Diễn**: Mà chính là bản thân người ấy, chẳng thuộc vào ai khác, đấy chính là Tự hiểu theo ý nghĩa "chính mình" vậy).*

Phải nhất định nhớ kỹ điều này. Nếu quý vị hiểu rõ, giác ngộ đạo lý này, sẽ gọi là chánh tri chánh kiến. Đó gọi là "nhận thức chính mình". Nếu chẳng tham thấu triệt ý nghĩa này, quý vị hãy nghĩ mình nằm mộng: Trong mộng có đại địa, có trời, có hết thảy nhân vật, cũng có núi, sông, cây cối, hoa cỏ, chúng toàn là những vật do tự tâm của quý vị biến hiện ra. Hễ quý vị tỉnh giấc, hãy suy nghĩ xem có đúng hay không? Đúng! Toàn bộ cảnh trong mộng do tự tâm của ta biến hiện. Ở trong mộng, quý vị cũng mê hoặc, điên đảo y hệt, cũng đòi hỏi người khác, đấy là bị vật xoay chuyển. Mê chính mình, bị vật xoay chuyển, *"chính mình"* là gì? Toàn bộ cảnh giới là chính mình. Khi nào quý vị thật sự giác ngộ, khẳng định, thừa nhận: Tận hư không khắp pháp giới vốn là chính ta, thì thưa với quý vị, đó gọi là *"chứng đắc Pháp Thân"*, giống như trong mộng mà giác ngộ. Toàn bộ giấc mộng đều do tâm ta biến hiện, toàn bộ cảnh trong mộng là chính mình, Phật pháp gọi đó là *"chứng đắc thanh tịnh Pháp Thân"*. Tâm thanh tịnh, tất cả cảnh giới chẳng hề không thanh tịnh. Thanh tịnh Pháp Thân bày ra trước mặt, chính mình chẳng nhận biết, mê hoặc, điên đảo.

Ngay cả Lão Tử cũng có sự giác ngộ này: *"Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể"* (Trời đất và ta cùng gốc, vạn vật có cùng một thể với ta). Nhìn thấu tin tức này, quan sát được. Phật pháp là thật sự đích thân chứng được cảnh giới này, quả thật là chính mình, chứ không phải ai khác.

Tiếp theo đó, sách giải thích vì sao nó có nhiều danh từ như thế, tuy có nhiều danh từ nhưng đều là nói về cùng một chuyện. Đây là lời giải thích câu *"tự tánh, cái hữu đa danh, diệc danh Bổn Tâm"* (tự tánh do vậy có nhiều tên, còn gọi là Bổn Tâm).

(Diễn) Đối vạn pháp viết Bổn Tâm.
(演) 對萬法曰本心。
*(**Diễn:** Đối với muôn pháp bèn nói là Bổn Tâm).*

"Bổn" là căn bản. Tâm là cái có thể hiện (năng hiện), vốn có thể hiện, vạn pháp là cái được hiện (sở hiện), vạn pháp là Tướng. Chúng ta lại lấy cảnh trong mộng để tỷ dụ. Vạn pháp giống như cảnh giới trong mộng, *"bổn tâm"* là cái tâm có thể biến hiện giấc mộng, cái tâm ấy có thể hiện cảnh trong mộng. Do vậy, đối với cảnh mộng mà nói thì đây là *"bổn tâm"*, ý nghĩa này quý vị dễ hiểu; nhưng làm thế nào để có thể hiểu tận hư không trọn pháp giới là do bổn tâm của chính mình biến hiện? Mấu chốt là ở chỗ này, đột phá được mấu chốt này sẽ ngộ nhập, nghiệp chướng gì cũng đều tiêu trừ. Vì sao? Chuyển được cảnh giới, chuyển tám thức thành bốn trí. Hễ đột phá cảnh giới sẽ chuyển cảnh giới. Thật ra không có cách nào, hãy niệm bốn câu kệ của kinh Kim Cang nhiều lượt: *"Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ, diệc như điển, ưng tác như thị quán"* (Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế). Các văn sĩ thường nói *"nhân sanh như mộng"* (đời người như giấc mộng), câu nói ấy hết sức đúng với sự thật, sát sao! Đáng tiếc là họ nói được, nhưng chẳng nhập được cảnh giới ấy. Tuy họ nói câu ấy, họ vẫn đang mê, họ vẫn chẳng giác. Nếu đã giác ngộ, *"toàn bộ đời người là giấc mộng"*, trong mộng thì còn tranh giành cái gì? Trong mộng có gì là được - mất? Trong mộng còn có gì không buông xuống được? Trong mộng còn có gì chẳng nhìn thấy thấu suốt? Hết thảy đều buông xuống được, quý vị ngay lập tức thành Phật, thành Tổ. Trong kinh Phật thường dạy chúng ta hãy tưởng *"như mộng, như huyễn"*, thật đấy, chẳng giả đâu! Vì thế, cảnh trong mộng Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô

ngại, đấy là tứ vô ngại pháp giới của Hoa Nghiêm, là cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Hễ giác thì sẽ là như vậy đó.

(Diễn) Đối Thỉ Giác viết Bổn Giác.

(演) 對始覺曰本覺。

*(**Diễn**: Do đối ứng với Thỉ Giác mà nói là Bổn Giác).*

Chúng ta mê, nay bắt đầu giác ngộ. Bắt đầu giác ngộ là nói đến bổn tánh, bổn tánh là Bổn Giác. Thỉ - Bổn bất nhị. Trong phần trên đã nói: Tánh - Tướng giống hệt như một. Vạn pháp là Tướng, bổn tâm là Tánh, Tánh và Tướng giống hệt như một, Thỉ và Bổn bất nhị. Vì sao có Thỉ Giác? Là vì Bổn Giác vốn có, vốn có thì đương nhiên có thể hiện tiền, có thể khôi phục; do mới vừa khôi phục nên chúng ta gọi nó là Thỉ Giác. Do vậy, tự tánh là giác, chẳng mê. Nó là giác ngộ, tức vốn sẵn giác ngộ. Do vậy, mới nói: *"Bổn Giác vốn có, bất giác vốn không"*. Lúc nào chúng ta sẽ bắt đầu giác ngộ? Hiện giờ có thể coi là chúng ta bắt đầu giác ngộ hay chưa? Phá một phần vô minh, chứng một phần bổn tánh, thì gọi là Thỉ Giác. Do vậy, ai thuộc địa vị Thỉ Giác? Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Đừng lầm lẫn tưởng là hiện nay chúng ta bắt đầu giác ngộ. Phiền não cả một đống, giác ngộ nỗi gì! Nay chúng ta chỉ nghe nói tới chuyện ấy mà thôi! Kiến Tư phiền não đã đoạn, Trần Sa phiền não đã đoạn, phá một phẩm vô minh, Thỉ Giác hiện tiền. Tiêu chuẩn ấy được kiến lập trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Đại Thừa Khởi Tín Luận nói [Thỉ Giác] là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, kinh Kim Cang cũng dạy như thế. Lấy tiêu chuẩn trong kinh Kim Cang để nói thì: Không có Tứ Tướng và Tứ Kiến thì là địa vị Thỉ Giác. Trong kinh nói rất rõ ràng: *"Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát"* (Nếu Bồ Tát có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì chẳng phải là Bồ Tát). Chẳng phải là hạng Bồ Tát nào vậy? Chẳng phải là Bồ Tát thuộc địa vị Thỉ Giác. Quý vị phải hiểu đạo lý này, trong Lục Tức, [những vị Bồ Tát còn có Tứ Tướng, Tứ Kiến sẽ] chẳng phải là Phần Chứng Phật. Nếu quý vị nói là thuộc địa vị Tương Tự, địa vị Quán Hạnh, hoặc địa vị Danh Tự thì được.

Hiện thời, chúng ta đã thọ Bồ Tát Giới, đều có thể gọi là Bồ Tát, nhưng là Bồ Tát thuộc địa vị nào vậy? Bồ Tát thuộc địa vị Danh Tự, hữu danh vô thực, mang cái danh là Bồ Tát, chứ không phải thật. Bồ Tát chân chánh thì phải thuộc địa vị Thỉ Giác mới là Bồ Tát thật sự, phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, đó là chân [Bồ Tát]. Nói cách khác,

trước khi đạt đến địa vị Thỉ Giác thì gọi là Quyền Giáo, từ Thỉ Giác trở đi mới gọi là Thật Giáo, là chân thật. Trước khi đạt đến địa vị Thỉ Giác là có, chẳng phải là không có[39]. Địa vị Thập Tín Bồ Tát trong Viên Giáo cũng khá khó có. Hàng Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo phá tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, bằng với Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa, địa vị Thất Tín bằng với A La Hán, tám mươi mốt phẩm Tư Hoặc cũng đoạn sạch. Khi ấy, gọi là Tương Tự Tức Bồ Tát. Chỉ đoạn Kiến Hoặc, chưa đoạn Tư Hoặc, thì là Bồ Tát thuộc địa vị Quán Hạnh, Kiến Tư phiền não đều đoạn sạch hết, là Bồ Tát thuộc địa vị Tương Tự. Thấy một phần chân tánh là Bồ Tát thuộc địa vị Phần Chứng. Trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác gồm bốn mươi mốt địa vị, đều gọi là Bồ Tát thuộc địa vị Phần Chứng, tức Chánh Đẳng Chánh Giác. Chánh Đẳng Chánh Giác nếu lại lên cao hơn nữa thì chính là Cứu Cánh Phật, gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Do vậy, phải hiểu tiêu chuẩn của Thỉ Giác, chúng ta phải nỗ lực, phải noi theo phương hướng ấy để tinh tấn, dùng phương pháp nào? Một câu Phật hiệu. Dùng cái tâm nào? Nhất tâm niệm Phật cầu nguyện vãng sanh. Dùng cái tâm ấy, phương pháp là một câu Phật hiệu. Quán Hạnh là sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, từng tiếng [Phật hiệu] đều gọi mình từ trong cảnh giới hãy quay trở lại. Chúng ta mê nơi cảnh, bị cảnh giới xoay chuyển, kêu mình quay về, chính là Tam Quy Y. Trong hết cảnh giới, giác chứ chẳng mê, chánh chứ chẳng tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, đó là Phật pháp. Trong hết thảy cảnh giới, nếu quý vị khởi tâm động niệm, mê hoặc, tà kiến, ô nhiễm, thì thưa quý vị, trong mỗi niệm quý vị đều tạo nghiệp chướng, tạo tội nghiệp cực lớn mà quý vị chẳng hay biết! Quý vị nói quý vị chẳng sợ địa ngục, chẳng ở trong đó, "ta đọa địa ngục cũng chẳng sao!" Đấy là cuồng vọng! Quý vị chưa nếm nỗi khổ ấy, đến khi đó chịu khổ, có hối cũng chẳng kịp nữa! Con người đúng là mê hoặc, điên đảo! Nếu kẻ nào còn nghĩ như vậy, kinh Phật gọi kẻ ấy là Nhất Xiển Đề, không có thiện căn, không cứu được. Đấy là hạng người đáng thương nhất!

(Diễn) Vô tri chi tri vị Chân Tri.
(演) 無知之知謂真知。
*(**Diễn**: Cái Biết mà chẳng biết thì gọi là chân tri).*

[39] Ý nói: Trước khi đạt đến địa vị Thỉ Giác thì vẫn có cái danh là Bồ Tát, nhưng vẫn còn vướng mắc trong Tứ Tướng và Tứ Kiến. Người ấy có giác ngộ chứ không phải chẳng có, nhưng sự giác ngộ ấy nhiều nhất chỉ là Chánh Giác (tương đương với Tiểu Thừa A La Hán), không thể nào là Chánh Đẳng Chánh Giác được!

Tự tánh còn gọi là Chân Tri, Chân Tri là gì? Bát Nhã Ba La Mật. Bát Nhã vô tri, vì sao tuy vô tri mà có thể biết? Chúng tôi nêu một thí dụ: Tay tôi cầm cuốn sách này, quý vị thấy rất rõ ràng, đó là biết. Quý vị chẳng khởi phân biệt, chẳng nẩy sanh ý niệm nào. Nếu quý vị nói: "Tay pháp sư cầm một cuốn kinh sách", tức là trong sự nhận biết [hoàn toàn không khởi tâm động niệm ấy] quý vị đã lập ra [ý niệm] có nhận biết, đó gọi là "cái gốc của vô minh". Khi nào khởi lên vô minh? Khởi lên vô minh ngay khi ấy. Quý vị thấy rõ ràng, rành rẽ, đó là Chân Tri. Sáu căn vừa tiếp xúc [liền nhận biết, chẳng khởi tâm động niệm], ấy là Chân Tri. Đó chính là Bát Nhã Ba La Mật, là Phật tri, Phật kiến. Nếu quý vị khởi lên ý niệm "cái này gọi là một cuốn kinh sách", hỏng rồi! Quý vị đã lập ra một tri kiến hư vọng trong ấy, vì sao? *"Danh khả danh, phi thường danh; đạo khả đạo, phi thường đạo"* (Có thể gọi tên được thì cái tên ấy chẳng phải là tên thường hằng, đạo mà có thể diễn tả được thì đạo ấy chẳng thường hằng). Vốn chẳng có tên gọi, vì sao quý vị lại đặt tên cho nó? Giữ lấy tên gọi là sai rồi! Nó không có tên gọi, quý vị gán cho nó một tên gọi, tức là trên sự tri kiến [vốn sẵn thanh tịnh] lại chồng thêm một cái tri kiến [phân biệt] nữa, đó gọi là vô minh. Kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Tri kiến lập tri, thị vô minh bổn"* (Từ trên sự nhận biết chân thật lập ra tri kiến, đấy là cái gốc của vô minh). Vô minh là như vậy đó. Nếu đối với sự thấy, nghe, hay, biết, quý vị giữ được Chân Tri; nói cách khác, quý vị vĩnh viễn chẳng khởi phân biệt, chấp trước thì chính là Phật tri, Phật kiến.

Tự thụ dụng là Căn Bản Trí, nó là vô tri. Chính mình quả thật vô tri, vô tri là sự hay biết không do phân biệt, là sự hay biết không chấp trước, chứ chẳng phải là đối với cảnh giới chẳng biết gì hết, mà là thứ gì cũng biết. Biết hiện tại, biết quá khứ, biết vị lai, tận hư không, trọn pháp giới, không pháp nào chẳng biết, vô tri là gì? Trong [sự nhận biết] ấy, không có ngôn thuyết, không có danh tự, không có tâm duyên. Nói cách khác, không có chấp trước, không có vọng tưởng, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đó là Chân Tri, thứ gì cũng đều biết. Đó gọi là Bát Nhã Ba La Mật.

Tha thụ dụng là Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết. Không gì chẳng biết là đối với đại chúng mà nói. Quý vị gọi cái này là gì? Đây là một cuốn kinh sách, bởi quý vị gọi nó là kinh sách. Quý vị hỏi tôi: Đây là gì? [Tôi trả lời]: "Đây là một cuốn kinh sách", chẳng phải là tôi chấp trước, mà là do quý vị chấp trước, chẳng liên can gì đến tôi. Tôi là như thế nào? Trong tâm không có gì hết. Do tôi không có gì hết, nên nói mà không nói. Đối

với tôi thì bảo là "không nói". Nói theo phía quý vị thì là "có nói". Đối với quý vị là "có nói", đối với tôi là "không nói". "Có nói" và "không nói" đồng thời, tôi nói cho quý vị nghe, còn bản thân tôi một câu cũng chẳng nói. Thích Ca Mâu Ni Phật nói suốt bốn mươi chín năm, nhưng chẳng nói một câu nào! Tôi hằng ngày thuyết pháp cho quý vị, tôi cũng chẳng nói một câu nào. Thấu hiểu ý nghĩa này, quý vị sẽ hiểu Chân Tri là gì, Bát Nhã vô tri là gì, "không gì chẳng biết" là gì? Khi người khác đến hỏi, bèn tùy thuận sự chấp trước của chúng sanh mà chấp trước, tùy thuận sự phân biệt của chúng sanh mà phân biệt, chính mình hoàn toàn chẳng phân biệt, chấp trước. Đó gọi là *"hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức"*, đó gọi là *"Bát Nhã vô tri mà không gì chẳng biết"*.

Trong các buổi giảng, tôi thường khích lệ các đồng tu: Tự thụ dụng phải thanh tịnh, để chính mình thụ dụng thì đừng phân biệt, còn để người khác thụ dụng thì phải phân biệt. Nếu thật sự có thể làm được như vậy, tự thụ dụng sẽ là Tứ Trí, tha thụ dụng là tám thức. Người khác đến nêu câu hỏi, sẽ từ trong bốn trí biến hiện tám thức cho người khác thụ dụng, chứ chính mình không thụ dụng. Người ta thụ dụng xong, ngay lập tức không có nữa, khôi phục bốn trí Bồ Đề. Trong ấy, Tự và Tha không hai, Thức và Trí chẳng khác. Nếu quý vị hiểu được điều này, lẽ nào chẳng chuyển được cảnh giới? Lẽ nào chẳng phá mê khai ngộ?

Vô tri mà vẫn hay biết chính là Chân Tri. "Vô tri" là không phân biệt, không chấp trước, không vọng tưởng, chứ không phải là chẳng biết gì. Chân Tri là sáu căn tiếp xúc sáu cảnh chẳng vướng mắc hư vọng, "kiến" là cái Thấy có thể thấy được tánh; "văn" là cái Nghe có thể nghe được tánh, đấy chính là như Giao Quang đại sư đã viết trong [sách chú giải] kinh Lăng Nghiêm: *"Bỏ Thức dùng Căn"*, dùng Căn là Chiếu Kiến, Tâm Kinh bảo: *"Chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không"*, dùng tánh Thấy để thấy, đó chính là Chiếu Kiến. Dùng tánh Nghe để nghe, đó cũng là Chiếu Kiến. Chiếu Kiến là Chân Tri.

(Diễn) Vô thức chi thức vị Chân Thức.

(演) 無識之識謂真識。

*(**Diễn**: Cái thức mà chẳng nhận biết được gọi là Chân Thức).*

Tự tánh còn có tên là Chân Thức. *"Thức"* là tám thức, Thể của tám thức là Chân Như bổn tánh. Chân Như bổn tánh có thể biến hiện tám thức, Chân Như bổn tánh gọi là Chân Thức. Các nhà Duy Thức dùng Chân Thức để lập ra khái niệm *"thức thứ chín"*, Huyền Trang đại sư không đồng ý. Ngài nói không cần phải làm vậy, bảo thức thứ chín là *"trên đầu chồng*

thêm đầu”, nói tám thức là đủ rồi, chẳng cần phải nói tới thức thứ chín. Có người gọi Chân Như bổn tánh là thức thứ chín, đặt tên là Vô Cấu Thức, những người nghiên cứu Duy Thức Học đều biết Vô Cấu Thức là Chân Thức.

Xét về tác dụng của tám thức thì A Lại Da Thức chứa đựng chủng tử của các pháp. Nếu nó chẳng chứa đựng các chủng tử thì sẽ được gọi là Đại Viên Kính Trí. Chúng tôi nói một cách dễ hiểu, nông cạn thì *“hàm tàng chủng tử”* (chứa đựng chủng tử) là *“giữ lại ấn tượng”*. Nay sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, có thể không giữ lại ấn tượng, trong tâm chẳng giữ lại ấn tượng, dùng cái tâm giống như một tấm gương: Tướng đưa đến, gương bèn hiện bóng rõ ràng; tướng đi rồi, gương chẳng nhiễm mảy trần. Không những tướng đi rồi chẳng nhiễm mà ngay trong khi tướng đang hiện diện, gương cũng chẳng nhiễm, tức là lúc hiện tướng cũng chẳng nhiễm, chẳng giữ lại ấn tượng; sự thấy nghe nơi sáu căn của quý vị hoàn toàn biến thành trí huệ, vô lượng vô biên trí huệ, chẳng sanh phiền não. Quý vị thấy một chuyện bèn ghi giữ ấn tượng trong lòng, vẫn niệm niệm chẳng quên nghĩ tới nó, hỏng bét rồi! Nếu có thể chẳng giữ lại ấn tượng, *“tức tướng ly tướng, ly tức đồng thời”* (tướng chính là lìa tướng, “chính là” và “lìa” cùng một lúc). Đấy là Chân Thức. Thức thứ bảy không chấp trước, thức thứ sáu không phân biệt; thức thứ sáu không phân biệt thì gọi là Diệu Quán Sát, thức thứ bảy chẳng chấp trước thì gọi là Bình Đẳng Tánh. Tác dụng của năm thức trước là không có chuyện gì chẳng làm viên mãn, [nên gọi] là Thành Sở Tác, có nghĩa là thành tựu các sự nghiệp đã thực hiện. Sự nghiệp ấy chính là lợi ích hết thảy chúng sanh, đại từ đại bi, làm mà chẳng làm, không làm mà làm, lẽ nào người ấy chẳng tự tại?

(Diễn) Vô hữu hư vọng, vô hữu biến dị, danh viết Chân Như.
(演) 無有虛妄，無有變異，名曰真如。
*(**Diễn**: Chẳng có hư vọng, chẳng có biến đổi thì gọi là Chân Như).*

Tám chữ này không cần phải giải thích, vì Chân Như đã giảng rất nhiều rồi! Những danh từ khác so ra ít được nhắc tới hơn, nên ở đây tôi giải thích cặn kẽ cùng quý vị. Nếu quý vị thật sự thấu hiểu được một danh từ trong những danh từ này sẽ thấu hiểu toàn bộ. Nếu hoài nghi một danh từ nào, tức là quý vị chẳng hiểu toàn bộ. Hiểu một thứ sẽ hiểu hết, chẳng hiểu một thứ sẽ chẳng hiểu toàn bộ. Hôm nay hết giờ rồi!

Tập 14

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ mười lăm:

(Sớ) Nhược tựu đương kinh, sơ cú tức Vô Lượng Quang, đỗng triệt vô ngại cố. Nhị cú tức Vô Lượng Thọ, thường hằng bất biến cố. Tam tứ cú tức linh tâm tuyệt đãi, quang thọ giao dung, nhất thiết công đức giai vô lượng cố. Ngũ cú tổng tán, tức kinh vân: "Như ngã xưng tán A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức". Mạt cú kết quy, ngôn A Di Đà Phật toàn thể thị đương nhân tự tánh dã.

(疏)若就當經，初句即無量光，洞徹無礙故。二句即無量壽，常恆不變故。三四句即靈心絕待，光壽交融，一切功德皆無量故。五句總讚，即經云：如我稱讚阿彌陀佛不可思議功德。末句結歸，言阿彌陀佛全體是當人自性也。

*(**Sớ**: Nếu xét theo kinh này thì câu đầu tiên là Vô Lượng Quang vì thấu suốt rỗng rang không ngăn ngại. Câu thứ hai là Vô Lượng Thọ vì thường hằng chẳng biến đổi. Câu thứ ba và câu thứ tư là nói tới cái tâm ấy linh minh, dứt bặt đối đãi, vì Quang và Thọ hòa lẫn vào nhau, hết thảy công đức đều vô lượng. Câu thứ năm là khen ngợi chung, tức là như kinh đã chép: "Như ta nay khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật". Câu cuối cùng là lời tổng kết, nói: Toàn thể của A Di Đà Phật chính là tự tánh của con người vậy).*

Đoạn này giảng giải rõ ràng một dòng rưỡi thuộc phần Minh Tánh trong lời tựa, hết sức khó có. Những ý nghĩa được chứa đựng trong đoạn này cũng hết sức tinh tường, sâu xa, rộng lớn. Sách Diễn Nghĩa đã giảng rõ như sau:

(Diễn) Nhược tựu đương kinh hạ.

(演) 若就當經下。

*(**Diễn**: Từ chữ "nếu xét theo kinh này" trở đi...)*

"Hạ" là trở đi, từ câu này trở đi...

(Diễn) Thị giải thích tự văn dĩ cánh.

(演) 是解釋序文已竟。

*(**Diễn**: Là giải thích phần lời tựa đã xong).*

Từ đoạn này trở đi, *"thị giải thích văn tự dĩ cánh"* tức là đã giải thích xong phần Tựa.

(Diễn) Hạ phục phối thuộc chư kinh.

(演) 下復配屬諸經。

*(**Diễn**: Tiếp đó, lại đối chiếu [những ý nghĩa đã nêu trong lời tựa] với các kinh).*

Tiếp đó, lại đem những ý nghĩa ấy so với các kinh để nói.

(Diễn) Kim tiên tựu đương kinh phối Quang Thọ dã.

(演) 今先就當經配光壽也。

*(**Diễn**: Nay trước hết, phối hợp với ý nghĩa Quang và Thọ trong kinh này).*

Đem đối chiếu với các kinh thì trước hết, lấy ngay kinh này để đối chiếu xem câu nào [trong lời tựa] sẽ tương ứng với ý nghĩa nào trong kinh văn, câu nào cũng được giảng giải rõ ràng. Trong đoạn này, *"sơ cú"* chính là câu thứ nhất trong lời tựa, tức câu *"linh minh đỗng triệt"*. Câu thứ hai là *"trạm tịch thường hằng"*. Linh minh đỗng triệt tương ứng với ý nghĩa Vô Lượng Quang, vì *"thấu suốt rỗng rang không ngăn ngại"*. Câu thứ hai là ý nghĩa Vô Lượng Thọ, *"thường hằng bất biến"*. Câu thứ ba và câu thứ tư trong lời tựa là *"phi trược phi thanh, vô bối vô hướng"*.

Hai câu này đã được giảng là: *"Linh tâm tuyệt đãi, quang thọ giao dung"*, bao gồm những ý nghĩa ấy. *"Nhất thiết công đức giai vô lượng cố"* (vì hết thảy công đức đều vô lượng), nói chung về các thứ vô lượng. Câu thứ năm là lời khen ngợi chung: *"Đại tai chân thể, bất khả đắc nhi tư nghị giả"* (Lớn thay chân thể, chẳng thể nghĩ bàn được), thật sự chẳng thể nghĩ bàn, đặc biệt là đối với những ý nghĩa được bao hàm trong bốn chữ *"bất khả tư nghị"*, chúng ta phải chú tâm thấu hiểu. Trong kinh này, chính Thích Ca Mâu Ni đã nói: *"Như ngã xưng tán A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức"*, mười phương chư Phật cũng xưng tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh. Do vậy, sự bất

khả tư nghị này có căn cứ, chứ chẳng phải là nói tùy tiện. Câu cuối cùng nhằm quy vào tự tánh của chính mình, công đức chẳng thể nghĩ bàn ấy là của ai? Là của chính mình, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Do đây có thể biết: Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật là ai? Là chính chúng ta.

Trong A Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nêu ra ba cương lãnh lớn: Tín, Nguyện, Hạnh. Thứ nhất là Tín, Ngài nêu ra sáu điều, điều thứ nhất là Tín Tự. Ở đây, Liên Trì đại sư dạy rõ: Đấy là tự tánh. Nếu chẳng tin vào tự tánh sẽ chẳng thể gọi là tin Phật được! Trong Phật pháp có nói *"tín, giải, hạnh, chứng"*, thứ nhất là phải tín Tự, rồi sau đấy mới tín Tha. Tha Phật có thể làm Tăng Thượng Duyên cho chúng ta, Tín Tự là Thân Nhân Duyên, Sở Duyên Duyên và Vô Gián Duyên, Tín Tâm được kiến lập như thế. Tín Tha là Tăng Thượng Duyên. Tín tâm được kiến lập như vậy đó. Ở đây, lời chú giải cũng rất hay, đơn giản, trọng yếu. *"Kim tiên tựu đương kinh phối Quang Thọ"* (Nay trước hết phối hợp với ý nghĩa Quang và Thọ trong kinh này), tức là trong kinh văn của kinh này có nói Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ.

(Diễn) Tuyệt đãi giao dung giả.

(演) 絕待交融者。

*(**Diễn**: "Tuyệt đãi giao dung" là...)*

Câu thứ ba và câu thứ tư [trong phần Sớ] là *"linh tâm tuyệt đãi, quang thọ giao dung"*, lời chú giải [trong sách Diễn Nghĩa] đã giảng rõ mấy câu này.

(Diễn) Quang dữ Thọ tự đối đãi pháp.

(演) 光與壽似對待法。

*(**Diễn**: Thọ và Quang dường như là hai pháp tương đối).*

"Đối đãi" nói theo cách hiện thời là "tương đối". Chữ *"tự"* (似) có nghĩa là dường như chúng là hai pháp đối lập nhau.

(Diễn) Nhi kỳ thật, cử Quang tắc dung Thọ, cử Thọ tắc dung Quang, nguyên phi nhị vật, hữu hà đối đãi.

(演)而其實舉光則融壽，舉壽則融光，原非二物，有何對待。

*(**Diễn**: Thật ra, nêu lên Quang thì đã hàm chứa Thọ, nêu lên Thọ đã hàm chứa Quang, chúng vốn chẳng phải là hai vật, nào có đối đãi gì?)*

Thoạt nhìn có vẻ như Thọ và Quang đối lập, thật ra, chúng chỉ là một chuyện, đều là tánh đức trong bổn tánh. Bổn tánh có Chiếu đức, đó là Quang, [tức là] bổn tánh có trí huệ. Bổn tánh có Tịch đức, Tịch là như như bất động, chân tâm quả thật là bất động. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nêu một thí dụ, Ngài nêu lên tánh Thấy. Tánh Thấy là chân tâm, tánh Thấy trọn đủ ý nghĩa Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ. Tánh Thấy có thể chiếu, tức là thấy hết thảy sắc rõ ràng phân minh, đó là ý nghĩa Vô Lượng Quang. Tánh Thấy bất sanh bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, bất động, bất hoại. Đó là ý nghĩa Vô Lượng Thọ. Mở banh mắt bèn thấy, mà nhắm mắt vẫn thấy, quý vị đọc kinh Lăng Nghiêm sẽ biết, phần *"thập phiên hiển kiến"* (mười phen chỉ rõ cái Thấy) giảng rõ tánh Thấy là chân tâm. Tánh Thấy là Chân Như bổn tánh. Quý vị biết tánh Thấy là như vậy, mà căn tánh của sáu Căn không gì chẳng giống như vậy.

Đó gọi là *"nguyên y nhất tinh minh, phân thành lục hòa hợp"* (do nương vào một cái tinh minh (chân tâm) mà chia thành sáu thứ hòa hợp). Do đây biết rằng: Ý nghĩa Quang và Thọ quả thật dung hội lẫn nhau, dứt bặt đối đãi. Dứt bặt đối đãi (tuyệt đãi) là chẳng đối lập; do vậy, dung hội, hòa lẫn vào nhau. *"Nguyên phi nhất vật"* (vốn chẳng phải là hai vật), một đằng là nói theo mặt Chiếu, một đằng là nói theo mặt Tịch. Tịch là tự tánh vốn Định, Định ấy chẳng phải do tu mà có, mà là bổn tánh vốn sẵn có, nó được gọi là Lăng Nghiêm Đại Định. Lăng Nghiêm Đại Định chẳng phải do tu mà thành, mà là Tánh Định (Định sẵn có trong tự tánh). Chiếu là Bát Nhã trí huệ trong tự tánh. Tự Tánh Huệ là Vô Lượng Quang. Tự Tánh Định là Vô Lượng Thọ. Định và Huệ đều là tánh đức (những phẩm đức của tánh); do vậy, chúng dứt bặt đối đãi, dung hội lẫn nhau.

(Diễn) Nhất thiết công đức, vị vô lậu tánh công đức. Vô lượng giả, cụ túc viên mãn bất khả tư nghị dã.

(演)一切功德，謂無漏性功德。無量者，具足圓滿不可思議也。

*(**Diễn**: "Hết thảy công đức" là các công đức vô lậu của tự tánh. "Vô lượng" là [các công đức ấy] đầy đủ viên mãn, chẳng thể nghĩ bàn).*

"Tánh" là Chân Như bổn tánh, có Thể, có Tướng, có Dụng. Tựa đề kinh Hoa Nghiêm có chữ Đại Phương Quảng; Đại là tán thán Tánh Thể, Phương là tán thán Tánh Tướng, Quảng là tán thán sự khởi tác dụng của chân tánh (Tánh Dụng). Do vậy, ba chữ "Đại Phương Quảng" nhằm tán thán Thể, Tướng, Dụng của bổn tánh. *"Công đức"* là nói về Tướng và

Dụng, công đức ấy là công đức của bổn tánh. Đã thuộc bổn tánh thì chúng tuyệt đối chẳng do tu mà có, vốn sẵn trọn đủ, có thể sanh ra muôn pháp, đó là *"tánh công đức"* (các công đức của tánh). Tánh công đức là vô lậu. *"Lậu"* là tên gọi khác của phiền não, *"vô lậu"* là quyết định chẳng sanh phiền não. Trong công đức xứng tánh chẳng có phiền não. Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não và Vô Minh phiền não đều đoạn sạch thì mới gọi là *"vô lậu"*. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh[40], nên vẫn chưa hết Lậu, chưa hoàn toàn tách rời Lậu. Một phẩm sanh tướng vô minh ấy cũng chẳng còn thì mới thật sự là vô lậu. Ai có tánh công đức của chân vô lậu? Phật trong Viên Giáo mới trọn đủ, mới viên mãn. Những vị thánh nhân Tiểu Thừa cũng gọi là Vô Lậu, nhưng không có tánh công đức, vì vô lậu của người Tiểu Thừa chỉ là đoạn Kiến Tư phiền não, chứ chưa đoạn Trần Sa và Vô Minh. Do vậy, vô lậu trong Tiểu Thừa chẳng rốt ráo. *"Vô lậu tánh công đức"* mới thật sự là bổn lai diện mục của chính mình. Chúng ta hãy suy nghĩ: Hiện thời chúng ta trong hết thảy mọi lúc thường sanh phiền não, đó là hữu lậu. Hữu lậu là phàm phu, vô lậu là thánh nhân. Hữu lậu là mê hoặc, điên đảo, vô lậu mới là giác ngộ chẳng mê. Chúng ta hãy tự mình suy nghĩ, chúng ta có dấy lên phiền não hay không? Dấy phiền não là phàm phu, là đang ở trong tình trạng bệnh hoạn, chẳng khỏe mạnh, chính mình nhất định phải hiểu rõ!

Ở đây nói *"hết thảy công đức"* là nói đến công đức xứng tánh vô lậu, là những công đức vốn sẵn có trong bổn tánh. *"Công"* là công năng, *"đức"* là đức dụng. *"Vô lượng"* là trọn đủ viên mãn chẳng thể nghĩ bàn, đấy là ý nghĩa của chữ *"vô lượng"*. Công đức vô lậu trong tự tánh viên mãn, chẳng thiếu sót mảy may nào. Do vậy, đối với y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thì trong mười pháp giới ấy, lục phàm pháp giới chẳng phải là hữu lậu hay sao? Quý vị hãy tự suy nghĩ: Lục phàm là hữu lậu hay vô lậu? Khi chưa giác ngộ, ở trong lục phàm là hữu lậu, sau khi đại triệt đại ngộ, trụ trong Nhất Chân pháp giới, Nhất Chân và mười pháp giới là một, chẳng phải hai. Trong Nhất Chân có mười pháp giới hay không? Có! Nhưng trong cái nhìn của Phật, của Đại Bồ Tát, hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật. Hình dạng của Phật là như thế nào? Có hình dạng ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, cũng có hình dạng Bồ Tát, cũng có hình dạng trời, người, cũng có hình dạng ngạ quỷ,

[40] Sanh tướng vô minh (Mulavidya): Còn gọi là Vô Thỉ Vô Minh, Nguyên Phẩm Vô Minh, là căn bản của hết thảy phiền não, đồng thời là căn bản của Vô Minh phiền não. Nó chính là cái tâm bất giác, mê vọng. Gọi là "sanh tướng vô minh" vì vô minh đã có từ vô thỉ, là căn bản gây nên sanh tử lưu chuyển.

địa ngục, rất nhiều hình dạng, nhưng đều là Phật. Mắt Phật nhìn thấy [mọi loài] đều là Phật, quyết chẳng phải là [chờ đến khi chúng sanh đã] thành Phật rồi, Phật mới thấy hết thảy chúng sanh đều biến thành ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, không có đạo lý ấy! Vì sao? Ngài chứng được vô lậu, thấy hết thảy Tướng Phần là do tánh biến hiện. Tánh vô lậu nên Tướng cũng vô lậu. Cái gọi là Lậu ấy do đâu mà có? Lậu là do chính quý vị đang mê, chẳng liên can gì đến Tướng! Tự mình mê nên tự sanh phiền não, chuyện là như vậy đó! Do vậy, quả thật là đầy đủ viên mãn chẳng thể nghĩ bàn!

(Diễn) Nhi dĩ thử cú, đương phi trược, phi thanh nhị cú giả.

(演) 而以此句，當非濁非清二句者。

*(**Diễn**: Nhưng hãy nên đem câu này [tức câu "nhất thiết công đức, vị vô lậu tánh công đức. Vô lượng giả, cụ túc viên mãn bất khả tư nghị dã"] áp dụng cho hai câu "chẳng phải trược, chẳng phải thanh, [chẳng trái nghịch, chẳng hướng về]" [trong lời tựa]).*

Trong chân tánh, chẳng thể nào nhắc tới *"thanh, trược, hướng, bối"* (trong, đục, hướng về, trái nghịch) được; còn trên mặt Sự thì có hay là không? Trên mặt Sự là có, trên mặt Lý thì không. Sự có, Lý không, Tướng có, Tánh không. Trong Tướng có *"thanh, trược, hướng, bối"*, trong Tánh chẳng có. Trong Sự có *"thanh, trược, hướng, bối"*, trong Lý chẳng có. Do đây có thể biết, nói tới *"thanh, trược, hướng, bối"* là đã mê rồi cho nên mới có những hiện tượng ấy. Sau khi đã ngộ, những hiện tượng ấy chẳng còn nữa.

(Diễn) Dĩ đản hữu thanh, trược, hướng, bối, tức hữu đối đãi bất dung thông, tiện bất thị tánh công đức, tiện phi vô lượng.

(演)以但有清濁向背，即有對待不融通，便不是性功德，便非無量。

*(**Diễn**: Do chỉ cần có thanh, trược, hướng về, trái nghịch, sẽ liền có đối đãi, chẳng dung thông, sẽ chẳng phải công đức trong tự tánh, chẳng phải là vô lượng).*

Ấy là hữu lượng.

(Diễn) Kim vô thanh, trược, hướng, bối, thị nhất thiết công đức giai vô lượng dã.

(演) 今無清濁向背，是一切功德皆無量也。

*(**Diễn**: Nay không có thanh, trược, hướng về, trái nghịch, thì hết thảy công đức đều là vô lượng).*

"Thanh, trược, hướng, bối" trong phần trên đã giải thích rất cặn kẽ. Đây là câu thứ ba và câu thứ tư được nhìn theo ý nghĩa trong kinh này, đến đây chúng ta có thể rút ra kết luận.

Câu thứ năm là lời khen ngợi chung, *"tức kinh vân, như ngã tán thán A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức"* (chính là như trong kinh đã nói: *"Như ta khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật"*); trong phần giải thích kinh văn sẽ thảo luận cặn kẽ câu này. *"Mạt cú kết quy"* (Câu cuối cùng là quy kết), hết sức trọng yếu, *"ngôn A Di Đà Phật toàn thể thị đương nhân tự tánh dã"* (nói toàn thể của A Di Đà Phật là tự tánh của chính mình). Chữ *"toàn thể"* bao gồm y báo lẫn chánh báo, *"đương nhân"* là chính mình, [*"đương nhân tự tánh"* là] tự tánh của chính mình. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là tự tánh của chính mình. Câu này phải giải thích như thế nào? Ở đây, lời chú giải ghi:

(Diễn) Phạn ngữ A Di Đà Phật, thử vân Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang.

(演) 梵語阿彌陀佛，此云無量壽，無量光。

*(**Diễn** : Tiếng Phạn A Di Đà Phật, cõi này dịch là Vô Lượng Thọ hoặc Vô Lượng Quang).*

Đây là lời giải thích theo [những ý nghĩa] trong kinh này.

(Diễn) Nhi tự tánh Tịch, tức thị Vô Lượng Thọ. Tự tánh Chiếu, tức thị Vô Lượng Quang. Tịch Chiếu bất nhị, tức thị Quang Thọ giao dung, tắc A Di Đà Phật, khởi bất tức thị đương nhân tự tánh?

(演)而自性寂，即是無量壽。自性照，即是無量光。寂照不二，即是光壽交融。則阿彌陀佛，豈不即是當人自性。

*(**Diễn**: Nhưng tự tánh Tịch, chính là Vô Lượng Thọ; tự tánh Chiếu tức là Vô Lượng Quang. Tịch và Chiếu chẳng hai, chính là Quang và Thọ*

dung nhiếp lẫn nhau, vậy thì A Di Đà Phật há chẳng phải tự tánh của chính mình ư?)

Đây chính là nói *"tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ"*. Tịnh Độ và Di Đà đều do tự tánh biến hóa. Đã do tự tánh biến hóa ra, đương nhiên chẳng phải do ai khác, mà là chính mình. Kinh, luận (chú giải chính là luận) nói rõ ràng minh bạch như vậy, chúng ta nghe xong dường như cũng hiểu rõ, thật ra có hiểu rõ hay không? Không! Nghe chẳng hiểu rõ, vì sao nghe không hiểu? Nếu thật sự hiểu rõ, nghe thật sự hiểu, quý vị đã thành A Di Đà Phật, đã nhập cảnh giới, giống như nhà Thiền thường nói: *"Ngôn hạ đại ngộ"* (đại ngộ ngay khi [thầy hay thiện tri thức] vừa nói xong), quý vị nghe nói xong chẳng ngộ! Nói cách khác, chúng ta nghe rồi dường như hiểu, nhưng chẳng hiểu, chẳng phải thật sự hiểu, chẳng chuyển được cảnh giới. Thật sự hiểu sẽ lập tức chuyển được cảnh giới.

Vì sao chúng ta không chuyển được? Nghiệp chướng quá nặng! Chướng ngại ngăn trở Chiếu và Tịch trong tự tánh của chính mình. Do vậy, Định vốn có trong tự tánh chẳng thể hiện tiền, Bát Nhã trong tự tánh cũng chẳng thể hiện tiền, bị nghiệp chướng của chính mình chướng ngại; nhưng quý vị phải hiểu rõ chuyện này: Trong tự tánh vốn có Bát Nhã và Định, nghiệp chướng, phiền não, và vô minh của quý vị trong hiện tại vốn là không. Vốn là không thì nó là giả, vốn là có thì nó là chân. Vốn là có sẽ nhất định chứng được, sẽ có thể khôi phục. Vốn là không thì nhất định sẽ đoạn được sạch sành sanh. Điều kiện thấp nhất là chúng ta phải tin tưởng điểm này, phải kiến lập tín tâm ở chỗ này thì quý vị sẽ có nhập xứ. Đoạn thứ hai tiếp theo đây là [đem những câu luận về Tánh trong lời tựa] phối hợp với Tam Đại (Thể Đại, Tướng Đại, Dụng Đại).

(Sớ) Hựu sơ cú minh vô bất chiếu, tức Dụng Đại.

(疏) 又初句明無不照，即用大。

*(**Sớ**: Lại nữa, câu đầu tiên nói rõ [tự tánh] sáng suốt, không gì chẳng chiếu, đấy chính là Dụng Đại).*

Câu đầu tiên là *"linh minh đỗng triệt"*, đấy là nói về Dụng Đại (tự tánh có tác dụng to lớn), không gì chẳng chiếu. Câu thứ hai là *"trạm tịch thường hằng"*.

(Sớ) Nhị cú tĩnh vô bất hàm, tức Tướng Đại.

(疏) 二句靜無不含，即相大。

*(**Sớ**: Câu thứ hai là [tự tánh] tĩnh, nhưng không gì chẳng chứa, đấy chính là Tướng Đại).*

Chân Như bổn tánh có hình dạng ra sao? Tướng thanh tịnh, tịch diệt, bất động. Kinh thường nói: *"Na Già thường tại Định, vô hữu bất định thời"* (Na Già[41] thường ở trong Định, chẳng lúc nào không Định). Tự tánh vốn Định, khi quý vị giác ngộ, tự tánh thuộc về Định; khi mê, tự tánh vẫn ở trong Định, chứ không phải là nói "quý vị đã mê, tự tánh sẽ loạn". Nếu khi mê mà loạn thì chẳng gọi là bổn tánh, chẳng thể gọi là Bổn Giác, dẫu mê cũng chẳng loạn! Giống như ngày u ám không có ánh nắng mặt trời, mặt trời vẫn tỏa sáng giống hệt như vậy, nhưng bị mây che lấp mà thôi. Hiện thời, chúng ta biết điều này rất rõ ràng, ngồi phi cơ bay lên tầng mây sẽ thấy vẫn là ngày nắng rực rỡ, trọn chẳng phải là ngày hôm nay mặt trời không tỏa sáng, chẳng phải vậy. Điều này giống như tự tánh vốn Định, tự tánh có Bát Nhã, nó vừa Chiếu vừa Tịch, vĩnh viễn chẳng biến đổi, nhưng chúng ta tự mình sanh vô minh. Vô minh giống như một vầng mây dường như tạm thời che lấp [tia sáng mặt trời], chứ thật ra trọn chẳng chướng ngại. Giống như các tầng mây che lấp thái dương, chứ thật ra không ngăn lấp được. Mặt trời rất to, các tầng mây bé tí như thế làm sao có thể phủ lấp mặt trời? Tự tánh của chúng ta càng lớn hơn, kinh thường nói: *"Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"*. Một tí vô minh phiền não làm sao có thể chướng ngại nó được? Chẳng thể có chuyện ấy! Do đây, có thể biết: *"Linh minh đồng triệt"* là nói về tác dụng của tự tánh, *"trạm tịch thường hằng"* là hình tướng của tự tánh. Câu thứ ba và câu thứ tư nói về *"vô hướng, vô bối"*, chính là nói về bản thể. Đối với bản thể của tự tánh, *"thanh, trược, hướng, bối"* đều chẳng thể nào nói được!

(Diễn) Tam tứ cú huýnh tuyệt nhị biên, tức Thể Đại.
(疏) 三四句迥絕二邊，即體大。

[41] Na Già (Nāga), theo Huyền Ứng Âm Nghĩa, quyển 23, có nghĩa gốc là "rồng, voi, vô tội". Về sau, từ ngữ này thường được dùng để xưng tụng Phật hoặc La Hán, nhằm sánh ví những bậc có đại lực dụng. Đại Trí Độ Luận, quyển 3 viết: *"Ma Ha là lớn, Na là Vô, Già là Tội. A La Hán đoạn các phiền não, cho nên gọi là Đại Vô Tội (Ma Ha Na Già)"*. Thiền Định của Phật cũng được gọi là Na Già Đại Định như luận Câu Xá, quyển 13 chép: *"Có các bộ (các bộ phái Tiểu Thừa) nói, chư Phật Thế Tôn thường ở trong Định, tâm chỉ là lành, không có tâm vô ký. Vì thế, Khế Kinh chép: 'Na Già hành tại Định, Na Già trụ tại Định, Na Già tọa tại Định, Na Già ngọa tại Định"* (Đức Thế Tôn đi, đứng, ngồi, nằm thường ở trong Định).

*(**Diễn**: Câu ba và câu bốn dứt bặt hai bên, tức là nói tới Thể Đại).*

"Huýnh" (迥) là xa vời vợi. [*"Huýnh tuyệt"*] là đoạn tuyệt thật rốt ráo cả hai bên. Thanh và Trược là hai bên, Hướng và Bối là hai bên. Nói theo cách bây giờ, đó là "siêu việt tương đối", ngay cả tuyệt đối cũng chẳng thể có. Tuyệt đối và tương đối vẫn là hai bên; đây chính là ý nghĩa *"bất khả tư nghị"* như trong phần trên đã giảng: Chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn. Đây chính là nói rõ về Thể.

(Sớ) Ngũ cú tổng tán, sở vị tức tam, tức nhất, song mẫn, song tồn, từ táng, lự vong, bất khả tư nghị.

(疏)五句總讚，所謂即三即一，雙泯雙存，辭喪慮亡，不可思議。

*(**Sớ:** Câu thứ năm là lời khen ngợi chung, có nghĩa là [Thể, Tướng, Dụng] vừa là ba, vừa là một, cùng diệt mất, cùng tồn tại, ngôn ngữ dứt tuyệt, mất sạch suy đoán, chẳng thể nghĩ bàn).*

Gộp cả Thể, Tướng, Dụng lại để khen ngợi chung.

(Sớ) Mạt cú diệc kết quy tự tánh dã.

(疏) 末句亦結歸自性也。

*(**Sớ**: Câu cuối cùng cũng là kết quy tự tánh).*

Câu cuối cùng vẫn quy kết vào tự tánh: Thể, Tướng, Dụng là chính mình. Thể, Tướng, Dụng là những thứ ta sẵn có. Do đây có thể biết: Bộ kinh Di Đà này và sách Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa giảng điều gì? Giảng về chính mình, giảng về Thể - Tướng - Dụng Tam Đại, chứ chẳng giảng gì khác! Kinh Di Đà như vậy, mà kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa, kinh Viên Giác, chẳng có một kinh nào không phải là như vậy.

Toàn bộ Phật pháp là nói về chính mình. Do vậy, Phật pháp chẳng phải là tôn giáo, mà cũng chẳng phải là triết học. Vì sao? Tôn giáo[42] nói đến Tha (người khác, sự vật khác), chứ không đến chính mình. Triết học cũng nói đến Tha, vẫn chẳng phải là chính mình. Phật pháp suốt từ đầu đến tận cuối cùng là giảng về chính mình, chẳng nói tới ai khác. Duy Thức Học nói rất hay, trong Phật pháp phân biệt hết thảy các pháp tướng, phân

[42] Tôn giáo (Religion) hiểu theo quan điểm Tây phương luôn liên quan đến một đấng Sáng Thế, quy kết vũ trụ do một đấng thiêng liêng tạo ra, nên nói tôn giáo là Tha, không nhấn mạnh đến tự tâm như Phật giáo.

biệt là chính mình, đúng là *"ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm"*.

Chẳng hiểu rõ đạo lý này sẽ chẳng hiểu Phật pháp, kẻ ấy cũng chẳng có cách nào nhập Phật pháp, nhất định phải hiểu rõ!

(Diễn) Hựu sơ cú minh vô hạ, phối Tam Đại dã.

(演) 又初句明無下，配三大也。

*(**Diễn**: Lại nữa, từ "câu đầu tiên nói rõ không gì chẳng chiếu" trở đi là đem [những lời luận định về tự tánh trong phần Tựa] phối hợp với Tam Đại).*

Tam Đại là Thể Đại, Tướng Đại và Dụng Đại.

(Diễn) Dụng Đại giả, vị chúng sanh tâm cụ hữu vô biên diệu dụng.

(演) 用大者，謂眾生心具有無邊妙用。

*(**Diễn**: Dụng Đại là nói tâm của chúng sanh có đủ vô biên diệu dụng).*

Đây là nói về tâm của chúng sanh, tâm của quý vị có đủ vô biên tác dụng mầu nhiệm.

(Diễn) Luận vân: "Tam giả Dụng Đại, năng sanh nhất thiết thế gian xuất thế gian thiện nhân quả cố".

(演) 論云：三者用大，能生一切世間出世間善因果故

*(**Diễn**: Luận ghi: "Ba là Dụng Đại vì có thể sanh ra hết thảy các thứ nhân quả tốt lành thế gian và xuất thế gian").*

"Luận" là Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát trình bày theo thứ tự thuận: Một là Thể Đại, hai là Tướng Đại, ba là Dụng Đại. Ở đây nói về Dụng Đại, cho nên dẫn điều thứ ba [trong luận Khởi Tín] nhằm thuyết minh tâm của chúng sanh có đủ vô biên diệu dụng, có thể sanh hết thảy nhân lành quả lành thế gian và xuất thế gian. Những thiện nhân thiện quả xuất thế gian của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật là do đâu mà có? Từ trong tâm của chính quý vị sanh ra. Thiện nhân thiện quả của trời người trong thế gian cũng từ trong cái tâm của chính quý vị sanh ra. Quý vị phải biết: Đây là chân tâm, chân tâm quyết định sanh ra thiện nhân và thiện quả. Tam ác đạo và A Tu La đạo từ đâu mà có? Từ vọng tâm sanh

ra. Chân tâm mang thêm một tầng vô minh sẽ sanh ra hết thảy ác nhân, ác quả, vẫn là do cái tâm ấy sanh ra. Trong tâm vướng mắc vô minh, vướng mắc phiền não nghiệp chướng, liền sanh ra ác nhân, ác quả. Trừ bỏ vô minh, trừ khử nghiệp chướng, tâm ấy sanh ra thiện nhân, thiện quả, há chẳng phải là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: *"Ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo"* (Hãy nên quán tánh pháp giới, hết thảy chỉ do tâm tạo).

Chữ *"pháp giới"* [trong hai câu kệ ấy] chỉ mười pháp giới, mà cũng chỉ Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới đều là *"duy tâm sở tạo"*, *"tạo"* có nghĩa là hiện, *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*. Vì sao có thể hiện các thứ khác nhau? Thức khởi lên sự biến hóa ở trong ấy, duy thức sở biến. Tâm là chân tâm, duy Thức là chân tâm đèo thêm một tầng vô minh, chúng ta gọi nó là A Lại Da Thức hoặc "vọng tâm". Nó có thể sanh, mà cũng là như Lục Tổ lúc khai ngộ đã nói: *"Hà kỳ tự tánh, năng sanh vạn pháp"* (Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp). *"Hà kỳ"* (何期) là không ngờ; không ngờ tự tánh có thể sanh ra hết thảy vạn pháp. Ngài khai ngộ liền thấy được chân tướng này, thốt lên một câu rất cảm khái như thế!

(Diễn) Kim thử linh minh vô sở bất chiếu.

(演) 今此靈明無所不照。

*(**Diễn**: Nay [tự tánh] linh minh này không đâu chẳng chiếu).*

Bát Nhã quang minh trong bổn tánh không đâu chẳng chiếu.

(Diễn) Tức thị năng sanh nhất thiết thế xuất thế thiện nhân quả dã.

(演) 即是能生一切世出世善因果也。

*(**Diễn**: Chính là cái có thể sanh ra hết thảy nhân quả tốt lành thế gian hay xuất thế gian).*

Từ câu này, chúng ta thấu hiểu hết sức rõ ràng, xác đáng: Hết thảy thiện nhân thiện quả đều sanh từ trí huệ. Linh minh giác chiếu là trí huệ trong bổn tánh, khó trách Phật pháp đề cao Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong bổn tánh có Thể, có Tướng, có Dụng; Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là nói về tác dụng, chứ không phải là nói về Thể. Chúng ta nói chữ Phật có ý nghĩa là Giác. Nói đến ý nghĩa của chữ Trí vẫn là nói đến tác dụng. Nếu nói đến Thể thì phải nói đến Tịch, nói *"thanh tịnh tịch diệt"* thì mới là đúng. Do vậy, nói Niết Bàn là dựa theo Thể để

nói. Niết Bàn có nghĩa là "tịch tĩnh, tịch diệt". Nói Phật là nói theo phương diện Dụng. Phật là trí huệ, có nghĩa là Giác. Niết Bàn và Phật có cùng một ý nghĩa, nhưng một đằng nói theo phương diện Thể, một đằng nói theo phương diện tác dụng. Dụng đương nhiên có Thể, Thể nhất định có Dụng. Đây là liễu giải: Thiện nhân thiện quả nhất định phải có trí huệ; chẳng có trí huệ sẽ không được.

(Diễn) Tướng Đại giả, vị chúng sanh tâm cụ hữu Như Lai trí huệ, đức tướng.

(演) 相大者，謂眾生心具有如來智慧德相。

*(**Diễn**: Tướng Đại là nói tâm của chúng sanh có đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai).*

Câu này chú trọng đức tướng. Khi Phật Thích Ca thành Phật, mới thấy tướng chân thật của hết thảy pháp, tức Thật Tướng của các pháp, lão nhân gia bèn nói: *"Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai, đáng tiếc là các ngươi có phân biệt, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc"*. Lão nhân gia thốt ra lời rất cảm khái như vậy. Câu này cũng nói rất rõ ràng: Nếu trừ được phân biệt, chấp trước, thì trí huệ và đức tướng Như Lai của chúng ta sẽ hiện tiền, bèn chứng đắc; nhưng quý vị chẳng chịu bỏ phân biệt, chấp trước thì chẳng có cách nào hết! Ai chịu bỏ phân biệt, chấp trước, sẽ thành Phật ngay lập tức. Những thứ này khó bỏ, khó đoạn, chúng là tập khí từ vô thỉ kiếp đến nay. Bỏ như thế nào? Phải Định, phải Tịnh. Kinh dạy: *"Tịnh cực quang thông đạt"*. *"Tịnh"* là Định, Định đến tột cùng thì trí huệ và đức tướng Như Lai vốn có sẽ hiện tiền, sẽ thông đạt sự quang minh ấy. Do vậy, trí huệ nhất định phải từ Thiền Định sanh ra. *"Nhất tâm bất loạn"* trong kinh này chính là tự tánh vốn Định, là Thiền Định, là Lăng Nghiêm Đại Định như kinh Lăng Nghiêm đã nói. Trong câu kế tiếp, lại dẫn câu thứ hai trong Khởi Tín Luận để giảng.

(Diễn) Luận vân: "Nhị giả Tướng Đại, vị Như Lai Tạng cụ túc vô lượng tánh công đức cố".

(演) 論云：二者相大，謂如來藏具足無量性功德故。

*(**Diễn**: Luận chép: "Hai là Tướng Đại, vì Như Lai Tạng trọn đủ vô lượng các công đức thuộc về tánh).*

Như Lai Tạng là gì? Chính là cái tâm của chúng sanh, tâm của chúng sanh là Như Lai Tạng. Trí huệ và đức tướng của Như Lai là vô

lượng công đức trong tự tánh. Cách nói khác nhau, nhưng vẫn cùng là một chuyện. *"Cụ túc vô lượng tánh công đức"* là có trọn đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai. Hai câu có thể dùng để giải thích lẫn nhau thì vừa đọc đã thấy ý nghĩa hết sức rõ rệt.

(Diễn) Kim thử trạm tịch vô sở bất hàm, tức thị cụ túc vô lượng tánh công đức dã.

(演) 今此湛寂無所不含，即是具足無量性功德也。

*(**Diễn**: Nay sự trạm tịch (trong trẻo, vắng lặng) này không gì chẳng chứa đựng, chính là đầy đủ vô lượng công đức nơi tự tánh vậy).*

"Trạm" là thanh tịnh, *"tịch"* là tịch diệt bất động. Tâm thanh tịnh, chẳng có một tí cặn bã nào, Lục Tổ nói *"vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần"*. Một hạt vi trần cũng chẳng nhiễm, đó là *"trạm tịch"*, đấy là hình tướng của chân tâm. Thể quá khó giải thích, hãy từ Dụng và Tướng mà quan sát sẽ dễ hiểu được. Tướng và Dụng đều là bản thể. Tự tánh có đủ vô lượng công đức, khi nào quý vị mới có thể thấy được? Nhất định là phải đạt đến Lý nhất tâm bất loạn thì sẽ thấy được. Bởi lẽ, hình tướng của Lý nhất tâm là *"trạm tịch thường hằng"*. Dùng hai câu trong kinh Kim Cang để nói thì là *"chẳng chấp vào tướng, như như bất động"*. Đấy là Lý nhất tâm, là trạm tịch thường hằng, cho nên mới có thể nhận thấy những thứ vốn có sẵn đầy đủ trong ấy.

(Diễn) Thể Đại giả, vị chúng sanh tâm thị nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể.

(演) 體大者，謂眾生心是一法界大總相法門體。

*(**Diễn:** Thể Đại là nói tâm của chúng sanh là Thể của pháp môn đại tổng tướng Nhất Chân pháp giới).*

Điều này chẳng thể nghĩ bàn. Kinh Hoa Nghiêm gọi *"nhất pháp giới"* là Nhất Chân pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới, bản thể của pháp môn Đại Tổng Tướng trong Nhất Chân pháp giới. Nói cách khác, Nhất Chân pháp giới nương vào gì để biến hiện? Nương vào tâm của chúng sanh để biến hiện. Tâm chúng sanh hiện ra tướng Nhất Chân pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới có vô lượng vô biên biệt tướng. Biệt tướng là cái được hiện, tổng tướng là năng hiện (chủ thể biến hiện). Tổng tướng là tướng của tâm chúng sanh.

(Diễn) Luận vân: "Nhất giả, Thể đại, vị nhất thiết pháp Chân Như bình đẳng, bất tăng giảm cố".

(演) 論云：一者體大，謂一切法真如平等不增減故。

*(**Diễn**: Luận nói: "Một là Thể đại, nghĩa là hết thảy pháp Chân Như bình đẳng vì không tăng giảm").*

"Nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể" chẳng tăng, chẳng giảm, không thanh, không trược, không trái nghịch, không hướng về, trong ấy chẳng lập một pháp, chẳng bỏ một pháp nào, chẳng có lấy hay bỏ. Do vậy, pháp này là pháp bình đẳng, là pháp chân thật. *"Nhất thiết pháp Chân Như"*, Thể là chân, Tướng và Dụng cũng chẳng giả. Khi mê thì nói là hư vọng, lúc ngộ bèn nói là thuần chân. Khi mê thì dường như có tăng giảm, lúc ngộ chẳng có tăng hay giảm. Do vậy, nơi Phật chẳng tăng thêm, nơi chúng sanh chẳng giảm bớt. Hết thảy pháp đều chẳng tăng, chẳng giảm. Nếu chúng ta quan sát cặn kẽ, hiện thời các nhà khoa học cũng đã phát hiện [điều này], nhưng không nói thấu triệt như Phật pháp. Các nhà khoa học nói: "Vật chất bất diệt, tinh thần cũng bất diệt". Đã bất diệt thì đương nhiên cũng chẳng sanh, *"bất sanh, bất diệt"*. Đây là điều chân thật, nhưng hết thảy tướng chỉ có duyên tụ hay duyên tán. Có rất nhiều người cảm thấy kỳ quái, trên thế giới hiện thời có nhiều người như thế, rốt cuộc họ từ đâu tới? Có phải là chân tánh có thể biến thành rất nhiều tánh hay không? Quý vị mà hiểu như vậy thì đã sai rồi. Nếu thần thức của chúng ta có thể biến thành thật nhiều thì trong tương lai khi chúng ta thành Phật cũng có thể biến thành rất nhiều Phật hay sao? Chẳng có lẽ ấy! Phải hiểu chân tướng là *"chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng một, chẳng khác, một vị bình đẳng"*.

(Diễn) Kim thử "linh tâm tuyệt đãi, huýnh tuyệt nhị biên", tức thị bất tăng, bất giảm, nhất vị bình đẳng dã.

(演)今此靈心絕待，迥絕二邊，即是不增不減一味平等也。

*(**Diễn**: Nay "cái tâm thông linh, dứt bặt đối đãi, dứt trọn hai bên" này chính là chẳng tăng, chẳng giảm, một vị bình đẳng vậy).*

Hai bên chẳng lập, Trung Đạo chẳng tồn tại. Thanh, trược, hướng về, trái nghịch, đều là nhị biên, trong chân tánh chẳng tìm được. Đây chính là như luận Khởi Tín đã nói: Chân Như bình đẳng, chẳng tăng, chẳng

giảm, một vị bình đẳng. Câu này nhằm giảng rõ Thể Đại. Tiếp theo đây, sách Diễn Nghĩa gộp cả ba thứ Thể, Tướng, Dụng lại để khen ngợi chung.

(Diễn) "Tức tam, tức nhất, song mẫn, song tồn" giả, Thể phi Tướng, Dụng, nãi chí Dụng phi Thể, Tướng, tức tam dã. Nhi hựu ly Thể vô Tướng Dụng, ly Tướng vô Thể Dụng đẳng, tức nhất dã.

(演)即三即一，雙泯雙存者，體非相用，乃至用非體相，即三也；而又離體無相用，離相無體用等，即一也。

***(Diễn**: "Chính là ba, chính là một, cả hai cùng mất, cả hai cùng tồn tại": Thể chẳng phải là Tướng hay Dụng, cho đến Dụng chẳng phải là Thể hay Tướng nên chúng chính là ba. Lại nữa, lìa Thể sẽ không có Tướng và Dụng, lìa Tướng sẽ không có Thể và Dụng v.v... nên chúng chính là một).*

Thể chẳng phải là Tướng, Tướng chẳng phải là Dụng. Thể, Tướng, Dụng là ba món, nên *"tức tam"* (chính là ba). Tuy vậy, chúng có cùng một bản thể, [nói Thể, Tướng, Dụng] là quan sát từ ba góc độ, nhưng ba món này lại là một. Lìa Thể sẽ chẳng có Tướng và Dụng, lìa Tướng cũng chẳng có Thể và Dụng. Do vậy, chúng lại là một. Một mà ba, ba là một! Nói ba thì chẳng có một, nói một thì chẳng có ba, [do vậy gọi là] *"song mẫn"* (cả hai cùng mất). Một chính là ba, ba chính là một, [nên gọi là] *"song tồn"* (cả hai cùng tồn tại). Nói một hay ba đều được. Nhất định phải hiểu rõ những ý nghĩa được chứa đựng trong mấy câu này. Hễ có một điểm nào lờ mờ thì chẳng những quý vị chẳng thể khai ngộ, mà tất nhiên quý vị sẽ tăng trưởng mê hoặc, tăng trưởng vô minh, tăng trưởng tà kiến. Vì sao là ba? Vì sao là một? Vì sao chẳng phải là ba mà cũng chẳng phải là một? Vì sao vừa là ba vừa là một? Phải hiểu rõ từng điều! Nói là ba hay một, là nói theo góc độ nào? Nói chẳng phải ba, chẳng phải một là nói từ chỗ nào? Vừa là ba vừa là một là nói từ chỗ nào? Đều phải hiểu rõ, quán sát từng khía cạnh thì mới có thể ngộ nhập Thật Tướng, mới thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật này, đoạn nghi sanh tín. Nhất định phải hiểu rõ Tam Đại Thể - Tướng - Dụng. Chuyện này có quan hệ hết sức lớn, trong triết học, chúng thuộc [hai phạm trù[43]] là bản thể và hiện tượng. Thể Đại là bản

[43] Phạm trù (范疇, category of being) là thuật ngữ trong Triết Học, chỉ một hệ thống phân loại những khái niệm triết học có chung một số đặc điểm chung, sẽ được xếp vào cùng một tiểu loại. Tiểu loại ấy sẽ gọi là Phạm Trù. Nói cách khác, có thể hiểu đơn

thể, Tướng Đại là hiện tượng. Phạm vi bao quát của Dụng Đại quá rộng lớn, gần như tất cả học thuật thế gian lẫn xuất thế gian không gì chẳng thuộc trong Dụng Đại.

(Diễn) Nhất tức tam, tắc nhất mẫn, tam tức nhất, tắc tam mẫn, song mẫn dã. Nhi hựu nhất tức tam, tắc tam tồn, tam tức nhất, tắc nhất tồn, song tồn dã. Tồn thời tức mẫn, mẫn thời tức tồn, phi mẫn, phi tồn, bất khả tư nghị.

(演)一即三則一泯，三即一則三泯，雙泯也。而又一即三則三存，三即一則一存，雙存也。存時即泯，泯時即存，非泯非存，不可思議。

*(**Diễn**: Một chính là ba, tức là "nhất" đã mất. Ba chính là một, tức là "tam" đã mất. Đấy chính là "song mẫn" (cả hai cùng mất). Lại nữa, một tức là ba, tức là "tam" tồn tại. Ba chính là một, tức là "nhất" tồn tại. Đấy là "song tồn" (cả hai cùng tồn tại). Khi tồn tại chính là mất, khi mất chính là tồn tại, chẳng mất, chẳng tồn tại, chẳng thể nghĩ bàn).*

Ngôn ngữ chỉ có thể diễn tả tới đây, công năng của ngôn ngữ phát huy đến đây là tột cùng, chẳng còn có cách nào khác nữa, nhưng ý nghĩa chẳng tận. Từ chỗ này, lại phải đẩy ý nghĩa lên một tầng cao hơn nữa, đó gọi là *"ý nằm ngoài lời"*. Không có cách nào diễn tả ý nằm ngoài lời, chỉ đành nói *"bất khả tư nghị"*. Nếu quý vị muốn giải thích sự bất khả tư nghị cho người ta, hãy đem đoạn này nói ra, nó chính là ý nghĩa của *"bất khả tư nghị"* đấy.

Liên Trì đại sư nói: *"Từ táng, lự vong, bất khả tư nghị"* (Từ ngữ dứt bặt, suy nghĩ dứt tuyệt, chẳng thể nghĩ bàn). *"Từ"* (辭) là ngôn thuyết, ngôn thuyết đến đây là cùng tận, nói hết rồi, không còn cách nào để nói nữa. *"Lự"* (慮) có nghĩa là suy nghĩ. *"Từ táng"* là không còn nói năng gì được nữa. *"Lự vong"* là tâm hành cũng ngưng dứt. Chẳng thể dùng ngôn ngữ để diễn tả được, chẳng thể suy nghĩ, tưởng tượng được, đó là *"bất khả tư nghị"*. Thế nhưng có cảnh giới ấy hay không? Có chứ! Thật sự có cảnh giới ấy. Cảnh giới ấy là gì? Tự tánh đấy! Tức là Chân Như bổn tánh

---

giản, Phạm Trù là cách phân loại tổng quát các khái niệm thành những tiểu tập hợp riêng biệt nhằm dễ biện luận, suy tưởng. Các phạm trù quan trọng nhất trong Triết Học Cổ Hy Lạp theo Aristotle là Thực Thể (Ousia), Số Lượng (Poson), Phẩm Chất (Poion), Quan Hệ (Pros Ti), Nơi Chốn (Pou), Thời Gian (Pote), Tư Thế (Keisthai), Trạng Thái (Echein), Động Tác (Poiein) và Ảnh Hưởng (Paschein).

của chúng ta. Chân Như bổn tánh chính là giáo thể của kinh này. Kinh Di Đà từ trong bổn tánh, từ trong tự tánh lưu lộ. Bộ kinh này là tự tánh của chính mình. Do đây có thể biết, danh hiệu A Di Đà Phật là đức hiệu của chính tự tánh. Dùng từng tiếng danh hiệu này để đánh thức tự tánh của chính mình, khôi phục tự tánh của chúng ta. Do vậy, công đức của danh hiệu ấy chẳng thể nghĩ bàn. Đoạn văn tiếp theo là [đem những lời giải thích về tự tánh trong phần lời tựa sách Sớ Sao] phối hợp với ba đức để nói. Ba đức là Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát.

(Sớ) Hựu sơ cú ngôn Chiếu, tức Bát Nhã đức. Nhị cú ngôn Tịch, tức Giải Thoát đức. Tam tứ cú ngôn Tịch Chiếu bất nhị, tức Pháp Thân đức. Ngũ cú tổng tán, mạt cú kết quy, lệ thượng khả tri.

(Diễn) Hựu, "sơ cú ngôn Chiếu" hạ, phối Tam Đức. Trí huệ quang minh biến chiếu pháp giới danh vi Bát Nhã.

(疏)又初句言照，即般若德。二句言寂，即解脫德。三四句言寂照不二，即法身德。五句總讚，末句結歸，例上可知。

(演)又初句言照下配三德，智慧光明遍照法界名為般若。

*(**Sớ**: Lại nữa, câu đầu tiên nói về Chiếu, tức là Bát Nhã đức. Câu thứ hai nói tới Tịch, tức là Giải Thoát đức. Câu thứ ba và câu thứ tư nói "Tịch Chiếu bất nhị", tức là Pháp Thân đức. Câu thứ năm là khen ngợi chung, câu cuối cùng kết quy [tự tánh], cứ dựa theo phần trên sẽ biết được ý nghĩa.*

***Diễn**: Lại nữa, từ "câu đầu tiên nói về Chiếu" trở đi là phối hợp với Tam Đức. Trí huệ quang minh chiếu khắp pháp giới thì gọi là Bát Nhã).*

"Pháp giới" có Nhất Chân pháp giới, có mười pháp giới. *"Chiếu"* là hết thảy đều thông đạt. Các tôn giáo tán thán Thần hay Thượng Đế của họ là toàn tri toàn năng. Thật ra, Thần và Thượng Đế chưa chắc đã toàn tri toàn năng, nhưng Bát Nhã trong tự tánh mới thật sự có tác dụng toàn tri toàn năng. Do vậy, toàn tri toàn năng là chính mình. Hiện thời, chúng ta thật đáng thương. Vốn là toàn tri toàn năng, quá khứ, hiện tại, vị lai không gì chẳng biết, nhưng con người hiện thời mê hoặc đến cùng cực, nghe nói kẻ nào đó có chút thần thông vặt vãnh bèn vội vàng đến lễ bái kẻ đó. Quý vị phải biết, đó là thần thông nhỏ nhoi! Có phải là bản thân kẻ ấy

thật sự có thần thông hay chăng? Không phải! Quý vị đọc kinh Lăng Nghiêm sẽ biết ngay: Những loài yêu ma quỷ quái dựa vào thân kẻ ấy. Những loài yêu ma quỷ quái quá nửa có năm thứ thần thông: Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Thần Túc, Túc Mạng, nhưng không có Lậu Tận Thông. Bọn chúng có Túc Mạng Thông, nhập vào thân quý vị nên quý vị có thể biết quá khứ, vị lai. Năng lực của chúng rất hữu hạn, chỉ biết những chuyện gần nhất, chẳng biết những chuyện xa xôi, chỉ biết chuyện nhỏ, chẳng biết chuyện lớn, quyết chớ để những loài yêu ma quỷ quái ấy lừa gạt!

Một cá nhân tin vào những loài yêu ma quỷ quái ấy, gia đình người đó chẳng bao lâu sẽ suy bại, một quốc gia mà tin vào những thứ đó, quốc gia ấy chẳng bao lâu nhất định diệt vong. Trong Tả Truyện có ghi: *"Quốc chi tương vong, tất hữu yêu nghiệt"* (Nước sắp mất, ắt có yêu nghiệt). Yêu nghiệt là gì? Chính là những loài yêu ma quỷ quái. Chúng ta thấy xã hội hiện thời không tốt đẹp, xã hội gặp phải hoạn nạn, chẳng hạnh phúc như vậy là điềm báo trước đại kiếp nạn sắp xảy tới. Chỗ nào cũng có những loài yêu ma quỷ quái mê hoặc lòng người, khiến cho chánh tri chánh kiến của con người bị mê hoặc. Như vậy thì tai nạn do đâu mà có? Tai nạn do chính con người tạo ra! Quý vị chẳng đoái hoài tới những loài yêu ma quỷ quái ấy, chẳng tin tưởng chúng, hai ngày sau chúng sẽ bỏ đi, vì không có cách gì phô trương bản lãnh được! Có nhiều người tin tưởng chúng, ủng hộ chúng, chúng càng ngày càng lợi hại. Ai cũng mắc cái bệnh này: Ưa chuộng kỳ quái! Nói chánh pháp thì họ chẳng tin tưởng, những chuyện bình thường nhạt nhẽo ấy có gì là kỳ quái đâu nhỉ? Kẻ kia có thần thông, nói vanh vách những chuyện trong lòng tôi, tuyệt diệu thay! Đây là nhược điểm trong tánh tình con người. Yêu ma quỷ quái bèn nắm lấy nhược điểm trong tánh tình con người để mê hoặc quý vị, khiến cho quý vị hoàn toàn chôn vùi lòng tin nơi chính mình. Chính quý vị có vạn đức vạn năng, chính quý vị có trí huệ quang minh vô hạn, nhưng quý vị tin tưởng những thứ yêu ma quỷ quái ấy, [những thứ đức năng, trí huệ v.v...] đều mất hết, khiến cho chính mình càng mê càng sâu, tạo tội nghiệp ngày càng nặng. Trung Quốc, ngoại quốc đều là như vậy, đó gọi là mê tín!

Lúc tôi mới học Phật, thỉnh giáo Chương Gia đại sư về chuyện cầu cơ. Chương Gia đại sư bảo tôi: Đấy là linh quỷ giả mạo danh nghĩa của Phật, Bồ Tát, mạo nhận là Phật, Bồ Tát, chúng cũng làm được một chút chuyện tốt, cũng muốn tu thiện, quá nửa là khuyên con người đoạn ác tu thiện. Dùng thân phận của chúng thì chẳng ai tin tưởng. Do vậy, chúng bèn giả mạo danh nghĩa của Phật, Bồ Tát thì mọi người tin tưởng, chứ

không phải là Phật, Bồ Tát thật sự. Chuyện nhỏ thì linh nghiệm, chứ chuyện lớn sẽ một mực hồ đồ, nói nhăng nói cuội! Chương Gia đại sư bảo tôi: Nhà Mãn Thanh mất nước do mê cầu cơ. Do Từ Hy thái hậu tin tưởng nên hàng vương công đại thần trong chánh phủ Mãn Thanh đều tin tưởng. Quốc gia quyết định chánh sách chẳng dám tự mình làm chủ, mà nhờ vào cầu cơ để quyết định. Do cầu cơ nhà Mãn Thanh bị mất nước. Sách Tả Truyện chép: *"Quốc tương hưng, thính ư dân (lão bách tánh), quốc tương vong, thính ư thần (quỷ thần)"* (Nước sắp hưng thịnh, chánh quyền nghe theo ý dân. Nước sắp mất, chánh quyền nghe lời quỷ thần). Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, muốn gia đình chúng ta hưng vượng, hãy nghe lời người nhà, nghe ý kiến của người nhà. Chuyện gì chúng ta cũng nên họp lại, bàn bạc quyết định. Nếu nghe theo lời giáng cơ, nhà đó nhất định diệt vong.

Phật pháp dạy quý vị khôi phục năng lực và thần thông chính mình vốn có. Quỷ thần có năm thứ tiểu thần thông, quý vị có đại thần thông, vì sao quý vị chẳng khôi phục? Trí huệ, đức năng là những thứ sẵn có đầy đủ trong bổn tánh, chẳng do bên ngoài mà có! Tu học Phật pháp khởi sự từ Giới, Định, Huệ, y giáo phụng hành, nhất định sẽ chứng đắc. Học Phật phải thành tâm thành ý mà học, chẳng thể chụp giựt, cầu may. Đây là khôi phục tánh đức của chính mình, làm sao có thể chụp giựt, cầu may cho được? Tâm có tí ti hư ngụy sẽ thành chướng ngại, [sự hư ngụy ấy] chính là kẻ giặc đối với tánh đức. Điều thứ nhất của Bồ Đề tâm là "chí thành tâm", chẳng có mảy may hư ngụy nào, chân thành thì mới có thể khôi phục trí huệ quang minh chiếu trọn khắp pháp giới, đấy là Bát Nhã đức.

(Diễn) Ly nhất thiết nhiễm đắc đại tự tại, danh vi Giải Thoát.
(演) 離一切染得大自在名為解脫。
*(**Diễn**: Lìa hết thảy nhiễm, được đại tự tại thì gọi là Giải Thoát).*

Đây là câu thứ hai, chỉ có tự tánh vốn Định. Từ trong thanh tịnh tịch diệt thì hết thảy ô nhiễm đều chẳng có. Có tí ti ô nhiễm nào thì tâm quý vị sẽ chẳng thể Định. Chúng ta thường gọi ô nhiễm là "vướng mắc". Có tí ti chuyện gì ghim giữ trong lòng, tâm sẽ chẳng thể an. Nhà Thiền thường nói *"một sợi tơ chẳng vướng"*, tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, tự tại rồi đấy! Hễ có vật gì bèn là vướng mắc, có vướng mắc sẽ chẳng tự tại. *"Giải thoát"* là tự tại. Chữ Giải ở đây nên coi như động từ, có nghĩa là tháo ra, *"thoát"* là thoát lìa. Giải là nói theo mặt nhân, Thoát là nói theo mặt quả. Chúng ta tháo gỡ mê hoặc điên đảo sẽ vượt thoát sanh tử luân

hồi, thì mới có thể đắc "đại tự tại". Điều này cần phải có Thiền Định rất sâu! A La Hán có Cửu Thứ Đệ Định, vượt thoát luân hồi trong sáu đường. Trên quả địa Như Lai, tự tánh vốn Định sẽ siêu việt hai thứ sanh tử là Phần Đoạn sanh tử và Biến Dịch sanh tử, siêu việt mười pháp giới, chứng đắc Nhất Chân pháp giới, đấy mới gọi là "đại tự tại". Câu thứ ba và câu thứ tư nói về "Tịch - Chiếu bất nhị", đấy là nói về Pháp Thân đức.

(Diễn) Tâm thể ly niệm pháp giới nhất tướng, danh vi Pháp Thân.
(演) 心體離念法界一相名為法身。
*(**Diễn**: Tâm thể ly niệm pháp giới nhất tướng, gọi là Pháp Thân).*

"Tâm thể" là chân tâm lý thể, tức là bản thể của chân tâm, quý vị phải ghi nhớ, nó không có niệm. Vô niệm mới là chánh niệm. Có niệm là vọng niệm. Thử hỏi: Chúng ta hết thảy ý niệm đều không có thì có phải là chánh niệm hay không? Vẫn là vọng niệm! Chúng ta hiện đang có niệm, đó là tà kiến, mà vô niệm thì là vô minh, tuyệt đối chẳng thể có chánh niệm hiện tiền vì rớt vào hai phương diện Có và Không. *"Ly niệm"* là rời hữu niệm mà vô niệm cũng rời luôn! Có và Không đều rời hết, đó mới gọi là *"chánh niệm"*. Nay chúng ta chỉ có thể rời một bên, hễ rời hữu niệm bèn còn có vô niệm, hễ rời vô niệm bèn còn có hữu niệm. Phải bỏ cả hai bên mới được! Rời một bên là không được, rời vô niệm là hữu niệm, hữu niệm là tà kiến, rời hữu niệm bèn là vô niệm, vô niệm là vô minh.

Có những người tu Vô Tưởng Định, tách rời hết thảy vọng tưởng, chuyên tu vô niệm, tu thành Vô Tưởng Định, sống trong Vô Tưởng Thiên thuộc Tứ Thiền Thiên. Đó là ngoại đạo thiên, một mực chết lặng, thứ gì cũng chẳng có. Định ấy mất đi, lại luân hồi đầu thai, cảnh giới như vậy đấy! Đó là Tử Định, chẳng phải là Pháp Thân. Tại Ấn Độ có những hàng ngoại đạo tu hành, lìa hết thảy vọng niệm, tu Không Định, tu thành công, sanh lên Tứ Không Thiên. Tứ Không Thiên thấy một khối hỗn độn. Hỗn độn là gì vậy? Là vô minh. Mở đầu sách Ấu Học Quỳnh Lâm là câu *"hỗn độn sơ khai, càn khôn thỉ điện"* (thuở bắt đầu hỗn độn, trời và đất bắt đầu định lập), kiến giải hoàn toàn tương đồng với ngoại đạo Ấn Độ. Ngoại đạo Ấn Độ lập ra hai mươi lăm Đế, điều thứ nhất là Minh Đế. Minh Đế (冥諦: Minh ở đây là tối tăm) chính là hỗn độn sơ khai. Vô Tưởng Định đến mức cùng cực có cảnh giới như thế, họ tưởng đó là Bồ Đề Niết Bàn, lầm lẫn quá đỗi! Phật pháp dạy chúng ta: Pháp Thân là quang minh, chẳng phải là hắc ám, quang minh chiếu trọn khắp pháp giới. *"Hỗn độn"* là hắc ám, chẳng phải là quang minh.

"Tâm thể ly niệm": Hữu niệm và vô niệm đều lìa, rồi mới thấy pháp giới vốn là *"nhất tướng"*, nhất tướng không có hai tướng, đó gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân.

(Diễn) Thị tam chủng giai cụ Thường Lạc Ngã Tịnh tứ đức, cố giai vân đức.

(演) 是三種皆具常樂我淨四德，故皆云德。

*(**Diễn**: Ba loại này đều có đủ bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, nên đều nói là "đức").*

Bát Nhã đức, Giải Thoát đức, Pháp Thân đức, *"đức"* là gì? Trong ấy gồm bốn điều. Trong Bát Nhã có Thường, có Lạc, có Ngã, có Tịnh. Thường là vĩnh hằng bất biến; Lạc là lìa hết thảy khổ, thật sự hưởng thụ tự tại, chân lạc; Ngã là chủ tể, chính mình thật sự làm chủ; Tịnh là thanh tịnh, quyết định chẳng nhiễm. Trong Bát Nhã có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; trong Giải Thoát có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; trong Pháp Thân có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, nên [Bát Nhã, Giải Thoát, Pháp Thân] gọi là Tam Đức. Chữ Đức chỉ bốn thứ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, *"cố giai vân Đức"* (nên đều nói là Đức).

(Diễn) Nhiên hữu quả thượng tu thành tam đức, nhân trung tánh cụ tam đức, kim chỉ nhân trung tánh cụ nhi ngôn dã.

(演)然有果上修成三德，因中性具三德，今指因中性具而言也。

*(**Diễn**: Nhưng có [hai loại]: Tam đức do tu thành nơi quả và tánh trọn đủ tam đức trong khi tu nhân, nay [tam đức được nhắc đến ở đây] chính là nói về tánh trọn đủ tam đức trong khi tu nhân vậy).*

Tu thành nơi quả là Phật và đại Bồ Tát. Pháp Thân đức, Giải Thoát đức, Bát Nhã đức của các Ngài đều hiện tiền, đắc đại tự tại! Phàm phu thì sao? Chúng ta chưa đắc quả, tuy trong bổn tánh đã có, nhưng hiện tại chẳng thể thụ dụng. Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh đều không có. Có phải là thật sự không có hay chăng? Thật sự là có. Có đầy đủ trong bổn tánh của chúng ta, đầy đủ Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, đầy đủ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, hiện thời vì sao không có? Mê mất rồi! Phá mê khai ngộ, đều khôi phục hết.

Đây chính là đem một đoạn trong lời tựa phối hợp với ba đức để giảng rõ, đủ thấy ý nghĩa trong mấy câu của lời tựa hết sức rộng lớn, tinh tường, sâu xa, gần như chẳng có pháp nào không bao hàm. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 15

Xin coi A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ mười sáu:

(Sớ) Hựu dĩ Tứ Pháp Giới hội chi, tắc "thanh, trược, hướng, bối" thị Sự pháp giới. Linh minh trạm tịch thị Lý pháp giới. Linh minh trạm tịch nhi bất biến tùy duyên, thanh, trược, hướng, bối nhi tùy duyên bất biến, thị Lý Sự vô ngại pháp giới. Bất khả tư nghị thị Sự Sự vô ngại pháp giới. Dĩ thử kinh phần nhiếp ư Viên, diệc đắc thiểu phần Sự Sự vô ngại cố. Mạt ngôn tự tánh, diệc thị kết thuộc Tứ Pháp Giới quy nhất tâm dã.

(疏)又以四法界會之，則清濁向背，是事法界。靈明湛寂，是理法界。靈明湛寂而不變隨緣，清濁向背而隨緣不變，是理事無礙法界。不可思議，是事事無礙法界。以此經分攝於圓，亦得少分事事無礙故。末言自性，亦是結屬四法界歸一心也。

***(Sớ**: Lại nữa, đem phối hợp với Tứ Pháp Giới thì "thanh, trược, hướng về, trái nghịch" là Sự pháp giới. "Linh minh trạm tịch" là Lý pháp giới. Linh minh trạm tịch nhưng bất biến, tùy duyên, "thanh, trược, hướng về, trái nghịch" tùy duyên nhưng bất biến là Lý Sự vô ngại pháp giới. "Chẳng thể nghĩ bàn" là Sự Sự vô ngại pháp giới. Do kinh này có vài phần thuộc về Viên Giáo nên cũng có được chút phần Sự Sự vô ngại; cuối cùng nói tới tự tánh thì cũng là gom bốn pháp giới về nhất tâm).*

Đoạn kinh này có ý nghĩa khá sâu. Nếu từ chỗ này mà có thể thật sự hiểu được mấy phần, chúng ta sẽ chẳng mê mất phương hướng trong khi tu học Phật pháp. Người học Phật thì nhiều, người thành tựu hết sức ít ỏi. Vì sao chẳng thành tựu? Do mê mất phương hướng. Những điều được giảng mấy lượt ở đây đều nhằm giảng về đoạn văn thứ nhất "nêu ra tông chỉ (khai tông), minh thị ý nghĩa" trong lời tựa của tổ Liên Trì; [những điều này] đúng là cột mốc chỉ đường chính xác nhất cho sự tu học Đại Thừa Phật pháp của chúng ta, hoặc như chúng ta nói là Phật pháp [để tu học nhằm] *"thành tựu trong một đời"*, quyết chẳng thể coi thường. Đoạn lời tựa này chỉ gồm sáu câu, nhưng bao gồm ý nghĩa nhiều ngần ấy. Như trong phần trên chúng ta đã thấy, dùng giáo nghĩa của kinh này để nói thì [những ý nghĩa trong sáu câu ấy] có thể phối hợp với Tam Đại, Tam Đức,

nay lại dựa theo Tứ Pháp Giới để giảng. Tứ Pháp Giới chính là giáo nghĩa trọng yếu trong kinh Hoa Nghiêm. Do vậy, nhất định phải hiểu rõ ràng định nghĩa của Tứ Pháp Giới.

(Diễn) Hựu dĩ Tứ Pháp Giới hạ, phối Tứ Pháp Giới.

(演) 又以四法界下，配四法界。

*(**Diễn**: Từ câu "Lại nữa, đem Tứ Pháp Giới" trở đi là phối hợp [đoạn văn Minh Tánh trong lời tựa] với Tứ Pháp Giới).*

Sáu câu trong lời tựa, nếu dựa theo giáo nghĩa Hoa Nghiêm [để luận định] thì có thông suốt hay không? Cũng thật thông suốt, thật sự vô ngại! Trước hết, giảng rõ "pháp giới" là gì?

(Diễn) Pháp giả, quỹ tắc dã.

(演) 法者，軌則也。

*(**Diễn**: Pháp là quỹ tắc).*

"Quỹ" (軌) là quỹ đạo (orbit); nói theo cách bây giờ là trình tự phát triển của vũ trụ và nhân sinh, nó có quy tắc, chẳng lộn xộn tí nào. Theo Duy Thức Luận thì: *"Vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới vi duyên trưởng lục thô"* (Vô minh bất giác sanh ra ba thứ tướng tế, cảnh giới làm duyên tăng trưởng sáu tướng thô). Đủ thấy nó có lớp lang không rối loạn, giống như quỹ đạo vậy. *"Tắc"* (則) là nguyên lý, nguyên tắc. Đấy là Pháp. Hết thảy toàn bộ vũ trụ và nhân sinh đều bao gồm trong ấy, *"đại nhi thế giới, tiểu nhi vi trần"*: Lớn như vô lượng vô biên đại thiên thế giới, nhỏ như một vi trần, đều gọi là Pháp. Chữ này là danh xưng chung cho hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian.

(Diễn) Giới hữu tánh, phân nhị nghĩa.

(演) 界有性分二義。

*(**Diễn**: "Giới" có hai nghĩa là Tánh và Phân).*

Chữ Giới (界) có hai ý nghĩa, một là Tánh, hai là Phân (phân biệt, phần hạn). Ý nghĩa này quả thật tuyệt diệu đến cùng cực! *"Giới"* là giới hạn. Do vậy, nó có ý nghĩa phân biệt. Ví như kinh Phật thường nói *"thập*

bát giới"[44]. Trong mỗi một pháp sẽ có một giới hạn, nhưng giới hạn ấy chính là *"tánh, phân"* của nó, [tức là] mỗi pháp trong hết thảy pháp đều có tánh chất, giới hạn riêng biệt. Đấy là ý nghĩa của chữ Giới.

Ghép hai chữ này lại, gộp hai ý nghĩa ấy lại, trong Phật pháp gọi là *"pháp giới"*. Khi mê bèn có mười pháp giới, *"mười"* ở đây chẳng phải là một con số nhất định, chẳng phải là bảy, tám, chín, mười, mà chữ *"mười"* này nhằm biểu thị ý nghĩa "vô lượng, vô biên". Nói cách khác, khi mê sẽ là vô lượng vô biên pháp giới; lúc ngộ, chỉ là một pháp giới, gọi là Nhất Chân pháp giới.

Mục tiêu học Phật là Nhất Chân pháp giới, quý vị ngàn vạn phần phải nhớ kỹ. Cũng có vị nói: "Tôi học Phật muốn minh tâm kiến tánh". Minh tâm kiến tánh là Nhất Chân pháp giới, "tôi học Phật muốn Thượng Phẩm Thượng Sanh, muốn đắc Lý nhất tâm bất loạn". Thượng Phẩm Thượng Sanh và Lý nhất tâm bất loạn cũng là Nhất Chân pháp giới, danh tự khác nhau nhưng là cùng một chuyện. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này: Chúng ta cầu Nhất Chân. Như thế nào mới hòng chứng được Nhất Chân? Chính là đắc nhất tâm. Quý vị phải hiểu: Cảnh giới bên ngoài là cảnh chuyển theo tâm, chứ không phải là tâm chuyển theo cảnh. Tâm chuyển theo cảnh thì đáng thương lắm! Đó là phàm phu, khổ chẳng kham nói nổi! Phật pháp giảng sự việc chân thật, tức là *"cảnh chuyển theo tâm"*: Tâm đã nhất thì pháp giới cũng nhất, là Nhất Chân; nếu tâm là hai thì pháp giới sẽ thiên sai vạn biệt. Đây là câu nói thông thường[45] trong nhà Phật.

---

[44] Thập bát giới: Phối hợp lục căn, lục trần, lục thức thành thập bát giới. Nói cách khác, thập bát giới lấy sự nhận thức của con người làm trung tâm. Lục căn có công năng nhận thức sự vật; lục trần tượng trưng cho đối tượng được nhận thức; lục thức là sự cảm thọ và hình thành quan niệm nhận thức đối với lục trần.
Phạm vi hoạt động của sáu căn, sáu thức và sáu trần được gọi chung là mười tám giới. Do vậy, ta có nhãn giới, nhĩ giới cho đến ý giới, sắc giới, thanh giới cho đến pháp giới và nhãn thức giới cho đến ý thức giới.

[45] Nguyên văn *"lão sanh thường đàm"*. Hiểu theo nghĩa đen, *"lão sanh thường đàm"* là những câu nói tầm thường của hạng thư sinh già cả, không đỗ đạt gì. Thành ngữ này được dùng với ý nghĩa châm biếm: Những ý kiến ngôn luận, tầm thường của hạng học hành suốt đời mà vẫn lẹt đẹt thì chẳng phải là ý tứ cao xa gì! Thành ngữ này bắt nguồn từ thiên Quản Lộ Truyện trong Ngụy Chí của bộ sách Tam Quốc Chí: Vào thời Tam Quốc, ở nước Ngụy có một người tên Quản Lộ rất thích Thiên Văn, đặc biệt thông hiểu sâu xa kinh Dịch, thường hay đoán quẻ cho người khác, rất linh nghiệm, đến nỗi có lần Lại Bộ Thượng Thư Hà Yến đích thân mời Quản Lộ vào dinh xem bói. Hà Yến hỏi: "Phiền Ngài bói xem sau này tôi có làm đến chức Tam Công hay không? Hơn nữa, tôi liên tục nằm mộng thấy mười mấy con nhặng xanh bám vào chót mũi, đuổi không đi, chẳng biết là điềm gì?" Quản Lộ nói: "Xin cho phép tôi nói thẳng. Xưa kia,

Quý vị phải nhớ kỹ: Càng là câu nói tầm thường thì đó là chân lý, là pháp tối diệu. Thế nhưng người ta nghe nhàm tai, ngỡ nó chẳng đáng coi là kỳ diệu, bèn xem thường, lại coi những thứ chuyện kỳ quặc là tuyệt vời, thật chẳng biết chúng ta đã lầm lẫn ở chỗ này!

Do vậy, nếu quý vị học Phật mà thật sự muốn thành tựu trong một đời này thì quý vị phải nắm vững nguyên tắc *"nhất tâm"* này. Bất luận tu học pháp môn nào, tâm tuyệt đối chẳng dao động, quyết định chẳng hai. Ví như ta tu Tịnh Độ, ngẫu nhiên gặp bậc đại đức Thiền Tông đến đây giảng diễn Thiền, [bèn nghĩ]: "Pháp này cũng khá lắm, tôi cũng nên học theo ông ta". Nếu vị đại đức nhà Thiền ấy thật sự là bậc cao nhân, quý vị theo ông ta học Thiền, ông ta nhất định hỏi quý vị: "Trước đây ông đã học môn gì?" "Tôi học Tịnh, nay muốn học Thiền". Vị ấy liền đập quý vị ba mươi gậy, rồi bảo quý vị hãy đi đi, vì sao? Thấy lạ, nghĩ khác! Tâm quý vị chẳng chuyên nhất, chẳng thể nhập môn! Hôm nay quý vị nghe giảng Thiền bèn động tâm, hai hôm sau, bậc đại đức trong Mật Tông đến nói một chập, Mật cũng khá lắm, quý vị lại động tâm! Nói cách khác, quý vị vĩnh viễn chẳng thể thành tựu! Người thật sự thành tựu giữ vững một môn, những môn khác có thể nghe hay không? Có thể nghe, nhưng nghe xong thì *"chẳng chấp lấy tướng, như như bất động"* như kinh Kim Cang đã nói. Sau đấy quý vị mới hiểu: Tịnh cũng hay, Thiền cũng hay, Mật cũng hay, vốn là một thứ. Quý vị động tâm là xong rồi, đấy là tướng trạng "ít thiện căn, ít phước đức, ít nhân duyên", kém thiện căn, kém phước đức đấy! Tâm chẳng thể chế ngự cảnh giới, vừa gặp cảnh giới tâm liền dao động ngay!

Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử cao minh, Ngài chẳng động tâm, đến tham học với năm mươi ba vị thiện tri thức chẳng bị dao động, vẫn là thật thà niệm Phật. Cớ sao biết Thiện Tài đồng tử thật thà niệm Phật? Vị thầy thứ nhất của Thiện Tài đồng tử là tỳ-kheo Đức Vân, dạy Ngài pháp môn Niệm Phật. Vị thầy thứ nhất quyết định chọn lựa pháp môn tu học suốt đời cho học trò, Ngài tu pháp môn Niệm Phật. Sau đấy,

---

Châu Công phù tá Thành Vương, thường dậy sớm ngồi chờ rạng sáng để vào chầu, tận tụy với chức vụ khiến cho quốc vận hưng thịnh, chư hầu các nước đều ủng hộ. Đấy hoàn toàn là kết quả đúng theo lẽ trời, chứ không phải bói toán có thể đoán được. Hiện thời, Ngài quyền cao, oai thế lẫm liệt, nhưng ít ai mến mộ đức hạnh của Ngài, người khiếp sợ oai thế của Ngài thì đông! Đấy chẳng phải là điều tốt lành! Sách tướng nói mũi nằm ở vị trí trung thiên, nhặng xanh bám lên là điềm nguy ngập. Tôi mong Ngài hãy trên là noi theo Văn Vương, dưới bắt chước Khổng Tử thì sẽ có hy vọng làm đến Tam Công, đuổi được lũ nhặng xanh". Thượng Thư Đặng Dương ngồi cạnh, nghe lời ấy, bĩu môi: *"Thử lão sanh chi thường đàm!"* (Lời ấy nghe nhàm cả tai, có gì lạ đâu?)

bất luận đến nơi nào tham phỏng, cũng quyết định chẳng bỏ pháp môn Niệm Phật. Giống như tôi vừa mới nói đó, nghe nói tới Thiền chẳng niệm Phật, muốn tham Thiền, rồi lại thấy Mật, cũng chẳng tham Thiền nữa mà trì chú, xong luôn! Người ấy còn có thể thành đạo Vô Thượng hay chăng? Thiện Tài đồng tử niệm vị Phật nào vậy? Niệm A Di Đà Phật, Ngài tu pháp môn Tịnh Độ, đến cuối cùng tham phỏng Phổ Hiền Bồ Tát, *"mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc"*, Ngài viên mãn Bồ Đề. Đấy là sự thật mà kinh Hoa Nghiêm đã phơi bày trước mắt chúng ta. Nếu đọc kinh Hoa Nghiêm mà không thấy được điều này thì đã uổng công đọc kinh Hoa Nghiêm mất rồi!

Ai có đủ tư cách tham học? Quyết định là chẳng động tâm! Thứ gì cũng có thể nghe, thứ gì cũng có thể thấy, quyết định chẳng động tâm, nhất quyết chẳng lay động căn bản thì mới có thể thành tựu. Hôm nay tôi gặp vị pháp sư này khá lắm, tôi học với ông ta một chút; ngày mai nghe nói có vị pháp sư nọ cao minh hơn vị pháp sư này nhiều, tôi nhanh nhảu đến thân cận ông ta. Tâm quý vị giống như cỏ mọc đầu tường, một trận gió bên ngoài khẽ thổi qua, liền lay động. Lại một hôm nữa, hóa thân của Thích Ca Mâu Ni Phật hiện đến, hóa thân của A Di Đà Phật cũng hiện đến, tâm hoa của quý vị bị nhiễu loạn, chẳng biết như thế nào mới là tốt! Thưa quý vị, những vị cao nhân ấy, những vị Phật, Bồ Tát ấy toàn là yêu ma quỷ quái, tôi nói thật đấy! Yêu ma quỷ quái là gì? Những người khiến cho căn bản của quý vị bị lay động thì là yêu ma quỷ quái. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: *"Cảnh giới không Phật cũng không ma, ma và Phật đều ở trong tâm của chính ông"*. Trong tâm quý vị đã nắm chắc, có chủ tể thì đối với bất cứ cảnh giới nào cũng chẳng chấp lấy tướng, chẳng động tâm, cảnh giới bên ngoài đều là Phật, Bồ Tát. Nếu quý vị thấy cảnh giới bên ngoài tâm liền động thì cảnh giới bên ngoài đều là ma, chẳng phải là Phật!

Do vậy, quý vị niệm Phật mà cầu nhất tâm, chắc chắn A Di Đà Phật chẳng thể hiện đến, vì sao? Do cái tâm của quý vị đã dao động, nếu A Di Đà Phật hiện đến, quý vị bèn vui thích, nhất tâm bất loạn đã sớm mất tiêu rồi! Chẳng phải là giống như Ngài đã hại chết quý vị hay sao? Vì thế, Phật chẳng đến. Phật chẳng đến là vì đại từ đại bi, nhằm thành tựu nhất tâm bất loạn cho quý vị. Khi nào quý vị niệm đạt đến mức công phu như như bất động, Phật có đến cũng như người bình thường đến, tâm chẳng hoan hỷ chút nào, Phật liền hiện ra trước mặt để khảo nghiệm xem quý vị có thành công hay chưa? Ma hiện trước mặt, cũng chẳng có tâm sợ hãi, quý vị mới có thể thành tựu nhất tâm bất loạn. Đến khi ấy, quý vị mới hoảng nhiên đại ngộ, cảnh giới vốn chẳng có Phật mà cũng không có ma, cảnh giới ấy

là Nhất Chân, chẳng hư vọng. Đấy là nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong tu học Phật pháp Đại Thừa, nhưng phàm phu phạm phải căn bệnh này chẳng nhẹ, chướng ngại sự thành tựu của chúng ta. Chẳng những là chướng ngại Hành môn, mà còn chướng ngại Giải môn.

Một pháp giới là chân thật, mười pháp giới là hư vọng. Chân tâm là nhất tâm, trông thấy cảnh giới bên ngoài là Nhất Chân pháp giới. Mê mất chân tâm, chân tâm biến thành tâm ý thức, nên [cảnh giới] bên ngoài mới được gọi là "mười pháp giới". Do vậy, mười pháp giới là cái được thấy bởi vọng tâm, Nhất Chân pháp giới là cái được thấy bởi chân tâm. Thật ra, pháp giới bên ngoài đâu có một hay mười! Chỉ là do tâm của chính quý vị biến hiện! Phật pháp nói *"duy tâm sở hiện"*, cái được hiện là Nhất Chân, *"duy thức sở biến"*, Thức là vọng tâm, vọng tâm dấy khởi sự biến hóa. Hy vọng mọi người sẽ thấu hiểu sâu xa ý nghĩa này.

(Diễn) Sự pháp giới, giới tự thị phân nghĩa.

(演) 事法界界字是分義。

*(**Diễn**: Trong từ ngữ "Sự pháp giới", chữ Giới có nghĩa là Phân).*

Chữ Giới trong *"Sự pháp giới"* có nghĩa là Phân, tức phân biệt.

(Diễn) Dĩ chúng sanh sắc, tâm đẳng pháp, nhất nhất sai biệt, các hữu phân tễ cố.

(演) 以眾生色心等法，一一差別各有分劑故。

*(**Diễn**: Do các pháp như sắc, tâm v.v... của chúng sanh, mỗi một pháp sai khác, phân chia rạch ròi).*

"Chúng sanh" gồm hữu tình chúng sanh và vô tình chúng sanh. Chúng ta nói hữu tình chúng sanh có Phật Tánh, vô tình chúng sanh có Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một tánh, là một chứ không phải hai tánh; nhưng trong Sự pháp giới, Sự là hoàn toàn nói theo mặt hình tướng, cho nên có phân biệt, có sai biệt. Ví như trong sắc pháp có Tứ Đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, tâm pháp có Thọ, Tưởng, Hành, Thức v.v... Nếu dùng Bách Pháp [Minh Môn Luận] để giảng thì có tám thức, năm mươi mốt Tâm Sở, hai mươi bốn pháp Bất Tương Ứng, đều thuộc về tâm pháp. Do vậy, mỗi một pháp đều sai biệt, *"nhất nhất sai biệt các hữu phân tễ"* (mỗi một pháp sai biệt, phân chia rạch ròi). Nói theo cách bây giờ, *"phân tễ"* là có giới hạn tột cùng, có hạn định tột cùng. Đấy là ý nghĩa của chữ Sự pháp giới. Sự pháp giới là nói theo mặt sự tướng.

Nếu nói tới Lý pháp giới thì đã có Sự ắt sẽ có Lý. Chữ Giới trong "Lý pháp giới" có ý nghĩa khác với chữ Giới trong "Sự pháp giới".

(Diễn) Lý pháp giới, Giới tự thị Tánh nghĩa.

(演) 理法界界字是性義。

*(**Diễn**: Chữ Giới trong "Lý pháp giới" có nghĩa là Tánh).*

"Sự" là Tướng, là tác dụng; ở đây, chủ yếu nói tới hiện tượng. Lý là nói về bổn tánh. Lý là một, nơi hữu tình gọi là Phật Tánh, nơi vô tình gọi là Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một tánh. Do vậy. Chữ Giới này có nghĩa là Tánh. Nói cách khác, hết thảy các pháp do Lý này sanh ra.

(Diễn) Dĩ chúng sanh sắc, tâm đẳng pháp, tuy hữu sai biệt, đồng nhất thể tánh cố.

(演) 以眾生色心等法，雖有差別同一體性故。

*(**Diễn**: Do các pháp như sắc, tâm v.v... của chúng sanh tuy có sai biệt, nhưng có cùng một thể tánh).*

Từ Bách Pháp, chúng ta thấy tâm pháp và tâm sở pháp mỗi thứ gồm bốn phần (Tướng Phần, Kiến Phần, Tự Chứng Phần, Chứng Tự Chứng Phần). Những pháp ấy do Hộ Pháp Bồ Tát[46] đặt ra, vị này cũng là tổ sư của pháp sư Huyền Trang. Thầy của pháp sư Huyền Trang là ngài Giới Hiền (Silabhadra). Sư phụ của luận sư Giới Hiền là Hộ Pháp Bồ Tát. Ngài dạy chúng ta Duy Thức; Tâm, Tâm Sở Pháp, mỗi pháp có bốn phần, nói hết sức viên mãn. Tánh là Tự Chứng Phần, Chứng Tự Chứng Phần là tự giác của Tự Chứng Phần. Chúng ta thường nói tới chữ Phật có nghĩa là

[46] Hộ Pháp Bồ Tát (Dharmapāla, 530-561), còn gọi là Hộ Pháp Luận Sư là một vị luận sư chủ chốt của Du Già Hạnh Duy Thức Tông (Yogacara) tại Trung Ấn Độ vào thế kỷ thứ sáu, sống cùng thời với luận sư Thanh Biện (Bhavyaviveka) là một luận sư lỗi lạc về Trung Quán. Ngài Hộ Pháp là học trò của ngài Trần Na (Dignāga), một vị đại sư về Nhân Minh Học. Ngài Hộ Pháp sanh tại Kiện Chí Phụ La (Kanchipura, nay thuộc vùng Tamil Nadu), là con của một vị đại thần, được vua gả công chúa cho, nhưng Ngài đã bỏ trốn đi xuất gia trong đêm trước ngày cử hành hôn lễ. Ngài nghiên cứu các học phái Tiểu Thừa và Đại Thừa, theo học tại học viện Nalanda, trở thành một bậc luận sư lỗi lạc. Về sau, Ngài kế tục ngài Trần Na, trở thành viện trưởng học viện Nalanda và nhập tịch dưới cội Bồ Đề. Ngài có những bộ luận nổi tiếng như Quảng Bách Luận Thích, Thành Duy Thức Bảo Sanh Luận, Quán Sở Duyên Duyên Thích v.v... Giống như Tăng Triệu của Phật Giáo Trung Quốc, ngài Hộ Pháp tài hoa lỗi lạc nhưng mất rất sớm, khi chưa đầy ba mươi hai tuổi.

Tự Giác, Giác Tha, Giác Hạnh Viên Mãn. Chứng Tự Chứng Phần là Tự Giác, Kiến Phần là Giác Tha, Tha là Tướng Phần. Do vậy, Kiến Phần duyên Tướng Phần, mà cũng duyên Tự Chứng Phần. Chứng Tự Chứng Phần chỉ duyên Tự Chứng Phần, chẳng duyên Kiến Phần, mà cũng chẳng duyên Tướng Phần. Điều này chỉ rõ Tự Chứng Phần là bản thể, Kiến Phần là cái được sanh bởi nó (Tự Chứng Phần), Tướng Phần cũng do nó sanh ra. Do vậy, Kiến và Tướng có cùng một nguồn.

Tướng là hết thảy dấu vết, hình tướng, hết thảy sự, hết thảy hiện tượng. Trong phần trên đã nói tới Sự pháp giới thì Sự pháp giới là sự tướng từ trong bổn tánh biến hiện ra. Sự tướng tuy thiên sai vạn biệt (ngàn muôn phần sai khác), nhưng có cùng một bản thể. Ở đây, [sách Diễn Nghĩa] nói là *"đồng nhất tánh thể cố"* (do có cùng một tánh thể). Do vậy, chữ Giới ở đây mang ý nghĩa *"thể tánh"*, còn chữ Giới trong phần trước (tức chữ Giới trong Sự pháp giới) mang ý nghĩa các thứ sai biệt. "Sai biệt" là mỗi pháp có giới hạn tột cùng, phân chia rạch ròi; tánh thể không có giới hạn tột cùng, thật sự vô lượng vô biên.

"Sự pháp giới": Sự là nói về hiện tượng, *"Lý pháp giới"*: Lý là nói về bản thể. Sự nói về Pháp Tướng, Lý là nói về Pháp Tánh. Lại xem tiếp hai thứ pháp giới, tức "Lý Sự vô ngại" và "Sự Sự vô ngại" trong phần sau, nói về tác dụng, không có chướng ngại.

(Diễn) Sự Lý vô ngại pháp giới giả, Lý do Sự hiển, Sự đắc Lý thành, Lý Sự hỗ dung, tánh phân giao triệt cố.

(演)事理無礙法界者，理由事顯，事得理成，理事互融，性分交徹故。

*(**Diễn**: Sự Lý vô ngại pháp giới là Lý do Sự hiển, Sự do Lý mà được thành. Lý và Sự dung nhập lẫn nhau, "tánh" và "phân" hòa nhập lẫn nhau).*

Lý không có hình tướng, cũng chẳng có dấu vết, làm sao quý vị hiểu được? Dựa trên Sự sẽ biết. Đã có Sự ắt sẽ có Lý, không có Lý, Sự sẽ chẳng thành. Nói chung, Sự phải có đạo lý, nói chung là phải có Lý. Do vậy, Lý do Sự mà được phô bày. Nói cách khác, làm thế nào để hiểu rằng có Chân Như bổn tánh? Chân Như bổn tánh được hiển lộ bởi Tướng, từ Pháp Tướng hiển thị Pháp Tánh. Do đây có thể biết: Tánh và Tướng hiển lộ lẫn nhau. Chính vì có Pháp Tánh nên mới có Pháp Tướng. Chúng ta hãy dùng tỷ dụ để suy nghĩ hòng hiểu được chuyện này. Ví như chúng ta nằm mộng, cái tâm tạo ra giấc mộng là Lý, cảnh giới trong mộng là Sự. Cảnh

giới trong mộng do đâu mà có? Đương nhiên là do Lý biến hiện ra, do cái tâm nằm mộng của quý vị mà có. Quán sát cảnh giới trong mộng thì cái tâm của quý vị ở chỗ nào? Mộng chính là tâm. Tâm của quý vị như thế nào, tức là khi quý vị nằm mộng thấy như thế nào, tâm quý vị là như thế đó. Do vậy, cái tâm tạo ra giấc mộng là thật, vĩnh viễn chẳng biến đổi, bất sanh, bất diệt, đó là Lý; còn Sự thì sao? Sự là pháp sanh diệt. Quý vị mỗi đêm nằm mộng, từ trước đến giờ chưa hề nằm mộng giống nhau. Cái tâm nằm mộng hoàn toàn giống hệt, nhưng mỗi giấc mộng trước nay chẳng hề giống nhau. Điều này cho thấy quả thật mỗi pháp mỗi sai biệt, mỗi pháp phân chia rạch ròi, [về mặt Sự thì có] nhưng về Lý thì không có. *"Lý do Sự hiển, Sự đắc Lý thành"* (Lý do Sự mà hiển lộ, Sự do Lý mà được thành). Do vậy, Lý và Sự dung thông lẫn nhau, giống như cảnh giới trong mộng là tâm, tâm là mộng cảnh, chẳng khác nhau!

"Giới" có hai ý nghĩa: Một là Tánh, hai là Phân (phân biệt). *"Tánh - Phân giao triệt"* (Tánh và Phân thông thấu lẫn nhau): Vốn là cùng một chuyện, chẳng phải hai! Do vậy, Lý và Sự vô ngại. Lý Sự vô ngại là Tánh và Tướng giống hệt như một, Tánh và Tướng chẳng hai. Người giác ngộ thấy Tướng sẽ thấy Tánh, vì Tánh và Tướng không hai. Nếu từ Tướng mà thấy được Tánh thì quý vị hãy nghĩ xem, có lẽ nào chẳng bình đẳng? Đều bình đẳng hết! Thế nhưng chúng ta phải làm sao mới thấy được? Nhất định phải là nhất tâm bất loạn. Do vậy người tu hành nói tới công phu, công phu là gì vậy? Chuyện gì quý vị cũng biết, lấy từ Đại Tạng Kinh ra bất cứ pháp nào cũng giảng được, giảng đến mức hoa trời rơi tán loạn, có được coi là công phu hay không? Chẳng kể là công phu! Công phu là gì? Trong hết thảy cảnh giới, như như bất động, đó là công phu. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần mà có thể chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, lại còn có thể biết rành mạch, phân minh, đó là công phu!

Do vậy, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần là Định Huệ Song Tu. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã nói: *"Định Huệ đẳng trì"* (Giữ cho Định và Huệ cân bằng). Ắt phải là người có công phu thì mới có tư cách tham học, vì sao? Người ấy chẳng bị dao động. Ngay cả những điều dị đoan đưa đến trước mặt người ấy thì sẽ như các vị đại đức bên Thiền Tông đã ví von: *"Hồng lô điểm tuyết, lập tức tiêu dung"* (mảnh tuyết chạm vào lò lửa lớn liền lập tức tan mất), người ấy có bản lãnh đó. Công phu của người ấy đã chín muồi, giống như lò lửa cháy đỏ rực, có sức nóng cao dường ấy, hoa tuyết bị thổi rớt vào đó sẽ chẳng còn dấu vết gì, có bản lãnh ấy! Đến khi đó, chẳng những Lý Sự vô ngại mà còn Sự Sự vô ngại. Bất

luận tiếp xúc cảnh giới nào, thuận cảnh cũng thế, mà nghịch cảnh cũng thế, hễ người ấy tiếp xúc liền biến thành Định - Huệ. Người ấy chẳng sanh phiền não, chẳng động tâm. Chẳng động tâm là thành tựu Định, rành rẽ phân minh là thành tựu Huệ; đối với người ấy mà nói, chẳng có chướng ngại! Bất luận pháp môn nào, pháp thế gian hay xuất thế gian, người ấy đều *"chẳng chấp lấy tướng, như như bất động"*, người ấy tu điều này. Niệm Phật là một câu Phật hiệu niệm đến tột cùng, câu Phật hiệu là Vô Lượng Giác. Giác tâm như như, bất động, giác tướng là thanh tịnh vô nhiễm. Khởi tâm động niệm, chấp trước, mê mờ đều chẳng phải là chân tâm, mà là mê tâm, vọng tâm. Đối với chân tâm, Lục Tổ đã nói rất hay: *"Vốn chẳng có một vật, nào sợ nhuốm bụi trần"*. Đấy là chân tâm. Trong tâm hễ có một chuyện gì thì đều là vọng tâm.

Đối với người niệm Phật chúng ta, mỗi câu Phật hiệu đều đánh thức giác tâm của chúng ta, vô lượng giác mà! Nam-mô A Di Đà Phật là "quy y Vô Lượng Giác". Do vậy, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, pháp môn này quả thật là bậc nhất: Từng tiếng đánh thức quý vị hãy giác chứ không mê. Đã là giác nhất định sẽ chánh, chánh chứ không tà, nhất định sẽ tịnh, tịnh chứ không nhiễm. Quý vị không thành Phật thì còn ai thành Phật nữa đây? Pháp môn này đơn giản, dễ dàng, lại ổn thỏa, thích đáng, thành tựu trong đời này. Trong hết thảy pháp môn, quý vị đến đâu để kén chọn nữa? Đến đâu để tìm nữa? Nhìn từ mặt tác dụng, ở đây là nhìn vào mặt Lý Sự vô ngại. Càng chẳng thể nghĩ bàn hơn nữa là Sự Sự vô ngại sẽ được giảng trong phần tiếp theo:

(Diễn) Sự Sự vô ngại pháp giới giả, nhất thiết phân tễ sự pháp xứng tánh dung thông, nhất đa tương tức, đại tiểu hỗ dung, trùng trùng vô tận cố.

(演)事事無礙法界者，一切分齊事法稱性融通，一多相即，大小互融，重重無盡故。

*(**Diễn**: Sự Sự vô ngại pháp giới là hết thảy phân chia rõ ràng, sự và pháp xứng tánh dung thông, một chính là nhiều, nhiều chính là một, lớn và nhỏ dung nhập lẫn nhau, tầng tầng vô tận).*

Đoạn này giảng Sự Sự vô ngại pháp giới là gì, *"nhất thiết phân tễ sự pháp"* (hết thảy sự và pháp phân chia rõ ràng). Câu này bao quát hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Đã là bao quát hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian thì quý vị phải nhớ: Vô lượng pháp môn trong các tông phái Đại, Tiểu, Quyền, Thật của Phật pháp đương nhiên cũng được

gộp vào trong ấy, chẳng có pháp nào ở ngoài. Không có pháp nào chẳng xứng tánh, không có pháp nào chẳng viên dung. Do vậy, mới nói: *"Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp!"* Nếu quý vị còn thấy pháp môn này cao, pháp môn kia thấp, tức là tâm không nhất, chẳng phải là nhất tâm. Cao cũng thế, mà thấp cũng thế; nói cách khác, cao thì quý vị chẳng bước vào được, thấp thì quý vị cũng chẳng có phần. Tất cả đều chẳng có phần, Phật pháp khó là khó ở chỗ này. Cổ đức nói: *"Một kinh thông, hết thảy kinh thông"*, thông gì vậy? Thông suốt đạo lý này. Làm sao để có thể thông? Hễ nhất tâm bèn thông. Tâm bình đẳng bèn thông. Tâm thanh tịnh bèn thông. Khi ấy, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thông, vì sao đều thông? Vì xứng tánh viên dung, chẳng có pháp nào chẳng xứng tánh, viên dung.

"Nhất đa tương tức": Một chính là nhiều, nhiều chính là một. Do vậy, vô lượng kiếp có thể rút gọn thành một sát-na, một sát-na có thể mở rộng thành vô lượng kiếp. Vô lượng vô biên Hằng hà sa cõi nước có thể đặt trong một vi trần, trong một vi trần lại có thể hiện vô lượng vô biên Hằng sa cõi Phật. Đấy chính là *"nhất đa tương tức, đại tiểu hỗ dung"*. Chuyện này là thật. Nếu là dài thì như chúng tôi giảng đoạn này, không có bao nhiêu trang mà phải giảng mười mấy lần. Nếu nói cặn kẽ sẽ có thể giảng đến ba năm, ba mươi năm mà vẫn giảng chưa xong hai hàng ngắn ngủi như thế này. Há chẳng phải là *"một chính là nhiều, nhiều chính là một, lớn và nhỏ dung nhiếp lẫn nhau"* ư?

Trong quá khứ, tôi đã từng giảng bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông, giảng sáu năm mới được nửa bộ. Tôi ở Đài Trung giảng kinh Kim Cang cho các đồng học, trong sáu giờ đã giảng xong toàn bộ bản kinh. Cùng một bộ kinh, có thể giảng xong trong sáu tiếng đồng hồ, hoặc sáu năm cũng chỉ mới giảng được một nửa, nếu chẳng phải là hết thảy pháp *"xứng tánh dung thông"* sẽ không thể nào xảy ra được! Do vậy, kinh điển có thể giảng dài, có thể giảng ngắn, có thể giảng nông cạn, có thể giảng sâu xa, không gì chẳng tự tại! Đấy chính là Sự Sự vô ngại pháp giới, hy vọng quý vị sẽ từ chỗ này mà thấu hiểu.

(Diễn) Bất khả tư nghị, phối Sự Sự vô ngại giả.
(演) 不可思議，配事事無礙者。
*(**Diễn**: Đem bất khả tư nghị phối hợp với Sự Sự vô ngại thì...)*

Vì sao dùng câu *"bất khả tư nghị"* để nói nó là Sự Sự vô ngại pháp giới?

(Diễn) Dĩ tiền tam pháp giới, đồng giáo Nhất Thừa, do khả tư nghị.

(演) 以前三法界，同教一乘，猶可思議。

*(**Diễn**: Do ba pháp giới trước (tức Lý pháp giới, Sự pháp giới, Lý Sự vô ngại pháp giới) là pháp phổ cập trong Nhất Thừa, vẫn còn có thể nghĩ bàn được).*

"Đồng giáo" là so với Biệt giáo trong phần sau mà nói. Ở đây, Biệt Giáo chẳng phải là Biệt Giáo trong Tạng, Thông, Biệt, Viên, mà có nghĩa là đặc biệt. *"Đồng"* là phổ cập, trong hết thảy các pháp Đại Thừa đều có ý nghĩa này, *"dĩ tiền tam pháp giới"* chính là Lý pháp giới, Sự pháp giới, Lý Sự vô ngại pháp giới, *"đồng giáo Nhất Thừa, do khả tư nghị"* (những pháp phổ cập trong Nhất Thừa vẫn còn có thể nghĩ bàn), vẫn chẳng phải là khó hiểu cho lắm, vẫn là có thể nghĩ bàn, so ra, chúng dễ hiểu hơn Sự Sự vô ngại rất nhiều. Sự Sự vô ngại thật sự khó hiểu, nhất là đối với người mới học, cảnh giới này có thể nói thẳng thừng, đơn giản là "không có cách gì tin tưởng được!"

(Diễn) Hậu nhất duy Hoa Nghiêm Biệt giáo Nhất Thừa, bất khả tư nghị dã.

(演) 後一唯華嚴別教一乘，不可思議也。

*(**Diễn**: Chỉ có pháp giới sau cùng (Sự Sự vô ngại pháp giới) là Biệt giáo Nhất Thừa của Hoa Nghiêm là chẳng thể nghĩ bàn).*

Chính là Sự Sự vô ngại pháp giới. Thật ra, bốn pháp giới này hoàn toàn ở trong cuộc sống thường ngày của chúng ta nhưng chúng ta mê, còn Sự Sự pháp giới là ngộ, được gọi là Nhất Chân pháp giới. Sự là Tướng, Lý là Thể; Lý Sự vô ngại và Sự Sự vô ngại là Dụng. Thể - Tướng - Dụng là một mà ba, tuy ba nhưng một, không một ai trong chúng ta chẳng như vậy! Chắc cũng có vị hỏi: Đã là bốn pháp giới đều ở trước mắt chúng ta, vậy thì có thể nêu lên một thí dụ để diễn tả Sự Sự vô ngại pháp giới hay không? Có thể chứ! Cảnh giới bên ngoài rất lớn, tròng mắt chúng ta rất nhỏ, nhưng tròng mắt của chúng ta có thể thấy cảnh giới bên ngoài rõ ràng, rành mạch, phân minh. Đó chính là *"giới tử nạp Tu Di"* (núi Tu Di bỏ vào trong hạt cải). Tròng mắt giống như hạt cải, cảnh giới bên ngoài giống như núi Tu Di, chứa vào trong ấy (tròng mắt): Cảnh giới bên ngoài chẳng rút nhỏ, tròng mắt của chúng ta chẳng phình to. Tròng mắt giống như cái máy

chụp hình chụp hết thảy tướng cảnh giới, tạo thành Tướng Phần trong Nhãn Thức. Tướng Phần của Nhãn Thức và Tướng Phần của cảnh giới bên ngoài to như nhau. Trong cảm giác của quý vị, chúng hoàn toàn giống hệt nhau. Thức thứ sáu, tức Ý Thức, là phân biệt, thức thứ bảy là chấp trước, duyên gì? Chẳng duyên vào tướng cảnh giới bên ngoài mà hoàn toàn duyên theo Tướng Phần của Nhãn Thức. Từ Tướng Phần của Nhãn Thức truyền đạt, biến thành Tướng Phần của thức thứ sáu, tức Ý Thức, và chuyển biến thành Tướng Phần của thức thứ bảy là Mạt Na. Thức thứ sáu và thức thứ bảy cảm nhận [ngoại cảnh] vẫn to lớn giống hệt như cảnh giới bên ngoài. Điều này được bày rõ trước mắt chúng ta, được sử dụng suốt ngày từ sáng đến tối, Sự Sự vô ngại, đáng tiếc là chúng ta không hiểu! Lý Sự vô ngại, Lý vô ngại, Sự vô ngại, càng chẳng cần phải nói tới nữa!

Ngộ thì gọi là Nhất Chân, ngộ thì là Phật, Bồ Tát, mê là phàm phu. Mê thì chỗ nào cũng là chướng ngại, bất luận trong bất cứ một pháp nào, quý vị luôn khởi phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Giác ngộ rồi thì những thứ ấy đều không còn nữa, nhà Thiền bảo là *"mảnh tuyết rớt vào lò lửa lớn, lập tức tan mất"*; vừa tiếp xúc liền biến thành trí huệ, biến thành Đại Định. Lũ phàm phu chúng ta đáng thương! Phàm phu vừa tiếp xúc liền biến thành phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, quý vị thấy phiền phức hay không! Bồ Tát vừa tiếp xúc, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, liền biến thành trí huệ, biến thành Thiền Định. Phàm phu vừa tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, chúng liền biến thành phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, chúng ta cần phải cảnh giác điều này.

Chúng ta nói tới Quy Y thì Quy (皈) là quay đầu, từ chỗ nào mà quay đầu lại? Từ phân biệt, chấp trước, vọng tưởng mà quay đầu lại. Y (依: nương theo) gì vậy? Nương theo Định - Huệ, Định - Huệ là giác, đó gọi là "chân tu hành" (tu hành thật sự), thật sự dụng công! Nếu chẳng biết phương pháp này, thưa quý vị, bất luận quý vị dùng phương thức như thế nào để tu học, rốt cuộc vẫn là tu mù, luyện đui! Vì sao nói quý vị "tu mù, luyện đui"? Dùng kinh Kim Cang để nói thì quý vị chẳng thể *"hàng phục kỳ tâm"*. Phương pháp tu học ấy gọi là "tu mù, luyện đui". Hàng phục cái tâm chính là hàng phục phân biệt, chấp trước, vọng tưởng của quý vị! Quý vị dùng công phu ấy, tham Thiền cũng được, tham thoại đầu cũng được, quán tâm cũng được, trì chú cũng được, niệm Phật cũng được. Bất luận dùng phương pháp nào, nếu quý vị chẳng thể nhiếp tâm, chẳng thể hàng phục phân biệt, chấp trước, vọng tưởng thì đều gọi là "tu mù, luyện đui". Công phu không đắc lực, tu lâu vẫn chẳng thành, căn bệnh ở chỗ này!

Công phu, bất luận dùng phương thức nào, dùng hạnh môn nào, nói chung, phải cầu tâm bất động, quyết chẳng bị ngoại cảnh xoay chuyển! Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: *"Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai"* (Nếu chuyển được cảnh, sẽ giống Như Lai). Quý vị chẳng bị cảnh giới chuyển, mà chuyển được cảnh giới, chuyển cảnh giới thành gì vậy? Chuyển thành Định - Huệ. Bất cứ cảnh giới nào đến trước mặt quý vị đều biến thành Định - Huệ. Đó là Như Lai, là Phật, là Bồ Tát.

Hết thảy cảnh giới đến trước mặt quý vị, ngay lập tức biến thành phiền não, biến thành tri kiến, sẽ là chuyện phiền phức lớn lắm. Biến thành tri kiến chính là vô minh, *"tri kiến lập tri, thị vô minh bổn"* (từ trên tri kiến lại lập thêm một tri kiến, chính là cái gốc của vô minh). Đấy chính là như ngài Thanh Lương đã nói: *"Tăng trưởng vô minh, tăng trưởng tà kiến"*. Còn có thể thành tựu hay chăng? Phật pháp là phải phá tà kiến, phá vô minh, làm sao có thể tăng trưởng tà kiến, tăng trưởng vô minh cho được? Phá vô minh, Định thành tựu; phá tà kiến, Huệ thành tựu.

(Diễn) Phần nhiếp ư Viên giả, hoặc viết: "Sự Sự vô ngại, duy thuộc Hoa Nghiêm, kim kinh hà đắc hữu thử?"

(演)分攝於圓者，或曰：事事無礙，唯屬華嚴，今經何得有此。

*(**Diễn**: "Một phần thuộc về Viên giáo": Nếu nói: Sự Sự vô ngại chỉ kinh Hoa Nghiêm mới có, kinh này làm sao có được điều ấy?)*

Nếu quý vị hiểu rõ những điều chúng tôi vừa mới nói thì quý vị nghe kẻ nào nêu lên câu hỏi này, sẽ biết trình độ của kẻ ấy là như thế nào? Người nghe kinh, nghe đến những lời đã nói trong phần trên, chẳng thể chuyển cảnh giới mà bị cảnh giới chuyển. Đây là nêu lên một thí dụ cho quý vị thấy người ấy bị cảnh giới chuyển. [Người ấy nghe xong, thắc mắc] Sự Sự vô ngại là điều kinh Hoa Nghiêm nói tới, kinh Di Đà làm sao có thể nói là Sự Sự vô ngại cho được? Vừa nghe liền khởi lên phân biệt, chấp trước, chẳng thể lập tức tiêu dung.

(Diễn) Cố viết: Nhất đại thời giáo.

(演) 故曰：一代時教。

*(**Diễn**: Cho nên nói: Giáo pháp do đức Phật đã nói trong cả một đời Ngài).*

"Nhất đại thời giáo": Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành đạo, giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm, chúng ta gọi [những kinh pháp ấy] là *"nhất đại thời giáo"*.

(Diễn) Duy Hoa Nghiêm vi Viên.

(演) 唯華嚴為圓。

*(**Diễn**: Chỉ riêng kinh Hoa Nghiêm là Viên).*

Hoa Nghiêm là căn bản pháp luân, kinh Hoa Nghiêm giảng viên mãn nhất. Những kinh khác đều nhằm nêu rõ một phần giáo nghĩa nào đó [của kinh Hoa Nghiêm]. Hoa Nghiêm giảng toàn thể, hết thảy những kinh điển khác đều là giảng cục bộ.

(Diễn) Viên vi năng nhiếp nhất thiết, cố chư kinh vô bất nhiếp quy Hoa Nghiêm.

(演) 圓為能攝一切，故諸經無不攝歸華嚴。

*(**Diễn**: Viên là có thể gồm thâu hết thảy, vì thế, các kinh khác, không kinh nào chẳng được thâu nhiếp về kinh Hoa Nghiêm).*

Kinh Hoa Nghiêm là toàn thể, những kinh khác là một bộ phận. Chúng ta dùng tỷ dụ để nói thì kinh Hoa Nghiêm giống như cả tỉnh Đài Loan, hết thảy những kinh khác là các huyện thị của Đài Loan. Chúng ta hãy suy nghĩ: Có huyện thị nào chẳng nằm trong tỉnh này hay chăng? Không có huyện thị nào tồn tại độc lập ngoài phạm vi của tỉnh này! Do đây biết rằng: Quan hệ giữa bộ phận và toàn thể hết sức mật thiết, chẳng thể chia cắt được. Kinh Hoa Nghiêm đã là viên thì có bộ kinh nào chẳng viên? Do vậy cổ đức mới nói: *"Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên"* (người viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên). Kinh Hoa Nghiêm giảng về bản thể của toàn thể nhân sinh vũ trụ. Không chỉ hết thảy kinh do đức Phật đã nói chẳng rời ngoài cảnh giới Hoa Nghiêm, nếu chúng ta hỏi: Kinh điển của Cơ Đốc Giáo, kinh điển của Thiên Chúa Giáo, cho đến tà ma ngoại đạo thuyết pháp, có thứ gì tách rời phạm vi của Hoa Nghiêm hay chăng? Cũng chẳng có! *"Ngoài pháp không tâm, ngoài tâm không pháp"*. Do vậy, đối với người thật sự khai ngộ, người thật sự đắc nhất tâm bất loạn, những pháp của tà ma ngoại đạo đưa đến chỗ người ấy đều là kinh Hoa Nghiêm Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, hết sức mầu nhiệm, thật sự mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được! Đó mới gọi là *"viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên"*, đúng là vô chướng ngại! Trong thời Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp, ngoại đạo đến nghe, người đến

hỏi rất nhiều, Thích Ca Mâu Ni Phật có phản đối những kẻ ngoại đạo ấy, bảo họ hãy bỏ pháp ngoại đạo quy y Phật pháp hay không? Không có! Chỉ cần nhẹ nhàng chỉ điểm cho họ, họ giác ngộ rồi thì đạo ấy sẽ là chánh đạo. Còn mê thì hằng ngày niệm A Di Đà Phật, vẫn gọi là ngoại đạo, hằng ngày giảng kinh Hoa Nghiêm vẫn là tà thuyết. Tà hay chánh được phân biệt bởi tâm, chứ không do nơi pháp, chẳng do bên ngoài.

Phàm là những phương pháp nào có thể khiến cho lòng người giác ngộ thì gọi là Phật pháp. Phàm là những phương pháp nào khiến cho lòng người mê hoặc thì gọi là tà pháp. Nói như vậy gọi là nói phương tiện, chứ không phải là nói chân thật. Nói chân thật thì trong các pháp ấy, không có tà hay chánh. Nói thật ra, hết thảy pháp đưa đến trước mặt quý vị đều biến thành Định - Huệ, chẳng có tà hay chánh. Từ vô thỉ kiếp đến nay, quý vị đã mê muội quá lâu, quá sâu, đập một gậy chưa tỉnh được, bèn nói pháp phương tiện với quý vị. Nếu đập một gậy mà quý vị tỉnh ngay thì chẳng nói pháp phương tiện, mà nói pháp chân thật. Những kẻ như bọn chúng ta, đừng nói là một gậy, mười gậy, một trăm gậy cũng không tỉnh ngộ, chỉ đành nói pháp phương tiện. Thế nhưng chúng ta phải ghi nhớ: Ngoài pháp phương tiện còn có pháp chân thật, trong pháp chân thật là Sự Sự vô ngại pháp giới. Hết thảy các kinh tuy chẳng phải là thuần viên, nhưng nó cũng có một phần giáo nghĩa viên mãn. Một phần giáo nghĩa viên mãn ấy nếu gặp kẻ căn tánh viên mãn thì một phần viên ấy sẽ biến thành thuần viên; gặp kẻ mê thì đừng nói là một phần, [ngay cả] kinh Hoa Nghiêm thuần viên cũng biến thành chẳng viên. Chuyện là như vậy đó! Ở đây, đại sư kết luận:

(Diễn) Kim thử kinh hữu thiểu phần Sự Sự vô ngại, cố đắc phần nhiếp ư viên dã.

(演) 今此經有少分事事無礙，故得分攝於圓也。

*(**Diễn**: Nay kinh này có chút phần Sự Sự vô ngại, vì thế, được xếp vào loại viên mãn một phần).*

Nêu lý do vì sao nói kinh này cũng chứa đựng giáo nghĩa viên mãn, từ đoạn này, gộp cả bốn pháp giới để chỉ rõ cho chúng ta. Đến chỗ này, quý vị hãy coi kỹ đoạn văn chúng ta vừa đọc sẽ thấy ý nghĩa rất rõ ràng. *"Thanh, trược, hướng, bối"* đều là nói về Sự, trong Sự mới có thanh, trược, hướng, bối, chứ trong Lý không có. Những điều này đều nhằm nói tới Sự pháp giới. *"Linh minh trạm tịch"*: Linh minh là Huệ, trạm tịch là Định, Định - Huệ là Lý pháp giới. *"Linh minh trạm tịch nhi bất biến tùy*

duyên": Linh minh trạm tịch là Chân Như bổn tánh, bổn tánh bất biến, bất biến nhưng có thể tùy duyên. Đây là nói Tánh Thể bất biến nhưng tùy duyên. Nói theo phương diện hiện tướng (biến hiện hình tướng), *"thanh trược hướng bối nhi tùy duyên bất biến"* (trong, đục, hướng về, trái nghịch tùy duyên nhưng bất biến): Tuy trên mặt sự tướng là tùy duyên, nhưng Thể Tánh của nó bất biến. Hai câu này chúng ta thường nghe nói. *"Bất biến tùy duyên"* là nói theo mặt Tánh. *"Tùy duyên bất biến"* là nói theo mặt Tướng. Hai câu này hoàn toàn chẳng phải là trùng lặp, đấy là Lý Sự vô ngại pháp giới. *"Bất khả tư nghị, thị Sự Sự vô ngại pháp giới"* ("Chẳng thể nghĩ bàn" là Sự Sự vô ngại pháp giới): Ý nghĩa hết sức rõ ràng. Đến cuối cùng là lời quy kết bản kinh này *"phần nhiếp ư Viên, diệc đắc thiểu phần Sự Sự vô ngại cố"* (thuộc về Viên một phần, vì kinh này cũng có chút phần Sự Sự vô ngại vậy). Đến cuối cùng quy về tự tánh, ở đây đã giảng tự tánh quá rõ ràng, nó chính là nhất tâm. *"kết thuộc Tứ Pháp Giới quy nhất tâm dã"* (quy kết bốn pháp giới về nhất tâm).

(Diễn) Nhiên Thông Tự Đại Ý tiên minh tánh giả, nhất thiết pháp môn toàn quy tự tánh.

(演) 然通序大意先明性者，一切法門全歸自性。

*(**Diễn**: Nhưng phần Thông Tự Đại Ý trước hết giảng rõ về Tánh là vì hết thảy pháp môn hoàn toàn quy vào tự tánh).*

Trong đoạn tổng kết này, kết luận rất hay. Nói thật ra, đoạn lời Tựa này của bộ Sớ Sao là tổng cương lãnh tu học Đại Thừa Phật pháp. Bất luận tu học một tông nào hay một phái nào, nếu quý vị hiểu rõ tổng cương lãnh này, nắm chắc tổng cương lãnh này, sẽ đều có thành tựu. Nếu quý vị mê mất tổng cương lãnh này, phiền phức rất nhiều, chắc chắn mê mất phương hướng. Đoạn văn này rất trọng yếu. Đoạn thứ nhất trong lời tựa giảng giải về tánh là vì đạo lý này.

"Nhất thiết pháp môn toàn quy tự tánh": Nói theo nghĩa hẹp, hết thảy các pháp môn do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng hoàn toàn từ Chân Như tự tánh lưu lộ. Do vậy, vẫn quy về tự tánh. Lại mở rộng phạm vi thì hết thảy các pháp môn do mười phương ba đời hết thảy chư Phật đã nói cũng đều hoàn toàn quy về tự tánh. Nếu mở rộng hơn nữa, có pháp nào trong y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới chẳng do tự tánh biến hiện?

(Diễn) Thiên kinh sở diễn vô hữu dư nhân.

(演) 千經所演無有餘因。

*(**Diễn**: Ngàn kinh được diễn giảng chẳng do nhân nào khác).*

Từ ngữ *"thiên kinh"* chỉ hết thảy kinh, ngàn kinh, vạn luận. Chữ *"thiên"* này không phải là một con số nhất định, mà là tỷ dụ, nhằm chỉ hết thảy kinh luận. *"Diễn"* có hai ý nghĩa: Một là diễn nói, hai là biểu diễn. Giống như Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần là biểu diễn. *"Vô hữu dư nhân"*: Không có nhân duyên nào khác! Nhân duyên gì vậy? Không gì chẳng nhằm hiển thị tự tánh mà thôi. Không gì chẳng nhằm dạy chúng ta giác ngộ chân tánh, đấy là Phật pháp! Do vậy, Phật pháp chẳng phải là học thuật, đạo lý là ở chỗ này. Đại sư Âu Dương Cánh Vô[47] nói rất hay: *"Phật pháp chẳng phải là tôn giáo"*. Tôn giáo là mê tín. Tôn giáo là phải ngưỡng mộ, dựa dẫm người khác giúp đỡ mình, phải cậy vào người khác. Phật pháp cậy vào chính mình, chứ không cậy người khác. *"Phật pháp chẳng phải là triết học"*, vì sao? Triết học chẳng tách rời Năng và Sở. Nói cách khác, có Năng và Sở là cầu pháp ngoài tâm. Phật pháp tuy có phân tích, nhưng nó chẳng phải là phân tích pháp nào khác mà là tự phân tích chính mình. Do vậy, nó được gọi là Nội Học là vì ý nghĩa này. Đối với Phật pháp, chúng ta phải nhận biết rõ ràng điều này: Nó chẳng phải là tôn giáo, chẳng thể mê tín, chẳng phải là học thuật. Chẳng phải là học thuật thì không thể dùng cái tâm ý thức. Học thuật thế gian sanh từ tâm ý thức, hết thảy ngôn thuyết và hết thảy văn tự của Phật đều sanh từ Chân Như bổn tánh, đấy chính là chỗ bất đồng lớn nhất. Đoạn này nhằm

[47] Âu Dương Cánh Vô (1871-1943) tên thật là Âu Dương Tiệm, tự là Cánh Vô, còn có tên tự là Kính Hồ, là người huyện Nghi Hoàng, tỉnh Giang Tây. Ông là học trò của tiên sinh Dương Nhân Sơn. Do nghe thầy giảng Hoa Nghiêm Pháp Tướng bèn quy hướng Phật giáo. Năm 36 tuổi khi mẹ mất, ông đoạn tuyệt sắc dục, ăn chay trường, tuy không xuất gia, nhưng sống hạnh xuất gia. Ông được coi là bậc thầy về Quốc Học, và là một chuyên gia về Duy Thức đầu thời Dân Quốc, sáng lập Chi Na Nội Học Viện, Pháp Tướng Đại Học, nhưng do chiến cuộc, các học viện này không thể duy trì lâu dài. Sau khi Trung Hoa kháng Nhật thành công, ông tái lập Chi Na Nội Học Viện tại Giang Tân, tỉnh Tứ Xuyên, rồi mất vì bệnh phổi tại đó vào năm 1943. Môn nhân biên tập các di cảo thành bộ Cánh Vô Nội Ngoại Học. Tác phẩm này bị thất lạc do tình thế rối ren tại Hoa Lục sau khi Mao Trạch Đông nắm quyền, chỉ còn một phần được nhà xuất bản Văn Phong tại Đài Loan ấn hành với tựa đề Âu Dương Đại Sư Di Tập, trong đó bao gồm những bài luận định nổi tiếng của ông như Duy Thức Quyết Trạch Đàm, Đối Không Hữu Chư Tông Điển Tịch Chi Tự Luận, Du Già Sư Địa Luận Tự, Chi Na Nội Học Viện Huấn Thích v.v...

nói lên ý nghĩa: Trong hết thảy kinh luận nhà Phật, đức Phật nói điều gì, làm điều gì, sau khi chúng ta đã hiểu rõ, lại đọc tác phẩm này.

(Diễn) Kim thử niệm Phật vãng sanh, tất tiên minh tự tánh Di Đà vi bổn, nhiên hậu nhất tâm xưng danh, cầu nguyện vãng sanh, tất ư bảo sát tốc chứng Vô Sanh, trực nhập thánh giai, độ sanh diệc quảng. Sở vị: "Tiên ngộ Tỳ Lô pháp giới, hậu tu Phổ Hiền hạnh môn" dã.

(演)今此念佛往生，必先明自性彌陀為本，然後一心稱名求願往生，必於寶剎速證無生，直入聖階度生亦廣。所謂先悟毘盧法界，後修普賢行門也。

*(**Diễn**: Nay pháp Niệm Phật vãng sanh này, ắt trước hết phải chỉ rõ "lấy tự tánh Di Đà làm gốc" rồi mới nhất tâm xưng danh, cầu nguyện vãng sanh, ắt sẽ ở trong cõi báu mau chứng Vô Sanh, lên thẳng bực thánh, hóa độ chúng sanh cũng rộng. Đấy gọi là: "Trước hết ngộ pháp giới Tỳ Lô, sau đó tu hạnh môn Phổ Hiền").*

Câu này nói rất rõ ràng, thật sự khó có! Bởi vậy, pháp môn Niệm Phật chẳng dễ dàng! Tuy là *"vạn người tu, vạn người đến"*, nhưng nếu quý vị không hiểu rõ nguyên tắc, nguyên lý này, một câu Phật hiệu sẽ niệm chẳng tương ứng, niệm chẳng đắc lực, đạo lý ở chỗ này! Phật Thất như chúng ta thường nói chính là pháp hội Phật Thất, đúng như thầy Lý đã bảo là "pháp hội náo nhiệt mà thôi!" Như thế nào mới có thể gọi là đả Phật thất? Do quý vị chẳng biết cách niệm một câu thánh hiệu A Di Đà Phật ra sao thì quý vị đả Phật Thất bằng cách nào? Nói nghiêm ngặt, muốn nghiêm túc đả Phật Thất thì phải thảo luận cặn kẽ các sách A Di Đà Kinh Sớ Sao và A Di Đà Kinh Yếu Giải xong rồi mới đả Phật Thất, rất giống như chuyện sau đây: Giống như học hành, đả Phật Thất là muốn đi thi, không học gì thì đi thi cái gì? Không cách chi đậu được! Học cho giỏi rồi mới đi thi. Giáo nghĩa chẳng hiểu rõ, Phật hiệu chẳng tương ứng, tu mù, luyện đui thì đả Phật Thất cái gì đây? Thốt ra lời ấy, người ta đều nói chúng ta quá ngông cuồng, quá ngạo mạn, coi thường người khác. Nay đối trước bộ A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa này, quý vị hãy suy nghĩ xem có đúng như vậy hay không?

Chúng tôi muốn giảng bộ kinh này ba năm. Tốn ba năm để thông suốt đạo lý Tịnh Độ, quả thật là thuận tiện, quá sức thuận tiện! Vô lượng kiếp, trăm ngàn vạn kiếp không hiểu rõ, không gặp được, nay đã gặp được, tốn ba năm công phu để hiểu cho rõ ràng, quả thật là may mắn to lớn! Sau

khi đã hiểu rõ, mới biết cách niệm một câu Phật hiệu như thế nào, mới biết làm như thế nào để mỗi tiếng niệm Phật đều đầy đủ Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương. Trọn đủ Định Học thì Phật hiệu có thể đoạn Kiến Tư phiền não. Đầy đủ Huệ Học thì Phật hiệu có thể phá căn bản vô minh. Đầy đủ Tam Tư Lương sẽ quyết định Thượng Phẩm Thượng Sanh, thành tựu trong một đời. Nói đến niệm Phật vãng sanh thì trước hết nhất định phải hiểu rõ *"tự tánh Di Đà"*, đây là căn bản lý luận của pháp môn Niệm Phật. Muốn hiểu rõ chuyện này, phải nghiên cứu, thâm nhập cặn kẽ bộ Di Đà Kinh Sớ Sao thì mới được.

"Nhiên hậu nhất tâm xưng danh cầu nguyện vãng sanh" (sau đấy, nhất tâm xưng danh, cầu nguyện vãng sanh): Bắt đầu tu hành. Trước hết đã hiểu rõ rồi, thưa với quý vị, trong Tam Tư Lương, Tín và Nguyện đã kiến lập. Quý vị có chân tín, nguyện thiết, rồi mới tu hành. Tu hành: Quý vị đọc rõ ràng mấy chữ sau đây *"nhất tâm xưng danh"*. Quý vị tu hạnh gì vậy? Tu nhất tâm! Dùng nhất tâm để xưng danh, dùng xưng danh đạt đến nhất tâm, có ý nghĩa như vậy đó! Câu này hết sức quan trọng! Chúng ta hãy nghĩ xem: Trong cảnh giới, chúng ta bị ngoại cảnh lay động, đánh mất nhất tâm. Do vậy, từ đầu đến cuối phải gìn giữ nhất tâm. Thấy sắc, nghe tiếng, bất cứ thứ dị đoan nào cũng trọn chẳng thể phá hoại ta nhất tâm xưng danh. Nó chẳng thể phá hoại quý vị nhất tâm xưng danh mà còn giúp quý vị đạt nhất tâm xưng danh. Đây là đạo lý nhất định: Nó chẳng thể phá hoại thì sẽ giúp quý vị thành tựu; nếu nó chẳng thể thành tựu quý vị thì sẽ phá hoại quý vị. Dị đoan, tà thuyết đưa đến trước quý vị, quý vị tiếp xúc nó nhưng vẫn nhất tâm, vẫn là A Di Đà Phật, trọn chẳng bị nó lay động. Điều này tùy thuộc vào công phu của quý vị, công phu đã đạt đến mức *"tám gió thổi chẳng động"* thì sẽ là cảnh giới tốt đẹp. Vừa mới thấy hay nghe liền khởi tâm phân biệt, chấp trước thì là dao động; tuy hằng ngày niệm Phật mà công phu chẳng đắc lực, vì sao? Gió cảnh giới nhỏ nhoi vừa thổi, nhất tâm liền mất tiêu!

Do vậy, phải trải qua sự việc để luyện tâm ngay trong cảnh giới, luyện cái tâm gì vậy? Luyện nhất tâm xưng danh, tu nhất tâm, phương pháp là xưng danh. Dùng phương pháp này, quyết định chẳng thay đổi. Giống như trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: *"Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai"* (Chẳng nhờ đến phương tiện [nào khác] mà tâm tự khai ngộ). *"Tâm khai"* là khai ngộ, đại triệt đại ngộ. Chẳng cần nhờ vào bất cứ phương thức nào để trợ giúp, chẳng cần phải tham cứu, cũng chẳng cần phải trì chú, chẳng cần thêm bất cứ pháp nào khác, cứ một câu danh hiệu niệm đến tột cùng. Nhất tâm xưng niệm, niệm đến nhất tâm,

công phu thành tựu. Còn có một câu hết sức yếu khẩn nữa, niệm niệm phải cầu sanh về Tây Phương, *"cầu nguyện vãng sanh"*, vì sao? Vì mục đích của chúng ta là Vô Thượng Đạo. Đọc kinh Hoa Nghiêm, quý vị thấy: Tu bất cứ pháp môn nào cũng có thể đạt đến Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng để thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhất định phải ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Điều này chỉ rõ: *Cầu nguyện vãng sanh nhằm thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*, ngàn vạn phần chớ nên coi thường! Quý vị đem kinh này và Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh hợp lại để xem thì quý vị mới thật sự hiểu rõ, thật sự giác ngộ, phát hiện bí quyết trong Phật môn, mà cũng có thể nói: Đây chính là bí mật trong Phật môn.

"Tất ư bảo sát" (ắt ở trong cõi báu): *"Bảo sát"* là Tây Phương Cực Lạc thế giới, *"tốc chứng Vô Sanh"* (mau chứng Vô Sanh): Vô Sanh là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Mau chứng Vô Sanh là Lý nhất tâm bất loạn, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. *"Trực nhập thánh giai"* (vào thẳng địa vị thánh): *"Thánh giai"* là Thập Địa Bồ Tát. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn là bậc Địa Thượng Bồ Tát trong Viên Giáo. Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng gọi là Tam Hiền, *"thánh giai"* là Thập Địa. *"Độ sanh diệc quảng"*: Thành tựu của chính mình đã cao, mà hóa độ chúng sanh cũng hết sức rộng lớn.

"Sở vị tiên ngộ Tỳ Lô pháp giới" (Đó gọi là ngộ pháp giới Tỳ Lô trước): Tỳ Lô là Tỳ Lô Giá Na Phật. Pháp giới của Tỳ Lô Giá Na Phật (Tỳ Lô pháp giới) chính là bốn thứ vô ngại pháp giới như trong phần trên đã nói, kinh Hoa Nghiêm gọi [Tỳ Lô pháp giới] là Nhất Chân pháp giới hoặc *"bất tư nghị giải thoát cảnh giới"*. *"Hậu tu Phổ Hiền Hạnh môn"* (sau đấy tu Phổ Hiền Hạnh môn): Điều chủ yếu nhất trong Phổ Hiền Hạnh môn là Niệm Phật.

(Diễn) Thiết sử bất minh tánh thể, võng ý tạo tu, túng đắc vãng sanh, chỉ thành mạt phẩm, tiên minh tự tánh ý tại tư hồ.

(演)設使不明性體，罔意造脩，縱得往生，祇成末品。先明自性意在斯乎。

***(Diễn**: Nếu chẳng hiểu tánh thể, cứ tu bừa đi, dẫu có được vãng sanh thì chỉ đạt được phẩm cuối cùng, [sách Sớ Sao] trước hết giảng rõ tự tánh là do ý này).*

Nếu chẳng hiểu rõ căn cứ lý luận tu học, *"võng ý tạo tu"* là tu mù, luyện đui, đối với đạo lý chẳng biết gì hết. Nay đã hết giờ rồi!

Tập 16

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, trang mười bảy, đoạn *"nhị, tán kinh. Sơ, tổng tán, nhị, biệt tán"*.

Sơ tổng tán.

(Tự) Trừng trược nhi thanh, phản bối nhi hướng, việt tam kỳ ư nhất niệm, tề chư thánh ư phiến ngôn, chí tai diệu dụng, diệc bất khả đắc nhi tư nghị giả. Kỳ duy Phật Thuyết A Di Đà Kinh dư?

初總讚.

(序)澄濁而清，返背而向，越三祇於一念，齊諸聖於片言，至哉妙用，亦不可得而思議者，其惟佛說阿彌陀經歟。

(Thứ nhất, tán thán chung.

***Lời tựa**: Lắng đục thành trong, bỏ trái nghịch để hướng về, vượt ba A-tăng-kỳ kiếp trong một niệm, ngang với chư thánh bởi một lời, diệu dụng đến tột bậc cũng chẳng thể nghĩ bàn được, chỉ có mình Phật Thuyết A Di Đà Kinh đó chăng?)*

Đoạn này nhằm tán thán kinh A Di Đà, cũng có thể nói là tán thán cả bộ kinh này đến mức tột cùng. Kể từ phần Tựa trở đi, chúng ta đã tốn không ít thời gian để giới thiệu đoạn Minh Tánh (nêu rõ Tánh). Đoạn trước hoàn toàn nói về giáo lý, từ đây trở đi là nói về giáo nghĩa. Lý chẳng những xuyên suốt hết thảy kinh giáo mà còn xuyên suốt vô lượng pháp môn. Thật ra, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng lìa Lý Thể của tự tánh.

Học Phật, nhất là nghiên cứu kinh điển hoặc nghe kinh, nếu có thể hiểu được Lý Thể thì sẽ là cao minh nhất. Nghe kinh mà nghe hiểu được giáo lý thì sẽ là cao minh nhất, vì nếu hiểu rõ giáo lý thì *"một ngộ, hết thảy ngộ"*, tức là *"một kinh thông, hết thảy kinh thông"*. Đây là điều trọng yếu nhất. Giáo Hạ gọi điều này là *"đại khai viên giải"*, còn Thiền Tông bảo là *"đại triệt đại ngộ"*. Đấy là biết nghe, nhưng điều này thật chẳng dễ dàng, phải nhất tâm lắng nghe. Chẳng đạt được nhất tâm, sẽ không có cách nào ngộ nhập giáo lý, bất đắc dĩ, phải cầu điều kém hơn là giáo nghĩa. Nếu thông hiểu giáo nghĩa, sẽ có thể thông đạt một phần đạo lý. Tuy chẳng thể thông đạt toàn thể, nhưng có thể thông đạt một phần thì cũng coi như là

khá lắm. Nói cách khác, đối với những kinh đồng loại[48] với kinh này đều có thể hễ tiếp xúc bèn thông hiểu, cũng được coi là khá cao minh. Đáng sợ nhất là nhớ nguyên văn từng câu nói, tôi ở đây giảng như thế nào, quý vị nhớ y hệt như thế ấy, giống hệt như máy thâu âm! Tuy có thể nhớ toàn bộ, nhưng quý vị chỉ hiểu được một bộ kinh, thay bằng bộ kinh khác sẽ không hiểu nữa! Như vậy là dở nhất, được coi là [căn tánh] hạng ba. Những điều nghe được đều có thể ghi nhớ, đều có thể nói lại, thì đã được coi là rất khá, nhưng thật ra, chỉ là hạng ba.

(Diễn) Trừng trược nhị cú, tiên tự công phu.

(演) 澄濁二句，先敘功夫。

*(**Diễn:** Hai câu "lắng đục"... trước hết giảng về công phu).*

"Trừng trược nhị cú" tức là [hai câu] *"trừng trược nhi thanh, phản bối nhi hướng"* (lắng đục thành trong, bỏ trái nghịch để hướng về); hai câu này *"tiên tự công phu"* (trước hết nói về công phu), tức là nói về sự tu hành, nhìn thấy công phu ở chỗ nào? Trước hết, chúng tôi giải thích ý nghĩa của những chữ này. *"Trược"* là chẳng thanh tịnh, tâm chúng ta hiện thời chẳng thanh tịnh. Nếu dùng Phật hiệu để biến tâm niệm chẳng thanh tịnh thành thanh tịnh, đấy là "bước vào công phu", là *"trừng trược nhi thanh"* (lắng đục thành trong). *"Phản bối nhi hướng"*, *"bối"* là gì? Bối giác hợp trần (trái ngược với giác, xuôi theo trần lao). Chúng ta trái nghịch tự tánh giác, nay đang phơi bày ra những thứ mê hoặc, điên đảo. Nếu chúng ta có thể từ nơi trái nghịch giác tánh mà quay trở lại, hướng về giác tánh, khôi phục Bổn Giác thì đấy là công phu. Do vậy, người niệm Phật phải thường xuyên kiểm nghiệm xem chính mình có công phu hay là không, niệm Phật đạt hiệu quả như thế nào? Thành tích như thế nào?

(Diễn) Tam kỳ nhị cú, thứ tán siêu thắng.

(演) 三祇二句，次讚超勝。

*(**Diễn**: Hai câu "tam kỳ" là ý tiếp theo, ca ngợi sự siêu việt thù thắng [của kinh A Di Đà]).*

"Việt tam kỳ ư nhất niệm, tề chư thánh ư phiến ngôn" (Vượt ba A-tăng-kỳ kiếp trong một niệm, bằng với chư thánh trong một lời): Tán thán sự siêu thắng (Thắng là thù thắng). Tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất luận

[48] "Đồng loại" là những kinh giảng về cùng một pháp môn.

một tông phái nào cũng đều chẳng thể sánh bằng pháp môn này. Nó siêu việt tất cả các pháp môn, thù thắng nhất trong hết thảy pháp môn. Đây là tán thán kinh A Di Đà, tán thán hạnh trì danh niệm Phật.

(Diễn) "Trừng trược nhi thanh" giả, dĩ Phật danh hiệu đầu ư loạn tâm, loạn tâm bất đắc bất tịnh, như thủy thanh châu đầu ư trược thủy, trược thủy bất đắc bất thanh dã.

(演)澄濁而清者，以佛名號投于亂心，亂心不得不淨，如水清珠投于濁水，濁水不得不清也。

*(**Diễn**: "Lắng đục thành trong": Dùng danh hiệu Phật gieo vào loạn tâm, loạn tâm chẳng thể không tịnh, như thủy thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong).*

Hai câu tỷ dụ ở phía sau khá dễ hiểu, chứ hai câu trong phần trước sợ chẳng dễ hiểu cho lắm. Vì sao vậy? Cũng có vị niệm Phật chẳng ít năm, trong tâm vẫn loạn lung tung, Phật hiệu chẳng đạt được hiệu quả, quý vị bèn hoài nghi: Câu Phật hiệu này có thể khiến cho tâm niệm thanh tịnh, mà ta niệm đã nhiều năm như vậy, tâm vẫn chẳng thanh tịnh, là do duyên cớ nào? Quý vị niệm không đúng pháp! Nếu niệm đúng pháp, chắc chắn có hiệu quả, công dụng. Nếu mỗi câu Phật hiệu đầy đủ Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương, tâm dẫu loạn cũng có thể đạt đến thanh tịnh, trong một đời quả thật có thể đạt được công phu thành phiến, Sự nhất tâm bất loạn, Lý nhất tâm bất loạn, chẳng còn ngờ vực mảy may chi nữa!

Phật pháp theo đường lối thông thường, tức là theo phương cách phổ thông, ắt phải dựa theo thứ tự thuận là *"tín, giải, hành, chứng"* để tu học. Giải (hiểu) rồi mới tu hành, giống như đi đường, ắt trước hết phải biết rõ lộ trình rồi mới có thể ra đi. Pháp môn Tịnh Độ Niệm Phật là pháp môn đặc biệt, vừa đi vừa nhận biết đường, tiến hành đồng thời. "Người niệm Phật chẳng cần nghiên cứu kinh giáo, cứ thật thà niệm Phật là được rồi, cầu Giải để làm gì? Cớ gì phải phí sức vào chuyện này!" Cách suy nghĩ này sai lầm to lớn. Quý vị thấy trong Tịnh Độ Tông, có vị tổ sư đại đức nào chẳng thông đạt hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Trong bộ Sớ Sao, Liên Trì đại sư trích dẫn kinh luận của thế gian và xuất thế gian, học vấn của Ngài rất uyên bác, chứ chẳng phải là không thông hiểu! Thời cận đại, quý vị đọc bộ Văn Sao sẽ thấy Ấn Quang đại sư đọc bao nhiêu là sách, thứ gì cũng đều biết. Do đây biết rằng: Niệm một câu A Di Đà Phật vẫn phải nghiên cứu kinh giáo, Hành và Giải đều quan trọng, Hành và Giải đồng thời.

Thật thà niệm Phật, hai chữ *"thật thà"* hết sức chẳng đơn giản. Người thật thà, chân tánh hiện tiền. Dùng pháp môn Tịnh Độ Niệm Phật để định nghĩa hai chữ "thật thà" thì "niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, minh tâm kiến tánh" mới là thật thà. Trước khi minh tâm kiến tánh, chắc chắn chưa thật thà, vì sao? Kẻ ấy dùng tâm ý thức; tâm ý thức thì làm sao thật thà cho được? Thật thà niệm Phật, quyết định thành Phật. Thế nhưng, trước hết chúng ta phải hiểu rõ chính mình hiện thời chắc chắn là chưa thật thà, cho nên quý vị vẫn phải y giáo tu hành, chiếu theo những lý luận, phương pháp và cảnh giới được giảng trong kinh điển để niệm Phật hiệu. Lại còn phải nên hiểu rõ những ý nghĩa được bao hàm trong câu Phật hiệu. Dịch nghĩa hoàn toàn sang tiếng Hán, câu Phật hiệu này có nghĩa là *"quy y Vô Lượng Giác"*. Nói cách khác, mức độ thấp nhất là từng tiếng đánh thức giác tánh của chính mình. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc sáu trần, hễ mê thì một câu Phật hiệu này sẽ gọi chúng ta từ mê mà giác ngộ trở lại, chẳng còn mê nữa, giác chứ không mê. Nếu quý vị chẳng niệm thì không niệm sẽ mê. Tập khí mê muội quá nặng, niệm niệm gọi mình quay lại, như vậy thì mới có thể khôi phục cái tâm thanh tịnh. Đấy là ý nghĩa của câu thứ nhất, *"trừng trược nhi thanh"* (lắng đục thành trong).

(Diễn) "Phản bối nhi hướng" giả, nhất hướng lưu lạc tha hương, bất tư cố quốc, kim tắc hồi thần bảo sát, tương cận Từ Tôn dã.

(演)返背而向者，一向流落他鄉，不思故國，今則迴神寶剎將覲慈尊也。

*(**Diễn**: "Phản bối nhi hướng": Một mực lưu lạc quê người, chẳng nghĩ tới nước cũ. Nay hướng lòng về cõi báu, gần gũi đấng Từ Tôn).*

Tỷ dụ này cũng hết sức hay. Giống như kẻ lang thang lưu lạc đất khách, quên mất quê cũ của chính mình. *"Kim tắc hồi thần bảo sát, tương cận Từ Tôn"* (Nay hướng lòng về cõi báu, gần gũi đấng Từ Tôn): Nay bảo quý vị hãy quay đầu lại, hãy từ đời ô trược lục đạo luân hồi này quay đầu lại, tới Tây Phương Cực Lạc thế giới để gặp A Di Đà Phật. Nói cách khác, quê cũ của chúng ta ở nơi đâu? Quê cũ ở Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chính mình phải kiên định tín tâm. Nếu quý vị nói: "Thế giới này mới là quê cũ của tôi, chứ Tây Phương Cực Lạc thế giới không phải!" sẽ rất khó vãng sanh Tây Phương. Đấy là hoàn toàn mê mất tự tánh, nhất định phải giác ngộ điều này. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy trong hội Hoa Nghiêm đến cuối cùng đều thành Đẳng Giác Bồ Tát mà vẫn phải vãng

sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Do đây biết rằng: Thế giới Cực Lạc là quê nhà thật sự, chẳng sai tí nào!

Nay chúng ta sống trong thế giới Sa Bà đã ba bốn đời, quên tuốt quê cũ. Các đồng bào trong tỉnh [Đài Loan] này, quê quý vị ở đâu? Hễ truy ngược lại, quê nhà của các vị đều ở Trung Nguyên. Trong lịch sử dân tộc Trung Hoa có ba lần thiên di lớn: Thời Nam Bắc Triều Ngũ Hồ Loạn Hoa[49], thời Nam Tống và thời Mãn Thanh vào trong quan ải. Từ Trung Nguyên thiên di đến Lưỡng Quảng (Quảng Đông và Quảng Tây), rồi lại dời sang Đài Loan. Tổ tiên đều là người thuộc lưu vực Hoàng Hà ở Trung Nguyên, quý vị đã quên mất rồi. Do chúng ta quên mất tự tánh, luân hồi sanh tử trong thế giới Sa Bà chẳng biết là bao nhiêu kiếp. Nay bảo quý vị thế giới Cực Lạc là quê nhà, quý vị chẳng tin. Ở đây, Liên Trì đại sư bảo chúng ta: Quê hương của chúng ta là Tây Phương Cực Lạc thế giới.

"Việt tam kỳ ư nhất niệm": Việt (越) là vượt thoát, vượt thoát ba A-tăng-kỳ chỉ trong một niệm. Thời gian ba A-tăng-kỳ kiếp dài lâu, mê hoặc

[49] Ngũ Hồ Loạn Hoa là thời kỳ loạn lạc liên miên từ năm 296 đến 419. Thời kỳ này bắt đầu từ khi tám vị vương gia nhà Đông Tấn nổi loạn tranh chấp quyền lực với Tấn Huệ Đế (295-306) khiến thủ lãnh các dân tộc ở ngoài biên ải thừa cơ xâm nhập Trung Nguyên, chiếm cứ từng vùng, tự xưng vương, lập ra các vương quốc. Sử Trung Hoa thường gọi giai đoạn này là Ngũ Hồ Thập Lục Quốc. Ngũ Hồ là năm dân tộc du mục sống ngoài quan ải, tức là Hung Nô, Tiên Ty, Yết, Khương, Đê. Tuy nói là Ngũ Hồ, nhưng còn có sắc dân khác như Cao Câu Ly, Đinh Linh v.v... cũng lập vương quốc, nhưng Sử chỉ nói đến Ngũ Hồ vì đa số các vương triều trong thời kỳ này do các sắc dân kể trên thành lập. Thập Lục Quốc chỉ là mười sáu nước chính, ngoài ra còn có nhiều vương triều nhỏ hơn. Thập Lục Quốc là: Hán (do Lưu Uyên, dân tộc Hung Nô, thành lập), Thành Hán (do Lý Hùng, dân tộc Hung Nô, sáng lập), Tiền Lương (do Trương Thật, người Hán, sáng lập), Hậu Triệu (do Thạch Lặc, dân tộc Yết, sáng lập), Tiền Yên (do Mộ Dung Hoảng, dân tộc Tiên Ty, sáng lập), Tiền Tần (do Phù Kiên, dân tộc Đê, sáng lập), Hậu Yên (do Mộ Dung Thùy, dân tộc Tiên Ty, sáng lập), Hậu Tần (do Diêu Tràng, dân tộc Khương, sáng lập), Tây Tần (do Khất Phục Quốc Nhân, dân tộc Tiên Ty, sáng lập), Hậu Lương (do Lữ Quang, dân tộc Đê, sáng lập), Nam Lương (do Thốc Phát Ô Cô, dân tộc Tiên Ty, sáng lập), Nam Yên (do Mộ Dung Đức, dân tộc Tiên Ty, sáng lập), Tây Lương (do Lý Cảo, dân tộc Hán, sáng lập), Bắc Lương (do Đoàn Nghiệp, dân tộc Hung Nô, sáng lập), Hồ Hạ (do Hách Liên Bột Bột, dân tộc Hung Nô, sáng lập), Bắc Yên (do Mộ Dung Vân, người Cao Câu Ly, sáng lập). Ngoài ra, trong thời này còn có những vương triều nhỏ hơn, không tạo ảnh hưởng mạnh mẽ cho lịch sử Trung Hoa bằng những nước vừa kể trên như: Cừu Trì, Đãng Xương, Đặng Chí, Nhiễm Ngụy, Tiếu Thục (Tây Thục), Hoàn Sở, Địch Ngụy (do Địch Liêu, sắc dân Đinh Linh thành lập), Đại, Tây Yên, Vũ Văn Bộ, Đoàn Bộ, Thổ Cốc Hồn, Cao Cú Ly (do Cố Quốc Nguyên Vương, người Cao Cú Ly, sáng lập) v.v...

lâu dài bao kiếp, trong một niệm liền vượt thoát, thật nhanh! Một niệm là gì? Một niệm là nhất tâm bất loạn đấy!

(Diễn) Nhất niệm thị Trí.
(演) 一念是智。
*(**Diễn**: Một niệm là Trí).*

"Một niệm là Trí", hai niệm là mê. Làm như thế nào để trong mười hai thời luôn giữ được nhất niệm? Điều này rất khẩn yếu. Do vậy, trong cảnh giới khởi tâm động niệm là mê hoặc, nhất định phải giữ gìn sự tỉnh táo, tức là nhất niệm.

(Diễn) Phiến ngôn thị cảnh.
(演) 片言是境。
*(**Diễn**: Một lời là cảnh).*

"Phiến ngôn" là cảnh giới, *"phiến ngôn"* chính là một câu Nam-mô A Di Đà Phật. Câu này chính là *"phiến ngôn"*. Do đây có thể biết một câu Phật hiệu thật sự trở thành công phu thượng thừa, câu nói ấy biến tâm niệm của quý vị thành nhất niệm, nhất niệm vô nhị niệm. Có đồng tu hỏi: Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, lìa bằng cách nào? Tôi thưa cùng quý vị: Điều này thật sự rất quan trọng! Vì sao chúng ta chẳng thể biến câu danh hiệu này thành nhất tâm, chẳng thể biến thành nhất niệm? Chính là vì đối với sáu chữ này (sáu chữ hay bốn chữ cũng giống như nhau), quý vị chấp vào tướng ngôn thuyết, chấp vào tướng danh tự, chấp vào tướng tâm duyên. Do vậy, quý vị không có cách nào biến nó thành nhất niệm. Nói thật ra, Phật truyền thụ pháp môn này nhằm dạy chúng ta dùng một câu Phật hiệu để đạt đến nhất niệm, đấy mới gọi là *"công phu thành tựu"*.

Câu Nam-mô A Di Đà Phật là một câu nói, là tướng ngôn thuyết; chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối tiếng niệm A Di Đà Phật mười vạn tiếng, chấp vào tướng ngôn thuyết. Nam-mô có nghĩa là quy y, A Di Đà nghĩa là vô lượng, Phật có nghĩa là giác. Đấy là tướng danh tự, chấp vào tướng danh tự. Tâm phan duyên (nắm níu) tướng danh tự, phan duyên tướng ngôn thuyết. Đấy là tướng tâm duyên. Trong một câu Phật hiệu của quý vị, chẳng phải chỉ là hai niệm, ba niệm, mà trong một câu Nam-mô A Di Đà Phật khởi lên rất nhiều niệm, quý vị không có cách gì đạt được nhất niệm, nên câu Phật hiệu này không có cách nào thành tựu công phu. Làm

thế nào mới có thể thành tựu công phu? Khi niệm sáu chữ "Nam-mô A Di Đà Phật", hãy lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, niệm mà vô niệm, không niệm mà niệm. Trong miệng, sáu chữ hồng danh mỗi tiếng liên tục chẳng gián đoạn, tâm địa thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần, đó gọi là *"tam luân thể không"*, chẳng những cái Ngã đang niệm Phật là không thể được mà Phật hiệu được niệm và cảnh giới cũng đều chẳng thể được. Khi ấy là gì vậy? Chỉ là nhất tâm, cảnh giới của nhất tâm mới có thể hiện tiền. Do vậy, pháp này quả thật là mầu nhiệm đến tột bậc!

Ở đây, [sách Diễn Nghĩa] chỉ cho chúng ta biết câu Phật hiệu này là cảnh giới, *"nhất niệm là Trí"*. Dùng trí để trừ khử duyên cảnh, Cảnh và Trí không hai. Trí là năng chứng, cảnh là sở chứng. Năng và Sở chẳng hai. Tâm Kinh nói: *"Vô trí, diệc vô đắc"* (không trí mà cũng không đắc). Nhất niệm là Trí, *"phiến ngôn"* (một câu nói) là Đắc, Vô Lượng Giác là cảnh giới, thứ gì cũng đều phải giác chứ không mê, vì sao lại nói là *"vô trí, diệc vô đắc"*? Trong tâm quý vị có [ý niệm] "ta đang có nhất tâm", tức là trên nhất tâm lại chồng thêm một cái nhất tâm nữa, nhị tâm mất rồi! Kinh Lăng Nghiêm bảo đó là *"tri kiến lập tri"* (trên tri kiến lại lập thêm một tri kiến nữa). Vốn là Phật tri, Phật kiến, nay lại kiến lập thêm "ta nhất tâm bất loạn", tâm quý vị đã sớm loạn mất rồi! Do trong nhất tâm bất loạn không có một cái nhất tâm bất loạn, chỉ cần quý vị có [ý nghĩ ta đang] nhất tâm bất loạn là trật rồi! Do vậy, quý vị có Trí là trật, có Đắc cũng trật luôn, có Nam-mô cũng trật, có A Di Đà Phật cũng sai bét! Lại nhắc nhở quý vị, không có Nam-mô cũng trật, không có A Di Đà Phật cũng sai tuốt. Khi ấy, khó thể biện định, "có" cũng trật, mà "không có" cũng sai, rốt cuộc như thế nào mới không sai? Nhà Thiền bảo: "Ông cứ tham cứu đi!" Câu này đã nói thấu suốt, Phật hiệu quyết định chẳng thể gián đoạn giữa chừng! Phật hiệu chẳng thể gián đoạn giữa chừng thì chẳng rớt vào Không! Tuy Phật hiệu chẳng gián đoạn giữa chừng, nhưng tâm địa niệm niệm thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, năng niệm và sở niệm đều chẳng thể được, chẳng rớt vào Có! Chẳng rớt vào hai bên Có và Không, khi ấy thật sự là nhất niệm. Rớt vào Không hay rớt vào Có đều là sai lầm. Rớt vào Có là tà kiến, rớt vào Không là vô minh. Hai bên Có và Không đều chẳng rớt vào, đấy mới là nhất tâm, đấy mới là Trí và Cảnh giống hệt như một.

(Diễn) "Việt tăng-kỳ" vị Trí siêu thắng.

(演) 越僧祇謂智超勝。

*(**Diễn**: "Vượt A-tăng-kỳ kiếp" ý nói Trí siêu việt thù thắng).*

Kinh thường nói thành Phật chẳng dễ dàng! Tính từ địa vị Sơ Trụ, tu một A-tăng-kỳ kiếp mới có thể tu xong ba mươi địa vị gồm Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, trong A-tăng-kỳ kiếp thứ hai tu bảy địa vị từ Sơ Địa đến Thất Địa. Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ ba tu ba địa vị Bát Địa, Cửu Địa và Thập Địa. Thời gian ba đại A-tăng-kỳ kiếp dài quá! Một câu A Di Đà Phật vượt thoát ba đại A-tăng-kỳ kiếp, thật là khó có!

(Diễn) "Tề chư thánh" thị cảnh diệu viên.

(演) 齊諸聖是境妙圓。

*(**Diễn**: "Bằng với chư thánh" là cảnh mầu nhiệm, viên mãn).*

"Thánh" là Thập Địa Bồ Tát. Công phu niệm Phật thật sự tốt đẹp, dùng pháp môn này thì quý vị có thể chứng được địa vị Thập Địa Bồ Tát ngay trong một đời, há có phải chỉ thành tựu Phật pháp trong đời này! Sở dĩ chúng ta không thể thành tựu là vì chẳng thấu triệt lý luận, chẳng hiểu rõ phương pháp, tự mình khiến chính mình lầm lẫn. Nếu thật sự hiểu được lý luận và phương pháp thì trong một đời này sẽ có thể đạt đến thành tựu như vậy. Trong bản chú giải kinh Di Đà, đại sư Khuy Cơ đã phán định kinh này thuộc Đốn Giáo vì có ý nghĩa đốn siêu (nhanh chóng vượt thoát). Do vậy, kinh này là kinh bậc nhất trong hết thảy các kinh, không còn kinh nào siêu việt thù thắng hơn. Học Phật thì không đọc, không nghe tất cả các kinh khác cũng chẳng sao, quý vị chỉ cần thấu hiểu, thông suốt mấy tác phẩm như Di Đà Kinh Sớ Sao, Diễn Nghĩa, Yếu Giải, nhất định sẽ vãng sanh ngay trong một đời, giải quyết vấn đề. Sách Tây Phương Công Cứ đơn giản, trọng yếu nhất, hãy bắt đầu dốc sức từ sách này, hãy lấy nó làm sách giáo khoa, mỗi ngày đọc mấy trang, đừng gián đoạn giữa chừng.

(Diễn) Tăng-kỳ giả, vô số kiếp dã.

(演) 僧祇者，無數劫也。

*(**Diễn**: Tăng-kỳ là vô số kiếp).*

Điều này chúng ta tạm thời không quan tâm đến. Con số này có đến mấy cách tính, cách tính tinh tường, xác đáng nhất là [cách được nêu ra trong phẩm A Tăng Kỳ] trong kinh [Bát Thập] Hoa Nghiêm. Tiếp theo đây là những câu hỏi đáp do đại sư tự đặt ra.

(Diễn) Vấn: Tam kỳ hành mãn, tức tọa đạo tràng thành Chánh Giác.

(演) 問：三祇行滿，即坐道場成正覺。

*(**Diễn**: Hỏi: Tu hành trọn ba A-tăng-kỳ kiếp liền ngồi nơi đạo tràng, thành Chánh Giác).*

Tu hành ba đại A-tăng-kỳ kiếp viên mãn sẽ thành Phật.

(Diễn) Kim niệm Phật giả, túng đắc vãng sanh, thượng vị đắc Phật, hà nãi tiện việt tam kỳ da?

(演)今念佛者，縱得往生尚未得佛，何乃便越三祇耶。

*(**Diễn**: Nay người niệm Phật dù đã được vãng sanh, vẫn chưa thành Phật, sao lại có thể vượt trỗi ba A-tăng-kỳ kiếp được?)*

Nghe những câu nói trong phần trên, chắc cũng thắc mắc: Quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn chưa thành Phật. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tuy không có ba ác đạo, nhưng có hai đường trời và người, vẫn là phàm phu! Vì sao nói "vượt trỗi ba A-tăng-kỳ kiếp"? Câu này có nói quá lố hay chăng? Dưới đây là lời giải đáp.

(Diễn) Đáp: Kim tam kỳ thị ước Tín Giải, dĩ tam-muội công thành chi nhân, tuy công hạnh vị mãn, nhi Pháp Thân dĩ minh, tam kỳ cực quả dĩ giải liễu cố, diệc khả ngôn siêu dã. Thử ước Giải ngôn, bất luận công hạnh.

(演)答：今三祇是約信解。以三昧功成之人，雖功行未滿，而法身已明，三祇極果已解了故，亦可言超也。此約解言，不論功行。

*(**Diễn**: Đáp: Ba A-tăng-kỳ ở đây là nói theo phương diện Tín và Giải. Bởi lẽ, người đã thành tựu tam-muội, tuy công hạnh chưa viên mãn, nhưng đã hiểu rõ Pháp Thân, đã hiểu rõ cực quả sau ba A-tăng-kỳ kiếp, nên cũng có thể nói là "vượt thoát". Đây là dựa trên phương diện Giải để nói, chứ không bàn về mặt công hạnh).*

Ba đại A-tăng-kỳ kiếp được nói tới trong phần trước là [nói về] sự tu hành viên mãn, nói tới công phu, đã thành Phật rồi. Ở đây nói *"vượt ba A-tăng-kỳ trong một niệm"* chính là nói theo phương diện Tín Giải, chứ không phải luận theo phương diện Hành Chứng. Quý vị phải hiểu: Tín

Giải hết sức khó, người bình thường chẳng thể tiếp nhận được. *"Tam-muội công thành"*: Chữ *"tam-muội"* là nói Niệm Phật tam-muội, tam-muội chính là nhất tâm bất loạn. Chúng ta niệm Phật, niệm đến nhất tâm bất loạn. Nhất tâm được nói đến ở đây chính là Lý nhất tâm bất loạn, vì trong câu tiếp theo có nói *"Pháp Thân dĩ minh"* (đã hiểu rõ Pháp Thân). Lý nhất tâm bất loạn, công hạnh chưa viên mãn, đấy là sự thật; vì Lý nhất tâm bất loạn chính là nói về bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, bốn mươi mốt phẩm vô minh mới phá được một phẩm, hãy còn bốn mươi phẩm chưa phá, đương nhiên chưa viên mãn.

Công hạnh chưa viên mãn, nhưng đã thấy Pháp Thân. Phá một phẩm vô minh liền chứng một phần Pháp Thân. Đấy là hàng Sơ Trụ vừa chứng được Lý nhất tâm. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp thành tựu Phật quả trong Viên Giáo, người ấy quả thật đã *"giải liễu"*, tức hiểu rõ, quyết định chẳng có nghi vấn gì, cao minh hơn các địa vị Phật trong Thông Giáo, Tạng Giáo và Biệt Giáo. Do vậy, có thể nói là *"siêu"*. Dụng ý của những câu trong lời Tự là nói về mặt Tín Giải, chứ không phải là nói về Hành Chứng. Đây là ý nghĩa thứ nhất, tức là luận định theo đường lối [tu tập] thông thường; còn có một ý nghĩa thứ hai, nghĩa này là nói tới sự thật, chẳng phải giả.

(Diễn) Hựu, việt Tăng kỳ thị thật ngữ.

(演) 又越僧祇是實語。

*(**Diễn:** Lại nữa, vượt thoát A-tăng-kỳ kiếp là nói sự thật).*

Lời nói chân thật, ý nghĩa này càng tinh tường, nghiêm mật hơn ý nghĩa trên đây.

(Diễn) Bất tất đản viết giải thuyết.

(演) 不必但曰解說。

*(**Diễn**: Không cần phải nói là ["vượt ba A-tăng-kỳ kiếp"] chỉ được hiểu theo phương diện Giải).*

Chẳng cần phải nói chỉ là hiểu theo phương diện Tín - Giải, nói theo phương diện Hành - Chứng vẫn suông.

(Diễn) Dĩ tam kỳ hạnh mãn, phương đắc thành Phật, thử thị Tạng Giáo Quả Đầu Phật.

(演) 以三祇行滿，方得成佛，此是藏教果頭佛。

*(**Diễn**: Bởi lẽ, tu hành trọn đủ ba A-tăng-kỳ kiếp mới được thành Phật là quả vị Phật trong Tạng Giáo).*

Tu hành viên mãn ba đại A-tăng-kỳ kiếp sẽ thành Phật, thành vị Phật nào vậy? *"Tạng Giáo Quả Đầu Phật"*. Theo cách phán giáo của tông Thiên Thai, [có bốn giáo là] Tạng, Thông, Biệt, Viên.

Địa vị tối cao trong Tạng Giáo gọi là Quả Đầu, tức Tạng Giáo Phật. Tạng Giáo Phật vẫn chưa kiến tánh. Tạng Giáo Phật tương đương với địa vị Thất Tín Bồ Tát trong Viên Giáo. So với Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo là bậc đã đắc Lý nhất tâm bất loạn thì [Tạng Giáo Phật] vẫn còn thua một bậc!

(Diễn) Kim kinh thị Viên Đốn giáo.

(演) 今經是圓頓教。

*(**Diễn**: Kinh này thuộc Viên Đốn giáo).*

Viên Đốn giáo là thượng thượng thừa, là bậc nhất. Người học pháp môn này là hàng Bồ Tát căn tánh viên đốn. Điều này cũng khiến cho chúng ta hoài nghi: Chính mình chẳng phải là căn tánh viên đốn, suốt ngày từ sáng đến tối lắm phiền não, mê hoặc, điên đảo như thế, mà tôi cũng có thể học pháp môn này ư? Có thể! Chỉ cần quý vị tin vào chính mình, tin tưởng y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do chân tâm của chính mình hiển hiện, duy thức sở biến. Trong pháp môn Niệm Phật, nhất định là trước hết phải hiểu rõ tự tánh Di Đà chính là căn bản tu học của chúng ta, rồi mới nhất tâm xưng danh, cầu nguyện vãng sanh.

Xem ra, mấy câu này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Quý vị tin tưởng hai câu này thì quý vị thuộc căn tánh viên đốn, tâm nhẫn nại bỏ ra ba bốn năm công phu, thảo luận cặn kẽ kinh này một lượt, ngõ hầu nghi hoặc, chướng ngại đều chẳng còn nữa. Sau đấy, mỗi tiếng Phật hiệu đều tương ứng với tự tánh Di Đà của chính mình, không ai mà chẳng vãng sanh!

(Diễn) Đản đắc thượng sanh tức đăng Sơ Địa.

(演) 但得上生即登初地。

*(**Diễn**: Chỉ cần được thượng phẩm vãng sanh liền chứng Sơ Địa).*

"Sơ Địa" là Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. *"Thượng sanh"* là thượng phẩm vãng sanh, địa vị này ngang với Sơ Địa Bồ Tát của Biệt Giáo.

(Diễn) Nhi Quả Đầu Phật thượng dữ Viên Giáo Thất Tín tề.

(演) 而果頭佛上與圓教七信齊。

*(**Diễn**: Nhưng địa vị Phật trong Tạng Giáo bằng với địa vị Thất Tín trong Viên Giáo).*

Tạng Giáo Phật chỉ bằng với địa vị Thất Tín Bồ Tát trong Viên Giáo, họ quyết định chẳng đạt đến địa vị Sơ Địa trong Biệt Giáo.

(Diễn) Khởi bất thị việt tăng-kỳ ư nhất niệm?

(演) 豈不是越僧祇於一念。

*(**Diễn**: Há chẳng phải là vượt trỗi ba A-tăng-kỳ kiếp trong một niệm?)*

Câu này chẳng nói quá lố. Lấy Tạng Giáo Phật để nói thì do quả vị Phật tu thành sau ba đại A-tăng-kỳ kiếp là Tạng Giáo Phật. Kinh Hoa Nghiêm giảng về Viên Giáo Phật rất rõ ràng: Phải do vô lượng kiếp tu thành, chứ ba đại A-tăng-kỳ kiếp chưa thể tu thành. Do vậy, nếu nói ba đại A-tăng-kỳ kiếp thành Phật thì đích xác là một câu A Di Đà Phật niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn sẽ vượt trỗi hơn. Ở đây, chúng ta kết luận đơn giản: Lý nhất tâm quả thật đã vượt trỗi sự tu hành trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp của Tạng Giáo, họ tốn một thời gian dài như thế, còn chúng ta trong mấy năm đã vượt trội họ. Nói như vậy thì bộ kinh này và Sớ Sao quả thật là bảo điển viên đốn vô thượng trong Đại Thừa, chúng ta cũng chẳng còn hoài nghi thì mới hiểu được giá trị của bộ kinh điển này.

Có nhiều người phát tâm in kinh. In kinh là chuyện tốt đẹp, in kinh là tu đại phước báo. Trong hết thảy các kinh, kinh có giá trị nhất không gì hơn A Di Đà Kinh. Chúng tôi muốn in A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, Tây Phương Công Cứ, lưu thông hai loại này, hy vọng mỗi người có được một cuốn, ai nấy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ai yêu thích nghiên cứu Đại Tạng Kinh thì cứ nghiên cứu, chúng ta do hai bộ sách này chắc chắn sẽ Thượng Phẩm Thượng Sanh. Đấy là hoằng dương đại pháp viên đốn, hoằng dương pháp môn bậc nhất, chúng ta thật sự nhận biết giá trị, đề xướng pháp bảo chân thật nhất, pháp môn thù thắng nhất. Chúng ta đã hiểu rõ rồi, hãy nên nỗ lực thực hiện.

Câu *"chí tai diệu dụng"* là nói tác dụng của bản kinh này mầu nhiệm đến tột cùng. *"Chí"* (至) là đạt đến chỗ tột cùng.

(Diễn) Diệu dụng hữu nhị.

(演) 妙用有二。

*(**Diễn**: Diệu dụng gồm hai thứ).*

Có hai thứ.

(Diễn) Tại Như Lai thuyết kinh, thị lợi sanh chi diệu dụng.

(演) 在如來說經，是利生之妙用。

*(**Diễn**: Như Lai nói kinh là diệu dụng lợi lạc chúng sanh).*

Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh suốt cả đời, ta thường nói Ngài giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, đều là diệu dụng lợi ích chúng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật từ trước đến nay chưa hề nghĩ đến mình, khởi tâm động niệm đều nghĩ tới hết thảy chúng sanh. Hy vọng các đồng tu chúng ta từ nay trở đi khởi tâm động niệm đều giống như Phật, hy vọng chúng sanh ai nấy sẽ đều Thượng Phẩm Thượng Sanh ngay trong một đời này, ai nấy sẽ đều thành Phật trong đời này. Dùng cách nào? Trừ pháp môn Niệm Phật ra, không có cách thứ hai nào hết! Chúng ta nỗ lực phát triển theo phương hướng này. Muốn làm cho hết thảy chúng sanh thành tựu ngay trong đời này thì trước hết chúng ta phải thành tựu chính mình, chính mình chưa thể thành tựu sẽ không có cách nào giúp người khác thành tựu được! Nếu chính mình thành tựu thì niệm niệm sẽ vì hết thảy chúng sanh. Do vậy, phổ biến, hoằng dương bộ kinh này là chuyện hết sức cần thiết, còn trọng yếu hơn kinh Hoa Nghiêm nữa. Nói thật thà thì Hoa Nghiêm, Pháp Hoa chẳng thể thành Phật ngay trong một đời, tuy những kinh ấy là Viên Giáo Nhất Thừa, nhưng quý vị đọc rồi sẽ thấy, tuy xét về lý luận thì không sai, nhưng phương pháp quá khó tu, quả thật chẳng dễ thành tựu ngay trong một đời. Còn kinh này thì chỉ sợ quý vị không chịu tu, chứ nếu quý vị chịu tu thì như cổ đức đã nói là *"vạn người đi, vạn người đến"* chẳng sót một ai. Diệu dụng của Phật đã đạt đến mức cùng cực.

(Diễn) Dĩ tứ tự biến dẫn chúng sanh xuất ư khổ hải, khởi phi chí diệu?

(演) 以四字遍引眾生出於苦海，豈非至妙。

*(**Diễn**: Dùng bốn chữ dẫn khắp chúng sanh thoát khỏi biển khổ, há chẳng phải là mầu nhiệm đến tột bực ư?)*

Đức Phật dùng bốn chữ "A Di Đà Phật" giúp hết thảy chúng sanh ai nấy vượt thoát luân hồi lục đạo, ai nấy đều vượt thoát biển khổ sanh tử, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, viên mãn Bồ Đề trong một đời, hết sức mầu nhiệm! Tra khắp Đại Tạng Kinh, không có pháp môn nào khác giống như thế. Pháp môn Niệm Phật quá kỳ diệu, quá lạ lùng, đặc biệt. Do vậy, nó là pháp khó tin. Đây là nói về sự mầu nhiệm do thuyết kinh của đức Phật.

(Diễn) Tại chúng sanh trì danh, thị tự lợi chi diệu dụng, dĩ tứ tự trực sử sơ tâm đăng hồ Trí Địa, hựu khởi phi chí diệu?

(演)在眾生持名，是自利之妙用。以四字直使初心登乎智地，又豈非至妙。

*(**Diễn**: Chúng sanh trì danh là diệu dụng tự lợi, do bốn chữ mà trực tiếp khiến cho hàng sơ tâm vượt lên Trí Địa, há lại chẳng phải là mầu nhiệm đến tột cùng ư?)*

Trí Địa tức là Sơ Địa Bồ Tát. Đức Phật là vị thầy truyền dạy cho chúng ta pháp môn này, tức là bốn chữ. Chúng ta là học trò, tiếp nhận bốn chữ này, trong một đời từ hàng Sơ Phát Tâm bèn chứng đắc Sơ Địa, vượt khỏi ba đại A-tăng-kỳ kiếp, thành tựu ngay trong một đời. Nếu quý vị hỏi: "Tôi nay mới phát tâm, khi nào tôi sẽ niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn? Ước chừng bao lâu tôi mới có thể đạt đến địa vị này?" Chớ nên hỏi tôi câu này! Hỏi tôi cũng vô ích, phải hỏi chính mình! Nếu quý vị thật sự chịu tu, cổ nhân đã nêu gương rồi đó, bảy ngày có thể đạt được, kinh dạy *"nhược nhất nhật đáo nhược thất nhật"* (từ một ngày cho đến bảy ngày). Nói cách khác, có thể đạt được trong một ngày!

Kinh Địa Tạng có nói: Khi Địa Tạng Bồ Tát tu nhân, làm một cô gái dòng Bà-la-môn, tức là cô Quang Mục, đã cứu mẹ bằng phương pháp nào? Niệm Phật! Nếu quý vị đọc kỹ kinh văn, [sẽ thấy] cô ta niệm đến mức nhất tâm bất loạn, đắc Niệm Phật tam-muội thì mới có tư cách vào địa ngục để thăm dò, xem xét, mới có năng lực ấy. Nếu cô ta chưa thành tựu Niệm Phật tam-muội, sẽ chẳng thể đến được. Kinh nói rất rõ ràng, đến địa ngục chỉ có hai hạng người: Một là Bồ Tát, hai là người có tội nghiệp phải vào đó chịu tội! Nếu chẳng phải là hai hạng người ấy, sẽ không có tư cách vào địa ngục được! Do vậy, cô ta dùng pháp môn Niệm Phật, niệm bao lâu? Một ngày một đêm. Há chẳng phải là như kinh này đã nói *"nhược nhất nhật"* (trong một ngày) ư? Quý vị có chịu *"tử tận thâu tâm"* (chết

sạch cái lòng mong ngóng so đo, chụp giựt cầu may), *"thâu tâm"* là vọng niệm. Có thể đoạn sạch hết thảy vọng niệm hay không? Nhất tâm là một câu Phật hiệu, trừ câu Phật hiệu ra, chẳng có vọng niệm nào. Nếu trong một ngày một đêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ, từng tiếng Phật hiệu chẳng ngớt, chẳng có vọng niệm nào trong ấy thì sẽ thành công, mà cũng phải chết sạch lòng mong ngóng thì mới làm được!

Do vậy, mẹ cô Bà-la-môn Quang Mục được cứu là vì mẹ cô ta có công đức và có phước: Con gái bà ta có thành tựu là do bà mẹ thúc ép, do mẹ mà cô ta đến địa ngục, cô ta nhất tâm nhất ý muốn cứu mẹ, chẳng có vọng niệm thứ hai nào. Nếu bà mẹ chẳng đọa địa ngục, cô ta cũng chẳng thể thành Địa Tạng Bồ Tát. Vì sao? Cô ta chẳng thể nào chuyên tâm như thế! Ngày nay chúng ta niệm Phật chẳng thể chuyên tâm, tức là có cái tâm mong ngóng, chụp giựt cơ hội, so đo, dựa dẫm, cứ ngỡ khởi vọng niệm chẳng sao cả! Nghe nói niệm Phật trong thời gian tàn một cây hương mà khởi lên năm sáu vọng tưởng thì nói chung phải có công phu [huân tập] trong năm năm, mười năm. Vậy thì trong một tiếng đồng hồ tôi khởi lên hai ba chục vọng tưởng chẳng phải là rất bình thường ư? Không đúng! Chúng ta niệm Phật với cái tâm không chân thật, thiết tha, chẳng có ai ép chúng ta. Nếu cha mẹ của chính mình đọa trong địa ngục A Tỳ thì khi quý vị vừa biết, muốn cứu họ, ý niệm gì cũng không có, nhất tâm nhất ý niệm Phật, vẫn phải là đứa con thật sự có hiếu thì mới được!

Do vậy, từ một ngày cho đến bảy ngày có thể thành công thì còn có pháp môn nào khác nhanh chóng hơn pháp này hay chăng? Thiền chẳng thể thành tựu trong bảy ngày! Mật cũng chẳng thể thành tựu trong bảy ngày. Khuy Cơ đại sư tán thán pháp môn này là đại pháp viên đốn. Ngài là tổ sư khai sơn của tông Duy Thức mà tán thán kinh Di Dà như vậy, còn gì để nói nữa đây! Ở đây, chúng ta đang nói tới công phu thượng thừa; công phu bậc trung thì là Sự nhất tâm bất loạn, công phu bậc hạ là công phu thành phiến đới nghiệp vãng sanh. Người tu học pháp môn Niệm Phật phát tâm phải thù thắng, to lớn, cổ nhân thường nói *"thủ pháp hồ thượng, cẩn đắc hồ trung"* (chọn lấy pháp bậc thượng, chỉ đạt được bậc trung). Chúng ta phát tâm một lòng một dạ muốn thành tựu Lý nhất tâm bất loạn, chưa đạt được Lý nhất tâm bất loạn mà có thể đắc Sự nhất tâm bất loạn thì vẫn coi như là khá lắm. Nếu quý vị phát tâm rất nhỏ, chí hướng quá kém hèn, "tôi hạ phẩm hạ sanh là được rồi", hạ mục tiêu xuống còn hạ phẩm hạ sanh, có thể sẽ chẳng được vãng sanh! Hạ phẩm hạ sanh mà chẳng đạt tiêu chuẩn thì sẽ bị đào thải. Do vậy, nhất định phải phát tâm cầu thượng phẩm, nhất định phải nghiên cứu đạo lý trong kinh, phải hiểu

bộ kinh này quả thật là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ. Trong một đời này, chúng ta có cơ duyên gặp được, đây là chuyện thành Phật trong một đời, một đời vượt thoát luân hồi, liễu sanh tử, xuất tam giới, trong thế gian còn có chuyện nào quan trọng hơn chuyện này? Chúng ta phải nhận thức, hiểu rõ điều này!

(Sớ) Thượng ngôn linh minh trạm tịch chi Thể, bổn vô thanh, trược, hướng, bối, tất cánh bình đẳng, duy thị nhất tâm.

(疏)上言靈明湛寂之體，本無清濁向背，畢竟平等，唯是一心。

*(**Sớ**: Trong phần trước đã nói tới cái Thể linh minh trạm tịch, vốn chẳng có trong, đục, hướng về, trái nghịch, rốt ráo bình đẳng, chỉ là nhất tâm).*

"Thượng" là trong đoạn văn ở phần trên đã nói tới *"linh minh trạm tịch"*, đấy là bản thể của tự tánh chúng ta. Trong bản thể, không có *"thanh, trược, hướng, bối"*. Nói cách khác, trong bản thể chẳng lập một pháp. Lục Tổ nói: *"Vốn chẳng có một vật"*, đâu còn có "thanh, trược, hướng, bối?" Ở đây, bốn chữ này tượng trưng cho các pháp đối đãi, tương đối. Trong Chân Như bổn tánh không có tương đối. Đã không có tương đối mà cũng chẳng có tuyệt đối, vì tuyệt đối và tương đối lại biến thành tương đối! Do vậy, ngôn ngữ dứt bặt, tâm hạnh xứ diệt. Cảnh giới ấy rốt ráo bình đẳng!

Câu quan trọng nhất ở đây là *"rốt ráo bình đẳng"*. Chúng ta là người tu pháp môn Niệm Phật, nếu dùng tâm bình đẳng niệm Phật, nếu dùng tâm bình đẳng để đãi người, tiếp vật thì sẽ tương ứng với nhất tâm bất loạn. Đây là nguyên tắc, nguyên lý hết sức quan trọng! Chúng ta niệm Phật, chưa đạt đến nhất tâm bất loạn, ngay cả công phu thành phiến cũng chưa thành tựu là do nguyên nhân nào? Từ trước đến nay, chúng ta chẳng chịu sử dụng nhất tâm, chẳng chịu dùng tâm bình đẳng, đối với bất luận cảnh giới nào đều luôn dùng cái tâm phân biệt, tâm chấp trước, còn có cách gì nữa đây? Phân biệt, vọng tưởng, chấp trước là không được rồi! Đấy chính là ma chướng đối với nhất tâm bất loạn. Ma chướng chẳng phải do ngoại cảnh, mà là trong sự phân biệt, chấp trước, vọng tưởng của chính chúng ta. Khi nào trong hết thảy cảnh giới, chúng ta sử dụng chân tâm, một mực bình đẳng, nhất tâm bất loạn sẽ thành tựu dễ dàng, rất nhanh chóng thành tựu. Giác tâm là bình đẳng tâm, chẳng bình đẳng là mê hoặc. Mê rồi sẽ chẳng bình đẳng. Giác ngộ sẽ bình đẳng. Công án *"hồng lô điểm*

tuyết" (lò rực lửa dính tuyết) của Thiền Tông đã hiển thị sự bình đẳng, một vị bình đẳng.

Nhìn vào gương tu hành thì trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tu pháp môn Tịnh Độ, niệm A Di Đà Phật. Ngài dùng pháp môn Niệm Phật niệm đến Lý nhất tâm bất loạn rồi mới đi tham học. Năm mươi ba lần tham học thấy các nhân vật đủ mọi hạng người, nghe các thứ pháp môn khác nhau, trong cảnh giới ấy, Ngài dùng công phu nào, chúng ta nhất định phải hiểu rõ. Ngài *"nghe mà không nghe, thấy mà không thấy"*. Thấy hết thảy nhân vật, nghe hết thảy pháp môn, tăng trưởng trí huệ, trong hết thảy cảnh giới Ngài như như bất động, vẫn là thật thà niệm A Di Đà Phật, hoàn toàn chẳng thay đổi. Đấy là tăng trưởng nhất tâm, tăng trưởng Thiền Định, học Định và Huệ quân bình, chẳng tiếp xúc dị đoan, chẳng thấy chính mình có công phu. Khi tiếp xúc dị đoan, công phu của chính mình bèn hiện tiền, chẳng động tâm bởi học thuyết dị đoan, nhất tâm bất loạn thành tựu. Lại còn có thể liễu giải hết thảy dị đoan, trí huệ thành tựu, biết chúng sanh phiền não như thế nào, tà kiến như thế nào, thảy đều hiểu rõ thì giáo hóa chúng sanh mới khế cơ! Như như bất động là Khế Lý, hiểu rõ hết thảy là Khế Cơ. Năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử hiển thị công phu như vậy, đấy là công phu niệm Phật, thành tựu trong đời này, chúng ta phải nên học theo. Nhất là trong xã hội mở rộng hiện thời, tư tưởng, ngôn luận tự do, không có cách nào ngăn cấm. Nếu quý vị chẳng học theo Thiện Tài đồng tử, chẳng học một chiêu ấy, sẽ chẳng có cách nào thành tựu! Nếu quý vị hiểu những đạo lý, bí quyết trong pháp môn Niệm Phật, biết được phương thức cao minh của Thiện Tài đồng tử, chắc chắn sẽ thành tựu Lý nhất tâm bất loạn trong một đời. Dẫu chưa đắc Lý nhất tâm bất loạn, cũng sẽ có thể ổn thỏa thích đáng thành tựu Sự nhất tâm bất loạn. Chúng ta phải học những điều này từ kinh điển.

(Diễn) Tất cánh bình đẳng giả.

(演) 畢竟平等者。

*(**Diễn**: Rốt ráo bình đẳng là...)*

"Tất cánh bình đẳng, duy thị nhất tâm" (Rốt ráo bình đẳng, chỉ là nhất tâm): Chẳng tách rời hai câu này trong bất cứ thời khắc nào! Cổ nhân nói: *"Đạo dã giả, bất khả tu du ly dã"* (Đạo là chẳng thể rời trong khoảnh khắc). Niệm niệm đều chẳng lìa, đây chính là điều tôn giả Tu Bồ Đề muốn hỏi Phật trong kinh Kim Cang. Hai câu hỏi lớn của Ngài là: *"Ưng vân hà trụ? Vân hà hàng phục kỳ tâm?"* (Nên trụ như thế nào? Nên hàng phục cái tâm như thế nào?) Chúng ta phải trụ cái tâm ra sao? Trụ ở nơi đâu?

Câu trả lời cho hai câu này là *"rốt ráo bình đẳng, chỉ là nhất tâm"*. Cái tâm này của chúng ta phải an trụ tại nơi đó. Dùng ngay hai câu này để chú giải kinh Kim Cang sẽ hiểu rõ rất dễ dàng! Hàng phục cái tâm như thế nào? Cuối kinh Kim Cang có hai câu hết sức quan trọng: *"Bất thủ ư tướng, như như bất động"* (Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động) thì mới có thể hàng phục cái tâm. Câu nói *"ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm"* (đừng trụ vào đâu để sanh tâm) khiến Lục Tổ đại sư khai ngộ, cũng có ý nghĩa giống với hai câu trên đây. Bình đẳng là vô sở trụ, có chỗ trụ sẽ chẳng bình đẳng. Có chỗ trụ là nhị tâm, tức là "tam tâm, nhị ý".

(Diễn) Luận vân: "Nhất thiết chư pháp, tùng bổn dĩ lai, ly chư danh tướng, tất cánh bình đẳng, duy thị nhất tâm".

(演)論云：一切諸法，從本以來離諸名相，畢竟平等，唯是一心。

*(**Diễn**: Luận chép: "Hết thảy các pháp, xét từ gốc thì chúng lìa khỏi các danh tướng, rốt ráo bình đẳng, chỉ là nhất tâm").*

Chữ *"luận"* chỉ Đại Thừa Khởi Tín Luận. [Trong luận ấy], Mã Minh Bồ Tát đã bảo: *"Hết thảy các pháp"*, bao gồm Sắc pháp và Tâm pháp, *"tùng bổn dĩ lai"* là nói theo phương diện bản thể, quán sát theo phương diện thể tánh thì thể tánh chẳng có tướng danh tự. Do vậy, hết thảy các pháp bình đẳng. Cũng có các vị nêu nghi vấn: "Chân đèn và tượng Phật khác nhau, làm sao bình đẳng được? Chúng ta hoạt động và bàn, ghế dựa, ghế dài [bất động], làm sao bình đẳng được?" Đúng vậy! Không bình đẳng. Nhìn từ đâu mà thấy không bình đẳng? Quý vị khởi tâm động niệm nơi tướng, cho nên không bình đẳng. Bình đẳng ở đây là nói tới cái tâm quý vị bình đẳng, chứ không phải nói tới sự bình đẳng nơi hình tướng bên ngoài. Nếu quý vị hiểu ý nghĩa này, tâm quý vị sẽ rốt ráo bình đẳng nơi cảnh giới, không phải là nói sự bình đẳng nơi tướng. Về tướng, thì năm đầu ngón tay duỗi ra dài ngắn không đều, làm sao bình đẳng được? Nếu trong cảnh giới, tâm quý vị chẳng nhiễm đắm hết thảy, tâm bình đẳng, sẽ thấy tướng bên ngoài cũng thanh tịnh. Vì sao thanh tịnh? Tướng chẳng nhiễm ô tâm, bình đẳng là nói theo cách này.

Hết thảy các tướng đều là giả danh lập ra, chẳng chân thật. Hết thảy sắc tướng là Y Tha Khởi Tánh, tướng danh tự là Biến Kế Sở Chấp Tánh[50],

[50] Đây là hai trong ba tánh của Duy Thức (Biến Kế Sở Chấp Tánh, Y Tha Khởi Tánh và Viên Thành Thật Tánh).

đều chẳng có tự tánh, chẳng có tự thể! Do vậy, hết thảy tướng quả thật là bình đẳng. Hết thảy tướng ấy, nhìn từ Thể thì chẳng những Tánh Thể là bình đẳng, mà thể chất cũng bình đẳng. Sâm la vạn tượng theo sự quan sát của các nhà khoa học đều do các lạp tử cơ bản (elementary particles)[51] hợp thành. Con mắt của các nhà khoa học thấy sâm la vạn tượng đều là các lạp tử cơ bản, [như vậy, nhìn từ quan điểm vật chất đều do các lạp tử cơ bản kết hợp thành thì] tướng cũng bình đẳng, nhưng [tướng bình đẳng ấy] vẫn chưa phải là rốt ráo bình đẳng đang được nói tới ở đây. Rốt ráo bình đẳng phải quan sát từ thể tánh, nó là gì vậy? *"Duy thị nhất tâm"* (chỉ là nhất tâm). Tận hư không, trọn pháp giới chỉ là nhất tâm. Do vậy, nếu tâm của quý vị đã nhất, nếu tâm quý vị đã bình đẳng thì sẽ nhập Nhất Chân pháp giới, chứ không phải mười pháp giới. *"Nhất Chân pháp giới"* là tên gọi bất đắc dĩ, bậc Địa Thượng Bồ Tát đăng địa trụ trong Nhất Chân pháp giới. Do vậy, nói theo phương diện Tánh Thể hay nói theo phương diện thể chất thì tuyệt đối bình đẳng, nhưng luận theo phương diện huyễn tướng, chúng chẳng bình đẳng. Huyễn tướng là huyễn, chẳng thật, giả đấy! Đừng bị giả tướng mê hoặc, người học Phật phải nghiêm túc đừng nhận lầm cái giả thì mới được!

Vì sao nói hết thảy các pháp chỉ là nhất tâm? Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: *"Ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo"* (Nên quán tánh pháp giới, hết thảy chỉ do tâm tạo). Tánh là bản thể; quán sát theo phương diện Lý Thể có khả năng hiện ra hết thảy pháp, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thì nó là nhất tâm. Nhất tâm là Chân Như bổn tánh. Tâm có thể hiện tướng, Thức có thể biến hóa. *"Duy*

Y Tha Khởi Tánh: Tánh của các pháp do nương vào các nhân duyên đối đãi mà sanh khởi, như hư, như huyễn, chẳng cố định, chẳng vĩnh viễn tồn tại. Nói cách khác, các pháp đều nương vào những yếu tố khác (thường gọi là nhân duyên) mà tồn tại, chứ không có thực thể. Chẳng hạn, sợi dây thừng là do các sợi gai kết thành, mỗi sợi gai lại do các phân tử gai cấu tạo thành v.v...

Biến Kế Sở Chấp Tánh: Đối với những sự vật không có thực chất, lại khởi phân biệt, chấp trước, gán cho chúng những danh tự, so đo, tính toán, yêu ghét. Chẳng hạn, cùng do các sợi dây gai bện thành, nhưng cái thì gán cho tên gọi là dây thừng, cái thì gán cho tên gọi là bao bố v.v... Hoặc trong bóng tối ngỡ sợi dây thừng là con rắn rồi kinh hoảng, sợ sệt.

[51] Theo quan điểm vật lý hiện thời, những hạt cơ bản trong những thế kỷ trước như chất tử (proton), trung tử (neutron), điện tử (electron), quang tử (photon) và giới tử (meson) đều có thể chia thành những hạt nhỏ hơn như khinh tử (lepton), đào tử (tau lepton), khoa khắc (quark), giao tử (gluon), ba sắc tử (boson), phản lạp tử (antiparticles) v.v...

tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Tâm là chân tâm, thức là vọng tâm. Chân tâm có thể hiện, vọng tâm có thể biến. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do vọng tâm biến ra. Hai câu này đã nói lên toàn bộ Phật pháp của hết thảy chư Phật. Tam Tạng kinh điển là chú giải của hai câu này. Nếu chúng ta thật sự thấu hiểu, thông đạt hai câu này, tâm đương nhiên thanh tịnh, trong hết thảy pháp sẽ chẳng còn khởi tâm động niệm nữa, vì sao? Hết thảy đều do tâm của chính mình hiện ra, đều là do cái tâm của chính mình biến hóa!

(Diễn) Kim Tịch Chiếu chi Thể, vô hữu thanh, trược, hướng, bối, chánh thị đẳng đồng nhất vị, duy nhất Chân Như, cố vân “tất cánh bình đẳng, duy thị nhất tâm” dã.

(演)今寂照之體，無有清濁向背，正是等同一味，唯一真如，故云畢竟平等，唯是一心也。

*(**Diễn**: Nay cái Thể vừa Tịch vừa Chiếu, chẳng có trong, đục, hướng về, trái nghịch, đúng là bình đẳng, có cùng một vị, là Chân Như duy nhất, nên nói: “Rốt ráo bình đẳng, chỉ là nhất tâm”).*

“Tịch Chiếu chi Thể” chính là bổn tánh của chúng ta. Nói theo kinh này, nó chính là nhất tâm của chúng ta, nhất tâm là chân tâm. Nay chúng ta nói “tu tập nhất tâm bất loạn”, tức là khôi phục chân tâm của chính mình. Trong chân tâm không có thanh, không có trược, không có hướng, không có bối. Do vậy chân tâm là nhất vị, nhất như. Trong hai chữ Chân Như thì Chân là nói theo thể tánh, nói theo Thể; Như là nói theo Tướng. Hoặc Chân là nói theo Lý, Như là nói theo Sự. Tánh giống như Tướng, Tướng giống như Tánh. Lý giống như Sự, Sự giống như Lý, Tánh - Tướng không hai, Lý - Sự như một, thì gọi là Chân Như. Do vậy, Tánh và Tướng bình đẳng, Tánh hiện, Thức biến, do vậy, nó *“chỉ là nhất tâm”*. Lý này khá sâu, chúng ta phải chú tâm thấu hiểu. Nay đã hết giờ rồi!

Tập 17

Xin đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, trang mười tám:

(Sớ) Kim vị ước Sanh Diệt môn, dĩ bất như thật tri Chân Như pháp nhất cố, bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm, tắc vô minh sở phú, thất bổn lưu mạt, hỗn loạn chân thể, cố danh viết Trược. Như trừng nê sa, phục sử tịnh khiết, tư chi vị thanh, tức chỉ chuyển Ngũ Trược nhi thành Thanh Thái dã.

(疏)今謂約生滅門，以不如實知真如法一故，不覺心起而有其念，則無明所覆，失本流末，渾亂真體，故名曰濁。如澄泥沙，復使淨潔，斯之謂清，即指轉五濁而成清泰也。

*(**Sớ**: Nay ước theo Sanh Diệt môn thì do chẳng như thật biết "trong Chân Như, các pháp là một", tâm bất giác dấy lên ý niệm, liền bị vô minh che lấp, đánh mất gốc, chạy theo ngọn, hỗn loạn chân thể, nên gọi là Trược. Như lắng bùn cát, khiến cho [nước] trong sạch trở lại, đó gọi là Thanh, tức là chuyển Ngũ Trược thành cõi Thanh Thái).*

Đối với những đồng tu nghiên cứu Phật học chúng ta mà nói thì đoạn kinh văn này hết sức trọng yếu. Có nhiều vị đồng tu hỏi: "Vô minh do đâu mà có? Vì sao có vô minh?" Ở đây, Liên Trì đại sư đã bảo cho chúng ta biết chuyện này, nhưng đoạn kinh văn này có ý nghĩa khá sâu, nhất định phải rất chú tâm lãnh hội. Quá nửa lời chú giải trích dẫn những câu văn từ Đại Thừa Khởi Tín Luận để giải thích.

"Ước Sanh Diệt môn, dĩ bất như thật tri Chân Như pháp nhất cố" (Ước theo Sanh Diệt môn thì do chẳng như thật biết: Trong Chân Như, các pháp là một): Đây là nói cho chúng ta biết nguyên nhân vì sao vô minh khởi lên. Xin hãy xem phần chú giải:

(Diễn) Ước Sanh Diệt môn giả.

(演) 約生滅門者。

*(**Diễn**: Ước theo Sanh Diệt môn thì...)*

Nhìn từ phía Sanh Diệt môn.

(Diễn) Thượng Minh Tánh nhất khoa, thị ước Chân Như môn thuyết.

(演) 上明性一科，是約真如門說。

*(**Diễn**: Khoa mục Minh Tánh (giảng rõ Tánh) trong phần trước là dựa theo Chân Như môn để nói).*

Đoạn lớn Minh Tánh trong phần trước là căn cứ trên Chân Như môn để nói. Trong Chân Như môn, hoàn toàn nói tánh thể của bổn tánh là bất sanh bất diệt, đó là nói theo phương diện Pháp Tánh; còn nói theo Sanh Diệt môn, tức là luận theo Pháp Tướng thì Tướng có sanh diệt, Tánh bất sanh bất diệt.

(Diễn) Kim tán kinh, thị ước Sanh Diệt môn thuyết dã.

(演) 今讚經，是約生滅門說也。

*(**Diễn**: Nay phần khen ngợi kinh này bèn ước theo Sanh Diệt môn để nói).*

Nay chúng ta tán thán bộ kinh này. Đây là đoạn lớn thứ hai trong lời Tựa. Lời Tựa có tất cả năm đoạn, [phần Tán Kinh] là đoạn thứ hai. Phần Tán Kinh dựa trên Sanh Diệt Môn để nói.

(Diễn) Luận vân.

(演) 論云。

*(**Diễn**: Khởi Tín Luận chép).*

"Luận" ở đây là Khởi Tín Luận.

(Diễn) Y nhất tâm pháp hữu nhị chủng môn.

(演) 依一心法有二種門。

*(**Diễn**: Pháp được kiến lập trên nhất tâm có hai môn).*

Hai môn được kiến lập trong nhất tâm, quyết chẳng phải là hai cái tâm, mà là trong nhất tâm có hai môn.

(Diễn) Nhất giả, tâm Chân Như môn, nhị giả, tâm Sanh Diệt môn.

(演) 一者心真如門，二者心生滅門。

*(**Diễn**: Một là tâm Chân Như môn, hai là tâm Sanh Diệt môn).*

Một đằng là nói theo phương diện Lý Thể của chân tâm, một đằng là nói theo phương diện tác dụng của chân tâm, có thể thấy: Vẫn là nói về cùng một chuyện! Nói theo tâm thể (bản thể của cái tâm) thì là Chân Như môn; nói theo phương diện tác dụng của cái tâm thì là Sanh Diệt môn. Do vậy, Sanh Diệt và Chân Như là một, không phải hai, tức là Thể và Dụng là một, không hai. Hiểu được mối quan hệ giữa Thể và Dụng, quý vị sẽ hiểu được ý nghĩa *"một tâm hai môn"*.

(Diễn) Tâm Chân Như giả, tức thị nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể.

(演) 心真如者，即是一法界大總相法門體。

*(**Diễn**: Tâm Chân Như chính là Thể của pháp môn đại tổng tướng Nhất Chân pháp giới).*

Bài giảng thứ nhất trong Phật Học Thập Tứ Giảng được mở đầu bằng câu: *"Nhất Thiết Trí, tri pháp tổng tướng"* (Nhất Thiết Trí biết tổng tướng của các pháp). *"Tổng tướng"* là dựa trên Thể để nói, tổng tướng là Không tướng, như thường nói: *"Vạn pháp đều không"*. Không chẳng phải là Vô, Không là Có. Lũ phàm phu chúng ta sợ Không nhất, cho rằng đã là Không thì sẽ chẳng được gì cả, hết sức kinh sợ, hoảng hốt! Phàm phu chấp Có, do chấp Có nên có phiền não, sanh tử, luân hồi, phiền phức to lớn. Nếu quý vị thật sự liễu giải Không, phiền não sẽ chẳng còn nữa. Phiền não đã Không, thì sanh tử cũng Không, luân hồi cũng Không, quý vị chứng được Pháp Thân, Bát Nhã và đại tự tại (giải thoát). Lợi ích công đức của Không thù thắng, quả thật chẳng có cách nào hình dung được. Phàm phu sợ Không, người học Phật chẳng sợ Không; do Không nên mới có thể kiến tánh, mới có thể tương ứng với Nhất Chân pháp giới, đấy là tương ứng với bản thể của pháp môn. Đây là dựa trên Chân Như bổn tánh để nói.

Hai chữ Chân Như mầu nhiệm tột bậc! *"Chân"*: Chẳng những nói Tánh là chân, mà Tướng cũng chân, một thứ chân, hết thảy đều chân. Ngộ rồi thì quả thật là cảnh giới này, chẳng có một pháp nào không chân, đó gọi là *"Thật Tướng của các pháp"*, Thật là tướng chân thật. Thế nhưng một thứ đã mê rồi thì hết thảy đều mê. Mê rồi, tìm một thứ chân cũng chẳng thể được, vì sao? Hoàn toàn bị mê tình che lấp, tìm chẳng được pháp chân thật. Nếu quý vị chú tâm thấu hiểu ý nghĩa của *"Như"* thì như trong bộ Pháp Hoa Kinh Văn Cú, Trí Giả đại sư đã dùng ba phương pháp để đọc từ ngữ *"thập như thị"*, biến nó thành ba mươi câu, lại từ ba mươi câu này diễn biến thành *"bách giới, thiên như"*. Đấy chính là thấy hết thảy

pháp, không một pháp nào chẳng Như. *"Pháp"* là Pháp Tướng. Pháp Tướng giống như Pháp Tánh, Pháp Tánh giống như Pháp Tướng. Nói cách khác, Pháp Tánh chính là Pháp Tướng, Pháp Tướng chính là Pháp Tánh. Tánh - Tướng bất nhị, Tánh là chân, mà Tướng cũng là chân; do vậy gọi là Chân Như. Đây chính là như kinh Bát Nhã thường nói *"chư pháp Thật Tướng"* (Thật Tướng của các pháp).

Theo kinh Di Đà, cảnh giới tu hành gồm ba phẩm Thượng, Trung, Hạ, giống như thành tích học tập có ba bậc Thượng, Trung, Hạ. Thành tích bậc nhất là cao nhất: Lý nhất tâm bất loạn sẽ thấy Chân Như, thấy được [Chân Như trong] cảnh giới này. Thành tích bậc nhì là Sự nhất tâm bất loạn, cảnh giới này chưa thấy được Chân Như. Thành tích bậc ba đương nhiên chẳng thấy được Chân Như, đấy chính là công phu thành phiến. Tuy vậy, quý vị phải hiểu: Bậc ba đã được coi là thi đậu, chắc chắn được vãng sanh. Sau khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ lại dần dần nâng cao cảnh giới, mục tiêu cuối cùng nhất định là chứng đắc Chân Như, chứng đắc Thật Tướng, ở trong Tịnh Độ gọi là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Lý nhất tâm bất loạn thì mới có thể chứng được!

(Diễn) Tâm sanh diệt giả.

(演）心生滅者。

*(**Diễn**: Tâm sanh diệt là...)*

"Tâm sanh diệt" là cảnh giới hiện tại của chúng ta, ý nghĩa này khá dễ hiểu. *"Tâm Chân Như"* chẳng phải là cảnh giới hiện tại của chúng ta. Trong tâm chúng ta, ý niệm này sanh, ý niệm khác diệt, trong một ngày chẳng biết khởi lên bao nhiêu vọng tưởng. Đấy là *"tâm Sanh Diệt môn"*. Tâm sanh diệt là tác dụng của chân tâm, trong ấy có mê và ngộ. Hễ ngộ thì gọi là Như Lai Tạng, mê thì gọi là A Lại Da. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: A Lại Da và Như Lai Tạng là cùng một chuyện. Vì sao gọi là Như Lai Tạng? Như Lai được cất giữ trong ấy. Tâm sanh diệt có thể nói là chân và vọng hòa hợp, vừa có chân, vừa có vọng. Ngộ thì nó là chân, mê thì nó là vọng. Chẳng thể nói một nửa này là chân, nửa kia là vọng, [nếu hiểu như vậy] là sai rồi! Ngộ thì gọi là Như Lai Tạng, mê thì gọi là A Lại Da.

(Diễn) Y Như Lai Tạng cố hữu sanh diệt tâm, sở vị: Bất sanh bất diệt dữ sanh diệt hòa hợp, phi nhất, phi dị, danh vi A Lê Da thức vân vân. Thử tức Sanh Diệt môn dã.

(演)依如來藏故有生滅心，所謂不生不滅與生滅和合，非一非異，名為阿黎耶識云云。此即生滅門也。

*(**Diễn**: Nương vào Như Lai Tạng nên có tâm sanh diệt, nghĩa là: Bất sanh bất diệt và sanh diệt hòa hợp, chẳng phải một, chẳng phải khác, gọi là A Lê Da thức v.v... Đây chính là môn Sanh Diệt vậy).*

A Lê Da thức chính là A Lại Da thức (Ālayavijñāna). Tông chỉ học Phật là phá mê khai ngộ. Gọi là phàm phu vì mê mất Như Lai Tạng, trong tâm sanh diệt mê mất Như Lai Tạng. Hễ một thứ mê, hết thảy đều mê, chẳng thể thấy được chân tướng của vũ trụ nhân sinh, mê mất rồi!

(Diễn) Dĩ bất như thật tri.

(演) 以不如實知。

*(**Diễn**: Do chẳng biết đúng như thật).*

Chẳng thể giống như chư Phật và các vị đại Bồ Tát thật sự liễu giải *"Chân Như pháp nhất cố"* (trong Chân Như, các pháp là một). Do vậy, kinh Hoa Nghiêm gọi [cảnh giới ấy] là Nhất Chân pháp giới, toàn thể pháp giới là một, chứ không phải hai. Vì thế, nói theo Chân Như môn, nó là bản thể của pháp môn đại tổng tướng Nhất Chân pháp giới. Khi tâm sanh diệt thì là tác dụng của pháp môn đại tổng tướng Nhất Chân pháp giới. Tác dụng của chư Phật, Bồ Tát là đại tự tại, giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"*. Tác dụng của các Ngài là cảnh giới vô ngại, giải thoát thật sự, tự tại thật sự. Thế nhưng sau khi đã mê, chúng ta hứng chịu quả báo là hết thảy các nỗi khổ bất bình đẳng, thiếu tự do trong hiện tại, phiền phức rất lớn! Chúng ta khởi tâm động niệm, hết thảy tạo tác đều là nhân của các nỗi khổ, tạo thành những trói buộc, tạo ra nghiệp phân biệt. Mê rồi mới làm ra những chuyện ấy, mới có sanh tử luân hồi không dứt trong lục đạo.

(Diễn) Bất giác hữu kỳ niệm giả.

(演) 不覺有其念者。

*(**Diễn**: Bất giác có ý niệm là...)*

"Bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm" (Tâm bất giác dấy lên bèn có ý niệm): Tâm bất giác là tâm mê hoặc, là vô minh. Đấy gọi là *"vô minh bất giác sanh tam tế"*. Vô minh đứng đầu trong ba tướng Tế.

(Diễn) Luận vân: "A Lê Da thức hữu nhị chủng nghĩa, nhất giả giác nghĩa, nhị giả bất giác nghĩa".

(演)論云：阿黎耶識有二種義，一者覺義，二者不覺義。

*(**Diễn**: Khởi Tín Luận viết: "A Lê Da thức có hai nghĩa: Một là nghĩa giác, hai là nghĩa bất giác").*

Chúng ta tu hành phải nương vào nghĩa Giác, phải tách lìa nghĩa Bất Giác. Có thể nói là Quyền Giáo Nhị Thừa, ngoại đạo, phàm phu đều dùng nghĩa Bất Giác trong A Lê Da thức (A Lại Da thức); do vậy, mê hoặc, điên đảo, đúng như kinh Địa Tạng đã nói: *"Khởi tâm động niệm vô bất thị nghiệp"* (Khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là nghiệp), bởi lẽ, họ khởi tâm động niệm đều dựa theo cái tâm Bất Giác.

Tiếp theo đó, sách Diễn Nghĩa chú giải thế nào là Giác và Bất Giác, nhất định phải hiểu rõ ràng, đây là chỗ để chúng ta tu học.

(Diễn) Sở ngôn giác nghĩa giả, vị tâm thể ly niệm.

(演) 所言覺義者，謂心體離念。

*(**Diễn**: Nghĩa giác như vừa mới nói [trong câu trên] chính là: Tâm thể ly niệm).*

Bốn chữ này phải nhớ thật kỹ. Giác là gì? *"Tâm thể ly niệm"* là giác. Hiện thời, phiền phức nhất là chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối khởi lên ý niệm, chẳng thể tách rời ý niệm. Nói cách khác, có ý niệm là chẳng giác.

Chẳng giác nên mới khởi niệm! Giác rồi sẽ không còn ý niệm nữa. Ý niệm càng nhiều thì quý vị mê càng sâu. Khi nào không còn ý niệm nữa thì là giác. Đấy chính là tướng trạng biến hiện của giác và mê, chúng ta nhất định phải nhận biết. Tướng trạng của giác là trong tâm không có ý niệm, tướng trạng của mê là có ý niệm; bất giác sẽ có niệm, còn giác bèn không có ý niệm. Khi giác thì...

(Diễn) Tức thị Như Lai bình đẳng Pháp Thân.

(演) 即是如來平等法身。

*(**Diễn**: Chính là Pháp Thân bình đẳng của Như Lai).*

"Tâm thể ly niệm" thì quý vị chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh. Chứng một thứ, hết thảy đều chứng. Đã chứng được Pháp Thân thanh tịnh thì đương nhiên Báo Thân viên mãn liền hiện tiền. Báo Thân viên mãn do trí huệ thành tựu, Giác là trí huệ, trí huệ hiện tiền. Giác khởi tác dụng là ngàn trăm ức Hóa Thân. Chỉ cần quý vị có thể thật sự làm được *"tâm thể ly niệm"* thì sẽ chứng trọn ba thân. Phật và phàm phu khác nhau ở chỗ này. Do vậy, hễ suốt ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm, khởi vọng tưởng thì chẳng phải là chuyện tốt đẹp!

Vì thế, học Phật, tôi nhắc lại lần nữa, Phật pháp chẳng phải là học thuật thế gian. Nói cách khác, dùng phương pháp của học vấn thế gian để học Phật pháp là hỏng rồi! Phương pháp được áp dụng trong học vấn thế gian đều là bất giác, có ý niệm; quý vị áp dụng phương pháp ấy để học Phật pháp thì làm sao vào cửa Phật cho được? Cổ đức nói rất hay, trong buổi giảng chúng tôi nhắc lại một lần nữa, hy vọng mọi người hãy nhớ kỹ và lại còn biết áp dụng: Nghe kinh phải *"tiêu quy tự tánh"*. Tiêu quy tự tánh là tâm thể ly niệm, trở về với tự tánh. Do tự tánh không có ý niệm, nghe từng câu rõ ràng, rành mạch, trọn chẳng có một tí phân biệt, chấp trước, vọng tưởng thì mới gọi là *"tiêu quy tự tánh"*. Nếu quý vị nghe xong, điều gì cũng ghim chặt trong lòng, đấy là bất giác, có ý niệm, sẽ biến thành pháp thế gian, nhất quyết chớ nên như vậy! Học Phật kiểu đó thì trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp cũng chẳng thể thành tựu, mà vẫn là phàm phu.

Giống như kinh Kim Cang đã nói, đại chúng tham dự pháp hội giảng kinh này, mỗi một vị đều là thiện căn sâu dầy, trong đời quá khứ đều đã thân cận vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Thân cận chư Phật Như Lai nhiều như thế mà nay vẫn là phàm phu, vẫn một mực hồ đồ là do nguyên nhân nào? Là vì quý vị chẳng biết tiêu quy tự tánh, hoàn toàn ghi nhớ ngôn ngữ, ghi nhớ văn tự, chấp vào tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, khởi tâm động niệm chấp vào tướng tâm duyên, chẳng lìa niệm. Do vậy, chẳng thể thành tựu. Nay đã thật sự hiểu rõ căn bệnh này, đau đáu sửa đổi lỗi trước, đó là *"cải tà, quy chánh"*. Tà là gì? Hữu niệm! Bất giác có ý niệm, đấy là căn cội to lớn của hết thảy tà tri kiến. Chúng ta tu hành phải tu từ căn bản, trị bệnh phải trị từ căn bản, phải dốc sức từ chỗ này.

Có đồng tu bảo tôi: Trong khoảng thời gian này, kinh này được giảng rất sâu, nghe không hiểu! Dẫu nghe hiểu cũng không thể áp dụng vào cuộc sống thường nhật được! Áp dụng không được cũng phải nghe, vẫn phải tích cực nghe, không nghe không được! Nghe nhiều là huân tập, nghe lâu sẽ biết dùng. Bản thân tôi cũng đã từng trải qua chuyện này. So ra, lúc tôi mới học còn gian nan hơn quý vị. Khi ấy, những thứ thầy giảng

cho tôi không được rõ ràng như tôi giảng [hiện thời], nhất định phải thấu hiểu, phải có lòng nhẫn nại! Thưa quý vị, tôi nhập cảnh giới này, gần như là học Phật hai mươi năm mới nhập cảnh giới này. Dùi mài nhiều năm như thế, không bỏ, không buông lung ngày nào. Lúc mới đầu nghe kinh, thầy cũng thường nói *"tiêu quy tự tánh"*, *"chuyển Thức thành Trí"*, tôi cũng nói được, nhưng chẳng biết cách *"tiêu quy"* như thế nào, cũng chẳng biết cách chuyển ra sao, đâm ra chỉ biết nói như vậy mà thôi, sau đấy mới dần dần hiểu được đôi chút.

Tôi thưa cùng quý vị, nếu thật sự muốn thấu hiểu, tiến nhập vài phần, mà nếu chỉ ngồi nghe dưới giảng đài sẽ rất khó, sợ rằng hai mươi năm cũng chả có tin tức gì. Tôi dâng lên quý vị một phương pháp: Quý vị phải lên đài giảng, giảng hằng ngày. Dẫu chẳng thể giảng hằng ngày, một tuần cũng phải giảng ba bốn lượt. Giảng được hai mươi năm chắc chắn sẽ có tin tức. Đấy là kinh nghiệm của bản thân tôi. Do vậy, tôi cảm thấy học sinh học ở trên bục giảng, chứ không phải học ở dưới bục giảng. Dưới bục giảng đều là thầy giáo, đều là thiện tri thức. Học sinh ở trên bục giảng, chẳng phải là giảng kinh, mà là hằng ngày báo cáo những điều tâm đắc. Nói cách khác, mỗi ngày đều có đông đảo giáo viên như vậy đốc thúc, giám sát, nhắc nhở quý vị thì mới có thể thành công. Một hai vị thầy thì tầm mắt quá nhỏ, có thể gạt gẫm họ, có thể lười nhác, lấp liếm cho xong, nhưng mấy trăm vị thầy, mấy trăm con mắt sẽ chẳng thể gạt gẫm được đâu!

Nhất định phải nghiêm túc nỗ lực thì chính mình mới có thể nhập cảnh giới này, biết tiêu quy tự tánh và chuyển Thức thành Trí ra sao. Thật sự hiểu thì sẽ chẳng khó, đến khi ấy mới là tu hành thật sự. Chẳng thể vận dụng nguyên tắc này thì có thể nói là "tu mù, luyện đui", rất khó đạt được hiệu quả rõ ràng. Ví như tu nhẫn nhục, rất nhiều người đều nói, mà sự thật cũng đúng như vậy, mức nhẫn nại có hạn, đến cực hạn sẽ bùng nổ. Vì sao bùng nổ? Vì không tiêu quy tự tánh, không tiêu trừ, hóa giải được, nó vẫn tồn tại trong ấy, càng tồn tại càng nhiều, đương nhiên đến cuối cùng phải bùng nổ. Phải làm như thế nào? Hễ nó xảy đến bèn tiêu quy tự tánh, không còn nữa, nó xảy đến bèn hóa giải nó, không tích tụ, hóa thành gì vậy? Hóa thành trí huệ, hóa thành Thiền Định, hóa thành công đức. Nó biến hóa. Sự biến hóa ấy là chuyển biến, há chẳng phải là chuyển Thức thành Trí ư? Tham, sân, si, mạn đều là những thứ trong thức tâm mới có, hễ tiếp xúc liền biến thành trí huệ, đó gọi là *"chuyển Thức thành Trí"*.

Đến khi ấy mới thật sự chứng được *"bình đẳng Pháp Thân"*, Pháp Thân là bình đẳng. Tâm bình đẳng mới thấy pháp bình đẳng, mới thấy

cảnh giới bình đẳng. Mười pháp giới, trên từ chư Phật, dưới đến địa ngục A Tỳ, hoàn toàn bình đẳng, không hai, không khác, giống như tổ sư Hoàng Long của Thiền Tông đã khảo nghiệm người đến cầu học: "Cánh tay ta có giống tay Phật hay không?" Tức là trên bình đẳng với Phật. Ngài lại duỗi một chân ra, "chân ta có giống chân lừa hay không?" Lừa là súc sanh, dưới bình đẳng với súc sanh. Điều này hiển thị Nhất Chân pháp giới, phải hiểu ý nghĩa của Ngài. Phàm phu chúng ta nhìn thấy sẽ nghĩ chắc chắn chẳng bình đẳng, như vậy là không nhập môn được rồi! Do đó, mới nói mười pháp giới. Mười pháp giới là bình đẳng, đều là một pháp giới. Trong một pháp giới, có Phật, Bồ Tát, địa ngục, ngạ quỷ hay không? Thưa cùng quý vị, có chứ! Trên mặt Tướng thì có, trong Tánh thì không. Thành Phật thì Chân Như bổn tánh của chúng ta chẳng tăng tí nào, đọa địa ngục A Tỳ, Chân Như bổn tánh cũng chẳng tổn hoại tí xíu nào, bất tăng, bất giảm, bất sanh, bất diệt, Tướng có, Thể không, Sự có, Lý không. Trên Lý thì không có, chứ không phải là nói Tướng cũng chẳng có. Lầm rồi! Nơi Tướng là có! Tướng là do phần nào bất giác [trong chân tâm] biến hiện ra, do tâm bất giác dấy lên, biến hiện sâm la vạn tượng. Hễ giác thì cái bất giác ấy cũng là giác. Giác sự bất giác, Lý và Sự của bất giác đều hiểu rõ, không có một pháp nào chẳng hiểu rõ; do vậy, đắc đại tự tại trong hết thảy cảnh giới.

Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới không có Lạc Thọ (cảm nhận sự sung sướng). Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới không có lạc? Thưa quý vị, sự vui ấy là sự vui trong khổ và lạc, là tương đối. Do cảnh giới bình đẳng nên trong địa ngục A Tỳ không có Khổ Thọ, lìa khỏi hết thảy Thọ. Thọ là giả, chẳng phải chân thật. Khổ, lạc, ưu, hỷ, xả (khổ, sướng, buồn, vui, buông bỏ) là năm loại cảm thọ lớn của phàm phu. Đến khi quý vị đã *"tâm thể ly niệm"* thì cảm thọ khổ, lạc, ưu, hỷ, xả đều chẳng còn nữa. Cảm thọ khi ấy sẽ là một vị thanh tịnh bình đẳng, cảm thọ khi ấy mới là cực lạc. Do vậy, những cảm nhận *"khổ, lạc, ưu, hỷ, xả"* đều là khổ, trong bất giác mới có. Sau khi đã giác, [những cảm thọ ấy] sẽ không còn nữa, giác rồi mới có chân lạc.

(Diễn) Sở ngôn bất giác nghĩa giả, vị bất như thật tri Chân Như pháp nhất cố, bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm.

(演)所言不覺義者，謂不如實知真如法一故，不覺心起而有其念。

*(**Diễn**: Nói tới nghĩa "bất giác" thì chính là vì chẳng biết đúng như thật: "Trong Chân Như, các pháp là một", nên tâm bất giác khởi lên, bèn có ý niệm).*

Mấy câu này do Liên Trì đại sư viết trong phần Sớ, do chính Ngài tự viết, và cũng trích dẫn Khởi Tín Luận.

(Diễn) Kim thích "bất tri Chân Như pháp nhất".
(演) 今釋不知真如法一。
*(**Diễn**: Nay giải thích ý nghĩa "trong Chân Như, các pháp là một").*

Nay chúng ta không biết pháp giới là Nhất Chân, đấy là gốc bệnh của sanh tử luân hồi. *"Chân Như pháp"* là gì? Là toàn thể pháp giới. Trong nhà Phật thường nói *"y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới* (hoặc nói *"tận hư không, trọn pháp giới"*) *là một, không hai"*. Câu nói này rất khó hiểu, chúng ta rất khó tiếp nhận. Vì sao nói là *"pháp nhất"*? Ta là ta, người khác là người khác, ta và người khác làm sao có thể hợp nhất? Chắc chắn chẳng thể hợp nhất! Vĩnh viễn không có cách nào thừa nhận [ta và người khác] cùng một Thể, đó là mê, là bất giác. Do vậy, trong hết thảy các pháp, quý vị mới sanh khởi những thứ phân biệt, chấp trước. Đó đều là những giới hạn do phân biệt, chấp trước vạch ra. Tách lìa phân biệt, chấp trước thì những giới hạn ấy chẳng còn nữa. Vì vậy, quý vị hãy nghĩ xem: Tách rời hết thảy những phân biệt, chấp trước, chẳng phải là vạn pháp trở về một hay sao? Vạn pháp vốn là một; những phân biệt, chấp trước này là hư vọng, nhất định chẳng phải là chân thật.

Tôi nêu lên một tỷ dụ nông cạn, gần gũi. Địa cầu của chúng ta là một chỉnh thể, nhưng người sống trên địa cầu nhóm người này tự hạn định một khu: Đây là quốc gia của tôi; nhóm người kia hạn định một khu khác, đây là quốc gia của họ, xong luôn! Đánh nhau, tàn sát lẫn nhau vì biên giới giữa hai quốc gia. Nếu họ bỗng nhiên giác ngộ, vốn là một, trọn chẳng có giới tuyến, người một nhà mà! Không đánh nhau nữa, sẽ không có chuyện gì nữa! Do vậy, những giới tuyến là do con người phân biệt, chấp trước mà phát sanh. Nếu đại chiến thế giới lần thứ ba bùng nổ, con người rất thông minh, thông minh đến tột cùng, vũ khí, khoa học kỹ thuật phát triển đến kết quả cuối cùng: Toàn bộ nhân loại đều bị hủy diệt! Người thông minh mới có thể hủy diệt chính mình, vì sao làm những chuyện ấy? Phân biệt, chấp trước! Phải hiểu rằng trong chân tâm vốn chẳng có phân biệt, chấp trước. Hễ có phân biệt, chấp trước thì chính là do *"bất tri Chân Như pháp nhất"* (chẳng biết trong Chân Như các pháp là một). Chư Phật, Bồ Tát tuyệt đối không cãi cọ, trọn chẳng tranh chấp, vì sao? Các Ngài biết *"Chân Như pháp nhất"*, hết thảy chúng sanh cảm nhận vui sướng,

bản thân các Ngài rất sung sướng. Hết thảy chúng sanh chịu khổ, các Ngài cũng rất khổ, tự mình chịu khổ. Thật phi phàm! Đấy là *"đồng thể đại bi, vô duyên đại từ"*. "Vô duyên" là không có điều kiện, vì sao? Vì cùng là một Thể.

Quý vị mỗi đêm ngủ đều nằm mộng, hãy khéo suy nghĩ về cảnh trong mộng. Cái tâm ta tạo ra giấc mộng, cái được tạo là giấc mộng. Có người nào trong giấc mộng chẳng phải là chính ta? Đều do chính mình biến hiện. Mộng thấy một người thân ái thì chính là cái tâm của chính quý vị biến hiện ra, chứ không phải người ấy từ bên ngoài bước vào giấc mộng của quý vị. Không phải vậy! Mộng thấy người chán ghét, người ấy cũng do cái tâm của quý vị biến hiện ra, trọn chẳng phải là kẻ đáng chán ghét ấy chui vào trong giấc mộng. Quý vị mới thật sự giác ngộ: *"Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm"*. Hữu tình và vô tình trong mộng, núi, sông, đại địa đều là chính mình, há chẳng phải như kinh Hoa Nghiêm đã nói: *"Tình và vô tình cùng viên mãn Chủng Trí"*. Thời gian trong cảnh mộng ngắn ngủi, quý vị tỉnh giấc sẽ có thể nghĩ thông suốt đạo lý ấy. Tất cả hết thảy cảnh giới là một, do một cái tâm hiện ra, đều là do chính mình hiện ra, nhưng sau khi quý vị tỉnh giấc mộng, thật ra vẫn đang nằm mộng, cả một giấc mộng lớn, không có cách nào nhận biết giấc mộng lớn ấy. Quý vị chẳng biết y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do chân tánh của chúng ta bất giác có ý niệm bèn hiện ra cảnh giới ấy.

Chân Như bổn tánh là như thế nào? Y báo và chánh báo trang nghiêm trong hiện tại chính là hình dáng của Chân Như bổn tánh. Nếu đang nằm mộng, thì cái tâm trong mộng ấy có hình dáng ra sao? Cảnh giới trong mộng là hình dáng của tâm. Toàn thể vọng là chân, toàn thể chân là vọng, toàn thể mộng là tâm, toàn thể tâm là mộng. Tâm và mộng là một, không hai. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới và Chân Như bổn tánh của chúng ta là một, không hai. Nếu quý vị thật sự thấu hiểu từ chỗ này thì sẽ chứng đắc Pháp Thân. Giống như trong giấc mộng, ta đột nhiên giác ngộ ta đang nằm mộng, toàn thể giấc mộng là chính mình, đó gọi là Pháp Thân. Pháp Thân là toàn thể, toàn bộ cảnh giới vốn là chính mình, đó gọi là chứng đắc Pháp Thân. Do vậy, Pháp Thân hiển hiện trước mặt chúng ta, nhưng chính chúng ta chẳng thừa nhận, chẳng biết y báo và chánh báo trang nghiêm là một Thể! Đối với một Thể lại khởi phân biệt, chấp trước, còn làm gì được nữa! Giác ngộ, hiểu rõ rồi thì pháp giới sẽ hòa thuận, tự tại. Mê thì do có phân biệt, chấp trước, nên

có đấu tranh, phải tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, phải chịu vô lượng khổ báo. *"Chẳng biết trong Chân Như các pháp là một"*, câu này có nghĩa là...

(Diễn) Vị bất liễu như lý nhất vị dã.

(演) 謂不了如理一味也。

***(Diễn:** Tức là chẳng hiểu rõ [các pháp] đúng như lý, có cùng một vị).*

"Liễu" (了) là hiểu rõ. Kẻ ấy chẳng hiểu rõ hết thảy tướng đúng lý, chúng là một vị, chứ không phải hai vị. *"Một vị"* có nghĩa là bình đẳng, hết thảy pháp quả thật bình đẳng. Xét về tánh thì là bình đẳng, đấy là điều không còn phải bàn cãi nữa, chúng ta đều công nhận. Tướng là bình đẳng, dẫu là sâm la vạn tượng các thứ sai khác, tướng của chúng là một, không hai. Cơ bản của Tướng, cơ bản của vật chất chính là các lạp tử cơ bản. Sâm la vạn tượng đều do các lạp tử cơ bản hợp thành, trong kinh Phật gọi chúng là *"cực vi chi vi"* (thứ nhỏ nhất trong các thứ cực vi), còn gọi là Lân Hư Trần. Sâm la vạn tượng trong mười pháp giới đều do những thứ này tổ hợp thành. Nếu quý vị nhìn vào các lạp tử cơ bản thì hết thảy tướng bình đẳng, là một tướng, không phải hai, không có hai thứ, mà là một thứ. Hơn nữa, thứ ấy là Tướng Phần. Tướng Phần và Kiến Phần có cùng một căn nguyên, lại càng bình đẳng. Kiến và Tướng có cùng một nguồn.

Tướng do đâu mà có? Tướng do Kiến Phần biến hiện, chứ thật ra không có thứ này. Nếu quý vị thật sự thông đạt đạo lý này, sẽ khế nhập cảnh giới này, mới hiểu bản thể của hết thảy các hiện tướng (tướng được biến hiện) chính là Không, trọn chẳng thể được! Tánh là Không, Tướng cũng là Không. Cái Không ấy chẳng phải là không có gì, Không là Có. Vì sao Có mà lại nói là Không? Vì chẳng thể được, quả thật chẳng thể được. Nếu chúng ta chú tâm lãnh hội, bất luận một pháp nào trước mắt cũng đều chẳng thể được. *"Chẳng thể được"* là sự thật, là chân tướng. Nếu quý vị có thể bỏ cái tâm được - mất thì sẽ tự tại. Trong *"chẳng thể được"* mà muốn cầu điều gì thì sẽ đau khổ! Tục ngữ thường nói: *"Sanh bất đới lai, tử bất đới khứ"* (sanh chẳng mang gì đến, chết chẳng đem theo gì đi). Quý vị thấy có người nào chết mà đem theo được vật gì hay không? Thứ gì cũng không đem theo được, cho thấy "chẳng thể được"; nhưng hiện thời chúng ta còn chưa chết thì vẫn mong có được! Thật ra, mỗi ngày ban đêm đi ngủ có khác gì chết đâu? Nói cách khác, mỗi đêm quý vị đã chết mấy tiếng đồng hồ mà quý vị vẫn không giác ngộ, rất ngu si vậy!

Trong thế gian, chẳng có vật gì là của quý vị hết; ngay cả thân thể cũng không phải! Quý vị hãy nghĩ kỹ: Khi ngủ, thân thể này có phải là của quý vị hay chăng? Khi ngủ nằm mộng, đã sớm quên mất cái thân này rồi. Thân thể còn chẳng phải là của chính mình, huống hồ vật ngoài thân! Khi nằm mộng, thân mà còn chẳng mang theo được thì quý vị còn mang theo vật gì được nữa? Do vậy, người giác ngộ hằng ngày cảnh tỉnh, cảnh tỉnh trong mỗi giờ, cảnh tỉnh trong mỗi niệm. Nếu có tâm cảnh tỉnh cao như vậy thì mới có thể nhập môn. Phật pháp câu nào cũng nhằm nói với chúng ta pháp chân thật, chẳng có một lời dối trá nào, quyết định chẳng lừa gạt chúng ta. Nếu chúng ta muốn được tự tại thật sự, nhất định phải liễu giải chân tướng sự thật.

Phước báo, thụ dụng là xứng tánh. Do vậy, người thật sự nhập môn, sẽ được đại tự tại. Giả tướng này cũng vô cùng thù thắng. Quý vị thấy mười hai quyển đầu của kinh Hoa Nghiêm nói về sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo trong thế giới Hoa Tạng, loại hưởng thụ ấy trong nhân gian chúng ta không có. Chẳng những nhân gian không có mà cõi trời cũng chẳng có. Sự hưởng thụ phú quý của họ do đâu mà có? Chẳng do con người tạo ra, mà cũng chẳng do tu được, trong Chân Như bổn tánh vốn sẵn trọn đủ. Phước báo xứng tánh, chỉ cần quý vị thấy tánh, bỏ được ý niệm "được - mất, lấy - bỏ", sẽ thụ dụng tự tại, hoàn toàn xứng tánh như vậy. Nếu quý vị chẳng thể bỏ được, trong chân tánh vẫn còn một phần bất giác thì phước báo phải do tu mà có, vì sao? Chẳng thể dùng được phước báo xứng tánh, nó chẳng khởi tác dụng.

Tôi lại nêu tỷ dụ: Phước báo xứng tánh giống như tài sản trong nhà quý vị. Giả sử quý vị có trương mục một trăm vạn trong ngân hàng, đó là xứng tánh. Hiện thời ra phố, đi ăn cơm, trong túi không có tiền, kẹt quá chừng! Tuy có tiền, nhưng tiền ấy là xứng tánh, hiện thời bên mình không có, không lấy ra được. Món tiền tiêu dùng lặt vặt nơi thân trong hiện tại phải do tu mà có. Nếu là xứng tánh thì chẳng cần phải tu, trong bổn tánh vốn có sẵn. Quý vị nói xem: Thứ phước báo nào là lớn? Hiểu được đạo lý này sẽ nhanh chóng cầu minh tâm kiến tánh. Kiến tánh rồi phước báo mới lớn, thật sự lớn! Pháp môn Tịnh Độ gọi "kiến tánh" là "nhất tâm bất loạn". Do vậy, nhất định phải sốt sắng nỗ lực, tu đến nhất tâm bất loạn, phước báo xứng tánh hiện tiền.

Chúng ta nay đang mê hoặc, phước báo phải do tu mà có. Kinh thường dạy: Tu Tài Bố Thí được giàu có. Trong quá khứ, quý vị tu Tài Bố Thí nhiều, trong một đời này tài sản nhiều, giàu to. Đời trước quý vị chẳng tu Tài Bố thí, đời này cuộc sống vật chất nhất định nghèo nàn, thiếu hụt,

đó là đạo lý nhất định. Quý vị tu Pháp Bố Thí, đời này được thông minh, trí huệ. Quý vị tu Vô Úy Bố Thí, đời này được khỏe mạnh, sống lâu. Có quả, nhất định phải có nhân. Khi đang mê, tu nhân nào sẽ được quả báo ấy, nhân quả chẳng sai mảy may, đó là do tu mà có. Đã là "tu nhân sẽ có thể đạt được quả báo" thì có thể bỏ quả báo được hay không? Thưa quý vị, không thể bỏ được, vì vẫn còn nhân. Quý vị nói: "Tôi có quả báo phú quý, tôi không cần, tôi tặng cho người khác", có thể được! Quý vị có thể tặng cho người khác, không đầy mấy bữa lại có [tiền bạc] đưa tới. Trong mạng quý vị có [tài sản] mà! Trong mạng đã có thì bỏ chẳng được. Trong mạng không có, cầu cách nào cũng chẳng cầu được. Chuyện là như vậy đó! Trước kia, tại Đại Lục, vị thần tài mà người ta thờ là Đào Châu Công, tức là Phạm Lãi thời Xuân Thu, ông ta nhất định là Bồ Tát tái lai, thật phi phàm! Ông ta giúp Việt Vương Câu Tiễn phục quốc, công lao hết sức to. Khôi phục đất nước xong, công thành, thân thoái, không làm quan, đổi họ tên thành Đào Châu Công, buôn bán, ba lần phát tài, ba lần phân tán tài sản. Buôn bán chẳng mấy năm, phát tài to, ông đem tiền của bố thí trọn khắp để cứu giúp người nghèo. Phân tán hết sạch rồi lại bắt đầu buôn bán bằng món tiền vốn nhỏ nhoi. Không đầy mấy năm lại phát tài to. Điều này cho thấy trong mạng ông ta có tiền của, có bỏ cũng bỏ không được. Đây là hiện tượng trong khi chúng ta còn đang mê. Nếu là xứng tánh, hết thảy phước báo đều tự nhiên, chẳng do tu mà có. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, tu nhân khẩn yếu lắm!

Bồ Tát từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai tu pháp môn gì vậy? Chính là tu bố thí. Bố thí là xả, là buông xuống. Chỉ có thật sự buông xuống được thì mới thấy thấu suốt. Buông xuống giúp cho thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt giúp buông xuống. Thấy thấu suốt là trí huệ, buông xuống là giải thoát, tự tại, tức ba đức Bát Nhã, Giải Thoát và Pháp Thân đều thuộc trong ấy. Chẳng phải là quý vị muốn chứng Tam Đức mật tạng hay sao? Nhất định phải tu Bố Thí Ba La Mật. Đoạn này nói lên ý nghĩa: Quý vị chưa thể hiểu rõ pháp giới là một.

(Diễn) Đắc kiến tâm tánh, tâm tức thường trụ, danh "như thật tri", tức thử bất tri, tức thị căn bản vô minh.

(演)得見心性，心即常住，名如實知。即此不知，即是根本無明。

*(**Diễn**: Thấy được tâm tánh thì tâm bèn thường trụ, gọi là "biết đúng như thật". Nếu chẳng biết điều này thì sẽ là căn bản vô minh).*

"Như thật tri" là gì? Như thật tri là thấy tâm tánh. Gộp hai chữ tâm tánh để nói thì *"tâm"* là thức thứ tám, *"tánh"* là Chân Như bổn tánh. Tánh là Thể của tâm, tâm là tác dụng của tánh. Tâm và tánh được gộp lại một chỗ để nêu rõ ý nghĩa Thể và Dụng không hai; Thể và Dụng là một, không hai. Nói tách ra thì có khi tâm là tánh, tánh là tâm, phải nhìn vào những câu văn ở phía trước và phía sau câu này để nhận ra ý nghĩa. Hai chữ này gộp lại thì một là nói về chân tâm, hai là nói về vọng tâm. Chân tâm là Thể, vọng tâm là tác dụng.

Nếu quý vị thấy tâm tánh, tâm và tánh là một, Thể và Dụng không hai, Thể và Dụng giống hệt nhau, tâm là thường trụ. Kinh Lăng Nghiêm nói *"chân tâm thường trụ"*. Trụ có nghĩa là bất động, động là chẳng trụ. Chân tâm thường trụ là cái tâm thường trụ, thanh tịnh, tịch diệt, mà cũng là cái tâm *"tâm thể ly niệm"*, không có hết thảy vọng niệm. Đấy là chân tâm, đó gọi là *"như thật tri"*. Kinh Pháp Hoa gọi cái *"tri"* ấy là Phật tri, Phật kiến. Trong kinh Pháp Hoa, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta: *"Khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật"*. Như thật tri chính là Phật tri, Phật kiến, mà cũng "chánh tri, chánh kiến" như chúng ta thường nói. Có thể thấy rằng: Chánh tri, chánh kiến từ tâm thể ly niệm sanh ra. Nói cách khác, nó từ chân tâm sanh ra. Chân tâm khởi tác dụng là Phật tri, Phật kiến, là *"như thật tri"*.

"Tức thử bất tri" (nếu không biết điều này): Kẻ ấy không biết đúng như thật, sẽ suy nghĩ loạn xạ, chỗ nào cũng suy đoán, nghi hoặc, biến thành hiện tượng như vậy. *"Tức thị căn bản vô minh"*: Phật pháp nói "căn bản vô minh" nhằm chỉ điều này. Một niệm tối sơ bất giác nên chẳng thể biết Chân Như pháp giới đúng như thật. Đó gọi là căn bản vô minh. Vô minh là chẳng sáng suốt.

(Diễn) Tâm khởi hữu niệm, tức thị nghiệp tướng.

(演) 心起有念，即是業相。

*(**Diễn:** Tâm khởi lên, có ý niệm, chính là tướng trạng của nghiệp).*

Phải đặc biệt chú ý hai câu này! Trong tâm khởi lên ý niệm thì gọi là "tạo nghiệp". Ai chẳng tạo nghiệp? Như Lai mới chẳng tạo nghiệp. Bồ Tát đều tạo nghiệp, Bồ Tát gọi là *"giác hữu tình"*, *"hữu tình"* là tạo nghiệp. Tuy tạo nghiệp nhưng các Ngài giác ngộ, giác chứ không mê, nên gọi là Bồ Tát. Thật sự chẳng tạo nghiệp là Phật. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, sau khi giác ngộ thì nghiệp đã tạo gọi là *"tịnh nghiệp"*; nếu bất giác thì nghiệp đã tạo gọi là *"nhiễm nghiệp"*. Nghiệp có nhiễm và tịnh, trong nhiễm nghiệp lại có thiện và ác.

Ác là nhiễm, mà thiện vẫn là nhiễm. Quả báo của ác nghiệp là trong tam ác đạo, quả báo của thiện nghiệp là trong ba thiện đạo. Người ấy không thoát khỏi luân hồi, vì sao? Đều là do nhiễm nghiệp ô nhiễm chân tâm của chúng ta. Tịnh nghiệp tuy là có nghiệp, nhưng chẳng nhiễm. Do vậy, người ấy có thể vượt thoát tam giới, đạo lý là ở chỗ này. Quý vị phải ghi nhớ: Tâm chẳng thể hữu niệm, tâm có niệm là *"nghiệp tướng"*, tức là tướng đầu tiên trong ba tướng Tế của A Lại Da thức.

(Diễn) Luận vân: Y bất giác cố, tâm động, thuyết danh vi nghiệp dã.

(演) 論云：依不覺故，心動說名為業也。

*(**Diễn**: Khởi Tín Luận viết: "Do nương theo bất giác nên tâm động, gọi là nghiệp").*

"Nghiệp" là sự nghiệp, nghiệp là tạo tác. Chẳng tạo tác sẽ chẳng gọi là *"nghiệp"*. *"Tâm động"* bèn trở thành nghiệp. Tâm rỗng rang, tâm tịch tĩnh, tâm ly niệm; nói chung, phải hiểu rõ những ý nghĩa này. Tu hành quan trọng nhất là tu tâm. Cái tâm của chúng ta rất ác, phải tu thành rất thiện. Cố nhiên, quý vị tu tâm thì vẫn là tu nhiễm nghiệp. Nếu thật sự hiểu rõ tâm là Không, trong tâm bất cứ gì cũng đều chẳng có, quý vị tu pháp tịch tĩnh, đó gọi là *"chân tu hành"* (tu hành thật sự).

Phật pháp thường lấy hình tròn làm biểu tượng, chẳng hạn *"pháp luân thường chuyển"*. Quý vị hãy nghĩ xem, hình tròn có tâm hay không? Đương nhiên có. Ở chỗ nào? Tìm không được. Chân tâm là như vậy, nó có, nhưng nó là không. Tâm quả thật cái gì cũng không có, nó khởi tác dụng giống như bản thân đường tròn, đại chuyển pháp luân, diệu dụng vô cùng. Vì thế, học Phật là tu tâm. Tu tâm chính là tu cái tâm *"trạm tịch, hư linh"* này, tâm nhất định phải rỗng không, thứ gì cũng đều chẳng có. Thế nhưng chúng ta từ vô thỉ kiếp đến nay tập khí phiền não quá nặng. Nói cách khác, vọng tưởng từ đầu đến cuối chẳng đoạn, ngay cả ngủ nghỉ cũng chẳng chân thật, vẫn nằm mộng. Nằm mộng là khởi vọng tưởng. Quý vị đã hiểu tánh chất nghiêm trọng của vấn đề rồi đó!

Tu hành dễ dàng, tu tâm khó khăn! Có thể nói pháp môn Niệm Phật là một loại thuốc thanh lương cho việc tu tâm, là phương thuốc hết sức tuyệt diệu. Chẳng phải là quý vị có vọng niệm đó sao? Được rồi! Vọng niệm gột không hết thì xoay chuyển nó. Chẳng khởi niệm thì thôi, hễ khởi niệm bèn A Di Đà Phật, chuyển biến hết thảy vọng niệm thành một niệm, cách này rất mầu nhiệm! Một niệm ấy công đức vô lượng vô biên, tuy

niệm ấy (niệm A Di Đà Phật) vẫn là vọng niệm, nhưng hết thảy những vọng niệm tạp nhạp của quý vị đã được gom thành một, quy về một vọng niệm. Đấy là cương lãnh tu học trọng yếu trong Phật pháp. Chỉ cần quy ý niệm về một, quy về một câu A Di Đà Phật, lâu ngày chầy tháng, nhất định sẽ hoảng nhiên đại ngộ, sẽ đắc Lý nhất tâm bất loạn, chứng đắc *"Chân Như pháp nhất"*. Nói cách khác, chứng đắc cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm gọi cõi Thật Báo Trang Nghiêm là Nhất Chân pháp giới. *"Thật"* là chân thật. Pháp chân thật chỉ có một, chỉ có pháp chân thật mới gọi là trang nghiêm. Hết thảy hư vọng chẳng đáng gọi là trang nghiêm, chỉ có chân thật mới thật sự là trang nghiêm!

Chúng ta hãy đặc biệt chú ý: Tâm động là tạo nghiệp! Do vậy, phải nhanh chóng chuyển nghiệp. Chuyển "khởi tâm, động niệm" thành A Di Đà Phật, chuyển nhiễm nghiệp thành tịnh nghiệp, chuyển từ chỗ này. Quý vị chuyển được thì là tu hành thật sự. Tu hành không phải là suốt ngày từ sáng đến tối cầm cuốn kinh để tụng niệm, lần chuỗi niệm Phật, gõ mõ, hằng ngày dập đầu lạy lục tại nơi đó, chẳng phải là tu nơi hình thức. Những thứ đó là công phu bề ngoài. Tu hành chân chánh thì phải dồn sức nơi tâm, thực hiện công phu nơi khởi tâm động niệm, ý niệm vừa dấy lên bèn chuyển thành Phật hiệu, đó gọi là *"tu từ căn bản"*, nay chúng ta phải thực hiện từ chỗ này.

Thực hiện từ chỗ này thì có phải là dốc sức nơi nghiệp tướng hay chăng? Chẳng phải vậy! Nếu hướng theo phía nghiệp tướng thì cũng không sai, nhưng chẳng thể chuyển nghiệp tướng. Vì sao? Nghiệp tướng ấy chính là [cái tâm bị dao động] vô cùng vi tế. Sự dao động vi tế ấy chính là khởi tâm động niệm, bản thân chúng ta chẳng thể cảm nhận được. Ví như ban đêm quý vị nằm mộng, do tâm động mới có mộng cảnh; quý vị có thể cảm nhận tâm động hay chăng? Chẳng cảm nhận được, quá vi tế mà! Hiện thời, chúng ta có thể cảm nhận những thô niệm (ý niệm thô tháp), tham, sân, si, mạn là những thô niệm, chứ chẳng thể cảm nhận tế niệm. Đối với những ý niệm vi tế (tế niệm) [chẳng hạn] như nghiệp tướng, kinh Đại Thừa nói hàng Bát Địa Bồ Tát mới có thể nhận biết được. Do vậy, đạt đến Bát Địa mới có thể chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí. Đây là nói về Viên Giáo, từ Sơ Trụ kiến tánh cho đến Bát Địa gồm ba mươi tám địa vị Bồ Tát. Giống như đi học, mỗi năm học một lớp cho đến hết ba mươi tám lớp. Có tất cả bốn mươi mốt lớp, học hết bốn mươi mốt lớp sẽ tốt nghiệp, đến lớp thứ ba mươi tám mới thấy được những ý niệm vi tế. Nay chúng ta có thể tự nhận biết những ý niệm thô, những ý

niệm ấy vừa dấy lên liền ngay lập tức chuyển chúng thành Phật hiệu, đấy là công phu tuyệt diệu, là chỗ để chúng ta dốc sức tu hành.

Do vậy, cổ đức nói: Hạnh môn trong Đại Thừa Phật pháp không phải là tu hành nơi hình tướng, mà tu nơi khởi tâm động niệm, hãy đặc biệt chú ý tới chỗ này! [Tuy vậy], hình thức cũng chẳng thể phế trừ, hình thức nhằm mục đích đại từ đại bi tiếp dẫn chúng sanh, nó vẫn có tác dụng thù thắng nhất, gây ảnh hưởng cho những người chưa học Phật. Cá nhân tu hành thì không cần phải coi trọng hình thức. Có rất nhiều đồng tu người nhà của họ còn chưa học Phật, nếu có những nghi thức sợ rằng sẽ khiến người nhà khó chịu, hủy báng, thậm chí gây chướng ngại, quý vị hãy nên dụng công nơi tâm địa. Nếu người nhà chẳng phản đối thì có thể vận dụng nghi thức, vì sao? Những nghi thức ấy có thể ảnh hưởng người nhà quý vị. Tuy họ không lễ Phật, nhưng họ thấy quý vị hằng ngày lạy Phật, đã gieo hạt giống lạy Phật vào A Lại Da thức của họ. Họ không niệm Phật, nhưng hằng ngày nghe quý vị niệm Phật, hạt giống ấy cũng gieo vào trong thức tâm (cái tâm bị điều khiển bởi thức, không phải là chân tâm) của họ, giống như quý vị đã độ họ, chỉ cần họ không phản đối. Nếu họ phản đối, nói chung phải tránh né, đừng câu nệ hình thức, như vậy sẽ là công đức viên mãn.

(Diễn) Nhiên thử tuy động niệm nhi cực vi tế, duyên khởi nhất tướng Năng Sở bất phân, tức đương Lê Da Tự Thể Phần dã.

(演)然此雖動念而極微細，緣起一相能所不分，即當黎耶自體分也。

*(**Diễn**: Ý niệm ấy tuy động nhưng vi tế tột bậc, duyên khởi một tướng, Năng và Sở chẳng phân, đấy chính là Tự Thể Phần của A Lại Da thức).*

Đây là ba tướng Tế, tức là ý niệm hết sức vi tế. Do vì niệm đã động, nên mới có y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Vũ trụ do đâu mà có? Do tâm bất giác dấy động mà có! Chúng ta đêm ngủ nằm mộng, do tâm bất giác động nên hiện ra cảnh trong mộng. Trong Chân Như bổn tánh, tâm bất giác động niệm, hiện ra y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. *"Duyên khởi nhất tướng, Năng Sở bất phân"*: Trong một niệm tối sơ, chủ thể động (tâm bất giác), cái bị động (ý niệm), chủ thể hiện (vọng tâm), đối tượng được hiện (y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới) chẳng dễ gì phân biệt được. Vì sao chẳng dễ gì phân biệt được? Điều này cho thấy động và tịnh có cùng

căn nguyên, có cùng một tự thể là Chân Như bổn tánh. *"Tức đương Lê Da Tự Thể Phần"*: Chính là Tự Thể Phần của A Lại Da thức. Trong bốn phần (Tướng Phần, Kiến Phần, Tự Chứng Phần, Chứng Tự Chứng Phần) của Duy Thức, nó chính là Tự Chứng Phần, tức Tự Thể Phần của A Lại Da Thức. Vì thế, thoạt đầu, Kiến Phần và Tướng Phần có cùng một nguồn. Kiến Phần là Năng, Tướng Phần là Sở. Năng và Sở cùng một nguồn.

Do vậy, một niệm tối sơ thật chẳng dễ dàng phân định [đâu là Năng, đâu là Sở], gần như là một chuyện, đành phải để cho nó tiếp tục tăng trưởng rồi hai phần Kiến và Tướng mới càng ngày càng thêm rõ rệt hơn.

Đến chỗ này, [toàn bộ những câu văn trong sách Diễn Nghĩa] chỉ nhằm giải thích câu *"dĩ bất như thật tri Chân Như pháp nhất cố, bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm"*. Nhất niệm có mối quan hệ hết sức lớn, trong khi ấy, không thể nào nhận biết được một niệm này, nên nó mới diễn biến thành cảnh giới hiện tiền của chúng ta.

(Diễn) Vô minh sở phú, thất bổn lưu mạt giả.

(演) 無明所覆，失本流末者。

*(**Diễn**: "Vô minh che lấp, đánh mất gốc, chạy theo ngọn" là...)*

"Bổn" (gốc) là Nhất Chân pháp giới, *"mạt"* (ngọn) là mười pháp giới; Bổn là Chân Như bổn tánh, Mạt là tam tế, lục thô (ba tướng Tế, sáu tướng Thô của A Lại Da thức).

(Diễn) Vô minh, tức căn bản vô minh, tức bất như thật tri dã. Phú, vị phú cái chân tánh. Bổn tức chân tánh, Mạt vị tam tế, lục thô, ký thất bổn tự lưu mạt.

(演)無明，即根本無明，即不如實知也。覆，謂覆蓋真性。本即真性，末謂三細六粗，既失本自流末。

*(**Diễn**: Vô minh là căn bản vô minh, tức là chẳng biết đúng như thật. Phú là che lấp chân tánh. Bổn là chân tánh. Mạt là tam tế, lục thô. Đã mất gốc liền tự chạy theo ngọn).*

"Tam tế, lục thô" biến hóa thành lục đạo luân hồi hiện tiền, biến hiện ra các cõi nước Phật và đại thiên thế giới. Đại thiên thế giới là lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi là đại thiên thế giới. Do vậy, chính mình mê, chính mình tạo, chính mình chịu. Trong ấy, chắc chắc chẳng thể oán trời, hờn người. Nếu oán trời, hờn người, sẽ tạo nghiệp càng sâu, càng bị hãm sâu, nhất định phải giác ngộ: Hết thảy cảnh duyên đều là tự làm, tự

chịu. Người giác ngộ là Bồ Tát, Bồ Tát chẳng sợ quả báo, cảnh nghịch xảy đến bèn thuận theo, đón nhận quả báo rất tự tại, vì Ngài đã hiểu *"phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, *"hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*, giống như nằm mộng, biết *"hết thảy pháp đều chẳng thể được"*. Do vậy, bất luận là nghịch cảnh hay thuận cảnh, không gì chẳng tự tại; người giác ngộ mới làm được! Người mê hoặc không thể làm được, chẳng thể tự tại. Trong Phật Học Thập Tứ Giảng có nói: *"Ác nan khiển, hảo nan cầu"* (ác khó đuổi, tốt khó cầu), miễn cưỡng đoạn ác mà mong cầu điều tốt sẽ cầu chẳng được, đó là chuyện không thể xảy ra được! Do vậy, nếu thật sự biết cầu thì nhất định phải hiểu lý, tu học đúng lý, đúng pháp, ắt là *"Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng"* (trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). Hôm nay tôi giảng đến đây!

Tập 18

Xin đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, trang mười tám:

(Sớ) Tắc vô minh sở phú, thất bổn lưu mạt, hỗn loạn chân thể, cố danh viết Trược. Như trừng nê sa, phục sử tịnh khiết, tư chi vị Thanh, tức chỉ chuyển Ngũ Trược nhi thành Thanh Thái dã.

(Diễn) Vô minh sở phú, thất bổn lưu mạt giả, vô minh, tức căn bản vô minh, tức bất như thật tri dã. Phú, vị phú cái chân tánh, Bổn tức chân tánh, Mạt vị tam tế, lục thô, ký thất bổn tự lưu mạt.

(疏)則無明所覆，失本流末，渾亂真體，故名曰濁。如澄泥沙，復使淨潔，斯之謂清，即指轉五濁而成清泰也。

(演)無明所覆，失本流末者。無明，即根本無明，即不如實知也。覆，謂覆蓋真性。本即真性，末謂三細六粗，既失本自流末。

*(**Sớ**: Liền bị vô minh che lấp, đánh mất gốc, chạy theo ngọn, hỗn loạn chân thể, nên gọi là Trược. Như lắng bùn, cát, khiến cho nó trong sạch trở lại, đó gọi là Thanh, tức là chuyển Ngũ Trược thành cõi Thanh Thái.*

***Diễn**: "Vô minh che lấp, đánh mất gốc, chạy theo ngọn": Vô minh là căn bản vô minh, tức là chẳng biết đúng như thật. Phú là che lấp chân tánh. Bổn là chân tánh. Mạt là tam tế, lục thô. Đã mất gốc tự chạy theo ngọn).*

Kinh văn giảng rõ vì sao vô minh khởi lên trong chân tánh? Sau khi vô minh đã dấy lên, nó sẽ phát triển như thế nào? Đoạn văn này tuy không dài, những cũng nói rất rõ ràng. Trong buổi giảng trước, tôi đã đặc biệt nhắc quý vị, câu *"Chân Như pháp nhất"* hết sức trọng yếu. Nhà Thiền thường nói: *"Thức đắc nhất, vạn sự tất"* (biết một chuyện, muôn sự đều xong).

Chúng ta học Phật công phu không đắc lực là vì khuyết điểm này, tức là chúng ta chẳng biết: Trong Chân Như các pháp là một. Chẳng biết tu hành phải tương ứng với Nhất Chân, pháp giới vốn là Nhất Chân, nhưng cái Nhất ấy quả thật rất khó hiểu. Hễ trong tâm quý vị có Nhất thì sẽ chẳng Nhất. Trong Nhất không có gì cả, hễ có một quan niệm sẽ là sai. *"Tâm thể*

ly niệm" là Nhất, hễ có niệm sẽ chẳng Nhất! Thế nhưng công phu này rất khó thực hiện, trong tâm chúng ta luôn khởi tâm động niệm. Dẫu một ý niệm gì cũng không có thì lại biến thành Vô Tưởng Định, lại sai mất rồi! Quả báo của Vô Tưởng Định là cõi trời Vô Tưởng trong Tứ Thiền Thiên. Hai bên Có và Không đều lìa thì mới là Nhất. Có "hữu niệm" không được, có "vô niệm" cũng không được. Hữu niệm và vô niệm đều phải bỏ, đấy mới là nhất tâm, đấy mới là tương ứng với *"Chân Như pháp nhất"*. Hiểu rõ đạo lý này thì mới hiểu cương lãnh trọng yếu trong tu học.

"Bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm" (Tâm bất giác khởi lên ý niệm), cho thấy: Chúng ta khởi tâm động niệm thì là bất giác, cái bất giác ấy chính là căn bản vô minh. *"Giác tâm bất khởi niệm"* (Giác tâm chẳng khởi niệm), chúng ta phải phản tỉnh ở chỗ này. Bất luận trong cảnh giới nào, khởi tâm động niệm là nghiệp tướng, trước đó là căn bản vô minh. Vô minh bất giác sanh tam tế. Vô minh che lấp chân tánh của chúng ta, trong kinh này gọi chân tánh là nhất tâm, Lý nhất tâm. Vô minh che lấp nhất tâm của chúng ta, đấy là mê mất Bổn. Bổn là Lý nhất tâm, tức Chân Như bổn tánh, *"thất"* (失) là mê mất. Mê mất là bất giác, nên mới rớt vào *"chi mạt"* (枝末: cành nhánh). Chi mạt chính là ba tế tướng của A Lại Da, tức Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng và Cảnh Giới Tướng.

Trong đoạn này còn nói Tướng Phần và Kiến Phần có cùng nguồn. Nay chúng ta nói tinh thần và vật chất có cùng một nguồn cội, đều do Chân Như bổn tánh biến hiện. Chúng ta nghe những câu này xong ngơ ngác không hiểu! Nói những hiện tượng tinh thần bị mê hoặc, điên đảo là do Chân Như bổn tánh sau khi đã mê biến hiện ra, chúng ta còn tin tưởng mấy phần, đại khái là vẫn còn có thể xảy ra như vậy; chứ nói núi, sông, đại địa, sâm la vạn tượng cũng là do Kiến Phần của chúng ta biến hiện ra, chúng ta rất khó thể tin tưởng! Làm sao mà cái tâm này có thể biến hiện ra núi sông, đại địa ở bên ngoài? Những hiện tượng trước mắt là ba tế tướng của A Lại Da, A Lại Da rộng lớn không có ngằn hạn. Giác ngộ rồi, A Lại Da biến thành Đại Viên Kính Trí, toàn thể cảnh giới biến thành Nhất Chân pháp giới. Mê rồi thì sẽ là vô lượng vô biên pháp giới, chứ không phải chỉ có mười pháp giới! Sự thật này rất khó lòng thấu hiểu được, nhưng chúng ta nghĩ nó giống như lúc nằm mộng sẽ thấy chẳng khó hiểu nữa. Trong giấc mộng, quý vị thấy có chính mình, vậy thì cái "chính mình ở trong mộng ấy" là do đâu mà có? Chính mình có thân thể mà cũng có tinh thần, vậy thì tinh thần và sắc tướng từ đâu mà có? Núi, sông, đại địa trong giấc mộng do đâu mà có? Trong mộng cũng có hư không, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, thử hỏi những thứ ấy do đâu mà có? Há chẳng phải là tâm

của chính mình biến hiện ra ư? Trong mộng có thể biến sắc thân, có thể biến núi, sông, đại địa, sau khi chúng ta mê mất chân tánh, lẽ nào tướng chẳng hiện ra? Công năng của chân tánh so với công năng của *"độc đầu ý thức"*[52] trong mộng phải lớn hơn rất nhiều, thù thắng hơn rất nhiều! Nó có thể biến. Do vậy, lấy những hình tượng được hiện trong mộng để tỷ dụ đạo lý này hòng suy tưởng thì đối với những đạo lý được nói trong kinh Phật sẽ có thể tin tưởng mấy phần.

Ba tế tướng đều là Tự Thể của A Lại Da. Nghiệp Tướng là tướng động của vô minh, động gọi là Nghiệp. Do tâm bất giác khởi lên nên gọi là Nghiệp. *"Tâm khởi"* sẽ có niệm, ý niệm là Kiến Phần. Từ Nghiệp Tướng biến ra Chuyển Tướng. Niệm có thể chuyển, chuyển gì vậy? Chuyển biến, biến gì vậy? Biến ra cảnh giới; vũ trụ, nhân sinh, sâm la vạn tượng đều được biến ra. Biến ra những tướng ấy thì gọi là Cảnh Giới Tướng, tức là Tướng Phần của A Lại Da. Từ trong Cảnh Giới Tướng lại biến hiện sáu thứ thô tướng, [gộp cả ba tế tướng và sáu thô tướng, ta có] *"tam tế, lục thô"*. Ba tế tướng (Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, Cảnh Giới Tướng) của A Lại Da bao gồm toàn bộ vũ trụ nhân sinh, bao gồm toàn thể vũ trụ, đó là ba tế tướng. *"Lục thô tướng"* không giống vậy. Sáu thô tướng là nói về từng cá nhân trong chúng ta, tức là chỉ cho từng người riêng biệt. Mỗi một hữu tình chúng sanh đều có sáu thô tướng, sáu thứ thô tướng do đâu mà có? Từ ba tế tướng biến hiện ra, chẳng tách rời ba tế tướng. Kinh Đại Thừa thường nói tâm có thể hiện tướng, *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*. Sâm la vạn tượng, các thứ sai biệt là do thức biến. Trong *"lục thô"* thì thứ nhất là Trí Tướng, thứ hai là Tương Tục Tướng, cổ nhân ghép hai tướng này với thức thứ bảy, còn Chấp Thủ Tướng và Kế Danh Tự Tướng được ghép với thức thứ sáu. Khởi Nghiệp Tướng ứng với năm thức trước (Nhãn Thức, Nhĩ Thức v.v...) Nghiệp Hệ Khổ Tướng là quả báo.

(Diễn) Hỗn loạn chân thể giả.

---

[52] *"Độc đầu ý thức"*: Ý thức của cái tâm tán loạn có thể chia thành bốn loại; tức minh liễu *(nhận biết rõ ràng)*, định trung *(ý thức khởi tác dụng trong Định)*, độc tán *(ý thức đột nhiên sanh khởi do nghĩ nhớ quá khứ, hoặc suy tưởng vị lai, hoặc do so sánh, phân biệt, chấp trước mà có)*, mộng trung *(ý thức trong giấc mộng)*. Trong bốn loại này, minh liễu ý thức là ý thức do năm thức trước (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức) tiếp nhận năm trần mà sanh khởi, nó phải luôn sanh khởi cùng với năm thức trước nên còn gọi là Ngũ Câu Ý Thức. Định trung, độc tán và mộng trung ý thức chẳng cùng với năm thức trước sanh khởi nên gọi là Độc Đầu Ý Thức, hoặc Tán Vị Độc Đầu Ý Thức.

(演) 渾亂真體者。

*(**Diễn**: Hỗn loạn chân thể là...)*

"Chân thể" là bổn tánh, là nhất tâm bất loạn. Nay chúng ta đánh mất nhất tâm, vọng niệm từ sáng đến tối không ngừng, cái tâm rối loạn, chẳng phải là nhất tâm. Tâm là trược tướng, chẳng phải là tướng thanh tịnh.

(Diễn) Như Lăng Nghiêm vân: "Thí như thanh thủy, thanh khiết bổn nhiên. Hữu chư thế nhân, thủ bỉ thổ trần, đầu ư thanh thủy, thủy vong thanh khiết, dung mạo cốt nhiên, danh chi viết Trược".

(演)如楞嚴云：譬如清水，清潔本然。有諸世人，取彼土塵，投於清水，水亡清潔，容貌汩然，名之曰濁。

*(**Diễn**: Như kinh Lăng Nghiêm nói: "Ví như nước trong vốn sẵn thanh khiết. Có những người đời lấy đất, bụi ném vào nước trong, nước mất thanh khiết, mất đi dáng vẻ [sẵn có], nên gọi là Trược").*

"Thí như thanh thủy, thanh khiết bổn nhiên" (Ví như nước trong vốn sẵn thanh khiết): Câu này tỷ dụ bổn tánh của chúng ta. Nếu có người đem bùn cát quăng vào nước trong trẻo, nước ngay lập tức vẩn đục, mất đi tướng thanh tịnh. Bùn, cát, đất, bụi là gì? Là bất giác, là tam tế, lục thô, vô minh. Tam tế, lục thô giống như bùn, đất, cái tâm thanh tịnh của chúng ta có những thứ này, mất đi thanh tịnh, nhất tâm cũng mất. Đây là tình huống hiện thời của chúng ta.

(Diễn) Phục sử tịnh khiết giả.

(演) 復使淨潔者。

*(**Diễn**: "Khiến cho trong sạch trở lại" là...)*

Tiếp theo đó nói đến cách tu hành, tu hành giống *"như lắng trong bùn, cát, khiến cho nước lại trong sạch"*. Đó gọi là Thanh. Trừng (澄) là lắng cặn.

(Diễn) Lăng Nghiêm vân: "Như trừng trược thủy, trữ ư tịnh khí, tĩnh thâm bất động".

(演) 楞嚴云：如澄濁水，貯於淨器，靜深不動。

*(**Diễn**: Kinh Lăng Nghiêm chép: "Như lắng trong nước đục, đựng trong đồ chứa sạch, lặng lẽ, sâu thẳm, bất động").*

Quý vị chứa nước ấy lại, tuy nó có bùn, cát, không sao cả! Do nước vốn là khiết tịnh, để một thời gian lâu, bùn, cát sẽ lắng xuống. Lắng cặn thì cần phải có công phu Định lực; chỉ cần quý vị chịu tu Định thì tam tế, lục thô sẽ dần dần tiêu mất. *"Tĩnh thâm bất động"*: Câu này tỷ dụ sự tu hành, bất luận tu pháp môn nào cũng đều phải tĩnh, tĩnh chính là Định. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là tám vạn bốn ngàn mánh khóe hay phương pháp nhằm tu *"tĩnh thâm bất động"*, tuyệt đối chẳng có pháp môn nào dạy quý vị tu Động. Lễ Phật cũng là một môn tu hành, có người chuyên môn dùng phương pháp này để tu hành. Mỗi ngày lạy Phật ba ngàn lạy, đấy chẳng phải là *"tĩnh thâm bất động"* ư? Đúng vậy! Hằng ngày lễ Phật là động, vì sao có thể bất động? Bất động thì làm sao lễ Phật được? Bất động ở đây là tâm bất động, chứ không phải thân bất động. Thân bất động, suốt ngày từ sáng đến tối nhìn vào vách, trong tâm vẫn khởi vọng tưởng, có ích gì đâu! Bảo quý vị "nhất tâm bất loạn", chứ đâu có bảo quý vị "nhất thân bất loạn!" Lễ Phật thân tuy động, nhưng tâm bất động, trong tâm lắng trong đến mức cùng cực sẽ tự nhiên cảm ứng; sự cảm ứng ấy khiến cho tam tế, lục thô dần dần bị đào thải, dần dần chuyển biến thành Định - Huệ. Do vậy, lễ Phật là một phương pháp tu hành rất xảo diệu, thậm chí xảo diệu hơn kinh hành. Hiểu được nguyên tắc này, bất luận trong trường hợp nào, bất luận dùng phương pháp nào, cũng đều là tu tâm thanh tịnh, đều tu tâm bất động. Chỉ có không động tâm thì mới có thể thành tựu.

(Diễn) Sa thổ tự trầm.

(演) 沙土自沉。

*(**Diễn**: Cát, đất tự chìm).*

"Cát, đất" tỷ dụ phiền não. Tâm bất động thì mới đoạn được phiền não, phiền não đoạn rồi nghiệp chướng liền tiêu. Chúng ta muốn thật sự tiêu nghiệp chướng thì nhất định phải tu tâm thanh tịnh.

(Diễn) Thanh thủy hiện tiền, danh vi sơ phục khách trần phiền não.

(演) 清水現前，名為初伏客塵煩惱。

*(**Diễn**: Nước trong hiện tiền thì gọi là "vừa mới chế phục khách trần phiền não").*

Đây chính là *"hàng phục kỳ tâm"* như kinh Kim Cang đã nói. Hàng phục cái tâm phải dùng Thiền Định rất sâu. Thiền Định: Quý vị đừng bị danh từ này mê hoặc, cứ ngỡ Thiền Định nói chung là ngồi xếp bằng, nhìn vào vách! Rất nhiều người chẳng thể thật sự liễu giải ý nghĩa được bao hàm trong danh tướng này. Bởi lẽ, học Thiền thì Lục Tổ Đàn Kinh là nguyên tắc chỉ đạo tối cao của Thiền Tông Trung Quốc. Trong Đàn Kinh có nói: *"Chẳng chấp lấy tướng là Thiền, chẳng động tâm là Định!"* Bất luận trong cảnh giới nào, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, quý vị chẳng chấp tướng thì gọi là Thiền. Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm gọi là Định.

Do đây có thể biết rằng: Tịnh tọa hay không chẳng quan trọng, Định thật sự cao minh không có hình tướng, đi, đứng, nằm, ngồi đều là Thiền Định, vui cười, giận mắng cũng là Thiền Định. Đâu có ngốc nghếch cố chấp [phải ngồi Thiền mới là Thiền Định] như vậy! Phật pháp là sống động, hoạt bát; Thích Ca Mâu Ni Phật và các vị Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm, có vị nào chẳng hoạt bát, sống động? Do vậy, học Phật sợ nhất là học thành si ngốc, phiền phức lắm! Học hành trở thành kẻ cuồng chữ, học Phật biến thành kẻ cuồng Phật, sai mất rồi!

Bước đầu trong công phu tu học là chế phục phiền não. Khuất phục phiền não là "công phu thành phiến" trong pháp môn Niệm Phật. Nếu không chế phục được phiền não thì công phu chẳng thành tựu. Công phu thành phiến, quyết định vãng sanh. Các đồng tu phải đặc biệt chú ý điều này, chuyện này là chuyện của chính mình, đừng bận tâm đến chuyện của người khác. Đối với người khác, có duyên phận thì chúng ta giới thiệu pháp môn với họ. Họ có thể tiếp nhận, có thể y giáo phụng hành là họ có thiện căn, phước đức. Họ nghe xong, chẳng chịu làm theo hoặc hành chẳng đắc lực là do thiện căn, phước đức của họ quá ít, quý vị cũng chẳng cần phải nóng ruột: "Đối với người này phải làm cách nào đây, ta vẫn chưa thể độ hắn được!" Quý vị nóng ruột như thế thì tâm của chính mình lại bị đục ngầu. Không độ chúng sanh được, mà chính mình lại bị họ lôi xuống nước, phải chú ý điều này.

Chư Phật, Bồ Tát hoằng pháp lợi sanh, hằng ngày tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, chính các Ngài chắc chắn chẳng động tâm, chắc chắn chẳng khởi niệm, vĩnh viễn giữ gìn tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần.

Có bản lãnh ấy thì mới có thể thả chiếc bè Từ. Chúng ta thường xử sự theo cảm tình, nhất là đối với bạn bè thân thiết, nếu tôi không độ họ, trong tâm khó chịu, nếu như tôi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, họ chẳng thể vãng sanh thành công thì tôi quay lại bầu bạn với họ, lầm lẫn

quá lớn. Thành tích là ở chỗ này, nhất định phải đoạn phiền não. Khi bắt đầu thì là chế phục phiền não trước, khi công phu định lực sâu hơn thì có thể đoạn được phiền não.

(Diễn) Khử nê thuần thủy, danh vi vĩnh đoạn căn bản vô minh.

(演) 去泥純水，名為永斷根本無明。

*(**Diễn**: Khử bùn, [còn lại] thuần là nước thì gọi là vĩnh viễn đoạn dứt căn bản vô minh).*

Cảnh giới này là Lý nhất tâm bất loạn, vì sao? Nó *"vĩnh viễn đoạn dứt căn bản vô minh"*, thuộc địa vị nào vậy? Thành Phật rồi! Thành Phật mới có thể vĩnh viễn đoạn dứt căn bản vô minh, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn chưa làm được vì còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn. Chúng ta phải hiểu: Định ở mức độ cạn, Định nhỏ nhoi chỉ có thể chế phục phiền não. Thiền Định rất sâu mới có thể đoạn phiền não. Thế nhưng, [thật ra] Định chẳng thể đoạn vô minh, từ Định khai Huệ, Huệ mới có thể chiếu phá vô minh. Tâm Kinh nói Huệ là Bát Nhã sâu xa: *"Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không"*. Phải dùng trí huệ Bát Nhã để quán chiếu, chiếu kiến căn bản vô minh thì mới được, chứ dựa vào công phu định lực thì chưa được; nhưng trí huệ Bát Nhã từ Định sanh ra, không có Định sẽ chẳng có Huệ. Chúng ta đọc nhiều, nghe nhiều, nhớ nhiều kinh Phật một chút, bèn tưởng là trí huệ của chính mình mở mang, lầm rồi! Trí huệ mở mang mà phiền não, vô minh chưa đoạn thì phải hiểu đấy chẳng phải là trí huệ, mà là Thế Trí Biện Thông như trong Phật pháp đã nói. Thế Trí Biện Thông là một trong tám nạn của người học Phật, gặp nạn rồi! Loại trí huệ này gọi là Sở Tri Chướng. Học Phật phải phá hai thứ chướng, tăng trưởng Sở Tri Chướng mà lầm lẫn ngỡ là khai trí huệ, có hỏng bét hay là không?

Học Phật trong thời cận đại, trong nhà Phật có rất nhiều chuyện hiếm có, lạ lùng, cổ quái mà thuở xưa chưa hề có! Tôi thường gặp [người ta kể] "ông X... đã khai ngộ rồi", còn có kẻ tự nói mình đã khai ngộ. Khí chất của người đã ngộ và chưa ngộ khác nhau! Người đã ngộ làm sao có vô minh? Làm sao có phiền não? Tôi ở ngoại quốc, nghe nói tại Los Angeles có mười mấy người trẻ tuổi đã khai ngộ. Tôi giảng kinh ở Los Angeles, bọn họ đến nơi ấy nghe tôi giảng kinh. Tôi nói: "Lạ nhỉ! Khai ngộ rồi thì còn nghe tôi giảng kinh để làm gì? Còn có chỗ nghe rồi không hiểu, còn phải nêu khá nhiều câu hỏi", đủ thấy bọn họ chắc chắn chưa khai ngộ. Vì sao? Tôi chưa khai ngộ mà! Tôi chưa khai ngộ, nếu họ khai ngộ rồi, lẽ ra phải cao minh hơn tôi nhiều lắm chứ! Kết quả là so ra họ chẳng

bằng tôi, đủ thấy bọn họ quả thật chưa khai ngộ. Chưa khai ngộ mà tự cho là mình đã khai ngộ, đại khái họ cũng chẳng phải là vọng ngữ, trong Phật pháp gọi họ là kẻ "tăng thượng mạn", chưa khai ngộ mà tự cho là đã khai ngộ.

Tôi còn gặp người bảo tôi chính ông ta đã chứng quả. Tôi cũng chẳng có cách nào! Tôi bèn nói: "Hay quá! Tôi vẫn chưa chứng quả", chẳng qua tôi bảo kẻ ấy: "Người thật sự chứng A La Hán chắc chắn có Lục Thông. Trong tâm tôi nghĩ tới chuyện gì, khởi vọng tưởng gì, ông có biết hay không? Nếu ông không biết, ông chẳng có Tha Tâm Thông. Chúng ta đang ở trong nhà, ngoài đường có xe gì chạy qua, ông có thấy được hay không? Cách vách mà không thấy thì ông chẳng có Thiên Nhãn Thông!" Khảo nghiệm từng chuyện, môn thần thông nào kẻ ấy cũng không có. Tôi nói: "Ông chẳng phải là A La Hán, A La Hán nhất định có thần thông". Sau đó, kẻ ấy tự mình suy nghĩ, đại khái là chưa chứng đắc. Khó lắm! Có nhiều người nẩy sanh lầm lẫn, chưa chứng đắc mà cho là đã chứng đắc, chưa khai ngộ mà tưởng là đã khai ngộ. Thật ra là do đọc kinh quá ít, chẳng hiểu cảnh giới. Giống như chúng ta đi đường, từ Đài Bắc muốn đến Cao Hùng, khi đến được Bản Kiều bèn ngỡ là đã tới nơi: "Tôi đã đến Cao Hùng rồi!" hiểu lầm, chẳng hiểu cảnh giới!

Tu hành phải hiểu lý luận, phương pháp, còn phải biết cảnh giới. Biết cảnh giới giống như biết đường, biết rõ ràng công phu của chính mình đạt đến trình độ nào, con đường trước mặt phải đi như thế nào, còn bao xa, cũng phải biết thật rõ ràng, quyết chẳng lạc lối. Có những người chẳng dốc công phu nơi Định - Huệ, ở đâu cũng khoe khoang chính họ đã khai ngộ, lại còn muốn thỉnh đại pháp sư ấn chứng cho mình, thỉnh thượng sư Mật Tông ấn chứng. Đúng là mê! Ấn chứng cho kẻ ấy: "Người này khai ngộ! Kẻ kia chứng quả!" Kết quả toàn là giả! Do vậy, người hiểu lý thật sự phân biệt chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, quyết chẳng mê lầm phương hướng, chẳng bị kẻ khác lừa gạt, chẳng bị người ta đùa bỡn.

Hiện thời, kẻ gạt người rất đông, nhưng rất nhiều người bằng lòng bị gạt, nói lời thật với họ, họ không nghe, chẳng tin tưởng. Nói lời giả với họ, gạt gẫm họ, họ hết sức vui thích. Thậm chí kẻ gạt người nói: "Ông đến học với tôi, học mấy bữa tôi sẽ thọ ký cho ông: Ông là Bồ Tát này, chứng quả vị nọ". Người ấy bèn đem hết của cải tích cóp trong nhà dâng cúng cho hắn. Những gã [lừa bịp] ấy chẳng sợ nhân quả báo ứng! Nếu những người ấy trong tương lai không chứng quả, bị gạt, thì thiếu nợ vẫn phải trả, thiếu nợ thì phải trả nợ, thiếu mạng phải đền mạng, đã khiến cho Pháp Thân huệ mạng của chúng sanh bị lầm lỡ, lại còn gạt gẫm tài vật, biết làm

sao nữa! Hiện thời, trong thế gian hiện nay, hiện tượng này chẳng phải là không có, chúng ta học Phật phải chú ý, cẩn thận, phải biết phán đoán. Phương pháp duy nhất để phán đoán là đọc kinh, đối chiếu những điều kẻ ấy nói hay viết với kinh điển. Nếu trong mười câu có chín câu gần như đúng mà có một câu đáng đặt dấu hỏi thì toàn bộ đều có vấn đề!

Thủ đoạn của bọn gạt người rất xảo diệu, biến giả thành chân, người sơ học thường chẳng phân biệt chân và vọng, thoạt nhìn ngỡ là thật; thật ra, trong ấy có xen lẫn giả, chúng ta phải cẩn thận điều này. [Thủ đoạn] càng cao minh thì càng khó phân biệt. Kinh Lăng Nghiêm từ quyển Tám trở đi, kinh văn chiếm đến một quyển rưỡi nhằm giảng về năm mươi thứ Ấm Ma. Cảnh giới ma hiện tiền, chắc chắn quý vị coi nó là cảnh giới Phật.

Đối với bản lãnh hiện thời của chúng ta, nếu cảnh giới nào hiện tiền sẽ không có cách nào biện định được, nhất định sẽ bị gạt, đối với người tu hành chúng ta mà nói thì công phu sẽ vứt sạch, đáng tiếc lắm! Do vậy, cái hay của kinh Lăng Nghiêm là cảnh tỉnh chúng ta: Trong thế giới này, yêu ma quỷ quái quá nhiều, chỗ nào cũng có. Quý vị nhận biết chúng thì chúng nó sẽ không làm gì quý vị được! Nếu quý vị hiểu nguyên tắc tu hành, sẽ chẳng bị chúng nó lừa gạt. Nguyên tắc tu hành là "khuất phục phiền não, đoạn phiền não, phá vô minh". Nguyên tắc tu học là phải "tăng trưởng công phu định lực, tăng trưởng cái tâm thanh tịnh, tăng trưởng trí huệ của chúng ta". Có như vậy mới chẳng bị gạt! Nương vào Giới, Định, Huệ, thành tựu Văn, Tư, Tu; con đường ấy quyết định chính xác. Trong kinh luận, hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều chỉ dạy chúng ta như thế. Khôi phục bổn tánh là như thế nào? Làm thế nào để thành tựu cái tâm thanh tịnh? Ý nghĩa ấy chính là *"chuyển Ngũ Trược thành cõi Thanh Thái"*, trong quyển cuối cùng của bộ sách này có một đoạn Sớ Sao rất dài nhằm thảo luận vấn đề này.

(Sớ) Vô minh sở dẫn, khí giác trục trần, vi viễn chân thể, cố danh viết Bối.

(疏) 無明所引，棄覺逐塵，違遠真體，故名曰背。

*(**Sớ**: Do vô minh dẫn dắt, bỏ giác, đuổi theo trần, trái nghịch, xa lìa chân thể, nên gọi là Bối).*

Đối với *"thanh, trược, hướng, bối"*, phần trên đã giảng về *"thanh, trược"*, ở đây lại giảng về *"hướng, bối"*.

(Diễn) Vô minh sở dẫn đẳng, thử vô minh, diệc tức căn bản vô minh. Giác tức Bổn Giác, Trần tức tam tế, lục thô.

(演)無明所引等，此無明，亦即根本無明。覺即本覺，塵即三細六粗。

*(**Diễn**: "Vô minh dẫn dắt" v.v... Vô minh ở đây cũng chính là căn bản vô minh. Giác chính là Bổn Giác, Trần là tam tế, lục thô).*

"Khí giác, trục trần": Khí (棄) là vứt bỏ, Giác là Bổn Giác. Nói thật ra, Khí là mê mất, tức mê mất Bổn Giác. *"Trục"* (逐) là nắm níu, tâm tâm niệm niệm nắm níu ngũ dục, lục trần. Trần (塵) ở đây là tam tế, lục thô. Ngũ dục, lục trần là những thứ thô nhất trong các tướng thô. Tướng rất thô chính là Khởi Nghiệp Tướng trong sáu tướng Thô. Chấp Thủ Tướng, Kế Danh Tự Tướng và Khởi Nghiệp Tướng đều là ngũ dục, lục trần.

(Diễn) Do vô minh sanh nghiệp tướng, nãi chí tạo nghiệp thọ báo, thị tiệm viễn Chân Như chi giác, tùy trục cảnh giới chi trần.

(演)由無明生業相，乃至造業受報，是漸遠真如之覺，隨逐境界之塵。

*(**Diễn:** Do vô minh sanh nghiệp tướng, cho đến tạo nghiệp, lãnh chịu quả báo, dần dần xa cách sự giác ngộ nơi Chân Như, chạy theo lục trần trong cảnh giới).*

Đoạn này giải thích câu *"vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới làm duyên tăng trưởng lục thô"*, tức là nói về quá trình phát triển của tam tế, lục thô, từ *"vô minh nghiệp tướng"* cho đến khi *"tạo nghiệp thọ báo"*, cả chín thứ tướng (tức tam tế và lục thô) đều được nêu ra. Trải qua quá trình phát triển như vậy mà dần dần xa lìa Chân Như, trái nghịch Bổn Giác. *"Tùy trục"* cũng là nắm níu trần duyên trong cảnh giới.

(Diễn) Như cùng tử xả phụ đào thệ, cố danh viết Bối.

(演) 如窮子捨父逃逝，故名曰背。

*(**Diễn**: Như đứa con nghèo túng bỏ cha trốn đi, nên gọi là Bối).*

Câu này là một thí dụ trong kinh Pháp Hoa. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật có kể một câu chuyện rất dài: Đứa con trai của vị trưởng giả giàu to quên mất cái nhà của chính mình, bỏ trốn ra ngoài đi xin ăn, khổ sở khôn xiết! Trái nghịch Bổn Giác cũng giống như vậy; vì sao trái nghịch Bổn Giác? Sau khi vô minh khởi lên, sẽ mê mất bổn tánh.

(Sớ) Phản kỳ khứ lộ, phục sử quy hoàn, tư chi vị Hướng.

(疏) 返其去路，復使歸還，斯之謂向。

*(**Sớ**: Quay ngược lại con đường đã đi, khiến cho trở về, đấy gọi là Hướng).*

Đoạn này nhằm giải thích ý nghĩa chữ Hướng. Hướng (向) là quay đầu lại, trong nhà Phật thường nói *"hồi đầu thị ngạn"* (quay đầu lại sẽ là bờ). Quay đầu thì từ đâu mà quay? Trước hết là từ ngũ dục lục trần mà quay lại, rồi mới lại từ lục thô, tam tế mà quay về. Như vậy thì mới có thể trở về bổn tánh, nhưng trong đoạn này, sách cũng nói, đấy chính là điều được diễn đạt trong bản kinh này:

(Sớ) Tức chỉ bối Sa Bà nhi hướng Cực Lạc dã.

(疏) 即指背娑婆而向極樂也。

*(**Sớ**: Tức là nói "trái nghịch Sa Bà để hướng về Cực Lạc" vậy).*

Ở đây đại sư khuyên chúng ta hãy nên lìa khỏi thế giới Sa Bà, quy hướng thế giới Cực Lạc. Thế giới Sa Bà quả thật là khổ, chẳng thể giải quyết vấn đề. Ngay cả tu Thiền Định thế gian cũng chẳng dễ dàng, đừng nói là Thiền Định xuất thế gian. Sơ Thiền trong Thiền Định thế gian chẳng dễ gì thành tựu! Ngàn vạn phần chớ nên coi "Thiền ngoài cửa miệng, Thiền kiểu chồn hoang" là Thiền Định của Như Lai, lầm lạc mất rồi! Trong tâm mới đạt được một tí khinh an liền lầm tưởng chính mình đã nhập Định, lầm lạc quá lớn, tự mình dối gạt chính mình! Khi dối gạt người khác chính là tự dối gạt chính mình trước! Hạng người ấy rất ngu si, người thông minh quyết chẳng tự gạt mình. Lời chú giải cho đoạn này giảng rõ Lục Thô.

(Diễn) Phản kỳ khứ lộ giả, vị bất tu biệt tầm quy lộ, tức tựu lộ hoàn gia, tiện đắc phản thân kiến phụ.

(演)返其去路者，謂不須別尋歸路，即就路還家，便得返身見父。

*(**Diễn**: "Quay ngược lại con đường đã đi" ý nói: Chẳng cần phải tìm con đường nào khác, cứ theo đường ấy mà trở lại nhà, sẽ được xoay mình gặp cha).*

Đây là tỷ dụ. Chính vì như vậy, đức Phật mới mở ra tám vạn bốn ngàn pháp môn, với ý nghĩa nhằm làm cho ai nấy đều theo đường trở về nhà, chẳng đi đường vòng. *"Nhà"*: Chân Như bổn tánh giống như cái tâm của vòng tròn, còn lũ chúng sanh chúng ta giống như đang đứng trên rìa ngoài của vòng tròn. Quý vị muốn đi đến cái tâm của vòng tròn thì phải đi thẳng theo đường kính, về thẳng đến nhà, chẳng thể đi quanh quẹo. Người khác tu pháp môn khác, người ấy cứ đứng ngay tại điểm đó, theo lối đó trở về nhà. Ta đứng tại điểm này, ta cũng có thể theo đường này trở về nhà. Ta chẳng cần đánh một đường vòng, học theo người ta. [Học theo người ta] chưa chắc đã có thể về đến nhà! Học Phật nhất định phải khế cơ; khế cơ là thích hợp với căn tánh và trình độ của chính mình, lại còn có thể thích hợp hoàn cảnh sống hiện thời, chẳng gây chướng ngại hay mâu thuẫn với cuộc sống hiện tại của chúng ta, tu hành như vậy sẽ thuận tiện. Có nhiều pháp môn là vì muốn thích hợp với những người có căn tánh khác nhau; do vậy, đức Phật giảng nhiều pháp môn vì chẳng phải chỉ giảng cho một cá nhân. Ví như bác sĩ trị bệnh kê rất nhiều toa thuốc, những toa thuốc ấy chẳng phải chỉ vì một người mà kê toa. Có những pháp môn chẳng thích hợp cho chúng ta tu học, tu tập những pháp môn ấy chỉ chuốc thêm phiền, tăng trưởng phiền não, tăng trưởng tà kiến. Những pháp môn ấy có phải do đức Phật nói ra hay không? Do đức Phật nói, nhưng chẳng hợp với căn cơ của chúng ta, chẳng khế cơ mà!

Vì vậy, nhất định phải chọn lựa pháp môn. Khi đức Phật còn tại thế, chẳng cần phải chọn lựa vì quý vị đến thưa hỏi đức Phật, đức Phật bèn nói một pháp môn, giống như quý vị đi khám bệnh, thầy thuốc ngay lập tức kê toa. Hiện thời, đức Phật chẳng còn trụ thế nữa, những kinh điển được lưu lại chính là các toa thuốc đã kê cho rất nhiều người thuở ấy. Không có cách nào kê toa thuốc cho thật khớp với căn bệnh mà chúng ta đang mắc phải hiện thời. Bác sĩ chỉ dựa theo bệnh tình mà kê toa, chứ bệnh nhân chẳng thể bị bệnh đúng như [triệu chứng mô tả] trong toa thuốc được! Nay đức Phật đã không còn trụ thế, kinh điển là toa thuốc, chúng ta lấy đọc, suy xét mỗi toa thuốc có thể trị được căn bệnh của ta hay không. Nếu nhận thấy toa thuốc ấy chẳng thích hợp với căn bệnh cho lắm, phải nhanh chóng thay đổi cho phù hợp, thay đổi toa thuốc, thay đổi phương pháp, [ngõ hầu] chính mình đạt được một chút lợi ích trong sự tu học là tốt rồi, bèn có thể tiếp tục nỗ lực không ngừng, công hiệu là nhất định đoạn được phiền não.

(Diễn) Tiên phá chấp thủ kế danh, không kỳ Nhân Chấp.

(演) 先破執取計名，空其人執。

*(**Diễn**: Trước hết là phá chấp trước nắm giữ so đo danh tự, khiến cho Nhân Chấp rỗng không).*

Cương lãnh được nói ở đây chính là nguyên tắc chung cho tất cả các pháp môn. Bất cứ pháp môn nào trong tám vạn bốn ngàn pháp môn đều chẳng thể trái nghịch [nguyên tắc này]. Nếu trái nghịch nguyên tắc, nguyên lý này, chắc chắn chẳng phải là Phật pháp. Công phu tu hành sơ bộ chính là phá Chấp Thủ Tướng. Tướng thứ nhất trong sáu thô tướng chính là Trí Tướng, thứ hai là Tương Tục Tướng, thứ ba là Chấp Thủ Tướng, thứ tư là Kế Danh Tự Tướng. *"Kế"* (計) là so đo, phân biệt, *"danh"* (名) là danh tướng, *"chấp"* (執) là chấp trước, *"thủ"* (取) là lấy - bỏ. Trong hết thảy các pháp, quý vị khởi phân biệt, chấp trước, có cái tâm lấy - bỏ, được - mất, hoàn toàn do Ngã Chấp (Nhân Ngã Chấp) phát sanh.

Chẳng lìa được những thứ ấy, Ngã Chấp tăng trưởng! *"Nhân Chấp"* chính là Nhân Ngã Chấp (chấp trước có ta, có người). Nếu còn những thứ này, sẽ chẳng phá được Nhân Ngã Chấp, chúng ta niệm Phật chẳng thể thành tựu Sự nhất tâm. Liên Trì đại sư, Ngẫu Ích đại sư đều bảo với chúng ta như thế này: Phá Nhân Ngã Chấp, đắc Sự nhất tâm bất loạn. Phá Pháp Ngã Chấp (phá Pháp Chấp), đắc Lý nhất tâm bất loạn. Điều này rất khẩn yếu! Công phu niệm Phật của chúng ta phải nhìn từ chỗ này; đó là thành tích, đạt đến tiêu chuẩn ấy, biết chính mình đã đạt đến nhất tâm bất loạn.

Pháp môn Niệm Phật dùng một câu danh hiệu, câu danh hiệu ấy từng tiếng đều nhắc nhở chính mình. Trong cảnh giới, chúng ta vừa mới có phân biệt (so đo danh tự là phân biệt), một câu A Di Đà Phật liền lay tỉnh chính mình. Nam-mô A Di Đà Phật, có nghĩa là Vô Lượng Giác. Trong cái tâm giác ngộ không so đo tướng danh tự, không chấp trước hay giữ lấy tướng, trong mê hoặc mới có! Hy vọng chúng ta trong khi mê sẽ nhanh chóng dùng một câu Phật hiệu hét cho chính mình quay đầu lại, đấy là quay về. *"Tựu lộ hồi gia"* (theo đường trở về nhà) thì Phật hiệu mới có ích. Quyết chẳng phải là nói tôi mỗi ngày niệm mấy ngàn tiếng, mấy vạn tiếng Phật hiệu, chắc là A Di Đà Phật rất hoan hỷ, rất ưa thích tôi, trong tương lai khi tôi lâm chung, Ngài nhất định đến đón tôi! Đấy vẫn là so đo danh tự y như cũ, vẫn là chấp lấy y hệt như cũ, hằng ngày tăng trưởng cả đống phiền não, chẳng thấy nhạt bớt mấy phần, không được rồi! Toàn là hiểu lầm, toàn là sai lạc! Kinh dạy chúng ta điều kiện vãng sanh là *"nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo"*, chứ hoàn toàn không dạy "hằng ngày niệm bao nhiêu câu Phật hiệu, không cần phải nhất tâm bất loạn", không hề nói điều đó! Nhất định phải hiểu đạo lý này, nhưng Phật hiệu chớ nên

gián đoạn, vì sao? Hễ gián đoạn, vọng tưởng sẽ khởi lên, nghiệp chướng quá nặng mà!

Do vậy, đổi tất cả vọng niệm thành một câu, tức là một câu Phật hiệu, đổi thành một niệm; nhưng mỗi câu Phật hiệu đều phải giác ngộ trong mỗi tiếng, chớ nên mê! Do vậy, kinh, sớ, luận chẳng thể không đọc, chẳng thể không nghiên cứu! Nếu không, tuy niệm một câu danh hiệu này, vẫn là hồ đồ mê muội niệm, mỗi tiếng đều mê hoặc, điên đảo, chứ không phải là mỗi tiếng đều giác ngộ, vô ích! Cổ đức nói: *"Hãm phá hầu lung dã uổng nhiên"* (hét vỡ cuống họng cũng uổng công). Một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu, hét rách toạc cuống họng có ích chi đâu, vì sao? Chẳng thể đoạn phiền não! Chẳng thể phá Ngã Chấp! Kẻ ấy chẳng biết cách phải niệm Phật hiệu như thế nào! Mười vạn câu Phật hiệu của kẻ ấy, mỗi tiếng đều mê muội chẳng giác, không được rồi!

Phật dạy chúng ta niệm câu Phật hiệu sao cho từng tiếng giác chứ chẳng mê, từ trong mê gọi chính mình hãy quay đầu giác ngộ, ý nghĩa là như vậy đó! Do vậy, xét đến thành tích thì phải phá phân biệt, chấp trước. Trong cuộc sống thường nhật, người niệm Phật tâm phân biệt, chấp trước phải mỗi ngày một nhạt mỏng hơn, cảnh giới ấy là cảnh giới tốt đẹp, công phu có tiến bộ. Mỗi ngày thấy [phiền não, chấp trước] nhạt hơn chính là thấy thấu suốt, mỗi ngày đều có thể buông xuống dễ hơn, như vậy là niệm Phật hiệu đắc lực, có sức kha khá, Ngã Chấp tự nhiên phá trừ.

(Diễn) Thứ phá Tương Tục, Trí Tướng, đãng kỳ Pháp Chấp.

(演) 次破相續智相，蕩其法執。

***(Diễn**: Kế đó là phá Tương Tục Tướng và Trí Tướng, quét sạch Pháp Chấp).*

Lại tiếp tục phá Tương Tục Tướng và Trí Tướng, đây là Pháp Chấp trong thức thứ bảy. Trong phần trước là Ngã Chấp, ở đây là Pháp Chấp. Nay chúng ta gọi Pháp Chấp là *"tri kiến"*. Phàm là tri kiến thì đều là Sở Tri Chướng. Do vậy, quý vị học này nọ, học nhiều như vậy để làm gì? Học càng nhiều, Sở Tri Chướng càng nặng. Trí huệ chân thật là như kinh Đại Bát Nhã đã nói *"Bát Nhã vô tri"*. Quý vị hỏi Phật, Bồ Tát: "Ngài có trí huệ hay chăng?" Các Ngài sẽ nói: "Tôi không có trí huệ". Trong Đàn Kinh, có người hỏi Lục Tổ, Lục Tổ nói: *"Ta không biết, ta cũng chẳng hiểu"*. Ngài nói lời ấy chẳng phải là gạt người, mà cũng chẳng phải là khiêm hư, thật sự là không có. Trong tâm thanh tịnh chẳng có gì hết, *"vốn chẳng có một vật"*, lẽ nào có tri kiến? Không có! Bát Nhã đúng là vô tri,

vô tri thì tâm mới thanh tịnh. Khi nó khởi tác dụng, giống như tấm gương soi cảnh giới bên ngoài: Khi soi thì không gì chẳng biết, ngay khi nó đang soi, chính nó vẫn chẳng biết, vẫn là thanh tịnh, quyết chẳng bị ô nhiễm, đấy mới là trí huệ chân chánh. Nay chúng ta dùng "thấy, nghe, hay, biết" để nhận biết những thứ ấy thì hoàn toàn là tà tri, tà kiến, toàn là Sở Tri Chướng.

Do vậy, nghe kinh phải lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, lìa cả ba tướng ấy thì quý vị nghe kinh có thể tăng trưởng trí huệ. Nếu chấp vào ba tướng ấy, quý vị nghe kinh sẽ tăng trưởng tà kiến, tăng trưởng Sở Tri Chướng. Đây là mấu chốt rất quan trọng. Trong Hoa Nghiêm Kinh Huyền Nghĩa, khi giảng về tựa đề kinh, Thanh Lương đại sư đã nói rất rõ ràng: Kẻ chẳng khéo học rất dễ dàng rớt vào tà kiến và vô minh. Do vậy, phải biết học! Trong ấy có phương tiện thiện xảo. Không hiểu phương tiện thiện xảo thì quý vị nghe kinh sẽ chuyên nhớ danh tướng, tức là chấp vào tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, hoặc là nghe xong bèn suy nghĩ câu kinh này có đạo lý như thế nào, tức là khởi vọng tưởng, chấp vào tướng tâm duyên. Nghe bằng phương tiện thiện xảo thật sự là *"nghe mà không nghe, không nghe mà nghe"*, cao minh đấy! Nghe kinh như vậy sẽ tăng trưởng công phu định lực, tăng trưởng trí huệ.

Ví như quý vị nghe giảng kinh ở nơi đây, trong hai tiếng đồng hồ, quý vị nghe từng câu rõ ràng, rành mạch phân minh, đó là trí huệ. Lúc nghe, trong tâm quý vị bất động, chẳng động tâm, chẳng khởi niệm, đó là Thiền Định. Trong hai tiếng đồng hồ ở nơi đây, quý vị tu điều gì? Định - Huệ song tu, có Định, có Huệ. Nếu khi quý vị nghe kinh mà chấp tướng danh tự, chấp tướng ngôn thuyết, lại còn suy nghĩ câu này có những đạo lý này nọ, thì Định lẫn Huệ đều chẳng có, mà nghe những thứ gì vậy? Danh ngôn thế gian, đó là pháp thế gian! Phật pháp và thế gian pháp sai khác trong một niệm. Quý vị nghe pháp thế gian, nghe Phật học cũng là Phật học thế gian, vô ích! Phật học thế gian tăng trưởng Pháp Chấp, tăng trưởng Sở Tri Chướng. Do vậy, biết giảng chẳng bằng biết nghe, biết nghe cao minh lắm! Chỉ cần quý vị biết nghe thì ai giảng kinh cũng đều có thể nghe, vì sao? Quý vị nghe giảng tại nơi đó, tu Định - Huệ của chính mình, quyết chẳng chấp tướng. Người biết nghe, trí huệ thật sự hiện tiền, đấy là có đại định rất sâu, có Bát Nhã rất sâu, đến khi ấy, Định và Huệ của người ấy không gì chẳng tăng trưởng, cảnh giới đương nhiên khác hẳn, dần dần sẽ càng nâng cao hơn.

Phá Pháp Chấp là địa vị Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, đạt đến Lý nhất tâm bất loạn. Sau đấy còn có chuyện gì nữa hay chăng? Còn chứ! Vì

sao? Vẫn chưa viên mãn! Trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ cho đến quả vị Như Lai còn có bốn mươi hai tầng cấp; do vậy, trong Lý nhất tâm bất loạn có bốn mươi hai mức độ, tuy đều chứng đắc Lý nhất tâm, nhưng công phu có sâu hay cạn khác nhau. Thập Trụ Bồ Tát chứng đắc nông cạn. Thập Địa Bồ Tát chứng đắc sâu xa.

(Diễn) Thứ phá tam tế Lại Da, quy ư giác thể.

(演) 次破三細賴耶，歸於覺體。

*(**Diễn**: Kế đó là phá ba tế tướng trong A Lại Da thức, trở về giác thể).*

Lại phải *"phá tam tế Lại Da"*, có thể phá được ba tế tướng trong A Lại Da thức, sẽ đắc nhất tâm bất loạn rất sâu, chẳng nông cạn. Phá ba tế tướng (Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, Cảnh Giới Tướng) trong A Lại Da thức chính là bắt đầu bước vào hàng Bát Địa Bồ Tát trong Viên Giáo, Bát Địa là Bất Động Địa. Khi ấy, A Lại Da thức bắt đầu chuyển thành Đại Viên Kính Trí, mãi cho đến khi viên thành Phật quả thì mới là *"trở về giác thể"*.

(Diễn) Tư chi vị Hướng dã.

(演) 斯之謂向也。

*(**Diễn:** Đó gọi là Hướng).*

Đây là ý nghĩa của chữ Hướng. Đây là nguyên tắc chung của ngàn kinh muôn luận, quyết định chẳng có ngoại lệ; ngay cả pháp môn Tịnh Độ của chúng ta cũng chẳng thể trái nghịch được! Trái nghịch nguyên tắc, nguyên lý này thì sẽ là ma thuyết, chẳng phải là Phật thuyết! Thế nhưng pháp môn Tịnh Độ là pháp môn đặc biệt, tức là dạy quý vị hãy lìa khỏi thế giới Sa Bà, cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Vì sao? Dễ dàng hơn! Chúng ta muốn phá Ngã Chấp, phá Pháp Chấp, sợ rằng trong một đời sẽ chẳng thể làm được. Tuy không làm được, nhất định phải làm được, chẳng thể nói là "làm không được", chúng ta bèn không làm, sai mất rồi! Làm không được cũng phải làm. Làm được mấy phần thì tính mấy phần, vẫn tốt hơn chẳng làm! Nhất định phải làm! Thật ra, làm không được, vẫn còn có thể đới nghiệp vãng sanh, đới nghiệp (nghiệp mang theo) chính là Ngã Chấp và Pháp Chấp. Ngã Chấp lẫn Pháp Chấp chưa phá thì có thể mang sang Tây Phương Cực Lạc thế giới để phá. Đây là tình hình trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Phá Ngã Chấp, sanh

vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Phá Pháp Chấp sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

Thế giới Cực Lạc quả thật quá thù thắng. Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư có trọn đủ các sự thù thắng của cõi Phương Tiện và Thật Báo; nói thô thiển một chút thì [trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư] sự hưởng thụ, đãi ngộ, những điều tốt lành [trong hai cõi Phương Tiện và Thật Báo] đều có hết. Điều này chẳng thể thấy trong những thế giới khác, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới có tình trạng này. Do vậy, đúng là Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng khen ngợi khôn cùng. Cũng chính vì vậy, mười phương chư Phật mới hiện tướng lưỡi rộng dài đến chứng minh cho Thích Ca Mâu Ni Phật, chứng minh những lời Phật Thích Ca đã nói là lời thành thật. Trong kinh văn, lưỡi chư Phật thè ra che khắp tam thiên đại thiên thế giới, có đồng học nói câu này rất khó hiểu, gần như chẳng thể nào có chuyện này!

Hiện thời quý vị nghĩ không thể nào có chuyện này, thì khi nào quý vị đạt đến địa vị Bồ Tát, sau khi đã phá hết Ngã Chấp, quý vị sẽ giác ngộ đấy là chuyện có thể xảy ra, vì sao? Kinh Phật nói đến hết thảy các pháp, tướng lưỡi rộng dài cũng là một pháp, *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*. Nếu tâm thức chẳng thể biến hiện tướng ấy thì tâm thức có công năng hữu hạn, làm sao có thể gọi là *"vạn đức, vạn năng"*, chẳng thể nói là *"vốn sẵn đầy đủ"*.

Khi ngộ đạo, Lục Tổ nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn đầy đủ"*, [nếu nghi ngờ câu *"quảng trường thiệt tướng"* trong kinh Di Đà] thì phải mở ngoặc chú thích *"chẳng trọn đủ tướng lưỡi rộng dài"*, đối với câu *"nào ngờ tự tánh, có thể sanh vạn pháp"* lại phải chú thích thêm *"chẳng thể sanh ra tướng lưỡi rộng dài có thể che khắp tam thiên đại thiên thế giới"*, nhưng đâu có chú giải như vậy, cho thấy quả thật là vốn sẵn trọn đủ, có thể sanh ra vạn pháp. Chúng ta nghĩ thông suốt đạo lý này, chẳng còn hoài nghi nữa!

Có Lý ắt có Sự, có Sự nhất định phải có Lý. Lý - Sự bất nhị thì mới là chánh thuyết. Thế nhưng trong trường học, gặp gỡ bạn học, nếu họ hoài nghi thì quý vị không cần phải nói theo cách ấy. Vì sao? Đối với hàng sơ học, có những Lý chẳng thể giảng rõ được, càng biện luận họ càng hồ đồ, càng rối ren. Có thể tạm thời dùng cách nói phương tiện sao cho họ chẳng hoài nghi, sanh tín tâm đối với Phật pháp, chúng ta nhằm đạt đến mục đích ấy, cần gì cứ phải nói rườm rà truy đến tận gốc, tận đáy như vậy? Có làm như vậy, họ cũng chẳng hiểu rõ. Do vậy, đức Phật thuyết pháp đối với mỗi người mỗi khác, đối với kẻ trình độ cạn thì nói pháp cạn, với kẻ trình độ

sâu thì nói pháp sâu, đức Phật không có cách nói nhất định, nhưng chắc chắn chẳng trái nghịch chân lý, quyết định chẳng trái nghịch.

(Sớ) Nhiên thử thả tựu chúng sanh nhất kỳ tùng mê đắc ngộ nhi ngôn, tự hữu trừng chi, phản chi chi tích, nhi ư tự tánh, thật vô đắc thất, diệc vô tăng tổn. Thị cố thời trược, thời thanh, thủy phi dịch tánh, hốt bối, hốt hướng, nhân vô nhị thân.

(疏)然此且就眾生一期從迷得悟而言，似有澄之返之之跡，而於自性，實無得失，亦無增損。是故時濁時清，水非易性；忽背忽向，人無二身。

*(**Sớ**: Đây là dựa theo chúng sanh từ mê được ngộ trong một đời để nói, nên dường như có những hình tướng, dấu vết lắng trong, quay trở lại, chứ trong tự tánh, thật sự chẳng có được, mất, cũng không có tăng hay tổn. Vì thế, có lúc đục, có lúc trong, tánh nước chẳng đổi, chợt hướng về, chợt trái nghịch, nhưng người chẳng có hai thân).*

Lại xiển minh ý nghĩa *"vốn chẳng có một vật", "vốn sẵn thanh tịnh"* thì làm gì có những thứ "trong, đục, hướng về, trái nghịch". Chắc chắn chẳng có! *"Chúng sanh nhất kỳ", "nhất kỳ"* là một đời, trong một đời này, không nói tới đời trước, cũng chẳng nói tới đời sau, mà nói ngay vào đời hiện tại của chúng ta. Từ mê mà khai ngộ, giống như có những dấu tích, tướng mạo *"trừng chi, phản chi"* (lắng trong, quay trở lại). Trước kia chúng ta mê hoặc, điên đảo, gặp được Phật pháp, y giáo tu hành, khai ngộ.

Thật ra, khai ngộ có tiểu ngộ, có đại ngộ, có đại triệt đại ngộ. Ai nấy đều có tiểu ngộ, mỗi ngày đọc kinh, nghe kinh có chỗ ngộ thì tiểu ngộ tích tập sẽ biến thành đại ngộ. Tuy vậy, tâm nhất định phải thanh tịnh, phiền não phải nhẹ đi thì mới có thể tích tập tiểu ngộ thành đại ngộ. Nếu quý vị nói là đã ngộ mà phiền não hoàn toàn chẳng giảm nhẹ, thậm chí ngày càng nặng thêm, thì dẫu là có tích tụ bao nhiêu tiểu ngộ đi nữa, cũng chẳng thể trở thành đại ngộ được!

Thật sự ngộ thì ngộ là khai trí huệ, trí huệ có thể chế phục phiền não, phá được vô minh. Dẫu chưa phá được vô minh, cũng có thể nhạt bớt một chút, có công năng như vậy. Thế nhưng có người ngộ, nhưng cái ngộ ấy là giải ngộ, chứ không phải là chứng ngộ. Giải ngộ chẳng thể liễu sanh tử. Vì giải ngộ chỉ là hiểu rõ trên mặt Lý; tuy đã hiểu Lý, giống như đã biết đường nhưng vẫn chưa đi. Nói cách khác, phiền não chưa đoạn, chưa

hết sanh tử, tuy biết đường, đâu có ích gì! Giải ngộ vô ích, cổ nhân chê là *"kể chuyện ăn, đếm của báu"*.

Kẻ ấy chẳng phải là tà tri tà kiến, chẳng phải là Pháp Chấp, thật sự hiểu rõ, nhưng không y giáo tu hành! Nói cách khác, kẻ ấy không tu Định. Người ngộ rồi nhất định sẽ tu Định, lại còn dễ thành tựu Định ấy, vì người ấy đã biết đường, hiểu cái hay của Định, lại hiểu phương pháp tu hành, sẽ tu nhanh hơn người khác. Đấy là giải ngộ rồi phải tu chứng, ngộ hậu khởi tu, cách thức này khá cao minh!

"Tu chứng nhất kỳ" là khi tu chứng trong một đời này, sẽ có những dấu vết *"lắng trong, nhơ đục, hướng về, trái nghịch"* để có thể thấy được, nhưng phải hiểu rằng: Nếu nói theo phương diện Chân Như tự tánh thì không có những dấu vết, hình tướng ấy, chắc chắn sẽ không có! *"Thật sự không có được - mất"*, trong chân tâm không có được - mất, được - mất là vọng tâm, *"cũng không có tăng hay tổn"*, trong chân tâm không có tăng hay tổn. Khi mê, pháp tài công đức của chúng ta bị tổn hoại, mất đi, khi ngộ sẽ lại có. Thật ra, trong chân tánh không có được, mất, tăng, tổn.

Tiếp theo đó là tỷ dụ, *"lúc đục, lúc trong"*. Nước có khi đục, có khi trong, nhưng *"tánh nước chẳng thay đổi"*. Tánh của nước vốn thanh khiết, hoàn toàn chẳng biến đổi. Trong hay đục chẳng thể biến đổi tự tánh của nó. Vì sao? Vì nước hoàn toàn không ô nhiễm, nước là nước, bùn cát là bùn cát. Dường như tạm thời lẫn lộn, nhưng để nó lắng lại thì nước vẫn là nước, bùn cát vẫn là bùn cát, tự nhiên lắng xuống. Chúng ta phải hiểu lý này. *"Chợt trái nghịch, chợt hướng về"*: Có lúc thì trái nghịch, có lúc hướng về, *"người không có hai thân"*: Vẫn là cùng một người, *"trái nghịch"* và *"hướng về"* chẳng qua do cái thân của chính mình chuyển biến đôi chút. Những điều này đều là nói tỷ dụ.

Tiếp theo, sách nêu một tấm gương về công phu tu chứng của bậc cổ đức để làm gương. Đoạn công án này trích từ Lục Tổ Đàn Kinh, đây là chuyện của thiền sư Hoài Nhượng, môn đồ đắc ý của Lục Tổ đại sư. Hôm nay đã hết giờ rồi!

Tập 19

Xin đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, trang hai mươi:

(Sớ) Sở vị: Tu chứng tức bất vô, nhiễm ô tức bất đắc dã.
(疏) 所謂修證即不無，污染即不得也。
*(**Sớ:** Nói: "Tu chứng tức là chẳng không, nhiễm ô là chẳng đắc").*

Đây là hai câu trong Lục Tổ Đàn Kinh, bao hàm ý nghĩa vô cùng sâu xa, mang nguyên tắc chỉ đạo rất hay cho sự tu học của chúng ta, hãy nên học tập. Đoạn công án này phát xuất từ chương Tham Thỉnh Cơ Duyên trong [Pháp Bảo] Đàn Kinh.

(Diễn) "Tu chứng tức bất vô" giả, Nam Nhạc Nhượng thiền sư tham Lục Tổ.
(演) 修證即不無者，南岳讓禪師參六祖。
*(**Diễn**: "Tu chứng tức chẳng không": Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng tham yết Lục Tổ).*

Vị này là thiền sư Hoài Nhượng, Ngài là sư phụ của thiền sư Mã Tổ. Thiền sư Đạo Nhất họ ngoài đời là Mã, nên trong Thiền Tông gọi Ngài là Mã Tổ, Ngài có ảnh hưởng hết sức sâu xa đối với Phật giáo Trung Quốc: *"Mã Tổ kiến tùng lâm, Bách Trượng lập Thanh Quy"* (Mã Tổ dựng tùng lâm, Bách Trượng lập Thanh Quy). Thoạt đầu, hai vị này hợp tác kiến lập chế độ tùng lâm cho Trung Quốc. Lục Tổ là đời thứ sáu, thiền sư Hoài Nhượng là đời thứ bảy, Mã Tổ là đời thứ tám, là đồ tôn của Lục Tổ. Thiền sư Hoài Nhượng đến chỗ Lục Tổ tham học.

(Diễn) Tổ vấn: "Thậm xứ lai?"
(演) 祖問甚處來。
*(**Diễn:** Tổ hỏi: "Từ đâu đến?")*

Lục Tổ hỏi Ngài: "Ông từ nơi nào đến đây?"

(Diễn) Nhượng vân: "Tung Sơn".
(演) 讓云：嵩山。
*(**Diễn:** Ngài Hoài Nhượng thưa: "Tung Sơn").*

Ngài từ Tung Sơn đến. Tung Sơn[53] là Trung Nhạc. Về sau, Ngài trụ tại Nam Nhạc. Nam Nhạc là Hành Sơn thuộc tỉnh Hồ Nam.

(Diễn): Tổ vân: "Nhẫm ma vật? Nhẫm ma lai?"
(演) 祖云：恁麼物，恁麼來。
*(**Diễn**: Tổ nói: "Vật gì thế? Đến như thế nào?")*

Đây là cách nói thông dụng thời Đường, nói theo cách bây giờ là: "Rốt cuộc là vật gì vậy? Đến như thế nào?" Có ý nghĩa như vậy đó! Tức là hỏi: "Ngươi đến rồi, vậy thì ngươi là vật gì vậy?" Đây là cách cật vấn trong nhà Thiền, học trò đến xin tham học phải vượt qua được câu trắc nghiệm này, lời cật vấn được gọi là *"cơ phong"*[54]. Lục Tổ khảo nghiệm ngài Hoài Nhượng. Thiền sư Hoài Nhượng hết sức thông minh, liền hiểu ngay "âm thanh ngoài dây đàn" trong câu nói của Lục Tổ, Ngài trả lời:

(Diễn): Nhượng vân: "Thuyết tự nhất vật, tức bất trúng".
(演) 讓云：說似一物即不中。
*(**Diễn**: Hoài Nhượng thưa: "Nếu nói là dường như có một vật sẽ chẳng trúng").*

Ý nghĩa của câu này là *"ngôn ngữ dứt bặt, tâm hạnh xứ diệt"*, nói không được. Nếu nói là dường như có vật chi đó, là vật gì đó, thì đã sai rồi! Đúng như Thiền gia đã nói: *"Khai khẩu tiện thác, động niệm giai quai"* (Mở miệng liền trật, suy nghĩ đều sai). Câu trả lời này hết sức cao minh, đủ thấy cảnh giới của Ngài cao lắm. Nếu tổ sư hỏi hai câu mà Ngài đáp: "Tôi là một người tu hành", tôi đến như thế nào ư? "Tôi đi bộ đến đây" hay: "Tôi ngồi xe đến đây". Đáp kiểu ấy cũng không sai, nhưng Tổ Sư nói: "Hay lắm! Biết ngươi thuộc tiêu chuẩn phàm phu, không có kiến địa!" Thiền sư Hoài Nhượng đáp như vậy, gần như là đã đạt đến cảnh giới kiến địa, đương nhiên cảnh giới khá cao. Lục Tổ tiếp tục hỏi:

(Diễn) Hoàn giả tu chứng phủ?

---

[53] Tung Sơn nằm ở phía Bắc thành phố Đăng Phong, phía Tây tỉnh Hà Nam, gồm hai rặng Thiếu Thất và Thái Thất. Chùa Thiếu Lâm nằm trên ngọn Thiếu Thất.
[54] Cơ Phong còn gọi là Thiền Cơ hoặc Chuyển Ngữ. Cơ có nghĩa là kích phát sự chuyển biến trong nội tâm, là mấu chốt để khế hợp chân lý, chữ Phong (mũi nhọn) chỉ sự thích ứng nhạy bén, khít khao. Dùng chữ Cơ Phong để chỉ giữa thầy và trò có sự tương hợp khít khao, thầy nói ra, trò tiếp nhận ngay, khít khao không suy xuyển. Lời thầy nói ra, trò vừa nghe liền khích động sự giác ngộ trong nội tâm.

(演) 還假修證否。

*(**Diễn**: Vẫn còn phải nhờ vào tu chứng ư?)*

"Giả" (假) là nhờ cậy. Vẫn còn phải nhờ vào tu hành để chứng quả hay sao?

(Diễn) Vân: "Tu chứng tức bất vô, nhiễm ô tức bất đắc".

(演) 云：修證即不無，染污即不得。

*(**Diễn**: Thưa: "Tu chứng thì chẳng không, nhiễm ô thì chẳng được").*

Câu trả lời của thiền sư Hoài Nhượng hết sức cao minh, hoàn toàn là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế, *"Tu chứng tức bất vô"*: Ngài có tu, tu hành hằng ngày. Tuy tu hành hằng ngày, nhưng sự tu hành ấy là tu hành trên mặt Sự, tức là trên mặt sự tướng thì có tu, có chứng, nhưng trên Lý Thể thì không có, chẳng nhiễm mảy trần. Nói cách khác, thân có tu hành, tâm quyết định chẳng nhiễm ô! Câu thứ nhất đáp theo mặt Sự, câu thứ hai đáp theo mặt Lý. Lý - Sự vô ngại, Lý - Sự viên dung. Đã chẳng phải là chấp Sự phế Lý, mà cũng chẳng chấp Lý phế Sự. Hằng ngày tu, tu mà không tu. Câu đầu là tu, câu sau là không tu. Tu mà không tu. Câu sau là không tu, câu trước là tu, đó gọi là *"tu hành thật sự"*. Nêu một tấm gương rất tốt cho chúng ta. Bất luận dùng công phu như thế nào, Ngài tham Thiền, nay chúng ta tu pháp môn Niệm Phật, vẫn giống nhau, trên mặt Sự thì có niệm, suốt ngày từ sáng đến tối Phật hiệu chẳng gián đoạn giữa chừng, hằng ngày niệm, đó là *"tu chứng tức bất vô"*.

Thế nhưng chúng ta nhất định phải thực hiện được câu sau đó: *"Nhiễm ô tức bất đắc"*. Tuy niệm Phật, tâm địa thanh tịnh, tuyệt chẳng nhiễm trước. Đó gọi là *"tam luân thể không"*. Thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật, trong Phật pháp gọi chân tướng là *"Thật Tướng của các pháp"* (chư pháp Thật Tướng). Thật sự hiểu rõ, trong tâm chúng ta thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần. Niệm Phật đừng bị ô nhiễm bởi Phật hiệu, Thiền gia tham cứu Thoại Đầu chẳng bị câu Thoại Đầu ô nhiễm; nếu không, sẽ chẳng thể thành tựu. Người niệm Phật nếu bị Phật hiệu ô nhiễm thì làm sao có thể đắc nhất tâm? Đấy chính là như trong Tánh Tông thường nói: *"Tam luân thể không"*. Niệm hay là chẳng niệm? Hằng ngày niệm từ sáng đến tối. Trong khi đang niệm, chẳng thấy tướng ta là người niệm, cũng chẳng thấy tướng của vị Phật được niệm, mà trong khoảng giữa cũng chẳng thấy danh hiệu được chấp trì, tam luân thể không, nhưng Phật hiệu

trọn chẳng gián đoạn giữa chừng. Câu trả lời Lục Tổ của đại sư Hoài Nhượng có ý nghĩa như thế. Tham Thiền cũng là "tam luân thể không"; thậm chí lễ bái, đọc tụng đều phải "tam luân thể không" thì mới có thể tương ứng. Tam luân chẳng không, sẽ chẳng thể thấy đạo, chẳng thể kiến tánh. Người niệm Phật mà tam luân chẳng không sẽ chẳng thể chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn.

(Diễn) Kim vị thả tựu chúng sanh nhất kỳ tu chứng, tự hữu trừng phản chi tích, tu chứng tức bất vô dã.

(演)今謂且就眾生一期修證，似有澄返之跡，修證即不無也。

*(**Diễn**: Nay nói: Nếu dựa theo sự tu chứng của chúng sanh trong một đời thì dường như có dấu vết "lắng trong, quay lại", tức là "tu chứng chẳng không" vậy).*

"Nhất kỳ" là đời hiện tại, Trên mặt Sự dường như có những dấu vết, hình tướng như *"lắng trong, quay lại"*. Dẫu chính mình đã thấy tánh, thậm chí chính mình đã thành Phật, vẫn phải thị hiện những dấu vết, hình tướng ấy để làm gì vậy? Nhằm giáo hóa và nêu gương cho chúng sanh. Chính quý vị đã minh tâm kiến tánh, nhưng quý vị không niệm Phật lại bảo người ta niệm thì ai chịu niệm đây? Tự mình trọn chẳng niệm mà ông bảo chúng tôi niệm hay sao? Do vậy, Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, vẫn phải nêu gương cho chúng sanh thấy.

Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã sớm thành Phật, kinh Phạm Võng nói sau khi thành Phật, Ngài đến thế giới này đã tám ngàn lần. Lần này là vào ba ngàn năm trước, thị hiện thành Phật lần thứ tám ngàn tại Ấn Độ. Thật ra, Ngài đã sớm thành Phật, mà vẫn phải thị hiện tám tướng thành đạo, đều để cho chúng ta xem, nêu gương cho chúng ta biết tu học phải theo cách nào. Chư Phật Như Lai và các đại Bồ Tát thị hiện trong thế gian này, dụng ý hết sức sâu xa, chẳng những dùng ngôn giáo mà còn dùng thân giáo. Câu tiếp theo đây hoàn toàn luận theo mặt Thật Tướng.

(Diễn) Nhi ư tự tánh thật vô đắc thất, tăng tổn, nhiễm ô tức bất đắc dã.

(演) 而於自性實無得失增損，染污即不得也。

*(**Diễn**: Nhưng trong tự tánh không có được - mất, tăng - tổn, chính là "nhiễm ô sẽ chẳng được" vậy).*

"Tu chứng tức bất vô" là nói theo mặt sự tướng, nói trên mặt hình tướng. Nói theo phía tự tánh thanh tịnh tâm thì chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng nhơ, chẳng sạch. Bất luận quý vị tu theo cách nào, chắc chắn chẳng thể nói là tâm quý vị được tăng thêm một tí thanh tịnh nào, không hề có! Tu học không gì chẳng nhằm trừ phiền não và chấp trước mà thôi! Nhất định phải hiểu đạo lý này. Câu tiếp theo giải thích chữ *"ba A-tăng-kỳ kiếp"*.

(Sớ) Tam kỳ giả, tam A-tăng-kỳ kiếp dã. Tăng-kỳ giải kiến hậu văn.

(疏) 三祇者，三阿僧祇劫也。僧祇解見後文。

*(**Sớ**: "Tam kỳ" là ba A-tăng-kỳ kiếp. Chữ Tăng-kỳ sẽ được giải thích trong phần sau).*

Trong phần sau sẽ giảng.

(Sớ) Ngôn tam giả.

(疏) 言三者。

*(**Sớ**: Nói ba là...)*

Vì sao nói ba A-tăng-kỳ kiếp?

(Sớ) Dĩ Thích Ca thành đạo, tùng cổ Thích Ca chí Thi Khí, lịch thất vạn ngũ thiên Phật.

(疏) 以釋迦成道，從古釋迦至尸棄，歷七萬五千佛。

*(**Sớ**: Là vì [tính cho đến] khi Phật Thích Ca thành đạo, từ cổ Phật Thích Ca cho đến Phật Thi Khí, đã trải qua bảy vạn năm ngàn vị Phật).*

Thi Khí (Sikhin) là một vị Như Lai. Trong quá trình tu học, Phật Thích Ca đã gặp nhiều vị Phật như thế.

(Sớ) Tùng Thi Khí chí Nhiên Đăng, lịch thất vạn lục thiên Phật. Tùng Nhiên Đăng chí Tỳ Bà Thi, lịch thất vạn thất thiên Phật.

(疏)從尸棄至燃燈，歷七萬六千佛。從燃燈至毗婆尸，歷七萬七千佛。

*(**Sớ**: Từ Phật Thi Khí đến Phật Nhiên Đăng, trải qua bảy vạn sáu ngàn vị Phật. Từ Phật Nhiên Đăng cho đến Phật Tỳ Bà Thi, trải qua bảy vạn bảy ngàn vị Phật).*

Mỗi một giai đoạn là một A-tăng-kỳ kiếp, Ngài ở trong một A-tăng-kỳ kiếp gặp nhiều vị Phật như vậy.

(Sớ) Vân "tam kỳ" dã.
(疏) 云三祇也。
***(Sớ:** Nên nói là ba A-tăng-kỳ vậy).*

Chư Phật đồng danh đồng hiệu rất nhiều! Danh hiệu của Phật là do căn cơ của chúng sanh mà kiến lập. Quý vị phải hiểu: Phật, Bồ Tát hoàn toàn không có danh hiệu. Phàm phu chúng ta đặt danh hiệu quá nửa là ứng với kỳ vọng của chính mình. Trước kia, cha mẹ đặt tên cho con cái, nhằm biểu thị sự kỳ vọng của cha mẹ đối với cuộc đời của con cái. Chư Phật, Bồ Tát lập danh hiệu ứng theo nhu cầu của chúng sanh. Nói cách khác, đấy là tông chỉ dạy học của Phật, Bồ Tát. Đức Phật đến thành Phật trong thế giới Sa Bà này, danh hiệu của Ngài phải là Thích Ca Mâu Ni, bất luận là ai đến nơi này làm Phật, nhất định sẽ dùng danh hiệu ấy. Vì sao? Đối với thế giới Sa Bà, trong giai đoạn này phải dùng phương pháp ấy để dạy. Ý nghĩa của danh hiệu ấy (danh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật) là: Thích Ca là Năng Nhân, [Năng Nhân] có ý nghĩa nhân từ. Nói cách khác, chúng sanh trong thế giới Sa Bà này thiếu khuyết lòng từ bi. Do vậy, nêu lên tông chỉ này. Thiếu khuyết tâm từ bi, và tâm lại quá loạn, tâm chẳng thanh tịnh, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ. Do vậy, lại dùng hai chữ *"tịch mặc"*. Mâu Ni dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tịch Mặc. Do đây biết rằng: Thích Ca Mâu Ni là Năng Nhân Tịch Mặc, nhằm nói trúng ngay căn bệnh của chúng sanh trong thế giới Sa Bà. Chúng ta niệm danh hiệu này là phải sanh khởi tâm niệm nhân từ, phải khởi lên tâm niệm thanh tịnh tịch diệt của chính mình, mang ý nghĩa này.

Nếu đức Phật Bổn Sư của chúng ta đến làm Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng thể gọi là Thích Ca Mâu Ni Phật, vì danh hiệu ấy chẳng có ích gì trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy đều nhân từ, đều là đại từ, đại bi, quý vị còn muốn họ có lòng nhân thì chẳng có ý nghĩa gì cả! Ai nấy đều là nhất tâm bất loạn, tâm địa thanh tịnh; hai chữ Mâu Ni cũng không dùng được. Đem danh hiệu này đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì người trong Tây

Phương Cực Lạc đều đã tu thành tựu rồi, cho nên phải cần dùng Vô Lượng Thọ. Do đây, có thể biết rằng: Danh hiệu của Phật, Bồ Tát do chúng sanh mà kiến lập, Ngài đến thế giới nào, thị hiện thân phận như thế nào, danh hiệu khác nhau. Danh hiệu ấy chính là tông chỉ dạy học, mà cũng là mánh khóe dạy học, khiến cho hết thảy chúng sanh nghe tên, chấp trì, sẽ khởi lên quán chiếu, có thể đối trị những thói hư của chính mình. Do vậy, công đức của danh hiệu là chẳng thể nghĩ bàn.

"Cổ Thích Ca": Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật mới phát tâm tu hành, gặp một vị Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật. Trạng huống của chúng sanh trong thế giới ấy đại khái chẳng khác tình trạng hiện thời của chúng ta cho mấy: Thiếu khuyết tâm từ bi, tâm tư tán loạn. Do vậy, đức Phật mới dùng danh hiệu ấy, tu hành trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp.

(Sớ) Bị kinh đa kiếp, viễn chi hựu viễn.
(疏) 備經多劫，遠之又遠。
*(**Sớ**: Trải đủ nhiều kiếp, đã xa xôi lại càng xa hơn).*

Hai câu này hình dung Thích Ca Mâu Ni Phật từ nhân đến quả, từ Sơ Phát Tâm cho đến khi thành Phật đã trải qua nhiều kiếp. Chữ *"đa kiếp"* chỉ nhiều tiểu kiếp và đại kiếp. *"A-tăng-kỳ"* là một con số lớn, A-tăng-kỳ kiếp gồm quá nhiều kiếp! Do vậy, nói theo phương diện thời gian thì *"viễn chi hựu viễn"* (đã xa lại càng xa hơn).

Trong Phật Học Thập Tứ Giảng có nói tới Nhẫn Nhục Ba La Mật. Chúng ta tu pháp nếu không có tâm nhẫn nại thì làm sao thành tựu được? Con người hiện thời vẫn sợ chịu khổ, vậy là chẳng thể thành tựu! Trong Giới Kinh, đức Phật bảo chúng ta, khi Phật chẳng tại thế thì *"lấy Giới làm thầy"*, *"lấy khổ làm thầy"*. Vì sao? Khổ sẽ luôn nhắc nhở chính chúng ta phải cảnh tỉnh, hễ hưởng thụ sẽ mê hoặc, điên đảo. Do vậy, Phật pháp, đặc biệt là Phật pháp Đại Thừa, chẳng tán thành khổ hạnh vô ích, nhưng nếu khổ hạnh có lợi ích đối với sự tu học của chúng ta thì đức Phật vẫn khen ngợi. Hạnh Đầu Đà của Tiểu Thừa là tu khổ hạnh, còn Đại Thừa thì quý vị thấy trong kinh Hoa Nghiêm, nơi chương Đức Sanh Hữu Đức đồng tử, [hai vị thiện tri thức này] đại diện cho hàng Đẳng Giác Bồ Tát, trong chương ấy còn tán thán mười hai hạnh Đầu Đà, tán thán khổ hạnh. Khổ hạnh quả thật nhắc nhở chúng ta cảnh tỉnh, chẳng lưu luyến thế giới Sa Bà. Con người hễ hưởng lạc sẽ lưu luyến thế giới này, đặc biệt là tu pháp môn Tịnh Độ, nếu lưu luyến thế giới này, làm sao vãng sanh? Do vậy, chúng ta đừng sợ khổ, hễ có hoàn cảnh khổ hạnh thì chẳng cần nghĩ trọn

hết các phương pháp để tránh xa, [nếu tránh xa] sẽ là sai. Người tu hành phải nên *"tùy ngộ nhi an"* (an vui với hoàn cảnh), tùy duyên mà chẳng phan duyên. Khởi tâm động niệm tìm kiếm hoàn cảnh [sung sướng, thỏa ý] chính là phan duyên. Gặp những người chí đồng đạo hợp, đúng là có thể tự giúp chính mình mà còn có thể giúp đỡ Phật giáo, chúng ta có thể thường trụ ở nơi ấy.

Những vị đại đức xưa kia tạo lập tùng lâm. Lúc hình thành, thoạt đầu là mấy vị pháp sư chí đồng đạo hợp trụ ở nơi ấy để tấn tu. Người học từ bốn phương sau khi nghe danh các Ngài dần dần kéo tới nơi ấy. Trước kia, con người thật thà hơn hiện thời, họ cảm thấy nơi ấy rất thích hợp, bèn ở lại, không đi đâu nữa, dần dần biến thành tùng lâm có quy mô lớn. Do vậy, kiến lập tùng lâm hoàn toàn chẳng phải là trước hết xây cất rất nhiều nhà cửa, rồi mới từ từ chiêu sinh. Trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, tùng lâm chưa hề chiêu sinh, đều do mấy gian nhà tranh dần dần mở rộng, có bao nhiêu người thì cất thêm bấy nhiêu gian. Hiện thời, tại Đài Loan có rất nhiều ngôi chùa xây rất to mà chẳng có ai ở. Thời đại Mạt Pháp mới có hiện tượng này! Do vậy, tu hành nhất định phải có tâm nhẫn nại, phải nhẫn nhục thì mới có thành tựu, nhất là đại chúng sống cùng một chỗ với nhau, đôi bên đều là phàm phu, tập khí đều rất nặng, nhất định phải nhường nhịn.

(Sớ) Nhi kim bất việt nhất niệm, tật siêu sanh tử.

(疏) 而今不越一念，疾超生死。

*(**Sớ:** Nhưng nay chẳng vượt khỏi một niệm, nhanh chóng vượt thoát sanh tử).*

Đây là nói pháp môn này thù thắng, chẳng cần phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, trong *"nhất niệm"* bèn vượt thoát. Nhất niệm là niệm gì vậy? Dưới đây sẽ nói rất rõ ràng.

(Sớ) Nhất niệm giả, tức năng niệm A Di Đà Phật chi nhất niệm dã.

(疏) 一念者，即能念阿彌陀佛之一念也。

*(**Sớ**: Nhất niệm chính là một niệm, niệm A Di Đà Phật vậy).*

Quý vị phải đọc kinh văn cho rõ ràng, không phải là nói "niệm A Di Đà Phật bèn có thể vượt thoát" mà là *"nhất niệm"*. Hiện thời quý vị niệm A Di Đà Phật, không sai, nhưng quý vị vẫn niệm rất nhiều thứ, không

phải là một niệm, mà là đa niệm. Niệm A Di Đà Phật mà còn đa niệm sẽ chẳng thể vãng sanh, chẳng thể vượt trỗi ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Nếu quý vị có thể đoạn sạch hết thảy vọng niệm, chỉ có một niệm thì sẽ vượt thoát. Quý vị phải suy tính chuyện này cho kỹ, rốt cuộc là thế giới Cực Lạc tốt đẹp, hay là thế giới Sa Bà tốt đẹp? Chúng ta muốn thường sống trong thế giới Cực Lạc, hay là muốn sống mãi trong thế giới Sa Bà? So sánh sự tốt đẹp giữa hai thế giới. Thật sự so sánh rồi nếu chọn lựa Tây Phương Cực Lạc thế giới thì phải buông xuống, phải xả được, bỏ nơi này, sẽ được Tây Phương Cực Lạc thế giới, như vậy thì mới có thể đạt được. Chẳng bỏ nơi đây sẽ chẳng đạt được thế giới Tây Phương. Xả sẽ được! Xả gì vậy? Xả hết thảy vọng niệm, nhất tâm niệm Phật, *"nhất tâm"* là nhất niệm, *"nhất niệm"* chính là nhất tâm. Trong tâm chẳng khởi tâm động niệm thì thôi, hễ khởi tâm động niệm bèn A Di Đà Phật, không có ý niệm thứ hai nào, niệm Phật như vậy sẽ thành công, hễ còn có tạp niệm là sai rồi! Ở đây chú trọng nhất niệm, chứ không chú trọng năng niệm. Sách Sớ Sao đã đặc biệt chỉ ra, nhất niệm chính là một câu Phật hiệu "A Di Đà Phật".

(Sớ) Chư thánh giả, Phật cập Bồ Tát dã. Tự phàm vọng thánh, cách chi hựu cách.

(疏) 諸聖者，佛及菩薩也。自凡望聖，隔之又隔。

*(**Sớ:** "Chư thánh" là Phật và Bồ Tát. Từ phàm hướng về thánh thì đã xa cách lại càng cách xa).*

Từ phàm phu nhìn vào thánh nhân, đã xa cách lại càng cách xa, khoảng cách quá xa. Được gọi là *"thánh nhân"* chính là các vị đại Bồ Tát đã đăng địa (từ Sơ Địa trở lên) mới gọi là thánh nhân. Phật, Đẳng Giác Bồ Tát, Thập Địa Bồ Tát, mười hai địa vị này được gọi là Thánh, những địa vị khác đều gọi là Tam Hiền Vị Bồ Tát. Phàm phu nhìn vào hàng Bồ Tát thuộc thánh vị, đúng là đã xa cách lại càng cách xa, nhưng hiện thời thì như thế nào?

(Sớ) Nhi kim bất xuất phiến ngôn, trực đăng Bất Thoái.

(疏) 而今不出片言，直登不退。

*(**Sớ:** Nhưng nay chẳng rời khỏi một câu, lên thẳng địa vị Bất Thoái).*

Sự "xa cách lại càng cách xa" bị tiêu trừ, dựa vào đâu để tiêu trừ? Dựa vào một câu A Di Đà Phật, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Rốt cuộc vẫn là thật hay giả vậy? Những điều này do chư Phật Như Lai, lịch đại tổ sư an ủi, khuyến khích chúng ta, hay là thật sự có chuyện ấy? Thưa cùng quý

vị, nếu chư Phật, Bồ Tát an ủi, khuyến khích chúng ta thì các Ngài là đại vọng ngữ, chắc chắn không thể nào như vậy được! Như Lai là bậc như ngữ, tức nói đúng như sự thật, sự thật như thế nào Ngài sẽ nói như thế ấy, chẳng tăng, chẳng giảm, hoàn toàn phù hợp chân tướng sự thật, chẳng giả tí nào! *"Trực đăng Bất Thoái"*: Trong lời chú giải nêu rõ...

(Sớ) Bất Thoái hữu tứ.

(演) 不退有四。

*(**Sớ:** Bất Thoái có bốn loại).*

Trong tương lai, đến phần kinh văn sẽ càng giảng [ý nghĩa Bất Thoái] tường tận hơn, ở đây chỉ nói đại lược.

(Diễn) Dĩ vị đoạn phiền não, sanh Đồng Cư độ, vi Nguyện Bất Thoái. Phá Kiến Tư, sanh Phương Tiện độ, vi Hạnh Bất Thoái.

(演)以未斷煩惱，生同居土，為願不退。破見思，生方便土，為行不退。

*(**Diễn**: Do chưa đoạn phiền não, sanh vào cõi Đồng Cư là Nguyện Bất Thoái. Phá Kiến Tư phiền não, sanh vào cõi Phương Tiện là Hạnh Bất Thoái).*

Chưa đoạn phiền não, nhưng phải chế phục phiền não, quý vị nhất định phải nhớ điều này. Nói tới đây, hôm nay khi dùng cơm tôi nghe các đồng học nói: Sau khi khóa giảng ở đây viên mãn, lại muốn sang chùa miếu khác tham phỏng, đó là năm mươi ba lần tham học, rất hiếm có! Nhưng quý vị phải hiểu: Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần là sau khi Ngài đã đắc Căn Bản Trí. Do vậy, Ngài tham phỏng để thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí. Hiện thời quý vị chưa đắc Căn Bản Trí, đến các nơi tham học, kết quả là vô lượng vô biên tri kiến, đâm ra chính mình chẳng có gì để noi theo. Vì vậy, tham học có một điều kiện. Cổ nhân cầu pháp ắt phải có một vị thầy căn bản, đấy là sư thừa. Phải đại triệt đại ngộ dưới tòa của vị thầy căn bản ấy rồi mới có thể lìa khỏi thầy, sau khi rời khỏi thầy bèn tham học, không có bản lãnh ấy, chẳng được! Có thể phân biệt chân - vọng, thị - phi, trong hết thảy cảnh giới nghe hiểu rõ ràng, quyết chẳng bị ảnh hưởng, quyết định chẳng dao động. Đó gọi là *"chẳng chấp lấy tướng, như như bất động"*. Có bản lãnh ấy thì mới có thể tham học. Không có bản lãnh ấy sẽ chẳng thể tham học. Con người hiện thời chẳng

chịu làm như vậy. Vì thế, không có phước báo. Học sinh theo thầy chẳng chịu tách lìa, hạng học sinh như vậy tìm chẳng ra. Học sinh hiện thời thân cận một vị thầy, đại khái bảy ngày là cùng! Không có tâm nhẫn nại, bảy ngày thôi! Tôi nghe ông giảng kinh gần như tôi đã biết rồi, không cần phải học nữa, bỏ đi thôi! Như vậy thì làm sao mà thành công được? Do vậy, thật sự có thiện tri thức thì cũng chẳng thể nhận quý vị [làm học trò] được!

Trong pháp môn Tịnh Độ, trong mấy năm gần đây nhất đã nổi lên một trận phong ba về chuyện đới nghiệp vãng sanh và tiêu nghiệp vãng sanh, những người niệm Phật trong ngoài nước bị ảnh hưởng rất lớn. Từ xưa đến nay, trong pháp môn này đều nói *"đới nghiệp vãng sanh"*, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đều chưa đoạn phiền não. Đột nhiên có cư sĩ Trần Kiến Dân hướng dẫn một nhóm học trò tra cứu kinh điển, bảo trong kinh điển, Thích Ca Mâu Ni Phật chưa hề nói *"đới nghiệp vãng sanh"*, rồi ông ta chủ trương *"tiêu nghiệp vãng sanh"*. Do vậy, tất cả người niệm Phật đều hoang mang, chẳng thể đới nghiệp, hỏng bét! Chúng ta chưa đoạn nghiệp, chẳng thể vãng sanh! Khi ấy tôi đến Mỹ, cư sĩ Châu Tuyên Đức vừa gặp mặt liền hỏi ngay chuyện này. Tôi bảo ông ta: "Tiêu nghiệp và đới nghiệp là một chuyện, tiêu một ít, mang theo một ít, mang theo một ít, tiêu một ít, đấy là cùng một chuyện. Nói tiêu nghiệp cũng được! Mà nói mang theo nghiệp (đới nghiệp) cũng được!" Tôi bảo ông ta: "Nếu chẳng mang theo nghiệp thì sẽ thành Phật hết rồi, Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh. Nếu chẳng thể đới nghiệp, phải tiêu hết nghiệp mới được vãng sanh thì Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có chư Phật và chư Phật, Đẳng Giác Bồ Tát đều chẳng có phần!"

Nếu nói kinh điển không có bốn chữ *"đới nghiệp vãng sanh"* thì những gì Phật không nói quá nhiều! Tuy không có câu nói ấy, không có mặt chữ ấy, nhưng ý nghĩa thì có! Tịnh Độ có nói *"ba bậc, chín phẩm"* hay chăng? Có! Nếu chẳng đới nghiệp, thử hỏi làm sao giảng ba bậc, chín phẩm cho xuôi? Giảng chẳng xuôi! Đã nói "ba bậc, chín phẩm", đương nhiên là đới nghiệp vãng sanh. Do vậy, chẳng thể dễ dãi để luận điệu của một cá nhân lay động căn bản của chính mình, khiến tín tâm của chính mình bị dao động, lầm lẫn quá lớn rồi! Nói tiêu nghiệp cũng suông, là vì ví như sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tuy chưa đoạn phiền não, chủng tử, tập khí phiền não chưa đoạn, nhưng nhất định phải tiêu trừ phiền não hiện hành, há chẳng phải là tiêu một phần, mang theo một phần ư? Khuất phục phiền não, sức của một câu Phật hiệu chẳng chế ngự được phiền não sẽ chẳng thể vãng sanh. Đây là đạo lý nhất định!

"Phá Kiến Tư" tức là tiêu Kiến Tư phiền não, tiêu nghiệp đấy! *"Sanh vào cõi Phương Tiện là Hạnh Bất Thoái"*: Tiêu trừ Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não vẫn còn, Vô Minh phiền não vẫn mang theo, há chẳng phải là tiêu một chút, mang theo một chút ư? Tiêu nhiều thì mang theo ít, tiêu ít thì mang theo nhiều; tiêu càng nhiều, phẩm vị càng cao; mang theo càng nhiều phẩm vị càng thấp, chuyện là như vậy đó. Có gì mà phải tranh cãi nữa? Chẳng cần phải tranh chấp. Cùng là một chuyện, cùng một ý nghĩa; nhưng hai câu nói này, mỗi câu có dụng ý riêng. Nói "đới nghiệp vãng sanh" thì chúng ta nghe câu này, chính mình cảm thấy Tây Phương Tịnh Độ ta có phần, ai nấy đều kiến lập cái tâm tự tin cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Mang theo nghiệp vẫn được vãng sanh, được đấy! Chúng ta có hy vọng, có thể mong mỏi rồi! Nói tiêu nghiệp mới có thể vãng sanh thì cũng nhằm dụng ý khác: Hy vọng quý vị tiêu nghiệp nhiều một chút, hy vọng quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới tăng cao phẩm vị. Hai cách nói vốn không mâu thuẫn, đều hay cả! Như vậy thì sẽ tiêu trừ được cách nhìn lệch lạc của nhiều người, lại còn sốt sắng niệm Phật, nhất tâm chấp trì danh hiệu, chắc chắn có thể vãng sanh.

Sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư là mức thấp nhất, là tối thiểu. Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, cũng có ba bậc, chín phẩm. Trong kinh và các bản chú sớ đều nói điều này rất tường tận: Mỗi cõi trong bốn cõi đều có ba bậc chín phẩm. Do vậy, chúng ta sốt sắng đoạn phiền não; trước hết, khuất phục phiền não, công lực đạt tới mức thì sẽ tự nhiên có thể đoạn được phiền não. Công phu khuất phục phiền não cũng có sâu hay cạn khác nhau, quý vị có thể tự mình kiểm nghiệm chuyện này. Ví như niệm Phật, năm thứ nhất công phu như thế nào, năm thứ hai công phu ra sao, năm thứ ba công phu ra sao? Tự mình có thể thấy được! Lúc khởi đầu khuất phục phiền não, muốn khuất phục phiền não cũng không được, miễn cưỡng lắm mới có thể khuất phục phiền não, công phu tăng tấn hơn thì khuất phục phiền não chẳng tốn công sức cho lắm. Khi tiến bộ hơn, rất dễ dàng khuất phục phiền não. Từ những điều này mà có thể thấy công phu niệm Phật là sâu hay cạn, chứ không phải do niệm Phật mỗi ngày bao nhiêu câu. Quý vị một ngày niệm mười vạn tiếng, nhưng chẳng thể chế phục phiền não thì vẫn uổng công, chẳng thể vãng sanh! Công phu là do chế phục phiền não, thật sự có thể chế phục nó. Công phu tối thượng thừa là đoạn vô minh. Trần Sa, vô minh cũng phải chế phục trước rồi sau mới đoạn, ba bậc chín phẩm do đây mà có. Do vậy, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư là Nguyện Bất Thoái, sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư là Hạnh Bất Thoái.

(Diễn) Phá trần sa, phần phá vô minh, sanh Thật Báo độ, vi Trí Bất Thoái.

(演) 破塵沙，分破無明，生實報土，為智不退。

*(**Diễn:** Phá trần sa, phá một phần vô minh, sanh vào cõi Thật Báo là Trí Bất Thoái).*

Trong kinh văn gọi Trí Bất Thoái là Niệm Bất Thoái.

(Diễn) Phá Tam Hoặc tận, sanh Tịch Quang độ, vi Vị Bất Thoái, tắc Bất Thoái danh đồng, nhi thiển thâm tự biệt.

(演)破三惑盡，生寂光土，為位不退。則不退名同，而淺深自別。

*(**Diễn**: Phá sạch Tam Hoặc, sanh vào cõi Tịch Quang là Vị Bất Thoái. Tuy cùng gọi là Bất Thoái, nhưng cạn, sâu khác nhau).*

"Phá Tam Hoặc tận" (phá sạch Tam Hoặc): Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh đều đoạn sạch, *"sanh vào cõi Tịch Quang"*, tức Thường Tịch Quang Tịnh Độ. *"Vị Bất Thoái"*: Đây là địa vị Phật, không phải là địa vị của hàng Bồ Tát. Nói cách khác, đã thành Phật, tuyệt đối chẳng lui sụt xuống địa vị phàm phu. Đây cũng là điều chúng ta rất quan tâm. Trong kinh Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lâu Na hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật: "Chúng con tốn bao nhiêu thời gian tu hành như vậy, sau khi thành Phật có khởi vô minh nữa hay không? Có còn lui sụt xuống phàm phu nữa không?" Ở đây, đại sư bảo chúng ta: Thật sự đoạn sạch Tam Hoặc, trụ trong Thường Tịch Quang Tịnh Độ, tuyệt đối chẳng thoái chuyển! Dẫu thừa nguyện tái lai, thả chiếc bè Từ, vẫn chẳng thoái chuyển.

Ví như Quán Âm Bồ Tát đã sớm thành Phật, Ngài quyết định chẳng thoái chuyển, tuy Ngài thị hiện làm Đẳng Giác Bồ Tát trong Tây Phương Tịnh Độ, thật ra, Ngài vẫn là Phật. Trong hội Hoa Nghiêm, Ngài xuất hiện dưới thân phận Đệ Thất Hồi Hướng Bồ Tát, Ngài vẫn là Phật. Trong hội Lăng Nghiêm, Ngài thị hiện thuộc địa vị Sơ Trụ, Ngài vẫn là Phật. Đấy là tùy loại hóa thân, nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy, chắc chắn chẳng thoái chuyển. Ví như quý vị học đến học vị Tiến Sĩ, có tư cách đảm nhiệm chức vụ giáo sư đại học, mà cũng có thể làm giáo viên tiểu học. Khi làm giáo viên tiểu học, có phải là học vị Tiến Sĩ đã bị lui sụt hay không? Học vị của quý vị vẫn là Tiến Sĩ, chẳng bị lui sụt. Phật, Bồ Tát vì

độ hết thảy chúng sanh, thân phận luôn chuyển biến, đấy là đại từ đại bi tùy loại hiện thân. Ở đây, nói tới bốn thứ Bất Thoái, cùng mang tên là Bất Thoái, nhưng trong ấy có sai biệt sâu hay cạn rất lớn.

Những điều này đều nhằm giải thích công đức lợi ích do thọ trì một câu danh hiệu Di Đà, vượt trỗi sự tu hành trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chẳng ngăn cách với chư Phật và Bổ Xứ Bồ Tát mà hòa lẫn thành một khối. Chỉ cần quý vị vãng sanh Tây Phương thế giới, dẫu là hạ phẩm hạ sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, quý vị vẫn có thể hằng ngày ở chung một chỗ với các vị Đẳng Giác Bồ Tát. Sức huân tập to lớn dường ấy! Trong hết thảy kinh luận khác chúng ta chưa hề thấy cơ duyên này! Trong hết thảy các thế giới chư Phật cũng không có, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới có nhân duyên thù thắng như vậy. Do vậy, pháp môn này mới được mười phương hết thảy chư Phật khen ngợi, kinh này chỉ nêu đại lược sáu phương Phật khen ngợi. Kinh này là kinh chẳng thể nghĩ bàn, pháp môn này là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn. Kinh này vốn có tên là Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh. Quý vị hãy suy nghĩ đề mục kinh này, chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Chí tai nhị cú, tán từ. Chí, cực dã.

(疏) 至哉二句，讚辭。至，極也。

*(**Sớ**: Hai câu "tột bực thay" là lời khen ngợi. Chí là tột bậc).*

Đạt đến chỗ cùng cực,

(Sớ) Chí cực nhi vô dĩ gia dã.

(疏) 至極而無以加也。

*(**Sớ**: Đạt đến chỗ cùng cực không còn thêm gì được nữa).*

Câu này nói thật đấy! Trong bốn mươi chín năm, Thích Ca Mâu Ni nói hết thảy pháp môn, pháp môn này cao chót vót, chí cao vô thượng! Không còn có pháp môn nào cao hơn, không có pháp môn nào viên mãn hơn. Đấy là khen ngợi đến tột bực. Chúng ta nghe lời tán thán như vậy, chưa chắc đã đồng ý, vì sao? Anh tu Tịnh Độ, anh khen ngợi Tịnh Độ. Tục ngữ có câu: *"Lão Vương mại qua, tự mại, tự khoa"* (Ông già Vương bán dưa, tự bán, tự khoe). Há có phải Liên Trì đại sư cũng mắc cái tật ấy hay chăng? Trong phần sau, lão nhân gia nêu bày Lý - Sự đến tột cùng, chúng ta nghe xong chẳng thể không tin tưởng.

(Sớ) Diệu giả, tức thượng tứ cú tổng minh diệu nghĩa.

(疏) 妙者，即上四句總明妙義。

*(**Sớ**: "Diệu" là bốn câu trong phần trên đã nêu tổng quát ý nghĩa của Diệu).*

Bốn câu *"trừng trược nhi thanh, phản bối nhi hướng, việt tam kỳ ư nhất niệm, tề chư thánh ư phiến ngôn"* (lắng đục trở thành trong, bỏ trái nghịch để hướng về, vượt trỗi ba A-tăng-kỳ kiếp trong một niệm, bằng với chư thánh trong một lời) mầu nhiệm đến tột bực. Diệu dụng tột cùng vậy thay!

(Sớ) Dụng giả, lực dụng dã.

(Diễn) Lực dụng lực tự, nội hàm tam nghĩa.

(疏) 用者，力用也。

(演) 力用力字，內含三義。

*(**Sớ**: Dụng là lực dụng.*

***Diễn**: Chữ Lực trong "lực dụng" bao gồm ba ý nghĩa).*

Không nói ra thì chúng ta chẳng hiểu rõ, chẳng thể tin.

(Diễn) Nhất giả, bổn tánh công đức lực.

(演) 一者、本性功德力。

*(**Diễn**: Một là sức công đức của bổn tánh).*

Đây là điều mỗi người đều có sẵn, sức ấy chẳng thể nghĩ bàn, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do sức này biến hiện ra. Tự tánh vốn sẵn có đủ, đấy là Tánh Đức. Câu thứ hai nói về Tu Đức. Tuy có Tánh Đức, nhưng nếu không có Tu Đức, Tánh Đức chẳng thể hiện tiền.

(Diễn) Nhị giả, hành nhân niệm lực.

(演) 二者、行人念力。

*(**Diễn**: Hai là niệm lực của hành nhân).*

"Hành nhân" là người phát tâm tu học pháp môn Tịnh Độ, mà cũng là người phát tâm trì danh niệm Phật. Người ấy có thể niệm, chịu niệm, niệm niệm chẳng lìa Phật hiệu, chẳng khởi tâm động niệm thì thôi. Hễ

khởi tâm động niệm bèn "A Di Đà Phật". Sức ấy chẳng thể nghĩ bàn! Đấy là Tự Lực.

(Diễn) Tam giả, Di Đà nguyện lực.
(演) 三者、彌陀願力。
*(**Diễn**: Ba là Di Đà nguyện lực).*

Loại thứ ba là Tha Lực, tức *"Di Đà nguyện lực"*. Pháp môn này được gọi là "pháp môn Nhị Lực", nhưng quý vị phải hiểu: Di Đà nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn!

Di Đà nguyện lực tuyệt đối bình đẳng, rộng lớn, sâu xa, nhưng nếu niệm lực của bản thân chúng ta chẳng đầy đủ, sẽ chẳng thể kết thành một Thể với Di Đà nguyện lực. Di Đà nguyện lực dẫu lớn cũng không có cách nào giúp chúng ta vãng sanh.

Nhất định phải thành tựu niệm lực của chính mình thì mới có thể kết thành một Thể với Di Đà nguyện lực. Như vậy thì mới có thể đới nghiệp vãng sanh. Tiếp theo đây là tỷ dụ.

(Diễn) Bổn tánh như châu thuyền.
(演) 本性如舟船。
*(**Diễn:** Bổn tánh như thuyền ghe).*

Là bản thể.

(Diễn) Niệm lực như lỗ trạo.
(演) 念力如櫓棹。
*(**Diễn:** Niệm lực như mái chèo).*

Chèo thuyền, thuyền nhỏ dùng Tương (槳: mái chèo nhỏ), thuyền lớn dùng Lỗ (櫓: mái chèo to).

(Diễn) Nguyện lực như thuận phong, tam lực châu viên, tất đăng bỉ ngạn cố.
(演) 願力如順風。三力周圓，必登彼岸故。
*(**Diễn:** Nguyện lực như xuôi gió. Ba lực trọn đủ, ắt lên được bờ kia).*

Câu này nói rõ vì sao quý vị có thể vãng sanh, và cũng nói rõ vì sao quý vị có thể thành tựu trong một đời, chẳng cần phải trải qua ba đại A-

tăng-kỳ kiếp, đạo lý là đây. Những pháp môn khác nói đến thành tựu, nói chung nêu ra một đạo lý khiến cho chúng ta tin tưởng, chúng ta có thể suy nghĩ, và thấy đạo lý ấy hợp lý, vậy là đúng, thì chúng ta mới có thể tin tưởng. Đạo lý này nói hết sức bình thường, chân thật. Đức Thế Tôn, A Di Đà Phật chẳng gạt người, chẳng nói: "Chỉ cần ngươi đến chỗ ta, tôn ta làm thầy, ta sẽ xoa đầu ngươi, thọ ký cho ngươi, ngươi có thể vãng sanh!" Hoặc là: "Ta cấp cho ngươi một giấy chứng nhận, trong tương lai ngươi có thể dựa vào giấy chứng nhận ấy để tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, không cần phải niệm Phật". Trong thời kỳ Mạt Pháp, những kẻ tác quái rất nhiều, chúng sanh đúng là ngu si, mắc lừa dễ dàng! Những điều ấy là giả, chẳng phải thật, làm sao có chuyện chẳng tốn sức mà có thể vãng sanh? Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn Niệm Phật của Tịnh Độ được gọi là *"dị hành đạo"* (đạo dễ hành), không có pháp nào khác dễ dàng bằng! Tuy dễ dàng, nhưng chính mình phải niệm đến mức nhất tâm, đấy là điều kiện cơ bản, nhất tâm xưng niệm. Ngàn vạn phần đừng bị kẻ khác dối gạt!

Công phu là gì? Chế phục phiền não là công phu, phá Ngã Chấp là công phu. Bất luận quý vị dùng phương pháp thiện xảo nào, nếu chẳng thể chế phục phiền não, chẳng thể phá Ngã Chấp thì đều là giả, chắc chắn chẳng phải là thật. [Nếu nghe kẻ nào khoe khoang] "dùng phương pháp này, quý vị đến nơi đây học, chẳng đầy mấy ngày bèn đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh", quý vị có tin được hay không? Quý vị cứ thử làm xem, đến học mấy ngày, khai ngộ rồi thì hãy xem sau khi khai ngộ là như thế nào. Ngộ rồi, "tôi đã khai ngộ rồi", vẫn còn có Ngã Chấp! "Quý vị chưa khai ngộ, chứ tôi đã khai ngộ rồi", Tứ Tướng trọn đủ: Ngã Tướng, Nhân Tướng, Chúng Sanh Tướng, Thọ Giả Tướng trọn đủ. Phân biệt, chấp trước, tà tri, tà kiến, thứ gì cũng chẳng thể tách lìa được, người ấy khai ngộ cái gì vậy? Tăng thượng mạn! Ngạo nghễ, ngã mạn, khai ngộ rồi mà coi thường người khác! Người khác chưa khai ngộ, kẻ ấy đã khai ngộ, không coi ai ra gì, giả trất! Sau khi ngộ, tâm sẽ thanh tịnh, bình đẳng, cung kính hết thảy. Người đã ngộ sẽ tu pháp môn nào? Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát. Trong kinh Hoa Nghiêm, sau khi ngộ, bắt đầu tu, lấy mười đại nguyện vương làm nguyên tắc, điều thứ nhất là *"lễ kính chư Phật"*. Người đã ngộ đối với bất cứ một ai sẽ nhất định là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm cung kính, quyết định chẳng ngạo nghễ, ngã mạn, quyết định chẳng có thói tự khen, chê người, người giác ngộ là như vậy đấy! Quý vị hãy đọc kinh Đại Thừa nhiều hơn, quý vị có thể thấy thấu suốt những màn kịch của bọn chúng, chẳng đáng ngó tới! Những kẻ ấy

đúng như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng"*.

(Sớ) Phù cấu tâm nan tịnh, hỗn nhược Hoàng Hà, vọng tưởng nan thâu, dật như bôn mã, lịch Hằng sa vô số lượng chi kiếp, luân chuyển vị hưu.

(疏)夫垢心難淨，混若黃河，妄想難收，逸如奔馬，歷恆沙無數量之劫，輪轉未休。

*(**Sớ**: Tâm nhơ khó tịnh, đục như Hoàng Hà. Vọng tưởng khó gom, phóng túng như ngựa chạy cuồng, trải vô số lượng kiếp nhiều như cát sông Hằng, luân chuyển chẳng ngớt).*

Đoạn này nói tâm chúng ta có vô lượng vô biên ô nhiễm, phiền não, vô minh, tà kiến, cảm vời quả báo đời đời kiếp kiếp luân hồi sanh tử. Chúng ta phải hiểu những nỗi khổ này, khổ quá sức!

(Sớ) Công Tam Tạng thập nhị bộ chi văn, giác lộ di viễn.

(疏) 攻三藏十二部之文，覺路彌遠。

*(**Sớ**: Dốc sức nơi kinh văn trong Tam Tạng mười hai bộ loại, đường giác ngộ xa vời vợi).*

Câu nào cũng đều là lời thật.

(Sớ) Nhi năng sử trược giả thanh, bối giả hướng, nhất niệm đốn siêu, phiến ngôn tức chứng, lực dụng chi diệu, hà khả tư nghị.

(疏)而能使濁者清，背者向，一念頓超，片言即證，力用之妙，何可思議。

*(**Sớ**: Nhưng có thể khiến cho đục biến thành trong, trái nghịch trở thành hướng về, nhanh chóng vượt thoát trong một niệm, do một lời liền chứng đắc, làm sao có thể nghĩ bàn lực dụng mầu nhiệm [của kinh A Di Đà] cho được?)*

Đoạn này nhằm giải thích lực dụng mầu nhiệm của kinh này thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta đọc mấy câu này phải nên tin tưởng. *"Tam Tạng"* (Tripitaka) là danh xưng chung của toàn bộ kinh điển trong Phật pháp. *"Thập nhị bộ"* (Dvādaśānga-Buddha-Vacana): Đức Phật nói kinh có mười hai phương thức, [mười hai phương thức ấy] được gọi là Thập

Nhị Bộ, tức là có mười hai thể loại bất đồng. Trong lời chú giải có nêu ra tên gọi của mười hai loại ấy.

(Diễn) Tam Tạng, vị Kinh, Luật, Luận.
(演) 三藏，謂經律論。
*(**Diễn**: Tam Tạng là Kinh, Luật, Luận).*

Nói chung, mọi người đều biết điều này. Còn một cách giải thích khác.

(Diễn) Hựu Phật Tạng, Bồ Tát Tạng, Thanh Văn Tạng.
(演) 又佛藏、菩薩藏、聲聞藏。
*(**Diễn**: Lại còn có nghĩa là Phật Tạng, Bồ Tát Tạng, và Thanh Văn Tạng).*

Phật Tạng là pháp Nhất Thừa. Theo cổ đại đức phán định, trong kinh điển chỉ có ba bộ là: Kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa thuộc Nhất Thừa Viên Giáo, có thể gọi là Phật Tạng. Kinh Phạm Võng là Nhất Thừa Biệt Giáo cũng có thể xưng là Phật Tạng. Bồ Tát Tạng là kinh Đại Thừa. Thanh Văn Tạng là kinh Tiểu Thừa. Kinh này (kinh A Di Đà) đặc biệt lắm! Nó vượt khỏi Tam Tạng mười hai bộ loại, đây chính là điều đại sư tán thán đến tột bậc. Tiếp theo là nói về mười hai bộ.

(Diễn) Thập nhị bộ, vị Tu Đa La.
(演) 十二部，謂修多羅。
*(**Diễn**: Mười hai bộ, gồm Tu Đa La...)*

Loại thứ nhất trong mười hai bộ là Tu Đa La (Sūtra), đây là tiếng Ấn Độ, có nghĩa là Khế Kinh, chuyên chỉ loại văn trường hàng, mà nay chúng ta gọi là "thể tài tản văn" (thể loại văn xuôi).

(Diễn) Trùng Tụng.
(演) 重頌。
*(**Diễn**: Trùng Tụng).*

Loại thứ hai là Trùng Tụng (Geya). Tụng (頌) tương tự như thi ca của Trung Quốc. Sau khi nói một đoạn khai thị, đức Phật thường dùng thể

tài thi ca, câu cú rất cân đối để nhắc lại ý nghĩa một lượt. Điều này có ý nghĩa rất sâu, vì phải ghi nhớ kinh văn; nếu không nhớ kinh văn, quý vị sẽ không có cách nào quán tưởng, nhưng văn trường hàng quá dài, chẳng thuận tiện tụng thuộc. Do vậy, dùng thể tài thi ca để nhắc lại một lượt những ý nghĩa trọng yếu cho tiện tụng thuộc. Đấy là ý nghĩa thứ nhất.

Còn một ý nghĩa khác nữa: Hội giảng kinh không giống như dạy học trong nhà trường, học sinh cố định, đến giờ lên lớp, mọi người đều có mặt. Ở nơi giảng kinh thì có kẻ đến trước, người đến sau, có khi đã giảng kinh được một nửa rồi họ mới tới. Đức Phật hết sức từ bi, đối với những người đến sau chưa nghe được nửa phần trước, Phật dùng kệ tụng để nhắc lại những ý chính trong phần trước một cách đơn giản, khiến cho người đến sau cũng có thể nắm được ý nghĩa hoàn chỉnh. Đấy là phương cách đại từ đại bi, cho nên trong kinh thường có Trùng Tụng. Trong kinh Hoa Nghiêm, Kệ Tụng hết sức nhiều, gần như sau mỗi đoạn văn trường hàng đều có một đoạn Kệ Tụng, quá nửa những đoạn Kệ Tụng ấy là Trùng Tụng, cho thấy Phật thật sự từ bi!

(Diễn) Thọ Ký.
(演) 授記。
*(**Diễn**: Thọ Ký).*

Loại thứ ba là Thọ Ký (Vyākarana), tức là dự ngôn (lời tiên đoán), có thể đoán trước quý vị sẽ thành Phật khi nào trong tương lai, ở trong thế giới nào, Phật có danh hiệu là gì, thế giới có tên gọi là gì, quý vị sẽ giảng kinh bao nhiêu hội tại đó, độ bao nhiêu chúng sanh. Thế nhưng để được thọ ký phải có điều kiện: Gần như là đã đạt đến Thập Địa Bồ Tát mới được thọ ký, vì vị ấy chẳng bao lâu sẽ thành Phật. Đang là hạng phàm phu sát đất thì sẽ thọ ký điều gì cho quý vị? Trong Phật pháp, đó là thọ ký quý vị sẽ thành Phật.

(Diễn) Cô Khởi Tụng.
(演) 孤起頌。
*(**Diễn**: Cô Khởi Tụng).*

Loại thứ tư là Cô Khởi Tụng (Gāthā), đây cũng là Kệ Tụng. Loại Kệ Tụng này không phải là Trùng Tụng, mà nhằm để nói những điều chưa được nói tới trong phần trước. Do vậy, loại Kệ Tụng này không nhiều. Những điều chưa được nói đến trong phần trước, sẽ dùng Kệ Tụng để bổ sung, khiến cho ý nghĩa hoàn chỉnh hơn. Hoặc là đối với những điều đã

nói tới trong phần trước, ngay khi ấy có người hỏi, trong thính chúng có nghi vấn, tuy [người có nghi vấn ấy] chưa nêu ra, nhưng trong tâm đã dấy lên ý niệm, Phật liền biết ngay (Phật có Tha Tâm Thông), Ngài bèn dùng Cô Khởi Tụng để trả lời. Trong kinh Đại Thừa chúng ta thường thấy Phật trả lời câu hỏi của chúng sanh, có trường hợp là *"ý thỉnh"* (trong tâm muốn hỏi), hoàn toàn chẳng phải là ngôn ngữ. Trong tâm có ý nghĩ ấy, đức Phật liền biết ngay, giảng cho họ.

(Diễn) Vô Vấn Tự Thuyết.

(演) 無問自說。

*(**Diễn**: Vô Vấn Tự Thuyết).*

Loại thứ năm là Vô Vấn Tự Thuyết (Udāna). Pháp môn này nhất định phải là pháp môn rất đặc biệt. Quy củ thuyết pháp của đức Phật nhất định là phải có người thỉnh pháp rồi mới thuyết pháp. Nói chung là có người khải thỉnh, có như vậy thì mọi người mới tôn trọng Phật pháp. Không có ai đến hỏi, mà Phật tự nói thì pháp môn ấy có hai ý nghĩa:

- Ý nghĩa thứ nhất là cơ duyên [của thính chúng] chín muồi.

- Ý nghĩa thứ hai là [pháp sẽ được nói ấy] hết sức trọng yếu, tuy mọi người không hỏi vẫn phải nên nói.

Kinh Di Đà thuộc loại Vô Vấn Tự Thuyết. Kinh này tuy không có ai khải thỉnh, nhưng duyên đã chín muồi, người trong thế giới này có thể tu pháp môn này, pháp môn này sẽ khiến cho quý vị thành tựu rất nhanh chóng. Do vậy, kinh này hết sức trọng yếu. Nói thật ra, kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa đều chẳng trọng yếu bằng kinh này. Nay quý vị học Hoa Nghiêm, học Pháp Hoa, chẳng thể vãng sanh trong một đời, chỉ có thể gieo thiện căn mà thôi! Chiếu theo phương pháp ấy để tu hành, sẽ chẳng thể thành tựu trong một đời. Pháp môn này có thể thành tựu ngay trong một đời, quyết định thành tựu. Do vậy, pháp môn này là chẳng thể không nói.

(Diễn) Nhân Duyên, Thí Dụ, Bổn Sự, Bổn Sanh, Phương Quảng, Vị Tằng Hữu, Luận Nghị.

(演) 因緣，譬喻，本事，本生，方廣，未曾有，論議。

*(**Diễn**: Nhân Duyên, Thí Dụ, Bổn Sự, Bổn Sanh, Phương Quảng, Vị Tằng Hữu, Luận Nghị).*

Loại thứ sáu là Nhân Duyên (Nidāna), loại thứ bảy là Thí Dụ (Avadāna), loại thứ tám là Bổn Sự (Itivrttaka), loại thứ chín là Bổn Sanh (Jātaka). Bổn Sự và Bổn Sanh đều là Phật kể những câu chuyện hoặc công án trong khi Ngài còn tu nhân, đều là những chuyện tu hành trong quá khứ để chúng ta tham khảo, hiểu đức Phật đã tu hành thành tựu như thế nào trong đời đời kiếp kiếp, nêu gương cho chúng ta. Loại thứ mười là Phương Quảng (Vaipulya). Phương Quảng là danh xưng chung của các kinh Đại Thừa, Lý phương chánh (chính xác, chân thật), Dụng quảng đại (rộng lớn). Loại thứ mười một là Vị Tằng Hữu (Adbhutadharma), những điều được giảng trong kinh đều chẳng thể nghĩ bàn, là những Lý và Sự hết sức hy hữu. Loại thứ mười hai là Luận Nghị (Upadeśa), đây là những thứ nghiên cứu, thảo luận, và rất nhiều cuộc vấn đáp của các đệ tử Phật nhằm thảo luận vấn đề.

Trong kinh Phật có mười hai thể tài, cổ nhân dịch là *"mười hai bộ kinh"*. Mười hai bộ kinh chính là toàn thể kinh điển nhà Phật. Nếu hiểu kinh Phật chỉ có mười hai bộ là sai! Trong mỗi loại này, không biết có bao nhiêu bộ kinh! Về sau, cổ đại đức sợ người ta nhìn mặt chữ hiểu lầm nên dịch thành *"mười hai phần giáo"*, như vậy sẽ chẳng dễ gì hiểu lầm! Trong từ ngữ *"mười hai phần giáo"*, *"phần"* là bộ phận, cũng có thể hiểu là chủng loại, tức là có mười hai phương thức dạy học. Đây là giới thiệu đơn giản về Tam Tạng Thập Nhị Bộ.

"Công Tam Tạng thập nhị bộ chi văn" (dốc sức nơi văn tự của Tam Tạng mười hai phần giáo): Nếu quý vị thật sự phát tâm đọc Đại Tạng Kinh, thâm nhập kinh tạng, *"giác lộ di viễn"* (đường giác ngộ xa vời): Kinh văn dài quá, khai ngộ xa vời vợi không kỳ hạn, khó quá! Vừa bắt đầu đọc thì đọc phần trước chẳng biết phần sau, xem đến phần sau lại quên sạch phần trước, vô ích! Lại không có khả năng vừa xem qua liền chẳng quên, nói chung là được phần trước, sót phần sau. Ở đây, đại sư khuyên chúng ta đừng theo phương cách này, phải buông xuống, chuyên dốc sức nơi một bộ kinh, đại sư có ý này. Hãy chuyên dốc sức nơi một bộ kinh, chuyên niệm một câu A Di Đà Phật thì quý vị mới có khả năng thành công. Nếu chẳng dùng phương pháp này, muốn dùng biện pháp khác để thành công, tôi bảo quý vị: Tôi không tin. Quý vị tu Thiền hay Mật, tôi đều chẳng tin! Tôi chưa tham Thiền, nhưng kinh điển trọng yếu của nhà Thiền là Đàn Kinh, Đại Châu Hòa Thượng Ngữ Lục, Vĩnh Gia Đại Sư Thiền Tông Tập, Chứng Đạo Ca, tôi đều đã giảng qua. Tôi chẳng phải là kẻ xa lạ với Thiền, lý luận, phương pháp, cảnh giới nhà Thiền tôi đều hiểu. Đối

với Mật, cũng không phải là kẻ xa lạ. Tôi theo Chương Gia đại sư, tôi thân cận Ngài ba năm, những cách thức trong Mật Tông tôi cũng biết rất nhiều, chẳng thể lừa tôi được! Do vậy, quý vị nói có thể thành tựu nhờ pháp môn nào đó, tôi không tin. Pháp môn Niệm Phật có thể thành tựu, tôi tin sâu xa chẳng nghi, chắc chắn có thể thành công. Nay đã hết giờ rồi!

Tập 20

Xin đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, trang hai mươi hai:

(Sớ) Dụng tùng Thể Tướng nhi xuất, cố chỉ ngôn diệu dụng dã.
(疏) 用從體相而出，故止言妙用也。
*(**Sớ**: Dụng do Thể và Tướng mà có, nên chỉ nói đến diệu dụng).*

"Dụng" là tác dụng, nhất định là phải nương vào Lý Thể hiện tướng mà sanh ra.

(Diễn) Dụng tùng Thể Tướng nhi xuất giả, Phật chứng bình đẳng Chân Như Hằng sa tánh đức.
(演) 用從體相而出者。佛證平等真如恆沙性德。
*(**Diễn**: "Dụng do Thể Tướng mà có": Phật chứng Hằng sa tánh đức của Chân Như bình đẳng).*

Câu này nói về Thể. *"Phật"* được nói ở đây chính là mười phương ba đời hết thảy chư Phật, đặc biệt là Phật trong Viên Giáo, mà cũng là nói những vị đã chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là *"bình đẳng Chân Như"*. *"Hằng sa tánh đức"*: Ở đây, hai chữ *"Hằng sa"* (cát sông Hằng) hình dung ý nghĩa vô lượng vô biên, hình dung đức dụng của bổn tánh, tức là tác dụng của nó.

Những tác dụng ấy vốn sẵn có đầy đủ, chẳng phải do học từ bên ngoài mà có. Trong câu này, chúng ta đặc biệt chú ý chữ *"bình đẳng"*. Nay chúng ta tu học, chẳng thể chứng quả, chẳng thể khai ngộ, là vì tâm chẳng bình đẳng. Đấy là vấn đề lớn! Vì sao tâm chẳng bình đẳng? Chấp trước cứng ngắc, Ngã Chấp, Pháp Chấp. Thật sự học Phật, thật sự tu hành, ắt phải chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí.

Cổ nhân thường nói: *"Tu hành quan trọng là chuyển Thức thành Trí"*. Câu nói này là chân lý ngàn vạn phần chính xác, vĩnh viễn chẳng thay đổi. Tâm bình đẳng chính là chân tâm, tướng bình đẳng là như như. Tác dụng của tâm tướng bình đẳng là *"Hằng sa tánh đức"*. Chúng ta phải nỗ lực tại chỗ này, trong mười hai thời, hễ tâm vừa mới bất bình đẳng (vừa mới phát hiện bất bình đẳng) liền phải dấy lên Phật hiệu, Phật hiệu đánh thức cái tâm mê của chúng ta, khiến cho tâm bất bình đẳng khôi phục sự

bình đẳng. Bình đẳng mới là bình thường, đúng mực, bất bình đẳng chẳng phải là bình thường, đúng mực. Đức Phật đã chứng bình đẳng.

Nói cách khác, chẳng những thức thứ sáu và thức thứ bảy đã chuyển thành Diệu Quán Sát Trí và Bình Đẳng Tánh Trí, năm thức trước và thức thứ tám cũng chuyển. Chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, chuyển năm thức trước thành Thành Sở Tác Trí.

(Diễn) Nhiên hậu lưu xuất Báo, Hóa chi Dụng, diễn thuyết thử kinh, thị Như Lai chi Dụng, cố tùng Thể Tướng nhi xuất.

(演)然後流出報化之用演說此經，是如來之用，固從體相而出。

*(**Diễn**: Rồi mới lưu xuất tác dụng của Báo Thân và Hóa Thân, diễn nói kinh này. Đấy là Dụng của Như Lai vốn do Thể và Tướng mà có).*

Kinh này không đơn giản! Nó từ Hằng sa tánh đức của Chân Như bình đẳng lưu lộ. Kinh là như vậy, mà Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là như vậy. Chứng đắc cái Thể bình đẳng của Chân Như rồi mới hiện tướng Hóa Thân và Báo Thân.

Báo Thân Phật diễn nói kinh A Di Đà cho bậc Địa Thượng Bồ Tát, còn Hóa Thân Phật vì lục đạo phàm phu, Quyền giáo, Tiểu Thừa mà diễn nói kinh này. Đấy là đại dụng thuộc quả báo nơi địa vị Như Lai, *"vốn từ thể tướng mà có"*, cố nhiên nó thật sự từ Chân Như Lý Thể Thật Tướng lưu xuất.

(Diễn) Kim chúng sanh y kinh niệm Phật.

(演) 今眾生依經念佛。

*(**Diễn**: Nay chúng sanh vâng theo kinh, niệm Phật).*

Kinh văn của bộ kinh này, Phật hiệu, từng tiếng đều tương ứng với Như Lai Thể Tướng. Nếu chẳng hiểu rõ đạo lý trong ấy, làm sao một câu Phật hiệu của chúng ta có thể tương ứng với Thể - Tướng - Dụng của Như Lai bổn tánh cho được? Thể - Tướng - Dụng được nói đến ở đây chính là ba chữ Đại Phương Quảng trong tựa đề kinh Hoa Nghiêm, ba chữ này đều nhằm tán thán: Đại là tán thán Thể, Phương là tán thán Tướng, Quảng là tán thán Dụng. Do vậy, làm thế nào để một câu Phật hiệu của chúng ta tương ứng với Đại Phương Quảng? Chẳng hiểu rõ đạo lý này, quả thật sẽ chẳng tương ứng. Vì chẳng tương ứng nên hiệu quả thành tựu không to, chẳng rõ ràng. Nếu mỗi tiếng đều tương ứng thì hiệu quả sẽ chẳng thể nghĩ

bàn. Đại sư nói mấy câu này nhằm khích lệ chúng ta, khuyên chúng ta hãy giác ngộ, vâng theo kinh mà niệm Phật.

(Diễn) Đốn siêu tức chứng, diệc dĩ bổn hữu Chân Như, bổn cụ tánh đức, phương hữu như thị lực dụng, cố vân: "Tùng Thể Tướng nhi xuất" dã.

(演)頓超即證，亦以本有真如，本具性德，方有如是力用，故云從體相而出也。

*(**Diễn**: Đốn siêu, liền chứng, cũng là do Chân Như vốn có, tánh đức vốn sẵn đủ, nên mới có lực dụng như vậy. Vì thế nói: "Từ Thể và Tướng mà có").*

Đây là chúng ta phải tương ứng với chư Phật và Thể - Tướng - Dụng như thế nào. *"Đốn siêu, tức chứng"*: Cho thấy chẳng cần phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Cổ nhân nói: *"Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật"*. Đấy chính là *"đốn siêu, tức chứng"* (nhanh chóng vượt thoát, chứng ngay lập tức). Trong Thông Tán Sớ, đại sư Khuy Cơ đặc biệt tán thán kinh A Di Đà là đại pháp viên đốn; kinh nói có thể thành tựu từ một ngày cho đến bảy ngày. Trong hết thảy các kinh khác, chúng ta chưa hề thấy nói như vậy; nhưng chúng ta cũng đã từng dự không ít Phật Thất, tham dự xong vẫn là phàm phu. Nói cách khác, chẳng biến đổi tí nào, khi vào trong đạo tràng Phật Thất như thế nào thì xong bảy ngày vẫn giống hệt như vậy! Bảy ngày niệm Phật chẳng đắc pháp! Chẳng hiểu lý, chẳng đắc pháp, bảy ngày đã uổng công. Nếu đúng lý, đúng pháp, lẽ nào lại như vậy? *"Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật"*. Niệm bảy ngày như vậy, lẽ đâu chẳng thành Phật? Do vậy, từng tiếng Phật hiệu đều phải niệm từ *"Chân Như vốn có, vốn sẵn tánh đức"*.

Từ Thể - Tướng, đức Phật lưu xuất kinh điển, nếu chúng ta nương theo kinh điển thì cũng phải lưu nhập Thể - Tướng, Dụng ấy sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Đây chính là ý nghĩa *"tiếp dẫn"*. Từ Thể - Tướng, đức Phật lưu xuất kinh điển nhằm tiếp dẫn chúng ta, chúng ta nương theo kinh điển này, dùng phương pháp này để niệm Phật, sẽ *"đốn siêu, tức chứng"*. *"Siêu"* là vượt thoát sanh tử, vượt thoát mười pháp giới, chứng ngay Chân Như bình đẳng. Diệu dụng ấy thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, trong lời Sớ, Liên Trì đại sư nói *"cố chỉ ngôn diệu dụng dã"* (vì thế, chỉ nói tới diệu dụng).

(Sớ) Mạt cú kết quy, ngôn như thị diệu dụng đương thị hà kinh.

(疏) 末句結歸，言如是妙用當是何經。

*(**Sớ**: Câu cuối là lời quy kết, nói rõ diệu dụng như vậy thuộc về kinh nào).*

Sau khi thấy diệu dụng ấy, ai mà chẳng hâm mộ, mong cầu? Kinh nào vậy? Ở đây, đại sư nói rất rõ ràng.

(Sớ) Duy Phật Thuyết A Di Đà Kinh, túc dĩ đương chi.

(疏) 惟佛說阿彌陀經，足以當之。

*(**Sớ**: Chỉ có Phật Thuyết A Di Đà Kinh, đáng được như vậy).*

Trong Tam Tạng kinh điển, tức là những pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, nói đến *"đốn siêu, tức chứng"* (nhanh chóng vượt thoát, chứng ngay lập tức) thì bốn dòng kinh văn này đã nói rõ lý *"đốn siêu tức chứng"*. Nếu không có lý luận mà nói *"đốn siêu, tức chứng"*, chúng ta chẳng tin. Chúng ta cũng đã từng thí nghiệm, niệm nhiều năm như thế mà vẫn chẳng đốn siêu, cũng chẳng tức chứng! Dựa vào đâu mà nói như vậy? Ở đây, Lý ấy đã được nêu ra, chúng ta suy nghĩ, thấy thật sự có lý. Trong quá khứ, chúng ta niệm Phật lệch lạc, sai lầm rất lớn, từng tiếng Phật hiệu chẳng tương ứng với Thể, Tướng, Dụng, từng tiếng chẳng tương với Hằng sa tánh đức trong Chân Như bình đẳng. Tuy hằng ngày đều niệm, nhưng chẳng thể đốn siêu, mà cũng chẳng thể chứng nhập. Chúng ta phải nên suy nghĩ sâu xa điều này, phải nghiêm túc phản tỉnh, sửa đổi.

Tiếp theo đây, đại sư đặt ra một đoạn vấn đáp nhằm xiển minh [lý luận ấy] và phá trừ sự nghi hoặc của chúng ta. Có nghi ắt phải đoạn trừ, bởi nghi là chướng ngại rất lớn. Nghi vốn là một loại trong các phiền não căn bản "tham, sân, si, mạn, nghi". Hoài nghi điều gì vậy? Hoài nghi thánh giáo! Do vậy, đối với lý luận, phương pháp tu hành, cảnh giới chứng đắc trong kinh điển và Thể, Tướng, Dụng đều phải hiểu rõ ràng, chẳng hoài nghi, sẽ giúp chúng ta chứng đắc rất nhanh. Nếu có hoài nghi thì nói chung là sẽ có chướng ngại.

(Sớ) Hoặc vấn.

(疏) 或問。

*(**Sớ**: Nếu hỏi).*

Nếu có ai hỏi như thế này, nêu câu hỏi giống như thế này.

(Sớ) Tiểu Thừa thả trí.

(疏) 小乘且置。

*(**Sớ:** Không nói tới Tiểu Thừa).*

"Trí" (置) là bỏ qua, gạt qua một bên. Chúng ta không bàn tới pháp Tiểu Thừa, vì sự tu chứng của Tiểu Thừa chỉ đạt tới A La Hán, chỉ đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng phải là pháp rốt ráo, chúng ta tạm để nó qua một bên.

(Sớ) Chỉ như chư Đại Thừa kinh, quảng như sơn tích, vân hà diệu dụng thiên tán thử kinh?

(疏) 只如諸大乘經，廣如山積，云何妙用偏讚此經。

*(**Sớ**: Còn như các kinh Đại Thừa rộng lớn chất chồng như núi, sao lại riêng khen ngợi diệu dụng của kinh này?)*

Lời hỏi này rất có lý! Kinh Đại Thừa rất nhiều. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Lăng Nghiêm, Lăng Già cũng chẳng thể nghĩ bàn. Nhiều kinh như vậy chẳng tán thán, vì sao khư khư khen ngợi kinh A Di Đà? Chẳng lẽ kinh Hoa Nghiêm chẳng bằng kinh A Di Đà ư? Kinh Pháp Hoa cũng chẳng bằng ư? Lục Tổ Đàn Kinh của Thiền Tông cũng chẳng bằng ư? Những kinh luận của Mật Tông cũng chẳng bằng ư? Thưa quý vị, đúng là chẳng bằng! Chẳng giả một tí nào, quyết chẳng phải là xử sự theo cảm tình! Gạt bỏ cảm tình, thuần là quan sát khách quan thì mới hiểu được cái hay của bộ kinh này. Thích Ca Mâu Ni Phật nói kinh này thì toàn bộ bổn hoài xuất thế độ sanh mới được tỏ lộ, được thực hiện đạt đến mức viên mãn thật sự. Liên Trì đại sư đã tự đặt ra câu hỏi này rồi Ngài tự giải đáp.

(Sớ) Đáp: Tu-đa-la trung.

(疏) 答：脩多羅中。

*(**Sớ**: Đáp: Trong các Khế Kinh).*

"Tu-đa-la" chỉ hết thảy kinh Đại Thừa.

(Sớ) Tuy cụ hữu thử nghĩa, vị hữu như thử kinh chi minh thả giản giả.

(疏) 雖具有此義，未有如此經之明且簡者。

*(**Sớ**: Tuy có đầy đủ nghĩa ấy, nhưng chẳng được rõ ràng và đơn giản như kinh này).*

Trong các kinh Đại Thừa có ý nghĩa này, lại còn phổ biến hơn, nhưng rõ rệt, tinh thuần, đơn giản như kinh này thì không có kinh nào sánh bằng A Di Đà Kinh.

(Sớ) Cố phù xứng tánh nhi đàm, chánh trực nhi thuyết, phi bất viên đốn.

(Diễn) Xứng tánh nhi đàm chỉ Hoa Nghiêm, chánh trực nhi thuyết chỉ Pháp Hoa.

(Sớ) Nhi trừng trược phản bối, phương tiện vị chương.

(Diễn) Phương tiện vị chương giả.

(疏) 故夫稱性而談，正直而說，非不圓頓。

(演) 稱性而談指華嚴，正直而說指法華。

(疏) 而澄濁返背，方便未彰。

(演) 方便未彰者。

*(**Sớ**: Vì thế, đàm luận xứng tánh, giảng nói chánh trực, không gì chẳng viên đốn.*

***Diễn**: "Đàm luận xứng tánh" chỉ kinh Hoa Nghiêm, "giảng nói chánh trực" chỉ kinh Pháp Hoa.*

***Sớ**: Nhưng phương tiện "lắng đục, xoay ngược sự trái nghịch" chưa được nêu bày.*

***Diễn**: "Phương tiện chưa được nêu bày" là...)*

Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đều là Nhất Thừa Viên Giáo, nhưng đối với phương tiện *"lắng đục, hướng về"* quả thật chẳng nói đơn giản, trọng yếu, rõ ràng, cặn kẽ như kinh A Di Đà. Đơn giản, trọng yếu, rõ ràng, cặn kẽ, thuận tiện thọ trì, lại tiện tu học. Tiếp theo đây, sách Diễn Nghĩa giải thích đạo lý ấy, chỉ rõ chỗ thù thắng của bộ kinh này.

(Diễn) Dĩ Hoa Nghiêm duy đàm tánh hải viên dung, duyên khởi vô ngại, tương tức, tương nhập, đế võng trùng trùng, lục tướng, thập huyền, tứ chủng pháp giới đẳng.

(演)以華嚴唯談性海圓融，緣起無礙，相即相入，帝網重重，六相十玄四種法界等。

*(**Diễn**: Do kinh Hoa Nghiêm chỉ bàn về tánh hải viên dung, duyên khởi vô ngại, mọi pháp chính là lẫn nhau, dung nhập lẫn nhau, lưới Thiên Đế trùng trùng, sáu tướng, mười huyền môn, bốn thứ pháp giới v.v...)*

Mấy câu này đã nêu ra đại ý của kinh Hoa Nghiêm. Từ mấy câu này, có thể thấy được sự rộng lớn, tinh vi, sâu xa của kinh Hoa Nghiêm. Trong hết thảy các kinh, chỉ riêng kinh Hoa Nghiêm là viên mãn nhất, là sách giáo khoa rốt ráo nhất. Bất luận giảng về Sự, về Lý, về phương pháp, hay cảnh giới, không gì chẳng viên dung. Kinh Hoa Nghiêm có kích thước lớn, kinh văn dài. Do vậy, có thể đàm luận xứng tánh, không bị bó buộc chút nào. *"Tánh hải viên dung"*: Tánh là Chân Như bổn tánh sẵn có. Nếu quý vị nghĩ Tánh thuộc về Tỳ Lô Giá Na Phật, A Di Đà Phật, hay Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng liên can gì đến ta, quý vị đã sai rồi! Một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh hoàn toàn giảng về chính mình, giảng rõ nhân sinh vũ trụ sẵn có, nhân sinh là chính mình, vũ trụ vẫn là chính mình. *"Duyên khởi vô ngại"* là nói tới sâm la vạn tượng, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, là pháp duyên sanh, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

"Tương tức tương nhập, đế võng trùng trùng" đều nói tới vô ngại. Hết thảy pháp không gì chẳng chính là lẫn nhau, không gì chẳng dung nhập lẫn nhau. *"Đế võng trùng trùng"* là tỷ dụ sự trùng trùng vô tận. Ý nghĩa vô tận này cũng được phô bày rõ rệt trong kinh Hoa Nghiêm, cảnh giới này rất khó hiểu. Cổ nhân bất đắc dĩ dùng hai tấm gương to đặt song song với nhau, tức là gương chiếu gương, hình ảnh của người đứng giữa hai tấm gương đó phản chiếu vô cùng tận, *"trùng trùng vô tận, tương tức tương nhập"*, lãnh ngộ ý nghĩa này. Hết thảy các pháp trong pháp giới, không pháp nào chẳng như vậy, chỉ là chúng ta chẳng thể quan sát, chẳng thể nhận biết, không thấy được chân tướng sự thật này. *"Lục tướng"* là [sáu tướng] đồng thời [tồn tại trên phương diện sự tướng]: Tổng tướng, biệt tướng, đồng tướng, dị tướng, thành tướng, hoại tướng, đồng thời trọn đủ, hiển thị hết thảy các pháp bất sanh, bất diệt, duyên khởi tánh Không. Chúng tôi đã từng giảng về lục tướng và thập huyền môn khi giảng Hoa Nghiêm Luân Quán. *"Tứ chủng pháp giới"* là Sự Vô Ngại, Lý Vô Ngại, Lý Sự Vô Ngại, Sự Sự Vô Ngại. Đây là chân tướng của nhân sinh, vũ trụ, mà cũng là Thật Tướng của các pháp, đều được giảng rất rõ ràng, rành rẽ, kinh Hoa Nghiêm câu nào cũng nói lời thật.

(Diễn) Nhị Thừa hiền thánh, thượng như lung á.

(演) 二乘賢聖，尚如聾啞。

*(**Diễn**: Hiền thánh Nhị Thừa còn giống như điếc, câm).*

Nhị Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác. Thánh nhân là A La Hán và Bích Chi Phật. Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả là hiền nhân. Trong hội Hoa Nghiêm, các vị ấy như điếc, như câm, *"lung"* (聾) là không nghe được, *"á"* (啞) là không có cách nào nêu lên câu hỏi. Họ hoàn toàn không hiểu, muốn hỏi cũng không có cách nào hỏi được.

(Diễn) Mạt pháp hạ phàm khởi năng tu chứng? Cố phương tiện vị chương.

(演) 末法下凡，豈能修證，故方便未彰。

*(**Diễn**: Hàng phàm phu căn cơ bậc hạ đời Mạt Pháp làm sao có thể tu chứng được? Vì thế, phương tiện chưa được phô bày).*

Phàm phu căn tánh hạ liệt đời Mạt Pháp làm sao có thể tu? Làm sao có thể chứng cho được? Kinh Hoa Nghiêm tuy có phương tiện, nhưng chưa rõ rệt, "chương" (彰) là phơi bày rõ rệt. Không phải là kinh Hoa Nghiêm không hay, nhưng nếu chúng ta hỏi vì sao bậc Nhị Thừa nghe kinh Hoa Nghiêm không hiểu? Quý vị phải biết, bậc Nhị Thừa vẫn còn có Pháp Chấp kiên cố. Do vậy, họ chẳng thể lãnh hội ý nghĩa của kinh. Hoa Nghiêm là cảnh giới của bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ. Pháp Thân đại sĩ đã phá Ngã Chấp lẫn Pháp Chấp, nên các Ngài có thể thâm nhập. Nếu hai thứ Ngã Chấp và Pháp Chấp đều phá thì đọc kinh Hoa Nghiêm sẽ giống như đọc văn chương của chính mình mới thấy thú vị, mới thấu hiểu. Trong các buổi giảng, tôi thường nói: Nhị Chấp (Ngã Chấp và Pháp Chấp), Tam Chướng (Phiền Não Chướng, Sở Tri Chướng, và Nghiệp Chướng) chướng ngại tu hành, chướng ngại hiểu biết ý nghĩa. Quý vị có chướng ngại, có chấp trước, nghe kinh chẳng thể khai ngộ, nghe không hiểu, đối với những bộ kinh Đại Thừa chẳng tìm được cửa để vào, gốc bệnh là ở chỗ này. Nếu phá sạch hai thứ chấp, Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng đều đoạn, hết thảy các bộ kinh Đại Thừa có khi nào chẳng phải là cảnh giới chính mình sẵn có? Lời lẽ của đức Thế Tôn có bao giờ chẳng phải là lời lẽ của chính mình? Không khác gì hết! Đoạn này có ý nói: Kinh Hoa

Nghiêm đàm luận xứng tánh tuy hay, nhưng chúng ta không thể lãnh hội được.

(Diễn) Pháp Hoa chánh trực xả phương tiện, đản thuyết vô thượng đạo, khai phương tiện môn, thị chân thật tướng, khai Quyền, hiển Thật, hội tam quy nhất, giai bất minh thị tấn tu phương tiện, cố diệc phương tiện vị chương.

(演)法華正直捨方便，但說無上道，開方便門，示真實相，開權顯實，會三歸一，皆不明示進修方便，故亦方便未彰。

*(**Diễn**: Pháp Hoa thẳng thừng bỏ phương tiện, chỉ nói tới đạo vô thượng, mở cửa phương tiện, nêu bày tướng chân thật, khai Quyền, hiển Thật, gộp tam thừa về nhất thừa, nhưng đều chẳng chỉ bày rõ ràng phương tiện tấn tu, nên cũng chưa phô bày phương tiện).*

Đoạn này phê bình kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa hay! Cũng là Viên Giáo Nhất Thừa, không bàn cãi gì nữa. Kinh Pháp Hoa khai Quyền hiển Thật: Quyền là pháp phương tiện, Thật là pháp chân thật. *"Pháp Hoa chánh trực xả phương tiện"*: Thẳng thừng gạt bỏ pháp phương tiện, *"đản thuyết vô thượng đạo"* (chỉ giảng về đạo vô thượng). Nhìn chung, những điều được nói trong cả bộ kinh không gì chẳng nhằm *"khai phương tiện môn, thị chân thật tướng"* (mở cửa phương tiện, chỉ bày tướng chân thật), dùng phương thức phương tiện thiện xảo để chỉ bày Thật Tướng của các pháp, *"khai Quyền hiển Thật, hội tam quy nhất"*. Đấy chính là nội dung của kinh Pháp Hoa. *"Chư Phật sở chứng chi pháp, duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệc vô tam"* (Pháp được chư Phật chứng chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, mà cũng không ba), nói rõ Nhị Thừa và Tam Thừa đều là phương tiện tiếp dẫn, Phật pháp thật sự chỉ có pháp Nhất Thừa.

Trong kinh Pháp Hoa chưa từng chỉ rõ phương pháp tu hành. Chúng ta đọc kinh Pháp Hoa, cách tu như thế nào? Thiên Thai đại sư của Trung Quốc sáng lập một phương pháp tu hành là Tam Chỉ Tam Quán, đấy chính là phương pháp tu học của Pháp Hoa Tông. Tam Chỉ Tam Quán hết sức mầu nhiệm. Thuở ấy, có nhiều vị cao tăng Ấn Độ sang Trung Quốc, thấy phương pháp tu hành do Thiên Thai đại sư đề xướng, phương pháp ấy do Ngài ngộ từ kinh Pháp Hoa bèn hết sức khen ngợi Thiên Thai đại sư. Họ còn nói phương pháp Nhất Tâm Tam Quán do đại sư sáng lập hết sức giống với Xa-ma-tha, Tam-ma và Thiền-na được giảng trong kinh Lăng

Nghiêm lưu truyền tại Ấn Độ. Do vậy, người Hán mới biết còn có một bộ kinh Đại Thừa là kinh Lăng Nghiêm. Các vị cao tăng từ Ấn Độ sang Trung Quốc mang theo nhiều kinh điển, nhưng chẳng cầm theo kinh Lăng Nghiêm. Pháp sư Trung Quốc sang Ấn Độ thỉnh kinh, du học, cũng chưa hề đọc kinh Lăng Nghiêm. Người Ấn Độ tiếc pháp, hết thảy các kinh đều có thể truyền cho ngoại quốc, nhưng kinh Lăng Nghiêm được coi là quốc bảo, bí mật cất giấu, chỉ truyền cho người trong nước, chẳng truyền cho người ngoại quốc. Do vậy, ngày nay Ấn Độ gặp phải đại nạn: Phật pháp đoạn diệt là do quả báo tiếc pháp đấy! Chúng ta nên cảnh giác điều này. Tiếc tài sản mắc quả báo bần cùng, tiếc pháp mắc quả báo ngu si. Vì lẽ đó, Ấn Độ hiện nay không có Phật pháp.

Kinh Lăng Nghiêm truyền sang Trung Quốc quả thật chẳng dễ dàng! Khi ấy, Thiên Thai đại sư muốn sang Ấn Độ, đâu phải là chuyện dễ! Giao thông không thuận tiện, đi đường bộ phải mất hai, ba năm, không đơn giản! Do vậy, tại núi Thiên Thai, lão nhân gia xây một cái đài bái kinh hướng về phía Tây, hằng ngày lễ bái trên đài, cầu cho kinh Lăng Nghiêm sớm có ngày truyền sang Trung Quốc. Ngài lễ bái suốt mười tám năm, mãi cho đến khi viên tịch, kinh vẫn chưa truyền sang. Do vậy, Thiên Thai đại sư chưa hề đọc kinh Lăng Nghiêm. Người Trung Quốc tuy không đi xin kinh, nhưng suốt mười tám năm lễ bái không gián đoạn, có tinh thần ấy mà vẫn chưa chiêu cảm được. Đến đời vua Trung Tông nhà Đường, cao tăng Ấn Độ là Bát Lạt Mật Đế[55] lén đem kinh này, gạt được hải quan, mang tới Trung Quốc. Người Trung Quốc như có được món quý báu nhất, lại gặp được Phòng Dung là một vị học giả hạng nhất trong nước tham gia phiên dịch.

---

[55] Ngài Bát Lạt Mật Đế (Pramiti), dịch nghĩa là Cực Lượng, người xứ Trung Ấn, không rõ năm sanh và năm mất, sau khi dịch kinh Lăng Nghiêm, Ngài trở về Ấn Độ (có thuyết nói Ngài bị quốc vương Trung Thiên Trúc cho người bắt Ngài về Ấn trị tội đã lén lút truyền kinh Lăng Nghiêm ra ngoài), không rõ mất năm nào. Năm Thần Long nguyên niên (705) đời Đường Trung Tông, Sư đến đạo tràng Chế Chỉ (nay là chùa Quang Hiếu) ở Quảng Châu, đọc ra nguyên văn kinh Lăng Nghiêm gồm 10 quyển, sa-môn Di Già Thước Khư dịch nghĩa, sa môn Hoài Địch dịch văn, cư sĩ Phòng Dung làm nhiệm vụ Bút Thọ (biên tập, nhuận sắc, hiệu chỉnh). Phòng Dung là người xứ Lạc Dương, tỉnh Hà Nam, từng làm quan đến chức Chánh Gián Đại Phu Đồng Phượng Các Loan Đài Bình Chương Sự. Do ông này có họ hàng với Trương Dịch Chi, "ái thiếp" của Võ Tắc Thiên, nên khi Đường Trung Tông lên ngôi, đã triệt hạ những sủng thần của Võ Tắc Thiên, khiến Phòng Dung bị vạ lây, bị đày ra Khâm Châu, chết ở đó. Ông tham gia vào đạo tràng dịch kinh của ngài Bát Lạt Mật Đế trong thời gian tạm ngụ tại Quảng Châu trên đường đi đày.

Ngài Thiên Thai dùng phương pháp tu hành là Tam Chỉ Tam Quán, hoặc như kinh Lăng Nghiêm gọi là Xa-ma-tha, Tam-ma và Thiền-na, hàng phàm phu đời Mạt Pháp cũng chưa chắc đã có thể thành tựu được. Quý vị nghĩ xem: Ngày nay có bao nhiêu người học Thiền? Người học Thiền chưa chắc đã biết dùng Chỉ Quán, chưa chắc đã biết dùng phương tiện trong kinh Lăng Nghiêm, tức phương tiện đầu tiên nhất. Xa-ma-tha là tối sơ phương tiện, Tam-ma là sơ phương tiện, Thiền-na là phương tiện. Phương tiện, sơ phương tiện, tối sơ phương tiện, chẳng dễ dàng! Trong quá khứ, tôi đã giảng kinh Lăng Nghiêm rất nhiều lượt, kể như tôi đã có kinh nghiệm đối với những bộ kinh lớn ấy, phản tỉnh, kiểm thảo cặn kẽ nhiều năm như thế, mới thật sự phát hiện kinh A Di Đà có giá trị chẳng thể nghĩ bàn. Ở đây, đối với hai bộ kinh lớn thuộc Viên Giáo Nhất Thừa, đại sư đều nói *"phương tiện vị chương"*, [tức là] chưa nêu rõ phương tiện, chúng ta rất khó nắm bắt. Hai bộ kinh lớn đã như thế thì các kinh khác không cần phải nói nữa!

(Sớ) Kỳ dư pháp môn, hoặc hạo bác nhi nan trì, hoặc u thâm nhi võng thố.

(Diễn) Hạo bác nan trì, như quảng tu vạn hạnh đẳng.

(疏) 其餘法門，或浩博而難持，或幽深而罔措。

(演) 浩博難持，如廣修萬行等。

*(**Sớ**: Những pháp môn khác hoặc mênh mông bát ngát khó trì, hoặc sâu thẳm khó thực hiện.*

***Diễn**: "Mênh mông bát ngát" như rộng tu vạn hạnh v.v...)*

Chắc chắn hàng sơ học chẳng thể thực hiện những điều này! Đối với năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, quý vị phải biết Ngài đã hội đủ điều kiện nào, chúng ta có thể học theo hay không? Nói theo phía người niệm Phật chúng ta thì người ta đã đắc Lý nhất tâm bất loạn mới có tư cách đi tham học. Nay chúng ta ngay cả "công phu thành phiến" còn chưa đạt được, nếu đi tham học các nơi, tâm quý vị làm sao có thể định được? Nghe nhiều càng tăng trưởng tà kiến: Người này thuyết pháp như thế này, người kia thuyết pháp như thế nọ, rốt cuộc ai thuyết pháp mới là đúng? Càng đến nhiều đạo tràng, tăng trưởng thị phi, chẳng dễ gì thành tựu! Ưu điểm của cổ nhân là gần như trong cả đời họ, trước khi đại triệt đại ngộ, họ trụ tại một đạo tràng, thân cận một vị thiện tri thức, tư tưởng đơn thuần, chẳng dễ gì dấy lên tà kiến, thị phi. Do vậy, cổ nhân so ra chất phác hơn con người hiện thời. Con người hiện thời đúng là ham

cao, chuộng xa hơn cổ nhân, vừa bắt đầu liền mong học rộng, mong mỏi rộng tu vạn hạnh, mong trở thành bậc đại thông gia, đúng như pháp sư Ấn Quang đã nói: *"Quyết định chẳng thể thành tựu"*. Cương lãnh tu hành trong Phật pháp là *"giác, chánh, tịnh"*, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm. Quý vị hãy tự suy nghĩ: Đọc nhiều, nghe nhiều kinh luận có gây trở ngại ba nguyên tắc ấy hay không? Đến nhiều đạo tràng, quen biết nhiều người, có gây trở ngại cho ba nguyên tắc ấy hay không? Quý vị sẽ hoảng nhiên đại ngộ.

Từ thời Đông Tấn trở đi, Viễn công đại sư kiến lập Liên Xã tại Lô Sơn, đề xướng pháp môn Niệm Phật, cả đời lão nhân gia sống như bế quan. Bản thân Ngài đã như vậy, mà hễ ai tham gia Niệm Phật Đường [tại Lô Sơn] không ai chẳng giống như vậy. Nơi ấy có một con suối nhỏ gọi là Hổ Khê. Phạm vi hoạt động của họ không vượt quá con suối nhỏ ấy. Trong lịch sử còn lưu truyền giai thoại Hổ Khê Tam Tiếu, là chuyện về bằng hữu chí đồng đạo hợp. Đào Uyên Minh và một vị đạo sĩ đến Lô Sơn thăm viếng Viễn công đại sư. Vừa đi vừa nói chuyện, tản bộ trên đường, chẳng ngờ vượt quá Hổ Khê, từ trước đến nay chưa hề vượt qua [con suối ấy] một bước, đó là lần thứ nhất. Người ta tâm rất thanh tịnh như vậy, chẳng chạy loạn lên! Chẳng những chưa tu thành tựu thì không dám chạy lung tung, mà sau khi đã tu thành tựu cũng như như bất động như vậy, ở cố định tại một đạo tràng, sống cả đời tại nơi đó. Do vậy, chính mình thành tựu, mà cũng thành tựu đại chúng. Thuở ấy, liên xã gồm một trăm hai mươi mấy người, ai nấy đều thành tựu, ai nấy đều vãng sanh. Trong lịch sử Trung Quốc, bất luận một đạo tràng nào cũng không có nhiều người thành tựu như vậy. Chúng ta chỉ thấy đạo tràng của Viễn công đại sư, hơn một trăm người ai nấy đều vãng sanh. Những người vãng sanh sau, lúc mạng chung thấy Tây Phương Tam Thánh, còn thấy những đồng tu của chính mình [đã vãng sanh trước] theo Phật cùng đến tiếp dẫn. Trong Thiền Tông, đạo tràng của Lục Tổ đại sư chỉ có bốn mươi ba người thành tựu, chưa bằng một nửa số người thành tựu trong đạo tràng của Viễn công đại sư. Đọc những đoạn lịch sử ấy, có tác dụng khơi gợi to lớn đối với chúng ta.

Niệm Phật phải sốt sắng niệm Phật! Hiện thời tại Đài Loan, phong trào Niệm Phật Đường rất mạnh, đấy là chuyện tốt, nhưng giáo nghĩa không hiểu rõ, một tiếng Phật hiệu chưa thể tương ứng với Hằng sa tánh đức trong Chân Như bình đẳng. Do vậy có thể biết rằng: Người niệm Phật chẳng thể không thông hiểu giáo nghĩa, mức thấp nhất là phải tích cực thảo luận A Di Đà Kinh Sớ Sao và A Di Đà Kinh Yếu Giải. Nếu giáo

nghĩa, phương pháp, cảnh giới đều hiểu rõ thì từng tiếng Phật hiệu sẽ tương ứng. Vì thế, tôi thường khuyên các đồng tu phát tâm học giảng kinh, chuyên giảng A Di Đà Kinh, một môn thâm nhập, tự mình quyết định thành công ngay trong một đời này. Nếu phát tâm suốt đời giảng A Di Đà Kinh, giảng Sớ Sao, Yếu Giải, người ấy tương lai nhất định Thượng Phẩm Thượng Sanh. Học một bộ kinh chẳng khó, tốn mười năm công phu, không ai chẳng thành tựu! Mười năm học mười bộ kinh, mỗi bộ kinh học một năm, công phu chẳng đủ, nắm vững kinh ở mức độ trung bình, chẳng thể vượt trỗi người khác, người ta điều gì cũng chẳng kém quý vị. Nếu quý vị dụng công mười năm nơi một bộ kinh sẽ vượt trỗi người khác. Chuyện gì cũng phải chuyên, cũng đều phải nhất tâm.

(Diễn) U thâm võng thố, như trực ngộ nhất tâm đẳng.

(演) 幽深罔措，如直悟一心等。

*(**Diễn**: "Sâu thẳm không thể làm được" là như ngộ thẳng vào nhất tâm chẳng hạn).*

Chữ *"u thâm"* ý nói hết thảy các kinh Đại Thừa quá sâu, *"võng thố"* là chẳng biết bắt đầu từ nơi đâu. Thật ra, bộ kinh A Di Đà này cũng sâu không đáy, không có cùng tận, nhưng chúng ta được Liên Trì đại sư chỉ dẫn và những vị tổ sư như Ngẫu Ích giúp sức; do vậy mới dần dần hiểu rõ ý nghĩa kinh này, mới thật sự tin tưởng trong một đời có thể thành tựu, kiến lập tín tâm. Nếu tự mình thật sự thâm nhập, cũng chẳng hoài nghi tí nào, sẽ nhận biết trong một đời quyết định thành tựu, quyết chẳng uổng công, thẳng thừng, thỏa đáng tu nhất tâm bất loạn.

(Sớ) Kim đản phiến ngôn danh hiệu, tiện nhập nhất tâm, ký đắc vãng sanh, trực chí thành Phật.

(疏)今但片言名號，便入一心，既得往生，直至成佛。

*(**Sớ**: Nay chỉ do một câu danh hiệu liền nhập nhất tâm, đã được vãng sanh sẽ tiến mãi cho đến khi thành Phật).*

Đây là chỗ thù thắng của pháp môn này, *"phiến ngôn"* là một câu danh hiệu. Trong Tâm Kinh nói *"thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú"* (là đại thần chú, là đại minh chú, là chú vô thượng, là chú không gì sánh bằng). Chú ấy là chú gì vậy? Chính

là hai trăm sáu mươi chữ của Tâm Kinh. Tôi đặc biệt giới thiệu với quý vị, còn có một bài đại thần chú bậc nhất cao hơn nữa. Chú, tiếng Phạn là Đà-la-ni (Dhāranī), Đà-la-ni dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tổng Trì, *"tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa"* (gồm thâu hết thảy pháp, nắm giữ hết thảy nghĩa).

Quý vị hãy suy nghĩ: Sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật có phải là Tổng Trì hay chăng? Dịch sang nghĩa tiếng Hán là Quy Y Vô Lượng Giác. Sáu chữ ấy chẳng phải là gồm thâu hết thảy pháp, nắm giữ hết thảy nghĩa ư? Không còn phải bàn cãi gì nữa, quả thật danh hiệu này gồm thâu hết thảy pháp, nắm giữ hết thảy nghĩa. Nói cách khác, một câu Phật hiệu này là chú ngữ, không những là chú ngữ, tôi còn phải thêm vào *"đại thần chú bậc nhất, đại minh chú bậc nhất, chú vô thượng bậc nhất, chú không gì sánh bằng bậc nhất"*. Quý vị chẳng cần phải học các chú ngữ Mật Tông nữa, A Di Đà Phật là chú bậc nhất! Mọi người nhất định phải hiểu rõ, tổ sư Tịnh Độ Tông mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, các Ngài chẳng niệm kinh mà cũng chẳng niệm chú, Phật hiệu đã là chú rồi!

Từ Tâm Kinh, quả thật có thể thấu hiểu một câu danh hiệu A Di Đà Phật thật sự là đại thần chú chân thật chẳng dối, là đại minh chú, là vô thượng chú, là chú không gì sánh bằng, [hiểu như vậy] sẽ chẳng uổng công niệm Tâm Kinh. Một bộ Bát Nhã Tâm Kinh quy về câu Phật hiệu. Niệm kinh Hoa Nghiêm, niệm đến cuối cùng mới thấu hiểu: Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, toàn bộ Hoa Nghiêm quy về một câu Phật hiệu. Câu Phật hiệu này là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, niệm câu Phật hiệu giống như niệm toàn bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Tụng kinh Hoa Nghiêm, mỗi ngày niệm tám tiếng đồng hồ, phải tụng nửa tháng mới xong. Một câu Phật hiệu, chỉ là một lời, mà đã bao quát toàn bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh chẳng sót một chữ nào, lẽ nào nó chẳng phải là đại thần chú, là đại minh chú ư? Sau khi hiểu rõ đạo lý này, đối với pháp môn Tịnh Độ, quý vị mới chết sạch tấm lòng mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất, lẽ nào chẳng được vãng sanh?

Ở đây, đại sư kết lại lời khen ngợi: *"Kim đản phiến ngôn danh hiệu, tiện nhập nhất tâm, ký đắc vãng sanh, trực chí thành Phật"* (Nay chỉ do một câu danh hiệu liền nhập nhất tâm, đã được vãng sanh sẽ tiến mãi cho đến khi thành Phật). Ý nói: Nếu chúng ta mong đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, Sự nhất tâm bất loạn, thật sự chẳng dễ dàng. Lý nhất tâm bất loạn là phá một phần vô minh, Sự nhất tâm bất loạn là đoạn Kiến Tư phiền não, đều chẳng phải là chuyện chúng ta dễ dàng thực hiện được; nhưng một

câu Phật hiệu có thể hàng phục phiền não, áp chế phiền não, đạt đến công phu thành phiến, đới nghiệp vãng sanh, đấy chính là như Vĩnh Minh đại sư đã nói: *"Vạn người tu, vạn người về"*.

Nói cách khác, mỗi người đều có thể làm được, đều có năng lực ấy, chỉ sợ quý vị không chịu làm! Đương nhiên, quý vị có chướng ngại, chỉ sợ quý vị không chịu trừ khử những chướng ngại của chính mình, chướng ngại gì vậy? Phiền não! Ví như đại chúng cùng tu với nhau ở một chỗ, mỗi người có ý kiến khác nhau, cách nhìn, cách làm, cách nghĩ mỗi người mỗi khác. Khác nhau là chướng ngại, chướng ngại sẽ nẩy sanh. Chướng ngại ai? Chướng ngại công phu thành phiến của chính mình.

Nếu có thể bỏ được thành kiến của chính mình, khởi lên câu Phật hiệu, đè nén phiền não của chính mình thì chính mình đã đạt công phu thành phiến. Tự mình niệm Phật đắc lực, lợi ích do vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thuộc về chính mình, chứ không thuộc vào ai khác. Một mực chấp trước, một mực phân biệt, chướng ngại chính mình thành tựu công phu thành phiến. Chính mình niệm một câu Phật hiệu chẳng tốt đẹp, chẳng thể đắc lực thì chính mình thiệt thòi, đâu phải ai khác! Chỉ cần được vãng sanh, đâu sợ hạ phẩm hạ sanh! Điều tốt đẹp lớn nhất do sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là thọ mạng dài lâu, đạt được quả báo ấy. A Di Đà Phật thọ vô lượng, quý vị cũng thọ vô lượng. Dẫu thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, nhưng thọ mạng của quý vị là vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, ba A-tăng-kỳ kiếp thấm vào đâu? Trừ phi chẳng sanh về Tây Phương; hễ sanh về Tây Phương, quyết định thành Phật trong một đời, *"ký đắc vãng sanh, trực chí thành Phật"* (đã được vãng sanh, sẽ tiến mãi cho đến khi thành Phật), đấy là sự thật!

(Sớ) Tức phương tiện nhi thành viên đốn.

(Diễn) Tức phương tiện thành viên đốn giả, xưng bỉ danh hiệu phương tiện pháp dã.

(疏) 即方便而成圓頓。

(演) 即方便成圓頓者，稱彼名號方便法也。

(***Sớ***: *Tức là pháp phương tiện mà trở thành viên đốn.*

Diễn: *"Tức là pháp phương tiện mà trở thành viên đốn": Xưng danh hiệu đức Phật ấy chính là pháp phương tiện).*

Mỗi ngày niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật, phương pháp này rất thuận tiện, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn không có pháp nào thuận tiện bằng. Thượng Phẩm Thượng Sanh là viên đốn.

(Diễn) Thượng Phẩm Thượng Sanh tức đăng Sơ Địa, khởi phi viên đốn?

(演) 上品上生即登初地，豈非圓頓。

*(**Diễn**: Thượng Phẩm Thượng Sanh liền đạt lên bậc Sơ Địa, há chẳng phải là viên đốn ư?)*

Pháp này chẳng viên đốn thì pháp nào mới là viên đốn? Thượng Phẩm Thượng Sanh là Lý nhất tâm bất loạn. Muốn đạt đến Thượng Phẩm Thượng Sanh thì phải thật sự hiểu rõ Lý Tịnh Độ. Muốn thật sự đạt được, chỉ cần chịu tin tưởng lời tôi, quý vị sẽ đỡ tốn thời gian ba mươi năm. Tôi phí thời gian ba mươi năm trong hết thảy kinh điển, trong vô lượng pháp môn mới tìm ra! Quý vị không tin [lời tôi nói] như vậy thì ráng chịu, quý vị cứ thong thả mà mò mẫm đi! Nếu quý vị tin tưởng, từ hôm nay bắt đầu gạt bỏ hết thảy kinh luận, hết thảy pháp môn, chuyên tu pháp này, tu suốt ba mươi năm, quý vị là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Tốn cả ba mươi năm tôi mới mò tìm được đường lối, trong khi quý vị đã là Thượng Phẩm Thượng Sanh, chẳng thể so sánh được! Nhưng nếu quý vị không tin, sợ rằng sẽ uổng phí cả đời này!

Thuở ấy, khi tôi mới vừa học Phật, chẳng biết điều này! Nếu biết thì từ lúc mới phát tâm tôi đã chuyên niệm A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, chuyên đọc bộ kinh này, chuyên môn giảng bộ kinh này. Nếu giảng kinh này suốt ba mươi mấy năm, tôi nghĩ quý vị trông thấy tôi, cũng chẳng kêu tôi là pháp sư Tịnh Không mà nhất định sẽ kêu tôi là A Di Đà Phật. Thật đấy, chẳng giả tí nào! Nhất định phải thật sự thực hiện, phải chịu bỏ! Hết thảy giải môn, hạnh môn đều bỏ sạch, quý vị sẽ nắm được pháp môn này, có được bộ kinh này, sẽ đạt đến nhất tâm bất loạn, đấy mới là đại công cáo thành viên mãn!

(Diễn) Vi thông huyền bí quyết, hoán cốt thần đan, như hậu văn sở tán.

(演) 為通玄祕訣，換骨神丹，如後文所贊。

*(**Diễn**: Là bí quyết để thông đạt lẽ huyền nhiệm, là thần đan để thay xương, như trong phần kinh văn ở phía sau đã khen ngợi).*

Hai câu này là lời khen ngợi. *"Thông huyền bí quyết"*: Thông là thông đạt, Huyền là huyền diệu, u huyền. *"Bí quyết"*: Hình dung một câu A Di Đà Phật là đại thần chú có thể thông đạt lẽ huyền nhiệm, là bí quyết

trong Phật môn. *"Hoán cốt thần đan"*: Giống như đan dược của thần tiên, uống vào sẽ có thể thoát thai hoán cốt[56], siêu phàm nhập thánh. Đây là lời tán thán Phật hiệu. Trong phần sau còn rất nhiều đoạn văn khen ngợi.

(Sớ) Thần công thắng lực, bất quy thử kinh, tương thùy quy hồ?

(疏) 神功勝力，不歸此經，將誰歸乎。

*(**Sớ**: Công đức thần diệu, lực dụng thù thắng, chẳng quy vào kinh này thì quy vào đâu nữa?)*

Công đức thần diệu chẳng thể nghĩ bàn, lực dụng thù thắng, chẳng quy vào kinh A Di Đà thì quy vào kinh nào? So sánh sẽ thấy đúng là chẳng giả tí nào. Chỗ này đáng khiến cho chúng ta phản tỉnh sâu xa. Do vậy, công đức, lực dụng quả thật tập trung trong bộ kinh này. Đại Tạng Kinh có nhiều kinh điển dường ấy, sách vở thế gian và xuất thế gian đều có thể dùng làm tài liệu tham khảo. Chẳng hạn như nói đến "lục tướng, thập huyền" thì có thể tra cứu Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, Phật Học Từ Điển, Tam Tạng Pháp Số, dùng chúng làm tài liệu tham khảo. Tinh hoa của hết thảy các kinh và các pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều quy nạp, dung nhập bộ kinh này, phá vô minh từ vô thỉ của chính mình, thành tựu nhất tâm bất loạn cho chính mình, rồi mới lại hoằng dương, phát huy pháp môn Tịnh Độ, lợi ích vô lượng vô biên chúng sanh.

Thật sự nói đến lợi ích thì ắt phải bắt chước Viễn công đại sư, niệm Phật trong Niệm Phật Đường, mọi người phát tâm cả đời chẳng ra khỏi sơn môn, hoặc hoạch định một giới tuyến, thật sự khiến cho tâm định lại. Giống như đầu thời Dân Quốc, tổ Ấn Quang đã lập Niệm Phật Đường tại núi Linh Nham, Tô Châu, quy củ của liên xã tuy không nghiêm ngặt như thuở Viễn công đại sư, nhưng cũng có không ít người thành tựu. Bất luận tại gia hay xuất gia đều có thể quải đơn[57] tham gia niệm Phật. Đây là Niệm

---

[56] "Thoát thai hoán cốt" là một thuật ngữ của Đạo Giáo, nhằm sánh ví người tu tiên đắc đạo, sẽ chuyển thân phàm thành thân thánh, thành thân thần tiên không hư nát, giống như đổi phàm thai thành thánh thai, đổi xương phàm thành xương tiên. Về sau, Đạo gia tin tưởng có những loại thuốc tiên (kim đan, tiên đan) uống vào sẽ thoát thai hoán cốt. Từ ngữ này về sau được dùng phổ biến với ý nghĩa một người đã đạt đến cảnh giới thành tựu cao cả nào đó, trở thành bậc thầy trong một lãnh vực nào đó.

[57] "Quải đơn" là xin gia nhập chúng thường trụ của một ngôi chùa. Thuở xưa, chư Tăng ngủ trên đơn chứ không nằm trên giường. Đơn là một miếng gỗ kê lên giá, vừa đủ cho một người nằm. Khi có người gia nhập tăng chúng thường trụ thì kê thêm đơn, nên xin gia nhập một ngôi chùa nào sẽ được gọi là "quải đơn".

Phật Đường quanh năm, hằng ngày đả Phật thất. Một năm ba trăm sáu mươi ngày, Tết nhất cũng không nghỉ. Khóa tụng của núi Linh Nam là mỗi ngày niệm Phật sáu cây hương, mỗi năm hai lượt tổ chức Tinh Tấn Phật Thất. Tinh Tấn Phật Thất là tăng thêm thời gian niệm Phật, niệm đến chín cây hương.

Thông thường là ghép bảy thất lại để làm Tinh Tấn Phật Thất, đạo tràng như vậy mới có thể thành tựu đại chúng. Trước kia, người niệm Phật quá nửa là thông đạt giáo lý, người niệm Phật hiện thời tuy có nơi chốn, nhưng niệm hai ngày, tâm họ thấy càng niệm càng phiền, bỏ đi, nguyên nhân là do đâu? Không thông giáo lý, chẳng hiểu công đức lợi ích thù thắng của pháp môn này. Do vậy, họ không có tâm nhẫn nại.

Nếu thật sự hiểu rõ công đức, lợi ích và chỗ tốt đẹp của pháp môn này, tôi tin họ nhất định sẽ cho đến hết đời chẳng rời khỏi sơn môn. Đấy là phương hướng mà từ nay trở đi chúng ta phải nỗ lực. Đến đây, có thể nói là đại sư đã đem thánh giáo trong suốt một đời, tức Phật pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, quy vào kinh A Di Đà. Nay đã hết giờ rồi!

Tập 21

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, trang hai mươi ba:

(Sớ) Hựu tiền thị Tánh Đức, kim thị Tu Đức. Tiền thị tự tánh thanh tịnh, kim thị ly cấu thanh tịnh, nãi chí tánh tịnh chướng tận đẳng, hỗ dung bất nhị như Giáo trung thuyết.

(疏)又前是性德，今是修德。前是自性清淨，今是離垢清淨。乃至性淨障盡等，互融不二，如教中說。

*(**Sớ**: Lại nữa, phần trước nói về Tánh Đức, phần này nói về Tu Đức. Phần trước là tự tánh thanh tịnh, phần này là ly cấu thanh tịnh, cho đến tánh thanh tịnh, hết chướng v.v... dung nhập lẫn nhau, chẳng hai, như trong Giáo đã nói).*

Đoạn này là lời tổng kết cho khoa này, trình bày rất rõ ràng. Chữ *"tiền"* (前) chỉ đoạn thứ nhất, tức là phần Minh Tánh. Phần Minh Tánh giảng về Tánh Đức, còn đoạn thứ hai này là Tán Kinh (khen ngợi kinh). Tán Kinh chính là nói về Tu Đức. Trong đoạn Minh Tánh, kinh văn khá sâu, giảng về *"tự tánh thanh tịnh"*, câu nào cũng đều bàn luận xứng tánh; còn đoạn Tán Kinh này giảng về Tu Đức. Tánh Đức tuy vốn sẵn đủ, nhưng nếu không có Tu Đức, Tánh Đức của chúng ta sẽ chẳng thể hiện tiền. Tánh Đức nhất định phải dựa vào Tu Đức mới có thể hiện tiền, *"Tánh - Tu bất nhị"*. Nếu hiểu đạo lý này, chắc chắn chẳng thể chấp Lý phế Sự, hoặc chấp Sự phế Lý. Do đây có thể biết: Người niệm Phật chẳng thể không hiểu giáo nghĩa, chẳng thể không hiểu giáo lý. *"Tự tánh thanh tịnh tâm"* là giáo lý, mà cũng là giáo thể, nhất định phải hiểu rõ [giáo lý và giáo thể] rồi mới có thể thật sự "đoạn Hoặc, chứng Chân".

(Diễn) Hựu tiền thị hạ, thị tổng kết lưỡng tiết, Tánh Đức, Tu Đức, xuất Thiên Thai giáo.

(演)又前是下，是總結兩節。性德、修德，出天台教。

*(**Diễn**: Lại nữa, từ chữ "tiền thị" trở đi, tổng kết hai đoạn [Minh Tánh và Tán Kinh, khái niệm] Tánh Đức và Tu Đức phát xuất từ tông Thiên Thai).*

Đoạn kinh văn này là nhằm tổng kết hai đoạn kinh văn ở phía trên, đoạn thứ nhất là Minh Tánh, đoạn thứ hai là Tán Kinh. Đoạn thứ nhất nói về giáo lý, xuyên suốt tất cả kinh luận. Chẳng những kinh luận trong nhà Phật đều từ Tánh Đức lưu lộ, mà thậm chí hết thảy pháp thế gian lẫn xuất thế gian, có thể nói là hết thảy pháp trong tận hư không, trọn khắp pháp giới, không gì chẳng từ Tánh Đức biến hiện. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm nói: *"Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*. Đoạn thứ nhất hết sức trọng yếu.

Chúng sanh tuy sẵn có Tánh Đức, nhưng nếu không có Tu Đức thì từ đầu đến cuối Tánh Đức bị vô minh, phiền não trói buộc, chẳng thể hiển hiện. Giống như chúng ta trong hiện thời, có ai trong chúng ta chẳng sẵn đủ Tánh Đức? Nói theo phương diện Tánh Đức, kinh Hoa Nghiêm và kinh Viên Giác đã dạy: *"Nhất thiết chúng sanh bổn lai thành Phật"* (Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật). Không sai! Quả thật vốn sẵn là Phật! Trong [giáo nghĩa] Lục Tức Phật, Thiên Thai đại sư có nói Lý Tức Phật, tức là nói theo phương diện Tánh Đức. Tuy bổn tánh của chúng ta vốn chẳng hai chẳng khác với chư Phật, nhưng hiện thời cảnh giới của chúng ta khổ sở chẳng thể kham nói nổi! Vì sao biến thành như vậy? Vì mê mất Tánh Đức, còn Phật, Bồ Tát thì ngộ Tánh Đức này; có thể thấy Tánh Đức không hai, chỉ có mê hay ngộ khác nhau. Mê bèn là phàm phu lục đạo, giác ngộ sẽ là chư Phật, Bồ Tát.

Nay chúng ta đã mê, phải phá mê khai ngộ ra sao? Chính là phải nói đến Tu Đức. Trong phương diện Tu Đức, ở đây, Liên Trì đại sư đặc biệt nói đến Tán Kinh. Nói cách khác, chúng ta muốn tu hành thì kinh điển có quan hệ mật thiết nhất đối với chúng ta. Chúng ta dựa vào đâu để tu? Nương tựa vào thứ gì? Kinh điển là chỗ nương tựa duy nhất. Kinh điển có thật sự đáng nương cậy hay chăng? Chúng ta không khỏi nẩy sanh hoài nghi. Nếu hiểu đoạn thứ nhất đôi chút thì những nghi vấn ấy sẽ được giải quyết. Kinh điển từ Tánh Đức của Phật lưu lộ. Nói cách khác, chúng ta nương vào kinh điển là nương vào Tánh Đức. Tu Đức là nương vào Tánh Đức để khởi tu, làm sao có thể nói là chẳng thể khôi phục Tánh Đức? Đấy là sự mạch lạc trong văn tự, nói Tánh Đức xong, lập tức bàn về Tu Đức, đạo lý là ở chỗ này!

Khi đức Thế Tôn sắp nhập diệt, Ngài đã dạy các đệ tử mai sau hãy nương theo Tứ Y Pháp, điều thứ nhất là *"y pháp, bất y nhân"*. Quý vị phải hiểu: Pháp là Tánh Đức, là viên mãn. Như Lai chứng đắc cực quả rốt ráo, Pháp từ quả đức viên mãn rốt ráo mà lưu lộ. Vì sao chẳng thể nương theo người? Con người dẫu tu tốt đẹp tới đâu đi nữa, Tánh Đức vẫn chưa thể

phô bày trọn vẹn. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phần vô minh chưa phá, chưa chứng Tánh Đức viên mãn. Đạo lý là ở chỗ này! *"Xuất Thiên Thai giáo"*: Hai danh từ Tánh và Tu thoạt đầu do Thiên Thai đại sư lập ra.

(Diễn) Tự tánh thanh tịnh, ly cấu thanh tịnh, xuất Khởi Tín Luận.

(演) 自性清淨，離垢清淨，出起信論。

*(**Diễn**: Hai khái niệm tự tánh thanh tịnh và ly cấu thanh tịnh phát xuất từ Khởi Tín Luận).*

"Tự tánh thanh tịnh và ly cấu thanh tịnh" xuất phát từ Khởi Tín Luận, tức xuất phát từ hai câu nói trong bộ Đại Thừa Khởi Tín Luận của Mã Minh Bồ Tát. Thật ra, chúng chính là Tánh Đức và Tu Đức. Từ bổn tánh mà nói thì *"tự tánh thanh tịnh"* vốn chẳng nhiễm, tại thánh chẳng tăng, nơi phàm chẳng giảm. Chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng nhơ, chẳng sạch, đó mới là thanh tịnh thật sự. *"Tự tánh thanh tịnh"* chính là Tánh Đức như tông Thiên Thai đã nói. *"Ly cấu thanh tịnh"* giống như Tu Đức trong tông Thiên Thai. *"Cấu"* (垢) là phiền não, Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh, chúng có thể nhuốm bẩn bổn tánh. Sự nhuốm bẩn ấy chẳng phải là thật sự nhuốm bẩn. Nếu bổn tánh có thể bị thứ gì khác nhuốm bẩn, sẽ chẳng thể gọi là chân tánh. Đấy là tương tự, chứ không phải thật sự bị nhuốm bẩn.

Giống như gặp phải ngày trời âm u, mặt trời không mọc. Mặt trời đi đâu rồi? Bị mây che lấp. Quý vị hãy suy nghĩ: Mây có thể che lấp mặt trời hay không? Chẳng thể che lấp! Mặt trời quá ư là lớn, chẳng thể che lấp được, [chỉ là] dường như bị che lấp mà thôi, che lấp gì vậy? [Mây] che lấp con mắt của chính mình, khiến cho chúng ta chẳng thấy được mặt trời. Có chướng ngại ấy thì tự tánh thanh tịnh của chúng ta chẳng thể hiện tiền. Nếu tự tánh thanh tịnh hiện tiền, nhất định phải lìa phiền não. Chẳng lìa phiền não, tự tánh thanh tịnh vẫn chẳng thể hiện tiền. Tự tánh thanh tịnh hiện tiền thì gọi là Phật hay Bồ Tát. Chẳng thể hiện tiền, bị phiền não che lấp, thì gọi là phàm phu. Đấy là nguyên tắc và nguyên lý được nói trong ngàn kinh vạn luận và vô lượng pháp môn, quyết định chẳng thể thay đổi được!

(Diễn) Tánh tịnh chướng tận, xuất Viên Giác Kinh.

(演) 性淨障盡，出圓覺經。

*(**Diễn:** Câu "tánh tịnh, chướng hết" trích từ kinh Viên Giác).*

Câu *"tánh tịnh, chướng tận"* lấy từ kinh Viên Giác. Ba câu trên đây lấy từ ba thứ kinh luận khác nhau để dẫn chứng. Nêu ra ba thứ kinh luận khác nhau với hàm ý: Ngàn kinh muôn luận không gì chẳng nói như vậy. Đó gọi là Phật pháp. Nếu trái nghịch nguyên tắc và nguyên lý này sẽ chẳng phải là Phật pháp. Tương ứng với nguyên tắc và nguyên lý này thì gọi là "học Phật". Chẳng tương ứng với nguyên tắc và nguyên lý này thì gọi là "ngoại đạo". Do vậy, bản thân chúng ta phải kiểm điểm tâm hạnh của chính mình, xem nó có tương ứng với nguyên tắc và nguyên lý này hay không? Chúng ta hằng ngày tu hành, khi tu thì có đức hay là không? Tu Đức, đức ấy là Tánh Đức, tu Tánh Đức, Tánh Đức là gì? *"Tự tánh thanh tịnh"*, *"tánh tịnh, chướng tận"*.

Chúng ta mỗi ngày tu hành, có phải phiền não ngày một giảm nhẹ hay không? Nếu phiền não ngày một giảm nhẹ, cái tâm trong cảnh giới ấy đương nhiên ngày một thanh tịnh. Đấy gọi là Tu Đức. Do sự tu tập ấy, quý vị sẽ đạt được gì? Tánh Đức. Phiền não giảm từng phần thì Tánh Đức thấu lộ từng phần. Nếu chúng ta mỗi ngày dụng công tu hành, chẳng thấy phiền não giảm thiểu, Tánh Đức chẳng tỏ lộ, tuy tu mà không có đức, tu uổng công rồi! Tuy tu mà chẳng đạt được thành tích. Nếu quý vị hiểu rõ nguyên lý này, bất luận quý vị niệm Phật, tham Thiền, trì chú, tụng kinh, hay lễ bái, phương pháp, mánh khóe vô lượng vô biên, nhưng đều chẳng tách rời nguyên tắc này. Bất luận dùng mánh khóe nào, nói chung là phải đoạn phiền não, phải chứng cái tâm tự tánh thanh tịnh. Tự tánh thanh tịnh là đại Bồ Đề tâm, phải chứng đại Bồ Đề!

(Diễn) "Hỗ dung" nhất cú, tổng đảnh thượng tam chủng. "Hỗ dung bất nhị" giả, vị toàn tánh khởi tu, toàn tu tức tánh, tánh ngoại vô tu, tu ngoại vô tánh dã.

(演)互融一句，總頂上三種。互融不二者，謂全性起修，全修即性，性外無修，修外無性也。

*(**Diễn**: Câu "hỗ dung" (dung nhập lẫn nhau) tổng kết ba thứ trên đây. "Dung nhập lẫn nhau chẳng hai" ý nói: Dùng toàn bộ tánh để bắt đầu tu, toàn thể tu chính là tánh, ngoài tánh không có tu, ngoài tu không có tánh).*

"Hỗ dung bất nhị" (dung nhập lẫn nhau chẳng hai) thì mới thật sự nhập môn. Đối với người tu pháp môn Niệm Phật chấp trì danh hiệu mà nói, đây là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm thì Tánh và Tu chưa viên dung, vẫn là hai, Tánh Đức chưa phải là Tu Đức, Tu Đức chẳng

phải là Tánh Đức. Công phu thành phiến và Sự nhất tâm bất loạn đều chưa viên dung, viên dung là Lý nhất tâm bất loạn. Vì sao kẻ ấy (hành giả tu pháp môn Niệm Phật) chẳng thể viên dung? Kẻ ấy chẳng hiểu rõ, thông đạt ý nghĩa của hai đoạn Minh Tánh và Tán Kinh trong bộ Sớ Sao. Nói như vậy, người niệm Phật chúng ta chẳng thể không nghiên cứu kinh. Những kinh khác chúng ta có thể không nghiên cứu, chứ kinh A Di Đà chẳng thể không nghiên cứu, lại còn phải thâm nhập, thông hiểu thấu triệt nó bằng sách Sớ Sao Diễn Nghĩa.

Nay chúng ta triển khai Sớ Sao, nhờ bộ Diễn Nghĩa mới thấu hiểu những ý nghĩa rộng lớn, tinh vi, sâu xa trong đó. Nếu không có bộ Diễn Nghĩa này, sách Sớ Sao vẫn còn là quá sâu, rất nhiều nghĩa lý vi diệu trong ấy chúng ta vẫn chưa thấy được. Có bộ Diễn Nghĩa thì mới thật sự thông suốt bổn hoài của Liên Trì đại sư, mà cũng là thấu hiểu thông suốt bổn hoài trong giáo pháp suốt cả một đời đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Bản chú giải này quả thật là công đức vô lượng vô biên, thật đúng như bài kệ Khai Kinh đã nói *"bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ"* (trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ). Có câu nói: *"Nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn"* (Thân người khó được, Phật pháp khó nghe), chúng ta đã được làm thân người, mà cũng được gặp Phật pháp. Chẳng những được gặp, mà còn gặp sách Sớ Sao Diễn Nghĩa thật sự khó gặp, nếu trong một đời này chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới tức là phụ bạc chính mình quá mức! Có được bộ Sớ Sao này, không chỉ vãng sanh, mà còn nếu dùng một chút sức sẽ có thể Thượng Phẩm Thượng Sanh, vì sao? Tất cả nghi chướng của quý vị đều bị phá trừ. Phá trừ nghi chướng, trong một đời này chắc chắn sẽ đắc Lý nhất tâm bất loạn, Thượng Phẩm Thượng Sanh, thật sự khế nhập *"Tánh - Tu bất nhị"*, đạt đến cảnh giới ấy.

"Toàn tánh" là Tánh Đức, *"khởi tu"* là Tu Đức, *"toàn tu"* là Tu Đức, *"tức tánh"* là Tánh Đức, là một chuyện, chứ không phải hai chuyện. *"Ngoài Tánh không có Tu, ngoài Tu không có Tánh"*: Trong phần trên, chúng tôi đã giảng rõ ý nghĩa Tánh Đức và Tu Đức, chúng do tâm hiện, thức biến. Tâm thức chính là tác dụng của Tánh Đức. Nếu dựa theo kinh Đại Phương Quảng đã giảng về "Thể, Tướng, Dụng", Tánh Đức là Thể, duy tâm sở hiện là Tướng, duy thức sở biến là tác dụng. Thể - Tướng - Dụng là một, dung nhập lẫn nhau, không hai. Nói tới Thể, nhất định bao gồm Tướng và Dụng; nói đến Tướng, nhất định bao gồm Thể và Dụng. Một mà ba, ba mà một, đấy mới là thật sự khế nhập *"ngoài Tánh không có Tu, ngoài Tu không có Tánh"*. Khi ấy, kinh Đại Thừa thường nói là *"lìa hết thảy tướng, chính là hết thảy pháp"*. Sự "lìa" ấy chẳng phải là nói

lìa tướng bên ngoài. Quý vị phải nhớ: Tướng bên ngoài chính là Thật Tướng của Tánh Đức, làm sao quý vị có thể lìa được? "Lìa" ở đây chính là lìa tướng hư vọng trong tâm của chúng ta, lìa tướng ấy!

Nếu quý vị đã từng đọc Duy Thức Luận thì câu nói này sẽ dễ giảng, mà cũng dễ hiểu. Trong Duy Thức Luận đã giảng rõ: Tâm và Tâm Sở mỗi thứ đều có bốn phần, [mỗi Tâm Vương trong] tám Tâm Vương đều có bốn phần, [mỗi Tâm Sở trong] năm mươi mốt pháp Tâm Sở cũng có bốn phần, tức: Tự Chứng Phần, Chứng Tự Chứng Phần, Kiến Phần và Tướng Phần. Chúng ta lìa hết thảy tướng, tức là lìa Tướng Phần của Tâm và Tâm Sở, chứ không phải là lìa tướng cảnh giới bên ngoài; nhưng quý vị phải biết: Tướng Phần [hư vọng như vừa nói đó] của Tâm và Tâm Sở là kể từ thức thứ bảy trở xuống (tức bảy thức trước, không tính A Lại Da thức). Bởi lẽ, Tướng Phần của thức thứ tám là Thân Tướng Phần! Tướng Phần của thức thứ tám là Tướng Phần của Tánh Đức, không có cách nào lìa được, các nhà Duy Thức gọi nó là Bổn Chất Tướng, kinh gọi nó là *"Thật Tướng của các pháp"*. "Lìa" là lìa tướng hư vọng, tức [là lìa] Tướng Phần của Thất Chuyển Thức[58] và năm mươi mốt Tâm Sở[59], chúng là tướng hư vọng,

---

[58] Thất Chuyển Thức chính là bảy thức trước, không kể A Lại Da Thức. Thất Chuyển Thức còn gọi là Thất Chuyển, Chuyển Thức hoặc Chuyển Tâm, với hàm ý: Những thức này là do A Lại Da Thức chuyển sanh. Chúng có sanh diệt, biến đổi nên gọi là Chuyển. Du Già Sư Địa Luận, quyển 63 giảng: *"Đại lược có hai loại thức, một là A Lại Da Thức, hai là Chuyển Thức. A Lại Da Thức là cái để Chuyển Thức nương tựa. Trong Chuyển Thức lại gồm bảy thức, tức là Nhãn Thức cho đến Ý Căn Thức. Ví như sóng nương vào dòng nước chảy xiết [mà phát sanh], hoặc như hình bóng phản chiếu do nương tựa vào tấm gương sáng".* Tướng Phần chính là hình ảnh của cảnh giới bên ngoài được nhận thức, lưu giữ bởi các thức. Do bảy thức trước chỉ do A Lại Da Thức sanh thành nên Tướng Phần của chúng được gọi là Sơ Tướng Phần (Sơ là lợt lạt, không thân thiết), còn Tướng Phần của A Lại Da Thức được gọi là Thân Tướng Phần (Thân là thân thiết, gần gũi).

[59] Tâm Sở (gọi đủ là Tâm Sở Hữu Pháp) là thuộc tánh của tâm thức, là tác dụng của tám thức căn bản (tám thức này thường gọi là tám Tâm Vương), được chia thành sáu loại lớn:

- Biến Hành gồm Xúc, Tác Ý, Thọ, Tưởng, Tư.
- Biệt Cảnh gồm Dục, Thắng Giải, Niệm, Định, Huệ.
- Thiện Tâm Sở gồm Tín, Tinh Tấn, Tàm, Quý, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Khinh An, Bất Phóng Dật, Hành Xả, Bất Hại.
- Tùy Phiền Não gồm Tham, Sân, Si, Mạn, Si, Ác Kiến, Phẫn, Hận, Não, Phú, Cuống, Siểm, Kiêu, Hại, Tật, Xan, Vô Tàm, Vô Quý, Bất Tín, Giải Đãi, Phóng Dật, Hôn Trầm, Trạo Cử, Thất Niệm, Bất Chánh Tri, Tán Loạn.
- Bất Định gồm Hối, Miên, Ác Tác, Tầm, Tư.

không thật. Lìa hết thảy tướng, chính là hết thảy pháp, *"chính là hết thảy pháp"* tức là [do lìa hết thảy Tướng Phần hư vọng (Sơ Tướng Phần) của bảy thức và các Tâm Sở bèn] thấy được Bổn Chất Tướng của hết thảy pháp, thấy được Thật Tướng của các pháp. Có ý nghĩa này! Khi đạt được điều này thì mới có thể thật sự ngộ nhập *"Tánh - Tu bất nhị, vạn pháp giống hệt như một"*.

(Diễn) Hựu cựu vân: "Tánh tịnh, chướng tận, hỗ dung bất nhị" giả.

(演) 又舊云：性淨障盡，互融不二者。

*(**Diễn**: Lại như cổ đức nói:"Tánh tịnh, chướng tận, dung nhập lẫn nhau bất nhị" thì ...)*

"Tánh" vốn sẵn thanh tịnh, tức là tự tánh thanh tịnh. *"Chướng"* (障) là hai thứ chướng, tức Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng, mà cũng là Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh, những chướng ấy cũng hết. Khi đó, chẳng những Lý - Sự viên dung, mà lại còn *"Sự - Sự viên dung"* như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Đấy chính là Lý - Sự vô ngại và Sự - Sự vô ngại dung nhập lẫn nhau, chẳng hai!

(Diễn) Dĩ toàn tánh khởi tu thời, phá toàn tánh chi vô minh, đoạn toàn tánh chi sanh tử, chung nhật bổn thể, chung nhật công phu, tánh tịnh tức chướng tận dã.

(演)以全性起修時，破全性之無明，斷全性之生死，終日本體，終日工夫，性淨即障盡也。

*(**Diễn**: Do khi toàn tánh khởi tu thì sẽ phá vô minh nơi toàn tánh, đoạn sanh tử nơi toàn tánh, suốt ngày là bổn thể, suốt ngày công phu, tánh tịnh thì chướng sẽ hết).*

Đây là cảnh giới Cứu Cánh Tức Phật [trong Lục Tức Phật của tông Thiên Thai]. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phần sanh tướng vô minh chưa đoạn, do chướng chưa đoạn sạch sẽ, Tánh vẫn chưa hoàn toàn tịnh. Phải đạt tới *"tánh tịnh, chướng tận"* thì mới là đạt đến mục tiêu học Phật một cách viên mãn, đấy là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng phải là Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là công phu Lý nhất tâm đạt đến chỗ

Trong bộ sách Phật Học Phổ Thông, hòa thượng Thiện Hoa đã giải thích rất cặn kẽ năm mươi mốt món Tâm Sở này.

cùng cực. Phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, chính là Lý nhất tâm bất loạn. Cùng chứng Lý nhất tâm như nhau, nhưng công phu sâu hay cạn khác biệt rất lớn. Từ địa vị Sơ Trụ của Viên Giáo cho đến Đẳng Giác Bồ Tát đều gọi là Lý nhất tâm; ở đây, đại sư nêu ra nguyên tắc này. Nói cách khác, giúp cho chúng ta thành tựu Lý nhất tâm bất loạn, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề trong một đời; do vậy, nếu chướng đã hết thì Tánh sẽ thanh tịnh viên mãn.

Đối với một câu Phật hiệu, điều khẩn yếu nhất là phải khởi lên sự nhận biết này: Phải giác ngộ! Hễ giác thì phiền não chẳng còn nữa, vô minh cũng chẳng còn. Vô minh và phiền não do đâu mà có? Do tâm bất giác động mà có vô minh. Từ vô minh, nếu tiếp tục mê, càng mê càng sâu nên mới sanh ra ba tướng tế, xuất hiện sáu tướng thô. Chúng ta càng mê sâu hơn trong cảnh giới, câu A Di Đà Phật nhắc nhở chúng ta giác ngộ, giác chứ không mê. Sáu chữ *"Nam-mô A Di Đà Phật"* dịch sang tiếng Hán là Quy Y Vô Lượng Giác. Một câu Phật hiệu này chẳng những từ tâm đấng Đạo Sư A Di Đà Phật trong cõi Tây Phương in vào tâm [chúng sanh], mà còn là điều kiện tất yếu để tiếp nhận Tha Lực (pháp môn này được gọi là Nhị Lực pháp môn), nhưng Tự Lực lại càng trọng yếu hơn! Tự Lực niệm niệm nhắc nhở Tự Tánh Giác: Giác rồi thì Tánh sẽ tịnh. Giác rồi thì chướng sẽ đoạn.

Làm thế nào để khiến cho một câu A Di Đà Phật niệm nơi miệng mà mỗi tiếng đều là Tự Tánh Giác? Cổ nhân thường nói: *"Bất phạ niệm khởi, chỉ phạ giác trì"* (Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm). Niệm là gì? Vô minh, phiền não. Nay chúng ta tạm chẳng bàn đến vô minh, tướng ấy quá nhỏ nhiệm, ngay cả Kiến Tư phiền não mà chúng ta còn chưa đoạn được, làm sao có thể đoạn vô minh? Công phu là tuần tự mà tiến dần dần! Trước hết là chế phục Kiến Tư, đắc công phu thành phiến, rồi lại đoạn Kiến Tư, đắc Sự nhất tâm bất loạn. Cuối cùng lại phá vô minh, thành tựu Lý nhất tâm bất loạn. Trong một đời này, có thể làm được như vậy, nhưng quý vị phải biết niệm. Người không biết niệm, dẫu suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, nhưng một câu Phật hiệu chẳng thể chế phục phiền não. Phiền não là mê, nếu người ấy chẳng giác nơi Phật hiệu thì Phật hiệu của người ấy vẫn là mê. Mê sẽ chẳng thể phá mê được! Ngộ mới có thể phá mê. Người ấy mỗi ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu mà vẫn chẳng thể phá mê, niệm theo kiểu như vậy chẳng thể vãng sanh.

Mê là gì? Trong tâm khởi tâm động niệm là mê. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, bất luận dấy lên thiện niệm hay ác niệm, hễ dấy niệm bèn là vô minh, là mê. Bởi lẽ, trong cái tâm tự tánh

thanh tịnh vốn chẳng có một vật, chẳng có ý niệm. Hễ có một ý niệm thì phải giác ngộ ngay lập tức, ngay tức khắc *"Nam-mô A Di Đà Phật"*, vì sao? Một ý niệm vừa khởi lên, tự mình biết là mê, Nam-mô A Di Đà Phật ta lại giác; hễ giác, vọng niệm chẳng còn nữa. Do vậy, công phu sơ bộ là hễ niệm dấy lên liền lập tức dùng A Di Đà Phật thay thế nó. Bởi lẽ, quý vị dấy lên một niệm là mê, là phiền não; một câu A Di Đà Phật là ngộ, là giác, lập tức chế phục phiền não. Phương pháp niệm như vậy là đúng cách.

Dùng một câu Phật hiệu thay thế hết thảy vọng niệm. Đối với tất cả phân biệt, chấp trước, vọng tưởng đều dùng một câu Phật hiệu để thay thế. Một câu Phật hiệu này có thể chế phục phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Có thể thật sự chế phục trong nửa năm thì công phu của quý vị liền thành phiến. Chế phục ba năm, chắc chắn có thể đạt được Sự nhất tâm bất loạn, quý vị đã chứng được Niệm Phật tam-muội, đấy là công phu chân chánh. Đoạn kinh văn này giảng về lý luận ấy. Tu Đức được kiến lập từ Tánh Đức, huống chi Tánh và Tu bất nhị! Phương pháp này là *"toàn Tánh khởi Tu"*, vì sao? Danh hiệu A Di Đà Phật là danh xưng của Tánh Đức, là danh hiệu của Tánh Đức. Chúng ta niệm một câu danh hiệu này, tức là niệm một câu A Di Đà Phật sẽ chính là [niệm] toàn thể Tu Đức. Toàn bộ tánh là Nam-mô A Di Đà Phật, toàn thể tu cũng là Nam-mô A Di Đà Phật. Quý vị nhất định phải thấu hiểu ý nghĩa này.

Tâm Kinh đến cuối cùng quy kết Bát Nhã là đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, chú không gì sánh bằng. Tôi sợ nhất là quý vị vừa nghe đến chữ Chú liền ngay lập tức học Mật, nhất định quý vị sẽ hiểu lầm, đi theo ngã rẽ. Chú trong tiếng Phạn là đà-la-ni, có nghĩa *"gồm thâu hết pháp, nắm giữ hết thảy nghĩa"*. Tôi đặc biệt nhắc nhở mọi người: Một câu Nam-mô A Di Đà Phật có phải là đà-la-ni hay không? Câu này có phải là gồm thâu hết thảy pháp, nắm giữ hết thảy nghĩa hay chăng? Không sai một tí nào! So với Bát Nhã Tâm Kinh, nó còn cao minh hơn. Bát Nhã Tâm Kinh là đại thần chú, một câu Nam-mô A Di Đà Phật là vô thượng đại thần chú, là thần chú vô thượng không gì sánh bằng. Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối niệm câu A Di Đà Phật chính là quý vị đang tu vô thượng Mật Thừa, chẳng cần phải học pháp Mật Tông nào khác nữa.

Có nhận biết như vậy thì trong một đời này, nếu chúng ta là người công phu nhanh chóng, trong ba năm sẽ đắc Niệm Phật tam-muội, tương đương với Thiền Định. Năm năm, mười năm có thể chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, có thể phá một phần vô minh. Nếu quý vị biết sử dụng, tức là những lý luận, phương pháp và cảnh giới trong A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa đều biết sử dụng, hoàn

toàn có thể vận dụng chúng vào cuộc sống thường nhật, biến một bộ A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa thành cuộc sống của chính mình, đấy là toàn tánh khởi tu, hoàn toàn phá vô minh, trong đời này sẽ Thượng Phẩm Thượng Sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Viên mãn Bồ Đề trong một đời, xét về mặt lý luận, chẳng phải là không thể, nhưng xét theo mặt Sự thì có được hay chăng? Được chứ! Nói theo mặt Sự cũng thông suốt. Vấn đề là quý vị có thật sự liễu giải giáo nghĩa hay chăng? Có liễu giải triệt để hay là không? Có phải là quý vị đã biến sự liễu giải ấy thành cuộc sống của chính mình hay không? Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần thì không gì chẳng phải! Đó gọi là *"toàn tánh khởi tu"*, đó mới gọi là *"suốt ngày bổn thể, suốt ngày công phu"*. Một câu A Di Đà Phật thoạt đầu nhằm chế phục phiền não, rồi đoạn phiền não, mục đích rốt ráo cuối cùng là tâm thanh tịnh hiện tiền. Quán chiếu và công phu nhất định phải biết vận dụng lẫn nhau, sẽ tiến triển nhanh chóng. Câu tiếp theo đây bàn đến sự giao xen, dùng lẫn cho nhau.

(Diễn) Dĩ toàn Tu tức Tánh thời, tuy phá vô minh, phá vô sở phá, tuy đoạn sanh tử, đoạn vô sở đoạn. Chung nhật công phu, chung nhật bổn thể, chướng tận tức tánh tịnh dã.

(演)以全修即性時，雖破無明，破無所破。雖斷生死，斷無所斷。終日工夫，終日本體，障盡即性淨也。

*(**Diễn**: Bởi lẽ, khi toàn thể Tu là Tánh thì tuy phá vô minh, mà phá cái chẳng có gì để phá, tuy đoạn sanh tử mà đoạn cái chẳng có gì để đoạn. Suốt ngày công phu, suốt ngày bổn thể, chướng hết, tánh bèn tịnh).*

Hai câu này nói gộp lại, tức là công phu được vận dụng lẫn nhau. Chúng ta muốn nói câu này cho rõ ràng thì cách vận dụng lẫn nhau là như thế nào? Đừng bị mê hoặc bởi văn tự. Tầng ý nghĩa thứ nhất là công phu nơi Phật hiệu: *"Khi khởi tâm động niệm bèn lập tức dùng Phật hiệu để chế phục, lập tức thay đổi [vọng niệm thành Phật hiệu]"*. Tầng thứ hai là sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, quyết định dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Chân tâm là tâm thanh tịnh; do vậy, mắt thanh tịnh thấy sắc thanh tịnh ở bên ngoài. Chúng ta dùng Nhãn Thức sẽ thấy Sắc Trần, vì sao? Nhãn Thức chẳng thanh tịnh. Vì sao Nhãn Thức chẳng thanh tịnh? Trong Nhãn Thức có bốn phần, [trong bốn phần ấy] có Kiến Phần và Tướng Phần, cho nên chẳng thanh tịnh. Lìa hết thảy tướng, chúng ta dùng con mắt thanh tịnh để thấy sắc thanh tịnh, dùng tai thanh tịnh để nghe tiếng thanh tịnh. Đây là dạy quý vị hãy dùng cái tâm thanh tịnh như thế

nào để thấy cảnh giới thanh tịnh bên ngoài. Tầng ý nghĩa thứ hai là như vậy đó.

Nếu chúng tôi nói kiểu này mà quý vị vẫn chưa hiểu rõ thì hãy nhớ một nguyên tắc đơn giản nhất như sau: Đãi người, tiếp vật bằng lòng chân thành, quyết định chẳng lừa dối, quyết định chẳng hư giả. Người khác lừa dối chúng ta, chúng ta vẫn phải đối đãi với họ bằng lòng chân thành, vì sao? Họ đang mê, họ không biết Tu Đức, chúng ta đã giác ngộ, chúng ta phải toàn tánh khởi tu, toàn tu tức tánh. Toàn tánh là gì? Tâm chân thành chính là toàn tánh. Đối đãi hết thảy mọi người, hết thảy cảnh giới, chân tâm là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Nếu trong cảnh giới quý vị có phân biệt thì cái tâm chẳng thanh tịnh; nếu trong cảnh giới quý vị chẳng bình đẳng thì cái tâm chẳng thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì tướng nhất định bình đẳng, nhất định chẳng có phân biệt. Quý vị hiểu nguyên lý này, trong cuộc sống thường nhật, từ sáng đến tối, suốt năm rèn luyện trong cảnh giới này thì là đúng. Dùng phương pháp này để giúp cho một câu Phật hiệu của quý vị, Phật hiệu dấy khởi giác tâm của quý vị. Dùng một câu Phật hiệu lại giúp cho quý vị sử dụng cái tâm như thế, tức là dùng chân tâm. Thật sự có thể tu học như vậy thì không một ai chẳng thành tựu, đúng như cổ đức đã nói: *"Vạn người tu, vạn người về"*, chẳng một ai luống uổng! Nguyên lý là *"tánh tịnh thì chướng tận"*. Tôi lại nêu một tỷ dụ nhằm so sánh thô thiển nhất, *"tánh tịnh"* là chân tánh, chân thành, Chướng là nghiệp chướng hay tội nghiệp. Chẳng phải là chúng ta hằng ngày đều nói muốn tiêu nghiệp chướng hay sao? Dùng cái tâm chân thành thì nghiệp chướng sẽ tiêu trừ. Nghiệp chướng tiêu trừ thì chân tâm sẽ hiển lộ. Chuyện là như vậy đó!

Quý vị muốn thật sự tiêu nghiệp thì phải dùng chân tâm đãi người, tiếp vật. Người khác dùng cái tâm giả dối đối với ta, ta vẫn dùng chân tâm đãi người. Nếu người khác tăng thêm tội nghiệp mà [ta cảm thấy] tội nghiệp của ta cũng chớ nên giảm bớt, dường như nếu tội nghiệp của ta giảm bớt thì ta chẳng xứng với những người tội nghiệp tăng thêm hằng ngày ấy! [Cách nghĩ như vậy] chẳng gọi là điên đảo thì cái gì mới là điên đảo? Do vậy, người giác ngộ sẽ giống như Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát đến thế gian này hóa độ chúng sanh, người thế gian nhìn Phật, Bồ Tát với ánh mắt nào? Há Phật, Bồ Tát cũng [có cái nhìn phân biệt, chấp trước] giống như người thế gian ư? Nếu vậy, chẳng những [Phật, Bồ Tát] không thể độ chúng sanh, mà nhất định sẽ bị chúng sanh độ ngược lại. Vì thế, nhất định phải giác ngộ, nhất định chớ nên có kiến giải giống với mọi người; nếu không, sẽ là lầm lẫn to lớn. Vậy thì xin hỏi thêm: Những người ấy đối xử

với ta bằng ác tâm, dùng ác ý đối đãi ta, đem hết thảy chuyện ác đổ lên thân ta, ta phải làm sao? Thưa quý vị, chính là vì hết thảy chúng sanh có ác tâm, ác ý, ác hạnh đối với quý vị, quý vị cứ dùng tâm chân thành đối đãi họ thì nghiệp chướng từ vô thỉ kiếp đến nay của quý vị sẽ bị tiêu trừ hết. Nếu không có những người ác và chuyện ác ấy, nghiệp chướng của quý vị làm sao tiêu trừ được? Chân tâm của quý vị từ đâu mà hiển thị cho được? Tu hành không gì hơn là trải qua sự việc để rèn luyện tâm. Rèn luyện cái tâm thanh tịnh trong cảnh giới, trong sự tướng, rèn luyện gì vậy? Rèn luyện ta dùng chân tâm đãi người, rèn luyện điều này! Đó gọi là tu hành thật sự, niệm Phật thật sự.

Chân tâm đãi người xử thế là Nam-mô A Di Đà Phật, vì Nam-mô A Di Đà Phật là Vô Lượng Giác, thứ gì cũng đều phải giác, sự gì cũng đều phải giác, lúc nào cũng giác, nơi đâu cũng giác, giác chứ không mê, đó gọi là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật chẳng phải là một câu khẩu hiệu, phải biến câu khẩu hiệu ấy thành sự thật, biến thành tâm lý và hành vi của chúng ta thì câu Phật hiệu mới là Tánh - Tu bất nhị, mới là Lý - Sự viên dung. Danh là Sự, cảnh giới là Lý, đấy là người thật sự niệm Phật. Quý vị hãy suy nghĩ: Trong quá khứ chúng ta có niệm câu Phật hiệu này như vậy hay chăng? Nếu chẳng tương ứng với Lý - Sự này, khó trách đã niệm nhiều năm như thế mà chẳng có tin tức gì! Niệm đúng lý, đúng pháp, lẽ đâu chẳng có tin tức? Sau khi đã có tin tức, tín tâm của chính mình đã đầy đủ, chắc chắn nắm chắc vãng sanh Tây Phương, chẳng còn mảy may hoài nghi nào! Khi ấy tiền đồ là một bầu quang minh sáng tỏ, suốt ngày từ sáng đến tối pháp hỷ sung mãn. Quả báo ấy do đâu mà có? Do Tánh - Tu bất nhị mà có!

Đoạn lớn thứ hai trong lời tựa là Tán Kinh, đoạn này là Tổng Tán, đoạn tiếp theo là Biệt Tán. Đoạn thứ nhất trong lời tựa là Minh Tánh, giảng về giáo lý, mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều nói các kinh dựa trên nguyên lý này. Các Ngài nương vào đâu để nói, dựa vào gì để nói, chính là dựa vào những điều được trình bày trong năm câu của đoạn thứ nhất, tức giáo lý. Phần Tổng Tán nói đến giáo nghĩa. Người biết nghe kinh sẽ nghe hiểu giáo lý. Vì đã nghe hiểu giáo lý sẽ thông suốt hết thảy các kinh, đó gọi là *"một kinh thông, hết thảy kinh thông"*, đó là người thuộc bậc cao nhất. Không có công phu thì làm sao thực hiện [chuyện này]? Bất đắc dĩ phải cầu điều thấp hơn, tức là cầu giáo nghĩa. Tuy giáo nghĩa chẳng bằng giáo lý, nhưng nếu có thể thông suốt một loại kinh, thông suốt một phần lớn thì cũng khá lắm, thông suốt một tông, hoặc thông cả mấy tông.

Kinh văn từ đầu cho đến đoạn này đều nói về nguyên lý, nguyên tắc, giáo lý, giáo nghĩa. Hai đoạn kinh văn này rất giống những điều được nói trong kinh Hoa Nghiêm. *"Biển pháp luân của một vị Phật là biển pháp luân của hết thảy chư Phật"*, chính là [nội dung của] đoạn Minh Tánh trong phần trước. *"Tu-đa-la của một vị Phật là Tu-đa-la của hết thảy chư Phật"* chính là điều được nói trong phần Tổng Tán. Do vậy, hết thảy kinh quả thật quán thông lẫn nhau. Đã hiểu rõ ý nghĩa một bộ kinh, quý vị lại đọc hết thảy các kinh, sẽ thấy [những kinh ấy] chẳng ra ngoài nguyên lý và nguyên tắc này, đều hiểu thông suốt hết. Chúng ta lại xem phần Biệt Tán. Phần Biệt Tán chú trọng [ca ngợi] bộ kinh này.

Nhị, Biệt Tán.

二、別讚.

(Thứ hai, khen ngợi riêng).

Dưới đây là bốn khoa nhỏ, tức bốn tiểu đoạn.

Sơ, tiên xuất thuyết kinh sở dĩ, nhị thống luận Tịnh Độ công đức, tam đặc thị trì danh vi yếu, tứ quảng hiển trì danh sở bị.

(Tự) Cố ngã Thế Tôn, sạ thuyết Tam Thừa, chung quy Nhất Thật, đẳng ban trân tứ, cánh tích thù ân.

初先出說經所以，二統論淨土功德，三特示持名為要，四廣顯持名所被

(序)故我世尊，乍說三乘，終歸一實，等頒珍賜，更錫殊恩。

(Trước hết, nêu nguyên do vì sao đức Phật nói kinh, hai là luận định chung về công đức của Tịnh Độ, ba là đặc biệt chỉ rõ trì danh là trọng yếu, bốn là nói rộng về những căn tánh được tiếp độ bởi pháp trì danh.

***Tựa**: Vì thế, đức Thế Tôn ta tạm nói ba thừa, rốt cuộc quy về Nhất Thật, bình đẳng ban cho món quý báu, lại còn ban bố ân đức đặc biệt thù thắng).*

Mấy câu này nêu rõ lý do vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp.

(Diễn) Cố ngã Thế Tôn sạ thuyết tam thừa giả, cố tự, thừa thượng diệu dụng lai.

(演) 故我世尊乍說三乘者，故字，承上妙用來。

*(**Diễn**: "Vì thế, đức Thế Tôn ta tạm nói ba thừa": Chữ "vì thế" nhằm tiếp nối ý nghĩa diệu dụng đã được nói trong phần trên).*

Chữ *"cố"* nhằm thừa tiếp phần trước, mở đầu phần sau.

(Diễn) Ngã giả, thân chi chi từ.

(演) 我者，親之之辭。

*(**Diễn**: "Ngã" là từ ngữ diễn tả sự thân thiết).*

Do tùy thuận pháp thế gian mà nói chữ này. Phật pháp vô ngã, chắc chắn chẳng có Ngã Kiến và Ngã Chấp, bất đắc dĩ tùy thuận ngôn từ thế gian để nói. Đối với chúng sanh mà nói thì do chúng sanh là loài hữu tình, tức là loài chúng sanh có tình cảm, nên cách nói này có ý nghĩa thân thiết đặc biệt. *"Ngã Thế Tôn"*: Đức Thế Tôn của chúng ta, đức Phật của chúng ta, là từ ngữ mang ý nghĩa thân thiết.

(Diễn) Sạ thuyết tam thừa, chỉ Hoa Nghiêm chi hậu, Pháp Hoa chi tiền, tứ thập niên sở thuyết chi pháp.

(演)乍說三乘，指華嚴之後，法華之前，四十年所說之法。

*(**Diễn**: "Tạm nói pháp tam thừa": Chỉ các pháp được nói sau thời Hoa Nghiêm, trước thời Pháp Hoa trong suốt bốn mươi năm).*

"Sạ thuyết" là nói tạm thời, nói quyền biến, chẳng phải là nói chân thật. *"Tam thừa"* là Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, và Bồ Tát thừa. Sau thời Hoa Nghiêm (Āvatamsaka), trước thời Pháp Hoa (Sad-dharma Pundárīka), đức Phật giảng A Hàm (Āgama) mười hai năm, Phương Đẳng (Vaipulya) tám năm, Bát Nhã (Prajñā) hai mươi hai năm, thuyết pháp bốn mươi năm, đấy là pháp Tam Thừa. Hoa Nghiêm là pháp Nhất Thừa, Pháp Hoa cũng là pháp Nhất Thừa. *"Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệc vô tam"* (Chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng không ba). Đấy mới là bổn hoài, bổn ý xuất thế độ sanh của đức Thế Tôn. Vì sao nói ba thừa? Chúng sanh mê quá sâu, nói pháp Nhất Thừa chúng ta chẳng thể tiếp nhận, nên đức Thế Tôn mới dùng những pháp phương tiện thiện xảo để dẫn dụ,

hướng dẫn, dần dần nâng cao trình độ và cảnh giới của chúng ta, phải nâng lên đến cảnh giới Nhất Thừa thì mới được coi là đạt được bổn hoài độ sanh và mục tiêu giáo hóa chúng sanh. Ví như thầy muốn học trò thành tựu trí huệ viên mãn, đạt đến học vị Tiến Sĩ tối cao, không có cách nào bảo trẻ nhỏ học ngay lớp Tiến Sĩ được, bất đắc dĩ mới lập ra Tiểu Học, Trung Học và Đại Học. Ba thừa ấy đều là pháp phương tiện, giúp họ nâng cao cảnh giới, cuối cùng đạt đến học vị Tiến Sĩ thì mới được coi là đã đạt được mục tiêu dạy học. Phật dùng cách thức giống như vậy đối với chúng sanh.

(Diễn) Chung quy Nhất Thật giả.
(演) 終歸一實者。
*(**Diễn**: "Rốt cuộc quy về Nhất Thật" là...)*

"Thật" (實) là chân thật, có thể thấy Tam Thừa đều là Quyền, là phương tiện môn, là phương tiện quyền xảo, chẳng chân thật. Do vậy, cổ đại đức phán định kinh điển, phán định những kinh luận do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi năm chỉ có hai bộ kinh là Nhất Thừa Viên Giáo, tức Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh và Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Nhất Thừa Biệt Giáo là kinh Phạm Võng. Do vậy, kinh Nhất Thừa tổng cộng chỉ có ba bộ. Quý vị đừng vì vậy mà cho rằng kinh Di Đà chẳng phải là kinh Nhất Thừa! Cần biết rằng kinh Di Đà là đỉnh cao nhất của kinh điển Nhất Thừa. Cổ nhân tuy chưa nói, nhưng trong kinh Nhất Thừa có nói. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, *"mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc"*, tức là trở về kinh A Di Đà. Nói cách khác, kinh A Di Đà là đỉnh cao nhất của kinh Nhất Thừa, quý vị phải tự nhận biết! Lời nói của cổ nhân vô cùng hàm súc, chẳng thô thiển, bộc tuệch bộc toạc như lời chúng ta nói hiện thời. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát xuất lãnh bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, đủ thấy bộ kinh A Di Đà là pháp Nhất Thừa tối thượng, là đỉnh cao nhất của Nhất Thừa.

(Diễn) Chỉ Pháp Hoa Kinh, thử kinh đãng hóa thành[60] chi chấp giáo.

[60] "Hóa thành" là một tỷ dụ được nói trong phẩm Hóa Thành Dụ của kinh Pháp Hoa. Để thuyết minh lý do vì sao nói pháp ba thừa, thay vì nói thẳng pháp Nhất Thừa, đức Phật nêu ra một tỷ dụ: Giống như có một vị đạo sư (người dẫn đường) biết chỗ có kho báu (bảo sở), hướng dẫn mọi người lên đường đến kho báu. Đường xa mỏi mệt, mọi

(演) 指法華經，此經蕩化城之執教。

*(**Diễn**: Nói về kinh Pháp Hoa, kinh này quét sạch kiến chấp nơi giáo pháp quyền biến).*

Ở đây nói *"chung quy Nhất Thật"* (rốt cuộc quy về Nhất Thật) là nhằm nói đến kinh Pháp Hoa là kinh được đức Phật nói sau cùng. *"Chấp giáo"* là Sở Tri Chướng, đức Phật giảng kinh, giảng Lý nào, người ấy bèn chấp vào Lý đó, giảng pháp môn nào người nghe bèn chấp vào pháp môn ấy.

(Diễn) Giải thảo am chi trệ tình, khai phương tiện chi quyền môn, thị chân thật chi diệu lý cố.

(演)解草庵之滯情，開方便之權門，示真實之妙理故。

*(**Diễn**: Tháo gỡ chấp trước chốn am tranh[61], mở môn phương tiện quyền biến, chỉ bày diệu lý chân thật).*

Kinh Pháp Hoa được gọi là *"khai Quyền, hiển Thật"*, đến khi ấy mới nói lời chân thật. Những điều đã giảng trong bốn mươi năm trước đều là pháp phương tiện. Vì sao trước kia không giảng pháp chân thật? Do trước kia trình độ [của thính chúng] chưa đủ, không có định lực, không có trí huệ, dẫu Phật có nói thì họ cũng chẳng thể tin được, có nói cũng giống như không nói! Đến lúc này, do có bốn mươi năm tu dưỡng, công phu định lực và trí huệ đã khá, Phật nói pháp môn này chúng ta sẽ tin tưởng, có thể tiếp nhận, cho nên mới khai Quyền, hiển Thật, nói pháp chân thật.

(Diễn) Đẳng ban trân tứ giả, như chư tử xuất trạch, đẳng tứ đại xa, kỳ xa cao quảng, chúng bảo trang hiệu đẳng.

---

người nản lòng, muốn quay về, vị đạo sư bèn hóa ra một cái thành lớn có lương thực, cỏ nước đầy đủ, cho mọi người nghỉ mệt. Khi họ đã nghỉ ngơi thỏa đáng, hồi phục sức lực, vị đạo sư ấy bèn diệt cái thành được biến hóa ấy, bảo cho họ biết đã gần đến "bảo sở", hãy mau vững bước gắng sức tiến lên. Do vậy, chữ "hóa thành" trong lời Diễn Nghĩa nhằm chỉ các pháp quyền biến, phương tiện.

[61] Chấp trước chốn am tranh (thảo am chi trệ tình): Chỉ tình chấp vào sự tịch diệt tĩnh lặng, chấp vào pháp lạc của Tứ Thiền, không muốn độ sanh của hàng tiểu quả Thanh Văn.

(演)等頒珍賜者，如諸子出宅，等賜大車，其車高廣，眾寶莊校等。

*(**Diễn**: "Bình đẳng ban cho món quý báu" là như các con ra khỏi nhà [đang cháy hừng hực, ông đại phú trưởng giả] bèn bình đẳng ban cho các con những cỗ xe to. Xe ấy cao rộng, được trang hoàng bằng các thứ báu v.v...)*

Đây là một tỷ dụ trong kinh Pháp Hoa. *"Đẳng"* (等) là bình đẳng, *"trân"* (珍) là quý báu, *"trang"* (莊) là trang nghiêm, *"hiệu"* (校) là chưng bày, trang hoàng. Điều này nói rõ Phật tâm thanh tịnh, bình đẳng, đối đãi hết thảy chúng sanh nhất định chẳng có sai biệt. Nay chúng ta tu học Phật pháp, trong Phật pháp đạt được, bất luận là Giải, Hạnh hay Chứng, các thứ sai khác không giống nhau, đều là vì bản thân chúng ta tiếp nhận khác nhau, chứ không phải do đức Phật dạy chúng ta học sai khác. Tâm chúng ta càng chân thành, càng thanh tịnh thì càng đạt được công đức thù thắng. Quý vị vẫn sử dụng cái tâm phân biệt, vẫn có chấp trước, vẫn có nhân ngã, thị phi, đương nhiên quý vị đạt được hữu hạn!

(Diễn) Cánh tích thù ân giả, thù ân ngôn dị thường chi ân. Nhân thượng hữu như thị chí diệu chi dụng, cố ư nhất đại thời giáo trung phục xuất thử kinh dã.

(演)更錫殊恩者，殊恩言異常之恩，因上有如是至妙之用，故於一代時教中復出此經也。

*(**Diễn**: "Cánh tích thù ân" (ban bố ân đức càng đặc biệt thù thắng): Chữ "thù ân" ý nói ân đức dị thường. Do [pháp môn Niệm Phật] có tác dụng mầu nhiệm đến tột cùng như đã nói trong phần trước, nên trong giáo pháp cả một đời đức Phật lại nói ra kinh này).*

"Thù" (殊) là thù đặc (đặc biệt, lạ lùng), *"ân"* (恩) là ân đức. *"Cánh tích thù ân"* (ban bố ân đức càng đặc biệt thù thắng) là nói đến bản kinh này. Đây là nói rõ kinh A Di Đà cao hơn kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là *"đẳng ban trân tứ"* (bình đẳng ban cho món quý báu), còn kinh A Di Đà là *"cánh tích thù ân"*, đến tột cùng không còn gì hơn được nữa! Khen ngợi kinh này đến chót vót, không còn có gì vượt trỗi được nữa! Quý vị phải ghi nhớ, trọn đừng nghĩ Liên Trì đại sư và pháp sư Cổ Đức là *"lão Vương bán dưa, tự bán, tự khoe"*. Nếu quý vị

dùng thái độ ấy để đọc bản Chú Sớ này sẽ là sai lầm, của trân bảo vô thượng ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ!

Bản chú sớ này lưu thông rất rộng, người đọc rất nhiều, có mấy ai đọc mà thật sự cảm động, nhất tâm nhất ý niệm Phật? Vì sao chẳng thể cảm động? Ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ! Nếu thật sự giác ngộ, nhìn thấy Phật, Tổ rát miệng xót lòng, không ai chẳng cảm động, buông thế duyên xuống, hết thảy kinh luận, hết thảy pháp môn đều buông xuống hết, chuyên tu pháp môn này. Vì sao? Pháp môn này là pháp môn vô thượng, là pháp môn bậc nhất, cao hơn kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa, có thể giúp quý vị chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề trong một đời; chỉ có pháp môn này, trừ các pháp môn này ra, bất cứ pháp môn nào cũng đều chẳng thể đạt được như vậy. Đấy mới là kể như quý vị nhận thức chân chánh, nhìn thấy rõ rệt. Giảng một lượt bản kinh này trong thời gian bốn năm, đáng lắm chứ! Dùng công phu bốn năm để nghe bộ kinh này, không dài đâu! Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 22

Xin đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, trang hai mươi bốn:

(Sớ) Thừa thượng, thử kinh cụ hữu như thị bất khả tư nghị công đức, cố Phật thuyết thử kinh, lương hữu dĩ dã. Sạ giả, tạm dã; tạm thời chi thuyết, phi cứu cánh dã. Tam thừa giả, thừa bổn vô tam, quyền thuyết hữu tam, vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát dã. Chung giả, đối Sạ nhi ngôn, Thật giả, đối Quyền nhi ngôn. Ngôn Thế Tôn thỉ thành Chánh Giác, diễn đại Hoa Nghiêm, đại giáo nan đầu, tùy chúng sanh căn, thuyết tam thừa pháp, hậu nãi hội Quyền quy Thật, tất dữ đại xa, cố viết "đẳng ban trân tứ". Thử Như Lai nhất đại thời giáo chi đại trí dã.

(疏)承上，此經具有如是不可思議功德，故佛說此經，良有以也。乍者暫也，暫時之說，非究竟也。三乘者，乘本無三，權說有三，謂聲聞緣覺菩薩也。終者對乍而言，實者對權而言。言世尊始成正覺，演大華嚴，大教難投，隨眾生根，說三乘法，後乃會權歸實，悉與大車，故曰等頒珍賜。此如來一代時教之大致也。

*(**Sớ**: Theo như phần trên, kinh này có đủ các công đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy, nên Phật nói kinh này chính là vì lý do đó. "Sạ" là tạm, tức nói tạm thời, chẳng phải rốt ráo. Tam thừa: Thừa vốn chẳng có ba, nói quyền biến là có ba, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. "Chung" là đối với "tạm" mà nói, Thật là đối với Quyền mà nói. Ý nói đức Thế Tôn lúc mới thành Chánh Giác, diễn giảng kinh đại Hoa Nghiêm, nhưng đại giáo khó thể thích hợp mọi căn cơ nên tùy thuận căn tánh của chúng sanh mà nói pháp ba thừa, sau đó thâu tóm các pháp quyền biến về pháp chân thật, đều ban cho cỗ xe to, nên nói là "bình đẳng ban cho món quý báu". Đây chính là những nét chánh yếu trong giáo pháp cả một đời Như Lai vậy).*

Liên Trì đại sư tự giải thích đại ý của đoạn văn trong lời tựa. Đại sư thật sự từ bi đến tột bậc, tuy lời văn đã nói rất rõ ràng, nhưng đại sư sợ chúng ta chẳng thể hiểu những ý nghĩa bao hàm trong ấy, hoặc tuy có thấy, nhưng thấy chưa thấu triệt, chưa được rốt ráo nên Ngài chẳng ngại phiền, tự chú giải thêm. *"Thừa thượng"* chính là chữ *"cố"* (故) trong lời tựa,

phần trước là Tổng Tán, tiếp nối phần Tổng Tán. Ngài lại nói rõ kinh A Di Đà *"cụ hữu như thị bất khả tư nghị công đức"* (có đủ các công đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy), câu này nhằm tổng kết đoạn Tổng Tán chúng ta vừa đọc, *"cố Phật thuyết thử kinh, lương hữu dĩ dã"* (nên đức Phật nói kinh này chính là vì lý do đó), nêu ra bổn nguyện và bổn hoài độ chúng sanh của Phật là như vậy. Nếu chẳng nói kinh A Di Đà thì bổn ý độ chúng sanh của Phật sẽ chẳng thể trọn hết được, sự nghiệp độ chúng sanh của Phật sẽ chẳng thể viên mãn, đủ thấy: Kinh này chẳng thể không nói!

"Sạ thuyết tam thừa" là tạm thời nói, trọn chẳng phải là pháp rốt ráo, vì sao chẳng nói pháp rốt ráo?

(Diễn) Phi cứu cánh giả, tùy nghi chi quyền, phi xuất thế bổn hoài dã.

(演) 非究竟者，隨宜之權，非出世本懷也。

*(**Diễn**:"Chẳng phải là cứu cánh": Quyền biến thuận theo cơ nghi, chẳng phải là bổn hoài xuất thế).*

"Xuất thế bổn hoài": Vì sao đức Phật đến thế giới này? Ngài có thể không đến, từ rất lâu Ngài đã vượt khỏi ba cõi, vượt thoát lục đạo, vì sao còn phải trở lại? Nói thật ra, bổn ý Ngài đến cõi này là để nói kinh A Di Đà, đến vì mục đích ấy. Đã là như vậy, sao không vừa đến liền nói kinh này chẳng phải là hay hơn ư? Vừa đến mà nói ngay kinh này thì quý vị chẳng tin; do vậy, phải nói rất nhiều kinh luận rồi mới nói bộ kinh này, quý vị sẽ tin tưởng, mới hiểu Phật pháp rốt ráo, quả thật là như vậy.

(Diễn) Như kinh vân: "Ngã thử cửu bộ pháp, tùy thuận chúng sanh thuyết, nhập Đại Thừa vi bổn, dĩ cố thuyết thị kinh", thị dã.

(演)如經云：我此九部法，隨順眾生說，入大乘為本，以故說是經。是也。

*(**Diễn:** Như kinh nói: "Chín bộ pháp này của ta do tùy thuận chúng sanh mà nói, lấy nhập Đại Thừa làm gốc, vì thế nói kinh này" chính là nói về chuyện này vậy).*

Đại sư dẫn lời đức Phật tự nói để thuyết minh: *"Chín bộ pháp"* chính là chín thứ trong mười hai phần giáo, những phần giáo ấy đều vì *"tùy thuận chúng sanh"* mà nói, trọn chẳng phải là pháp rốt ráo, dùng những pháp ấy để khuyên dụ, hướng dẫn hết thảy chúng sanh tiến nhập

Đại Thừa. Đại Thừa mới là bổn hoài thuyết pháp của đức Phật. Kinh này là kinh Đại Thừa, không chỉ là kinh Đại Thừa mà còn là pháp môn Tổng Trì của các kinh Đại Thừa, chúng ta nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa này. Tiếp theo đây là lời giải thích về ba thừa.

(Diễn) "Thừa bổn vô tam" giả, như kinh vân: "Thập phương Phật độ trung, duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệc vô tam". Quyền thuyết hữu tam giả, như kinh vân: "Trừ Phật phương tiện thuyết, đản dĩ giả danh tự, dẫn đạo ư chúng sanh".

(演)乘本無三者，如經云：十方佛土中，唯有一乘法，無二亦無三。權說有三者，如經云：除佛方便說，但以假名字，引導於眾生。

*(**Diễn**: "Thừa vốn chẳng có ba" là như kinh nói: "Trong các cõi Phật khắp mười phương, chỉ có pháp Nhất Thừa, không có hai, mà cũng chẳng có ba thừa". "Quyền biến nói có ba" là như kinh dạy: "Ngoại trừ đức Phật do phương tiện mà nói, [những pháp tam thừa] chỉ có giả danh tự nhằm hướng dẫn chúng sanh").*

Kinh văn [được trích dẫn ở đây] là kinh Pháp Hoa. Trong đoạn này, chúng ta phải đặc biệt chú ý: Phật pháp chân thật gọi là *"Nhất Thừa pháp"*, nhất Phật thừa. Trong giáo pháp suốt cả đời đức Phật, chỉ có hai bộ kinh thuộc pháp Nhất Thừa là Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, những kinh khác đều thuộc pháp Tam Thừa. Kinh A Di Đà là tổng quy túc của pháp Nhất Thừa, có như vậy, mới hiểu kinh này chiếm địa vị nào trong giáo pháp cả một đời đức Phật. Nhị Thừa và Tam Thừa đều là *"nói phương tiện"*, mục đích nhằm khuyên dụ, dẫn dắt chúng sanh khế nhập Nhất Thừa, đấy mới là bổn hoài xuất thế của Phật.

Tiếp theo đây là lời giải thích câu *"chung quy Nhất Thật"*, *"chung"* (終) là cuối cùng. Cuối cùng chắc chắn sẽ quy hướng pháp Nhất Thừa chân thật, *"ngôn Thế tôn thỉ thành Chánh Giác, diễn đại Hoa Nghiêm"* (ý nói đức Thế Tôn lúc mới thành Chánh Giác, diễn nói kinh đại Hoa Nghiêm). Câu này cho chúng ta biết khi đức Phật mới xuất hiện trong thế gian bèn nói đại pháp căn bản.

(Diễn) Thỉ thành Chánh Giác diễn đại Hoa Nghiêm giả, vị Như Lai ư Bồ Đề Tràng thành Đẳng Chánh Giác, dữ tứ thập nhị vị Pháp Thân đại sĩ, cập túc thế thiện căn thành thục thiên long bát bộ đẳng,

như vân lung nguyệt, vị thuyết viên mãn Tu-đa-la, Bồ Tát vạn hạnh nhân hoa trang nghiêm Nhất Thừa quả hải.

(演)始成正覺演大華嚴者，謂如來於菩提場成等正覺，與四十二位法身大士，及宿世善根成熟天龍八部等，如雲籠月，為說圓滿修多羅，菩薩萬行因華，莊嚴一乘果海。

(***Diễn**: "Vừa mới thành Chánh Giác diễn đại Hoa Nghiêm", ý nói: Như Lai thành Đẳng Chánh Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng, cùng với các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi hai địa vị và hàng thiên long bát bộ có thiện căn trong đời trước đã chín muồi, giống như mây vờn quanh trăng, diễn nói Khế Kinh viên mãn, nhân hoa vạn hạnh của hàng Bồ Tát trang nghiêm quả hải Nhất Thừa).*

Đoạn này giới thiệu giản lược kinh Hoa Nghiêm, từng câu, từng chữ trong đoạn này đều phải chú ý. *"Như Lai"* (Tathāgata) là một trong mười danh hiệu nơi quả đức của Phật. Ý nghĩa của danh hiệu này là *"kim Phật như cổ Phật chi tái lai"* (vị Phật hiện tại giống như vị cổ Phật trở lại), do vậy, gọi là Như Lai. Đây là nói theo mặt Sự. Kinh Kim Cang nói: *"Như Lai giả, chư pháp Như nghĩa"* (Như Lai là nghĩa Như của các pháp), đấy là nói theo Lý. Ở đây, [chữ Như Lai] chỉ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. *"Ư Bồ Đề Tràng"*: Nơi Phật thị hiện thành Đẳng Chánh Giác được gọi là Bồ Đề Tràng (Bodh-gayā). Bồ Đề có nghĩa là giác, Phật ở dưới cội Bồ Đề, ban đêm thấy sao Mai, đại triệt đại ngộ, nơi ấy được gọi là Bồ Đề Tràng. Ngài ngồi dưới gốc cây, cây ấy được gọi là Bồ Đề thụ (Bodhivrksa, cây Bồ Đề), danh xưng do vậy mà có. *"Thành Đẳng Chánh Giác"*: Không nói "thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác"! Ngàn vạn phần chớ nên ơ hờ đọc lướt qua câu này. *"Đẳng Chánh Giác"* là quả vị Phật thấp hơn Phật trong Viên Giáo, tức là Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật hoặc Biệt Giáo Phật thì được gọi là Đẳng Chánh Giác. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là Viên Giáo Phật. Viên Giáo Phật chẳng thị hiện tám tướng thành đạo, Thích Ca Mâu Ni tỏ lộ tám tướng thành đạo, nhưng tám tướng thành đạo thường là Tạng Giáo Phật. Đương nhiên, đức Thế Tôn đã thành Phật từ nhiều kiếp lâu xa trước, đã viên mãn Bồ Đề, nhưng lần này, Ngài biểu diễn trong thế giới này dưới thân phận không cao là Tạng Giáo Phật, giống như Quán Thế Âm Bồ Tát là bậc Đẳng Giác Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng trong hội Lăng Nghiêm, Ngài biểu diễn thân phận Sơ Trụ Bồ Tát, đấy là thị hiện.

"Dữ tứ thập nhị vị Pháp Thân đại sĩ" (cùng với các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi hai địa vị): Khi đức Phật mới thành Chánh Giác tại Bồ Đề Tràng chính là Ngài thị hiện vừa mới thành Phật. Thị hiện thành Phật nhất định phải giảng kinh, thuyết pháp. Ngài giảng trong Định, phàm phu chúng ta không thể thấy được. Lũ phàm phu chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi tịnh tọa dưới gốc cây, đâu có biết Ngài giảng kinh Hoa Nghiêm trong Định. Bốn mươi hai địa vị Pháp Thân đại sĩ, kinh nói "bốn mươi mốt", ở đây nói "bốn mươi hai" là bao gồm cả địa vị Diệu Giác, [đức Phật] nói ra cảnh giới sở chứng của chính mình cho các vị Pháp Thân đại sĩ ấy. Do vậy, đối tượng [được tiếp độ bởi kinh ấy] là các vị Bồ Tát đã minh tâm kiến tánh, mới có tư cách tham gia pháp hội trong Định của Thích Ca Mâu Ni Phật.

Ngoài những vị Bồ Tát ấy ra, còn có rất nhiều chư thiên và tám bộ quỷ thần tham gia pháp hội ấy. Khi chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm thường hoài nghi, đức Phật đã vì hàng Pháp Thân đại sĩ nói *"Tu-đa-la viên mãn"*, sao còn có thiên long bát bộ? Thiên long bát bộ là phàm phu, họ có tư cách gì để tham gia pháp hội này? Đừng bỏ sót câu trước đó *"túc thế thiện căn thành thục"* (thiện căn trong đời trước đã chín muồi), câu này phải giảng như thế nào? Những vị thiên long bát bộ quỷ thần ấy vốn cũng là Pháp Thân đại sĩ. Vì sao Pháp Thân đại sĩ hiện thân phận ấy? Giống như trong phẩm Phổ Môn đã nói: *"Nên dùng thân phận nào để độ được, bèn hiện thân ấy"*. Vô Độc Quỷ Vương trong kinh Địa Tạng là Pháp Thân đại sĩ thị hiện thân quỷ vương trong ngạ quỷ đạo nhằm độ chúng sanh, trọn chẳng phải là quỷ vương thật sự, mà là Bồ Tát! Do đây có thể biết rằng: Bất luận thân phận nào trong kinh Hoa Nghiêm đều là Pháp Thân đại sĩ, thị hiện trong lục đạo nhằm giáo hóa hết thảy chúng sanh. Do vậy, đức Phật giảng kinh Hoa Nghiêm, họ nhất định đến tham gia. Cũng có vị hỏi: Họ tham gia pháp hội ấy thì trong quỷ thần đạo còn có họ hay không? Vẫn còn có họ! Thậm chí họ vẫn đang chấp hành nhiệm vụ trong quỷ thần đạo, giáo hóa chúng sanh ở trong ấy. Họ có năng lực phân thân tới tham gia pháp hội. Pháp Thân đại sĩ có thần thông, một mặt đi nghe đức Phật giảng kinh, một mặt vẫn lo liệu công chuyện của họ, trọn chẳng trở ngại công việc, họ có năng lực ấy.

"Như vân lung nguyệt" (như mây vờn quanh trăng), tỷ dụ thầy trò hợp đạo, *"vị thuyết viên mãn Tu-đa-la"* (bèn nói Khế Kinh viên mãn), pháp hội nhân duyên thù thắng, đức Phật vì họ nói đại kinh viên mãn. *"Tu-đa-la"* là Kinh Tạng, dịch nghĩa là Khế Kinh. Trong giáo pháp cả một đời đức Phật, tức là toàn bộ Đại Tạng Kinh, chỉ có một bộ kinh Hoa Nghiêm

mới có thể gọi là kinh Phật viên mãn. Vì sao? Ý nghĩa của Tam Tạng được bao gồm trọn vẹn trong ấy, nói đến Giới, lại có Định và Huệ, Tam Học trọn đủ không thiếu sót. Mười hai thể loại cũng trọn đủ, mười hai phần giáo viên mãn. Do vậy, kinh này được gọi là *"căn bản pháp luân"*.

Nội dung của kinh Hoa Nghiêm là gì? Thanh Lương đại sư chia nó thành bốn khoa lớn là *"tín, giải, hành, chứng"*. Do bốn khoa này, ta thấy rất rõ nội dung của bộ kinh lớn này, cho thấy nó đúng là Tu-đa-la viên mãn. Vừa mở đầu, kinh Hoa Nghiêm liền nói tới y báo và chánh báo trang nghiêm nơi quả vị Phật, giúp chúng ta kiến lập tín tâm. Tín tâm ấy chẳng phải là Tín Tha mà là Tín Tự. Nếu tin vào Tha Phật, Tha Phật và ta không liên quan, chỉ có tăng thêm lòng ngưỡng mộ suông mà thôi, chẳng phải là phước báo của chính mình. Chúng ta nhất định phải hiểu: Một bộ kinh Hoa Nghiêm từ đầu đến cuối nói về chính bản thân chúng ta, không nói đến bất cứ chuyện gì ngoài con người thật sự của chúng ta. Do đây có thể biết: *"Viên mãn Tu-đa-la"* đối với chúng ta rất thân thiết như vậy.

Y báo và chánh báo trang nghiêm là do Tánh Đức hiển lộ, nhưng chúng ta mê mất Tánh Đức, tuy trọn đủ sự trang nghiêm như thế mà hiện thời chẳng thể thụ dụng. Tánh Đức nhất định phải nhờ vào Tu Đức mới có thể hiển hiện, mới có thể thụ dụng được. Do vậy, phần kinh văn thứ hai [trong kinh Hoa Nghiêm] khá dài, giảng rõ Lý và Sự của sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo. Trong phần trước là phần Tín đã bày ra [y báo và chánh báo trang nghiêm trong Nhất Chân pháp giới] cho chúng ta thấy, tuy thấy nhưng vẫn chưa hiểu, giống như quý vị đến viện bảo tàng của Cố Cung (cung điện hoàng gia ở Bắc Kinh), thấy những món đồ bằng đồng đời Thương hoặc Châu, chúng là quốc bảo, nhưng quý vị thấy chúng là một đống đồng nát, sắt rỉ, không biết giá trị! Ắt phải có người biết giá trị dần dần giải thích, nói rõ, quý vị mới hoảng nhiên đại ngộ, chúng vốn là những món đồ quý báu dường ấy. Phần Giải là nói rõ Chân Như bổn tánh của chính chúng ta, vốn sẵn trọn đủ, có thể sanh ra vạn pháp. Khi Lục Tổ đại sư ngộ đạo đã nói mấy đề mục, chiếu theo những đề mục ấy mà soạn văn chương thì chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Lục Tổ nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh; nào ngờ tự tánh, vốn tự sẵn đủ; nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp"*. Phần Giải của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh thuyết minh đạo lý này, thanh tịnh là gì, pháp nào cũng đầy đủ là gì, chẳng thiếu sót mảy may nào. Nó lại có thể biến hiện vạn pháp, không một pháp nào chẳng do nó biến. Giải thích như vậy sẽ trừ sạch nghi hoặc cho chúng ta, đấy mới là đại triệt đại ngộ, ngộ rồi sẽ tu.

Phần thứ ba là Hành, Hành là tu hành. Tu cái hạnh gì vậy? Tu hạnh kiến tánh, đó gọi là Bồ Tát Hạnh. Do vậy, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, hễ gặp một vị thiện tri thức bèn nêu lên hai câu hỏi. Thứ nhất là tu Bồ Tát đạo như thế nào? Câu hỏi thứ hai là nên học Bồ Tát hạnh ra sao? Do vậy, sau khi ngộ, sẽ có hai chuyện sau đây: Tu đạo như thế nào, học hành như thế nào? Vậy thì học đạo là giữ tấm lòng như thế nào, chúng ta giữ tấm lòng gì? Dùng cái tâm gì? Giữ tấm lòng, dụng tâm là đạo. Bồ Tát đạo là giác tâm, Bồ Tát là giác ngộ, có ý nghĩa giác ngộ. Vì thế, Bồ Tát đạo là giác tâm, Bồ Tát hạnh là hành vi giác ngộ. Trong hết thảy vạn pháp, tâm giác chứ không mê; trong hết thảy vạn hạnh, hạnh cũng phải giác chứ không mê. Trong đại kinh nói đại lược hai ngàn pháp môn, thật ra, làm sao có thể hành cho hết được? "Hai ngàn" là nêu đại lược, nhằm bảo với chúng ta: Chuyện gì cũng phải giác, lúc nào cũng phải giác, chỗ nào cũng phải giác, không một pháp nào chẳng giác; đấy mới là Bồ Tát đạo và Bồ Tát hạnh.

"Bồ Tát vạn hạnh nhân hoa": Bồ Tát còn đang tu nhân, chưa chứng quả. *"Hoa"* tượng trưng cho nhân hạnh (hạnh tu tập khi còn đang tu nhân). Thực vật khai hoa trước rồi mới kết quả; hoa nở xum xuê, chúng ta biết quả báo nhất định trang nghiêm, *"trang nghiêm Nhất Thừa quả hải"*. Bồ Tát tu đức, chỉ có Tu Đức mới có thể trang nghiêm Tánh Đức. *"Nhất Thừa quả hải"* là Tánh Đức. Cuối cùng, đức Phật hết sức thiện xảo, cách dạy học đúng là khéo léo đến tột cùng, dùng Thiện Tài đồng tử nêu gương tu học Bồ Tát hạnh cho chúng ta, nêu gương cho chúng ta xem. Do vậy, kinh này không chỉ có lý luận, có phương pháp, mà còn giảng cảnh giới rất rõ ràng, cuối cùng còn kèm theo biểu diễn. Trên thực tế, Thiện Tài đồng tử và năm mươi ba vị thiện tri thức biểu diễn cho chúng ta xem. [Kinh Hoa Nghiêm] đúng là một cuốn sách giáo khoa viên mãn đến cùng cực, là sách giáo khoa tốt nhất trong thế gian lẫn xuất thế gian.

(Diễn) Đại giáo nan đầu giả.

(演) 大教難投者。

*(**Diễn**: Đại giáo khó thể thích hợp mọi căn cơ).*

Tuy kinh Hoa Nghiêm tốt đẹp như thế, nhưng kinh quá lớn. *"Đầu"* (投) là *"đầu duyên, đầu cơ"* (phù hợp với các duyên và các căn cơ), hiềm rằng chúng sanh căn tánh quá kém, đại pháp không có cách nào phù hợp với điều họ ưa thích.

(Diễn) Như Văn Thù, Phổ Hiền, chư đại Bồ Tát, các các lãnh giải đắc ích.

(演) 如文殊、普賢、諸大菩薩，各各領解得益。

*(**Diễn**: Như Văn Thù, Phổ Hiền, các vị đại Bồ Tát ai nấy đều lãnh ngộ, thấu hiểu, được lợi ích).*

Phải là những vị như vậy mới được, Pháp Thân đại sĩ mà! Người căn cơ chín muồi, vừa nghe liền khai ngộ. *"Lãnh giải"* là khai ngộ. *"Đắc ích"* là chứng quả. Họ vừa khai ngộ liền chứng nhập, khế nhập Nhất Chân pháp giới, giống như phần Chứng ở cuối kinh [Hoa Nghiêm] được gọi là *"nhập bất tư nghị giải thoát cảnh giới"*. *"Đắc ích"* là nhập. Nếu chẳng nhập cảnh giới, thì làm sao quý vị đắc ích? *"Nhập"* là chứng, những người ấy mới có thụ dụng.

(Diễn) Kỳ thượng đức Thanh Văn, tích hạnh Bồ Tát, như lung, như manh, đỗ thị tuyệt thính.

(演) 其上德聲聞，積行菩薩，如聾如盲，杜視絕聽。

*(**Diễn:** Những vị Thanh Văn đức hạnh cao cả, Quyền Giáo Bồ Tát, như đui, như lòa, chẳng thấy, chẳng nghe gì).*

"Thượng đức Thanh Văn" là Tứ Quả A La Hán, *"tích hạnh Bồ Tát"* là Quyền Giáo Bồ Tát, chưa kiến tánh, còn chưa khai ngộ, chưa phải là Pháp Thân đại sĩ. Những người như vậy ở trong hội Hoa Nghiêm *"như lung, như manh"* (như đui, như lòa), *"lung"* (聾) là không nghe được, *"manh"* (盲) là không thấy được. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh lớn này, họ (Thanh Văn và Quyền Giáo Bồ Tát) chẳng thấy được, mà cũng chẳng nghe được. Ngay cả A La Hán và Quyền Giáo Bồ Tát đều chẳng thấy, chẳng nghe, khó trách bọn phàm phu chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi dưới gốc Bồ Đề, tịnh tọa tại đó, ngồi hơn hai tuần lễ, công phu định lực của Thích Ca Mâu Ni Phật tuyệt quá! Chúng ta chỉ thấy như vậy, trừ điều ấy ra, chuyện gì khác cũng chẳng thấy được! Ai biết Thích Ca Mâu Ni Phật đang mở đại pháp hội tại đó, giảng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cho các vị Pháp Thân đại sĩ? Kinh Hoa Nghiêm được giảng trong mười bốn ngày, tức là giảng trong hai tuần, nhưng phàm phu chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật nhập Định tại đó, nhập Định suốt hai tuần, chẳng biết trong Định Ngài làm rất nhiều chuyện. Quý vị đọc Hư Vân Hòa Thượng Niên Phổ, công phu định lực của lão hòa thượng

Hư Vân kể ra cũng khá lắm, Ngài thường tịnh tọa suốt tám, chín ngày là chuyện rất bình thường, chẳng đứng dậy, cũng có lần ngồi hơn nửa tháng. Trong Định, Ngài cũng đi tham học. Theo sách Niên Phổ, trong Định, Ngài thường lên cung trời Đâu Suất nghe Di Lặc Bồ Tát giảng Duy Tâm Thức Định. Đức Phật giảng kinh trong Định, Bồ Tát đi nghe kinh trong Định. Tôi vừa mới nói, những vị thiên long bát bộ căn cơ chín muồi, các Ngài trọn chẳng rời [chỗ mình đang ở], thân thể hoàn toàn chẳng rời đi, chỉ có thần thức ra đi. Chúng ta thấy lão hòa thượng Hư Vân nhập Định, ngồi ở nơi đó, nhục thân không đi, nhưng thần thức lên trời Đâu Suất nghe Di Lặc Bồ Tát giảng Duy Tâm Thức Định. Do vậy, phàm phu, ngoại đạo chẳng cần phải nói tới nữa! [Tuy chúng sanh] chẳng biết cảnh giới của Phật, Bồ Tát, nhưng Phật tuyệt đối chẳng bỏ một ai, đấy là lòng từ bi của Phật! *"Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân"* (trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai). Quý vị không có đủ trình độ ấy nên chẳng thể tiếp nhận đại pháp, bèn giảng những thứ nhỏ nhặt cho quý vị, giảng nông cạn một chút là được rồi!

(Diễn) Ư thị Như Lai thoát Xá Na trân ngự chi phục, trước trượng lục tệ cấu chi y, thoái quy Lộc Uyển.

(演)於是如來脫舍那珍御之服，著丈六弊垢之衣，退歸鹿苑。

*(**Diễn**: Do vậy, đức Như Lai cởi áo Xá Na trân quý, mặc y trượng sáu hèn tệ, nhơ bẩn, lui về Vườn Nai).*

Trong hội Pháp Hoa là Báo Thân Như Lai, *"Xá Na"* là Lô Xá Na (Locana), tức danh hiệu của Báo Thân Phật. Phật có ba thân, Pháp Thân gọi là Tỳ Lô Giá Na (Vairocana), Báo Thân gọi là Lô Xá Na, Ứng Thân gọi là Thích Ca Mâu Ni. Tướng Báo Thân quá lớn, trong đại kinh có nói: *"Phật hữu vô lượng tướng, tướng hữu vô lượng hảo"* (Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo). Ứng Thân Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, rất hữu hạn. Ở đây, ý nói: Nhằm độ các Pháp Thân đại sĩ, Phật hiện Báo Thân, hiện tướng trang nghiêm khôn sánh, ấy là Tánh Đức, là cảnh giới Hoa Nghiêm. Hiện tại, lại vì đến thuyết pháp cho các vị Thanh Văn, Tích Hạnh Bồ Tát, phàm phu, và ngoại đạo, nếu Phật hiện thân [trang nghiêm vĩ đại] như vậy, phàm phu chúng ta chẳng thể thấy được, chẳng thể tiếp nhận được, nên mới hiện thân nhỏ nhoi này, hiện kim thân cao trượng sáu, chẳng khác thân thể của chúng ta cho mấy. *"Trượng lục"*: Ngàn vạn phần quý vị đừng dùng thước hiện thời [để hiểu khái niệm

này, nếu không], một trượng sáu thước gần như gấp đôi chiều cao trung bình của con người! Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật tuy cao, nhưng vẫn chưa cao đến mức ấy. Quý vị có thể đọc sách của đại sư Hoằng Nhất thời cận đại, Sư trước tác không ít, Ngài có viết bộ Luật Học Tam Thập Tam Chủng Hợp San, trong ấy có bài Châu Xích Khảo Cứ (khảo sát những chứng cứ về thước được dùng vào đời Châu). Vào đời Châu, một thước tương đương với sáu tấc theo hệ thống đo lường hiện thời của Đài Loan. *"Trượng lục"*: Có thể thấy Phật rất cao, theo cách tính hiện thời, đại khái từ một mét tám mươi mấy cho đến một mét chín mươi, cao hơn người bình thường một chút. Thước thời ấy ngắn, thước hiện thời dài hơn thước khi xưa. Từ dưới cội Bồ Đề, lão nhân gia đứng dậy, đến Lộc Dã Uyển (Mrgá-dāva), vì trong Lộc Dã Uyển có mấy vị xuất gia đang tu hành tại đó, nên Ngài đến độ họ.

(Diễn) Thuyết Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Ba La Mật chi tam thừa quyền pháp.

(演) 說四諦、十二因緣、六波羅蜜之三乘權法。

*(**Diễn**: Nói các pháp tam thừa quyền biến như Tứ Đế, mười hai nhân duyên, sáu Ba La Mật...)*

Mấy câu này đã bao gồm trọn vẹn các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong suốt một đời. Tại Lộc Dã Uyển, đức Phật chỉ nói Tứ Đế, độ năm người trong nhóm Kiều Trần Như (Ajñāta Kaundinya), tức năm vị tỳ-kheo. Tam Bảo của Phật pháp xuất hiện trong thế gian: Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, Phật Bảo trọn đủ; thuyết pháp Tứ Đế, Pháp Bảo trọn đủ; năm vị ấy nghe xong, trong ấy có một vị chứng A La Hán trước hết (ngài Kiều Trần Như), đều theo Phật xuất gia, Tăng Bảo trọn đủ. Trụ thế Tam Bảo thành tựu tại Lộc Dã Uyển. Đấy là khi sáng lập giáo pháp ban sơ, kể cả thầy và năm học trò, chỉ có sáu người. Sáu người kiến lập Phật pháp thế gian, Phật pháp được kiến lập từ đây. Về sau, Tăng đoàn dần dần mở rộng, người xuất gia cũng dần dần nhiều hơn. Do vậy, đệ tử thường theo Phật có một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị. Trong bốn mươi chín năm, đức Phật giảng Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Ba La Mật. Tứ Đế là pháp Tiểu Thừa Thanh Văn, Thập Nhị Nhân Duyên là pháp Trung Thừa Duyên Giác, Lục Ba La Mật là Đại Thừa Phật pháp, tức Bồ Tát pháp, đó là Tam Thừa. Tam Thừa đều là nói quyền biến, chẳng phải là nói rốt ráo. Mấy câu này cũng giới thiệu lịch sử Phật giáo một cách đơn giản.

(Diễn) Hậu nãi hội Quyền quy Thật giả, A Hàm chi hậu, phục kinh Phương Đẳng đàn ha, Bát Nhã đào thải, tứ thập niên dư, chí Pháp Hoa hội thượng, phương năng hội quy Nhất Thừa dã.

(演)後乃會權歸實者，阿含之後，復經方等彈呵，般若淘汰，四十年餘，至法華會上，方能會歸一乘也。

*(**Diễn**: Sau đấy mới gom Quyền về Thật. Sau thời A Hàm, lại trải qua thời Phương Đẳng chỉ trích, quở trách [quyền tiểu], thời Bát Nhã đào thải [những chấp trước quyền tiểu], hơn bốn mươi năm, đến hội Pháp Hoa mới có thể gom hết về Nhất Thừa).*

Ở đây, [sách Diễn Nghĩa] đã ban cho chúng ta một sự khải thị rất lớn.Ngày nay chúng ta học Phật, học chưa được mấy bữa đã là nhất định muốn tu hành chứng quả. Nếu chẳng chứng quả, bèn không có tâm nhẫn nại. Quý vị nghĩ: Ta tu hành nhiều năm như thế, ngay cả tin tức cũng chẳng có, vậy thì Phật pháp chưa chắc đáng tin cậy, không tu nữa! Còn có một hạng người mới tu được mấy ngày liền tự cảm thấy "ta đã khai ngộ rồi", "ta đã kiến tánh rồi", "ta đã chứng đắc A La Hán", nói đơn giản, thẳng thừng là [những kẻ ấy] "nói nhăng, nói cuội"! Chúng ta phải hiểu, những vị có phước phận học với Thích Ca Mâu Ni Phật thuở ấy, bất luận xét theo thiện căn, phước đức, hay nhân duyên, bất cứ nói theo phương diện nào cũng đều sâu dầy hơn chúng ta. Chúng ta không có cơ duyên gặp Phật, không có cơ hội học với Phật! Ngay cả người học với Phật mà còn phải học suốt bốn mươi năm mới khai ngộ, chúng ta học dăm ba năm làm sao có thể thành công cho được?

Thứ tự dạy học của Phật là A Hàm mười hai năm, giống như giáo dục Tiểu Học của Phật giáo, tạo lập cơ sở, giáo dục cơ sở trong mười hai năm. Chúng ta ngày nay có ai chịu phát tâm tự mình tạo lập cơ sở trong mười hai năm? Phương Đẳng tám năm, Phương Đẳng là tiến nhập Đại Thừa, rồi lại nói Bát Nhã hai mươi hai năm. Thời gian tổng cộng bốn mươi năm! Người thuở ấy thật sự có tâm kiên trì, hằng ngày nghe Phật giảng kinh, nghiên cứu, thảo luận, y giáo phụng hành, như vậy thì mới có thể thành tựu! Nay chúng ta học Phật không đạt thành tích, chính mình phải phản tỉnh, kiểm điểm cho nhiều, vì sao không có thành tích? [Các đệ tử] có bốn mươi năm vun bồi cơ sở rồi [đức Phật] mới vì mọi người nói pháp Nhất Thừa. Giáo nghĩa của Pháp Hoa và Hoa Nghiêm không hai, không khác; khi ấy *"hội Tam Thừa quy Nhất Thừa"* (dung hội Tam Thừa về Nhất Thừa), *"hội"* (會) là dung hội, dung hội tất cả A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, quy nạp pháp Nhất Thừa.

(Diễn) Quyền tức tam, Thật tức nhất.
(演) 權即三，實即一。
***(Diễn**: Quyền là ba, Thật là một).*

Nói theo mặt phương tiện thì có ba giai đoạn, có ba tầng lớp; còn nói thật sự thì đích thực chỉ một; đủ thấy là một nhưng ba, ba nhưng một. Chính vì những pháp ấy "tuy một mà ba, tuy ba mà một", nên cổ đức mới nói: *"Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên"* (người viên đốn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên). Chúng ta hỏi A Hàm có phải là pháp Nhất Thừa hay không? Phương Đẳng có phải là pháp Nhất Thừa hay không? Bát Nhã có phải là pháp Nhất Thừa hay không? Nếu chẳng phải là pháp Nhất Thừa thì làm sao có thể hội quy pháp Nhất Thừa? Nếu chẳng phải là pháp Nhất Thừa, vì sao có thể tách thành pháp Tam Thừa? Một mà ba, ba nhưng một. Nói cách khác, pháp Nhất Thừa có thể nói cạn, có thể nói sâu, có thể nói dài, có thể nói ngắn, cùng một ý nghĩa mà có thể dài, ngắn, sâu, cạn. Trình độ cạn thì nói cạn, trở thành A Hàm. Trình độ bậc trung thì nói ở mức độ trung bình, trở thành Phương Đẳng hay Bát Nhã. Với người đã chín muồi thì nói chân thật, trở thành pháp Nhất Thừa, chuyện là như vậy đó! Do vậy, nhất định chớ nên chấp trước! Nếu khởi phân biệt, chấp trước trong ấy, khế nhập Nhất Thừa sẽ bị chướng ngại, quyết định chớ nên có phân biệt, chấp trước!

Chúng ta thấy rất nhiều người học Phật pháp tại Trung Quốc từ xưa đến nay, hễ học Phật bèn học ngay Đại Thừa, chưa hề học theo thứ tự thuận "A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã". Ví như chúng ta học kinh Hoa Nghiêm, vừa nhập môn liền học kinh Hoa Nghiêm, được không? Được chứ! Kinh Hoa Nghiêm nói cạn sẽ là A Hàm, nói sâu là Phương Đẳng. Nếu dạy quý vị hãy *"lìa hết thảy tướng, chính là hết thảy pháp"* để đọc kinh Hoa Nghiêm thì là Bát Nhã. Có thể biến toàn bộ kinh Hoa Nghiêm thành cuộc sống của chúng ta, thành tâm hạnh hiện thời của chúng ta, thì gọi là pháp Nhất Thừa. Từ một bộ kinh cũng có thể thấy nghĩa quyền biến của Tam Thừa, tức ý nghĩa Quyền Giáo. Nếu quý vị hiểu đạo lý này, mới hiểu cổ nhân Trung Quốc tấn tu như thế nào.

Thuở ấy, Thanh Lương đại sư tuyên giảng kinh Hoa Nghiêm tại Ngũ Đài, lão nhân gia suốt đời giảng năm mươi lượt, có học trò đã nghe Ngài giảng năm mươi lần. Năm mươi biến kinh Hoa Nghiêm là từ A Hàm giảng đến Phương Đẳng, giảng tới Bát Nhã, cuối cùng giảng đến Nhất Thừa, chẳng cần phải giảng gì khác, người đời sau tôn xưng lão nhân gia

là Hoa Nghiêm Bồ Tát. Thật ra, giáo pháp đâu có Nhất Thừa hay Tam Thừa? Giáo không có Thừa, Thừa là do con người phân ra. Tam Thừa là do căn tánh chúng sanh bất đồng mà chia ra, Giáo chẳng có một hay ba, [căn tánh của] con người thì có một và ba; đem Giáo phối hợp với người nên Giáo cũng biến thành một hay ba, có ý nghĩa như vậy. Do vậy, hết thảy Phật pháp, không pháp nào chẳng sống động, hoạt bát, chớ nên chấp trước tướng văn tự thì mới có thể hiểu thông suốt đại nghĩa.

(Diễn) Đại xa, vị đại bạch ngưu xa, tức Đại Thừa diệu pháp dã.

(演) 大車，謂大白牛車，即大乘妙法也。

*(**Diễn**: "Xe to" là xe ngựa, tức diệu pháp Đại Thừa).*

Đây là tỷ dụ trong kinh Pháp Hoa, *"đại bạch ngưu xa"* là xe ngựa, người Ấn Độ gọi ngựa là *"đại bạch ngưu"*. Vào thời cổ, xe ngựa lớn nhất, có thể ngồi được mười mấy người, nên thường được sánh ví với Đại Thừa.

Đoạn này nhằm giải thích câu *"đẳng ban trân tứ"* (bình đẳng ban cho món quý báu); chỉ cần căn tánh chín muồi, Phật đối xử bình đẳng với hết thảy chúng sanh, quyết định giúp đỡ quý vị khế nhập pháp Nhất Thừa, đấy là bổn hoài xuất thế và bổn nguyện dạy học của Như Lai. *"Thử Như Lai nhất đại thời giáo chi đại trí dã"* (nêu lên những nét chánh yếu trong giáo pháp cả một đời Như Lai vậy). Tiếp theo đây giảng về pháp môn Niệm Phật, nói đến pháp môn đặc biệt.

(Sớ) Nhi ư kỳ trung, phục xuất Niệm Phật nhất môn, bất luận đại căn, tiểu căn, đản niệm Phật giả, tức đắc vãng sanh, diệc bất đãi căn thục, phương nãi hội chi quy Thật. Đản vãng sanh giả, tức đắc Bất Thoái, dụ như bất thứ chi trạc, ấm tự chi quan, ân xuất phi thường, danh "thù ân" dã.

(疏)而於其中，復出念佛一門，不論大根小根，但念佛者，即得往生。亦不待根熟，方乃會之歸實。但往生者，即得不退，喻如不次之擢、廕序之官，恩出非常，名殊恩也。

*(**Sớ**: Nhưng trong ấy lại nêu ra một môn Niệm Phật, bất luận đại căn hay tiểu căn, chỉ niệm Phật liền được vãng sanh, cũng chẳng cần phải đợi đến khi căn cơ chín muồi mới dung hội về Thật pháp. Chỉ cần được vãng sanh sẽ liền được Bất Thoái, ví như chẳng theo thứ tự mà được nâng*

lên [địa vị cao tột], làm quan do tập ấm[62], ân đức ấy vượt trỗi lẽ thường, nên gọi là ân đức thù thắng vậy).

Đoạn này nhằm giải thích câu cuối cùng, tỷ dụ pháp môn Niệm Phật. *"Nhi ư kỳ trung"* tức là trong các pháp Tam Thừa và Nhất Thật, mà cũng là trong giáo pháp suốt một đời đức Phật, *"phục xuất Niệm Phật nhất môn"* (lại nêu ra một môn Niệm Phật), *"phục"* (復) có nghĩa là *"lại"*, lại giảng cho quý vị pháp môn Niệm Phật này. Pháp môn này đặc biệt, Tam Thừa và Nhất Thừa trong phần trước đều có đại căn và tiểu căn, tiểu căn chỉ có thể học pháp Tiểu Thừa và Trung Thừa, [căn tánh] Đại Thừa mới học được pháp Bồ Tát; nhưng pháp môn Niệm Phật không cần! Quý vị hãy đọc lời chú giải trong bộ Diễn Nghĩa.

(Diễn) "Bất luận đại căn, tiểu căn" tam cú, đối thượng "thỉ thành Chánh Giác, diễn Đại Hoa Nghiêm" thuyết, vị: Hoa Nghiêm thuần tiếp thượng căn, hạ căn tuyệt phận.

(演)不論大根小根三句，對上始成正覺，演大華嚴說。謂華嚴純接上根，下根絕分。

*(**Diễn**: Ba câu "bất luận đại căn hay tiểu căn..." là nói đối ứng với câu "mới thành Chánh Giác, diễn Đại Hoa Nghiêm" trong phần trên. Ý nói: Hoa Nghiêm thuần tiếp thượng căn, hạ căn trọn chẳng có phần).*

Đối tượng của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ. Kẻ chưa phá vô minh, chưa chứng Pháp Thân sẽ chẳng có phần. Do vậy nói *"hạ căn tuyệt phận"*.

(Diễn) Kim tắc thượng tự Bất Thoái Bồ Tát, hạ cập du du phàm phu, tam căn phổ lợi cố.

(演)今則上自不退菩薩，下及悠悠凡夫，三根普利故。

*(**Diễn:** Nay thì trên từ hàng Bất Thoái Bồ Tát, dưới đến kẻ phàm phu miệt mài [mê muội], lợi lạc trọn khắp ba căn).*

[62] Tập ấm: Con trưởng thừa hưởng tước phong của cha gọi là "tập ấm". Đời này tiếp nối đời khác đều được tập ấm thì gọi là "thế tập".

Nói về pháp môn Niệm Phật. *"Thượng tự Bất Thoái Bồ Tát"*: Bất Thoái Bồ Tát là Pháp Thân đại sĩ. Luận theo những bậc thượng căn thì [pháp môn Niệm Phật] có thể bao gồm trọn hết chúng đương cơ của kinh Hoa Nghiêm, đồng thời lại còn có thể bao gồm tất cả phàm phu, lục đạo phàm phu, pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn! *"Tam căn phổ lợi"* (lợi ích khắp ba căn): Đối tượng của pháp này hết sức rộng lớn, thượng căn, trung căn, hạ căn, không gì chẳng bao gồm, họ đều đạt được lợi ích, đó gọi là *"phổ lợi"*. Trong phần Sớ đã viết: *"Đản niệm Phật giả, tức đắc vãng sanh"* (Chỉ cần là người niệm Phật liền được vãng sanh). Tám chữ này hết sức quan trọng; nhưng "niệm Phật" thì quý vị phải biết niệm, nhất định phải đúng lý, đúng pháp thì sẽ đúng là *"vạn người tu, vạn người về"*.

(Diễn) Diệc bất đãi căn thục tứ cú.

(演) 亦不待根熟四句。

*(**Diễn**: Bốn câu "cũng chẳng đợi căn cơ chín muồi...").*

Tức là đoạn *"diệc bất đãi căn thục, phương nãi hội chi quy Thật, đản vãng sanh giả, tức đắc Bất Thoái"* (cũng chẳng đợi căn cơ chín muồi rồi mới dung hội về pháp chân thật, chỉ cần được vãng sanh sẽ liền được Bất Thoái) trong lời Sớ, nói về bốn câu ấy.

(Diễn) Đối thượng "đại giáo nan đầu" ngũ cú thuyết, vị: Pháp Hoa đãi căn thành thục, phương nãi hội quy; kim tắc bất sĩ đàn ha, vô phiền đào thải, tức đắc Tây quy cố.

(演)對上大教難投五句說，謂法華待根成熟，方乃會歸。今則不俟彈呵，無煩淘汰，即得西歸故。

*(**Diễn**: Là nhằm đối ứng với năm câu "đại giáo khó thích hợp mọi căn cơ..." trong phần trên mà nói, nghĩa là: Pháp Hoa phải đợi căn cơ chín muồi rồi mới dung hội, quy nạp về [Nhất Thật], nay pháp môn này chẳng đợi chê bai, quở trách [các pháp quyền, tiểu], chẳng nhọc công đào thải, mà liền được về Tây vậy).*

Đã trải qua bốn mươi năm tu học mới có tư cách tham gia pháp hội Pháp Hoa. Nay thì chẳng cần phải chê bai, quở trách [pháp quyền tiểu], mà cũng chẳng cần phải đào thải [chấp trước tiểu pháp], liền thành tựu. Tập khí nặng nhất của phàm phu là phân biệt, chấp trước. Phật dành mười hai năm giảng cho họ pháp Tiểu Thừa, họ bèn chấp trước Tiểu Thừa. Phật thấy tu học pháp Tiểu Thừa đã đủ rồi, thành tích đã thuần thục rồi, có thể

nâng họ lên cao một mức nữa, lại giảng kinh Phương Đẳng. Kinh Phương Đẳng chỗ nào cũng quở trách Tiểu Thừa, phê bình người Tiểu Thừa là *"tiêu nha, bại chủng"* (mầm mộng bị cháy, hạt giống lép), khuyên người tu Tiểu Thừa phải bỏ Tiểu Thừa, học pháp Đại Thừa, hồi Tiểu, hướng Đại, vì sao? Khi ấy mới có tư cách học Đại Thừa, họ đã có cơ sở Tiểu Thừa. Nói *"xả Tiểu Thừa"* là buông xuống, đừng nên chấp trước Tiểu Thừa, tiếp tục tấn tu Phật pháp Đại Thừa không ngừng, từ cơ sở Tiểu Thừa tấn tu Phật pháp Đại Thừa, như vậy là đúng! Họ học Phương Đẳng tám năm khá lắm, nhưng căn bệnh cũ lại bùng lên, lại chấp vào Phật pháp Đại Thừa. Hai mươi hai năm Bát Nhã hoàn toàn giảng về ly tướng, nói tới *"tam luân thể không"*, đào thải sạch sẽ chấp trước phàm tình của họ, hoàn toàn dùng tấm lòng thanh tịnh để tiếp nhận pháp Nhất Thừa. Trong hội Pháp Hoa giảng về pháp Nhất Thừa, tâm phải thanh tịnh mới có thể tiếp nhận pháp Nhất Thừa; nhưng trong pháp môn Niệm Phật, chẳng cần phải trải qua những giai đoạn ấy, chỉ cần vãng sanh sẽ đắc ba thứ Bất Thoái, thật chẳng thể nghĩ bàn!

Tiếp theo đó là tỷ dụ: Ví như *"bất thứ chi trạc"*, *"trạc"* (擢) là nâng cao lên; giống như thăng quan, mọi người đều có đẳng cấp, dần dần thăng lên chức cao hơn. Người này chẳng trải qua từng đẳng cấp, vừa được thăng chức liền đạt tới địa vị tối cao, do duyên cớ nào? *"Ấm tự chi quan"*, giống như trong thời đại đế vương thuở trước, cha là thân vương, con cái khôn lớn lại được phong làm thân vương, loại quan này gọi là *"ấm tự chi quan"* (làm quan nhờ tập ấm), tức thế tập, chẳng cần phải qua thăng chức dần dần, đây là ân đức đặc thù của hoàng đế. *"Ân xuất phi thường, danh thù ân dã"* (Ân đức vượt trỗi lẽ thường nên gọi là "thù ân"), mang ý nghĩa ấy. Chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ giống như tình trạng này, chẳng cần phải trải qua nhiều đẳng cấp ngần ấy, [vừa vãng sanh] liền đạt ngay địa vị Pháp Thân đại sĩ, tuy chưa chứng đắc, dẫu chỉ là Hạ Phẩm Hạ Sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, hễ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới liền được đãi ngộ, hưởng thụ giống như trong cõi Thật Báo, giống như quan chức do thế tập vậy. Ân vượt trỗi lẽ thường, chẳng thể nghĩ bàn!

Hôm nay lập hội Phật Giáo, chúng tôi và mấy vị chủ quản tôn giáo của chánh phủ cùng dùng cơm, chúng tôi rất cảm khái. Vì sao Phật giáo ở Trung Quốc có lịch sử tồn tại lâu dài như vậy? Vì sao nó có ảnh hưởng to lớn và sâu đậm đến văn hóa Trung Quốc như vậy? Ấy là vì nó được sức mạnh từ hàng quốc vương cho đến đại thần, sức mạnh của quốc gia hộ trì, cho nên có thể phát triển rạng rỡ. Hiện thời, tình thế khác rồi, dị đoan nẩy nở như rừng, mỗi cá nhân mua một khoảnh đất nhỏ, có thể giảng kinh

thuyết pháp ở đó, mỗi người giảng một phách. Hiện thời, giảng kinh thuyết pháp chẳng biết là bao nhiêu! Mỗi một đạo tràng nhỏ tụ tập một nhóm tín đồ, phân tán sức mạnh của toàn thể Phật giáo, Phật giáo chẳng có sức ảnh hưởng đối với xã hội. Nếu hiện thời, pháp hội của chúng ta là tập trung thuyết pháp, tại thành phố Đài Bắc chỉ có một đại giảng đường, chẳng cần phải tách rời. Lần giảng kinh này, mấy ngàn người nghe, gây sức ảnh hưởng rất lớn đối với xã hội. Quý vị thấy giảng kinh hằng ngày tại đây, hằng ngày có mấy ngàn người đến nghe, người không học Phật cũng đến học Phật. Họ thấy đằng kia, nơi này có mấy người, hai mươi người, ba mươi người, chẳng bằng Cơ Đốc giáo. Nếu họ muốn nghe kinh thì nơi này giảng khác nơi kia, giảng những ý nghĩa khác nhau; nghe nhiều người giảng, chẳng biết ai giảng đúng, ai giảng trật, nên nghe thuyết pháp theo kiểu nào? Đấy là tri kiến không thống nhất, không có nhận thức chung, đấy là tướng suy, tướng diệt pháp trong Phật pháp.

Trước kia, người xuất gia có tư cách xuất gia, hoằng pháp có tiêu chuẩn hoằng pháp, chẳng thể ai cũng có thể tùy tiện giảng kinh, mà cũng chẳng phải ai cũng có thể tùy tiện xuất gia. Do vậy, họ có trình độ khá cao. Nếu hiện thời quốc gia thật sự chú ý đến chuyện này, nhân tài hoằng pháp phải tập trung huấn luyện. Nếu kiến giải khác nhau, trong nhà mình có thể đóng cửa để thảo luận, nhưng khi giảng cho bên ngoài nhất định phải giảng giống như nhau, chớ nên gây nghi hoặc, hoài nghi cho người nghe, như vậy mới được! Pháp sư giảng kinh phải thường nhóm họp một chỗ, cùng nghiên cứu thảo luận, trao đổi những điều tâm đắc, có thể thường họp lại biện luận, nhằm đối nội chứ không đối ngoại. Như vậy thì bất luận là lý luận, phương pháp, hay sự tu trì cá nhân, mọi người nhất định có tiến bộ.

Không cần biết là giảng bộ kinh nào, nói chung không gây hiểu lầm, theo cùng một phương hướng. Phương hướng ấy chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hoặc là trong Hành Môn có một nguyên tắc tối cao: Tam Quy Y. Đây là nguyên tắc chỉ đạo của chúng ta: Quy y Phật, Phật là giác chứ không mê; quy y Pháp, Pháp là chánh chứ không tà, chánh tri chánh kiến, chẳng phải là tà tri, tà kiến; quy y Tăng, Tăng là tịnh chứ không nhiễm.

Thân tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Nguyên tắc lớn này tốt lắm, Phật pháp có thể hưng vượng.

(Diễn) Bất thứ chi trạc giả, ngôn thử độ tu hành, tiệm tiệm đoạn Hoặc, phương xuất sanh tử, như thọ quan giả, tất tuần tư cách, thứ đệ thăng thọ.

(演)不次之擢者，言此土修行，漸漸斷惑，方出生死，如授官者，必循資格次第升授。

*(**Diễn:** "Chẳng theo thứ tự mà được nâng cao lên" là nói tu hành trong cõi này, phải đoạn Hoặc dần dần thì mới thoát khỏi sanh tử, như được phong làm quan, phải căn cứ trên tư cách mà lần lượt trao cho những chức quan cao hơn).*

Ý nghĩa này vừa mới giảng rồi.

(Diễn) Kim Niệm Phật pháp môn, bất tất tiệm tiệm đoạn Hoặc, đản đắc vãng sanh tức siêu sanh tử, dụ như bất tuần thứ đệ, đốn thọ cao quan dã. Ấm tự chi quan giả, ngôn thử độ tu hành, công viên hạnh mãn, phương thành thánh quả.

(演)今念佛法門，不必漸漸斷惑，但得往生即超生死，喻如不循次第，頓授高官也。廕序之官者，言此土修行，功圓行滿，方成聖果。

*(**Diễn**: Nay pháp môn Niệm Phật chẳng cần phải dần dần đoạn Hoặc, chỉ cần được vãng sanh liền vượt thoát sanh tử, ví như chẳng theo thứ tự, liền được trao ngay chức quan cao. "Được tập ấm làm quan" là nói tu hành trong cõi này, phải công hạnh viên mãn thì mới thành tựu thánh quả được).*

Đây là nói về tu hành theo đường lối thông thường.

(Diễn) Như đắc quan giả, tất Minh Kinh trúng thức.

(演) 如得官者，必明經中式。

*(**Diễn**: Như được làm quan ắt phải thi đỗ khóa thi Minh Kinh).*

Trước kia, khảo thí Tứ Thư, Ngũ Kinh, ắt phải thông đạt, hiểu rõ những kinh luận ấy [thì mới đậu khoa thi Minh Kinh], đó là quan văn.

(Diễn) Hoặc hãn mã thành công.

(演) 或汗馬成功。

*(**Diễn**: Hoặc dầy công hãn mã[63]).*

Đây là quan võ, đều phải qua khảo thí.

(Diễn) Kim Niệm Phật pháp môn, bất tất công hạnh viên mãn.
(演) 今念佛法門，不必功行圓滿。
*(**Diễn**: Nay pháp môn Niệm Phật không cần phải công hạnh viên mãn).*

Không cần đến.

(Diễn) Trượng Phật nguyện lực, tật đăng bỉ ngạn.
(演) 仗佛願力，疾登彼岸。
*(**Diễn**: Nhờ vào nguyện lực của Phật, mau chóng lên bờ kia).*

Đây là nói tới đới nghiệp vãng sanh, chẳng cần phải phá vô minh, chẳng cần phải đoạn Kiến Tư phiền não, đới nghiệp vãng sanh là thành công rồi!

(Diễn) Dụ như tổ tông di ấm, hiện ưng tước lộc dã.
(演) 喻如祖宗遺廕，現膺爵祿也。
*(**Diễn**: Ví như tổ tông di ấm[64], nay con cháu được hưởng tước lộc).*

Thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Sánh ví hết sức hay. Hôm nay đã hết giờ rồi!

---

[63] Hãn mã: Công lao ngoài chiến trận.
[64] Di ấm: Do tổ tông làm quan, con cháu đời đời thừa kế quan tước ấy, đó gọi là "di ấm" hay "thế tập".

Tập 23

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai mươi sáu:

(Sớ) Hựu thù ân phục hàm nhị nghĩa, nhất giả, niệm Phật thị ân trung chi thù, nhị giả, trì danh niệm Phật, hựu thù ân trung chi thù dã.

(疏)又殊恩復含二義，一者念佛是恩中之殊，二者持名念佛，又殊恩中之殊也。

*(**Sớ**: Lại nữa, "thù ân" còn bao gồm hai nghĩa: Một, niệm Phật là ân đức thù thắng nhất, hai, trì danh niệm Phật lại là thù thắng nhất trong các ân thù thắng).*

Sách Diễn Nghĩa có giải thích mấy câu này.

(Diễn) Niệm Phật ân trung chi thù giả.

(演) 念佛恩中之殊者。

*(**Diễn**: "Niệm Phật là ân thù thắng nhất" là...)*

Ý nghĩa của chữ *"thù ân"* đã được giải thích trong phần trước.

(Diễn) Niệm Phật chi tỷ kỳ dư pháp môn, cố vi thù ân.

(演) 念佛之比其餘法門，故為殊恩。

*(**Diễn**: So sánh Niệm Phật với các pháp môn khác, nên nói là ân thù thắng đặc biệt).*

Trong phần trước, đại sư đã so sánh từng chuyện một trong quá trình dạy học suốt đời của Thích Ca Mâu Ni Phật: Dẫu là Nhất Thừa Viên Giáo như Hoa Nghiêm hay Pháp Hoa, tuy là đại pháp rốt ráo viên mãn, nhưng chẳng khế hợp căn cơ của chúng sanh trong thời kỳ Mạt Pháp. Nói cách khác, chẳng thể tắt gọn, nhanh chóng chứng nhập trong một đời. Chúng ta lại thấy các bộ kinh Đại Thừa quy kết Tây Phương Tịnh Độ.

Nếu có một phương pháp thật sự thành tựu Tịnh Độ, được sanh về Tịnh Độ thì nói cách khác, há chẳng phải là thõng tay cũng đạt được pháp Nhất Thừa viên mãn ư? Đức Phật nói kinh điển nhiều dường ấy, có thể nói dụng ý của Ngài là lót đường cho pháp môn Di Đà, dạy chúng ta so sánh từng pháp môn thì mới thật sự phát hiện, thật sự nhận biết pháp môn

này đặc biệt lạ lùng chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, đức Phật nói Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là "ân đức", nói pháp môn Di Đà là "thù ân" (ân đức đặc biệt thù thắng). Đây là so sánh pháp môn Niệm Phật với các pháp môn khác.

(Diễn) Nhi Niệm Phật nhất môn, phục hữu đa chủng, như Quán Tượng, Quán Tưởng, Thật Tướng đẳng.

(演)而念佛一門，復有多種，如觀像、觀想、實相等。

*(**Diễn:** Nhưng một môn Niệm Phật lại có nhiều thứ, như Quán Tượng, Quán Tưởng, Thật Tướng v.v...)*

Pháp môn Niệm Phật lại có rất nhiều thứ, ở đây, quy nạp thành bốn loại: Quán Tượng, Quán Tưởng, Thật Tướng, Trì Danh.

Quán Tượng là nhìn tượng Phật. Do vậy, tượng Phật nhất định phải tạc trang nghiêm, giống như quy củ tạc tượng được dạy trong Tạo Tượng Lượng Độ Kinh[65], phải khắc họa được ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp của Phật, chẳng thể thuận theo sự tưởng tượng trong tâm chính mình để tạo tượng Phật. Nếu tạc [theo sự tưởng tượng của chính mình] như vậy, sẽ là sai, [tạc tượng] có pháp tắc nhất định. Nói đến tượng Phật thì cũng có đồng học đến hỏi: "Chúng con thỉnh một bức tượng Phật về thờ trong nhà, nghe nói tượng Phật phải khai quang; không khai quang sẽ chẳng linh?" Năm ngoái, tôi giảng kinh tại Cựu Kim Sơn (San Francisco), có một cư sĩ thỉnh tôi khai quang cho tượng Thiên Thủ Quán Âm. Tượng

[65] Tạo Tượng Lượng Độ Kinh do quan Tổng Quản Nghi Tân Chưởng Dịch Phiên Mông Chư Văn Tây Phiên Học của Nội Các nhà Thanh dịch, được đánh số 28 trong tập 1 của Vạn Tục Tạng Kinh. Chúng tôi xin trích một đoạn như sau: *"Dĩ tự thủ chỉ lượng, bách hữu nhị thập chỉ, nhục kế sùng tứ chỉ, phát tế diệc như thử, diện luân thụ tung độ, đới bán thập nhị chỉ, phân tam vi ngạch tỵ, cập hài câu đắc nhất... Ấn đường bạch hào địa, quảng đới bán nhất chỉ, mi như sơ nguyệt nha, trung cao trường tứ chỉ, nhĩ quảng hữu nhị chỉ, tiêm đẳng mi trung tế, đỗng minh khoan tứ túc, khiếu khổng đắc bán chỉ, nhĩ đóa cao tứ mạch, quảng phân ưng mãn chỉ"* (Lấy ngón tay của chính mình để làm đơn vị đo, thì tượng Phật cao một trăm hai mươi ngón tay, nhục kế cao bốn ngón tay, mí tóc cũng giống như vậy, độ rộng của khuôn mặt là mười hai ngón rưỡi, chia khuôn mặt thành ba phần là trán, mũi và cằm, mỗi phần đều nhau... Giữa hai chân mày là chỗ đặt tướng bạch hào, rộng chừng nửa ngón tay, lông mày như mảnh trăng non, chính giữa cao rộng khoảng bốn ngón tay. Tai có bề ngang bằng hai ngón tay, đỉnh tai ngang bằng với lông mày, vành tai rộng bằng bốn bàn chân [của tượng], lỗ tai rộng nửa ngón tay, trái tai có bề dày bằng bốn hạt lúa mạch, trái tai to bằng cả ngón tay).

Thiên Thủ Quán Âm ấy tạc rất trang nghiêm, cao bảy thước[66]. Tôi còn chụp mấy tấm ảnh đem về làm kỷ niệm, tôi khai quang cho bức tượng Thiên Thủ Quán Âm ấy. Trong Phật môn, đây cũng là pháp tu học tất yếu.

"Khai quang" chẳng phải là khai quang cho tượng Phật. Nếu có thể khai quang cho tượng Phật thì quý vị lạy Phật sao bằng lạy tôi! Tôi khai quang cho tượng Phật khiến cho tượng Phật linh thiêng, tượng sẽ linh; tôi không khai quang, tượng chẳng linh. Vậy là tôi thiêng hơn tượng Phật nhiều lắm! Hằng ngày, quý vị mời tôi về nhà cúng dường tốt hơn, cần gì phải thỉnh tượng Phật bằng đất nặn, gỗ khắc? Đấy là lầm lẫn quá đỗi! Do vậy, tượng Phật vừa tạo xong, cử hành một điển lễ bắt đầu [đưa tượng Phật] vào sử dụng, giống như dựng nhà xong làm lễ khánh thành, đến chúc mừng một phen. Tượng Phật có ý nghĩa càng đặc biệt hơn! Phải nói rõ ý nghĩa của tượng Phật. Vì sao phải thờ phụng? Ý nghĩa thờ phụng là đâu? Do nhờ vào tượng Phật để mở mang trí huệ quang minh của chính mình, đó gọi là *"khai quang"*. Nhờ vào tượng Phật để khơi mở ánh sáng Bát Nhã trong tự tánh của chính mình, chứ không phải là chúng ta khai quang cho tượng Phật. Chớ nên điên đảo chuyện này! Chúng ta vừa thấy [tượng] A Di Đà Phật, liền nghĩ A Di Đà Phật tượng trưng cho Vô Lượng Giác. Vừa trông thấy vị Phật ấy chúng ta liền giác chứ không mê, giác là ánh sáng! Cúng dường tượng Phật bèn suốt ngày từ sáng đến tối thời thời khắc khắc khai phát cho tâm địa của chính mình quang minh, ý nghĩa là như vậy đó. Do vậy, hôm thứ nhất thỉnh tượng Phật mới toanh để thờ về, thỉnh pháp sư đến thuyết pháp cho chúng ta, nói ý nghĩa của tượng Phật, công đức cúng dường, cách cúng dường đúng pháp là như thế nào thì chúng ta mới đạt được lợi ích chân thật do cúng dường, đó gọi là *"khai quang"*.

Hiện thời, mọi người đều làm sai, cứ ngỡ là khai quang tượng mới linh, linh ở chỗ nào? Tượng linh, còn quý vị chẳng linh. Tượng linh, nhưng bản thân quý vị mê hoặc, điên đảo, lầm lẫn rồi! Quán Tượng Niệm Phật thì phải là người rất có phước khí vì sao? Người ấy không cần làm việc, chẳng phải lo cơm áo, trong nhà tạc một tượng Phật, suốt ngày từ sáng đến tối nhìn tượng Phật, đó gọi là Quán Tượng. Phải nhờ vào tượng Phật bên ngoài để hiển lộ Tánh Đức của chính mình, đó gọi là Quán Tượng Niệm Phật. Thường xuyên nghĩ tới sự tu nhân chứng quả của Phật, chúng ta phải "thấy người hiền, mong được bằng", đó là Quán Tượng Niệm Phật. Do vậy, Quán Tượng Niệm Phật không phải ai cũng có thể làm được. Nếu

[66] Nguyên văn "xích", xích là đơn vị đo lường chiều dài của Trung Hoa, gần bằng một phần ba mét.

quý vị bôn ba vì cơm áo, lấy đâu ra thời gian để suốt ngày từ sáng đến tối quán tượng Phật?

Quán Tưởng Niệm Phật là mười sáu phép Quán trong Thập Lục Quán Kinh (còn gọi là Quán Vô Lượng Thọ Kinh), nhưng cách Quán này hết sức tinh tế, miên mật, cũng chẳng dễ dàng gì! Mười sáu thứ cảnh giới, càng về sau càng sâu hơn. Ví như phép Quán thứ nhất là quán mặt trời lặn giống như cái trống treo nhằm tưởng Tây Phương. Khi hoàng hôn, thấy thái dương đỏ rực lặn xuống núi, quán thành công sẽ ra sao? Bất luận khi nào, quý vị mở banh mắt hay nhắm tịt mắt, vầng mặt trời đỏ ấy luôn ở trước mặt, đó gọi là *"quán thành"* (quán tưởng thành tựu). Đấy chẳng phải là tưởng tượng, chẳng phải là ta tưởng tượng có vầng thái dương ở trước mặt, không phải vậy! Quý vị mở banh mắt hay nhắm tịt mắt, vầng thái dương vẫn ở ngay trước mắt thì phép Quán thành tựu. Phép Quán thứ nhất đã thành công, lại quán phép Quán thứ hai, *"biển cả đóng thành băng"*. Nếu phép Quán này thành công, bất luận ở chỗ nào, quý vị thấy mặt đất đều là đất lưu ly, phỉ thúy. Đó là gì vậy? Dùng sức quán biến đổi cảnh giới bên ngoài.

Cảnh chuyển theo tâm, nói đơn giản là toàn thể thế giới này biến thành thế giới Cực Lạc. Người bình thường cũng chẳng thể làm được chuyện này! Chú sớ kinh Thập Lục Quán, nêu bày lý luận của Tịnh Độ hết sức tinh vi, sâu xa, thấu triệt chính là bộ Thập Lục Quán Kinh Diệu Tông Sao. Tuy chúng ta chẳng thể nương theo phương pháp này để tu hành, vì thật sự cách tu này rất khó, nhưng nhất định phải hiểu những lý luận ấy do chúng sẽ có ích rất lớn cho việc trì danh niệm Phật của quý vị.

Thật Tướng Niệm Phật hiện thời chúng ta không làm được, vì sao? Phải đạt đến Lý nhất tâm bất loạn rồi mới có thể Thật Tướng niệm Phật. Trong bốn loại Niệm Phật, chúng ta có thể tu pháp Trì Danh. Đối với Quán Tưởng và Quán Tượng thì quán tượng chúng ta chẳng thể có thời gian để làm như vậy được, Quán Tưởng thì lúc nào, chỗ nào cũng đều có thể quán, nhưng chẳng thấy ai có thể quán thành tựu!

(Diễn) Nhi quán tượng, tắc tượng khứ, hoàn vô, nhân thành gián đoạn.

(演) 而觀像，則像去還無，因成間斷。

*(**Diễn**: Nhưng quán tượng thì rời khỏi tượng, lại là không, cái nhân trở thành gián đoạn).*

Quán tượng chẳng thể gián đoạn, trong mười hai thời phải đối trước tượng Phật thì công phu mới chẳng gián đoạn, mấy ai có phước báo lớn dường ấy?

(Diễn) Quán tưởng, tắc tâm thô, cảnh tế, diệu quán nan thành.

(演) 觀想，則心粗境細，妙觀難成。

*(**Diễn:** Quán tưởng thì tâm thô, cảnh vi tế, phép Quán mầu nhiệm khó thành).*

Thật đấy! Chẳng giả tí nào! Trong tâm chúng ta quá nhiều tạp niệm, vọng tưởng quá nhiều. Thập Lục Quán Kinh giảng những cảnh giới vi tế, quả thật chẳng dễ gì quán thành công.

(Diễn) Thật Tướng, tắc thượng trí nãi khắc thừa đương, trung hạ vị năng lãnh hà.

(演) 實相，則上智乃克承當，中下未能領荷。

*(**Diễn**: Thật Tướng niệm Phật thì bậc thượng trí mới hòng tiếp nhận, căn cơ trung hạ chưa thể nhận lãnh, gánh vác).*

Sau khi đắc Lý nhất tâm bất loạn, niệm Phật mới là Thật Tướng Niệm Phật, chứ Sự nhất tâm bất loạn sẽ chẳng thể!

(Diễn) Duy thử trì danh, chí giản, chí dị, phổ nhiếp chư căn, hạc xung, bằng cử, ký sậu, long phi, thù ân trung chi thù ân dã.

(演)唯此持名，至簡至易，普攝諸根，鶴沖鵬舉，驥驟龍飛，殊恩中之殊恩也。

*(**Diễn**: Chỉ có pháp trì danh này, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, nhiếp khắp các căn, hạc tung mình, đại bàng sải cánh, ngựa Ký phi nước đại, rồng bay lên, là ân thù thắng nhất trong các ân thù thắng).*

Mấy câu này tán thán công đức của Trì Danh Niệm Phật trong bốn thứ Niệm Phật. Trong pháp môn Niệm Phật, pháp môn này đơn giản dễ dàng, mà thành tựu thù thắng chẳng thể nghĩ bàn! Mấy loại Niệm Phật kể trên nhiếp thọ hết thảy chúng sanh khác nhau. Ví như Thật Tướng Niệm Phật chỉ có bậc thượng trí lợi căn mới hành được, kẻ căn tánh trung hạ chẳng có phần. Quán Tưởng cũng phải từ trung căn trở lên, kẻ hạ căn không thể làm được. Trì Danh thích hợp khắp ba căn, thâu tóm lợi căn lẫn

độn căn, có thể nói là hết thảy chúng sanh không ai chẳng thể tu, chỉ cần chịu tu, không một ai chẳng thành tựu. Cổ nhân bảo: *"Vạn người tu, vạn người về"* chính là nói về pháp môn Trì Danh Niệm Phật. *"Phổ nhiếp chư căn"*: Phổ biến nhiếp thọ hết thảy chúng sanh.

Hai câu tiếp theo đó là tỷ dụ sự thành tựu của người ấy, giống như bạch hạc, như chim đại bàng. Đấy đều là những loài chim bay cao nhất. Câu tiếp đó tỷ dụ rồng và ngựa, chạy nhanh, bay cao, đều nhằm hình dung pháp môn Niệm Phật thù thắng nhất, thành tựu chẳng thể nghĩ bàn nhất. Trong mấy cách Niệm Phật này, Trì Danh thành tựu thù thắng nhất. Nói thật ra, thù thắng hơn Quán Tưởng rất nhiều. Quán Tưởng rất khó thành tựu, quán thành công khá khó khăn. Quý vị phải hiểu: Khi đã quán thành công rồi, nếu quý vị nâng cao cảnh giới để đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm thì phải bỏ tướng đã quán thành công ấy. Vì sao? Tướng ấy là tướng hư vọng. Phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Quán Tượng là chấp tướng. Quán Tưởng lẫn Quán Tượng đều là chấp tướng, vẫn phải bỏ sự chấp trước ấy. Chẳng dễ gì quán thành tựu, quán thành tựu khó khăn, bỏ đi cũng khó, vì ấn tượng quá sâu nên bỏ ấn tượng ấy cũng khó. Bỏ danh tự dễ dàng, vì danh tự là giả danh, đổi tên cũng được! Do vậy, đến cuối cùng, bỏ đi danh tự ấy dễ dàng hơn bỏ Quán Tưởng, Quán Tượng nhiều lắm! Vì thế, trong bốn phương pháp Niệm Phật, chỉ có Trì Danh là gần với Thật Tướng nhất, đến cuối cùng nhất định phải cầu Thật Tướng thì đấy mới là Lý nhất tâm bất loạn. Do đây, có thể biết: Từ phương pháp Trì Danh đến Thật Tướng Niệm Phật là con đường tắt. Vì vậy mới có hai câu tỷ dụ ấy.

Đoạn thứ nhất là Tán Kinh, được chia thành hai đoạn lớn, trước hết là Tổng Tán, sau đó Biệt Tán. Trong phần Biệt Tán có bốn đoạn nhỏ. Đoạn thứ nhất nói rõ vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật phải nói kinh này, giới thiệu ý nghĩa đến đây đã xong. Tiếp theo đây là tiểu đoạn thứ hai, tựa đề của khoa này là...

Nhị, thống luận Tịnh Độ công đức.

(Tự) Chỉ tứ thập bát chi nguyện môn, khai nhất thập lục chi Quán pháp, nguyện nguyện quy hồ phổ độ, Quán Quán tông hồ diệu tâm.

二，統論淨土功德。

(序)指四十八之願門，開一十六之觀法，願願歸乎普度，觀觀宗乎妙心。

(Hai, luận chung về công đức của Tịnh Độ.

***Tựa**: Chỉ bày bốn mươi tám nguyện môn, mở ra mười sáu phép Quán, nguyện nào cũng quy về phổ độ, phép Quán nào cũng đề cao diệu tâm).*

Đoạn này chỉ có bốn câu. Ý nghĩa được bao hàm trong bốn câu hết sức rộng lớn.

(Diễn) Chỉ tứ thập bát nguyện môn giả.

(演) 指四十八願門者。

*(**Diễn**: "Chỉ bày bốn mươi tám nguyện môn"...)*

Câu này nói về điều gì? Nói đến A Di Đà Phật khi còn tu nhân, đây là chuyện [được chép] trong kinh Vô Lượng Thọ, tức chuyện tu hành của A Di Đà Phật khi còn tu nhân.

(Diễn) Pháp Tạng tỳ-kheo, ư Thế Tự Tại Vương Phật sở, phát tứ thập bát nguyện.

(演) 法藏比丘，於世自在王佛所，發四十八願。

*(**Diễn**: Tỳ-kheo Pháp Tạng ở chỗ Thế Tự Tại Vương Phật, phát ra bốn mươi tám nguyện).*

Đây là nói lúc A Di Đà Phật xuất gia lần đầu tiên, Ngài phát tâm học Phật với Thế Tự Tại Vương Phật, mang thân phận quốc vương, vứt bỏ ngôi vua, phát tâm xuất gia. Do đây, có thể biết: Xuất gia còn thù thắng hơn làm quốc vương, Ngài thật sự hiểu công đức và lợi ích xuất gia. Đấy là thật sự phát tâm. Thuở ấy, khi Ngài xuất gia đã phát ra bốn mươi tám nguyện; nguyên văn của bốn mươi tám lời nguyện được chép trong kinh Vô Lượng Thọ.

(Diễn) Phật nãi nhất nhất niêm xuất, chỉ thị chúng sanh, cố viết "chỉ tứ thập bát" giả.

(演) 佛乃一一拈出，指示眾生，故曰指四十八者。

*(**Diễn**: Đức Phật nêu ra từng điều chỉ dạy chúng sanh, nên nói "chỉ bày bốn mươi tám nguyện").*

Chữ *"Phật"* chỉ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài đã nêu ra từng điều nhằm chỉ dạy chúng ta. Không riêng Phật Thích Ca là như vậy, mà hết thảy chư Phật trong mười phương thế giới, không vị nào chẳng như

thế. Vì sao chúng ta biết? Qua kinh A Di Đà, chúng ta thấy mười phương chư Phật khác miệng cùng lời, không vị nào chẳng tán thán A Di Đà Phật, các Ngài đã tán thán A Di Đà Phật thì cũng nhất định khuyên chúng sanh trong thế giới của các Ngài cầu sanh Tịnh Độ. Đấy là đạo lý đương nhiên.

(Diễn) Như quốc trung vô tam ác đạo nguyện, nãi chí tối hậu tức đắc chư Nhẫn cứu cánh nguyện.

(演) 如國中無三惡道願，乃至最後即得諸忍究竟願。

***(Diễn**: Như nguyện "trong cõi nước không có ba ác đạo" cho đến nguyện cuối cùng là "liền rốt ráo đắc các Nhẫn").*

Đây là nêu đại lược: Nguyện thứ nhất, nếu Ngài thành Phật, trong cõi nước của Ngài không có ba ác đạo. Vì sao không có ba ác đạo? Phàm ai sanh về nước Ngài, quyết định chẳng tạo nghiệp duyên ba ác đạo. Học Phật, đặc biệt là người xuất gia, theo kinh điển, truyện ký và bút ký của cổ nhân qua các đời ghi chép, người xuất gia đọa lạc quá nhiều, đọa vào địa ngục, đọa trong ác đạo, vì duyên đọa lạc quá nhiều, đọa lạc hết sức dễ dàng! Trong Thích Môn Pháp Giới Lục[67] ghi chép rất nhiều, đấy chẳng qua là những trường hợp rành rành. Cuốn sách này do đệ tử của Ấn Quang đại sư là Quách cư sĩ biên soạn. Ông ta trích lục từ kinh, luận và truyện ký, mỗi chuyện đều chân thật. Chúng ta đọc xong, điều lành phải bắt chước; điều ác phải nỗ lực phản tỉnh kiểm điểm, sửa lỗi, đổi mới. Chẳng đọc cuốn sách này, nói thật ra, chính bản thân chúng ta chẳng biết chính mình có bao nhiêu tội lỗi, nói chung là cứ ngỡ điều gì ta cũng làm đúng. Chẳng soi gương, chẳng biết mặt mình bẩn thỉu. Thích Môn Pháp Giới Lục là một tấm gương, phải đọc hằng ngày nhằm kiểm điểm tâm hạnh của chính mình, hòng biết chính mình có đọa lạc hay không.

Người thành công, trong mười hai thời tâm luôn nghĩ về đạo. Pháp môn này tuy là đạo dễ hành, trong mười hai thời, Phật hiệu chẳng thể gián đoạn, trong mười hai thời chớ nên khởi một vọng niệm nào, đấy gọi là "công phu thành phiến", mới nắm chắc điều kiện vãng sanh. Có điều kiện tốt đẹp dường ấy, đương nhiên chẳng đọa lạc trong ba ác đạo. Nói cách

[67] Thích Môn Pháp Giới Lục do cư sĩ Quách Hàm Trai người tỉnh Hồ Nam biên soạn vào năm 1937, Ấn Quang đại sư giám định và viết lời tựa. Nội dung bao gồm những câu chuyện về tịnh hạnh cao đẹp cũng như những gương phá giới đọa lạc của các tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni xưa nay trích từ các bộ Cao Tăng Truyện, Truy Môn Tông Hạnh Lục, Pháp Uyển Châu Lâm, Thái Bình Quảng Ký, Phật Tổ Thống Kỷ, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Trúc Song Tùy Bút v.v...

khác, chính chúng ta phải luôn ghi nhớ, chính chúng ta phải biết: Nhân duyên ác đạo chẳng đoạn, dẫu niệm Phật tốt đẹp đến mấy cũng chẳng thể vãng sanh. Sức mạnh của ác đạo nơi quý vị quá mạnh, chẳng tương ứng với Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả báo là trong ngạ quỷ đạo. Trong thế giới Cực Lạc không có ngạ quỷ đạo, quý vị không có cách nào [vãng sanh Cực Lạc]. Quý vị phải hiểu rõ điều này, tối thiểu là quý vị phải có đủ tư cách sanh vào hai đường trời người thì mới đến được Tây Phương. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có nhân đạo (loài người), ta hội đủ điều kiện sanh trong nhân đạo thì mới có tư cách vãng sanh. Tam ác đạo là gì? Tham, sân, si, mạn. Trong tâm chúng ta có những thứ ấy hay không? Nếu còn có tham, sân, si, mạn, sẽ là chướng ngại. Người xuất gia tạo tội nghiệp càng nhiều, càng nghiêm trọng, chẳng thể tu học đúng lý, đúng pháp sẽ là tội nghiệp, là chướng ngại. Cổ đức nói rất hay: *"Thí chủ nhất lạp mễ, đại như Tu Di sơn, kim sanh bất liễu đạo, phi mao đới giác hoàn"* (Một hạt gạo thí chủ, to như núi Tu Di, đời này chẳng liễu đạo, mang lông, đội sừng đền). Chúng ta phải kiêng sợ!

Giống như A Di Đà Phật trong lúc tu nhân đã phát ra đại nguyện như vậy, quả thật là hết sức khó có. Tuy Phật Phật đạo đồng, nhưng trong khi tu nhân, mỗi vị Phật đã phát nguyện hoàn toàn chẳng giống nhau. *"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"* là lời nguyện chung, cách độ như thế nào là lời nguyện riêng. Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật là nguyện độ chúng sanh đặc biệt, biệt nguyện ấy không giống với những vị Phật khác!

(Diễn) Khai nhất thập lục Quán pháp giả, nhân Vy Đề khải thỉnh, nãi vị tuyên thuyết, kim nhật thỉ sáng, cố viết "khai". Nhất thập lục giả, thỉ tự lạc nhật huyền cổ quán, chung chí tam bối vãng sanh quán. Quán viết Pháp giả, các hữu pháp tắc tu bất nhất cố.

(演)開一十六觀法者，因韋提啟請，乃為宣說，今日始創，故曰開。一十六者，始自落日懸鼓觀，終至三輩往生觀。觀曰法者，各有法則修不一故。

(***Diễn**: "Mở ra mười sáu phép Quán" là do bà Vy Đề Hy khải thỉnh, đức Phật bèn vì bà ta tuyên thuyết, nay mới bắt đầu thành lập nên gọi là "khai". Mười sáu phép Quán bắt đầu bằng phép Quán mặt trời lặn giống như cái trống treo cho đến phép Quán cuối cùng là ba bậc vãng sanh. Quán được gọi là Pháp vì mỗi môn Quán đều có pháp tắc tu trì khác nhau).*

Giới thiệu giản lược Thập Lục Quán Kinh. Nhân duyên của Thập Lục Quán Kinh cũng hết sức đặc biệt, bà Vy Đề Hy thỉnh cầu đức Phật, đức Phật vì bà ta thị hiện các thứ trang nghiêm nơi Tây Phương Tịnh Độ. Bà ta thấy rồi, cầu Thích Ca Mâu Ni Phật dạy bà ta cách vãng sanh cõi Phật như thế nào. Do bản thân bà ta có thân phận là một vị hoàng hậu, sanh trong gia đình phú quý, thông minh, lợi căn, đức Phật dạy bà ta phương pháp này. Do vậy, đối với bà ta, phương pháp này không khó! Trong kinh ấy có tất cả mười sáu cảnh giới, *"thỉ tự lạc nhật huyền cổ"* (bắt đầu bằng [phép Quán] mặt trời lặn giống như cái trống treo), đây là phép Quán thứ nhất, quán mặt trời lặn lúc hoàng hôn, thái dương đỏ rực giống như cái trống treo giữa trời. Bắt đầu quán từ chỗ này, những cảnh giới [trong các phép Quán] sau càng vi tế, thâm mật hơn cảnh giới trước, đến phép Quán thứ mười sáu là ba bậc thượng, trung, hạ vãng sanh, cảnh giới ấy hết sức trang nghiêm, rất chẳng dễ quán cho lắm.

Mỗi một phép Quán trong ấy đều có phương pháp hết sức tinh tế, hàng hành nhân sơ cơ quyết chẳng thể tu tập được. Do vậy, cách tu khác nhau.

(Diễn) Nguyện nguyện quy hồ phổ độ giả, như Tứ Giáo, Tứ Hoằng các hữu tứ chủng.

(演) 願願歸乎普度者，如四教四弘各有四種。

*(**Diễn**: Nguyện nguyện quy về phổ độ là như Tứ Hoằng Thệ Nguyện trong Tứ Giáo mỗi nguyện đều có bốn loại).*

Tứ Hoằng Thệ Nguyện thì mỗi giáo trong Tứ Giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên đều có. Tuy tên gọi của Tứ Hoằng Thệ Nguyện trong Tứ Giáo giống nhau, nhưng cảnh giới khác nhau.

(Diễn) Kim tắc thuần thị chúng sanh vô biên thệ nguyện độ dã.

(演) 今則純是眾生無邊誓願度也。

*(**Diễn**: Nay những nguyện của A Di Đà Phật thuần là "chúng sanh vô biên thệ nguyện độ").*

Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật đều là pháp môn đặc biệt để độ chúng sanh, Ngài nói tường tận như thế đó!

(Diễn) Phổ vị thụ cùng hoành biến.

(演) 普謂豎窮橫遍。

***(Diễn:** Chữ "Phổ" có ý nói: Tột cùng theo chiều dọc, trọn khắp theo chiều ngang).*

Theo chiều dọc tột cùng ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương.

(Diễn) Quy giả, vị tuy hữu tứ thập bát chủng bất đồng.

(演) 歸者，謂雖有四十八種不同。

***(Diễn**: "Quy" là tuy có bốn mươi tám thứ khác nhau).*

Bốn mươi tám nguyện đều là *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"* trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, từ nguyện này khai triển thành bốn mươi tám phương pháp khác nhau để độ chúng sanh.

(Diễn) Nhi yếu kỳ sở quy, tắc vô phi phổ độ dã.

(演) 而要其所歸，則無非普度也。

***(Diễn**: Nhưng quy kết về tánh chất trọng yếu của từng nguyện, không nguyện nào chẳng nhằm phổ độ).*

Nguyện nào cũng nhằm giúp đỡ và thành tựu chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh thành tựu Vô Thượng Bồ Đề trong một đời. Chữ *"nguyện nguyện"* [trong câu *"nguyện nguyện quy hồ phổ độ giả"*] chỉ bốn mươi tám nguyện, mỗi một nguyện trong bốn mươi tám nguyện đều nhằm phổ độ chúng sanh, từ đây chúng ta có thể hiểu được lòng đại từ đại bi của A Di Đà Phật!

(Diễn) Tông hồ diệu tâm giả, tông do chủ dã, vị tuy hữu nhất thập lục chủng bất đồng, nhi cứu kỳ sở chủ, tắc vô phi diệu tâm dã.

(演)宗乎妙心者，宗猶主也，謂雖有一十六種不同，而究其所主，則無非妙心也。

***(Diễn**: "Đề cao diệu tâm": "Tông" giống như "chủ", ý nói: Tuy có mười sáu phép Quán khác nhau, nhưng xét đến chỗ chủ yếu thì không phép nào chẳng nhằm lấy diệu tâm [làm chủ]).*

Mười sáu phép Quán, phép Quán nào cũng đề cao diệu tâm. Tâm được gọi là Diệu là Diệu ở chỗ nào? Tiếp đó, sách viết:

(Diễn) Diệu tâm giả, vị thập lục Quán trung, nhược y, nhược chánh, giai dĩ pháp giới tâm, quán pháp giới cảnh, sanh ư pháp giới y chánh sắc tâm dã.

(演)妙心者，謂十六觀中，若依若正，皆以法界心，觀法界境，生於法界依正色心也。

*(**Diễn**: Diệu tâm là nói trong mười sáu phép Quán, dù y báo hay chánh báo đều dùng pháp giới tâm để quán pháp giới cảnh, sanh ra y báo, chánh báo, sắc và tâm trong pháp giới).*

Đây là tông chỉ của Thập Lục Quán Kinh, là hết sức gần với Pháp Giới Quán trong kinh Hoa Nghiêm. Trong phần trước, chúng ta nói đến "tế tâm" (tâm vi tế), trên thực tế, nó là Định cảnh, tâm thanh tịnh mới có thể thành tựu diệu quán. Y báo, chánh báo trang nghiêm hiện tiền không gì chẳng phải là Nhất Chân pháp giới. *"Pháp giới tâm"* là chân tâm; nếu có phân biệt, chấp trước là không được rồi! *"Pháp giới cảnh"* là thật cảnh. Do đây có thể biết: Dùng mười sáu phép Quán để giúp đỡ và thành tựu quý vị sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm và Nhất Chân pháp giới được nói trong kinh Hoa Nghiêm là cùng một pháp giới.

Câu này nói rõ: A Di Đà Phật độ chúng sanh với mục tiêu dạy quý vị thành Phật, dạy quý vị nhập Nhất Chân pháp giới. Câu trước đó nói về bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng nhằm độ chúng sanh; bốn câu này quả thật đã gồm trọn công đức của Tịnh Độ. Một đằng là Nguyện, một đằng là Hạnh. Nguyện và Hạnh đều đạt đến tột cùng.

(Sớ) Thượng tán Tịnh Độ pháp môn chi thắng, kim ư Tịnh Độ, tiên xuất dư kinh, nhiên hậu giảo lượng thử kinh cánh vi thù thắng.

(疏)上讚淨土法門之勝。今於淨土，先出餘經，然後較量此經更為殊勝。

*(**Sớ**: Trên đây đã khen ngợi sự thù thắng của pháp môn Tịnh Độ, nay đối với pháp môn Tịnh Độ, trước hết nêu ra các kinh khác, rồi mới so sánh để thấy kinh [A Di Đà] này càng thù thắng hơn nữa).*

Ý nghĩa rất sâu, phương pháp rất xảo diệu, vì bốn mươi tám nguyện được giảng trong kinh Vô Lượng Thọ, mười sáu phép Quán được giảng trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, rồi mới hiển thị phép Trì Danh Niệm Phật của kinh A Di Đà, quý vị thấy rất tuyệt! Đây là lấy ba kinh

Tịnh Độ để so sánh giữa ba kinh với nhau, *"nhiên hậu giảo lượng thử kinh cánh vi thù thắng"* (rồi mới so sánh để thấy kinh này càng thù thắng hơn nữa). *"Thử kinh"* là kinh A Di Đà, càng thù thắng hơn, so với hai thứ trước (Quán Kinh và kinh Vô Lượng Thọ) vẫn thù thắng hơn.

(Sớ) Nguyện môn, Quán pháp cụ tại nhị kinh.

(疏) 願門，觀法，具在二經。

*(**Sớ**: Bốn mươi tám lời nguyện và Quán pháp được chép đầy đủ trong hai kinh kia).*

"Nhị kinh" là Vô Lượng Thọ Kinh và Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Tịnh Độ có ba kinh, như vậy là đoạn này nói đến hai bộ kinh kia.

(Sớ) Ngôn tùng sơ nguyện dĩ chí nguyện chung, vô phi tận nhiếp chúng sanh đồng sanh Tịnh Độ.

(疏) 言從初願以至願終，無非盡攝眾生同生淨土。

*(**Sớ**: Ý nói: Từ nguyện đầu tiên cho đến nguyện cuối cùng, không nguyện nào chẳng nhiếp trọn các chúng sanh cùng sanh về Tịnh Độ).*

Đây là tông chỉ của kinh Vô Lượng Thọ.

(Sớ) Tự sơ quán dĩ chí quán mạt, tất thị Không, Giả, Trung Đạo, viên cực nhất tâm. Diêu thử nhất tâm, xuất sanh đại nguyện nhi thành Chánh Giác.

(疏) 自初觀以至觀末，悉是空假中道圓極一心，繇此一心，出生大願而成正覺。

*(**Sớ**: Từ phép Quán đầu tiên cho đến phép Quán cuối cùng, đều là Không, Giả, Trung Đạo, nhất tâm viên mãn đến tột bậc. Do nhất tâm này, xuất sanh đại nguyện để thành Chánh Giác).*

Đây là tông chỉ của Thập Lục Quán Kinh.

(Sớ) Tức dĩ bổn nguyện hoàn độ chúng sanh, nhi quy nhất tâm Tịnh Độ pháp môn. Nhị kinh đại giảo, ý cái như thử.

(疏)即以本願還度眾生，而歸一心淨土法門。二經大較，意蓋如此。

*(**Sớ**: Tức là do bổn nguyện, trở lại độ chúng sanh để họ nhất tâm hướng về pháp môn Tịnh Độ. So sánh đại lược hai kinh thì ý nghĩa vốn là như vậy).*

"Đại" (大) là đại lược. So sánh đại khái thì ý nghĩa là như vậy đó. Đây là nói đến hai bộ kinh kia trong ba kinh Tịnh Độ, *"tất thị Không, Giả, Trung Đạo, viên cực nhất tâm"* (đều là Không, Giả, Trung Đạo nhất tâm viên mãn đến tột bậc). Đạo lý này có thể giúp chúng ta trì danh niệm Phật.

(Diễn) Tất thị Không, Giả, Trung Đạo viên cực nhất tâm giả, Quán pháp hữu nhị, hữu Sự, hữu Lý. Sự Quán giả, thả như nhật quán, hành nhân diện Tây chánh tọa.

(演)悉是空假中道圓極一心者，觀法有二，有事有理。事觀者，且如日觀，行人面西正坐。

*(**Diễn**: "Đều là Không, Giả, Trung Đạo nhất tâm viên mãn đến tột bậc": Quán pháp có hai loại là Sự và Lý. Sự Quán là như quán mặt trời, hành nhân quay mặt về phía Tây).*

"Hành nhân" là người tu hành, khi mặt trời lặn xuống sau núi, quay mặt nhìn về phía Tây.

(Diễn) Quán nhật dục lạc, trạng như huyền cổ, bế mục, khai mục, nhật tướng hiện tiền, danh vi Sự Quán.

(演)觀日欲落，狀如懸鼓，閉目開目，日相現前，名為事觀。

*(**Diễn**: Quán mặt trời sắp lặn, có hình dạng như cái trống treo, nhắm mắt, mở mắt, tướng mặt trời hiện tiền, gọi là Sự Quán).*

Thật sự quán thành công chuyện này. Tôi vừa mới thưa cùng quý vị. Sự quán thành công thì chẳng có gì hy hữu, lạ lùng! Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, quý vị phải hiểu đạo lý này. Hôm nay, có một người học trò hỏi tôi: "Trước đây không lâu, con gặp một vị lạt-ma Tây Tạng có thần thông, vừa gặp mặt liền biết rất nhiều chuyện của con, chuyện này là như thế nào?" Tôi bảo anh ta: "Ông ta có tiểu thần thông, biết một chút những chuyện nhỏ nhặt, chứ không có đại thần thông!" Nhưng người trong thế gian ham chuộng chuyện quái lạ, cho rằng ai có một chút thần thông nhỏ nhoi bèn là phi phàm, người ấy là siêu nhân rồi!

Kinh Lăng Nghiêm có nói trong thời kỳ Mạt Pháp những hiện tượng như vậy rất nhiều, yêu ma quỷ quái dựa vào thân người ta, người ấy (tức người bị yêu ma dựa vào) bèn có thần thông. Sau khi yêu ma quỷ quái rời đi, kẻ ấy mất sạch năng lực. Bởi lẽ, thứ năng lực mà kẻ ấy có chẳng phải là năng lực chính mình vốn có, mà do tinh linh quỷ thần dựa vào thân. Kẻ ấy đến khắp nơi trong thế gian bịa đặt, gạt gẫm, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp; tạo tội nghiệp như thế nào, chính kẻ ấy chẳng biết. Chính kẻ ấy mê hoặc, điên đảo, tạo tội nghiệp dường ấy, mà vẫn ngỡ mình đã tạo rất nhiều công đức, làm nhiều chuyện tốt, oan uổng quá! Đến ngày nào đó, chạm mặt vua Diêm La thẩm vấn, vua Diêm La chỉ ra từng chuyện một, kẻ ấy mới hiểu chính mình đã phạm sai lầm, đến khi ấy, có hối cũng chẳng kịp.

Phật dạy cho chúng ta chánh pháp, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm, chẳng dạy chúng ta tin tưởng những kẻ có thần thông. Đức Phật dùng chánh pháp giáo hóa chúng sanh, trọn chẳng đem những thứ kỳ quái mê hoặc chúng sanh. Đức Phật có năng lực ấy, nhưng tuyệt đối chẳng dùng. Bồ Tát, A La Hán đều có năng lực ấy, đức Phật vẫn dùng chánh pháp giáo hóa chúng sanh, nhất định chẳng đề xướng những thứ ấy. Do vậy, [người nào] thị hiện một chút thần thông mà đã coi người ấy là phi phàm, gạt chánh pháp qua một bên, chẳng đếm xỉa tới, đó gọi là *"tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng"*. Đấy là điềm báo sẽ gặp kiếp nạn! Trong Tả Truyện, cổ nhân Trung Quốc có nói: *"Quốc gia tương hưng, thính ư dân"*, [tức là] nghe theo ý kiến của bá tánh để cai trị, quốc gia ấy sẽ hưng vượng. *"Quốc gia tương vong, thính ư thần"*, nghĩa là suốt ngày từ sáng đến tối hỏi ý thần thánh, quốc gia ấy sắp diệt vong. Hai câu này của sách Tả Truyện quả thật đã được chứng thực trong lịch sử Trung Quốc. Khi một quốc gia nào đó hưng vượng thì đều là do con người mưu tính, tập hợp ý kiến đại chúng: Chúng ta phải làm theo cách như vậy! Đời Thanh, Từ Hy Thái Hậu bất luận chuyện lớn hay nhỏ đều cầu cơ, xin thần giáng bút, nghe theo lệnh thần, bà ta vong quốc! Chúng ta nghĩ đến tương lai, phải dựa vào Lý Tánh của chính mình để quyết định, gắng sức nỗ lực thì mới có tương lai, chứ quý vị suốt ngày từ sáng đến tối dựa dẫm thần thánh, tiền đồ của quý vị sẽ là một bầu hắc ám. Quý vị dựa dẫm vị thần ấy, ngày nào đó, thần bỏ đi, hết thảy mọi chuyện xong luôn! Gia đình quý vị muốn hưng vượng thì người trong nhà hòa thuận, cả nhà hợp tác, cùng nỗ lực tạo dựng cơ nghiệp, tương lai của gia đình quý vị mới sáng sủa. Cả nhà quý vị đều nghe lệnh quỷ thần, nhà ấy chẳng thể nào không diệt vong, làm sao không suy sụp cho được? Chớ nên nghe theo lời thần!

Phật dạy chúng ta tin vào chính mình, chứ không dạy chúng ta nghe lệnh Ngài. Phật dạy chúng ta tự giác. Do có đồng học tạc tượng Phật, tôi đặc biệt nêu lên ý nghĩa khai quang tượng Phật, đừng hiểu lầm. Phật dạy con người tự giác, dạy con người tự tin, chỗ vĩ đại của Phật khác với các thần giáo chính là ở chỗ này. Bất cứ tôn giáo nào [cũng đều phải là] "các ngươi đều phải nghe theo lệnh ta, quyết định chớ nên trái nghịch ta". Phật chẳng vậy, Phật dạy chúng ta nghe lệnh của chính mình, quý vị phải tự giác. Phật không có cách nào độ quý vị, Phật chẳng độ chúng sanh; nói rõ ràng, minh bạch như thế. Phật chỉ làm Tăng Thượng Duyên cho chúng ta, chính quý vị tự độ. Lục Tổ nói rất hay: *"Phật pháp là tự ngộ, tự tu, tự chứng, tự độ"*. Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng về tín tâm, món thứ nhất là Tín Tự (tin vào chính mình). Đây là điều kiện trọng yếu nhất, phải tin tưởng chính mình; kế đó, điều thứ hai là Tín Tha (tin vào người khác), chữ Tha chỉ những bậc đã từng trải, những người ấy có thể thành Phật thì ta cũng có thể thành Phật. Họ có thể khai ngộ, ta cũng có thể khai ngộ, phải tin tưởng điều này. Tin tưởng con đường do người từng trải đã đi, đáng cho chúng ta tham khảo, bắt chước, đấy là Tín Tha. Do vậy, đệ tử Phật chẳng nương dựa, ỷ lại bất cứ ai, mà hãy nương cậy chính mình, Phật chẳng dạy chúng ta dựa dẫm Ngài. Do vậy, [người tu học] Phật pháp là một "vô y đạo nhân" (người tu đạo không dựa dẫm) độc lập, tự chủ. Đấy là chỗ khác biệt giữa Phật pháp và tất cả các tôn giáo. Phật dạy chúng ta phải tin vào chính mình, kiến lập tín tâm nơi chính mình thì mới có thể thành tựu. Do vậy, Sự Quán thật sự có thể thành tựu, trong Duy Thức gọi đó là *"cảnh chuyển theo tâm"*. Mười sáu phép Sự Quán này đều dựa trên lý luận này để kiến lập.

(Diễn) Lý Quán giả hựu nhị.

(演) 理觀者又二。

*(**Diễn**: Lý Quán lại có hai loại).*

Lý Quán hết sức trọng yếu, đối với pháp môn Niệm Phật, chúng ta phải nắm được [Lý Quán]. Trong Thập Lục Quán Kinh, nắm được Lý Quán sẽ có thể giúp cho chúng ta nhanh chóng thành tựu công phu thành phiến và nhất tâm bất loạn, nó có thể trợ giúp! Thế nhưng quý vị phải nhớ: Dùng lý luận, chứ không dùng phương pháp, vận dụng lý luận vào việc trì danh niệm Phật, phải hiểu ý nghĩa này!

(Diễn) Thứ Đệ Tam Quán giả.

(演) 次第三觀者。

*(**Diễn**: Ba phép quán [Không, Giả, Trung] theo thứ tự là...)*

Trong Lý Quán, trước hết nói tới Thứ Đệ Tam Quán, ở đây nêu lên một ví dụ, thế nào là Thứ Đệ Tam Quán?

(Diễn) Tiên quán thử nhật, do tưởng sở thành, toàn thể tánh Không, vô hữu tự tánh vi Không Quán.

(演)先觀此日，由想所成，全體性空，無有自性為空觀。

*(**Diễn**: Trước hết quán mặt trời do tưởng mà thành, toàn thể tánh là Không, chẳng có tự tánh, đó là Không Quán).*

Sau khi quý vị quán thành công, mở banh mắt, mặt trời ở ngay trước mặt; nhắm mắt, mặt trời vẫn ở ngay trước mặt quý vị. Đúng là ở ngay trước mặt, quả thật có hiện tượng ấy. Hiện tượng ấy do đâu mà có? Do chính quý vị tưởng thành, trọn chẳng phải là vầng mặt trời thật. Thật sự có hình tướng ấy, hình tướng ấy do quý vị tưởng thành. Tưởng niệm quá sâu, kết thành tướng ấy. Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, mới thật sự thấu hiểu ba tế tướng trong A Lại Da Thức. Tướng Phần do đâu mà có? Tướng Phần từ Kiến Phần biến hiện ra, Kiến Phần là quán tưởng, tưởng ấy thật sự có thể biến thành Tướng Phần. Do vậy, Tướng là giả, Tướng do Kiến Phần biến hiện ra. Từ đây, chúng ta có thể thật sự ngộ nhập ba tế tướng đã nói trong Duy Thức, hiểu Tánh và Tướng có cùng một nguồn, Tánh và Tướng bất nhị, đối với điều này càng hiểu rõ ràng, minh bạch hơn, mà cũng thật sự giác ngộ những câu *"nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh", "phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng"* (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng; phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng) như kinh Kim Cang đã nói. Vì sao? Chúng không có tự tánh, chẳng có tự thể. Đấy là Không Quán. Nói theo mặt Lý, đấy là Không Quán. Nói theo mặt Sự, quả thật có sự tướng tồn tại.

(Diễn) Phục hữu quán tưởng nhân duyên, thành thử nhật tướng, tắc bất hoại giả tướng vi Giả Quán.

(演) 復有觀想因緣，成此日相，則不壞假相為假觀。

*(**Diễn**: Lại có nhân duyên quán tưởng tạo thành tướng mặt trời ấy, nên chẳng hoại giả tướng, đó là Giả Quán).*

Giả tướng ấy có tồn tại hay không? Tồn tại! Giả tướng thành tựu như thế nào? Chiếu theo phương pháp đức Phật đã nói. Chiếu theo phương pháp ấy để quán tưởng khi giả tướng ấy biến hiện, [sẽ thấy] quả thật có giả tướng tồn tại, nhưng bản thể của giả tướng ấy chính là Không.

(Diễn) Dĩ thử nhị Quán vi phương tiện, thứ quán Giả xứ toàn Không, Không xứ toàn Giả, phi Không, phi Giả vi Trung Quán, thị nãi tiên Không, thứ Giả, hậu Trung, vi Thứ Đệ Tam Quán dã.

(演)以此二觀為方便，次觀假處全空，空處全假，非空非假為中觀。是乃先空次假後中，為次第三觀也。

*(**Diễn**: Lấy hai phép Quán ấy làm phương tiện, kế đó, quán nơi Giả toàn là Không, quán nơi Không toàn là Giả, chẳng phải Không chẳng phải Giả là Trung Quán. Đấy chính là: Trước hết là Không, kế đến là Giả, cuối cùng là Trung, đó là Thứ Đệ Tam Quán).*

Nêu ra một thí dụ. Nếu quý vị biết cách sử dụng thì trong hiện thời, bất luận mắt quý vị thấy gì, tai nghe tiếng gì, thân tiếp xúc gì, cho đến tâm suy nghĩ gì, đều có thể dùng phương thức này, dùng ví dụ này, sẽ thấy thấu suốt chân tướng của sự thực trước mắt. Đấy là dùng phương pháp Thứ Đệ Tam Quán để nhìn thấu suốt muôn hình tượng. Sau khi thấy thấu suốt, tướng còn có hay không? Có chứ! Có còn chấp trước hay không? Chẳng chấp trước! Trong tâm quý vị, hết thảy muôn hình tượng đều thanh tịnh, há chẳng phải là giúp cho quý vị đạt nhất tâm bất loạn ư? Từ bậc trung căn trở lên mới sử dụng phương pháp này được. Nhất Tâm Tam Quán còn khó hơn nhiều. Quả thật chúng ta đều có thể vận dụng Thứ Đệ Tam Quán.

(Diễn) Nhất Tâm Tam Quán giả, sở quán chi cảnh, tức Chân, tức Tục, tức Trung.

(演) 一心三觀者，所觀之境，即真即俗即中。

*(**Diễn**: Nhất Tâm Tam Quán là cảnh được quán chính là Chân, là Tục, là Trung).*

"Tục" là Giả.

(Diễn) Năng quán chi quán, tức Không, tức Giả, tức Trung.

(演) 能觀之觀，即空即假即中。

*(**Diễn**: Sự quán chiếu của cái tâm quán tưởng chính là Không, là Giả, là Trung).*

Một mà ba, ba nhưng một, đồng thời, chẳng theo thứ tự.

(Diễn) Dĩ Nhất Tâm Tam Quán, quán Tam Đế nhất cảnh, nhi cảnh ngoại vô quán, quán ngoại vô cảnh, cảnh quán song vong, duy nhất diệu tâm.

(演)以一心三觀，觀三諦一境，而境外無觀，觀外無境，境觀雙忘，唯一妙心。

*(**Diễn**: Dùng Nhất Tâm Tam Quán để quán cảnh Tam Đế, ngoài cảnh không có quán, ngoài quán không có cảnh, cảnh và quán cùng mất, chỉ có một diệu tâm).*

Đây là kiến tánh, cảnh giới ấy là Nhất Chân pháp giới.

(Diễn) Thử tức dĩ cụ nhật chi tâm, quán ư tức tâm chi nhật, linh bổn tánh nhật, hiển hiện kỳ tiền, vi nhất tâm viên diệu chi quán pháp dã.

(演)此即以具日之心，觀於即心之日，令本性日，顯現其前，為一心圓妙之觀法也。

*(**Diễn**: Đây chính là dùng cái tâm sẵn có mặt trời để quán mặt trời trong tâm, khiến cho vầng mặt trời trong bổn tánh hiển hiện trước mặt, đấy là cách Quán bằng nhất tâm viên diệu vậy).*

Hiện tại, chúng ta chẳng thể học được điều này. Nếu hiện thời chúng ta muốn học, hãy học theo cách Thứ Đệ Tam Quán. Thứ Đệ Tam Quán thành tựu rồi, sẽ có thể buông cả thân tâm lẫn thế giới xuống; sau khi tâm thanh tịnh hiện tiền, đến khi ấy, Nhất Tâm Tam Quán sẽ tự nhiên hiển hiện. Có thể học Thứ Đệ Tam Quán, chứ Nhất Tâm Tam Quán chẳng thể. Đây là tinh hoa của mười sáu phép Quán, mười sáu loại cảnh giới đều dùng phương pháp này. Dùng Thứ Đệ Tam Quán có thể đạt công phu thành phiến, có thể đạt Sự nhất tâm bất loạn. Dùng Nhất Tâm Tam Quán có thể đắc Lý nhất tâm bất loạn. Nhưng thưa quý vị, nói chung, [các pháp Quán ấy] chẳng bằng trì danh niệm Phật. Chẳng biết quán những điều ấy, hằng ngày cứ khởi vọng tưởng, quý vị dùng vọng tưởng để quán, lầm mất

rồi! Đấy chẳng phải là *"tác quán"* (đang thực hành quán tưởng) mà là *"tác quái"*, phiền phức rất lớn! Chẳng những quý vị tu không thành, mà đâu đâu cũng biến thành chướng ngại! Đây chẳng phải là chuyện dễ dàng đâu nhé! Nếu quý vị tu học Tam Chỉ Tam Quán, ắt phải nghiên cứu giáo nghĩa Thiên Thai, những thứ ấy đều phát xuất từ bộ Ma Ha Chỉ Quán. Bộ Ma Ha Chỉ Quán in theo lối đóng gáy bằng cách xỏ chỉ, gồm hai mươi quyển, đấy là phương pháp tu Tam Chỉ Tam Quán của tông Thiên Thai, có lý luận và phương pháp khá rắc rối. Tiếp theo là nói về kinh này, trong ba kinh, đã nói đại lược hai kinh như trong phần trên, đối với kinh này (kinh A Di Đà), [sách Diễn Nghĩa] giảng tỉ mỉ hơn.

Tam, đặc thị trì danh vi yếu.

三、特示持名為要。

(Ba là đặc biệt chỉ ra tánh chất quan trọng của pháp trì danh).

Kinh này chủ trương trì danh. Trong các phương pháp tu hành của Tịnh Độ, cách này mới thật sự là tinh yếu, tâm yếu. Nếu như chúng ta nói Bát Nhã Tâm Kinh là tâm yếu của bộ Đại Bát Nhã sáu trăm quyển, mọi người công nhận điều này. Bát Thức Quy Củ Tụng là tâm yếu của kinh luận tông Duy Thức, lịch đại tổ sư đại đức cũng công nhận điều này, không bàn cãi gì nữa! Bát Thức Quy Củ Tụng do Huyền Trang đại sư biên soạn, quả thật phi phàm! *"Kinh Di Đà là tâm yếu của toàn bộ Đại Tạng Kinh"*, Ngẫu Ích đại sư nói như vậy, điều này cũng được các vị đại đức trong Tịnh Độ sau này công nhận, đây mới là trọng yếu! Trong phần này có hai đoạn:

Sơ, giảo luận yếu ước, nhị cứu minh lợi ích.

初較論要約，二究明利益。

(Trước hết, so sánh luận định [để chỉ rõ vì sao] phải chọn lấy cách hành trì đơn giản, trọng yếu, hai là nêu rõ lợi ích rốt ráo).

Chúng ta đọc đoạn thứ nhất.

(Tự) Hựu dĩ nguyện môn quảng đại, quý tại tri tiên. Quán pháp thâm huyền, vưu ưng thủ ước. Tri tiên tắc vụ sanh bỉ quốc, thủ ước tắc duy sự trì danh, cử kỳ danh hề, kiêm chúng đức nhi câu bị, chuyên hồ trì dã, thống bách hạnh dĩ vô di.

(序)又以願門廣大，貴在知先，觀法深玄，尤應守約。知先則務生彼國，守約則惟事持名，舉其名兮，兼眾德而俱備，專乎持也，統百行以無遺。

*(**Tựa**: Lại do nguyện môn rộng lớn, cần nhất phải biết đâu là chỗ cần kíp trước hết. Phép Quán sâu xa, u huyền, càng phải nên chọn lấy cách đơn giản. Biết đâu là chỗ cần kíp trước hết, sẽ chú trọng sanh vào cõi kia, giữ lấy cách hành trì giản ước, sẽ chỉ chăm chú trì danh. Nêu lên danh hiệu ấy, các đức đều được đầy đủ. Chuyên trì sẽ gồm thâu trăm hạnh chẳng sót).*

Mấy câu này nhằm so sánh ba kinh Tịnh Độ, kinh nào là ách yếu, đơn giản, dễ dàng, tức là tu học dễ dàng? Chúng ta đọc lời chú giải trong sách Diễn Nghĩa. Trước hết, sách Diễn Nghĩa giảng câu *"nguyện môn quảng đại, quý tại tri tiên"*.

(Diễn) Quảng dĩ "quảng đa, quảng bác" vi nghĩa. Quảng đa giả, Như Lai tánh trung bổn hữu diệu dụng, tiềm hưng, mật ứng, vô hữu cùng tận.

(演)廣以廣多廣博為義。廣多者，如來性中本有妙用，潛興密應，無有窮盡。

*(**Diễn**: Quảng có nghĩa là "rộng nhiều, rộng lớn mênh mông". "Rộng nhiều" là trong tánh Như Lai vốn có diệu dụng, ngầm dấy lên, thầm ứng hiện chẳng cùng tận).*

"Như Lai tánh trung" là nói theo mặt Lý, mỗi một người chúng ta đều trọn đủ. Nếu chẳng trọn đủ, lẽ nào có y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới? Trong cái tâm tự tánh của chúng ta, có trọn đủ y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Lục Tổ nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn đầy đủ"* chính là nói đến ý nghĩa này. *"Nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp"* cũng là ý nghĩa này. Quý vị phải biết, trong thiên hạ có nhiều chuyện kỳ quái lắm, có hay không? Có chứ! Do đâu mà có? Từ trong tự tánh của chúng ta sanh ra, có gì đáng ngạc nhiên! Hiện thời, chuyện bậc nhất trước mắt là chúng ta phải kiến tánh, đấy mới là chuyện khẩn yếu. Trước mắt, chúng ta đã mê mất tự tánh và đức dụng của tự tánh, chúng ta không còn cảm thấy quen thuộc nữa nên kinh ngạc. Thật ra, chẳng có chuyện gì không phải là đức dụng của tự tánh.

(Diễn) Quảng bác giả, thử vô tận nguyện, nhất nhất đồng ư giác tánh, vô hữu phân hạn.

(演) 廣博者，此無盡願，一一同於覺性，無有分限。

*(**Diễn**: "Rộng rãi mênh mông" là nguyện này vô tận, mỗi một nguyện giống như giác tánh chẳng có giới hạn).*

"Bác" (博) là vô tận, không có cùng tận. *"Phân hạn"* là không có phân biệt, không có giới hạn. Hễ có phân biệt, có giới hạn, sẽ là mê. *"Phân"* (分) là phân biệt, là thức thứ sáu, tức Ý thức. *"Hạn"* (限) là giới hạn, tức thức thứ bảy chấp trước. Không chấp trước, lẽ đâu có giới hạn? Không có giới hạn! Chỉ cần tách lìa phân biệt, chấp trước, sẽ tương ứng với giác tánh, đó là Giác. Hễ có phân biệt, chấp trước bèn mê, chẳng tương ứng với giác tánh. Giác tánh không có giới hạn, chẳng có phân hạn. Quý vị có phân biệt, có giới hạn, sẽ mê mất giác tánh của chính mình.

(Diễn) Đại dĩ thụ cùng hoành biến vi nghĩa.

(演) 大以豎窮橫遍為義。

*(**Diễn**: "Đại" có nghĩa là tột cùng theo chiều dọc, trọn khắp theo chiều ngang).*

Theo chiều dọc tột cùng ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương.

(Diễn) Thụ cùng giả, thử nguyện tận vị lai tế vô hữu hưu tức. Hoành biến giả, thử nguyện sung mãn thập phương vô hữu biên tế.

(演)豎窮者，此願盡未來際無有休息。橫遍者，此願充滿十方無有邊際。

*(**Diễn**: "Tột cùng theo chiều dọc": Nguyện này trọn hết đời vị lai không ngưng dứt; "trọn khắp theo chiều ngang": Nguyện này tràn ngập mười phương không có ngằn mé).*

Mấy câu này hình dung bốn mươi tám nguyện do A Di Đà Phật đã phát, nguyện nào cũng đều như vậy. Bốn mươi tám nguyện chính là tánh Bổn Giác của A Di Đà Phật, mà cũng chân tâm của Ngài toàn thể hiện tiền. Nay chúng ta phát cái tâm có phân biệt, có giới hạn, cho nên nó chẳng phải là toàn bộ giác tánh. Đây là chỗ chúng ta thua kém Phật, Bồ Tát, sai biệt quá xa! Do vậy, chúng ta tu học siêng khổ như thế nào đi nữa, vẫn chẳng có cách nào đạt đến mức thành tựu lý tưởng, đạo lý là ở chỗ này,

chẳng thể tương ứng với giác tánh mà! Giác tánh là chân tâm, chân tâm thường trụ, là Chân Như bổn tánh, [tâm chúng ta] chẳng tương ứng [với giác tánh]. Hãy nhớ: Chẳng tương ứng ở ngay trong câu này. Các Ngài không có phân biệt, giới hạn, chúng ta tạo lập phân biệt, giới hạn. Vốn chẳng có phân biệt, giới hạn, nhưng chúng ta lại khư khư tạo lập các thứ phân biệt, các thứ chấp trước; hễ như vậy bèn mê mất giác tánh.

Đã mê mất giác tánh thì tâm lượng quý vị sẽ nhỏ nhoi, nhỏ đến nỗi chỉ có mình quý vị, chẳng thể dung nạp một người nào khác! Quý vị nói xem có đáng thương hay không? Giác tánh của quý vị vốn là tận hư không, khắp pháp giới, như thường nói: *"Tâm bao khắp thái hư, lượng trọn khắp các cõi nhiều như cát"*. Hiện thời tâm lượng quý vị quá ư nhỏ bé, ngay cả một người, một vật ở bên ngoài cũng chẳng thể dung nạp, làm sao có thể thành Phật được? Tâm lượng nhỏ xíu như thế, đời sau có được làm thân người hay không? Chẳng thể được thân người! Hãy nên nói "người" là như thế nào? Người có lòng nhân, do lòng nhân nên có thể dung nạp người khác, có thể suy từ mình để nghĩ đến người, *"kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân"* (điều gì ta không muốn, đừng làm cho người khác). Đấy là đạo làm người. Điều kiện cơ bản của đạo làm người là "nhân, nghĩa, lễ, trí, tín", chúng ta không thực hiện được điều đầu tiên (lòng nhân) là vì tâm lượng quá nhỏ, chẳng dung được người khác! Nhân (仁) là hai người, chứ không phải một người, trừ chính mình ra, còn có người khác; phải như vậy thì mới được làm người. Thứ gì cũng vì chính mình, chẳng có người khác, sẽ chẳng thể sanh vào loài người trong lục đạo, nguyên nhân là do tâm lượng quá nhỏ. Do vậy, tự tư tự lợi chỉ có chính mình, không có người khác, quả báo chắc chắn là trong tam ác đạo, cũng có thể nói là "sanh trưởng trong lục đạo được quyết định bởi tâm lượng lớn hay nhỏ". Tâm lượng của chư thiên lớn hơn loài người, tâm lượng của con người lớn hơn súc sanh, tâm lượng của súc sanh lớn hơn ngạ quỷ.

Đọc kinh nhất định phải giác ngộ. Do vậy, đọc đoạn này, quý vị biết A Di Đà Phật phát tâm trong khi tu nhân người bình thường chẳng thể sánh bằng được. Khi Lục Tổ đại sư phát tâm, chúng ta đọc Đàn Kinh xong, thấy quả thật không có ai có khí khái như Ngài, Ngài phát tâm: "Tôi đến để làm gì? Tôi đến làm Phật!" Tâm lượng ấy hiếm có, nhưng nếu so sánh với bốn mươi tám nguyện của tỳ-kheo Pháp Tạng tức A Di Đà Phật trong khi còn tu nhân, Lục Tổ chẳng thể nào bén gót được! Lục Tổ mong cầu toàn thể giác tánh, không có đại dụng. A Di Đà Phật vừa có toàn thể vừa có đại dụng. Nói theo mặt Thể, Lục Tổ và tỳ-kheo Pháp Tạng chẳng khác nhau; nói theo Dụng, khác biệt rất lớn! Bốn mươi tám nguyện,

nguyện nào cũng phổ độ hết thảy chúng sanh trong mười phương ba đời, thật phi phàm! Bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng cụ thể dường ấy, chẳng phải là nói suông. Sau đây là lời giải thích câu *"quý tại tri tiên"*.

(Diễn) Tiên hữu thỉ nghĩa, tức hành viễn tự nhĩ chi ý.

(演) 先有始義，即行遠自邇之意。

(***Diễn**: "Tiên" có nghĩa là bắt đầu, ý nói: Đi xa phải bắt đầu từ chỗ gần).*

"Nhĩ" (邇) là gần; đi xa nhất định phải từ chỗ đặt chân cất bước.

(Diễn) Hựu tiên hữu cấp nghĩa, tức tiên vụ chi vi cấp ý.

(演) 又先有急義，即先務之為急意。

(***Diễn**: "Tiên" lại có nghĩa là gấp rút, ý nói: Trước hết, phải chú trọng nơi chuyện cần phải làm gấp).*

Gấp nhất, trọng yếu nhất.

(Diễn) Quý tại tri tiên giả, do Di Đà ngộ nhập Pháp Tánh, tùng tánh khởi nguyện, tánh vô tận, cố nguyện diệc vô tận. Cố tri dục nhập Di Đà nguyện hải, tất tiên ngộ triệt tự tâm, bất ngộ quảng đại chi tâm, bất nhập quảng đại nguyện hải cố.

(演)貴在知先者，由彌陀悟入法性，從性起願，性無盡，故願亦無盡。故知欲入彌陀願海，必先悟徹自心，不悟廣大之心，不入廣大願海故。

(***Diễn**: "Cần nhất là phải biết chỗ cần kíp trước hết": Do Di Đà ngộ nhập Pháp Tánh, từ tánh khởi ra nguyện, vì tánh vô tận nên nguyện cũng vô tận. Do vậy biết: Muốn nhập Di Đà nguyện hải, ắt trước hết phải ngộ thấu triệt tự tâm. Chẳng ngộ cái tâm rộng lớn, chẳng thể vào biển nguyện rộng lớn được!)*

Mấy câu này có ý nghĩa rất rõ ràng, chẳng khó hiểu. Do vậy, nếu chúng ta tu pháp môn Tịnh Độ, chẳng thể không khai ngộ, chẳng thể không giác ngộ, chẳng thể không mở rộng tâm lượng. Tâm lượng của Phật Di Đà quá lớn, chúng ta muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải có cùng chí, cùng tâm, cùng nguyện, có độ lượng giống như A Di Đà Phật, những điều này đều tương ứng, lẽ nào chẳng vãng sanh? Quý vị phải

nhớ: Tâm lượng nhỏ nhoi sẽ chướng ngại vãng sanh. Tuy quý vị suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật hiệu không gián đoạn, niệm Phật suốt đời, vì sao chẳng vãng sanh? Tâm lượng quá nhỏ mà! A Di Đà Phật có thể dung nạp quý vị, nhưng quý vị chẳng thể dung nạp A Di Đà Phật, không có cách nào hết! Phật Di Đà có thể dung nạp quý vị, quý vị cũng có thể dung nạp Ngài thì mới được! Tâm lượng nhất định phải to, tâm lượng to thì mới có thể phá trừ tất cả giới hạn bởi phân biệt, chấp trước, mới thành công. Hôm nay đã hết giờ rồi!

Tập 24

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, trang hai mươi tám, đoạn này nói về tánh chất trọng yếu của pháp Trì Danh Niệm Phật.

(Tự) Hựu dĩ nguyện môn quảng đại, quý tại tri tiên. Quán pháp thâm huyền, vưu ưng thủ ước. Tri tiên tắc vụ sanh bỉ quốc, thủ ước tắc duy sự trì danh, cử kỳ danh hề, kiêm chúng đức nhi câu bị, chuyên hồ trì dã, thống bách hạnh dĩ vô di.

(序)又以願門廣大，貴在知先，觀法深玄，尤應守約。知先則務生彼國，守約則惟事持名，舉其名兮，兼眾德而俱備，專乎持也，統百行以無遺。

*(**Tựa**: Lại do nguyện môn rộng lớn, cần nhất phải biết đâu là chỗ cần kíp trước tiên. Do phép Quán sâu xa, u huyền, càng phải nên chọn lấy cách [hành trì] đơn giản. Biết chỗ cần kíp trước tiên sẽ chú trọng sanh vào cõi kia, giữ lấy cách [hành trì] giản ước sẽ chỉ chăm chú trì danh. Nêu lên danh hiệu ấy, các đức sẽ đều được đầy đủ. Chuyên trì sẽ gồm thâu trăm hạnh chẳng sót).*

Trong đoạn văn thuộc phần lời tựa trên đây, lần trước, do thời gian hạn chế, tôi chỉ giảng câu thứ nhất. Câu thứ nhất nói về kinh Vô Lượng Thọ, đặc biệt chỉ ra A Di Đà Phật trong khi tu nhân đã phát bốn mươi tám nguyện, quả thật chẳng dễ dàng. Trong quá trình chúng ta học Phật, quả thật chúng ta rất khó thấy nghe những hoằng nguyện thù thắng như vậy. Nhìn từ chỗ này, chúng ta mới hiểu thế giới Tây Phương thù thắng là thật sự có lý. Câu thứ hai nói về kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Hai câu này được sách Diễn Nghĩa chú giải như sau:

(Diễn) "Thâm" vị Quán thâm diệu, "huyền" vị Lý u huyền. Kinh trung Quán pháp, nãi dĩ pháp giới tâm quán pháp giới cảnh.

(演)深謂觀深妙，玄謂理幽玄。經中觀法，乃以法界心，觀法界境。

*(**Diễn**: "Thâm" là phép Quán sâu mầu, "huyền" là Lý huyền diệu, u viễn. Pháp Quán được nói trong kinh chính là dùng pháp giới tâm để quán pháp giới cảnh).*

Gộp cả ba kinh lại để nhìn, chúng ta sẽ rất dễ thấu hiểu lý luận, hành pháp, cảnh giới của pháp môn này. Pháp môn này là pháp môn Đại Thừa. Điều quan trọng nhất trong pháp môn Đại Thừa là tâm lượng phải lớn; tâm lượng chẳng lớn sẽ chẳng tương ứng với pháp môn này. Thật sự muốn cầu sanh về Tây Phương Tịnh Độ, chúng ta nhất định phải chú ý chuyện này, phải mở rộng tâm lượng của chính mình. *"Pháp giới tâm"* là chân tâm, chẳng phải vọng tâm, chữ *"pháp giới"* chỉ điều gì? Chỉ Nhất Chân pháp giới. Nếu không có chân tâm, sẽ chẳng thể thấy toàn thể pháp giới, cho đến cảnh giới vi tế trong pháp giới. Người bình thường quyết chẳng thể tu [các pháp Quán trong] Thập Lục Quán Kinh được, đừng nói mười sáu phép Quán, phép Quán thứ nhất là quán "mặt trời lặn giống như cái trống treo" đã khá khó thành tựu rồi! Những cảnh giới trong những phép Quán sau đó, mỗi một tầng càng sâu mầu hơn. Nói cách khác, mỗi tầng sau càng khó quán hơn tầng trước. Lý luận [trong kinh ấy] được nói hết sức châu đáo, tường tận, do vậy, tuy chúng ta là người tu theo cách Trì Danh Niệm Phật, lịch đại tổ sư đại đức vẫn thường khuyến khích chúng ta đọc Quán Kinh Diệu Tông Sao vì sách này giảng rõ đạo lý Tịnh Độ.

(Diễn) Sanh ư pháp giới y chánh sắc tâm, khởi phi thâm diệu? Kinh trung y chánh, đản Ứng sắc nhất tướng khả chiếu tam thân, y báo nhất trần tức Tịnh Quang độ, khởi bất u huyền?

(演)生於法界依正色心，豈非深妙。經中依正，但應色一相可照三身，依報一塵即寂光土，豈不幽玄。

*(**Diễn**: Sanh ra y báo và chánh báo, sắc, tâm của pháp giới, há chẳng phải là sâu mầu? Y báo và chánh báo trong kinh, chỉ một sắc tướng nơi Ứng Thân đã có thể chiếu ba thân, một mảy trần của y báo chính là cõi Tịch Quang, há chẳng u huyền ư?)*

Đây là hành pháp, căn cứ lý luận, đồng thời là cảnh giới của mười sáu phép Quán. Y báo, chánh báo, sắc pháp, tâm pháp của mười phương thế giới đều là *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*. Pháp giới tâm tức chân tâm có thể hiện, thức tâm có thể biến, biến hóa sâu mầu quả thật chẳng thể nghĩ bàn! Trong Quán Kinh nói tới y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Tây Phương; ở đây, sách Diễn Nghĩa đã quy nạp thành câu *"đản Ứng sắc nhất tướng"* (chỉ một sắc tướng nơi Ứng Thân), Ứng (應) là Ứng Thân, một tướng nơi sắc thân của Ứng Thân có thể chiếu ba thân. *"Y báo nhất trần"* (một hạt bụi nơi y báo) chính là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, lý được chứa đựng trong ấy hết sức sâu. Từ Yếu Giải và

Sớ Sao, chúng ta đã từng đọc thấy [bốn cõi Tịnh Độ], tuy nói bốn cõi, nhưng bốn cõi ấy viên dung. Do đây có thể biết: Trong cảnh giới, có phải là thật sự có bốn cõi hay chăng? Nếu thật sự có bốn cõi thì làm sao bốn cõi có thể viên dung được? Chúng ta hãy nghĩ kinh Bát Nhã đã nói: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, *"hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*. Chúng ta hỏi: Bốn cõi có phải là pháp hữu vi hay không? Bốn cõi có sắc tướng hay không? Đã có sắc tướng, đương nhiên chẳng thể trái nghịch định luật này. Do đây có thể biết: Bốn cõi do đâu mà có? Từ tâm thức của chúng sanh biến hiện ra. Tây Phương Tịnh Độ là như vậy, [thế giới] hiện tiền của chúng ta há là ngoại lệ? Vấn đề ở chỗ tâm uế hay tịnh, tâm thanh tịnh sẽ hiện Tịnh Độ, tâm ô uế sẽ hiện uế độ, cảnh giới do chính mình biến hiện.

Ví như người tâm địa thiện lương hằng ngày nằm mộng tốt lành, người lòng dạ hiểm ác thường gặp ác mộng. Cảnh mộng ấy từ đâu mà có? Từ tâm của chính mình biến hiện ra. Những cảnh giới biến hiện ra để chính mình hưởng thụ, chính mình biến cho chính mình dùng. Mười phương thế giới cũng không ra ngoài lệ ấy, Lý và Quán ấy hết sức sâu mầu! Đặc biệt là Tây Phương thế giới. Ở Tây Phương thế giới, chẳng những là bản thân mình giác chứ không mê, mà còn có điều thù thắng nhất là có thể ở cùng một chỗ với các vị thượng thiện nhân. Chữ *"thượng thiện"* chỉ các vị Đẳng Giác Bồ Tát. Cảnh giới của các vị Đẳng Giác Bồ Tát là Tịch Quang Tịnh Độ. Do vậy, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, dẫu là hạ phẩm hạ sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, cũng đã có thể cùng các vị Đẳng Giác Bồ Tát nắm tay cùng đi, cho thấy họ cũng có sự thụ dụng của các cõi Tịch Quang và Thật Báo. Đấy là chỗ thù thắng chẳng thể nghĩ bàn của thế giới Tây Phương.

Phép Quán quá sâu, quá huyền, cho thấy nó rất khó đối với hạng người tầm thường như chúng ta. Về Lý, chắc chắn chúng ta có thể tin tưởng, chẳng có nghi vấn, nhưng cách tu quả thật chẳng dễ dàng. Ở đây, đại sư dạy chúng ta, đối với phương pháp tu hành, càng phải nên *"thủ ước"* (giữ lấy cách đơn giản). *"Ước"* (約) là đơn giản, phương pháp tu hành càng đơn giản càng hay!

(Diễn) Ước giả, giản ước dã. Duy thử tứ tự, cánh vô biệt pháp, hà đẳng giản dị.

(演)約者，簡約也。唯此四字，更無別法，何等簡易。

*(**Diễn**: "Ước" là giản ước. Chỉ có bốn chữ, không còn pháp nào khác, đơn giản, dễ dàng chi bằng?)*

Chính vì pháp này quá đơn giản, quá dễ dàng, cho nên có người đâm ra không tin tưởng, hoài nghi, đó là một tầng chướng ngại. Còn có một tầng chướng ngại khác nữa: Cảm thấy pháp này đơn giản, dễ dàng, chịu tu tập, nhưng không nghiên cứu sâu xa đạo lý; do vậy, tuy miệng niệm bốn chữ Phật hiệu, tâm chẳng tương ứng, niệm chẳng đúng pháp, nên cũng chẳng thể thành công. Thật ra, muốn tương ứng cũng thật sự rất đơn giản, đúng như tâm pháp do hòa thượng Biến Dung đời Minh truyền cho Liên Trì đại sư. Khi ấy, lão hòa thượng Biến Dung là bậc đại đức đương thời, Liên Trì đại sư đến chỗ Ngài tham phỏng, Ngài chỉ dạy cho đại sư ba câu*: "Chẳng tham lợi, chẳng tham danh, đừng nắm níu kẻ quyền quý"*. Đối với những kẻ làm quan, có tiền, có thế lực trong thế gian, trọn chớ nên bợ đỡ, trọn chớ nên dựa dẫm, dùng ba câu ấy, thật thà niệm Phật!

Thành tựu một đời của Liên Trì đại sư, theo như lão nhân gia nói, Ngài đắc lực nhờ lần giáo huấn ấy của pháp sư Biến Dung. Ngài đến tham phỏng thật chẳng dễ dàng, tam bộ nhất bái, lạy miết đến trước mặt lão hòa thượng. Lão hòa thượng dạy Ngài mấy câu như vậy, những người bên cạnh nghe xong, đều cười nhạo: "Từ chốn xa xôi, tam bộ nhất bái kiền thành như thế, dập đầu trước mặt lão hòa thượng, chúng tôi đều cho rằng lão hòa thượng sẽ có lời khai thị bất phàm nào khác, [hóa ra, Ngài chỉ nói những câu] tầm thường vốn nghe đã nhàm tai!" Đấy chính là như tổ Ấn Quang đã nói: *"Một phần cung kính được một phần lợi ích, mười phần cung kính được mười phần lợi ích"*. Liên Trì đại sư do tấm lòng mười phần cung kính, nên Ngài thật sự được một đời thành tựu nhờ bốn câu sau đây: *"Chẳng tham của, chẳng tham danh, chẳng nắm níu kẻ quyền quý, thật thà niệm Phật"*. Thiền sư Biến Dung tuy là bậc đại triệt đại ngộ trong Thiền Tông, cuối cùng Ngài vẫn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Thế nhưng ba câu nói ấy chẳng dễ gì thực hiện! Mấy ai có thể bỏ tiếng tăm, lợi dưỡng? Bỏ chẳng được, sẽ chẳng tương ứng; đừng nói chẳng đắc nhất tâm, ngay cả công phu thành phiến cũng chẳng thể thành tựu. Đừng nói công phu thành phiến chẳng thể thành tựu, ngược lại còn chuốc lấy một thân đầy tội nghiệp, quả báo ở trong tam đồ, chúng ta chẳng thể không cảnh giác điều này. Nếu nói còn chút nào chưa buông xuống được, tuy vãng sanh bị chướng ngại, nhưng còn có thể hưởng phước báo trong đường trời người thì kể ra cũng còn đỡ! Chẳng những sự vãng sanh của quý vị bị chướng ngại, mà còn bị lôi kéo vào trong ba ác đạo, rắc rối ở chỗ này!

Vì thế, bốn chữ [A Di Đà Phật] này đơn giản thật đấy, nhưng thật sự niệm Phật cho tốt đẹp phải cần đến học vấn. Có thể buông hết thân tâm, thế giới xuống là có học vấn. Ngàn kinh, vạn luận nói gì cũng chẳng ngoài những điều như vậy mà thôi!

(Diễn) Hựu ước giả, yếu ước dã.

(演) 又約者，要約也。

*(**Diễn**: "Ước" còn có nghĩa là giản lược nhưng tinh yếu).*

Chữ *"yếu"* (要) ở đây là tinh yếu.

(Diễn) Niệm Phật công thành, vô sự bất biện, hà đẳng yếu ước?

(演) 念佛功成，無事不辦，何等要約。

*(**Diễn**: Công Niệm Phật thành tựu, không chuyện gì chẳng hoàn thành, còn gì đơn giản mà tinh yếu bằng?)*

Câu này cũng là thật. Một câu Phật hiệu niệm tốt đẹp, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vô lượng vô biên công đức đều viên mãn, đúng là không chuyện gì chẳng hoàn tất. Ở đây, đại sư khích lệ chúng ta:

(Diễn) Vưu ưng thủ ước giả, dĩ Thập Lục Diệu Quán, nãi toàn tánh thành tu, toàn tu thành tánh, ngộ tâm thượng sĩ, nãi khắc hành trì.

(演)尤應守約者，以十六妙觀，乃全性成修，全修成性。悟心上士，乃克行持。

*(**Diễn**: "Càng phải nên chọn lấy cách tu tập giản ước": Do mười sáu phép Quán mầu nhiệm chính là toàn thể tánh trở thành tu, toàn thể tu trở thành tánh, bậc thượng sĩ ngộ tâm mới có thể hành trì thành công được).*

Nói rất rõ ràng! Bậc thượng sĩ ngộ tâm là ai? Chính là người đại triệt đại ngộ mới có thể tu tập được.

(Diễn) Sơ học hành nhân, vô do thấu bạc cố.

(演) 初學行人，無由湊泊故。

*(**Diễn:** Hành nhân vừa mới học không cách nào chen chân được).*

Học nhân sơ phát tâm quyết chẳng thể tu Quán Tưởng Niệm Phật. [Tổ khẳng định] điều này nhằm khích lệ chúng ta là hàng sơ phát tâm càng phải nên tuân thủ pháp môn Trì Danh Niệm Phật.

Trong lời tựa có nói *"tri tiên, tắc vụ sanh bỉ quốc"* (biết được điều nào là cần kíp trước tiên, sẽ chăm chú sanh về cõi ấy). Đối với yếu lãnh (cương lãnh quan trọng) của ba kinh, kinh Vô Lượng Thọ quả thật chú trọng nơi phát tâm. Trong đoạn trước, [sách Diễn Nghĩa] đã bảo chúng ta: *"Dục nhập Di Đà nguyện hải, tất tiên ngộ triệt tự tâm, bất ngộ quảng đại chi tâm, bất nhập quảng đại nguyện hải cố"* (Muốn nhập Di Đà nguyện hải, ắt trước hết phải ngộ thấu triệt tự tâm. Chẳng ngộ cái tâm rộng lớn sẽ chẳng thể nhập biển nguyện rộng lớn). Mấy câu này nói hết sức thấu triệt. Nói thật ra, Quán Kinh cũng dạy chúng ta trì danh niệm Phật. *"Thủ ước tắc duy sự trì danh"* (giữ lấy cách tu tập giản ước thì chỉ có chuyên chú trì danh). Nhìn theo cách này, ba kinh có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Trì danh có những chỗ tốt đẹp gì vậy? Mấy câu tiếp theo đây sẽ nêu ra các công đức và lợi ích của trì danh. *"Cử kỳ danh hề, kiêm chúng đức nhi câu bị"* (nêu lên danh hiệu ấy thì các đức đều được trọn đủ), xin xem lời giải thích:

(Diễn) Cử danh kiêm chúng đức giả, do danh triệu Thể.

(演) 舉名兼眾德者，由名召體。

*(**Diễn**: "Nêu danh kiêm các đức" là do [niệm] Phật hiệu mà cảm vời Thể).*

"Thể" là Chân Như bổn tánh, tức là bổn tánh của chính mình. Danh hiệu A Di Đà Phật chính là danh xưng của bổn tánh. Niệm danh hiệu này, sao cho Thật Thể, Thật Tướng, Thật Dụng của danh hiệu đều niệm ra được thì mới là *"thật sự trì danh"*. Tự tánh thanh tịnh tâm vốn là giác chứ không mê. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát gọi nó là Bổn Giác, *"Bổn Giác vốn có"*. Danh hiệu ấy hoàn toàn là tiếng Phạn dịch âm, có nghĩa là Vô Lượng Giác. Niệm một câu danh hiệu là niệm giác tánh của chính mình, từng tiếng lay tỉnh tánh giác của chúng ta, giác chứ không mê, đó gọi là *"chấp trì danh hiệu"*, quý vị phải hiểu đạo lý này.

Nếu mỗi ngày cầm xâu chuỗi niệm danh hiệu, câu nào cũng mê chứ không giác, đó chẳng gọi là trì danh, chẳng gọi là niệm Phật. Phật nghĩa là giác; niệm Phật là niệm giác, niệm niệm giác chứ không mê, đó gọi là "niệm Phật". Quý vị niệm niệm mê chứ không giác, làm sao có thể gọi là "niệm Phật"? Điều này chứng tỏ bốn chữ [danh hiệu] này chẳng dễ dàng!

Chẳng trách người hiện thời nói: "Người niệm Phật thì nhiều, người vãng sanh ít ỏi!" Người ấy niệm Phật là niệm Danh Tự Phật, chẳng niệm Quán Hạnh Phật. Niệm Quán Hạnh Phật phải có phương cách. Chỉ niệm danh tự, ngay cả danh tự có nghĩa là gì cũng không hiểu, mê hoặc, điên đảo, niệm Phật kiểu đó làm sao thành công cho được? Niệm Quán Hạnh Phật là niệm niệm tự mình đề cao cảnh giác: Chúng ta vừa mới khởi một niệm phân biệt, chấp trước nơi cảnh giới, đó là mê, đó là vô minh; vô minh liên tục phát triển không ngừng, sẽ biến thành Kiến Tư phiền não, sẽ tạo nghiệp, thọ báo. Do vậy, một câu Phật hiệu nhằm kéo chúng ta từ mê muội quay trở lại.

"Nam-mô" là quy y, từ trong mê quay đầu trở lại, trở về! Nương theo giác ngộ, nương vào giác tâm, giác tâm là thanh tịnh, giác tâm là bình đẳng, giác tâm là rộng lớn. Như vậy thì mới có thể thành công. Người thật sự giác ngộ, nhất định biết đời người ngắn ngủi, khổ sở, sao cứ phải tạo nghiệp? Thời gian mấy chục năm trong khoảng khảy ngón tay đã hết, rộng tạo tội nghiệp chẳng đáng tí nào, đúng là ngu si, mê hoặc, điên đảo! Càng phải nên giác ngộ [đúng như] cổ nhân thường nói: *"Hoàng tuyền lộ thượng vô lão thiếu"* (Đường đến suối vàng không phân biệt già hay trẻ). Đừng tưởng ta hiện thời vẫn trẻ, mai sau sẽ trưởng thành, quý vị có ký hợp đồng với vua Diêm La hay không? Hãy nhìn vào tháp thờ cốt trong rất nhiều chùa miếu, bao nhiêu người trẻ tuổi? Chúng ta phải đặc biệt đề cao cảnh giác điều này!

Thể của giác tâm là bản thể của Chân Như bổn tánh. Kinh thường nói *"trạm tịch hư linh"* để hình dung nó. Lục Tổ đại sư nói: *"Vốn chẳng có một vật"*. Đấy đều là nói về bản thể, tánh thể, Tướng của nó là thanh tịnh, bình đẳng, tác dụng (Dụng) của nó là đại từ đại bi. Do vậy, chúng ta phải nương vào bốn chữ này, niệm cho ra Thể - Tướng - Dụng nơi chân tánh của chính mình. Thể - Tướng - Dụng của chân tánh là con người thật sự [của mỗi người chúng ta], Thiền Tông gọi [chân tánh] là *"diện mục sẵn có trước khi cha mẹ sanh ra"*; trong các kinh Đại Thừa, nó được gọi là *"bổn hữu gia trân"* (của báu sẵn có trong nhà), hoặc Như Như Phật. Kinh Hoa Nghiêm, kinh Viên Giác gọi nó là *"bổn lai thành Phật"* (vốn sẵn thành Phật), đều nhằm ý nghĩa này. Ở đây, [sách Diễn Nghĩa] nói đến chuyện dùng danh hiệu [của A Di Đà Phật] để chiêu cảm Thể.

(Diễn) Thể ngoại vô danh, Thể cụ chúng đức, tắc danh diệc kiêm chúng đức. Cố nhất xưng danh, tức xưng Phật chúng đức dã.

(演)體外無名，體具眾德，則名亦兼眾德。故一稱名，即稱佛眾德也。

*(**Diễn:** Ngoài Thể không có danh, Thể có đủ các đức, nên danh cũng kèm theo các đức. Vì thế, xưng danh chính là xưng niệm các đức hạnh của Phật vậy).*

Ở đây, chữ Phật mang ý nghĩa kép: Tự Phật và Tha Phật. Tha Phật là tán thán Tây Phương giáo chủ A Di Đà Phật, Tự Phật là tâm thanh tịnh của chính mình, tức Phật Tánh của chính mình. Nhất định phải hiểu rõ điều này.

Câu *"chuyên hồ trì dã, thống bách hạnh dĩ vô di"* (Chuyên trì danh, gồm thâu trăm hạnh chẳng sót) là nói:

(Diễn) Dĩ nhất tâm trì danh, vạn duyên tự xả, tức Bố Thí hạnh. Nhất tâm trì danh, tam nghiệp tự tịnh, tức Trì Giới hạnh đẳng.

(演)以一心持名，萬緣自捨，即布施行。一心持名，三業自淨，即持戒行等。

*(**Diễn**: Do nhất tâm trì danh nên tự bỏ vạn duyên, đấy là hạnh Bố Thí. Nhất tâm trì danh, ba nghiệp tự tịnh, đấy là hạnh Trì Giới v.v...)*

Ở đây, chỉ nêu lên hai điều trong Lục Ba La Mật, những điều khác bị tỉnh lược. Một câu A Di Đà Phật thâu nhiếp viên mãn lục độ vạn hạnh. Do vậy, nói tới chuyên trì danh hiệu thì *"bách hạnh"* mà chúng ta thường gọi là "lục độ, vạn hạnh", toàn bộ đều được bao gồm trong ấy. Thế nhưng quý vị phải đặc biệt chú ý chữ Chuyên và chữ Trì. *"Chuyên"* (專) là chuyên nhất, tức nhất tâm trì danh. *"Trì"* (持) là niệm niệm chẳng quên, chẳng thể gián đoạn. Đó gọi là công phu. Thật sự quyết tâm muốn vãng sanh, phải buông thân tâm thế giới xuống, phải buông sạch sành sanh, chẳng nhiễm mảy trần, niệm niệm đều mong sanh về Tây Phương. Thế giới Tây Phương tốt đẹp hơn thế giới này quá nhiều, quý vị phải hiểu điều này! Chỉ cần quý vị có mảy may tham luyến, sẽ chẳng chuyên. Tuy trì danh, nhưng không nhất tâm, tức là không nhất tâm trì danh, sự thành tựu của quý vị sẽ có vấn đề. Công phu thành phiến rất gần với nhất tâm, công phu thành phiến là giai đoạn nào vậy? Kinh nói rất rõ ràng, tuy chưa đoạn phiền não, nhưng một câu Phật hiệu quả thật có thể chế phục phiền não. Kinh Kim Cang nói *"vân hà hàng phục kỳ tâm?"* (hàng phục cái tâm như thế nào?), cái tâm vọng tưởng thật sự bị một câu Phật hiệu chế ngự. Có

năng lực như vậy thì mới gọi là *"công phu thành phiến, đới nghiệp vãng sanh"*. Nếu công phu niệm Phật của chúng ta mà ngay cả phiền não cũng không chế ngự được, sẽ chẳng thể vãng sanh!

Thật ra, trong đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp trước, các vị đồng tu đang hiện diện đều niệm A Di Đà Phật, nhưng chẳng thể vãng sanh, nguyên nhân là vì đâu? Đời đời kiếp kiếp đều chưa đạt công phu thành phiến, một câu Phật hiệu của quý vị chẳng thể chèn ép phiền não. Sức niệm Phật quá mỏng yếu, sức phiền não quá mạnh mẽ, chèn ép không nổi; do vậy, không thể vãng sanh được! Vì sao không chế ngự được? Quý vị không có tâm buông bỏ, không thật sự bỏ phiền não được; đấy là một nguyên nhân lớn. Nguyên nhân thứ hai là công phu niệm Phật của quý vị không liên tục, trở thành hiện tượng "đứt đứt, nối nối", nên công phu chẳng đắc lực! Muốn công phu đắc lực, danh hiệu phải niệm niệm liên tục, đừng để gián đoạn. Hễ đoạn thì phiền não nổi dậy, tham, sân, si, mạn trỗi lên. Công phu chẳng đoạn, tâm tâm niệm niệm đều là một câu A Di Đà Phật, như vậy mới có thể áp chế tập khí phiền não, chẳng cho nó dấy lên hiện hành. Đàn áp lâu ngày, Phật hiệu có sức mạnh thì mới có thể đới nghiệp vãng sanh.

Còn có một nhân tố trọng yếu nữa, kinh nói *"tâm chẳng điên đảo"*. Người niệm Phật sợ nhất là lúc lâm chung nghiệp chướng hiện tiền. Đó là gì? Có bệnh khổ! Hễ có bệnh khổ sẽ nguy hiểm, chuyện này là chuyện phiền phức to lớn. Khi lâm chung cầu gì? Cầu qua đời tốt lành. Cổ nhân Trung Quốc nói tới Ngũ Phước, tức là phước báo gồm có năm thứ; trong Ngũ Phước có *"thọ khảo chung"*, nghĩa là khi chết không bị bệnh khổ, tỉnh táo, sáng suốt, hiểu biết rõ ràng, đó là đại phước báo. Trong Ngũ Phước, phước báo lớn nhất là điều này. Khi lâm chung tỉnh táo, sáng suốt, hiểu biết rõ ràng, chẳng đau khổ chút nào, dẫu người ấy chẳng học Phật, cũng trọn chẳng đọa trong ba ác đạo, vì người ấy sáng suốt. Phàm những ai đọa ác đạo, [lâm chung] đều mê hoặc, điên đảo. Nếu người ấy tỉnh táo, sáng suốt, làm sao có thể nhìn vào đường súc sanh [mà ưa thích], làm sao có thể yêu mến ngạ quỷ đạo được? Đó là chuyện không thể có! Người sáng mắt sẽ khéo chọn lựa. Do vậy, người ấy cũng đến hưởng phước báo trong hai đường trời - người. Nếu là người học Phật, quyết định vãng sanh, quý vị chọn sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, quý vị muốn phán đoán một người có thật sự vãng sanh hay không, hãy xem lúc lâm chung người ấy có tỉnh táo hay không, có thể [dựa vào đó] để phán đoán gần đúng tám chín phần trong mười phần. Khi lâm chung bị đau khổ là không được rồi!

Trong quá khứ, khi tôi xuất gia chưa được bao lâu, Phó Hội Trưởng Cư Sĩ Lâm của Hội Niệm Phật chùa Lâm Tế tại Viên Sơn[68] vãng sanh, tướng trạng rất tệ. Ông ta bình thường hướng dẫn người khác niệm Phật, đến khi chết đau khổ cực điểm. Chẳng những chính mình không thể niệm Phật, mà người khác niệm Phật cho ông ta nghe, ông ta còn chửi họ. Khi ấy, hết thảy Phật hiệu đều cự tuyệt, chẳng nghe, quý vị nói xem còn có cách gì nữa đây! Nghiệp chướng quá nặng! Chúng tôi trông thấy hiện tượng này, mới hiểu vãng sanh chẳng dễ dàng! Từ cổ đến nay, tổ sư đại đức dạy chúng ta tu phước, tu phước báo chẳng cần hưởng phước, để dành đến lúc lâm chung phước báo hiện tiền, tâm chẳng điên đảo, có thể chọn lựa thế giới Cực Lạc để an ổn vãng sanh. Hiện thời, trong thế gian này, cắn chặt răng chịu khổ đôi chút, coi sự khổ ấy chẳng thấm vào đâu, đời đời kiếp kiếp đều bị những nhân tố ấy làm hỏng đại sự của chính mình, đời này giác ngộ rồi, phải nên quay đầu! Do vậy, phải sốt sắng tu phước, nhưng chớ nên hưởng phước, phải mở rộng tâm lượng của chính mình, phải buông xuống hết thảy các duyên, tự bỏ vạn duyên. Trừ phi quý vị chẳng nhất tâm, hễ nhất tâm, đương nhiên sẽ bỏ được! Trong tâm có vướng mắc sẽ chẳng phải là nhất tâm trì danh. Trong nhất tâm trì danh, chắc chắn không có một vọng niệm nào, không có tơ hào vướng mắc nào! Bố Thí Ba La Mật của quý vị được viên mãn, tức là tu tâm bố thí. Nhất tâm trì danh, tam nghiệp tự nhiên thanh tịnh, đấy là Trì Giới Ba La Mật. Nhất tâm trì danh, chắc chắn quý vị chẳng tranh chấp với người khác, *"đối với người chẳng tranh, đối với cõi đời chẳng cầu"*, đấy là Nhẫn Nhục Ba La Mật. Niệm niệm tiếp nối, đấy là Tinh Tấn Ba La Mật.

Pháp môn Niệm Phật thật sự đơn giản, nhưng trọng yếu, danh xứng với Thật, chẳng sai chút nào! Ai cũng có thể tu, ai cũng có thể thành tựu, tùy thuộc quý vị có chịu tu hay không! Nói cách khác, Vô Thượng Bồ Đề ai nấy đều có phần. Đừng nghĩ ta rất ngu si, rất nghèo hèn, không ai chẳng có phần! Pháp này thích hợp khắp ba căn, thâu tóm độn căn lẫn lợi căn. Nói thành thật, kẻ nghèo túng hèn kém đâm ra dễ thành công hơn, vì sao? Họ bỏ dễ dàng, chẳng có phiền não! Càng giàu có, sang trọng, càng khó tu pháp môn này! Vướng mắc càng nhiều, không buông xuống được! Do vậy, phải xả, phải bỏ sạch, bỏ gì? Bỏ những thứ gây chướng ngại vãng sanh, những thứ ấy quý vị không bỏ được! Chúng đều là những thứ gây

[68] Viên Sơn là một rặng núi nhỏ nằm phía Nam sông Cơ Long, phụ cận Đài Bắc. Chùa Lâm Tế này có tên gọi đầy đủ là Lâm Tế Hộ Quốc Thiền Tự, do sư Mai Sơn Tú Huyền (Mai Sơn Đằng Am) thuộc thiền phái Diệu Tâm Tự của tông Lâm Tế Nhật Bản khai sơn vào thời Đài Loan bị Nhật Bản chiếm đóng.

chướng ngại vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chuyện này phiền phức to lớn; do vậy, giác ngộ chính là giác ngộ chuyện này!

(Sớ) Tức tiền Đại Bổn, Quán Kinh, giảo nhi luận chi.

(疏) 即前大本觀經，較而論之。

*(**Sớ:** Trên đây là so sánh để định luận Đại Bổn A Di Đà Kinh và Quán Kinh).*

Chữ *"tức tiền"* chỉ đoạn lời tựa ở phía trên, Đại Bổn là kinh Vô Lượng Thọ, Quán Kinh là Thập Lục Quán Kinh. Gộp cả ba kinh Tịnh Độ lại để nhìn, so sánh chúng để nói.

(Sớ) Tri trì danh vưu vi yếu ước dã.

(疏) 知持名尤為要約也。

*(**Sớ**: Biết trì danh thật là tinh yếu, đơn giản vậy).*

Đây mới là thật sự phát hiện phép Trì Danh thật là đơn giản, thật khẩn yếu, giản ước.

(Sớ) Quảng đại giả, dĩ tứ thập bát nguyện, bình bao u hiển, thống quát thánh phàm, quảng đại khôi hoằng, mang vô bạn ngạn, nhập chi tất hữu diêu tiệm, cố quý tri tiên.

(疏)廣大者，以四十八願，恲包幽顯，統括聖凡，廣大恢宏，茫無畔岸，入之必有繇漸，故貴知先。

*(**Sớ**: "Rộng lớn" là do bốn mươi tám nguyện phủ trọn u, hiển, gồm hết thánh, phàm, rộng lớn, bao la, mênh mông không bờ bến, vào trong ấy ắt sẽ có thể chứng nhập dần dần; vì thế, cốt yếu là phải biết điều nào là cần kíp trước tiên).*

Mấy câu này nói về kinh Vô Lượng Thọ, tức [A Di Đà] Đại Kinh. Trong Đại Kinh, chúng ta có thể thấy được sự vĩ đại của A Di Đà Phật, mười phương ba đời hết thảy chư Phật chẳng thể sánh bằng, đạo lý này hết sức hiển nhiên. Từ kinh luận, chúng ta đọc thấy [chuyện như thế này] rất nhiều: Hễ nói đến thành Phật, bất luận là luận theo mặt Sự hay nói theo mặt Lý, không gì chẳng phải là phá sạch hai thứ chấp, tức là đoạn sạch Ngã Chấp, Pháp Chấp cũng phải đoạn hết, Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh thảy đều đoạn sạch, chứng trọn vẹn ba đức (Pháp Thân, Bát Nhã, Giải

Thoát), đó gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tám vạn bốn ngàn pháp môn chỉ là những mánh khóe nhằm tu chứng mà thôi, bất luận dùng phương pháp nào cũng đều có thể thành Vô Thượng Đạo. Lục Ba La Mật, tùy tiện dùng điều nào cũng đều được cả! Ví như dùng Bố Thí, tức Xả, ta có thể bỏ sạch Ngã Chấp lẫn Pháp Chấp; Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh đều bỏ sạch, sẽ thành Phật. Pháp môn nào cũng được, pháp môn bình đẳng, tuy khác đường lối nhưng cùng về một nơi. Sau khi thành Phật, Phật Phật đạo đồng, trí huệ, đức tướng hoàn toàn chẳng khác nhau!

Thế nhưng, hết thảy chư Phật lúc tu nhân phát tâm mỗi vị mỗi khác. Hiện thời, chúng ta phát tâm quá bé, chẳng những không thể gọi là Bồ Đề tâm, mà chúng ta phát ra cái tâm "công lợi"[69], vì sao chúng ta học Phật? Hy vọng "lìa khổ, được vui". Lìa khổ, được vui là cái tâm công lợi. Hiện tại chúng ta khổ quá, hy vọng cuộc sống thoải mái một chút, hy vọng học Phật có thể phát tài, hy vọng học Phật sẽ có thể trường thọ, hy vọng học Phật người nhà được bình an, vì những lẽ đó. Nói cách khác, từ trước đến nay, chưa hề phát tâm liễu sanh tử, thoát tam giới, không hề có! Miệng đúng, tâm sai, miệng nói ta muốn thoát tam giới, nhưng tâm chẳng hề mong thoát khỏi tam giới. Miệng nói muốn vãng sanh, chúng ta đả Phật thất tại đây, bảy ngày sẽ vãng sanh, chẳng một ai đến cả. Không được đâu! Bảy ngày sau sẽ chết, mạng tôi còn dài lắm! Chẳng có ai đến hết, miệng đúng, tâm sai!

Chúng ta thấy Lục Tổ phát tâm quá hy hữu! Theo Đàn Kinh chép, Ngài đến núi Hoàng Mai, Ngũ Tổ hỏi Ngài: "Ngươi đến để làm gì?" Ngài thưa: *"Con đến làm Phật!"* Không cầu chi khác, chỉ muốn đến làm Phật! Phát tâm như vậy, khẩu khí như thế đó, đúng là từ trước đến giờ chúng ta chưa hề thấy, chưa hề nghe nói tới. Điều này thật sự chẳng thể nghĩ bàn, khiến cho người khác kính phục; nhưng đem so Lục Tổ với A Di Đà Phật, Lục Tổ sai kém quá xa! Lục Tổ nói "con đến làm Phật", rất mơ hồ, không rõ ràng cho lắm. Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, mỗi một điều đều rất cụ thể, rất thực tế, Lục Tổ chẳng thể nào sánh bằng được! Nhìn như vậy thì tuy Phật Phật đạo đồng, nhưng do khi tu nhân phát tâm khác

[69] Công lợi, gọi đầy đủ là "công lợi chủ nghĩa" (Utilitarianism, hoặc Utilism) là một học thuyết được đề xướng bởi John Stuart Mill và Jeremy Bentham. Nói tóm gọn, giá trị luân lý của một hành động được biện minh bởi mục đích mang lại hạnh phúc, sung sướng cho nhiều người nhất. Nó thường được dùng với mục đích ngụy biện cho những hành động bất kể hậu quả nếu những hành động ấy đem lại hạnh phúc, hưởng thụ cho một nhóm người nào đó. Ta thường nói là *"cứu cánh biện minh cho hành động"*.

nhau, phát tâm nhất định có kết pháp duyên. Do phát tâm khi tu nhân, mỗi một vị Phật kết pháp duyên với hết thảy chúng sanh khác nhau.

Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật quá sức rộng lớn. Phát tâm trong khi tu nhân đã phát ra cái tâm ấy, quả thật rất khó có, thật sự chẳng dễ dàng! Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, đọc bốn mươi tám nguyện phải thấu hiểu được một chút ý nghĩa, tâm ấy quả thật đại từ bi, quá thanh tịnh, quá rộng lớn, không ai sánh bằng! Chúng ta cũng có cái tâm thanh tịnh ấy, cũng có lòng từ bi ấy, cũng có cái tâm rộng lớn ấy, nhưng không phát được, vì sao không phát được? Bị vô minh mê hoặc, bị nghiệp chướng gây chướng ngại, tuy có, chẳng thể hiển lộ, chẳng phát ra được!

(Diễn) U hiển thánh phàm giả, u chỉ tam đồ, hiển chỉ nhân thiên, thánh chỉ tam thừa, phàm chỉ lục đạo.

(演)幽顯聖凡者，幽指三途，顯指人天，聖指三乘，凡指六道。

*(**Diễn**: "U hiển thánh phàm": "U" chỉ tam đồ, "hiển" chỉ trời người, "thánh" chỉ tam thừa, "phàm" chỉ sáu đường).*

Bốn mươi tám nguyện bao gồm trọn khắp, hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới đều được bao gồm trong ấy. Quý vị thấy tâm người ta lớn dường ấy! Tôi thường khuyến khích các đồng tu cầu vãng sanh, nhất định phải bắt đầu bằng tu cái tâm bình đẳng. Bắt đầu tu cái tâm bình đẳng từ đâu? Từ oán thân bình đẳng, chướng ngại trong tâm lượng của chúng ta mới có thể trừ sạch. Oán thân là bất bình đẳng lớn nhất! Nếu tâm quý vị trọn chẳng dung nạp kẻ oan gia đối đầu, làm sao quý vị có thể dung nạp Tam Thừa lục đạo? Ắt phải trừ sạch [những quan niệm, chấp trước oán thân]! Trừ sạch sẽ khiến cho chính quý vị mau chóng thành Phật. Quý vị có thể chướng ngại kẻ oán gia đối đầu hay không? Chẳng thể chướng ngại hắn! Thật ra, hắn cũng chẳng thể chướng ngại quý vị! Tự mình sanh chướng ngại, đáng thương thay! Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: *"Cảnh duyên vô hảo xú"*, tức là cảnh giới bên ngoài không có tốt hay xấu, chẳng có thiện hay ác, chúng đều là trung lập. Hết thảy thiện, ác, tốt, xấu đều do cái tâm của chính mình sanh ra, chính mình chướng ngại chính mình. Nói ngược lại sẽ là: Chính mình thành tựu chính mình. Do vậy, nghiệp chướng quyết chẳng phải do người bên ngoài chướng ngại mình. Nếu quý vị nói người ngoài chướng ngại mình, tức là trên chướng lại chồng thêm chướng, đã mê càng thêm mê, bên ngoài làm sao có thể chướng ngại quý vị được? Nếu người ngoài có thể chướng ngại khiến quý vị chẳng thành tựu, hay

người bên ngoài thật sự có thể giúp đỡ quý vị, mười phương chư Phật đại từ đại bi cũng giúp cho quý vị thành Phật rồi! Chính là vì chư Phật Như Lai chẳng thể giúp quý vị thành Phật, yêu ma quỷ quái cũng chẳng thể chướng ngại quý vị thành Phật. Chướng ngại không được! Nói chung, chuyện này là chuyện của chính mình.

Trong Đàn Kinh, Lục Tổ nói rất hay: *"Người học Phật phải tự ngộ, tự tu, tự chứng"*, chẳng phải là người khác giúp quý vị thành tựu! Do vậy mới nói: *"Mười phương ba đời chư Phật chẳng độ chúng sanh"*. Thật đấy! Phật chẳng độ chúng sanh, vì quý vị tự độ! Quý vị tự ngộ, tự tu, tự chứng, tự độ, Phật đâu có độ quý vị? Phật chỉ làm Tăng Thượng Duyên cho chúng ta mà thôi, nhắc nhở bản thân chúng ta hãy [tự ngộ, tự tu, tự chứng], tự mình làm như vậy thì mới có thể tự độ. Do vậy, thành công hay thất bại hoàn toàn do mình chịu trách nhiệm! Người giác ngộ, kẻ hiểu rõ, quyết chẳng oán trời hờn người. Nay chúng ta từ phải trừ sạch tội chướng trong tâm từ vô thỉ kiếp đến nay, tội chướng lớn nhất là bất bình đẳng. Quý vị vốn có Bình Đẳng Tánh Trí, nhưng do quý vị không bình đẳng, nó chuyển biến thành Mạt Na thức. Nay học Phật, Phật bảo quý vị chuyển thức thành trí; khi mê bèn chuyển trí thành thức, chúng ta biến thành tình trạng như hiện tại. Sau khi giác ngộ, chuyển thức thành trí, khôi phục diện mục vốn có của chúng ta, đó mới gọi là học Phật.

Tôi thường khuyên người ta, đối với kẻ oán gia đối đầu số một, hãy viết một tấm Trường Sanh Lộc Vị cho hắn, đem thờ bên cạnh tượng Phật, mỗi ngày sáng tối lễ Phật đều lễ hắn, coi hắn như Phật vậy, quý vị có chịu làm hay không? Quý vị không chịu làm, tội chướng của chính mình đừng mong dẹp trừ! Có người cũng làm theo, làm được mấy ngày, đến nói với tôi: "Không được rồi! Tâm sân của con vẫn còn, thấy kẻ ấy vẫn nổi nóng, làm sao bây giờ?" Tôi bảo anh ta: "Anh mới thờ mấy bữa, công phu chưa đến mức! Đối đãi với kẻ oán gia đối đầu như Phật, Bồ Tát, tâm sẽ bình. Tâm bình khí hòa, thân thể cũng khỏe mạnh, công phu tăng tấn, hết sức khẩn yếu!"

Mấy câu tiếp theo đây nói về tâm lượng rộng lớn, nguyện lực vô cùng. Dưới đây là mấy câu hết sức trọng yếu!

(Sớ) Cố quý tri tiên.

(疏) 故貴知先。

*(**Sớ**: Cho nên điều cốt yếu là phải biết đâu là chuyện cần kíp trước tiên).*

Đây là nói: Học Phật thì trước tiên là phát đại nguyện, trước tiên phải phát đại tâm.

(Sớ) Truyền viết: "Tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hĩ".
(疏) 傳曰：知所先後，則近道矣。
*(**Sớ**: Có lời dạy rằng: "Biết trước sau thì gần với đạo vậy").*

Đây là lời Khổng lão phu tử nói. Câu này trích từ Luận Ngữ. *"Truyền"* (傳) là lời hay đẹp, cách ngôn của tiền nhân để lại. Quý vị biết chuyện nào trước, chuyện nào sau, thì sẽ gần với đạo. Do vậy, người học đạo, trước hết phải mở rộng tâm lượng, trước hết phải phát đại nguyện. Ngày nay, có rất nhiều người trong chúng ta phát nguyện giả dối, là vọng ngữ, cứ một lần phát nguyện là một lần tạo tội nghiệt. *"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*, nguyện ấy lớn lắm! Ta vẫn còn có kẻ thù, hễ trông thấy là nổi nóng, ta độ chúng sanh, ta chẳng độ kẻ ấy! Đủ thấy nguyện ấy là vọng ngữ, mỗi lần phát nguyện là một lần gây trọng tội, tự mình tạo nghiệp chướng mà chẳng hiểu! Trong tương lai, gặp vua Diêm La, vua Diêm La phán tội vào địa ngục, nói kẻ ấy phạm tội, [liền cãi] "tôi đâu có tội!" Đâu có biết hằng ngày khởi vọng ngữ là tội.

Quen thói trở thành tự nhiên, chẳng biết chính mình đang tạo tội: Hằng ngày đối trước Phật, Bồ Tát, buổi sáng dối gạt một lần, buổi tối dối gạt lần nữa, làm sao không có tội? Buổi sáng quý vị đọc Tam Quy Y, buổi tối đọc Tam Quy Y, Tam Quy Y là quy y Phật, Phật là giác chứ không mê, nhưng chính mình hằng ngày vẫn đang mê chẳng giác, hết cách rồi! Lần này, tôi lưu thông cuốn Thích Môn Pháp Giới Lục, trong ấy chỉ có một trăm hai mươi bốn điều, đính kèm phần trích lục pháp ngữ của Liên Trì đại sư, quý vị đọc kỹ sẽ hiểu. Trong ấy có những tấm gương: Có người xuất gia chết đi bị vua Diêm La lôi ra thẩm vấn, người ấy cứ ngỡ mình chẳng có tội lỗi gì, kết quả khi bị vua Diêm La moi ra từng điều một, hoàn toàn là tội lỗi. Do vậy, nhất định phải tin tưởng nhân quả.

Đại sư nói rất đúng, trước hết, phải phát đại nguyện, pháp môn này lấy Tín, Nguyện, Hạnh làm ba món tư lương. Điều đầu tiên là phải mở rộng tâm lượng, *"tâm bao khắp thái hư, lượng trọn khắp các cõi nước nhiều như cát"*, có thể thật sự phát tâm to lớn ngần ấy, thì nguyện lực của quý vị và nguyện lực của A Di Đà Phật sẽ chẳng sai khác cho mấy. Công phu chẳng bằng Ngài, nhưng tâm lượng của ta chẳng nhỏ hơn Ngài. Thật đấy, chẳng giả đâu! Có thể dung người, có thể bao hàm người khác thì hạng người ấy có phước.

"Tiên hậu": Trước phát nguyện, sau trì danh. Phát nguyện là chân tâm hiện tiền, trì danh là niệm niệm gọi ra chân tâm. A Di Đà Phật là vô lượng giác tâm, giác là chân tâm, mê là vọng tâm. Nếu biết trước sau thì sẽ gần với đạo. Câu nói này của Khổng lão phu tử có tánh nguyên tắc, bất luận dùng vào đâu cũng đều thích đáng; nếu áp dụng vào pháp môn niệm Phật thì đạo này sẽ là vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Vô Thượng Bồ Đề đại đạo.

(Sớ) Thâm huyền giả.

(疏) 深玄者。

*(**Sớ**: Sâu thẳm u huyền là...)*

Bắt đầu từ chỗ này, dùng Quán Kinh để so sánh.

(Sớ) Dĩ môn phân thập lục.

(疏) 以門分十六。

*(**Sớ**: Do môn quán tưởng này được chia thành mười sáu pháp).*

Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh chia thành mười sáu phép Quán.

(Sớ) Sự phỉ nhất đoan, nhi phục diệu quán tinh vi, sơ tâm mị cập, thao chi tất đắc kỳ yếu, cố ưng thủ ước.

(Diễn) Sơ tâm mị cập giả, Diệu Tông Sao vân: "Quán tuy thâm diệu, bổn bị sơ tâm, nhược năng tấn công, hà ưu bất tựu?"

(疏)事匪一端，而復妙觀精微，初心靡及，操之必得其要，故應守約。

(演)初心靡及者，妙宗鈔云：觀雖深妙，本被初心，若能進功，何憂不就。

*(**Sớ**: Sự chẳng phải chỉ có một mối, phép Quán mầu nhiệm lại tinh vi, hàng sơ tâm chẳng thể thực hiện được. Hễ tu tập, ắt phải nhận biết chỗ quan trọng, vì thế, phải nên chọn lấy cách giản ước.*

***Diễn**: "Hàng sơ tâm chẳng thể thực hiện được": Sách Diệu Tông Sao viết: "Phép Quán tuy sâu mầu, nhưng cũng thích hợp cho hàng sơ tâm. Nếu có thể gắng công, lo gì chẳng thành tựu?")*

Đây lời Trí Giả đại sư nói khi chú giải Quán Kinh. Trong phần trên đã có nói pháp Quán gồm Thứ Đệ Tam Quán và Nhất Tâm Tam Quán.

Pháp Quán tuy sâu mầu, nhưng chiếu theo Lý để nói thì người mới phát tâm cũng có thể tu tập được. Ngài vốn cũng vì hàng sơ phát tâm mà nói, tuân theo thứ tự định sẵn, từ cạn đến sâu, *"nhược năng tấn công"*, *"tấn"* (進) là tinh tấn, *"công"* (功) là công phu. Nếu có thể tinh tấn thì *"hà ưu bất tựu"* (lo gì chẳng thành tựu), *"tựu"* (就) là thành tựu. Lẽ đâu chẳng thành tựu?

(Diễn) Nhi đại sư như thử thuyết giả.
(演) 而大師如此說者。
***(Diễn**: Nhưng đại sư nói như vậy).*

Chữ *"đại sư"* chỉ Liên Trì đại sư, Ngài nói hàng sơ phát tâm sợ chẳng thể tu tập được [các phép Quán] vì hai ý nghĩa như sau:

(Diễn) Nhất giả, dĩ kim chánh kiến lập Trì Danh pháp môn cố.
(演) 一者，以今正建立持名法門故。
*(**Diễn**: Một là vì nay đang kiến lập pháp môn Trì Danh).*

Vì pháp được lão nhân gia đề xướng là Trì Danh Niệm Phật. Trì Danh Niệm Phật dễ dàng hơn pháp Quán rất nhiều.

(Diễn) Nhị giả, sơ tâm diệc thậm bất đồng, hữu cụ túc viên giải chi sơ tâm, nãi chí hữu mang nhiên vị thức chi sơ tâm cố.
(演)二者，初心亦甚不同，有具足圓解之初心，乃至有茫然未識之初心故。
***(Diễn**: Hai là vì hàng sơ tâm hết sức khác nhau. Có người là sơ tâm nhưng trọn đủ sự hiểu biết trọn vẹn, cho đến có hàng sơ tâm hoang mang chẳng hiểu biết gì).*

Lời này hết sức có lý. Kẻ sơ phát tâm thật sự chẳng giống nhau. Lấy Tứ Giáo của tông Thiên Thai để luận định thì Sơ Phát Tâm trong Tạng, Thông, Biệt, Viên khác nhau. Có người nghe kinh Hoa Nghiêm nói tới hàng Sơ Tín Bồ Tát, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, rất nhiều đồng tu đến hỏi tôi: "Chúng con hiện thời có được coi là Sơ Tín Bồ Tát hay không?" Kinh Hoa Nghiêm là Viên Giáo.

Trong kinh giảng rất rõ ràng điều kiện để thuộc về hàng Sơ Tín Bồ Tát của Viên Giáo. Điều kiện gì vậy? Tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc

trong tam giới đã đoạn sạch thì mới gọi là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín. Chúng ta xem nhé, tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc đoạn sạch thì giống như Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa. Nếu Tiểu Thừa của Tu Đà Hoàn hồi Tiểu hướng Đại, hướng tới Viên Giáo, họ sẽ là Sơ Tín vị Bồ Tát, chúng ta đâu có đủ tư cách! Nếu nói theo Tạng Giáo, đại khái là không sai khác lắm. Chúng ta là hạng Sơ Phát Tâm mơ mơ màng màng, mờ mịt chẳng hiểu biết như vậy thì cũng có thể nói quý vị là hàng Sơ Phát Tâm Bồ Tát trong Tạng Giáo. Do vậy, Sơ Phát Tâm chẳng dễ dàng đâu nhé!

Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, bắt đầu tin tưởng vào Đại Thừa, bắt đầu tin tưởng thì đương nhiên là sơ tâm, nhưng điều kiện cao lắm. Địa vị Kiến Đạo trong Đại Thừa là phải phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh. Do vậy, chuẩn mực này là cao nhất. Địa vị Bồ Tát được nói trong kinh Kim Cang giống như Đại Thừa Khởi Tín Luận, đấy là tiêu chuẩn cao nhất. Địa vị Sơ Phát Tâm Bồ Tát trong bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ chính là Sơ Trụ trong Viên Giáo. Do vì Sơ Phát Tâm khác nhau, *"sơ tâm diệc thậm bất đồng"* (sơ tâm hết sức khác nhau), chẳng thể nói hàm hồ, luông tuồng: Chúng ta đều gọi là Sơ Phát Tâm, chẳng thể nói như vậy được! *"Hữu cụ túc viên giải chi sơ tâm"* (có hàng sơ tâm trọn đủ sự hiểu biết trọn vẹn) chính là Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo. Đối với Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo thì không có vấn đề gì, đừng nói là Thứ Đệ Tam Quán, ngay cả Nhất Tâm Tam Quán, Ngài đều có thể tu, có thể học được, chỉ cần người ấy thật sự tinh tấn không biếng nhác, quả thật sẽ thành tựu. Thế nhưng, đối với hết thảy những kẻ sơ tâm vô tri mờ mịt Phật pháp, bảo họ tu pháp môn Niệm Phật thì được! Quả thật dễ dàng, chứ giảng những lý luận, phương pháp và cảnh giới trong Thập Lục Quán Kinh cho họ, sợ rằng họ nghe không hiểu, vì kinh ấy thật sự có mức độ khá sâu.

"Thao chi tất đắc kỳ yếu, cố ưng thủ ước": Ý nói chúng ta thật sự muốn đạt được công đức, lợi ích chân thật trong Phật pháp, thành tựu công đức và lợi ích chân thật ngay trong một đời thì quý vị nhất định phải hiểu đạo lý này. Nếu chẳng thành tựu trong một đời này, bất luận đạt được lợi ích như thế nào cũng đều uổng công. Quý vị đắc Thiền Định hay khai ngộ cũng thế, đều vô ích, hễ đầu thai lại bị mê muội khi cách ấm. Do vậy, công đức lợi ích thật sự là trong Tây Phương Tịnh Độ. Thật sự sanh về Tây Phương Tịnh Độ mới được coi là thật sự đạt được công đức, lợi ích. Trừ điều này ra, những thứ khác đều chẳng thể gọi là công đức lợi ích chân thật, chúng ta phải đặc biệt chú ý điều này.

Những gì chúng ta đạt được trước mắt toàn là cảnh giới trong mộng; nếu thật sự giác ngộ, chúng hoàn toàn rỗng tuếch! Tuy nay vẫn còn chưa chết, chết rồi mới hiểu cổ nhân nói *"vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân"* (mọi thứ không mang được, chỉ có nghiệp theo thân), không mang theo được thứ gì hết! Thế nhưng chúng ta có giác ngộ hay không? Mỗi ngày, tối đến quý vị đi ngủ là một lần chết nhẹ nhàng, cứ cách vài tiếng đồng hồ quý vị phải chết nhẹ nhàng một bận, quý vị có giác ngộ hay chưa? Quý vị ngủ say vùi, có đem theo thứ gì vào dùng trong mộng được hay chăng? Chẳng mang theo gì cả! Không có thứ gì là của quý vị, ngay cả thân thể, quý vị ngủ rồi, người ta khiêng cái thân quý vị đi, quý vị cũng không biết, thân chẳng phải là chính mình, huống hồ vật ngoài thân! Mỗi ngày tỉnh giấc phải khéo suy nghĩ một phen, thế gian này chẳng có thứ gì là của chính mình, quý vị phải thường nghĩ đến điều này, quý vị sẽ giác ngộ, mà cũng chẳng còn tạo tội nghiệp nữa!

Chính mình chẳng kiếm phiền phức cho chính mình, sau đấy, quý vị mới giác ngộ rằng: Hết thảy người trong thế gian và xuất thế gian cũng không có cách nào tạo phiền phức cho quý vị được, mà cũng chẳng có cách nào giúp đỡ quý vị. Tự mình giúp chính mình, mà tự mình cũng chướng ngại chính mình. Trong Phật pháp có câu "vô y đạo nhân", tức là không dựa dẫm, không ỷ lại, chuyện gì cũng cậy vào chính mình thì mới gọi là *"vô y đạo nhân"*!

Phật pháp dạy chúng ta phải tự mình nương tựa chính mình, chẳng dối người, đó là không mê tín, là chân thật vậy!

(Sớ) Kha thị viết: "Thủ ước nhi thí bác giả, thiện đạo dã".

(疏) 軻氏曰：守約而施博者，善道也。

*(**Sớ**: Mạnh Kha nói: "Tiết kiệm, nhưng bố thí rộng rãi, thì là thiện đạo").*

Đây là lời Mạnh Tử nói.

(Diễn) Thủ ước vị tu thân.

(演) 守約謂修身。

*(**Diễn**: "Thủ ước" nghĩa là tu thân).*

Tự mình phải khắc khổ, phải cần kiệm.

(Diễn) Thí bác vị thiên hạ bình.

(演) 施博謂天下平。

*(**Diễn**: "Bố thí rộng rãi" ý nói: thiên hạ yên bình).*

"Thí" (施) là bố thí, chịu hy sinh chính mình để giúp đỡ người khác, ai nấy đều có thể làm như vậy thì thiên hạ thái bình, thiên hạ mới đạt đến công bình. Người khác chưa thể làm, chứ chúng ta nhất định phải làm. Đối với hết thảy mọi người trong thiên hạ, chúng ta đều đối xử bằng tấm lòng bình đẳng, đối đãi bằng cái tâm công chánh. Giản ước là tu phước, cần kiệm là tu phước.

Dùng cái tâm công chánh, tâm công bình, tâm thanh tịnh để đối đãi hết thảy mọi người, đó gọi là Bố Thí.

Đấy là Bố Thí Ba La Mật trong Lục Độ, là thiện đạo, là đạo đạt tốt lành tột cùng, ở đây là nói tới "đạo thành Phật, đạo vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới". Nếu chúng ta nghe hiểu, thật sự hiểu rõ, từ hôm nay trở đi, hãy thực hiện đúng như thật, quý vị sẽ đạt được đạo thành Phật và đạo vãng sanh Tây Phương. Nếu chịu làm theo, chịu tu theo; sau đấy mới có thể thành đạo. Hôm nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến chỗ này.

Tập 25

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, trang ba mươi:

(Sớ) Vân hà tri tiên, diêu sanh bỉ quốc, cận sự Như Lai, như thị đại nguyện, thứ khả hy ký, đản đắc kiến Di Đà, hà sầu bất khai ngộ? Cố dĩ cầu nguyện vãng sanh vi tiên vụ chi cấp dã.

(疏)云何知先，繇生彼國，近事如來，如是大願，庶可希冀，但得見彌陀，何愁不開悟，故以求願往生為先務之急也。

*(**Sớ**: "Biết điều cần kíp trước hết" là như thế nào? Do sanh về cõi ấy, gần gũi phụng sự Như Lai, mới hòng thỏa đại nguyện như vậy. Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ? Vì thế, cầu nguyện vãng sanh là chuyện cấp bách phải lo toan trước hết).*

Vì sao gọi *"tri tiên"*? Lần khai thị này hết sức quan trọng, vì chúng ta ở trong thế giới này, đừng nói là chứng quả, ngay cả khai ngộ cũng khó lắm. Vì sao? Ngộ môn bị Nhị Chướng (Phiền Não Chướng, Sở Tri Chướng) và Nhị Chấp (Ngã Chấp, Pháp Chấp) ngăn lấp. Phiền Não Chướng không chỉ chướng ngại Niết Bàn mà còn chướng ngại Bồ Đề. Chướng ngại Bồ Đề tức là chướng ngại ngộ tánh và giác tánh của quý vị. Sở Tri Chướng chướng ngại Bồ Đề, mà cũng chướng ngại Niết Bàn. Niết Bàn là chứng quả, Bồ Đề là đại triệt đại ngộ. Hai thứ chướng ngại này chẳng dễ đoạn trừ. Chẳng trừ Nhị Chướng mà muốn khai ngộ, chẳng có cách nào hết! Ở đây, đại sư khuyến khích chúng ta phải *"tri tiên vụ chi cấp"* (biết chuyện nào là chuyện cần phải làm gấp trước hết): *"Vụ"* (務) là chuyện phải làm, chúng ta phải làm chuyện này trước hết, mà còn phải làm cho nhanh, chuyện gì vậy? Phát nguyện vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ.

Do vậy, hai chữ *"tri tiên"* rất quan trọng. *"Diêu sanh bỉ quốc, cận sự Như Lai"* (do sanh về cõi ấy, gần gũi, phụng sự Như Lai): Chúng ta chỉ mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Như Lai thì mới có hy vọng thật sự thực hiện trọn vẹn Tứ Hoằng Thệ Nguyện!

Đúng như cổ nhân đã nói: *"Đản đắc kiến Di Đà, hà sầu bất khai ngộ"* (Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ). Trong đoạn Diễn Nghĩa này, [pháp sư Cổ Đức] là đã dẫn lời Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, mấy câu kệ ấy hết sức nổi tiếng, bài kệ ấy được gọi là Tứ Liệu Giản.

(Diễn) Vĩnh Minh Tứ Liệu Giản vân: "Vô Thiền, vô Tịnh Độ, thiết sàng tịnh thiết ma, vạn kiếp dữ thiên sanh, một cá nhân y hỗ".

(演)永明四料簡云：無禪無淨土，鐵床并鐵磨，萬劫與千生，沒個人依怙。

*(**Diễn**: Bài Tứ Liệu Giản của tổ Vĩnh Minh có đoạn: "Không Thiền, không Tịnh Độ, giường sắt và cối sắt, không một ai nương tựa").*

Thiền lẫn Tịnh đều chẳng có, nếu quý vị tu những pháp môn khác, sợ rằng chẳng thể thành tựu! Nếu chẳng thể thành tựu, sẽ không có cách gì tránh khỏi tam ác đạo được!

(Diễn) Vô Thiền, hữu Tịnh Độ. Vạn tu, vạn nhân khứ, đản đắc kiến Di Đà, hà sầu bất khai ngộ?

(演)無禪有淨土，萬修萬人去，但得見彌陀，何愁不開悟。

*(**Diễn**: Không Thiền, có Tịnh Độ. Vạn tu, vạn người đến. Chỉ được thấy Di Đà, lo chi chẳng khai ngộ?)*

Chúng ta hãy nên để hết những chuyện chứng quả, khai ngộ bên Tây Phương Cực Lạc thế giới, hãy vãng sanh trước hết. Do vậy, nói: *"Cầu nguyện vãng sanh vi tiên vụ chi cấp"* (cầu nguyện vãng sanh là chuyện trước hết phải làm gấp). Chuyện trước hết phải làm gấp là như Mạnh Tử đã nói:

(Diễn) Mạnh Tử vân: "Tri giả, vô bất tri dã. Đương vụ chi vi cấp, Nghiêu Thuấn chi tri, nhi bất biến vật, cấp tiên vụ dã".

(演)孟子云：知者，無不知也，當務之為急。堯舜之知，而不遍物，急先務也。

*(**Diễn**: Mạnh Tử nói: "Biết tức là không gì chẳng biết. Nghiêu - Thuấn biết chuyện gấp rút phải làm, nhưng không thể làm hết mọi việc [cùng một lúc] được, nên lo liệu những chuyện cần làm gấp trước").*

"Tri" (知) là hiểu rõ hết thảy mọi thứ. *"Vụ"* (務) nói theo cách bây giờ là những chuyện phải làm. Chuyện khẩn yếu nhất trong những thứ phải làm thì gọi là *"đương vụ chi cấp"*. Trong kinh này, chuyện "cần phải

làm gấp" chính là cầu vãng sanh. Muốn cầu vãng sanh, niệm một câu Phật hiệu đến rốt ráo là được rồi, chuyện này quan trọng hơn bất cứ chuyện nào khác.

Tiếp theo đây, Tổ giảng chữ *"thủ ước"*. Trong phần trên, chúng ta đã hiểu nhiệm vụ cần làm gấp chính là phải cầu vãng sanh, làm như thế nào mới có thể thật sự đạt được mục đích vãng sanh? Vậy thì tiếp theo đây, chúng ta phải *"thủ ước"* (chọn lấy cách giản ước).

(Sớ) Vân hà thủ ước? Lương dĩ Quán tuy thập lục, ngôn Phật tiện châu. Phật tuy chí cực, duy tâm tức thị. Kim văn Phật danh, nhất tâm chấp trì, khả vị chí giản, chí dị, công bất phiền thi, nhi vạn pháp duy tâm, tâm thanh tịnh cố, hà sự bất biện?

(Diễn) "Quán tuy thập lục, ngôn Phật tiện châu" giả, Thập Lục Quán Kinh, đề viết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh giả, dĩ thập lục Quán pháp, bất xuất y, chánh, chủ, bạn.

(疏)云何守約，良以觀雖十六，言佛便周。佛雖至極，惟心即是。今聞佛名，一心執持，可謂至簡至易，功不繁施。而萬法惟心，心清淨故，何事不辦。

（演）觀雖十六，言佛便周者，十六觀經，題曰觀無量壽佛經者，以十六觀法，不出依正主伴。

*(**Sớ**: "Giữ lấy cách giản ước" là như thế nào? Ấy là vì tuy có mười sáu phép Quán, nhưng nói "Phật" là đã trọn đủ. Phật tuy là tột bậc, nhưng tâm chính là Phật. Nay nghe danh hiệu Phật, nhất tâm chấp trì, có thể nói là đơn giản nhất, dễ dàng nhất, thực hiện chẳng rắc rối gì; nhưng vạn pháp duy tâm, tâm đã thanh tịnh thì có chuyện gì mà chẳng hoàn tất được?*

***Diễn**: "Tuy có mười sáu phép Quán, nhưng nói tới Phật là đã trọn đủ": Tựa đề của Thập Lục Quán Kinh là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, vì mười sáu phép Quán chẳng ra ngoài y báo, chánh báo, chủ, bạn).*

Mười sáu phép Quán chẳng ra ngoài y báo và chánh báo của thế giới Cực Lạc. *"Chủ"* (主) là giáo chủ A Di Đà Phật, *"bạn"* (伴) là các vị thượng thiện nhân.

(Diễn) Phật thị chánh báo, cử chánh túc dĩ nhiếp y, nhật, địa, hàng thụ, bảo trì đẳ ng, vô bất nhiếp cố.

(演)佛是正報，舉正足以攝依。日、地、行樹、寶池等，無不攝故。

*(**Diễn**: Phật là chánh báo, nêu lên chánh báo là đủ để bao gồm y báo, [các phép Quán như] mặt trời, đất, hàng cây, ao báu v.v... không gì chẳng được bao gồm).*

Mọi thứ đều được bao gồm trong ấy.

(Diễn) Phật thị hóa chủ, cử chủ túc dĩ nhiếp bạn, Quán Âm, Thế Chí, nãi chí cửu phẩm vãng sanh, vô bất nhiếp cố.

(演)佛是化主，舉主足以攝伴。觀音、勢至，乃至九品往生，無不攝故。

*(**Diễn**: Phật là hóa chủ, nêu ra chủ đủ để gồm thâu bạn. Từ Quán Âm, Thế Chí cho đến chín phẩm vãng sanh, không gì chẳng thâu gồm).*

[Chủ và bạn] cũng đều được bao gồm.

(Diễn) Phật tuy chí cực, duy tâm tức thị giả.

(演) 佛雖至極，唯心即是者。

*(**Diễn**: Phật tuy là chí cực, nhưng tâm chính là Phật).*

"Chí cực" là đạt đến địa vị cao tột.

(Diễn) Phật tuy thị vạn đức quả nhân.

(演) 佛雖是萬德果人。

*(**Diễn**: Phật tuy là bậc đắc quả vị vạn đức).*

Phật là bậc đã chứng quả, chứng được quả vị rốt ráo, nói theo Lý thì...

(Diễn) Thật bất ly đương nhân hiện kim nhất niệm, dĩ tâm ngoại mịch Phật, tức tà ma cố.

(演) 實不離當人現今一念。以心外覓佛，即邪魔故。

*(**Diễn**: Nhưng thật sự chẳng lìa nhất niệm hiện tiền của hành giả, vì tìm Phật ngoài tâm sẽ chính là tà ma).*

Như vậy là sẽ biến thành ma, ma là gì? Ma là thử thách, chướng ngại, ngăn trở quý vị chứng đắc nhất tâm. Bất đắc dĩ phải nói danh từ "nhất tâm", cho nên tôi khuyên quý vị đừng chấp vào tướng ngôn thuyết, chớ nên chấp trước tướng danh tự thì quý vị mới có thể chứng đắc. Nếu quý vị chấp tướng ngôn thuyết, danh tự, sẽ bị ma dựa. Phật là chân tâm của chính mình, chân tâm là *"hiện kim nhất niệm"* (nhất niệm hiện tiền). Hiện thời, ý niệm của chúng ta hết sức tạp, rất nhiều tạp niệm đều từ nhất niệm sanh ra. Nhất niệm là căn bản, nhất niệm là chân thật; nhị niệm, tam niệm là vọng tưởng, chẳng chân thật. Nếu có thể bỏ được nhị niệm lẫn tam niệm, khôi phục nhất niệm, chân tâm sẽ hiện tiền.

(Diễn) Chí giản, chí dị giả, nhất tâm chấp trì, chí giản nhi bất phiền, chí dị nhi bất nan, thử thủ ước dã.

(演)至簡至易者，一心執持，至簡而不繁，至易而不難，此守約也。

*(**Diễn**: "Đơn giản nhất, dễ dàng nhất": Nhất tâm chấp trì, đơn giản nhất, chẳng rắc rối, dễ dàng nhất, chẳng khó khăn, đây là giữ lấy cách giản ước vậy).*

"Thủ ước" (giữ lấy cách hành trì đơn giản) là nhất tâm chấp trì danh hiệu. Nhất tâm là gì? Nói đơn giản, hiện tại chúng ta chẳng khởi lên ý niệm thì thôi! Hễ một ý niệm vừa khởi lên, bèn một câu A Di Đà Phật, đấy gọi là *"nhất tâm chấp trì danh hiệu"*. Ngàn vạn phần đừng chuyển thành ý niệm nào khác, chuyển thành ý niệm khác là sai! Do vậy, phương pháp này đơn giản, dễ dàng, quyết định thành tựu, tùy thuộc chúng ta trong mười hai thời có chịu làm hay không? Đối với hết thảy pháp, bất luận là pháp thế gian hay Phật pháp, người tu Tịnh Độ tùy phận tu học. *"Tùy phận"* là tùy duyên, tùy phận chẳng miễn cưỡng tí nào! Chúng ta học rất tự tại, vì sao phải học theo cách này? [Phải học như vậy] thì quý vị mới giữ được nhất tâm để chấp trì danh hiệu; hiểu pháp này là trọng yếu nhất, cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ là hành pháp duy nhất.

Những thứ thuộc về Tông Môn và Giáo Hạ ta hiểu, rất tốt! Không hiểu cũng chẳng sao cả, tạm thời chẳng mong hiểu. Vĩnh Minh đại sư dạy: *"Chỉ được thấy Di Đà, lo chi chẳng khai ngộ?"* Những thứ thuộc về Tông Môn, Giáo Hạ khi ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ thưa hỏi A Di Đà Phật, đấy là tự tại! Cớ gì cứ phải truy cầu không ngừng trong hiện tại, [vì truy cầu sẽ] chướng ngại sự nhất tâm của chính mình, phá hoại chánh niệm của chính mình, kết quả sẽ ra sao? Đôi đằng đều lỡ làng, chẳng

khai ngộ, lại chẳng thể vãng sanh, đấy mới là đáng tiếc! Do vậy, phải tùy phận.

Còn một phương thức nữa. Ví như đối với kinh này, trong quá khứ, tôi học giảng kinh đã có kinh nghiệm như sau: Khi chuẩn bị bài giảng, hễ đọc đoạn kinh văn nào giảng không được, tôi bèn tìm tài liệu tham khảo để đọc, mà [đọc rồi] cũng chẳng hiểu. Nếu quý vị khổ sở suy nghĩ, tra cứu, sợ rằng đầu óc sẽ rối tung, làm cách nào đây? Buông xuống hết mọi thứ, điều gì cũng chẳng nghĩ tới nữa! Niệm Phật, lạy Phật, niệm một hai tiếng đồng hồ, tâm niệm rất yên tĩnh; lễ Phật một hai trăm lạy, đột nhiên những ý nghĩa ấy hiện tiền, liền hiểu được ý nghĩa. Mỗi người phát tâm giảng kinh đều có kinh nghiệm này. *"Tịnh cực quang thông đạt"*, tức là tâm thanh tịnh đã đến mức cùng cực, thần lực của Tam Bảo gia trì, đột nhiên thông suốt ý nghĩa ấy! Do đây có thể biết: Nhất tâm chấp trì hết sức trọng yếu!

(Diễn) Vạn pháp duy tâm giả, cổ vân: "Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức". Hựu vân: "Ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo".

(演)萬法唯心者，古云：三界唯心，萬法唯識。又云：應觀法界性，一切唯心造。

*(**Diễn**: "Vạn pháp duy tâm": Cổ nhân nói: "Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức". Lại nói: "Hãy nên quán tánh của pháp giới, hết thảy đều do tâm tạo").*

Kinh Hoa Nghiêm nói như vậy đó.

(Diễn) Tâm thanh tịnh cố, hà sự bất biện giả, ký đắc kỳ bổn, bất sầu kỳ mạt dã.

(演) 心清淨故，何事不辦者。既得其本，不愁其末也

*(**Diễn**: "Tâm thanh tịnh thì có chuyện gì mà chẳng hoàn tất": Đã đạt được cái gốc, lo chi cái ngọn?)*

"Bổn" (本) là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh hiện tiền, pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều thông đạt chẳng khó khăn gì.

(Diễn) Hạ văn lục cú, chánh thích thử cú chi nghĩa.

(演) 下文六句，正釋此句之義。

*(**Diễn**: Sáu câu dưới đây nhằm giải thích ý nghĩa của câu này).*

Sáu câu nào vậy?

(Sớ) Sát-na vận tưởng, y chánh uyển nhiên, cử niệm dục sanh, tiện đăng bỉ quốc, thị tắc nan thành chi Quán, bất tập nhi thành.

(Diễn) Vận tưởng uyển nhiên giả, vị tam-muội ký thành, tưởng hàng thụ tắc hàng thụ minh, tưởng bảo trì tắc bảo trì hiện, tưởng Bồ Tát tắc Bồ Tát tại tiền, tưởng Như Lai tắc Như Lai uyển nhĩ, dĩ tam-muội tâm trung tùy tâm hiện tướng cố.

(疏)剎那運想，依正宛然，舉念欲生，便登彼國，是則難成之觀，不習而成。

(演)運想宛然者，謂三昧既成，想行樹則行樹明，想寶池則寶池現，想菩薩則菩薩在前，想如來則如來宛爾，以三昧心中隨心現相故。

*(**Sớ**: Quán tưởng trong khoảng một sát-na, y báo và chánh báo rành rành. Dấy ý niệm muốn vãng sanh, liền lên cõi kia. Đây là phép Quán khó thành, chẳng tu tập mà được thành tựu.*

***Diễn**: "Quán tưởng rành rành" là tam-muội đã thành thì tưởng hàng cây, hàng cây bèn rõ rệt, tưởng ao báu, ao báu bèn hiện, tưởng Bồ Tát, Bồ Tát liền ở trước mặt, tưởng Như Lai thì Như Lai rành rành như vậy. Đó là vì trong tâm tam-muội có thể tùy ý hiện tướng).*

Ý nghĩa này rất dễ hiểu!

(Diễn) Cử niệm tiện đăng giả, Giải Thoát trưởng giả ngôn: "Ngã dục kiến A Di Đà Phật, tùy ý tức kiến", thị dã.

(演)舉念便登者，解脫長者言，我欲見阿彌陀佛，隨意即見，是也。

*(**Diễn**: "Khởi niệm liền đạt lên": Trưởng giả Giải Thoát[70] nói: "Tôi muốn thấy A Di Đà Phật, tùy ý liền thấy" là nói về ý này).*

---

[70] Trưởng giả Giải Thoát là vị thiện tri thức thứ năm trong năm mươi ba vị thiện tri thức được Thiện Tài đồng tử tham phỏng. Môn giải thoát của vị thiện tri thức này có tên là Như Lai Vô Ngại Trang Nghiêm Giải Thoát Môn, có thể tùy ý thấy mười phương chư Phật Như Lai.

Chúng ta đọc thấy điều này trong kinh Hoa Nghiêm. Công phu ấy do niệm Phật mà có. Chỉ cần nhất tâm niệm Phật, niệm đến công phu thành phiến, cảnh giới ấy hiện tiền. Công phu thành phiến có ba bậc, chín phẩm; công phu [thành phiến] thượng thừa sẽ đạt đến cảnh giới này. Ở đây nói là *"tam-muội ký thành"* (tam-muội đã thành tựu), tiêu chuẩn là Sự nhất tâm bất loạn, nhưng công phu thành phiến thượng thừa đã rất gần với nhất tâm, cảnh giới ấy bèn hiện tiền. Sau đấy, chính quý vị mới thật sự chứng đắc *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*, dùng chuyện này để chứng minh. Khi nào muốn thấy Phật, chỉ cần tâm vừa khởi niệm, Phật bèn hiện tiền. Muốn thấy các Bồ Tát, ý niệm vừa dấy, Bồ Tát liền hiện tiền. Đấy chẳng phải là vọng tưởng, mà là chân thật, vì sao chẳng phải là vọng tưởng? Vì quý vị chẳng dùng vọng tâm. Vọng tưởng thì nhất định là dùng tâm ý thức, tức là dùng vọng tâm, còn ở đây là dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Chân tâm hiện ra cảnh giới chân thật, vọng tâm hiện ra cảnh giới hư vọng. Do vậy, ở đây chẳng phải là khởi vọng tưởng.

Điều này nói rõ: Quý vị dùng phương pháp nhất tâm chấp trì danh hiệu, sẽ có thể thành tựu cảnh giới giống hệt như trong Thập Lục Quán Kinh. Chỉ cần quý vị niệm đến nhất tâm, cảnh giới trong Thập Lục Quán Kinh sẽ chẳng tu mà tự nhiên hiện tiền. Nếu dùng phương pháp trong Thập Lục Quán Kinh để tu hành, sẽ khá khó khăn, rất khó thành tựu. Chúng ta nhất định phải ghi nhớ kỹ càng điều này.

(Sớ) Cố dĩ trì danh niệm Phật, sở thủ vưu vi yếu ước dã.

(疏) 故以持名念佛，所守尤為要約也。

*(**Sớ**: Vì vậy, lấy trì danh niệm Phật [làm phương pháp tu hành], thì sự chọn lựa càng thật là tinh yếu, giản ước).*

Ở đây, *"cố"* (故) là lời tổng kết, chúng ta hiểu rõ ràng như thế này: Trong tất cả các pháp môn, Trì Danh Niệm Phật là hành môn đơn giản nhất, dễ dàng nhất, giản ước nhất. Tuy dễ dàng, nhưng thành công cao lắm!

(Sớ) Thiên Như vị: "Đại thánh bi lân, trực khuyến chuyên trì danh hiệu" thị dã.

(疏) 天如謂大聖悲憐，直勸專持名號是也。

*(**Sớ**: Ngài Thiên Như nói: "Đại thánh bi mẫn, khuyên thẳng thừng hãy nên trì danh" chính là nói tới điều này).*

Thiên Như[71] là đức hiệu của một vị pháp sư, Ngài cũng là một vị cổ đại đức.

(Diễn) Đại thánh bi lân giả, Thiên Như vân: "Quán pháp lý vi, chúng sanh tâm tạp. Tạp tâm tu quán, quán tưởng nan thành. Đại thánh bi lân, trực khuyến chuyên trì danh hiệu".

(演)大聖悲憐者，天如云：觀法理微，眾生心雜，雜心修觀觀想難成，大聖悲憐，直勸專持名號。

*(**Diễn**: "Đại thánh bi lân": Ngài Thiên Như nói: "Quán pháp, lý vi diệu, tâm chúng sanh tạp loạn. Tạp tâm mà tu quán, quán tưởng sẽ khó thành tựu. Đại thánh thương xót, khuyên thẳng thừng hãy nên chuyên trì danh hiệu").*

Đây là sự thật. *"Đại thánh bi lân"*: Chữ *"đại thánh"* chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật, đặc biệt từ bi, thương xót chúng sanh. Nếu chúng ta dốc sức nơi phép quán tưởng sẽ chẳng thể thành tựu, chẳng bằng chuyên trì danh hiệu. Do vậy, bản kinh này *"khuyên thẳng thừng hãy chuyên trì danh hiệu"* là do ý nghĩa này. Tiếp theo đây, [sách Sớ Sao] nói về công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của danh hiệu ấy.

(Sớ) Cử danh giả, Phật hữu vô lượng đức, kim đản tứ tự danh hiệu, túc dĩ cai chi.

(疏) 舉名者，佛有無量德，今但四字名號足以該之。

*(**Sớ**: "Nêu lên danh hiệu": Phật có vô lượng đức, nay chỉ dùng danh hiệu gồm bốn chữ đã đủ để bao gồm trọn hết).*

Bốn chữ A Di Đà Phật có nghĩa là Vô Lượng Giác, quả thật vô lượng trí huệ, đức năng đều được bao gồm trong bốn chữ này, cũng có thể nói là mười phương ba đời hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều được bao gồm

[71] Ngài Thiên Như sống vào đời Nguyên, pháp danh là Duy Tắc (1276-1357), pháp hiệu Thiên Như, họ Đàm, người huyện Lô Lăng. Sư xuất gia từ nhỏ tại Hòa Sơn, về sau, qua núi Bắc Thiên Mục theo học với ngài Trung Phong Minh Bổn và đắc pháp nơi Ngài, trụ tại chùa Sư Tử Lâm ở Cô Tô. Sư soạn bộ Lăng Nghiêm Hội Giải rất nổi tiếng. Ngài chuyên hoằng truyền Lăng Nghiêm, nhưng cũng giống như thầy Ngài là thiền sư Trung Phong, tuy cực lực hoằng dương Thiền Pháp, nhưng chuyên tu Tịnh Độ. Ngoài bộ Tịnh Độ Hoặc Vấn và Hội Giải, Sư còn có những tác phẩm nổi tiếng khác như Lăng Nghiêm Kinh Viên Thông Sớ, Thập Pháp Giới Đồ Thuyết, Thiên Như Duy Tắc Thiền Sư Ngữ Lục v.v...

trong ấy, chẳng sót một vị nào! Do vậy, mới được gọi là Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật. Tiếp theo đó, sách giải thích...

(Sớ) Dĩ Di Đà tức thị toàn thể nhất tâm, tâm bao chúng đức, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Bổn Giác, Thỉ Giác, Chân Như, Phật Tánh, Bồ Đề, Niết Bàn, bách thiên vạn danh, giai thử nhất danh nhiếp vô bất tận.

(疏)以彌陀即是全體一心，心包眾德，常樂我淨，本覺始覺，真如佛性，菩提涅槃，百千萬名，皆此一名攝無不盡。

*(**Sớ**: Do Di Đà chính là toàn thể nhất tâm, tâm bao gồm các đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Bổn Giác, Thỉ Giác, Chân Như, Phật Tánh, Bồ Đề, Niết Bàn, trăm ngàn vạn danh hiệu đều được một danh hiệu này gồm thâu, không gì chẳng trọn hết).*

Đây là nói đến nội hàm[72] của một câu danh hiệu, nó bao gồm những ý nghĩa này. Nếu quý vị đọc [lời chú giải cho] mấy câu này trong sách Diễn Nghĩa, thì [những lời chú giải ấy] cũng là giảng những điều quan trọng trong đoạn này. Trước hết, chúng ta nhất định phải hiểu rõ: Danh hiệu này chính là toàn thể nhất tâm của chính mình, là bổn lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra. Đây là nói theo phương diện mỗi cá nhân, [danh hiệu ấy] chính là chính mình. Nếu mở rộng phạm vi để nói, danh hiệu ấy là toàn thể pháp giới, vì sao vậy? Vì y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là vật được biến hiện bởi nhất tâm của chính mình. Chính mình là một tiểu pháp giới, bên ngoài là đại pháp giới. Lớn - nhỏ chẳng hai, Tự - Tha hệt như một; do vậy, một câu danh hiệu này là danh xưng chung của toàn thể pháp giới.

(Diễn) Di Đà tức thị toàn thể nhất tâm, hữu nhị nghĩa: Nhất giả, A Di Đà Phật tức thị toàn thể nhất tâm, dĩ Phật phục bổn nguyên cứu cánh giác thể.

(演) 彌陀即是全體一心有二義：一者，阿彌陀佛即是全體一心，以佛復本源究竟覺體。

[72] Nội hàm (intension, connotation): Những ý nghĩa đặc trưng hoặc phẩm chất được chứa đựng trong một từ ngữ.

*(**Diễn**: "Di Đà là toàn thể nhất tâm" có hai nghĩa: Một, A Di Đà Phật chính là toàn thể nhất tâm, vì Phật đã khôi phục cội nguồn giác thể rốt ráo).*

"Phục" (復) là khôi phục. Thành Phật là gì? Thành Phật không có gì khác ngoài khôi phục cội nguồn giác thể rốt ráo, chỉ là như vậy mà thôi! Nếu nay chúng ta tự mình cũng có thể tự khôi phục cội nguồn giác thể rốt ráo thì gọi là Phật. Chưa thể khôi phục rốt ráo thì là Bồ Tát. Hoàn toàn mê hoặc điên đảo thì là phàm phu.

(Diễn) Cố Khởi Tín vân: "Ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới, vô sở bất biến, pháp giới nhất tướng, tức thị Như Lai bình đẳng Pháp Thân".

(演)故起信云：離念相者，等虛空界，無所不遍，法界一相，即是如來平等法身。

*(**Diễn**: Vì vậy, Khởi Tín Luận chép: "Lìa niệm tướng, giống như hư không giới, không đâu chẳng trọn khắp. Pháp giới một tướng chính là Pháp Thân bình đẳng của Như Lai").*

"Khởi Tín vân": Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát bảo chúng ta, *"ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới"*, đấy là nói về tự tâm của chính quý vị. Nếu tâm của quý vị thanh tịnh, tâm ấy sẽ bằng với hư không pháp giới, to như nhau, thanh tịnh như nhau, chẳng thể nghĩ bàn như nhau. Nếu trong tâm quý vị có ý niệm, hễ có ý niệm là chẳng được rồi, tâm lượng sẽ rất nhỏ, chẳng thể bằng hư không, pháp giới. *"Niệm"* là gì? *"Bất giác niệm khởi, nhi hữu vô minh"* (bất giác dấy niệm bèn có vô minh). Niệm gọi là vô minh, niệm ấy là "phân biệt, chấp trước, vọng tưởng" như trong kinh Phật thường nói; khởi lên những ý niệm ấy. Niệm ấy cũng được các nhà Duy Thức gọi là *"tâm ý thức"*, thức thứ sáu, tức Ý Thức, phân biệt; thức thứ bảy, là Mạt Na, chấp trước. Thức thứ tám lưu giữ chủng tử của ấn tượng, khiến cho cái tâm của ta vốn bằng với hư không pháp giới, mà nay ta tự mình vạch ra rất nhiều giới hạn. Nói theo Lý, những giới hạn ấy là hư vọng, chẳng chân thật. Tuy là hư vọng, chúng khởi tác dụng. Tác dụng ấy chướng ngại toàn thể đại dụng của quý vị, biến hiện thành luân hồi trong sáu đường, ở trong ấy, gánh chịu những tai nạn chẳng hư vọng. Phật pháp dạy chúng ta khôi phục cội nguồn giác thể rốt ráo. Do vậy, nói cho chúng ta biết chân tướng sự thật này, mong chúng ta giác ngộ, mong chúng ta sẽ lìa hết thảy phân biệt, chấp trước. Khởi Tín Luận nói hết sức

cụ thể, *"lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên"*. Lìa tướng ngôn thuyết là không phân biệt, lìa tướng danh tự là không chấp trước, lìa tướng tâm duyên là lìa hết thảy vọng tưởng. Giác tánh ấy cũng là chân tâm, hợp thành một với toàn thể pháp giới. *"Vô sở bất biến, pháp giới nhất tướng"* (không đâu chẳng trọn khắp, pháp giới nhất tướng), kinh Hoa Nghiêm gọi nó là Nhất Chân pháp giới, trong Tịnh Độ gọi là cõi Thật Báo, cõi Tịch Quang, vì nó vốn là một tướng. Do vậy, ắt phải đắc nhất tâm thì mới có thể chứng đắc, đấy là *"Như Lai bình đẳng Pháp Thân"*. Trong kinh điển, chúng ta thường đọc thấy: *"Chư Phật Như Lai chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh"*.

(Diễn) Phù pháp giới nhất tướng, thị ly niệm chi tâm thể dã.

(演) 夫法界一相，是離念之心體也。

*(**Diễn**: Pháp giới nhất tướng là tâm thể ly niệm).*

Do đây, chúng ta có thể biết: Bản thể của chân tâm chúng ta vốn là pháp giới. Pháp giới là tổng tướng của nhất tâm. Lìa khỏi hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, thì tâm ấy là pháp giới. Không chỉ là pháp giới mà còn là...

(Diễn) Nhi tức thị Như Lai, tắc Như Lai khởi bất thị toàn thể nhất tâm?

(演) 而即是如來，則如來豈不是全體一心。

*(**Diễn**: Mà còn chính là Như Lai, vậy thì Như Lai há chẳng phải là toàn thể nhất tâm ư?)*

Đây là ý nghĩa thứ nhất, giải thích A Di Đà Phật là toàn thể nhất tâm, là Nhất Chân pháp giới.

(Diễn) Nhị giả, A Di Đà Phật tứ tự, tức thị toàn thể nhất tâm.

(演) 二者，阿彌陀佛四字，即是全體一心。

*(**Diễn**: Hai, bốn chữ A Di Đà Phật chính là toàn thể nhất tâm).*

Bốn chữ này thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Nếu quý vị hoàn toàn thông đạt đoạn này, quý vị mới thật sự hiểu rõ bốn chữ danh hiệu A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị mới thật sự phát tâm "nhất tâm chấp trì", mà cũng là chẳng thể buông lung. Bốn chữ A Di Đà Phật là toàn thể nhất tâm.

(Diễn) Thử tứ tự tại ngã tâm trung, minh minh, lịch lịch.
(演) 此四字在我心中，明明歷歷。
*(**Diễn**: Bốn chữ này sáng ngời vằng vặc trong tâm ta).*

"Minh minh, lịch lịch" nói theo cách bây giờ là "sáng sủa, rõ ràng".

(Diễn) Huýnh nhiên độc chiếu.
(演) 迥然獨照。
*(**Diễn**: Riêng chiếu rạng ngời).*

Dùng danh hiệu Phật, danh hiệu Phật là chân tâm của chính mình, tức là toàn thể pháp giới. Quý vị hãy nghĩ xem: Bốn chữ này có sai khác gì với *"tam mật tương ứng"* như trong Mật Tông đã nói hay chăng? Miệng trì chú, tay kết ấn, ý quán tưởng là *"tam mật tương ứng"*. Nay chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật, [trong khi giảng] Tâm Kinh, tôi đã thưa với quý vị, câu A Di Đà Phật này là *"đại thần chú, đại minh chú, chú vô thượng, chú không gì có thể sánh bằng"*. Niệm câu danh hiệu này là trì chú, so ra còn cao minh hơn trì chú trong Mật Tông nhiều lắm! Quý vị ngàn vạn phần đừng nghĩ: Ta phải trì chú này, chú nọ, thứ gì cũng đều chẳng dùng tới. Có chú nào linh nghiệm hơn chú (Phật hiệu) này? Chú nào cũng chẳng giản yếu bằng chú này! Quý vị niệm câu danh hiệu này, dùng phương cách quán tưởng như thế nào? Quý vị hãy nghĩ đến ý nghĩa ở chỗ này, đấy chính là quán tưởng thù thắng nhất. Tay kết ấn, chắp tay, hay buông tay đều nhằm ý nghĩa sau đây: Khi chắp tay biểu lộ sự nhất tâm, khi buông tay biểu thị pháp giới.

(Diễn) Tứ tự chi ngoại vô ngã tâm, ngã tâm chi ngoại vô tứ tự, khởi bất thị toàn thể nhất tâm.
(演)四字之外無我心，我心之外無四字，豈不是全體一心。
*(**Diễn**: Ngoài bốn chữ chẳng có tâm ta, ngoài tâm ta chẳng có bốn chữ, há chẳng phải là toàn thể nhất tâm ư?)*

Câu này là nói hết sức minh bạch. Ý nghĩa tiếp theo đây càng viên mãn hơn nữa!

(Diễn) Hựu phục chân niệm Phật giả, duy sắc, duy tâm, duy quán, duy cảnh.

(演) 又復真念佛者，唯色唯心，唯觀唯境。

*(**Diễn**: Lại nữa, thật sự niệm Phật là sắc, là tâm, là quán, là cảnh).*

Tôi vừa mới nêu tỷ dụ về sự trì chú trong Mật Tông, quý vị thấy có đúng như vậy hay không? Do vậy, câu danh hiệu này chẳng dễ dàng niệm đâu nhé! Nhất định phải biết niệm. Biết niệm sẽ thành tựu nhanh chóng. Không biết niệm thì niệm suốt đời cũng chẳng có tin tức gì. Chỉ có nhất tâm trì danh từng tiếng tương ứng với quán cảnh thì mới có công năng chế phục phiền não, đoạn phiền não, mới có thể phá vô minh, chứng Pháp Thân. Do vậy, trong phần trước, tôi đã nhắc quý vị: Mỗi tiếng niệm Phật đều phải đầy đủ Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương, tôi lại nhắc thêm quý vị: Mỗi tiếng niệm câu danh hiệu này trọn đủ lục độ, vạn hạnh, chẳng giả tí nào, vì nó là toàn thể nhất tâm.

(Diễn) Nhất danh, nhất tự, vô phi Thật Tướng, khởi bất tức thị toàn thể nhất tâm?

(演) 一名一字，無非實相，豈不即是全體一心。

*(**Diễn**: Mỗi danh hiệu, mỗi chữ, không gì chẳng phải là Thật Tướng, há chẳng phải là toàn thể nhất tâm ư?)*

Ở đây đại sư nói ra hai ý nghĩa của *"A Di Đà Phật chính là toàn thể nhất tâm"*.

(Diễn) Tâm bao chúng đức giả.

(演) 心包眾德者。

*(**Diễn**: Tâm bao gồm các đức là...)*

Chữ *"tâm"* này là toàn thể nhất tâm được nói tới trong phần trên, vô lượng vô biên đức năng đều được bao gồm trong ấy. Ở đây nhắc đến nhiều danh từ Phật học, có những danh từ được chú giải đơn giản; đối với người mới học Phật thì những danh từ này rất quan trọng, đặc biệt là đối với những đồng học muốn học giảng kinh. Ở đây, đại sư dùng những câu chữ rất đơn giản để chú giải những danh tướng này, đúng là chú giải đơn giản, trọng yếu, tường tận, rõ ràng. Xin xem đoạn văn sau đây:

(Diễn) Dĩ Chân Như thể trung, cụ túc vô lậu tánh công đức cố.

(演) 以真如體中，具足無漏性功德故。

*(**Diễn**: Do trong cái Thể của Chân Như có đủ các công đức của tánh vô lậu).*

"Vô lậu tánh" chính là chân tánh, tức là Chân Như bổn tánh; trong bổn tánh có đầy đủ vô lượng vô biên công đức.

(Diễn) Thử tâm bất vị tam tế thiên lưu viết Thường.

(演) 此心不為三際遷流曰常。

*(**Diễn**: Trong ba đời, tâm này chẳng bị dời đổi, nên gọi là Thường).*

Trước hết, [sách Diễn Nghĩa] giảng bốn tịnh đức *"Thường, Lạc, Ngã, Tịnh"*. *"Thường"* là gì? *"Tam tế"* là quá khứ, hiện tại, vị lai. Nói cách khác, đó là thời gian, chẳng bị biến đổi theo thời gian, vĩnh viễn là như vậy, vĩnh viễn chẳng bị thay đổi, nên gọi là Thường.

(Diễn) Bất vị nhị tử bức bách viết Lạc.

(演) 不為二死逼迫曰樂。

*(**Diễn**: Chẳng bị hai thứ chết bức bách nên gọi là Lạc).*

Phần Đoạn Sanh Tử của phàm phu trong lục đạo và Biến Dịch Sanh Tử của Nhị Thừa, Bồ Tát chẳng liên can gì với chân tánh. Nói cách khác, chẳng liên quan gì đến nhất tâm. Chỉ cần quý vị đạt được nhất tâm sẽ chẳng có sanh tử. Nhị tâm bèn có sanh tử, nhất tâm không có sanh tử. Do vậy, bảo quý vị nhất tâm chấp trì danh hiệu để có thể liễu sanh tử, thoát tam giới, chứ nhị tâm thì sẽ trôi nổi trong tam giới. Nhất tâm vượt thoát tam giới, vượt khỏi thời gian lẫn không gian. Hiện thời, có những nhà khoa học và triết gia Tây Phương đang suy đoán: Không gian vũ trụ chẳng phải chỉ là không gian ba chiều hay bốn chiều, rất có thể là vô hạn chiều. Cách suy đoán này khá phù hợp với những gì Phật giáo nói. Những khoa học gia ấy từ đầu đến cuối vẫn suy tính làm thế nào để đột phá không gian ba chiều, tiến nhập không gian bốn chiều, hoặc đột phá không gian bốn chiều để tiến nhập không gian có nhiều chiều hơn. Có như vậy thì mới có thể đến được vị lai, mà cũng có thể quay về quá khứ. Phật pháp đã sớm có phương pháp, những nhà khoa học ấy rất thông minh, rất đáng tiếc họ chẳng có duyên phận gặp được Phật pháp. Nếu họ gặp được Phật pháp,

tôi nghĩ họ nhất định chứng quả trong một đời, nhất định khai ngộ. Phật pháp dùng phương pháp gì để đột phá không gian ba chiều và không gian bốn chiều? Dùng nhất tâm, nhất tâm sẽ đột phá được, mới có thể thật sự thấy được bổn lai diện mục của vũ trụ vạn hữu.

(Diễn) Cụ bát tự tại viết Ngã.
(演) 具八自在曰我。
*(**Diễn**: Có đủ tám điều tự tại thì gọi là Ngã).*

"Bát tự tại" là điều được nói tới trong kinh, nhưng có phải là tự tại chỉ giới hạn trong tám thứ mà thôi? Không phải! Tám thứ tự tại chỉ là liệt kê đại lược mà thôi. Do thời gian hạn chế, không cần phải kể từng điều. Ví như tự do, nay chúng ta có được hưởng tự do hay chăng? Trong hết thảy cảnh giới chẳng thể thuận theo lòng muốn, đấy là chẳng tự tại. Có ai trong chúng ta chẳng hy vọng chính mình sống mãi chẳng già? Mỗi ngày một già suy hơn, đấy là chẳng tự tại. Vì sao chúng ta không được tự tại? Đó là vì chúng ta có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, tam tâm, nhị ý, xử sự bằng loạn tâm. Vì vậy, vốn là tự tại, tự tại là giải thoát; nói theo cách bây giờ, giải thoát là tự do tự tại, bị mất sạch rồi! Cũng nhờ nhất tâm mà [giải thoát được] khôi phục. Vì vậy, tâm càng thanh tịnh, quý vị càng tự tại. Tâm chẳng thanh tịnh mà mong tự tại sẽ là chuyện không thể nào xảy ra được!

(Diễn) Ly ngũ trụ ô nhiễm viết Tịnh.
(演) 離五住污染曰淨。
*(**Diễn**: Lìa ngũ trụ ô nhiễm thì gọi là Tịnh).*

Đây là nói tới Ngũ Trụ Địa vô minh[73], tức là nói về căn bản sanh tử của tam giới lục đạo. Nó cũng chính là Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, căn bản vô minh như chúng ta thường nói. Quý vị đoạn sạch những thứ này thì gọi là Tịnh. Đây là giới thiệu Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; trong Phật pháp, chúng được gọi là Tứ Tịnh Đức, là những thứ vốn sẵn có trong

[73] Ngũ Trụ Địa Vô Minh (còn gọi là Vô Minh Trụ Địa) chính là món thứ năm trong năm món phiền não thuộc Ngũ Trụ Địa (Kiến Nhất Xứ Trụ Địa, Dục Ái Trụ Địa, Sắc Ái Trụ Địa, Hữu Ái Trụ Địa và Vô Minh Trụ Địa). Ngũ Trụ Địa vô minh chính là hết thảy vô minh trong tam giới. Nói cách khác, nó là căn nguyên của hết thảy phiền não, là cái nhân của Biến Dịch sanh tử.

nhất tâm của chúng ta. Có thể thấy rằng: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh là có, chứ chẳng phải không có, nhưng khi mê, chúng đều mất sạch, toàn bộ bốn thứ cảnh giới Thường, Lạc, Ngã, Tịnh không còn nữa. Mê là gì? Nhị tâm là mê; nhất tâm là ngộ. Chỉ cần quý vị niệm đến mức nhất tâm bất loạn, bốn thứ thanh tịnh đức ấy sẽ được khôi phục. Pháp Thân có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, trong Bát Nhã có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, trong Giải Thoát cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Mấy câu dưới đây đều trích từ Đại Thừa Khởi Tín Luận.

(Diễn) Bổn lai diệu minh viết Bổn Giác.

(演) 本來妙明曰本覺。

*(**Diễn**: Vốn sẵn diệu minh gọi là Bổn Giác).*

"Bổn Giác" là giác tánh vốn sẵn có trong cái tâm thanh tịnh của chúng ta, chẳng phải do bên ngoài mà có, có bị mất đi hay chăng? Chẳng bị mất! Mỗi người đều sử dụng nó hằng ngày, tuy sử dụng nó mà chính mình chẳng nhận biết. Đó là mê. Mắt chúng ta thấy sắc, cổ đại đức thường nói: "Khi mắt thấy lần thứ nhất là giác tánh thấy", vì sao? Khi mắt tiếp xúc để nhìn lần thứ nhất, quý vị còn chưa vướng mắc tâm ý thức, còn chưa sử dụng phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, những thứ ấy đều chưa dấy lên. Tròng mắt vừa mở ra nhìn cảnh giới bên ngoài đó là nhìn bằng tánh Thấy, đấy là nhất tâm; nhưng tốc độ rất nhanh, chẳng biết nhanh hơn dòng điện bao nhiêu ức vạn lần, ý niệm thứ hai liền mê, khởi phân biệt, chấp trước. Do đây có thể biết: Chư Phật, Bồ Tát từ đầu đến cuối có thể giữ được cái nhìn thứ nhất, giữ cho nó chẳng biến đổi, nên gọi là chư Phật Như Lai. Ý niệm thứ hai liền biến đổi, gọi là phàm phu. Nếu quý vị hỏi: "Vô minh do đâu mà có?" Chính quý vị hãy nên biết: Vô minh là vô thỉ, không có bắt đầu, mà là quý vị đang mê trong mỗi niệm, chứ không phải là do vô minh khởi lên trong quá khứ, khiến cho hiện tại phải ở trong cảnh giới mê. Không phải vậy! Niệm niệm đều mê. Chư Phật, Bồ Tát niệm niệm đều giác, khác nhau ở chỗ này!

(Diễn) Phương thỉ xuất triền viết Thỉ Giác.

(演) 方始出纏曰始覺。

*(**Diễn**: Vừa mới thoát khỏi trói buộc gọi là Thỉ Giác).*

"Thỉ Giác" là nói đến địa vị trong tu hành, tức địa vị Bồ Tát. Từ Sơ Phát tâm cho đến thành Phật đều gọi chung là Thỉ Giác. Vì sao? Mỗi ngày

đều có sự giác ngộ mới. Do vậy, khi đức Phật thị hiện thành Phật, quý vị thấy Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh ghi là *"thỉ thành Chánh Giác"* (vừa mới thành Chánh Giác). Đức Phật ở dưới cội Bồ Đề, đêm nhìn sao Mai, vừa mới thành Chánh Giác, cho đến khi thành Phật vẫn gọi là Thỉ Giác, Ngài bắt đầu thành Phật. Ví như Sơ Trụ Bồ Tát, Ngài bắt đầu chứng được Sơ Trụ, đến Nhị Trụ, Ngài bắt đầu chứng đắc Nhị Trụ. Từ giai đoạn này sang giai đoạn khác đều là bắt đầu. Giống như đi học, mỗi một niên khóa học một lớp, bắt đầu cho năm học ấy. Nếu quý vị suy nghĩ cặn kẽ hơn, mỗi một tháng thì sao? Ngày mồng Một mỗi tháng là ngày bắt đầu. Còn mỗi ngày thì sao? Ngày hôm nay bắt đầu bằng buổi sáng sớm, niệm niệm đều là bắt đầu.

Quý vị phá sạch vô minh trong Ngũ Trụ Địa, khi ấy, danh tự Bổn Giác lẫn Thỉ Giác đều không còn nữa, vì Bổn Giác và Thỉ Giác là hai khái niệm được kiến lập đối ứng với nhau. Đạt đến quả vị Như Lai, những danh tướng ấy hoàn toàn không còn nữa. Nếu còn có những danh tướng ấy, sẽ là thoái chuyển, lại mê hoặc rồi! Kẻ mê mới kiến lập những danh tướng ấy, người ngộ chẳng có. Do vậy, nói: *"Danh khả danh, phi thường danh"*, phải nhớ kỹ! Vì sao Phật, Bồ Tát dạy chúng ta đạo lý *"lìa tướng danh tự"*? Hy vọng dùng những tướng danh tự ấy để giúp quý vị giác ngộ, nhưng đừng chấp trước; hễ chấp trước sẽ biến thành chướng ngại cho ngộ môn.

"Phương thỉ xuất triền": Triền (纏) là vô minh phiền não. Đã vượt thoát thì gọi là Thỉ Giác. Thế nhưng hễ vượt thoát, nhất định phải tương ứng với Bổn Giác thì mới gọi là Thỉ Giác. Nếu không, trong ấy có tà giác, chứ không phải là chánh giác. Rất nhiều ngoại đạo cũng tu hành, thậm chí rất nhiều người công phu khá lắm. Ví như hôm trước có đồng học nói với tôi: Ông ta tiếp xúc một số ngoại đạo, rất nhiều ngoại đạo học được công phu khá lắm, tu đến mức có thể xuất hồn khỏi thân thể. Khi linh hồn lìa khỏi thân, họ có thể tiếp xúc cổ nhân. Người mấy trăm năm trước hay mấy ngàn năm trước, họ đều có thể thấy được. Ông ta hỏi tôi: "Dùng Phật pháp để luận thì công phu ấy là đã đạt tới cảnh giới gì?" Lão cư sĩ Châu Kính Trụ viết cuốn Bát Đại Nhân Giác Kinh Giảng Nghĩa, quý vị hãy đọc sẽ biết ngay. Ông ta có chép một câu chuyện, nhạc phụ của ông ta là lão tiên sinh Chương Thái Viêm, cụ Chương là một bậc Quốc Học đại sư đầu thời Dân Quốc. Khi cụ Chương còn sống, từng làm phán quan cho Đông Nhạc Đại Đế, giống như chức Bí Thư Trưởng (Secretary General) vậy, chưởng quản năm tỉnh. Buổi tối, cụ vào âm tào địa phủ làm việc, trông thấy những người sống vào đời Đường, thời Hán. Ông cụ đọc sách khá nhiều, những

người ấy còn có tên trong lịch sử, vẫn thường gặp mặt họ. Bản thân cụ là một học giả, cùng thảo luận văn chương với họ, cụ có thể gặp mặt cổ nhân. Điều này chứng minh những điều nói trong kinh Phật không sai, tuổi thọ của loài quỷ dài lâu. Kinh Phật nói thọ mạng của loài quỷ gần như là một ngàn năm. Dùng phương pháp này để tính toán: Mỗi tháng trong nhân gian là một ngày trong ngạ quỷ đạo. Thọ mạng loài quỷ tính theo [năm tháng] trong nhân gian là mấy ngàn vạn năm, thọ mạng khá dài! Quý vị hãy hiểu rõ chuyện này: Công phu gì có thể thoát hồn khỏi thất khiếu? Đó là công phu của loài quỷ, chẳng liên can gì tới Phật pháp hết!

Công phu của loài quỷ nếu khá sẽ có thể đến chơi Tứ Vương Thiên, nhưng chẳng đến được Đao Lợi Thiên, [họ có thể tới những cõi] từ Tứ Vương Thiên trở xuống cho đến ngạ quỷ đạo, công phu của những kẻ ấy như vậy mà thôi, chẳng đáng bàn tới! Người thế gian hiếu kỳ, nghĩ chuyện có thể giao tiếp với quỷ là phi phàm! Thường qua lại với quỷ, trong tương lai, chính mình nhất định đọa trong ngạ quỷ đạo. Thường qua lại với Phật, Bồ Tát, quý vị mới có thể thành Phật, Bồ Tát. Trong tam giới, Khổng lão phu tử nói rất hay: *"Vật dĩ tụ loại, nhân dĩ quần phân"* (Vật họp lại theo từng loài, con người phân chia thành từng nhóm). Qua lại lâu ngày với những người chí đồng đạo hợp thuộc đường nào, bản thân người ấy nhất định sẽ đi theo con đường ấy. Người học Phật phải có trí huệ, phải hiểu rõ, thông đạt, chẳng bị mê bởi ngoại cảnh. Trong thế gian này, kinh Lăng Nghiêm đã giảng rất rõ ràng, yêu ma quỷ quái thường dựa vào thân người để giở trò, người bị chúng dựa vào thân chẳng hay biết, cứ ngỡ mình có năng lực rất lớn, có thần thông. Quỷ thần dựa vào thân là tiểu thần thông, chứ không có đại năng lực. Bởi lẽ, chúng sanh ham điều lạ, chuộng chuyện quái dị, chẳng ưa thích tu học chánh pháp.

Chư Phật, Bồ Tát có đại thần thông, quyết chẳng dùng thần thông làm Phật sự! Bất cứ vị Phật hay Bồ Tát nào cũng đều dùng chánh pháp dạy người. [Vận dụng] thần thông làm Phật sự sẽ phát sanh hiểu lầm, vì sao? Chẳng phân biệt được Phật và ma. Ma luôn thích dùng thần thông để làm Phật sự. Phật và ma chắc chắn khác nhau, Phật nhất định dùng chánh pháp để dạy học. Một đằng là chánh pháp, một đằng là trổ thần thông; đấy là chỗ khác nhau giữa Phật và ma, đặc biệt là trong thời kỳ Mạt Pháp. Một quyển rưỡi cuối kinh Lăng Nghiêm giảng về năm mươi thứ Ấm Ma, chúng đều dùng thần thông để biểu diễn nhằm nhiếp thọ hết thảy chúng sanh. Phật không như vậy, Phật dạy quý vị tu Tam Quy Y, dạy quý vị giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm, dạy quý vị thật thà niệm Phật, tu đến nhất tâm bất loạn, dạy quý vị giữ bổn phận, đúng quy

củ, Phật pháp là như vậy đó. Do vậy, Phật pháp nhất định phải là giác, chẳng thể mê.

(Diễn) Bất vọng bất biến viết Chân Như.
(演) 不妄不變曰真如。
*(**Diễn**: Chẳng vọng, chẳng biến đổi, gọi là Chân Như).*

"Vọng" là giả. Chẳng giả, quyết định chẳng biến đổi, vĩnh viễn là như vậy thì mới gọi là Chân Như. Thể là Chân Như, Tướng cũng là Chân Như, tác dụng vẫn là Chân Như. Quý vị suy nghĩ kỹ càng điều này sẽ thấu hiểu được!

(Diễn) Ly quá tuyệt phi viết Phật Tánh.
(演) 離過絕非曰佛性。
*(**Diễn**: Lìa lỗi tuyệt sai gọi là Phật Tánh).*

"Quá" (過) là quá thất (lầm lỗi), vô minh, tà kiến, phiền não, hết thảy ô nhiễm đều không có. *"Phi"* (非) là hết thảy sai lầm, hoàn toàn lìa dứt, đó gọi là Phật Tánh. Phật là tiếng Ấn Độ, dịch sang chữ Hán là Giác. Phật Tánh là giác tánh, đúng như Lục Tổ đã nói về giác tánh: *"Vốn chẳng có một vật, nào sợ nhuốm bụi trần"*. *"Trần ai"* là tỷ dụ lỗi lầm, không có lầm lỗi, sai trái.

(Diễn) Chư Phật sở đắc chi trí viết Bồ Đề.
(演) 諸佛所得之智曰菩提。
*(**Diễn**: Trí chư Phật đã đắc gọi là Bồ Đề).*

Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Ấn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Giác; kinh cũng thường gọi nó là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Anuttarā Samyak Sambodhi), là chúng ta dịch thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là trí huệ được chứng đắc bởi chư Phật.

(Diễn) Chư Phật sở chứng chi Lý viết Niết Bàn.
(演) 諸佛所證之理曰涅槃。
*(**Diễn**: Lý được chứng bởi chư Phật gọi là Niết Bàn).*

Chứng Lý gì vậy? Hết thảy pháp bất sanh, bất diệt, không có pháp nào chẳng viên mãn, pháp nào cũng viên dung. Không chỉ là tướng viên mãn, mà pháp nào cũng đều là tướng thanh tịnh, tịch diệt, đó gọi là Niết Bàn (Nirvāna). Trước hết, chúng ta hãy đọc đoạn chú giải tiếp theo, rồi mới quay lại xem kinh văn.

(Diễn) Tứ Đế giả.

(演) 四諦者。

(Diễn: Tứ Đế là...)

Đều là những phần chú thích nhỏ rất đơn giản nhưng trọng yếu, chú giải hết sức hay.

(Diễn) Khổ, Tập, Diệt, Đạo dã. Khổ vi bức bách tướng, Tập vi chiêu cảm tướng.

(演) 苦集滅道也，苦為逼迫相，集為招感相。

*(**Diễn**: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ là tướng bức bách, Tập là tướng cảm vời).*

"Tướng" (相) là hình dạng. Khổ (Dukkha) là gì? Thân tâm bị bức bách, tâm có ưu sầu, thân có đau khổ. Đấy là tướng bức bách, đó gọi là Khổ. Tập (Dukhha Samudaya) là tướng chiêu cảm, chiêu tập những gì? Có phiền não, kẻ ấy liền khởi Hoặc, tạo nghiệp, nghiệp có tánh chiêu cảm.

Hoặc (惑) là gì? Đối với chính mình, đối với cảnh giới, chẳng thể hiểu rõ chân tướng, đó là mê hoặc. Sau khi mê hoặc sẽ vọng động, nên chiêu tập, cảm ứng các thứ nghiệp báo. Tướng ấy là tướng chiêu cảm.

(Diễn) Thử thế gian nhân quả dã.

(演) 此世間因果也。

*(**Diễn**: Đây là nhân quả thế gian).*

Tập là nhân thế gian, Khổ là quả báo thế gian.

(Diễn) Đạo vi khả tu tướng, Diệt vi khả chứng tướng. Thử xuất thế gian nhân quả dã.

(演) 道為可脩相，滅為可證相，此出世間因果也。

*(**Diễn:** Đạo là tướng có thể tu, Diệt là tướng có thể chứng. Đây là nhân quả xuất thế gian).*

"Đạo" (Dukka Nirodha Gamini Patipada Magga: Con đường dẫn đến sự chấm dứt đau khổ) là tướng có thể tu, có thể học. *"Đạo"* là lý luận, phương pháp; có thể chiếu theo những lý luận và phương pháp ấy để tu học, do vậy, tướng trạng của nó là có thể tu. *"Diệt"* (Dukha Nirodha) là tướng có thể chứng đắc, có thể khế nhập, có thể chứng minh. *"Diệt"* là diệt hết thảy khổ, diệt hết thảy Tập. Nói cách khác, Khổ Tập chẳng phải là pháp chân thật, hễ mê bèn có, ngộ rồi chẳng còn. Đạo và Diệt là nhân quả xuất thế gian.

(Diễn) Thử Tứ Đế thông Đại Tiểu Thừa, hữu sanh diệt, vô sanh, vô lượng, vô tác.

(演) 此四諦通大小乘，有生滅、無生、無量、無作。

*(**Diễn**: Tứ Đế chung cho cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, có [bốn loại Tứ Đế] là sanh diệt, vô sanh, vô lượng và vô tác).*

Tứ Đế (Catvāri-Āryasatyāni) là pháp căn bản trong Phật pháp. Sanh Diệt Tứ Đế là Tạng Giáo, thuộc Tiểu Thừa. Vô Sanh Tứ Đế là Thông Giáo. Vô Lượng Tứ Đế là Biệt Giáo. Vô Tác Tứ Đế là Viên Giáo. Phẩm Tứ Đế trong kinh Hoa Nghiêm nói về Vô Lượng Tứ Đế, tuy kinh Hoa Nghiêm là Nhất Thừa Viên Giáo, nhưng phẩm Tứ Đế trong kinh Hoa Nghiêm lại dùng Biệt Giáo để nói, tức là nói về Vô Lượng Tứ Đế. Bởi lẽ, không có cách nào để giảng Vô Tác Tứ Đế, hiểu được Vô Lượng Tứ Đế thì những thứ trước và sau nó sẽ đều thông đạt.

(Diễn) Tứ giáo bất đồng, nhiên Tứ Đế thị cảnh, phi hạnh, kim vân hạnh giả, cử sở quán chi cảnh, hiển năng quán chi hạnh dã.

(演)四教不同，然四諦是境非行。今云行者，舉所觀之境，顯能觀之行也。

*(**Diễn**: Tứ giáo thì khác nhau, nhưng Tứ Đế là cảnh, không phải hạnh. Nay nói tới hạnh thì nêu lên cảnh được quán nhằm chỉ rõ cái hạnh để quán).*

Chúng ta phải đặc biệt lưu ý những ý nghĩa này, phải nhận thức rõ ràng, rồi mới đọc lại lời Sớ sẽ dễ hiểu.

(Sớ) Dĩ Di Đà tức thị toàn thể nhất tâm, tâm bao chúng đức, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Bổn Giác, Thỉ Giác, Chân Như, Phật Tánh, Bồ Đề, Niết Bàn, bách thiên vạn danh, giai thử nhất danh.

(疏)以彌陀即是全體一心，心包眾德，常樂我淨，本覺始覺，真如佛性，菩提涅槃。百千萬名，皆此一名。

***(Sớ**: Do Di Đà chính là toàn thể nhất tâm, tâm bao gồm các đức, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Bổn Giác, Thỉ Giác, Chân Như, Phật Tánh, Bồ Đề, Niết Bàn, trăm ngàn vạn tên gọi đều là một danh hiệu này).*

"Nhất danh" chính là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật bao gồm trọn hết các danh tự. Ví như Trung Hoa Dân Quốc là quốc hiệu của Đài Loan, chúng ta nói tỉnh nọ, huyện kia [của Trung Hoa Dân Quốc] đều chẳng ra ngoài nước này. A Di Đà Phật là toàn thể của nhất tâm, nói Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, nói Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, nói Bổn Giác, Thỉ Giác, nói Bồ Đề, Niết Bàn, bất luận nói gì, vô tận danh tướng được nói trong ngàn kinh vạn luận đều chẳng lìa khỏi A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là pháp môn Đại Tổng Trì, chúng ta phải nên tin tưởng; bởi lẽ, danh hiệu này thâu nhiếp không gì chẳng trọn hết. Chẳng những tất cả các kinh luận pháp môn trong Hiển Giáo đều nằm trong câu danh hiệu này, mà hết thảy kinh luận pháp môn trong Mật Giáo cũng bao gồm trong ấy. Tôi lại thưa với quý vị, có pháp môn thế gian hay xuất thế gian nào lìa khỏi toàn thể nhất tâm hay chăng? Nếu quý vị hiểu rõ điều này, đạo gì cũng chẳng cần phải tu! Quý vị thích ngoại đạo thì nó cũng được bao gồm trong đây, Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo, Nhất Quán Đạo[74] cũng được bao gồm trong ấy,

[74] Nhất Quán Đạo là một tà phái mượn danh nghĩa Phật giáo, vốn là hậu duệ của Bạch Liên Giáo, do Lưu Thanh Hư lập ra vào năm 1886 tại Đông Chấn Đường thuộc huyện Thanh Châu, tỉnh Sơn Đông, rồi được truyền bá rộng rãi nhờ công sức của Lộ Trung Nhất và Trương Thiên Nhiên. Giáo phái này từng bị chính quyền Trung Hoa Dân Quốc lần lượt nghiêm cấm vào năm 1936 và năm 1956, nhưng vẫn tồn tại dai dẳng dưới các danh xưng khác nhau. Nhất Quán Đạo được truyền vào Đài Loan năm 1954 do công sức của Tôn Huệ Minh, nhưng vẫn không được công nhận như một tôn giáo hợp pháp. Mãi cho đến năm 1987, tổng thống Tưởng Kinh Quốc của Đài Loan mới bãi bỏ lệnh cấm này. Giáo phái này vay mượn các giáo nghĩa của Phật giáo, Khổng giáo, Đạo giáo, kể cả Thiên Chúa giáo và Hồi giáo. Họ thờ vị thần cao nhất gọi là Minh Minh Thượng Đế (tức Vô Cực Lão Mẫu, cho rằng tất cả Phật, Bồ Tát, thần thánh trên đời đều do Vô Cực Lão Mẫu sanh ra), cũng như thờ Di Lặc Bồ Tát, Tế Công đại sư (họ coi Trương Thiên Nhiên là hóa thân của vị này), Nguyệt Huệ Bồ Tát (hóa thân thành Tôn Tố Chân, tức Tôn Huệ Minh, vợ của Trương Thiên Nhiên), Quán Âm Bồ Tát, Quan Công, và Lữ Tổ (Lữ Động Tân). Nhằm tạo sự chánh thống, họ cũng tuyên xưng

chẳng có gì ra khỏi nhất tâm toàn thể! Một câu A Di Đà Phật bao gồm trọn hết. Tu gì mới là tốt đẹp? Vẫn là tu A Di Đà Phật là tốt đẹp, vì tu A Di Đà Phật thì thứ gì cũng đều đạt được, tu những thứ khác chỉ có thể đạt được phần nào. Tu theo cách linh hồn thoát khỏi thất khiếu, cao lắm là tu thành quỷ vương, có thể hưởng phước trong quỷ đạo, tương đối tự tại, chẳng bị bó buộc, nhưng vẫn thuộc trong ngạ quỷ đạo!

Cớ sao chẳng tu A Di Đà Phật? Đây là nêu ra công đức chẳng thể nghĩ bàn của một câu danh hiệu.

(Sớ) Chuyên trì giả.

(疏) 專持者。

*(**Sớ**: Chuyên trì là...)*

Đây là bảo quý vị hãy nhất tâm chuyên trì.

(Sớ) Chúng sanh học Phật, diệc hữu vô lượng hành pháp.

(疏) 眾生學佛，亦有無量行法。

*(**Sớ**: Chúng sanh học Phật, cũng có vô lượng phương pháp để hành trì).*

Đây là tám vạn bốn ngàn hạnh môn do đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, chẳng phải chỉ có một thứ!

(Sớ) Kim đản trì danh nhất pháp, túc dĩ cai chi.

(疏) 今但持名一法，足以該之。

*(**Sớ**: Nay chỉ một pháp trì danh đã đủ để bao gồm trọn hết).*

Chúng ta phải nên nhận biết điều này.

(Sớ) Dĩ trì danh tức thị trì thử nhất tâm, tâm cai bách hạnh, Tứ Đế, Lục Độ, nãi chí bát vạn tứ thiên Hằng sa vi trần nhất thiết hạnh môn, nhiếp vô bất tận.

---

họ là Phật giáo chánh truyền, Lưu Thanh Hư tự xưng là người thừa kế chính thức của tổ Bồ Đề Đạt Ma, đã có công chấn chỉnh Phật giáo, được sự mặc khải để củng cố Phật giáo sau khi các tăng sĩ hậu duệ của Lục Tổ Huệ Năng đã làm suy đồi, truyền bá sai lạc Phật pháp!

(疏)以持名即是持此一心，心該百行，四諦六度，乃至八萬四千恆沙微塵一切行門，攝無不盡。

*(**Sớ**: Do trì danh chính là trì nhất tâm này, tâm gồm thâu trăm hạnh, Tứ Đế, Lục Độ, cho đến tám vạn bốn ngàn Hằng sa vi trần hết thảy hạnh môn, thâu nhiếp không cùng tận).*

Hết thảy đều được bao gồm trong ấy. Ngẫu Ích đại sư nói: *"Chỉ cần chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật cho thuần thục thì Tam Tạng mười hai phần giáo đều bao gồm hết trong ấy, một ngàn bảy trăm thiên công án cũng thuộc trong ấy".* Thiền gia nói tới một ngàn bảy trăm công án tức là nói tới bộ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên[75]. Đây là nêu lên một tỷ dụ để nói: Thiền cũng nằm trong ấy, mà ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh là nói về Giới, tức Luật Tông, Tam Tạng mười hai phần giáo là nói tới Giáo Hạ. Giáo Hạ, Thiền Tông, Luật Tông đều thuộc trong ấy. Không chỉ là mười tông phái Tiểu Thừa và Đại Thừa của Phật pháp, mà tất cả ngoại đạo trong thế gian, có thứ nào ra ngoài nhất tâm được hay chăng? Do vậy, một câu A Di Đà Phật niệm cho thuần thục thì hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều đạt được, vì sao còn phải thấy lạ, nghĩ khác, tu pháp môn này, tu pháp môn nọ? Đấy đều là do chẳng hiểu ý nghĩa chân thật của Như Lai. Nói cách khác, chẳng thông hiểu Phật pháp. Người thông đạt Phật pháp trọn chẳng làm chuyện xuẩn ngốc ấy, chắc chắn thâm nhập một môn. Một môn chính là nhất tâm chấp trì danh hiệu, thứ gì cũng đều thành tựu, thứ gì cũng đều đạt được, vui sướng như thế, sao chẳng làm đi?

(Sớ) Cố danh thủ ước.

(疏) 故名守約。

*(**Sớ**: Cho nên gọi là giữ lấy cách hành trì giản ước).*

---

[75] Sách Ngũ Đăng Hội Nguyên có thể coi là một bộ sử của Thiền Tông Trung Quốc, do ngài Phổ Tế chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu biên tập vào năm Thuần Hựu 12 (1252) đời Nam Tống, gồm 20 quyển. Sở dĩ có tên là Ngũ Đăng vì tài liệu để biên soạn đã dựa theo năm bộ "Đăng Lục" của các Thiền phái chánh yếu thời ấy, tức Cảnh Đức Truyền Đăng Lục (do ngài Đạo Nguyên thuộc tông Pháp Nhãn biên soạn vào thời Bắc Tống), Thiên Thánh Quảng Đăng Lục (do ngài Lý Đạo Úc thuộc tông Lâm Tế biên soạn vào đời Bắc Tống), Kiến Trung Tĩnh Quốc Tục Đăng Lục (do ngài Duy Bạch thuộc tông Vân Môn biên soạn vào đời Bắc Tống), Liên Đăng Hội Yếu (do ngài Ngộ Minh thuộc tông Lâm Tế biên soạn vào đời Nam Tống), và Gia Thái Phổ Đăng Lục (do ngài Chánh Thọ thuộc tông Vân Môn biên soạn vào đời Nam Tống).

Đó gọi là *"thủ ước"* (giữ lấy cách hành trì đơn giản, tinh yếu), thật sự thỏa đáng danh phù hợp Thật. Chúng tôi vừa giảng xong đoạn lớn thứ nhất trong phần Tán Kinh (khen ngợi kinh), đến đây là hết một đoạn lớn thứ nhất. Năm nay chúng tôi giảng tới chỗ này bèn ngưng.

Tập 26

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba mươi ba:

Nhị cứu minh lợi ích.
二究明利益。
(Hai, nêu rõ lợi ích rốt ráo).

Đoạn này được chia thành ba tiểu đoạn. Đoạn thứ nhất nói về *"nhân thành"* (tu nhân thành tựu).

Sơ, nhân thành.
(Tự) Tùng tư nhi vạn lự hàm hưu, cứu cực hồ nhất tâm bất loạn.
初因成。
(序) 從茲而萬慮咸休，究極乎一心不亂。
(Thứ nhất, tu nhân thành tựu.
***Tựa**: Từ đây, muôn mối lo đều dứt, đạt đến rốt ráo cùng cực là nhất tâm bất loạn).*

Hai câu này là một đoạn kinh văn. Đoạn này do tiếp nối ý trong phần trước mà có. Trong đoạn lớn ở phần trước nói rõ: Về mặt tu hành, lấy Tịnh Độ làm chỗ chỉ quy, nhưng trong pháp môn Tịnh Độ, lại nên coi Trì Danh Niệm Phật là khẩn yếu nhất. Đoạn văn trong phần trước là so sánh ba kinh Tịnh Độ để chúng ta khẳng định pháp môn được nói trong Tiểu Bổn A Di Đà Kinh là tinh yếu nhất. Đề mục của đoạn này là *"cứu minh lợi ích"* (nêu rõ lợi ích rốt ráo). *"Cứu"* (究) là cứu cánh (rốt ráo), [do vậy, *"cứu minh lợi ích"* là] thuyết minh triệt để lợi ích thù thắng của pháp môn này. Do vậy, câu mở đầu bèn chỉ rõ: Trong sự tu học, trước hết, hành giả phải khuất phục phiền não, *"vạn lự hàm hưu"* (muôn mối lo đều dứt), đạt đến chỗ cùng cực là nhất tâm bất loạn. Hai câu này rất đơn giản, nhưng đã chỉ bày toàn bộ tông thú tu học trong Phật pháp. Do vậy, thường có người học Phật nêu câu hỏi, có lẽ bản thân chúng ta cũng có thắc mắc giống như vậy, "tu học Phật pháp rốt cuộc là tu gì vậy?" Kinh luận nhiều dường ấy, pháp môn nhiều ngần ấy, tu gì đây? Pháp môn nào là thù thắng nhất? Học Tịnh Độ thì nói Tịnh Độ tốt, học Thiền thì nói Thiền hay, học Mật thì nói Mật giỏi, rốt cuộc pháp nào mới tốt đẹp? Ở đây, sách Sớ Sao

đã ban cho chúng ta một tiêu chuẩn thích đáng nhất: Nếu một pháp môn có thể thật sự giúp cho chúng ta hàng phục phiền não thì pháp môn ấy là tốt đẹp! Pháp môn nào có thể giúp quý vị đạt được nhất tâm bất loạn thì pháp môn ấy được gọi là bậc nhất!

Bất luận quý vị dùng pháp môn nào, nếu pháp môn ấy chẳng thể giúp quý vị hàng phục phiền não, suốt ngày từ sáng đến tối phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, khởi tâm động niệm vẫn tạo đủ thứ tội nghiệp, thì pháp môn ấy không thích hợp, học theo sẽ chẳng có hiệu quả gì! Điều này giống như chúng ta bị bệnh, phải uống thuốc, uống vào lành bệnh thì thuốc ấy hữu hiệu. Nếu uống thuốc ấy mà chẳng thấy có hiệu quả gì, chớ nên tiếp tục uống thuốc ấy nữa. Nếu uống thuốc ấy mà bị phản tác dụng thì chẳng những không có ích mà còn có hại, phải lập tức ngưng uống thuốc ngay. Đó là kiến thức thông thường chúng ta phải có. Do vậy, tu học Phật pháp là [xét xem pháp môn ta đang tu ấy] có thật sự trị được chứng bệnh hay không, hiệu quả là có giảm thiểu phiền não hay không, tâm chúng ta có thanh tịnh hay không, quan sát từ những chỗ này. Nếu phiền não thật sự giảm thiểu, tâm địa thật sự thanh tịnh thì pháp môn ấy là tốt đẹp.

Có mấy vị đồng học thường đến nghe kinh tại giảng đường của chúng ta, đôi khi cũng đi ra ngoài nghe người khác giảng, nghe rồi cảm thấy khó chịu, nghe xong rất phiền não, trở về thưa với tôi. Tôi nghe lời họ kể, lắc đầu, bảo: "Quý vị sai rồi! Sai ở chỗ nào? Quý vị bị cảnh giới chuyển. Quý vị nghe tôi giảng đã nghe thành thói quen, cho những gì tôi nói là đúng, chứ trên thực tế, đã bị tôi xỏ mũi lôi đi, quý vị chẳng phải là trang hảo hán! Khi quý vị nghe người khác nói không đúng như tôi nói, ngay lập tức quý vị phản kháng, cho thấy quý vị nghe kinh nhiều năm như vậy, đã chấp vào tướng, nên quý vị không thể khai ngộ. Ở chỗ tôi, nếu quý vị nghe mà chẳng chấp tướng thì nghe người khác giảng cũng sẽ chẳng chấp tướng, quý vị đã tự tại rồi!"

Sở dĩ Thích Ca Mâu Ni Phật cao minh là vì suốt đời Ngài chẳng xỏ mũi lôi người nào đi. Vì vậy, trong kinh Kim Cang, lão nhân gia phủ định toàn bộ các kinh Ngài đã nói trong cả một đời, nếu ai nói Phật có thuyết pháp thì kẻ đó báng Phật! Chẳng những không có pháp nhất định để nói, mà từ trước đến giờ, Phật chưa hề thuyết pháp. Đây là nói thật, chẳng giả, là sự thật ngàn vạn phần xác đáng. Do vậy, học Phật thì điều thứ nhất là phải hiểu rõ nguyên lý sau đây: Khi chúng ta nghe, chúng ta hiểu rõ ràng phân minh, đó là tăng trưởng trí huệ; nhưng trong nội tâm nhất định phải giữ được như như bất động, chẳng bị người khác lôi đi, đó là quý vị có công phu, có Định! Ở trước mặt chư Phật nghe kinh, tôi "chẳng giữ lấy

tướng, như như bất động", hết thảy yêu ma quỷ quái thuyết pháp tôi cũng nghe, tôi vẫn là "chẳng giữ lấy tướng, như như bất động". Vậy thì quý vị có thành tựu, thành tựu vô lượng vô biên trí huệ. Quý vị xem năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm, trong số năm mươi ba vị thiện tri thức, có vị học Phật, cũng có ngoại đạo, các ngành các nghề trong xã hội, nam, nữ, già, trẻ, ban khải thị cho chúng ta, dạy chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối, sáu căn tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài, thứ gì cũng đều phải hiểu rõ, thành tựu vô lượng trí huệ, nhưng trong hết thảy cảnh giới, phải giữ được như như bất động, thành tựu Đại Định rất sâu; đó là Phật pháp.

Bài xích tà môn ngoại đạo cố nhiên là chuyện đáng làm, nhưng nếu chấp vào ngôn từ của Thích Ca Mâu Ni Phật rồi bị xoay chuyển thì vẫn là sai! Từ xưa đến nay, các vị tổ sư đại đức muốn chúng ta chuyển kinh, đừng bị kinh xoay chuyển. Trong Đàn Kinh có chép thiền sư Pháp Đạt trước khi gặp Lục Tổ đã bị kinh Pháp Hoa xoay chuyển. Nói khó nghe hơn, *"bị chuyển"* là kẻ ấy có một loại thành kiến nào đó. Thường xuyên nghe tôi giảng kinh, người ấy có thành kiến đối với lời tôi giảng, khi nghe người khác giảng, người ấy nghe chẳng lọt tai, nghe không quen! Chỉ cần quý vị có thành kiến là đã sai lầm, có thiên vị lệch lạc rồi, vì sao vậy? Muôn mối lo của quý vị chưa dứt. Do vậy, công phu thật sự là bất luận trong cảnh giới nào, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, một bề thanh lương, không gì chẳng tự tại, đấy gọi là *"nghe pháp"*. Nghe Phật pháp hiểu được nguyên lý và nguyên tắc ấy, sau đấy pháp gì cũng đều có thể nghe được, cảnh giới gì cũng có thể tiếp xúc được. Khi tiếp xúc, nhất định chẳng động tâm, quyết định chẳng khởi niệm, quyết định thứ gì cũng đều hiểu rõ. Nói cách khác, sáu căn tiếp xúc sáu trần đều là Giới, Định, Huệ, Tam Học, Tam Huệ, không có gì chẳng viên mãn, không có gì chẳng đầy đủ, đó gọi là "tu hành thật sự".

(Diễn) Vạn lự hàm hưu, thị vọng tâm sơ tức.
(演) 萬慮咸休，是妄心初息。
*(**Diễn**: Muôn mối lo đều dứt là vọng tâm vừa mới ngưng dứt).*

Đây là nói về "công phu thành phiến". Bất luận trong cảnh giới nào, bất luận nghị luận và ngôn thuyết ra sao, chúng ta nghe xong liền biết là đúng hay sai, vừa nghe liền biết nhân quả của nó, chẳng cần phải suy nghĩ, xét đoán, vừa tiếp xúc liền hiểu rõ. Hiểu rõ điều gì? Quá khứ, hiện tại, vị lai, như thường nói: *"Hoành biến thập phương, thụ cùng tam thế"* (theo

chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc tột cùng ba đời). Vừa tiếp xúc liền hiểu rõ ngay, tiếp xúc mà chẳng động tâm thì là "như như bất động", đấy mới là công phu thành phiến, tức là *"vọng tâm sơ tức"* (vọng tâm vừa mới dứt). Từ đấy trở đi, không ngừng rèn luyện trong cảnh giới, luyện gì vậy? Chánh niệm thành tựu, đấy là nhất tâm bất loạn. Bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, chánh pháp hay tà pháp, tâm quý vị trọn chẳng loạn. Trong hết thảy các pháp tà - chánh, quý vị quyết định là nhất tâm, chẳng phải là nhị tâm. Thưa quý vị, trong nhất tâm, không có tà hay chánh. Nếu còn có phân định tà - chánh, quý vị đã là nhị tâm! Chẳng phân tà - chánh, quý vị cũng là nhị tâm. Quý vị hãy suy nghĩ xem có đúng là như vậy hay không? Đối diện của "phân" là "bất phân", đối diện của "bất phân" vẫn là "phân"; hễ có một bèn có hai, khởi tâm động niệm là nhị tâm!

Trong Phật pháp nói "tam tâm, nhị ý", thì tam tâm nhị ý là khởi tâm động niệm rớt vào tám thức. A Lại Da, Mạt Na, và Ý thức, gọi là tam tâm; "nhị ý" chỉ Mạt Na và Ý thức tức thức thứ sáu. Tam tâm nhị ý là mê hoặc; tam tâm nhị ý là vô minh. Đọa lạc trong vô minh, làm sao quý vị có thể ngưng dứt vọng niệm? Chẳng ngưng dứt được! Do vậy, bước đầu học Phật là quý vị phải thấy thấu suốt, phải buông xuống! Bất luận thiện sự hay ác sự, chớ nên so lường. Ác sự, ác duyên phải buông xuống, mà thiện sự, thiện duyên cũng đừng nên nắm níu, nắm níu vẫn là sai! Do vậy, đức Phật dạy chúng ta: *"Tùy duyên tiêu cựu nghiệp, mạc cánh tạo tân ương"* (Tùy duyên tiêu nghiệp cũ, đừng tạo ương họa mới). Tùy duyên mới có thể tiêu nghiệp, tùy duyên là gì vậy? Trong hết thảy cảnh duyên, chẳng khởi tâm, động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, hết thảy tùy duyên, tùy duyên tự tại, tùy duyên sẽ chẳng dấy khởi phiền não. Nắm níu là phiền não, nắm níu là gì? Tôi nhất định phải như thế này, tôi nhất định phải như thế nọ. Quý vị nhất định như vậy, tức là phân biệt, chấp trước, tạo nghiệp. Do vậy, muôn mối lo không dứt, chúng ta niệm Phật không tốt đẹp, công phu chẳng thể thành phiến.

Pháp môn quyết định là bình đẳng, không có cao - thấp. Nếu quý vị có cao - thấp thì là vọng niệm, vọng tưởng. Trong các bộ kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói rất nhiều, vạn pháp đều Như, không có pháp nào chẳng Như, không có pháp nào chẳng bình đẳng, không có pháp nào chẳng thanh tịnh. Do đây biết: Chẳng bình đẳng, chẳng Như, chẳng thanh tịnh đều do vô minh, vọng tưởng của chính mình biến hiện ra. Trong pháp chân thật, chắc chắn không có những sự tình ấy, nhất tâm bất loạn là khôi phục sự chân thật. Khi ấy, chánh niệm hiện tiền. Chánh Niệm chẳng phải là không

có niệm. Chánh Tư Duy chẳng phải là không có tư duy. Tuy có niệm, có tư duy, nhưng chẳng rớt vào tâm ý thức nên gọi là Chánh. Nói cách khác, niệm và tư duy chẳng kèm theo vô minh thì gọi là Chánh. Ý niệm và tư duy mà còn đèo thêm vô minh thì chẳng Chánh, chẳng đèo thêm vô minh, chẳng kèm phiền não thì gọi là Chánh. Nói cách khác, nhất tâm là Chánh, nhị tâm là Tà. Hết thảy tư duy, niệm lự đều nương vào nhất tâm để khởi, đó là Chánh. Nếu dựa trên nhị tâm để khởi thì là Tà.

Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, đức Phật đã giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh nhiều ngần ấy, đấy là Chánh Tư Duy và Chánh Niệm của Như Lai. Hiện tại, khi chúng ta mở cuốn kinh ra xem, bèn phân biệt vô lượng vô biên danh tướng. Chúng ta dùng cái tâm phân biệt, dùng cái tâm chấp trước, dùng cái tâm vọng tưởng để nghiên cứu, kết quả là chánh tri, chánh kiến, chánh tư duy của Phật bị biến thành tà tri, tà kiến, biến thành tà tư duy. Thật ra, những pháp của Phật có bị biến đổi hay chăng? Các pháp của Phật chẳng bị biến đổi! Pháp của Phật là chánh, nhưng ngay trong lúc pháp ấy được in vào tâm thức của chúng ta, chúng ta biến nó thành tà, nhưng Phật pháp vẫn là chánh tri chánh kiến. Trước kia, chúng tôi đã nói tới chuyển pháp luân, chữ *"chuyển"* (轉) này chẳng dễ dàng đâu nhé! Như Lai là chánh tri chánh kiến, chuyển đến tâm quý vị vẫn là chánh tri chánh kiến thì mới gọi là Chuyển. Chánh tri chánh kiến của Như Lai chuyển đến tâm quý vị mà bị biến thành tà tri tà kiến, thì có khác gì chẳng chuyển! Đấy là chỗ khó khăn trong Phật pháp. Nói thật ra, vấn đề này là do chính mình có hiểu hay là không. Thiền gia thường khám nghiệm người đến học: "Hiểu không?" Câu này cũng có thể dùng giống hệt như vậy trong Giáo Hạ, mà cũng có thể dùng tương tự trong công phu niệm Phật. Vì vậy, trong vô lượng vô biên pháp môn, pháp môn Niệm Phật quả thật chẳng thể nghĩ bàn! Nếu quý vị thâm nhập kinh tạng, quý vị mới có thể thấu hiểu, mới có thể chứng thực.

Pháp môn này bao hàm hết thảy các pháp môn, không có pháp môn nào vượt ngoài một câu A Di Đà Phật, kể cả Thiền Tông, kể cả Mật Thừa, trong phần trên, chúng tôi đã từng hé lộ tin tức với quý vị. Vậy thì chúng ta nhận thức, khẳng định điều ấy; sau đó, chúng ta ắt phải nghiên cứu, tìm tòi xem nên dùng phương pháp nào để niệm thì mới có thể thật sự đạt đến hiệu quả thù thắng? Phải niệm như thế nào thì mới có thể niệm đạt công phu đắc lực? Nói "đắc lực" có nghĩa là người ấy thật sự có thể chế phục phiền não, thật sự đắc nhất tâm bất loạn. Nói cách khác, phải biết niệm! Biết niệm và không biết niệm sai biệt rất lớn. Người biết niệm có thể niệm

một câu A Di Đà Phật để thành Phật trong một đời, giống như trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: *"Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai"* (Chẳng nhờ đến phương tiện nào khác mà tâm tự khai ngộ). Tâm tự khai ngộ là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

(Sớ) Bất niệm Phật tiền, niệm niệm trần lao, sở vị: "Nhất sát-na gian, cửu bách sanh diệt". Sanh trụ dị diệt phân tễ đầu số vô lượng vô biên, thiên nhãn mạc thứ, danh vạn lự dã.

(疏)不念佛前，念念塵勞，所謂一剎那間九百生滅，生住異滅分劑頭數無量無邊，天眼莫覩，名萬慮也。

*(**Sớ**: Trước khi niệm Phật thì niệm nào cũng là trần lao, như đã nói: "Trong một sát-na, có chín trăm lần sanh diệt". Thứ tự sanh, trụ, biến đổi, diệt trong từng loại khác biệt nhiều đến vô lượng vô biên, ngay cả thiên nhãn cũng chẳng thể thấy được, đó gọi là "vạn lự").*

"Bất niệm Phật tiền" tức là khi quý vị chưa biết niệm Phật, trước khi niệm Phật. *"Niệm niệm trần lao"*: Quý vị có vô lượng vô biên vọng tưởng, có tìm được số lượng [của những vọng tưởng ấy] hay không? Thưa quý vị, không thể định được số lượng, thật sự là quá nhiều. Tiếp theo đó là lời đức Phật dạy: *"Nhất sát-na gian, hữu cửu bách sanh diệt"* (Trong khoảng một sát-na, có chín trăm lần sanh diệt). *"Sanh, trụ, dị, diệt"* là nói về một niệm; tuy một niệm rất ngắn ngủi, tạm thời, nhưng nó vẫn có bốn tướng này. Một niệm sanh ra, sanh rồi sẽ tồn tại, tồn tại rồi biến đổi (*"dị"* là đổi khác), biến đổi rồi diệt mất.

Quý vị hãy suy nghĩ: *"Nhất sát-na"* là thời gian cực ngắn ngủi, kinh thường nói *"nhất đàn chỉ"* (một khảy ngón tay), tức là nói một người hết sức khỏe mạnh, dũng mãnh, người ấy có sức lực, khảy ngón tay rất nhanh. [Trong thời gian] một khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Giống như người bình thường chúng ta khảy ngón tay nhanh hơn một chút, trong một giây có bốn lần khảy ngón tay, một khảy ngón tay là sáu mươi sát-na, bốn nhân sáu mươi lại nhân với chín trăm [lần sanh diệt], quý vị tính ra con số hơn hai mươi vạn lần!

Hơn hai mươi vạn lần đem nhân với bốn lần "sanh, trụ, dị, diệt" thì những thứ vọng tưởng, ý niệm vi tế ấy từ vô thỉ đến nay chưa hề gián đoạn, quý vị sẽ hiểu cái tâm của chúng ta tạp đến mức nào, rối loạn dường ấy! Người niệm Phật chúng ta thường có thể nhận biết trong khi ta niệm Phật vọng tưởng nhiều đến mức nào, đương nhiên là nhiều! Nếu quý vị niệm đến mức vọng tưởng chẳng khởi lên, muôn mối lo đều dứt, công phu

đã thành tựu rồi! Nói cách khác, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị đã đạt được. Đấy là mục tiêu thật sự của người học Phật, thật sự thụ dụng, những thứ khác đều là giả!

Đời người mấy chục năm, trong khoảng khảy ngón tay đã qua! Con người hiện thời mỗi ngày đều đọc báo, quý vị xem báo là xem gì vậy? Khi tôi mới học Phật, mỗi ngày, trang báo đầu tiên tôi đọc là trang đăng cáo phó: Ngày hôm nay có bao nhiêu người chết, người này tuổi đã cao mới chết, kẻ kia còn trẻ tuổi đã chết, trên nẻo suối vàng không phân già trẻ! Tôi hằng ngày đọc những thứ ấy, đọc những thứ ấy để làm gì? Để có cảnh giác: Mạng người vô thường! Nghĩ tới đời người để làm gì? Một đời dẫu là đế vương thì cũng là *"vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân"* (muôn thứ không mang được, chỉ có nghiệp theo thân). Kẻ ấy là vua chúa, có mang thứ gì đi theo được hay chăng? Cái mang theo là một thân đầy tội lỗi oan nghiệt! Kinh dạy chẳng sai tí nào! Đức Phật dạy chúng ta cách hoán chuyển tội lỗi oan nghiệt, đổi nó thành A Di Đà Phật, đổi nó thành mười đại nguyện vương, có thể mang theo điều này đi được! Do vậy, phải biết đổi! Mười đại nguyện vương, nguyện nào cũng có cảnh giới là tận hư không, trọn pháp giới, cũng là tột cùng chiều dọc, trọn khắp chiều ngang. Nguyện nào cũng là như vậy, thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

(Diễn) Niệm niệm trần lao giả, trần giả bất tịnh, lao giả bất dật.

(演) 念念塵勞者，塵者不淨，勞者不逸。

*(**Diễn**: "Niệm niệm trần lao": Trần là chẳng tịnh, Lao là chẳng thảnh thơi).*

Đây là tỷ dụ nhằm sánh ví cái tâm của chúng ta không thanh tịnh. *"Trần"* (塵) có nghĩa là nhuốm bẩn, bị nhuốm bẩn bởi gì? Nhuốm bẩn bởi tiếng tăm, lợi dưỡng, bị ngũ dục lục trần nhuốm bẩn, bị vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nhuốm bẩn. Do vậy, ý niệm của quý vị bất tịnh. Ý niệm bị nhuốm bẩn thì gọi là vọng niệm. Nếu chẳng bị nhuốm bẩn thì sẽ là thanh tịnh, ý niệm ấy được gọi là "chánh niệm". *"Dật"* (逸) là tự tại, *"lao"* (勞) là mệt mỏi, phiền lụy, quý vị chẳng thể tự do tự tại.

(Diễn) Tụ duyên nội dao, xu ngoại bôn dật, thị kỳ tướng dã.

(演) 聚緣內搖，趨外奔逸，是其相也。

*(**Diễn**: Duyên tụ tập xáo động bên trong, hướng ra ngoài rong ruổi là tướng trạng của "trần lao").*

Hai câu này trích từ kinh Lăng Nghiêm. *"Duyên" (*緣) là *"duyên khí"* (緣氣), nói theo cách bây giờ là kiến giải, vọng tưởng. Tụ tập rất nhiều kiến giải, rất nhiều vọng niệm ở trong tâm, khiến cho tâm của chính mình chẳng thể an tịnh. Nói cách khác, cái tâm của quý vị chẳng tịnh được, tâm không định được, đấy là *"tụ duyên nội dao"*. *"Xu ngoại bôn dật"* là chỗ nào cũng nắm níu ngoại cảnh. Lục căn nắm níu cảnh giới sáu trần bên ngoài, trong cảnh duyên lo được, lo mất, đấy là tướng *"niệm niệm trần lao"*.

(Diễn) Sát-na trung hữu cửu bách sanh diệt giả, sát-na, thời cực tốc dã. Kinh vân: "Chúng sanh nhất niệm, hữu cửu thập sát-na, nhất sát-na trung, hữu cửu bách sanh diệt". Sanh trụ dị diệt giả, hữu vi tứ tướng dã.

(演)剎那中有九百生滅者，剎那，時極速也。經云：眾生一念，有九十剎那，一剎那中，有九百生滅。生住異滅者，有為四相也。

*(**Diễn**: "Trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt": Sát-na là khoảng thời gian rất nhanh. Kinh dạy: "Một niệm của chúng sanh có chín mươi sát-na, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt". Sanh, trụ, dị, diệt là bốn tướng hữu vi vậy).*

Nếu quý vị đã đọc Duy Thức thì câu này sẽ dễ hiểu. Chữ *"hữu vi"* chỉ pháp hữu vi. Trong pháp hữu vi gồm có Tâm Vương, tám Thức, năm mươi mốt Tâm Sở, hai mươi bốn pháp bất tương ứng, và mười một sắc pháp, những pháp này đều gọi là pháp hữu vi. Hết thảy pháp hữu vi đều có bốn tướng *"sanh, trụ, dị, diệt"*.

(Diễn) Sanh biểu thử pháp tiên phi hữu, diệt biểu thử pháp hậu thị vô, dị biểu thử pháp phi ngưng nhiên, trụ biểu thử pháp tạm hữu dụng.

(演)生表此法先非有，滅表此法後是無，異表此法非凝然，住表此法暫有用。

*(**Diễn**: "Sanh" biểu thị pháp này trước đó chẳng có, "diệt" biểu thị pháp này sau đấy sẽ không còn, "dị" biểu thị pháp này chẳng ngưng đọng, "trụ" biểu thị pháp này tạm thời có tác dụng).*

Chúng ta dùng cách nói phương tiện để diễn tả, những pháp hữu vi sâm la vạn tượng trong mười pháp giới có tướng "tương tục" (tiếp nối) tạm bợ. Tôi vừa mới thưa cùng quý vị, đây là lời lẽ phương tiện, là Phật pháp sơ cấp, nhằm nói với những người mới học. Nếu là thật ngữ rốt ráo thì "hết thảy các pháp chẳng sanh, chẳng diệt"; nói như vậy [kẻ mới học] sẽ không hiểu được! Lời chân thật là thật, nói thật sẽ chẳng hiểu, chẳng thể tiếp nhận, còn lời lẽ phương tiện thì [kẻ mới học] nghe cảm thấy còn có lý, còn tiếp nhận được. Đây là lý do vì sao Phật pháp chẳng thể không dùng pháp phương tiện, đạo lý ở chỗ này. Thế nhưng học Phật nhất định phải từ pháp phương tiện của Phật để ngộ nhập chân thật, sự chân thật không nói ra được, có nói cũng chẳng hiểu! Pháp chân thật đòi hỏi quý vị phải ngộ nhập, ngộ nhập rồi thì sẽ như cổ nhân nói: *"Như nhân ẩm thủy, lãnh noãn tự tri"* (Như người uống nước, tự biết là nước nóng hay lạnh). Sau khi đã nhập cảnh giới ấy, nhìn vào lời Phật, lời Bồ Tát, hay lời tổ sư nói, đều cảm thấy thú vị chẳng thể nào diễn tả được. Đương nhiên là pháp hỷ phát sanh.

(Diễn) Phân tễ đầu số giả.
(演) 分劑頭數者。
*(**Diễn**: "Lớp lang trong từng loại riêng biệt" là...)*

"Phân tễ đầu số" là gì? Ở đây chú giải đơn giản như sau:

(Diễn) Thử phi bỉ viết phân tễ.
(演) 此非彼曰分劑。
*(**Diễn**: Cái này chẳng phải là cái kia nên gọi là "phân tễ").*

"Phân" (分) là khác nhau, *"tễ"* (劑) là tễ loại (chia thành từng loại riêng biệt), hết thảy vạn vật có thể chia thành từng loại; trong kinh Phật gọi là *"phân tễ"*, tức là như chúng ta nói *"phẩm chủng, phẩm loại"*.

(Diễn) Các hữu tự viết đầu số.
(演) 各有緒曰頭數。
*(**Diễn**: Mỗi thứ có lớp lang nên gọi là "đầu số").*

"Tự" (緒) là nó có thứ tự, chẳng rối loạn, đó gọi là *"đầu số"*. Lớp lang số đến vô lượng vô biên, dẫu Thiên Nhãn của bậc A La Hán cũng

chẳng thể thấy rõ ràng, mà cũng chẳng có cách nào thấy rốt cuộc có bao nhiêu lớp lang. Từ kinh điển, chúng ta đọc thấy: Thiên nhãn của A La Hán có thể thấy được vi trần. Quả thật Thiên Nhãn của bậc A La Hán có khả năng quan sát vi tế hơn chúng ta quá nhiều. Vi trần còn có thể chia ra [thành những phần nhỏ hơn nữa], cho nên có sắc tụ cực vi, cực vi vi (Lân Hư Trần)[76], bậc A La Hán chẳng thể thấy được chúng. Điều này cho thấy A La Hán cũng không có cách nào biết được số lượng lớp lang khác biệt của các trần lao trong từng niệm. A La Hán cũng nhìn không ra!

(Sớ) Thử vạn lự giả, Giáp diệt, tắc Ất sanh, nga khứ, tắc thúc phản, bách kế trừ chi, chung mạc năng đắc.

(疏)此萬慮者，甲滅則乙生，俄去則倏返，百計除之，終莫能得。

*(**Sớ**: Muôn mối lo này, Giáp diệt, Ất sẽ sanh, khoảnh khắc này vừa đi, khoảnh khắc sau đã trở lại, dùng trăm phương cách trừ khử, rốt cuộc vẫn chẳng thể trừ được).*

Đây là chỗ khổ não nhất của người tu hành. Quý vị đọc phần chú giải, lời văn có ý nghĩa trong ấy rất sâu, hết sức quan trọng. Giáp, Ất là gì vậy?

Đều là nói về ý niệm, tượng trưng cho vọng niệm, niệm thứ nhất vừa diệt, niệm thứ hai lại sanh, tiếp nối nhau dấy lên.

---

[76] Theo Đại Tỳ Bà Sa Luận, "cực vi vi" (paramānu) là vật chất nhỏ nhất có thể chia chẻ được, nếu chia nhỏ cực vi sẽ không còn gì, chỉ là hư không, nên nó còn gọi là Lân Hư Trần (vi trần gần với hư không). Cực vi có những đặc tính như không thể chia nhỏ, không thể thấy, không thể nghe, không thể ngửi, không có các thuộc tính dài, ngắn, vuông, tròn, cao, thấp v.v... Bảy cực vi hợp thành một vi trần (anu), chỉ có mắt của chư thiên, chuyển luân thánh vương và Bồ Tát mới thấy được vi trần. Bảy vi trần hợp thành một đồng trần (loha-raja). Bảy đồng trần hợp thành một thủy trần (apa-raja), bảy thủy trần hợp thành một thố mao trần (śaśa-raja, tức là hạt bụi chỉ dính trên lông một con thỏ), bảy thố mao trần hợp thành một dương mao trần (avi-raja), bảy dương mao trần hợp thành một ngưu mao trần (go-raja), bảy ngưu mao trần hợp thành một hướng du trần (ātāyana-cchidra-raja), bảy hướng du trần hợp thành một kỷ (liksā), bảy kỷ thành một sắt (yūka), bảy sắt thành một khoáng mạch (yava), bảy khoáng mạch hợp thành một tiết (anguli-parva, lóng ngón tay), hai mươi bốn tiết hợp thành một chẩu (hasta).
Bốn chẩu là một cung (dhanu). Năm trăm cung hợp thành một câu lô xá (krośa), tám câu lô xá là một du thiện na (yojana, do tuần).

(Diễn) Giáp diệt, Ất sanh giả, ước bỉ thử thuyết.
(演) 甲滅乙生者，約彼此說。
*(**Diễn**: "Giáp diệt, Ất sanh" là dựa theo niệm này, niệm kia để nói).*

Niệm kia vừa diệt, niệm này bèn sanh; tiếp theo đó, sách viết:

(Diễn) Như tham diệt, sân sanh đẳng.
(演) 如貪滅瞋生等。
*(**Diễn**: Như ý niệm tham vừa diệt, ý niệm sân bèn sanh v.v...)*

Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối khởi lên những phiền não ấy. Tham, sân, si, mạn là những ý niệm phiền não mạnh mẽ nhất! *"Nga khứ thúc phản"*: Trong khoảnh khắc này nó vừa đi, trong khoảnh khắc sau nó trở lại.

(Diễn) Nga khứ thúc phản giả, ước nhất pháp thuyết.
(演) 俄去倏返者，約一法說。
*(**Diễn**: "Khoảnh khắc này vừa đi, khoảnh khắc sau trở lại" là ước theo một pháp để nói).*

"Nhất pháp" là nói về pháp tương tục, ý niệm này là tương tục. Thật ra, niệm trước chắc chắn chẳng phải là niệm sau, chỉ là tướng trạng tiếp nối mà thôi. Giống như chúng ta coi phim, những hình tượng chúng ta thấy trên màn bạc giống như là cùng một chuyện, nhưng [thật ra] quý vị nhìn vào từng tấm phim khác nhau, quý vị mới hiểu mỗi ý niệm đều độc lập, đây là nói thật với quý vị. Có thể thật sự thấu hiểu chân thật thì quý vị mới có thể tin tưởng, trong một đời này quý vị *"phản bổn quy nguyên"* (trở về nguồn cội). Sử dụng pháp phương tiện đúng như đức Phật đã dạy thì sẽ theo đường trở về nhà, chẳng cần phải đi đường vòng, đấy mới là hàng lợi căn thật sự có trí huệ chân thật. Điều này đúng như trong kinh Kim Cang, tôn giả Tu Bồ Đề đã thỉnh vấn Thích Ca Mâu Ni Phật hai vấn đề lớn, đều là những vấn đề căn bản.

Do vậy, trong ngàn kinh muôn luận, tại Trung Quốc, chẳng riêng gì các tổ sư Thiền Tông mà bất luận một tông một phái nào, không tông phái nào chẳng coi trọng kinh Kim Cang. Hai vấn đề lớn trong kinh Kim Cang, thứ nhất là *"vân hà hàng phục kỳ tâm"* (hàng phục cái tâm như thế nào).

Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, vọng niệm tơi bời, dùng phương pháp nào để hàng phục ý niệm? *"Ưng vân hà trụ"* (nên trụ như thế nào), tâm chúng ta nên trụ vào đâu? Hai vấn đề lớn này chính là tổng cương lãnh tu học trong Phật pháp. Tâm chúng ta nên ở yên tại chỗ nào? Quý vị thấy người thế gian đặt cái tâm nơi đâu? Đặt trong tiếng tăm, lợi dưỡng! Tâm họ trụ trong tiếng tăm, lợi dưỡng! Nói cách khác, tâm họ suốt ngày từ sáng đến tối vướng mắc trong tiếng tăm, lợi dưỡng, vướng mắc bởi những thứ ấy, vướng mắc gọi là *"trụ"*.

Cái tâm của chúng ta nên vướng mắc điều gì? Chúng tôi dùng ngay lời này để giảng chắc mọi người dễ hiểu hơn. Quý vị vướng mắc trong tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian, thứ gì cũng đều là giả. Đó là gì vậy? Tri kiến luân hồi, là tri kiến sanh tử luân hồi. Quý vị vướng mắc trong sanh tử luân hồi, làm thế nào để thoát khỏi luân hồi? Chúng ta lấy hai câu hỏi ấy từ kinh Kim Cang và dùng kinh A Di Đà để giải đáp thì sẽ dễ thực hiện. Tâm quý vị nên trụ vào đâu? Hãy nên trụ vào Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Dùng phương pháp nào để hàng phục cái tâm? Dùng một câu A Di Đà Phật để hàng phục cái tâm! Bất luận niệm nào khởi lên, lập tức chuyển biến, chuyển đổi nó thành A Di Đà Phật, quý vị sẽ đại công cáo thành. Thiện niệm, ác niệm, tham niệm, sân niệm, bất luận ý niệm nào, chỉ cần nó khởi lên, ngay lập tức chuyển thành A Di Đà Phật. Nếu quý vị niệm Phật như vậy, công phu sẽ đắc lực. Bằng phương pháp niệm Phật này, quý vị niệm không lâu, nhất định mọi mối lo sẽ đều ngưng. Do vậy, quý vị phải biết niệm! Phương pháp này hay hơn Thiền, mà cũng hay hơn Mật.

Khi tôi giảng Tâm Kinh đã từng nói một câu A Di Đà Phật là đại thần chú vô thượng, là đại minh chú, là chú không có gì sánh bằng, tôi nói rất rõ ràng! Hiểu một câu A Di Đà Phật: Thiền, Giáo, Mật thảy đều bao gồm trong ấy. Một câu A Di Đà Phật là pháp môn Đại Tổng Trì. Nếu quý vị không nắm vững điều này, quý vị sẽ chẳng nắm được những thứ cành lá, khổ chẳng kham nói nổi! Mong giải quyết vấn đề chẳng phải là chuyện dễ dàng! Nhưng phải niệm một câu A Di Đà Phật rất khá, mức độ thấp nhất là phải đau đáu đổ công nghiên cứu cặn kẽ, thảo luận tường tận bộ Sớ Sao Diễn Nghĩa này, công phu bỏ ra ấy trọn chẳng luống uổng.

Chúng tôi dự định giảng bộ kinh này ba năm mới viên mãn, đại khái phải giảng ba trăm năm mươi lượt, tuyệt đối chẳng lãng phí thời gian ấy. Do vậy, chúng ta một mặt nghiên cứu thảo luận, một mặt mọi người cùng tu một chỗ, giải và hạnh cùng tiến, các đồng tu dự hội đều có phước!

Chúng ta sanh nhằm thời Mạt Pháp, trong kinh, đức Phật đã dạy rất minh bạch: *"Thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh nghiệp thành tựu"*. Có thể chọn lựa pháp môn này, thâm nhập một môn, thì chính là bậc thượng thiện, chính là *"chư thượng thiện nhân"* như trong kinh này đã nói. Quý vị có thể chết sạch lòng mong ngóng, so đo, kiên quyết chọn lựa pháp môn này, quý vị là bậc thượng thiện, có trí huệ. Phải là thượng căn lợi trí thì mới biết chọn lựa pháp môn này. Dẫu tiếp xúc các pháp môn khác, vẫn chẳng kinh, chẳng sợ, như như bất động, vì sao? Tiếp xúc hết thảy pháp môn đều biến những pháp môn ấy thành A Di Đà Phật, trọn chẳng dao động!

(Sớ) Kim dĩ trì danh chi lực, chánh niệm tài cử, tạp tưởng tự trừ.

(疏) 今以持名之力，正念纔舉，雜想自除。

*(**Sớ**: Nay nhờ vào sức trì danh, chánh niệm vừa dấy lên, những ý tưởng tạp loạn tự trừ).*

Quý vị nhất định phải biết dụng công. Vọng niệm vừa khởi lên, vọng niệm đương nhiên là có, chẳng thể nào không có. Nếu quý vị không có vọng niệm thì đã sớm thành Phật rồi, chẳng phải là phàm phu nữa! Quý vị có vọng niệm, phải ghi nhớ, quyết định là phàm phu. Không có vọng niệm sẽ là thánh nhân. Quý vị phải dùng một câu Phật hiệu để trừ khử vọng niệm!

Do vậy, khi niệm Phật mà có vọng niệm dấy lên, khi ấy phải làm sao? Phải dốc hết tinh thần vào câu Phật hiệu, tức là quý vị phải chú ý câu Phật hiệu, đừng quan tâm tới vọng niệm, tự nhiên vọng niệm sẽ không còn nữa!

Vọng niệm khởi lên mà quý vị đặc biệt quan tâm tới vọng niệm thì sẽ quên mất câu Phật hiệu, vậy là hỏng rồi! Vọng niệm ngày càng nhiều, Phật hiệu ngày càng ít. Vì sao? Quý vị lo bận tâm tới vọng niệm. Khi ấy, biết dụng công hay không chính là quý vị có thể chuyên chú nơi Phật hiệu, chẳng quan tâm đến vọng niệm thì quý vị biết dụng công. Công phu đắc lực, vọng niệm tự nhiên chẳng còn nữa.

Đừng mong trừ vọng niệm, mong trừ khử vọng niệm là tăng thêm một vọng niệm. Vọng niệm đã nhiều rồi, ta còn muốn trừ vọng niệm thì "muốn trừ vọng niệm" là tăng thêm một vọng niệm nữa, chắc chắn chẳng trừ được vọng niệm! Do vậy, căn bản là đừng quan tâm tới vọng niệm, toàn bộ tinh thần tập trung nơi một câu Phật hiệu; như vậy sẽ thật sự trừ được vọng niệm.

Tiếp theo đây, đại sư nêu lên một tỷ dụ.

(Sớ) Dụ như sư tử xuất quật, bách thú tiềm tung, cảo nhật chiếu sương, thiên lâm thất bạch, danh hàm hưu dã.

(疏)喻如獅子出窟，百獸潛蹤，杲日照霜，千林失白，名咸休也。

*(**Sớ**: Ví như sư tử ra khỏi hang, trăm loài thú đều ẩn tăm tích, mặt trời rạng rỡ chiếu màn sương, ngàn khu rừng đều hết màu trắng, đó gọi là "đều ngưng dứt" vậy).*

Tỷ dụ điều gì vậy? Phần chú giải giảng:

(Diễn) Sư tử, cảo nhật dụ chánh niệm.

(演) 獅子杲日喻正念。

*(**Diễn**: Chánh niệm được ví như sư tử hay mặt trời rực rỡ).*

Sư tử và mặt trời rực rỡ đều sánh ví chánh niệm. Chánh niệm là gì? Sáu chữ "Nam-mô A Di Đà Phật" là chánh niệm.

(Diễn) Bách thú dữ sương dụ vạn lự.

(演) 百獸與霜喻萬慮。

*(**Diễn**: Vạn mối lo được ví như trăm loài thú hoặc màn sương).*

Trăm loài thú và sương đều ví cho *"vạn lự"* (muôn mối lo, các thứ phiền não), tức là loạn tưởng, suy nghĩ tán loạn. Đây là tỷ dụ một câu A Di Đà Phật vừa mới dấy lên, hết thảy vọng tưởng của quý vị đều bị dứt trừ, công phu ấy thực hiện nơi khởi tâm động niệm, nhất định phải chế phục vọng tưởng.

Hôm nay, trong khi đang niệm Phật, tôi nói với quý vị mấy câu, đặc biệt dẫn phần Tam Phước trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, đấy là cơ sở tu hành, là căn bản tu hành. Mười sáu phép Quán trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh được kiến lập trên cơ sở Tam Phước, không có ba điều kiện ấy thì không có cách nào tu Quán được. Cũng thế, niệm Phật mà mong đạt đến nhất tâm bất loạn thì vẫn chẳng lìa khỏi những điều kiện ấy. Điều thứ nhất là *"hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp"*. Chúng ta hãy suy nghĩ, chúng ta có làm được điều này hay chưa? Đấy là cơ sở của Nhân Thiên Thừa trong Ngũ Thừa Phật Pháp. Nếu không làm được điều này thì đời sau sẽ chẳng được làm thân người.

Điều thứ hai là *"thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi"*. Chúng ta nhìn vào thì đây là pháp căn bản của Thanh Văn Thừa và Duyên Giác Thừa, tức pháp Tiểu Thừa.

Điều thứ ba là *"phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả"*. Ngày nay, chúng ta đang đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả ở nơi này. *"Hành giả"* là người tu hành, [khuyến tấn hành giả] là khuyên mọi người tu hành, khuyên mọi người hãy phát tâm tự hành, hóa độ người khác, đây là pháp Bồ Tát. Do đây có thể biết: Đại Thừa Phật pháp được kiến lập trên cơ sở Thanh Văn, Duyên Giác và Nhân Thiên Thừa. Một câu Phật hiệu của chúng ta lấy Tam Phước làm cơ sở thì mới có thể thật sự đạt đến *"vạn lự hàm hưu"*. Dưới đây là một đoạn dẫn chứng:

(Sớ) Cố Vĩnh Minh vị: "Hữu nhân sổ tức, giác quán bất hưu, niệm Phật xưng danh, tức phá giác quán", thử kỳ nghiệm dã. Hưu chi hựu hưu, cùng kỳ nguyên bổn, cố vân "cứu cực". Chí ư nhất tâm bất loạn, thị vị thành tựu Niệm Phật tam-muội.

(疏)故永明謂有人數息，覺觀不休，念佛稱名，即破覺觀，此其驗也。休之又休，窮其源本，故云究極。至於一心不亂，是為成就念佛三昧。

*(**Sớ**: Vì thế ngài Vĩnh Minh nói: "Có người tu Sổ Tức, giác quán chẳng ngớt, niệm Phật xưng danh liền dứt trừ giác quán" Đấy là sự hiệu nghiệm của [pháp trì danh niệm Phật]. Đã ngưng dứt lại càng ngưng dứt hơn, thấu tột cội nguồn, nên nói là "cứu cực" (đạt đến rốt ráo cùng cực), còn đối với nhất tâm bất loạn thì pháp này sẽ thành tựu Niệm Phật tam-muội).*

Trong đoạn này, Liên Trì đại sư trích dẫn một câu nói của tổ sư vĩnh Minh Diên Thọ hòng chứng minh. Sách Diễn Nghĩa chú giải như sau:

(Diễn) Sổ Tức giả, Sổ Tức Quán dã. Sổ xuất nhập tức, tùng nhất chí thập, đối trị tán loạn pháp dã.

(演)數息者，數息觀也。數出入息，從一至十，對治散亂法也。

*(**Diễn**: Sổ Tức là Sổ Tức Quán, tức là đếm hơi thở ra vào từ một đến mười, là phương pháp đối trị tán loạn).*

"Sổ Tức" là Sổ Tức Quán là phương pháp sử dụng trong nhà Thiền. *"Sổ xuất nhập tức"* là đếm hơi thở từ một đến mười. Phương pháp này có thể *"đối trị tán loạn"*. Khi tâm tán loạn có vọng tưởng, quý vị bèn dùng cách đếm hơi thở hoặc chuyên đếm hơi thở ra, hoặc chuyên đếm hơi hít vào, đều được cả!

(Diễn) Thử pháp thông thế gian xuất thế gian Thiền, như căn bản Thiền, đa do Sổ Tức nhi nhập, nhi Lục Diệu Môn.

(演)此法通世間出世間禪，如根本禪，多由數息而入。而六妙門。

*(**Diễn**: Pháp này chung cho Thiền thế gian lẫn xuất thế gian, như các phép Thiền căn bản phần nhiều do cách đếm hơi thở mà nhập, nhưng sáu môn mầu nhiệm...)*

Lục Diệu Môn[77] là phương pháp tu hành trong tông Thiên Thai, cũng là một loại Thiền.

(Diễn) Diệc tiên dĩ Sổ Tức vi thủ.

(演) 亦先以數息為首。

*(**Diễn**: Cũng trước hết lấy cách đếm hơi thở làm đầu).*

Cũng dùng cách này làm phương tiện tối sơ để tu tập.

(Diễn) Thỉnh Quán Âm diệc tất dĩ Sổ Tức vi trợ dã.

(演) 請觀音亦必以數息為助也。

*(**Diễn**: Thỉnh Quán Âm tam-muội cũng dùng Sổ Tức để phụ trợ).*

---

[77] Lục Diệu Môn gồm:
1. Sổ Tức Môn: Đếm hơi thở từ một đến mười để nhiếp loạn tâm.
2. Tùy Môn: Chú tâm quán hơi thở, biết đang thở ra hay hít vào, biết hơi thở dài, ngắn, nông, sâu v.v... nhưng không chú ý đếm hơi thở như trong Sổ Tức.
3. Chỉ Môn: Lắng lòng dứt mọi vọng tưởng, cách này chỉ có thể áp dụng sau khi Tùy Môn đã đạt đến hiệu quả giúp cho tâm an tịnh.
4. Quán Môn: Do Chỉ Môn đã chứng Thiền Tịch, nhưng Huệ chưa khai phát nên mới quán tâm phân minh để lắng dứt sự đắm trước nơi sự an tịnh trong Chỉ Môn.
5. Hoàn Môn: Chuyển tâm phản chiếu. Hành giả tuy quán chiếu, nhưng rất có thể sẽ vướng vào các phân biệt, chấp trước như năng, sở, ngã chấp v.v... nên phải chuyển cái tâm để quán chiếu ngay cái tâm đang quán chiếu để dứt trừ mọi chấp trước.
6. Tịnh Môn: Tâm không nương tựa vào đâu, sóng vọng dứt bặt, nên gọi là Tịnh.

Câu này nhằm nói rõ ý nghĩa: Sổ Tức Quán là phương pháp sử dụng phổ biến nhất trong Đại Thừa Phật pháp, Tông Môn lẫn Giáo Hạ đều dùng nó làm phương tiện nhập môn. Giác quán là gì?

(Diễn) Sơ tâm tại duyên viết Giác, tế tâm quán sát viết Quán, chánh thị thử nhân sổ tức công phu.

(演)初心在緣曰覺，細心觀察曰觀，正是此人數息工夫。

*(**Diễn**: Lúc ban đầu, tâm nhận biết chỗ để nó duyên vào thì gọi là Giác, sự quán sát khi tâm đã vi tế hơn thì gọi là Quán, đây chính là công phu đếm hơi thở của người ấy).*

"Giác" là gì? Trước hết, khi sử dụng công phu này, tự mình cảm thấy tâm ràng buộc nơi hơi thở ra vào, đấy cũng là như kinh Kim Cang nói: *"Ưng vân hà trụ?"* (Nên trụ như thế nào). Tâm người ấy trụ nơi đâu? Vướng mắc nơi đâu? Vướng mắc nơi hơi thở ra vào. Vậy là chẳng vướng mắc nơi ngũ dục lục trần, chẳng suy nghĩ tán loạn, nhưng chuyên chú nơi hơi thở ra vào, khi đó gọi là Giác. Về sau, công phu dần dần nhỏ nhiệm hơn thì gọi là Quán. Do vậy, Giác và Quán chỉ là một đẳng là thô giác, một đẳng là tế giác. Tế giác gọi là Quán, thô giác gọi là Giác, chỉ là phân định dựa theo mức độ thô hay tế. Nếu công phu của quý vị thành tựu thì công phu ấy dần dần tăng tấn, đấy chính là tăng trưởng điều sẽ được nói ngay sau đây:

(Diễn) Giác quán bất hưu, diệc tức thị bệnh.

(演) 覺觀不休，亦即是病。

*(**Diễn**: Giác quán chẳng ngơi thì cũng chính là bệnh).*

Cho thấy điều này giống như uống thuốc. Uống thuốc này rất có hiệu quả, nó có thể trị bệnh. Đến khi bệnh sắp lành, lại phải bỏ thuốc ấy đi, chứ nếu tiếp tục uống sẽ sanh ra tác dụng phụ, lại biến thành bệnh. Điều này cho thấy pháp phương tiện này có thể dùng vào lúc mới học, chứ nó chẳng phải là pháp rốt ráo, nó có thể ngưng dứt vọng niệm, nhưng chưa thể làm cho quý vị khai ngộ. Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, mới biết A La Hán thành tựu Cửu Thứ Đệ Định mà chưa thể khai ngộ, chưa thể phá vô minh, chưa thể minh tâm kiến tánh cũng do cùng một đạo lý. Do vậy...

(Diễn) Toại tá xưng danh vi chuyển trị dã.

(演) 遂借稱名為轉治也。

*(**Diễn**: Bèn chuyển sang nhờ vào phép xưng danh để chữa trị).*

Đến khi đã có công phu này, lại dùng Niệm Phật, dùng một câu A Di Đà Phật để phá trừ giác quán.

(Diễn) Đản tự tự phân minh, diệc thị Giác. Cú cú tiếp tục (tựu thị tương tục), diệc thị Quán. Vân hà tức phá giác quán? Cái thị dĩ độc công độc, dụng binh chỉ binh, độc tận, binh tiêu, thân tâm an lạc nhĩ.

(演)但字字分明，亦是覺。句句接續(就是相續)，亦是觀。云何即破覺觀，蓋是以毒攻毒，用兵止兵，毒盡兵消，身心安樂耳。

*(**Diễn:** Nhưng từng chữ phân minh cũng là Giác, từng câu tiếp nối thì cũng là Quán, làm sao có thể phá giác quán? Ấy là vì dùng độc trị độc, dùng binh dẹp binh, độc hết, binh tiêu, thân tâm an lạc vậy).*

Thật ra, niệm một câu A Di Đà Phật vẫn là giác quán, nhưng phương thức quả thật khác với Sổ Tức. Sổ Tức là từ một đến mười, con số ấy nhất định phải rất rõ ràng, chẳng thể lầm loạn. Do vậy, tinh thần phải rất tập trung, đích xác là một phương pháp đối trị vọng niệm rất hay. Niệm Phật, có khi hành giả vừa niệm Phật vừa khởi vọng tưởng, vì sao? Người ấy chẳng đếm hơi thở. Câu Phật hiệu [được niệm] giống như ca thuộc lòng bài hát mà thôi, đâm ra chẳng thể chế phục vọng tưởng. Do vậy, niệm Phật phải đếm số là đạo lý này. Khi đếm số, niệm Phật và nguyên lý Sổ Tức được vận dụng đồng thời. Ví như sử dụng xâu chuỗi, một tiếng A Di Đà Phật lần một hạt, chẳng dễ khắc phục vọng tưởng. Nếu quý vị niệm ba tiếng A Di Đà Phật mới lần một hạt, so ra dễ dàng hơn, vì sao? Chuyên tâm! Khi chẳng chuyên tâm, ba tiếng sẽ bị quên. Niệm ba tiếng, chẳng thể nói "A Di Đà Phật một, A Di Đà Phật hai, A Di Đà Phật ba", đếm như vậy là không được! Một câu A Di Đà Phật niệm rất bình thường, niệm rất thuần thục, tự nhiên, con số ấy phải ghi nhớ chẳng sai chút nào, có như vậy thì mới có thể hàng phục vọng niệm. Từ ba tăng lên bốn, tăng lên năm, tăng lên dần dần. Nếu có thể niệm đến mười tiếng A Di Đà Phật mới lần một hạt thì đương nhiên công phu khá cao minh. Kẻ mới học suốt hai ba năm chưa chắc đã làm được!

Phương thức này là một biện pháp dùng độc trị độc, độc là gì? Độc là chấp trước. Dùng phương pháp này để phá trừ chấp trước Sổ Tức. Do đây có thể biết: Nguyên tắc lớn trong Phật pháp từ đầu đến cuối là phá trừ chấp trước. Trước hết phá Nhân Ngã Chấp, kế đến phá Pháp Ngã Chấp, là vì trong Chân Như tự tánh không có phân biệt, chấp trước. Có phân biệt, có chấp trước là phàm phu; không có phân biệt, không chấp trước là Phật, Bồ Tát. Đây cũng là nguyên tắc, nguyên lý tu học tối cao trong Phật pháp. Hết thảy phân biệt, chấp trước đều gạt bỏ, thân tâm sẽ an lạc.

(Diễn) Hựu hoặc thử nhân kính tựu Lý trì, nghiên cứu chi cực, đốn nhập vô tâm tam-muội, diệc bất khả tri. Thử chánh thị nhất cá hàm hưu dạng tử, cố thủ chi dĩ vi nghiệm dã.

(演)又或此人徑就理持，研究之極，頓入無心三昧，亦不可知。此正是一個咸休樣子，故取之以為驗也。

*(**Diễn**: Lại có khi người ấy sẽ mau chóng dùng cách Lý Trì, nghiên cứu đến tột cùng, nhanh chóng chứng nhập vô tâm tam-muội cũng không chừng! Đây chính là một thí dụ về "muôn mối phiền não đều dứt", nên nêu ra để làm chứng nghiệm vậy).*

"Nghiệm" (驗) là chứng nghiệm, tức là chứng minh; nay chúng ta gọi là *"kiến chứng"* (bằng chứng thấy rõ ràng). Chấp trì danh hiệu có Sự Trì và Lý Trì. Sự Trì là gì? Lý Trì là gì? Trong phần sau sẽ có đoạn kinh văn thảo luận cặn kẽ, đấy đều là nói về phương pháp, cảnh giới, hết sức trọng yếu! Nếu thật sự hiểu rõ, thông đạt lý luận và phương pháp thì không có chướng ngại gì, quả thật là có thể *"đốn nhập vô tâm tam-muội"*. *"Vô tâm"* là không có vọng tâm, vô niệm là không có vọng niệm, chứ không phải là chẳng có chân tâm, chẳng phải là không có chánh niệm. Đạt đến cảnh giới ấy sẽ là nhất tâm bất loạn, là Niệm Phật tam-muội hiện tiền. Đấy chính là tất cả vọng niệm đều ngưng dứt, toàn bộ hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều chẳng còn nữa, đều tiêu mất sạch sành sanh!

Do vậy, đại sư nêu lên một tỷ dụ để làm bằng chứng, khiến cho chúng ta tin tưởng một câu Phật hiệu quả thật có thể đạt đến công phu tối cao, rốt ráo nhất. Hôm nay đã hết giờ rồi!

Tập 27

Xin đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba mươi bốn:

(Sớ) Cố Vĩnh Minh vị: "Hữu nhân sổ tức, giác quán bất hưu, niệm Phật xưng danh, tức phá giác quán", thử kỳ nghiệm dã, hưu chi hựu hưu, cùng kỳ nguyên bổn, cố vân cứu cực, chí ư nhất tâm bất loạn, thị vi thành tựu Niệm Phật tam-muội.

(疏)故永明謂有人數息，覺觀不休，念佛稱名，即破覺觀，此其驗也。休之又休，窮其源本，故云究極。至於一心不亂，是為成就念佛三昧。

*(**Sớ**: Vì thế, ngài Vĩnh Minh nói: "Có người tu Sổ Tức, giác quán chẳng ngơi, niệm Phật xưng danh liền phá giác quán". Đấy là sự chứng nghiệm vậy, [đó là] đã ngưng dứt lại càng ngưng dứt hơn, thấu tột cội nguồn, nên nói là "rốt ráo đến tột bậc", đạt đến nhất tâm bất loạn, đó là thành tựu Niệm Phật tam-muội).*

Hôm qua tôi đã giới thiệu các từ ngữ Sổ Tức và Giác Quán rồi.

(Diễn) Hưu chi vị hưu, tức sở vị "tinh tấn cánh tinh tấn, phóng hạ hựu phóng hạ" dã.

(演) 休之又休，即所謂精進更精進，放下又放下也。

*(**Diễn**: "Đã ngưng dứt lại càng ngưng dứt hơn", ý nói: Đã tinh tấn lại càng tinh tấn, đã buông xuống lại càng buông xuống hơn).*

Những khai thị này đều là nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong Hành môn (phương diện tu hành). Chúng ta muốn công phu thành tựu, cổ đức thường nói: *"Thấy thấu suốt, buông xuống"*. Thấy thấu suốt và buông xuống có những tầng lớp khác nhau, hình thành năm mươi mốt địa vị Bồ Tát khác nhau, tức là Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác. Ngẫu Ích đại sư và Liên Trì đại sư cùng phán định kinh này có một phần thuộc Viên Giáo. Địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo đã buông xuống tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, trong Tịnh Độ gọi cảnh giới này là "công phu thành phiến thượng phẩm". Nếu quý vị đạt đến cảnh giới này, có phải là trọn đủ hay chăng? Thưa quý vị, chưa thể được! Phải nên làm như thế nào? Phải càng tinh tấn hơn, từ cảnh

giới này phải không ngừng nâng cao hơn, phải nỗ lực cho đến hết tuổi thọ! Nỗ lực trên phương diện nào? Tinh tấn trên hai phương diện buông xuống và thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt và buông xuống giúp nhau thành tựu; thấy thấu suốt là trí huệ, buông xuống là công phu, đấy mới là tinh tấn thật sự, là "đã ngưng dứt càng ngưng dứt hơn", phải đạt đến mục tiêu như thế nào? Câu tiếp theo nói giảng từ ngữ *"cùng kỳ nguyên bổn"*.

(Diễn) Nguyên bổn thị vạn lự chi nguyên đầu căn bản.
(演) 源本，是萬慮之源頭根本。
*(**Diễn**: "Cội nguồn" là gốc rễ đầu mối của mọi mối lo sầu).*

Trong Giáo Hạ thường nói tới điều này, gọi nó là *"căn bản vô minh"*. Chúng ta có thể bỏ ngay căn bản vô minh được hay chăng? Chẳng thể nào! Giống như chúng ta mặc quần áo, trời lạnh, mặc rất nhiều quần áo, mặc tới mấy bộ quần áo, căn bản vô minh giống như bộ quần áo sát thân. Khi quý vị cởi ra, nhất định phải cởi lớp bên ngoài trước, cởi từng lớp một thì mới cởi được lớp tận trong cùng, trọn chẳng thể nào không tháo bỏ những lớp ngoài mà cởi ngay được lớp bên trong. Đó là chuyện không thể nào làm được! Chúng ta phải buông xuống từ ngoài vào trong, từ thô đến tế; trước hết là buông xuống Kiến Tư phiền não, rồi buông xuống Trần Sa phiền não, cuối cùng buông xuống căn bản vô minh. Chiếu theo thứ tự thuận này thì mới tột cùng nguồn cội được. Sách Diễn Nghĩa lại dùng mấy câu kinh Lăng Nghiêm để chứng minh.

(Diễn) Cận ngôn chi, tức thị dung thông vọng tưởng, dĩ vi kỳ bổn. Cùng vị phù tưởng tiêu trừ, ư giác minh tâm, như khử trần cấu, thử tức thị Sự nhất tâm dã.
(演)近言之，即是融通妄想，以為其本。窮謂浮想消除，於覺明心，如去塵垢，此即是事一心也。
*(**Diễn**: Nói gần gũi thì chính là dung thông vọng tưởng, lấy nó (tức vô minh) làm gốc. "Cùng" có nghĩa là tiêu trừ những vọng tưởng hời hợt nơi tâm giác minh như trừ khử bụi nhơ. Đây chính là Sự nhất tâm).*

"Dung thông vọng tưởng" là đối với điên đảo mà nói. Lũ chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm, nghĩ trước, lo sau, những vọng tưởng ấy gọi là *"dung thông vọng tưởng"*. Vô lượng vô biên vọng tưởng đều sanh ra từ đây, chúng vẫn lấy vô minh làm căn bản. Nếu hiểu

rõ, thông đạt chân tướng của hết thảy các pháp, người ấy sẽ chẳng khởi vọng tưởng nữa. Quả thật là do chẳng hiểu rõ, thông đạt tướng chân thật của hết thảy các pháp, do chẳng hiểu rõ nên dấy lên nghi hoặc, do dấy nghi hoặc bèn sanh ra vọng tưởng.

Chữ *"cùng"* (窮) có nghĩa là công phu, nhất định phải gạt bỏ vọng tưởng. *"Phù tưởng tiêu trừ"*: Nói tới *"phù tưởng"* (những vọng tưởng hời hợt) thì có thể thấy những tướng được biến hiện bởi những vọng tưởng ấy là thô nhất, là tầng ngoài cùng hời hợt nhất [nên gọi là *"phù tưởng"*], chúng ta thường gọi chúng là Kiến Tư phiền não. Kiến (見) là kiến giải sai lầm, Tư (思) là tư tưởng sai lầm. Kiến giải và tư tưởng đều chẳng chính xác. Trước hết phải trừ bỏ những thứ ấy, tâm chúng ta sẽ thanh tịnh giống như trừ sạch bụi nhơ, tâm thanh tịnh dần dần thấu lộ. Đấy là cảnh giới Sự nhất tâm, mà cũng là mục tiêu thứ nhất trong sự học Phật của chúng ta.

(Diễn) Viễn ngôn chi, tắc thị võng tượng hư vô, điên đảo vọng tưởng, dĩ vi kỳ bổn. Cùng vị thúc nhiên huy liệt, viên minh tinh tâm, ư trung phát hóa, thử tức thị Lý nhất tâm dã.

(演)遠言之，則是罔象虛無，顛倒妄想，以為其本。窮謂倏然驃裂，圓明精心，於中發化，此即是理一心也。

*(**Diễn**: Nói xa xôi thì những hình tượng được biến hiện hư vọng, hư vô, điên đảo vọng tưởng, lấy nó làm gốc. "Cùng" có nghĩa là đột nhiên vỡ nát, cái tâm tinh thuần viên minh phát khởi tác dụng từ trong ấy. Đây chính là Lý nhất tâm vậy).*

Công phu càng sâu hơn. Do vậy, chúng ta niệm Phật, công phu bước đầu là trước hết cầu công phu thành phiến, không có cách nào bỏ qua được những điều này. Vì sao hiện thời công phu của chúng ta chẳng thể thành phiến? Nói cách khác, do chúng ta không buông xuống. Chẳng thể buông xuống, đó là chướng ngại. Chỉ cần quý vị không chịu buông xuống, công phu của quý vị vĩnh viễn chẳng thể thành phiến được!

Vừa rồi, Trịnh cư sĩ ngồi ở chỗ tôi cả tiếng đồng hồ. Ông ta và tôi bàn đến rất nhiều thứ đang được giới Tâm Lý Học Tây phương nghiên cứu, thảo luận hiện thời. Tâm có thể chuyển cảnh giới; gần đây nhất, họ công nhận đó là chuyện có thể được, có xu thế như vậy. Họ khảo sát tại mọi nơi, đặc biệt là [khảo sát] những người tu hành trong Phật giáo. Họ nói tâm có thể khống chế thân thể, khống chế tuổi thọ, có thể khiến cho thọ mạng kéo dài, hoặc khiến cho thọ mạng rút ngắn, ["khống chế thân

thể”] là danh từ được dùng bởi giới Tâm Lý Học hiện thời. Trong Phật pháp, chúng ta gọi đó là *“sanh tử tự tại”*; họ chẳng gọi là *“sanh tử tự tại”*, mà gọi là *“khống chế thân thể”*. Tâm linh có thể khiến cho thân thể khỏe mạnh, [và cũng] có thể khiến cho thân thể trường thọ. Người Tây phương hiện nay đang dốc sức nghiên cứu chuyện này, họ nghĩ những nghiên cứu ấy sẽ giúp cho các nhà khoa học nghiên cứu, thảo luận Phật pháp, học Phật. Như vậy là có phải họ sẽ thật sự đạt đến Phật pháp hay chăng? Vẫn còn có một khoảng cách khá dài, vì chẳng thể dùng tâm ý thức để nghiên cứu mà hòng thấu đạt Phật pháp được! Bọn họ vẫn sử dụng phân biệt hư vọng, chấp trước hư vọng, vẫn đi theo đường lối ấy.

Do những hiện tượng ấy là sự thật, tôi nêu lên một trường hợp: Bà Hoàng vãng sanh chưa được mấy ngày. Bà ta bị ung thư bao tử, ung thư ruột; do ung thư bao tử mà chuyển thành ung thư ruột. Mọi người đều biết bệnh nhân mắc chứng này hết sức đau khổ, nhưng bà ta nghiễm nhiên chẳng đau khổ tí nào, ăn uống như bình thường. Do vậy, ngay cả bác sĩ cũng ngơ ngác, vì sao vậy? Chưa từng thấy có bệnh án nào như thế. Bà ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, buông nỗi thống khổ xuống, bệnh khổ cũng buông xuống luôn. Do vậy, khi vãng sanh hết sức tự tại, không bị đau khổ mảy may nào, chắc chắn vãng sanh! Với tình hình như vậy, chắc chắn bà ta vãng sanh, chẳng có mảy may nghi vấn nào, đủ thấy tầm trọng yếu của buông xuống!

Những người niệm Phật chẳng thể thành tựu là vì trong lòng vướng mắc quá nhiều sự việc, tâm chẳng chuyên, niệm chẳng nhất. Tổ sư đại đức thường dạy chúng ta: *“Niệm bất nhất, bất sanh Tịnh Độ”* (Niệm chẳng chuyên nhất, chẳng sanh Tịnh Độ). Sanh về Tịnh Độ nhất định phải chuyên nhất, siêng năng niệm. Do vậy, hết thảy vọng tưởng đều phải buông xuống, tâm an trụ trong một câu Phật hiệu, có như vậy mới hòng thành tựu. Người thế gian chúng ta cứ tưởng người có nhiều kiến thức là kẻ thông minh, học rộng, lắm tài, nhưng trong cái nhìn của nhà Phật, chẳng hề nói như vậy! Những thứ kiến giải, tư tưởng ấy hoàn toàn chẳng chân thật, mà là căn bản của lục đạo luân hồi, là Kiến Tư phiền não. Kiến Tư phiền não đều buông xuống hết. Đó là Sự nhất tâm bất loạn. Tiến hơn nữa là Trần Sa phiền não và Vô Minh phiền não cũng buông xuống, đó là Lý nhất tâm bất loạn.

Ở chỗ này, kinh văn được dẫn [trong lời Sớ] là kinh Lăng Nghiêm: *“Võng tượng hư vô”*. *“Võng”* (罔) là hư vọng, chẳng chân thật. *“Tượng”* (象) là hiện tượng. Đúng như kinh Kim Cang đã dạy: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, *“hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt,*

bóng", đấy là *"võng tượng hư vô"* (những hình tượng được biến hiện đều hư vọng, rỗng tuếch). Trong hết thảy cảnh giới hư vọng, chúng ta chẳng liễu giải tướng chân thật; do vậy, bị những tướng cảnh giới ấy xoay chuyển, tức là tâm bị cảnh chuyển, chẳng thể tự tại! Chỗ cao minh của người tu hành là "cảnh chuyển theo tâm". Vừa rồi, Trịnh cư sĩ bảo tôi: "Hiện thời, người phương Tây dùng những dụng cụ đo đạc khoa học để khám nghiệm hành giả Du Già (Yoga) nhập Định và người tu Thiền nhập Định, thu được kết quả khác nhau. Đối với người tu Thiền Định theo lối Yoga, qua quan sát làn sóng điện ghi nhận sự phản ứng của người ấy, [các nhà khoa học nhận thấy] nếu cho người [đang nhập Thiền Yoga] ấy nghe âm thanh, [nhìn vào] làn sóng điện thể hiện sự phản ứng, [ta nhận thấy] người ấy dường như hoàn toàn không có tri giác, giống như cánh cửa đóng chặt. Điều này cũng giống như Vô Tưởng Định được nói trong kinh Phật, người ấy chẳng có tri giác đối với hết thảy cảnh giới bên ngoài. Những người nhập Thiền Định trong nhà Phật có cảm giác, lần thứ nhất cảm giác rất rõ rệt, lần thứ hai cảm giác nhẹ yếu hơn, đến lần thứ ba dần dần bất động. Do điều này, chứng tỏ rằng: Thiền Định trong Phật môn có tri giác, thứ gì cũng đều nhận biết. Cách nói này hoàn toàn phù hợp với những ý nghĩa về Thiền Định đã được giảng trong kinh Phật.

Thiền Định Phật pháp gọi là Tịnh Lự. *"Tịnh"* (靜) là tâm thanh tịnh, xa lìa hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. *"Lự"* (慮) là hiểu rõ phân minh. Có Chỉ, có Quán; Chỉ và Quán cùng vận dụng thì mới gọi là Thiền. Do vậy, Thiền Định hoàn toàn chẳng phải là "cái gì cũng không biết", không phải vậy! Nếu là như vậy, sẽ biến thành Vô Tưởng Định, trở thành ngoại đạo. Điều này cũng chứng tỏ, Phật pháp gọi Yoga là ngoại đạo, cảnh giới và công phu của họ khác với cách tu trì trong Phật pháp. Nói cách khác, Thiền Định có thể đoạn phiền não, có thể phá vô minh, nhưng Định của Yoga không thể làm được! Nó đọa trong vô minh, chẳng thể phá vô minh. Trong Định, họ (hành giả Yoga) có thể ngăn dứt phiền não, nhưng sau khi xuất Định, phiền não lại hiện tiền. Chúng ta cũng phải nên hiểu rõ điều này. Do hiện thời, những thứ này khá thịnh hành trên cả thế giới, thuật Yoga của Ấn Độ cũng hết sức thịnh hành tại Âu Mỹ, cảnh giới của họ đã dần dần bị các nhà khoa học dò lường. Điều này hữu ích đối với sự hoằng dương Phật pháp, sau đấy, họ mới liễu giải Phật pháp là chánh pháp.

Chữ *"cùng"* (窮) ở đây cũng là công phu, công phu ấy càng sâu hơn [so với công phu được nói trong đoạn trước]. Đột nhiên [vô minh] bị vỡ nát! Đây là nói "phá vô minh, khai trí huệ", nhà Thiền gọi điều này là

"hoát nhiên đại ngộ". Trong phần trên là tiêu trừ những phù tưởng (suy tưởng hời hợt) bên ngoài, đấy là đắc Định, nhưng chưa khai trí huệ; còn trong tầng này là từ Định mà khai Huệ, đại triệt, đại ngộ, cảnh giới khác biệt rất lớn.

"Viên minh tinh tâm, ư trung phát hóa" (cái tâm viên mãn, sáng suốt, tinh thuần được phát khởi tác dụng từ trong ấy): *"Viên"* (圓) là viên mãn, *"minh"* (明) là quang minh, trí huệ đầy ắp, *"tinh"* (精) là thuần nhất, chẳng tạp, nhất tâm đấy! Nhất tâm là viên mãn, nhất tâm là quang minh, là trí huệ. *"Tinh tâm"* là nhất tâm. *"Ư trung phát hóa"*: *"Phát"* (發) là làm sáng tỏ, *"hóa"* (化) là biến hóa. Hai chữ này đều nói về tác dụng, tức là cái tâm tinh thuần, viên mãn, sáng suốt khởi tác dụng, biến hiện điều gì? Biến hiện y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Điều này cũng thường được các tôn giáo gọi là *"toàn tri toàn năng"*, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể, đấy là Lý nhất tâm bất loạn. Nói theo Viên Giáo, từ Sơ Trụ Bồ Tát cho đến Đẳng Giác Bồ Tát đều gọi là Lý nhất tâm. Do đây biết rằng: Công phu nơi Lý nhất tâm có sâu hay cạn khác nhau; đấy chính là bốn mươi mốt đẳng cấp [Bồ Tát] được liệt kê trong kinh điển, chúng cùng là Lý nhất tâm, từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên đều gọi là Lý nhất tâm bất loạn.

Kinh Hoa Nghiêm gọi [những vị đã chứng đắc] Lý nhất tâm là Pháp Thân đại sĩ. Nếu chúng ta hỏi: Trong một đời, chúng ta có thể đạt đến cảnh giới này hay không? Thưa quý vị, có thể chứ, chẳng phải là không có thể, mà thật sự là có thể! Chứng đắc công phu này, đừng hỏi ai khác! Khi quý vị chứng đắc sẽ hiểu rõ ràng, nhưng khi quý vị chứng đắc sẽ có tầng lớp, có cấp bậc. Nhất định trước hết phải là khinh an, đạt được cái trong cửa Phật thường nói là *"tám gió thổi chẳng động"*. Tám gió thổi chẳng động, thưa cùng quý vị, thì vẫn chưa phải là nhập môn, mà tính là công phu thành phiến, tức là công phu thành phiến trung hạ phẩm trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, chẳng phải là thượng phẩm. Đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc thì mới là công phu thành phiến thượng phẩm. Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, cũng có ba bậc, chín phẩm. Do vậy, trong quá trình tu học, quý vị nhất định phải trải qua thứ tự như vậy. Hiện thời, cái tâm của chúng ta hễ được người ta khen ngợi mấy câu liền vui sướng mấy hôm, người ta chửi vài câu bèn giận mấy chục bữa chưa tan, làm thế nào được đây? Tám gió nhỏ xíu từ cảnh giới bên ngoài vừa thổi, tâm đã dấy động ầm ầm, không được rồi! Niệm Phật như vậy thì niệm suốt đời, vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ vẫn có vấn đề lớn!

Trong việc niệm Phật, tôi lại thưa cùng quý vị: Nay chúng ta coi vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ là chuyện to lớn nhất. Thế giới này khổ quá, thế giới này chẳng đáng lưu luyến! Nếu quý vị nói: Trong nhà tôi còn có cha mẹ, còn có con cái, chẳng thể không bận tâm! Quý vị có thể thật sự bận tâm được sao? Quý vị thật sự chăm sóc họ được ư? Chăm sóc chẳng được! Phải giác ngộ điều này! Chính mình chưa thể vượt thoát luân hồi, làm sao có thể chăm sóc người khác, có năng lực gì để chăm sóc người khác? Đúng là mê hoặc, điên đảo! Chẳng phải là bảo quý vị hãy mặc kệ cha mẹ, quyến thuộc, chẳng phải vậy. Điều kiện thứ nhất trong pháp môn Tịnh Độ là *"hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng"*, đủ thấy pháp môn này được kiến lập trên cơ sở luân lý. Hiện thời, [ta và thân quyến] tụ hội một chỗ, hãy tận tâm tận lực chiếu cố, nhưng cái tâm của chính mình nhất định phải an trụ n ơi Tây Phương.

Làm như thế nào thì mới có thể chiếu cố người nhà và quyến thuộc? Thưa quý vị, cách chiếu cố viên mãn rốt ráo nhất chính là khuyên họ niệm Phật. Họ niệm một câu Phật hiệu thành công cũng có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đấy mới là đạt đến rốt ráo, mới là đạt đến viên mãn. Khuyên họ chẳng nghe thì nêu gương cho họ thấy. Bà Hoàng rất tuyệt vời, chồng, con trai, con gái bà ta đều tin Phật, đều chẳng hoài nghi, do nguyên nhân nào vậy? Thấy bà ta vãng sanh, bà ta độ không ít người. Ngay cả bác sĩ trong bệnh viện thấy hiện tượng ấy cũng phải động tâm, rốt cuộc chuyện này là như thế nào vậy? Bất cứ bệnh nhân nào cũng không nhịn đau nổi, bà ta tỉnh như không! Khi mất, mặt còn lộ nét tươi cười, một tí đau khổ cũng chẳng có! Độ không ít người! Chính mắt chúng tôi trông thấy chuyện này, chẳng giả tí nào hết. Do vậy, nhất định phải hiểu: Chỉ có sanh về Tây Phương Tịnh Độ mới là rốt ráo.

Quý vị ở trong thế gian này, đem cả thế giới tặng cho quý vị thì quý vị lại có thể đạt được gì? Một hơi thở ra không hít vào được nữa, món gì cũng chẳng mang theo! Đấy là *"vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân"* (muôn thứ chẳng đem được, chỉ có nghiệp theo thân). Quý vị chẳng thể mang theo thứ gì cả, cũng có vị nghĩ rằng: "Hiện tại ta còn chưa chết", đấy là một cách nghĩ sai lầm. Quý vị mỗi đêm đi ngủ, ngủ là chết nhẹ nhàng một lần, mỗi ngày phải chết một lần. Quý vị thấy khi ngủ, quý vị có biết gì hay không? Khi quý vị ngủ, có vật nào trong thế gian thuộc về bản thân quý vị hay chăng? Ngủ say thì người ta có khiêng thân quý vị đi, bê đi, quý vị cũng không biết! Có khác gì đã chết hay chăng? Mỗi ngày phải chết nhẹ nhàng một phen, còn chưa tỉnh giác ư? Nhất định phải tỉnh giác!

(Diễn) Sự Lý nhất tâm, giai vi thành tựu Niệm Phật tam-muội.

(演) 事理一心，皆為成就念佛三昧。

*(**Diễn**: Sự nhất tâm và Lý nhất tâm đều là thành tựu Niệm Phật tam-muội).*

Đều gọi là Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội có thứ tự sâu hay cạn khác nhau. Sự nhất tâm nói theo Viên Giáo thì là sự chứng đắc của hàng Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín. Do đây biết: Chúng ta thường nói tới cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nhưng nếu chiếu theo Viên Giáo để nói, từ Sơ Tín tới Lục Tín, đối với mức độ thấp nhất trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, có sáu cấp bậc: Sáu cấp bậc ấy là thượng trung phẩm (thượng phẩm, trung phẩm) trong những người đới nghiệp vãng sanh. Nếu trong cảnh giới, "tám gió thổi chẳng động", chẳng qua là hạ phẩm trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nhưng thua với quý vị, người ấy quyết định vãng sanh. Chửi quý vị, hủy nhục quý vị, quý vị chẳng nóng giận; khen ngợi quý vị, quý vị cũng chẳng sanh tâm hoan hỷ. Trong cảnh giới thường ngày, quý vị có thể giữ gìn cái tâm bình tịnh, chẳng bị ngoại cảnh lay động, công phu ấy không cao, chẳng được coi là công phu cao, nhưng quyết định vãng sanh!

Sự nhất tâm bất loạn là cõi Phương Tiện Hữu Dư trong Tịnh Độ. Nếu dùng Viên Giáo để nói thì [Sự nhất tâm bất loạn] có bốn tầng cấp là Thất Tín, Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín. Lý nhất tâm bất loạn là bốn mươi mốt tầng cấp trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Thế nhưng, đạt từ Sự nhất tâm trở lên mới gọi là *"thành tựu Niệm Phật tam-muội"*. Tam-muội là gì? Dưới đây là lời giải thích.

(Diễn) Tam-muội giả, Phạn ngữ.

(演) 三昧者，梵語。

*(**Diễn**: Tam-muội là tiếng Phạn).*

Từ tiếng Phạn của Ấn Độ dịch âm.

(Diễn) Thử vân Chánh Định, diệc vân Chánh Thọ.

(演) 此云正定，亦云正受。

*(**Diễn**: Cõi này dịch là Chánh Định, còn dịch là Chánh Thọ).*

Định là gì? Thọ là gì? Dưới đây sẽ có giải thích.

(Diễn) Ly tà danh Chánh, ly tán danh Định.

(演) 離邪名正，離散名定。

*(**Diễn**: Lìa tà nên gọi là Chánh, lìa tán loạn nên gọi là Định).*

Người ấy lìa khỏi hết thảy tà tri kiến, tâm hệ niệm một chỗ, chẳng tán loạn; do vậy, gọi là Chánh Định.

(Diễn) Dĩ nhất tâm bất loạn, bất đồng phàm phu chi bất định, ngoại đạo chi tà định.

(演) 以一心不亂，不同凡夫之不定、外道之邪定。

*(**Diễn**: Do nhất tâm bất loạn nên chẳng giống với phàm phu bất định và tà định của ngoại đạo).*

Vì lẽ đó mà gọi là Chánh Định. Tâm phàm phu suốt ngày từ sáng đến tối tưởng Đông nghĩ Tây, bất định mà! Ngoại đạo thì giống như tôi vừa mới nói người ngoại quốc trắc nghiệm thuật Yoga, khi họ (người tu Yoga) nhập Định bèn chẳng biết gì về cảnh giới bên ngoài nữa, đó là tà định, chẳng gọi là Chánh Định. Do vậy, [Thiền Định] trong Phật pháp gọi là Chánh Định, không có tà tư, mà có chánh niệm. Chánh niệm phân minh, có giác, có quán, chẳng phải là Định chết cứng, mà là Định hoạt bát, sống động. Chánh Thọ là gì?

(Diễn) Bất thọ chư thọ, danh vi Chánh Thọ.

(演) 不受諸受，名為正受。

*(**Diễn**: Chẳng nhận lãnh các cảm thọ, nên gọi là Chánh Thọ).*

"Chư thọ": Phật pháp quy nạp hết thảy các thứ cảm nhận thành năm loại lớn: "Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả". [Sự cảm nhận nơi] thân được quy nạp thành hai loại khổ và lạc, tâm cũng có hai loại cảm nhận là ưu và hỷ (lo và mừng). Thân chẳng khổ chẳng lạc, tâm chẳng ưu chẳng hỷ thì khi ấy gọi là Xả Thọ. Chánh Thọ là lìa khỏi năm thứ cảm thọ này, hoàn toàn không có, khi ấy mới là sự thụ hưởng đúng đắn. Nói cách khác, quý vị có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả thì sự cảm nhận ấy không đúng đắn. Trong sự cảm thọ đúng đắn, nhất định không có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Do đây, có thể biết: Nếu chúng ta có những cảm thọ khổ, lạc, ưu, hỷ, xả hiện tiền, chính mình

nhất định phải giác ngộ, phải liễu giải những thứ cảm thọ ấy là không bình thường, ta là phàm phu, không phải là thánh nhân!

(Diễn) Dĩ nhất tâm bất loạn, vô nhất pháp đương tình, danh Chánh Thọ dã.

(演) 以一心不亂，無一法當情，名正受也。

*(**Diễn**: Do nhất tâm bất loạn, không có một pháp nào là tình thức, nên gọi là Chánh Thọ).*

Câu này rất quan trọng. Chữ Tình (情) có phạm vi hết sức rộng lớn. Ở đây, nó là tên gọi chung của vô minh phiền não. Khi tâm đã đạt nhất tâm, trong ấy quả thật không có vô minh, mà cũng chẳng có phiền não. Nhất tâm là tâm thanh tịnh, trong nhị tâm sẽ khởi lên tình, tức là có tình kiến, có tình thức. Nói cách khác, có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Nếu khi tâm quý vị chuyên nhất, chắc chắn chẳng sanh phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, đó gọi là Chánh Thọ. Hiểu rõ ràng, minh bạch những cảnh giới trước mắt, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, tâm quý vị là một, không hai. Nhất tâm là chân tâm, nhị tâm là vọng tâm. Nói cách khác, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bằng chân tâm thuần nhất. Trong chân tâm đầy ắp trí huệ, đầy đủ hết thảy công năng, giống như Lục Tổ khi ngộ nhập đã nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn thanh tịnh"*. Chân tâm là thanh tịnh, quyết chẳng có ô nhiễm. *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn đầy đủ"*: Nhất tâm đầy đủ vạn pháp, vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, thứ gì cũng viên mãn, chẳng khiếm khuyết thứ gì. *"Nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra muôn pháp"*. Đấy chính là *"ư trung phát hóa"* (khởi tác dụng trong ấy). Do vậy, không có một pháp nào là tình thức thì cảm thọ ấy mới gọi là Chánh Thọ, mới gọi là Niệm Phật tam-muội. Do đây, biết rằng: Niệm Phật tam-muội có nhiều trình độ sâu hay cạn khác biệt, từ Sự nhất tâm đến Lý nhất tâm, từ địa vị Thất Tín trong Viên Giáo cho đến quả vị Như Lai rốt ráo, đều gọi là Chánh Thọ. Đấy mới là sự hưởng thụ tối cao và chân thật nhất trong đời người.

Đoạn này giảng về *"nhân thành"*, tức là tu nhân sẽ có thành tựu. Nay chúng ta cũng đang niệm Phật. Niệm Phật là tu nhân, tuy tu nhưng mà như thế nào? Chẳng thành tựu! Do vậy, mọi người phải đặc biệt học thuộc hai câu trong đoạn văn trên đây. Câu thứ nhất là *"vạn lự hàm hưu"* (mọi mối lo đều ngưng dứt), câu thứ hai là *"nhất tâm bất loạn"*. Đấy là thành tích trong khi tu nhân. Nay chúng ta tuy tu nhân mà chẳng đạt được thành tích, là vì chúng ta hiện đang muôn mối lo sầu tơi bời, chẳng thể

khống chế được tí nào, còn nói gì đến nhất tâm nữa? Người ta là nhất tâm bất loạn, chúng ta chẳng biết có bao nhiêu cái tâm? Đúng là thiên hạ đại loạn! Lời này cũng rất đúng vậy!

Tại Trung Quốc, trong quá khứ do chánh phủ nỗ lực, đề xướng nền giáo dục ưu mỹ, tốt đẹp, nên tâm người Trung Quốc nằm trong phạm vi luân thường đạo đức. Tuy quý vị có rất nhiều niệm lự (tức vọng tưởng), nhưng vọng tưởng có phạm vi, chẳng vượt quá những phạm vi ấy, nên xã hội có thể đạt đến an ninh, hòa bình. Giềng mối đạo đức có thể duy trì cho đến hiện tại là nhờ vào từ đường. Bất cứ dân tộc quốc gia nào trên thế giới cũng không có từ đường, chỉ có người Trung Quốc mới có từ đường; nay lại muốn dẹp bỏ từ đường. Nói cách khác, căn bản của dân Trung Quốc bị dao động, nếp suy nghĩ của mọi người không có phạm vi, chẳng có chuẩn tắc. Trước kia, chuẩn tắc dựa theo Nho gia, lấy Tứ Thư, Ngũ Kinh làm tiêu chuẩn, nếp suy nghĩ chẳng thể vượt khỏi những tiêu chuẩn ấy. Do lấy chúng làm phạm vi, nên chúng trở thành phạm vi đạo đức. Hiện thời, phạm vi đạo đức này bị đả phá.

Nói cách khác, hiện thời không có nguyên tắc, chẳng có phạm vi, còn làm gì được nữa! Những học thuyết lạ lùng, những dị đoan xuất hiện khắp nơi. Trước kia thì không được! Trước kia, nếu ngôn luận, trước tác nào phản kháng giềng mối đạo đức Nho gia, chánh phủ sẽ ngăn cấm, chẳng cho phép lưu thông. Trong Phật pháp, những thứ gì trái nghịch Đại Thừa Phật pháp thì chúng là dị đoan, cũng chẳng được phép lưu thông. Hiện thời, nói là "dân chủ, tự do", không còn hạn chế nữa! Do vậy, bao nhiêu là "tôn giáo" mới xuất hiện, dị đoan, tà thuyết, giống như trong kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng"*. Tư tưởng đã loạn thì thiên hạ cũng loạn. Ví như trong đoàn thể chúng ta, nếu mỗi người nghĩ một cách, mỗi người làm một kiểu, làm sao đoàn thể của quý vị không loạn cho được? Trong đoàn thể của quý vị, mỗi người chỉ có một kiểu nghĩ, cùng một cách làm, đoàn thể ấy nhất định phục hưng, đó là đạo lý rất rõ rệt vậy!

...Trong Phật pháp, quý vị muốn thành tựu quả vị rốt ráo, càng phải nhất tâm. Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng nhất trong hết thảy thế giới? Là vì điều kiện để đến được nơi đó là nhất tâm bất loạn. Phàm những người đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai nấy đều là nhất tâm bất loạn. Nói cách khác, người dân trong toàn cõi có cùng một cái tâm, cùng một tri kiến, không có dị thuyết, chẳng có dị đoan. Thế giới Cực Lạc cao minh là cao minh ở chỗ này. Quý vị có tri kiến, do tri kiến ấy, chắc chắn chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ắt phải

buông xuống hết thảy tri kiến, phải vứt bỏ hết, thì mới thỏa điều kiện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sự và Lý này chẳng khó hiểu. Do vậy, y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật là có lý.

Chúng ta thấy thế giới ngày nay loạn lạc, vô lượng vô biên tà thuyết dị đoan cùng dấy lên, đấy là điềm đại loạn. Chúng ta lại chẳng có năng lực ngăn dứt, dẹp yên mối loạn ấy, không có năng lực cứu khổ chúng sanh. Không có năng lực ấy thì trước hết phải tự cứu. Chẳng thể cứu người thì phải cứu chính mình trước. Đợi đến khi chúng sanh thế giới này đã khổ tới mức cùng cực rồi, muốn quay trở lại thì khi ấy có thể thừa nguyện tái lai.

Do đây biết: Y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới nhờ vào đâu mà có? Chúng ta hiểu rõ Sự và Lý này, rồi mới hiểu nên tu hành như thế nào thì mới có thể ổn thỏa, thích đáng vãng sanh Tịnh Độ. Tu nhân nhất định có thành tựu, phải có thành tích. Chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh điều này, hy vọng các đồng tu sẽ chú ý.

Nhị, quả chứng.

二果證。

(Hai, chứng quả).

Do có thành tích, đương nhiên có kết quả. Trong phần Quả Chứng, lời văn gồm hai dòng rưỡi và được chia thành bốn đoạn, xin hãy xem kinh văn.

(Tự) Nãi tri phỉ ly khuể bộ, bảo trì dũng tứ sắc chi hoa.

(序) 乃知匪離跬步，寶池涌四色之華。

*(**Tựa**: Bèn biết: Chẳng lìa nửa bước, ao báu trổ hoa bốn màu).*

Đây là đoạn thứ nhất.

(Tự) Bất xuất hộ đình, kim địa nhiễu thất trùng chi thụ.

(序) 不出戶庭，金地遶七重之樹。

*(**Tựa**: Chẳng ra khỏi sân, khỏi cửa, bảy hàng cây vây quanh đất vàng).*

Đây là đoạn thứ hai.

(Tự) Xứ xứ Di Đà thuyết pháp, thời thời liên nhụy hóa sanh.

(序) 處處彌陀說法，時時蓮蕊化生。

*(**Tựa**: Chốn chốn Di Đà thuyết pháp, thời thời hóa sanh trong hoa sen).*

Đây là đoạn thứ ba.

(Tự) Trân cầm dữ thứ điểu giai âm, quỳnh viện cộng mão đường tịnh thái.

(序) 珍禽與庶鳥偕音，瓊院共茆堂並彩。

*(**Tựa**: Chim quý lẫn chim thường hòa tiếng hót nhịp nhàng, lầu quỳnh cùng lều tranh cùng nhau khoe sắc).*

Đây là đoạn thứ tư. Bốn câu này toàn nói về quả báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả báo thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Xin đọc lời chú giải trong sách Diễn Nghĩa.

(Diễn) Nãi tri hạ, thị minh Lý nhất tâm cảnh giới.

(演) 乃知下，是明理一心境界。

*(**Diễn**: Từ chữ "nãi tri" trở đi, nói về cảnh giới Lý nhất tâm).*

Đây là nói chung.

(Diễn) Phỉ ly tứ cú, chánh thuyết duy tâm Tịnh Độ dã.

(演) 匪離四句，正說唯心淨土也。

*(**Diễn**: Bốn câu "chẳng lìa..." nói thẳng vào duy tâm Tịnh Độ).*

Chúng ta vừa nói tới bốn đoạn. Trong ấy, đoạn thứ nhất và thứ hai nói về duy tâm Tịnh Độ.

(Diễn) Xứ xứ lưỡng cú, ngôn xúc xứ đỗng nhiên.

(演) 處處兩句，言觸處洞然。

*(**Diễn**: Hai câu "chốn chốn" ý nói những chỗ tiếp xúc đều rỗng rang).*

Chốn chốn Di Đà thuyết pháp là đoạn thứ ba. *"Ngôn xúc xứ đỗng nhiên"*: Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần [bèn nhận biết] rõ ràng, minh bạch.

(Diễn) Trân cầm lưỡng cú, ngôn nhất vị bình đẳng.

(演) 珍禽兩句，言一味平等。

*(**Diễn**: Hai câu "trân cầm" ý nói một vị bình đẳng).*

Trong đây còn có một lời tiểu chú.

(Diễn) Tế ngoạn chú trung tự kiến.

(演) 細玩註中自見。

*(**Diễn:** Từ những lời chú thích, hãy suy ngẫm cặn kẽ sẽ tự thấy từng ý nghĩa thú vị).*

Chú thích ở đâu? Trong phần sau. Đối với lời chú giải tiếp theo đây, phải chú ý suy gẫm cặn kẽ sẽ thấy rất ý vị, mới có thể thấy được ý nghĩa được nêu ra trong đoạn văn này. Chúng ta hãy xem từng đoạn.

(Diễn) Khuể bộ dũng hoa giả.

(演) 跬步湧華者。

*(**Diễn**: "Nửa bước, trổ hoa" là...)*

"Khuể bộ" ý nói rất gần, giống như chúng ta đi đường, nửa bước gọi là Khuể (跬). [*"Khuể bộ"*] là còn chưa được một bước chân, nghĩa là rất gần. Trong từ ngữ *"dũng hoa"* (hoa trồi lên, hoa vọt lên) thì chữ *"hoa"* chỉ hoa sen.

(Diễn) Vị tâm hoa xán phát, tả hữu phùng nguyên, thanh tịnh quang minh chi Thể, đương xứ xuất sanh dã.

(演)謂心華燦發，左右逢源，清淨光明之體，當處出生也。

*(**Diễn**: Ý nói tâm hoa nở rạng rỡ, đâu đâu cũng gặp nguồn, Thể thanh tịnh quang minh xuất sanh từ ngay nơi ấy).*

Quả thật là *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*. Duyên Khởi Tánh Không được nói trong Tánh Tông cũng chính là cảnh giới này. Hoa tượng

trưng cho "nhân hạnh" (hạnh thực hiện trong khi tu nhân). Phần trước là tu nhân, nhân viên, quả mãn. Nhân đã tu trọn vẹn, sẽ đắc quả báo viên mãn. Nói *"tâm hoa xán phát"* (tâm hoa trổ rực rỡ) thì hoa ở đây là hoa Lục Độ, mà cũng chính là *"tinh tấn hựu tinh tấn, phóng hạ hựu phóng hạ"* (đã tinh tấn lại càng tinh tấn, đã buông xuống lại càng buông xuống) như đã nói trong phần trước. Đó chính là *"tâm hoa xán phát"*. Hết thảy đều buông xuống sạch sành sanh; khi ấy, bổn lai diện mục hiện tiền.

Đến khi ấy, trong cảnh giới hiển thị *"tả hữu phùng nguyên, đầu đầu thị đạo"* (đâu đâu cũng gặp nguồn, chuyện gì cũng là đạo), đúng như cổ đức đã nói: "Có pháp nào chẳng phải là Phật pháp?" Không có một pháp nào chẳng phải là Phật pháp, đấy mới là *"đâu đâu cũng gặp nguồn, chuyện gì cũng là đạo"*, mà cũng là Lý Sự Vô Ngại, Sự Sự Vô Ngại như kinh Hoa Nghiêm đã nói, nhập cảnh giới "vô chướng ngại tự tại giải thoát".

"Thanh tịnh quang minh chi Thể" chính là Chân Như bổn tánh, *"đương xứ xuất sanh"* (xuất sanh từ ngay nơi ấy). Chân Như bổn tánh ở đâu? Không đâu chẳng phải là nó, không lúc nào chẳng phải là nó, chẳng có một vật, một sự nào chẳng phải là nó; đấy là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm chưa đạt đến cảnh giới này, công phu thành phiến chẳng cần phải nhắc tới nữa! Cảnh giới ấy chẳng hai chẳng khác những điều được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Đây là một cách giải thích. Lại xem tiếp:

(Diễn) Hựu tâm bao pháp giới, ký diệu ngộ nhất tâm, tức vạn ức sát ngoại chi liên hoa, diệc bất ly thốn bộ dã.

(演)又心包法界，既妙悟一心，即萬億剎外之蓮花，亦不離寸步也。

*(**Diễn**: Lại nữa, tâm chứa trọn pháp giới. Đã diệu ngộ nhất tâm thì hoa sen ở ngoài mười ức cõi cũng chẳng cách xa một tấc bước chân nào).*

Pháp nào cũng viên dung giống như kinh Hoa Nghiêm nói: *"Nhất vi trần trung, hiện vô lượng vô biên đích sát hải"* (Trong mỗi vi trần hiện vô lượng vô biên sát hải). Không chỉ là hạt cải chứa đựng núi Tu Di, hạt cải chứa đựng núi Tu Di thấm vào đâu? Chúng ta đọc thấy những điều này trong kinh Hoa Nghiêm.

Vi trần và cõi nước viên dung, một niệm và cả kiếp viên dung, cảnh giới ấy mới được gọi là Nhất Chân pháp giới, quyết định là chân thật. Hễ mê thì sẽ có cái được gọi là "mười pháp giới", vô lượng vô biên pháp giới;

ngộ rồi thì pháp giới là một, chẳng phải mười! Đây hoàn toàn là cảnh giới sau khi đã ngộ, mới biết *"tâm bao pháp giới"*.

Vì vô lượng vô biên pháp giới đều là Tướng Phần được hiện trong tự tâm, tâm có thể hiện tướng, thức có thể biến tướng. Vì sao có thiên sai vạn biệt (muôn vàn sai khác) nhiều dường ấy? Duy thức sở biến. Những tướng được biến hiện ấy do đâu mà có? Duy tâm sở hiện. Do vậy, phải hiểu tâm rộng lớn, thức có công năng chẳng thể nghĩ bàn!

"Tâm" là chính mình. Cách nói này thường khiến cho chúng ta mê hoặc, hồ đồ. Vì sao mê hoặc? Vì chúng ta cứ một mực cho rằng cái thân này là chính mình. Trừ cái thân ra, chẳng có gì là chính mình! Tâm ở nơi đâu? Tâm ở trong cái thân ta, tâm chẳng ở bên ngoài. Đó là sai lầm căn bản! Nói cách khác, nó cũng là căn bản vô minh. Minh là hiểu rõ, [vô minh] là chẳng hiểu rõ!

Do vậy, Phật pháp thường lấy mộng cảnh để tỷ dụ, hy vọng quý vị sẽ từ mộng cảnh mà thấu hiểu. Trong khi chúng ta đang nằm mộng, lúc chúng ta tỉnh dậy hãy suy nghĩ: Cảnh giới trong mộng và giấc mộng do đâu mà có? Do cái tâm của chính mình biến hiện. Cảnh trong mộng há chẳng phải do tâm hiện thức biến? Rất dễ dàng cảm nhận: Những cảnh giới trong mộng chỉ do thức biến, những cảnh giới trong mộng chỉ do tâm hiện, dễ dàng hiểu rõ điều này! Nếu giác ngộ rồi thì tâm thức ấy mới thật sự là chính mình, cái có khả năng biến (Năng Biến) là chính mình, cái được biến (Sở Biến) cũng chẳng hai. Năng và Sở bất nhị.

Nếu quý vị giác ngộ như vậy thì có cảnh nào trong mộng chẳng phải là chính quý vị? Trong mộng, đương nhiên có cái thân thể của chính mình thì nó cũng là chính mình, hết thảy nhân vật được hiện trong giấc mộng vẫn là chính mình, đều do cái tâm của chính mình biến ra. Ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm, vốn là chính mình. Trong mộng gặp một kẻ oán gia đối đầu, cãi cọ với hắn, đánh lộn với hắn, tỉnh giấc rồi, đúng là chán ngắt, tự mình đánh chính mình. Tự mình do chính cái tâm của mình biến hiện. Oán gia đối đầu vẫn là do chính cái tâm của mình biến ra, đánh lộn chẳng phải là tự mình đánh chính mình đó ư? Đâu còn có chuyện ấy nữa!

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật dạy: *"Tự tâm thủ tự tâm, phi huyễn thành huyễn pháp"* (Do tự tâm chấp lấy tự tâm, nên cái chẳng huyễn trở thành pháp hư huyễn). Thích Ca Mâu Ni Phật rất cảm thán, chúng sanh mê hoặc, điên đảo, chẳng biết tâm lượng của chính mình rộng lớn, chẳng biết công năng nơi chân tâm của chính mình. Do vậy, phàm là người minh

tâm kiến tánh, nhất định sẽ một dạ từ bi, người ấy liễu giải chân tướng, thật sự hiểu rõ trời, đất và ta có cùng một gốc, vạn vật và ta cùng một Thể.

Thật sự hiểu rõ rồi thì khi ấy sẽ khởi tác dụng là vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, thanh tịnh, bình đẳng, bác ái đối với hết thảy chúng sanh. Nếu quý vị chẳng ngộ, đại dụng này chắc chắn chẳng thể hiện tiền. Nếu quý vị mê hoặc, sẽ phân chia giới hạn, có phân biệt, chấp trước, có vô lượng vô biên vọng tưởng trong ấy. Nói cách khác, mê mất chân tướng của toàn thể vũ trụ nhân sinh.

Ở đây, sách Diễn Nghĩa bảo chúng ta người đã ngộ, "ký diệu ngộ nhất tâm" (đã diệu ngộ nhất tâm) thì y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là Tướng Phần của nhất tâm. Quý vị hãy suy nghĩ: Quý vị niệm Phật đến mức nhất tâm bất loạn, sẽ tuyệt diệu lắm! Khi nào niệm đến mức nhất tâm bất loạn, niệm thành tựu Niệm Phật tam-muội, tận hư không khắp pháp giới là chính mình, làm sao chẳng tự tại? Đó gọi là giải thoát thật sự, tự tại thật sự.

"Tức vạn ức sát ngoại chi liên hoa, diệc bất ly thốn bộ". (Ngay cả hoa sen cách ngoài mười vạn ức cõi, cũng chẳng lìa khỏi khoảng cách chừng bằng một tấc bước chân). Chữ *"vạn ức"* ngụ ý xa xôi, Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Dẫu là cách mười vạn ức cõi Phật, cảnh giới trong ấy cũng chẳng lìa khỏi [khoảng cách] chừng bằng một tấc của bước chân, vì sao? Nó do nhất tâm hiện ra.

Ý nghĩa trong câu này hết sức sâu xa, thật sự hiểu rõ đạo lý này, mới biết thế giới Tây Phương cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật, tuy xa xôi ngần ấy, muốn đến đó chẳng khó, chẳng lìa khoảng cách chừng bằng một bước chân! Vì sao nói bước chân chẳng rời khỏi một tấc đã đến được? Vì nó là do tâm của chính mình hiện ra, do tám thức của chính mình biến.

[Lời Sớ] nói cho ta biết lý ấy! Nếu nói theo phương diện cảnh giới và công phu thì đây là sự thật. Thế giới Tây Phương là liên hoa hóa sanh; do vậy, lời Sớ mới viết *"phi ly khuể bộ"*, tức là chẳng rời khỏi nửa bước chân, trong ao sen bảy báu trổ hoa sen bốn màu. Hoa sen là chỗ hóa sanh của người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Câu này nhằm bảo chúng ta: Bất luận là nói theo mặt Lý, hay nói theo mặt Sự, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới quyết định là sự thật, chắc chắn có thể được, đúng như cổ đức đã nói: *"Vạn người tu, vạn người đến"*. Sợ quý vị không hiểu rõ đạo lý này, chứ nếu đã hiểu rõ đạo lý này, quý vị mới có thể đoạn trừ nghi hoặc.

Đoạn nghi sanh tín là điều kiện cơ bản nhất trong sự tu học của Tịnh Độ. Do đây biết rằng: Bản kinh và bản chú giải này có công đức rất lớn

đối với chúng ta, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Hôm nay đã hết thời gian, chúng tôi giảng đến đoạn này.

Tập 28

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba mươi lăm:

Nhị, quả chứng.

(Tự) Nãi tri phỉ ly khuể bộ, bảo trì dũng tứ sắc chi hoa. Bất xuất hộ đình, kim địa nhiễu thất trùng chi thụ. Xứ xứ Di Đà thuyết pháp, thời thời liên nhụy hóa sanh. Trân cầm dữ thứ điểu giai âm, quỳnh viện cộng mão đường tịnh thái.

二果證。

(序)乃知匪離跬步，寶池涌四色之華。不出戶庭，金地遶七重之樹。處處彌陀說法，時時蓮蕊化生。珍禽與庶鳥偕音，瓊院共茆堂並彩。

(Hai, chứng quả.

***Tựa**: Bèn biết: Chẳng lìa nửa bước, hoa bốn màu trổ nơi ao báu. Chẳng ra khỏi cửa, khỏi sân, bảy hàng cây vây quanh đất vàng. Chốn chốn Di Đà thuyết pháp, thời thời hóa sanh trong hoa sen. Chim quý cùng chim thường hòa tiếng hót nhịp nhàng, viện quỳnh cùng lều tranh cùng nhau khoe sắc).*

Trong đoạn văn này có bốn tiểu đoạn. Hai câu đầu trong đoạn thứ nhất đã được giới thiệu trong phần trước. Hôm nay chúng ta xem tiểu đoạn thứ hai, tức là *"bất xuất hộ đình, kim địa nhiễu thất trùng chi thụ"*. Đối với phần lời Tựa, phải đọc kỹ Sớ Sao và Diễn Nghĩa rồi mới hiểu được những nghĩa lý huyền diệu, có thể nói là từng câu từng chữ đều ban cho chúng ta những khơi gợi rất lớn. Những điều này hoàn toàn thuộc về cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn, mà cũng là những điều được nói trong kinh Hoa Nghiêm, tức "Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại", chúng ta thường gọi [cảnh giới ấy] là Nhất Chân pháp giới. Trong bộ Sớ Sao Diễn Nghĩa đều giải thích những điều ấy.

(Diễn) Hộ đình nhiễu thụ giả.

(演) 戶庭繞樹者。

*(**Diễn**: "Cửa, sân, hàng cây vây quanh" là...)*

"Hộ đình" là chỗ rất gần. Hộ (戶) là cánh cửa, phía bên ngoài cửa là sân (đình viện). Đây là kiến trúc của Trung Quốc thuở trước, đương

nhiên khác với chung cư hiện thời. Hiện thời chúng ta có cửa, nhưng không phải nhà nào cũng có sân.

(Diễn) Vị giác lâm tăng trưởng, đạo thụ tư vinh. Trưởng dưỡng chúng thiện chi Thể, tùy xứ phát hiện dã.

(演)謂覺林增長，道樹滋榮，長養眾善之體，隨處發現也。

*(**Diễn**: Ý nói: Rừng giác tăng trưởng, cây đạo tốt tươi. Nuôi dưỡng lớn cái Thể của các điều thiện, nó sẽ hiển lộ ở mọi nơi).*

Đây là giảng giải ý nghĩa. Trong thế giới Tây Phương, đất bằng vàng ròng, do vậy, gọi là *"kim địa"*. Trên mặt đất, kinh đã nói rất cặn kẽ, có bảy tầng hàng cây, bảy tầng lưới chăng, đây là nói về sự trang nghiêm trên mặt đất. Chữ *"thất"* trong *"thất trùng"* (bảy tầng) tượng trưng cho ý nghĩa viên mãn, hoàn toàn chẳng phải là con số. Nếu quý vị nghĩ nó là con số thì lầm mất rồi! Nếu chúng ta nhìn vào một chỗ nào mà tất cả nhà cửa đều giống nhau, quý vị nghĩ xem nó có dễ coi hay không? Không có gì dễ coi cả! Thế nào là viên mãn? Trong tâm chúng ta vui thích như thế nào, nó bèn xuất hiện đúng như thế ấy, đó gọi là viên mãn. Nói cách khác, trong thế giới Tây Phương chẳng có chuyện gì không vừa lòng, không có một sự vật nào chẳng xứng ý. Hoàn cảnh ấy quả thật trang nghiêm đến cùng cực. Nhìn ngược lại hoàn cảnh của chúng ta hiện thời, hoàn cảnh lý tưởng mà tâm chúng ta thường mong mỏi chẳng dễ gì đạt được, không có được! Hoàn cảnh chẳng vừa ý, chẳng xứng lòng mà chúng ta muốn rời khỏi cũng chẳng dễ gì bỏ được. Đấy chính là: *"Hảo nan cầu, ác nan khiển"* (Điều tốt khó cầu, điều xấu khó gạt bỏ), đâu có thứ gì cũng xứng lòng thỏa ý như trong thế giới Tây Phương! Chữ *"thất"* biểu thị xứng tâm như ý, tượng trưng cho sự viên mãn, có cùng một ý nghĩa với chữ *"thập"* trong kinh Hoa Nghiêm, đều nhằm biểu thị ý nghĩa viên mãn.

"Giác lâm", *"đạo thụ"* đều nhằm tỷ dụ thân tâm của chính mình; hai câu này ý nói trí huệ tăng trưởng, công đức dồi dào, vô lượng vô biên trí huệ, vô lượng vô biên đức năng. *"Trưởng dưỡng chúng thiện chi Thể"*: *"Thể"* là bổn tánh của chính mình. Chân tánh là Thể của muôn điều thiện. Từ chỗ này, chúng ta cũng có thể thấu hiểu chân tánh là cái Thể chí thiện. Nếu trong tâm chúng ta có mảy may bất thiện nào, chứng tỏ chân tánh của chúng ta đang bị mê, không ngộ! Nếu chân tánh là giác, nhất định sẽ thuần thiện, không có mảy may điều ác nào. Chân tánh là thanh tịnh, quyết chẳng có một tạp niệm nào!

Chúng ta gọi thế gian này là thế giới Sa Bà, thế giới này là thế giới ô nhiễm. Người tu đạo nếu khéo vận dụng hoàn cảnh thì nơi đây chính là chỗ tu hành tốt nhất. Nếu chẳng khéo vận dụng hoàn cảnh, thưa quý vị, không ai chẳng đọa lạc. Tuy nói là sáu đường, ba đường lành ví như *"ngoi đầu ra"*, ba đường ác ví như *"chìm lỉm"*, nhưng nói thật ra, thời gian chúng sanh ở trong ba đường lành hết sức ngắn ngủi, tạm bợ, thời gian trong ba đường ác cực dài. Đây đều là chân tướng sự thật trong thế giới Sa Bà. Khéo vận dụng hoàn cảnh này để làm đạo tràng tu hành cho chính mình thì xưa nay đã có khá nhiều tấm gương. Những vị ấy ở trong thế giới ngũ dục lục trần phồn hoa mà có thể bỏ, có thể buông xuống được. Hôm qua chúng ta đã đọc câu *"hưu chi hựu hưu"*, tức là đã tinh tấn lại càng tinh tấn hơn, đã buông xuống lại càng buông xuống hơn.

Trong Phật môn, bất luận là bậc đại đức xuất gia hay tại gia, hễ thật sự là một người tinh tấn tu hành, người ấy chắc chắn chẳng tham luyến ngũ dục, lục trần, hạ mức sống đến mức thấp nhất. Thuở đức Phật tại thế, ba y một bát, đấy là hạ mức sống xuống mức thấp nhất. Ngoài ba y một bát, không còn vật nào khác, hoàn cảnh này là nơi tu học tốt đẹp. Liên Trì đại sư dạy chúng ta: Người tu hành thật sự chắc chắn không tham luyến tiếng tăm, lợi dưỡng, bỏ sạch những thứ ấy. Nếu có thể cam lòng sống đạm bạc, đạo nghiệp mới có thể thành công. Thứ hai, nhất định chẳng nắm níu, trừ những cuộc thù tiếp bất đắc dĩ, không có cách nào [tránh né được], mọi thứ đều phải giảm bớt. Chính tôi thấy có hai vị pháp sư hiện đang ở nước Mỹ, một vị là pháp sư Nhân Tuấn, vị kia là pháp sư Nhật Thường. Ở ngoại quốc, hai vị này bị gọi là "quái nhân", chẳng giao tiếp, thù tạc, không trả lời điện thoại, tu hành rất sốt sắng, đâu có lúc rảnh rỗi để thù tiếp. Chúng tôi nhìn thấy, hết sức kính trọng, đấy là tấm gương trước mắt.

Cổ đại đức nêu gương rất nhiều, như bậc cao tăng thời cận đại là lão hòa thượng Hư Vân, lão pháp sư Ấn Quang, quý vị đều biết. Một bộ quần áo mặc ba, bốn chục năm, rách rồi lại vá! Quý vị thấy lão hòa thượng mặc quần áo vá víu, chằm khíu bao nhiêu mảnh? Tín đồ của các Ngài đầy khắp thiên hạ, đại tài chủ rất đông, cúng dường chẳng thể tính được số, ngay cả một bộ quần áo mới mà lão hòa thượng may không nổi hay sao? Lão hòa thượng không may! Tín đồ thường tặng cho Ngài quần áo mới. Vừa được tặng quần áo mới, Ngài coi xem ai không có quần áo để mặc bèn tặng cho người ấy, còn Ngài vẫn mặc những quần áo rách nát. Suốt đời không thay đổi, chẳng tham luyến hưởng thụ, chẳng ve vãn kẻ quyền quý. Bất luận chuyện gì có thể giảm được thì giảm, người tu hành coi giảm bớt việc là bậc nhất thì mới có thể trưởng dưỡng "cái Thể của các điều

lành". Muôn vàn phần chớ nên đa sự, người xuất gia là như vậy, mà bậc cao nhân tại gia cũng nên như thế.

Bàng cư sĩ là một vị tài chủ, đã học Phật bèn hạ quyết tâm liễu sanh tử, thoát tam giới. Ngài chất hết tài sản, vàng bạc trong nhà lên một chiếc thuyền to, lái thuyền ra giữa dòng Trường Giang, đục một lỗ, vùi chìm toàn bộ, chẳng cần gì hết. Sau đấy sống bằng cách nào? Bện giày cỏ. Mỗi ngày bện giày cỏ bán được mấy đồng, sống hết sức thanh bần. Có người hỏi Ngài: "Ông có nhiều tiền như vậy, nếu không cần tới, sao không đem làm chuyện tốt có phải là hay hơn không?" Ngài bảo người ấy: "Hảo sự chẳng bằng vô sự". Quý vị hãy suy nghĩ ý nghĩa thú vị trong lời nói ấy. Vô sự là hảo sự bậc nhất! Vô sự là nghiệp vô lậu, hảo sự vẫn là nghiệp hữu lậu, khác nhau! Quý vị thấy cả nhà Ngài, ai nấy đều thành đạo. Lúc Ngài sắp mất, bảo vợ con rằng: "Ta sắp ra đi, hãy thay ta lo liệu hậu sự". Con gái Ngài còn cao minh hơn cha, cô ta nói: "Cha ơi! Cha hãy đợi một lát. Con ra ngoài một chút". Khi cô ta ra ngoài, bèn vãng sanh giữa đồng. Sanh tử tự tại, đến đi theo ý mình, cả nhà đều chứng quả. Do vậy, nếu chúng ta tu hành thật sự, đã buông xuống lại càng buông xuống hơn nữa, đạo tâm của chúng ta mới có thể kiến lập.

Hiện thời, trước hết đừng nói tới tăng trưởng là vì lẽ nào? Hiện tại chúng ta không có đạo tâm, cổ nhân bảo đạo tâm của chúng ta là *"lộ thủy đạo tâm"* (đạo tâm ít ỏi như nước trong một hạt sương). Nay ngồi nghe kinh ở đây, ban ngày niệm Phật ở nơi đây, dường như có chút đạo tâm, bước ra đường là chuyển biến ngay, đạo tâm chẳng còn nữa, làm sao thành công cho được? Do vậy, niệm Phật, niệm cả mấy chục năm, ngay cả tin tức cũng chẳng có, do nguyên nhân gì? Không buông xuống, đó là đại chướng ngại. Những điều kinh luận đã giảng đều nhằm dạy chúng ta hãy buông xuống. Tu hành là gì? Buông xuống là tu hành, buông xuống là công phu. Trong thế gian này, quyết định phải tuân thủ *"ư nhân vô tranh, ư thế vô cầu"* (chẳng tranh với người, chẳng cầu nơi đời). Thân tâm thanh tịnh, chẳng vướng mắc mảy may, niệm Phật như vậy không có ai chẳng thành công, đúng như Vĩnh Minh đại sư đã nói: *"Vạn người tu, vạn người về"*. Thánh Cam Địa (Gandhi) của Ấn Độ không phải là tín đồ Phật giáo, nhưng được người thế gian tôn trọng, kính ngưỡng như thế, là vì Ngài đã sống theo lối sống của một tín đồ Phật giáo. Thuở ấy, sau khi từ Anh Quốc trở về, Ngài đã mua một khoảnh đất nhỏ, lập một cộng đồng nhỏ, sống đời nguyên thủy trong cộng đồng ấy. Mấy người thân thích, bạn bè chí đồng đạo hợp ở với nhau, tự mình cất nhà, tự mình cày cấy, cuộc sống giảm thiểu đến mức độ thấp nhất. Những dụng cụ trong nhà đều là những thứ

bắt buộc phải có, không có gì nhiều hơn. Ba người là ba cái ghế nhỏ, bốn người là bốn cái ghế nhỏ, gần như người xuất gia ba y một bát vậy. Vì sao Ngài làm như vậy? Bớt việc! không có mảy may ưu lự, vướng mắc nào, thân tâm tự tại, trí huệ tăng trưởng. Đấy là bậc thánh nhân thế gian.

Đạo nghiệp của chúng ta chẳng thể thành tựu vì bị ngũ dục, lục trần và những tình cảm, sự việc thế gian lôi kéo, buộc ràng, đó là ma, quyết chẳng phải là Phật. Cứ tưởng là có phước báo, phước báo gì vậy? Ma báo! Người nọ tín đồ đông đảo, đó là ma đông đảo, ma theo kẻ ấy đông lắm. Tín đồ của người xuất gia là pháp quyến thuộc, nhưng pháp quyến thuộc là ma, chẳng phải là chuyện tốt! Tín đồ quá đông, sẽ chẳng thể vãng sanh, vẫn phải luân hồi trong sanh tử, vẫn phải đọa lạc. Nếu ai mà một tín đồ cũng chẳng có, nhất định sẽ kêu: "Tôi rất khổ não, tôi phải nhanh chóng niệm Phật cầu vãng sanh", người ấy thật sự thành công. Không có ai cúng dường, người ấy một lòng hướng về đạo, hằng ngày niệm Phật, cầu liễu sanh tử. Cúng dường quá nhiều, khá quá! Nơi đây còn có phước báo để hưởng, quên tuốt Tây Phương Cực Lạc thế giới, có hỏng bét hay là không? Phải dùng trí huệ để quan sát những chỗ này.

Trong phần trước, Sớ Sao nói đến tu nhân, tu nhân đã thành, ở đây nói tới quả báo, tức quả báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quả báo ấy là tự nhiên, chẳng phải do chúng ta khởi tâm động niệm cầu được, mà là tự nhiên. Phước báo là chân thật, chẳng hư vọng, chẳng do con người làm ra. Tây Phương Cực Lạc thế giới là như vậy. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy thế giới Hoa Tạng cũng giống như vậy, đều là do thiện căn phát hiện, đâu đâu cũng hiển lộ, giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Đương xứ xuất sanh, đương xứ diệt tận"* (Phát sanh ngay tại đây, diệt hết ngay tại đây), *"tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng"* (thuận lòng chúng sanh, ứng với khả năng hiểu biết của họ). Tùy theo tâm lượng của họ mà phát hiện.

(Diễn) Hựu pháp giới duy tâm.
(演) 又法界唯心。
*(**Diễn**: Lại nữa, pháp giới duy tâm).*

Chữ *"pháp giới"* chỉ Nhất Chân pháp giới, thường nói là bao gồm mười pháp giới. Ngộ rồi thì gọi là Nhất Chân pháp giới, hễ mê thì gọi là mười pháp giới. Thật ra, pháp giới không có mê hay ngộ; mê hay ngộ là do lòng người.

(Diễn) Ký diệu ngộ nhất tâm, tức vạn ức sát ngoại chi hàng thụ, diệc bất xuất hộ đình dã.

(演)既妙悟一心，即萬億剎外之行樹，亦不出戶庭也。

*(**Diễn**: Đã diệu ngộ nhất tâm thì ngay cả hàng cây ở ngoài mười vạn ức cõi cũng chẳng ra khỏi cửa, khỏi sân vậy).*

Đây là cảnh giới giải thoát bất khả tư nghị! Câu trọng yếu nhất trong đoạn này là *"diệu ngộ nhất tâm"*, trong đoạn trên có bốn chữ này, ở đây lại có bốn chữ này, bốn chữ này quan trọng lắm! Sự tu học trong Phật pháp là trong một câu này. Tu nhất tâm bất loạn, trì danh niệm Phật là đơn giản, trọng yếu nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, dễ dàng nhất. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi một pháp môn đều nhằm tu nhất tâm, tuy danh xưng khác nhau, vẫn là cùng một chuyện, thảy đều nhằm tu tâm bất loạn! Trong phần trên đã nói rất rõ ràng, công phu là khuất phục phiền não, đoạn phiền não, khai trí huệ, kinh thường nói tới những điều này. Nói cách khác, công phu là buông xuống, lại buông xuống, tiếp tục buông xuống, vì sao? Chẳng buông xuống, sẽ chẳng thể đắc nhất tâm. Trước hết phải buông Kiến Tư phiền não xuống, rồi lại buông Trần Sa, buông Vô Minh xuống, buông hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng xuống, nhất tâm hiện tiền, đó là công phu chân thật.

Có mảy may nào không buông xuống được, chắc chắn nhất tâm chẳng thể hiện tiền, vì sao? Trong tâm còn có một vật. Lục Tổ nói: *"Vốn chẳng có một vật"*. Quý vị có một vật, sẽ chẳng nhất tâm. Chẳng những hết thảy pháp thế gian chẳng nên có, mà có Phật pháp cũng chẳng được! Trong Chân Như bổn tánh, ngay cả Phật pháp cũng không có! Do vậy, trong kinh Bát Nhã có nói: *"Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp"* (Pháp còn nên bỏ, huống hồ phi pháp). Khi ấy mới gọi là *"diệu ngộ nhất tâm"*. Bất đắc dĩ phải kiến lập giả danh này, ngàn vạn phần đừng chấp trước cái giả danh này, đến khi ấy, nếu ta còn có diệu ngộ nhất tâm thì sai mất rồi! Trong chân tánh mà còn có diệu ngộ nhất tâm ư? Bất đắc dĩ, không có cách nào khác, phải lập ra cái danh tướng như vậy. Đạt đến cảnh giới ấy, tận hư không, trọn pháp giới là chính mình mà thôi! Viên mãn Báo Thân, thanh tịnh Pháp Thân đều hiện tiền, không gian lẫn thời gian đều tiêu mất, trở thành một khối, đó gọi là Nhất Chân. Đả phá không gian và thời gian, hàng cây ngoài mười vạn ức cõi nước cũng ở ngay trước mắt. Đấy là ý nghĩa của đoạn thứ hai. Lại xem đoạn thứ ba, *"xứ xứ Di Đà thuyết*

pháp, thời thời liên nhụy hóa sanh". Hai câu này được sách Diễn Nghĩa chú giải như sau:

(Diễn) Di Đà thuyết pháp giả, thước táo, nha minh, tận thị thâm đàm Bát Nhã, khê quang, sơn sắc, vô phi toàn lộ Giá Na dã. Xứ xứ giả, tức cổ nhân sở vị xí nhiên thuyết, vô gián hiết dã.

(演)彌陀說法者，鵲噪鴉鳴盡是深談般若，溪光山色無非全露遮那也。處處者，即古人所謂熾然說無間歇也。

*(**Diễn**: Di Đà thuyết pháp: Chim khách hót, quạ kêu đều là đàm luận Bát Nhã sâu xa; ánh khe, sắc núi không gì chẳng hiển lộ trọn vẹn Giá Na. "Xứ xứ" là như cổ nhân đã bảo "nói cuồn cuộn, không gián đoạn" vậy).*

Các đồng học phải đặc biệt chú ý đoạn này, vì có không ít đồng học thường đến hỏi: "Chúng ta niệm Phật phải không gián đoạn, nhưng khi chúng con có việc phải làm, Phật hiệu bị gián đoạn, như vậy thì có thể thành công hay không?" Ở đây, lời Diễn Nghĩa đã giải đáp tường tận câu hỏi này. *"Thuyết pháp"*: *"Thuyết"* (說) là thuyết minh (nói rõ). Lời nói thì quý vị vừa nghe liền hiểu rõ, đó gọi là "thuyết pháp". Nếu mắt quý vị vừa thấy, thấy rõ ràng, thì cũng gọi là "thuyết pháp". Ta đã không dùng tai nghe, mà cũng chẳng dùng mắt thấy, lưỡi ta vừa nếm liền hiểu rõ thì cũng gọi là "thuyết pháp". Tay ta sờ, chạm đến liền hiểu rõ, đã hiểu rõ thì cũng gọi là "thuyết pháp". Hai chữ "thuyết pháp" có ý nghĩa vừa sâu lại vừa rộng. Do vậy, chấp vào tướng ngôn thuyết, chấp vào tướng danh tự, quý vị sẽ chẳng thể hiểu được ý nghĩa chân thật của Như Lai. *"Di Đà"* là A Di Đà Phật, ở đây nói gọn. A Di Đà Phật có nghĩa là Vô Lượng Giác. Nói cách khác, trong hết thảy sự vật, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, phải giác chứ không mê. Đối với cảnh giới bên ngoài mà nói thì Ngài thuyết pháp, nhưng đối với sự cảm nhận của chính quý vị mà nói thì là niệm Phật, chúng ta phải hiểu được đạo lý này.

Khi chúng ta thân tâm vô sự, câu Phật hiệu này niệm niệm tiếp nối, chẳng gián đoạn giữa chừng. Khi chúng ta làm chuyện gì đó, tuy Phật hiệu không niệm, nhưng tập trung toàn bộ tinh thần làm thật tốt đẹp công việc của chính mình thì cũng gọi là *"niệm Phật"*. Niệm Phật gì vậy? Chính là niệm niệm nhắc nhở chính mình giác chứ không mê. Bất luận trong cảnh giới nào cũng giác chứ không mê, đó gọi là "niệm Phật". Chánh chứ không tà, đó gọi là "niệm Phật". Tịnh chứ không nhiễm, đó gọi là "niệm Phật". Nếu suốt ngày từ sáng đến tối "A Di Đà Phật, A Di Đà Phật", nhưng chuyện gì cũng mê hoặc, điên đảo thì câu Phật hiệu ấy đã uổng công niệm

suông, chẳng thể gọi là "niệm Phật", mà gọi là "miệng có, tâm không", đúng như cổ nhân nói *"hét toạc cổ họng cũng uổng công"*, vô dụng! Sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới sáu trần, quý vị mê hoặc, tà kiến, ô nhiễm, câu Phật hiệu đã uổng công niệm rồi! Phải hiểu rằng: Từng câu Phật hiệu đánh thức Giác - Chánh - Tịnh của chính mình, Giác - Chánh - Tịnh thì khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, Phật hiệu ấy mới thật sự là niệm có tác dụng, có chỗ dùng được!

Ở chỗ này, sách nêu tỷ dụ, *"thước táo"* là chim khách (hỷ thước) kêu, mọi người chúng ta vui mừng, chim khách báo điềm vui. Trông thấy chim khách kêu, trong lòng hoan hỷ, vậy là sao? Quý vị mê rồi, tâm động rồi, bị cảnh giới chuyển rồi! *"Nha minh"* là quạ đen (ô nha) kêu, ai nấy đều chán ghét. Khi quạ kêu là điềm chẳng tốt lành. Vừa nghe quạ kêu, quý vị chau mày, hôm nay xúi quẩy rồi! Nhất định phải đuổi nó đi gấp, vậy là quý vị cũng mê hoặc, cũng bị cảnh giới chuyển. Chim khách kêu, nghe rất rõ ràng, trong tâm như như bất động, đó là Bát Nhã, là trí huệ. Quạ kêu, cũng nghe rất rõ ràng, trong tâm cũng như như bất động. Ở đây, [dùng chim khách và quạ để] tượng trưng hai cảnh giới khác nhau, một đằng là thuận cảnh, đằng kia là nghịch cảnh. Thuận cảnh, quý vị sanh tâm hoan hỷ; nghịch cảnh, quý vị khởi tâm nóng giận, tức là quý vị bị cảnh giới chuyển, tâm bị cảnh chuyển. Người học Phật thật sự giữ được *"chẳng chấp lấy tướng, như như bất động"*, nhìn thấy tướng cảnh giới bên ngoài rõ ràng, rành rẽ, nghe rõ ràng, rành rẽ, ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm; đó là Kim Cang Bát Nhã. Kim Cang Bát Nhã hiện diện trong cảnh giới, đó là A Di Đà Phật giảng kinh Kim Cang cho quý vị, là Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Kim Cang cho quý vị. Cứ nhất định phải cầm cuốn kinh Kim Cang để niệm thì mới là kinh Kim Cang ư? Thưa cùng quý vị, sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, rõ ràng, minh bạch, chẳng chấp vào tướng, như như bất động, đó là kinh Kim Cang, đó là kinh Kim Cang sống, là kinh Kim Cang thật sự. Sống động, chân thật mà quý vị chẳng nhận biết, quý vị chỉ nhận biết cuốn kinh chết cứng bằng giấy trắng mực đen! Do vậy, niệm kinh Kim Cang là niệm kinh chết cứng, chữ chết cứng trong từng dòng, niệm đến cuối cùng biến thành kẻ si ngốc trong nhà Phật, đâu có ích gì? Chỉ có thể nói: Có chút điểm tốt, tức là tốt hơn so với suốt ngày từ sáng đến tối chửi bới người khác mà thôi! Trừ điều này ra, quý vị hãy nghĩ xem, quý vị còn đạt được lợi ích nào nữa hay không? Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, chư Phật, Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp có khi nào gián đoạn giữa chừng đâu? Câu này tượng trưng cho hữu tình thuyết pháp.

Xem tiếp câu kế đó thì sẽ thấy vô tình cũng thuyết pháp. *"Khê quang, sơn sắc"*, *"khê"* (溪) là khe nước, con suối nhỏ. Ý nghĩa của câu này là từ thuở cư sĩ Tô Đông Pha lên chơi Lô Sơn làm thơ, thơ như sau: *"Khê thanh tận thị quảng trường thiệt, sơn sắc vô phi thanh tịnh thân"* (Tiếng suối đều là lưỡi rộng dài, màu núi không gì chẳng phải là thân thanh tịnh). Đấy là nói về vô tình cũng có thể thuyết pháp, *"vô phi toàn lộ Giá Na"* (không gì chẳng hiển lộ hoàn toàn Tỳ Lô Giá Na). *"Giá Na"* là Tỳ Lô Giá Na (Vairocana), tức Pháp Thân, thanh tịnh Pháp Thân. [Ánh sáng phản chiếu trên khe suối, sắc núi] có phải là thanh tịnh Pháp Thân của Tỳ Lô Giá Na Phật hay chăng? Tỳ Lô Giá Na Phật là ai? Là chính mình, chứ không phải ai khác. Thiền gia nói *"Phụ mẫu vị sanh tiền bổn lai diện mục"* (Mặt mày vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra), bổn lai diện mục là Tỳ Lô Giá Na, tiếng Phạn gọi là Tỳ Lô Giá Na, tức là Pháp Thân của chính mình. Hai câu này ngụ ý: Hữu tình và vô tình thuyết pháp chưa hề gián đoạn. Nếu quý vị hiểu rõ, thật sự hiểu được, quý vị lãnh hội, công phu niệm Phật của quý vị cũng chưa hề gián đoạn, niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm. Chư Phật, Bồ Tát thuyết pháp không gián đoạn, chẳng ngưng nghỉ. Quý vị nghe pháp cũng chưa hề gián đoạn, ngưng nghỉ. Nếu quý vị thấu hiểu đạo lý này, lãnh hội phương pháp này, làm sao quý vị chẳng thành Phật trong đời này? Làm sao quý vị chẳng vãng sanh ngay trong đời này? Chẳng những vãng sanh, mà Thượng Phẩm Thượng Sanh chắc chắn có phần. Mọi người nghe những lời này, nếu trong tâm hâm mộ, kính ngưỡng thì phải buông xuống, phải xả, xả sạch sành sanh thì quý vị mới thực hiện viên mãn được!

(Diễn) Liên hoa hóa sanh giả.
(演) 蓮花化生者。
*(**Diễn**: Hóa sanh trong hoa sen là...)*

"Liên hoa hóa sanh" nghĩa là gì? Trước hết phải hiểu rõ ý nghĩa được biểu thị bởi chữ Liên. Trong Phật pháp, thường dùng hoa sen để biểu thị pháp. Hoa sen mọc trong bùn nhơ, hoa nở vươn khỏi mặt nước, Phật pháp dùng nó để biểu thị pháp, ví bùn nhơ như lục đạo phàm phu thế gian, lớp nước trong ở phía trên ví như tứ thánh pháp giới. Hoa sen nở trên mặt nước như tứ thánh lẫn lục phàm đều buông xuống, đều bỏ hết, đó là thanh tịnh thật sự. Nếu quý vị buông hết tứ thánh lục phàm xuống thì quý vị là *"liên hoa hóa sanh"*.

(Diễn) Tùng ngộ nhi mê, thị vi thai tạng thọ sanh.
(演) 從悟而迷，是為胎藏受生。
*(**Diễn**: Từ ngộ thành mê, bèn thọ sanh trong bào thai).*

Phàm là thai sanh, noãn sanh, hay thấp sanh, và một phần trong hóa sanh[78], quyết định là mê, chẳng ngộ. Do vậy, trong cảnh giới lục phàm, phương cách sanh thành có bốn loại lớn: Thai, noãn, thấp, hóa. Sau khi giác ngộ, ngộ ấy là đại triệt đại ngộ, là giác ngộ thật sự. Thật sự giác ngộ thì tối thiểu là phải buông Kiến Tư phiền não xuống, quả thật bỏ được nó. Thông thường, Kiến Tư phiền não được quy nạp thành hai loại lớn: Một là Kiến Hoặc, hai là Tư Hoặc. Trong Kiến Hoặc, thật sự buông xuống được, quả thật chẳng có Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến. Trong Tư Hoặc, quả thật chẳng có keo tham, nóng giận, ngu si, ngạo mạn, hoài nghi thánh giáo, hoài nghi những lý luận và phương pháp trong Phật pháp. Những thứ ấy cũng đều buông xuống hết. Kiến Tư phiền não thảy đều buông xuống hết, khi ấy mới gọi là Chánh Giác, giác ngộ rồi. Vì vậy, tiêu chuẩn ngộ trong Phật pháp là đây.

Nói người nào đó khai ngộ, nhưng người ấy đã khai ngộ mà vẫn còn có tâm tham, vẫn còn tâm nóng giận, chắc chắn người ấy chưa khai ngộ! Người đã ngộ chắc chắn không có tham, sân, si. Người đã ngộ tâm nhất định thanh tịnh, bình đẳng, từ bi. Do vậy, từ thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, có thể kiểm tra xem chính mình có thật sự khai ngộ hay chăng. Nếu còn có giới hạn ta - người là chưa khai ngộ. Vì sao? Ngã Chấp vẫn còn, chưa đoạn được. Nếu còn phân biệt cao - thấp thì chưa khai ngộ, chắc chắn là đang mê, chẳng ngộ! Người đã ngộ thì cái tâm thanh tịnh, bình đẳng, đại từ, đại bi. Lừa người là tạo tội nghiệp, lừa chính mình là kẻ ngu si nhất. Nếu lừa mình, dối người, người như vậy có quả báo trong tam đồ, làm sao có thể thành Phật, thành Tổ cho được? Có vị Phật, Bồ Tát nào dối mình, lừa người hay chăng? Chẳng thể có chuyện ấy! Người khác làm như thế nào, đừng bận tâm! Chuyện khẩn yếu là chính mình nên tu theo cách nào? Do vậy, Phật pháp, kinh điển nhằm giáo huấn mỗi người chúng ta, cũng chẳng liên can gì đến người khác. Giới luật nhằm dạy mỗi người chúng ta tuân thủ, chẳng liên can gì đến người khác thì tâm chúng ta mới được thanh tịnh. Do vậy, trải qua sự việc để luyện tâm trong cảnh giới, luyện cái tâm gì?

[78] Chúng sanh thọ sanh trong địa ngục và ngạ quỷ bằng cách hóa sanh nên nói "một phần trong hóa sanh".

Chính là dùng kinh luận giới luật để ràng buộc chính mình, tiêu chuẩn ấy do chính mình tuân thủ, chẳng phải để dành cho người khác, luyện điều ấy. Nếu chúng ta học giới luật, bất cứ nơi đâu cũng đem những tiêu chuẩn giới luật ấy ra để cân đong người khác, "người này phá giới, kẻ nọ chẳng giữ quy củ", chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, suốt ngày từ sáng đến tối phân biệt, chấp trước, kết quả ra sao? Hủy hoại chính mình. Đấy là đối với Phật pháp, quý vị có biết sử dụng hay không? Biết dùng sẽ thành tựu chính mình. Chẳng biết dùng, chắc chắn hủy diệt chính mình, khiến cho chính mình tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Mê là gì? Ngộ là gì? Hình dạng của mê như thế nào? Hình dạng của ngộ là gì? Nói chung, chính mình phải hiểu rõ. Người giác ngộ, thân tâm thanh tịnh, đó gọi là *"liên hoa hóa sanh".* Do vậy, trong bốn cách sanh thành, người giác ngộ chỉ có một cách hóa sanh, quyết định chẳng có thai, noãn, thấp, trừ phi cố ý dùng cung cách ấy để thị hiện. Đó là phương tiện nhằm lợi ích chúng sanh, chẳng phải là chân thật.

(Diễn) Thời thời giả, tức kinh trung sở vị, thường tại ư kỳ trung, kinh hành cập tọa ngọa dã.

(演)時時者，即經中所謂，常在於其中，經行及坐臥也。

*(**Diễn**: "Thời thời" là như trong kinh nói: "Thường kinh hành và ngồi, nằm ở trong ấy").*

Đây là giảng chữ *"thời thời"*. Bất luận lúc nào, bất luận nơi chốn nào, bất luận trong cảnh giới nào, dù là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thân tâm luôn thanh tịnh, quyết chẳng bị ngoại cảnh khuấy nhiễu, đấy chính là *"thời thời liên nhụy hóa sanh"* (luôn luôn hóa sanh trong hoa sen). Nếu chúng ta rèn luyện như vậy trong cuộc sống thường ngày thì gọi là "tu hành thật sự". Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, chúng ta cầu điều gì? Thân tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Vậy thì chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, làm sao chẳng phải là liên hoa hóa sanh? Đương nhiên là liên hoa hóa sanh, chẳng có mảy may nghi vấn nào! Do vậy, nhìn vào Quả sẽ biết chúng ta đang tu Nhân như thế nào.

(Diễn) Cầm điểu chỉ hữu tình, đường viện chỉ vô tình, cử thử nhị chủng, kiến tình dữ vô tình, đồng thành Chánh Giác dã. Giai âm, tịnh thái, chánh thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ xứ.

(演)禽鳥指有情，堂院指無情，舉此二種，見情與無情，同成正覺也。偕音並彩，正是法平等，無有高下處。

*(**Diễn**: Chim chóc chỉ hữu tình, nhà viện chỉ vô tình, nêu lên hai thứ này để thấy hữu tình và vô tình cùng thành Chánh Giác. "Hòa tiếng hót nhịp nhàng, cùng nhau khoe sắc" nhằm chỉ rõ pháp bình đẳng, không có chỗ nào cao hay thấp).*

Hiển thị ý nghĩa này, *"trân cầm"* (chim quý) là những loài chim trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, như kinh Di Đà liệt kê các loài Khổng Tước, Anh Vũ, Ca Lăng Tần Già, Cộng Mạng... Những loài chim ấy do A Di Đà Phật biến hóa ra. *"Thứ điểu"* (chim tầm thường) là những loài chim chóc trong thế giới Sa Bà, thuộc vào súc sanh đạo. *"Quỳnh viện"* là cung điện bảy báu thù thắng trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. *"Mão đường"* là lều tranh, là nơi ở đơn giản, hèn tệ nhất. Trước kia, người xuất gia ở trong rừng núi, tự mình đẵn gỗ dựng một túp lều tranh nhỏ, [mọi thứ] đều do chính tay mình làm. Vách che bốn mặt quá nửa đều là dùng những thân gỗ, hoặc dùng trúc xếp san sát ghép thành vách, đủ để tránh gió che mưa như thế mà thôi, đấy chính là lều tranh danh hợp với sự thật. Hai thứ này (viện quỳnh và lều tranh) đều nói về loài vô tình.

"Đồng thành Chánh Giác": Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm, *"tình dữ vô tình, đồng viên Chủng Trí"* (Tình và vô tình, đều viên mãn Chủng Trí). Kinh Đại Thừa cũng thường nói: Chư Phật Như Lai lúc mới thành đạo, cảnh giới khi ấy là hết thảy thế gian *"tình và vô tình đều thành Chánh Giác"*. Chánh Giác là gì? Chánh Giác là Bổn Giác như Đại Thừa Khởi Tín Luận đã nói. Mã Minh Bồ Tát nói rất khéo: *"Bổn Giác vốn có, bất giác vốn không"*. Bổn Giác là đức dụng sẵn có trong tự tánh. Vì sao thấy hữu tình và vô tình cùng thành Chánh Giác? Là vì người ấy kiến tánh, đã kiến tánh thì đúng là *"chuyện gì cũng là đạo, đâu đâu cũng gặp nguồn"*. Hết thảy hữu tình chúng sanh do tự tánh biến hiện, là Tướng Phần của tự tánh. Hết thảy vô tình chúng sanh vẫn là Tướng Phần của tự tánh, Tánh và Tướng như một, Tánh và Tướng không hai! Giống như vàng và đồ vật vậy! Dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng đều là vàng. Thử hỏi có một thứ nào chẳng phải là tự tánh hay chăng? Có thứ nào chẳng phải là Chủng Trí? Có thứ nào chẳng phải là Chánh Giác? Do vậy, khi ấy mới thật sự hiển thị pháp nào cũng bình đẳng, không có cao - thấp, cũng đúng như kinh Pháp Hoa đã nói "bách giới thiên như". Đây là chân tướng trong Nhất Chân pháp giới, mà cũng là tướng chân thật của Tây Phương Thật Báo Độ.

Nếu quý vị niệm Phật, niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, cảnh giới này sẽ hiện tiền. Tây Phương Cực Lạc thế giới là như thế, mà thế giới trước mắt chúng ta cũng trọn chẳng phải ngoại lệ, cũng giống như vậy. Hiện tại, cảnh giới chân thật chẳng thể hiện tiền là do chúng ta nghiệp chướng quá nặng, mê hoặc, điên đảo. Do vậy, chúng ta chẳng thấy được tướng chân thật của toàn bộ cảnh giới. Chúng ta thấy tướng hư vọng, trong tướng hư vọng chẳng có bình đẳng, mà có cao - thấp. Tướng chân thật không có cao - thấp, quyết định bình đẳng; phải dùng tâm chân thật mới có thể thấy được tướng chân thật. Cái tâm hư vọng của chúng ta mà muốn thấy được tướng chân thật sẽ chẳng thấy được, nhất định phải dùng chân tâm mới thấy được chân tướng. Do vậy, nếu quý vị đắc nhất tâm, sẽ thấy được Nhất Chân pháp giới. Nhất tâm là năng chứng, Nhất Chân pháp giới là sở chứng; nhất tâm là năng nhập, Nhất Chân pháp giới là sở nhập. Do vậy, kinh Di Đà và kinh Hoa Nghiêm là một, không hai. Trong kinh Hoa Nghiêm nói Nhất Chân pháp giới, còn kinh này nói nhất tâm bất loạn; đắc nhất tâm sẽ đắc Nhất Chân.

Chúng ta muốn chứng đắc Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, quý vị hãy niệm một câu Di Đà cho tốt đẹp thì sẽ đạt được, thật sự đạt được! Chẳng những quý vị thấu hiểu Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, mà còn nhập cảnh giới ấy. Do đây biết rằng: Về giá trị của Tiểu Bổn Di Đà Kinh trong hết thảy các kinh thì như trong các buổi giảng tôi đã bảo quý vị, kinh này là kinh bậc nhất trong hết thảy các kinh. Quý vị phải tin tưởng! Tôi quyết chẳng cố ý đề cao thân phận của kinh này, chẳng phải vậy, mà sự thật là như thế đó. Chẳng đọc Hoa Nghiêm, quý vị sẽ chẳng thấu hiểu [điều này]; sau khi đọc Hoa Nghiêm, mới phát hiện kinh Di Đà này là kinh bậc nhất, nó là chỗ quy túc của kinh Hoa Nghiêm, là kết luận của kinh Hoa Nghiêm. Nếu nhìn cặn kẽ, Thiện Tài đồng tử vốn tu tập pháp môn này, một môn thâm nhập, một đời thành Phật. Chúng ta thấy tu những pháp môn khác, chưa hề thấy nói là thành Phật ngay trong một đời, còn tu pháp môn này, một đời thành tựu vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc.

Hôm nay, có một người ở Đài Trung gọi điện thoại cho tôi, hỏi: "Cách bế quan tu hành như thế nào? Con muốn niệm chú Lăng Nghiêm, niệm nhiều kinh luận có được không?" Tôi bảo ông ta: "Ông hãy bỏ hết rồi mới bế quan, phải lấy liễu sanh tử làm bậc nhất". Khóa tụng như thế nào ư? Tôi bảo ông ta: "[Trong thời gian cháy hết] một cây hương, [tụng] một quyển A Di Đà Kinh, bảy biến Vãng Sanh Chú, một ngàn câu Phật hiệu, lễ A Di Đà Phật một trăm lạy, cách làm là như thế. Ông bế quan,

trong quan phòng chẳng có việc gì, tùy thuộc thể lực của ông, mỗi ngày niệm càng nhiều càng hay". Tôi bảo ông ta: "Mỗi ngày [thời gian tụng niệm] không thể ít hơn bốn cây hương, tốt nhất là ông có thể niệm đạt tiêu chuẩn từ sáu cây hương đến bảy cây hương". Nói cách khác, mỗi ngày tụng bảy biến kinh A Di Đà, bảy ngàn câu Phật hiệu, lễ Phật bảy trăm lạy, đó là tiêu chuẩn bế quan thấp nhất. Tôi nói: "Ông cứ làm như thế, những kinh luận, chú ngữ khác đều buông xuống, hoàn toàn chẳng cần phải quan tâm đến thì mới có thể thành tựu. Nghe nói chú Lăng Nghiêm có thể hàng phục ma chướng, A Di Đà Phật chẳng thể hàng ma ư? Tôi thấy chú Lăng Nghiêm không chỉ chẳng thể hàng ma, mà sợ rằng còn chiêu cảm khá nhiều yêu ma quỷ quái, sợ ông đối phó không nổi! Một câu A Di Đà Phật niệm cho tốt đẹp là được rồi, sẽ có thể thành công. Nếu ông thật sự nghe lời tôi, hết thảy vạn duyên đều buông xuống hết, chiếu theo phương pháp này để tu hành, trong ba năm, không dám chắc ông đắc nhất tâm bất loạn, nhưng công phu thành phiến quyết định có thể đạt được, quyết định có thể vãng sanh Tây Phương, điều này chúng tôi chẳng hoài nghi mảy may! Trừ phi ông chẳng chịu làm như vậy, ông vẫn suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, thân ở trong quan phòng mà tâm ở bên ngoài, vậy là hỏng rồi, không có cách nào hết. Có bế quan ba đại A-tăng-kỳ kiếp cũng vô dụng!"

(Sớ) Ký đắc nhất tâm bất loạn, thỉ tri liên hoa, hàng thụ, chủng chủng trang nghiêm, tịnh phi tâm ngoại.

(疏)既得一心不亂，始知蓮華行樹，種種莊嚴，並非心外。

*(**Sớ**: Đã đắc nhất tâm bất loạn mới biết hoa sen, hàng cây, các thứ trang nghiêm, trọn chẳng ở ngoài tâm).*

Đoạn văn ở phía trên là do Liên Trì đại sư viết, sau khi viết đoạn ấy, Ngài lại sợ người đời sau đọc không hiểu, nên đại từ đại bi chú giải thêm, giải thích thêm cho chúng ta.

"Ký đắc nhất tâm bất loạn" ý nói: Đoạn trước là nói khi công phu đã thành tựu, quý vị mới biết *"hoa sen, hàng cây, các thứ trang nghiêm, trọn chẳng ở ngoài tâm"*.

Sau khi ngộ nhất tâm mới thật sự biết *"ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm"*, đúng như là trong phần trước đã có nói: Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ*"* (pháp này bình đẳng, không có cao - thấp).

(Sớ) Hà tất nhĩ thính kim ngôn, phương thị Di Đà thuyết pháp, Sa Bà ấn hoại, thỉ danh Tịnh Độ văn thành giả tai? Nhiên tắc trân cầm, thứ điểu, quỳnh viện, mão đường, hà liệt, hà ưu, hà tịnh, hà uế? Cố viết: Tây Phương tại mục tiền dã.

(疏)何必耳聽金言，方是彌陀說法，娑婆印壞，始名淨土文成者哉。然則珍禽庶鳥，瓊院茆堂，何劣何優，何淨何穢，故曰西方在目前也。

*(**Sớ**: Cần gì phải tai nghe lời vàng mới là Phật Di Đà thuyết pháp? [Há phải] cái ấn cõi Sa Bà đã nát thì mới gọi là "nét khắc nơi Tịnh Độ" được thành ư? Vậy thì chim quý, chim thường, viện quỳnh, lều tranh, gì là kém, gì là hơn, gì là tịnh, gì là uế? Cho nên nói: Tây Phương ở ngay trước mắt).*

Đối với bốn hàng chú giải này, sách Diễn Nghĩa lại chú giải thêm, đúng là từ bi đến tột bậc. Chúng ta đọc Diễn Nghĩa, đoạn trước là nói chung, nói rõ đại ý của đoạn chú giải này.

(Diễn) Ký đắc tứ cú.

(演) 既得四句。

*(**Diễn**: Bốn câu kể từ chữ "đã đắc" trở đi).*

Bốn câu tiếp theo câu *"ký đắc nhất tâm bất loạn"* (đã đắc nhất tâm bất loạn).

(Diễn) Minh, tức thử nhất tâm, tức thị Tịnh Độ.

(演) 明，即此一心，即是淨土。

*(**Diễn**: Nói rõ chính cái nhất tâm này là Tịnh Độ).*

Nói rõ sự thật này.

(Diễn) Hà tất tứ cú.

(演) 何必四句。

*(**Diễn**: Bốn câu bắt đầu bằng chữ "cần gì").*

Bốn câu kể từ *"hà tất nhĩ thính kim ngôn"* (cần gì phải tai nghe lời vàng) trở đi, nhằm nói rõ:

(Diễn) Bất tất vãng sanh, phương thành Tịnh Độ.

(演) 不必往生，方成淨土。

*(**Diễn**: Cần gì phải vãng sanh mới thành Tịnh Độ).*

Chỉ cần đắc nhất tâm bất loạn thì chỗ nào chẳng phải là Tịnh Độ? Đâu đâu cũng là Tịnh Độ. Nói như vậy thì Tây Phương Cực Lạc thế giới có Tịnh Độ hay không? Thưa quý vị, có chứ, quả thật có Tịnh Độ!

(Diễn) Nhiên tắc tứ cú, hiển duy tâm cảnh giới, vô sai biệt tướng, đẳng đồng nhất vị dã, cố viết cú tổng kết.

(演)然則四句，顯唯心境界，無差別相，等同一味也。故曰句總結。

*(**Diễn**: Bốn câu từ chữ "vậy thì" trở đi, hiển thị cảnh giới duy tâm, không có tướng sai biệt, bình đẳng có cùng một vị. Câu "cho nên nói" là tổng kết).*

Câu cuối cùng *"cố viết Tây Phương tại mục tiền dã"* (cho nên nói Tây Phương ở ngay trước mắt) là tổng kết. Đoạn văn gồm ba dòng rưỡi này có tất cả bốn đoạn. Trong Phật pháp thường gọi cách phân đoạn này là Khoa Phán, các đồng học muốn học giảng kinh phải đặc biệt chú ý. Nếu quý vị có khả năng thấy được kết cấu chương pháp phân đoạn thì quý vị mới có thể thật sự hiểu rõ thứ lớp ý nghĩa.

(Diễn) Ấn hoại văn thành giả, Niết Bàn nhị thập thất vân: "Thí như lạp ấn ấn nê, ấn dữ nê hợp, ấn diệt văn thành".

(演)印壞文成者，涅槃二十七云：譬如蠟印印泥，印與泥合，印滅文成。

*(**Diễn**: "Ấn nát, nét khắc thành hình" là như kinh Niết Bàn quyển thứ hai mươi bảy đã chép: "Ví như ấn sáp đem đóng xuống bùn, ấn áp vào bùn, ấn nát, mà nét khắc trên ấn đã thành hình").*

Chuyện này được nói trong kinh Đại Bát Niết Bàn, quyển hai mươi bảy. Cổ nhân đúc ấn, ấn ấy không đắc mà là đúc. Trước tiên, họ chế tạo một cái khuôn ấn, khuôn ấn ấy làm bằng sáp, sau đấy dùng cái khuôn ấn ấy để chế ra cái ấn bằng chất bùn (kim nê). Ở Trung Quốc vào thời xưa, người ta in tượng Phật, hình người hoặc văn tự trên ngói sành đều sử dụng phương pháp này. Họ chế khuôn xong, đem chất bùn đổ vào khuôn ấy,

xong rồi đem nung. Hễ thiêu thì đương nhiên chất sáp không còn nữa. Chất bùn được nung khô xong, đất đã trở thành gốm, đó gọi là *"ấn hoại văn thành"*. Trước kia, người ta đúc ấn dùng phương pháp này, chất gốm ấy được bỏ vào lò gốm để nung. Nung xong, chất sáp đã tan chảy hết, nét khắc đã thành hình, mô hình đã thành tựu. Chuyện này tỷ dụ điều gì? Dưới đây lại giảng rõ.

(Diễn) Dĩ dụ phàm phu hiện tại ấm diệt.

(演) 以喻凡夫現在陰滅。

*(**Diễn**: Nhằm tỷ dụ thân ngũ ấm hiện tại của phàm phu đã diệt).*

"Ấm" là thân Trung Ấm, nói theo cách thông tục thì hiện thời người đã chết đi, *"Ấm"* ấy chính là linh hồn.

(Diễn) Trung hữu ấm sanh.

(演) 中有陰生。

*(**Diễn**: Thân Trung Ấm đã sanh).*

Linh hồn đã lìa khỏi thân thể.

(Diễn) Kim tá thử văn, dĩ dụ vãng sanh hành nhân, thử độ Ấm diệt, bỉ quốc Ấm sanh.

(演)今借此文，以喻往生行人，此土陰滅，彼國陰生。

*(**Diễn**: Nay nhờ vào đoạn văn này để tỷ dụ hành nhân vãng sanh, ngũ ấm trong cõi này diệt, ngũ ấm trong cõi kia được sanh ra).*

Dùng ý nghĩa này, chúng ta là người cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là thân thể ra đi, mà là thần thức ra đi. Thân thể trong cõi này hoại, thì thần thức của chúng ta hóa sanh trong hoa sen bên Tây Phương. Ý nghĩa như vậy đó, dùng chuyện này (tức chuyện ấn nát, nét khắc hình thành) để tỷ dụ.

(Diễn) Tu tri: Thùy chung tự kiến tọa kim liên thân, dĩ thị bỉ quốc sanh Ấm cố dã.

(演) 須知垂終自見坐金蓮身，已是彼國生陰故也。

*(**Diễn**: Cần biết rằng: Người lâm chung tự thấy thân mình ngồi trên hoa sen vàng tức là Ngũ Ấm của chính mình đã sanh trong cõi kia).*

Quý vị cần biết: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là đi trong lúc sống, chẳng phải chết rồi mới đi. Chúng ta nói "lâm chung", nhưng thật ra người ấy chẳng hề mạng chung. Người ấy thấy Phật đến tiếp dẫn, theo Phật ra đi. Phàm phu mắt thịt chúng ta trong thế giới này thấy người ấy chết, thật ra, người ấy chẳng có sanh tử, mà là theo Phật sang Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, phàm là vãng sanh, chắc chắn là vãng sanh trong lúc sống, chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh. Chết rồi thì người ấy phải đầu thai, phải luân hồi, chuyện này phiền phức lớn lắm. Do vậy, chúng tôi thấy rất nhiều người vãng sanh, biết trước lúc mất, thấy Phật đến tiếp dẫn, có các thứ tướng lành, những tướng lành ấy hiển hiện trước khi người ấy tắt hơi, đó gọi là *"thùy chung"*. *"Thùy chung"* là vẫn còn chưa kết thúc, chính mình sáng suốt, tỉnh táo, thấy Phật đến tiếp dẫn, thấy chính mình hóa sanh trong hoa sen, khi ấy chính mình đã đến thế giới Cực Lạc, tới Tây Phương Tịnh Độ.

(Diễn) Thành luận minh cực thiện cực ác, câu bất kinh Trung Ấm.

(演) 成論明極善極惡，俱不經中陰。

*(**Diễn**: Thành Duy Thức Luận nói kẻ cực thiện hay cực ác đều không trải qua giai đoạn Trung Ấm).*

"Thành luận" là Thành Duy Thức Luận[79], Thành Duy Thức Luận cũng nói như thế này: Người cực thiện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới không có thân Trung Ấm, kẻ "cực ác" đọa địa ngục A Tỳ cũng không có thân Trung Ấm, *"câu bất kinh Trung Ấm"* (đều không trải qua giai đoạn Trung Ấm). Nói cách khác, ngoài người cực thiện và cực ác ra, tất cả đều có thân Trung Ấm. Trung Ấm thường tồn tại trong thời gian bốn mươi chín ngày. Trong Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh đã giảng rất rõ ràng. Do vậy, thường làm thất cho người chết, đều là căn cứ theo kinh Địa Tạng đã nói mà làm. Người cực thiện hay kẻ cực ác tuy không

[79] Thành Duy Thức Luận (Vijñāptimātratāsiddhi) là một bộ luận chủ yếu của Pháp Tướng Duy Thức Tông, do ngài Huyền Trang viết nhằm chú giải bộ Duy Thức Tam Thập Tụng của Thế Thân Bồ Tát. Ngài Huyền Trang đã tổng hợp ý kiến chú giải của mười vị đại luận sư Ấn Độ thời ấy để viết ra bộ luận này khi Ngài còn đang tham học ở học viện Na Lan Đà.

có Trung Ấm, chúng ta làm thất cho họ vẫn tốt, vun bồi phước cho họ. Tốt đẹp ở chỗ nào? Vì sao có điều tốt? Kinh Địa Tạng đã nói rõ ràng, minh bạch. Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tập 29

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba mươi bảy:

(Tự) Cái diêu niệm không chân niệm, sanh nhập vô sanh, niệm Phật tức thị niệm tâm, sanh bỉ bất ly sanh thử. Tâm, Phật, chúng sanh nhất thể, trung lưu lưỡng ngạn bất cư. Cố vị tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ.

(序)蓋繇念空真念。生入無生。念佛即是念心。生彼不離生此。心佛眾生一體。中流兩岸不居。故謂自性彌陀。唯心淨土。

*(**Tựa**: Ấy là do niệm tới mức mọi đối đãi rỗng không, sẽ là chân niệm. Từ sanh tử nhập Vô Sanh Nhẫn, niệm Phật chính là niệm tâm. Sanh về cõi kia, nhưng chẳng lìa sanh trong cõi này. Tâm, Phật, và chúng sanh có cùng một Thể, giữa dòng và hai bên bờ đều chẳng ở. Do vậy nói: "Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ").*

Trong đoạn lời Tựa này, đại sư đã tán thán bộ kinh A Di Đà đến mức không còn gì có thể nói thêm được nữa. Chúng ta đọc tới đoạn văn này, có thể nói là không ai chẳng cảm động. Lời tổng kết ở đây tiếp nối ý *"tu nhân chứng quả"* trong phần trước, đặc biệt quy kết tự tánh và duy tâm, ý nghĩa này chẳng hai, chẳng khác với các bộ kinh lớn trong Nhất Thừa Viên Giáo. Do vậy, chúng tôi thường nói: Kinh này là pháp môn bậc nhất trong hết thảy các pháp môn, là kinh bậc nhất trong hết thảy các kinh. Từ đoạn lời Tựa này, chúng ta có thể cảm nhận hết sức thân thiết [những ý nghĩa ấy]. Câu thứ nhất trong đoạn lời Tựa này là *"cái diêu niệm không chân niệm"* (do bởi niệm đến rỗng không mọi đối đãi thì sẽ là chân niệm), chữ *"niệm"* chỉ niệm Phật, sách Diễn Nghĩa đã chú giải như sau:

(Diễn) Niệm không chân niệm giả.

(演) 念空真念者。

*(**Diễn**: Niệm tới mức mọi đối đãi rỗng không thì sẽ là chân niệm).*

Đây đều là do *"niệm tới mức mọi đối đãi rỗng không, sẽ là chân niệm"*, niệm Phật có chân niệm. Đã có chân niệm thì đương nhiên có bất chân niệm. Do vậy, chúng ta niệm câu Phật hiệu này, dùng ngay tiêu chuẩn

này để đối chiếu, hòng xét xem câu Phật hiệu của chính mình có phải là chân niệm hay không?

(Diễn) Niệm tức niệm Phật chi niệm. Chân niệm tức Chân Như Thể. Niệm đáo cực xứ, hòa niệm thoát lạc, đốn ly niệm tướng, vị chi "niệm Không". Ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới. Pháp giới nhất tướng, tức thị bình đẳng Pháp Thân, cố vân "chân niệm".

(演)念即念佛之念，真念即真如體，念到極處，和念脫落，頓離念相，謂之念空。離念相者，等虛空界，法界一相，即是平等法身，故云真念。

*(**Diễn**: Chữ "niệm" [trong câu "niệm tới mức mọi đối đãi rỗng không, sẽ là chân niệm"] chính là chữ niệm trong niệm Phật. "Chân niệm" chính là bản thể của Chân Như. Niệm đến mức tột cùng, năng niệm lẫn sở niệm đều mất, nhanh chóng lìa khỏi tướng niệm, nên gọi là "niệm Không". Lìa khỏi tướng niệm sẽ bằng với hư không giới. Pháp giới nhất tướng, tức là Pháp Thân bình đẳng, nên gọi là "chân niệm").*

Trong phần trước, từ sự chứng quả mà nói tới cảnh giới Nhất Chân pháp giới, đấy cũng là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. Phật pháp, nói đơn giản, chính là pháp "phá mê, khai ngộ". Hết thảy kinh luận đều giảng đạo lý này, vô lượng pháp môn đều nhằm dạy chúng ta phương pháp phá mê khai ngộ. Cảnh giới giữa mê và ngộ khác nhau. Do vậy, trong kinh luận, đức Phật thường giảng về cảnh giới của các giai đoạn khác nhau. Vì thế, người thường đọc tụng kinh điển Đại Thừa, nếu đối với cảnh giới của chính mình mà mười phần hiểu rõ, chắc chắn chẳng mê hoặc. Không mê là giác, càng khẩn yếu hơn nữa là phải không ngừng nâng cao sự giác ngộ; đó gọi là học Phật.

Trong hết thảy pháp môn tu học, không gì hơn được pháp môn Niệm Phật. Chúng tôi đang giảng bộ kinh này đến chỗ này, tôi nghĩ mỗi vị đồng tu ít nhiều cũng đều thông hiểu, biết được sự thù thắng của pháp môn này; bởi lẽ, do một câu A Di Đà Phật có thể chứng được Pháp Thân bình đẳng, hoặc như trong các kinh, [thân ấy] thường được gọi là *"thanh tịnh Pháp Thân"*. Đấy chính là như Ngẫu Ích đại sư đã nói trong sách Yếu Giải: Pháp môn này thẳng chóng nhất, ổn thỏa và thích đáng nhất, đơn giản và dễ dàng nhất. Không còn có pháp môn nào khác, vừa dễ dàng, vừa ổn thỏa, thích đáng bằng pháp môn này. Đấy cũng chính là như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai"* (Chẳng cần nhờ

đến phương tiện nào khác, tâm tự được khai ngộ). *"Tâm khai"* là khai ngộ, ngộ nhập thanh tịnh Pháp Thân, ngộ nhập pháp giới nhất tướng. *"Pháp giới nhất tướng"* chính là Nhất Chân pháp giới, là cảnh giới được chư Phật và các vị đại Bồ Tát đích thân chứng đắc. Kinh Hoa Nghiêm gọi cảnh giới ấy là Nhất Chân pháp giới. Tuy chúng ta còn chưa chứng đắc, nhưng chỗ này có ích rất lớn cho chúng ta, vì chúng ta có thể dùng tiêu chuẩn ấy để thường xuyên kiểm nghiệm cảnh giới của chính mình.

Nay trong cảnh giới này, chúng ta có thấy nhất tướng hay không? *"Nhất tướng"* là gì? Là tướng bình đẳng. Nếu đối với cảnh giới, chúng ta vẫn còn phân biệt tốt - xấu thì chẳng phải là nhất tướng! Có xấu và tốt sẽ là hai tướng, hai tướng là cảnh giới của phàm phu. Nhất tướng là cảnh giới của Phật, Bồ Tát. Đây là một phương pháp đơn giản nhất để kiểm nghiệm công phu của chính mình, xem công phu của bản thân chúng ta có tiến triển hay không. Nói cách khác, đối với cảnh giới, tâm chúng ta có bình đẳng hay không? Có bốn tướng bình đẳng hay không? Nếu nhận thấy chưa đạt đến cảnh giới ấy, trong cảnh giới, chúng ta vẫn sử dụng cái tâm giống như kinh Kim Cang đã nói *"ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng"* và *"ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến"*, chưa phải là Bồ Tát! Chẳng phải là Bồ Tát thì là gì? Là phàm phu! Tri kiến phàm phu, tri kiến luân hồi. Nói phàm phu thì mọi người cảm thấy chẳng có gì đặc biệt hết, nên tôi lại đặc biệt nhấn mạnh lời này bằng từ ngữ *"tri kiến luân hồi"*! Nếu quý vị có tri kiến ấy, sẽ chẳng thể nào thoát khỏi sanh tử luân hồi. So với phàm phu, luân hồi quả thật đáng sợ hơn nhiều! Chúng ta từ vô thỉ kiếp mãi cho đến ngày nay, có thể nói là luôn xoay chuyển [trong lục đạo] bởi tri kiến sanh tử luân hồi.

"Niệm Không", *"Không"* là gì? Chính là niệm cho hết sạch tri kiến sanh tử. Khi niệm hết rồi, chân niệm sẽ hiện tiền. *"Chân niệm"* là chân tâm, là bản thể, Thiền gia gọi nó là *"phụ mẫu vị sanh tiền bổn lai diện mục"* (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra), là con người thật sự của ta. Trong Phật pháp, thường nói đến khai ngộ, hoặc nói tới chứng quả, ngộ gì vậy? Chứng gì vậy? [Chứng và ngộ] thứ này! Tại núi Hoàng Mai, do đã ngộ đạo, đã chứng đắc, Lục Tổ đại sư đã nói mấy câu: *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn thanh tịnh; nào ngờ tự tánh, vốn sẵn đầy đủ; nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp"*. Tự tánh là Chân Như bổn thể, là con người thật sự của chính mình. Nay chúng ta đang mê, mê là gì? Mê là mê mất điều này, mà ngộ cũng là ngộ chính điều này. Lại nói rõ cùng quý vị: Trong Chân Như tự tánh, chẳng có mê hay ngộ. Trong tự tánh Lý thể, mê lẫn ngộ đều chẳng thể được. Vì vậy, khi thành Phật, người ấy ắt thấy đại

địa chúng sanh cùng thành Chánh Giác, đấy đạo lý nhất định. Nói mê là hư vọng, thì ngộ còn có thể nói là chân thật được sao? Ngộ là giả danh, do đối lập với mê mà lập ra. Nếu mê đã phá rồi, mà còn tồn tại ngộ, thì ngộ ấy là căn bản vô minh, hoàn toàn chẳng phải là khai ngộ thật sự, ngay cả ngộ cũng chẳng thể được! Do vậy, ở đây nói: *"Niệm đáo cực xứ, hòa niệm thoát lạc"*, tức là nói công phu niệm Phật đến tột bậc thì năng niệm lẫn sở niệm đều chẳng thể được!

"Đốn ly niệm tướng, vị chi niệm Không" (nhanh chóng lìa khỏi tướng niệm, gọi là niệm Không): Đến cảnh giới này, nếu chúng ta hỏi người ấy còn có niệm hay không? Ngàn vạn phần đừng hiểu lầm là đến khi đó, người ấy chẳng niệm Phật! Không niệm sẽ đọa vào Không, lầm lẫn lớn lắm! Tới khi ấy, sáu chữ hồng danh vẫn cứ tiếp tục không gián đoạn như vậy, đúng như câu nói: *"Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm"*, chẳng phải là không có niệm! Đại Thế Chí Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, mà Ngài vẫn *"đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế"* (nhiếp trọn sáu năm, tịnh niệm tiếp nối), chẳng gián đoạn! Đấy mới là người niệm Phật chân chánh. Câu Phật hiệu của Ngài giống hệt chúng ta, suốt ngày từ sáng đến tối chúng ta cầm xâu chuỗi, có lẽ Ngài cũng cầm xâu chuỗi, một câu Nam-mô A Di Đà Phật từ trước đến nay chưa hề gián đoạn, nhưng cảnh giới chắc chắn khác nhau, vì sao? Chúng ta niệm Phật chấp tướng, còn Ngài vô tướng niệm Phật. Chúng ta là hữu niệm niệm Phật, còn Ngài là ly niệm niệm Phật. Chúng ta sống trong mười pháp giới, Ngài sống trong Nhất Chân pháp giới. Chúng ta chỗ nào cũng bị chướng ngại, còn Ngài chỗ nào cũng vô chướng ngại, giống như "Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại" trong kinh Hoa Nghiêm, làm sao [chúng ta và Ngài] giống nhau cho được? Trong cảnh giới, chúng ta thấy có các thứ sai biệt, bất bình đẳng, còn tâm địa của Ngài thanh tịnh, bình đẳng, thụ dụng khác hẳn nhau!

Quý vị nghe những lời này xong, nhất định sẽ suy tưởng: Chúng ta phải làm sao để cũng có thể niệm đạt tới cảnh giới ấy? Đấy là Lý nhất tâm bất loạn. Nếu quý vị muốn đạt tới cảnh giới ấy, ắt phải *"đã tinh tấn, lại càng tinh tấn hơn"*. Tinh tấn nơi điều gì? Lão Tử đã nói: *"Vị học nhật ích, vị đạo nhật tổn"* (Vì sự học mà ngày càng tăng, vì đạo mà ngày càng ít đi). Cầu học thuật thế gian bèn muốn nó hằng ngày tăng trưởng, đó là tiến bộ. Nếu cầu đạo, đạo là tâm thanh tịnh, phải nên làm như thế nào? Phải nên ngày càng buông xuống, *"tổn"* (損) là chẳng nhiễm mảy trần. Trong phần trước, đại sư có nói: *"Phóng hạ, hựu phóng hạ"* (đã buông xuống, lại càng buông xuống nhiều hơn). Học đạo là như vậy đó! Tinh tấn trong Phật pháp nghĩa là gì? Tinh tấn là buông xuống. Chẳng những ngũ dục,

lục trần trong thế gian phải buông xuống, mà ngay cả Phật pháp cũng phải buông xuống. Ngũ dục, lục trần trong thế gian là bệnh, Phật pháp là thuốc; lấy thuốc trị bệnh, bệnh lành rồi, chẳng cần đến thuốc nữa. Đúng như câu nói: *"Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp"* (pháp còn nên bỏ, huống hồ phi pháp).

Do đây có thể biết: Từ xưa đến nay, những người thành tựu, quý vị đọc kinh cẩn thận sẽ nhận ra hiện tượng này: Đức Phật nói các bộ kinh, các đệ tử tham dự, nghe xong thường đại triệt đại ngộ, đều có thể nhập cảnh giới ấy. Chẳng phải là mỗi bộ kinh họ đều nghe, chẳng phải vậy! Khai ngộ từ đâu? Khai ngộ bởi một bộ kinh. Chúng ta đọc kinh Lăng Nghiêm, thấy cô Ma Đăng Già (Mātanga) là phàm phu sát đất, kinh giảng được một nửa, cô ta liền chứng Tam Quả và A La Hán. Cô ta không nghe rất nhiều kinh, học rất nhiều pháp môn rồi mới khai ngộ. Quý vị phải hiểu: Học nhiều, nghe nhiều, biến thành Sở Tri Chướng, chắc chắn chẳng thể khai ngộ. Trong Phật pháp, bất luận là Giải hay Hành, đều phải thâm nhập một môn! Đã là phải thâm nhập một môn, vì sao đức Phật nói nhiều kinh như vậy? Đức Phật nói kinh nhiều ngần ấy, nói thật ra, chẳng phải là vì riêng ta mà nói! Mỗi bộ kinh đều có một loại đương cơ (căn cơ có thể tiếp nhận và tu tập pháp môn ấy), đức Phật vì những người ấy nói, họ nghe liền ngộ nhập. Đủ thấy: Nói thật ra, ngộ nhập là trong một hội, trong một bộ kinh! Chúng ta thấy nhiều tình hình như vậy rồi mới nhận biết: Nếu quý vị nghe quá nhiều, chắc chắn bị chướng ngại. Giống như chúng ta bị bệnh, mỗi người mắc bệnh khác nhau, chúng ta đi khám bác sĩ, bác sĩ kê toa cho mỗi người khác nhau. Chúng ta cầm toa thuốc ấy, chiếu theo toa để uống thuốc. Uống rồi sẽ lành bệnh; thuốc vào, bệnh dứt, khôi phục sức khỏe. Nếu thuốc của quý vị đúng căn bệnh, quý vị uống vào lành bệnh, [thấy] thuốc của người khác cũng khá lắm, à! Vậy thì trao toa thuốc cho tôi, tôi mua hết những thuốc ấy về uống, uống vào mà không đổ bệnh thì cũng chết ngắc!

Hết thảy các kinh là những toa thuốc mà đức Phật kê cho khá nhiều chúng sanh thuở ấy, chẳng thể tùy tiện uống loạn xạ được! Nếu quý vị tùy tiện uống thuốc loạn xạ, chắc chắn có hại, chứ chẳng có ích gì! Nếu có ích thì hiện thời quý vị đọc kinh nhiều dường ấy, nghe kinh nhiều ngần ấy, vì sao vẫn chưa khai ngộ? Quý vị niệm Phật đã nhiều năm dường ấy, vì sao ngay cả tin tức vãng sanh cũng chẳng có chi hết? Căn bệnh là đâu? Tạp loạn ấy mà! Từ Vãng Sanh Truyện, chúng ta thấy cổ nhân cũng là phàm phu sát đất, trước nay chưa hề nghe Phật pháp, có pháp sư dạy họ niệm A Di Đà Phật, họ niệm ba năm, công phu thành phiến, đắc nhất tâm, biết

trước lúc mất, tự tại vãng sanh. Chúng ta công phu nhiều hơn họ, vì sao chẳng bằng họ? Người ta uống một loại thuốc, uống vào bèn khỏi bệnh. Nay chúng ta uống cả đống thứ, chỉ sợ toa thuốc quá ít, không có bệnh cũng đổ bệnh! Làm sao có thể khôi phục sức khỏe cho được? Do vậy, "vì đạo" hay "vì học" tuyệt đối chẳng giống nhau!

Sau khi chúng ta đã hiểu rõ đạo lý này, mới biết trong các pháp môn nhiều ngần ấy, chúng ta hãy nên chọn lựa pháp môn nào? Nếu chúng ta là học trò ngoan của Thích Ca Mâu Ni Phật, là học sinh rất biết nghe lời, hãy nên chọn pháp môn Niệm Phật. Vì sao? Vì trong kinh, đức Phật đã dạy: *"Thời Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu; thời Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu; thời Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu".* Nay chúng ta đang sống trong thời Mạt Pháp, chúng ta tu pháp môn Tịnh Độ, niệm một câu A Di Đà Phật, chính là học sinh ngoan biết nghe lời nhất. Đấy cũng là lý do vì sao chúng ta chọn lựa pháp môn Tịnh Độ.

Pháp môn này có tốt đẹp hay không? Quá tốt đẹp! Nếu chẳng tốt, sao đại pháp Nhất Thừa Viên Giáo lại đề xướng? Chúng ta biết kinh Hoa Nghiêm là Nhất Thừa Viên Giáo, Thiện Tài đồng tử đại diện cho người tu học, là một tấm gương, là điển hình tu hành, Ngài tu pháp môn gì? Tu pháp môn Niệm Phật. Niệm vị Phật nào? Niệm A Di Đà Phật. Vì sao biết? [Trong kinh Hoa Nghiêm] đến cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Ngài đi tham học, vị thiện tri thức thứ nhất là tỳ-kheo Đức Vân dạy Ngài pháp môn Niệm Phật. Tuy không nói rõ là A Di Đà Phật, nhưng chỗ quy túc cuối cùng là A Di Đà Phật, nên chúng ta biết pháp môn Niệm Phật của tỳ-kheo Đức Vân tu nhất định là niệm A Di Đà Phật. Do đây biết rằng: Pháp môn này được bắt đầu đề xướng từ hội Hoa Nghiêm. Chúng ta không đọc Hoa Nghiêm, sẽ chẳng nhận biết pháp môn này. Đọc Hoa Nghiêm xong, mới biết pháp môn này thù thắng, mới biết pháp môn này là pháp môn Đại Tổng Trì của hết thảy pháp môn, hãy nên tu như thế nào? Một câu Phật hiệu niệm đến rốt ráo là thành công rồi. Hết thảy vọng tưởng, tạp niệm thế gian lẫn xuất thế gian đều phải buông xuống; khi quý vị chưa buông xuống được, hãy dùng một câu Phật hiệu để thay thế.

Có rất nhiều đồng tu niệm Phật đến nói với tôi: "Trong khi niệm Phật, vọng niệm rất nhiều". Đấy là hiện tượng tất nhiên! Không cần phải sợ! Vọng niệm dấy lên, quý vị cũng đồng thời dấy lên Phật hiệu. Điều khẩn yếu là toàn bộ tinh thần chuyên chú nơi Phật hiệu, mặc kệ vọng niệm, mặc cho nó có bao nhiêu, mặc cho nó dấy lên, căn bản là không quan tâm tới nó, chuyên môn quan tâm một câu Phật hiệu, tự nhiên vọng niệm sẽ

chẳng còn nữa! Quý vị càng quan tâm tới vọng niệm, vọng niệm càng nhiều, sẽ quên mất Phật hiệu. Do vậy nói "đừng quan tâm đến vọng niệm". Phật hiệu và vọng niệm đồng thời dấy lên, chúng ta là người biết dụng công sẽ quan tâm Phật hiệu, mặc kệ vọng niệm. Vọng niệm chẳng trở ngại quý vị niệm Phật, niệm Phật cũng chẳng trở ngại vọng niệm, chúng có thể tồn tại đồng thời. Quý vị chỉ chú ý tới Phật hiệu, vọng niệm nhất định giảm ít, ít đến mức vọng niệm chẳng sanh, căn bản là chẳng dấy lên. Một ngày trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, vọng niệm cũng chẳng dấy lên, khi ấy là Sự nhất tâm bất loạn. Vọng niệm vừa mới dấy lên, một câu Phật hiệu đè nó xuống, đó là công phu thành phiến, coi như là thành tựu, chắc chắn nắm chắc đới nghiệp vãng sanh.

Đoạn này nói tới cảnh giới tối cao, giảng về Lý nhất tâm bất loạn, khi ấy, tâm là chân tâm hiện tiền. Kinh luận thường nói về chân tâm như sau: *"Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"* (Tâm bao trùm hư không, lượng trọn khắp các cõi với số lượng nhiều như cát). Ở đây nói là *"đẳng hư không giới, pháp giới nhất tướng"* (bằng với hư không giới, pháp giới một tướng). Tâm đã nhất, cảnh giới bên ngoài cũng nhất. Người học Phật phải nhớ lời Phật giáo huấn: *"Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai"* (Nếu có thể chuyển cảnh, sẽ giống với Như Lai). Nói cách khác, người học Phật phải chuyển được cảnh giới, đừng bị cảnh giới chuyển. Bị cảnh giới chuyển là phàm phu! Chúng ta là người học Phật, người niệm Phật, niệm niệm vẫn bị cảnh giới chuyển, quý vị nghĩ xem: Làm sao đắc nhất tâm? Làm sao đắc công phu thành phiến? Chúng ta nhất định phải hiểu điều này.

Vì sao phải chuyển cảnh? Vì cảnh giới là *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*. Cảnh giới chẳng chân thật. Kinh Kim Cang nói rất hay: *"Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ, diệc như điển, ưng tác như thị quán"* (Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế). Sương và ánh chớp đều vô thường, thời gian tồn tại hết sức ngắn ngủi, tạm bợ. Chúng ta hãy suy nghĩ xem: Mạng sống của mỗi một người chúng ta tồn tại trong thế gian này, kể như quý vị sống rất thọ, sống đến một trăm tuổi, người thọ trăm tuổi được mấy ai? So trong toàn thể vũ trụ, thời gian một trăm năm là một sát-na, quá sức ngắn ngủi! Nếu xét theo cái nhìn của [chư thiên trong cõi] trời Đao Lợi, một ngày trong trời Đao Lợi bằng một trăm năm trong thế gian, trời Đao Lợi thấy nhân gian đáng thương quá! Sáng sanh, chiều chết, ngày sanh, đêm chết. Nếu chúng ta thường nghĩ tới điều này,

nghĩ tới sự thật này, quý vị sẽ giác ngộ, sẽ tự nhiên bỏ được hết thảy vô thường, hư vọng, giữ lấy chân thường.

Chân thường là gì? Chân thường là Chân Như tự tánh. Ở đây gọi là *"Chân Như Thể"*, Thể là tự tánh. Kinh Lăng Nghiêm nói *"lục căn căn tánh"* (căn tánh của sáu căn). Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đại từ đại bi, đối với Nhãn Căn trong sáu căn, Ngài đặc biệt giảng rõ tường tận trong phần *"thập phiên hiển Kiến"* (mười phen chỉ cái Thấy) [của kinh Lăng Nghiêm]. Đây có nghĩa là nói rõ: Căn tánh của sáu căn là chân thường, chẳng sanh, chẳng diệt, thật đấy! Chúng ta phải giữ lấy thứ này, trong pháp môn Niệm Phật sẽ là Lý nhất tâm bất loạn. Chúng ta cũng có thể nói như thế này: Chỗ khác nhau giữa Phật, Bồ Tát và phàm phu là dụng tâm khác nhau! Phật, Bồ Tát dùng chân tâm, căn tánh của sáu căn là chân tâm. Các Ngài thấy sắc, chẳng dùng Nhãn Thức để thấy, chẳng dùng Ý Thức để thấy, mà dùng tánh Thấy để thấy. Tai nghe âm thanh, chẳng dùng Nhĩ Thức để nghe, chẳng dùng Ý Thức là thức thứ sáu để nghe, mà dùng tánh Nghe để nghe. Vì vậy, người biết dùng căn tánh của sáu căn gọi là Phật, Bồ Tát. Người không biết dùng căn tánh của sáu căn mà dùng sáu thức thì gọi là phàm phu. Trừ chỗ này ra, Phật, Bồ Tát và phàm phu còn có sai biệt nào khác hay chăng? Chẳng có sai biệt!

"Niệm đáo cực xứ, hòa niệm thoát lạc" (Niệm đến cùng tột, năng niệm và sở niệm đều mất): Nay chúng ta bắt đầu niệm Phật, dùng cái tâm ý thức, chẳng biết dùng căn tánh của sáu căn. Niệm Phật đến cùng cực, năng niệm và sở niệm hai bên đều bỏ sạch, Thiền gia gọi đó là *"ly tâm ý thức"*. Sau khi lìa tâm ý thức, ở đây, cảnh giới ấy được gọi là *"niệm Không"*. Chữ *"Không"* ở đây đừng hiểu là *"Vô"* (không có), chữ *"Không"* này phải như trong Tâm Kinh đã nói: *"Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc"*. Chữ Không ở đây có ý nghĩa như vậy đó, đấy là Thật Tướng Bát Nhã.

Phía trước có nói *"đốn ly niệm tướng"* (nhanh chóng lìa tướng niệm), *"niệm tướng"* là gì? Tướng ngôn thuyết, tướng văn tự, tướng tâm duyên, tướng năng niệm, tướng sở niệm, toàn bộ [những tướng ấy] đều không có, chẳng khác gì Giao Quang đại sư đã nói trong sách Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch: *"Bỏ Thức dùng Căn"*. Cảnh giới được nói trong sách Chánh Mạch chính là cảnh giới của bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên. Từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên, chính là Lý nhất tâm bất loạn trong pháp môn Niệm Phật. Khi ấy, tâm tách rời phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, chân tâm hiển lộ. Chân tâm có hình dạng ra sao? Thứ nhất là tướng rộng lớn, tức là *"tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"*, tâm lượng

rộng lớn mà! Tướng thanh tịnh, tướng bình đẳng, tướng từ bi (tức là vô duyên đại từ, đồng thể đại bi) hiện tiền; khi ấy, Thanh Tịnh Pháp Thân, Viên Mãn Báo Thân, Thiên Bách Ức Hóa Thân đều hiện tiền, đó gọi là *"chân niệm"*.

Nếu quý vị hỏi niệm Phật có chỗ nào hay ư? Những chỗ hay có nói trọn hết được không? Nói chẳng trọn hết được những chỗ hay! Nói tới đây, chúng tôi quy nạp lại, "chân niệm" là dùng chân tâm niệm Phật; đó là cách nói đơn giản nhất! Chớ nên dùng vọng tâm niệm Phật, phải dùng chân tâm niệm Phật. Lần trước đã nói ra cảnh giới, đoạn văn ấy hết sức trọng yếu, tôi cũng đặc biệt nhắc nhở các đồng tu: Chúng ta niệm Phật, sử dụng chân tâm, còn đãi người tiếp vật thì sao? Khi niệm Phật là giác, khi đãi người tiếp vật lại mê, không được rồi! Như vậy sẽ vô ích. Khi niệm Phật, niệm cho ra chân tâm, niệm ra để làm gì? Niệm cho ra để dùng trong cuộc sống, khiến cho toàn bộ cuộc sống thường nhật của chúng ta đều sử dụng chân tâm. Đấy mới là "chỗ nào cũng đều thấy Phật, lúc nào cũng đều thấy Phật, hữu tình và vô tình cùng viên mãn Chủng Trí". Do vậy, niệm một câu A Di Đà Phật là một phương pháp. Điều khẩn yếu nhất trong phương pháp này là nhằm lay tỉnh quý vị, nhằm đánh thức giác tâm của quý vị, niệm cho ra giác tâm. Giác tâm là chân tâm, niệm cho hết vọng tâm, niệm cho chân tâm dấy lên, chuyện là như vậy đó. Xử sự bằng chân tâm. Chân tâm cai quản, chân tâm làm chủ; đó gọi là thành Phật, là Chánh Đẳng Chánh Giác.

Do đây có thể biết rằng: Niệm Phật chẳng phải là vô ích, niệm Phật hoàn toàn chẳng phải là trật khớp với cuộc sống chúng ta, mà niệm Phật là cuộc sống thực tế của chúng ta. Ngày nay, chánh phủ đề xướng phải nâng cao phẩm chất cuộc sống, nâng cao từ chỗ nào? Niệm Phật mới là phương cách duy nhất để thật sự nâng cao phẩm chất cuộc sống, khiến cho quý vị thật sự đạt đến cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Thế nhưng quý vị phải nhớ: Nếu quý vị dùng giả tâm, tạp tâm, vọng tâm, dẫu quý vị niệm như thế nào đi nữa, cũng chẳng đạt được những thứ lợi ích tốt đẹp ấy! Xét đến hết mức, chỉ là gieo một ít chủng tử niệm Phật vào A Lại Da thức, chứ chẳng thể hưởng dùng trong đời này được! Nếu do một câu Phật hiệu ấy mà niệm khiến cho chân tâm tỏ lộ, sự thụ dụng ấy sẽ thật sự chẳng thể nghĩ bàn, thật sự đại tự tại! Người thế gian thường nói "khoái lạc khôn sánh", đấy là hô khẩu hiệu, trên thực tế, họ rất khổ, nói ngoài miệng mà thôi! Chỉ có người chân tâm niệm Phật mới thật sự sung sướng, thật sự tự tại. Do vậy, chỉ có người chân tâm niệm Phật mới có đủ chân - thiện - mỹ - huệ!

Đại sư nói: *"Cái diêu niệm không chân niệm"* (ấy là do niệm đến mức mọi thứ đối đãi rỗng rang, sẽ là chân niệm). Câu này nói rõ niệm Phật là công phu chân thật, công phu thành tựu, là Lý nhất tâm, là công phu thượng thừa. Tiếp theo đó, sách Diễn Nghĩa giảng câu *"sanh nhập vô sanh"*, sanh nhập vô sanh là quả báo, nhân viên quả mãn.

(Diễn) Sanh nhập vô sanh giả, sanh tức sanh tử chi sanh, vô sanh tức Vô Sanh Nhẫn.

(演) 生入無生者，生即生死之生，無生即無生忍。

*(**Diễn**: "Sanh nhập vô sanh": Chữ "Sanh" [đầu tiên trong câu này] là chữ Sanh trong sanh tử, "vô sanh" là Vô Sanh Nhẫn).*

Nói cách khác, quý vị niệm đến cảnh giới này, thấy chân tướng sự thật như thế nào? Chân tướng sự thật là bất sanh bất diệt. Nói là "liễu sanh tử, thoát tam giới" nhưng vẫn chưa phải là đã xong xuôi! Đối với *"liễu sanh tử, thoát tam giới"*, chúng ta thường nói tới Tiểu Thừa A La Hán, nhưng [*"liễu sanh tử, thoát tam giới"* ở đây] cao hơn cảnh giới của A La Hán rất nhiều. Đạt đến cảnh giới ấy, mới thật sự thấy được hết thảy pháp vốn bất sanh, lẽ đâu có diệt? Đó là thấy được tướng chân thật của vạn pháp trong vũ trụ, Thật Tướng của các pháp. Vì sao nói vạn pháp bất sanh? Lý này rất sâu, một câu nói của đức Phật có thể nói toạc chuyện này, nhưng chúng ta rất khó khế nhập, chẳng dễ gì thấu hiểu được. Chẳng những không dễ gì thấu hiểu, mà còn sợ rằng chưa dễ gì tiếp nhận được. Vì sao chẳng dễ gì tiếp nhận? Vì về căn bản, không có cách nào lý giải cảnh giới này; cho nên chẳng thể tiếp nhận!

(Diễn) Sanh bổn vô Thể, dĩ niệm vi Thể.

(演) 生本無體，以念為體。

*(**Diễn**: Sanh vốn không có Thể, lấy niệm làm Thể).*

"Sanh" là hiện tượng sanh khởi của hết thảy vạn pháp, chúng ta thường nói là *"duyên sanh"*. *"Nhân duyên sở sanh pháp, đương thể tức thị không"* (Các pháp được sanh bởi nhân duyên, bản thể của chúng chính là Không). Nó không có tự tánh; không có tự tánh thì từ đâu mà sanh khởi? *"Dĩ niệm vi Thể"* (Lấy niệm làm Thể), từ niệm mà sanh. Sự - Lý này quả thật khó thể hiểu được, chúng ta chỉ đành lãnh hội bằng tỷ dụ. Quý vị vẫn chưa chứng thánh quả, tâm vẫn chưa thanh tịnh. Chưa thanh tịnh thì nói cách khác là tâm khởi niệm, khởi phân biệt chưa hề gián đoạn. Quý vị

nằm trên giường, ngủ thật say, thân bất động, nhưng tâm vẫn còn khởi niệm, vẫn phân biệt. Do khởi niệm nên biến thành mộng cảnh. Mộng do đâu mà có? Khi quý vị ngủ, trong tâm có ý niệm, mộng do niệm mà sanh. Nếu quý vị không có niệm, sẽ chẳng có mộng. Quý vị có thiện niệm bèn có hảo mộng, có ác niệm bèn có ác mộng. Do đây có thể chứng minh rằng: Mộng quả thật từ niệm mà sanh khởi.

Mộng cảnh ngắn ngủi, tạm bợ, nhưng trong mộng cảnh, quý vị chẳng cảm nhận nó ngắn ngủi, tạm bợ. Trong bút ký, tiểu thuyết của cổ nhân Trung Quốc, có chuyện Hoàng Lương Mộng (giấc mộng kê vàng), chuyện này mọi người đều rất quen thuộc. Chuyện kể một chàng Tú Tài nghèo khổ hằng ngày suy nghĩ lung tung, có một hôm ở trong một đạo quán (miếu của đạo sĩ), đạo sĩ ngồi tịnh tọa nơi ấy, bên cạnh có một cái lò đang nấu cháo hạt kê (foxtail millet). Hoàng Lương (黃粱) là hạt kê, nấu rất mau chín! Anh ta ngủ gục cạnh lò, nằm mộng. Mộng thấy mình đi thi, kết quả đỗ Trạng Nguyên. Sau đó, được hoàng đế bổ làm Tri Huyện, làm quan, thăng chức dần dần. Làm quan bao nhiêu đó năm, lên đến Tể Tướng. Phàm những ai trước kia đã có ân huệ với anh ta, đều báo đáp từng người một. Những kẻ nào phạm lỗi với anh ta trong quá khứ, anh ta đều báo thù từng người một, ân oán phân minh! Đến cuối cùng, chính mình cũng phạm tội, bị hoàng đế cách chức, cuộc sống tồi tệ, khổ chẳng thể nói được! Khi ấy, tỉnh giấc, kê còn nấu chưa chín. Vị đạo sĩ ấy rất lợi hại, hỏi anh ta: "Hai mươi năm làm vị Tể Tướng trong thuở thái bình có đắc ý hay chăng?" Trong giấc mộng, anh ta làm vị Tể Tướng thuở thái bình suốt hai mươi năm, hạt kê vàng nấu vẫn chưa chín! Trong cảnh mộng, anh ta quả thật cảm thấy đã trải qua mấy chục năm, đời người như giấc mộng!

Người trẻ tuổi chẳng lãnh hội sâu sắc chuyện này, người lớn tuổi cảm nhận chuyện này hết sức thân thiết. Năm hai mươi ba tuổi, tôi đến Đài Loan, hiện thời chớp mắt đã sáu mươi tuổi rồi, nghĩ tới quang cảnh Đài Loan ngày ấy giống như vừa mới hôm qua. Sau này còn có ba mươi năm nữa hay chăng? Không có! Hơn ba mươi năm trôi qua như một khảy ngón tay. Đời người là giấc mộng, không có thứ gì để có thể đạt được cả! Quý vị ngỡ là có thể đạt được, đó là giả, chắc chắn là hư vọng, không gì chẳng phải là một giấc mộng lớn mà thôi! Do vậy, đức Phật dạy chúng ta phải bỏ hết thảy, phải buông xuống hết thảy, đó là chánh lý, tức là đạo lý tuyệt đối chính xác. Vì sao? Thứ gì cũng chẳng thể đạt được, quý vị cứ khư khư muốn cầu lấy, chẳng phải là tự mình chuốc khổ ư? Do vậy, buông xuống sẽ tự tại, buông xuống là giải thoát.

Hết thảy các pháp do vọng tưởng, phân biệt biến thành; tông Duy Thức bảo là *"duy thức sở biến"*. Thức là ý niệm, là tâm phân biệt. Do vậy, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thảy đều lấy niệm làm Thể. Nếu ý niệm không có, sẽ như Vĩnh Gia đại sư đã nói*: "Giác hậu không không vô đại thiên"* (giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). *"Giác hậu"* giống như tỉnh giấc, mộng cảnh chẳng còn nữa, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới trước mắt chúng ta là giấc mộng lớn. Hiện thời, cái tâm phân biệt của quý vị không có giác, chẳng đoạn dứt, suốt ngày từ sáng đến tối phân biệt không ngừng. Do vậy, tướng cảnh giới bên ngoài giống như có tướng tiếp nối, liên tục, thật ra, nó chẳng liên tục, mà là sanh diệt trong từng sát-na, như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Đương xứ xuất sanh, đương xứ diệt tận"* (sanh ra từ ngay chỗ này, diệt mất cũng ngay tại đó), *"tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng"* (thuận theo lòng chúng sanh mà ứng hiện phù hợp với khả năng nhận biết của họ). Pháp vốn là như vậy, đừng nghĩ cảnh giới là chân thật. Nếu nghĩ là thật sự có chuyện ấy, quý vị đã nhìn lầm mất rồi, chẳng có chuyện ấy đâu! Nếu quý vị thấy thấu suốt chân tướng, lẽ nào chẳng tự tại! Thấy thấu suốt chân tướng, trong hết thảy cảnh giới, sẽ chẳng có ý niệm được - mất. Chúng sanh khổ sở là do lo được, lo mất. Trong cảnh giới, chúng ta không có được - mất, sẽ tự tại nhiều lắm! Hết thảy thụ dụng không gì chẳng tự tại. Tiếp theo đây, đại sư trích dẫn một đoạn Khởi Tín Luận để giảng.

(Diễn) Khởi Tín vân: "Nhất thiết chư pháp, duy y vọng niệm nhi đắc trụ trì".

(演) 起信云：一切諸法，唯依妄念而得住持。

*(**Diễn**: Khởi Tín Luận viết: "Hết thảy các pháp chỉ do nương vào vọng niệm mà được tồn tại liên tục").*

Khởi Tín Luận là *"tông kinh luận"* (bộ luận chuyên chú trọng giải thích cương lãnh, ý nghĩa chánh yếu của một bộ kinh, chứ không giải thích tỉ mỉ từng câu văn, từng từ ngữ), chuyên căn cứ trên sự chỉ dạy của đức Phật để giảng rõ cho chúng ta [tông chỉ Đại Thừa]. *"Nhất thiết chư pháp"* bao gồm các pháp thế gian và xuất thế gian, lục phàm pháp giới trong thế gian, tứ thánh pháp giới xuất thế gian, không chỉ bao gồm tứ thánh lục phàm, mà còn bao gồm Nhất Chân pháp giới, thảy đều *"y vọng niệm nhi đắc trụ trì"* (nương vào vọng niệm mà tồn tại liên tục). *"Trụ"* (住) có nghĩa là tồn tại, *"trì"* (持) có nghĩa là gìn giữ, cũng có nghĩa là liên tục. Hiện ra tướng tồn tại liên tục là do nương vào vọng niệm.

Nói tới chỗ này, chắc cũng có những vị muốn hỏi: "Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới có vọng niệm, chúng con tin được, vì sao? Những người ở đó còn chưa đắc nhất tâm. Trong cõi Phương Tiện Hữu Dư cũng có vọng niệm, chúng con cũng tin tưởng, vì tuy họ đắc Niệm Phật tam-muội, nhưng chưa kiến tánh. Vấn đề nẩy sanh là từ cõi Thật Báo trở lên, há còn có vọng niệm ư?" Quý vị hãy nghĩ xem: Có [vọng niệm] hay là không? Sống trong cõi Thật Báo là hàng Bồ Tát đã kiến tánh, là Pháp Thân đại sĩ. Sơ Trụ Bồ Tát có vọng niệm hay không? Bốn mươi mốt phẩm vô minh mới phá được một phẩm, còn bốn mươi phẩm chưa phá, làm sao không có vọng niệm? Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, vẫn còn có vọng niệm! Viên mãn thành Phật sẽ chẳng có vọng niệm. Chẳng có vọng niệm lẽ ra không có tướng! Vì vậy, trong cảnh giới này, chúng ta mới thấy lòng từ bi của Phật đúng là vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, vì sao? Ngài có năng lực phá trừ một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, nhưng không phá. Vì sao không phá? Muốn ở trong mộng để làm Phật sự lớn lao, giúp người khác giác ngộ. Nếu Ngài phá thì *"giác rồi ba cõi rỗng toang hoang"*, Ngài còn giúp đỡ hết thảy chúng sanh mê hoặc điên đảo được nữa hay chăng? Chẳng giúp đỡ được!

Do vậy, Phật đạt đến cảnh giới thành Phật, Ngài tuyệt đối chẳng phá một phẩm vô minh, giữ lại, gọi là *"lưu Hoặc"*, giữ lại một phần, đó gọi là *"thả chiếc bè Từ"*. Giữ lại một phần thì mới có thể thị hiện thân tướng trong mười pháp giới, nên dùng thân nào để độ được, bèn thị hiện thân ấy. Trong khi ấy, có gọi là vọng tưởng hay chăng? Có thể nói là vọng tưởng, mà cũng có thể nói "chẳng phải là vọng tưởng". Vì Ngài tự biết những vọng tưởng ấy, muốn giữ chúng lại. Ngài đã giác ngộ, những vọng tưởng ấy chẳng phải là vọng tưởng. Giống như quý vị nằm mộng, trong mộng hiện ra chẳng ít chuyện tốt lành, biết mình đang nằm mộng, chẳng bằng lòng thức giấc, giấc mộng ấy vẫn tiếp tục diễn ra, nhưng quý vị đã giác ngộ rồi, biết đang ở trong mộng, đấy là đã thật sự lìa khỏi mộng cảnh. Đấy là như trong kinh Đại Thừa thường nói: *"Tức thế gian, nhi xuất thế gian"* (ở ngay trong thế gian mà thoát khỏi thế gian), ở và lìa đồng thời, ở và lìa chẳng hai. Đấy là mặt tích cực nhất của Phật pháp, là cống hiến khôn sánh của Phật pháp dành cho hết thảy chúng sanh, chúng ta phải nhận thức. Đoạn tiếp theo là dựa trên lý luận để giảng:

(Diễn) Kim ký niệm không, sở vị: Bì ký bất tồn, mao tương an phụ, tự nhiên độc lâu phấn toái, Ngũ Ấm tiêu vong, tùng hữu sanh ngộ nhập Vô Sanh hĩ.

(演)今既念空，所謂皮既不存，毛將安附，自然髑髏粉碎，五陰消亡，從有生悟入無生矣。

*(**Diễn**: Nay niệm đã rỗng không, tức là nói: "Da đã chẳng còn, lông dính vào đâu?" Tự nhiên đầu lâu nát vụn, Ngũ Ấm mất tiêu. Từ có sanh bèn ngộ nhập Vô Sanh vậy).*

Đây là Vô Sanh Pháp Nhẫn, chúng ta thường gọi nó là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Giảng theo nghĩa hẹp thì như kinh Nhân Vương đã nói, Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa, ba địa vị này là Vô Sanh Nhẫn Bồ Tát. Nếu giảng theo nghĩa rộng, tiêu chuẩn sẽ thấp hơn một chút: Từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên đã chứng được ít phần lý Vô Sanh, ngộ nhập Vô Sanh. Trong cảnh giới Tịnh Độ, chúng ta thường đọc bài Kệ Hồi Hướng có câu *"hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh"*, đấy là cảnh giới của Sơ Trụ trong Viên Giáo, là cảnh giới quý vị vừa mới chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Nói cách khác, chưa chứng đắc Lý nhất tâm, hoa sen của quý vị chưa nở. Quý vị vãng sanh thế giới Cực Lạc vẫn ở trong hoa sen, hoa chưa nở mà! Ở trong ấy, lại tiếp tục dụng công không ngừng, chứng đắc Lý nhất tâm, hoa sẽ nở.

Trong ao bảy báu nơi cõi Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả thật có hoa sen ấy, nó cũng chẳng phải là giả, trên mặt Sự thì nó có thật, nhưng quý vị phải hiểu Lý, Lý là gì? Hoa ấy là tâm hoa. Vì sao chẳng tỷ dụ hoa nào khác, mà cứ nhất định phải ví với hoa sen? Hoa sen là thanh tịnh, tâm quý vị vốn là thanh tịnh. Lục Tổ nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn thanh tịnh"*. [Hoa sen] nở là gì? Khai ngộ! Đại triệt đại ngộ, khi nào quý vị đại triệt đại ngộ cái tâm thanh tịnh, hoa sen bèn nở, chuyện là như vậy đó.

Nếu quý vị hỏi:Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, là cần phải bao lâu hoa sen ấy mới nở? Không nhất định! Đâu có nhất định! Quý vị đến đó một ngày bèn khai ngộ, hoa sẽ nở ngay trong hôm thứ nhất. Hai ngày mới khai ngộ thì hai ngày hoa sen mới nở. Quý vị vĩnh viễn chẳng khai ngộ, hoa sẽ vĩnh viễn chẳng nở, không nhất định! Nếu hiện thời chúng ta tâm khai ý giải, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là Thượng Phẩm Thượng Sanh, vì sao? Vừa sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới hoa liền nở, đó là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Quý vị phải suy nghĩ: Vì sao cái tâm của chúng ta chẳng khai? Chẳng khai là vì quý vị có chướng ngại, chướng ngại là do quý vị không buông xuống được! Trong lòng vướng

mắc quá nhiều chuyện, cho nên quý vị chẳng thể tâm khai ý giải. Quý vị chẳng biết tướng chân thật và hình dạng chân thật của hết thảy muôn hình vạn tượng là hư vọng, chẳng chân thật. Quý vị thấy thấu suốt đến mức độ ấy, sự gì, vật gì cũng chẳng thể vướng mắc quý vị được. Không bị vướng mắc chuyện gì, sẽ gọi là "buông xuống toàn thể". Khi ấy mới là tâm khai ý giải, tâm quý vị thanh tịnh tự tại, vãng sanh thế giới Tây Phương bèn là Thượng Phẩm Thượng Sanh.

(Diễn) Hựu sanh tức niệm Phật chi tâm, vô sanh vị Vô Sanh chi lý.

(演) 又生即念佛之心，無生謂無生之理。

*(**Diễn**: Lại nữa, sanh chính là cái tâm niệm Phật, vô sanh là lý Vô Sanh).*

Đây là nói theo mặt Lý.

(Diễn) Tuy niệm tánh nguyên sanh diệt, ký do hữu niệm đắc nhập vô niệm, thị tùng sanh diệt đốn nhập Vô Sanh hĩ.

(演)雖念性元生滅，既由有念得入無念，是從生滅頓入無生矣。

*(**Diễn**: Tuy tánh của niệm vốn là sanh diệt, nhưng do hữu niệm mà nhập vô niệm, tức là từ sanh diệt mà nhanh chóng nhập Vô Sanh vậy).*

Trong phần trên đã nói tới *"đốn nhập"*; ở đây cũng lại nói *"đốn nhập"*, hoàn toàn giống với cách nói của Khuy Cơ đại sư trong Thông Tán Sớ, đây là pháp môn cực viên, cực đốn. Nói thật ra, chúng ta muốn chứng được Pháp Thân đại sĩ trong một đời, quả thật chẳng dễ dàng; nhưng dùng pháp môn này, tôi chẳng dám nói chắc chắn là có thể đạt được, nhưng thưa quý vị, có khả năng thực hiện được, tùy thuộc vào dụng tâm, tinh tấn và công phu của mỗi người có đúng pháp, có đắc lực hay không? Bất cứ pháp môn nào khác cũng không có cách nào sánh bằng được!

Hiện thời, chúng ta niệm Phật là hữu niệm, dùng cái tâm sanh diệt để niệm Phật, niệm đến hoàn toàn thuần thục, sẽ nhập lý Vô Sanh. Hữu Sanh là gì? Vô Sanh là gì? Hữu Sanh là cái tâm năng niệm, cái thức năng niệm. "Thức tâm" là tâm phân biệt. Do nó là pháp hữu vi, nên có sanh, có diệt. Niệm đến mức kiến tánh thì tánh Niệm bất sanh bất diệt; đấy chính là như trong phần *"thập phiên hiển Kiến"* (mười phen chỉ cái Thấy) của

kinh Lăng Nghiêm [đã chỉ rõ], tánh Niệm và tánh Thấy là một tánh, chứ không phải hai. Làm thế nào để từ hữu niệm đạt đến vô niệm? Đây là nói từ thức niệm (niệm bằng cái tâm ý thức) mà niệm cho tới kiến tánh. Hãy nhớ câu nói này trong phần trước: *"Niệm không chân niệm"* (niệm tới khi mọi đối đãi rỗng không, sẽ là chân niệm); do vậy mới có thể từ sanh mà nhập Vô Sanh. Dùng ý nghĩa của đoạn này để giải thích câu *"sanh nhập Vô Sanh"*, thì sẽ là từ cái tâm sanh diệt, niệm đến kiến tánh. Vô Sanh là kiến tánh, là bất sanh, bất diệt, phải *"niệm không chân niệm"* (niệm rỗng không mọi đối đãi, sẽ là chân niệm). Nói đơn giản, *"niệm không"* có nghĩa là thứ gì cũng buông xuống, thân tâm thế giới hết thảy đều buông xuống, đó là *"niệm không"*. Dùng chân tâm để niệm, sẽ tự nhiên từ sanh diệt mà niệm đến bất sanh bất diệt. Đạt đến bất sanh bất diệt là kiến tánh.

(Diễn) Niệm Phật niệm tâm giả.
(演) 念佛念心者。
*(**Diễn**: Niệm Phật là niệm tâm).*

Niệm Phật là niệm tâm. Gần đây nhất, có mấy vị đồng tu đến hỏi tôi: "Không có cách nào để giữ cho Phật hiệu liên tục không gián đoạn. Vì mỗi ngày phải làm việc, hễ làm việc sẽ chẳng thể niệm Phật hiệu được. Nếu vừa niệm Phật vừa làm việc, tâm sẽ có hai công dụng, chẳng làm trọn vẹn chuyện gì được, mà Phật hiệu cũng niệm chẳng tốt đẹp, chính mình gặp tầng tầng chướng ngại". Đấy là do không hiểu rõ nghĩa kinh, nên mới xuất hiện rối loạn như vậy. Quý vị phải nhớ, niệm Phật thì *"niệm"* (念) là *"kim tâm"* (今心), tức cái tâm hiện tiền, Phật là giác. Cái tâm hiện tại của ta giác chứ không mê, đó là niệm Phật. Dùng giác tâm để làm việc, chuyện gì cũng làm viên mãn, chuyện gì cũng đều làm chu đáo, vì sao? Tâm của quý vị giác chứ không mê. Hễ tâm mê, mới điên đảo sự việc, khiến cho sự việc bị sai sót, tâm giác sẽ chẳng bị. Vì thế, niệm Phật là giác tâm, cái tâm hiện tiền là giác chứ không mê. Một câu Nam-mô A Di Đà Phật nhằm niệm cho tâm hết mê, vốn nhằm niệm sao cho giác tâm của quý vị khởi lên. Niệm cho [giác tâm] khởi lên để làm gì? Niệm cho [giác tâm] khởi lên để làm các việc trong cuộc sống thường ngày, để đãi người, tiếp vật, đó gọi là Phật pháp, là thật sự niệm Phật.

Đủ thấy niệm Phật là hữu dụng, chứ không phải là niệm vô ích. Nam-mô A Di Đà Phật, Nam-mô nghĩa là "quy y", A Di Đà Phật là Vô Lượng Giác. Dịch hoàn toàn sáu chữ này sang nghĩa tiếng Hán, sẽ là "quy y Vô Lượng Giác". "Quy" (皈) là trở về, từ đâu trở về? Từ mê hoặc, điên

đảo mà trở về, từ hết thảy lầm lẫn mà quay đầu trở lại, nương tựa (y:依) vào đâu? Nương vào giác chứ không mê, nương vào chánh chứ không tà, nương vào tịnh chứ chẳng nhiễm, đó gọi là niệm Phật. Nếu không, suốt ngày từ sáng đến tối lần chuỗi, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, nhưng đãi người, tiếp vật, chuyện gì cũng mê hoặc, điên đảo, quý vị niệm Phật đã uổng công rồi. Đó là như cổ nhân đã nói *"rách toạc cuống họng cũng uổng công"*, phí công niệm rồi, chẳng niệm ra được giác tâm, không chuyển biến cảnh giới mê hoặc, điên đảo được, chuyển không được! Do vậy, phải nhận thức hai chữ "niệm Phật" chính là niệm cái tâm, Phật là cái tâm giác ngộ. Vì thế, niệm Phật là niệm tâm.

(Diễn) Ký đáo chân niệm điền địa, tắc kỳ niệm Phật dĩ vô năng sở.

(演) 既到真念田地，則其念佛已無能所。

*(**Diễn**: Đã đạt đến cảnh giới chân niệm thì sự niệm Phật ấy không có Năng và Sở).*

"Năng" là cái tâm có khả năng niệm. "Sở" là đức Phật được niệm. Nếu có Năng và Sở, thưa cùng quý vị, chính là có nhị tâm, nhị tâm là mê. Giác tâm là nhất tâm, nhất tâm là chân tâm. Xử sự, đãi người, tiếp vật, bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, đều dùng chân tâm, đó là Giác. Vừa mới dấy lên phân biệt, vừa mới chấp trước một chút, tâm ấy đã mê, chẳng phải là giác. Mê bèn có khổ, giác sẽ được tự tại.

Khi đạt tới chân niệm, người ấy (hành giả) nhất định là nhất tâm hiện tiền, chân tâm hiện tiền. Trong chân tâm không có năng niệm hay sở niệm.

(Diễn) Năng niệm tâm ngoại, vô hữu Phật vi ngã sở niệm. Sở niệm Phật ngoại, vô hữu tâm năng niệm ư Phật. Trí ngoại vô Như, Như ngoại vô trí. Như, Trí bất nhị, danh niệm Phật tức thị niệm tâm dã.

(演)能念心外，無有佛為我所念。所念佛外，無有心能念於佛。智外無如，如外無智，如智不二，名念佛即是念心也。

*(**Diễn**: Ngoài cái tâm niệm Phật, không có đức Phật để ta niệm. Ngoài đức Phật được niệm, không có cái tâm niệm Phật. Ngoài trí không có Như, ngoài Như không có trí. Trí và Như chẳng hai, thì gọi là "niệm Phật chính là niệm tâm").*

Mấy câu này nói hết sức hay! Văn chương đơn giản, ý nghĩa hết sức rõ ràng! Do đây có thể biết người niệm Phật chúng ta tu những gì? Sở cầu của người niệm Phật là cầu chân tâm khởi tác dụng, cầu điều ấy. Trong kinh điển, danh xưng [của điều mong cầu này] là "nhất tâm bất loạn". Tôi thay đổi danh từ thì mọi người sẽ dễ hiểu: Chân tâm khởi tác dụng chính là nhất tâm bất loạn. Nếu chân tâm chẳng khởi tác dụng, dẫu có đắc nhất tâm cũng uổng phí, chẳng có ích gì! Đã đắc nhất tâm, sẽ có Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. Tự Thụ Dụng là thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Tha Thụ Dụng là đại từ đại bi. Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng chẳng trở ngại lẫn nhau.

Giống như Thích Ca Mâu Ni thuở còn tại thế, bốn mươi chín năm giảng kinh, thuyết pháp, đó là Tha Thụ Dụng, đại từ, đại bi, bản thân Ngài hết sức thanh tịnh. Từ tâm thanh tịnh mà nói thì trước nay Ngài chưa hề nói một chữ, chẳng thuyết pháp một câu, nói mà không nói. Nói là từ bi, là Tha Thụ Dụng; không nói là tự mình thanh tịnh, là Tự Thụ Dụng. Tự - Tha bất nhị. Đủ thấy rằng: Phật dùng nhất tâm, chẳng dùng nhị tâm. "Bản thân ta thanh tịnh. Ta giảng kinh, thuyết pháp cho người khác thì ta dùng nhị tâm", vậy là sai rồi! Dùng nhị tâm sẽ bị chướng ngại, quý vị thuyết pháp nhất định chướng ngại sự thanh tu của chính mình, tự mình thanh tu nhất định sẽ chướng ngại hoằng pháp. Chỉ có nhất tâm, không nhị tâm, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, phải thấu hiểu tỉ mỉ sự thật này, càng nên nỗ lực học tập, khiến cho chính mình cũng có thể đạt đến cảnh giới ấy, sẽ đắc đại tự tại, quý vị mới thật sự thấu hiểu sự hưởng thụ, ý nghĩa của đời người, và giá trị của sanh mạng. Nếu không, tương lai là một bầu mờ mịt, tối tăm, thật sự đáng thương!

Qua bộ kinh này, chúng ta thật sự có được chỗ chỉ quy, có được phương hướng. Trong phần trước, tôi đã có lần nhắc nhở quý vị: Một bộ kinh này là đủ rồi, chắc chắn có thể trị lành hết thảy bệnh tật, tập khí của chúng ta từ vô thỉ đến nay, chắc chắn có thể giúp cho chúng ta thành tựu Vô Thượng Đạo.

Quý vị dụng công, nhất tâm xưng niệm A Di Đà Phật, trọn đừng gián đoạn, trọn chẳng hoài nghi, sẽ thành công! Phương pháp đơn giản như vậy đó!

Hôm nay đã hết giờ rồi!

Tập 30

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba mươi bảy:

(Tự) Cái diêu niệm không chân niệm, sanh nhập vô sanh, niệm Phật tức thị niệm tâm.

(序) 蓋繇念空真念。生入無生。念佛即是念心。

*(**Tựa**: Ấy là vì niệm rỗng rang mọi đối đãi sẽ là chân niệm, từ sanh tử nhập Vô Sanh, niệm Phật chính là niệm tâm).*

Hôm qua chúng tôi đã giảng ba câu này, hôm nay lại tiếp tục đọc đoạn văn kế tiếp.

(Tự) Sanh bỉ bất ly sanh thử, tâm, Phật, chúng sanh nhất thể, trung lưu lưỡng ngạn bất cư, cố vị: "Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ".

(序)生彼不離生此。心佛眾生一體。中流兩岸不居。故謂自性彌陀。唯心淨土。

*(**Tựa**: Sanh về cõi kia chẳng lìa sanh trong cõi này. Tâm, Phật và chúng sanh cùng một Thể, chẳng ở giữa dòng và hai bên, nên nói: "Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ").*

Ý nghĩa được bao hàm trong đoạn tổng kết này hết sức sâu rộng, chúng ta nên đặc biệt chú ý, bất luận là đối với Giải hay Hạnh đều có ích rất lớn.

(Diễn) Sanh bỉ sanh thử giả, ký đáo vô sanh điền địa, tắc kỳ Tịnh Độ dĩ vô bỉ thử.

(演)生彼生此者，既到無生田地，則其淨土已無彼此。

*(**Diễn**: "Sanh cõi kia, sanh trong cõi này": Đã đến địa vị Vô Sanh thì Tịnh Độ chẳng có đây hay kia).*

Hai câu này là nói theo Lý, xác thực là như thế. Như trong phần trên đã nói, phải nhất tâm mới có thể chứng đắc Vô Sanh Nhẫn. Trong nhất tâm, không có phân biệt, không có chấp trước, không có vọng tưởng. Đã tách lìa hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, đâu còn có đây hay

kia? Nếu có đây hay kia, sẽ là có phân biệt, có chấp trước, chẳng phải là nhất tâm, cũng chẳng phải là Tịnh Độ.

Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Nói cách khác, công phu niệm Phật của chính mình có tiến bộ hay không, niệm Phật đắc lực hay không đều phải kiểm nghiệm từ chỗ này. Trong hết thảy cảnh duyên, tâm phân biệt của chúng ta có nhạt được mấy phần hay không, tâm chấp trước có nhẹ hơn so với quá khứ hay không. Từ chỗ này, mới có thể thấy được công phu.

Thế nhưng về mặt Sự, có Sa Bà hay không? Có Cực Lạc hay không? Có! Lý chẳng ngại Sự, Sự chẳng ngại Lý, Lý - Sự vô ngại. Niệm đến nhất tâm, Tây Phương là Tịnh Độ, cõi này cũng là Tịnh Độ, vì trong hết thảy cảnh giới, quý vị đều chẳng nhiễm trước, cho nên chẳng có một nơi nào chẳng phải là Tịnh Độ. Cũng có đồng tu hỏi: "Đã toàn là Tịnh Độ, ta cần gì phải về Tây Phương Cực Lạc thế giới?" Nếu quý vị khởi lên ý niệm ấy, chứng tỏ quý vị chưa chứng đắc Tịnh Độ. Vì sao? Quý vị vẫn còn phân biệt đây - kia, quý vị vẫn hoàn toàn chưa bỏ được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

(Diễn) Du thần ức sát, thật sanh hồ tự kỷ tâm trung.

(演) 遊神億剎，實生乎自己心中。

*(**Diễn**: Thần thức ngao du ức cõi nước, nhưng thật sự sanh trong tâm của chính mình).*

"Sát" (kṣetra) là sát-độ (cõi nước) của chư Phật, trên mặt Sự, quả thật là có. Chỉ cần quý vị chứng đắc nhất tâm sẽ có vô lượng vô biên thần thông, có thể trong khoảng khảy ngón tay, phân thân trong vô lượng vô biên cõi nước, vì vô lượng vô biên cõi nước chẳng tách rời cái tâm của chính mình, *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*.

(Diễn) Dựng chất cửu liên, phỉ đào hồ sát-na tế nội.

(演) 孕質九蓮，匪逃乎剎那際內。

*(**Diễn**: Hoài thai trong sen chín phẩm, chưa đầy trong khoảng sát-na).*

Sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là liên hoa hóa sanh. *"Cửu liên"* là hoa sen chia thành chín phẩm. Tùy thuộc mức độ công phu của mỗi người mà hiện ra sai khác. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là chuyện trong khoảng một sát-na. Do vậy mới nói:

(Diễn) Bỉ tức thị thử, thử tức thị bỉ, bỉ thử vô phân, vân sanh bỉ bất ly sanh thử.

(演)彼即是此，此即是彼，彼此無分，云生彼不離生此。

*(**Diễn**: Kia chính là đây, đây chính là kia, đây - kia không chia cách, nên nói: "Sanh về kia, chẳng rời sanh nơi đây").*

Câu này có ý nghĩa rất sâu, mười phương thế giới quả thật chẳng hai, chẳng khác, một mực thanh tịnh, người vừa đắc Lý nhất tâm sẽ thấy cảnh giới này. Nó cũng là cảnh giới của Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Thế nhưng từ Sơ Trụ tiến đến quả địa (Phật quả), còn một khoảng cách khá dài. Trong tình hình ấy, tu học trong thế giới Tây Phương đặc biệt thuận tiện, thành tựu dễ dàng. Do vậy, hàng Bồ Tát trong mười phương thế giới, không vị nào chẳng chọn lựa thế giới Cực Lạc, đạo lý là ở chỗ này! Đây chính là nói: Trong hết thảy cảnh giới, tâm quý vị cố nhiên một mực bình đẳng, nhưng Tăng Thượng Duyên khác nhau. Thế giới Tây Phương có Tăng Thượng Duyên đặc biệt thù thắng, có thể giúp cho quý vị thành tựu vừa nhanh chóng, vừa ổn thỏa, thích đáng. Trong cảnh giới ấy, quyết định chẳng phân chia cõi này, cõi kia. Nếu vẫn còn có ý niệm ấy, sẽ chẳng phải là Lý nhất tâm bất loạn, chẳng phải là cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

(Diễn) Tâm, Phật, chúng sanh nhất Thể giả.

(演) 心佛眾生一體者。

*(**Diễn**: Tâm, Phật, chúng sanh là một Thể).*

"Tâm, Phật, chúng sanh" ba thứ này hợp lại là toàn thể pháp giới, là tận hư không, khắp pháp giới. Tận hư không, khắp pháp giới là chính mình, là một, chẳng phải hai. *"Tâm"* là nói Lý Thể có thể biến (năng biến), Phật và chúng sanh đều do tâm biến.

(Diễn) Phật giả quả đức chi xưng, chúng sanh uế ác chi hiệu, tâm giả linh minh chi Thể.

(演) 佛者果德之稱，眾生穢惡之號，心者靈明之體。

*(**Diễn**: Phật là danh xưng của quả đức, chúng sanh là tên gọi của uế ác, tâm là cái Thể linh minh).*

"Linh minh chi Thể": Khi giác ngộ sẽ gọi là Phật; lúc mê hoặc, điên đảo sẽ gọi là *"chúng sanh"*. *"Phật"* là nói đến tâm, tức giác tâm. "Chúng sanh" là nói về mê tâm, mê hay ngộ đều bởi nó. Chúng ta nay đang mê, chẳng ngộ.

Điều khẩn yếu nhất trước mắt là làm thế nào để phá mê khai ngộ, bỏ vọng, trở về với Chân.

(Diễn) Niệm Phật vị chí nhất tâm, tâm bất thị Phật, Phật bất thị sanh, phán nhiên bất nhất.

(演)念佛未至一心，心不是佛，佛不是生，判然不一。

*(**Diễn**: Niệm Phật chưa đạt đến nhất tâm thì tâm chẳng phải là Phật, Phật chẳng phải là chúng sanh, rành rành chẳng phải là một).*

Nay chúng ta nói tới mười pháp giới, tứ thánh chẳng phải là lục phàm, lục phàm chẳng phải là tứ thánh, đây là cảnh giới của chúng ta trong hiện tại. Nếu chúng ta niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, sẽ tiến nhập cảnh giới chân thật.

(Diễn) Kim ký niệm Phật tức thị niệm tâm.

(演) 今既念佛即是念心。

*(**Diễn**: Nay đã là "niệm Phật chính là niệm tâm").*

Đây mới là nhất tâm.

(Diễn) Tắc phản bổn hoàn nguyên.

(演) 則返本還源。

*(**Diễn**: Thì là trở về cội nguồn).*

"Bổn" là bổn tâm, bổn tánh. *"Nguyên"* là Bổn Giác. Khi *"phản bổn hoàn nguyên"*, tâm người ấy là nhất tâm. Trong nhất tâm chẳng có nhị niệm!

(Diễn) Bất kiến sanh, Phật giả danh.

(演) 不見生佛假名。

*(**Diễn**: Chẳng thấy các giả danh "chúng sanh" và "Phật" nữa).*

"Chúng sanh" và *"Phật"* là hai pháp, hai pháp chẳng phải là Phật pháp. Vì sao chẳng phải là Phật pháp? Phật pháp là giác pháp, hai chẳng phải là giác, mà là mê! Do vậy, nói "hai pháp chẳng phải là Phật pháp". Giác nhất định là một, vì trong giác không có phân biệt, chấp trước; lìa hết thảy phân biệt, chấp trước mới là giác. Chấp trước hết thảy phân biệt là mê. *"Chẳng thấy"* là chẳng chấp trước, không còn có những kiến giải sai lầm nữa!

(Diễn) Duy nhất diệu minh, châu biến pháp giới.

(演) 惟一妙明，周遍法界。

*(**Diễn**: Diệu minh duy nhất trọn khắp pháp giới).*

Diệu minh chân tâm là nhất tâm; tâm ấy hết sức rộng lớn, tận hư không, trọn pháp giới đều là vật được hiện bởi diệu minh chân tâm. Do vậy nói *"châu biến pháp giới"* (trọn khắp pháp giới).

(Diễn) Dĩ tức Phật chi sanh, niệm tức tâm chi Phật, vô nhị tướng dã.

(演) 以即佛之生，念即心之佛，無二相也。

*(**Diễn**: Dùng "chúng sanh vốn sẵn là Phật" ấy để niệm vị Phật ở ngay trong tâm thì không có hai tướng).*

Đấy chính là như đã nói *"niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm"*, niệm hay không niệm? Niệm chứ! Hằng ngày niệm Phật, trong mười hai thời một câu Phật hiệu chưa hề gián đoạn; vì sao nói là vô niệm? "Vô nhị tướng" (không có hai tướng). Chẳng chấp vào cái tâm niệm Phật, mà cũng chẳng chấp nơi đức Phật được niệm. Chẳng những không chấp trước, mà ngay cả cái tâm phân biệt cũng chẳng có, khi ấy mới gọi là *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*. Nhiếp trọn sáu căn là sáu quy về một, một tức là sáu, sáu tức là một, kinh Hoa Nghiêm nói là *"nhất đa bất nhị"* (một và nhiều chẳng hai), đấy là Thật Tướng chân chánh, là chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Tiếp đó, đại sư dạy chúng ta nguyên tắc trọng yếu trong dụng công:

(Diễn) Trung lưu lưỡng ngạn bất cư.

(演) 中流兩岸不居。

*(**Diễn**: Chẳng ở giữa dòng hay hai bên bờ).*

Hai bên đều không chấp trước, đấy mới là cảnh giới nhất tâm.

(Diễn) Khổ vực thị thử ngạn, lạc bang thị bỉ ngạn.
(演) 苦域是此岸，樂邦是彼岸。
*(**Diễn**: Cõi khổ là bờ này, nước vui là bờ kia).*

Chữ *"thử"* chỉ thế giới Sa Bà, chữ *"bỉ"* chỉ thế giới Cực Lạc. Nếu phàm phu chúng ta nhìn vào hai nơi này, quả thật là sướng - khổ thật khác biệt, hoàn toàn khác hẳn nhau; nhưng đối với người đã nhất tâm bất loạn, tức là nói người đã chứng Lý nhất tâm, họ thấy chúng đương nhiên chẳng khác gì nhau, hai bờ đều bình đẳng. Đấy chẳng phải là cảnh giới của chúng ta.

(Diễn) Phi khổ phi lạc thị trung lưu.
(演) 非苦非樂是中流。
*(**Diễn**: Chẳng khổ chẳng sướng là giữa dòng).*

Hai bờ đều phải buông xuống, mà giữa dòng cũng phải buông xuống luôn! *"Trung lưu"* tượng trưng cho Trung Đạo, chính là như câu nói: *"Lưỡng biên bất lập, Trung Đạo bất tồn"* (Hai bên đã chẳng lập thì Trung Đạo chẳng tồn tại). Vì quý vị rớt trong Trung Đạo, nên vẫn còn có trụ, tâm quý vị vẫn có chấp trước. Trong tâm còn có thứ gì đó thì vẫn chưa thanh tịnh. Trong kinh Bát Nhã có nói: *"Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm"* (hãy nên chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm). Quý vị vẫn trụ giữa dòng thì làm sao được? Quý vị vẫn trụ vào Trung Đạo, vẫn trụ trong Đệ Nhất Nghĩa Đế, vẫn chưa đúng, hãy nên không trụ vào đâu. Cảnh giới này tuy cao minh hơn phàm phu, cao minh hơn Nhị Thừa, nhưng người ấy chưa kiến tánh, chưa thể khai ngộ, vẫn còn có chướng ngại.

(Diễn) Niệm Phật vị chí nhất tâm.
(演) 念佛未至一心。
*(**Diễn**: Niệm Phật chưa đạt đến nhất tâm).*

Công phu chưa đạt được nhất tâm.

(Diễn) Trung lưu lưỡng ngạn, tiệt nhiên bất đồng.

(演) 中流兩岸，截然不同。

*(**Diễn**: Giữa dòng và hai bờ khác nhau rành rành).*

Giới hạn rõ ràng, rành mạch, nó có giới hạn. Giới hạn do đâu mà có? Từ phân biệt, chấp trước sanh ra. Cảnh giới ấy từ đâu mà hiện tiền? Từ ý niệm mà hiện tiền.

Khởi Tín Luận có nói: *"Hết thảy các pháp đều lấy niệm làm Thể"*, từ trong tâm niệm của chúng ta sanh ra.

(Diễn) Kim ký sanh bỉ bất ly sanh thử.

(演) 今既生彼不離生此。

*(**Diễn**: Nay đã sanh về cõi kia, chẳng lìa sanh trong cõi này).*

Tri kiến viên dung; nói *"viên dung"* chính là trong ấy không có giới hạn, lìa hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, đó mới là "tri kiến viên mãn, tri kiến viên dung". Khi ấy...

(Diễn) Tắc bất kiến bỉ ngạn, bất kiến thử ngạn, tịnh bất kiến phi bỉ, phi thử chi trung lưu.

(演)則不見彼岸，不見此岸，并不見非彼非此之中流。

*(**Diễn**: Sẽ chẳng thấy bờ này hay bờ kia, trọn chẳng thấy là giữa dòng chẳng phải bờ này hay bờ kia).*

"Bờ này, bờ kia, giữa dòng" nếu xét về sự tướng chắc chắn là có, chẳng thể nói không có những sự tướng này, nhưng trong tâm quý vị đừng vạch ra giới hạn. Nói cách khác, đối với thế giới Cực Lạc, quý vị không có Lạc Thọ, tâm quý vị thanh tịnh. Dẫu ở trong địa ngục A Tỳ, quý vị không có Khổ Thọ. Nếu chúng ta hỏi: Có địa ngục và thiên đường hay không? Có chứ! Cảnh giới ấy thật sự có, nhưng sự cảm nhận cảnh giới của quý vị như nhau, sự cảm nhận của quý vị [đối với Cực Lạc và địa ngục] giống hệt nhau, cũng tức là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả quý vị đều chẳng nhận thấy, tâm thanh tịnh lắm! Chẳng phải là không có cảnh giới, cảnh giới là có, Sa Bà và Cực Lạc là có, nhưng trong thế giới Sa Bà, quý vị không có Khổ Thọ, trong thế giới Cực Lạc cũng chẳng có Lạc Thọ; thậm chí cảm nhận "chẳng khổ, chẳng vui" cũng chẳng có. Thật sự tự tại, đó gọi là Chánh Thọ, là Niệm Phật tam-muội, là nhất tâm bất loạn.

Đại sư trích dẫn một bài thơ của cổ đức, trong bài thơ này ẩn chứa Thiền cơ rất vi diệu, có thể dùng làm cước chú cho câu này.

(Diễn) Cổ vân: "Hải tạng đa la nhất diệp châu".

(演) 古云：海藏多羅一葉舟。

*(**Diễn**: Cổ nhân nói: "Biển cả Đa La một lá thuyền").*

Đây là tỷ dụ, trong biển cả có một chiếc thuyền nhỏ. "Đa La" chính là cây Bối-đa-la, chữ *"nhất diệp"* hình dung sự vật không lớn, là một chiếc thuyền nhỏ.

(Diễn) Bất cư lưỡng ngạn, bất trung lưu.

(演) 不居兩岸不中流。

*(**Diễn**: Giữa dòng đôi bến đều không trụ).*

Thuyền ấy ở đâu? Chẳng nương tựa vào hai bờ, mà cũng chẳng ở giữa dòng. Trước kia, điều này thật là chẳng thể nghĩ bàn, nhưng hiện thời chẳng hiếm lạ gì hết, phi thuyền đấy. Phi thuyền trong vũ trụ chẳng ở hai bờ, mà cũng chẳng ở giữa dòng.

(Diễn) Nhất cao xanh xuất hư không ngoại, nhạ đắc xuân phong tiếu điểm đầu.

(演) 一篙撐出虛空外，惹得春風笑點頭。

*(**Diễn**: Một sào chống vượt ngoài trời thẳm, cười đón gió Xuân khẽ gật đầu).*

Cảnh giới so ra còn cao hơn điều chúng ta vừa mới nói. Là vì trong hiện thời, phi thuyền của chúng ta vẫn còn ở trong hư không, vẫn chưa vượt thoát hư không. chiếc thuyền này có thể vượt khỏi hư không, chẳng thể nghĩ bàn! Bài thơ này hình dung cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn, tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, không chỉ chẳng nhiễm lục phàm, mà ngay cả cảnh giới tứ thánh cũng chẳng nhiễm, vượt thoát cảnh giới ấy. Vượt thoát tứ thánh lục phàm, đấy là [vượt thoát] mười pháp giới, vậy thì nó ở đâu? Bất đắc dĩ phải đặt ra một giả danh là Nhất Chân pháp giới. Trong pháp môn Tịnh Độ, nó được gọi bằng danh xưng Thường Tịch Quang Tịnh Độ, và cõi Thật Báo Trang Nghiêm thuộc vào cảnh giới này.

Nói cách khác, tuyệt đối chẳng phải là cõi Đồng Cư hay cõi Hữu Dư. Thế nhưng thế giới Cực Lạc kỳ diệu, kỳ diệu ở chỗ chúng sanh trong

cõi Đồng Cư nghiễm nhiên cũng được thụ dụng [như trong các cõi Tịnh Độ phía trên], thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, pháp khó tin là ở chỗ này. Đoạn này đã nêu lên đại ý của lời tựa, xin xem tiếp đoạn Sớ kế đó:

(Sớ) Thừa thượng thù nhân diệu quả, chánh diêu niệm Phật chí ư nhất tâm.

(疏) 承上殊因妙果，正繇念佛至於一心。

*(**Sớ**: Nhân thù thắng, quả mầu nhiệm như được nói trên đây chính là do niệm Phật đạt đến nhất tâm).*

Hy vọng mọi người nhớ kỹ câu này, *"nhân"* là tu nhân, quý vị tu cái nhân hết sức thù thắng, *"quả"* là quả báo, tức là hai đoạn văn của lời Tựa trong phần trước. *"Thù nhân diệu quả"* đều do niệm Phật đến mức nhất tâm bất loạn [mà có].

(Sớ) Tắc niệm cực nhi không, vô niệm chi niệm, vị chi chân niệm.

(疏) 則念極而空，無念之念，謂之真念。

*(**Sớ**: Tức là niệm đến cùng cực thì rỗng không, vô niệm mà niệm nên gọi là "chân niệm").*

Ý nghĩa trong câu này khá sâu xa.

(Diễn) Niệm cực nhi không, ước tu biên thuyết.

(演) 念極而空，約修邊說。

*(**Diễn**: Niệm đến cùng cực thì rỗng không là nói theo phương diện tu tập).*

"Ước tu biên thuyết" là nói theo phương diện tu hành. Niệm đến cùng cực, sẽ rỗng không. Rỗng không điều gì vậy? Năng niệm (chủ thể niệm Phật, tức cái tâm niệm Phật) và sở niệm (đức Phật được niệm) đều buông xuống. Nói cách khác, niệm cho mất tâm ý thức. *"Không"*, không điều gì? Rỗng không tâm ý thức. Tâm ý thức chẳng còn nữa, nhất tâm hiện tiền, đúng như trong Lăng Nghiêm Chánh Mạch, Giao Quang đại sư đã nói *"dùng Căn bỏ Thức"*, trong Duy Thức Học nói là *"chuyển Thức thành Trí"*. Một câu Phật hiệu thật sự có tác dụng lớn như vậy sao? Thưa quý vị, chẳng giả một tí nào! Vấn đề là quý vị có biết dùng hay không? Biết

dùng, chắc chắn sẽ thành tựu. Sự thành tựu ấy giống như trong kinh đã nói, là sự thành tựu tuyệt vời, tức là một đời thành Phật.

Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm, quý vị nghĩ xem những ý niệm ấy có phải là tâm phân biệt, tâm chấp trước hay chăng? Tâm phân biệt là thức thứ sáu, tức Ý Thức. Tâm chấp trước là thức thứ bảy, tức Mạt Na Thức. Khi phân biệt, chấp trước vừa mới hiện tiền, ngay lập tức đổi chúng thành A Di Đà Phật, quyết định chẳng để cho phân biệt, chấp trước tiếp nối, đó gọi là công phu, là *"chuyển Thức thành Trí"*. Chẳng dùng cái tâm phân biệt, thì cái tâm được quý vị sử dụng đúng là thứ gì cũng đều hiểu rõ, quyết định chẳng phải là nói: "Ta không dùng cái tâm phân biệt, mắt ta sẽ thấy ngoại cảnh mờ mịt", không có hiện tượng ấy! Quý vị dùng cái tâm phân biệt, thấy hết thảy sắc tướng bên ngoài là thấy bằng Ý Thức, tức thức thứ sáu, là dùng Nhãn Thức để thấy. Quý vị không dùng cái tâm phân biệt, sẽ thấy sắc tánh ở bên ngoài, đó gọi là Diệu Quán Sát Trí. Chúng ta không có năng lực chuyển Thức thành Trí thì dùng một câu Phật hiệu A Di Đà Phật này để giúp chúng ta chuyển Thức thành Trí, đấy đúng là mầu nhiệm đến tột cùng vậy! Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng tìm được pháp nào khác mầu nhiệm như thế!

Trong hết thảy cảnh giới, vừa mới khởi chấp trước, phải biết chấp trước là Mạt Na Thức, ý niệm ấy vừa khởi lên, lập tức chuyển nó thành A Di Đà Phật, chẳng để cho vọng niệm tiếp nối. Vì có chấp trước thì hết thảy pháp đều chẳng bình đẳng. Tách lìa hết thảy chấp trước, có pháp nào chẳng bình đẳng? Tôi vừa mới nói, Tây Phương và Sa Bà bình đẳng. Vì sao? Trong thế giới Tây Phương, quý vị không có Lạc Thọ, trong cõi này không có Khổ Thọ, sự cảm nhận của quý vị là bình đẳng, Bình Đẳng Trí hiện tiền. Sự bình đẳng ấy là bình đẳng thật sự, vì sao? Trong thế giới Cực Lạc, lầu gác bảy báu, vàng ròng làm đất là do thức tâm của chính mình biến thành. Cảnh giới hiện tiền của chúng ta, bùn, cát, ngói, sạn, cũng do thức tâm của chính mình biến ra. Nói cách khác, Năng Biến (chủ thể biến hiện) chẳng khác gì nhau. Năng Biến giống nhau thì cảnh giới được biến khác nhau ở chỗ nào? Năng - Sở không hai! Hiện thời, các nhà khoa học cũng dần dần hiểu rõ đạo lý này, khoa học xương minh sự lý giải trong Phật pháp, quả thật đã giúp ích rất lớn, chúng ta mới thật sự hiểu rõ vạn pháp quả thật là nhất như (giống hệt như một), là không hai. Vì vậy, trong hết thảy cảnh giới, chớ nên khởi lên phân biệt, chấp trước. Đấy là niệm đến chỗ cùng cực thì phân biệt, chấp trước, vọng tưởng đều rỗng không, đoạn sạch toàn bộ.

(Sớ) Hựu niệm Thể bổn không.

(Diễn) Niệm Thể bổn không, ước tánh biên thuyết.

(疏) 又念體本空。

(演) 念體本空，約性邊說。

*(**Sớ**: Lại nữa, Thể của niệm vốn là không.*

***Diễn**: Thể của niệm vốn là không là ước theo phương diện Tánh để nói).*

Câu này nói theo phương diện thể tánh. Thể của "niệm" là chân tâm, trong chân tâm chẳng có một vật, Lục Tổ nói *"vốn chẳng có một vật"*, do vậy nói là *"bổn không"*. Chữ Không này với chữ Không trong câu *"niệm cực nhi không"* (do niệm đến cùng cực bèn rỗng không) có ý nghĩa khác nhau. Chữ Không trong phần trước nên hiểu là Vô (không có), còn Không ở đây là Hữu, chứ không phải là Vô. Tâm Kinh đã dạy: *"Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc"*, [chữ Không trong đoạn Sớ *"niệm Thể bổn không"* này] giống như chữ Không trong Tâm Kinh, chẳng thể hiểu là Vô, mà là Hữu. Vì sao lại nói Có là Không? Vì nó không có dấu vết, hình tướng. Nó là Chân Hữu, không có dấu vết, hình tướng, lục căn của chúng ta không có cách nào tiếp xúc được, mắt nhìn chẳng thấy, tai nghe chẳng thấu, ngay cả tâm nghĩ cũng chẳng thể nghĩ được.

Do nó không có tưởng, nên không có ý niệm, vậy thì nó có hay là không? Có chứ! Tận hư không, trọn pháp giới đều do nó biến hiện ra. Do vậy, Không này là Chân Không.

(Sớ) Niệm thật vô niệm, danh chân niệm dã.

(疏) 念實無念，名真念也。

*(**Sớ**: Niệm thật sự là vô niệm, nên gọi là "chân niệm").*

Ở chỗ này thuyết minh, giải thích *"chân niệm"* theo hai phương diện (Tánh và Tu), hy vọng chúng ta thật sự hiểu rõ niệm Phật như thế nào mới là chân niệm.

(Diễn) Vô niệm chi niệm, thị chung nhật vô niệm, chung nhật niệm Phật dã.

(演) 無念之念，是終日無念，終日念佛也。

*(**Diễn**: Niệm trong vô niệm là suốt ngày vô niệm mà suốt ngày niệm Phật).*

"Chung nhật vô niệm" (suốt ngày vô niệm) là không có vọng niệm, chứ chẳng phải là không niệm Phật. Suốt ngày vô niệm. À! Phật cũng không niệm! Suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, quý vị nghĩ xem có đúng hay chăng? *"Vô niệm"* là không có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, không có những ý niệm ấy, chỉ có những ý niệm gì? Chỉ có Phật niệm (ý niệm nghĩ đến Phật), suốt ngày từ sáng đến tối là A Di Đà Phật. *"Chung nhật niệm Phật"* (suốt ngày niệm Phật), một câu Phật hiệu quyết định chẳng gián đoạn giữa chừng. Người mới học quả thật chẳng dễ gì đạt đến cảnh giới này, điều này cần phải có hằng tâm, phải có nghị lực. Lũ chúng ta công phu chưa thể thành tựu, nói thật ra là giải đãi, phóng dật, đấy là nghiệp chướng, đấy là tội chướng, khiến cho công phu của chúng ta chẳng thể thành tựu, thường xuyên quên mất Phật hiệu. Hiện thời, công cụ khoa học phát triển, chúng ta hãy nên tận hết sức lợi dụng, thuận tiện nhất là máy thâu âm, quý vị thường xuyên mở máy niệm Phật nhằm nhắc nhở chính mình. Hiện thời, máy thâu âm rất thuận tiện, có thể giúp nhắc nhở chúng ta. Phật hiệu chỉ cần liên tục không gián đoạn, vọng niệm tự nhiên chẳng thể dấy lên; trong tâm không có Phật hiệu, vọng niệm nhất định khởi lên. Ví như dùng TV, quý vị vẫn phải xem, vẫn phải ngồi ở chỗ ấy, còn máy thâu âm cỡ nhỏ đem theo mình, đi, đứng, nằm, ngồi đều chẳng trở ngại, đúng là thuận tiện tột bậc! Do vậy, đối với những công cụ khoa học ấy, có rất nhiều thứ chúng ta có thể lợi dụng nhằm giúp chúng ta niệm Phật. Chúng ta phải biết điều này: Thế nào là vô niệm? Thế nào là niệm Phật? Nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa!

(Diễn) Niệm thật vô niệm, thị chung nhật niệm Phật, chung nhật vô niệm dã.

(演) 念實無念，是終日念佛，終日無念也。

*(**Diễn**: Niệm mà thật sự vô niệm là suốt ngày niệm Phật, mà suốt ngày vô niệm).*

Suốt ngày từ sáng đến tối chẳng có vọng niệm, công phu đạt đến cùng cực thì tuy suốt ngày từ sáng đến tối miệng niệm một câu Phật hiệu, sáu chữ hồng danh rõ ràng, rành mạch, phân minh, nhưng có phân biệt, chấp trước hay chăng? Chẳng có! Ngay cả phân biệt, chấp trước đối với câu Phật hiệu cũng chẳng có, đó là đạt đến nhất tâm bất loạn. Nếu một câu Phật hiệu vẫn có phân biệt, chấp trước, nhưng hết thảy những vọng niệm khác chẳng còn, thì gọi là "công phu thành phiến", sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, quyết định vãng sanh. Chúng ta niệm Phật, trước hết là

phải cầu thành tựu giai đoạn này, đây là thành tựu thuộc giai đoạn thứ nhất. Chúng ta chấp trì danh hiệu, phân biệt, chấp trước danh hiệu ấy, buông hết phân biệt, chấp trước nơi những chuyện thế gian và xuất thế gian khác xuống. Đó là công phu thành phiến. Tuy xét theo Tịnh Độ để luận thì công phu này chẳng phải là cao minh gì, nhưng đã có thể đạt được "biết trước lúc mất, sanh tử tự tại". Sau khi đã đạt đến giai đoạn này, thọ mạng và cái thân nghiệp báo của chúng ta còn chưa hết thì có thể dốc sức lợi dụng thời gian còn lại để nâng công phu của chính mình lên cao hơn nữa, nâng đến mức nhất tâm bất loạn, đừng ngưng lại trong cảnh giới [công phu thành phiến] này, như vậy mới là tốt!

(Diễn) Hựu thử nhị nghĩa, diệc nãi tương tu.

(演) 又此二義，亦乃相須。

*(**Diễn**: Lại nữa, hai nghĩa này cũng bổ trợ lẫn nhau).*

"Tương tu" là phụ trợ lẫn nhau, thành tựu lẫn nhau, giúp đỡ lẫn nhau.

(Diễn) Do niệm cực nhi không, phương tri niệm Thể bổn không, công phu bất đáo, bất ngộ bổn thể dã.

(演)由念極而空，方知念體本空，工夫不到，不悟本體也。

*(**Diễn**: Do niệm đến tột cùng bèn rỗng không [mọi ý niệm đối đãi], mới biết Thể của niệm là Không, do công phu chưa đạt nên chẳng ngộ bổn thể).*

Thiền gia gọi *"ngộ bổn thể"* là *"minh tâm kiến tánh, đại triệt, đại ngộ"*, Tịnh Độ gọi là *"Lý nhất tâm bất loạn"*. Chẳng phải là cậy vào suy nghĩ loạn xạ mà hòng đạt được điều này! Nhất định phải là công phu đến tuyệt mức mới đạt được. Công phu đã đến tuyệt mức thì như trong phần trước tôi đã thưa cùng quý vị, phải buông xuống, phải xả! Hễ có một chuyện nào chưa buông xuống được, sẽ đều là chướng ngại nghiêm trọng, chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng điều này. Bản thân chúng ta tu hành chẳng thể thành tựu, đừng nói là nhất tâm bất loạn, ngay cả công phu thành phiến cũng chưa đạt được, nguyên nhân là vì đâu? Không buông xuống được! Đây là căn bệnh lớn của chúng ta. "Không buông xuống" là căn bản của sanh tử luân hồi. Nếu muốn vượt thoát sanh tử luân hồi, phải

buông xuống, quyết định chẳng tham ái hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian.

Kinh đã nói rất hay: *"Ái bất trọng, bất sanh Sa Bà"* (Ái chẳng nặng, chẳng sanh trong Sa Bà). Sa Bà là lục đạo luân hồi. Vì sao có lục đạo luân hồi? Tham ái quá nặng, *"niệm bất nhất, bất sanh Tịnh Độ"* (niệm chẳng nhất chẳng sanh Tịnh Độ), *"nhất"* là nhất tâm. Tuy công phu thành phiến chưa đạt đến nhất tâm, chẳng phải là nhất tâm thật sự, nhưng đã gần với nhất tâm, đó là tương tự nhất tâm; do vậy, người ấy cũng có thể sanh về Tịnh Độ. Vì thế, chẳng xả, chẳng buông xuống thì chúng ta lại bỏ uổng một đời này!

Học Phật, nghe kinh, niệm Phật, nếu chẳng thể thật sự buông hết thảy thân tâm thế giới xuống thì cũng giống như đợi đến đời sau để tiếp tục làm [những chuyện nghe kinh, niệm Phật này], vì sao? Không có cách nào vượt thoát luân hồi, không có cách nào vãng sanh Tịnh Độ. Cũng có vị hỏi: "Đời sau có phải là tiến bộ hơn đời này hay chăng?" Chưa chắc! Cũng có trường hợp mê hoặc hơn đời này, vì sao biết? Là vì quý vị hiện đang ở nơi đây, quý vị ngồi nghe kinh một tiếng rưỡi ở nơi đây, chẳng phải là đời này quý vị mới học Phật. Nhiều đời nhiều kiếp trước, đời đời kiếp kiếp quý vị đều học Phật, trong vô lượng kiếp, thân cận chư Phật Như Lai, chẳng biết đã thân cận bao nhiêu! Thân cận chư Phật Như Lai nhiều ngần ấy, mà ngày nay vẫn tệ như thế này, vì sao? Vì quý vị không buông xuống được! Thân cận Phật có ích gì? Không buông xuống được thì có ích gì? Trong lòng vướng mắc quá nhiều chuyện, ta chẳng nỡ lòng buông xuống. Nói cách khác, lục đạo sanh tử khổ dường ấy, ta chẳng nỡ lòng lìa khỏi, còn có cách nào nữa đây? Thế giới Cực Lạc dẫu tốt đẹp, mong đến đó, nhưng chẳng nỡ lòng bỏ nơi đây. Tâm trạng chẳng nỡ lòng ấy khiến cho quý vị đời đời kiếp kiếp sanh tử luân hồi, vĩnh viễn không lúc nào xong, đó là vô minh, là ngu si, là nghiệp chướng, là tình thức!

Phật pháp là phải chuyển biến tình thành trí huệ. Nói tới trí huệ thì nó là cảm tình được vận dụng bằng lý trí. Tình là trí huệ ngu si, trí huệ đã bị mê muội! Nay quý vị không buông xuống được, chẳng nỡ lòng, thương xót người khác, mong giúp đỡ người khác, nhưng bản thân quý vị không có năng lực. Nay tạm thời rời khỏi họ, học lấy bản lãnh thành Phật, thành Tổ; sau khi đã học thành một thân bản lãnh, sẽ thả chiếc bè Từ giúp đỡ họ, như vậy thì mới thật sự đạt được hiệu quả. Do vậy, chúng ta chẳng cầu giải thoát ngay trong đời này, muốn chờ đến bao giờ? Đời này chẳng vãng sanh, quý vị còn đợi đến đời nào? Huống chi, đời đời kiếp kiếp chưa chắc

có nhân duyên gặp được Phật pháp, càng khó gặp chánh pháp hơn nữa, thật sự chẳng dễ dàng đâu nhé!

Có nhiều đồng tu học Phật, có những vị tôi gặp mặt lần đầu, tôi hỏi họ: "Quý vị đã học Phật đã bao lâu rồi?" Họ nói: "Tôi học đã mấy năm rồi!" "Có nghe kinh hay chưa?" Có! Nghe kinh ở đâu? Tại Hành Thiên Cung, tại miếu Ma Tổ[80], đủ thấy chánh pháp chẳng dễ gì gặp được! Họ cũng ngỡ đó là học Phật. Nhất Quán Đạo[81] cũng giảng kinh Kim Cang, cũng giảng Tâm Kinh. Lần trước tôi có kể với quý vị rồi đó, có một đồng tu gởi cho tôi xem một cuốn chú giải kinh Kim Cang và chú giải Tâm Kinh. Những bản chú giải ấy đúng là "nói nhăng, nói cuội"! Kinh văn thì không sai, nhưng những lời giảng của họ hoàn toàn chẳng phải là nói về những chuyện ấy, còn làm sao được nữa! Tạo tội nghiệp quá nặng, đoạn tuyệt Pháp Thân huệ mạng của hết thảy chúng sanh. Do đây có thể biết: Chánh pháp chẳng dễ gì gặp được! Sau khi đã gặp, muốn công phu đạt mức, nhất định phải buông xuống hết thảy. Do vậy, trong pháp tu hành của Bồ Tát, điều thứ nhất là Bố Thí, ý nghĩa của Bố Thí là xả, là buông xuống. Trong tâm đối với bất cứ chuyện gì cũng đều không vướng mắc, Bố Thí Ba La Mật bèn viên mãn. Buông xuống viên mãn sẽ khai ngộ, tức là đạt đến nhất tâm bất loạn. Đấy là nói công phu đến mức, quý vị sẽ có thể khai ngộ.

---

[80] Ma Tổ chính là Thiên Hậu. Ở Việt Nam, danh xưng của vị thần này thường bị đọc trại thành Mã Tổ, những ngôi đền thờ bà Thiên Hậu thường được gọi là chùa Bà. Hành Thiên Cung còn gọi là Ân Chủ Công Miếu, là miếu thờ Quan Công lớn nhất và nổi tiếng nhất tại Bắc Đài Loan.

[81] Nhất Quán Đạo là hậu duệ của Tiên Thiên Đại Đạo (tàn dư của tà phái Bạch Liên). Vào thời Thuận Trị, Hoàng Đức Huy thờ La Thanh làm tổ sư, lấy giáo nghĩa của La Thanh sáng lập ra Tiên Thiên Đạo tại Bà Dương, tỉnh Giang Tây. Sau đó, Lưu Thanh Hư tuyên bố được Vô Sanh Lão Mẫu ân tứ, truyền cho tên mới của giáo phái là Nhất Quán Đạo. Nhất Quán Đạo chính thức ra đời tại Tế Ninh (tỉnh Sơn Đông) do Lộ Trung Nhất sáng lập vào năm 1905. Lộ Trung Nhất được kế thừa bởi Trương Thiên Nhiên Nhiên và được tuyên truyền rộng rãi bởi công sức của vợ ông ta là Tôn Huệ Minh. Đây là một tà phái mượn danh nghĩa Phật giáo, chủ trương ăn chay, thờ Minh Minh Thượng Đế (còn gọi Vô Cực Lão Mẫu, Vô Sanh Lão Mẫu, Vô Cực Thiên Mẫu v.v..), Di Lặc Tôn Phật và Nam Hải Cổ Phật (Quán Thế Âm Bồ Tát), Tế Công Hoạt Phật (ngài Tế Điên), Lữ Pháp Luật Chủ (Lữ Thuần Dương, Lữ Động Tân), Quan Pháp Luật Chủ (Quan Công) v.v... Chủ trương hợp nhất Nho - Thích - Đạo, nhưng thật ra là pha trộn lung tung giáo nghĩa của Phật giáo với pháp tu luyện của đạo sĩ và tín ngưỡng mê tín trong dân gian, cầu cơ, thỉnh tiên, sấm ký v.v... chuyên giảng kinh Phật xuyên tạc theo kiểu luyện đan, luyện khí.

(Diễn) Hựu do niệm Thể bổn không, phương đắc niệm cực nhi không.

(演) 又由念體本空，方得念極而空。

*(**Diễn**: Lại do Thể của niệm vốn là Không, nên mới niệm tới mức cùng cực sẽ rỗng không các ý niệm đối đãi).*

Đây là nói tới sự bổ trợ lẫn nhau, thành tựu lẫn nhau. Nay chúng ta hiểu rõ đạo lý này, biết trong chân tâm chẳng có một vật gì, Lục Tổ nói *"vốn chẳng có một vật"*, như vậy thì chúng ta mới chịu buông xuống. Chẳng hiểu rõ đạo lý này, muốn tôi buông xuống thì vì sao phải buông xuống? "Vì sao tôi phải bỏ? Tôi bỏ thì anh sẽ được!" Người ấy chẳng tin tưởng! Thật sự hiểu rõ lý rồi, mới biết buông xuống có nhiều điều tốt đẹp dường ấy, có lợi ích nhiều ngần ấy, nên mới chịu buông xuống, cũng đúng như cổ đức đã nói: *"Hảo sự chẳng bằng vô sự"*. Làm chuyện tốt cũng phải buông xuống, không buông xuống sạch sành sanh, [sẽ cảm thấy] ta còn có bao nhiêu chuyện tốt chưa làm, còn có vướng mắc, dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng, chẳng thật sự đoạn được chuyện gì hết! Vô sự là thật sự đoạn!

Vì thế, một chiêu của Bàng cư sĩ quả thật đã giáng một gậy vào đầu chúng ta. Ông ta là một vị đại phú trưởng giả, vàng bạc, của cải nhiều ngần ấy không dùng làm chuyện tốt, mà đem vứt hết xuống nước, thảy đều chẳng cần tới nữa. Đó gọi là *"nhổ cỏ nhổ sạch cả rễ"*, chẳng vướng mắc tí ti nào! Nếu phát tâm làm chuyện tốt, đến khắp nơi bố thí, quý vị hãy nghĩ xem: Há chẳng phải là ngó gãy mà tơ còn vương, chẳng phải là hết sạch sành sanh! Xả thì phải xả sạch sành sanh, phải xả thật thống khoái, đấy mới thật sự là tấm gương tốt nhất cho người tu hành. Cách hành trì của Ngài là hiện thân thuyết pháp, Ngài làm cho chúng ta xem, khiến cho chúng ta giác ngộ: Làm như vậy mới là buông xuống, mới là bố thí, mới thật sự là "một điều xong, trăm điều đều xong", khó trách người ta thành đạo! Chúng ta hiểu được đạo lý này, chúng ta thật sự chịu làm. Do vậy, Lý có thể giúp cho công phu, lý giải có thể giúp cho quý vị tu hành. Công phu tu hành lại có thể giúp cho quý vị lý giải. Bổ trợ lẫn nhau, thành tựu lẫn nhau!

(Diễn) Bổn thể bất không, túng niệm bất không dã.

(演) 本體不空，縱念不空也。

*(**Diễn**: Bổn thể chẳng không, dẫu niệm vẫn chẳng không).*

Nói hai câu này vì sợ quý vị lại chấp Không. Phần trên nói: *"Hựu do niệm Thể bổn không, phương đắc niệm cực nhi không"* (Lại do Thể của niệm vốn là Không nên mới có thể niệm đến cùng cực bèn rỗng không). Không và Bất Không là một, chẳng phải hai. Nếu có một cái Không, sẽ lại có một cái Bất Không. Quý vị lại nghĩ chúng là hai pháp, hai pháp là trật mất rồi! Hai pháp: Do phân biệt mới có hai, chẳng phân biệt đâu còn có hai? Tách rời hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, Không và Bất Không đều cũng chẳng thể được, đó mới gọi là *"chân niệm"*.

Nói tới chỗ này, tôi lại tổng kết mấy câu này. Chân thật niệm Phật là dùng cái tâm thanh tịnh để niệm Phật. Nếu trong tâm quý vị còn có tơ hào vướng mắc, chẳng gọi là chân thật niệm Phật, tiêu chuẩn này quá cao! Hiện thời chúng ta đả Phật thất, suốt ngày niệm từ sáng đến tối vẫn chưa phải là niệm Phật chân thật, vì luôn có vướng mắc. Ở chỗ này, tổ sư dạy chúng ta tiêu chuẩn niệm Phật chân thật. Ai là người chân thật niệm Phật? Người đắc Lý nhất tâm bất loạn là chân thật niệm Phật. Khi nào chúng ta có công phu niệm Phật đạt mức, niệm đến chỗ thấy được bản thể, thì niệm Phật từ đó trở đi mới gọi là "chân thật niệm". Nói cách khác, từ Sơ Trụ trong Viên Giáo cho đến Đẳng Giác Bồ Tát gồm bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, mỗi vị ấy đều là người chân thật niệm Phật, vì họ phù hợp với tiêu chuẩn này.

Câu tiếp theo giảng về Vô Sanh Nhẫn, *"sanh bỉ bất ly sanh thử"* (sanh về cõi kia, chẳng rời sanh trong cõi này), giảng cho chúng ta vấn đề này.

(Sớ) Sanh vô sanh giả, đạt sanh Thể bất khả đắc, tắc sanh nhi bất sanh, bất sanh nhi sanh, thị danh "dĩ niệm Phật tâm nhập Vô Sanh Nhẫn", như hậu Giáo Khởi trung biện.

(疏)生無生者，達生體不可得，則生而不生，不生而生，是名以念佛心入無生忍，如後教起中辯。

*(**Sớ**: "Sanh mà vô sanh": Thông đạt Thể của sanh là "chẳng thể được" thì sanh mà chẳng sanh, chẳng sanh mà sanh. Đó gọi là dùng cái tâm niệm Phật để nhập Vô Sanh Nhẫn, như trong phần Giáo Khởi Nhân Duyên thuộc đoạn sau sẽ luận định).*

Tương lai, trong tiểu đoạn *"giáo khởi nhân duyên"* (nhân duyên phát khởi giáo pháp này) thuộc phần Huyền Nghĩa sẽ thảo luận cặn kẽ

hơn, ở đây chỉ nói đại lược. Trong sách Diễn Nghĩa cũng có một đoạn chú giải [câu này].

(Diễn) Đạt sanh thể bất khả đắc giả.
(演) 達生體不可得者。
*(**Diễn**: "Thông đạt Thể của sanh chẳng thể được" là...)*

"Đạt" (達) là thông đạt. Thật sự thông đạt bản thể của Sanh là chẳng thể được. Điều này có nghĩa là gì? Ở đây giải thích đơn giản [như sau].

(Diễn) Do tâm không cố.
(演) 由心空故。
*(**Diễn**: Do tâm rỗng không).*

Vốn chẳng có một vật.

(Diễn) Đại địa bình trầm, hư không phấn toái, thôi cầu Ngũ Ấm, sắc, tâm, liễu bất khả đắc dã.
(演)大地平沉，虛空粉碎，推求五陰色心，了不可得也。
*(**Diễn**: Đại địa chìm lỉm, hư không nát vụn như bột, suy lường, tìm cầu Ngũ Ấm, sắc, tâm, trọn chẳng thể được).*

Thoạt nhìn bề ngoài, mấy câu này rất đơn giản, rõ ràng, nhưng ý nghĩa quá sức sâu xa. Trong kinh Kim Cang cũng có ý nghĩa này; tuy có cùng một ý nghĩa, nhưng cách nói khác nhau. Kinh Kim Cang nói: *"Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc"* (Tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được). Nếu quý vị biết ba tâm đều chẳng thể được, sẽ ngộ nhập lý Chân Không. Nói theo cách bây giờ, hết thảy động vật, thực vật, khoáng vật đều do *"Ngũ Ấm, sắc, tâm"* biến hiện.

Do vậy, A La Hán chứng đắc Cửu Thứ Đệ Định, ngộ nhập Nhân Ngã Không. Nói cách khác, Ngài thật sự triệt để hiểu rõ hết thảy các pháp vô ngã. Tuy vô ngã, nhưng Ngài vẫn cho rằng còn có pháp, pháp là Ngũ Ấm. Ngã không có, nhưng Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có. Do vậy, A La Hán không có Ngã Chấp, nhưng Pháp Chấp vẫn còn, Ngài chưa thể khai ngộ. Vì thế, tâm Ngài chưa Không. Tâm A La Hán chưa không. Kinh

Lăng Nghiêm có lời chứng minh, nói về cảnh giới A La Hán, đức Phật bảo: *"Nội thủ du nhàn"* (trong tâm giữ lấy sự an nhàn), tâm A La Hán chưa Không! Trong tâm Ngài vẫn giữ *"du nhàn"*, *"do vi pháp trần phân biệt ảnh sự"* (vẫn còn bóng dáng phân biệt đối với Pháp Trần). Câu cuối cùng nói rất hay! A La Hán giữ điều gì? Giữ lấy khái niệm trừu tượng hư vọng! Về căn bản, không có chuyện ấy, [tức là không có] bóng dáng của sự phân biệt đối với Pháp Trần, quả thật rất oan uổng! Vì vậy, tâm Ngài bất không, nói cách khác, Ngã Chấp buông xuống được rồi, nhưng Pháp Chấp chưa buông xuống.

Nếu nói tới chân tướng thì chân tướng là *"thôi cầu Ngũ Ấm, sắc, tâm, liễu bất khả đắc"* (suy lường, tìm cầu Ngũ Ấm, sắc, tâm, trọn chẳng thể được). Động vật, thực vật, khoáng vật là những vật do Ngũ Ấm, sắc, tâm biến hiện; động vật, thực vật, khoáng vật là giả, đều là pháp được sanh bởi nhân duyên. Duyên sanh không có tự tánh, không có tự thể. Do vậy, nói *"bản thể của chúng là Không"*. Ngũ Ấm cũng là pháp sanh bởi nhân duyên, cũng chẳng thật. Cùng một đạo lý, bản thể của chúng (Ngũ Ấm, sắc, tâm) là Không, trọn chẳng thể được! Do vậy, trong kinh luận, Phật, Bồ Tát bảo chúng ta: *"Duyên sanh tánh Không"*. Tánh là thể tánh, do Thể là "chẳng thể được", nên gọi là Không. Cảnh giới ấy là gì? Giống như cảnh trong mộng, hoàn toàn giống như cảnh trong mộng. Khi chúng ta nằm mộng, trong mộng là có, như đã nói: *"Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên"* (Trong mộng rành rành có sáu nẻo, giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). Sau khi quý vị tỉnh giấc, những thứ quý vị đã có trong mộng có đem ra được hay không? Quý vị có đem theo một món nào hay không? Khi nào chúng ta có thể thấy cảnh giới hiện tiền là cảnh trong mộng, quý vị sẽ tự tại, đúng là đạt được đại tự tại. Vì sao? Cái tâm được - mất không còn nữa, bỏ rồi. Tâm được - mất đã không còn, tức là tâm được - mất rỗng không. Tất cả phiền não đều do lo được, lo mất mà có! Quý vị không có cái tâm được - mất, sẽ chẳng có phiền não, nên được đại tự tại.

Hiểu hết thảy pháp như mộng, huyễn, bọt, bóng; chúng quả thật là như mộng, huyễn, bọt, bóng, quý vị sẽ tùy duyên sống qua ngày, giống như Phổ Hiền Bồ Tát đã nói *"hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức"*, không vướng mắc, không chướng ngại, không có pháp nào chẳng thể tùy hỷ. Công đức là gì? Thành tựu sự giác ngộ của chính mình, thành tựu vô lượng giác cho chính mình. Trong hết thảy các pháp, chẳng dùng tâm phân biệt, mà dùng quán chiếu, giống như Tâm Kinh nói là Quán Tự Tại. Ngài chiếu kiến tướng chân thật của hết thảy pháp; do vậy *"chiếu kiến Ngũ Uẩn*

đều không". Đấy là *"cầu Ngũ Ấm, sắc, tâm đều trọn chẳng thể được"*; Tâm Kinh cũng nói như thế. Tâm khai, ý giải, thật sự lìa khổ, được vui, *"độ nhất thiết khổ ách"*: Hết thảy khổ ách cũng đều chẳng còn, đều rỗng không. Đấy là trí huệ. *"Đạt"* là trí huệ thông đạt; dùng trí huệ để quán chiếu, chiếu kiến chân tướng sự thật, rồi mới *"tắc sanh nhi bất sanh, bất sanh nhi sanh"* (nên sanh mà chẳng sanh, chẳng sanh mà sanh). Lời chú giải [trong sách Diễn Nghĩa] giảng rõ:

(Diễn) Bất sanh nhi sanh giả, như dĩ bất sanh vi bất sanh, phi chân bất sanh dã.

(演) 不生而生者，如以不生為不生，非真不生也。

*(**Diễn**: "Chẳng sanh mà sanh": Nếu hiểu "chẳng sanh" là "không hề sanh" thì chẳng phải là "chẳng sanh" thật sự).*

Vì sao? Rớt vào khái niệm tương đối. Có một cái "sanh" và một cái "bất sanh"; lại là hai pháp! Phải hiểu "sanh" và "bất sanh" là một, chẳng phải hai thì mới là "bất sanh" thật sự. Do vậy, ở đây nói *"sanh tức bất sanh"*, bất sanh là sanh, sanh là bất sanh, đấy mới là *"chân bất sanh"*.

Tiếp đó, lão nhân gia dẫn một câu trong Chứng Đạo Ca của Vĩnh Gia đại sư để chứng minh.

(Diễn) Cố Vĩnh Gia vị: Thùy vô niệm, thùy vô sanh, nhược thật vô sanh vô bất sanh đẳng.

(演)故永嘉謂：誰無念，誰無生，若實無生無不生等。

*(**Diễn**: Vì thế, ngài Vĩnh Gia nói: "Ai vô niệm, ai vô sanh?" Nếu nói thật sự thì không có sanh mà cũng chẳng có bất sanh v.v...)*

Hai câu đầu [trong đoạn Diễn Nghĩa vừa dẫn trên đây] là câu hỏi mang tính cách giả thiết, có ai mà chẳng niệm? Có gì chẳng sanh? Nếu nói chân thật, quả thật sanh lẫn bất sanh đều chẳng có. "*Vô sanh, vô bất sanh"*: Hai bên sanh và bất sanh đều tách lìa. Tách rời hai bên, hai bên đều là, đấy mới là chân tướng sự thật. Đó gọi là *"song giá, song chiếu"* (ngăn dứt cả hai bên, soi rõ cả hai bên). Vĩnh Gia đại sư dùng lối Song Giá, tách rời cả hai bên, không có sanh mà cũng chẳng có bất sanh, sanh lẫn vô sanh thảy đều chẳng có, thật sự thanh tịnh. Nói *"sanh chính là bất sanh, bất sanh là sanh"* là nói theo lối Song Chiếu. Thật ra, chúng có tồn tại hay không? Tồn tại, tướng hai bên tồn tại. Tuy tồn tại, nhưng theo Lý

thì chẳng có hai bên. Xét theo Lý, chúng quyết định không có! Đã là Tướng thì có, Lý thì không; tướng ấy là huyễn tướng, chẳng phải chân tướng. Do vậy, tướng là hư vọng. Kinh nói rất hay: *"Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng"* (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Chúng ta phải nhớ kỹ điều này!

Do vậy, trong hết thảy tướng, đừng sốt sắng, đừng chấp trước, phải quán chiếu bằng trí huệ, quyết chớ nên mê hoặc. Nếu cư xử với chư Phật, Bồ Tát, chuyện này sẽ được thực hiện tốt đẹp: Không chấp tướng, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại; đó là cảnh giới Hoa Nghiêm. Tại Tây Phương Cực Lạc thế giới là cảnh giới Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Nếu cư xử với lục đạo phàm phu thì chẳng được, chỉ có thể Lý Sự vô ngại, chứ Sự Sự vô ngại còn bị chướng ngại. Quý vị đạt đến vô ngại, nhưng đối phương có chướng ngại, phải thuận theo họ! Bồ Tát phải hằng thuận chúng sanh. Quý vị hãy tra duyệt kinh điển, có kinh nào nói chúng sanh hằng thuận Bồ Tát hay không? Không có! Có nói chúng sanh hằng thuận Phật hay chăng? Không có! Chỉ có Phật, Bồ Tát hằng thuận chúng sanh. Nếu chúng sanh hằng thuận Phật, Bồ Tát, chúng sanh đã thành Phật, thành Bồ Tát rồi, chẳng gọi là chúng sanh!

Do vậy, quý vị nhất định phải hiểu: Bồ Tát phải hằng thuận chúng sanh. Sự cư xử giữa Bồ Tát và chúng sanh là Sự Sự có chướng ngại, nhưng Lý Sự vô ngại. Vì sao Sự Sự có chướng ngại? Chúng sanh có phân biệt, có chấp trước, chẳng thể không thuận theo họ. Ví như chúng sanh nói hai tai rủ xuống vai là tướng hảo, Phật, Bồ Tát hằng thuận họ, biến ra tướng ấy. Thật ra, trong cảnh giới của Phật, Bồ Tát, hết thảy tâm thanh tịnh, hết thảy pháp bình đẳng, có những thứ như ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo hay không? Không có! Có thể thấy ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo nhằm hằng thuận chúng sanh. Quý vị cảm thấy tướng ấy là đẹp đẽ, các Ngài bèn thị hiện tướng ấy. Thật ra, xấu hay tốt chẳng có tiêu chuẩn.

Xưa, nay, trong nước, ngoài nước nêu ra tiêu chuẩn tốt - xấu khác nhau. Đại chúng chúng ta ngồi cùng một chỗ, nhìn cách xếp đặt trong giảng đường này, mỗi người đều có quan điểm khác nhau. Có người cảm thấy cách xếp đặt này rất khá, có người chẳng vừa ý, tiêu chuẩn khác nhau. Thật ra, về căn bản là không có tiêu chuẩn, tiêu chuẩn là gì? Tiêu chuẩn ấy được kiến lập bởi phân biệt, chấp trước, vọng tưởng của chính quý vị. Trong pháp chân thật, chẳng hề có những thứ ấy, hết thảy đều không có, đều là Sự Sự vô ngại. Chỉ cần quý vị lập ra, Bồ Tát bèn hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Trừ biện pháp này ra, không có biện pháp thứ hai! Do vậy, mới nói: *"Phật pháp trong thế gian, chẳng lìa thế gian giác"*.

Tuy hằng thuận, tùy hỷ, nhưng phải giác, chớ nên mê, đó gọi là Phật pháp. Đạo lý này rất trọng yếu, nhất định chớ nên hiểu lầm Phật pháp, chớ nên sử dụng Phật pháp sai lầm. Hôm nay, chúng tôi giảng đến đây!